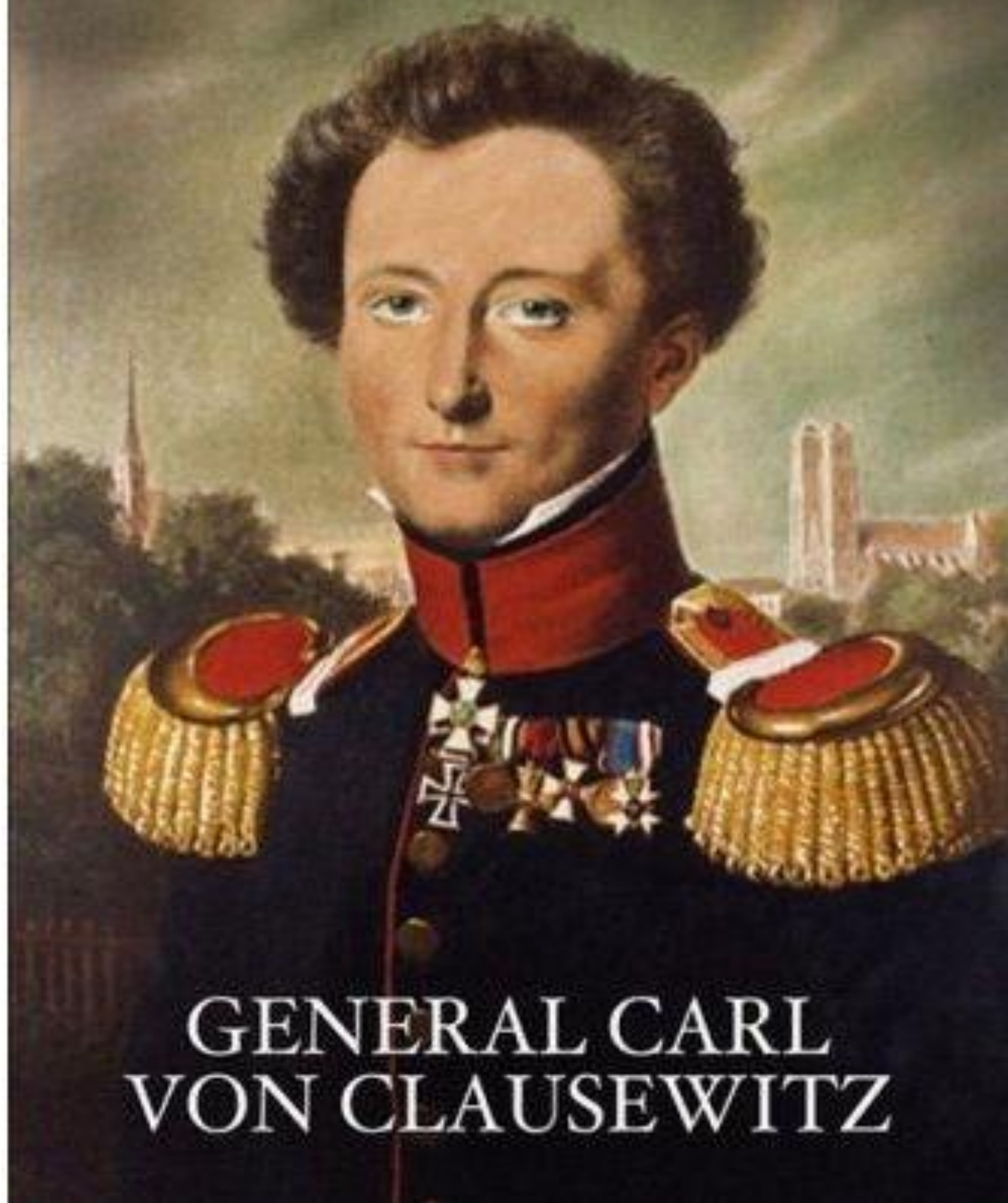
ON WAR

THE COMPLETE EDITION



NỘI DUNG

BÀN VỀ CHIẾN TRANH

Tác giả: Carl von Clausewitz
Biên dịch: Nguyễn Tùy – Đinh Kim Khánh
Dịch theo bản tiếng Pháp của Denise Naville.
Nhà xuất bản Minuit, Paris.
Nguyễn Linh Đối chiếu và chú thích theo bản tiếng Nga của Nhà Xuất bản Quân sự, Bộ Quốc phòng Liên Xô.
Thông tin ebook
Scan: dhuy1990 và babylon
Đánh máy: conguyen, mrsimple, bống yêu, HNTXT, Tornad, cphong1993, picicrazy, kzak27, vqsvietnam, quocdat5594, chuquynhanh, Peeves, tamchec, Fish, cfcbk, lemontree123, assam1719, bichdinh, chaovnn
Soát chính tả: 4DHN
Thực hiện ebook: Nhóm Tây Phong Lĩnh
Ngày hoàn thành: 28/12/2014
Chỉnh sửa: quocsan
Ngày hoàn thành: 20/4/2016
Chỉnh sửa lần cuối: hafreestyle
Ngày hoàn thành: 27/9/2016

Mấy nét về tiểu sử Clausewitz và tác phẩm "Bàn Về Chiến Tranh"

Tướng Karl Von Clausewitz sinh năm 1780 ở Burg, gần thành phố Magdeburg,nước Phổ. Họ hàng ông phần nhiều là những trí thức tư sản. Bố Clausewitz làm sĩ quan trong quân đội phong kiến Phổ.

Bấy giờ nước Phổ là một vương quốc rộng lớn và hùng mạnh nhất trong số hơn 300 nước nhỏ thuộc "Đế quốc La Mã thần thánh Germain" (sau này thống nhất lại thành đế quốc Đức. Chế độ cai trị ở Phổ là một chế độ phong kiến chuyên chế, phản động vào bậc nhất ở châu Âu. Quân đội Phổ thường được coi là một quân đội mạnh nhất châu Âu thời đó.

Theo luật của vương triều Phổ, việc giữ các chức vụ sĩ quan trong quân đội là đặc quyền của quý tộc. Không thuộc dòng dõi quý tộc thì không được làm sĩ quan. Cho nên, để được hưởng cái đặc quyền đó, ông bố của Clausewitz đã phải tìm cách điền thêm danh hiệu quý tộc "Von" của gia đình nhà vợ vào tên họ của mình. Nhưng ông không làm sĩ quan được lâu. Sau cuộc Chiến tranh Bảy năm[1]*, trong hàng ngũ sĩ quan Phổ có sự thanh trừng những phần tử tư sản. Bố Clausewitz cũng là một người trong số sĩ quan bị thanh trừng kể trên, vì một sự xúc phạm nào đấy, nhưng có lẽ chính là vì thành phần quý tộc không rõ ràng của mình.*

Trở về Burg, ông xin được một chân viên chức thu thuế. Lương ít, ông rất vất vả mới nuôi nổi sáu đứa con, trong đó Clausewitz là con thứ năm. Vì sinh hoạt gia đình thiếu thốn nên ngay từ năm 12 tuổi, Clausewitz đã phải vào làm lính cầm cờ trong trung đoàn "Hoàng tử Ferdinand" đóng ở Potsdam.

Chỉ một năm sau khi vào lính (1793), Clausewitz đã có mặt trong trận bao vây quân Cộng hòa Pháp ở Mainz. Trận đánh kết thúc, người ta thấy cậu bé Clausewitz, gần như cong người đi vì phải vác một cây cờ to quá khổ, cùng đội ngũ lính Phổ ngạo nghễ tiến vào thành phố giữa những đám cháy còn nghi ngút khói và tiếng "hura" ầm ĩ của những phần tử bảo hoàng.

Tiếp đấy, cậu bé lại tham gia những cuộc tiến công của quân Phổ vào biên giới Bắc Pháp.

Đó là những trận đánh nằm trong toàn bộ âm mưu can thiệp vũ trang của liên quân Phổ – Áo – Anh để lật đổ nền cộng hòa tư sản Pháp mới được thành lập sau cuộc Đại cách mạng 1789, nhằm khôi phục lại chế độ phong kiến chuyên chế ở Pháp. Trước sức mạnh đang lên của cách mạng Pháp và tinh thần yêu nước nồng nàn của nhân dân Pháp lúc bấy giờ, âm mưu ấy đã bị thất bại.

Vì còn bé nên Clausewitz chưa hiểu mục đích của cuộc can thiệp vũ trang kể trên thực chất là để làm gì? Nhưng, cái không khí trận mạc mà cậu bé 13 tuổi ấy được trải qua đã gây cho cậu ta những cảm giác thú vị lạ lùng. Nó bắt đầu kích thích những ham muốn về danh vọng và vinh quang trong cậu ta. Lớn lên, Clausewitz viết

về chuyện đó như sau: "Bước vào đời của tôi diễn ra trên miếng đất của những sự kiện lớn quyết định số phận các dân tộc, tầm mắt của tôi không phải hướng vào khuôn khổ hạnh phúc gia đình êm ấm mà là những cổng chào chiến thắng đón mừng người thắng trận, những vòng hoa tươi làm dịu mát vầng trán nóng bỏng…". Chẳng những thế, nó còn biểu hiện khá rõ nét khi Clausewitz trình bày quan điểm của mình về động cơ và sức mạnh tinh thần của người lính trong tác phẩm "Bàn về chiến tranh" sau này.

Trong những năm bắt đầu theo đuổi nghề lính, anh lính trẻ Clausewitz hiểu rằng: Trong xã hội Phổ đương thời, anh ta không có đủ những điều kiện để tiến lên những địa vị cao. Gia đình anh ta không phải là một gia đình sĩ quan thế tập và có tên tuổi. Cha mẹ anh ta không có ấp trại và cũng không có bạn bè vai vế trong chính quyền. Đối với anh ta, muốn tiến thân thì chỉ có một con đường là tạo ra một chỗ đứng bằng sự hiểu biết và bản lĩnh của chính mình. Bởi thế, anh ta không muốn phung phí thì giờ rảnh rỗi còn lại trong cuộc sống nhà binh vào những cuộc tiêu khiển vô vị, mà dùng nó vào việc tự học, tự nghiên cứu. Nhờ có số vốn kiến thức tự học cộng với những cuộc vận động ráo riết, Clausewitz mới được đi học ở trường Võ bị Berlin.

Đến trường, Clausewitz được sự ủng hộ của tướng Scharnhorst là hiệu trưởng và cũng là một trong những tướng lĩnh nổi tiếng đang kêu gọi triều đình Phổ tích cực cải tổ quân đội theo hướng quân đội cộng hòa tư sản Pháp. Nhận thấy ở Clausewitz những triển vọng mà nhiều học sinh sĩ quan khác không có, Scharnhorst đã hết sức chú ý giúp đỡ người thanh niên nghèo và có chí khí này khắc phục những khó khăn do tự học thiếu hệ thống. Từ đấy giữa hai người bắt đầu có một mối quan hệ khá sâu sắc về tư tưởng và tình cảm. Clausewitz đã coi Scharnhorst như cha đẻ của mình.

Năm 1803, Clausewitz tốt nghiệp khóa học đứng đầu số sĩ quan ra trường. Theo sự giới thiệu của Scharnhorst, ông về làm sĩ quan phụ tá cho hoàng thân August, anh em họ với vua Phổ.

*Từ đấy, Clausewitz lại càng có điều kiện đi sâu hơn vào việc nghiên cứu khoa học quân sự. Ông rất thích môn toán học và môn lịch sử quân đội. Ông thường tỏ ra sùng bái nghị lực cứng rắn, mưu lược khôn khéo và đầu óc thực tế của Frederick đệ nhị (còn gọi là Frederick Đại đế)***[2]***, hết sức ca ngợi cái vinh quang mà ông vua này đã mang lại cho nước Phổ trong cuộc Chiến tranh Bảy năm. Ông đọc Machiavelli***[3]*** học tiếng Pháp để đọc tác phẩm của các nhà văn Ánh sáng Pháp***[4]*** và tìm hiểu về cuộc Đại cách mạng Pháp 1789. Được Scharnhorst khuyến khích, Clausewitz đặc biệt chú ý nghiên cứu nghệ thuật quân sự của nước Pháp sau cuộc cách mạng tư sản và bắt đầu có những ý kiến phê phán nghệ thuật quân sự Phổ đã quá lỗi thời. Đó là những cái mầm đầu tiên về tư tưởng quân sự của Clausewitz, sau này sẽ lớn lên và hình thành một cách hoàn chỉnh trong tác phẩm "Bàn về chiến tranh".*

Trong thời gian ở Berlin, Clausewitz cũng bắt đầu làm quen với triết học. Ông thường xuyên đi dự các buổi diễn giảng của giáo sư Keiseiwetter – một nhà triết học theo chủ nghĩa Kant (Người ta cho rằng: Trong khi nghiên cứu triết học ở trường Đại học Berlin, Clausewitz đã tiếp thụ được những yếu tố biện chứng duy tâm của

*nền triết học cổ điển Đức, bấy giờ đang phát triển tới đỉnh cao của nó, với những đại diện nổi tiếng: Fichte, Shelling và nhất là Hegel. Đọc tác phẩm "Bàn về chiến tranh" của Clausewitz, chúng ta thấy những yếu tố biện chứng duy tâm kể trên nổi lên khá rõ trong cách đặt vấn đề và giải quyết các vấn đề lý thuyết quân sự. Như Lenin nhận xét: "Tư tưởng quân sự của Clausewitz đã được Hegel làm cho phong phú thêm"***[5]**.

Năm 1806, vua Phổ Frederick Wilhelm đệ tam (người nối ngôi Frederick đệ nhị) tuyên chiến với hoàng đế Napoléon nước Pháp. Thế rồi, cả châu Âu đều sửng sốt trước sự thua trận quá nhanh của quân đội Phổ – một quân đội mà chính Napoléon cũng không dám coi thường.

Chỉ sau sáu ngày giao chiến, quân Pháp đã hoàn toàn đánh tan quân Phổ và tiến vào chiếm Béclin. Vua Phổ và hoàng hậu phải chạy bạt ra biên giới. Trong trận Auerstedt, Clausewitz đã chiến đấu khá can đảm. Khi rút lui, ông cùng hoàng thân August bị quân Pháp bắt làm tù binh, rồi cả hai đều bị đưa về thành phố Nancy nước Pháp.

Theo quy chế chung của các nước châu Âu thời bấy giờ, hoàng thân August và Clausewitz tuy là tù binh, song vẫn được phép đi lại tự do ở khắp nơi, chỉ trừ một điều kiện là không được ra khỏi đất Pháp. Tính vốn phù phiếm, hoàng thân August thường tỏ ra thú vị với mọi kiểu cách sinh hoạt, ăn chơi của quý tộc và tư sản Pháp, Clausewitz thì khác. Là người thâm trầm, sâu sắc, ông luôn luôn suy nghĩ về những nguyên nhân đã đưa nước Phổ đến thất bại và trở thành một nước chư hầu của nền đế chế Napoléon. Ông muốn tìm ra một con đường giải phóng nước Phổ.

Nhưng theo ông: Để đánh thắng đối phương thì điều trước hết là phải xem đối phương đã làm thế nào để chiến thắng? Bởi vậy, trong suốt thời gian ở Pháp, Clausewitz rất chú ý xem xét, tìm hiểu tình hình nước Pháp sau cuộc cách mạng tư sản và những cái mới của nghệ thuật quân sự Pháp. Qua những bức thư của Clausewitz gửi về cho vợ chưa cưới là nữ bá tước Marie von Brühl, người ta thấy ông luôn luôn đau khổ, luôn luôn mơ tưởng đến một ngày nào đó nước Phổ của ông sẽ hùng mạnh trở lại. Ông viết: "Tổ quốc và vinh dự dân tộc là hai thứ thiêng liêng trên trái đất, nếu không có nó thì trên đời này không còn cái gì nữa cả!" Ông muốn mình "mau chóng được trở về quân đội Phổ để chiến đấu phục thù và nếu cần, có thể chết vinh quang cho Tổ quốc…" Tháng 11 năm 1807, Clausewitz được chính quyền của Napoléon trả lại tự do.

Về tới Berlin, ông được tiếp xúc ngay với một không khí chính trị sôi nổi. Trong vương triều Phổ lúc này đã hình thành hai phe phái đối lập nhau rõ rệt: Một phái gồm vua Phổ Frederick đệ tam và bọn quý tộc phản động nhất, chủ trương "giữ quan hệ hữu nghị với hoàng đế Pháp", thực chất là hàng phục Napoléon và hy vọng rằng nhờ đó Napoléon sẽ không đụng chạm gì đến cơ cấu xã hội Phổ, không tiến hành những cuộc cải cách dân chủ như ông ta đã từng làm khi chỉ huy đạo quân Pháp sang chiếm các tiểu bang Đức.

Phái này khiếp sợ sức mạnh quân sự của Napoléon. Nhưng điều làm cho họ khiếp sợ hơn lại là sức mạnh của quần chúng lao động nước Phổ. Họ sợ lực lượng to lớn

này cũng sẽ bắt chước "đẳng cấp thứ ba"[6] *ở Pháp nổi dậy lật đổ chế độ phong kiến chuyên chế ở Phổ.*

Một phái khác, gồm những quý tộc và tướng lĩnh "thức thời", *kiên quyết hơn như* Scharnhorst, Gneisenau, Stein, Boyen…, *thì chủ trương cải cách xã hội và chấn chỉnh các lực lượng quân đội để phục thù. Họ cũng gờm lực lượng to lớn của quần chúng. Song, trước xu thế lịch sử đang tiến tới mạnh mẽ, đồng thời để lôi cuốn nhân dân Đức vào cuộc vũ trang chống* Napoléon, *họ cũng đề ra một số cải cách dân chủ có khuynh hướng tư sản phỏng theo Pháp và buộc vua Phổ phải thực hiện.*

Còn giai cấp tư sản Đức thì thế nào? *Bấy giờ, nó còn là một giai cấp chưa* phát *triển và không thống nhất vì bị phân tán trong các lãnh địa cát cứ. Nó còn bị ràng buộc nhiều bởi những khách hàng chính là các lãnh chúa phong kiến và các đồn* binh, *chưa buôn bán rộng với nước ngoài. Giai cấp tư sản Đức cũng muốn cải* cách *xã hội nhưng lại sẵn sàng thỏa mãn với những cải cách nửa vời mà những phần tử quý tộc "thức thời" đề ra.*

Lớp trí thức đại diện cho giai cấp tư sản Đức như Hegel, Fichte,.. *vẫn nuôi hy vọng phát triển tư bản và thống nhất nước Đức bằng sự tự phát của các biến cố và sự sáng suốt của các nhà quý tộc. Khi cách mạng tư sản Pháp mới thành công, họ hoan nghênh nhiệt liệt. Nhưng khi phái* Jacobin[7] *lên cầm quyền, đề ra những chủ trương cải cách xã hội tích cực, phù hợp với lợi ích của đông đảo quần chúng, kiên quyết trấn áp bọn phản cách mạng, xử tử tên vua phản động* Louis XVI, *thì họ không tài nào hiểu nổi. Họ sợ hãi và tức giận nền "chuyên chính khủng khiếp" của những người* Jacobin. *Họ nêu lên luận thuyết: "Xã hội Phổ chỉ phát triển trong quá khứ và kết thúc ở chế độ quân chủ lập hiến ở nước Phổ*" (Hegel).

Khi quân đội Phổ bị quân đội Napoléon *đánh cho đại bại, những nhà trí thức tư sản Phổ nói trên đã cố gắng tuyên truyền đề cao tinh thần yêu nước Phổ bằng cách nêu lên luận thuyết dân tộc thượng đẳng* Germain *"chỉ có giống người* Germain *mới là dân tộc lịch sử của thế giới*" (Hegel). *Với luận thuyết cực kỳ* sôvanh (chauvinism) *phản động ấy, họ hy vọng sẽ cổ vũ được nhân dân Phổ và các tiểu bang Đức đứng dậy chống lại chủ nghĩa bành trướng của* Napoléon *và đại tư sản Pháp*[8].

Quan điểm chính trị của Clausewitz *cũng là quan điểm của lớp trí thức tư sản nói* trên. Ông *lên án bọn quý tộc, cho đó là bọn ăn bám, không có chỗ dựa trong nhân dân. Đối với ông, giai cấp tư sản là những người lao động cần cù và nắm được nông* dân. Ông *không chịu nổi hình thức cai trị tàn bạo của chế độ phong kiến và tán thành chủ nghĩa dân chủ tư sản, coi đó là "điều kiện làm nảy nở mọi tinh lực của dân tộc". Nhưng mặt khác, ông lại "không muốn đi quá xa trên con đường dân chủ". Cũng như* Hegel *và những nhà triết học cổ điển Đức mạt sát những người* Jacobin *Pháp, ông gọi những người theo chủ nghĩa* Jacobin *ở Đức như* Gorres, d'Arndt *là bọn quá khích, bọn mị dân.* Clausewitz *muốn duy trì nền quân chủ lập hiến ở Phổ.* Theo ông, *nghị viện chỉ nên giữ vai trò trợ thủ đắc lực của nhà vua, vì chỉ có như vậy mới tránh được mọi sự "hỗn loạn*", "*quá trớn" trong quần chúng.*

Như trên đã nói, Clausewitz *là một người yêu nước. Nhưng trong khi biểu lộ tình*

cảm yêu nước, yêu dân tộc mình một cách nồng nhiệt thì đồng thời ông lại đi đến chỗ miệt thị dân tộc khác. Tư tưởng dân tộc của ông có màu sắc sôvanh khá rõ. Dưới mắt ông, "dân tộc Đức là một dân tộc rất phong phú và sâu sắc về tinh thần, có nhiều sức mạnh và ít tính toán. Còn người Pháp thì linh hoạt, nhanh nhẹn song dễ bị kích thích, huênh hoang, hời hợi, thiếu cuộc sống nội tâm, thiếu khả năng làm những việc đứng đắn và những trách nhiệm nặng nề". Theo ông, người Đức có cá tính phong phú và tốt đẹp hơn người Pháp. Song đứng về cả dân tộc thì lại không mạnh vì dân tộc Đức còn bị phân tán, chưa có ý thức thống nhất về chính trị như Pháp.

Giải thích nguyên nhân thua trận của Phổ, Clausewitz cho rằng: Về phía Phổ, bộ máy nhà nước đã quá hư nát, quân đội thì lạc hậu, nhân dân thì bị bưng bít, không được phổ biến những tri thức quân sự cần thiết và không hay biết chút gì về những biến đổi đáng sợ của nước Pháp sau cuộc cách mạng 1789. Còn về phía Pháp, cũng theo Clausewitz, họ thắng Phổ không phải chỉ vì những nguyên nhân về quân sự mà trước hết là do tính chất nhà nước và hành chính, tính chất chính phủ và tình hình nhân dân đã thay đổi hoàn toàn.

Như Marx đã nhận xét về những người trí thức tư sản Phổ thời bấy giờ, quan điểm chính trị của Clausewitz cũng mang tính chất hai mặt: Có mặt tiến bộ, yêu nước và có mặt tiêu cực, phản động.

Quan điểm chính trị ấy đã liên kết Clausewitz với những tướng lĩnh cùng chí hướng như Scharnhorst, Gneisenau, Stein… Họ hăng hái đề xướng việc cải cách quân đội Phổ theo kiểu quân đội tư sản Pháp.

Mặc dầu ở châu Âu đã xảy ra biết bao sự kiện mới mẻ về quân sự, song quân đội Phổ hồi đầu thế kỷ XIX về căn bản vẫn là một quân đội phong kiến cổ lỗ. Thành phần của nó vẫn giống như thành phần của các quân đội phong kiến châu Âu từ mấy chục năm trở về trước, nghĩa là vẫn bao gồm những người lính đánh thuê hoặc lính trưng tập do các chúa đất bắt nhập ngũ. Đời sống của binh lính Phổ rất khổ cực: Lương đã ít lại bị bọn sĩ quan và bọn nhà thầu ăn chặn, bớt xén[9] . Kỷ luật trong quân đội Phổ là kỷ luật bằng roi vọt, nhục hình. Binh lính là những người nghèo khổ nên không thể nào mon men được tới chức sĩ quan. Họ bị bắt buộc phải tham gia các cuộc chiến tranh với những mục đích khác nhau: Tranh chấp quyền thừa kế giữa các dòng họ trị vì, giành giật và chia lại đất đai giữa các vương quốc, công quốc, bá quốc hoặc đàn áp các phong trào đấu tranh của nông dân. Ý thức dân tộc của người lính trong chiến tranh rất mơ hồ (bấy giờ, nhiều nước châu Âu vẫn chưa hình thành dân tộc tư sản) nên tinh thần chiến đấu rất kém. Nói chung, chiến tranh chỉ là công việc của những người lính nhà nghề. Còn nghệ thuật tiến hành chiến tranh: Đó là sản phẩm của những nội các và "trí tuệ cao siêu" của các ông hoàng, các bậc công hầu… Trong chiến đấu, quân đội Phổ vẫn còn dùng chiến thuật đánh theo tuyến hàng ngang từ thời Frederick đệ nhị để lại.

Lối đánh này nảy sinh từ khi xuất hiện khẩu súng bắn bằng kíp đá lửa và chiếc lưỡi lê. Những đội quân nông nô ô hợp, trang bị giáo mác và bố trí phân tán từng chặng trước đây, bấy giờ được trang bị súng và bố trí thành tuyến hàng ngang. Vì

tốc độ bắn chậm (phải nhồi đạn) nên mỗi tuyến thường có 7-8 hàng, sau rút lại còn 3 hàng: Một hàng bắn, hai hàng nhồi đạn, cứ thế thay phiên nhau. Các tuyến được tổ chức thành tiểu đoàn để trong cùng một lúc có thể sử dụng được nhiều khẩu súng, tạo nên một hỏa lực liên tục, lấn át đối phương. Mặt khác, chỉ trong đội ngũ hàng ngang cứng nhắc, bên phải là sĩ quan, bên trái là sĩ quan, phía sau là đội đốc chiến, bọn chỉ huy mới ngăn chặn được nạn lẩn trốn của những người lính đánh thuê. Vì sợ lính trốn nên các đơn vị thường không hành quân ban đêm, không đóng quân cạnh rừng.

Chiến thuật nói trên chỉ cho phép quân đội chiến đấu ở những địa hình bằng phẳng và trống trải, toàn thể đội hình đều nằm trong tầm mắt kiểm soát của bộ chỉ huy. Khi chiến đấu, binh lính đi nghiêm theo "bước chân ngỗng" trong đội hình, vận động lên phía trước, giữ hàng thật đều, bắn đồng loạt. Cuối cùng, khi giáp địch, tất cả đều bước vào hỗn chiến bằng lưỡi lê. Để huấn luyện một chiến thuật như vậy, người ta không cần đến ý thức và trí tuệ của người lính. Các sĩ quan chỉ việc dựa vào một thứ kỷ luật kiểu nhà tù và một quá trình huấn luyện lâu dài bằng những phương pháp rèn dạy người lính như dạy thú vật là đủ. Sau những chiến thắng của Frederick đệ nhị trong cuộc Chiến tranh Bảy năm, phương thức chiến đấu đó đã được coi là kiểu mẫu, được chi tiết hóa ra thành các giáo điều, luật lệ bất di bất dịch mà quân đội Phổ và quân đội các nước châu Âu đều đem áp dụng.

Nhưng trước sự phát triển của sản xuất xã hội cuối thế kỷ XVIII và đầu thế kỷ XIX, phương thức chiến đấu đó đã bộc lộ ra tất cả những chỗ yếu căn bản của nó.

Lối đánh theo tuyến hàng ngang trên đất bằng thường đòi hỏi cả hai bên đối địch phải chuyển đi chuyển lại mất nhiều thì giờ để tìm kiếm, lựa chọn một chiến trường mà cả hai bên đều có thể chấp nhận chiến đấu (consentement mutuel), nghĩa là đều có thể dàn quân ra đánh nhau được.

Thêm nữa, do bất cứ cái gì cũng phải tự cung cấp, không dựa được vào dân cư địa phương, nên việc tiếp tế rất nặng nề. Họ không cho binh lính đóng trong nhà dân để tránh đào ngũ. Đạo quân nào di chuyển cũng kéo theo một cái đuôi hậu cần dài lê thê. Các cuộc hành quân thường phụ thuộc vào các kho hậu cần cố định. Các chiến dịch chỉ tồn tại khi còn dự trữ lương thực, hết lương thực thì chiến dịch cũng kết thúc. Mùa đông đến là người ta ngừng chiến; tới mùa xuân, trời ấm, mới tiếp tục đánh nhau lại.

Tất cả những điều đó làm cho chiến tranh thường bị cắt ra thành nhiều thời kỳ và kéo dài liên miên. Các mục đích chiến lược trở nên mất chính xác, tính cơ động chiến lược rất hạn chế, hành động của quân đội rất chậm chạp. Việc bỏ đất và chiếm đất nối tiếp nhau không có lý do rõ ràng.

Đồng thời, do phạm vi hoạt động thu hẹp trong các tuyến cố định nên khi khẩu súng được chế tạo hoàn chỉnh hơn, người lính được huấn luyện bắn nhanh hơn thì, với đội hình dày đặc tiến lên theo kiểu duyệt binh trên đất trống, các đội quân chiến đấu thường bị thiệt hại nặng và dễ tan rã.

Những ngày đầu, các đạo quân cách mạng Pháp mới tổ chức, chưa được huấn

luyện kỹ, thường không chọi nổi với đối thủ của họ là quân Liên minh Phổ – Áo, những đạo quân nhà nghề. Nhưng, dù hàng ngũ bị rối loạn, phải rút chạy, họ vẫn không bị tiêu diệt. Bởi lẽ họ là một quân đội tình nguyện, có tinh thần chiến đấu cao, giữa sĩ quan và binh lính không quá cách biệt như kẻ thống trị và người nô lệ, thường thấy trong các đạo quân phong kiến[10] *. Họ cùng chiến đấu để bảo vệ những quyền lợi mà cách mạng tư sản Pháp – một cuộc cách mạng tương đối tích cực hơn cả trong số những cuộc cách mạng tư sản châu Âu – đưa lại cho họ. Lòng yêu nước khiến họ hổ thẹn khi phải rút chạy và thúc đẩy họ quay lại chiến đấu. Không thể lập lại các tuyến, họ tự động phân tán tìm địa thế ẩn nấp và tiếp tục chiến đấu trong những vòng cung, những vị trí cách xa. Đồng thời, nhờ có sự nhất trí và tinh thần dũng cảm, từ hành động phân tán ở các tuyến xạ kích, họ có thể dễ dàng tập hợp lại thành những khối người hùng dũnq, ào ạt xông lên theo nhịp bài hát "Marseille" và mở những cuộc tiến công kinh khủng bằng lưỡi lê trong tiếng hô: "Tổ quốc muôn năm! Nền cộng hòa muôn năm!". Kết quả: Không một tuyến hàng ngang hoặc không một hình khối đội ngũ tuyệt mỹ nào của quân Phổ – Áo có thể chịu đựng nổi sức mạnh của cuộc tiến công dữ dội như vậy.*

Thực tế đó được những người lãnh đạo quân đội cộng hòa Pháp tiếp thu, và sáng tạo nên một chiến thuật mới: Bỏ các tuyến hàng ngang cố định mà dùng lối kết hợp các tuyến tán binh với đội hình hàng dọc khít nhau, kết hợp xạ kích phân tán với tiến công tập trung bằng những đơn vị mạnh.

Quân đội cộng hòa Pháp có số lượng rất lớn[11] *. Tuy nhiên, họ vẫn giải quyết được vấn đề tiếp tế nhanh chóng vì nguồn cung cấp chủ yếu dựa vào chính sách động viên, trưng thu tại chỗ, không phải bố trí quá nhiều kho tàng cố định hoặc đem theo những đoàn xe hậu cần dài lê thê. Phần lớn các đơn vị đều trú quân trong nhà dân. Ngay cả khi đóng quân ở các tiểu bang Đức, do thực hiện một số cải cách dân chủ, họ cũng được nhân dân địa phương tiếp đãi khá tử tế.*

Tất cả những điều kiện trên đã làm cho quân đội cộng hòa Pháp có khả năng cơ động cao và mở những chiến dịch tiến công với quy mô lớn, liên tục trên các địa hình, cả ban ngày lẫn ban đêm, cả mùa xuân, mùa hè lẫn mùa đông. Sức cơ động cao và tư tưởng tích cực tiến công cho phép họ tổ chức những cuộc hiệp đồng giữa các đạo quân lớn, buộc kẻ địch phải chấp nhận chiến đấu trong những điều kiện bất lợi, kẹp nó trong những gọng kìm lớn rồi đồng loạt tiến công mạnh mẽ.

Thừa hưởng những kinh nghiệm của cách mạng tư sản Pháp, Napoléon – với thiên tài quân sự của mình – đã kết hợp những kinh nghiệm ấy với những cái gì còn có lợi của phương thức chiến đấu cũ, thông qua thực tiễn chiến đấu để hoàn chỉnh những cái còn thô sơ và nâng nghệ thuật quân sự tư sản lên đến đỉnh cao của nó. Ông ta ít khi dàn đều lực lượng mà kiên quyết tập trung ưu thế lực lượng đánh vào những chỗ yếu của địch. Ông ta cũng ít khi đánh vỗ mặt mà thường nhanh chóng vận động đánh vòng sang bên sườn, đánh vào sau lưng địch, khiến địch bối rối bằng những đợt pháo kích như mưa, rồi đến lúc quyết định thì tung lực lượng dự bị ra để kết thúc trận đánh. Bởi vậy, ông ta đã tạo ra được những trận đánh tiêu diệt lớn,

những đòn chiến lược quyết định cả bộ mặt chiến tranh.

Rõ ràng, trước lực lượng hùng mạnh và nghệ thuật quân sự mới mẻ của quân đội tư sản Pháp, sự tan rã của quân đội phong kiến Phổ là chuyện tất nhiên phải xảy ra. Và nghệ thuật quân sự cổ lỗ của nước Phổ cũng theo đó mà phả sản hoàn toàn.

Tuy nhiên, cuộc đấu tranh để cải cách quân đội Phổ cũng không phải là dễ dàng, Nó vẫn diễn ra một cách gay gắt.

Năm 1808, trước sức ép của phái "đổi mới", vua Phổ buộc phải cử tướng Scharnhorst làm bộ trưởng bộ chiến tranh. Trong quân đội bắt đầu thực hiện một số việc chấn chỉnh như: Cho về hưu những tướng lĩnh bất lực, cổ hủ; mọi sĩ quan dù là quý tộc hay không cũng được lên cấp cao; ban hành chế độ trưng binh và huấn luyện quân sự cho toàn dân… Tướng Scharnhorst gọi Clausewitz – người học trò cùng chí hướng và có khả năng lý luận nhất – về làm phụ tá cho mình. Clausewitz được phong cấp thiếu tá và được chỉ định làm giáo sư về khoa chiến lược, chiến thuật ở Học viện quân sự. Ông hăng hái giúp Scharnhorst cải tổ quân đội, đồng thời cũng thử viết ra những kiến thức mới của mình về khoa học quân sự một cách có hệ thống.

Song, ông vẫn luôn luôn bực bội vì công cuộc cải cách thường bị những phần tử đầu hàng và thủ cựu cản trở. Ông cũng rất khó chịu trước cảnh ăn chơi đàng điếm, xa hoa của bọn con buôn mới phất và bọn vương hầu trong cung đình.

Năm 1809, chịu ảnh hưởng cuộc kháng chiến của nhân dân Tây Ban Nha, nước Áo phát động chiến tranh để tự giải phóng khỏi sự lệ thuộc vào Napoléon. Phái "đổi mới" ở nước Phổ vận động vua Phổ tham chiến cùng với Áo. Nhưng, chỉ bằng một hiệp ước, Napoléon đã trung lập được bọn thống trị Phổ, thậm chí còn gạt được những nhà cải cách tích cực nhất ra khỏi chính quyền. Clausewitz rất bất mãn. Ông gọi bọn đầu hàng và bảo thủ là "những kẻ hèn hạ, ích kỷ, không thể nào xa rời được đồng lương và chức vị nhà vua ban cho, những kẻ yêu nước giả dối, chỉ muốn duyệt binh hơn là ra chiến trường". Ông muốn bỏ sang Áo để chiến đấu nhưng chưa kịp thực hiện ý định thì Áo đã bị thua Napoléon rồi.

Năm 1811, Napoléon chuẩn bị tiến công nước Nga. Nắm được âm mưu đó, Gneisenau và Clausewitz vạch ra những kế hoạch đề nghị triều đình Phổ liên minh với Nga và bắt chước Tây Ban Nha phát động nhân dân nổi dậy chống Napoléon. Nhưng vua Phổ vẫn tiếp tục đường lối chính trị đầu hàng, và mọi đề nghị trên đều không được chấp nhận.

Năm 1812, Napoléon khởi quân sang đánh Nga. Vua Phổ Frederick đệ tam run sợ ký hiệp ước liên minh với Pháp. Frederick cung cấp cho Napoléon 2 vạn lính và ra lệnh mở hết cửa các pháo đài cho quân Napoléon tiến vào, với lý do "mượn đường đánh Nga". Hiệp ước đầu hàng đó đã gây ra sự phẫn nộ trong hàng ngũ sĩ quan Phổ, Clausewitz cùng hơn 20 sĩ quan Phổ khác lập tức bỏ Phổ sang Nga tham gia kháng chiến. Do tướng Stein và những sĩ quan Phổ sang trước tiến cử, ông được tiếp nhận vào quân đội Nga hoàng với cấp trung tá.

Trước sức kháng chiến dẻo dai, quyết liệt của nhân dân Nga, đạo quân xâm lược của Napoléon càng tiến sâu vào đất Nga thì càng bị tiêu hao, kiệt quệ, và cuối cùng

bị đánh đuổi ra khỏi đất nước Nga. Clausewitz đã trực tiếp chỉ huy chiến đấu trong các trận Vitebsk, Smolensk và Borodino. Sau đó, ông được cử làm tư lệnh "Binh đoàn Nga- Đức" gồm những người bỏ Phổ sang Nga chiến đấu và những hàng binh Đức từ phía Napoléon bỏ chạy sang. Khi tàn quân Pháp rút lui, một binh đoàn quân Phổ dưới quyền Napoléon, do tướng Yorck chỉ huy sang đánh Nga, bị cắt rời khỏi đám tàn quân Pháp. Clausewitz được cử đến thương lượng. Ông đã kiên trì thuyết phục được tướng Yorck vứt bỏ lập trường trung thành mù quáng với vua Phổ, đưa cả đạo quân của mình quay súng chống lại Napoléon.

Trong quá trình chiến đấu ở Nga, Clausewitz rất chú ý theo dõi chiến lược kháng chiến của Kutuzov. Khi "Binh đoàn Nga – Đức" tiến về Đông Phổ, Clausewitz liền đi gấp tới Königsberg để phát động nhân dân địa phương nổi dậy vũ trang chống Napoléon theo kinh nghiệm vừa học được của Nga. Ở đây, dựa trên ý kiến của Gneisenau và Stein, ông vạch ra một kế hoạch xây dựng lại các lực lượng quân sự Đông Phổ theo quan điểm "toàn dân làm lính" mà trước đây ông đã từng kiến nghị với vua Phổ, song hồi ấy không được chấp nhận. Ngoài các đơn vị chính quy, ông đề nghị tổ chức thêm hai loại quân địa phương. Loại thứ nhất là tiểu đoàn quân bổ sung (land-wehr) gồm những người từ 18 đến 40 tuổi, có nhiệm vụ thường xuyên bổ sung cho các trung đoàn chính quy, khiến chúng luôn luôn giữ được đầy đủ quân số. Loại thứ 2 là các đơn vị dân binh (land-sturn) gồm tất cả những người còn lại, trang bị giáo mác, gậy gộc, cuốc xẻng,… làm nhiệm vụ đánh du kích ngay tại địa phương, khiến kẻ địch chiếm đóng không được yên ổn. Kế hoạch này được Bộ chiến tranh Phổ hoan nghênh.

Năm 1814, "Binh đoàn Nga – Đức" sáp nhập vào quân đội Phổ. Clausewitz được triều đình Phổ phong chức đại tá. Trong thời kì "100 ngày" của Napoléon, Clausewitz chỉ huy quân đoàn Phổ thứ ba, đánh kìm chân quân đội Napoléon ở gần Waterloo. Sau đó, binh đoàn ông cùng với quân Liên minh Châu Âu tiến vào Paris – thủ đô Pháp – kết thúc vĩnh viễn chế độ Napoléon. Từ đấy cho đến năm 1818, ông làm tham mưu trưởng đạo quan sông Rhine do Gneisenau làm tư lệnh.

Trở lại quân đội Phổ, Clausewitz bị nhà vua và bọn cận thần đối xử lạnh nhạt vì họ cho rằng ông đã rời bỏ nước Phổ. Tuy buồn nhưng Clausewitz vẫn rất tự hào về sự trung thành của mình với Tổ quốc Phổ, và cho rằng: Trong cuộc kháng chiến của nhân dân Nga chống Napoléon, ông đã phục vụ tổ quốc mình một cách xứng đáng.

Chiến thắng 1814-1815 của Liên minh châu Âu đã giải phóng nhiều nước khỏi chủ nghĩa bành trướng của Napoléon và đại tư sản Pháp. Nhưng mặt khác nó lại tạo điều kiện ổn định tạm thời cho các lực lượng phong kiến chuyên chế. Ở nước Phổ, khi thế lực phản động, bảo thủ trở lại chiếm ưu thế, thì chúng liền tìm cách gạt các phần tử "đổi mới" ra khỏi những cương vị quan trọng, trong đó có cả những tướng lĩnh nổi tiếng như Gneisenau. Năm 38 tuổi, Clausewitz được phong chức thiếu tướng và được cử về làm giám đốc Học viện quân sự Berlin. Bề ngoài, điều đó có vẻ như một sự khen thưởng, nhưng thực chất chỉ là một cách hạn chế ảnh hưởng. Chức vụ giám đốc là một chức vụ hoàn toàn hành chính. Mọi việc giảng dạy, tổ chức đều do

một hội đồng gồm toàn những phần bảo thủ nắm hết. Những thí nghiệm mới của ông về việc sửa đổi công việc giảng dạy đều vấp phải sự phản đối kịch liệt. Một lần, ông đã có tên trong danh sách phái đoàn ngoại giao ra nước ngoài, những sau đấy lại không được đi nữa. Thái độ của vua Phổ đối với ông trước sau vẫn là thái độ bạc đãi, không ưa.

Tất cả những điều đó khiến Clausewitz ngày càng buồn rầu và trở nên cô độc, lạnh lùng. Bị tước mất mọi điều kiện thi thố tài năng trong các hoạt động thực tiễn về quân sự, ông lặng lẽ sử dụng mọi thì giờ rỗi rãi của mình vào công trình khoa học lớn: Nghiên cứu bản chất và quy luật của chiến tranh.

Clausewitz đã làm việc liên tục trong 12 năm (từ 1818 đến 1830) cho công trình nghiên cứu nói trên. Để chuẩn bị viết tác phẩm chính về lý luận là cuốn "Bàn về chiến tranh", ông đã viết tất cả 7 tập tài liệu nghiên cứu về lịch sử chiến tranh. Clausewitz đã nghiên cứu 130 chiến cục cổ kim khác nhau và đọc toàn bộ các tác phẩm về lý luận chiến tranh trong thời đại ông. Trong khi làm việc, ông luôn luôn được sự khuyến khích và giúp đỡ ý kiến của bạn thân là thống chế Gneisenau, người đã từng thảo ra những kế hoạch chiến lược đánh Napoléon. Vợ ông cũng là người ban tâm tình và là người giúp việc đắc lực. Bà an ủi, chăm sóc chồng khi ông gặp khó khăn, buồn phiền. Bà giúp ông sưu tầm tài liệu, chuẩn bị các trích dẫn và chép lại bản thảo. Tất cả những sự săn sóc của bạn và của vợ đã thường xuyên cổ vũ Clausewitz lấy lại nghị lực, mặc dầu ông bị triều đình bạc đãi.

Trong hơn mười năm, Clausewitz đã viết đi viết lại nhiều lần cuốn "Bàn về chiến tranh" nhằm làm cho tác phẩm luôn có nội dung mới. Nhưng đến tháng 8 năm 1830, khi bản thảo cuốn sách còn đang làm dở thì ông phải đi nhận chức thanh tra pháp binh ở Breslau. Sau đó, ông lại đi làm tham mưu trưởng đạo quân Phổ, do Gneisenau giữ chức tư lệnh, đóng ở một vùng giáp biên giới Ba Lan. Tại đây, đầu năm 1831, Gneisenau bị chết vì dịch tả. Đến tháng 11 cùng năm, Clausewitz cũng mắc bệnh và chết tại Breslau.

Sau khi Clausewitz chết, vợ ông thu thập các bản thảo chưa hoàn chỉnh, sắp xếp lại. Tác phẩm được xuất bản vào năm 1832.

Những sự thay đổi lớn về chính trị, kinh tế, xã hội của cuộc Đại cách mạng tư sản Pháp năm 1789 đã làm nảy sinh ra những cải cách mới về mặt quân sự. Napoléon đã kết hợp một cách sáng tạo những cải cách ấy với những gì còn dùng được của nền nghệ thuật quân sự phong kiến cổ cũng như kinh nghiệm của ông ta trong thực tiễn chiến tranh và nâng nghệ thuật quân sự tư sản lên đến mức mà từ đấy về sau không một nhà quân sự nào trong thế giới tư bản có thể vượt qua được. Nhưng Napoléon chỉ là một tướng chỉ huy. Ngoài cuốn "Hồi ký chiến tranh", những "nhật lệnh, mệnh lệnh chiến đấu" và cuốn sách viết về cách sử dụng pháo binh, Napoléon không để lại tác phẩm nào tổng kết một cách đầy đủ nghệ thuật quân sự mà cách mạng tư sản Pháp đã sáng tạo và ông ta đã hoàn chỉnh, nâng cao. Trong khi ấy thì nước Phổ lại có điều kiện để thực hiện công việc tổng kết đó. Như trên đã nói, Phổ vốn là nước có truyền thống quân sự và có một quân đội vào loại mạnh nhất châu Âu. Sau thất bại

nặng nề năm 1806, người Phổ bắt buộc phải phê phán không thương tiếc quá khứ và xây dựng một nền lý luận quân sự mới mẻ nhằm thoát ra khỏi "cái ách Napoléon" và khôi phục lại địa vị chính trị, quân sự của mình. Nền quân sự ấy đã có sẵn tiền đề của nó, nảy sinh chiến tranh thời Napoléon. Bởi vậy, người ta cho rằng, Clausewitz thực tế đã làm được công việc tổng kết nói trên trong tác phẩm "Bàn về chiến tranh" của ông. Căn cứ vào tính chất khái quát trừu tượng của cuốn sách, cũng có người lại gọi đó là một tác phẩm bàn về triết học của chiến tranh.

Khi mới ra đời, cuốn sách không gây được tiếng vang gì lớn, phần do tư tưởng bảo thủ, phần do trình độ thấp kém của số đông sĩ quan Phổ thời bấy giờ. Nhưng chỉ khoảng mười năm sau, khi cán cân lực lượng nghiêng về phía chủ nghĩa tư bản và những phần tử "đổi mới", các tác phẩm của Clausewitz đã ngày càng được chú ý và đề lên rất cao trong hàng ngũ các tướng lĩnh Phổ.

Thống chế Montk – một học trò của Clausewitz – đã dùng những tư tưởng quân sự của thầy học mình vào việc cải tổ quân đội Phổ. Sau này, chủ nghĩa quân Phiệt và chủ nghĩa phátxít Đức đã coi Clausewitz như người đại diện của chúng, lợi dụng lý thuyết quân sự của ông để mở ra những cuộc chiến tranh dành giật thị trường và thống trị thế giới. Tướng Sliaffen – kẻ chuẩn bị chiến lược cho bọn quân phiệt Đức gây ra cuộc Đại chiến thế giới lần thứ nhất (1914-1918) – đã tự nhận là học trò của Clausewitz. Hắn tuyên bố: "Nhờ có Clausewitz nên quân đội Đức mới được đào tạo cả một lớp lính cừ khôi ". Khi bạn phát-xít Đức nhảy lên cầm quyền, có tên đã xác định: "Chỉ Goering mới đáng là người cầm đầu nhà nước, vì Clausewitz muốn thế. Cố nhiên, trước hết vẫn phải kể đến Hitler" (Ý kiến của R.Blaze trong cuốn sách "Carl von Clausewitz – cuộc đời trong chiến trận" viết năm 1934, nhằm tuyên truyền cho bọn phát-xít Hitler lên nắm quyền thống trị nước Đức).

Lý thuyết quân sự của Clausewitz không phải chỉ giữ địa vị quan trọng trong giới quân sự nước Đức quân phiệt và phát-xít mà còn có ảnh hưởng khá rộng trong thế giới tư bản nói chung. Từ khi tác phẩm "Bàn về chiến tranh" ra đời đến nay, nó đã được dịch ra nhiều thứ tiếng và xuất bản nhiều lần. Các tướng Mỹ như Smith, MacArthur ít nhiều đều nhắc đến hoặc trích dẫn, vay mượn những luận điểm của Clausewitz. Có thể nói: Không một tác phẩm lớn nào của các nhà lý luận quân sự tư sản là không trích dẫn Clausewitz hoặc tranh luận với Clausewitz. Chẳng những thế sau cuộc Chiến tranh thế giới thứ hai (1939-1945), một số nhà lý luận quân sự Tây âu còn dựa vào lý thuyết "tập trung lực lượng" của Clausewitz để dựng lên một thứ lý thuyết gọi là "chủ nghĩa Clausewitz mới", gây ra những cuộc tranh cãi sôi nổi một thời.

Về phía chúng ta, những nhà kinh điển của chủ nghĩa Marx-Lenin cũng đều đọc tác phẩm của Clausewitz và có nhận xét về ông.

Engels, trong bức thư gửi Marx ngày 7-1-1858, cho biết rằng ông "đã đọc tác phẩm "Bàn về chiến tranh" của Clausewitz", Engels nhận xét "... đó là một phương pháp biện luận đáng chú ý, về bản chất là một công trình xuất sắc".

Và Marx, trong bức thư trả lời Engels ngày 11-1-1858, cũng nhận xét về

Clausewitz là: "Con người đôn hậu ấy có một thiên tư đạt tới mức tài năng…".

Đặc biệt, Lenin lại có hẳn một tập bút kí, nghiên cứu tác phẩm "Bàn về chiến tranh" của Clausewitz. Lenin đã ghi những ý kiến nhận xét sâu sắc của mình ở ngay bên lề tập bút ký. Khi xảy ra cuộc Chiến tranh đế quốc lần thứ nhất (1914 -1918), Lenin đã nhiều lần trích dẫn những luận điểm có tính chất tích cực của Clausewitz về chiến tranh để phê phán và đập tan những luận điệu cơ hội, sôvanh của bọn Quốc tế 11, Lenin đánh giá Clausewitz là "một trong những tác giả vĩ đại nhất về lịch sử chiến tranh", "một trong những tác giả sâu sắc nhất về các vấn đề quân sự".

Nhìn chung, dựa trên những luận điểm cơ bản của Marx, Engels, Lenin, Stalin về vấn đề chiến tranh, chúng ta có thể thấy được qua tác phẩm "Bàn về chiến tranh", tất cả những yếu tố tích cực cũng như trong chỗ lỗi thời, những yếu tố tiêu cực trong quan điểm quân sự của Clausewitz.

Như Stalin đã nêu rõ, "Clausewitz là đại biểu của thời đại thủ công nghiệp trong lịch sử chiến tranh. Nhưng, ngày nay chiến tranh đã bước vào thời đại cơ khí. Rõ ràng, thời đại mới yêu cầu phải có những nhà tư tưởng quân sự mới…".

Những cuộc chiến tranh ngày nay đã khác và sẽ khác rất nhiều – cả về quy mô, mức độ lẫn phương thức tiến hành – so với những cuộc chiến tranh thời Napoléon. Nhiều kết luận của Clausewitz tất nhiên đã trở thành lạc hậu. Nhìn chung, những bộ phận lỗi thời trong tác phẩm đều là những nội dung cụ thể, có tính chất biến động nhất, như chiến thuật. Những nội dung còn đứng lại với thời gian phần lớn thuộc về những vấn đề có tính chất cơ bản, bàn về bản chất của chiến tranh, về chiến lược, v.v.

Chúng ta đều biết rằng, Clausewitz viết cuốn "Bàn về chiến tranh" vào thời đại cách mạng tư sản bắt đầu và giai cấp tư sản châu Âu đang đóng vai trò lịch sử của nó. Bởi thế, tác phẩm của ông đã có những yếu tố lịch sử tích cực, tiến bộ nhất định. Trong khi tìm hiểu về nền nghệ thuật quân sự tư sản mới xuất hiện và phê phán những học thuyết quân sự phong kiến đã lỗi thời, do có cách xem xét biện chứng, Clausewitz đã vươn tới được những vấn đề cơ bản, gốc rễ của chiến tranh. Ông đã phát hiện ra được một số quy luật về mối quan hệ giữa chiến tranh và chính trị, giữa thực tế xã hội với nghệ thuật quân sự, giữa các hình thức chiến đấu, v.v. Những phát hiện ấy chẳng những được thế giới phương Tây lấy làm nền tảng hệ thống lý luận quân sự tư sản mà ngay các đại biểu của chủ nghĩa Marx-Lenin cũng khen ngợi và đánh giá cao.

Những mặt khác, lý thuyết quân sự của Clausewitz cũng chứa đựng không ít sai lầm có tính chất tiêu cực. Đó là do hạn chế lịch sử, địa vị xã hội và thế giới quan của ông quyết định. Về căn bản, ông là người yêu nước song lập trường của ông là lập trường phục vụ giai cấp tư sản. Nhìn chung, ông vẫn còn luẩn quẩn chưa thoát ra được khu rừng rập rạp của chủ nghĩa duy tâm. Tất cả những hạn chế đó khiến cho nhà lý luận quân sự có tài ấy không thể tiến lên được điểm chót của các quy luật mà ông đã phát hiện. Trong bất cứ vấn đề nào, ở Clausewitz cũng tồn tại những quan điểm, những khía cạnh tiêu cực mang dấu ấn giai cấp rõ ràng. Đồng thời, trong lập

luận của ông cũng bộc lộ không ít những chỗ mâu thuẫn. Bởi vậy, chúng ta không lấy làm lạ khi thấy các tướng lĩnh của chủ nghĩa đế quốc và chủ nghĩa phát-xít đều hết sức đề cao những yếu tố tiêu cự trên của Clausewitz. Mặt khác, chúng cũng không quên phản đối, gạt bỏ, xuyên tạc những yếu tố tích cực, tiến bộ trong tác phẩm của ông.

Nghiên cứu tác phẩm "Bàn về chiến tranh", chúng ta phê phán và gạt bỏ mọi quan điểm duy tâm, tiêu cực của Clausewitz. Nhưng chúng ta không phủ định tất cả, mà cố gắng chọn lọc những cái gì còn là tích cực và có ích trong tác phẩm. Cả hai mặt phê phán. Gạt bỏ và thừa nhận, tiếp thu đều nằm trong quá trình cải tạo cái cũ và đều có tác dụng bồi bổ cho tri thức khoa học quân sự của chúng ta ngày càng thêm phong phú.

Đó cũng là mục đích của việc dịch và giới thiệu tác phẩm "Bàn về chiến tranh" của Clausewitz.

Phòng Biên tập Lịch sử – Hồi ký Nhà Xuất bản Quân đội Nhân dân

PHẦN I

TẬP I. BẢN CHẤT CỦA CHIẾN TRANH

Chương 1. CHIẾN TRANH LÀ GÌ?

1. Mở đầu

Chúng tôi sẽ nghiên cứu trước tiên những yếu tố khác nhau của đề tài rồi đến bộ phận cấu thành, hay các thành phần của nó, và cuối cùng sẽ nghiên cứu toàn bộ vấn đề trong mối quan hệ bên trong của nó.

Như vậy chúng tôi sẽ đi từ đơn giản đến phức tạp. Những đối với đề tài này, hơn là đối với đề tài khác, trước hết phải nhìn vào bản chất của toàn bộ, vì ở đây, hơn tất cả các chỗ khác, bộ phận và toàn thể cần được nghiên cứu cùng một lúc.

2. Định nghĩa

Chúng tôi không bắt đầu nghiên cứu chiến tranh bằng một định nghĩa nặng nề và rỗng tuếch. Chỉ cần nói đến bản chất của nó, đến cuộc đấu tay đôi. Chiến tranh không là cái gì khác ngoài một cuộc đấu tay đôi trên quy mô rộng lớn. Nếu chúng ta muốn thâu tóm được chỉ trong một khái niệm bao quát về vô số cuộc đấu tay đôi cấu thành chiến tranh, chúng ta chỉ nghĩ đến hai đô vật. Mỗi đô vật, bằng thể lực của anh ta, tìm cách bắt đô vật kia phục tùng ý chí của mình – *trước mắt* là *quật ngã* đối phương nhằm làm cho đối phương hoàn toàn không thể chống cự được nữa.

Vậy chiến tranh là một hành vi bạo lực dùng để buộc đối phương phục tùng ý chí của mình.

Bạo lực sử dụng những phát minh của nghệ thuật và khoa học để đối phó với bạo lực. Đi đôi với bạo lực là những hạn chế nhỏ, không đáng nói đến, và chính bạo lực lại ngự trị dưới danh nghĩa luật nhân quyền, nhưng trên thực tế, luật này không làm giảm sức mạnh của nó. Như vậy bạo lực, nghĩa là bạo lực vật chất (vì không có bạo lực tinh thần ngoài khái niệm Nhà nước và Luật pháp) là *công cụ*, còn *mục đích* là buộc kẻ thù phải theo ý chí của mình. Muốn đạt mục đích ấy một cách thật chắc chắn, cần phải giải giáp kẻ thù, và sự giải giáp này, theo định nghĩa, là mục tiêu thực sự của tác chiến trong chiến tranh. Nó thay thế cho mục đích và có thể nói: Nó gạt mục đích ra một bên. Coi mục đích như một điều gì không thuộc về bản thân chiến tranh.

3. Dùng sức mạnh không hạn độ

Những tâm hồn từ bi có thể dễ dàng tưởng tượng rằng: Có một cách nhân tạo để giải giáp và đánh bại quân thù mà không đổ máu quá nhiều, và cho rằng đấy mới là hướng để nghệ thuật quân sự chân chính vươn tới. Tuy đó là điều đáng ước mong, nhưng đó cũng là một sai lầm cần phải tránh. Trong một công việc nguy hiểm như chiến tranh, những sai lầm do hảo tâm gây ra chính là điều tai hại nhất.

Vì sử dụng toàn diện sức mạnh vật chất tuyệt nhiên không hề loại trừ sự phối hợp với trí thông minh, người nào sử dụng sức mạnh đó một cách lạnh lùng và không lùi bước trước bất kì sự đổ máu nào, người ấy sẽ chiếm ưu thế trước đối phương nếu đối phương không làm như vậy. Và do đó, họ sẽ bắt buộc được đối phương phải theo lệnh của mình, cho nên mỗi bên thúc đẩy bên kia phải đi đến một điểm tột cùng và

đến đây chỉ có sức đối phó ở phía đối phương mới vạch ra được giới hạn cho điểm tột cùng ấy.

Đó là cách nghiên cứu các sự việc. Nhắm mắt trước yếu tố tàn bạo – vì yếu tố tàn bạo đáng ghê tởm – là lãng phí lực lượng, nếu không nói là phạm sai lầm.

Nếu chiến tranh của các dân tộc văn minh bớt tàn ác và tàn phá hơn nhiều so với những cuộc chiến tranh của các dân tộc không văn minh, thì đó là vì tình hình xã hội của các dân tộc nói trên cũng như quan hệ giữa họ với nhau đã đưa đến trạng thái đó. Chính chiến tranh phát sinh ra từ tình hình ấy và từ những điều kiện ấy nhào nặn, giới hạn chiến tranh và làm cho nó bớt khốc liệt. Nhưng chính bản thân những yếu tố ấy không thuộc về chiến tranh, nó có trước chiến tranh. Đưa nguyên lý bão hòa và trong triết lý của bản thân chiến tranh thật là vô lý.

Sự xung đột giữa người với người, thật ra phụ thuộc và hai yếu tố: *tình cảm thù địch* và *ý định thù địch*. Giữa hai yếu tố trên, chúng tôi đã chọn yếu tố thứ hai để làm cho định nghĩa của chúng tôi có cái dấu hiệu đặc biệt của nó vì nó tổng quát hơn. Người ta khó tưởng tượng ra tình cảm căm thù cuồng nhiệt nhất, man rợ nhất, có tính chất gần như bản năng nhất, nếu không có ý định thù địch, nhưng lại có những ý định thù địch mà bạn không có tình cảm thù địch trộn lẫn vào hay ít nhất cũng không có tình cảm thù địch chiếm ưu thế. Ở những người dã man, những ý định do cảm tính gây nên chiếm ưu thế; ở những dân tộc văn minh thì những ý định của trí tuệ chiếm ưu thế. Những chỗ khác nhau ấy không do bản chất của tình trạng dã man hay văn minh mà chính là do các điều kiện phụ thuộc,**[12]** các thể chế, v.v. Trong mỗi trường hợp riêng biệt, không nhất thiết có sự khác nhau ấy nhưng trong đại đa số trường hợp thì có. Nói tóm tắt, cả đến những dân tộc văn minh nhất cũng có thể bị lòng căm thù tàn bạo lôi cuốn.

Do đó, chúng ta không thể cho rằng chiến tranh giữa những nước văn minh là một hành động thuần túy lý trí của các chính phủ, và là một hành động ngày càng có thể thoát ly khỏi sự cuồng mê, lại càng không thể nói rằng trọng lượng vật chất của các lực lượng vũ trang rốt cuộc cũng không cần nữa, và hình như chỉ cần đến những mối quan hệ lý thuyết giữa các lực lượng ấy – một kiểu đại số của hành động. Nói như vậy sẽ xa rời chân lý biết bao nhiêu! Lý thuyết đang đi vào con đường ấy thì những sự kiện của các cuộc chiến tranh gần đây**[13]** lại chuyển nó sang hướng khác. Nếu chiến tranh đã là một hành động bạo lực thì cảm tính nhất định cũng là một yếu tố của chiến tranh. Nếu chiến tranh không phải từ cảm tính mà ra, nó cũng tác động nhiều hay ít đến cảm tính và sự "nhiều hay ít" này không phụ thuộc vào trình độ văn minh, nhưng phụ thuộc vào tầm quan trọng và tính bền vững của các quyền lợi đối địch.

Nếu các dân tộc văn minh không giết chết tù binh, không cướp bóc thành phố và nông thôn thì đó là vì lý trí chiếm lĩnh một vị trí lớn hơn trong lúc tiến hành chiến tranh và lý trí đã dạy cho họ dùng vũ lực một cách hiệu quả hơn là để cho bản năng bùng nổ ra một cách tàn bạo.

Việc phát minh ra thuốc súng và sự phát triển không ngừng của các loại súng tự

thân nó đã chứng mình rằng trong thực tế, khuynh hướng tiêu diệt địch, gắn liền với khái niệm chiến tranh, tuyệt nhiên không bị sự tiến bộ của nền văn minh ngăn chặn hoặc đẩy lùi.

Vì vậy, chúng tôi nhắc lại luận điểm của chúng tôi: Chiến tranh là một hành vi bạo lực và không có giới hạn nào trong việc sử dụng bạo lực, mỗi bên đối địch ép buộc đối phương phải theo quy luật của mình, do đó có cạnh tranh, mà về phương diện lý thuyết sẽ đẩy cả hai bên tới chỗ cực đoan. Chính đó là sự tác động qua lại đầu tiên, điểm tột cùng thứ nhất mà chúng ta vấp phải.

(*Tác động qua lại đầu tiên*).

4. Mục đích là làm cho kẻ địch mất hết khả năng đề kháng

Chúng tôi đã nói làm cho kẻ địch mất hết khả năng đề kháng là vì mục đích của hành vi chiến tranh; chúng tôi sẽ chứng minh rằng định nghĩa nào là cần thiết để nhận thức chiến tranh về mặt lý luận.

Để kẻ địch phục tùng ý chí của chúng ta, phải đẩy chúng tới tình thế bất lợi hơn là những tổn thất mà ta buộc chúng phải chịu. Nhưng tình thế bất lợi ấy dĩ nhiên không thể là tạm thời hay ít nhất cũng có vẻ như thế – nếu không kẻ địch sẽ đợi dịp thuận lợi hơn và chúng sẽ chẳng chịu lùi bước. Bởi vậy, mọi thay đổi do việc tiếp tục tiến hành chiến tranh gây nên phải đưa đến cho kẻ địch một tình hình xấu hơn (ít nhất cũng về mặt lý thuyết). Đối với mỗi bên đối địch thì tình hình xấu nhất là bị giải giáp hoàn toàn. Nếu chúng ta muốn, bằng hành vi chiến tranh, bắt buộc kẻ địch tuân theo ý chí của chúng ta, thì phải hoặc là thực sự giải giáp kẻ thù, hoặc là đặt chúng trong một tình huống nào đó để chúng thấy rằng mình bị khả năng trên đe dọa. Vì vậy, giải giáp kẻ địch hoặc sự chiến bại của chúng – dẫu ta chọn danh từ gì cũng thế – phải là mục đích hành động quân sự.

Chiến tranh không phải là tác động của một lực lượng sống vào một vật chết. Vì tuyệt đối không chống cự là phủ định chiến tranh, cho nên chiến tranh lúc nào cũng là sự xung đột giữa hai lực lượng sống, và những điều mà chúng tôi nói về mục đích cao nhất của chiến tranh là mặc nhiên phù hợp với cả hai bên đối địch. Ở đây cũng vậy, có sự tác động qua lại. Khi mà ta chưa đánh bại kẻ địch, ta vẫn sợ nó đánh bại ta. Ta không tự làm chủ được, vì kẻ địch buộc ta phải theo quy luật của chúng cũng như ta buộc chúng phải theo quy luật của ta. Đó là tác động qua lại thứ hai, nó dẫn ta tới điểm tột cùng thứ hai.

(*Tác động qua lại thứ hai*).

5. Triển khai lực lượng đến tột cùng

Nếu muốn đánh bại kẻ địch, phải làm cho sự cố gắng của mình tương xứng với sự kháng cự của chúng. Sự kháng cự này là kết quả của hai yếu tố không thể tách rời nhau: *quy mô các phương tiện mà kẻ địch sử dụng và sức mạnh ý chí của chúng*.

Người ta có thể ước lượng quy mô phương tiện mà kẻ địch sử dụng vì phương tiện thể hiện trên con số (tuy không hoàn toàn); nhưng đối với sức mạnh của ý chí thì không làm như thế được: Người ta chỉ có thể phỏng đoán chúng theo động cơ của kẻ địch. Nếu giả thiết rằng: Sự đánh giá của ta về khả năng kháng cự của kẻ địch là gần

đúng, chúng ta có thể đưa mức cố gắng của mình lên phù hợp, tăng lên dần dần để đảm bảo ưu thế, hoặc nếu chúng ta không đủ phương tiện thì phải cố gắng đến mức cao nhất.

Nhưng đối phương cũng làm như thế; do đó lại có thêm một cuộc chạy đua: Về mặt lý thuyết, cuộc chạy đua này một lần nữa lại phải đi đến chỗ tột cùng. Ở đây, chúng ta có tác động qua lại thứ ba và điểm tột cùng thứ ba.

(*Tác động qua lại thứ ba*)

6. Biến đổi trong thực tế

Trong phạm vi trừu tượng của khái niệm thuần túy, sự suy nghĩ không thể ngừng lại trước khi đến điểm tột cùng của nó, vì chính là ở điểm tột cùng ta phải suy nghĩ: Sự đối địch của các lực lượng được buông lỏng và chỉ tuân theo quy luật của bản thân nó. Nếu chúng ta muốn rút ra khái niệm thuần túy lý thuyết của chiến tranh một mục đích tuyệt đối định trước và cả những phương tiện để đạt mục đích ấy thì những tác động qua lại liên tiếp dẫn ta đến những điểm tột cùng, những điểm này chỉ là trò chơi của trí tưởng tượng thuần túy, sản phẩm của một chuỗi móc xích lý sự logic mơ hồ. Nếu ta chỉ tuân theo những cái tuyệt đối một cách quá chặt chẽ, muốn tránh tất cả các khó khăn một điều khẳng định đơn giản, bằng cách nói theo một quan điểm logic chặt chẽ rằng phải luôn luôn sẵn sàng đối phó với tất cả mọi việc và đương đầu với điểm tột cùng ấy bằng sự cố gắng cao nhất thì điều khẳng định của chúng ta chỉ là sự trống rỗng, không ứng dụng được trong thế giới thực tại.

Nếu ta thừa nhận rằng điểm cố gắng tột cùng đó là tuyệt đối, dễ thấy rõ, thì cũng không thể không thừa nhận rằng trí óc con người rất khó chấp nhận những kiểu lập luận phóng túng như vậy. Trong nhiều trường hợp, kết quả của kiểu lý luận trên sẽ chỉ là một sự tiêu phí lực lượng vô ích dẫn đến cho nghệ thuật chỉ huy lại phải đền bù bằng những nguyên tắc khác. Điều ấy có thể đòi hỏi một sự cố gắng về ý chí không cân xứng với mục tiêu muốn đạt, vả lại cũng không thể cố gắng như thế được. Bởi vì, sức mạnh ý chí của con người không bao giờ bắt nguồn từ những điều lý luận logic mơ hồ rắc rối.

Nhưng tất cả sẽ có một hình thái khác nếu ta đi từ trừu tượng đến thực tế. Trong trừu tượng thì cái gì cũng phải nhìn bằng con mắt lạc quan và phải quan niệm rằng mỗi phe không những không chỉ có khuynh hướng đi đến chỗ hoàn hảo mà lại phải đặt cả niềm hoàn hảo ấy nữa. Trong thực tế có được như thế không? Cũng có thể được như thế nếu: 1. Chiến tranh là một hành vi hoàn toàn đơn độc, đột nhiên xuất hiện và không dính líu gì đến sinh hoạt trước đó của quốc gia; 2. Chiến tranh chỉ là một quyết định duy nhất hoặc nhiều quyết định xảy ra một lúc; 3. Chiến tranh dẫn đến một quyết định mà tự thân nó đã hoàn bị rồi, và nếu như người ta không kể đến tình hình chính trị do chiến tranh sinh ra và tác động đến chiến tranh.

7. Chiến tranh không bao giờ là một hành vi đơn độc

Về điểm thứ nhất, cần phải nhớ rằng không một bên đối địch nào lại là một người trừu tượng đối với bên kia. Kể cả lúc nói đến yếu tố kháng cự, không phụ thuộc vào các sự vật bên ngoài, tức là ý chí. Ý chí này không phải là điều gì hoàn toàn không

biết. Tình hình hiện này của nó cho ta biết ngày mai nó sẽ ra thế nào. Chiến tranh không bao giờ bùng nổ một cách hoàn toàn đột nhiên: Không phải một lúc mà nó mở rộng ra được. Vì vậy mỗi bên đối địch có thể phán đoán bên kia theo những điều phía bên kia làm có thật, chứ không phải theo trên lý thuyết những điều đáng lẽ họ phải có hoặc phải làm. Thế nhưng, vì không hoàn hảo nên con người không bao giờ đạt được ranh giới tuyệt đối tốt, và vì nguyên tắc này tác động đến cả hai bên, nên nó trở thành một yếu tố hòa hoãn.

8. Chiến tranh không phải là một cuộc xung đột duy nhất không có thời hạn

Điểm thứ hai làm cho ta có những nhận xét sau: Nếu sự kết thúc chiến tranh phụ thuộc vào một quyết định duy nhất hay nhiều quyết định cùng một lúc, thì công việc chuẩn bị cho một hay nhiều quyết định ấy tự nhiên lại phải tiến hành một cách khẩn trương cao độ nhất. Thời cơ đã mất một lần thì không bao giờ trở lại nữa. Dấu hiệu độc nhất mà thế giới thực tại có thể cho chúng ta biết về biện pháp cần tiến hành là những biện pháp của kẻ địch trong phạm vi chúng ta có thể biết được, còn tất cả những điều còn lại thì nên trả về thế giới trừu tượng.**[14]** Nếu như quyết định gồm nhiều hành vi liên tiếp nhau, mỗi hành vi lại gắn liền với các điều kiện phụ thuộc và có thể cho ta biết một khái niệm của công việc tiếp theo, thì trong trường hợp này cũng vậy, thế giới thực tại thay thế cho thế giới trừu tượng và vì vậy làm giảm bớt khuynh hướng đi đến điểm tột cùng.

Nhưng, mọi cuộc chiến tranh có thể chỉ gồm một quyết định hoặc nhiều quyết định đồng thời, nếu những phương tiện sẵn sàng chiến đấu đã huy động hoặc có thể huy động cùng một lúc. Bởi vì *một kết thúc, không lợi* tất nhiên sẽ giảm bớt các phương tiện ấy đi rất nhiều và nếu như *tất cả các phương tiện* đều đã dùng để đi đến quyết định đầu tiên thì rõ ràng ta không thể nghĩ đến quyết định thứ hai.

Nếu như vậy, mọi hành vi chiến tranh tiếp theo chủ yếu sẽ là bộ phận của hành vi đầu tiên và chỉ là những hành vi kéo dài hành vi đầu tiên này.

Nhưng, chúng ta đã thấy rằng, ngay từ lúc chuẩn bị chiến tranh, thế giới thực tại đã thay thế khái niệm nhưng điểm tột cùng trong giả thuyết. Nếu chỉ có lý do này thôi, mỗi bên đối địch cùng sẽ phải dừng lại trong các hành động qua lại, trước một tuyến cố gắng cao nhất, và những lực lượng của họ sẽ không thể huy động cùng một lúc được.

Nhưng, bản chất của những lực lượng ấy và cách sử dụng chúng không cho phép ta huy động tất cả cùng trong một lúc. Những lực lượng ấy là: *các lực lượng quân sự chính cống, lãnh thổ* (kể cả không gian và dân số) *và đồng minh*.

Lãnh thổ với không gian và dân số không những là nguồn gốc của mọi lực lượng quân sự chính cống mà còn là một bộ phận trong toàn bộ những yếu tố tác động đến chiến tranh, có thể vì nó là chiến trường hoặc vì nó có ảnh hưởng rõ rệt đến chiến trường.

Rất có thể sử dụng được mọi lực lượng chiến đấu cơ động cùng một lúc, nhưng đối với các pháo đài, sông núi, dân số, v.v…, nghĩa là toàn bộ xứ sở, thì không thể huy động cùng một lúc được, trừ trường hợp nó nhỏ bé đến nỗi chỉ hành động chiến

tranh đầu tiên cũng đã bao trùm hết rồi. Rồi đến một yếu tố khác nữa là: Sự cộng tác của đồng minh không phụ thuộc vào các bên đối địch, và bản chất của các quan hệ chính trị thường làm cho sự phối hợp này chỉ thực sự hình thành trong tương lai, hay sẽ được củng cố thêm để lập lại thế thăng bằng đã mất.

Trong nhiều trường hợp, một bộ phận của phương tiện kháng cự không thể huy động được ngay tức khắc: Lúc mới nhìn qua, người ta tưởng rằng vấn đề này không quan trọng mấy; nó có thể lập lại thế thăng bằng giữa các lực lượng, kể cả lúc quyết định đầu tiên được tiến hành với một cường độ cao đến nỗi thế thằng bằng này đã bị lung lay nghiêm trọng. Đó là những điều mà chúng tôi sẽ giải thích kỹ năng sau này. Bây giờ, chúng tôi chỉ cần vạch ra rằng: *tập hợp đầy đủ mọi lực lượng vào một lúc* là trái với bản chất của chiến tranh. Tuy vậy, đó không phải là một lý do giảm bớt mức độ cố gắng nhằm đạt quyết định đầu tiên; một kết quả bất lợi luôn luôn là điều mà ai cũng muốn tránh; bởi vì cuộc tác chiến đầu tiên càng có tác dụng quyết định bao nhiêu thì ảnh hưởng nó đến các cuộc tác chiến theo sau càng lớn bấy nhiêu. Những loài người bao giờ cũng e ngại phải bỏ ra một sự cố gắng quá sức, nỗi e ngại đó khi nào cũng buộc họ phải rút vào khả năng sau này mới quyết định được. Cho nên, đối với quyết định đầu tiên, mức độ tập trung và căng thẳng của các tiềm lực lại thường ở dưới mức có thể có.

Dẫu một bên đối địch vì hèn yếu muốn sự tạm nghỉ này vẫn là một lý do *khách quan*, thực tế, để giảm bớt sự cố gắng của bản thân mình; như vậy nhờ có tác động qua lại, khuynh hướng đi đến điểm tột cùng một lần nữa lại được giảm bớt và đưa đến một mức độ cố gắng nhất định mà thôi.

9. Kết quả của chiến tranh không phải là cái gì tuyệt đối

Sau hết, không nên xem kết quả cuối cùng của cả một cuộc chiến tranh như là một khái niệm tuyệt đối. Nhiều khi, quốc gia thua trận có thể thấy rằng sự thất bại của mình chỉ là một tai họa tạm thời mà những điều kiện chính trị xảy ra tiếp sau có thể cung cấp một liều thuốc chữa chạy. Hiển nhiên là điều nói trên cũng làm cho cường độ căng thẳng và mức độ cố gắng giảm bớt đi rất nhiều.

10. Xác suất của đời sống thực tế thay thế tính chất cực đoan của các khái niệm trừu tượng

Như vậy, mọi hành động chiến tranh không phải phụ thuộc vào những quy luật quá khắc nghiệt đã thúc đẩy các lực lượng đi đến tột cùng. Nếu như người ta không tìm kiếm cái tột cùng cũng như không trốn tránh nó, giới hạn của sự cố gắng bỏ ra là một vấn đề do sự suy xét quyết định, điều ấy chỉ có thể tiến hành được theo cách suy luận, *theo những quy luật của tính xác suất*, còn những dữ kiện thì đã có những hiện tượng của thế giới thực tại cung cấp. Khi hai kẻ đối địch không phải là những khái niệm trừu tượng thuần túy mà là những quốc gia và chính phủ cá biệt, một khi chiến tranh đã không phải là một khái niệm trừu tượng mà là một bành động diễn biến theo những quy luật riêng của nó, thì hiện tượng thực tế sẽ là những dữ kiện để tìm ra các ẩn số muốn tìm.

Mỗi bên sẽ cố gắng đoán trước hành động của bên kia bằng cách rút ra những kết

luận từ tính chất, thể chế; tình hình và điều kiện của bên đối địch và cố gắng thích nghi điều kiện của bản thân mình bằng cách sử dụng quy luật của toán học xác suất (calcul de probabilités).

11. Mục tiêu chính trị lại nổi lên

Đến đây, một đề tài mà chúng tôi đã bỏ qua ở đoạn thứ hai, nghĩa là *mục tiêu chính trị của chiến tranh*lại bắt ta phải chú ý. Cho đến bây giờ, vấn đề này còn bị ngập trong quy luật về điểm tột cùng, bởi ý định giải giáp và đánh bại kẻ thù. Khi mà quy luật trên bớt khắc nghiệt và ý định này không đạt mục đích thì tất nhiên mục tiêu chính trị lại nổi lên. Nếu tất cả những ý kiến của chúng tôi rốt cuộc đưa đến một bài toán xác suất từ những con người và điều kiện nhất định, thì *mục tiêu chính trị, với tư cách là động cơ ban đầu*, trở thành một thừa số hoàn toàn chủ yếu trong tích số của bài toán. Sự hy sinh mà ta bắt đối phương phải chịu càng nhỏ thì chúng ta có thể tin rằng đối phương sẽ chống trả chúng ta ít hơn. Nhưng yêu cầu của ta càng ít thì sự chuẩn bị của ta cũng sẽ kém đi. Ngoài ra, mục tiêu chính trị của chúng ta càng bớt quan trọng, chúng ta lại càng cho nó ít giá trị, và càng dễ từ bỏ nó, và do đó *sự cố gắng của chúng ta sẽ giảm bớt*.

Như vậy mục tiêu chính trị, với tư cách là động cơ ban đầu của chiến tranh, cho chúng ta mức độ của mục đích cần đạt tới bằng hành động quân sự, cũng như mức độ của những cố gắng cần thiết. Bản thân mục tiêu chính trị không thể là một mức độ tự nó và vì nó, nhưng gì chúng ta phải đương đầu với thực tiễn chứ không phải với khái niệm thuần túy cho nên nó sẽ tùy thuộc vào mối quan hệ lẫn nhau giữa hai quốc gia đối địch. Chỉ một và cùng một mục tiêu chính trị có thể nảy sinh trong những quốc gia khác nhau hoặc trong một quốc gia những phản ứng khác nhau, trong từng thời kỳ khác nhau. Bởi vậy, mục tiêu chính trị chỉ có thể là mức độ nếu người ta chú ý đến ảnh hưởng của nó đối với quần chúng có liên quan, nghĩa là phải chú ý đến bản chất của quần chúng.

Khi quần chúng là yếu tố củng cố hành động thì kết quả sẽ hoàn toàn khác hẳn khi quần chúng là yếu tố làm yếu hành động: Đó là điều hết sức dễ hiểu. Giữa hai dân tộc hoặc hai quốc gia có thể có tình hình căng thẳng nào đó và một số yếu tố thù địch nào đó, đến nỗi chỉ một lý do chiến tranh rất nhỏ bé cũng có thể sản sinh ra một kết quả không cân xứng, một sự bùng nổ thực sự.

Điều này cũng có thể đúng đối với các cố gắng mà mục tiêu chính trị làm cho nảy sinh ra trong hai quốc giạ, cũng như đối với mục đích mà hành động quân sự muốn đạt. Khi thì bản thân nó có thể trở thành mục đích ấy, thí dụ khi muốn chiếm đóng một tỉnh; khi thì mục tiêu chính trị về bản chất không thể là mục đích của hành động quân sự; như vậy, cần phải chọn một mục đích tương đương để thay thế lúc ký kết hòa bình. Nhưng ở đây cũng vậy, người ta cần phải giả thiết trước rằng: Đã chú ý đúng mức đến đặc thù của các quốc gia đương sự. Một số trường hợp đòi hỏi mục đích tương đương phải lớn hơn mục tiêu chính trị, nếu mục tiêu chính trị nhờ có biện pháp của mục đích tương đương mới đạt được. Quần chúng càng thờ ơ, tình hình càng bớt căng thẳng (tình hình căng thẳng này vốn có giữa hai quốc gia trong phạm

vi khác và trong quan hệ giữa họ với nhau thì mục tiêu chính trị càng là một yếu tố chi phối với tư cách là mức độ và bản thân nó là một yếu tố quyết định. Trong một số trường hợp, hầu như chỉ bản thân nó mới là yếu tố quyết định.

Nếu mục đích cửa hành vi chiến tranh tương đương với mục tiêu chính trị thì thường thường hành vi ấy giảm dần đi cùng một lượt với mục tiêu chính trị: Mục tiêu chính trị càng chiếm ưu thế thì lại càng phải như thế. Điều này giải thích tại sao, nói như sau vẫn không có mâu thuẫn, lại có nhiều loại chiến tranh, với mọi tầm quan trọng và mọi mức độ khốc liệt, từ cuộc chiến tranh hủy diệt đến cuộc trinh sát vũ trang đơn giản. Những điều này lại dẫn chúng ta đến một loại vấn đề khác, cần phải phân tích và giải đáp thêm.

12. Những vấn đề vừa nói chưa giải thích được vì sao có sự tạm ngừng hành vi chiến tranh

Dầu yêu sách chính trị của hai bên đối địch ít ỏi đến bao nhiêu, dầu biện pháp sử dụng yếu ớt đến bao nhiêu, dầu mục đích hai bên muốn đạt được bằng hành vi chiến tranh tầm thường đến thế nào, hành vi chiến tranh có thể ngừng lại trong một lúc được không. Đó là một câu hỏi đi sâu vào bản chất của đề tài.

Muốn hoàn thành được một hành động thì phải có một khoảng thời gian mà ta gọi là thời hạn. Thời hạn có thể dài hay ngắn tùy theo người hành động khẩn trương nhiều hay ít.

Chúng ta không bận tâm ở đây vì cái nhiều hay ít đó. Mỗi người hành động theo một cách; nhưng nếu một người làm chậm một công việc thì không phải vì anh ta muốn tiêu phí thời gian hơn là vì bản chất anh ta cần nhiều thì giờ hơn; nếu anh ta làm vội hơn thì anh ta làm không tốt bằng. Như vậy thời gian phụ thuộc vào những lý do bên trong và thuộc về thời hạn thực sự của hành dộng.

Nếu chúng ta quy định thời hạn cho một hành động chiến tranh, chúng ta phải thừa nhận (ít ra khi mới nhìn tới nó) rằng: Mọi sự tiêu phí thời gian quá thời hạn ấy, nghĩa là mọi sự tạm ngừng hành vi chiến tranh, đều là vô lý. Về vấn đề này, cần phải luôn luôn nhớ rằng: Đây không phải là sự phát triển của bên này hay bên kia mà là sự phát triển của toàn bộ hành vi chiến tranh.

13. Chỉ có một nguyên nhân có thể làm ngừng hành động và hình như nguyên nhân đó chỉ có thể tồn tại được một bên

Nếu hai bên đều vũ trang để chiến đấu thì có nghĩa là họ bị yếu tố thù địch thúc đẩy. Họ còn ở trong tình trạng vũ trang, nghĩa là họ chưa ký kết hòa bình, yếu tố này vẫn tồn tại; nó sẽ không ngừng tác động đến một trọng hai bên đối địch chỉ vì một nguyên nhân; nguyên nhân đó là: *ý muốn đợi thời cơ thuận lợi hơn cho hành động*. Vậy mà, hình như mới nhìn qua, nguyên nhân chỉ có thể tồn tại ở một bên vì đương nhiên nó tác động ngược chiều đối với phía bên kia. Nếu bên này hành động là có lợi hơn thì đối với bên kia, chờ đợi lại có lợi hơn.

Một sự thăng bằng hoàn toàn về lực lượng không thể dẫn đến việc ngừng hoạt động bởi vì người đeo đuổi mục đích tích cực (người tiến công) sẽ lợi dụng nó để giữ thế chủ động.

Nhưng nếu người ta nghiên cứu đến một sự thăng bằng mà ở đó một bên theo đuổi mục đích tích cực, và vì vậy tuân theo một động cơ mạnh hơn, lại cũng có tiềm lực yếu hơn (nếu đem nhân động cơ với lực lượng thì sẽ có phương trình), người ta luôn luôn có thể nói rằng: Nếu như không nhìn trước thấy một sự biến đổi nào về thế cân bằng đó thì trong tương lai cả hai phe sẽ bắt buộc phải ký kết hòa bình. Nếu nhìn trước thấy một sự biến đổi thì nó sẽ chỉ có lợi cho một bên mà thôi, điều đó sẽ thúc đẩy bên kia hành động. Như thế chúng ta thấy rằng sự thăng bằng lực lượng không giải thích được việc hoãn chiến, nó bao giờ cũng chỉ tương đương với sự chờ đợi một thời cơ thuận lợi hơn. Chúng ta hãy cho rằng: Một trong hai Nhà nước có mục đích tích cực: Nó muốn chiếm lấy một tỉnh của kẻ địch để đưa ra mặc cả lúc hòa bình. Sau khi cuộc xâm chiếm đó hoàn thành, ý đồ chính trị đã đạt, sự cần thiết phải hành động không còn nữa và Nhà nước ấy có thể nghỉ ngơi. Nếu đối phương chịu thừa nhận sự thắng lợi ấy thì phải ký kết hòa bình, nếu không thừa nhận thì lại phải hành động. Có thể trong khoảng một tháng nó đã được tổ chức tốt hơn; như vậy là có một lý do đầy đủ để hoãn hành động.

Bắt đầu từ lúc đó; hình như sự chủ động tất yếu phải thuộc về đối phương, để cho bên thất bại không có thì giờ chuẩn bị hành động. Trong tất cả các việc trên, dĩ nhiên phải xem như mỗi bên đều phải hoàn toàn nắm được đầy đủ các sự kiện.

14. Như vậy, hành động quân sự khi nào cũng có tính liên tục và vì vậy làm cho mọi việc luôn luôn gay gắt thêm

Nếu như sự liên tục trong hành vi quân sự là có thật thì nó lại dẫn mọi việc đến tột cùng. Đó là chưa nói đến việc các hoạt động liên tục có thể làm cho sự cuồng nhiệt gay gắt thêm và tăng cường các lực lượng sơ khai, làm cho các biến cố có thể nối tiếp nhau chặt chẽ hơn, các quan hệ nhân quả có thể ít bị gián đoạn hơn. Như vậy mỗi hành động có thể trở nên quan trọng hơn, và vì vậy, thành nguy hiểm hơn.

Nhưng, người ta biết rằng hành động quân sự ít khi (để không nói rằng không hề khi nào) liên tục như vậy và có rất nhiều cuộc chiến tranh trong đó hành động chỉ chiếm một phần rất ít thời gian, phần còn lại là bất động. Đó không phải khi nào cũng là một điều bất thường. Việc ngừng hành động quân sự là có thể có, điều này có nghĩa rằng đấy không phải là một mâu thuẫn tự nó. Chúng tôi sẽ chứng minh rằng sự việc đã xảy ra như vậy, và vì sao đã xảy ra như vậy.

15. Ở đây, có sự tác động của nguyên tắc phân cực

Chúng ta đã thừa nhận rằng: Nếu quyền lợi của hai vị tổng chỉ huy đối địch luôn luôn đối lập với nhau, rõ ràng có một sự phân cực thực sự. Chúng tôi sẽ dành một chương sau cho nguyên tắc vừa nói trên; nhưng ở đây cũng phải có một nhận xét về vấn đề này.

Nguyên tắc phân cực chỉ có giá trị nếu sự phân cực đó dính líu đến một đối tượng và chỉ một mà thôi, ở đó nguyên tắc tích cực và nguyên tắc đối lại, tức là nguyên tắc tiêu cực sẽ hoàn toàn tự khử nhau. Trong một trận đánh, phe nào cũng đều muốn thắng. Đó là một sự phân cực thực sự, vì sự thắng trận của bên này loại trừ sự thắng trận của bên kia. Song, nếu nói đến hai sự việc khác nhau nhưng có liên hệ với nhau

(những mối liên hệ này ở ngoài sự việc) thì sự phân cực trên áp dụng không phải cho sự việc, mà áp dụng cho mối liên hệ giữa các sự việc ấy.

16. Tiến công và phòng ngự là hai sự việc có bản chất khác nhau và có lực lượng không bằng nhau; sự phân cực không áp dụng đối với chúng

Nếu chỉ có một hình thức chiến tranh, nghĩa là chỉ có tiến công kẻ địch và vì vậy không có phòng ngự, hay nói một cách khác: Nếu tiến công chỉ khác phòng ngự ở lý do tích cực (lý do này chỉ tiến công có mà phòng ngự không có) nhưng phương pháp đấu tranh lại chỉ có một một mà thôi, thì mỗi thắng lợi của bên này cũng dẫn đến một bất lợi tương tự cho bên kia trong quá trình đấu tranh. Như thế, sẽ có phân cực thực sự.

Nhưng hoạt động chiến tranh có hai hình thức khác nhau: Tiến công và phòng ngự. Chúng tôi sẽ chứng minh trên thực tế rằng: Hai hình thức trên rất khác nhau và có sức mạnh không bằng nhau. Vì vậy sự phân cực là ở trong mối quan hệ của chúng đối với thời điểm quyết định, nghĩa là đối với trận đánh, chứ không phải trong bản thân tiến công hay phòng ngự.

Nếu một người chỉ huy muốn làm cho quyết định chậm lại thì người kia sẽ muốn làm cho nó nhanh lên, với điều kiện là cùng có một hình thức chiến đấu mà thôi. Nếu muốn, có lợi cho mình, A không tiến công, kẻ địch ngay lập tức mà hoãn lại trong 4 tuần, thì B sẽ có lợi hơn nếu bị tiến công ngay lập tức chứ không phải 4 tuần nữa. Ở đây có sự đối lập nhau trực tiếp nhưng không thể nói rằng: B sẽ có lợi nếu tiến công A ngay lập tức. Dĩ nhiên, đó là một cái gì khác hẳn.

17. Kết quả của sự phân cực thường bị khử vì ưu thế của phòng ngự đối với tiến công, điều này giải thích sự ngắt quãng trong hành vi chiến tranh

Nếu hình thức phòng ngự mạnh hơn hình thức tiến công (chúng tôi sẽ chứng minh điều này sau), người ta có thể tự hỏi: Điều lợi của việc hoãn quyết định có lớn hơn đối với một phe (phe phòng ngự) không? Nếu không lớn hơn thì nó không bù vào sự có lợi đó bằng cái đối lại và do đó ảnh hưởng tới sự tiến triển của hành động quân sự. Người ta thấy rằng lực lượng thúc đẩy có sẵn trong việc phân cực các quyền lợi có thể mất đi trong sự khác biệt giữa lực lượng tiến công với lực lượng phòng ngự, và như vậy trở thành không có hiệu quả.

Do đó, phe nào hiện nay đang có thuận lợi nhưng lại quá yếu nên vẫn cần phòng ngự vì phòng ngự có lợi, phe ấy phải nghĩ đến một tương lai không thuận lợi bằng. Bởi vì nếu tiến hành một chiến dịch phòng ngự trong một tương lai không lợi thì vẫn tốt hơn là tiến hành ngay chiến dịch tấn công, hoặc ký kết hòa bình. Chúng tôi tin chắc rằng ưu thế của phòng ngự (hiểu đúng cách) là rất lớn, lớn hơn nhiều so với lúc mới nhìn qua, cho nên có thể giải thích được tại sao lại có những thời kỳ bất động trong chiến tranh mà vẫn không có mâu thuẫn nội tại. Lý do hành động càng yếu thì lại càng hay bị ngập, bị khử bởi sự khác biệt giữa tiến công với phòng ngự và vì thế lại càng hay có sự ngừng hành động quân sự. Kinh nghiệm thực tế cũng đã từng chỉ ra như vậy.

18. Nguyên nhân thứ hai là hiểu biết tình hình không đầy đủ

Nhưng có một nguyên nhân khác có thể làm ngừng hoạt động chiến tranh: Đó là sự hiểu biết không đầy đủ về tình hình. Vị tướng nào cũng chỉ biết chính xác có một loại tình hình: Tình hình của phía mình. Ông ta chỉ biết tình hình đối phương qua những bản báo cáo không chắc chắn. Ông ta có thể nhận định sai nên tưởng rằng chủ động thuộc về đối phương trong lúc trên thực tế, chủ động lại thuộc về mình. Nói cho đúng, sự thiếu sót về hiểu biết tình hình có thể dẫn đến những hành động lỗi thời cũng như những sự bất động lỗi thời, và cũng không giúp gì thêm cho việc hoãn lại hoặc làm nhanh hơn tốc độ của các hành động quân sự. Tuy vậy, người ta vẫn nên luôn luôn hiểu rằng nó là một trong những nguyên nhân tự nhiên có thể làm ngừng hành vi chiến tranh mà không có một tí mâu thuẫn bên trong nào. Nhưng nếu nghĩ: Người ta phần nhiều thường nghiêng về phía đánh giá quá cao hơn là đánh giá quá thấp kẻ địch (bản chất con người là như thế) thì phải thừa nhận rằng: Sự hiểu biết tình hình không đầy đủ phần nhiều gây thêm khả năng làm ngừng hành động quân sự và làm cho nguyên tắc của nó dịu bớt đi.

Khả năng của một sự ngừng bắn đưa vào trong chiến tranh một yếu tố hòa hoãn mới. Có thể nói, nó làm cho hành vi chiến tranh loãng đi trong yếu tố thời gian, nó hãm nguy cơ tiến triển của hành vi chiến tranh và làm tăng thêm biện pháp phục hồi lại thăng bằng lực lượng. Tình hình căng thẳng (nguồn gốc của chiến tranh) càng cao thì nghị lực chỉ đạo chiến tranh vì vậy càng lớn và các thời kỳ ngừng hoạt động ấy càng ngắn, yếu tố hiếu chiến càng yếu, các thời kỳ này càng dài. Vì những động cơ mạnh hơn kích thích nghị lực và chúng ta biết rằng nghị lực luôn luôn là một thừa số, một tích số các lực lượng.

19. Sự ngừng chiến làm cho chiến tranh xa tính chất tuyệt đối và gần tính xác suất

Những hành động quân sự diễn biến càng chậm chạp, những thời kỳ hoạt động càng nhiều và càng dài, một khuyết điểm được sửa chữa càng nhanh thì những giả thuyết của chỉ huy càng chắc chắn và vì vậy, người chỉ huy lại càng xa tuyến nối các điểm tột cùng, lại càng phải lấy xác suất và dự đoán làm cơ sở hoạt động của mình. Hành động quân sự nhanh hay chậm đem tới cho bản chất các sự kiện cụ thể một thời hạn dài hay ngắn, nghĩa là đem tới cho nó một *bài toán xác suất* theo hàm số các trường hợp nhất định (có thể hiểu: Một bài toán xác suất phụ thuộc vào tình hình biến chuyển – *ND*).

20. Chỉ còn thiếu yếu tố ngẫu nhiên nữa là làm cho chiến tranh thành một trò đánh bạc, và chính ngẫu nhiên thường hay xảy ra nhất trong chiến tranh

Tất cả điều ấy chỉ ra rằng bản chất khách quan của chiến tranh làm cho nó gần tính xác suất biết bao nhiêu. Nó chỉ còn thiếu một yếu tố để trở thành một *trò đánh bạc* và chắc chắn yếu tố đó không thiếu, đó là*ngẫu nhiên*. Không có hoạt động nào của con người lại phụ thuộc hoàn toàn và tổng quát vào ngẫu nhiên như chiến tranh. Yếu tố bất thường và may rủi cùng với ngẫu nhiên đóng một vai trò rất lớn trong chiến tranh.

21. Chiến tranh trở thành một trò đánh bạc do bản chất khách quan cũng như chủ quan của nó

Nếu nhìn qua *bản chất chủ quan* của chiến tranh, nghĩa là nhìn qua những lực lượng cần thiết để tiến hành chiến tranh, chúng ta lại càng thấy nó là một trò đánh bạc. Sự nguy hiểm là môi trường trong đó vận động các hoạt động chiến tranh. Trong nguy hiểm, lực lượng tinh thần cao nhất là gì? Đó là *lòng dũng cảm*. Vậy mà lòng dũng cảm rất có thể phối hợp với sự tính toán chính xác, mặc dầu đó là hai việc khác nhau, phụ thuộc vào hai khía cạnh khác nhau của tinh thần. Một mặt khác, chí kiên cường, lòng tin tưởng ở thắng lợi, sự táo bạo, dũng khí chỉ là biểu hiện của lòng dũng cảm và tất cả những khuynh hướng ấy của tinh thần đều tìm kiếm sự bất thường, và đó là môi trường của nó.

Như vậy, chúng ta thấy rằng từ lúc bắt đầu, yếu tố tuyệt đối – có thể nói là yếu tố tuyệt đối có tính chất toán học – của chiến tranh không có cơ sở chắc chắn để làm các bài tính liên quan đến nghệ thuật chiến tranh; trong chiến tranh, tự nhiên có một sự kết hợp giữa khả năng và xác suất, giữa may và rủi, các yếu tố này thâm nhập vào mọi chi tiết của chỉ đạo chiến tranh trở thành quy tắc chỉ đạo các hành động quân sự; đem so với các hình thức hoạt động khác, tai hại hơn của con người thì nó giống như trò đánh bạc.

22. Đó là yếu tố phù hợp nhất với trí tuệ con người nói chung

Tuy rằng sự hiểu biết của chúng ta khi nào cũng có khuynh hướng ngả về sự trong sáng và chắc chắn, trí tuệ của chúng ta lại thường bị sự không chắc chắn lôi kéo. Sự hiểu biết đáng lẽ vạch ra một còn đường giữa muôn ngàn lắt léo của tìm tòi triết học và suy luận logic để đạt tới – mà hầu như không tự biết – những khoảng không xa lạ, ở đó mọi vật có thể biết đều biến mất, thì lại thích dừng lại bằng trí tưởng tượng trong thế giới của ngẫu nhiên và may rủi. Đáng lẽ uốn mình theo sự tất yếu tầm thường, nó lại vùng vẫy trong thế giới của khả năng; được nâng đỡ, lòng dũng cảm mọc thêm cánh, đến nỗi sự táo bạo và sự nguy hiểm trở thành môi trường, trong đó sự hiểu biết ném mình vào như nhà bơi lội kiên cường nhảy vào giữa dòng nước.

Lý thuyết có nên bỏ rơi lòng dũng cảm ở đó, và tự lấy làm thỏa mãn, tiếp tục tiến lên trên con đường dẫn đến những kết luận và quy tắc tuyệt đối không? Trong trường hợp này, lý thuyết sẽ không có ích lợi thực tiễn gì cả. Lý thuyết cần phải kể đến yếu tố con người, và để đành một chỗ cho lòng dũng cảm, chí kiên cường, và cả cho sự táo bạo nữa. Nghệ thuật chiến tranh được ứng dụng cho những lực lượng tinh thần sinh động; bởi vậy nó không bao giờ đạt tới sự tuyệt đối và chắc chắn; thế nào cũng có một chỗ cho sự bất thường (accidentel) trong những việc rất lớn cũng như trong những việc rất nhỏ. Nếu như phía bên này có yếu tố bất thường thì lòng dũng cảm và sự vững chắc phải ở phía bên kia để lấp khoảng trống ấy. Lòng dũng cảm và sự vững chắc càng lớn thì càng có một khoảng rộng hơn cho yếu tố bất thường. Vì vậy, lòng dũng cảm và sự vững chắc là những nguyên tắc rất chủ yếu của chiến tranh.

Bởi vậy, lý thuyết chỉ xác định những quy luật có thể thêm lông cánh cho tất cả các mức độ và các loại khác nhau của những đức tính quân sự ấy, những đức tính cần thiết nhất và cao quý nhất. Bản thân sự táo bạo cũng không loại bỏ sự khôn ngoan, khéo léo; song những tiêu chuẩn giá trị của các loại đức tính này không giống nhau.

23. Tuy nhiên, chiến tranh vẫn luôn luôn là một biện pháp nghiêm túc để đạt một mục đích nghiêm túc Định nghĩa bổ sung

Chiến tranh nào thì có chỉ huy và lý thuyết nấy. Nhưng chiến tranh không phải là một trò giải trí, cũng không phải thuần túy và đơn giản là sự mê say danh vọng và nguy hiểm, nó cũng không phải là sự nghiệp của niềm phấn khởi phóng túng; đó là một biện pháp nghiêm túc để đạt một mục đích nghiêm túc. Mọi vẻ hào nhoáng của sự phú quý mà nó phô trương ra, tất cả những sự rung động do tình cảm hăng say, anh dũng, óc tưởng tượng và niềm phấn hứng đưa đến, chỉ là đặc tính của biện pháp ấy.

Chiến tranh của một cộng đồng (của toàn thể quốc gia và nhất là quốc gia văn minh) bao giờ cũng xảy ra từ một tình hình chính trị và chỉ là kết quả của một lý do chính trị. Đó là nguyên nhân tại sao lại nói chiến tranh là một hành vi chính trị. Nhưng, nếu nó quả thật là một hành vi hoàn bị không có gì ngăn cản, một sự bộc lộ bạo lực tuyệt đối, như người ta rút ra từ khái niệm thuần túy, thì chiến tranh có thể đã thay thế chính trị ngay từ lúc nó do chính trị gây ra, nó có thể đã gạt bỏ chính trị và tự theo quy luật riêng của mình như một sự vật hoàn toàn độc lập, như một quả mìn lúc đã ném ra, không thể điều chỉnh về một hướng khác với hướng đã quy định trước lúc ném. Từ trước đến nay, vấn đề này đã được xem xét như vậy, vì giữa chính trị và chỉ đạo chiến tranh đã không có sự hài hòa, sau khi đã có những khác biệt lý thuyết thuộc về loại này. Nhưng thực tế lại không phải như vậy, và quan niệm trên là hoàn toàn sai lầm. Chúng ta đã thấy rằng trong thế giới thực tại, chiến tranh không phải là một điểm tột cùng như vậy, và sự căng thẳng của chiến tranh không phải chỉ dịu bớt một lần. Chiến tranh biểu hiện qua các lực lượng, các lực lượng này phát triển trong mỗi trường hợp theo một cách và một tỷ lệ khác nhau, nhưng đến một lúc nào đó, sẽ lên cao tới mức đủ để đánh bại sự kháng cự của quán tính và bất hòa, còn trong những lúc khác thì các lực lượng ấy lại bất lực không đem lại hiệu quả gì cả. Như vậy chiến tranh là một thứ nhịp đập đều đặn của bạo lực, có thể bớt sức căng hoặc hao mòn lực lượng mau hay chậm – nói một cách khác, nhịp đập nói trên có thể đạt mục đích mau hay chậm – nhưng khi nào cũng tồn tại khá lâu để gây ra một ảnh hưởng đối với mục đích đó trong quá trình tiến triển của nó, để hướng nó về phía này hay phía khác: Nói tóm lại, nó tồn tại khá lâu để có thể phục tùng ý định của một trí tuệ chỉ đạo. Như vậy, nếu người ta nghĩ rằng chiến tranh là kết quả của một ý đồ chính trị, thì dĩ nhiên lý do đầu tiên ấy – nguồn gốc của chiến tranh – vẫn là điều chú ý đầu tiên và điều cao nhất để chỉ đạo chiến tranh. Nhưng, mục tiêu chính trị không phải vì thế mà trở thành một nhà lập pháp độc đoán, nó phải thích nghi với những biện pháp mà nó có, do đó, nhiều khi nó phải tự thay đổi hoàn toàn; tuy nhiên nó vẫn luôn luôn chiếm hàng đầu trong sự chú ý của chúng ta. Như vậy, chính trị đi sâu vào toàn bộ hành vi chiến tranh, có ảnh hưởng liên tục đến hành vi này, trong mức độ mà bản chất các lực lượng bùng nổ cho phép.

24. Chiến tranh chỉ là sự kế tục đơn thuần của chính trị bằng những biện pháp khác[15]

Chúng ta đã thấy rằng chiến tranh không phải chỉ là một hành vi chính trị, mà là một công cụ chính trị thực sự, một sự kế tục của những quan hệ chính trị, một sự thực hiện các quan hệ chính trị bằng những biện pháp khác. Nếu chiến tranh còn cái gì mang tính chất riêng biệt của nó thì đấy chẳng qua chỉ là thuần túy xuất phát từ tính chất riêng biệt của các biện pháp mà chiến tranh sử dụng. Nghệ thuật chiến tranh nói chung và nghệ thuật chỉ huy trong các trường hợp nói riêng có thể đòi hỏi các xu hướng và ý đồ chính trị phải hòa hợp với các biện pháp quân sự. Rõ ràng không thể coi thường những đòi hỏi này. Tuy các đòi hỏi trên có trường hợp nào đó ảnh hưởng mạnh mẽ đến ý đồ chính trị nhưng phải luôn luôn xem đó chỉ là những sự sửa đổi ít nhiều ý đồ chính trị; bởi vì ý đồ chính trị là mục đích, còn chiến tranh chỉ là biện pháp, và người ta không thể quan niệm biện pháp độc lập với mục đích.

25. Tính nhiều hình nhiều vẻ của chiến tranh

Lý do chiến tranh ngày càng vĩ đại và mạnh mẽ thì nó càng ảnh hưởng đến sự tồn tại của quốc gia, tình hình trước khi có chiến tranh càng căng thẳng thì chiến tranh càng gần hình thức trừu tượng của nó; nếu nó càng tìm cách tiêu diệt kẻ địch, mục đích quân sự và ý đồ chính trị càng trùng khít với nhau, thì chiến tranh càng có vẻ đơn thuần quân sự và càng ít về chính trị. Nhưng nếu lý do và sự căng thẳng càng yếu, khuynh hướng tự nhiên của chiến tranh – khuynh hướng bạo lực – càng trùng khít với đòi hỏi của chính trị thì chiến tranh càng xa rời khuynh hướng tự nhiên của nó; sự khác biệt giữa ý đồ chính trị và mục đích của một cuộc chiến tranh lý tưởng (thuần túy lý thuyết – *ND*) càng sâu sắc, thì chiến tranh lại càng có vẻ chính trị.

Nhưng để người đọc khỏi có những ý niệm sai lầm, chúng tôi cần phải nói ngay ở đây rằng lúc nói đến khuynh hướng tự nhiên của chiến tranh, chúng tôi chỉ nghĩ đến khuynh hướng triết học, hay đúng hơn đến logic thuần túy của chiến tranh, chứ không hề nghĩ chút nào đến khuynh hướng của các lực lượng thực sự tham gia vào chiến đấu đến mức bao gồm, thí dụ như thế, cả sự hăng say và xúc động của các chiến binh. Nói cho đúng, trong nhiều trường hợp người ta có thể kích thích sự xúc động đến mức độ có thể thoát ra khỏi đường lối chính trị; nhưng trong nhiều trường hợp, mâu thuẫn đó không xảy ra, bởi sự tồn tại của những xúc động mạnh như thế chứng tỏ rằng có một kế hoạch vĩ đại hòa với những xúc động ấy. Nếu kế hoạch trên chỉ nhằm vào một mục tiêu tầm thường thì sức cảm xúc của quần chúng cũng yếu, đến nỗi phải kích động nó lên hơn là hãm nó lại.

26. Cuộc chiến tranh nào cũng phải được coi như một hành vi chính trị

Chúng ta hãy trở lại chủ đề chính: Trong một loại chiến tranh nhất định, chính trị hình như biến mất hẳn, còn trong một loại chiến tranh khác thì chính trị lại nổi lên hàng đầu. Nếu nói như thế cũng đúng thì chúng tôi vẫn có quyền giữ ý kiến cho rằng: Cả hai loại chiến tranh đều chính trị như nhau cả. Vì, nếu người ta coi chính trị như là trí tuệ của quốc gia được nhân cách hóa, thì phải xếp tính chất của mọi điều kiện xác định một cuộc chiến tranh thuộc loại thứ nhất vào trong tất cả những điểm sáng mà các bài toán của nó cần xét đến. Chỉ trong trường hợp không hiểu chính trị là sự thấu triệt chung về tình hình và hiểu nó theo nghĩa ước lệ là: Mánh lới, xảo quyệt, thận

trọng, gian trá, bất nghĩa, đối lập với bạo lực thì loại chiến tranh thứ hai mới phụ thuộc vào chính trị nhiều hơn loại thứ nhất.

27. Kết quả của ý kiến trên đối với sự hiểu biết về lịch sử chiến tranh và đối với các cơ sở của lý thuyết

Như vậy chúng ta thấy rằng: Thứ nhất, trong mọi trường hợp, cần phải coi chiến tranh như một công cụ chính trị chứ không phải như một sự việc độc lập; chỉ có đứng trên quan điểm đó thì người ta mới tránh được mâu thuẫn với lịch sử chiến tranh. Chỉ có đứng trên quan điểm đó thì ta mới nhận thức được một cách thông minh cuốn lịch sử vĩ đại. Thứ hai, cũng quan điểm đó chỉ cho ta thấy: Các cuộc chiến tranh khác nhau biết bao nhiêu theo bản chất của động cơ và hoàn cảnh gây ra chúng.

Lúc bắt đầu chiến tranh, một trong những công việc đầu tiên quan trọng nhất, quyết định nhất mà chính nhà chính trị hoặc người tổng chỉ huy cần phải làm là xác định thật đúng loại chiến tranh nào ông ta đang tiến hành để khỏi liệt nó và loại khác với bản chất của nó, và đừng làm cho chiến tranh trở thành điều mà bản chất của các điều kiện không cho phép nó trở thành như vậy. Đó là vấn đề chiến lược đầu tiên và rộng lớn nhất trong các vấn đề chiến lược; sau này chúng ta sẽ xem xét vấn đề ấy trong chương nói về kế hoạch chiến tranh.

Bây giờ, chúng ta hãy hạn chế ở chỗ xác định quan điểm cơ bản về chiến tranh và lý thuyết chiến tranh.

28. Kết quả với lý thuyết

Như vậy, chiến tranh không phải chỉ là một con tắc kè hoa**[16]** thực sự thay đổi đôi chút tính chất của nó tùy theo mỗi trường hợp cụ thể, nhưng vì nó là hiện tượng tổng quát và đối với những khuynh hướng chiếm ưu thế trong bản chất của nó, chiến tranh còn là một vì Ba ngôi**[17]** kỳ lạ, trong đó: Đầu tiên có bạo lực nguyên thủy, sự căm thù và sự đối địch. Cần phải xem những yếu tố này như những lực thúc đẩy tự nhiên và mù quáng. Rồi đến sự kết hợp giữa xác suất và ngẫu nhiên làm cho chiến tranh trở thành một hoạt động tự do của tinh thần. Và đến bản chất phụ thuộc của chiến tranh, bản chất của một công cụ chính trị: Chính từ đó, chiến tranh thuộc về lý tính thuần túy.

Phương diện đầu tiên của ba phương diện trên gắn liền một cách đặc biệt với nhân dân, phương diện thứ hai gắn liền với người chỉ huy và quân đội, còn phương diện thứ ba thì phần nhiều gắn liền với chính phủ. Những sự cuồng nhiệt cần bùng cháy trong chiến tranh phải có trước trong nhân dân; quy mô của sự phối hợp giữa dũng cảm và tài năng**[18]** trong phạm vi ngẫu nhiên và sự thắng bại thất thường phụ thuộc vào tính chất của người chỉ huy và quân đội; còn mục tiêu chính trị thì chỉ có chính phủ là quyết định được.

Ba khuynh hướng trên xuất hiện như ba loại quy luật khác nhau bám sâu vào bản chất của sự vật, mặc dầu có thay đổi quy mô. Lý thuyết nào muốn gạt một khuynh hướng nào đó sang một bên, hay xác lập giữa ba khuynh hướng một quan hệ độc đoán thì sẽ mâu thuẫn lập tức với thực tế đến nỗi – chỉ vì lẽ ấy mà thôi – phải xem loại lý thuyết ấy là không có giá trị gì.

Vậy thì nhiệm vụ của lý luận là giữ được thế cân bằng giữa ba khuynh hướng trên, như thể giữa ba trung tâm hấp dẫn. Vấn đề khó khăn này sẽ được giải quyết một cách hoàn hảo nhất bằng biện pháp nào? Đó là điều mà chúng tôi sẽ nghiên cứu trong tập nói về lý thuyết chiến tranh. Dầu sao mặc lòng, định nghĩa này về quan niệm chiến tranh cũng là tia sáng đầu tiên có thể chiếu rọi vào các cơ sở của lý thuyết, lần đầu tiên từ đó rút ra được những yếu tố chính và cho phép chúng ta phân biệt các yếu tố ấy với nhau.

Chương 2. MỤC ĐÍCH VÀ BIỆN PHÁP TRONG CHIẾN TRANH

Chương trước đã cho ta biết về bản chất phức tạp và hay thay đổi của chiến tranh. Ta hãy nghiên cứu xem tính phức tạp ấy ảnh hưởng đến mục đích và biện pháp trong chiến tranh như thế nào.

Nếu thoạt tiên chúng ta tự tìm hiểu mục đích của toàn bộ cuộc chiến tranh, để xác lập những biện pháp tốt nhất nhằm đạt mục đích chính trị của cuộc chiến tranh, chúng ta sẽ thấy rằng mục đích ấy cũng thay đổi như mục tiêu chính trị và những tình huống riêng biệt của chiến tranh.

Nếu lúc đầu chúng ta chỉ chú ý đến khái niệm thuần túy về chiến tranh thì bây giờ bắt buộc chúng ta phải nói rằng mục tiêu chính trị của chiến tranh không thuộc phạm vi của chiến tranh; bởi vì nếu chiến tranh là một hành vi bạo lực để buộc kẻ thù phải thực hiện ý chí của mình, thì bao giờ cũng chỉ còn lại có một điều duy nhất là: Phải đánh bại kẻ địch, nghĩa là phải giải giáp chúng. Trước hết, chúng ta hãy nghiên cứu mục tiêu ấy dưới ánh sáng của thực tế: Có rất nhiều trường hợp giống mục tiêu này tuy nó rút ra từ khái niệm thuần túy.

Sau này, khi nghiên cứu về kế hoạch chiến tranh, chúng ta sẽ chú ý kỹ hơn vấn đề: Giải giáp một quốc gia là thế nào; nhưng trước mắt ít nhất cũng phải phân biệt được ba điều, chúng được cấu tạo như một thể thống nhất, bao trùm tất cả các vấn đề khác. Ba điều ấy là: *các lực lượng quân sự, lãnh thổ và ý chí của kẻ địch*.

Phải tiêu diệt *các lực lượng quân sự* của kẻ địch.

Như thế có nghĩa là phải đặt những lực lượng này vào trong tình thế không thể tiếp tục chiến đấu được. Nhân dịp này, cần phải nói rõ rằng: Từ ngữ "tiêu diệt các lực lượng quân sự của kẻ địch" chỉ có thể hiểu theo nghĩa ấy, Cần phải chiếm *lãnh thổ*, vì kẻ địch có thể dựa vào đấy để thành lập lại một lực lượng quân sự mới.

Làm được cả hai điều trên cũng chưa có nghĩa là hết chiến tranh, nghĩa là hết tình hình căng thẳng thù địch và các cuộc tác chiến, nếu *ý chí* của kẻ thù chưa bị đồng thời đánh bại, nghĩa là chính phủ đối phương và đồng minh của họ chưa chịu ký hòa ước, hoặc nhân dân của họ chưa chịu khuất phục. Bởi vì, ngay cả sau khi đã chiếm được toàn bộ đất nước đối phương, xung đột lại vẫn có thể xảy ra trong nội địa, hoặc do đồng minh của họ gây nên. Dĩ nhiên, điều đó cũng có thể xảy ra khi đã ký hòa ước, nhưng nó chỉ chứng minh rằng: Có những cuộc chiến tranh không có quyết định dứt khoát và điều ước hoàn hảo. Kể cả trong trường hợp này, bản thân hòa ước cũng vẫn dập tắt được nhiều lò lửa còn có thể tiếp tục âm ỉ cháy và làm dịu được tình hình căng thẳng, vì những người nghiêng về hòa bình – hạng này bao giờ cũng nhiều trong mọi nước và trong mọi trường hợp – sẽ hoàn toàn từ bỏ ý chí kháng cự.

Dầu sao, bao giờ cũng phải coi hòa bình là mục tiêu cuối cùng để chấm dứt mọi hành động chiến tranh.

Trong ba yếu tố mà chúng tôi vừa kể trên thì lực lượng quân sự là yếu tố dùng để

bảo vệ xứ sở. Bởi vậy theo thứ tự tự nhiên thì lực lượng quân sự của của địch phải bị tiêu diệt đầu tiên; rồi tới lãnh thổ phải bị chiếm đóng; sau hai thắng lợi đó và tùy theo lực lượng chúng ta còn có trong tay, kẻ địch bắt buộc phải ký hòa ước. Việc tiêu diệt các lực lượng quân sự của kẻ địch được tiến hành từng bước, tiến đến việc chiếm đóng lãnh thổ theo nhịp độ tương xứng. Nói chung, hai việc có tác động lẫn nhau, việc mất các tỉnh dẫn đến sự suy yếu của các lực lượng quân sự. Nhưng trình tự trước sau đó tuyệt nhiên không phải là tất yếu và không phải khi nào cũng xảy ra như thế. Trước khi bị suy yếu một cách đáng kể, các lực lượng của địch có thể rút lui về phía tột cùng của xứ sở, hoặc ngay cả ra nước ngoài.

Trong trường hợp này, phần lớn hoặc có khi toàn bộ lãnh thổ của địch sẽ bị chiếm đóng.

Nhưng mục tiêu của chiến tranh trừu tượng, biện pháp cao nhất để đạt mục tiêu chính trị bao trùm tất cả các mục tiêu khác, nghĩa là *loại trừ khả năng chống trả của kẻ địch*, không phải khi nào cũng xảy ra trong thực tiễn và đó không phải khi nào cũng là điều kiện tất yếu của Hòa Bình. Vì vậy không thể dựng nó lên thành quy luật trong lý thuyết, bằng bất cứ cách nào. Có vô số ví dụ về hòa ước ký kết trước lúc một trong hai bên đối địch bị giải giáp, trước cả lúc tương quan lực lượng bị thay đổi một cách rõ ràng. Hơn nữa, khi nghiên cứu những sự kiện có thật, người ta sẽ thấy hàng loạt sự kiện trong đó sự thất bại của kẻ địch chỉ là trò chơi vô bổ của trí tưởng tượng, nhất là trong trường hợp kẻ địch có một lực lượng hơn hẳn không chối cãi được.

Mục tiêu của chiến tranh rút từ trong khái niệm không phải khi nào cũng phù hợp với chiến tranh thực tế, vì hai thứ chiến tranh đó khác nhau, chúng tôi đã nói đến vấn đề này trong chương trước. Theo khái niệm thuần túy, nếu hai quốc gia có những lực lượng chênh lệch khá rõ thì chiến tranh sẽ là một điều vô lý, vì vậy nó sẽ là một việc không thể có được. Sự chênh lệch của các lực lượng vật chất không thể vượt qua mức mà các lực lượng tinh thần có thể bù đắp lại được; trong các điều kiện xã hội Châu Âu hiện nay (thời Clausewitz – *ND*), chuyện đó không đi đến đâu cả. Nếu xảy ra chiến tranh giữa những quốc gia có lực lượng chênh lệch nhau, thì có nghĩa là trong thực tế, chiến tranh thường rất xa với khái niệm ban đầu của nó.

Trong thực tế, có hai sự kiện có thể thay thế cho sự không thể chống cự, và tạo nên những lý do của Hòa Bình. Sự kiện trước tiên là không có khả năng thắng lợi và sự kiện tiếp theo là thắng lợi phải trả bằng giá quá cao.

Như chúng tôi đã nêu trong chương trước, đứng về toàn thể mà nói, chiến tranh phải vượt qua khỏi các quy luật tất yếu chặt chẽ bên trong để đi đến một bài tính xác suất. Nếu vì những điều kiện gây ra chiến tranh, người ta càng có thể áp dụng tính xác suất thì điều kiện nói trên lại càng đúng, nghĩa là lý do chiến tranh và sự căng thẳng lại càng yếu. Vì thế, người ta có thể quan niệm rằng: Chính bản thân bài toán xác suất ấy cũng có thể là một lý do hòa bình. Chính vì thế nên không phải khi nào ta cũng cần đến chiến đấu cho đến khi một trong hai bên bị tiêu diệt, và người ta phải nghĩ đến một tình huống trong đó các sự kiện căng thẳng và các lý do chiến tranh yếu đến nỗi chỉ có một khả năng nhỏ xíu và mơ hồ, bất lợi cho một bên nào đó cũng đủ

làm cho bên ấy phải nhân nhượng. Nếu phía bên kia được biết trước, tự nhiên họ sẽ đưa hết cố gắng ra để làm cho khả năng ấy nổi lên, và sẽ không đi đường vòng bằng cách làm cho đối phương hoàn toàn thất bại.

Sự cân nhắc thường có tác động nhiều đến quyết định hòa bình là: Lực lượng đã tiêu phí và sẽ còn cần phải tiêu phí. Chiến tranh không phải là một hành vi cuồng nhiệt mù quáng, mà là một hành vi chịu sự chi phối của ý đồ chính trị, giá trị của ý đồ ấy quyết định quy mô của sự hy sinh cần thiết. Quy mô của sự hy sinh đã thế mà thời hạn của nó cũng thế. Khi sự tiêu phí lực lượng trở thành quá lớn và không tương xứng với giá trị của mục tiêu chính trị, thì phải bỏ mục tiêu chính trị ấy đi và ký kết hòa bình.

Điều đó chứng tỏ rằng: Trong các cuộc chiến tranh, một bên đã không thể giải giáp được hoàn toàn bên kia thì những lý do hòa bình xuất hiện và mất đi trong cả hai bên tùy theo tính xác suất về thắng lợi tương lai và sự tiêu phí lực lượng cần thiết. Nếu các lý do ấy có sức mạnh ngang nhau ở cả hai bên, chúng sẽ gặp nhau ở giữa khoảng cách về chính trị của chúng. Lý do hòa bình nếu nặng hơn ở bên này thì lại nhẹ bớt ở bên kia. Khi tổng số cộng lại vừa đủ thì hòa bình sẽ được ký kết; dĩ nhiên hòa bình sẽ có lợi cho bên nào mà các lý do của hòa bình yếu nhất.**[19]** Trước mắt, chúng ta chưa đề cập đến tính chất *tích cực hay tiêu cực* của ý đồ chính trị sẽ có ảnh hưởng khác nhau đến thực tiễn như thế nào. Nhưng cũng phải nói ngay rằng điều này rất quan trọng (sau này chúng tôi sẽ chứng minh); bây giờ ta phải tạm bằng lòng với một quan điểm tổng quát hơn, vì ý đồ chính trị đầu tiên có thể thay đổi nhiều trong quá trình chiến tranh, và cuối cùng có thể trở thành hoàn toàn khác hẳn,*chính vì một phần của ý đồ này do thắng lợi hoặc các kết quả có thể đạt tới quyết định*.

Người ta có thể tác động đến khả năng thắng lợi như thế nào? Bây giờ đó là vấn đề cần đặt ra.

Trước hết, dĩ nhiên người ta tác động đến khả năng thắng lợi bằng những biện pháp để chiến thắng kẻ thù, nghĩa là*tiêu diệt các lực lượng quân sự và chiếm đất*, mặc dầu cả hai biện pháp này đều không giống hệt như khi dùng để đạt mục đích thứ nhất. Cuộc tiến công vào các lực lượng của kẻ địch sẽ khác nếu chúng ta chỉ muốn tiếp sau đòn đầu tiên bằng nhiều đòn khác cho đến khi chúng hoàn toàn bị tiêu diệt, hay là chúng ta chỉ muốn thắng lợi một lần nhằm làm cho kẻ địch thấy mất an toàn, thấy ta mạnh hơn hẳn và làm chúng lo sợ về tương lai. Nếu ý định của ta chỉ như thế, thì lực lượng dùng để tiêu diệt các lực lượng vũ trang của địch sẽ không quá nhu cầu ấy. Việc chiếm đóng các tỉnh của địch cũng sẽ ở một mức độ khác hẳn nếu nó không nhằm mục đích đánh bại hoàn toàn kẻ địch. Nếu chúng ta muốn đánh bại kẻ địch, việc phá hủy các nguồn cung cấp sẽ có thể là hành động thực sự có hiệu lực và việc chiếm đóng các tỉnh chỉ là kết quả của nó. Chiếm đóng các tỉnh trước lúc các lực lượng của kẻ địch bị tiêu diệt chỉ là một hành động bất đắc dĩ nhưng cần thiết. Trái lại, nếu chúng ta không muốn đánh bại các lực lượng của kẻ địch, nếu chúng ta tin rằng kẻ địch không tìm kiếm mà trái lại, lại sợ các quyết định đẫm máu, thì việc chiếm đóng một tỉnh mà lực lượng bảo vệ yếu hoặc không có gì cả là một điều lợi, vì

nó có thể làm cho kẻ địch lo sợ đến kết quả tổng quát, có thể coi như một con đường ngắn hơn để đi đến hòa bình.

Bây giờ, ta nói đến một biện pháp đặc biệt nhằm làm cho khả năng thắng lợi tăng lên khi mà các lực lượng vũ trang của kẻ thù chưa bị thất bại, có nghĩa là muốn nói đến những hành động có liên quan đến trực tiếp đến chính trị. Nếu chúng ta thực hiện những cuộc vận động đặc biệt nhằm phá vỡ các khối liên minh của kẻ thù, hoặc không cho chúng liên kết với nhau, ngược lại, làm cho phía ta thêm nhiều đồng minh, làm tăng thêm các hoạt động chính trị có lợi cho ta, v.v. Thì sẽ dễ dàng hiểu rằng những biện pháp ấy làm tăng thêm khả năng thắng lợi biết bao nhiêu và nó đưa chúng ta đến mục đích mau chóng hơn là đánh bại các lực lượng vũ trang của kẻ địch.

Vấn đề thứ hai là biết làm thế nào để tăng thêm sự tiêu phí lực lượng kẻ thù, nghĩa là buộc chúng phải trả giá rất đắt cho thắng lợi của chúng.

Tiêu phí lực lượng của kẻ thù là làm *hao mòn lực lượng của chúng* (cũng có nghĩa là *phá hoại lực lượng*) và làm chúng *mất nhiều tỉnh* (cũng có nghĩa là *chiếm đóng đất đai* của chúng).

Nếu nghiên cứu sâu sắc hơn, chúng ta sẽ thấy một cách hiển nhiên rằng: Ý nghĩa của hai điều trên rất hay biến đổi và tính chất của các hoạt động nói trên cũng thay hình đổi dạng tùy theo mục đích cần đạt tới. Phần nhiều nó không có sự khác nhau mấy, điều này không làm cho ta lạc hướng được, vì trong thực tế, lúc các lý do chiến tranh không mạnh mẽ gì thì một khía cạnh khác nhau nhỏ nào đó thường cũng đủ làm cho chúng ta quyết định chọn biện pháp sử dụng lực lượng này hoặc biện pháp sử dụng lực lượng khác. Bây giờ, chúng tôi chỉ cần chứng minh rằng, trong những điều kiện nào đó, có nhiều cách để đạt mục đích; nói như thế không phải là mâu thuẫn, không phải là vô lý, cũng không phải là sai lầm.

Ngoài hai biện pháp nói trên, còn có ba cách khác để trực tiếp tiêu hao lực lượng kẻ thù. Cách thứ nhất là: *xâm chiếm*, nghĩa là *chiếm đóng lãnh thổ kẻ thù*, không phải để *giữ lấy mãi mãi*, mà để thu thuế hoặc để tàn phá. Ở đây, mục đích trước mắt không phải là chiếm đóng lãnh thổ, cũng không phải là tiêu diệt các lực lượng quân sự của kẻ thù: Biện pháp này chỉ nhằm làm cho địch *chịu tổn thất một cách tổng hợp*. Cách thứ hai là nhằm vào những điểm yếu của kẻ thù, làm cho chúng bị thiệt hại nhiều chừng nào hay chừng nấy. Ta rất dễ quan niệm được rằng: Trong hai cách khác nhau mà chúng ta cố gắng hướng tới, cách thứ nhất là cách hơn hẳn nếu ta muốn đánh bại kẻ thù, còn cách thứ hai là có lợi hơn nếu ta không đặt ra mục đích và cũng không thể đánh bại kẻ thù. Nói một cách thông thường, có thể gọi con đường thứ nhất là con đường dùng quân sự nhiều hơn và con đường thứ hai là con đường dùng chính trị nhiều hơn. Nhưng nói cho cùng, cả hai con đường đều là quân sự cả và con đường nào cũng chỉ phù hợp với mục đích nếu nó thích nghi với tình huống. Con đường thứ ba là *tiêu hao kẻ thù*. Con đường này quan trọng hơn nhiều vì phải dùng đến nó trong rất nhiều trường hợp. Chúng tôi chọn từ ngữ tiêu hao kẻ thù không phải chỉ vì cần định nghĩa một cách hình thức, nhưng chính vì từ ngữ này nói đúng bản chất sự việc, và nó cũng không được bóng bẩy nhiều như ta tưởng khi mới đọc qua.

Khái niệm tiêu hao bằng chiến đấu có nghĩa là làm cho *lực lượng vật chất và ý chí kẻ thù hao mòn dần từng bước bằng biện pháp hành động lâu dài*.

Nhưng muốn kiên trì trong cuộc đấu tranh lâu dài thì lại phải có những mục tiêu càng khiêm tốn càng tốt, bởi vì do bản chất của sự vật, một mục tiêu quan trọng khi nào cũng đòi hỏi tiêu phí lực lượng nhiều hơn một mục tiêu nhỏ. Vì mục tiêu nhỏ nhất mà ta có thể chọn là một sự kháng cự đơn thuần, nghĩa là một cuộc đấu tranh không có ý định tích cực nào cả. Trong trường hợp này, nếu phương tiện của chúng ta tương đối mạnh, thì kết quả càng chắc chắn hơn. Nhưng, người ta có thể dùng con đường hoàn toàn tiêu cực kể trên đến mức độ nào? Dĩ nhiên, không thể đến mức độ bị động tuyệt đối vì sự chịu đựng đơn thuần không phải là chiến đấu. Kháng cự là một hoạt động nhằm tiêu diệt một số lực lượng kẻ thù để buộc chúng phải từ bỏ mục đích. Đó là tất cả những điều chúng ta muốn đạt được bởi mỗi hành vi của mình, và đó cũng là tính chất tiêu cực của ý đồ chúng ta.

Nếu chỉ có một hành vi đơn nhất để thực hiện ý đồ tiêu cực kể trên thì nhất định không hiệu quả bằng một hành vi tích cực cùng theo một hướng, với điều kiện là hành vi tích cực thành công; nhưng sự khác nhau chính là ở chỗ hành vi tiêu cực lại dễ thành công hơn hành vi tích cực, bởi thế lại được đảm bảo nhiều hơn. Bộ phận nào bị mất hiệu quả vì hành vi đơn nhất, phải được bù thêm bằng thời gian, nghĩa là bằng tác chiến lâu hơn. Như vậy ý đồ tiêu cực, nguyên tắc cơ bản của kháng cự đơn thuần, cũng là biện pháp tự nhiên để kiên trì hơn kẻ thù trong cuộc chiến đấu lâu dài, nghĩa là làm cho chúng kiệt sức.

Đó là nguồn gốc sự khác nhau giữa *tiến công* và *phòng ngự*: Sự khác nhau này bao trùm tất cả những điều gì liên quan đến chiến tranh. Nhưng, chúng ta không thể đi sâu hơn trên con đường này; chúng ta thấy rằng chính từ ý đồ tiêu cực trên, có thể sinh ra mọi thuận lợi và mọi hình thức chiến đấu ác liệt có lợi cho ý đồ đó, và cũng chính từ đó, ta thực hiện được sự liên quan có tính chất năng động triết học có quy mô tác chiến và sự đảm bảo cho thắng lợi. Sau này, chúng ta sẽ nói sâu hơn về phương diện ấy của vấn đề.

Bởi vậy, nếu ý đồ tiêu cực là sự tập trung mọi lực lượng để thực hiện một cuộc phòng ngự đơn thuần, ý đồ ấy cho ta lợi thế chiến đấu, và nếu lợi thế này khá mạnh để *cân bằng ưu thế* có thể có của kẻ thù thì chỉ*thời hạn* chiến đấu cũng đủ tiêu hao dần lực lượng của kẻ thù đến lúc mục tiêu chính trị của chúng không tương xứng với sự tiêu hao nói trên nữa là chúng phải bỏ cuộc. Như vậy, chúng ta thấy rằng: Phương pháp làm cho kẻ thù hao mòn kiệt quệ gồm rất nhiều trường hợp, trong đó kẻ yếu có thể chống cự với kẻ mạnh hơn.

Trong cuộc chiến tranh bảy năm, không bao giờ Frederick Đại đế lại có khả năng đánh bại được nền quân chủ Áo, và nếu có mưu đồ làm như kiểu Charles XII**[20]** thì nhất định ngài đã bại vong, nhưng vì ngài biết tiết kiệm lực lượng và đã sử dụng quân đội một cách tài tình trong suốt bảy năm trời nên những kẻ thù liên minh chống lại ngài đã hiểu rằng: Lực lượng của họ đã bị tiêu hao quá dự kiến, và họ phải quyết định đi theo con đường hòa bình.

Như vậy, chúng ta thấy rằng trong chiến tranh có nhiều biện pháp để đạt tới mục đích; rằng không phải biện pháp nào cũng nhất thiết dẫn đến chỗ bắt kẻ thù chạy tán loạn; rằng sự phá hoại lực lượng quân sự của kẻ thù, sự chiếm đóng lãnh thổ của chúng, những hoạt động trực tiếp nhằm vào mục đích chính trị và cuối cùng chờ đợi một cách tiêu cực cuộc tiến công của kẻ thù – tất cả những điều ấy đều là những biện pháp có thể tiêu diệt ý chí kẻ thù; ta dùng biện pháp này hoặc biện pháp nọ là tùy theo điều kiện đặc biệt của các trường hợp cụ thể. Chúng ta có thể nói thêm đến nhiều biện pháp khác để rút ngắn con đường đi đến mục đích, và người ta có thể gọi đó là những luận cứ dựa trên cảm tính cá nhân (argumentum ad hominem). Trong hoạt động của loài người, có lĩnh vực nào mà một con người có cá tính phi thường không đếm xỉa đến vật chất hay không? Chính trong chiến tranh, một lĩnh vực mà điều kiện vật chất ít thiếu thốn nhất, cá tính của người tham chiến giữ một vai trò hết sức quan trọng, dù ở bộ hay ở chiến trường. Ta chỉ có thể hạn chế trong việc nêu lên sự kiện, vì phân loại các sự kiện nói trên chỉ là chuyện tán dóc mà thôi. Nhưng ta cũng có thể nói được rằng: Có hằng ha sa số khả năng có thể đưa ta đến mục đích.

Chỉ cần nhớ đến tất cả những lý do chính trị có thể đưa tới chiến tranh, hoặc thử nhìn vào sự khác nhau rất lớn giữa một cuộc chiến tranh một mất một còn với một cuộc chiến tranh bắt buộc phải tham gia vì sự liên kết bất đắc dĩ hoặc lỏng lẻo, thì ta sẽ không quá xem thường giá trị của rất nhiều con đường khác nhau ngắn nhất dẫn đến mục đích, nghĩa là coi những biện pháp này chỉ là ngoại lệ hoặc đưa đến những sự khác nhau không quan trọng trong việc chỉ đạo chiến tranh. Trong thực tế, giữa hai loại chiến tranh ấy, có vô số mức độ khác nhau. Nếu về lý luận, ta phủ nhận một trong những mức độ ấy, thì người ta cũng có quyền phủ nhận mọi mức độ khác, nghĩa là phủ nhận hoàn toàn thế giới thực tại.

Trên kia là những vấn đề liên quan đến mục đích chiến tranh. Bây giờ ta hãy nói đến các biện pháp.

Chỉ có một biện pháp: *chiến đấu*. Quan niệm về chiến tranh có thể có rất nhiều hình thức, nó cũng có thể rất xa sự bùng nổ thô bạo và đầy căm thù trong cuộc vật lộn; nó cũng có thể lẫn lộn rất nhiều yếu tố không dính líu đến cuộc chiến đấu thực sự, nhưng quan niệm này thì không thay đổi được: Kết quả của chiến tranh bao giờ cũng chỉ có một nguyên nhân là chiến đấu mà thôi.

Chúng tôi sẽ chứng minh một cách đơn giản rằng: Khi nào sự việc cũng xảy ra như vậy trong những trường hợp khác nhau nhất, và trong thực tế phức tạp nhất. Trong chiến tranh, lực lượng quân sự làm ra tất cả, nhưng khi người ta đã dùng đến nó, nghĩa là đúng đến những con người vũ trang, thì ý niệm về chiến đấu phải là cơ sở cho tất cả mọi việc.

Bởi vậy, tất cả những gì có liên quan đến các lực lượng vũ trang, nghĩa là tất cả những gì có liên quan đến việc thành lập, nuôi dưỡng**[21]** và sử dụng các lực lượng này, đều thuộc về hoạt động chiến tranh.

Thành lập và nuôi dưỡng chỉ là biện pháp, còn sử dụng mới là mục đích.

Chiến đấu trong chiến tranh không phải là chiến đấu giữa cá nhân này với cá

nhân khác; đó là một tổng thể có tổ chức, gồm nhiều bộ phận. Trong cái tổng thể rộng lớn ấy, người ta phân biệt hai thứ đơn vị: Một thứ đơn vị do chủ thể xác định, một thứ đơn vị do khách thể xác định. Trong một đạo quân, các chiến binh luôn luôn tập hợp thành những đơn vị mới,**[22]** những đơn vị này đến lượt nó lại là thành viên của một tổ chức cao hơn. Vì vậy cuộc chiến đấu của mỗi thành viên ấy cũng lập thành một đơn vị ít nhiều riêng biệt. Hơn nữa, mục đích của chiến đấu, nghĩa là đối tượng của nó, cũng là một đơn vị.

Người ta gọi mỗi đơn vị nói trên, được phân biệt trong chiến đấu, bằng danh từ *cuộc giao chiến* (engagement).

Nếu ý niệm về chiến đấu là cơ sở của mọi cuộc sử dụng lực lượng vũ trang, thì việc sử dụng các lực lượng vũ trang nói chung không phải là cái gì khác hơn là sự quyết định và tổ chức một số cuộc giao chiến.

Mọi hoạt động chiến tranh đều gắn liền, hoặc trực tiếp, hoặc gián tiếp, với giao chiến. Người lính được tuyển lựa, được trang bị, được huấn luyện: Anh ta ăn, ngủ, đi lại cũng *chỉ để rồi sẽ chiến đấu vào đúng lúc và đúng nơi mà thôi*.

Bởi vậy, nếu mọi tuyến của hoạt động chiến tranh đều dẫn đến giao chiến, chúng ta sẽ nắm lấy chúng để phục vụ cho việc chuẩn bị giao chiến. Chỉ có những cuộc chuẩn bị ấy và sự thực hiện những cuộc chuẩn bị ấy quyết định kết quả, không bao giờ những kết quả này sinh ra từ những điều kiện trực tiếp có trước. Trong giao chiến, mọi hoạt động đều nhằm tiêu diệt kẻ thù, hay nói đúng hơn nhằm tiêu diệt *khả năng chiến đấu của chúng*, vì tiêu diệt khả năng chiến đấu chính là khái niệm giao chiến tóm tắt lại mà thôi. Bởi vậy, việc tiêu diệt các lực lượng vũ trang của kẻ thù luôn luôn là biện pháp nhằm mục đích của giao chiến.

Mục đích ấy có thể hoàn toàn khác hẳn và cũng có thể đơn thuần chỉ là sự tiêu diệt lực lượng vũ trang của kẻ thù, tuy làm như vậy không phải là cần thiết. Như chúng tôi đã nói: Không phải khi nào tiêu diệt kẻ thù cũng là biện pháp độc nhất để đạt được mục tiêu chính trị. Khi mục đích chiến tranh đã thay đổi, thì dĩ nhiên, chính sự thay đổi này sẽ thành mục tiêu của những hành động đặc biệt, và nó cũng trở thành mục tiêu của giao chiến.

Thế nhưng, ngay cả những cuộc giao chiến, coi như những hành vi phụ thuộc, chỉ để tiêu diệt các lực lượng vũ trang của kẻ thù, cũng không nhất thiết có mục đích trước mắt là tiêu diệt các lực lượng ấy.

Lúc người ta nghĩ đến tổ chức phức tạp của một lực lượng vũ trang lớn, nghĩ đến tất cả những chi tiết tham gia vào hành động chiến đấu, người ta sẽ hiểu rằng một cuộc chiến đấu mạnh mẽ như thế phải là một tổ chức và là một tổ hợp phức tạp, trong đó những bộ phận đó phụ thuộc vào những bộ phận kia. Trong nhiều bộ phận, có thể và nhất định xuất hiện rất nhiều mục tiêu, bản thân những mục tiêu này không nhằm tiêu diệt các lực lượng vũ trang của kẻ thù, chỉ góp phần gián tiếp vào công cuộc tiêu diệt ấy. Nếu một tiểu đoàn nhận được lệnh đuổi kẻ thù ra khỏi một ngọn đồi hay một chiếc cầu chẳng hạn, việc chiếm được ngọn đồi hay chiếc cầu thông thường là mục tiêu thực sự, việc tiêu diệt lực lượng kẻ thù trong trường hợp này chỉ là biện pháp,

hoặc chỉ là vấn đề thứ yếu. Nếu chỉ cần một cuộc biểu dương lực lượng đơn thuần cũng đã đuổi được kẻ thù thì mục tiêu như thế đã đạt; nhưng thông thường, chỉ có thể chiếm được ngọn đồi hoặc chiếc cầu ấy sau khi đã gây ra nhiều thiệt hại cho các lực lượng vũ trang của địch. Nếu trên một chiến trường đã vậy thì trên toàn bộ chiến trường (ở đấy không phải chỉ có một đạo quân đánh nhau với một đạo quân, mà là những quốc gia, nhà nước, xứ sở, đối địch với nhau) sự việc lại càng diễn ra như vậy. Do đó, phải nhân lên gấp bội các mối liên quan và những sự phối hợp có thể, tăng cường mọi cách bố trí khác nhau vì mỗi mục tiêu đều phụ thuộc vào các mục tiêu khác và đều có mức độ khác nhau, biện pháp ban đầu sẽ càng đi xa khỏi mục tiêu cuối cùng hơn nữa.

Bởi nhiều lẽ, có thể có một cuộc giao chiến không nhằm mục đích tiêu diệt các lực lượng của kẻ thù (nghĩa là các lực lượng ở ngay trước mặt ta), và việc tiêu diệt ấy chỉ có thể là một biện pháp. Trong mọi trường hợp, sự thực hiện việc tiêu diệt ấy không còn gì là quan trọng nữa vì lúc ấy cuộc giao chiến chỉ còn là một *sự thử sức*¬. Bản thân nó không có giá trị gì hết, nó chỉ có giá trị ở kết quả, nghĩa là ở điều mà nó quyết định.

Nhưng trong trường hợp quá chênh lệch thì chỉ nhìn qua cũng biết được mức độ của sự chênh lệch ấy. Trong trường hợp này sẽ không có giao chiến, và bên yếu hơn sẽ nhượng bộ ngay tức khắc.

Nếu những cuộc giao chiến không phải khi nào cũng nhằm tiêu diệt các lực lượng của kẻ thù, và nhiều khi không giao chiến cũng đạt được mục đích vì ước tính được kết quả và dự đoán được tình hình do kết quả trên gây ra, người ta sẽ hiểu rằng: Có nhiều chiến dịch được chỉ đạo rất tích cực, song giao chiến thực sự lại không có một vai trò đáng kể.

Hàng trăm thí dụ lấy trong lịch sử quân sự chứng minh rằng sự việc có thể xảy ra như thế. Có quyết định mà không đổ máu, như vậy là có hợp lý không, nghĩa là có mâu thuẫn bên trong không? Một vài người từng nổi tiếng vì đã làm được như thế, vậy có thể phê phán họ được không? Đó là những vấn đề mà chúng tôi không giải quyết; trước mắt, chúng tôi chỉ lo có một điều: Chứng minh rằng trong chiến tranh, sự việc có thể theo chiều hướng chúng tôi đã nói đến.

Trong chiến tranh, người ta chỉ có một biện pháp là giao chiến; nhưng cách tiến hành giao chiến thì lại muôn màu muôn vẻ vì những mục đích vô cùng các nhau, đến nỗi hình như chúng ta không không tiến thêm được bước nào cả! Thực ra không phải thế, vì tính chất đơn nhất của các biện pháp đã tạo nên một sợi chỉ dẫn dắt chúng ta đi qua toàn bộ màng lưới hoạt động quân sự và chính sợi chỉ này làm cho mọi hoạt động quân sự trở nên có hệ thống.

Tuy nhiên, chúng ta đã thấy rằng việc tiêu diệt lực lượng kẻ thù có thể là một mục đích của chiến tranh; chúng ta không giải quyết vấn đề đánh giá tầm quan trọng của mục đích này so sánh với các mục đích khác. Trong trường hợp đặc biệt, tầm quan trọng của nó còn tùy theo tình hình, nhưng về nguyên tắc chung, chúng tôi không muốn xác định giá trị của nó. Đấy, chúng ta lại phải trở lại đề tài này, và như thế là

chúng ta thừa nhận giá trị của nó.

Giao chiến là hoạt động duy nhất có hiệu quả của chiến tranh; chính trong giao chiến và nhờ giao chiến mà việc tiêu diệt lực lượng đối phương trở thành biện pháp đạt tới mục đích của ta. Dầu không có giao chiến thực sự thì nó vẫn là biện pháp duy nhất để đạt tới mục đích, vì trong trường hợp nào đi nữa quyết định cuối cùng cũng đều dựa trên nền tảng của ý niệm: Tiêu diệt là chắc chắn. Do đó, việc tiêu diệt lực lượng kẻ thù là hòn đá thử vàng của mọi hành động chiến tranh, là chỗ dựa tối hậu của mọi cách bố trí, giống như thân cầu dựa trên trụ cầu. Hành động chiến tranh nào cũng dựa trên ý niệm: Hành động phải đưa lại thắng lợi. Đối với cuộc tác chiến lớn nhỏ nào trong chiến tranh, quyết định bằng vũ trang cũng như tiền mặt nhận được trong các cuộc kinh doanh tài chính. Các quan hệ ấy dầu mơ hồ đến đâu đi nữa thì các cuộc thanh toán (dù ít xảy ra) cũng không bao giờ là hoàn toàn không có.

Nếu quyết định bằng vũ trang là cơ sở của mọi cuộc bố trí, thì đối phương có thể làm một trong những cách bó trí của ta mất hiệu lực bằng một quyết định khác tốt hơn, không những chỉ đối với quyết định làm chỗ dựa trực tiếp cho sự bố trí của ta, mà còn đối với những sự bố trí khác nữa của ta, nếu quyết định của địch có tầm quan trọng khá lớn. Bởi vì mọi quyết định bằng vũ trang quan trọng – nghĩa là mọi cuộc tiêu diệt lực lượng địch – đều ảnh hưởng đến tất cả các bộ phận khác của nó. Về phương diện này mà nói, lực lượng vũ trang cũng giống như một chất lỏng, vợi mãi một chỗ thì mực nước chung hạ thấp.

Tiêu diệt các lực lượng địch luôn luôn là biện pháp cao nhất và hiệu quả nhất: Các biện pháp khác đều phải lùi bước trước biện pháp này.

Nhưng chỉ trong trường hợp người ta dự đoán có một sự cân bằng trong các phạm vi khác thì việc tiêu diệt các lực lượng địch mới có hiệu quả cao nhất. Người ta sẽ phạm phải sai lầm lớn nếu kết luận rằng: Một cuộc xung phong khinh suất cũng sẽ hơn hẳn sự linh hoạt khôn khéo. Cuộc xung phong vụng về có thể dẫn đến sự tiêu diệt các lực lượng của chính mình chứ không phải của địch; đó là điều chúng ta không muốn. Hiệu quả cao quý không phải là ở *biện pháp* mà ở *mục đích*, và ở đây chúng tôi chỉ so sánh hiệu quả đạt được với một hiệu quả khác.

Chúng tôi phải nhấn mạnh rằng: Khi nói đến sức mạnh chiến đấu của đối phương, không có gì bắt chúng tôi giới hạn khái niệm ấy vào trong lực lượng vật chất đơn thuần. Khái niệm này trái lại bao gồm cả lực lượng tinh thần vì trên thực tế, trong tất cả các chi tiết nhỏ nhất, hai khái niệm gắn chặt với nhau và không thể tách chúng ra được. Chúng tôi vừa nói đến hiệu quả tất yếu của một hành vi tiêu diệt lớn (một trận thắng lớn) đối với mọi quyết định quân sự khác; chính yếu tố tinh thần là cái dễ lan ra nhất và dễ ảnh hưởng đến tất cả các bộ phận. Việc tiêu diệt lực lượng địch có giá trị cao hơn các biện pháp khác, nhưng trái lại cần phải nghĩ đến mặt trái của nó: Cái giá phải trả và những nguy cơ cần trải qua. Chính vì muốn tránh những điều này nên người ta mới dùng đến những biện pháp khác.

Có một điều rất dễ hiểu là: Khi các điều kiện khác đã bằng nhau thì mọi biện pháp đem dùng đều phải trả giá cao, vì sự tiêu phí các lực lượng ta bao giờ cũng rất

lớn, nếu ý định của ta là tiêu diệt các lực lượng địch.

Nguy cơ của biện pháp này là: Nếu thất bại thì cái hiệu quả cao mà ta muốn có (hiệu quả gây bất lợi cho địch – *ND*) lại rơi vào đầu chúng ta và sẽ gây cho chúng ta những bất lợi lớn hơn nữa.

Những biện pháp khác thì lại không phải trả giá cao bằng biện pháp tiêu diệt địch nếu thắng lợi và không nguy hiểm bằng nếu thất bại, với điều kiện là chúng chỉ đương đầu với những biện pháp tương tự, nghĩa là kẻ địch cũng dùng những biện pháp như ta. Bởi vì nếu kẻ địch chọn con đường quyết định cuối cùng bằng biện pháp vũ trang thì bản thân *sự việc này sẽ biến biện pháp của chúng ta thành biện pháp của kẻ địch, mặc dầu chúng ta không muốn thế*. Như vậy, mọi việc tùy thuộc vào kết quả của hành động tiêu diệt; hiển nhiên là hành động này, về phương diện nào cũng vậy, sẽ bất lợi cho ta vì ý định và biện pháp của chúng ta trước đó đang hướng về những mục đích khác, còn kẻ địch thì lại không như thế. Nếu hai mục tiêu khác nhau không phải là bộ phận của nhau, chúng sẽ loại trừ lẫn nhau và lực lượng dùng để đạt mục tiêu này sẽ không cùng một lúc phục vụ cho việc đạt mục tiêu kia. Bởi vậy, nếu một bên đối thủ kiên quyết đi vào con đường quyết định bằng vũ trang thì khả năng thắng lợi của họ sẽ rất lớn, nếu phe bên kia không muốn đi vào con đường ấy nhưng lại muốn theo đuổi một mục tiêu khác; và bên nào muốn đạt được một trong những mục tiêu khác có lẽ cũng nghĩ rằng: Đối thủ cũng ít có ý đồ muốn đạt một quyết định bằng vũ trang giống như mình.

Tuy vậy, khi nói tới ý đồ và lực lượng hướng về một phía khác, chúng tôi chỉ nói tới những *mục tiêu tích cực* mà chiến tranh có thể đạt được, ngoài cách tiêu diệt lực lượng địch, chứ chúng tôi không nói đến việc kháng cự đơn thuần mà người ta dùng đến để tiêu hao lực lượng địch. Trong kháng cự đơn thuần không có ý đồ tích cực; bởi vậy lực lượng của chúng ta không thể hướng về các đối tượng khác, nó chỉ dùng để đánh bại ý đồ của địch.

Chúng tôi chỉ còn phải đi sâu vào phương diện tiêu cực của việc tiêu diệt các lực lượng địch, nghĩa là bảo tồn lực lượng ta. Đó là hai cố gắng luôn luôn đi đôi với nhau, vì nó tác động qua lại với nhau; đó là hai bộ phận của toàn bộ một ý đồ, và chỉ cần nghiên cứu kết quả do ưu thế của một trong hai bộ phận đưa lại. Ý chí tiêu diệt các lực lượng địch nhằm mục tiêu tích cực, dẫn đến các kết quả tích cực, và mục đích cuối cùng là đánh bại kẻ thù. Bảo tồn lực lượng ta nhằm mục tiêu tiêu cực và dẫn đến kháng cự đơn thuần; kháng cự đơn thuần không nhằm mục đích nào khác hơn là kéo dài thời hạn hành động làm cho kẻ địch kiệt sức. Cố gắng nhằm đạt mục tiêu tiêu cực thì chỉ tự giới hạn trong sự chờ đợi hành động kể trên.

Sự chờ đợi này có thể và phải đi đến đâu? Đó là vấn đề chúng ta sẽ nghiên cứu nhiều hơn trong chương nói về lý thuyết tiến công và phòng ngự, những điều mà chúng ta sẽ tìm thấy ở đấy. Bây giờ, chúng tôi chỉ cần nói rằng: Chờ đợi không được trở thành chịu đựng bị động, đơn thuần. Chờ đợi có thể dẫn đến hành động nhằm tiêu diệt các lực lượng địch tham chiến cũng như đến bất kỳ mục đích nào khác. Sẽ phạm sai lầm về nguyên tắc cơ bản nếu tưởng rằng cố gắng tiêu cực dẫn đến chỗ không

nhằm mục đích tiêu diệt các lực lượng địch mà rồi đi tới chỗ chỉ chọn một quyết định đỡ đổ máu. Dành ưu tiên cho cố gắng tiêu cực chắc có thể đạt được kết quả ấy, nhưng lại nguy hiểm ở chỗ: Đó không phải khi nào cũng là phương pháp tốt nhất, nó tùy thuộc vào những điều kiện hoàn toàn khác, dính liền với địch chứ không phải với ta. Không thể coi phương pháp đỡ đổ máu này như biện pháp tự nhiên để bảo tồn lực lượng mình, vấn đề mà ta lo lắng nhất. Trái lại, nếu thời cơ không thuận lợi cho sự việc diễn biến như trên thì chúng ta rất có thể sẽ đưa lực lượng mình đến chỗ bị tiêu diệt hoàn toàn. Nhiều tướng lĩnh đã phạm sai lầm ấy và đi đến thất bại. Kết quả chắc chắn độc nhất của việc dành ưu tiên cho cố gắng tiêu cực là quyết định bị hoãn lại, đến nỗi bên phòng ngự tự rút vào thế chờ đợi giờ phút quyết định. Nói chung, thái độ này dẫn đến việc *trì hoãn hành động* trong không gian cũng như trong thời gian, trong mức độ yếu tố này (không gian – *ND*) liên hệ với yếu tố kia (thời gian – *ND*) và trong mức độ điều kiện cho phép. Đến một lúc nào đó, trì hoãn hành động sẽ gặp bất lợi nghiêm trọng, thuận lợi của sự cố gắng tiêu cực biến mất và khi ấy phải thay thế bằng sự cố gắng không thể thay đổi và rất cần thiết cho việc tiêu diệt lực lượng địch, mà một đối trọng (sự đối phó của địch – *ND*) chỉ có thể đẩy nó về phía sau chứ không bao giờ loại hẳn.

Những điều suy nghĩ trên đã chỉ ra rằng: Có rất nhiều cách (facons) để đạt tới mục đích chiến tranh, nghĩa là mục tiêu chính trị của nó, nhưng chỉ có một biện pháp (moyen) đi đến đấy là chiến đấu, do đó tất cả đều phụ thuộc vào quy luật tối cao này: *giải quyết bằng sức mạnh của vũ khí*; rằng khi kẻ địch đã thực sự dùng đến biện pháp ấy thì ta không thể không chấp nhận nó; rằng, do đó, bên nào muốn đi vào con đường khác thì phải nắm chắc được bên kia sẽ không dùng đến biện pháp nói trên, nếu không ta sẽ bị thất bại; rằng, nói tóm lại, tiêu diệt lực lượng vũ trang địch là mục tiêu có thể theo đuổi trong chiến tranh.

Còn những kết quả do cách bố trí khác đưa tới thì dần dần ta sẽ nói đến sau, dĩ nhiên sẽ nói mỗi lúc một ít. Ở đây, chúng ta chỉ cần nói đến khả năng hoàn toàn khái quát về vấn đề đó để chỉ ra rằng: *cách giải quyết cuộc khủng hoảng bằng đổ máu*, sự cố gắng để tiêu diệt các lực lượng địch là đứa con hợp pháp và chính đáng của chiến tranh. Khi mục tiêu chính trị không quan trọng lắm, động cơ yếu, và tình hình không căng thẳng lắm, một người chỉ huy khôn ngoan và khéo léo có thể mượn nhiều con đường để len lỏi tới hòa bình bằng cách lợi dụng những chỗ yếu của đối phương, biểu thị ở các lĩnh vực quân sự và ngoại giao. Nếu người chỉ huy có những lý do vững chắc và những lý do này bảo đảm thắng lợi, thì chúng ta cũng không nên chê trách không thấy ông ta làm như thế; nhưng cần phải nhắc ông ta rằng đó là một con đường trơn trượt, mà ở đó thần chiến tranh có thể làm cho ông ta bị bất ngờ, và chúng ta nên khuyên ông ta rằng: Phải không ngừng quan sát kẻ địch để tránh nguy cơ phải tự vệ bằng một thanh kiếm cùn bọc mũi, chống lại một kẻ địch được trang bị bằng một lưỡi kiếm sắc.

Kết quả do bản chất chiến tranh dẫn đến, tác động của mục đích và biện pháp, trong thực tiễn chiến tranh đã lùi xa hoặc nhích lại gần khái niệm nguyên thủy của nó

theo những biến động lớn hoặc nhỏ như thế nào, mặc dầu nó vẫn bị khái niệm này chi phối như một quy luật tối cao – đó là những vấn đề chúng ta không thể bỏ qua mà phải luôn luôn suy nghĩ nghiên cứu, nếu chúng ta muốn biết những mối liên hệ thực sự và tầm quan trọng của chúng mà không bị mâu thuẫn một cách trắng trợn với thực tiễn, nghĩa là suy cho cùng, mâu thuẫn với bản thân mình.

Chương 3. THIÊN TÀI QUÂN SỰ

Muốn điều khiển mọi hoạt động đặc biệt, với một sự linh hoạt nào đó, thì phải có những năng khiếu đặc biệt của hiểu biết và tình cảm. Khi những năng khiếu đặc biệt ấy đạt đến trình độ rất cao, biểu hiện ra trên những thành tích phi thường, thì người ta gọi đó là thiên tài.

Chúng tôi không phải không biết rằng danh từ này được dùng với những ý nghĩa rất khác nhau và có một phạm vi rất hay thay đổi, mặc dầu có đôi lúc rất khó phân biệt được tinh hoa của thiên tài qua những thể hiện của nó. Nhưng vì chúng tôi không tự cho mình là nhà triết học hoặc ngữ pháp học, chúng tôi muốn dùng nghĩa thông thường của danh từ để cho rằng *thiên tài* là một khả năng trí tuệ lỗi lạc ở một số hoạt động nào đó.

Chúng ta hãy ngừng một lúc ở khả năng này, ở cái thứ trí tuệ đặc biệt này, để chứng minh kỹ hơn sự cần thiết của nó và để đi sâu hơn nữa vào nội dung của khái niệm. Nhưng chúng ta không thể ngừng lại ở loại thiên tài được mệnh danh như vậy nhờ có bản lĩnh cao hơn người khác (nghĩa là bản thân *thiên tài*) vì khái niệm này không có giới hạn nhất định. Chúng ta chỉ cần xem xét sự hỗn hợp rất tổng quát của tất cả các lực lượng tinh thần hướng về hoạt động quân sự, và chúng ta có thể coi đó là *tinh hoa của thiên tài quân sự*, Đúng, chúng tôi nói "hỗn hợp", vì thiên tài quân sự không phải chỉ là một khả năng độc nhất, như lòng dũng cảm chẳng hạn, trong lúc các năng lực khác của hiểu biết và tình cảm lại thiếu hoặc hướng về những phía không có ích gì cho chiến tranh. Thiên tài là một *hỗn hợp hài hòa* của nhiều lực lượng, có thể lực lượng này hoặc lực lượng khác chiếm ưu thế, nhưng không có lực lượng nọ đối lập với lực lượng kia. Nếu như chúng ta đòi hỏi mỗi chiến binh đều ít nhiều phải có thiên tài quân sự thì có lẽ quân đội ta sẽ rất hiếm. Chính vì thiên tài bao hàm một *khuynh hướng đặc biệt* của các lực lượng tinh thần nên nó rất ít khi xuất hiện trong lúc sức mạnh tinh thần của một dân tộc được sử dụng và phát triển bằng không biết bao nhiêu cách khác nhau. Nhưng, một dân tộc càng ít có những hoạt động khác nhau thì hoạt động quân sự càng chiếm ưu thế, và thiên tài quân sự cũng có dịp xuất hiện. Tuy nhiên, điều này chỉ quyết định quy mô chứ tuyệt nhiên không quyết định trình độ của hoạt động quân sự: Về phần mình, hoạt động này tùy thuộc vào sự *phát triển chung về trí tuệ và tinh thần* của cả dân tộc. Trong một dân tộc dã man, hiếu chiến, người ta gặp nhiều cá nhân hiếu chiến hơn ở một dân tộc văn minh, bởi vì, trong trường hợp thứ nhất, hầu hết các chiến sĩ đều hiếu chiến, còn ở các dân tộc văn minh, đông đảo quần chúng được trưng tập vì nhu cầu chứ không phải vì thiên hướng tự nhiên của họ. Nhưng không bao giờ người ta thấy một vị tướng cỡ lớn ở một dân tộc dã man, và cái người ta gọi là thiên tài quân sự quả thật vô cùng hiếm ở đó. Bởi vì muốn có thiên tài quân sự thì phải có một sự phát triển trí tuệ đến mức độ không thể có được ở một dân tộc không có văn hóa. Dĩ nhiên, những dân tộc văn minh cũng có những khuynh hướng và có sự phát triển nhiều hay ít tinh thần hiếu

chiến, và tinh thần này càng mạnh thì tri thức quân sự càng có nhiều ở những thành viên của quân đội. Bởi vì, điều này gắn liền với những dân tộc có trình độ văn minh cao hơn; những dân tộc ấy – ví như dân La Mã và dân Pháp – luôn luôn cung cấp những tấm gương xuất sắc về quân sự. Những tên tuổi lớn nhất của các dân tộc ấy và các dân tộc khác đã nổi tiếng về chiến tranh luôn luôn ở vào các thời đại có nền văn minh cao. Có cần nói điều gì thêm nữa không để thấy tầm quan trọng của trình độ tri thức mà thiên tài quân sự cao cấp phải có? Vậy, chúng ta sẽ nghiên cứu vấn đề này kỹ hơn ngay ở đoạn dưới đây.

Chiến tranh là môi trường của nguy hiểm cho nên lòng dũng *cảm* là đức tính quân sự quan trọng nhất.

Có hai thứ dũng cảm: Trước tiên là dũng cảm cá nhân, rồi đến dũng cảm trước trách nhiệm, có yếu tố bên ngoài hoặc bên trong (tức là lương tâm) làm trọng tài. Chúng tôi sẽ chỉ nói đến loại dũng cảm thứ nhất.

Dũng cảm cá nhân cũng có hai loại. Trước hết, con người có thể vì tư chất, vì coi thường cái chết hay do thói quen mà lạnh lùng trước sự nguy hiểm; trong trường hợp nào thì đó cũng là một *trạng thái thường trực*.

Thứ hai, dũng cảm có thể có từ những lý do tích cực như: Tham vọng, lòng yêu nước và các loại hứng khởi. Trong trường hợp này, lòng dũng cảm không phải là một trạng thái thường trực; nó có thể là một thứ cảm xúc, một thứ tình cảm.

Rõ ràng là hai loại dũng cảm có hiệu quả khác nhau. Loại thứ nhất thường vững chắc hơn, vì nó đã trở thành một bản chất thứ hai, nó không bao giờ rời bỏ con người. Loại thứ hai thường dẫn con người đi xa hơn. Sự kiên định có lẽ thuộc vào loại thứ nhất, sự ngoan cường vào loại thứ hai. Loại thứ nhất liên hệ với trí tuệ ít hơn, loại thứ hai có đôi lúc làm tăng thêm sức mạnh của trí tuệ, nhưng cũng có lúc làm cho nó lạc hướng. Hai loại hỗn hợp lại với nhau là lòng dũng cảm hoàn hảo nhất.

Chiến tranh là lĩnh vực của cố gắng và gian khổ vật chất. Để có thể chịu đựng được, phải có một sức mạnh vật chất và tinh thần nhất định, bẩm sinh hoặc tự rèn luyện, nó làm cho con người thản nhiên với những gian khổ ấy. Nếu có những đức tính trên và được lương tri thông thường hướng dẫn thì con người đã là một công cụ tốt của chiến tranh. Thường thường, người ta thấy đức tinh trên nhiều nhất ở những dân tộc dã man hay nửa văn minh. Nếu ta suy nghĩ sâu xa hơn nữa để thử tìm xem chiến tranh đòi hỏi những người tham gia phải có những đức tính gì, chúng ta sẽ thấy rằng *đức tính trí tuệ chiếm hàng đầu*. Chiến tranh là lĩnh vực của sự bấp bênh. Ba phần tư các yếu tố làm cơ sở cho hành động nằm trong sự mơ hồ ít nhiều dày đặc. Ở đây, hơn ở các lĩnh vực khác, phải có một trí tuệ tế nhị và sắc bén, biết phân biệt và nhận định chân lý theo bản năng.

Dĩ nhiên, do may mắn, một trí tuệ trung bình cũng có thể nhận định đúng; trong một cơ hội khác, lòng dũng cảm phi thường cũng có thể khắc phục được sai lầm phạm phải; nhưng, trong đa số các trường hợp thì thiếu thông minh thường bao giờ cũng đưa lại kết quả kém.

Chiến tranh là lĩnh vực của ngẫu nhiên. Không có môi trường hoạt động nào của

loài người lại để một biên độ rộng rãi như thế cho ông khách lạ ấy tung hoành, vì không có môi trường nào lại tiếp xúc toàn diện và thường trực với ông ta (ngẫu nhiên – *ND*) như thế. Trong mọi trường hợp, ngẫu nhiên làm cho tính bấp bênh tăng thêm và ngăn cản quá trình phát triển của các biến cố.

Vì các nguồn tin tức không vững vàng, luận cứ không chắc chắn, vì ngẫu nhiên luôn luôn tác động đến, người hành động luôn luôn thấy mình bị đặt trước những thực tế khác hẳn những điều mình chờ đợi. Điều này nhất định tác động đến kế hoạch hay ít nhất cũng tác động đến những ý niệm gắn liền với kế hoạch. Nếu sự tác động này làm cho những quyết định cũ trở thành hoàn toàn vô dụng thì thường thường phải thay chúng bằng những quyết định khác; nhưng ngay lúc ấy lại không có những dữ kiện cần thiết cho sự thay thế ấy vì trong quá trình hành động, tình hình đòi hỏi ta phải quyết định tức khắc, không cho phép ta nhìn một cách bao quát, và đôi khi không cho phép ta nghĩ kỹ. Nhưng thường thường, sự khảo nghiệm lại những ý niệm và sự hiểu biết những sự kiện ngẫu nhiên làm cho kế hoạch của chúng ta bị lung lay, tuy không làm cho nó bị tiêu hủy hoàn toàn. Sự hiểu biết thực tế của ta được bồi bổ thêm, nhưng tính bấp bênh chẳng những không bớt đi mà còn tăng lên. Sự việc xảy ra như vậy vì mọi kinh nghiệm không thể thu thập trong một lúc mà phải đúc kết từng bước, vì những quyết định của chúng ta luôn luôn phải đương đầu với những kinh nghiệm ấy, và trí óc của chúng ta luôn luôn phải sẵn sàng lên đạn, nếu chúng ta có thể nói như thế.

Như vậy, ta luôn luôn có xung đột với bất ngờ. Muốn vượt qua được khó khăn này mà không bị thiệt hại, phải có hai đức tính rất cần thiết: *trước tiên, một trí óc giữ được sự sáng suốt bên trong để đi đến chân lý, kể cả lúc phải mò mẫm trong khoảng bóng tối ngày càng mù mịt ấy* (ngẫu nhiên, bất ngờ – *ND*); *rồi đến lòng dũng cảm để đi theo luồng ánh sáng yếu ớt kể trên* (sáng suốt bên trong – *ND*). Điểm đầu, tiếng Pháp gọi bằng từ ngữ "coup d' oeil"**[23]** (cách nhìn nhanh và sáng suốt -ND); điểm thứ hai là tính *quyết đoán*.

Giao chiến là một đặc tính của chiến tranh đã làm cho người ta phải đặc biệt chú ý đến trước nhất.

Một mặt khác, thời gian và không gian là những yếu tố quan trọng của giao chiến, nhất là ở thời kỳ mà kỵ binh, với tính quyết định nhanh chóng của nó, đã trở thành yếu tố chủ yếu, đến nỗi người ta có quyết định chóng và đúng đắn trước hết là do đã đánh giá đúng hai yếu tố ấy. Để định nghĩa ý niệm này, người ta dùng một từ ngữ chỉ ứng dụng vào cách nhìn đúng đắn để đánh giá. Nhiều giáo sư về nghệ thuật chiến tranh đã định cho từ ngữ này cái nghĩa hạn chế như trên. Nhưng, ai chối cãi được rằng, cuối cùng người ta vẫn phải dùng từ ngữ trên để chỉ tất cả mọi quyết định đúng được đưa ra lúc thi hành, thí dụ như cách xác định điểm tiến công, v.v. Bởi vì, khi dùng từ ngữ "*coup d'oeil*",**[24]** không phải người ta chỉ nói đến con mắt vật chất, mà chính người ta lại hay nói đến con mắt của trí tuệ. Từ ngữ cũng như bản chất của vấn đề đều thuộc lĩnh vực chiến thuật; nhưng cũng không thể loại trừ nó ra khỏi lĩnh vực chiến lược, vì chiến lược thông thường cũng buộc ta phải có nhưng quyết định nhanh

chóng như thế. Nếu khái niệm này bị tước mất yếu tố quá bóng bẩy và quá hạn chế do từ ngữ đưa đến, nó chỉ có nghĩa là sự nhanh chóng xác định chân lý, trong lúc chân lý còn mờ mịt đối với một trí óc tầm thường hoặc chân lý chỉ được thấy rõ sau khi đã nghiên cứu lâu dài và suy nghĩ sâu sắc.

Tính quyết đoán là lòng dũng cảm ứng dụng vào một trường hợp đặc biệt; nếu nó trở thành một nét của tính cách, chính vì nó đã là thói quen của trí óc. Đây không phải là lòng dũng cảm trước sự nguy hiểm về vật chất mà lòng dũng cảm trước trách nhiệm, nghĩa là trước sự nguy hiểm về tinh thần (nếu người ta có thể nói như thế). Thường người ta gọi đó là *courage de l'esprit*[25] (lòng dũng cảm của trí óc) vì nó từ trí óc đến, mặc dầu đó là một biểu hiện của bản tính hơn là của trí óc. Sự thông minh thuần túy và đơn giản không làm cho người ta trở nên dũng cảm, vì những người thông minh nhất thường thường lại hay thiếu tính quyết đoán. Sự thông minh trước tiên phải thức tỉnh ý thức về dũng cảm, rồi giữ vững và nâng đỡ nó, vì trong những lúc quyết định nhất, con người thường nghe theo tình cảm hơn là tư tưởng của mình.

Chúng ta gọi tính quyết đoán là khả năng gạt bỏ những dằn vặt vì hồ nghi, loại trừ sự nguy hiểm vì dao động trong những hoàn cảnh phải hành động mà thiếu dữ kiện. Thật ra, trong ngôn ngữ thông thường, ít chính xác, người ta có thể dùng danh từ "quyết đoán" cho tính thích mạo hiểm, cho lòng dũng cảm, cho tính ngoan cường hoặc táo bạo. Nhưng khi một người có động cơ mạnh mẽ thúc đẩy (động cơ thuộc loại chủ quan hay khách quan, có chân giá trị hay dối trá) thì không có lý do gì để nói đến tính quyết đoán của anh ta, vì như vậy có nghĩa là chúng ta đã tự mình thay thế vào chỗ của anh ta và chúng ta đã để cho sự hồ nghi tác động đến, mặc dù anh ta tuyệt đối không biết gì đến hồ nghi cả.

Ở đây, người ta chỉ có thể nói đến hoặc là nghị lực hoặc là sự hèn yếu, và người ta không thể nói đến vấn đề gì khác. Chúng tôi sẽ không lố bịch đến nỗi mở một cuộc tranh luận với ngôn ngữ thông thường về sự lạm dụng nhỏ ấy; những nhận xét của chúng tôi chỉ nhằm gạt ra ngoài những sự phản bác không đúng đắn mà thôi. Nhưng, tính quyết đoán mà thắng được tình trạng hồ nghi chỉ có thể là kết quả của trí thông minh, hay nói đúng hơn, kết quả của một khuynh hướng rất đặc biệt của trí thông minh.

Chúng tôi đã nói rằng sự gặp gỡ đơn giản của một trí thông minh tuyệt vời và những tình cảm phù hợp chưa phải là tính quyết đoán. Trước những vấn đề khó khăn nhất, có những người tỏ ra có trí óc thông tuệ, không thiếu dũng cảm cần thiết để đương đầu với những trách nhiệm lớn. Vậy mà, trong những tình huống khó khăn, họ lại không quyết đoán được cái gì cả. Lòng dũng cảm và trí thông minh của họ là hai sự vật bị tách rời nhau, không đi đôi với nhau, kết quả là không có được cái đức tính thứ ba – tính cả quyết (tính quyết đoán). Quyết định chỉ nảy sinh từ vận động của trí tuệ lúc nhận thức được sự cần thiết của sự táo bạo, nên xác định được ý chí xu hướng rất đặc biệt này của trí thông minh vừa chiến thắng mọi sự sợ sệt, vừa chiến thắng mọi sự dao động và ngần ngại của con người. Đó chính là những điều tạo ra tính quyết đoán trong một tính khí mạnh mẽ. Bởi vậy, những người kém thông minh

không thể có tính quyết đoán, theo nghĩa chúng tôi hiểu danh từ này. Có thể là trong những tình huống khó khăn, họ hành động không trù trừ do dự; nhưng lúc đó họ hành động như vậy vì không suy nghĩ, và một người hành động không suy nghĩ thì nhất định không ngần ngại chút nào. Có lúc nào đó, may ra họ cũng có thể làm đúng. Nhưng chúng tôi vẫn nhắc lại rằng: Tính điểm trung bình của các kết quả đạt được thì sẽ biết ai là thiên tài.

Nhận định của tôi có vẻ kỳ dị đối với những ai biết khá nhiều sĩ quan khinh kỵ rất quyết đoán nhưng lại không có một tý chiều sâu nào về tư tưởng.

Chúng tôi nhắc họ rằng: Ở đây đang nói đến một xu hướng đặc biệt của trí tuệ, chứ không phải một thiên hướng về sự trầm tư mặc tưởng.

Như thế, chúng tôi cho rằng tính quyết đoán thuộc về một xu hướng đặc biệt của trí tuệ, xu hướng này gắn liền với một trí óc mạnh mẽ hơn là một trí óc xuất sắc. Để xác định thêm nữa quá trình nảy sinh ra tính quyết đoán đó, chúng tôi nói thêm rằng có không ít thí dụ về những người lúc giữ một chức vụ thấp thì rất quyết đoán, nhưng khi giữ chức vụ cao thì lại mất đức tính này đi. Tuy họ vẫn thấy cần phải quyết định, nhưng do biết rõ những nguy hiểm sẽ xảy ra nếu phạm sai lầm, và do không quen những việc mà mình phụ trách, trí thông minh của họ bị mất đi sức mạnh ban đầu. Họ lại càng trở nên e ngại lúc họ thấy sự nguy hiểm do thiếu quyết đoán đưa đến, điều này làm cho họ bị tê liệt, nhất là vì trước kia họ đã có thói quen hành động theo sự thúc đẩy trước mắt.

Lúc đã nói đến *coup d oeil* và tính quyết đoán thì tự nhiên phải nói đến một đức tính tương tự là sự nhanh trí. Đức tính này giữ một vai trò rất quan trọng trong những lĩnh vực bất ngờ vì bản chất của đức tính này chỉ là sự ưu việt trong cách chiến thắng sự bất ngờ. Nếu người ta khen ngợi sự nhanh trí của người biết đối đáp một câu chất vấn bất ngờ thì ta cũng phải khen ngợi sự nhanh trí của người biết giải quyết nhanh chóng một tai họa bất ngờ. Bản thân câu đối đáp hoặc cách giải quyết chẳng có gì phi thường, điều đó không quan trọng lắm. Điều quan trọng là những việc ấy làm được đúng lúc; bởi vì, một việc mà phải suy nghĩ lâu rồi mới giải quyết được thì chẳng có gì là tài ba lỗi lạc, nhưng nếu giải quyết được ngay tức khắc thì lại làm cho người ta thích thú về sự minh mẫn của trí thông minh. Trí thông minh giúp ta một cách dễ dàng và nhanh chóng, chính danh từ *nhanh trí* đã nói rất chính xác điều đó.

Đức tính tốt đẹp ấy của con người thuộc về tác phong của trí tuệ hay thuộc về tính tình cân đối? Cái đó còn tùy các trường hợp, nhưng sự nhanh trí lại cần đến cả hai. Đối đáp dễ dàng tùy thuộc ở một bộ óc thông minh, nhưng chống trả một tai họa bất ngờ lại tùy thuộc nhiều ở một sự cân đối cao trong tính tình.

Nếu người ta nhìn một cách tổng quát đến, bốn yếu tố của không khí chiến tranh: *sự nguy hiểm, cố gắng vật chất, sự bấp bênh và ngẫu nhiên*, người ta sẽ hiểu được một cách dễ dàng rằng cần phải có một lực lượng tinh thần và vật chất lớn thì mới bảo đảm tiến lên an toàn và thắng lợi trong cái môi trường kỳ lạ ấy. Tùy theo những sự thay đổi (vì tình hình và điều kiện cũng có thay đổi), những người kể chuyện chiến tranh và các nhà viết sử quân sự gọi lực lượng ấy là: *nghị lực, sự vững vàng, tính kiên*

trì, sức mạnh của tính cách và trí tuệ. Người ta có thể coi các biểu hiện ấy của bản chất anh hùng như một sức mạnh duy nhất của ý chí biến đổi theo tình thế. Song dù các đức tính ấy gắn liền với nhau rất chặt chẽ, chúng vẫn không phải là một. Chúng tôi thấy cần phải nghiên cứu những đức tính ấy kỹ càng hơn nữa, ít nhất cũng để từ đấy rút ra những mối quan hệ qua lại.

Để nói rõ quan niệm của chúng tôi, cần phải nói ngay rằng dầu người ta muốn đặt cho đức tính ấy của con người hành động cái tên gì đi nữa (trọng lượng, may rủi, sự kháng cự hoặc tên khác) thì nó cũng tùy thuộc rất ít vào hoạt động, sự kháng cự và áp lực trực tiếp của kẻ địch. Trước tiên, hoạt động của kẻ địch chỉ ảnh hưởng trực tiếp đến con người hành động với tư cách cá nhân chứ không phải với tư cách chỉ huy. Nếu kẻ thù chống cự trong bốn giờ chứ không phải trong hai giờ thì người chỉ huy sẽ bị sự nguy hiểm đe dọa trong bốn giờ chứ không phải trong hai giờ. Nhưng cấp bậc của người chỉ huy càng cao thì càng ít nguy hiểm. Đối với người tổng chỉ huy thì như thế nào? Nó hoàn toàn không có tý quan trọng nào cả.

Sau nữa, sự chống cự của kẻ địch có ảnh hưởng trực tiếp đến người chỉ huy, bởi vì sự chống cự kéo dài thì các phương tiện bị thiệt hại: Đó cũng là trách nhiệm của ông ta. Chính trong trường hợp này, bởi những điều lo ngại ấy nên nghị lực của ông ta bị đem ra thử thách lần đầu tiên. Dẫu sao thì đó cũng chưa phải là cái gánh nặng nhất đối với ông ta vì ông ta chỉ chịu trách nhiệm trước bản thân mình mà thôi. Nhưng tất cả những hậu quả do sự chống cự của kẻ địch gây ra còn ảnh hưởng đến các chiến binh dưới quyền của ông ta, và qua các chiến binh lại ảnh hưởng trở lại đến ông ta nữa.

Khi mà binh lính còn dũng cảm và tinh thần họ còn cao thì một người chỉ huy ít khi phải phát huy nghị lực của mình để đeo đuổi mục đích. Nhưng khi có những khó khăn trực tiếp xuất hiện – điều này thế nào rồi cũng xảy ra, nhất là lúc lập những chiến công phi thường – thì không phải mọi việc đều diễn ra theo ý muốn, như trong một bộ máy được lau dầu mỡ kỹ càng. Trái lại, chính bộ máy lại chống cự lại ta, và muốn vượt qua sự chống cự này thì người đứng đầu cần phải có nghị lực lớn. Không phải khi nào sự chống cự cũng biểu lộ ra bằng hành động không tuân lệnh hoặc bằng hành động chống trả, mặc dầu hai hình thức này biểu lộ khá phổ biến từ một số cá nhân. Nhưng nó biểu lộ ra bằng sự rệu rã phổ biến của các lực lượng vật chất và tinh thần, bằng quang cảnh bi thảm của sự hy sinh đẫm máu mà bản thân người chỉ huy phải vượt qua trước tiên và phải làm cho những người khác vượt qua được.

Chính những người khác lại truyền cho ông ta một cách trực tiếp hoặc gián tiếp những cảm tưởng, cảm giác, những lo lắng, nguyện vọng của họ. Lực lượng của các cá nhân càng tiêu tán dần đi, ý chí của họ càng không đủ để phát động và giữ vững lực lượng ấy thì mọi quán tính của quần chúng sẽ càng dần dần đè nặng lên ý chí của một mình người chỉ huy. Nhiệt tình của trái tim, ánh sáng của trí tuệ người chỉ huy phải không ngừng thổi bùng nhiệt tình của tính quyết đoán và ánh sáng của lòng hy vọng ở tất cả những người khác. Chỉ khi nào người chỉ huy ở ngang tầm của trách nhiệm trên thì ông ta mới kiểm soát được quần chúng bằng cách làm chủ họ. Nhưng

nếu lòng dũng cảm của người chỉ huy không thổi bùng được lòng dũng cảm của người khác thì ông ta cũng sẽ hạ mình xuống trình độ quần chúng, nghĩa là ở trình độ thấp hèn của bản chất thú tính, chỉ biết lùi bước trước nguy hiểm và không còn biết liêm sỉ là gì nữa. Đó là gánh nặng mà lòng dũng cảm và sức mạnh tinh thần của người chỉ huy cần phải chịu dựng, nếu ông ta muốn làm nên nghiệp lớn. Quân số càng đông, gánh nặng nói trên càng lớn; muốn phù hợp với trọng lượng, các sức mạnh ấy phải tăng lên theo với cấp bậc. Động cơ hành động càng mạnh thì năng lực hành động càng cao, dù động cơ phụ thuộc vào sự giác ngộ tinh thần hoặc vào sự vận động của bản năng. Song le, sự vận động của bản năng sẽ ít khi thiếu, nếu cần biểu lộ nghị lực to lớn.

Trong tất cả những tình cảm chứa chất trong trái tim của con người đang hăng say chiến đấu, chúng ta phải thừa nhận rằng không có tình cảm nào mạnh mẽ và vững chắc như lòng ham muốn danh vọng và vinh quang; dù tiếng Đức đối xử rất bất công và làm cho nó mất giá trị bằng cách kết hợp hai danh từ xấu: “Ehr-geiz” (hám danh) và “Kuhmsucht” (thèm muốn vinh quang). Chắc chắn rằng trong chiến tranh, sự lạm dụng những ước vọng tinh thần lớn ấy đã gây nên không biết bao nhiêu hành vi đáng căm giận cho loài người. Tuy vậy, phải xếp những tình cảm ấy, xét theo nguồn gốc của nó, vào loại cao quý nhất của bản chất con người. Vào thời chiến, những tình cảm ấy chính là nguồn cảm hứng làm cho cái thể xác khổng lồ có một tinh thần. Nếu những tình cảm khác như lòng yêu nước, lòng trung thành cuồng nhiệt với một lý tưởng, ý chí phục thù, sự hứng khởi các loại nói chung có vẻ cao quý hơn thì chúng cũng không thể thay thế lòng ham muốn danh vọng và vinh quang được. Nói chung, những tình cảm khác mà chúng tôi vừa nói trên, có thể động viên đông đảo quần chúng và nâng cao nhiệt tình của họ, nhưng nó không khêu gợi cho người chỉ huy khát vọng thực hiện những sự nghiệp lớn hơn so với quần chúng. Để đạt được những chiến công ít nhiều có ý nghĩa, khát vọng này rất cần. Trái với lòng ham muốn, các tình cảm này không biến hành động quân sự cá nhân thành tư hữu của người chỉ huy. Chỉ khi nào chúng biến thành của tư hữu thì người chỉ huy mói cố gắng sử dụng tốt nhất, mới ra sức cày cấy, mới gieo trồng cẩn thận nhất để thu hoạch tốt nhất. Chính những nguyện vọng ấy, nguyện vọng mà người chỉ huy nào cũng có, từ người cấp thấp nhất đến người cấp cao nhất, chính các loại hoạt động ấy, chính tinh thần đua tranh ấy, chính cái mũi nhọn ấy kích thích hiệu lực của một quân đội và chuẩn bị cho nó chiến thắng hơn là bất kỳ cái gì khác. Và bây giờ, về vấn đề con người, chúng tôi hỏi: Có ai đã thấy một nhà quân sự lớn mà không có lòng ham muốn không? Một hiện tượng như thế có thể xảy ra được không, dầu chỉ trong khái niệm mà thôi? *S ự *vững vàng* đánh dấu sự kháng cự của ý chí đối với sức mạnh của một đòn đơn độc; tính kiên trì lại liên quan đến thời hạn. Tuy hai từ này gần giống nhau, và người ta hay dùng từ này thay thế cho từ kia, nhưng người ta không thể hiểu lầm bản chất của chúng được. Vì sự vững vàng thì đối lập với một cảm giác bạo lực duy nhất và có thể bắt nguồn từ sức mạnh đơn thuần của tình cảm, còn tính kiên trì thì đòi hỏi sự ủng hộ của trí thông minh. Thật vậy, một hành động càng kéo dài lại càng có xu hướng tuân

theo một kế hoạch, và đó chính là sức mạnh của tính kiên trì.

Nếu người ta đi sâu vào *sức mạnh của tinh thần hoặc sức mạnh của tình cảm*, câu hỏi đầu tiên sẽ là câu này: Các từ ấy nghĩa là gì? Nhất định đó không phải là sức mạnh của việc biểu lộ tình cảm hoặc biểu lộ sự mê say, vì như vậy sẽ trái với mọi cách sử dụng ngôn ngữ. Nhưng đó chính là khả năng nghe lý trí, kể cả những lúc có xúc động mạnh nhất, trong cơn bão táp của sự mê say mạnh mẽ nhất. Năng khiếu ấy phải chăng chỉ phụ thuộc vào sức mạnh của trí tuệ? Điều đó đáng ngờ lắm. Có nhiều người thông minh khác thường đôi lúc cũng không tự chủ được. Điều đó không chứng minh cái gì cả vì tính tự chủ đòi hỏi một trí thông minh đặc biệt mang tính chất mạnh mẽ hơn là tính chất bao quát. Chúng tôi nghĩ rằng chúng ta sẽ đến gần chân lý hơn nếu nói: Khả năng phục tùng sự chi phối của trí thông minh, kể cả những lúc điên đảo nhất, khả năng mà người ta vẫn gọi *tính tự chủ* là ở trong chính bản thân tính tình. Thực ra, đó chính là một thứ tình cảm khác, ở trong những tâm hồn có nghị lực. Nó làm cho sự sôi nổi của lòng mê say thăng bằng hơn mà vẫn không hủy nó di. Và đó chính là cái đối trọng (contre-poids)**[26]** làm cho lý trí chiếm ưu thế. Cái đối trọng ấy chính là ý thức về danh dự con người, tức là lòng tự ái rất cao quý. Cái nhu cầu bẩm sinh ấy của tâm hồn buộc người ta phải hành động trong mọi trường hợp như những con người có lý trí và biết phân biệt phải trái. Vì vậy, chúng ta có thể nói rằng, một tâm hồn có nghị lực là một tâm hồn không mất thăng bằng, ngay cả trong lúc sôi sục ghê gớm nhất.

Nếu người ta nhìn qua sự khắc nghiệt của tính tình con người, trước tiên người ta sẽ thấy một hạng người rất ít xúc động mà người ta gọi là những người lạnh lùng hoặc vô tình.

Rồi đến những người hay xúc động, nhưng tình cảm không bao giờ lên quá một mức độ nào dó, người ta gọi đó là những người hay xúc động nhưng trầm tĩnh.

Thứ ba, đến những người rất hay xúc động, tình cảm bùng cháy rất nhanh và rất mạnh như thuốc súng, nhưng lại nguội đi cũng nhanh như thế.

Thứ tư, và cuối cùng, là những người không phải gặp trường hợp nào cũng xúc động, sự nhạy cảm của họ không bùng lên nhanh chóng mà bùng lên dần dần, song tình cảm trở nên mạnh mẽ và lâu bền hơn nhiều. Đó là những người có những say mê mạnh mẽ, sâu sắc và thầm kín.

Sự khác nhau giữa các con người về mặt thể chất có lẽ nằm ở ranh giới của các lực lượng vật chất, các lực lượng này cai quản cơ thể con người và phụ thuộc vào hệ thần kinh, một loại cơ quan rất mơ hồ. Cơ quan này một mặt có họ hàng với vật chất còn một mặt thì gắn liền với tinh thần. Đối với chúng tôi, bằng những phương tiện triết học ít ỏi của mình, chúng tôi tự ngăn mình không đi sâu vào những khu vực tối tăm ấy. Tuy vậy, chúng tôi cũng cần phải dừng một lúc để nói về ảnh hưởng của các bản chất khác nhau ấy đối với hoạt động quân sự, và để xét xem những ảnh hưởng ấy cho phép ta chờ đợi ở một tính tình nhiều nghị lực đến mức độ nào.

Một người vô tình không mất thăng bằng một cách dễ dàng, nhưng không có biểu hiện của nghị lực thì không thể gọi là có tính cách cương nghị. Tuy vậy, cũng phải

thừa nhận rằng, trong thời kỳ chiến tranh, những người thuộc loại này không phải là không có khả năng nhất định (tuy rằng rất phiến diện), chính là vì họ luôn luôn có sự ổn định. Thường thường, hành động của họ không có nguyên nhân tích cực, nghĩa là không có sự thúc đẩy và bởi thế không có sự hoạt động mạnh mẽ nhưng họ không bao giờ làm hỏng hoàn toàn công việc họ làm.

Ta có thể phân biệt được những người thuộc loại thứ hai, chính là vì họ thường phản ứng dễ dàng đối với những việc nhỏ nhưng lại hoang mang trước những việc lớn. Những người thuộc loại này thường mau chóng đến cứu giúp một cá nhân gặp nạn, nhưng toàn thể dân tộc lâm nguy thì lại làm cho họ rời rã hơn là kích thích họ hành động.

Trong chiến tranh, những người này không phải là không hoạt động, cũng không phải là mất thăng bằng, nhưng họ không làm được việc gì lớn trừ trường hợp có một khối óc lớn thúc đẩy họ. Nhưng ít khi có một khối óc mạnh mẽ và độc lập lại liên minh với những loại tính khí như vậy.

Những tính khí sôi nổi, nóng nảy không phù hợp với cuộc sống thực tiễn, vì thế cũng không phù hợp với chiến tranh. Tuy người có tính khí ấy lợi dụng được những sự thúc đẩy mạnh mẽ của nó, song những sự thúc đẩy này không bền lâu. Nhưng, khi những xúc cảm của họ nghiêng về phía dũng cảm và tham vọng, họ có thể giúp được một số việc tốt ở các vị trí bên dưới, chỉ vì lý do đơn giản là: Những hành vi chiến tranh giao cho những người chỉ huy cấp dưới thường ngắn hạn. Trong những trường hợp như trường hợp này, một quyết định can đảm, một sự bật dậy đơn độc của lực lượng tinh thần cũng đủ làm nên chuyện. Một cuộc tiến công táo bạo, một tiếng hô "tiến lên" mạnh mẽ là công việc của một khoảnh khắc, trong khi một cuộc giằng co quyết liệt trên chiến trường có thể kéo dài cả ngày về một chiến dịch thì có thể kéo dài cả năm.

Vì tình cảm của họ rất sôi nổi, những người thuộc loại này thường khó giữ thăng bằng hơn nhiều so với những người khác. Bởi vậy họ hay hoang mang; và trong chiến tranh, hoang mang lại là thói xấu lớn nhất. Ta không thể khẳng định rằng: Những người có tính khí dễ bị kích thích không bao giờ là những người mạnh, nghĩa là không bao giờ họ có thể giữ được thăng bằng khi gặp xúc động mạnh: Nói như thế trái với kinh nghiệm thực tế. Tại sao họ lại không có ý thức về danh dự của mình, vì nói chung bản chất của họ là cao quý? Họ thường có ý thức ấy, nhưng ý thức này không đủ thì giờ để phát huy tác dụng. Khi mà cái đà ban đầu qua đi, họ sẽ thấy nhục nhã ghê gớm. Nếu nhờ giáo dục và nhờ cách tự kiểm soát vì có nhiều kinh nghiệm, sớm muộn rồi họ cũng tự cảnh giác được đối với bản thân mình.

Cho nên trong những lúc rối ren nhất, khi thấy rõ những lực lượng ngược chiều nằm trong bản thân mình (lòng tự trọng), họ có thể tỏ ra có một sức mạnh tinh thần lớn.

Cuối cùng, có những người rất khó xúc động, nhưng chính vì thế mà họ xúc động sâu sắc; những người này so với những người nói đến trên kia cũng tương tự như cục than hồng so với ngọn lửa.

Chính nhờ lực lượng khổng lồ của họ nên ta mới có thể động viên được khối quần chúng mênh mông, nếu như ta có thể dùng hình ảnh ấy để nói rõ những khó khăn dính liền với hoạt động chiến tranh. Tình cảm của họ cũng như sự vận động của quần chúng tuy chậm chạp nhưng vì thế lại càng không có gì cưỡng nổi.

Những người này không có nguy cơ bị tình cảm thao túng và để cho tình cảm lôi kéo đến nỗi sau đó phải xấu hổ như những loại người trước. Ta đừng nên cho rằng họ không thể là nạn nhân của một sự kích động mù quáng nào, nói như thế cũng trái với kinh nghiệm. Trái lại, điều ấy có thể xảy ra nếu họ thiếu tự hào và tự chủ, hoặc các tình cảm ấy không đủ trọng lượng.

Điều nói trên cũng là một kinh nghiệm. Nó hay xảy ra đối với những vĩ nhân của các dân tộc thiếu văn minh mà trình độ trí tuệ thấp kém của họ là điều kiện thuận lợi cho sự kích động dễ nảy nở. Nhưng những giai cấp có văn hóa cao nhất của những dân tộc văn minh nhất cũng có rất nhiều thí dụ thuộc loại này: Con người bị sức mạnh của kích động lôi kéo, như dưới thời trung cổ, người đi săn trộm bị con hươu chạy băng qua rừng lôi kéo.

Chúng ta hãy nhắc lại rằng: Người có tâm hồn mạnh mẽ không phải là không có những xúc động mạnh mẽ, nhưng họ biết tự chủ dầu xúc động đến đâu đi nữa; nên, mặc cho bão táp cuồn cuộn trong trái tim, khả năng suy xét và lòng tin tưởng của họ vẫn hoàn toàn nhạy bén như kim nam châm trên địa bàn con tàu gặp nạn.

Sức mạnh của tính cách, hay nói đơn giản hơn: Tính cách, chỉ rõ sự bền bỉ của lòng tin, dầu lòng tin này là kết quả của sự suy xét của ngay bản thân mình hay của người khác, dầu nó dựa trên những nguyên tắc, trên dư luận, trên những cảm tưởng nhất thời hoặc trên những sản phẩm nào đó của trí tuệ.

Nói cho đúng, thứ cương nghị này không thể biểu lộ khi bản thân lòng tin hay có những thay đổi sâu sắc; những thay đổi này không nhất thiết sinh ra do ảnh hưởng bên ngoài. Nó có thể là kết quả của sự hoạt động không ngừng của trí thông minh, điều này chứng tỏ một cách không nghi ngờ gì được về sự không ổn định đặc biệt của trí óc. Một người luôn luôn thay đổi ý kiến không thể là một người cương nghị được, mặc dầu những nguyên nhân của sự thay đổi ấy chỉ ở trong bản thân anh ta. Như vậy, đức tính này chỉ nói đến những điều tin tưởng rất ổn định vì chúng bắt rễ rất sâu, rất rõ rệt, rất dễ thấy và chính vì vậy mà chúng không thay đổi; hoặc vì thiếu hoạt động của trí thông minh nên không thay đổi gì như đối với những người vô tình, hoặc vì một hành vi của ý chí, kết quả của một nguyên tắc tối cao của trí thông minh không cho phép, ở một mức độ nào đó, thay đổi ý kiến. Trong chiến tranh, vì có vô số cảm xúc mạnh mẽ chi phối tâm hồn và vì có sự nghi ngờ làm lung lay tất cả những điều hiểu biết và lòng tin của chúng ta, nên những nguyên có làm cho con người đi chệch con đường mà họ đã dấn mình vào và dẫn họ tới chỗ nghi ngờ cả bản thân mình cũng như người khác, thường nhiều hơn là trong bất cứ hoạt động nào của loài người.

Những sự đau khổ và nguy hiểm trông thấy trước mắt khêu gợi nhiều tình cảm, những tình cảm này có thể dễ dàng chi phối lòng tin của trí tuệ. Luồng ánh sáng lờ mờ bao trùm khắp nơi làm cho người ta không thấy rõ và không thấy sâu sắc, đến nỗi

những sự thay đổi ấy trở thành dễ hiểu và đáng tha thứ.

Hành vi bao giờ cũng chỉ dựa trên những chân lý dự đoán hay cảm thấy. Do dó, không bao giờ những sự bất đồng về quan điểm lại sâu sắc bằng trong chiến tranh; ở đây, những cảm tưởng kéo đến tới tấp, ngược lại với những điều tin tưởng của chúng ta. Bộ óc lạnh lùng nhất cũng không tránh được chúng vì những cảm tưởng này quá mạnh mẽ, quá sinh động và luôn luôn tiến công vào cả lý trí lẫn tình cảm.

Những ý kiến và nguyên tắc chung hướng dẫn hành động từ một quan điểm cao nhất chỉ có thể là kết quả của một sự hiểu biết sâu sắc và sáng suốt, và ý kiến đối với những trường hợp ngoại lệ hầu như luôn luôn lơ lửng trước những nguyên tắc ấy. Nhưng điều khó chính là ở chỗ bám chắc lấy kết quả của những sự suy nghĩ có từ trước, mặc dầu có nhiều sự phán đoán và hiện tượng ngược chiều tới tấp xuất hiện. Giữa những trường hợp ngoại lệ và nguyên tắc thường có một khoảng cách lớn: Không phải khi nào người ta cũng có thể lấp nó đi bằng những lý luận logic rõ ràng. Trong trường hợp này, lòng tự tin và một độ hoài nghi nào đó rất có ích. Người ta chỉ có thể sử dụng đến một nguyên tắc chỉ đạo, tuy độc lập đối với mọi sự suy nghĩ nhưng lại cai quản sự suy nghĩ. Nguyên tắc này là: *trong trường hợp còn nghi ngờ thì hãy kiên trì giữ ý kiến ban đầu, và không bỏ ý kiến này nếu không có những sự kiện chắc chắn khác bắt buộc*. Lòng tin tưởng không gì lay chuyển nổi ở chân lý tối cao của những nguyên tắc đã được thử thách lâu dài làm cho ta nhớ rằng: Những hiện tượng nhất thời tuy có mạnh mẽ cũng chỉ là giá trị rất thấp. Trong những trường hợp nghi ngờ, phải dành ưu tiên cho những ý kiến có từ trước, phải trung thành với những ý kiến đó: Như vậy tính cách của ta mới được ổn định và liên tục.

Rõ ràng, một tình hình cân đối giúp cho tính cách thêm mạnh mẽ; đó là lý do tại sao những người có tinh thần rất cao lại thường thường cương nghị.

Sức mạnh của tính cách dẫn ta đến một loại tính cách: *tính ngoan cố* (l'obstination).

Trong những trường hợp cụ thể, thường rất khó thấy ngoan cố bắt đầu ở đâu và cương nghị kết thúc ở đâu; trái lại, sự khác nhau trừu tượng giữa hai tính chất này thì rất dễ quy định.

Tính ngoan cố không phải là một khuyết điểm của trí thông minh, đó là một danh từ chỉ sự từ chối, không theo một sự hiểu biết cao hơn. Sự từ chối này nếu nói là thuộc về trí thông minh thì sẽ gặp mâu thuẫn vì trí thông minh chính là năng lực hiểu biết. Tính ngoan cố là một khuyết điểm của tính tình. Cái ý chí không lung lay, không dung thứ bất kỳ sự mâu thuẫn nào ấy chỉ là một sự ích kỷ đặc biệt, chẳng những chỉ muốn tuân theo mà còn bắt người khác cũng phải theo chỉ thị của bản thân trí tuệ của mình mà thôi. Người ta có thể gọi dó là tính khoe khoang, nếu đó không phải là một điều tệ hơn nữa: Khoe khoang thì chỉ cần thỏa mãn về hình thức bên ngoài, còn tính ngoan cố thì lại dựa vào sự thỏa mãn do nội dung đưa lại.**[27]** Người ta có thể nói rằng tính cách cương nghị trở thành ngoan cố khi sự đối lập với một quan điểm cụ thể không tùy thuộc vào một cơ sở chắc chắn hơn hay vào lòng tin tưởng ở một nguyên tắc cao hơn, nhưng lại tùy thuộc vào một ý thức chống đối.

Chúng tôi nói lại: Tuy định nghĩa này ít có ích lợi thực tiễn, nó cũng cho phép ta không lầm lẫn giữa tính ngoan cố với một cường độ lớn hơn của tính cương nghị, trong lúc hai tính cách này chủ yếu khác nhau tuy nó song song với nhau, gần sát nhau nhưng lại không phải vì thế mà nói ngoan cố là tăng cường độ cương nghị đến nỗi người ta thấy những người rất ngoan cố nhưng lại thiếu thông minh vì thế thành ra thiếu tính cách cương nghị.

Nhờ mọi đức tính siêu việt của một người chỉ huy quân sự lớn nên chúng ta đã thấy tính tình tác động và hợp tác với trí tuệ như thế nào. Bây giờ chúng ta cần nói đến một đặc điểm của hoạt động chiến tranh mạnh mẽ nhất, mặc dầu không phải quan trọng nhất, và chỉ đòi hỏi những khả năng trí óc còn những khả năng tính tình thì không ảnh hưởng đến nhiều lắm. Đó là mối tương quan giữa chiến tranh với địa hình và thổ nhưỡng.

Trước tiên, phải nói rằng mối tương quan này là *thường trực* vì ta không thể quan niệm một cuộc tác chiến của một quân đội có tổ chức lại không diễn biến trong một khoảng không gian nhất định; thứ hai, mối tương quan này có tầm quan trọng quyết định vì nó để lại dấu ấn và có đôi khi thay đổi hoàn toàn hiệu quả của tất cả các lực lượng; thứ ba, mối tương quan này khi thì dựa vào những chi tiết nhỏ nhặt nhất của một khoảnh đất, khi thì bao quát cả một khoảng không gian mênh mông.

Quan hệ giữa chiến tranh với địa hình và thổ nhưỡng, khiến cho hoạt động quân sự có tính chất đặc thù. Khi người ta nghĩ đến các hoạt động khác của loài người dựa trên đất đai (làm vườn, trồng trọt, xây dựng, các công trình thủy lợi, hầm mỏ, săn bắn, khai thác rừng), người ta thấy chúng chỉ bó hẹp trong những khoảng diện tích rất có giới hạn, dễ khám phá nhanh chóng với một độ chính xác đầy đủ.

Trong chiến tranh, người chỉ huy phải tìm thấy ở trong khoảng không gian của chiến trường một người cộng tác của hành động. Mặc dầu có nghị lực đến thế nào, đối với khoảng không gian này, ông ta cũng không thể quan sát, không thể khám phá đầy đủ được, vì tình hình luôn luôn thay đổi rất ít khi cho phép quan sát địa hình một cách chi tiết.

Nói cho đúng thì kẻ địch đại để cũng vấp phải những khó khăn như ta.**[28]** Tuy nhiên dù đây là khó khăn chung cho cả hai bên thì nó vẫn cứ là khó khăn, và bên nào khắc phục được nó, nhờ tài năng hoặc nhờ thành thạo, sẽ chiếm được một ưu thế lớn. Ngoài ra, đó chỉ là khó khăn của cả hai bên nói chung, còn trong các trường hop đặc biệt thì không nhất thiết như vậy mà có thể khác hẳn; một trong hai bên đối địch (bên phòng ngự) thường nắm được địa hình vững hơn bên kia rất nhiều.

Muốn vượt qua khó khăn rất đặc biệt này, cần phải có một năng lực trí tuệ (faculté mentale) rất đặc biệt gọi là *giác quan định hướng* (sens de l’orientation), tuy từ ngữ đó quá hẹp. Đó là năng lực có thể *nhanh chóng hình thành một khái niệm hình học đúng về bất kỳ địa hình nào* và do đó dễ dàng tự xác định được phương hướng. Tất nhiên đó là một sự vận động của trí tưởng tượng. Nói cho đúng, có được cảm quan một phần là nhờ ở con mắt vật chất, một phần là nhờ ở trí tuệ cung cấp cho những dữ kiện còn thiếu, dựa trên khoa học và kinh nghiệm; các dữ kiện này cộng

với những mảnh hiện tượng do con mắt vật chất trông thấy làm thành một tổng thể. Nhưng muốn cho tổng thể này có tính sinh động, trở thành một hình ảnh, một bản đồ địa lý vạch trong bộ óc để cho hình ảnh giữ được bền vững và các chi tiết không luôn luôn bị nát vụn, thì phải có *một khả năng trí tuệ mà người ta gọi là trí tưởng tượng*.

Nếu một nhà thơ hay một họa sĩ thiên tài nào đó bất bình vì thấy thần tượng của mình phải nhận những nhiệm vụ như vậy, nếu ông ta nhún vai khi nghĩ rằng "như thế, một thằng hầu săn nhanh nhẹn một chút cũng có trí tưởng tượng vào bậc nhất rồi thì chúng tôi cũng sẵn sàng nhân nhượng mà nói rằng: Ở đây, danh từ này chỉ có nghĩa rất giới hạn, trí tưởng tượng gần như hoàn toàn bị lệ thuộc.**[29]** Nhưng dầu sự ích lợi có nhỏ nhặt đến mấy thì nó cũng vẫn do lực lượng tự nhiên ấy sản sinh ra (do trí tưởng tượng mà có – ND). Nhưng dù khả năng đó như thế nào đi nữa, dù nó ít ỏi đến mức nào cũng phải sử dụng đến. Nếu hoàn toàn không có nó thì ta sẽ rất khó tạo ra được một hình ảnh rõ ràng và có hệ thống, như nom thấy sự vật biểu hiện ra ở ngay trước mắt. Chúng tôi cũng sẵn sàng thừa nhận rằng: Một trí nhớ tốt ở đây là rất có ích; nhưng không thể xem trí nhớ là một năng lực độc lập mà phải cho rằng chính vì nhờ cái năng lực tạo ra hình ảnh ấy nên các sự kiện dính chặt vào trí nhớ hơn. Chúng tôi không giải quyết dứt khoát vấn đề này, nhất là vì ở nhiều mặt, khó có thể quan niệm tách rời hai khả năng tâm thần nói trên.

Không thể chối cãi được rằng sự thành thạo và sự hiểu biết đóng một vai trò rất lớn trong vấn đề này. Puységur,**[30]** người tham mưu trưởng nổi tiếng của Luxembourg**[31]** nổi tiếng đã viết rằng: Về điểm này, ông ta không tin ở mình lắm vì ông ta thấy hễ cứ phải đi xa để xin chỉ thị là bị lạc đường ngay.

Cấp bậc càng cao thì tự nhiên phạm vi ứng dụng tài năng trên càng lớn. Người lính khinh kỵ và người lính bộ binh cần biết điều khiển một toán tuần tiễu qua rừng, qua núi: Nhiệm vụ này chỉ đòi hỏi ở anh ta một năng lực hiểu biết và diễn giải trung bình. Còn người chỉ huy thì phải nâng trình độ hiểu biết của mình đến khoa học địa lý đại cương của một tỉnh và một xứ, biết hình dung ra một hình ảnh sinh động về đường bộ, đường thủy, về vị trí các dãy núi, đồng thời lại có năng lực hiểu thấu cặn kẽ đến những chi tiết của địa hình. Chắc chắn là các loại tin tức, các bản đồ, các sách vở, các hồi ký sẽ phục vụ ông ta trong những đường nét lớn của hoạt động, cũng như những người tùy tùng sẽ giúp đỡ ông ta rất nhiều trong những vấn đề chi tiết. Tuy vậy, sự nhận thức địa hình nhanh chóng và rõ ràng vẫn là một thứ tài năng giúp toàn bộ hành động của ông ta có một khí thế vững vàng và dễ dàng hơn nhiều, đồng thời làm cho ông ta ít phụ thuộc vào người khác và không bị một sự vụng về tinh thần nào đó chi phối.

Vả lại, chỉ trong khả năng đó (khả năng có sự hiểu biết rõ ràng và sinh động về địa hình- ND), hoạt động chiến tranh mới cần nhiều đến trí tưởng tượng – vị thần kỳ quái phần nhiều sẽ chỉ có hại hơn là có ích cho hoạt động chiến tranh.

Chúng tôi thấy rằng mình đã điểm qua tất cả mọi biểu hiện của trí tuệ và tinh thần của con người tham gia các hoạt động chiến tranh, ở đâu trí thông minh cũng xuất hiện như một lực lượng cộng tác chủ yếu. Chính điều đó giải thích tại sao hoạt động

chiến tranh, tuy biểu hiện ra bằng những hành vi đơn giản và ít phức tạp đến thế, lại không thể nào tiến hành được một cách hoàn hảo nếu như nó do những người không có khả năng trí tuệ lỗi lạc phụ trách.

Khi đã tin tưởng như vậy thì một việc tự nhiên như việc bọc hậu quân địch (đã từng xảy ra hàng nghìn lần và có hàng chục sự việc tương tự) sẽ không còn xuất hiện như những chiến công đòi hỏi phải cố gắng nhiều về trí tuệ nữa.**[32]** Nói cho đúng, người ta có thói quen tưởng rằng người lính bình thường và tốt có sự đối lập với một bộ óc trầm tư, giàu ý kiến và sáng kiến, hoặc với một trí tuệ lỗi lạc lại có nhiều màu sắc văn hóa hấp dẫn. Sự đối lập đó không phải là không có cơ sở, nhưng nó không chứng minh rằng chỉ cần gan dạ là đủ trở thành một người lính tốt, và một hoạt động trí tuệ nào đó, một khả năng suy nghĩ nào đó là không cần thiết đối với cái mà người ta gọi là một lưỡi gươm sắc bén (tức là một người lính chiến đấu tốt – ND). Chúng tôi lại phải trở lại điều này: Không có gì phổ biến hơn loại người bị tê liệt hành động khi họ giữ chức vụ cao, lúc đó tầm nhìn của họ không đủ để thích ứng nữa; nhưng cũng nên nhớ rằng, chúng tôi nói về những chiến công đặc biệt, những chiến công hiển hách trong loại hình hoạt động mà chúng phụ thuộc. Trong chiến tranh, mỗi cấp chỉ huy có một kiểu năng lực trí tuệ riêng, một kiểu danh dự và vẻ vang riêng.

Giữa người chỉ huy cao nhất, nghĩa là giữa người tướng cầm đầu toàn bộ cuộc chiến tranh hoặc một chiến trường, và người ở cấp dưới trực tiếp có một cái vực rất sâu, bởi lý do rất đơn giản là người ở cấp dưới phải chịu một sự chỉ đạo, một sự kiểm soát trực tiếp hơn nhiều so với người chỉ huy cao nhất. Điều đó làm cho phạm vi sáng kiến trí tuệ của họ bị thu hẹp đi rõ ràng. Nó làm cho dư luận công chúng chỉ thừa nhận sự hơn hẳn về trí tuệ ở cấp cao nhất và tưởng rằng chỉ một bộ óc thông minh trung bình cũng đủ dùng ở các chức vụ thấp hơn. Người ta lại có xu hướng cho rằng: Một trung tướng tóc đã bạc trắng vì phục vụ trong quân đội và tâm thần đã yếu đi nhiều vì sự hoạt động một chiều, là hình ảnh của một sự đần độn nào đó, và người ta mỉm cười trước sự đơn giản của ông ta, tuy người ta vẫn cho rằng dũng cảm là đáng kính trọng. Chúng tôi không có ý định bênh vực những con người dũng cảm đáng thương ấy để bảo đảm cho họ có số phận tốt hơn; làm như thế không có ích gì cho hoạt động và hạnh phúc của họ. Chúng tôi chỉ muốn: Sự thật như thế nào thì trình bày như thế ấy, và đề phòng sai lầm cho rằng trong chiến tranh, một người lính quèn không có trí tuệ cũng có thể lập được chiến công lớn.

Theo ý chúng tôi, các chức vụ chỉ huy, kể cả những chức vụ thấp nhất đều đòi hỏi những năng lực trí tuệ xuất sắc (nếu người ta muốn làm thật tốt chức vụ của minh), và lên cấp càng cao thì những năng lực ấy càng phải tăng cường. Như thế tự nhiên chúng ta phải có ý kiến khác hẳn đối với những người làm tròn những chức trách hạng hai trong quân đội một cách tốt đẹp. Nếu đem so sánh với nhà học giả, với nhà kinh doanh biết cầm bút, với nhà chính trị trong hội nghị, thì ta cũng không nên vì thấy bề ngoài của những người ở cấp thấp có vẻ đơn giản mà lầm lẫn rồi cho rằng họ không có trí thông minh hoàn hảo. Dĩ nhiên, đôi lúc có những người lên cấp cao, tuy không xứng đáng lắm, song vẫn giữ được vinh dự sẵn có khi còn ở cấp dưới. Nhưng

nếu người ta không đòi hỏi ở họ nhiều quá, và vì vậy họ không bộc lộ thiếu sót của mình ra, thì dư luận cũng không tìm cách hiểu rõ hơn cái danh tiếng mà họ được hưởng. Như vậy, họ cũng thường góp phần làm cho người ta có ý nghĩ kém cỏi về một nhân vật còn có thể xuất sắc khi giữ một chức vụ nào đó.

Từ cấp bậc thấp nhất đến cấp bậc cao nhất, những chiến công quân sự hạng nhất đòi hỏi phải có sự giúp đỡ của một thiên tài đặc biệt. Tuy vậy, lịch sử và người đời sau thường thường chỉ liệt vào thiên tài chân chính những bộ óc xuất sắc ở hàng đầu, nghĩa là người tổng chỉ huy. Ta nên thấy rằng, sở dĩ có tình trạng đó là vì các đức tính tinh thần và trí tuệ đối với họ dĩ nhiên cần thiết hơn ở những cấp bậc khác.

Muốn đưa toàn bộ cuộc chiến tranh, hay ít nhất là các hành động quan trọng nhất của chiến tranh mà người ta gọi là các chiến dịch, đến kết thúc thắng lợi, thì phải có sự hiểu biết sâu sắc về các dữ kiện chính trị cao nhất của quốc gia. Ở đây, sự chỉ đạo chiến tranh trùng khít với chính trị, và người tướng đồng thời trở thành nhà chính trị.

Vua Charles XII không có tiếng là một thiên tài lớn, chính vì ông ta không biết đặt hiệu quả của quân đội phụ thuộc vào một sự hiểu biết, một sự khôn ngoan cao hơn, nghĩa là không để cho chúng phục vụ một mục đích cao hơn. Henry IV**[33]** cũng không phải là một thiên tài, chính vì ông ta không sống được lâu để đem những cố gắng về quân sự của ông ta tác động tới nền chính trị của nhiều quốc gia, và để được thử thách trong một môi trường thượng đẳng, ở đó tình cảm cao quý và tính cách nghĩa hiệp không có quyền lực đối với đối phương bằng khi muốn chiến thắng một sự kháng cự bên trong.

Để có một ý niệm về tất cả những điều mà một người tướng phải đánh giá và hiểu biết cùng một lúc, bạn đọc nên đọc lại chương 1. Nếu một vị tướng trở thành nhà chính trị thì không phải vì thế mà ông ta thôi không phải là tướng nữa. Một mặt ông ta phải nhìn bao quát tất cả các điều kiện vật chất, một mặt khác ông ta lại phải biết rõ những phương tiện có trong tay cho phép ông ta đi đến đâu.

Trong chiến tranh, sự khác biệt và các mối quan hệ không có ranh giới rõ ràng làm cho người ta phải chú ý đến nhiều yếu tố. Phần lớn các yếu tố đó chỉ có thể đánh giá được theo quy luật của toán xác suất. Nếu người hành động không có cảm quan nhạy bén dự đoán thấy chân lý tổng quát thì kết quả sẽ là một mớ hỗn loạn về quan điểm và nhận định. Ông ta sẽ bất lực hoàn toàn trong việc tìm ra một khái niệm chỉ đạo. Về vấn đề này, Bonaparte đã nói rất đúng rằng: Rất nhiều quyết định mà người chỉ huy phải giải quyết có thể dùng làm đề tài toán học xứng đáng cho những nhà bác học như Newton hoặc Euler.

Ở đây, những khả năng cao nhất của trí tuệ phải làm những gì? Nó phải tổng hợp và phán đoán được ở trình độ rất cao, như một nhãn quan tuyệt diệu của trí tuệ. Nó lướt qua và đẩy xa ra ngoài tầm bay của nó hàng ngàn khái niệm lờ mờ mà một bộ óc tầm thường phải rất khó khăn mới tìm thấy được (bộ óc tầm thường ấy còn bị tàn lụi đi nếu gặp những khái niệm trên). Nhưng, cái hoạt động cao cấp ấy của trí tuệ, cái nhãn quan thiên tài ấy sẽ không có giá trị lịch sử gì nếu không được những phẩm chất của tính tình và của tính cách (chúng tôi đã nói ở trên) giúp đỡ.

Đối với con người, bản thân chân lý là một động cơ vô cùng yếu ớt; vì vậy có sự khác nhau rất lớn giữa hiểu biết và ý chí; giữa hiểu biết (savoir) và khả năng (pouvoir). Tình cảm thúc đẩy con người hành động mạnh nhất. Tính quyết đoán, sự vững chắc, lòng kiên trì, tính cương nghị tức là sự hòa hợp giữa tâm hồn và trí óc, chi viện mạnh mẽ nhất cho con người.

Ngoài ra, nếu hoạt động trí óc và tinh thần của người chỉ huy không biểu hiện được ưu thế của mình vào trong kết quả cuối cùng của sự nghiệp và chỉ ứng dụng được ở sự trung thành, ở lòng tin tưởng, thì ít khi nó thành một hiện tượng lịch sử.

Thường thường, tất cả những điều người ta biết trong quá trình diễn biến của các hiện tượng chiến tranh đều rất đơn giản. Lúc kể lại thì các sự việc đều rất giống nhau và không ai tưởng tượng được ra những khó khăn đã phải vượt qua. Chỉ đôi lúc, qua các hồi ký của các nhà quân sự hay của một trong những người thân tín của ông ta, hoặc nhân một cuộc nghiên cứu lịch sử về một sự kiện đặc biệt, một phần trong vô số sợi chỉ dệt thành sự kiện mới được đưa ra ánh sáng. Phần lớn các cố gắng và các cuộc đấu tranh tư tưởng trước lúc thi hành một kế hoạch quan trọng được cố tình giấu đi bởi vì nó đụng chạm đến các quyền lợi chính trị, đó là chưa kể đến trường hợp ngẫu nhiên nó bị lãng quên, bởi lẽ người ta cho nó chỉ là cái giàn giáo cần phải hủy bỏ sau khi đã xây xong tòa lâu đài.

Nếu người ta chỉ nghĩ đến sự khác nhau giữa các khả năng trí tuệ như các khái niệm thông thường đã được cố định trong ngôn ngữ mà không nghĩ đến việc định nghĩa một cách chính xác hơn những lực lượng cao nhất của tâm hồn, và nếu người ta tự hỏi xem loại trí tuệ nào phù hợp nhất với thiên tài quân sự, thì kinh nghiệm và việc nghiên cứu vấn đề cho ta biết rằng: Trong thời kỳ chiến tranh, người ta thường hay giao phó việc bảo vệ anh chị em, con cái chúng ta cùng với danh dự và an ninh của Tổ quốc cho những bộ óc tìm tòi, nghiên cứu kỹ càng hơn là sáng tạo, cho những bộ óc có kiến thức rộng hơn là chỉ thạo về một mặt chuyên môn, cho những bộ óc trầm mặc hơn là nồng nhiệt.

Chương 4. BÀN VỀ SỰ NGUY HIỂM TRONG CHIẾN TRANH

Trước khi biết đến nguy hiểm, người ta thường tưởng rằng nó hấp dẫn hơn là đáng ghê sợ. Xông vào quân thù theo nhịp xung trận, ngây ngất vì phấn khởi – lúc đó ai nghĩ đến đạn réo và người ngã? Nhắm mắt lại để lao mình đến trước cái chết lạnh giá, không cần biết là mình hay người khác ai sẽ còn sống – và tất cả điều đó diễn ra trước ngưỡng cửa vàng son của chiến thắng cuối cùng, kết quả ngon lành của tham vọng, điều mà ta ao ước đã đến gần tầm tay của chúng ta – điều ấy có khó không? Đương nhiên là không khó nhưng cũng không phải dễ như người ta tưởng. Những khoảnh khắc ấy không phải là kết quả của một sự thúc đẩy đơn độc như người ta có thể lầm tưởng, nhưng phải coi đó là một thang thuốc đã bị thời gian làm hư hỏng và loãng ra. Những khoảnh khắc ấy rất hiếm có.

Chúng ta hãy theo người lính mới ra chiến trường. Càng đến gần, tiếng đại bác gầm lên càng rõ và hòa lẫn với tiếng đạn réo, khiến cho anh lính thiếu kinh nghiệm càng phải chú ý. Đạn rơi rất gần chúng ta. Chúng ta hãy leo lên ngọn đồi, trên ấy có vị tướng chỉ huy và ban tham mưu đông đảo của ông ta.

Đạn trái phá nổ gần chúng ta lắm rồi, lựu đạn nổ dồn dập đến nỗi khía cạnh nghiêm túc của cuộc sống lại chiếm lấy trí óc non nớt của cậu lính mới. Bỗng nhiên, một trong những người quen biết của ta ngã xuống – một trái lựu đạn rơi vào giữa một nhóm người, gây nên một sự xao xuyến vô tình – người ta tự thấy bớt bình tĩnh, bớt nhanh trí đi một chút, và ngay cả người can đảm nhất ít ra cũng bị lúng túng.

Bước thêm một bước, chúng ta hoàn toàn tiến vào chiến trận đang bùng cháy xung quanh; bây giờ ai nấy đều tưởng như mình đang đứng trước sân khấu thực sự, và chúng ta giáp mặt với vị tướng chỉ huy sư đoàn gần nhất. Ở đây, đạn réo không ngừng và tiếng súng của chính chúng ta nổ làm cho cảnh hỗn độn tăng thêm. Chúng ta hãy tạm biệt vị tướng chỉ huy sư đoàn và đến gặp vị tướng chí huy lữ đoàn.

Có tiếng là anh dũng, ông này khôn khéo đứng sau một ngọn đồi, một ngôi nhà hay một vài gốc cây: Đó là những dấu hiệu chắc chắn, chứng tỏ rằng nguy hiểm đã tăng lên nhiều. Đạn nổ trên các mái nhà và các cánh đồng, trái phá bay khắp nơi xung quanh ta, trên đầu ta, và đã nghe thấy rõ cả tiếng nổ của đạn súng trường. Chúng ta hãy đến gần hàng ngũ quân đội hơn nữa, gần tuyến bộ binh kiên nhẫn vô song đã từng đứng hàng mấy giờ dài dằng dặc dưới làn mưa đạn. Đạn bay dày đặc trong không gian. Chúng ta biết đường đạn đi vì tiếng ngắn gọn và nhọn hoắt của nó lướt qua tai và qua cả tâm hồn mình. Hơn nữa, quang cảnh người bị thương, người ngã xuống còn làm cho trái tim đang đập mạnh của chúng ta càng thêm trắc ẩn.

Người chưa có kinh nghiệm, qua các vùng có mật độ nguy hiểm khác nhau, không thể không thấy rằng ánh sáng của lý trí ở đây chuyển động trong một môi trường khác và tự phản chiếu một cách khác nếu nó hoạt động theo lối thuần lý. Phải là một người phi thường mới không mất năng lực quyết đoán tức thời trong cuộc gặp

gỡ đầu tiên ấy. Nói cho đúng, thói quen cũng mau dẫn đến sự vô tình; độ khoảng nửa giờ, người ta đã ít nhiều thờ ơ với tất cả các cái gì xảy ra xung quanh. Nhưng người bình thường không bao giờ đạt được tính lạnh lùng hoàn toàn và tính đàn hồi tự nhiên của tâm hồn.**[34]** Người ta bắt buộc phải thừa nhận rằng: Ở đây cũng vậy, những đức tính bình thường không còn đáp ứng được nữa. Chân lý này càng rõ thêm khi môi trường hoạt động mở rộng hơn. Một sự anh dũng bẩm sinh, đầy phấn khởi và trầm tĩnh, một tham vọng không cưỡng được hoặc một thói quen lâu dài với nguy hiểm, tất cả những điều trên đều rất cần để, giữa những khó khăn ngày càng nhiều, mọi hoạt động của chúng ta không nằm lại ở dưới mức độ mà người ta cho là bình thường giữa bốn bức tường.

Nguy hiểm thuộc phạm vi cọ xát trong chiến tranh. Muốn hiểu nó đến nơi đến chốn thì phải có ý niệm đúng về nó. Vì vậy chúng tôi thấy cần đề cập đến vấn đề đó ở đây.

Chương 5. SỰ CĂNG THẲNG VỀ THỂ LỰC TRONG CHIẾN TRANH

Trong lúc người ta cóng vì lạnh, gần chết vì nóng nực và đói khát, kiệt sức vì thiếu thốn và mệt nhọc, mà lại phải cho ý kiến về chiến tranh thì chắc chắn là ý kiến khách quan sẽ bớt đi rất nhiều.

Nhưng ít nhất những ý kiến này cũng đúng về chủ quan, nghĩa là nó chứa đựng mối quan hệ đúng đắn giữa người phê phán và đối tượng bị phê phán. Người ta nhận rõ điều này khi người ta thấy rằng những người được chứng kiến những biến cố quan trọng đều có khuynh hướng coi thường nó, giảm bớt nó đi và nhìn nó dưới một góc độ tầm thường, nhất là khi bản thân họ cũng dính líu đến những biến cố ấy.

Theo ý chúng tôi, đó là một chứng cớ về ảnh hưởng của sự căng thẳng về thể lực, và đó cũng là chứng cớ để tỏ ra rằng cần phải chú ý đến vấn đề này trước khi nhận xét.

Không mệnh lệnh cảnh sát nào có thể quy định được mức độ của số lớn những yếu tố, nhưng cần phải chú ý đầu tiên đến một yếu tố lớn: Sự căng thẳng về thể lực. Với điều kiện là không lãng phí, đó là hệ số của tất cả các lực lượng,**[35]** và không có ai nói trước được rằng cần phải đẩy cố gắng lên đến đâu. Nếu chỉ có sức mạnh của cánh tay – và đấy là điều đáng chú ý – mới cho phép người bắn cung giương dây cung mạnh hơn thì cũng chỉ có một tinh thần cương nghị mới có thể động viên cao độ các lực lượng của quân đội đang tác chiến. Bởi vì, sau những tai họa lớn, một quân đội lúc nào cũng bị nguy hiểm đe dọa sẽ đi đến chỗ tan rã như một bức tường mục nát, và chỉ có thể tự cứu mình bằng cách căng ra đến cao độ những lực lượng vật chất. Còn đối với một quân đội thắng trận thì lại khác hẳn: Nó rất kiêu hãnh, tự hào và người chỉ huy có thể lãnh đạo nó theo ý muốn của mình. Nếu trong trường hợp thứ nhất, sự cố gắng chỉ làm cho ta thương hại thì trong trường hợp thứ hai nó lại làm cho ta khâm phục, vì khó duy trì hơn.

Con mắt không kinh nghiệm thấy xuất hiện ở đây một trong những sự kiện trói buộc một cách khó hiểu những sự vận động của trí óc, và bí mật gặm dần các lực lượng của tinh thần.

Tuy về thực chất, đây chỉ nói về vấn đề: Sự cố gắng mà một vị tướng đòi hỏi ở quân đội, và người cầm đầu đòi hỏi ở cấp dưới, nghĩa là sự dũng cảm và nghệ thuật duy trì sự dũng cảm ấy, nhưng ta cũng không nên coi thường sự căng thẳng về thể lực của một người chỉ huy và của bản thân vị tướng. Đến đây, sau khi phân tích kỹ càng về vấn đề chiến tranh, ta cần phải chú ý đến tầm quan trọng của cái phần tử còn lại**[36]** ấy.

Nếu chúng tôi đã nói về sự căng thẳng về thể lực thì chính là vì, cũng như nguy hiểm, nó là một nguyên nhân căn bản của sự cọ xát, và vì người ta không biết chắc mức độ của nó nên nó cũng gần giống như những vật thể đàn hồi; người ta rất khó tính toán sự ma sát của các vật thể này.

Để đề phòng những lạm dụng mà người la có thể phạm phải vì những ý kiến trên, vì những tình huống làm cho sự nguy hiểm trong chiến tranh thêm nghiêm trọng, tạo hóa đã giao cho tình cảm của chúng ta trách nhiệm hướng dẫn sự suy xét của mình. Một con người bị hành hạ hoặc lăng nhục sẽ chẳng có lợi gì nếu đem phơi bày chỗ yếu của mình, trái lại anh ta hoàn toàn có thể làm như thế nếu anh ta có một cách chống trả tốt hoặc một cách trả thù nổi bật. Cũng giống như vậy, một người chỉ huy quân sự hay một quân đội không bao giờ có thể giảm bớt hậu quả của một sự thất bại nhục nhã bằng cách phô trương những nguy hiểm, sự đói khổ và những cố gắng của mình, tuy chính những điều này lại làm rạng rỡ thêm chiến thắng. Vậy tình cảm cấm không cho ta nghĩ đến một sự công bằng hình thức trong lúc lý trí bắt ta nghiêng về phía đó và ở đây, chính cái tình cảm ấy lại là một sự suy xét ưu việt.

Chương 6. TÌNH BÁO TRONG CHIẾN TRANH

Danh từ "tình báo" chỉ toàn bộ sự hiểu biết của chúng ta về địch và xứ sở của chúng: Đó là nền tảng, trên đó xây dựng ý kiến và hành vi của chúng ta. Chỉ cần đi sâu vào bản chất của nền tảng ấy, về sự lờ mờ và không ổn định của nó, thì người ta sẽ cảm thấy rất mau chóng rằng chiến tranh là một lâu đài rất mỏng manh, chỉ cần những khó khăn rất nhỏ cũng đủ làm nó sụp đổ và chôn vùi chúng ta trong đống hoang tàn. Bởi vì, nếu mọi thứ sách vở đều dạy ta rằng: Chỉ có thể tin vào những nguồn tin tức chắc chắn và bao giờ cũng phải cảnh giác, thì đó chỉ là một lời khuyên thuần túy sách vở, chỉ là một thứ khôn ngoan làm nơi ẩn náu cho các tác giả tồi, sáng tác ra các hệ tư tưởng và sách vở tồi.

Những tin tức đến tay chúng ta trong thời kỳ chiến tranh phần lớn trái ngược với nhau và phần lớn sai với sự thật, phần lớn không đáng tin cậy. Về vấn đề này, người ta chỉ có thể đòi hỏi người sĩ quan phải sáng suốt đến mức độ nào đó. Sự sáng suốt ấy chỉ dựa vào sự thành thạo về tâm lý, về nghề nghiệp và khả năng suy xét. Khi đánh giá các tin tức khác nhau, phải dựa vào tính chất có thể xảy ra của chúng. Khó khăn này không phải là không đáng kể khi xét đến những kế hoạch đầu tiên được dựng lên trong phòng kín và ngoài khu vực có chiến tranh thực sự; nhưng khó khăn lại càng vô cùng lớn hơn khi tin tức đến liên tiếp giữa cảnh hỗn loạn của chiến tranh. Chúng ta hãy hài lòng khi nào, may mắn lắm, những tin tức này tuy trái ngược nhau song lại dẫn đến một sự cân bằng làm cho người chưa biết tới chúng có thể phê phán được một cách dễ dàng, tự nhiên. Điều kiện sẽ tồi tệ hơn nhiều nếu rủi mà mỗi tin tức mới đến lại nhấn mạnh, xác nhận, mở rộng thêm tin tức trước. Những tin tức ấy cũng như những màu sắc phụ, tô vẽ thêm cho một bức tranh; cùng với sự đòi hỏi của tình hình, nó làm cho anh ta phải quyết định ngay tức khắc và quyết định ấy rất mau trở thành một điều phi lý, cũng như các tin tức trên trở thành láo toét, bị thổi phồng, sai lầm, v.v. Tóm lại, phần lớn tin tức là sai sự thật, và tính bạc nhược của con người lại là một nguồn tin láo toét và bậy bạ mới. Nói chung, mọi người thường hay tin vào những tin tức xấu hơn là những tin tức tốt. Mọi người có xu hướng thổi phồng những tin tức xấu, đến nỗi những tin tức nguy hiểm truyền đi chồng chất lên nhau không ngừng như sóng biển; và cũng như sóng biển, chúng quật trở lại ta mà không có nguyên nhân rõ ràng. Vững vàng và tin tưởng vào sự hiểu biết tình hình, người chỉ huy phải đứng vững như bàn thạch mặc cho sóng vỗ xung quanh. Đó là một nhiệm vụ khó khăn. Người nào mà trời chưa phú cho một trái tim trầm tĩnh và tài năng chưa được kinh nghiệm quân sự tôi luyện, chứng thực thì cần phải theo một quy tắc: Tránh xa con đường sợ hãi, hướng về phía hy vọng, mặc dù lòng tin bên trong của mình là thế nào đi nữa. Chỉ có cách ấy mới bảo đảm cho mình một thế cân bằng thực sự. Nếu ta nhìn thẳng vào khó khăm ấy một cách đúng đắn (khó khăn này là một trong những sự cọ xát lớn nhất trong chiến tranh), thì các sự kiện sẽ xuất hiện dưới một ánh sáng hoàn toàn khác hẳn.

Những cảm tưởng đó do giác quan đưa lại đều mạnh hơn những quan niệm do sự tính toán, suy nghĩ đưa tới. Đến nỗi, người chỉ huy khi nào cũng phải khắc phục những nghi ngờ mới, lúc bắt đầu thực hiện những mưu đồ quan trọng. Như vậy, con người bình thường thường hay tuân theo sự gợi ý bên ngoài và luôn luôn bị thực tiễn của các sự kiện làm cho dao động. Anh ta cứ tưởng mình phải đương đầu với những điều kiện khác với những điều kiện mà anh ta tưởng tượng ra trước, nhất là anh ta lại hay bị người khác thúc giục. Song le, tác giả của một bản dự án lại hay bị lạc hướng khi chính mình nhìn vào bản dự án ấy. Anh ta cần giữ vững lòng tự tin không thể lay chuyển được làm thành trì chống lại sự thúc đẩy tạm thời bên ngoài. Những sự tin tưởng vững chắc lúc đầu của anh ta sẽ được xác minh trong quá trình tiến triển của sự vật, khi cái bình phong đặt ở phía trước sân khấu chiến tranh bị mất đi cùng một lúc với bao nhiêu nguy hiểm đã được tô vẽ thêm lên bằng nhiều màu sắc sặc sỡ, và cũng là lúc chân trời đã rộng mở. Đó là một trong những vực sâu ngăn cách bản *dự án* với sự *thực hiện* bản dự án ấy.

Chương 7. CỌ XÁT TRONG CHIẾN TRANH

Trong lúc bản thân mình chưa biết đến chiến tranh, người ta không nhận thức được tất cả những khó khăn và cũng không thể hiểu được rằng người chỉ huy cần thiên tài và khả năng trí tuệ phi thường để làm gì? Tất cả đều có vẻ đơn giản, tất cả những hiểu biết đều có vẻ nông cạn, tất cả những sự bố trí đều có vẻ vô nghĩa đến nỗi bài toán cao cấp nhỏ nhất cũng có vẻ có uy tín hơn, vì có vẻ khoa học hơn.

Nhưng, khi người ta đã biết thế nào là chiến tranh thì mọi việc đều trở nên dễ hiểu. Song, rất khó miêu tả tại sao lại có sự thay đổi đó, rất khó nói rõ về cái yếu tố vô hình nhưng luôn luôn gây ra tác động đó.

Trong chiến tranh, tất cả đều đơn giản, nhưng cái đơn giản nhất lại là cái khó. Những khó khăn tích lũy và kéo theo chúng một sự cọ xát mà không ai hiểu được đúng đắn nếu chưa thấy chiến tranh. Ta hãy nghĩ đến người đi đường, sau một ngày đi bộ, tối đến còn muốn đi hai trạm nữa. Bốn hay năm giờ đi xe trên một đoạn đường: Điều này không có nghĩa lý gì đối với anh ta. Nhưng trước khi đến chặng đường cuối, anh ta không tìm được ngựa hoặc chỉ được ngựa tồi; tiếp đó lại đến một vùng rừng núi, đường xấu. Trời tối đen, và người đi bộ rất lấy làm sung sướng đến trạm gần nhất, dù ở đó chỗ nghỉ chân tồi tàn cũng được. Trong chiến tranh cũng vậy, cái gì cũng hạ mức xuống vì có hằng hà sa số tình huống thứ yếu mà người ta chỉ có thể xem xét trên giấy tờ, bởi thế người ta luôn luôn ở cách mục đích khá xa. Một ý chí mạnh mẽ, sắt đá vượt qua được sự cọ xát ấy; nó nghiền nát mọi trở ngại, nhưng cả bộ máy (quân sự – ND) cũng đi qua đấy nốt. Chúng tôi sẽ có dịp nói nhiều về kết quả của sự cọ xát này. Ý chí cương nghị của một bộ óc đầy tự tôn đứng sừng sững, với mọi vẻ cao đẹp của nó ở trung tâm của nghệ thuật quân sự, như một đài kỷ niệm mà mọi đường phố trong thị trấn đều dẫn tới đó.

Khái niệm về cọ xát là khái niệm độc nhất phù hợp một cách tổng quát với sự phân biệt giữa chiến tranh thực sự và chiến tranh trong sách vở. Bộ máy quân sự, nghĩa là quân đội và tất cả những gì phụ thuộc vào đó, nói cho cùng đều rất đơn giản và hình như dễ điều khiển. Nhưng phải nhớ rằng: Không bộ phận nào của chiến tranh lại chỉ có một chi tiết, rằng tất cả đều gồm có nhiều cá nhân mà mỗi cá nhân lại duy trì sự cọ xát của bản thân mình dưới mọi hình thái của nó. Nghe lý thuyết thì cũng khá hay: Người tiểu đoàn trưởng chịu trách nhiệm về mệnh lệnh đã phát ra, kỷ luật gắn toàn tiểu đoàn thành một khối và người chỉ huy phải là người rất nhiệt tình. Tất cả đều giống như quả lắc đung đưa trên cái trục sắt của nó, với sự cọ xát ít nhất. Nhưng thực tế lại khác hẳn. Trong chiến tranh thường thiếu sự chân thực và việc thổi phồng các sự kiện thường lộ ra ngay lập tức. Cả tiểu đoàn vẫn là một khối hỗn hợp gồm một số người nào đó, và nếu có yếu tố ngẫu nhiên can thiệp vào thì một kẻ bất tài nhất cũng có thể bắt nó ngừng chạy hoặc chạy không đều. Những nguy hiểm do chiến tranh đưa đến, những căng thẳng về thể lực do chiến tranh đòi hỏi làm cho khó khăn trở nên nghiêm trọng đến nỗi người ta có thể cho đấy là nguyên nhân chính của

mọi khó khăn, đau khổ.

Người ta không thể tập trung sự ma sát quá mức ấy vào một số điểm nhất định như trong khoa cơ khí, bởi vậy ở chỗ nào cũng có sự tiếp xúc với ngẫu nhiên. Sự ma sát ấy sinh ra nhiều hiện tượng không thể đoán trước, chính vì nó phụ thuộc phần lớn vào ngẫu nhiên. Thí dụ: Một trong những yếu tố ngẫu nhiên đó là thời tiết. Khi thì sương mù không cho phép ta phát hiện kẻ địch đúng lúc hoặc không cho một khẩu đại bác nổ đúng giờ quy định, không cho một bức thư đến tay người chỉ huy. Khi thì trời mưa khiến một tiểu đoàn không đến đúng vị trí và một tiểu đoàn khác không đến đúng lúc, vì đáng lẽ chỉ mất ba giờ thì nó đã phải đi đến tám giờ. Khi thì trời mưa lại làm cho kỵ binh xung phong không hiệu quả vì ngựa bị lún sâu vào bùn đất lầy lội, v.v.

Một vài chi tiết nêu lên kể trên cốt chỉ để nói lên một cách chính xác về các sự kiện nhằm làm cho người viết và người đọc đều chú ý đến vấn đề này. Nếu không, cần phải viết nhiều tập sách nói về những khó khăn đã kể.

Để có một ý niệm chính xác về vô số khó khăn nhỏ mà chiến tranh bắt buộc phải khắc phục, chúng tôi cần minh họa bằng nhiều thí dụ mà chúng tôi sợ rằng bạn đọc dễ phát ngán. Còn đối với những người đã hiểu chúng tôi từ lâu, đề nghị họ miễn thứ cho chúng tôi vì đã kể ra một vài thí dụ như vậy.

Hành động trong chiến tranh là một cuộc vận động được thực hiện trong một môi trường bị nhiều khó khăn làm cho trầm trọng thêm. Nếu như người ta không thể bước đi trong nước một cách dễ dàng và chính xác (mặc dầu đi lại là một cử chỉ đơn giản và tự nhiên) thì trong chiến tranh người ta cũng không thể bảo đảm cho công việc chạy đều (mặc dầu với tốc độ trung bình) nếu người ta chỉ dùng những lực lượng bình thường. Đó là nguyên cớ tại sao nhà lý luận chân chính lại như một nhà dạy bơi bắt ta làm các cử động ấy có vẻ kỳ cục và thái quá đối với những người không nghĩ đến nước. Và cũng do đó, tại sao những nhà lý luận chưa bao giờ tự mình nhảy xuống nước hoặc không biết rút ra từ kinh nghiệm bản thân một ý niệm chung nào lại là những nhà lý luận vô ích (để không nói là lố lăng), bởi vì họ chỉ dạy những điều mà ai cũng đều biết cả rồi: Cách đi trên mặt đất.

Ngoài ra, cuộc chiến tranh nào cũng có vô số hiện tượng đặc biệt, bởi vậy mỗi cuộc chiến tranh là một biển cả chưa được khai phá, lởm chởm đá ngầm mà người chỉ huy có thể cảm thấy nhưng chính mắt lại chưa nhìn thấy bao giờ, hơn nữa ông ta lại phải vượt qua nó trong đêm tối. Nếu có cơn gió ngược chiều nổi lên, nói một cách khác: Nếu có một sự ngẫu nhiên lớn chống lại, thì ông ta cần phải có nghệ thuật cao siêu, phải nhanh trí hết sức và cố gắng rất nhiều; nhưng mọi việc lại đều có vẻ êm thấm dưới mắt những kẻ đứng từ xa nhìn lại. Kinh nghiệm quân sự mà người ta hay đề cao và đòi hỏi ở một người tướng giỏi gồm phần lớn những hiểu biết về sự cọ xát ấy. Nói cho đúng, người tướng ưu tú không phải là người gây ra ý nghĩ quá đáng, khiến người ta sợ sự cọ xát ấy – trường hợp này xảy ra ở những ông tướng rụt rè, quá thận trọng, trong số đó loại có nhiều kinh nghiệm thường phạm phải nhiều nhất. Người tướng phải biết đến sự cọ xát để chiến thắng nó lúc có thể, và chính vì sự cọ

xát ấy nên ông ta đừng nên chờ đợi một sự chính xác không thể có được trong hành động của mình. Người ta không bao giờ có những hiểu biết lý thuyết đầy đủ về sự cọ xát và ngay khi có những hiểu biết như thế, người ta vẫn luôn luôn thiếu sự rèn luyện của tư duy mà người ta gọi là sự lịch duyệt. Sự lịch duyệt này rất cần thiết trong một lĩnh vực đầy rẫy những chi tiết nhỏ nhặt và khác nhau, còn trong những quyết định lớn thì bản thân mình có thể tự nghiên cứu hoặc hỏi ý kiến người khác. Cũng giống như con người thanh lịch luôn luôn nói, làm và cư xử theo đúng kiểu cách nhờ ở sự lịch duyệt đã trở thành thói quen suy nghĩ của mình, chỉ những sĩ quan có nhiều kinh nghiệm về chiến tranh mới có những quyết định và cách bố trí thích hợp trong những trường hợp lớn, nhỏ khác nhau. Kinh nghiệm ấy, sự rèn luyện ấy hướng dẫn cho sự vận động của tư tưởng biết rõ điều nào là có thể và điều nào là không thể làm được. Như vậy, khó khăn không thể làm cho anh ta bị lung lay. Khó khăn vẫn đáng sợ vì nó làm ta bị lung lay, nếu nó xảy ra luôn.

Vậy thì sự cọ xát, hay cái mà người ta gọi như vậy, là cái gì làm cho những điều có vẻ dễ trở thành khó. Chúng tôi sẽ trở lại vấn đề này; người ta sẽ thấy rằng muốn trở thành một người chỉ huy quân sự hoàn hảo thì ngoài kinh nghiệm và nghị lực, cần phải có nhiều đức tính đặc biệt khác nữa.

Chương 8. KẾT LUẬN CỦA TẬP I

Chúng ta đã thấy rằng sự nguy hiểm, sự căng thẳng về thể lực, tình báo và cọ xát là những yếu tố tạo thành không khí chiến tranh, nó làm cho mọi hoạt động trở nên khó khăn hơn. Các yếu tố ấy chống lại các hoạt động trên, và căn cứ vào đó ta có thể tóm tắt chúng lại trong công thức của một sự cọ xát tổng quát. Nhưng có thứ dầu mỡ nào làm dịu bớt được sự cọ xát ấy không? Có một thứ mà không một vị tướng, một quân đội nào có thể tùy ý sử dụng theo quyền hạn của mình: Đó là kinh nghiệm, là sự dày dạn trong chiến tranh. Sự dày dạn làm cho thân thể mạnh mẽ hơn lên trong sự căng thẳng về thể lực, làm cho tinh thần mạnh mẽ hơn lên khi tiếp xúc với nguy hiểm, cũng như sự phán đoán làm cho người ta cảnh giác với cảm tưởng đầu tiên. Từ người lính bộ binh, pháo binh cho đến vị tướng chỉ huy sư đoàn, đều rút từ đó ra được một năng lực tư duy quý báu, làm cho công việc của người tổng chỉ huy dễ dàng hơn nhiều.

Trong đêm tối, con ngươi của mắt mở rộng, nó thu hút chút ít ánh sáng còn lại, đến nỗi sau đó dần dần con mắt có lúc ít nhiều phân biệt được các đồ vật, và rốt cuộc cũng thấy đường đi một cách dễ dàng. Đối với người lính quen chiến trận cũng vậy, còn người mới tập sự thì chỉ thấy đêm tối mù mịt mà thôi.

Quen chiến trận là một việc mà không người chỉ huy nào có thể ban phát cho quân đội mình, vì những cuộc tập trận trong thời bình chỉ thay thế được chiến tranh đến một mức độ rất ít. Nó ít so với kinh nghiệm thực sự của chiến tranh, nhưng lại không ít đối với một quân đội mà người ta chỉ cần dạy như dạy thú để đạt một sự thành thạo máy móc. Làm thế nào để một phần các cơ hội cọ xát đó trở thành nội dung của các cuộc tập luyện thời bình, làm thế nào để năng lực phán đoán, suy nghĩ, quyết định của những người chỉ huy khác nhau được thử thách, đó là những điều có tầm quan trọng nhiều hơn là người ta tưởng, nhất là đối với những người chỉ biết phong thanh về chiến tranh.

Đây là một điều hết sức quan trọng: Không nên để cho người lính chỉ tiếp xúc với thực tế khi đã xảy ra chiến tranh, vì mới tiếp xúc với thực tế lần đầu thì bao giờ cũng dễ bị bất ngờ và lúng túng. Trước khi có chiến tranh, nếu chỉ thấy thực tế có một lần thôi, anh ta cũng đã làm quen với nó được một nửa rồi. Điều này cũng đúng đối với những sự căng thẳng về thể lực. Cần phải luyện tập để cho thân thể và nhất là trí óc quen với chiến tranh. Trong chiến tranh, người lính mới hay có xu hướng coi việc đòi hỏi anh ta phải cố gắng quá sức như một hậu quả của những lỗi lầm và sơ suất lớn của các chỉ huy tối cao; điều đó còn làm cho tinh thần anh ta sa sút gấp bội. Nếu trong thời bình, anh ta được tập luyện cho quen với những cố gắng bất thường ấy thì sẽ không xảy ra như thế.

Để xây dựng những thói quen thời chiến trong thời bình, còn có một biện pháp khác nữa, tuy không có tầm lớn như vậy song cũng không phải là kém quan trọng; đó là: Kêu gọi các sĩ quan có kinh nghiệm của các quân đội khác đến giúp đỡ. Ít khi có

hòa bình ở toàn bộ châu Âu, còn ở các lục địa khác thì chiến tranh không bao giờ chấm dứt. Bởi vậy, một nhà nước đã từng sống trong hòa bình lâu dài nên mời các sĩ quan từ các chiến trường ở các nước khác đến (với điều kiện: Họ là những sĩ quan giỏi), hoặc phái sĩ quan của mình đến đó để làm quen với chiến trận.

Số lượng những sĩ quan này có thể không có nghĩa lý gì so với đông đảo quân đội, nhưng ảnh hưởng của họ sẽ không phải là ít… Kinh nghiệm, hướng suy nghĩ, tính cách của họ được rèn giũa, sẽ tác động đến cấp dưới cũng như đến bạn bè của họ. Ngoài ra, ngay khi không thể để họ phụ trách những chức vụ quan trọng, người ta cũng có thể coi họ là những người thông thạo các chiến trường nhất định, trong nhiều trường hợp họ có thể cung cấp nhiều ý kiến có ích.

TẬP II. LÝ THUYẾT CHIẾN TRANH

Chương 1. BÀN VỀ NGHỆ THUẬT CHIẾN TRANH

Với nghĩa hẹp, chiến tranh chỉ là một cuộc chiến đấu.

Chiến đấu là hành động duy nhất có tính chất quyết định của các hoạt động nhiều màu nhiều vẻ, mà nói với nghĩa rộng hơn, người ta gọi là chiến tranh. Lại còn phải làm sao thông qua những hoạt động ấy để đánh giá cho đúng sức mạnh vật chất và tinh thần của đối phương. Dĩ nhiên không bao giờ được coi nhẹ yếu tố tinh thần vì trạng thái tâm lý có tác động quyết định đối với động lực chiến tranh.

Từ rất sớm, nhu cầu trong chiến đấu đã thúc đẩy loài người phải có những phát minh nhằm đem lại cho mình những ưu thế trong chiến đấu, và cũng từ đó biết bao nhiêu cải biến vĩ đại đã được tiến hành.

Nhưng dù cho tính chất của chiến đấu là thế nào đi nữa thì nó cũng chẳng hề mảy may làm thay đổi khái niệm của vấn đề vì chính bản thân nó đã cấu thành chiến tranh.

Những phát minh về vũ khí và tổ chức quân đội là những phát minh chủ yếu. Khi chiến tranh chưa bùng nổ, phải chế tạo vũ khí và huấn luyện quân đội. Bản chất của chiến đấu quyết định các công việc trên, và các công việc trên lại phải tuân theo những quy luật của bản chất của chiến đấu. Những công việc trên mới chỉ là sự chuẩn bị, chưa phải thực sự là cuộc chiến đấu. Rõ ràng, vũ khí, khí tài và tổ chức không phải là bộ phận chủ chốt của chiến đấu, vì ngay một cuộc vật lộn tay bo giữa hai con người cũng có thể gọi là một cuộc chiến đấu rồi.

Chiến đấu quyết định trang bị, vũ khí và tổ chức quân đội, nhưng rồi lại cũng chính trang bị, vũ khí lại buộc người ta phải sửa đổi hình thức chiến đấu. Như vậy là có sự tác động qua lại giữa hai vấn đề.

Tuy vậy bản thân chiến đấu cũng vẫn là một loại hoạt động hoàn toàn đặc biệt, hơn nữa nó lại được tiến hành trong một môi trường rất đặc biệt, đó là môi trường của sự nguy hiểm.

Nếu cần phải thiết lập một sự phân tách giữa những hoạt động có bản chất khác nhau, thì chính là ở đây (tức là phải căn cứ vào tính chất đặc biệt của chiến đấu – *ND*); và muốn chứng thực cho cái giá trị thực tiễn của sự phân tách này, chúng ta chỉ cần nói một cách kín đáo tới nhiều trường hợp mà năng lực cá nhân đã bộc lộ ra trong một mặt nào đó, còn đối với các mặt khác thì lại chỉ là những hành động gàn dở không thể tha thứ được.

Xét về mặt lý thuyết, phân tách riêng rẽ mọi hoạt động này khác không có gì là khó khăn khi người ta quan niệm các lực lượng vũ trang có trang bị như là những phương tiện mà ta chỉ cần biết những tác dụng chính yếu là đã có thể vận dụng được một cách có hiệu quả.

Theo nghĩa hẹp, nghệ thuật chiến tranh là nghệ thuật sử dụng trong chiến đấu những phương tiện nhất định và ta thấy chỉ có cách gọi nó là nghệ thuật *chỉ đạo chiến tranh* là cách nói đúng nhất. Thật ra, theo nghĩa rộng thì nghệ thuật chiến tranh lại

bao gồm mọi hoạt động mà chiến tranh đòi hỏi, như vậy là bao gồm việc thành lập các lực lượng vũ trang; nghĩa là gồm cả việc tuyển mộ, việc tổ chức trang bị và việc huấn luyện binh sĩ.

Để lý luận soi rọi được thực tế, việc tách rời hai loại hoạt động này có tầm quan trọng chủ yếu. Vì như ta đã thấy, nếu nghệ thuật chiến tranh phải bắt đầu bằng việc tổ chức các lực lượng vũ trang, sau đó phối hợp chúng lại bằng một mớ những quy tắc nhất định, thì chắc chắn là môn nghệ thuật ấy chỉ có thể áp dụng trong một số ít trường hợp, khi những lực lượng vũ trang ấy còn phù hợp hoàn toàn với các quy tắc kể trên. Còn nếu muốn có một lý thuyết để vận dụng cho có hiệu quả trong tuyệt đại đa số trường hợp và không bao giờ đến nỗi hoàn toàn vô dụng thì lý thuyết ấy phải dựa trên cơ sở những phương tiện chiến đấu thông dụng và những hiệu quả chủ yếu của nó.

Chỉ đạo chiến tranh bao gồm việc bố trí lực lượng và sự chỉ đạo chiến đấu. Nếu cuộc đấu tranh chỉ gồm có một hành động đơn độc thì mọi sự phân chia lý luận chỉ đạo chiến tranh chi tiết hơn nữa sẽ không còn ý nghĩa. Nhưng cuộc đấu tranh lại gồm một loạt hoặc nhiều hoặc ít những *hành động hoàn chỉnh* để hình thành một tổng thể cao nhất, nhưng, hành động đó được gọi là những cuộc giao chiến riêng lẻ như chúng tôi đã trình bày ở chương I, tập I, và từ đó chúng ta sẽ tạo ra những đơn vị mới.

Chính vấn đề này đã làm nảy sinh ra hai loại hoạt động hoàn toàn khác hẳn nhau: Việc *tổ chức, điều khiển* những cuộc giao chiến riêng biệt, rồi đến việc *kết hợp* các cuộc giao chiến ấy với mục đích tổng quát của cuộc chiến tranh. Như vậy, loại trên ta gọi là *chiến thuật*, còn loại sau ta gọi là *chiến lược*.

Trong thực tiễn, sự phân định giữa chiến thuật và chiến lược ngày nay đã hầu như rất phổ thông và ai cũng biết tương đối rõ ràng phạm vi của vấn đề này hay vấn đề kia, mặc dầu người ta không phân tích được cụ thể nguyên do của sự phân chia ấy… Và, dù có được thông dụng thường ngày vì những lý do không rõ, tất nhiên sự phân chia ấy vẫn phải có nguồn gốc sâu xa của nó. Chúng ta đã cố gắng tìm nguồn gốc ấy và chúng ta có thể khẳng định rằng chính cái quy tắc đa số ấy (tức là quy tắc: Lý luận phải được ứng dụng trong đa số trường hợp – *ND*) đã dẫn ta đến nguồn gốc trên. Vả lại, chúng tôi cho rằng những định nghĩa độc đoán mà một vài tác giả đã nêu ra đều không phù hợp với bản chất của đối tượng cũng như trong sự ứng dụng thực tiễn.

Theo sự phân loại của chúng tôi, chiến thuật là *lý luận về việc sử dụng các lực lượng vũ trang trong giao chiến*. Chiến lược là *lý luận về việc sử dụng các cuộc giao chiến ấy để phục vụ chiến tranh*.

Rồi đây, khi nghiên cứu kỹ lưỡng hơn về trận giao chiến, chúng ta sẽ hoàn toàn có thể phân định ranh giới khái niệm trận giao chiến riêng lẻ hoặc trận giao chiến độc lập và định ra những tiền đề để có thể có sự thống nhất của khái niệm đó. Bây giờ, chúng ta hãy tạm ghi nhận rằng: Giới hạn thống nhất của một trận giao chiến trong không gian trùng hợp với *giới hạn chỉ huy của vị chỉ huy tương ứng*, còn giới hạn thống nhất về thời gian (khi có những trận đánh kế tiếp nhau) thì kéo dài cho đến khi khắc phục được sự khủng hoảng nằm trong mỗi trận.

Cũng có thể xảy ra những trường hợp mà nhiều cuộc giao chiến có thể coi như là một, nhưng điều đó không có giá trị bác bỏ sự phân loại của chúng tôi, bởi vì ta cũng có thể có những lập luận tương tự đối với mọi sự phân loại những vật thể hiện thực mà sự khác biệt chỉ rõ rệt qua những biến thiên lâu dài chậm rãi. Có những hành động mà, chẳng cần phải thay đổi quan điểm, người ta vẫn có thể liệt chúng vào phạm trù chiến lược cũng được hay vào phạm trù chiến thuật cũng được, thí dụ như những trận địa bố phòng rất rộng, giống hệt như hệ thống một chuỗi đồn bốt, những việc bố trí cho bộ đội vượt sông, v.v.

Sự phân loại của chúng tôi chỉ đơn thuần bao gồm việc *sử dụng các lực lượng vũ trang*, nhưng chiến tranh lại dung nạp vô số những hoạt động tuy phục vụ cho chiến tranh song lại không giống chiến tranh mặc dầu chúng cũng có nhiều nét gần gũi hoặc xa lạ với chiến tranh. Những hoạt động ấy đều có liên quan tới việc *nuôi dưỡng các lực lượng vũ trang*. Việc thành lập các đội vũ trang cũng như việc tổ chức huấn luyện được tiến hành trước khi sử dụng, nhưng việc nuôi dưỡng lại vẫn phải tiến hành song song với việc sử dụng và đấy là điều nhất thiết phải làm. Mọi hoạt động kể trên, xét cho kỹ phải coi là để chuẩn bị cho chiến đấu; việc chuẩn bị ấy thực ra đã tiến sát tới hành động, kéo theo nó hành động chiến tranh và về thực tiễn nó cũng xen kẽ với hành động chiến tranh. Như vậy, ta có thể loại trừ những loại hoạt động này cũng như những loại hoạt động chuẩn bị khác ra khỏi nghệ thuật quân sự theo nghĩa hẹp và đúng đắn của danh từ chỉ đạo chiến tranh, bắt buộc ta phải làm như thế nếu ta muốn cho lý luận đóng được vai trò cơ bản của nó tức là phân biệt những cái gì không giống nhau. Vậy, tại sao ta lại cho vào lĩnh vực chỉ đạo chiến tranh một danh sách lê thê nhưng tổ chức tiếp tế, quân nhu và quản trị, hành chính chỉ vì một lý do độc nhất là chúng có quan hệ qua lại vững chắc với việc sử dụng quân đội, mặc dầu xét về bản chất, chúng lại hoàn toàn khác.

Trong chương 2 của tập I, chúng tôi đã nói rằng chiến đấu hoặc giao chiến mới là hoạt động độc nhất có một hiệu quả trực tiếp, và nó tập hợp các đầu mối của mọi hoạt động khác bởi vì mọi đầu mối đều quy tụ tại đây. Chúng tôi muốn nói ở trên là tất cả những hoạt động ấy đều phải có những mục đích cần phải đạt theo những quy tắc riêng biệt. Điều này cần được nói rõ thêm.

Ngoài giao chiến, còn có những hoạt động rất khác nhau về bản chất. Một số những hoạt động này có phần nào đó thuộc về chiến đấu, chúng giống hệt hoạt động chiến đấu, nhưng về mặt khác chúng lại được sử dụng trong việc nuôi dưỡng các lực lượng vũ trang. Một số những hoạt động khác chỉ bao gồm việc nuôi dưỡng các lực lượng vũ trang và chính vì có sự tác động qua lại với những kết quả của chúng mà những hoạt động này có một ảnh hưởng đối với chiến đấu, tùy theo những điều kiện nhất định.

Vì một mặt nào đó, còn có những vấn đề thuộc về chiến đấu lúc *hành quân, trú quân, đóng trại* vì chúng bao gồm bằng ấy tình hình khác nhau của quân đội, và ý niệm của quân đội bao giờ cũng gợi lên ý niệm chiến đấu.

Những loại vấn đề khác, chỉ bao gồm việc nuôi dưỡng quân đội, là việc *tiếp tế,*

săn sóc người ốm, đổi mới vũ khí và trang bị. Những cuộc hành quân đều hoàn toàn đồng nhất với việc sử dụng quân đội. Hành quân trong chiến đấu, cái mà người ta thường gọi là vận động (manoeuvre), không hoàn toàn giống việc sử dụng vũ khí, nhưng lại có liên quan rất chặt chẽ và rất cần thiết đến nỗi nó thành một bộ phận thiết thân của cái gọi là giao chiến. Nhưng ngoài việc giao chiến, hành quân phải chăng là cái gì khác ngoài việc thực hiện kế hoạch chiến lược? Chính kế hoạch này đã vạch rõ là *khi nào, ở đâu* và *với lực lượng vũ trang nào* mà cuộc giao chiến sẽ tiến hành, và để thực hiện kế hoạch đó thì còn có cách nào khác, ngoài hành quân? Hành quân, ngoài việc giao chiến, là một công cụ chiến lược nhưng lại không phải là đối tượng của chiến lược. Vì, nếu lực lượng chiến đấu trong khi hành quân bất kỳ lúc nào cũng có thể giao chiến thì việc hành quân phải tuân theo những quy luật chiến thuật lẫn chiến lược. Quy định cho một binh đoàn nào đó đi theo con đường ven sông hoặc ven một dãy núi tức là chúng ta đã có một ý đồ chiến lược, vì chúng ta đã có ý định là: Nếu đang hành quân mà cần thiết phải chiến đấu thì binh đoàn ấy chiến đấu ở phía bên này sẽ có lợi hơn ở phía bên kia.

Nhưng khi một binh đoàn, lẽ ra phải hành quân theo con đường giữa lòng thung lũng, lại tiến theo dọc các triền núi bao quanh và phân tán ra làm nhiều đơn vị nhỏ để cuộc hành quân được dễ dàng thì đấy chỉ là sự sắp đặt chiến thuật, vì nó chỉ là phương pháp mà ta dự định sử dụng các lực lượng của binh đoàn khi xảy ra tác chiến.

Thứ tự hành quân có quan hệ chặt chẽ với việc chuẩn bị sẵn sàng chiến đấu; do đó nó có tính chất chiến thuật, vì dù sao nó cũng chỉ là sự sắp đặt đầu tiên, tạm thời để ứng phó với cuộc chiến đấu có thể xảy ra.

Hành quân là một công cụ nhờ đó chiến lược phân bổ các yếu tố tích cực của nó, tức là giao chiến, và giao chiến chỉ có trọng lượng bởi hiệu quả của nó chứ không phải sự bố trí này khác. Vì vậy, nhiều bản phân tích đã lẫn lộn công cụ với yếu tố tích cực (tức là hành quân với giao chiến – *ND*). Và, như thế có lúc người ta đã lại nói tới những cuộc hành quân quyết định, tài tình – thực chất chỉ là những cuộc phối hợp quân sự mà những cuộc hành quân đó đã đạt được. Việc thay thế ý niệm nói trên là một điều quá tự nhiên và cách biểu hiện cũng gọn gàng sáng sủa để không đến nỗi bị bác bỏ. Nhưng dù sao đó cũng chỉ là một vài ý vắn tắt để thay thế cho một chuỗi ý niệm; mỗi người cần phải góp thêm phần suy luận riêng của mình để khỏi có sự lầm lạc.

Ta sẽ sai lầm nếu ta gán cho những sự phối hợp (combi-naisons) về chiến lược một khả năng độc lập với những kết quả chiến thuật. Người ta tổ chức các cuộc hành quân và các cuộc điều động, người ta đạt tới các mục tiêu đã quy định mà không xảy ra giao chiến, thế là người ta tưởng có thể kết luận rằng đã có những phương pháp đánh thắng địch không cần trải qua chiến đấu. Và chỉ sau này, chúng ta mới có thể đánh giá được hết tính chất nghiêm trọng của sai lầm trên.

Hành quân có thể dứt khoát được coi như một bộ phận thiết thân của chiến đấu, nhưng do một vài khía cạnh không phải là chiến thuật hoặc không phải là chiến lược nên nó không thuộc vào chiến đấu.

Thuộc vào phạm trù hành quân là tất cả những công trình chỉ nhằm để phục vụ cho quân đội thêm thuận tiện như việc làm cầu, việc làm đường, v.v. Đó chỉ là những điều kiện. Trong nhiều trường hợp, chúng đã gần giống như việc sử dụng quân đội, có lúc hầu như giống hệt với việc sử dụng quân đội, chẳng hạn trong trường hợp phải làm một cái cầu ở ngay trước mắt quân địch. Nhưng xét riêng về bản thân chúng, những hoạt động kể trên lại có bản chất khác biệt, và lý thuyết về những vấn đề đó không hề có liên quan gì với thuyết về chỉ đạo chiến tranh.

Các trạm đồn trú tạm thời, ngược lại với các doanh trại, là những địa điểm mà các binh đoàn được tập trung để chuẩn bị chiến đấu nhưng lại đang ở trạng thái nghỉ ngơi, đang ở trong tình trạng phục hồi sức khỏe. Việc quy định địa điểm những nơi đồn trú này phải nằm trong quyết tâm chiến lược về nơi mà người ta đã có ý đồ tác chiến, và cách bố trí các nơi đồn trú là phác thảo của giao chiến; mọi cuộc chiến đấu phòng ngự đều phụ thuộc vào điều kiện này. Do đó, nơi đồn trú tạm thời phải được coi là bộ phận chủ yếu trong chiến lược cũng như trong chiến thuật.

Việc đưa quân vào đóng trong doanh trại để không phải đồn trú ngoài trời sẽ tạo điều kiện tốt cho quân đội hồi phục; nó là vấn đề vừa có liên quan với chiến lược ở mối quan hệ về vị trí và diện tích, vừa có liên quan với chiến thuật ở mối quan hệ về tổ chức nội bộ hướng vào việc chuẩn bị cho chiến đấu.

Ngoài mục đích để cho quân đội hồi sức, việc đồn trú tạm thời ngoài trời hoặc trong doanh trại thường còn có mục đích khác, có thể là để bảo vệ một vùng hoặc giữ một vị trí nào đó; nhưng thông thường nó chỉ hướng vào mục đích thứ nhất. Chúng ta nên nhớ rằng mục tiêu của chiến lược có thể có rất nhiều, vì bất cứ một thắng lợi nào cũng đều có thể phải đánh đổi bằng một cuộc giao chiến, và việc bảo vệ các công cụ để tiến hành chiến tranh (quân đội) lại thường phải là mục đích của nhiều cuộc phối hợp chiến lược riêng lẻ.

Trong những trường hợp như đã nêu ở trên, khi chiến lược chỉ đơn thuần phục vụ cho việc bảo tồn (conservation) quân đội điều đó không có nghĩa là chúng ta bước vào một lĩnh vực khác. Trái lại, bao giờ đây cũng chỉ là việc sử dụng các lực lượng vũ trang, vì mọi sự bố trí các lực lượng này ở bất cứ địa điểm nào của chiến trường cũng đều không thể có ý nghĩa nào khác.

Nhưng nếu duy trì quân đội trong các doanh trại hoặc những nơi đồn trú tạm thời mà phải có những hoạt động khác ngoài việc sử dụng các lực lượng vũ trang, ví như việc làm lán, dựng lều, tổ chức y tế và việc tổ chức tiếp tế cho những đơn vị đương đóng quân hạ trại, những hoạt động này không thuộc lĩnh vực chiến lược, cũng chẳng nằm trong lĩnh vực chiến thuật.

Vị trí và thiết bị hào lũy rõ ràng thuộc về những sự bố trí có liên quan đến chiến đấu nên thuộc về chiến thuật, nhưng đứng về mặt *xây dựng* (kết cấu) thì lại không thuộc về lý thuyết chỉ đạo chiến tranh.

Những hiểu biết cũng như tài tháo vát để giải quyết những loại công việc đó đều là những cái mà các lực lượng chiến đấu phải được huấn luyện thành thạo từ trước. Và đấy là những tiền đề của kỹ thuật chiến đấu.

Xét các hoạt động liên quan tới việc đơn thuần bảo vệ các lực lượng vũ trang, không một loại nào lại nhập làm một với giao chiến. Việc tiếp tế cho quân đội là vấn đề gần gũi với giao chiến hơn cả vì nó được tiến hành hàng ngày cho tới từng cá nhân. Vấn đề tiếp tế thực ra thấm vào khắp mọi thành phần chiến lược của hành vi chiến tranh. Chúng tôi nói dứt khoát: Mọi thành phần chiến lược vì, rất hãn hữu việc tiếp tế cho quân đội mới có đủ ảnh hưởng khiến ta phải sửa đổi kế hoạch giao chiến nếu ta tính riêng kế hoạch này ra, tuy đây không phải là, một vấn đề hoàn toàn không thể xảy ra. Tác dụng qua lại quan trọng hơn cả là ở mối liên quan giữa chiến lược và việc tiếp tế cho các lực lượng chiến đấu, và thường thường người ta thấy những nhận định về binh lương trở thành một trong những yếu tố quyết định các nét lớn của một chiến dịch hoặc của một cuộc chiến tranh. Dù là bình thường hay có tác dụng quyết định, việc tiếp tế cho quân đội bao giờ cũng là một hoạt động khác về căn bản với việc sử dụng quân đội và sẽ chỉ ảnh hưởng tới việc sử dụng quân đội bằng kết quả của nó.

Những loại hoạt động quản trị, hành chính đã kể ở trên lại xa hơn nữa với việc sử dụng quân đội.

Tổ chức y tế, tuy có tầm quan trọng căn bản trong việc bảo vệ sức khỏe của quân đội, cũng chỉ mới giải quyết một phần nhỏ nhu cầu của quân đội, vì vậy chỉ có một ảnh hưởng yếu ớt và gián tiếp tới việc vận dụng những hoạt động khác. Việc thay thế và sửa chữa trang bị không phải là một hoạt động hàng ngày của các tổ chức vũ trang, mà sẽ chỉ được tiến hành vào những thời kỳ nhất định; vì vậy khi bàn tới kế hoạch chiến lược, người ta ít đề cập tới loại vấn đề này.

Ở đây cần đề phòng một sự ngộ nhận. Thật vậy, trong một vài trường hợp, những loại hoạt động này lại có tầm quan trọng quyết định. Khoảng cách của những bệnh viện, khoảng cách của kho vũ khí đạn dược sẽ là những yếu tố có giá trị cần được xem xét trong khi bàn đến một số quyết định chiến lược.

Đây là một vấn đề mà chúng tôi không cần nghĩ tới việc bác bỏ hoặc che giấu tầm quan trọng của nó.

Nhưng vấn đề khiến chúng ta phải quan tâm ở đây không phải là sự việc cụ thể, trường hợp cá biệt, mà là một vấn đề trừu tượng thuộc về lý thuyết. Chúng tôi khẳng định là những ảnh hưởng như vậy rất ít khi có thể đưa đến cho lý thuyết liên quan tới các việc tổ chức y tế và tiếp tế vũ khí, đạn dược một tầm quan trọng, có ảnh hưởng tới lý thuyết chỉ đạo chiến tranh. Chúng tôi cũng phải gộp vào lý thuyết chỉ đạo chiến tranh những hệ thống tổ chức và phương pháp khác nhau mà hình như các lý thuyết ấy và kết quả của chúng biểu thị ra. Như vậy, chúng ta đã thấy rõ đó là những việc chúng ta không thể không làm để giải quyết vấn đề tiếp tế cho quân đội.

Tóm tắt những sự phân tích ở trên, chúng ta có thể kết luận là những hoạt động chiến tranh phân chia thành hai hệ thống chính: Loại hoạt động chỉ có tính chất *chuẩn bị* cho chiến tranh và loại hoạt động *thuộc vào bản thân chiến tranh*. Ngay cả trong lý thuyết cũng cần phải có sự phân loại như thế.

Mọi hiểu biết, mọi khả năng có liên quan đến việc chuẩn bị, sẽ được vận dụng

trong việc tổ chức, việc huấn luyện và việc duy trì các lực lượng vũ trang. Đặt tên cho chúng như thế nào cho hợp là vấn đề chúng tôi chưa xét đến nhưng chắc là phải bao gồm pháo binh, pháo đài, thành lũy, chiến thuật mà người ta gọi là sơ cấp, mọi việc tổ chức, việc quản trị hành chính của những lực lượng vũ trang và những vấn đề tương tự. Nhưng chính lý thuyết chiến tranh lại phụ trách việc vận dụng trong chiến tranh những phương tiện đã được hoàn chỉnh. Nó chỉ cần đến kết quả của những hoạt động thuộc loại thứ nhất kể trên, tức là nó phải biết được những tính chất chủ yếu của những phương tiện mà nó có thể sử dụng. Đấy là cái mà, theo nghĩa hẹp, người ta gọi là nghệ thuật chiến tranh hoặc lý thuyết chỉ đạo chiến tranh hay phương pháp sử dụng các lực lượng vũ trang; nói như thế nào, theo chúng tôi, cũng vẫn chỉ là một.

Lý thuyết này sẽ đề cập tới việc giao chiến, theo nghĩa cụ thể, những cuộc hành quân, trú quân, tức là những tình huống đã có những yếu tố ít nhiều giống như chiến đấu. Việc nuôi dưỡng quân đội, trái lại, không nằm trong phần này, song những hiệu quả của việc nuôi dưỡng cũng như nhiều trường hợp phụ thuộc khác là vấn đề phải xét đến.

Nghệ thuật chiến tranh theo nghĩa hẹp lại phân ra lĩnh vực chiến thuật và lĩnh vực chiến lược. Chiến thuật liên quan tới các hình thái chiến đấu, chiến lược đề cập tới việc vận dụng các cuộc chiến đấu. Cả hai lĩnh vực đều chỉ xét đến các điều kiện hành quân, trú quân, thiết lập doanh trại khi có dính dáng tới giao chiến và những vấn đề ấy sẽ thuộc vào phạm vi chiến thuật hay chiến lược là tùy theo lúc nó liên quan với hình thức hoặc với ý nghĩa của giao chiến.

Có thể có nhiều bạn đọc cho rằng việc phân tách rạch ròi tỉ mỉ hai sự việc gần nhau như chiến thuật và chiến lược là hoàn toàn vô ích, khi mà những sự phân tích ấy chẳng có một tí ảnh hưởng trực tiếp nào tới việc chỉ đạo chiến tranh. Quả thật, phải rất khoác lác mới hy vọng tìm thấy những kết quả nhãn tiền của việc phân tích về mặt lý luận như vậy ở chiến trường.

Nhưng nhiệm vụ đầu tiên của mọi lý thuyết là phải phân giải cho có trật tự những ý niệm và những khái niệm lẫn lộn xen vào nhau, và phải nói là rất mơ hồ. Chỉ khi nào người ta đã thống nhất được với nhau với ý nghĩa của các danh từ và khái niệm thì người ta mới hy vọng tiến hành dễ dàng và thuận lợi việc phân tích các vấn đề, và chỉ tới lúc ấy tác giả và người đọc mới có thể đứng trên cùng một quan điểm để nhận thức vấn đề. Chiến lược và chiến thuật là hai loại hoạt động hòa vào nhau cả trong không gian và thời gian, tuy về cơ bản lại hoàn toàn khác nhau, và sẽ không thể hiểu được đầy đủ những quy luật nói trên, những mối liên quan qua lại của hai vấn đề nếu không có một sự định nghĩa chính xác về hai loại hoạt động này.

Ai cho vấn đề ấy là không cần thiết, xin hãy cự tuyệt mọi lý thuyết hoặc đừng có bao giờ để lởn vởn trong trí óc những ý niệm mơ hồ và lộn xộn, không dựa trên một cơ sở vững chắc nào và cũng chẳng đưa tới một kết quả khả quan nào. Chúng ta thường bị bắt buộc phải đọc và phải nghe những phiếm luận rỗng tuếch, khi thì nhạt nhẽo, khi thì kỳ quặc về vấn đề chỉ đạo chiến tranh. Thật ra, đó chỉ là vì từ trước tới

nay vấn đề ấy không được đi sâu nghiên cứu một cách khoa học mà thôi.

Chương 2. BÀN VỀ LÝ THUYẾT CHIẾN TRANH

Danh từ "nghệ thuật chiến tranh" chỉ có nghĩa là việc chuẩn bị các lực lượng vũ trang.

Xưa kia, danh từ "nghệ thuật chiến tranh" hoặc "khoa học chiến tranh" chỉ có nghĩa là toàn bộ những hiểu biết và khả năng có liên quan tới những sự kiện vật chất. Việc thiết bị, việc chuẩn bị cũng như việc sử dụng các vũ khí, việc xây dựng các pháo đài, các hào lũy, việc tổ chức quân đội và những cơ chế hoạt động của những tổ chức này đã là đối tượng của những hiểu biết và khả năng nói trên để bồi đắp, tạo thành một lực lượng vũ trang sẵn sàng cho chiến tranh. Đó là một sự việc cụ thể, một hoạt động đơn phương, nói cho cùng đã phát triển dần dà từ thủ công tới một nghệ thuật cơ giới tinh xảo hơn. Tất cả những hoạt động trên cùng với hoạt động chiến đấu thực sự có một mối quan hệ hệt như mọi quan hệ giữa nghệ thuật của người mài kiếm và người sử dụng kiếm. Đấy vẫn chưa phải là vấn đề sử dụng thứ vũ khí trên vào lúc nguy biến và với ảnh hưởng của tác động liên quan của nó, cũng chẳng phải là những hoạt động thực thụ của tư duy và lòng dũng cảm để hướng vào một chiều hướng đã định trước.

Chiến tranh xuất hiện trước tiên trong nghệ thuật tiến hành một cuộc vây đánh thành

Chính bản phác thảo của công việc chỉ đạo chiến tranh lần đầu tiên đã thể hiện ra ở việc vây đánh thành: Hoạt động của tư duy đã ngự trị ở đấy. Phác thảo ấy chỉ rõ nét khi nó được thể hiện nhanh chóng, mau lẹ vào những thu hoạch (acquisitions) vật chất như hành quân tiếp cận, chiến hào, phản tiếp cận, pháo binh, v.v. Và mỗi loại hoạt động ấy phải biểu thị bằng một kết quả nào đó. Đấy mới là sợi dây cần thiết để nối liền những sáng tạo vật chất kể trên. Trong loại chiến tranh này, tài năng hầu như chỉ thể hiện trong những sáng kiến như vậy, và như thế cũng tạm đủ với nhu cầu.

Chiến thuật đi tiếp theo sau những dấu vết đó

Về sau, chiến thuật muốn quy định cho cơ chế tổ chức những cuộc phối hợp của mình tính chất của một sự xếp đặt có giá trị phổ biến, xây dựng trên những đặc thù của công cụ (nghĩa là của quân đội).

Điều đó đã dẫn chúng ta tới chiến trường, không phải bởi một hoạt động tự do của trí tuệ mà chỉ bởi tác động đơn giản của người chỉ huy vào một binh đoàn để tổ chức đội hình và bố trí chiến đấu, rút lại chỉ còn là một người máy mà hệ thống cơ học phải hoạt động như những bánh xe của một chiếc đồng hồ.

Việc chỉ đạo chiến tranh thực thụ chỉ xuất hiện một cách bất ngờ và vô danh

Chỉ đạo chiến tranh thực thụ, việc sử dụng tự do (tức là việc làm cho thích hợp với những nhu cầu đặc biệt nhất) những phương tiện chuẩn bị trước cho công việc ấy, từ lâu đã bị coi như là một vấn đề không một lý thuyết nào có thể lay chuyển và chỉ là những đức tính bẩm sinh của một số cá nhân. Dần dà, chiến tranh chuyển từ những hình thức đánh nhau bằng vũ khí thô sơ thời trung cổ tới một hình thức chính quy và

phức tạp hơn, vấn đề này đã buộc người ta phải suy nghĩ. Nhưng những công việc này thường chỉ xuất hiện một cách hoàn toàn phụ thuộc và vô danh, nếu người ta có thể nói như vậy, trong những hồi ký và chuyện kể.

Những suy nghĩ về những biến cố chiến tranh tạo nên sự cần thiết của một lý thuyết

Do những suy nghĩ về các biến cố quân sự ngày càng nhiều và sử học càng có tính phê phán nên có nhu cầu gay gắt là phải dựa vào những nguyên lý và quy tắc để làm cho nhiều cuộc tranh luận (rất tự nhiên trong lịch sử quân sự) và những ý kiến đang bàn cãi phải dẫn đến một kết luận nào đó. Một ý kiến vô bổ, phân tán, không dựa vào một đối tượng cụ thể nào và không tuân theo một quy tắc rõ rệt nào chỉ có thể gây cho con người một cảm tưởng dễ ghét.

Những cố gắng để sáng tạo ra một lý thuyết tích cực

Từ những lý do đó, người ta cố gắng đề ra những nguyên lý, những quy tắc và cả những hệ thống lý luận về chỉ đạo chiến tranh. Và từ đó, người ta nhằm một mục tiêu tích cực nhưng lại sao lãng những khó khăn phi thường về mặt này của sự chỉ đạo chiến tranh. Như chúng tôi đã giải thích, dù xoay sở với khía cạnh nào, việc chỉ đạo chiến tranh hầu như bao giờ cũng bị lạc trong những con đường lầm lẫn; tuy nhiên mọi hệ thống, mọi cơ cấu lý thuyết đều có tính chất hạn chế của một sự tổng hợp. Điều đó đưa đến một sự đối kháng không thể cứu vãn giữa mớ lý thuyết đó và thực tế.

Sự giới hạn vào những đối tượng vật chất

Các nhà chế tạo ra lý thuyết đã lập tức cảm thấy những khó khăn của vấn đề, họ tưởng như có thể lảng tránh bằng cách lại một lần nữa sáng tạo thêm những nguyên lý và những hệ thống mới, căn cứ vào những đối tượng vật chất và một loại hoạt động đơn phương. Cũng như trong mọi khoa học liên quan đến việc chuẩn bị chiến tranh, họ chỉ muốn thu được những kết quả chắc chắn, tích cực và tất nhiên chỉ căn cứ vào những dữ kiện có thể tính toán được.

Ưu thế về số lượng

Ưu thế về số lượng là một dữ kiện cụ thể. Trong tất cả mọi yếu tố mà chiến thắng là sản phẩm, người ta chọn vấn đề ấy vì lý do chắc chắn là những sự phối hợp trong thời gian và trong không gian sẽ cho phép người ta rút gọn vấn đề vào trong những quy luật toán học. Người ta tưởng có thể loại trừ tất cả những điều kiện khác, những điều kiện này ngang nhau ở cả hai mặt và tự trung hòa lẫn nhau.

Chúng tôi thấy không có gì trở ngại; nhưng phải coi đó là cách làm tạm thời để có thể nghiên cứu yếu tố đơn độc đó trong tính ngẫu nhiên của nó; nhưng nếu vận dụng quan niệm đó một cách dứt khoát, dựa vào ưu thế về mặt số lượng như là một quy luật độc nhất có giá trị, và cho rằng mọi bí quyết của nghệ thuật quân sự đều nằm trong công thức:*trong một thời gian nhất định, tập trung một ưu thế và số lượng ở những địa điểm nhất định*, tức là đã hạn chế tới mức không thể chịu nổi sức mạnh của cuộc sống thực tế.

Việc tiếp tế cho quân đội

Người ta đã định hệ thống hóa bằng con đường lý thuyết một yếu tố vật chất khác nhằm làm cho việc tiếp tế của quân đội, dựa trên một cơ cấu nào đó đã được giả định trước, trở thành một yêu cầu cao nhất của việc chỉ đạo chiến tranh trên quy mô lớn.

Bằng phương pháp đó, người ta còn trông cậy vào những con số và tất nhiên là phải như thế, nhưng lại là những con số dựa trên một mớ giả thuyết hoàn toàn mơ hồ, không thể đứng vững qua thử thách của thực tế.

Các căn cứ

Có một bộ óc láu cá**[37]** đã định thâu tóm một mớ hỗ lốn đủ mọi thứ dữ kiện tinh thần và trí tuệ vào một khái niệm duy nhất: Khái niệm về *căn cứ*. Ở đấy người ta thấy đề cập đến việc tiếp tế cho quân đội, việc thay thế binh sĩ và trang bị, việc bảo đảm liên lạc với tổ quốc, việc bảo đảm an toàn cho rút lui khi cần thiết. Nghĩa là: Trước hết lấy khái niệm căn cứ thay thế cho tất cả mọi nhiệm vụ đặc biệt kể trên, sau đó lấy diện tích thay thế cho căn cứ, rồi lại lấy các gốc do lực lượng vũ trang hình thành nên cùng với căn cứ để thay thế cho diện tích của căn cứ. Tất cả mọi ý đồ đó chỉ nhằm đạt một mục đích giản đơn là thu được một kết quả hoàn toàn hình học và không có giá trị. Tất nhiên, đó là điều không thể tránh khỏi, khi người ta tưởng rằng không một sự thay thế nào là không xúc phạm đến chân lý và không để sót một phần những yếu tố của các khái niệm trước. Nhận thức về căn cứ rất quan hệ trong chiến lược: Không ai có thể phủ nhận được giá trị của vấn đề, nhưng cũng không ai có thể thừa nhận được kiểu vận dụng đã nói trên. Vì kiểu vận dụng ấy không thể không đưa đến những kết quả hoàn toàn phiến diện nên các nhà lý luận nói trên đã hướng sự giải thích theo một hướng hoàn toàn vô lý, ví dụ như ưu thế tiến công dưới hình thức bao vây.

Những đường nội tuyến

Người ta đã chống lại sự sai lầm bằng một nguyên lý hình học mà họ mệnh danh là những đường nội tuyến.**[38]** Mặc dầu nguyên lý này được xây dựng trên một miếng đất vững chắc, nghĩa là trên chân lý: Chỉ có giao chiến mới là biện pháp độc nhất có hiệu quả trong chiến tranh, tính chất thuần túy hình học của nguyên lý ấy đã làm cho nó chỉ mở ra được một triển vọng phiến diện mới, không thể chế ngự được cuộc sống thực tế.

Cần phải vứt bỏ tất cả những toan tính đó

Chỉ duy nhất phần phân tích của những toan tính lý thuyết, đó là có ít nhiều tiến bộ trong lĩnh vực thực tế; còn phần tổng hợp, phần quy thức và các quy tắc thì đều hoàn toàn vô dụng.

Điểm chính là chúng đều nhằm vào những đại lượng vững chắc, nhưng trong chiến tranh mọi cái lại đều không thể định trước và mọi tính toán lại đều phải xây dựng với những đại lượng thay đổi.

Mặt khác, những lý thuyết ấy lại chỉ quan tâm đến những đại lượng vật chất cụ thể, nhưng trong chiến tranh thì sức mạnh về ảnh hưởng tinh thần lại thấm sâu vào tất cả mọi thứ.

Những toan tính về lý thuyết ấy chỉ quan tâm đến hoạt động của một bên (tham

chiến – *ND*), nhưng trong thực tế, chiến tranh lại phải luôn luôn căn cứ vào những hoạt động không ngừng của bên này tác động đến bên kia.

Gạt bỏ thiên tài ra ngoài quy tắc chung

Tất cả những cái mà sự thông minh tầm thường và phiến diện nói trên không thể đạt tới không phải nằm trong lĩnh vực khoa học mà lại thuộc vào *lĩnh vực thiên tài ở cao hơn quy tắc thông thường*.

Thật là bất hạnh cho chiến binh nào bị luẩn quẩn trong mê lộ của những quy tắc vô bổ chẳng những không đạt tới trình độ thiên tài, thậm chí lại còn thấp hơn cả khả năng của chính bản thân mình. Cái gì thiên tài làm được thì đấy là nguyên tắc đẹp nhất trong các nguyên tắc, và điều mà lý luận làm được tốt nhất là tìm cách giải thích được vì sao và làm thế nào để làm được như vậy. Thật là bất hạnh cho thứ lý thuyết nào đối lập với trí tuệ, nó có cố nhún mình để bù vào mâu thuẫn ấy cũng vô ích. Nó càng nhún mình thì sự giễu cợt và khinh bỉ lại càng đuổi nó ra khỏi đời sống thực tế.

Những khó khăn mà lý luận sẽ gặp khi bàn tới những đại lượng tinh thần và trí tuệ

Mọi lý luận đều sẽ rất lúng túng khi đề cập đến lĩnh vực của những đại lượng tinh thần và trí tuệ (grandeurs morales et intellectuelles). Ngành hội họa và kiến trúc sẽ hiểu rất rõ nội dung vấn đề của ngành mình khi họ chỉ giải quyết tính chất nghệ thuật của họ, sẽ chẳng hề có mảy may bất đồng trong lĩnh vực cấu trúc cơ học hoặc quang học. Nhưng khi người ta đề cập tới ảnh hưởng mà những tác phẩm của họ tác động đến trí tuệ, khi cần phải tạo ra những cảm xúc hoặc những rung động của tâm hồn hay của trí tuệ thì mọi hệ thống phức tạp rắc rối của những quy tắc, những quy luật sẽ bị tan rã và trở thành những mớ công thức mơ hồ.

Y học chủ yếu nghiên cứu những hiện tượng vật chất. Nó phải đụng chạm đến cơ thể sinh vật, mà cơ thể sinh vật thì luôn luôn biến động và không bao giờ giống nhau trong hai thời điểm khác nhau; chính vấn đề đó đã làm cho nhiệm vụ của y học khó khăn biết bao nhiêu và khiến cho sự xét đoán của người thầy thuốc cao hơn mức hiểu biết của ông ta. Vấn đề sẽ lại càng trở nên phức tạp khi có yếu tố tinh thần xen vào và vị bác sĩ tâm thần sẽ càng đáng quý biết bao.

Những đại lượng tinh thần và trí tuệ không thể bị gạt khỏi lĩnh vực chiến tranh

Tuy nhiên, hoạt động chiến tranh không phải chỉ nhằm chống lại lực lượng vật chất mà thôi; nó phải đồng thời chống lại lực lượng tinh thần và lực lượng trí tuệ đang khích động thể chất đó, và ta không thể nào đem tách rời lực lượng này ra khỏi lực lượng kia.

Nhưng, đại lượng tinh thần và trí tuệ thì chỉ có thể thấy được bằng con mắt nội tâm khác nhau ở mỗi con người và thậm chí chúng còn thay đổi từng lúc ngay ở trong một con người.

Nếu như sự nguy hiểm trong chiến tranh là môi trường vận động của mọi sự vật thì chính lòng can đảm, ý thức về sức lực của bản thân mình đã làm thay đổi sự phán đoán của chúng ta. Sự việc này giống hệt như một thấu kính pha lê cho phép các khái niệm xuyên qua trước khi đạt đến trí tuệ.

Tuy nhiên, chẳng còn nghi ngờ gì nữa là: Chỉ một kinh nghiệm đơn giản về những sự việc đó cũng cho nó một vài giá trị khách quan.

Mọi người đều biết ảnh hưởng tinh thần của việc tiến công bất ngờ của việc tiến công vào bên sườn hay phía sau lưng; tinh thần dũng cảm của đối phương sẽ tụt xuống ngay khi họ đã quay lưng chạy, và người ta sẽ phó mặc cho may rủi, tùy theo người ta là người truy kích hay không phải là người truy kích kẻ quay đầu chạy.

Mỗi người đều đánh giá địch thủ tùy theo tiếng tăm về tài năng, tuổi tác và kinh nghiệm chiến đấu của đối phương, và sẽ hành động cho phù hợp với sự đánh giá ấy: Mọi người đều nhìn sâu vào trạng thái tinh thần và lòng dũng cảm của quân đội mình và quân đội đối phương. Tất cả mọi phản xạ đó và mọi phản xạ khác trong lĩnh vực tinh thần của con người sẽ biểu lộ ra trong thực tiễn, sẽ luôn luôn tái diễn và cho phép ta coi đó như những đại lượng có thật (theo kiểu của nó). Và lý luận sẽ còn giá trị gì nữa nếu bỏ quá không chú ý đến chúng.

Có thể kinh nghiệm sẽ là tấm chứng chỉ gốc của các chân lý này. Nhưng chẳng hề có một lý thuyết nào, cũng chẳng hề có một vị tướng nào lại có thể tự cho phép mình đi sâu vào những tiểu tiết tâm lý hay triết học.

Khó khăn chủ yếu của một lý thuyết về chiến tranh

Để hiểu một cách rõ ràng khó khăn của việc khởi thảo một lý thuyết về chiến tranh, để có thể từ đó rút ra tính chất mà nó phải có, cần nghiên cứu kỹ lưỡng những đặc tính chủ yếu gắn liền với bản chất của hoạt động chiến tranh.

Đặc tính thứ nhất: Các lực lượng, tinh thần và những ảnh hưởng của chúng (tình cảm thù địch)

Điểm đầu tiên của các đặc tính này nằm trong các lực lượng tinh thần và những phản xạ của nó.

Mọi cuộc chiến đấu đều vốn là sự biểu hiện của *tình cảm thù địch*. Thật vậy, trong những cuộc chiến đấu lớn mà ta gọi là chiến tranh, tình cảm thù địch thường chỉ hạn chế trong *ý định thù địch*, nhưng trong một cá nhân thì lại không kèm theo tình cảm thù địch đối với một cá nhân khác. Tuy nhiên, không có cuộc chiến tranh nào lại không có loại tình cảm này xen vào. Lòng hằn thù dân tộc, cái mà những cuộc chiến tranh ngày nay ít khi tránh khỏi, đã thay thế đến một mức độ ít nhiều mạnh hơn lòng hằn thù giữa cá nhân này với cá nhân khác. Nhưng ngay cả trong những cuộc chiến tranh mà lòng hằn thù dân tộc chưa có, tính chất quyết liệt cũng chưa xuất hiện ngay từ đầu, thì ý thức thù địch tự nó cũng đã nhen nhóm dần lên trong chiến đấu. Bởi lẽ, bạo lực mà quân địch sử dụng để chống chúng ta – theo mệnh lệnh của cấp trên – sẽ khơi lên trong chúng ta ý muốn chống cự, thúc đẩy chúng ta trả thù đối với kẻ trực tiếp hành động, trước khi chúng ta nghĩ đến quyền lực cấp trên nào đó đã ra lệnh cho kẻ ấy hành động. Trong lý thuyết, người ta đã quá quen thuộc với quan niệm coi cuộc chiến đấu như một sự ước tính trừu tượng về những lực lượng mà ở đấy tình cảm không có liên quan gì đến. Đó là một trong vô số sai lầm mà lý thuyết đã cố tình phạm phải vì không nhìn thấy được hậu quả của vấn đề.

Ngoài những loại tình cảm[39] dựa trên tính chất của bản thân cuộc chiến đấu

còn có những loại tình cảm khác nhau như tham vọng, ý thức muốn chiến thắng, mọi niềm phấn hứng khác, v.v. Tuy không là một bộ phận của các vấn đề trên nhưng cũng có liên quan ít nhiều, bởi tính chất bà con thân thuộc của nó.

Ý thức về sự nguy hiểm (lòng dũng cảm)

Cuối cùng, cuộc chiến đấu đã đẻ ra một yếu tố nguy hiểm mà tất cả mọi hoạt động chiến tranh phải bám chắc và vận dụng như chim trên trời, như cá dưới nước. Tuy nhiên, tác động của sự nguy hiểm phản xạ vào cảm giác, hoặc trực tiếp một cách tự nhiên hoặc thông qua sự suy nghĩ. Ở trường hợp thứ nhất, tác động này được thể hiện ra ở lòng mong muốn tránh thoát sự nguy hiểm và một khi không được như ước vọng thì thể hiện ra ở sự e ngại, khiếp đảm. Nếu những tác động đó không xảy ra thì chính lúc ấy lòng dũng cảm lại làm cân bằng cho cái bản năng ấy. Nhưng lòng dũng cảm lại không phải là hành động của trí thông minh mà chỉ là một thứ tình cảm, cũng như sự sợ hãi. Cái kia thể hiện sự phòng vệ tinh thần, cái này thể hiện sự phòng vệ vật chất. Lòng dũng cảm là một bản năng cao thượng hơn. Chính vì thế nên người ta không thể dùng nó như một công cụ bất động mà những ảnh hưởng chỉ tác động trong một phạm vi hết sức hạn chế. Lòng dũng cảm cũng không phải chỉ là trọng lượng cân bằng cho sự nguy hiểm, được dùng để trung hòa những ảnh hưởng của sự nguy hiểm, mà là một đại lượng đặc biệt.

Phạm vi ảnh hưởng của sự nguy hiểm

Nhưng nếu đã đánh giá đúng mức ảnh hưởng của sự nguy hiểm đối với những người chỉ huy thì không nên hạn chế ảnh hưởng của vấn đề ở sự nguy hiểm về thể xác ngay trước mắt. Nếu điều đó khiến người chỉ huy phải khuất phục, không phải chỉ là vì nó trực tiếp đe dọa ông ta mà còn bởi nó đe dọa sẽ giáng xuống tất cả mọi thuộc hạ mà người ta đã giao cho ông ta, không phải là ở vào thời điểm cụ thể nào đó lúc xảy ra nguy hiểm thực sự, mà nhờ có óc tưởng tượng khi gặp những thời cơ ít nhiều có liên quan tới thời điểm đó. Sau nữa, nguy hiểm không phải chỉ tồn tại trực tiếp, bằng tự bản thân nó mà thôi, nó còn tồn tại gián tiếp bằng cách làm cho tinh thần trách nhiệm luôn luôn canh cánh bên lòng những người chỉ huy. Làm sao có thể bàn luận hoặc quyết định một trận đánh lớn mà đầu óc không ít nhiều băn khoăn về mối nguy hiểm sẽ đến và về trách nhiệm phải gánh vác? Ta có thể nói rằng: Ở phạm vi mà hành vi chiến tranh là một hành động thực thụ chứ không phải là một sự tồn tại đơn thuần, thì không bao giờ nó có thể thoát khỏi được môi trường của sự nguy hiểm.

Những yếu tố tình cảm khác

Khi nghiên cứu hết thảy mọi yếu tố tình cảm nảy sinh bởi sự thù địch và sự nguy hiểm như những yếu tố có liên quan đến chiến tranh, chúng tôi cũng không loại trừ những yếu tố tình cảm thường tình khác cùng đi với con người trên đường đời; những vấn đề đó sẽ được đề cập ở đây. Người ta có thể nói là chính ý thức và trọng trách của cuộc đời đã làm dẹp bớt lòng ham muốn thấp kém đi nhiều, nhưng điều đó chỉ có giá trị đối với những người chỉ huy cấp dưới. Khi bị thúc ép từ sự nguy hiểm này tới sự nguy hiểm khác, phải tiến từ cố gắng này tới cố gắng khác, họ sẽ sao lãng ngay mọi khía cạnh khác của cuộc sống, họ sẽ mất ngay thói quen đạo đức giả (thói quen

đó thật chẳng có tý giá trị nào đối với thần chết) và thế là họ sẽ rơi ngay vào cái tâm trạng bình dị hoàn toàn quân sự mà từ trước tới nay bao giờ cũng là khía cạnh đẹp nhất của võ nghiệp. Điều đó không hoàn toàn giống như thế ở những môi trường cao cấp, vì khi chỗ đứng càng cao thì người ta lại càng phải nhìn rộng ra xung quanh mình.

Những quyền lợi đối lập nhau sẽ nảy sinh cùng một lúc với một loạt những sự mê say tốt hay xấu. Tính đố kỵ và lòng độ lượng, tính kiêu căng và tính khiêm tốn, sự bực tức và nỗi xúc động, tất cả có thể xuất hiện và quay cuồng trong tấn bi kịch lớn.

Đặc tính của trí tuệ

Những đức tính tinh thần của người chỉ huy, bên cạnh những tâm tính riêng, có một tầm quan trọng rất lớn. Điều mà người ta hy vọng chờ đợi ở một khối óc ngông cuồng, dễ bốc, thiếu chín chắn không giống cái mà người ta có thể chờ đợi ở một khối óc trầm tĩnh và cứng rắn.

Cá tính tinh thần khác nhau đưa đến những con đường khác nhau để đạt tới mục đích

Thường chỉ ở những cương vị cao, ảnh hưởng của cái tinh thần khác biệt này mới hay xuất hiện, vì ảnh hưởng ấy tăng lên theo với cấp bậc, và chính từ đó đẻ ra những con đường khác nhau để đạt tới mục đích; đó là sự khác nhau nhiều màu nhiều vẻ mà chúng tôi đã đề cập trong tập I, ở đây sự may rủi và tính xác suất sẽ chỉ chiếm phần không đồng đều trong sự tiến triển của các biến cố.

Đặc tính thứ hai: Tính nhạy bén của sự phản ứng

Đặc điểm thứ hai của hành động chiến tranh là tính nhạy bén của sự phản ứng, và kết quả qua lại sẽ nảy ra từ đó. Không thể coi đây là việc dự tính trước sự phản ứng đó, vì nó nằm trong những khó khăn đã kể ở trên khi ta coi những lực lượng tinh thần như những đại lượng, mà phải coi là hành động qua lại do bản chất của nó vượt ra ngoài các kế hoạch đã tính trước. Ảnh hưởng mà một thủ đoạn nào đó gây ra cho đối phương sẽ là dữ kiện có tính riêng biệt nhất trong tất cả mọi dữ kiện của hành động. Tuy nhiên, lý thuyết phải chú ý tới các loại hiện tượng và không thể hiểu thấu những trường hợp hoàn toàn cá biệt, những trường hợp này thuộc về cách đánh giá và tài năng. Tất nhiên, trong một hành động như chiến tranh mà kế hoạch dựa trên những điều kiện phổ biến, sẽ luôn luôn bị xáo động bởi những hiện tượng cá biệt không lường trước được, ta cần phải dành một phần tương đối lớn cho tài năng hơn là dựa vào những *cẩm nang giáo điều*.

Đặc tính thứ ba: Tính không chính xác của mọi dữ kiện

Tính không chính xác của mọi dữ kiện tạo nên một khó khăn đặc biệt của chiến tranh, vì mọi hành động sẽ được tiến hành (nếu ta có thể nói như vậy) trong ánh sáng lờ mờ của hoàng hôn, thường làm cho sự vật có một bề ngoài mờ ảo, một tầm vóc quá đáng, một hình dáng kỳ quái.

Để bổ khuyết vào sự thiếu minh bạch do luồng ánh sáng yếu ớt như thế sinh ra, ta phải dựa vào tài phán đoán hoặc là phó cho may rủi. Ở trường hợp thiếu sự khôn

khéo khách quan thì lại càng phải dựa vào tài năng hơn nữa, có khi phải dựa vào sự may rủi.

Một giáo lý tích cực là điều không thể có được

Do bản chất của vấn đề, chúng ta cần phải thấy là: Không thể hy vọng trang bị cho nghệ thuật chiến tranh một mớ giáo lý vững chắc như một cái giàn giáo, khiến người hành động luôn luôn có một chỗ dựa bên ngoài. Mỗi khi thấy mình có thể dựa vào tài năng của chính mình, anh ta sẽ thoát ngay ra khỏi cái môi trường giáo lý ấy và thấy có mâu thuẫn với môi trường này. Dù có đẻ ra được bao nhiêu điều đi nữa thì giáo lý ấy bao giờ cũng có những hậu quả như chúng tôi đã nói: Tài năng và thiên tài hoạt động ở ngoài quy luật và lý thuyết là đối lập với thực tế.

Lối thoát cho phép ta xây dựng một lý thuyết[40] (Khó khăn không phải bao giờ cũng nhiều như nhau)

Có hai lối thoát có thể giúp chúng ta vượt ra khỏi những khó khăn trên.

Trước hết, điều mà chúng ta đã bàn luận về vấn đề tính chất của hoạt động chiến tranh nói chung không thể áp dụng đồng loạt cho hết thảy mọi cấp bậc của loại hoạt động này. Ở cấp thấp, người ta thường yêu cầu lòng dũng cảm hy sinh cá nhân, còn những khó khăn thì thường ít hơn, nếu nói về mặt trí thông minh và óc phán đoán. Những hiện tượng đột biến thường rất có giới hạn. Mục đích và phương pháp ít hơn, những dữ kiện chính xác hơn và thường biểu hiện ra ở những sự vật cụ thể. Những cấp bậc càng cao thì khó khăn lại càng lắm và sẽ tập trung vào đỉnh cao nhất ở người tổng chỉ huy: Đối với ông ta cái gì cũng là do thiên tài quyết định cả.

Mặt khác, nếu người ta phân loại vấn đề theo *bản chất các yếu tố của chúng* thì ta sẽ thấy không phải ở đâu cũng giống nhau. Khó khăn sẽ giảm bớt khi ta tăng cường cố gắng trong lĩnh vực vật chất và sẽ tăng lên khi chuyển sang lĩnh vực tinh thần để trở thành những lý do tạo ra nghị lực. Điều đó giải thích tại sao việc quy định trật tự bên trong, việc quy định kế hoạch tiến hành và sự chỉ đạo một trận giao chiến bằng những quy tắc lý thuyết lại dễ hơn là việc quy định phương pháp sử dụng những thứ đó. Vũ khí vật chất được sử dụng ở đây, và tuy tinh thần là thứ không thể thiếu, ta cũng vẫn phải dành cho vật chất chỗ đứng của nó. Nhưng, ở đây chỉ nói đến bản chất tinh thần của ảnh hưởng của những cuộc giao chiến mà các kết quả vật chất đã trở thành nguyên nhân.

Tóm lại, xây dựng một lý thuyết cho *chiến thuật* thường dễ hơn là cho *chiến lược*.

Lý thuyết chỉ có thể là những ý kiến gợi ý chứ không phải là một giáo lý

Lối thoát thứ hai cho việc xây dựng một lý thuyết là: Không được coi nó như một giáo lý tích cực, nghĩa là một phương pháp hành động. Loại trừ một số điểm thay đổi nhỏ và một số lớn những điều mà người ta muốn có những kết hợp khác nhau, mọi hoạt động trong nhiều trường hợp luôn luôn vận dụng vào những việc giống nhau và dùng những phương pháp giống nhau vào những mục đích giống nhau, phải là những mục tiêu để nghiên cứu kỹ càng. Chính việc nghiên cứu kỹ càng này sẽ là phần chủ yếu của *mọi lý thuyết* và có như thế mới xứng đáng với danh hiệu ấy. Đấy là một việc

đi sâu có tính chất phân tích để nắm cho chắc vấn đề và phải thường xuyên vận dụng vào thực tế, vào lịch sử chiến tranh làm cho ta quen dần với đối tượng này (chiến tranh – *ND*). Càng đạt tới điểm đó thì lý thuyết lại càng phải chuyển từ hình thái khách quan của hiểu biết sang hình thái chủ quan của khả năng và tác dụng lại càng bộc lộ rõ, dù cho bản chất của vấn đề không cho phép một quyết định nào khác ngoài quyết định của tài năng; chính bởi thông qua điểm này mà lý thuyết trở thành có tác dụng. Khi lý thuyết nghiên cứu những đối tượng cấu thành chiến tranh và phân giải rõ hơn những cái gì có thể lẫn lộn với nhau trong lúc mới nhìn qua, khi nó xác định đầy đủ hơn những đặc tính của các phương tiện và tác dụng có thể có của chúng trong chiến tranh, khi nó giải thích rõ ràng tính chất cho những mục tiêu cần đạt và đem ánh sáng của một sự suy nghĩ có phê phán vào toàn bộ lĩnh vực chiến tranh, chỉ lúc đó lý thuyết mới thực hiện được nhiệm vụ chính của mình. Vì chỉ như thế lý thuyết mới có thể là người hướng dẫn cho bất cứ ai muốn làm quen với chiến tranh bằng đọc sách. Lý thuyết soi đường cho họ, tạo thuận lợi cho đường đi nước bước của họ, xây dựng trí xét đoán cho họ và làm cho họ không đi lầm đường.

Một chuyên viên đã từng hy sinh một nửa cuộc đời mình để làm sáng tỏ phanh phui mọi tiểu tiết của một vấn đề rắc rối phức tạp, tất sẽ hiểu rành rõ về vấn đề ấy hơn là người nào muốn đề cập tới vấn đề trong một thời gian rất ngắn.

Lý thuyết được xây dựng không phải là để rồi trong mỗi trường hợp lại phải sắp xếp ổn định lại trật tự và tìm tòi lối đi, mà là để cho mọi người thấy rõ được vấn đề một cách có trật tự và sáng sủa. Lý thuyết được dùng để bồi dưỡng cho người chỉ huy tương lai của chiến tranh, có lẽ nên nói là để hướng dẫn cho họ tự rèn luyện chứ không phải là để cặp kè bám theo họ ở chiến trường, hệt như nhà sư phạm lão luyện hướng dẫn và giúp đỡ cho người học trò trẻ phát triển tài năng, chứ không phải là để dắt người đó lếch thếch theo mình suốt cả cuộc đời.

Nếu quy tắc và những nguyên tắc rút ra từ những nhận định của lý thuyết, nếu chân lý tự nó kết tinh để tạo thành lý thuyết đó thì lúc ấy lý thuyết sẽ không đối lập với quy luật tự nhiên của trí tuệ, như vậy nhịp cầu đặt trên khung vòm của nó chỉ làm tăng thêm sức mạnh cho quy luật này mà thôi. Nhưng dù sao lý thuyết cũng chỉ nhằm để thỏa mãn quy luật triết học của tư tưởng, làm sáng rõ giao điểm của mọi tuyến chứ không phải để từ đó rút ra một công thức đại số đem sử dụng ở chiến trường. Vì những quy tắc và nguyên tắc này chỉ nhằm để giúp cho trí óc con người biết suy nghĩ về những nét chính của các hoạt động thường lệ chứ không phải là để cắm sẵn ra những cọc chuẩn, buộc nó phải làm theo khi tiến hành công việc.

Chỉ có quan điểm đó, mới có thể có lý thuyết và chỉ có như thế lý thuyết mới không đối lập với thực tế.

Quan điểm này mở đường cho một nền lý luận thỏa đáng về chỉ đạo chiến tranh, nghĩa là một lý luận có ích, không bao giờ mâu thuẫn với thực tế và chỉ cần biết khéo léo vận dụng vào thực tế là sẽ giải quyết được sự khác biệt ngớ ngẩn giữa lý thuyết và thực tế, một sự khác biệt thường là kết quả của một lý thuyết thiếu hợp lý, xa lạ với lý trí lành mạnh, nhưng lại thường là chỗ dựa cho những đầu óc thiển cận, ngu

dốt, bất lực từ bẩm sinh.

Lý thuyết quan tâm đến bản chất của những mục đích và phương tiện của chiến thuật.

Lý thuyết phải tự giác quan tâm đến bản chất của những phương tiện và mục đích.

Trong lĩnh vực chiến thuật, phương tiện bao gồm mọi lực lượng vũ trang đã được huấn luyện và sẽ được dùng vào chiến đấu. Mục đích là chiến thắng. Chúng tôi sẽ nói rõ thêm ý kiến này khi nói về giao chiến. Ở đây ta hãy tạm thỏa thuận với nhau là: Dấu hiệu của chiến thắng xuất hiện khi địch thủ bỏ chạy khỏi chiến trường. Nhờ ở chiến thắng này mà chiến lược đạt được mục đích đã ấn định cho cuộc chiến đấu, và đó là ý nghĩa thực sự của nó. Một chiến thắng mà mục đích là tiêu hao lực lượng thù địch khác với một chiến thắng mà mục đích chỉ nhằm chiếm đoạt có một vị trí. Ý nghĩa một cuộc giao chiến có thể có một ảnh hưởng đáng kể tới kế hoạch và tới việc chỉ đạo thực hiện kế hoạch; như vậy nó cũng là một vấn đề phải suy nghĩ trong lĩnh vực chiến thuật.

Những tình huống thường xảy ra cùng với việc sử dụng các phương tiện

Khi sử dụng các lực lượng vũ trang, ta phải chú ý tới một số tình huống đặc biệt luôn luôn theo sát và ảnh hưởng đến cuộc giao chiến. Những tình huống ấy là: Địa điểm, thời điểm trong ngày và những điều kiện thời tiết.

***Điều kiện địa hình*:**

Điều kiện địa hình mà chúng ta hiểu là bản thân địa điểm và thổ nhưỡng, có thể nói một cách chặt chẽ, sẽ không có một tý ảnh hưởng nào nếu cuộc giao chiến được tiến hành trên một vùng hoàn toàn bằng phẳng và không trồng trọt.

Trong thực tế, ta thường chỉ có thể gặp trường hợp này ở những vùng đồng cỏ hoang, còn ở châu Âu văn minh thì khái niệm đó chỉ có thể có trong tưởng tượng. Giữa các dân tộc văn minh, việc tác chiến trên một vùng hoặc trên một địa điểm không có một tý ảnh hưởng nào là điều kỳ quái, không thể hiểu được.

***Thời điểm trong ngày*:**

Thời điểm trong ngày có ảnh hưởng tới giao chiến, do sự khác nhau giữa ban ngày và ban đêm; nhưng ảnh hưởng này vượt quá giới hạn của sự khác nhau đó, vì mỗi cuộc giao chiến đều chiếm một số thời gian gồm một số lớn giờ trong những trận lớn. Vấn đề cuộc tác chiến bắt đầu vào buổi sáng hay buổi chiều có một sự khác nhau mà người ta phải quan tâm đến khi đặt kế hoạch tác chiến.

Tuy nhiên, cũng có không ít những cuộc giao chiến mà vấn đề thời điểm trong ngày không có tý quan trọng nào, và nếu có thì ảnh hưởng cũng thường là nhỏ bé.

***Điều kiện thời tiết*:**

Lại càng hiếm trường hợp mà điều kiện thời tiết có một ảnh hưởng quyết định, và hầu như chỉ sương mù là có đôi chút ảnh hưởng khiến ta phải chú ý.

***Mục đích và phương tiện trong chiến lược*:**

Đối với chiến lược; chiến thắng (nghĩa là thắng lợi chiến thuật) vốn chỉ là một phương tiện, và những yếu tố nào có thể đưa thẳng đến hòa bình đều phải coi như là

mục tiêu cuối cùng. Việc sử dụng những phương tiện chiến lược nhằm đạt mục tiêu chiến lược thường phải kèm theo những điều kiện hoặc nhiều hoặc ít có ảnh hưởng.

***Những tình huống đi cùng với việc sử dụng các phương tiện*:**

Những tình huống này là: Địa phương và địa hình, bao gồm đất nước và nhân dân vùng xảy ra chiến tranh; sau nữa là thời điểm trong ngày và cũng là trong mùa, rồi đến những hiện tượng thời tiết, đặc biệt là những hiện tượng bất thường như băng giá mạnh, v.v.

Chúng cung cấp những phương tiện mới

Khi kết hợp những yếu tố này với kết quả của một cuộc giao chiến, chiến lược đem lại cho kết quả, và vì vậy cho giao chiến, một ý nghĩa dặc biệt, *nó định cho giao chiến một mục đích đặc biệt*.

Nhưng, trong mức độ mục đích này không đưa thẳng đến hòa bình mà chỉ nhằm đạt một mục tiêu thứ yếu, ta cũng phải coi nó như một phương tiện. Trong chiến lược, những thắng lợi do những cuộc giao chiến hoặc chiến thắng thu được gồm nhiều ý nghĩa khác nhau, ta phải coi chúng như những phương tiện. Việc chiếm được một vị trí không có gì khác hơn là một thành công tương tự ứng dụng vào địa hình. Nhưng không phải chỉ những cuộc giao chiến khác nhau và những mục đích riêng biệt mới được ta coi là phương tiện. Mọi khái niệm cao cấp kết hợp các cuộc giao chiến lại hướng chúng vào một mục đích chung, phải được coi như là một phương tiện. Một chiến dịch tiến hành vào mùa đông chỉ là một kiểu phối hợp cùng loại, vận dụng theo mùa mà thôi.

Như vậy, chỉ còn những vấn đề được coi như *dẫn thẳng* tới hòa bình mới là mục đích. Lý thuyết phải đề cập tới hết thảy mọi mục đích và mọi phương tiện ấy, căn cứ theo bản chất của những hiệu quả và những mối quan hệ qua lại giữa chúng với nhau.

Những mục đích và những phương tiện mà chiến lược nghiên cứu chỉ có thể tìm thấy trong kinh nghiệm

Vấn đề trước tiên là phải hiểu: Chiến lược làm thế nào để có được một tổng kê tường tận về tất cả những sự việc ấy. Một cuộc nghiên cứu có tính chất triết học chỉ nhằm đạt một kết quả có tính chất tất yếu logic sẽ không khỏi cảm thấy lúng túng trước những khó khăn phức tạp sẽ nảy ra, bởi lẽ một tất yếu logic sẽ không có chỗ đứng trong lĩnh vực chỉ đạo và trong lý thuyết về chiến tranh. Như vậy, phải căn cứ vào kinh nghiệm thực tế và phải chuyên tâm nghiên cứu những cuộc phối hợp đã được ghi trong lịch sử quân sự. Có thể đó sẽ là một lý thuyết bị hạn chế, đúng thế, nhưng nó lại thích ứng được với những dữ kiện mà lịch sử quân sự sẽ cung cấp. Điểm hạn chế này quả thật khó tránh khỏi, không phải chỉ vì lý thuyết phải rút ra những kết luận và những điều khẳng định của mình từ trong lịch sử quân sự, hay ít ra cũng phải có sự đối chiếu với lịch sử quân sự. Vả lại điểm hạn chế này nói cho cùng có tính chất lý thuyết hơn là có tính chất thực tế.

Một trong những lợi ích chính của phương pháp này là ngăn ngừa lý thuyết khỏi

sa vào những chuyện vụn vặt, nhỏ nhặt và hão huyền, khiến cho lý thuyết luôn luôn đứng vững trên miếng đất của thực tiễn.

Việc phân tích các phương tiện phải đi tới đâu?

Một vấn đề khác là phải hiểu được rằng: Trong việc phân tích các phương tiện, lý thuyết sẽ phải đi đến đâu? Tất nhiên không đi xa hơn thói quen sử dụng những đặc tính khác nhau của phương tiện. Tầm xa và hiệu lực của các loại vũ khí khác nhau là một điểm quan trọng đặc biệt đối với chiến thuật. Tuy rằng nhờ có chế tạo mới có vũ khí, song việc chế tạo lại chẳng hề có tý quan hệ nào, vì để tiến hành chiến tranh, người ta cần đến vũ khí hoàn chỉnh và hiệu quả của chúng chứ không phải là than, diêm sinh và diêm tiêu, đồng và kẽm để làm ra thuốc súng và đúc súng. Chiến lược phải dùng đến bản đồ nhưng chẳng cần bận tâm đến phép tính tam giác lượng. Nó cũng chẳng hề phải bận tâm nghĩ đến chế độ của đất nước cũng như phương pháp giáo dục và cai trị nhân dân để đảm bảo cho sự vững chắc của những thắng lợi quân sự. Nó vận dụng tất cả những vấn đề đó với nguyên trạng có sẵn trong lòng xã hội châu Âu và chỉ chú ý tới điều kiện này hay điều kiện nọ, xem điều kiện nào sẽ có thể gây ra một ảnh hưởng đáng kể tới chiến tranh mà thôi.

Sự giản đơn cao độ của những điều hiểu biết

Như vậy là ta đã dễ dàng nhận định được rằng số lượng những vấn đề mà lý luận đề cập tới sẽ rất hạn chế, điều đó cũng làm giảm bớt những kiến thức cần thiết cho việc chỉ đạo chiến tranh. Cái khối lượng rất lớn những kiến thức và những năng lực mà hoạt động quân sự đề ra là những cái rất cần thiết mà quân đội phải được trang bị đầy đủ trước khi đạt tới mục đích thực sự, thông qua chiến tranh: Nó hoàn toàn giống như những dòng suối đổ vào con sông trước khi chảy ra ngoài biển chỉ có những hoạt động lao thẳng vào biển cả chiến tranh là những cái mà người nào muốn chỉ đạo chúng phải nghiên cứu một cách chu đáo.

Điều đó giải thích việc đào tạo nhanh chóng những người chỉ huy vĩ đại của chiến tranh, và vì sao một người chỉ huy lại không phải là một học giả

Kết luận đó của sự phân tích của chúng tôi cần thiết đến mức chúng tôi nghi ngờ sự chính xác của những kết luận khác. Chỉ có nó là giải thích được vì sao lại có những con người mà hoạt động trước kia thì hoàn toàn khác, nhưng trong chiến tranh (ngay cả ở những cấp bậc cao, ngay cả những người tổng chỉ huy) họ lại đạt được những chiến công rực rỡ. Trên thực tế, những tướng lĩnh lớn đều không bao giờ xuất thân ở giai tầng những sĩ quan có học thức uyên bác hoặc những học giả; thông thường hoàn cảnh của họ không cho phép họ thu thập được những kiến thức rộng rãi. Vì vậy, bất cứ ai cho rằng việc đào tạo một người chỉ huy tương lai của chiến tranh nhất thiết phải bắt đầu bằng việc nhồi nhét cho anh ta mọi chi tiết tỉ mẩn, hoặc chỉ như thế mới có ích, người đó sẽ trở thành trò cười cho thiên hạ bởi sự gàn dở của mình. Người ta có thể dễ dàng chứng minh rằng kiểu giáo dục như vậy là không tốt, vì trí tuệ con người sẽ hình thành dần dần qua những kiến thức và khuynh hướng tư tưởng mà người ta giáo dục anh ta. Chỉ có sự vĩ đại là làm cho anh ta trở thành vĩ đại; còn sự

thấp kém sẽ làm cho anh ta thấp kém, trừ phi anh ta cương quyết xa lìa chúng, coi như những cái gì xa lạ với bản chất của mình.

Những mâu thuẫn cũ

Vì không thừa nhận sự đơn giản của những hiểu biết cần thiết cho chiến tranh, ngược lại còn lẫn lộn những hiểu biết với kiến thức và những khả năng thứ yếu trong con người nên người ta không giải quyết được những mâu thuẫn hiển nhiên khi đụng chạm với những hiện tượng của thế giới thực tế, ngoài cách đổ tất cả cho thiên tài, còn thiên tài thì lại chẳng thèm đếm xỉa đến lý thuyết và lý thuyết cũng không phải biên soạn ra cho thiên tài.

Vì vậy người ta phủ nhận mọi tác dụng của hiểu biết và chỉ trông cậy vào thiên tài tự nhiên

Những người có lương tri toàn vẹn đều cảm thấy khoảng cách vô hạn**[41]** giữa một thiên tài tuyệt đỉnh với một nhà thông thái gàn dở. Họ sẽ đạt tới một thứ tự do tư tưởng gạt bỏ mọi lý thuyết và làm cho chiến tranh trở thành một nhiệm vụ tự nhiên của con người họ. Họ sẽ hoàn thành nhiệm vụ tốt hay xấu tùy theo họ đã ra đời với nhiều hay ít năng khiếu về chiến tranh. Ta chẳng thể chối cãi được rằng những người này còn gần chân lý hơn là những người chỉ biết bo bo bám vào mớ kiến thức sai lầm; tuy nhiên người ta sẽ sớm nhận thức được rằng ý kiến trên chỉ là một sự quá lời. Sẽ không thể có những hoạt động về trí tuệ nếu con người không có một số khái niệm, những khái niệm ấy không phải là tự trời sinh mà là do con người đã thu lượm, tích lũy, tạo thành tri thức riêng của mình. Như vậy, điều chủ yếu là cần phân biệt cho rõ những khái niệm ấy thuộc vào loại nào và phải biết hướng vào những cái sau này chiến tranh trực tiếp cần đến để mà thu lượm, tích lũy.

Kiến thức phải phù hợp với cấp bậc

Trong lĩnh vực những hoạt động quân sự, các kiến thức nói trên phải biến đổi cho tương xứng với cấp bậc của người chỉ huy. Ở những cấp dưới, nó thường chỉ là những vấn đề ít quan trọng và hạn chế, ở những cấp bậc cao các vấn đề lại quan trọng và rộng lớn hơn. Một số vị tổng chỉ huy có thể không xuất sắc gì lắm khi chỉ huy một trung đoàn kỵ binh, và ngược lại cũng thế.

Hiểu biết trong chiến tranh thật rất đơn giản, nhưng không phải bao giờ cũng rất dễ dàng

Cái khiến cho sự hiểu biết trở thành rất đơn giản trong chiến tranh (nghĩa là áp dụng nó đối với rất ít đối tượng, hơn nữa lại chỉ cần căn cứ vào kết quả cuối cùng của nó) không có nghĩa là có thể dễ dàng áp dụng được nó trong thực tiễn. Trong tập I, chúng tôi đã nêu ra những khó khăn mà hành động chiến tranh nói chung đã vấp phải; chúng tôi cũng không dừng lại ở đây để nói về những khó khăn mà ta chỉ có thể khắc phục bằng lòng dũng cảm. Chúng tôi muốn nói rằng, bản thân hoạt động trí tuệ chỉ đơn giản và dễ dàng ở những cấp bậc dưới, rằng khó khăn sẽ tăng lên theo chức vụ cho tới cấp bậc tối cao – cấp bậc tổng chỉ huy, loại hoạt động này là một trong những vấn đề khó khăn nhất mà trí tuệ con người phải đề cập, suy xét đến.

Bản chất của thứ hiểu biết ấy

Vị tổng chỉ huy không cần thiết phải là nhà sử học thông thái hoặc là nhà văn, nhưng ông ta nhất thiết phải là người thông hiểu những vấn đề lớn của quốc gia, ông ta phải hiểu và phải biết đánh giá đúng những khuynh hướng truyền thống, những quyền lợi phải thanh toán, những vấn đề phải giải quyết, những nhân vật lãnh đạo. Ông ta không cần phải là một nhà tâm lý học già dặn, một nhà quan sát tinh tế để tiến hành phân tích tỉ mỉ tâm tính con người, nhưng nhất thiết ông ta phải hiểu tâm tính, phương pháp suy nghĩ và những tập quán, những cá tính tốt xấu của những người dưới quyền. Ông ta không cần phải hiểu rõ từng chi tiết của việc chế tạo xe cộ, của việc đóng ngựa vào xe để kéo đại bác, nhưng nhất thiết là ông ta phải có một ý niệm rõ rệt về thời gian cần thiết cho một binh đoàn hành quân trong những điều kiện khác nhau. Đấy là những kiến thức không thể moi ra từ những công thức khoa học hoặc từ những hệ thống máy móc, mà chỉ có thể có được ở một trí xét đoán hoàn hảo vận dụng vào mọi sự vật và cuộc sống, cộng với tài năng của mình.

Những hiểu biết cần thiết cho một nhiệm vụ quân sự cao cấp chỉ có thể có được do một năng lực quan sát đặc biệt, nghĩa là một sự nghiên cứu suy nghĩ dựa vào một thứ bản năng trí tuệ để rút ra tinh túy của các hiện tượng trong cuộc sống, như con ong biết hút mật từ hoa. Thứ hiểu biết ấy không những có thể có được bởi sự quan sát và nghiên cứu, mà phải kinh qua cuộc sống nữa. Dù cho những lời giáo huấn của nó hết sức phong phú, cuộc sống cũng chẳng bao giờ có thể sản sinh ra được một Newton hoặc một Euler, nhưng cuộc sống lại có thể làm nảy ra những bài toán cao cấp của một Condé hoặc một Frederick Đại đế.

Quả là vô ích khi sử dụng đến những điều phản lại chân lý hoặc những lý lẽ gàn dở vô lý để bảo vệ cho phẩm giá tinh thần của hoạt động quân sự. Không hề có một người chỉ huy vĩ đại, xuất sắc nào mà đầu óc lại thiển cận, nhưng cũng đã có rất nhiều trường hợp trong đó nhiều người đã từng nổi bật ở các cấp bậc thấp song khi được cất nhắc lên cấp bậc cao thì lại chỉ đạt tới điểm trung bình, do thiếu năng lực trí tuệ. Vậy, tất nhiên là ngay trong các vị tổng chỉ huy cũng phải thiết lập một hệ thống thứ bậc, tùy theo mức độ uy tín của họ.

Hiểu biết phải biến thành khả năng

Chúng ta còn phải nghiên cứu một khía cạnh quan trọng hơn mọi khía cạnh khác của thứ hiểu biết có liên quan tói việc chỉ đạo chiến tranh. Đó là vấn đề phải làm sao để hiểu biết tự nó thấm vào trí tuệ một cách hoàn toàn nhuần nhuyễn chứ không phải chỉ tồn tại như một vật thể khách quan. Trong hầu hết mọi ngành nghệ thuật và mọi hoạt động khác của đời sống, con người hành động có thể đã có lần vận dụng được những chân lý mà anh ta chưa hiểu rõ tinh thần và ý nghĩa của chúng; những chân lý ấy được anh ta rút ra từ những sách vở đầy bụi bặm. Ngay cả những chân lý mà anh ta vận dụng thường ngày cũng vẫn có thể hoàn toàn không phải là của anh ta.**[42]** Khi nhà kiến trúc cầm bút tính toán những con số rắc rối về sức chịu đựng của một vòm chống, kết quả ấy là một sự thật không phải toát ra từ trí óc của ông ta. Trước tiên là ông ta phải vất vả tìm kiếm các dữ kiện, sau đó ông ta vận dụng trí óc vào một bài

toán mà công thức không phải là tự ông ta đặt ra, và ông ta cũng chưa phải là đã thấy ngay lập tức tính tất yếu của nó, song ông ta đã vận dụng một cách máy móc trong phần lớn trường hợp. Trong chiến tranh, sự việc không bao giờ diễn ra như vậy. Phản xạ của trí não, sự biến đổi liên tục của sự việc khiến con người đương hành động phải luôn luôn vận dụng mọi hiểu biết của mình để có thể bất cứ ở đâu và bất cứ lúc nào cũng sẵn sàng có thể tự mình rút ra những quyết định cần thiết.

Chính nhờ sự đồng hóa hoàn toàn trí tuệ với cuộc sống của chính mình mà hiểu biết đã biến thành khả năng thực sự. Đó là lý do vì sao mọi việc đều có vẻ dễ dàng đối với những con người tài giỏi trong chiến tranh và vì sao người ta lại gán cho nghệ thuật của họ là tài năng tự nhiên. Chúng tôi nói tài năng tự nhiên để phân biệt nó với thứ thiên tài được hình thành và hoàn thiện bởi sự quan sát và học tập.

Do những suy luận trên, chúng tôi nghĩ rằng mình đã nói rõ về nhiệm vụ của lý thuyết chiến tranh và đã vạch ra phương hướng giải quyết vấn đề.

Chúng tôi đã chia sự chỉ đạo chiến tranh ra làm hai khu vực chiến thuật và chiến lược, và như chúng ta nhận xét: Lý thuyết về chiến lược rõ ràng có những khó khăn lớn nhất. Vì chiến thuật chỉ gồm có một phạm vi hẹp còn chiến lược thì bao trùm những mục tiêu đưa thẳng tới hòa bình, lĩnh vực rộng lớn đầy những khả năng mọi hình mọi vẻ. Nhiệm vụ của vị tổng chỉ huy chủ yếu là phải tính toán và đề xuất ra các mục tiêu ấy, phần chiến lược mà ông ta chịu trách nhiệm lại bị khó khăn này chi phối một cách đặc biệt.

Trong chiến lược, ít hơn là trong chiến thuật, nhất là khi phải giải quyết hoạt động hàng đầu, lý thuyết lại càng không chỉ đơn thuần nhận định sự vật. Lý thuyết làm cho chiến lược có tầm nhìn sáng sủa hơn, hòa hợp với hoạt động tư tưởng nhằm tuân theo một chân lý khách quan, khiến ta có những quyết định dễ dàng và vững vàng, không bao giờ làm cho chiến lược tự mâu thuẫn với bản thân nó.

Chương 3. NGHỆ THUẬT CHIẾN TRANH HAY KHOA HỌC CHIẾN TRANH

Không có sự thống nhất trong việc dùng từ (khả năng và hiểu biết. Khoa học, khi để nói về hiểu biết; nghệ thuật khi nhằm nói về khả năng)

Điều này tuy có vẻ giản đơn, nhưng hình như người ta chưa nhất trí về việc lựa chọn danh từ và cũng không biết dựa vào lý do gì để làm cơ sở cho sự lựa chọn đó. Chúng tôi đã có dịp nói hiểu biết (savou) là một vấn đề, và khả năng (pouvou) lại là một vấn đề khác. Hai vấn đề hoàn toàn khác nhau đến nỗi ta không bị lẫn lộn nhiều lắm. Cái mà người ta có thể làm được thật ra không có trong sách vở, cho nên từ "nghệ thuật"[43] không bao giờ được là tên gọi của một cuốn sách. Nhưng người ta đã có thói quen tóm tắt những kiến thức cần thiết cho hoạt động của một ngành nghệ thuật (những kiến thức đó, khi viết riêng lẻ lại có thể là những môn khoa học đầy đủ, hoàn hảo) dưới danh nghĩa là tác phẩm lý luận của nghệ thuật hay gọn hơn là nghệ thuật, và như vậy cũng là hợp lý khi ta vẫn giữ sự phân chia đó và gọi là nghệ thuật những cái gì liên quan đến một khả năng sáng tạo, ví dụ nghệ thuật kiến trúc, và gọi là khoa học những cái gì chỉ đề cập tới sự hiểu biết, tới tri thức thuần túy như toán học, thiên văn học.

Bất cứ lý luận nghệ thuật nào cũng bao gồm những khóa học đặc thù hoàn chỉnh, đó là điều nhất định rồi, và nó không làm cho ta lầm lẫn. Nhưng cần phải chú ý là không thể có một hiểu biết nào mà lại gạt nghệ thuật ra ngoài; thí dụ như toán học, số học và đại số là những môn nghệ thuật, nhưng nói như thế chưa giải quyết hết được vấn đề. Nguyên nhân là như sau: Dù cho sự khác nhau giữa hiểu biết và khả năng có thô sơ và rất dễ thấy rõ đến đâu đi nữa thì ở giữa một đống phức tạp những phạm trù tổng hợp thành những kiến thức của loài người, con người cũng khó có thể vạch được một đường giới tuyến hạn định rõ nét một cách hoàn hảo giữa hai phạm trù này.

Khó khăn khi phân tách trí tuệ (entendement) và óc phán đoán (jugement) (Nghệ thuật chiến tranh).

Thật ra, mọi hoạt động của tư tưởng đều là nghệ thuật. Nghệ thuật bắt đầu khi nhà logic học vạch một vạch,[44] nơi đó chấm dứt những tiền đề kết quả của sự hiểu biết và nhường chỗ cho sự phán đoán.

Hơn nữa: Những nhận định của trí tuệ cũng là một sự phán đoán và như thế cũng là một nghệ thuật, và cuối cùng những hiểu biết mà ngũ quan ta đã thu lượm được tất nhiên cũng là nghệ thuật.

Nói gọn lại, một con người có năng khiếu hiểu biết mà lại không có khả năng suy xét cũng như ngược lại, là điều không thể có được. Không thể hoàn toàn tách rời nghệ thuật và hiểu biết. Những phần tử nhỏ li ti của ánh sáng càng thành hình qua hình thái vũ trụ ngoại giới bao nhiêu thì vương quốc[45] của chúng ta lại càng làm chúng xa lìa nhau bấy nhiêu. Một lần nữa: Lĩnh vực của sự sáng tạo, của sản xuất là lĩnh vực của nghệ thuật, nhưng khi người ta nhằm vào để tìm hiểu và để hiểu biết thì

lúc đó khoa học lại là chúa tể. Từ đấy, ta nói nghệ thuật chiến tranh thì đúng hơn là nói khoa học chiến tranh.

Những điều chỉ dẫn đó đã đủ để làm sáng tỏ những quan niệm mà ta không thể bỏ qua. Nhưng chúng tôi không ngần ngại để khẳng định rằng chiến tranh không phải là một nghệ thuật, cũng chẳng phải là một khoa học theo đúng nghĩa thực của nó và chính từ điểm đó mà người ta phạm sai lầm là hình dung chiến tranh như những loại nghệ thuật khác hoặc những loại khoa học khác, điều đó gây ra những cái giống nhau sai lầm (analogies-erronnées).

Đời xưa người ta đã cảm thấy như vậy và coi chiến tranh là một nghề, nhưng điều này có hại hơn là có lợi vì một nghề chỉ mới là một loại nghệ thuật ở cấp thấp, và như thế phải phục tùng những quy luật chặt chẽ và cứng rắn hơn. Thật ra, nghệ thuật chiến tranh trong một thời gian đã tiến triển với tâm lý của một nghề nghiệp, ở thời kỳ những condottieri.**[46]** Nhưng đó chỉ là một chiều hướng tồn lại bởi những lý do khách quan chứ không phải chủ quan, và lịch sử quân sự đã chứng minh rằng nó không tự nhiên và ít thỏa đáng như thế nào.

Chiến tranh là một hình thái của những mối quan hệ giữa người với người

Như vậy chúng tôi nói rằng chiến tranh không thuộc lĩnh vực nghệ thuật và khoa học mà thuộc lĩnh vực đời sống xã hội. Chiến tranh là sự xung đột giữa những quyền lợi lớn phải giải quyết bằng đổ máu, và chính vì thế nên chiến tranh mới không giống với các loại xung đột khác. Ta hãy nên so sánh chiến tranh với thương mại hơn là với bất cứ một môn nghệ thuật nào khác vì thương mại cũng là một sự xung đột giữa những quyền lợi và những hoạt động của con người. Chiến tranh lại càng gần gũi hơn với chính trị, bởi vậy cũng có thể coi chính trị (nếu không toàn bộ thì cũng một phần) như là một thứ thương mại ở quy mô lớn. Thêm nữa, chính trị còn là lòng mẹ trong đó chiến tranh phát triển; những nét phôi thai của chiến tranh đã bước đầu thành hình và vin vào chính trị hệt như những thuộc tính của sinh vật nằm trong bào thai của nó.

Điểm khác nhau

Điểm khác nhau chủ yếu là: Chiến tranh không phải là hoạt động của ý chí tác động vào một vật thể bất động như trong công nghệ, cũng chẳng phải vào một sinh vật thụ động và ngoan ngoãn, như là trí tuệ và tri giác của con người trong mỹ thuật, mà tác động vào một đối tượng đang sống và có sức chống trả. Thật là rõ như đập vào mắt khi thấy nếp tư duy khái quát**[47]** của nghệ thuật và khoa học không thích hợp lắm với loại hoạt động này, và lòng ham muốn đề ra những quy tắc, tương tự như những quy tắc đã đề ra cho thế giới những vật vô tri, sẽ luôn luôn đẻ ra hết sai lầm này đến sai lầm khác. Thế mà người ta lại muốn đồng hóa nghệ thuật chiến tranh vào lĩnh vực công nghệ. Ta không cần bàn tới sự bắt chước mỹ thuật, loại hình này còn thiếu nhiều quy luật và quy tắc; những điều mà người ta đã dự định vận dụng đều không đầy đủ và khập khiễng, cũng như đã không ngừng bị các luồng tư tưởng, những tình cảm và những tập quán lật nhào và quét sạch.

Một cuộc xung đột của những yếu tố sinh vật, như cái mà người ta thấy hình

thành và được giải quyết trong chiến tranh, có thể bị ép buộc tuân theo những quy luật chung và những quy luật ấy có thể đề ra được một quy tắc làm việc có ích cho hành động không? Đấy là một phần công việc mà cuốn sách này tự xác định nhiệm vụ nghiên cứu. Một điều hiển nhiên là vấn đề này, cũng như tất thảy những vấn đề khác, không vượt qua khả năng hiểu biết của chúng ta, có thể được soi sáng và trình bày nhiều hoặc ít trong sự thống nhất nội tại của nó nếu trí tuệ nghiên cứu; điều đó cũng đủ để xác minh cho một lý thuyết.

Chương 4. CHỦ NGHĨA PHƯƠNG PHÁP

Muốn giải thích rõ ràng khái niệm về phương pháp và chủ nghĩa phương pháp (hai khái niệm này giữ một vai trò rất quan trọng trong chiến tranh), chúng tôi thấy cần phải điểm qua cái hệ thống logic ngự trị trong thế giới của hành động.

Quy luật (loi) là phạm trù phổ biến nhất, ứng dụng vào sự hiểu biết cũng như vào hành động; thì rằng theo đúng nghĩa, nó có cái gì chủ quan và độc đoán, khái niệm này biểu hiện cái mà chúng ta cũng như mọi vật thể ở bên ngoài chứng ta phải phụ thuộc vào. Là đối tượng của hiểu biết, quy luật diễn tả mối liên quan của sự vật và ảnh hưởng qua lại của chúng. Là đối lượng của ý chí, quy luật là sự xác định hành động và giống như *mệnh lệnh* và *sự ngăn cấm*.

Nguyên tắc (principe) cũng là quy luật liên quan đến hành động, nhưng không phải với *ý nghĩa triệt để về hình thức*; nó chỉ lấy tinh thần và ý nghĩa của quy luật để giúp cho sự phán đoán có một tầm quan trọng rộng rãi trong ứng đụng khi những sự khác biệt của thế giới hiện thực không thể quây gọn trong hình thái hoàn chỉnh của quy luật. Vì chính sự phán đoán cũng phải xác minh những lý do tại sao không thể vận dụng được nguyên tắc, vì vậy cho nên nguyên tắc đó cũng trở thành một điểm tựa, thành ngôi sao dẫn đường cho con người hành động.

Nguyên tắc có tính *khách quan* khi nó là kết quả của một sự thật khách quan, nghĩa là có giá trị cho tất thảy mọi người; nguyên tắc có tính chủ quan khi nó phản ánh những mối quan hệ chủ quan, và như thế nó chỉ có giá trị riêng cho người đã xây dựng ra nó để sử dụng mà thôi; trong trường hợp ấy người ta thường gọi đó là một *châm ngôn* (maxime).

Quy tắc (règle) thường được coi như quy luật, và khi đó về ý nghĩa nó cũng có giá trị như nguyên tắc, vì người ta có thể nói: Không có quy tắc nào là không có ngoại lệ, như thế nghĩa là quy tắc thường cho phép ta vận dụng một cách linh hoạt hơn, mềm dẻo hơn.

Trong một ý nghĩa khác, người ta sử dụng quy tắc như một biện pháp để tìm hiểu một sự thật chưa được bộc lộ, nhờ một dấu hiệu riêng biệt gần hơn để gắn liền biểu hiện ấy vào quy luật hành động phù hợp với toàn bộ sự thật. Tất cả những quy tắc về trò chơi (jeu: Danh từ toán học – *ND*), tất cả những phương pháp vắn tắt ở toán học, v.v. Đều như thế cả.

Điều lệnh (règlement) và *huấn lệnh* (instruction) là sự xác định hành động liên quan đến một mớ những tình huống nhỏ nhặt, quá nhiều và vụn vặt nên không thể bao quát trong quy luật chung được.

Sau hết, *phương pháp, cách làm việc* là một phương sách bất biến lựa chọn trong những phương sách có giá trị như nhau và *chủ nghĩa phương pháp* (méthodisme) vận dụng vào hành động đáng lẽ ra phải do những nguyên tắc chung hay những điều lệnh cá nhân quy định thì lại tuân theo các phương pháp. Điều này cho phép giả thiết là những trường hợp ứng dụng một phương pháp như vậy sẽ hoàn toàn giống nhau về

những mặt chung nhất. Vì không thể bất cứ trường hợp nào cũng như vậy nên điều quan trọng là ít ra càng có nhiều trường hợp như vậy càng tốt, nói một cách khác là phương pháp phải dựa trên *những trường hợp có thể xảy ra nhất*. Chủ nghĩa phương pháp không phải là xây dựng trên những tiền đề rõ rệt đặc biệt mà dựa vào tỷ lệ *xác suất trung bình* của những trường hợp giống nhau; mục đích của chủ nghĩa phương pháp là tạo nên một chân lý trung bình mà sự áp dụng kiên trì, đồng đều sẽ sớm làm nảy sinh ra một loại năng lực máy móc và nhờ khả năng đó người ta làm được một cách hầu như không suy nghĩ những cái cần phải làm.

Trong chỉ đạo chiến tranh, người ta rất có thể bỏ qua khái niệm về quy luật có liên quan tới hiểu biết, vì những hiện tượng thường không đồng đều và những hiện tượng đồng đều thì lại không đủ phức tạp để khái niệm này tạo cho ta nhiều thuận lợi hơn chân lý thuần túy và đơn giản. Khi những khái niệm và ngôn ngữ đơn giản cũng đã đủ dùng thì những cách diễn giải và những ý kiến phức tạp trừu tượng tất trở thành quá hào nhoáng và sáo rỗng, ứng dụng vào hành động, ý niệm về quy luật không thể dùng được trong lý thuyết chỉ đạo chiến tranh, do tính chất hay thay đổi và tính chất nhiều màu nhiều vẻ của các hiện tượng, nên không thể có cách kết hợp nào có tính chất phổ biến đến mức gọi là quy luật được.

Trái lại, nguyên tắc, quy tắc, điều lệnh và phương pháp là những khái niệm rất cần cho lý thuyết chỉ đạo chiến tranh, mức độ mà những lý thuyết đó đi tới một bài học tích cực, vì rằng chân lý chỉ có thể thâm nhập vào lý thuyết dưới hình thức kết tinh như vậy mà thôi.

Vì chiến thuật là một bộ phận của chỉ đạo chiến tranh mà từ đó lý thuyết có thể xây dựng được một giáo lý tích cực, cho nên chính ở trong chiến thuật, người ta thường hay có những quan niệm này nhất.

Không sử dụng kỵ binh khi chưa cần thiết để đánh bộ binh còn nguyên vẹn, chỉ cho sử dụng súng khi bắt đầu thấy có hiệu lực chắc chắn; trong giao chiến, dự trữ thật nhiều lực lượng cho giai đoạn cuối: Đó đều là những nguyên tắc chiến thuật. Tất cả những nguyên tắc đó không thể tuyệt đối ứng dụng vào mọi trường hợp ngoại lệ, nhưng có điều là chúng phải luôn luôn thường trực trong tâm trí người hành động để họ có thể lợi dụng những chân lý chứa đựng trong các nguyên tắc trên, khi những chân lý này có giá trị.

Khi thấy có sự náo động khác với thường ngày của một đạo quân, điều đó khiến ta nghĩ là nó sắp xuất quân; khi thấy sự bố trí đội hình chiến đấu có dấu hiệu của một cuộc nghi binh, phương pháp giúp ta nhận định ra sự thật đó được gọi là một quy tắc, vì chỉ qua một tình huống nhìn thấy mà ta có thể kết luận tình huống ấy nằm trong ý định gì.

Nếu thường thường người ta phải tiến công địch một cách mạnh mẽ hơn khi địch bắt đầu đưa pháo rút khỏi chiến trường, đó chính là vì sự kiện riêng này gắn với chuỗi hành động liên quan đến toàn bộ tình hình địch, tình hình mà sự việc vừa rồi đã giúp ta phán đoán chính xác: Địch có chiều hướng bỏ chiến đấu, sửa soạn rút chạy và nó sẽ không hoạt động bằng cách kháng cự kịch liệt, cũng chẳng bằng cách cố tránh

đối phương bằng bất kỳ giá nào.

Điều lệnh và phương pháp dựa vào chiến tranh những lý thuyết để chuẩn bị cho chiến tranh vì người ta truyền những lý thuyết này cho các lực lượng chiến đấu và coi chúng như những yếu tố luôn luôn tác động. Toàn bộ những huấn lệnh về đội hình, về huấn luyện, về hoạt động dã ngoại đều là những quy tắc và phương pháp.

Trong những huấn lệnh về huấn luyện, quy tắc sẽ chiếm ưu thế còn trong những huấn lệnh về dã ngoại thì phương pháp sẽ chiếm ưu thế. Thêm vào đó, sự chỉ đạo chiến tranh chính thức vận dụng những cái đó như là một lề lối làm việc nhất định và do đấy chúng được xếp vào phạm trù lý luận chỉ đạo chiến tranh.

Đối với những hoạt động không có chỗ đứng trong việc sử dụng các lực lượng đó thì không thể có điều lệnh, nghĩa là những chỉ dẫn rõ ràng, vì lẽ chúng gạt bỏ hành động tự do. Trái lại, phương pháp, một cách hành động phổ biến để hoàn thành nhiệm vụ đặt ra và được xây dựng, như chúng tôi đã nói, trên cơ sở những xác suất trung bình, là sự ứng dụng triệt để các quy tắc và nguyên tắc; nó có thể xuất hiện trong lý thuyết chỉ đạo chiến tranh với điều kiện là người ta không được làm nó trở thành ngược lại với nó, nghĩa là một cách hành động tuyệt đối và bắt buộc (hệ thống), mà dùng nó trong một hình thức chung tốt nhất, để cho nó chọn con đường ngắn nhất do quyết định của cá nhân tìm ra.

Việc luôn luôn ứng dụng các phương pháp trong chỉ đạo chiến tranh là việc rất cần thiết và không thể tránh được, nếu ta nghĩ đến khá nhiều hành động đã được thực hiện đơn thuần dựa vào phỏng đoán hoặc trong tình trạng mập mờ hoàn toàn. Vì rằng kẻ địch tìm mọi cách ngăn cản không cho ta biết hết mọi tình huống có thể ảnh hưởng đến quyết định của ta hoặc là chúng ta không có thời gian. Mà dù có biết hết mọi tình huống đi nữa, thì sự phát triển và tính phức tạp của nó cũng cao đến nỗi không thể làm cho mọi huấn thị đều phù hợp, cho nên những sắp xếp của ta phải luôn luôn làm sao thích ứng với một số khả năng nhất định, khi người ta nghĩ đến vô số tình huống vụn vặt phải xét tới vì chúng đụng chạm đến từng trường hợp một thì ta thấy chẳng còn cách nào khác là phải suy xét cẩn thận từ trường hợp này qua trường hợp khác và sẽ căn cứ vào cái chung nhất, cái có thể nhất để hạ quyết tâm. Số lượng sĩ quan sẽ càng nhiều khi ta lần xuống đến cấp bậc dưới, điều đó khiến cho ta có cơ sở để giảm dần lòng tin tưởng vào sự thấu triệt chính xác và khả năng chỉnh đốn nhận định trong hành động ở những môi trường bên dưới, ở những vị trí mà người ta không thể mong đợi tìm thấy những kiến thức nào khác ngoài những cái do điều lệnh và do kinh nghiệm tạo ra thì phải trông cậy vào thói quen của chủ nghĩa phương pháp. Chủ nghĩa phương pháp sẽ làm chỗ dựa cho sự suy xét và làm hàng rào ngăn những ý nghĩ ngông cuồng và hoàn toàn sai mà ta phải hết sức đề phòng hơn cả trong một lĩnh vực mà kinh nghiệm phải trả giá đắt như vậy.

Chủ nghĩa phương pháp không phải chỉ là tất yếu, mà chúng ta phải thấy là nó có lợi ích thực tế; do sự vận dụng liên tục những hình thái của nó được lặp đi lặp lại không ngừng: Người ta có được *sự nhanh nhẹn, sự chính xác, sự tự tin* trong chỉ đạo quân đội, cái đó làm giảm bớt sự lủng củng tự nhiên và làm cho bộ máy hoạt động dễ

dàng.

Phương pháp, như vậy sẽ thông dụng hơn, tất yếu hơn khi ta nhìn xuống các cấp bậc bên dưới, nhưng nếu ta nhìn ngược lên, sự thông dụng đó sẽ ít đi và sau cùng mất hẳn ở các cấp bậc cao nhất. Do ở đấy nó có vị trí ở chiến thuật hơn là ở chiến lược.

Ở phương diện cao nhất, chiến tranh không phải chỉ gồm *một số lượng vô tận những biến cố nhỏ giống nhau* tuy có nhiều màu nhiều vẻ mà người ta có thể chế ngự nhiều hay ít tùy theo phương pháp tốt hay xấu, nhưng chiến tranh bao gồm *những biến cố đặc biệt có quy mô rộng lớn* và quyết định mà ta phải đề cập tới một cách riêng rẽ từng vấn đề một. Đó không phải là một cánh đồng lúa mì mà người ta gặt mau hay chậm với một lưỡi hái tốt hay xấu, không quan tâm đến hình dáng của cây lúa.

Trái lại, đó là những cây lớn mà ta phải chặt bằng rìu với mức độ chính xác tùy theo tính chất và độ nghiêng của mỗi cây.

Chủ nghĩa phương pháp có thể phát triển tới mức độ nào trong hoạt động quân sự? Cái đó không phải do cấp bậc quyết định mà do các sự việc quyết định, và nếu nó ít ảnh hưởng ở những cấp bậc cao thì đó chỉ là vì những hoạt động của họ có liên quan đến những sự việc rộng lớn hơn. Một mệnh lệnh chiến đấu không thay đổi, một tổ chức tiền vệ không thay đổi và những đồn tiền tiêu quá xa đều là những phương pháp mà người chỉ huy dùng không những để bó tay những người dưới quyền, mà trong trường hợp nào đó lại tự buộc cả tay mình. Thật ra, người chỉ huy có thể tự mình sáng tạo ra những phương pháp và ứng dụng tùy hoàn cảnh, nhưng, với tư cách là thể chế căn cứ vào đặc tính chung của quân đội và của vũ khí, những phương pháp ấy cũng có thể là đối tượng của lý thuyết. Ngược lại, ta chẳng cần bàn đến và phải dứt khoát vứt bỏ mọi phương pháp xây dựng các kế hoạch chiến tranh hay chiến dịch theo kiểu hoạt động của một cái máy, làm sẵn đưa ra. Chừng nào còn chưa có một lý thuyết khả dĩ công nhận được, nghĩa là một phương pháp hợp lý để nghiên cứu chỉ đạo chiến tranh, chủ nghĩa phương pháp vẫn còn được dùng để xâm nhập vô hạn độ vào lĩnh vực hoạt động của cấp trên. Vì những người được lĩnh trách nhiệm đó luôn luôn không thể tự rèn luyện bằng nghiên cứu và bằng sự tiếp xúc với những kiểu sinh hoạt của cấp trên; họ không biết cách tìm ra phương hướng trong những mớ lý luận không thích hợp và trái ngược của những lý thuyết và những sự phê phán, lương tri vững chắc của họ không cho phép họ tiếp thu những cái đó và họ sẽ không còn ánh sáng nào khác ngoài ánh sáng của kinh nghiệm. Vì vậy, trong những trường hợp cần thiết và phải công nhận một sáng kiến tự do và cá nhân, họ sẽ đi đến áp dụng những phương pháp do kinh nghiệm mà có, nghĩa là bắt chước phương pháp của vị tổng chỉ huy, như thế là chủ nghĩa phương pháp sinh ra từ chính bản thân nó. Khi thấy các tướng lĩnh của Frederick Đại đế bao giờ cũng chiến đấu theo đội hình chếch, các tướng lĩnh của Cách mạng Pháp lại sử dụng các cuộc vận động bao vây theo tuyến chiến đấu được triển khai rộng rãi, còn các tướng lĩnh của Napoléon thì xông vào trận địa với uy lực dũng mãnh của sự tập trung lực lượng mạnh mẽ, chúng ta nhận thấy có những sự lặp đi lặp lại của một phương pháp, điều đó chứng minh rằng chủ nghĩa

phương pháp có thể đạt tới những phạm vi cao cấp nhất của sự chỉ huy. Khi một lý thuyết ưu tú giúp cho việc nghiên cứu về chỉ đạo chiến tranh được dễ dàng hơn, khi lý thuyết đó đã rèn luyện trí tuệ và óc phán xét cho người ta bước lên đỉnh cao của hệ thống cấp bậc, lúc đó chủ nghĩa phương pháp sẽ không còn là một cái gì quá đáng đối với người ta nữa, và trong mức độ cần thiết, ít ra nó cũng được rút ra từ lý thuyết chứ không phải là sản phẩm thuần tuý của sự rập khuôn. Dù cho một người chỉ huy cỡ lớn có thực hiện công việc hoàn hảo thế nào đi nữa, bao giờ cũng có một khía cạnh chủ quan trong phương pháp tiến hành và nếu ông ta có phương pháp hành động riêng của mình thì phương pháp ấy cũng ẩn giấu một phần lớn cá tính của ông ta, không phải bao giờ nó cũng phù hợp với cá tính của người đi bắt chước. Tuy nhiên, ta không thể nào loại trừ hoàn toàn chủ nghĩa phương pháp chủ quan (hoặc cách hành động) ra ngoài chiến tranh và chính làm như thế cũng không đúng; ngược lại ta phải nhìn thấy ảnh hưởng của tính chất chung của cuộc chiến tranh đối với những sự thật đặc biệt trong chiến tranh, và vì thiếu một lý thuyết có khả năng dự kiến trước nên ảnh hưởng đó chỉ có thể biểu thị bằng cách ấy. Còn có gì tất nhiên hơn là thấy cuộc chiến tranh cách mạng đề cập đến mọi vấn đề theo cách riêng của mình và lý thuyết nào có thể giải quyết được đặc điểm ấy? Điều bất tiện là một cách thức như vậy, nảy sinh trong một trường hợp riêng biệt, có thể tồn tại dễ dàng, vì nó đã tồn tại trong khi các tình huống lại dần dần thay đổi. Đây là điểm mà lý thuyết phải biết ngăn giữ bằng một sự phê phán sáng suốt và hợp lí. Nếu như năm 1806, các tướng lĩnh Phổ như hoàng tử Louis ở Saalfeld, tướng Tauentzien ở mặt trận Jéna, tướng Grawert ở phía trước và tướng Ruchel ở phía sau làng Kappeldofl đã áp dụng đội hình chiến đấu chếch của Frederick Đại đế, đều đã tự lao vào vực thẳm thất bại, thì đó không phải chỉ là do một phương pháp hành động lỗi thời. Sự vô cùng nghèo nàn về trí tuệ (chủ nghĩa phương pháp chưa bao giờ có thể sản sinh ra một sự nghèo nà hơn thế được) đã tiêu diệt hoàn toàn quân đội của Hohenlohe; chưa bao giờ người ta lại thấy một đạo quân bị tiêu diệt trên chiến trường một cách thảm bại như thế!

Chương 5. SỰ CHỈ TRÍCH, PHÊ BÌNH

Ảnh hưởng của chân lý có tính lý thuyết vào đời sống thực tế luôn luôn thể hiện bằng sự phê bình hơn là bằng phương pháp giáo dục; vì lẽ phê bình là sự vận động chân lý lý thuyết vào các hiện tượng có thật. Không những nó làm cho việc vận dụng đó sát với đời sống mà còn dựa vào sự vận dụng thường xuyên để làm cho trí tuệ quen dần với những sự thật đó. Như thế, chúng tôi cảm thấy cần thiết, sau khi đã trình bày quan điểm của chúng tôi về phê bình, gợi lại những cái gì có liên quan với phê bình.

Phải biết phân biệt giữa *chuyện kể có phê phán* với chuyện kể thông thường về một biến cố lịch sử, tức là sự chắp nối thuần tuý những sự việc mà trong trường hợp hoàn hảo nhất cũng chỉ có thể đề cập đến những mối quan hệ nhân quả gần nhất.

Sự phê bình đó có thể làm nảy sinh ra ba hoạt động khác nhau của trí não.

Một là sự tìm tòi và xác lập những sự kiện bị nghi vấn về mặt lịch sử, cái đó rồi ra cũng chỉ là nghiên cứu lịch sử chứ chẳng liên quan gì tới lý thuyết.

Hai là sự suy luận ra kết quả bằng cách tìm ngược lên các nguyên nhân của nó. Đó là *cách nghiên cứu, phê bình chân chính*. Nó rất cần cho lý thuyết vì rằng tất cả những gì đã có trong lý thuyết, cần được xây dựng có tính chất nòng cốt hoặc chỉ có tính chất chứng minh giải thích bằng kinh nghiệm, người ta chỉ có thể đi đến đích bằng cách ấy mà thôi.

Ba là, làm cho những phương pháp đã áp dụng được thử thách. Đó chính là *sự phê bình*. Sự phê bình đó có khen mà cũng có chê. Ở đây, chính lý thuyết đã giúp ích cho lịch sử hoặc hơn nữa giúp ích cho bài học rút ra từ lịch sử.

Trong hai phần cuối này của việc nghiên cứu phê phán thật sự lịch sử, trước hết phải đi sâu vào những sự việc, lần ngược lên tới những yếu tố đầu tiên, nghĩa là đi từ những sự thật không thể nghi ngờ, không dừng lại nửa vời như vẫn thường xảy ra, nghĩa là đứng lại ở một vị trí hoặc một giả thuyết tuỳ tiện.

Còn về sự phân tích các hậu quả thì thường vấp phải nỗi trở ngại bên ngoài không sao khắc phục được; nó biểu hiện ở chỗ; có khi ta hoàn toàn không biết được các nguyên nhân thật sự, không có trường hợp nào trong đời sống mà sự không hiểu biết đó lại luôn luôn xảy ra như trong chiến tranh, ở đây những biến cố và nhất là động cơ của chúng, họa hoằn lắm mới biết được một cách hoàn toàn; khi thì do những người gây ra biến cố cố tình che giấu, khi thì do tính chất ngắn ngủi và ngẫu nhiên làm cho những biến cố mất đi đối với lịch sử. Như thế, chuyện kể phê phán nhiều lúc phải đi đôi với nghiên cứu lịch sử; tuy nhiên sự khác biệt thường xuyên giữa nhân và quả không hề cho phép ta coi kết quả là kết tinh tất yếu của những nguyên nhân đã biết rồi. Như thế sẽ nảy ra nhiều thiếu sót không tránh được, nghĩa là những đúc kết lịch sử không có tác dụng cho huấn luyện. Tất cả những gì mà lý thuyết có quyền đòi hỏi, đó là việc nghiên cứu phải được tiến hành một cách nghiêm túc cho tới những chỗ thiếu sót ấy. Và một khi đã tới đó rồi thì phải bỏ hẳn mọi thứ suy luận. Sự tác hại sẽ chỉ nảy sinh khi người ta cứ muốn cho rằng: Cái đã biết cũng có thể đủ để giải quyết

những hậu quả mà người ta gán cho nó, tất nhiên đấy chỉ là một thứ quan trọng giả tạo.

Sự khảo sát có tính chất phê phán sẽ vấp phải một khó khăn khác dính liền với nó: Trong chiến tranh, nhiều kết quả không phải chỉ do một nguyên nhân giản đơn mà do một mớ phức tạp nhiều nguyên nhân sinh ra. Và như vậy, nếu chỉ theo dõi một cách vô tư và trung thực nguồn gốc của các biến cố thì cũng chưa đủ, mà còn phải đặt cho đúng vị trí của mỗi nguyên nhân đã xảy ra. Việc đó dẫn ta đến chỗ phải xem xét thật kỹ bản chất của chúng, có như thế sự điều tra phê bình mới có thể đưa chúng ta tới lý thuyết thực sự.

Việc điều tra phê bình, nghĩa là điều tra những biện pháp, đưa ta đến vấn đề: Những biện pháp đã được dùng đạt kết quả ra sao, và có phải những kết quả ấy nằm trong dự tính của người đang hành động không? Những kết quả đặc biệt của các biện pháp đưa ta đến chỗ nghiên cứu bản chất của chúng, nghĩa là chúng ta lại phải trở lại lý thuyết.

Chúng ta đã thấy: Trong sự phê bình, vấn đề là phải đạt tới những chân lý không thể chối cãi được, như vậy không thể khư khư dựa vào những ý kiến đề xuất độc đoán chẳng có giá trị gì đối với người khác để rồi người ta cũng có thể dùng những lập luận cũng độc đoán để dập lại, bàn ra tán vào, đúng sai, phải trái, tất thảy đều không mang lại kết quả gì và tất nhiên cũng chẳng đem lại một bài học nào.

Chúng ta đã thấy: Việc nghiên cứu những nguyên nhân cũng như việc xem xét các biện pháp đều dẫn cả hai tới lý thuyết, nghĩa là đến lĩnh vực của chân lý phổ biến, chứ không phải chỉ trường hợp cá biệt.

Nếu như có một lý thuyết có thể dùng được, sự khảo sát phê bình sẽ dựa vào cái mà lý thuyết đã xây dựng, và chỉ căn cứ vào đấy mà thôi. Nhưng khi không có một chân lý có tính lý thuyết, như vậy sự tìm tòi sẽ phải tiến hành tới những yếu tố cuối cùng của nó. Nếu sự cần thiết ấy luôn luôn xảy ra, người viết sẽ bị rối tinh rối mù bởi những chi tiết vụn vặt không bao giờ hết. Họ sẽ bị chìm nghỉm và gần như không có khả năng để chú trọng đến từng chi tiết. Thành ra, để giới hạn sự suy nghĩ của họ, họ sẽ buộc phải dừng lại ở những điều khẳng định tuỳ tiện, những điều đó nếu không phải là đến với chính bản thân mình thì cũng là đến với người khác vì những điều khẳng định ấy không rõ ràng minh bạch và chẳng thể chứng minh được cái gì.

Vậy thì, một lý thuyết có thể dùng được sẽ là cơ sở căn bản cho sự phê bình và nếu không có sự hỗ trợ của một lý thuyết hợp lý, sự phê bình không thể có khả năng đi tới điểm mà ở đấy sự phê bình bắt đầu có tác dụng giáo dục, nghĩa là trở thành một luận chứng có sự thuyết phục và *không thể bắt bẻ được*.

Nhưng sẽ chỉ là một ảo tưởng nếu ta nghĩ rằng có thể có một lý thuyết chứng minh được mọi chân lý và chỉ giành cho phê bình việc sắp xếp các chân lý đó vào quy luật thích hợp. Nếu muốn ép buộc sự phê bình phải quay trở lại mỗi khi nó tới bờ của lý thuyết sẽ chỉ là thái độ gàn dở lố bịch. Tinh thần tìm tòi và phân tích – nguồn gốc của lý thuyết – phải hướng dẫn sự phê bình và có thể là phê bình phải luôn luôn xâm nhập và phạm vi của lý thuyết nhằm làm sáng tỏ những điểm cần thiết cho việc

vận dụng của bản thân. Trái lại, phê bình có thể không đạt tới mục đích nếu người ta vận dụng lý thuyết một cách máy móc. Tất cả những kết quả cụ thể của sự tìm tòi bằng lý thuyết, tất cả những nguyên tắc, quy tắc, phương pháp sẽ dần dần kém tính phổ biến và tính chân lý tuyệt đối, khi mà nó được ứng dụng vào thực hành như một giáo lý tích cực. Những kết quả này xuất hiện lúc ta thấy cần và chính óc phán đoán phải quyết định xem nó có thích hợp hay không? Sự phê bình không bao giờ nên coi những thành tựu của lý thuyết như những quy luật có thể làm thước mẫu cho tiêu chuẩn của mình, mà chỉ nên vận dụng nó theo tính chất mà nó phải có đối với con người hành động, nghĩa là coi nó như một phần điểm chuẩn để xây dựng *nòng cốt cho sự phán đoán của mình*. Về mặt chiến thuật, trong đội hình chiến đấu thông thường, nhất định là kỵ binh được xếp ở đằng sau chứ không phải ngang hàng với bộ binh.

Nhưng nếu ta lên án tất cả những cách bố trí khác với cách nói trên thì cũng thật vô lý. Sự phê bình phải tìm cho ra những nguyên nhân làm cho người ta phải bố trí khác và chỉ khi nào thấy được nhược điểm của nó mới có quyền vận dụng những quy tắc mà lý thuyết đã xây dựng nên. Mặt khác, về phương diện lý thuyết mà nói, một trận tiến công lẻ loi nhất định làm giảm điều kiện thắng lợi, nhưng khi một cuộc tiến công trùng hợp với một thất bại. Ta lại cho thất bại vì đã tiến công lẻ loi mà chẳng cần nghĩ rằng có nên kết luận như vậy hay không, thì cũng thật vô lý. Và, cũng lại rất vô lý khi thấy một trận đánh lẻ loi nhưng thành công để kết luận lại rằng lý thuyết là sai. Tinh thần tìm tòi của sự phê bình phải cảnh giác đề phòng để không phạm vào sai lầm này cũng như sai lầm kia. Sự phê bình chủ yếu dựa vào những kết quả của sự nghiên cứu phân tích tỉ mỉ mà lý thuyết tiến hành. Phê bình cần phải xét lại những vấn đề mà lý thuyết đã giải quyết và nếu lý thuyết đã giải quyết những vấn đề ấy thì chính là để giúp cho sự phê bình thấy chúng ta được giải quyết.

Nhiệm vụ của phê bình là phải tìm xem kết quả này là do nguyên nhân nào và phương pháp này áp dụng có thích hợp với mục tiêu đã được dự tính hay không. Công việc sẽ rất dễ dàng nếu nguyên nhân và kết quả, phương pháp và mục đích không xa cách nhau mấy.

Khi một quân đội bị tiến công bất ngờ đến nỗi không thể phát uy được đầy đủ và hợp lý những khả năng của mình, thì hậu quả của cuộc tiến công thật đã rõ như ban ngày. Nếu lý thuyết nêu rằng: Trong chiến trận, sự thành công do một trận bao vây đem lại sẽ lớn hơn nhưng không chắc chắn bằng, thì ta phải tìm hiểu xem người chủ trương bao vây trước hết có nhìn vào quy mô to lớn của thắng lợi đó hay không; ở trường hợp này, biện pháp đã chọn là tốt. Nhưng nếu ông ta có ý định làm cho thắng lợi được chắc chắn hơn và nếu ý định đó không dựa vào những hoàn cảnh đặc biệt mà lại căn cứ vào bản chất chung của trận đánh bao vây, như vậy là ông ta không biết hết bản chất của biện pháp này và phạm vào một sai lầm đã được tái diễn hàng trăm lần.

Ở đây, việc tìm tòi và khảo sát quân sự sẽ dễ dàng và vẫn mãi mãi dễ dàng nếu người ta chỉ giới hạn vào những sự việc và những kết quả tức thì. Đó là điều người ta

có thể làm theo ý muốn, với điều kiện là không được xem xét sự vật liên quan tới toàn bộ, mà chỉ được tiến hành dưới góc độ này mà thôi.

Nhưng trong chiến tranh, cũng như mọi sự trên đời, cái gì cũng có liên quan đến cái toàn bộ, bởi vậy mỗi nguyên nhân, dù nhỏ đến đâu đi nữa, cũng đưa ảnh hưởng của chúng tới hành vi chiến tranh, làm thay đổi kết quả cuối cùng tới một mức độ nhất định nào đó. Như vậy, mỗi phương pháp sẽ có thể ảnh hưởng đến kết quả cho tới mục đích cuối cùng.

Ta có thể theo dõi xem xét những kết quả của một nguyên nhân, nếu thấy những kết quả đó đáng được lưu tâm và ta cũng có thể thăm dò một biện pháp không phải vì kết quả cụ thể của nó, nhưng vì để nghiên cứu kết quả ấy, coi nó như một biện pháp chủ yếu để phục vụ một mục đích cao, và như vậy là lần ngược chuỗi mục tiêu phụ từ cái nọ đến cái kia cho tới khi tìm thấy được mục tiêu nào nổi rõ nhất. Không cần phải bàn cãi gì về sự cần thiết của nó nữa. Trong nhiều trường hợp, nhất là những trường hợp nói đến những biện pháp lớn có tác dụng quyết định, sự xem xét phải được tiến hành cho đến mục đích cuối cùng, mục đích nhằm trực tiếp chuẩn bị cho hòa bình.

Rõ ràng là ở sự leo thang này, những đợt dừng bước luôn luôn thay đổi, mở ra cho sự phán đoán những triển vọng mới khiến cho một biện pháp nào đó tỏ ra có lợi ở một quan điểm nào đó cần phải được loại trừ khi ta xét vấn đề dưới một góc cạnh cao.

Trong việc xem xét phê phán một hành động, việc tìm ra những nguyên nhân của những biến cố và sự xem xét những phương pháp thích hợp để đi đến kết quả mà nó phục vụ luôn luôn đi đôi với nhau, vì chỉ riêng sự tìm tòi về nguyên nhân đã làm cho ta thấy những gì xứng đáng là mục tiêu cho cuộc nghiên cứu.

Việc đuổi theo sợi dây chuỗi dài của những nguyên nhân khi lên khi xuống này không phải không có nhiều khó khăn to lớn; vì cái nguyên nhân mà người ta tìm kiếm càng ở xa biến cố thì càng có nhiều nguyên nhân khác phải đồng thời nghiên cứu, phải tìm hiểu và phải loại bỏ bớt ra tuỳ theo nó có dính líu nhiều hay ít vào biến cố. Vì một hiện tượng càng chiếm một địa vị cao trong cả chuỗi những nguyên nhân thì càng có nhiều lực lượng và hoàn cảnh khác nhau xác định hiện tượng ấy. Khi ta đã khám phá ra những nguyên nhân thất bại của một trận đánh thì rõ ràng cùng với việc này ta cũng thấy được một phần những nguyên nhân, những hậu quả mà thất bại đó gây ra cho toàn bộ cuộc chiến tranh. Nhưng chỉ là một phần thôi, vì tuỳ theo tình hình, hậu quả của những nguyên nhân khác sẽ đóng góp ít nhiều vào thành tựu cuối cùng.

Khi người ta tiến hành xem xét các biện pháp, rõ ràng chỉ bao giờ người ta dần dần tự đặt mình vào một quan điểm cao thì mới thấy những trạng thái khác nhau của sự vật. Vì mục đích càng cao, biện pháp dùng đến lại càng phải nhiều để dễ dàng đạt được mục đích. Tất cả các đạo quân đều đồng thời theo đuổi một mục đích cuối cùng của chiến tranh; vì vậy cần phải nghiên cứu tất cả những cái gì đã hoặc có thể làm được để đạt được mục đích ấy.

Tất nhiên, điều đó mở ra một phạm vi rộng rãi cho sự nhận định; người ta rất dễ

lạc hướng trong lúc có khó khăn và sẽ rất dễ sa vào một mớ những giả thuyết về các sự việc, những sự việc đó đã không xảy ra trong thực tế nhưng có thể sẽ như thế, chúng ta không được coi thường.

Tháng 3 năm 1797, khi Bonaparte cầm đầu đạo quân sang Ý, đi từ Tagliamento để tấn công đại công tước Charles, ông ta làm như thế với ý định buộc đại công tước phải có một quyết định trước khi ông ta có quân tiếp viện từ nam sông Rhine đến. Nếu người ta chỉ cần cái quyết định tức khắc ấy thì biện pháp được dùng là đúng và kết quả đã chứng minh điều đó. Bởi lẽ đại công tước Charles lúc ấy còn quá yếu đến nỗi chỉ cố gắng chống cự được có một lần ở Tagliamento và khi đã thấy đối phương quá mạnh và quá cương quyết, ông ta đã bỏ trận địa và lối vào để vượt dãy núi Norican Alps. Nhưng Bonaparte có ý định khuếch trương thắng lợi ấy vào chỗ nào? Ông ta xâm nhập vào trung tâm của nền quân chủ Áo nhằm làm cho hai đạo quân sông Rhine, do Moreau và Hoche chỉ huy, tiến quân được dễ dàng và để bắt liên lạc với hai đạo quân ấy! Đấy, Bonaparte đã dự tính công việc như vậy, và với cách nhìn nhận sự việc như thế, ông ta đã có lý. Nhưng sự phê bình lại đặt mình vào quan điểm cao hơn quan điểm của việc Đốc Chính, viện này có thể và đáng lẽ phải thấy trước là chiến dịch sông Rhine chỉ sẽ bắt đầu sau sáu tuần; như vậy sự tiến quân của Bonaparte vượt sang bên kia dãy Norican Alps chỉ có thể được xem như mọt ý nghĩ ngông cuồng, vì nếu quân Áo đưa được từ sông Rhine đến Styria những lực lượng to lớn để giúp đại công tước Charles tiến công đạo quân ở Ý thì chẳng những chỉ riêng đạo quân ở Ý bị tiêu diệt mà toàn bộ chiến dịch cũng sẽ thất bại. Chính cách nhận định đó đã ảnh hưởng tới tâm trí Bonaparte lúc ông ta ở vùng Villach. Nó đã thúc ông ta vội vã ký hiệp định đình chiến Leoben.

Với một quan điểm cao hơn nữa, khi biết địch là quân Áo không có lực lượng dự bị nào ở giữa đạo quân của đại công tước Charles và thành phố Viên, sự phê bình chỉ ra rằng việc tiến quân của đạo quân ở Ý sẽ đe dọa thành phố này.

Giả thuyết rằng Bonaparte biết là thủ đô Viên bị hở, hơn nữa ông lại biết ưu thế quyết định mà ông ta giữ ở Styria đối với công tước, việc tiến quân nhanh đến trung tâm nước Áo lúc đó sẽ có một ý nghĩa, vì tầm quan trọng của cuộc tiến quân đó tuỳ thuộc vào giá trị mà quân Áo giành cho việc bảo vệ thành Viên. Nếu tầm quan trọng này lớn đến nỗi quân Áo sẵn sàng chấp thuận những điều kiện hòa bình mà Bonaparte đưa ra hơn là việc để mất thành Viên, thì sự uy hiếp thành Viên phải được coi như là mục đích cuối cùng. Nếu vì một lẽ nào khác mà Bonaparte đã biết sự tình đó, sự phê bình không cần thiết đi xa hơn nữa. Nhưng nếu sự việc xảy ra đang mới còn ở trong dự tính, sự phê bình phải tự tiến lên một quan điểm cao hơn và tự đặt câu hỏi: “Sẽ xảy ra như thế nào nếu những người Áo bỏ thành Viên và rút về các quốc gia rộng lớn mà họ còn giữ được?”. Nhưng người ta thấy ngay là không thể trả lời câu hỏi đó mà không xét đến sự việc chắc chắn sẽ xảy ra giữa hai đạo quân sông Rhine. Vì quân Pháp có ưu thế không thể chối cãi được (130.000 chống lại 80.000) nên kết quả đã rõ như ban ngày; nhưng vấn đề sẽ nảy ra là phải tìm hiểu xem viên Đốc chính sẽ dùng chiến thắng ấy để làm gì? Phải chăng họ lợi dụng thành công ấy

để tiến tới bên kia của nước quân chủ Áo để đi đến chỗ tiêu diệt nước này? Hay là họ chỉ muốn chiếm một vùng rộng lớn của nước này cũng như ở trường hợp kia, phải tính toán kết quả có thể có để từ đó tìm ra kết luận và sự chọn lựa có kết quả có thể có để từ đó tìm ra kết luận về sự lựa chọn có thể có của viện Đốc chính. Giả thiết là: Kết luận những nhận định này, người ta cho rằng lực lượng quân đội Pháp còn quá yếu để có thể hoàn toàn tiêu diệt nước quân chủ Áo, cho nên sự mưu tính đó có thể đi đến chỗ làm đảo lộn tình hình, và nếu chỉ có bản thân mình vừa chiếm đóng lại vừa đánh lấn ra một khoảng đất rộng, quân đội Pháp sẽ tự đặt mình vào một tình thế chiến lược mà lực lượng của họ có thể sẽ không đối phó nổi; kết quả đó sẽ ảnh hưởng đến cách nhận định tình hình trong đó có nước Ý, nước này có thể sẽ nhìn thấy sơ hở của mọi hy vọng ngày càng giảm sút.

Rõ ràng đó là cái khiến cho Bonaparte mặc dầu lúc đó đã biết rõ tình hình tuyệt vọng của đại công tước Charles vẫn ký hòa ước Campo Formio mà người Áo không bao giờ có thể chiếm lại được các tỉnh này, kể cả khi thu được thắng lợi sau một chiến dịch tốt đẹp nhất. Nhưng người Pháp đã không thể trông cậy vào hiệp ước ấy, dù nó rất ôn hòa, cũng chẳng dùng nó làm mục tiêu cho cuộc hành quân táo bạo của họ nếu không có hai vấn đề được đề cập tới. Vấn đề thứ nhất là phải biết được tầm quan trọng mà người Áo giành cho những kết quả này khác mà chúng tôi đã nói ở trên. Và mặc dầu có thể có một kết thúc tốt đẹp ở một trong hai trường hợp, họ vẫn phải suy tính xem những kết quả ấy có cân xứng với những hy sinh họ phải chịu đựng hay không (nghĩa là những hy sinh trong lúc tiếp tục chiến tranh), những hy sinh mà họ có thể tránh được nhờ ở những điều kiện hòa bình không đến nỗi quá bất lợi. Vấn đề thứ hai là phải biết chính phủ Áo có nhận thức một cách đúng đắn những hậu quả có thể xảy ra do sự chống cự đến cùng mà không để bị mất tinh thần vì những thất bại tạm thời.

Nhận định, mục tiêu của vấn đề thứ nhất, không phải là để đáp ứng với những điều kiện vụn vặt vô bổ, trái lại nó có tầm quan trọng thực tiễn đến nỗi, mỗi khi ấn định một kế hoạch mà mọi sự việc được đẩy tới cao điểm, thì chính nó lại thường thường sẽ ngăn căn sự thực hiện kế hoạch đó.

Nhận định thứ hai cũng rất cần thiết vì tiến hành chiến tranh không phải là để đánh một kẻ thù trừu tượng, mà để đánh một kẻ thù cụ thể ta phải luôn luôn để mắt đến. Chẳng còn nghi ngờ gì nữa; Bonaparte táo tợn không phải không biết điều này, nghĩa là ông ta biết tin tưởng vào sự khủng khiếp mà thanh kiếm của ông ta gây nên. Chính lòng tin ấy đã đưa ông ta đến Moscow năm 1812. Và chính ở đây, lòng tin đã từ bỏ ông ta vì uy lực của thanh kiếm đã giảm đi phần nào sau những trận chiến đấu khổng lồ. Vào năm 1797, lòng tin ấy còn mới nguyên vì điều bí mật về sức mạng của một cuộc khánh chiến dẻo dai, chịu đựng được mọi thử thách chưa được khám phá. Nhưng, ngay hồi năm 1797, sự táo bạo của ông ta cũng chỉ đưa đến một kết quả tiêu cực, như chúng tôi đã nói, nếu linh cảm của ông ta không đưa ông ta ra khỏi chỗ bí là ký hòa ước ôn hòa ở Campo Formio.

Đến đây, chúng ta cần chấm dứt những suy nghĩ của chúng ta. Những suy nghĩ

này đã đủ chứng minh cho tầm rộng lớn, sự khác nhau và khó khăn mà việc nghiên cứu phê bình có thể nêu ra khi người ta đi ngược lên tới mục tiêu cuối cùng, nghĩa là khi phải chủ trương dùng những biện pháp có tầm quan trọng lớn và quyết định, và dứt khoát là những biện pháp ấy phải đi tới mức độ như vậy. Nhưng suy nghĩ của chúng ta lại cũng đã đủ chứng minh thêm những hiểu biết lý thuyết của vấn đề: Tài năng tự nhiên quyết định phần lớn giá trị của việc nghiên cứu phê bình vì chính là tài năng đó phải làm bật ra nguyên nhân của các sự việc bằng cách sàng lọc hằng hà sa số những biến cố để tìm xem cái nào là cái quan trọng chủ yếu nhất. Nhưng lại còn có thể sử dụng tài năng bằng một cách khác nữa. Việc nghiên cứu phê bình không phải chỉ là sự phân tích những biện pháp đã được áp dụng thực sự mà phải phân tích tất cả mọi biện pháp có thể được áp dụng, cho nên trước hết phải nêu rõ tình chất của từng biện pháp, nghĩa là sáng tạo ra, vả lại ta không được loại bỏ một biện pháp nào nếu chưa thay thế nó bằng biện pháp khác tốt hơn. Nhưng trong nhiều trường hợp, số biện pháp dự tính dù ít đi nữa cũng không thể chối cãi được rằng việc xây dựng những biện pháp người ta chưa dùng đến không phải chỉ là sự phân tích đơn giản những sự vật hiện có, mà là sự chủ động sáng tạo, không tuân theo một quy định nào cả, song lại tuỳ thuộc vào sự phong phú của trí tuệ.

Chúng ta không nên trông đợi thiên tài bộc lộ ra khi mọi sự thể rút gọn vào vài việc kết hợp có thể có trong thực tiễn, tuy chúng rất đơn giản và rất ít. Cho rằng việc vu hồi một vị trí là một nét của thiên tài, vì nó mới mẻ, quả là điều rất đáng buồn cười, tuy người ta vẫn thường làm như thế; nhưng sự suy nghĩ có tính sáng tạo đó lại là cần thiết vì nó góp phần chủ yếu vào việc xác định giá trị của sự nghiên cứu phê bình.

Ngày 30 tháng 7 năm 1796, khi Bonaparte quyết định thôi không bao vây Mantua, đưa quân đón đánh Wurmser và tập trung toàn lực để tiến công các đạo quân của Wurmser đang bị chia cắt bởi hồ Garda và sông Mincio, điều đó hình như là con đường chắc chắn nhất để đi đến những thắng lợi rực rỡ nhất. Những thắng lợi ấy đã thực sự xảy ra và đã lặp lại rực rỡ hơn nữa, khi mà sau này người ta định dùng cách trên để hy vọng giải tỏa pháo đài Mantua. Hết thảy dư luận đều nhất trí như vậy và chỉ biểu hiện ra bằng những sự ngợi khen không tiếc lời.

Nhưng ngày 30 tháng 7, Bonaparte chỉ có thể đi theo con đường ấy bằng cách hoàn toàn bỏ ý định bao vây Mantua vì không cứu nỗi đoàn xe phục vụ cho cuộc vây thành, vả lại cũng không thể tổ chức ngay đoàn xe khác trong quá trình chiến dịch. Về sau này, cuộc công thành chỉ còn là một cuộc phong tỏa và vì vậy, nếu bị vây liên tục thì chỉ trong 8 ngày, thành này sẽ bị thất thủ. Nhưng nó đã kháng cự được tới 6 tháng mặc dầu quân của Bonaparte thắng lớn ở nhiều vùng bằng phẳng khác.

Vì không đề ra được một biện pháp đề kháng nào tốt hơn, sự phê bình đã coi sự việc ấy như một tai họa hoàn toàn không thể tránh khỏi.

Việc tổ chức đề kháng chống lại một đạo quân tiếp viện ở bên trong tuyến chiến hào của quân vây thành đã bị người đời coi thường, và bị rẻ rúng đến nỗi bị bỏ rơi hoàn toàn. Thế nhưng, dưới thời vua Louis XIV, biện pháp ấy đã luôn được ứng dụng

thành công đến nỗi phải coi là một sự thay đổi thất thường của thời thượng (mode) nếu như hàng trăm năm sau không ai *nghĩ đến sử dụng biện pháp ấy* ngang hàng với các biện pháp khác. Nếu người ta chấp nhận khả năng đó thì sự xem xét kỹ càng mọi trường hợp đã chứng minh rằng 40.000 lính bộ binh vào loại tinh nhuệ của thế giới, dưới quyền chỉ huy của Bonaparte tổ chức chiến hào vây chặt thành Mantua sẽ không sợ gì 50.000 quân Áo do Wurmser chỉ huy đến thành này. Và quân Áo cũng khó dám phác họa, dù chỉ là một ý định tiến công vào những chiến hào Bonaparte. Không cần phải nói tỉ mỉ về chủ trương đó, chỉ nói như vậy cũng đủ để chứng tỏ rằng biện pháp ấy cần được quan tâm. Chính Bonaparte có nghĩ tới biện pháp ấy trong lúc hành động không? Chúng ta không bao giờ biết được điều đó, vì chẳng hề tìm thấy vết tích gì trong hồi ký hoặc trong những tài liệu mà ông ta đã viết. Sau này, sự phê bình đã không nghĩ đến nó, biện pháp trên đã hoàn toàn biến mất trong phạm vi chú ý của sự phê bình. Không phải tài cán gì lắm mới trở lại vấn đề này được; chỉ cần biết tách ra khỏi những yêu cầu của thời thượng (mode) là đủ. Tuy nhiên, cần phải suy nghĩ mới lưu ý tới nó được, và phải so sánh nó với biện pháp mà Bonaparte đã áp dụng. Dù kết quả của việc so sánh ấy thế nào, sự phê bình cũng không được bỏ qua.

Năm 1814, sau khi thắng họ ở Étoges, ChampAubert, Montmirail, v.v…, Bonaparte đã quay lưng với quân đội ở Blücher để tiến quân đồn Schwarzenberg và đánh bại ông này ở Montereau mà Mormant. Tất cả mọi người đều hết sức thán phục hành động đó vì Bonaparte đã khéo léo phối hợp để tung lực lượng chủ yếu của quân đội mình lần lượt đánh hết kẻ địch ở bên này rồi lại đến kẻ địch ở bên kia. Bonaparte đã khéo léo lợi dụng sự sai lầm của quân Liên Minh ở chỗ họ đã tiến quân riêng lẻ. Người ta cho rằng, với những đòn căn bản tung ra tứ phía như vậy mà cũng không cứu nổi ông ta, đó không phải là lỗi của Bonaparte. Cho đến nay, chưa một ai đã tự hỏi: Cái gì sẽ xảy ra nếu Bonaparte tiếp tục đón đánh Blücher và truy kích tới sông Rhine chứ không quay lại đánh Schwarzenberg? Chúng tôi hoàn toàn tin rằng điều đó sẽ làm đảo lộn hoàn toàn tình thế của chiến dịch, và Đại quân (quân liên minh châu Âu) đáng lẽ tiến vào Paris, sẽ phải vượt sông Rhine lần nữa. Chúng tôi không mong mọi người đồng tình với chúng tôi, nhưng vấn đề đã đặt ra như thế, không một chuyên viên nào còn băn khoăn về việc phải giành cho nó một chỗ đứng nữa.

Phương pháp so sánh ở đây có giá trị nhiều hơn là ở trường hợp trước. Người ta đã cố tình bỏ qua, phần vì thiên vị cũng có, phần vì nhắm mắt bước theo con đường đã được vạch sẵn cũng có.

Sự cần thiết phải vạch ra một biện pháp tốt hơn để thay thế biện pháp đã bị lên án, làm nảy sinh ra cách phê bình này, hầu như chỉ có một mình nó là còn đắc dụng: Nó chỉ nêu lên cách làm gọi là tốt nhất, mà không có bằng chứng thật sự nào cả. Vì vây, người thì công nhận, người không, làm nảy ra nhiều cuộc bàn cãi dông dài thiếu cơ sở lý luận. Sách báo quân sự đã đầy rẫy những chuyện như vậy.

Cái *bằng chứng* chúng tôi yêu cầu là rất cần thiết trong những khi mà cái lợi của biện pháp đề nghị không đủ để đánh bại những điều nghi ngờ. Lúc đó cần xem xét cả hai biện pháp, tìm hiểu những nét độc đáo của chúng, rồi cân nhắc chúng với mục

tiêu đã nhầm. Một khi sự việc đã được rút gọn vào những chân lý giản đơn thì phải thôi bàn cãi hay ít ra cũng phải có những *kết luận* mới, nếu không làm như thế, cứ tiếp tục nữa thì bên công nhận cũng như bên phủ nhận chỉ cắn xé lẫn nhau vô ích mà thôi.

Nếu chúng ta chưa thỏa mãn với những điều khẳng định đã nêu ở trên, chúng ta muốn chứng minh rằng nếu Napoléon cứ kiên quyết đuổi đánh quân của Blücher thì vẫn hơn là quay lại đánh Schwarzenberg, chúng ta sẽ phải dựa vào những sự thật rất đơn giản như sau:

1. Thông thường, cứ tiếp tục tập trung tiến công vào một hướng lợi hơn là phân tán lực lượng sang trái, sang phải, vì phân tán như thế làm mất thời gian: Hơn nữa khi sức mạnh tinh thần đã bị giảm sút sau những tổn thất to lớn, thắng lợi mới sẽ dễ đặt được hơn miễn là không có phần nhỏ nào của ưu thế không được sử dụng.

2. Vì rằng, tuy Blücher ít quân hơn Schwarzenberg nhưng lại có tinh thần dũng mãnh, lại là kẻ địch đáng sợ hơn; chính ông là trọng tâm thu hút những lực lượng còn lại vào quỹ đạo của mình.

3. Vì rằng, những tổn thất mà Blücher phải chịu tương đương với một cuộc bại trận, điều đó đem lại cho Bonaparte một ưu thế, khiến cho việc lui quân về sông Rhine là rất chắc chắn và trên tuyến đường này không có lực lượng tăng viện nào đáng kể.

4. Vì rằng, không có một thắng lợi nào khác đã tỏ ra ghê gớm như thế, không có một thắng lợi nào khác đã làm nảy ra trong trí óc con người một cảm tưởng không cân đối như thế: Điều này là chủ yếu khi bộ chỉ huy đã do dự, nhút nhát như trường hợp của Schwarzenberg. Hoàng thân Schwarzenberg tất phải biết rõ về những tổn thất của thái tử xứ Württemberg ở Montereau, của tử tước Wittgenstein ở Mormant; nhưng những điều không may xảy đến cho Blücher trên một mặt trận tuyến dài bị cắt khúc, cô lập kéo dài từ sông Marne tới sông Rhine thì chỉ mãi sau này nhờ một cơn bão của dư luận đồn đại, ông ta mới được biết. Cuộc chuyển quân tuyệt vọng của Bonaparte tới Vitry hồi cuối tháng 3, để thăm dò ảnh hưởng của sự đe dọa của một cuộc bao vây chiến lược đối với quân Liên minh sau những thất bại của ông ta ở Laon và Arcis, rõ ràng đã xây dựng trên nguyên tắc khủng bố, nhưng ở trong những điều kiện hoàn toàn khác, lúc ấy Blücher có 100.000 lính ở cạnh Schwarzenberg.

Chắc chắn sẽ có người không để cho những lý lẽ trên thuyết phục, nhưng ít ra họ cũng không thể cãi lại rằng: "trong khi Bonaparte đe dọa căn cứ của Schwarzenberg bằng cách tiến quân về sông Rhine, Schwarzenberg lại uy hiếp Paris tức là uy hiếp căn cứ của Bonaparte, vì những lý do vừa nên ra cốt để chứng minh là Schwarzenberg có thể không có ý định tiến quân về Paris.

Về thí dụ chúng tôi đã nêu, lấy trong chiến dịch năm 1796, chúng tôi nói: Bonaparte coi đường lối mình đã vận dụng là biện pháp đảm bảo nhất để đánh bại quân Áo. Nếu kết quả thật như thế đi nữa thì mục tiêu mà ông ta sẽ đạt tóm lại cũng chỉ là một vinh quanh quân sự hão, không có ảnh hưởng lớn quyết định sự thất thủ của pháo đài Mantua. Con đường chúng tôi đã chọn, theo ý chúng tôi, sẽ tốt hơn để

khỏi phải huỷ bỏ trận công thành Mantua; nhưng cũng giống như ông tướng Pháp, nếu chúng tôi không công nhận nó như thế và theo ý chúng tôi, bảo đảm chắc thắng sẽ ít hơn, vấn đề sẽ tóm tắt lại như sau: Đó là một trong các trường hợp chắc có thắng lợi, nhưng lại gần như vô dụng, nghĩa là thắng lợi rất nhỏ; trong trường hợp khác, thắng lợi không chắc, nhưng to hơn rất nhiều. Nhận định theo kiểu ấy, lòng dũng cảm sẽ lựa chọn giải pháp thứ hai, điều đó hoàn toàn trái ngược với cái nhìn nông cạn đã khiến ta nghĩ như thế. Thâm ý của Bonaparte chắc không phải là kém táo bạo và không còn nghi ngờ gì là ở trường hợp đó, tính chất và hậu quả gây ra đã không xuất hiện trong trí óc Bonaparte một cách sáng sủa như đã xuất hiện trong trí óc chúng ta, người đã biết những vấn đề đó qua kinh nghiệm.

Dĩ nhiên là trong lúc tiến hành xe xét mọi phương pháp, sự phê bình thường phải viện dẫn chúng trong lịch sử quân sự, vì trong chiến tranh, kinh nghiệm có giá trị hơn bất cứ chân lý triết học nào.

Nhưng các bằng chứng của lịch sử ấy phải tuân theo những điều kiện riêng của nó mà chúng tôi sẽ nói trong một chương riêng và điều bất hạnh là những điều kiện ấy thường ít khi đầy đủ, cho nên nhiều khi những dẫn chứng lịch sử chỉ làm cho các ý kiến rối loạn thêm.

Chúng ta chỉ còn phải phân tích một vấn đề quan trọng nữa là sự phê bình có quyền (hơn nữa có bổn phận) đến mức độ nào, khi đánh giá một trường hợp riêng biệt, vận dụng những quan điểm cao vào mọi việc, cũng tức là vận dụng những bằng chứng do thắng lợi đưa ra; khi nào và ở chỗ nào, sự phê bình, trái lại, phải không cần đếm xỉa đến những cái đó để hoàn toàn đứng vào địa vị người hành động.

Nếu sự phê bình muốn khen hay chê hiển nhiên là nó phải tự đặt đúng vào quan điểm của người hành động, nghĩa là phải thu thập tất cả những cái gì người ấy biết và cái gi là động cơ hành động của họ; phần khác, sự phê bình phải không được vin vào những gì mà người hành động không biết hoặc không được biết, mà trước hết là sự thắng lợi. Nhưng đây chỉ là mục tiêu mà người ta tự đề ra, chắc là không đạt được hoàn toàn vì tình huống của sự việc từ đó nảy ra một biến cố không bao giờ hiện ra trước mắt sự phê bình đúng hệt như nó đã hiện ra trước mắt người hành động. Một lô những tình huống nhỏ nhất đã có thể làm nghiêng cán cân của quyết định lúc ấy đã biến mất và nhiều nguyên nhân chủ quan cũng không bao giờ được nói rõ. Người ta chỉ còn biết những cái đó qua những Hồi ký của người hành động hay của những người tâm phúc của họ. Trong những hồi ký ấy, sự việc thường được thuật lại rất chung chung nếu không phải là cố tình diễn tả không đúng. Như thế, nhiều việc đáng kể của người hành động sẽ lọt ra ngoài sự phê bình.

Phần khác, sự phê bình đã rất khổ tâm khi phải nói một cách trừu tượng cái mà mình đã biết rất rõ.

Điều đó chỉ dễ dàng đối với những cái gì có liên quan tới những hoàn cảnh ngẫu nhiên, những hoàn cảnh không do tự bản thân tình hình đẻ ra, tuy cũng có liên quan tới tình hình; còn đối với cái gì có dính líu tới những vấn đề cốt yếu, điều đó là rất khó và gần như không thể thực hiện được.

Trước hết chúng ta hãy xét vấn đề thắng lợi, cuối cùng. Nếu không phải do ngẫu nhiên (hầu như không thể có được), sự nhận thức ra nó lại không có ảnh hưởng tới việc đánh giá những điều kiện sản sinh ra nó, vì chúng ta quan sát những điều kiện ấy bằng ánh sáng của kết quả, và ít ra nhờ phần nào của kết quả mà chúng ta biết và đánh giá đúng những điều kiện ấy. Lịch sử quân sự, với một sự kiện mà nó mang theo, là một *nguồn giáo huấn* cho chính bản thân sự phê bình, tất nhiên là vì nó biết được toàn bộ, nó soi sáng vào những sự kiện riêng biệt. Đã có những trường hợp mà người phê bình không muốn căn cứ vào lịch sử quân sự. Như vậy, việc phê bình sẽ chẳng bao giờ có thể thành công hoàn toàn được.

Sự việc sẽ xảy ra như thế, không phải chỉ riêng đối với thắng lợi, đối với cái sẽ nảy sinh ra sau này, mà còn xảy ra đối với những cái hiện đang nảy sinh, nghĩa là đối với những dữ kiện xác định hành động. Trong nhiều trường hợp, người phê bình lại có nhiều dữ kiện hơn là người hành động. Bởi vậy người ta tưởng rằng có thể bỏ qua vấn đề đó, tuy sự thật không phải là như thế. Sự hiểu biết về những hoàn cảnh đã qua và tiếp theo, không những chỉ dựa trên những tin tức chính xác mà còn dựa trên một số lớn những giả định hay giả thuyết. Chúng ta cũng có thể nói rằng: Trong những tin tức không dính líu gì đến các sự việc hoàn toàn ngẫu nhiên, hầu như không có tin tức nào là không có giả định hoặc giả thuyết được đề ra trước, nhưng rồi chúng vẫn cứ thay thế cho giả định và giả thuyết, bởi lẽ không có tin tức xác thực. Như vậy, người ta phải nhận thức rằng: Việc phê bình những cái đã qua và những cái tiếp theo không nên bị mắc lừa lúc tự hỏi về những điều kiện chưa biết, nghĩa là những điều kiện mà người ta cho là có thể có lúc đang hành động. Chúng tôi thấy: Vì thắng lợi và cũng vì những lý lẽ đã nêu, chúng ta không thể hoàn toàn bỏ qua những điều kiện ấy.

Cho nên, khi khen hay chê một hành động cá biệt, người phê bình không bao giờ có thể hoàn toàn đứng vào địa vị của người hành động. Đôi khi, người phê bình có thể làm được như vậy nhưng chỉ là để thỏa mãn những nhu cầu thực tiễn, còn trong những trường hợp nhất định, nó tuyệt đối không thể nào như vậy được, và chính đó là điều mà ta không nên sao nhãng.

Nhưng không cần thiết và cũng chẳng nên ước mong là phê bình phải hoàn toàn đồng hóa với người hành động. Trong chiến tranh cũng như trong những hoạt động khác đòi hỏi sự khéo léo, cần phải phát triển một số khả năng tự nhiên mà người ta gọi là thiên tài. Cái đó có thể hoặc lớn hoặc nhỏ. Trong trường hợp thứ nhất, nó dễ dàng vượt qua thiên tài của sự phê bình quân sự, vì ai là người có thể tự khoe rằng mình có thiên tài như Frederick Đại đế hay như Bonaparte? Nếu sự phê bình không muốn bị ngăn cấm bày tỏ ý kiến về một tài năng lỗi lạc, thì phải cho phép nó sử dụng lợi khí ưu thế, tức là tầm quan sát rộng rãi của nó. Vậy thì phê bình không thể dùng những dữ kiện của một vị tướng lớn để giải quyết nhiệm vụ của ông này theo kiểu thử lại một bài toán. Cùng với thắng lợi, căn cứ vào những chứng cớ do các biến cố đưa đến, việc trước tiên là phê bình phải cúi đầu thán phục kết quả của hoạt động trác việt của một thiên tài và sau đó đi dần vào xem xét cả chuỗi các sự việc mà thiên tài đã có thể tự nhiên linh cảm thấy.

Nhưng muốn đạt tới một tài ba nào đó, dù nhỏ đến đâu đi nữa, sự phê bình cũng phải luôn luôn đứng vào vị trí của quan điểm cao hơn để có thể sử dụng được nhiều yếu tố khách quan làm cho sự phán đoán của mình càng ít chủ quan càng tốt, và trí óc hạn chế của phê bình không bị dẫn dắt đến chỗ tự coi mình là trọng tài.

Thái độ cao thượng đó của phê bình, khen chê đúng với sự hiểu biết thấu đáo nguồn gốc của vấn đề, không khiến ta phật ý; sự khen chê đó chỉ làm ta phật ý khi nào nó tự ưỡn ngực tuyên bố rằng những kiến thức thu thập được là nhờ ở sự hiểu biết một cách hoàn hảo các sự kiện và nó phản ánh thiên tài của chính người phê bình. Sự xảo trá đó quả là thô bạo, nhưng thường lại được sự tự kiêu bao che và ta không nên lấy làm lạ về sự công phẫn nó sẽ gây ra. Một sự tự cao như thế, tuy không cố ý, thường được người đọc gán ghép cho người phê bình và nếu người đó không có những bảo đảm chắc chắn, tức thì người ta buộc cho họ là bất lực, có thiếu sót trong sự suy xét.

Khi người phê bình nói đến một vài sai lầm nào đó của Frederick Đại đế hay của Bonaparte, điều đó không có nghĩa là ông ta sẽ không phạm vào sai lầm tương tự. Ông ta có thể tự thấy nếu đứng vào vị trí của các vị tướng kia, ông ta sẽ có thể phạm phải những sai lầm nặng hơn nhiều, nhưng ông ta nhìn thấy những sai lầm ấy nổi bật lên trong mối liên hệ của các sự vật và ông ta đòi hỏi sự minh mẫn nhạy bén của vị tướng phải phát hiện ra.

Như vậy chúng ta đứng trước một nhận định được hình thành nhờ ở mối liên hệ của những biến cố, và tất nhiên ***nhờ ở thắng lợi***. Nhưng lại còn có ảnh hưởng khác hẳn, đó là ảnh hưởng mà thắng lợi gây ra đối với sự suy xét, nghĩa là thắng lợi được đưa ra để chứng minh cho sự đúng sai của một hành động. Đó là cái mà người ta có thể gọi là ***sự suy xét phụ thuộc vào thắng lợi***. Thoáng nghĩ, tưởng sự suy xét đó không có tý giá trị gì, nhưng thật ra không phải như thế.

Năm 1812, khi Napoléon tiến vào Moscow, tất cả đều tùy thuộc vào vấn đề tìm hiểu xem sau khi thủ đô bị chiếm và cộng với tất cả những gì đã xảy ra trước cuộc xâm lăng, hoàng đế Aleksandr sẽ quyết định ký hiệp ước đình chiến hay không, như ông đã làm năm 1807 sau trận Friedland và như Bonaparte đã buộc hoàng đế Francis ký hòa ước năm 1805 và năm 1809 sau những trận ở Austerlitz và ở Wagram. Vì nếu Bonaparte không đạt được hòa bình ở Moscow thì chỉ còn độc một con đường thoái lui, nghĩa là một thất bại chiến lược. Đừng hỏi chúng tôi là Napoléon đã làm gì để đi tới Moscow, cũng đừng hỏi là trong lúc tiến quân ông ta có bỏ lỡ những cơ hội tốt để thúc đẩy hoàng đế Aleksandr ký kết hòa bình hay không? Chúng tôi cũng bỏ qua những tình huống tai hại mà ông ta vấp phải trong lúc rút lui, những tình huống mà nguyên nhân có thể ở ngay trong việc chỉ đạo chiến tranh. Vấn đề sẽ vẫn chỉ là một; vì dù cho kết quả của việc tiến quân đến Moscow có rực rỡ đến đâu cũng chưa phải đã làm cho hoàng đế Aleksandr khiếp sợ đến nỗi phải chấp nhận hòa bình; và nếu việc lui quân không gây mầm mống cho sự thất bại như thế thì nó cũng sẽ mãi mãi chỉ là một sự thất bại lớn về chiến lược. Nếu hoàng đế Aleksandr đã nhận một hòa ước không có lợi cho ông, chiến dịch 1812 sẽ được xếp cạnh những trận Austerlitz,

Friedland và Wagram (những trận thắng lớn của Napoléon – ND). Nhưng nếu những trận đó đã không đi được đến hòa bình thì cũng kết thúc bằng những tai họa tầy trời giống nhau. Dù cho kẻ đi chinh phục thế giới (chỉ Napoléon – ND) đã tỏ ra hùng mạnh, khôn khéo, tài giỏi đến thế nào đi nữa, thì câu hỏi cuối cùng gửi cho số mệnh này ở đâu cũng không thay đổi. Vậy có nên loại bỏ những chiến dịch năm 1805, 1807 và 1809 và cho rằng vì chiến dịch năm 1812 nên những trận đánh của mấy năm trước hoàn toàn chỉ là hành động không suy nghĩ, và thắng lợi của chúng là trái với quy luật phát triển tự nhiên của sự vật, rằng đến năm 1812 cái công lý chiến lược cuối cùng đã thắng cái may mắn mù quáng? Đó là một nhận định không có cơ sở, một sự suy xét độc đoán mà có đến một nửa những dẫn chứng còn phải được tìm tòi thêm, vì chẳng có con mắt người trần tục nào có khả năng theo dõi mối liên hệ tất yếu của các biến cố đưa đến sự quyết định cuối cùng của những đức vua bị đánh bại.

Lại càng sai hơn nữa nếu ta cho rằng chiến dịch 1812 cũng đáng đi đến thắng lợi như những chiến dịch khác, và nếu nói ngược lại là không tự nhiên; vì người ta không thể coi tính kiêm nghị của hoàng đế Aleksandr như một sự vật trái tự nhiên.

Còn có gì tự nhiên hơn là nói rằng năm 1805, 1807 và 1809, Bonaparte đã đánh giá đúng đối phương của mình nhưng đến năm 1812 thì ông ta đã nhầm? Những lần đầu ông ta làm đúng, lần sau ông ta làm sai và ở trường hợp này cũng như ở trường hợp kia, ***bằng chứng đã do các thắng lợi cung cấp.*** Như chúng tôi đã nói, trong chiến tranh hành động nào cũng đều nhằm vào những thắng lợi có thể chứ không thể nhằm vào những thắng lợi chắc chắn. Đối với cái phần chắc chắn hiện thời còn thiếu, thì phải trông cậy vào số phận hay may rủi, bất kể gọi là cái gì cũng được. Dĩ nhiên người ta có thể yêu cầu cái phần ấy càng thật nhỏ càng hay nhưng không phải chỉ trong một trường hợp đặc biệt: Nghĩa là trong trường hợp đặc biệt đó thì có thể lại càng thật nhỏ. Không phải là vì người ta thích trường hợp nào ít chắc chắn hơn. Đó là một sai lầm kinh khủng, lý lẽ chúng tôi sẽ trình bày sau này. Trong vài trường hợp, cái nguy hiểm lớn nhất thường lại tương ứng với cái trí thông minh nhất.

Một khi mà sự quyết định được đặt trong tay số mệnh thì công lao, thành tích và tất nhiên trách nhiệm của người hành động hình như không còn liên quan gì cả. Tuy nhiên, chúng ta không thể tránh một sự đắc ý ngầm mỗi khi điều dự tính của ta được thực hiện, hoặc một sự khó chịu trong tâm trí mỗi khi thấy điều dự tính ấy không đúng. ***Đó là tất cả cái gì chúng tôi muốn nói khi chúng ta phán xét một hành động đúng hay sai, sự phán xét đó chỉ đơn thuần căn cứ vào thắng lợi của hành động, hoặc hơn nữa là dựa vào cái gì chúng ta thấy được.***

Nhưng không thể chối cãi được rằng sự thích thú do thắng lợi và sự bực bội do thất bại dù sao cũng chỉ dựa trên cảm giác mờ ảo, rằng giữa cái thắng lợi do may rủi và cái thắng lợi do thiên tài của người hành động có một mối quan hệ mà nhãn quan của trí tuệ không thể nhìn thấy sự dự tính lại là một nguồn thích thú. Cái khiến cho ta xác nhận ý niệm ấy chính là do tại cảm tính của ta phát triển và trở nên một tình cảm rõ nét khi thắng lợi hay thất bại tái diễn nhiều lần trong một con người. Do đó, người ta hiểu vì sao sự may rủi trong chiến tranh lại có tính chất cao quý hơn là sự may rủi

ở sòng cờ bạc. Trừ phi cảm tình của ta có vấn đề gì khác hạn chế, bao giờ chúng ta cũng thấy thích thú được theo dõi một quân nhân trong sự nghiệp may mắn của họ.

Sau khi đã cân nhắc tất cả những cái gì đi vào trong những dự tính và những điều tin tưởng của con người, sự phê bình tin cậy ở kết thúc của các biến cố, hay ít ra ở bộ phận của các biến cố mà mối liên hệ sâu sắc và kín đáo lại không thể hiện trong những hiện tượng có thể sờ mó thấy được. Cấp trên có thể ngừng lại một cách lặng lẽ ở điểm này: Sự phê bình tránh những ý kiến ồn ào và tầm thường đối với ông ta đồng thời cũng vứt bỏ được những sự lạm dụng thô bạo mà người ta có thể ỷ vào cái quyền thẩm xét tối cao ấy (phê bình – ND) mà gây ra.

Vậy thì sự phán quyết của thắng lợi là nhằm để thay thế cho bất cứ cái gì mà trí óc minh mẫn của con người không thể khám phá được; sức mạnh và hành động tinh thần buộc phải sử dụng nó (sự phán quyết của thắng lợi – ND) vì chính sức mạnh và hành động tinh thần là cái khó đánh giá đúng mức nhất, một phần vì mối quan hệ chặt chẽ của chúng với ý chí, khiến chúng dễ xác định được ý chí. Khi mà sự khiếp đảm hoặc lòng dũng cảm đã quyết định thì chẳng còn gì là khách quan để can thiệp giùm cho bên này hoặc bên kia nữa**[48]** và như thế cũng chẳng còn gì để cho sự minh mẫn hoặc sự tính toán có thể hy vọng đưa lại một kết quả có thể có.

Chúng tôi xin có vài nhận xét về công cụ của phê bình, nghĩa là ngôn ngữ sử dụng trong phê bình, thứ ngôn ngữ này sát cánh với hành động chiến tranh và sự phê bình nói cho cùng chỉ là sự suy nghĩ trước khi hành động. Cho nên, theo chúng tôi, điều cốt yếu là ngôn ngữ phê bình phải có cùng tính chất với sự suy nghĩ trong chiến tranh. Nếu không như thế, nó sẽ trở thành vô dụng trong thực tiễn và bịt lối không cho sự phê bình tiếp xúc với đời sống.

Qua những ý kiến của chúng tôi về lý thuyết chỉ đạo chiến tranh, chúng tôi đã nói là nó phải có nhiệm vụ rèn luyện trí tuệ cho người chỉ đạo chiến tranh, hay nói đúng hơn là phải hướng dẫn sự rèn luyện ấy chứ không phải chỉ đưa cho ông ta những giáo lý và những hệ thống lý luận tích cực để ông ta sẽ sử dụng như những khí cụ tinh thần. Khi ta muốn suy xét về một biến cố chiến tranh nhất định thì việc xây dựng một hệ thống điểm chuẩn có tính khoa học là không cần thiết và cũng chẳng nên có; khi sự thật không bộc lộ dưới một hình thái có hệ thống, khi chẳng bao giờ người ta ***gián tiếp*** thấy mà chỉ ***trực tiếp*** thấy chân lý nhờ nhãn lực tự nhiên của trí óc, thì nghiên cứu phê bình ***cũng phải làm như thế.***

Thật vậy, chúng ta đã thấy rằng trong trường hợp mà việc đi sâu vào bản chất của những hoàn cảnh sẽ đưa ta đi quá xa, lúc đó sự phê bình phải tin tưởng vào chân lý mà lý thuyết đã dựng lên. Nhưng ngay cả trong chiến tranh, người hành động vẫn tuân theo những chân lý có tính lý thuyết này, cũng chỉ bằng cách để cho trí tuệ của mình thấm nhuần tinh hoa của chân lý, chứ không coi nó như một luật lệ bất di bất dịch, thuần túy khách quan, sự phê bình cũng không được sử dụng nó như một luật lệ xa lạ hay như một công thức đại số mà lúc ứng dụng không cần phải chứng minh lại; trái lại sự phê bình phải luôn luôn sàng lọc chân lý đó, giành cho lý thuyết nhiệm vụ giải thích những chi tiết phức tạp hơn.

Như vậy sự phê bình sẽ tránh được kiểu văn chương tối mò, bí hiểm và sẽ dùng lời lẽ giản dị để minh họa những ý kiến sáng sủa, nghĩa là những mối liên hệ có thể thấy rõ.

Có thể là điều đó sẽ không luôn luôn được như thế nhưng mục đích của phần thuyết minh phê bình thì bao giờ cũng phải như thế. Nên ít vận dụng những hình thái phức tạp của tri thức và không bao giờ được dựng lên những cấu trúc khoa học để rồi sẽ sử dụng chúng như một hệ thống những khoa học trời cho, mà phải tiến hành bằng phương pháp hoạt động thoải mái và tự nhiên của trí tuệ.

Song le, rất ít khi ta thấy được sự cố gắng đáng tôn kính đó (nếu có thể nói như vậy) thể hiện trong các bản phân tích phê bình. Phần lớn các tác giả đã bị lôi cuốn bởi một thứ tự cao tự đại và sa vào trạng thái phô trương rỗng tuếch của trí tuệ.

Khuyết điểm thường xảy ra là họ đã sử dụng một cách vụng về, hoàn toàn không thể tha thứ được, những hệ thống (lý thuyết – ND) phiến diện, như một bộ luận thực thụ. Nhưng chẳng có gì khó khăn lắm cũng phải giải thích được sự thiếu sót của những hệ thống trên: Chỉ nội điều này cũng đủ bác bỏ hoàn toàn sự phán quyết của bộ luật. Đây là một việc rất rõ ràng; và cũng do số hệ thống (lý thuyết) có thể công nhận được rốt cuộc lại rất ít nên sự tác hại dẫu sao cũng không lớn lắm.

Song, những tác hại lớn nhất lại là do một mớ ***thuật ngữ, từ ngữ***, những ***thí dụ*** rỗng tuếch đầy dẫy trong những hệ thống (lý thuyết) ấy, đó là những ký sinh trùng không mong đợi, len lỏi vào khắp nơi, tung hoành như lũ cướp được tháo khoán. Bất cứ nhà phê bình nào nếu không tự vươn tới trình độ hệ thống đầy đủ, hoặc do không thích thú hệ thống nào cả, hoặc không có dịp để thấm nhuần một hệ thống đầy đủ, thì ít ra cũng cố vận dụng lấy một đoạn như người ta vận dụng một quy tắc để vạch ra những sai lầm mà người tướng mắc phải. Phần nhiều những người phê bình đều thường không đủ khả năng phân tích nếu không luôn luôn dựa vào từng đoạn của lý thuyết khoa học quân sự. Những mẩu nhỏ nhất của những đoạn đó, những thuật ngữ hay những sự so sánh, thường chỉ là những sự thêu dệt của việc kể chuyện phê bình. Song le, mọi từ ngữ kỹ thuật, mọi thuật ngữ thuộc về một hệ thống lý thuyết sẽ mất đi (nếu nó có) cái đặc tính và sự đúng đắn của nó ngay từ khi người ta lôi nó ra khỏi hệ thống nói trên nhằm dùng nó như một tiên đề có tính phổ biến hay như một mẩu tinh thể nhỏ của chân lý, để được tiếng là có tính thuyết phục hơn là những lời lẽ bình thường.

Đấy, lý do tại sao thường xảy ra chuyện những công trình lý thuyết và bình luận của chúng ta, đáng lẽ là những luận văn sáng sủa và đơn giản – trong đó tác giả ít ra cũng biết mình nói gì và độc giả ít ra cũng biết mình đọc gì – thì lại đầy dẫy những từ ngữ kỹ thuật, tạo nên những ngã tư tối tăm mà tác giả thì một nơi còn độc giả thì một nẻo. Nhưng thường lại còn có những cái tệ hơn nữa, nghĩa là những cái vỏ trứng rỗng. Bản thân tác giả cũng không biết rõ những cái ấy nghĩa là gì, và họ tự thỏa mãn với những thứ chưng bày lộn xộn mà chính họ cũng không ưng ý ngay trong ngôn ngữ thông thường.

Khuyết điểm thứ ba của phê bình là sự lạm dụng những dẫn chứng lịch sử và sự

phô trương biết rộng hiểu nhiều. Nghệ thuật quân sự là gì, chúng tôi đã trình bày và chúng tôi sẽ giành những chương riêng để nói lên nhận thức của chúng tôi về những dẫn chứng lịch sử và về lịch sử quân sự nói chung.

Một sự việc, mà người ta mới đụng nhẹ đến khi lướt qua, có thể dùng làm chỗ dựa cho ***những quan điểm rất trái ngược nhau***; ba hoặc bốn những sự việc loại đó mà người ta tìm ở các nước hoặc ở những thời quá khứ xa xôi nhất, thuộc vào những hoàn cảnh khác biệt nhau nhất sẽ làm cho ta đi lạc hướng và lạc cả sự phán đoán mà chẳng giải thích được điều gì. Bởi lẽ, xét cho kỹ thì đó hầu hết thường chỉ là một mớ lộn xộn; cốt để khoe sự hiểu biết lung tung của tác giả.

Cuộc sống thực tế có thể rút ra được bài học gì trong những quan điểm tối mò, chỉ đúng có một nửa, lại lộn xộn và độc đoán ấy? Quả thật là chúng không giúp ích được gì mấy cho cuộc sống,**[49]** vì lý thuyết, từ khi ra đời, đã luôn luôn là một phản đề của thực hành và luôn luôn là trò cười đối với những người mà không ai có thể nghi ngờ gì được về các thành tích ở chiến trường của họ.

Điều đó không bao giờ có thể xảy ra được nếu lý thuyết cố gắng xây dựng cái gì có thể xây dựng bằng ngôn ngữ đơn giản, nhận định một cách tự nhiên những sự vật cấu thành sự chỉ đạo chiến tranh; nếu, lý thuyết cố gắng tránh sự tự phụ giả tạo bằng việc phô trương những công thức khoa học, những đối chiếu lịch sử một cách lố bịch, và nếu lý thuyết cứ ở trong lĩnh vực của mình, tay trong tay cùng tiến với những người có trách nhiệm ở chiến trường để điều khiển mọi công việc với vốn liếng của chính trí tuệ của mình.

Chương 6. BÀN VỀ NHỮNG DẪN CHỨNG

Những dẫn chứng lịch sử làm sáng tỏ tất cả; hơn nữa nó có khả năng giải thích tốt nhất về khoa học thực nghiệm. Điều này được nghiệm trong nghệ thuật chiến tranh hơn là trong các lĩnh vực khác.

Tướng Scharnhorst,**[50]** người đã viết những bút ký nổi tiếng về chiến tranh, đã nói: Dẫn chứng lịch sử là yếu tố quan trọng nhất để thấu hiểu khoa học quân sự, và chính ông đã sử dụng rất tài tình các dẫn chứng lịch sử. Nếu ông không ngã xuống trong chiến tranh, chắc ông sẽ cho ta bằng chứng đẹp nhất về óc quan sát và phương pháp đi sâu mà ông đã dùng để rút ra bài học của kinh nghiệm ấy.

Nhưng ta thấy rất hiếm các nhà lý luận vận dụng những dẫn chứng lịch sử theo kiểu ấy. Phương pháp mà họ sử dụng hầu như không những thỏa mãn được trí tuệ, mà lại còn như thóa mạ nó. Do đấy, chúng tôi thấy dành hẳn một chương để đặc biệt phân tích về việc sử dụng đúng đắn hay lạm dụng những dẫn chứng có lẽ cũng là việc có ích.

Những kiến thức làm nền tảng cho nghệ thuật chiến tranh chắc chắn là thuộc về khoa học thực nghiệm, vì tuy những kiến thức đó phần nhiều bắt nguồn từ bản chất của sự việc, nhưng thường thường chúng ta lại phải trải qua kinh nghiệm mới biết được bản chất ấy; hơn nữa biết bao nhiêu hoàn cảnh đặc biệt đã xảy ra khiến cho sự ứng dụng thực tiễn phải sửa đổi, thực tiễn đã làm cho ta không bao giờ hiểu được hoàn toàn những kết quả nếu chỉ nhờ có bản chất độc nhất của biện pháp mà thôi.

Chỉ có kinh nghiệm mới đem lại cho chúng ta sự hiểu biết về hiệu quả của thuốc súng – nhân tố lớn lao – trong hoạt động quân sự của chúng ta, và hiện giờ người ta vẫn tiếp tục thí nghiệm để khảo sát thêm nữa hiệu quả đó. Một quả đạn sắt tròn do thuốc nổ bắn đi với tốc độ 1.000 độ**[51] (324m)** một giây sẽ quét sạch mọi sinh vật trên đường đi của nó, điều đó dễ thấy, không cần dựa vào kinh nghiệm. Thế nhưng, kết quả ấy lại do hàng trăm hoàn cảnh thứ yếu xác định, một số hoàn cảnh lại chỉ có qua kinh nghiệm mới biết. Hơn nữa, cái làm cho ta quan tâm chính là ảnh hưởng tinh thần, chứ không phải chỉ có ảnh hưởng vật chất. Còn muốn biết và đánh giá ảnh hưởng tinh thần một cách đúng đắn thì không có cách nào khác ngoài ***kinh nghiệm***. Thời trung cổ, khi người ta mới phát sinh ra súng, vì cách chế tạo chưa hoàn chỉnh nên ảnh hưởng vật chất ít hơn ngày nay, nhưng ảnh hưởng tinh thần lúc ấy lại hơn ngày nay rất nhiều. Phải tận mắt nhìn thấy các khối binh lính do Bonaparte huấn luyện và chỉ huy nhằm đi chinh phục, kiên trì chịu đựng những đợt pháo hỏa dữ dội và dai dẳng, ta mới có được ý niệm rõ về cái mà những đạo quân được tôi luyện trong thử thách lâu dài với nguy hiểm có thể đưa lại. Phải tận mắt nhìn thấy như vậy, ta mới hiểu rằng việc đạt được rất nhiều chiến thắng đã đưa đến cái quy tắc cao quý này: Phải đòi hỏi ở bản thân mình những hy sinh ngày càng lớn. Chỉ có trí tưởng tượng thôi thì không thể quan niệm được điều đó. Mặt khác, người ta biết rất rõ rằng trong một số quân đội châu Âu ngày nay còn có những toán quân Tartars, Cossacks,

Croats chỉ mới nghe thấy tiếng đại bác là đã tan vỡ, tán loạn. Nhưng không một khoa học thực nghiệm nào và vì vậy, không có một lý thuyết về nghệ thuật chiến tranh nào, lại luôn luôn có thể chứng minh chân lý của mình bằng những dẫn chứng lịch sử. Điều đó không thể thực hiện được, phần vì phải đưa ra quá nhiều dẫn chứng, phần vì khó có thể đối với mỗi hiện tượng lại viện ra một dẫn chứng phù hợp. Trong chiến tranh, nếu thấy một biện pháp nào dùng có kết quả là người ta sẽ dùng nhau, người nọ bắt chước người kia và trở thành một cái "mốt". Biện pháp ấy sẽ bước vào cuộc sống thông dụng, được kinh nghiệm hỗ trợ và có ngay chỗ đứng trong lý thuyết, rồi lý thuyết lại thường viện đến kinh nghiệm để chỉ ra nguồn gốc của nó, chứ không phải để chứng minh tính chính xác của nó.

Sự việc sẽ khác hẳn nếu ta dựa vào kinh nghiệm để phá bỏ một thông tục, để xây dựng nên một biện pháp đang còn nghiên cứu hay để đưa ra một cái mới, lúc ấy phải vận dụng dẫn chứng lịch sử làm bằng cứ.

Nhưng, khi xem xét kỹ cách sử dụng một dẫn chứng lịch sử, ta có thể dễ dàng thấy ngay bốn quan điểm khác nhau.

Trước hết, người ta có thể dùng nó như một lời ***giải thích*** giản đơn cho một ý kiến. Vì rằng, trong mọi lập luận trừu tượng, người ta có thể dễ bị hiểu lầm, hoặc tệ hơn nữa, không ai hiểu gì được cả.

Muốn phòng ngừa điều bất tiện đó, tác giả dùng một dẫn chứng lịch sử để soi sáng ý kiến của mình và để đảm bảo cho người đọc có thể hiểu được mình.

Hai là, họ có thể chú giải ***sự ứng dụng của ý kiến*** nói trên, vì một dẫn chứng tạo ra thời cơ để dựa vào những tình huống nhỏ nhặt mà ý kiến chính không thể bao trùm được; đó chính là chỗ khác nhau giữa lý thuyết và kinh nghiệm. Hai trường hợp trên là những dẫn chứng chính cống; hai trường hợp sau đây là thuộc vào phạm trù của những bằng chứng lịch sử.

Vì, ba là người ta có thể dựa vào một sự kiện lịch sử để xác nhận điều người ta nói. Ở mọi trường hợp mà người ta muốn trình bày ***khả năng*** độc nhất của một hiện tượng hay một hậu quả thì chỉ như thế là đủ.

Sau cùng, sự trình bày tỉ mỉ một biến cố lịch sử và sự ghép liền nhiều biến cố có thể dùng làm nòng cốt cho một lý thuyết, lý thuyết ấy tìm thấy sự chứng minh trong dẫn chứng được nêu ra.

Trong trường hợp thứ nhất, thường chỉ cần nói lướt qua một sự việc được soi sáng từ một khía cạnh nào đó. Có thể là chính bản thân sự thật lịch sử cũng không quan trọng, một dẫn chứng tự đặt ra lại cũng có thể có tác dụng như vậy. Nhưng dẫn chứng lịch sử bao giờ cũng có thuận lợi hơn vì thực tế hơn, vì nó làm cho ý kiến mà nó cần chứng minh thâm nhập vào cuộc sống thực tiễn.

Cách dùng thứ hai cho phép trình bày rõ hoàn cảnh chi tiết của những biến cố; nhưng lúc đó sự chính xác thành ra phụ thuộc, về vấn đề này, chúng tôi lặp lại những gì mà chúng tôi đã nói ở trường hợp thứ nhất.

Trong cách dùng thứ ba, chỉ cần đơn giản nêu lên một việc không ai ngờ vực được cũng là đủ. Khi người ta tuyên bố là trong những điều kiện nào đó, những vị trí

phòng thủ vững chắc có thể đạt được mục đích của họ thì chỉ cần nhắc đến Bunzelwitz để làm chỗ dựa cho lời khẳng định này. Nhưng nếu việc trình bày một trường hợp lịch sử dùng để chứng minh cho một vài sự thật có tính chất chung thì trường hợp đó phải được phát triển đúng và tỉ mỉ về mọi điểm liên quan đến điều khẳng định, có thể nói nó phải được dựng lại dưới con mắt của độc giả. Càng không làm được như đã nói trên, dẫn chứng càng yếu, thì lại càng phải tăng cường sức chứng minh của trường hợp cá biệt bằng số lượng của những trường hợp được nêu ra, vì người ta giả thiết rất có lý rằng những chi tiết của tình huống mà ta không thể kể ra hết sẽ được thay thế về mặt kết quả của chúng bởi số lượng những trường hợp được nêu.

Khi người ta muốn chứng minh bằng kinh nghiệm rằng: Xếp kỵ binh ở phía sau bộ binh tốt hơn là xếp ở bên sườn bộ binh, rằng quả là hết sức nguy hiểm khi thiếu một ưu thế về số lượng quyết định để tiến hành trên chiến trường hay trên trận địa (tức là có tính chất chiến lược hay chiến thuật) một cuộc vận động bao vây với trung đội riêng rẽ, thì, ở trường hợp thứ nhất, nêu ra vài trận thất bại trong đó kỵ binh được xếp ở bên sườn và vài trận thành công mà kỵ binh được xếp ở phía sau bộ binh cũng chưa đủ, và trong trường hợp thứ hai, nhắc lại những trận ở Rivoli**[52]** hoặc ở Wagram,**[53]** những trận thâm nhập của quân Áo vào chiến trường nước Ý năm 1796 hay quân Pháp vào chiến trường nước Đức cùng năm ấy cũng chưa đủ. Phương pháp, mà những hình thức bố trí và tổ chức tiến công kể trên đã dùng và chủ yếu góp phần gây ra kết quả bất lợi cho các trường hợp riêng biệt, phải được chứng minh bằng cách thuật lại một cách chính xác mọi tình huống và mọi sự kiện lẻ loi. Như vậy, người ta sẽ thấy các hình thức đó tai hại ***đến chừng nào***; đó là điều cần được xác nhận, vì một sự buộc tội chung chung thì bất cứ trường hợp nào cũng không phù hợp với chân lý.

Chúng ta đã thừa nhận rằng: Sự thiếu sức mạnh chứng minh, do không thể trình bày được rõ ràng, tỉ mỉ một sự việc, có thể được bù đắp bằng số lượng những dẫn chứng; đó là một cách gỡ bí rất nguy hiểm mà người ta thường hay lạm dụng. Đáng lẽ chỉ cần một dẫn chứng được phê phán phân tích kỹ lưỡng thì người ta lại nói ***lớt phớt*** tới ba hoặc bốn dẫn chứng, điều đó chỉ nhằm gây ra ***ảo tưởng*** là có chứng cớ chắc chắn. Nhưng có những vấn đề được nêu ra đến hàng tá chứng cớ mà cũng vẫn chẳng chứng minh được điều gì; đó là những vấn đề ta luôn luôn gặp, và ở đấy ta cũng có thể viện ra hàng tá trường hợp mà kết quả ngược lại cũng chứng minh được luận điểm đối lập với những luận điểm của họ. Nếu có người nào kể ra đến một tá trường hợp thất bại vì tổ chức tiến công bằng các tung đội riêng rẽ, chúng tôi sẽ có ý kiến đối lập mà bằng cách nêu ra một tá trường hợp thành công mà người ta cũng áp dụng đội hình dàn quân như thế. Rõ ràng, theo cách ấy người ta chẳng đi đến kết quả gì.

Khi suy nghĩ kỹ về những điều kiện khác nhau kể trên, người ta sẽ dễ dàng thấy là mình đã lạm dụng quá bừa bãi những dẫn chứng.

Một biến cố không được diễn tả lại với đầy đủ mọi khía cạnh của nó mà chỉ được nêu ra một cách qua loa thật chẳng khác gì một vật thể ta nhìn thấy ở quá xa; mọi góc

cạnh của nó đều hiện ra như là một, do đó người ta không phân biệt được kết cấu của từng bộ phận. Trong thực tế, những loại dẫn chứng như vậy đều đã được dùng làm nòng cốt cho các ý kiến hết sức chống đối nhau. Theo người này thì những trận đánh của Daun **[54]** là mẫu mực về sự khôn ngoan và tính thận trọng. Theo người khác thì đó lại là thí dụ về sự rụt rè và do dự. Năm 1797, cuộc vượt núi Norican Alps của Bonaparte có thể coi như một quyết tâm tuyệt vời, nhưng cũng có thể coi như một hành động ngông cuồng thật sự. Cuộc thảm bại chiến lược của ông ta năm 1812 có thể coi như hậu quả của một nghị lực quá tràn trề mà cũng có thể coi như hậu quả của sự thiếu nghị lực. Tất cả những nhận định ấy ra đời và người ta hiểu rất rõ chúng ra đời như thế nào, vì mỗi người có một cách quan niệm của mình về mối liên hệ giữa các sự vật. Những ký kiến đối lập nhau như vậy không thể cùng nhau thỏa hiệp, dung hòa; một trong hai ý kiến dứt khoát phải là ý kiến sai lầm.

Chúng ta rất biết ơn hầu ước Feuquières**[55]** xuất sắc vì những dẫn chứng trong cuốn ***Hồi ký*** của ông đã để lại cho chúng ta nhiều chất liệu lịch sử đáng lẽ có thể bị mai một đi, vì ông là người đầu tiên đã cố gắng làm cho những ý niệm lý thuyết, nghĩa là những ý niệm trừu tượng, xích lại gần với đời sống thực tiễn một cách hữu ích. Những dẫn chứng của ông đã nêu ra phải được coi như là những sự giải thích và những định nghĩa rõ rệt hơn cho sự khẳng định của lý thuyết. Song, mặc dầu như vậy, người ta vẫn khó công nhận được rằng: Đối với độc giả vô tư, ông đã đạt mục đích là muốn dựng lên những chân lý có tính lý thuyết bằng các dẫn chứng lịch sử. Vì tuy ông đã diễn tả lại những biến cố một cách rất tỉ mỉ, nhưng tiếc rằng những suy luận mà ông rút ra từ đó còn xa lắm mới toát lên được từ những mối liên hệ bên trong của các sự việc.

Chỉ đơn thuần nêu lại những biến cố lịch sử còn có một điều bất lợi khác là, một phần độc giả không biết hoặc không nhớ rõ những biến cố ấy để có thể nắm được ý định của tác giả đến nỗi họ chỉ còn cách nhắm mắt tin vào những điều khẳng định của tác giả hoặc không tin gì cả.

Thật vậy, khó có thể dựng lại hoặc cho diễn lại những biến cố lịch sử trước mắt độc giả để họ có thể dùng biến cố đó làm bằng chứng. Vì các nhà văn vẫn thường thiếu phương tiện, thiếu cả thời gian và không gian cần thiết. Nhưng chúng tôi vẫn cho rằng khi kiến lập một nhận định mới hoặc không chắc chắn thì chỉ có một biến cố được phân tích tỉ mỉ cũng có tính giáo dục tốt hơn mười dẫn chứng được kể lại một cách qua loa đại khái. Cái nguy hại nhất của những sự kể lại nông cạn ấy không phải là tại tác giả đã có kỳ vọng không đúng chỗ muốn dùng chúng làm chứng cớ cho sự giải thích của mình, mà là tại họ không bao giờ có sự hiểu biết sâu sắc về những biến cố ấy và cách nghiên cứu lịch sử hời hợt, nông cạn sẽ đẻ ra hàng trăm nhận thức sai lầm và các cấu trúc lý thuyết sẽ không bao giờ ra đời được nếu người viết cho rằng bổn phận mình là luận ra một lý thuyết mới mà họ muốn chứng minh bằng lịch sử, những mối liên hệ hoàn toàn tự nhiên của các biến cố.

Khi ta đã nhận thấy những khó khăn khi sử dụng dẫn chứng lịch sử cũng như tính không khoan nhượng cần phải có, ta sẽ nhận thấy lịch sử các cuộc chiến tranh gần

đây luôn luôn là những bảo đảm tốt nhất để cho ta lựa chọn những dẫn chứng ấy, với điều kiện là chúng phải được suy nghĩ, nghiền ngẫm kỹ.

Không phải chỉ những thời kỳ xa xôi nhất, có nhiều điều kiện khác biệt (tức là một phương thức chỉ đạo chiến tranh khác) mới bao gồm những biến cố ít có tính giáo dục về phương diện lý thuyết và thực hành. Rất tự nhiên là trong lịch sử quân sự hoặc trong lịch sử các lĩnh vực khác, cũng có vô vàn những nét và những chi tiết phụ đã xuất hiện trong lịch sử từ lúc ban đầu song đã mờ dần với thời gian, làm cho lịch sử phai màu và thiếu sinh khí, hệt như một bức họa đã bị bạc màu và xỉn đi, ngẫu nhiên còn giữ lại được những mảng màu, những đường viền lớn theo những tỷ lệ quá đáng.

Nhận định tình hình hiện tại về sự chỉ đạo chiến tranh, chúng tôi thấy chính là những cuộc chiến tranh trước Chiến tranh Kế vị ở nước Áo đã có những nét giống những cuộc chiến tranh ngày nay, ít ra là về mặt vũ khí, và tuy đã có những sự thay đổi hoặc lớn hoặc nhỏ, chúng vẫn còn khá gần gũi với các cuộc chiến tranh hiện tại và người ta có thể rút ở đó ra được nhiều điều bổ ích để học tập. Chiến tranh Kế vị ở Tây Ban Nha thì lại khác, thời ấy súng còn chưa phát triển và kỵ binh vẫn là vũ khí quan trọng nhất. Càng lùi lại quá khứ bao nhiêu, lịch sử chiến tranh lại càng thành ra vô dụng, càng nghèo nàn và bấp bênh bấy nhiêu. Lịch sử vô dụng nhất và bấp bênh nhất, chắc chắn là lịch sử cổ đại.

Tuy nhiên, tính vô dụng đó không phải là tuyệt đối, nó chỉ thích hợp với các sự vật dính líu đến sự hiểu biết chính xác về những hoàn cảnh hoặc những chi tiết của việc chỉ đạo chiến tranh nay đã thay hình đổi dạng rồi. Chúng ta biết rất ít về diễn biến những trận tiến công của quân Thụy Sĩ và quân Áo, quân Burgundians và quân Pháp. Những trận đó lần đầu tiên đã làm nổi bật lên một cách chắc chắn, không thể lầm lẫn được rằng: Một đơn vị bộ binh giỏi thì trội hơn hẳn một đơn vị kỵ binh tinh nhuệ.

Liếc nhìn qua thời kỳ của bọn lính đánh thuê (condottieri), ta có thể thấy là mọi phương thức chỉ đạo chiến tranh đều phụ thuộc vào công cụ mà người ta sử dụng, vì không có thời kỳ lịch sử nào mà các lực lượng vũ trang lại có một tính chất tự trị như thế, không bao giờ nó lại được độc lập như thế trong đời sống xã hội và chính trị. Trong cuộc Chiến tranh Punic**[56]** lần thứ hai giữa La Mã và Carthage, cách đánh lạ lùng mà La Mã dùng để đánh Carthage ở Tây Ban Nha và châu Phi (trong lúc ở Ý, Hannibal**[57]** vẫn chưa thất bại) có thể là đề tài của một công trình nghiên cứu rất bổ ích vì những quan hệ bình thường giữa các nhà nước và các đạo quân tổ chức ra cuộc kháng chiến gián tiếp ấy đã được người ta biết khá đầy đủ.

Nhưng càng đi sâu vào chi tiết bao nhiêu trong khi xa rời những nét tổng quát lớn, người ta thường càng ít có thể dùng được những dẫn chứng và những kinh nghiệm của những thời kỳ xa xôi bấy nhiêu, vì chúng ta khó có thể đánh giá một cách đúng đắn những biến cố giống nhau ấy cũng như sử dụng chúng với những phương tiện hoàn toàn khác.

Nhưng điều không may là nhiều nhà viết sử đã luôn luôn có chiều hướng gợi lại

những biến cố thời Cổ đại. Chúng ta không cần tìm tòi ở đây khía cạnh của sự khoe khoang và của những thủ đoạn lừa gạt, trong nhiều khi người ta băn khoăn về sự thiếu ý định thật thà, thiếu một ý muốn quyết tâm đi sâu vào thuyết phục, đến nỗi những hàm ý ấy chỉ có thể xuất hiện như những nét tô điểm dùng để che đậy cho những thiếu sót và sai lầm.

Việc giảng dạy nghệ thuật chiến tranh chỉ bằng các dẫn chứng lịch sử như hầu tước Feuquières đã tự đề ra thật đáng khen ngợi. Nhưng ít ra người ta cũng phải dành cả một cuộc đời để làm việc ấy, vì muốn làm như vậy thì người ta phải khởi dầu bằng cách tích lũy lâu dài những kinh nghiệm quân sự.

Người nào, tuân theo một sự thúc đẩy bên trong, khi bắt tay làm việc này, phải sửa soạn cho công trình cao quý ấy như chuẩn bị cho một chuyến đi hành hương dài ngày. Họ không được lùi bước trước sự hy sinh thì giờ, không nản chí trước bất kỳ khó khăn nào, không khuất phục trước bất kỳ uy lực nào, trước bất kỳ một quyền lực thế tục nào và vượt qua mọi sự khoe khoang cá nhân cũng như sự rụt rè giả tạo để nói lên, như kiểu nói của bộ luật nước Pháp: ***sự thật, chỉ có sự thật, tất cả sự thật.***`

TẬP III. BÀN VỀ CHIẾN LƯỢC NÓI CHUNG

Chương 1. CHIẾN LƯỢC

Khái niệm về chiến lược đã được định nghĩ trong chương 2, tập II. Chiến lược là sử dụng giao chiến để đạt mục đích chiến tranh. Nói cho đúng, chiến lược chỉ nói đến giao chiến, nhưng lý thuyết về chiến lược phải bao hàm yếu tố quyết định loại hoạt động đặc biệt này, tức là bản thân các lực lượng vũ trang và các mối liên hệ chính của nó; chính giao chiến là do lực lượng vũ trang quyết định, và ảnh hưởng trực tiếp và tức thời đến lực lượng vũ trang. Kết quả có thể của nó sẽ ra sao, những lực lượng tinh thần và trí tuệ quan trọng nhất mà nó huy động được sẽ ra thế nào, phải nghiên cứu giao chiến dưới những góc độ của nó.

Chiến lược là sử dụng giao chiến để đạt mục đích chiến tranh. Nó phải quy định cho toàn bộ hành vi chiến tranh một mục đích phù hợp với đối tượng chiến tranh. Nghĩa là nó vạch ra kế hoạch chiến tranh và quy định hàng loạt hành động để đạt mục đích nói trên. Nó vạch ra các kế hoạch chiến dịch khác nhau và tổ chức các trận giao chiến trong chiến dịch. Vì tất cả các quyết định ấy phần lớn chỉ dựa vào các giả định (các giả định này có khi nào cũng được thực hiện), vì rất nhiều sự bố trí chi tiết khác không thể đề ra trước được nên chiến lược phải theo quân đội ra chiến trường để bố trí tại chỗ các chi tiết và tiến hành những sự điều chỉnh chung, đấy là điều luôn luôn cần thiết. Như vậy, chiến lược không lúc nào được tách rời với hành động quân sự. Nhưng quan niệm này không phải khi nào cũng chiếm ưu thế, vì xưa kia người ta có thói quen ngồi trong phòng chứ không đến gần quân đội để giải quyết các vấn đề chiến lược. Người ta cũng có thể làm như thế với điều kiện là phòng làm việc ở gần quân đội đến nỗi có thể coi đó là đại bản doanh của quân đội.

Như vậy, lý thuyết phải bám sát chiến lược lúc vạch kế hoạch nói trên, hay nói đúng hơn, nó soi sáng bản chất các sự kiện và các mối quan hệ giữa chúng với nhau, nhấn mạnh một số nguyên tắc và quy tắc rút ra từ các sự kiện và các mối quan hệ ấy.

Nếu người ta còn nhớ những điều chúng tôi nói trong chương đầu**[58]** về số lượng các vấn đề quan trọng bậc nhất liên quan đến chiến tranh thì người ta mới hiểu được rằng: Cần một bộ có có tầm rộng lớn hiếm có mới nhìn bao quát được tất cả các vấn đề ấy.

Một hoàng thân hoặc một vị tướng muốn chứng tỏ ra có thiên tài thì tốt nhất là biết tổ chức cuộc chiến tranh của mình thế nào cho phù hợp với các phương tiện và mục đích của mình, không thái quá mà cũng không bất cập. Song, những kết quả của thiên tài không phải biểu hiện nhiều nhất ở các hình thái hoạt động mới sáng tạo hoặc nổi bật, mà chính là ở kết quả tốt đẹp của toàn bộ. Đó là sự nghiệm đúng các giả định mặc nhiên, đó là sự hài hòa thầm lặng của toàn bộ phong cách hoạt động mà chúng ta muốn ca ngợi và chỉ biểu hiện trong kết quả tổng quát.

Nhà viết sử không biết khám phá sự hài hòa này từ kết quả tổng quát thì thường chỉ tìm thiên tài ở chỗ nó không có và không thể có được.

Vì chiến lược sử dụng các hình thái và phương tiện rất đơn giản, rất quen thuộc

trước con mắt của lương tri bình thường nên sự phê bình sẽ trở thành lố bịch nếu như trịnh trọng thổi phồng nó lên một quá đáng. Một cuộc vận động bao vây đã lặp đi lặp lại nghìn lần có khi được ca tụng như một nét hiếm có của thiên tài, có khi được coi như một sự sáng suốt sâu sắc, hơn nữa có khi lại được coi là một sự uyên bác. Trong giới văn chương, có ai có thể tưởng tượng ra điều gì ngu ngốc kinh khủng hơn không? Điều lố bịch hơn cả là: Cùng đồng tình với dư luận tầm thường nhất, kiểu phê bình trên loại trừ ra khỏi lý thuyết tất cả các dữ kiện tinh thần, và chỉ muốn thừa nhận các lực lượng vật chất; đến nỗi tất cả mọi vấn đề chỉ còn tóm lại trong một vài tỷ lệ toán học về cân bằng và ưu thế, về thời gian và không gian, về góc độ và đường thẳng. Nếu quả thật như vậy thì một điều vụn vặt kiểu đó không đủ để cho một cậu học trò làm một bài tập khoa học.

Chúng ta đừng lầm lẫn: Ở đây không phải là vấn đề công thức và đề tài khoa học. Trên thực tế, các quan hệ vật chất thường rất đơn giản. Khó hơn là hiểu cho được vai trò của các lực lượng tinh thần.

Nhưng kể cả trong các lực lượng này, những điều phức tạp nhiều màu nhiều vẻ của các đại lượng và các dữ kiện tinh thần thường chỉ có trong những môi trường siêu việt của chiến lược: Ở đó nó tiến sát, hay nói đúng hơn nó trùng khít với chính trị và nền cai trị của quốc gia, và như chúng tôi đã nói, ở đó nó đề cập đến các vấn đề thêm hoặc bớt hơn là các hình thái thực hiện. Khi các hình thái này chiếm ưu thế, như trong các hành động lớn nhỏ khác nhau của chiến tranh, số lượng các dữ kiện tinh thần chỉ còn lại khá ít.

Như vậy, trong chiến lược mọi việc đều rất đơn giản nhưng như thế không có nghĩa là mọi việc đều rất dễ dàng.

Một khi các điều kiện của quốc gia cho phép ta xác định là chiến tranh phải và có thể dẫn đến đâu thì ta có thể tìm ra đường lối và biện pháp một cách dễ dàng. Nhưng việc kiên trì theo đuổi con đường đã định, việc thực hiện kế hoạch đã vạch mà không sao nhãng một phút nào (tuy có hàng nghìn cơ hội để sao nhãng) đòi hỏi ta phải có nghị lực, sáng suốt và kiên định về mặt tinh thần. Trong hàng nghìn nhân vật lỗi lạc, người thì lỗi lạc vì thông minh, người vì sáng suốt, người khác lại vì tinh thần dũng cảm và nghị lực, có thể không có người nào có đủ tất cả các đức tính cần thiết để nâng họ lên cao hơn tầm trung bình trong sự nghiệp của một vị tướng.

Điều đó quả có vẻ dị kỳ, nhưng đối với ai hiểu biết chiến tranh về phương diện ấy đều thấy rõ rằng một quyết định chiến lược quan trọng thường đòi hỏi nhiều nghị lực hơn là một quyết định chiến thuật.

Trong chiến thuật có những việc tức thời lôi cuốn, người chỉ huy cảm thấy mình bị kéo theo một dòng nước chảy mạnh, cưỡng lại là gặp nguy hiểm lớn. Ông ta phải đẩy lùi những mối hồ nghi chớm nở và anh dũng tiến lên phía trước. Trong chiến lược, mọi việc đều diễn ra chậm chạp hơn; nó dành nhiều chỗ trống cho những mối hồ nghi từ người khác hoặc từ bản thân mình đưa đến, cho những lời phê phán hoặc nhận xét, và vì vậy những điều tiếc rẻ đáng ghét cũng không phải là ít. Trong chiến thuật, người ta mắt thấy tai nghe được một nửa sự kiện, còn trong chiến lược, mọi

việc đều phải dự đoán và giả thiết, do đó việc tin tưởng cũng không vững chắc bằng. Cũng vì vậy nên khi phải hành động thì phần lớn các vị tướng lại thường bị sa lầy trong sự rụt rè, e ngại.

Chúng ta hãy nhìn qua lịch sử, nhìn vào chiến dịch năm 1760 của Frederick Đại đế: Theo các nhà bình luận, chiên dịch này nổi tiếng vì những cuộc điều động và những cuộc hành quân tuyệt vời, những kiệt tác thật sự của nghệ thuật chiến lược. Nhà vua muốn chuyển quân của Daun về phía sườn phải, rồi về phía sườn trái, rồi lại về phía sườn phải, v.v. Điều đó có gì có thể làm cho ta phục sát đất? Có phải đó là dấu hiệu của một sự khôn ngoan rất mực không? Không phải thế, để nhận xét một cách lành mạnh và không kiểu cách, chúng tôi không tán thành thái độ như vậy. Trái lại, chúng ta hãy nên khen ngợi nhà vua vì ngài đã theo đuổi một mục đích lớn với những phương tiện ít ỏi mà lại không lao theo cái gì quá sức; ngài chỉ làm ***điều gì đáng làm*** để đạt mục đích. Tài ba của ngài không phải chỉ biểu hiện trong chiến dịch này mà còn cả trong ba cuộc chiến tranh mà vị vua vĩ đại đã tiến hành trước đó.

Giữ lấy Silesia nhờ đó là một nền hòa bình được bảo đảm: Đó là mục tiêu của ngài.

Cầm đầu một quốc gia nhỏ, giống như các quốc gia khác về hầu hết mọi phương diện, chỉ khác trong một vài ngành cai trị, ngài không thể trở thành Aleksandr được và nếu ngài theo gương Charles XII thì có lẽ ngài cũng đã mất đầu như ông này. Người ta thấy tỏng sự chỉ đạo chiến tranh của ngài cái nghị lực luôn luôn đúng mức, luôn luôn cân đối, không bao giờ thiếu vững mạnh và ở những lúc khủng hoảng, ngài tiến hành được những biện pháp diệu kỳ, rồi sau đó lại trở lại trạng thái bình thường ngay để thích nghi với mọi vận động nhỏ nhặt nhất của các biến cố chính trị. Tính kiêu căng, lòng tham vọng cũng như lòng căm thù không làm cho ngài đi chệch con đường này và chính vì vậy mà thắng lợi được đảm bảo.

Mấy dòng trên đây còn xa lắm mới xứng đáng với sự vĩ đại của vị tướng quân ấy! Lúc nghiên cứu kết quả diệu kỳ của chiến dịch này, lúc tìm nguyên nhân của thắng lợi, người ta không thể không nghĩ rằng: Chỉ có sự sáng suốt của nhà vua mới giúp ngài vượt qua được mọi thác ghềnh để đi đến kết quả cuối cùng.

Trên đây là một mặt của vị tướng quân vĩ đại mà chúng ta khâm phục trong chiến dịch 1760 cũng như trong những chiến dịch khác, nhưng nhất là trong chiến dịch này vì không đâu bằng ở đây, ngài phải đương đầu với một cường quốc thù địch lớn hơn là lại ít tốn phí đến như thế.

Mặt khác là khó khăn trong khi thực hiện. Những cuộc hành quân nhằm vu hồi qua sườn phải hoặc sườn trái không khó vạch ra lắm; ý kiến nhằm giữ cho đạo quân của mình luôn luôn kiên cố để đối phó với kẻ địch phân tán, nhân lực lượng lên nhiều lần bằng cách cuộc vận động thần tốc là không khó lắm trong khi quan niệm cũng như trong khi thể hiện. Vì vậy, sự sáng tạo này không có gì làm cho ta phải khâm phục và tất cả những điều mà người ta có thể nói về những vấn đề quá giản dị này là: Nó thật là giản dị.

Nhưng, một vị tướng nào đó hãy thử bắt chước Frederick Đại đế về mặt này

xem? Mãi về sau, nhiều nhà sử học được chứng kiến chiến dịch, đã nói đến sự nguy hiểm của cách dồn trại của nhà vua (họ cũng đã nói đến sự thiếu thận trọng của việc bố trí các đồn trại này) và chắc chắn rằng, lúc nhà vua lập đồn trại thì nguy hiểm còn nhiều gấp ba lần! Những cuộc hành quân dưới con mắt địch, có lúc dưới tầm đại bác của địch cũng vậy. Nếu Frederick Đại đế vẫn cứ thành lập đồn trại và tiến hành các cuộc hành quân như vậy, chính vì ngài đã thấy trong biện pháp, trong cách tổ chức, trong tinh thần trách nhiệm, trong tính tình của Đao những đảm bảo đầy đủ để thấy rằng các công việc nói trên có mạo hiểm nhưng không khờ dại. Nhưng muốn làm được như vậy, muốn không đi chệch hướng và không bị thất vọng vì những điều nguy hiểm mà ba mươi năm sau người ta vẫn còn nói đến, thì cần phải có sự táo bạo, tính quyết đoán và nghị lực của nhà vua.

Ở địa vị của ngài, ít có vị tướng nào lại có thể thấy rằng những biện pháp chiến lược đơn giản ấy lại có thể thực hiện được.

Chúng ta hãy trở lại một khó khăn khác khi thực hiện: Trong chiến dịch này, quân đội nhà vua luôn luôn vận động. Đánh đuổi Daun và bị Lacy**[59]** đuổi đánh trên những con đường rất xấu, quân đội này đã hai lần đi từ Elbe đến Silesia (đầu tháng 7 và đầu tháng 8). Nó luôn luôn phải sẵn sàng chiến đấu và phải hành quân với một nghệ thuật rất điêu luyện: Phải cố gắng rất lớn mới làm được như thế.

Tuy có hàng nghìn cỗ xe nặng nề đi theo, việc tiếp tế vẫn vô cùng bấp bênh. Ở Silesia, trước trận Liegnitz, trong 8 ngày liền, nó phải hành quân đêm, đi đi lại lại trước trận tuyến của quân địch, tất cả những điều đó đòi hỏi rất nhiều hy sinh gian khổ và cố gắng phi thường.

Chiến tranh được tiến hành như thế nhất định sẽ có những cọ xát ghê gớm trong bộ máy. Người chỉ huy không thể quan niệm những cuộc vận động ấy dễ dàng như người đo đạc sử dụng máy ngắm thiên văn.

Muôn vàn đau khổ của các chiến hữu nhịn đói nhịn khát có làm cho các vị tướng và vị tổng chỉ huy nhức nhối trong tim hay không? Phải chăng là họ lạnh lùng trước mọi rên siết và không biết hoài nghi? Một người bình thường có đủ can đảm để đòi hỏi những hy sinh lớn như thế không? Phải chăng những cố gắng như thế rồi sẽ làm cho quân đội mất tinh thần, phá vỡ kỷ luật, tóm lại làm cho mất đạo đức quân sự nếu lòng tin vào tầm rộng lớn và sự sáng suốt vô biên của vị tổng chỉ huy không phải là một lực cân bằng đầy đủ? Đó là những điều làm cho ta phải kính trọng. Thực hiện diệu kỳ như thế càng đáng khâm phục. Nếu bản thân chúng ta chưa thể nghiệm trước thì không thể mường tượng được những điều đó. Đối với những người chỉ biết chiến tranh qua sách vở và các cuộc tập trận, thì tất cả những mặt trái ấy của hành động đều là không có. Chúng tôi khẩn khoản yêu cầu họ tin ở chúng tôi và tin ở những điều mà, vì thiếu kinh nghiệm nên họ không biết.

Nhờ những thí dụ trên, chúng tôi muốn làm cho lập luận của chúng tôi trong sáng hơn và để kết luận chương này, chúng tôi phải vội nói rằng: Trong lúc trình bày về chiến lược, chúng tôi đã mô tả theo cách của chúng tôi những phương diện khác nhau mà chúng tôi cho là quan trọng nhất, dầu nó ở trong phạm trù vật chất hoặc tinh thần.

Chúng tôi đã đi từ đơn giản đến phức tạp để kết thúc bằng hệ thống rường cột của mọi hành vi chiến tranh, nghĩa là kế hoạch chiến tranh hay chiến dịch.

Chỉ riêng việc bố trí những lực lượng vũ trang ở một điểm nào đó cũng làm một cuộc giao chiến có thể xảy ra, nhưng không phải nhất thiết khi nào giao chiến cũng xảy ra. Như vậy, phải chăng ta coi khả năng đó như là một hiện thực, như một sự việc đã xảy ra thật sự? Nhất định phải như vậy. ***Vì các hậu quả, các ảnh hưởng của sự việc ấy dầu sao đi nữa cũng vẫn cứ tác động. Vì hậu quả của nó, những cuộc giao chiến có thể xảy ra phải được coi như là đã thật sự xảy ra.*** Khi một đạo quân được biệt phái đi làm nhiệm vụ cắt đứt đường rút lui của quân địch, và bọn này phải đầu hàng không chống cự, sự đầu hàng đó đó sở dĩ đó được là vì đạo quân biệt phái sẵn sàng giao chiến.

Nếu một phần quân đội của chúng ta làm cho địch mất rất nhiều phương tiện tăng cường lực lượng bằng cách chiếm đóng một vùng đất đai mà địch không phòng ngự nếu địch muốn lấy lại vùng này thì chỉ có cách dùng giao chiến để đe dọa, quân đội của chúng ta mới đảm bảo giữ được vùng đó.

Trong cả hai trường hợp, khả năng xảy ra giao chiến, đã có những hậu quả mà người ta cho vào phạm trù của những sự việc đã xảy ra thật sự. Trong cả hai trường hợp, chúng ta hãy cho rằng kẻ địch đã đem quân ra đánh với chúng ta, nên chưa giao chiến đã phải bỏ mục tiêu. Như vậy là bản thân mục đích của chúng ta không đạt, nhưng cuộc giao chiến mà chúng ta mong địch phải chấp nhận lại không phải không có ảnh hưởng vì địch đã buộc phải bộc lộ lực lượng kể cả những lúc mà toàn bộ hành động của chúng đã đi đến chỗ thất bại, người ta cũng không thể nói: Những việc tỏ rõ thái độ như thế, những ***cuộc giao chiến có thể có ấy***, không gây ảnh hưởng gì cả. Cái ảnh hưởng ấy cũng giống như một cuộc giao chiến thất bại.

Như vậy chứng tỏ rằng: Việc tiêu diệt lực lượng tác chiến của địch và phá hủy sức mạnh của nó chỉ có thể thực hiện được nhờ ảnh hưởng của giao chiến, dù có giao chiến thật sự hoặc chỉ có đe dọa giao chiến mà không được chấp nhận.

Mục tiêu của giao chiến có hai mặt Nhưng bản thân những ảnh hưởng trên cũng có hai mặt: Trực tiếp và gián tiếp. Nó là gián tiếp nếu có những yếu tố khác can thiệp vào và trở thành mục đích của giao chiến; bản thân các yếu tố này không thể coi như sự tiêu diệt lực lượng địch nhưng phải dẫn đến điểm đó, tuy bằng con đường vòng nhưng lại càng rất mạnh mẽ. Việc chiếm được các tỉnh, thành, pháo đài, đường sá, cầu cống, kho tàng có thể coi là mục tiêu trước mắt của giao chiến, nhưng không hề là mục tiêu cuối cùng. Những sự kiện trên phải được xem như những biện pháp nhằm chiếm ưu thế để cuối cùng đạt được những điều kiện giao chiến tốt cho ta đến nỗi địch không thể chấp nhận được. Như vậy, những mục tiêu này phải coi như là những khâu trung giao, giông giống như những sự hướng dẫn đến yếu tố có hiệu lực nhưng không bao giờ nên coi như đó là bản thân các yếu tố ấy.

Dẫn chứng: Năm 1814, lúc thủ đô của Bonaparte bị chiếm đóng, mục đích chiến tranh đã đạt. Những phe phái chính trị có cơ sở ở Paris lại hoạt động, và một lỗ hổng khổng lồ đã làm cho quyền chính của Hoàng đế sụp đổ. Nhưng phải chú ý đến sự

kiện này: Lực lượng tác chiến và sức kháng cự của Bonaparte đột nhiên bị giảm sút đi bao nhiêu thì ưu thế của quân Liên minh vì thế lại được tăng lên bấy nhiêu, do đó sau này quân Pháp không còn khả năng chống cự nữa. Chính việc này là nguyên nhân của nền hòa bình với nước Pháp. Nếu vì những lý do bên ngoài, lực lượng vũ trang của Liên minh cũng bị giảm sút theo tỷ lệ trên, ưu thế của họ cũng tiêu tan và như vậy thì toàn bộ ảnh hưởng, toàn bộ kết quả của việc chiếm được Paris cũng tiêu tan luôn.

Chúng tôi đã lập luận như thế để làm cho cách xem xét độc nhất của các sự vật được nổi bật lên một cách tất yếu, và để chỉ rõ tầm quan trọng của các sự vật từ đâu mà có. Cách xem xét này luôn luôn dẫn ta trở lại vấn đề: Trong mỗi thời gian của chiến tranh và của chiến dịch thì kết quả có thể có của mỗi cuộc giao chiến lớn nhỏ đối với mỗi bên đối địch sẽ là như thế nào? Trong lúc vạch kế hoạch chiến dịch và chiến tranh thì vấn đề đó là vấn đề độc nhất quyết định những biện pháp cần chủ trương.

Vì không theo quan điểm này, nhiều yếu tố khác có một tầm quan trọng mà đáng lẽ chúng không có. Nếu người ta không quen xem xét chiến tranh, và trong chiến tranh, người ta lại không quen xem xét một chiến dịch riêng biệt như trong một bánh xe răng khế gồm có nhiều cuộc giao chiến mà cuộc giao chiến này chỉ huy cuộc giao chiến kia, nếu người ta nghĩ rằng bản thân việc chiếm đóng một số điểm địa lý – thí dụ như chiếm đóng một tỉnh không được bảo vệ – là có một giá trị nào đó, thì người ta cũng sẽ coi việc chiếm đóng ấy là một thắng lợi: Đi qua bỏ vào túi cũng chẳng sợ gì cả. Và nếu người ta xem xét chiến tranh theo kiểu ấy chứ không phải quan niệm rằng chiến tranh là một mắt xích trong một chuỗi dây chuyền sự kiện, người ta sẽ quên tự hỏi xem sự chiếm đóng này có lôi kéo theo những bất lợi nghiêm trọng trong tương lai không. Trong lịch sử quân sự, biết bao lần người ta đã phạm sai lầm ấy! Nói như sau hấp dẫn biết bao nhiêu: Một người đi buôn đã không thể để riêng và giấu kỹ món tiền lãi của một chuyến buôn thì trong chiến tranh cũng vậy, một thắng lợi cũng không thể tách riêng ra khỏi toàn bộ chiến thắng; người đi buôn bao giờ cũng phải kinh doanh với toàn bộ tài sản của mình thì trong chiến tranh chỉ có bản tổng kết cuối cùng mới làm rõ được lãi, lỗ của mỗi một trận đánh.

Nhưng nếu trí óc có thể dự đoán được cả một hệ thống giao chiến đến một mức độ nào đó và chỉ lo đến hệ thống này mà thôi thì trí óc cũng không rời bỏ con đường đã trực tiếp dẫn đến mục đích và vì vậy làm cho lực lượng đang vận động có tốc độ lớn hơn nhiều, nghĩa là có ý chí hơn nhiều: Hành động cũng có nghị lực hơn: Mục tiêu đòi hỏi nghị lực này và gạt bỏ mọi ảnh hưởng từ ngoài đến.

Chương 2. CÁC YẾU TỐ CỦA CHIẾN LƯỢC

Như vậy, trong chiến lược, người ta có thể phân chia cho các nguyên nhân quyết định việc phải sử dụng giao chiến ra từng loại yếu tố có bản chất khác nhau, như: Yếu tố tinh thần, vật lý, toán học, địa lý và thống kê.

Loại đầu tiên có tất cả những yếu tố phụ thuộc vào các đức tính và hiệu quả tinh thần và trí tuệ; loại thứ hai gồm quy mô các lực lượng này và tầm quan trọng tương đối của các binh chủng,.v.v.; loại thứ ba gồm có góc độ của các tuyến tác chiến, các cuộc vận động đồng tâm và ly tâm; bản chất hình học của các loại vận động này càng có một tầm quan trọng nào đó trong cách tính toán của chúng ta thì chúng lại càng thuộc vào loại thứ ba; loại thứ tư: Ảnh hưởng của địa hình, các điểm cao, núi non, sông ngòi, rừng rú và đường sá; loại thứ năm (loại cuối cùng): Các phương tiện tiếp tế,v.v. Ngừng lại một lần để xem xét riêng từng yếu tố ấy cũng không phải là điều không lợi; như vậy, người ta sẽ có một ý niệm rõ ràng hơn là về các yếu tố và lúc lướt qua, người ta có thể đánh giá được các yếu tố nói trên.

Vì nếu ta xem xét các yếu tố riêng rẽ với nhau thì có một số yếu tố tự nhiên sẽ mất đi tầm quan trọng giả tạo của nó; thí dụ; người ta cảm thấy rất rõ ràng giá trị của một căn cứ tác chiến (kể cả lúc người ta chỉ nghĩ đến vị trí của tuyến tác chiến) phụ thuộc ít hơn nhiều (kể cả trong hình thái đơn giản nhất) vào góc hình học giữa các tuyến ấy, nhưng nó lại phụ thuộc rất nhiều vào tính chất đường sá và địa hình chúng đi qua.

Tuy nhiên, muốn nghiên cứu chiến lược bằng các yếu tố ấy lại là việc lỗi thời nhất đời, vì trong phần lớn các hành vi chiến tranh đơn độc, các yếu tố ấy trộn lẫn với nhau rất mật thiết bằng vô số cách khác nhau. Người ta sẽ ngập sâu trong các cuộc phân tích vô bổ và như trong một cơn ác mộng, người ta phải cố gắng hết hơi hết sức giương một cánh cung, để từ căn cứ trừu tượng đi đến những sự kiện của đời sống thực tế. Trời hãy phù hộ ta, đừng bắt ta làm những công việc như vậy! Chúng tôi chỉ đi vào thế giới những hiện tượng phức tạp và không để cho sự phân tích vượt quá xa những yêu cầu tất yếu của các ý kiến được trình bày; những ý kiến này không phải đưa ra để thỏa mãn những tìm tòi triết lý đơn thuần, nhưng vì chiến tranh là một hiện tượng tổng quát nên không thể không có những ý kiến ấy.

Chương 3. ĐẠI LƯỢNG TINH THẦN

Chúng tôi phải trở lại đề tài này tuy nó đã được gợi lên trong chương 3 của tập II,**[60]** vì yếu tố tinh thần là một trong những yếu tố quan trọng nhất của chiến tranh. Chính tinh thần thấm nhuần vào toàn bộ cuộc chiến tranh. Chính tinh thần bắt ý chí vận động và hướng dẫn toàn bộ lực lượng; tinh thần và lực lượng là một, vì chính ý chí cũng là một đại lượng tinh thần. Khốn một nỗi, chỉ hiểu biết sách vở thôi thì không phân tích được tinh thần vì không thể đo đếm và xếp loại tinh thần được; nó đòi hỏi người ta phải quan sát, phải cảm thấy nó.

Tinh thần, cũng như mọi đức tính của một quân đội, của một vị tướng, của các chính phủ, cũng như trạng thái tinh thần của dân chúng tham gia chiến tranh, cũng như ảnh hưởng tinh thần của thắng lợi hoặc của thất bại, là những nhân tố có bản chất khác nhau; đối với mục đích và vị trí của chúng ta, nó cũng có thể có những ảnh hưởng khác nhau.

Tuy sách vở không nói gì nhiều lắm, hoặc không nói gì đến, các sự kiện ấy vẫn cứ là bộ phận của lý thuyết về nghệ thuật chiến tranh ngang hàng với mọi bộ phận cấu thành chiến tranh. Cần phải nhắc lại rằng cái lối triết lý theo kiểu cũ sau đây là một lối triết lý kém cỏi: Nó gạt mọi yếu tố tinh thần ra ngoài các quy tắc và nguyên tắc của nó, và khi các dữ kiện này (các yếu tố tinh thần – ND) xuất hiện thì nó lập tức thống kê các điểm ngoại lệ và giải thích một cách khoa học các điểm ngoại lệ này bằng cách biến chúng thành những quy tắc. Khi nào triết học bất lực thì người ta lại nhờ đến thiên tài, vì thiên tài thì ở trên mọi quy tắc, do đó người ta làm cho kẻ khác hiểu rằng: Quy tắc chỉ được viết ra cho bọn ngu dốt và bản thân quy tắc cũng chỉ là những điều đần độn mà thôi.

Nếu lý thuyết về nghệ thuật chiến tranh chỉ nhắc lại sự tồn tại của các yếu tố trên, và chỉ để chứng minh rằng cần đánh giá đúng và chú ý sử dụng các yếu tố tinh thần thì lý thuyết cũng có thuận lợi là đã mở rộng lĩnh vực của mình đến cái môi trường trí tuệ này. Và nếu chỉ thừa nhận tầm quan trọng của quan điểm đó thì lý thuyết cũng đã lên án những ai muốn biện hộ cho việc chỉ thừa nhận những tương quan lực lượng đơn thuần vật chất.

Cũng chính vì tất cả những cái gọi là quy tắc khác mà lý thuyết không có quyền gạt các yếu tố tinh thần ra ngoài, vì ảnh hưởng của các lực lượng vật chất hoàn toàn hòa hợp với ảnh hưởng của các lực lượng tinh thần và không thể tách rời chúng ra bằng một quá trình hóa học như đối với một hợp kim.

Trong bất kỳ quy tắc nào nói về các lực lượng vật chất, lý thuyết cũng phải chú ý đến phần giành cho lực lượng tinh thần, nếu không nó sẽ phải đưa ra những công thức quá quyết đoán, khi thì quá yếu hèn và hạn chế, khi thì quá xấc xược và vô hạn độ. Ngay cả những lý thuyết nhạt nhẽo nhất cũng đã vô tình xâm nhập vào phạm vi của trí tuệ, vì không bao giờ ảnh hưởng của một chiến thắng – nói ví dụ như thế – lại có thể giải thích được hoàn toàn nếu người ta không chú ý đến những cảm giác thuộc

về phạm vi tinh thần. Phần lớn các đề tài chúng tôi bàn đến trong quyển sách này đều gồm có nguyên nhân và kết quả nửa vật chất, nửa tinh thần; và người ta có thể nói rằng: Nhân quả vật chất chỉ là một cái cán gỗ còn nhân quả tinh thần mới là vũ khí thực sự, là phần lưỡi sáng loáng rèn bằng thứ kim loại quý.

Lại chính lịch sử đã chứng minh rõ hơn hết giá trị của các đức tính tinh thần nói chung và ảnh hưởng thường thường không thể tưởng tượng được của chúng; đó là bài học thật sự nhất, cao quý nhất mà vị tướng có thể rút ra từ lịch sử. Về vấn đề này, chúng ta hãy ghi thêm rằng: Không phải những điều chứng minh, những điều phân tích phê phán hoặc những luận văn bác học làm nảy nở những mầm mống của tài đức giúp cho trí tuệ thêm phong phú, mà chính là những cảm giác tổng quát và những trực giác sáng chói làm công việc ấy nhiều hơn.

Chúng tôi có thể duyệt qua một lượt những hiện tượng chính về tinh thần và phân tích điều tốt cũng như điều xấu của mỗi hiện tượng như một giáo sư cẩn thận và tỉ mỉ. Nhưng phương pháp đó làm cho ta dễ dàng rơi vào những điều sáo rỗng tầm thường; nó gạt bỏ mất tinh thần tìm tòi thực sự đến nỗi dần dần người ta chỉ kể ra những sự việc mà mọi người đều đã biết. Ở đây, hơn là trong các lĩnh vực khác, chúng tôi muốn một cách không hoàn chỉnh, tự giới hạn mình trong những điều chủ yếu, nhấn mạnh đến tầm quan trọng chung của sự việc và chỉ ra tinh thần chính của các ý kiến trình bày trong quyển sách này.

Chương 4. NHỮNG SỨC MẠNH TINH THẦN CHÍNH

Đó là những sức mạnh sau đây: ***tài năng của người chỉ đạo chiến tranh, dũng khí và tinh thần quốc gia của quân đội***. Trong tất cả các giá trị này, không ai có thể xác định giá trị nào là cao nhất, bởi vì nói một điều gì đó về sức mạnh của nó đã là rất khó, so sánh giá trị này với giá trị kia lại càng khó hơn. Tốt hơn hết là đừng đánh giá thấp cái nào cả: Tật xấu của con người hay phạm phải vì họ có thói quen hết nghiêng bên này lại ngả sang phía kia. Tốt hơn hết là đưa ra những chứng cớ lịch sử xác định được hiệu quả không thể chối cãi của cả ba giá trị.

Tuy nhiên, nói cho đúng, trong thời kỳ hiện đại, tất cả các quân đội châu Âu hầu hết đã đạt trình độ ngang nhau về mặt kỷ luật và huấn luyện. Nói như nhà triết học, sự chỉ đạo chiến tranh phát triển tự nhiên đến nỗi, tuy đã đạt được những phương pháp chung hầu như tất cả các quân đội, của người thủ lĩnh chiến tranh cũng không nên nghĩ đến việc sử dụng những thủ thuật đặc biệt theo nghĩa hẹp của danh từ này (như đội hình chéo của Frederick II). Vì vậy, người ta không thể chối cãi được rằng trong tình hình hiện nay, ảnh hưởng của tinh thần quốc gia và của kinh nghiệm chiến đấu lại càng tác động rộng rãi hơn. Một thời kỳ hòa bình lâu dài có thể thay đổi tình trạng ấy.

Tinh thần quốc gia của quân đội (phấn khởi, cuồng nhiệt tin tưởng, dư luận) chủ yếu triển khai trong chiến tranh ở vùng núi: Ở đây mỗi người, kể cả người lính bình thường, đều phải tự mình xoay xở lấy.

Vì vậy, những nước có nhiều núi non là những vũ đài phù hợp nhất cho việc vũ trang nhân dân.

Sự khéo léo có tính chất kỹ thuật của quân đội và lòng dũng cảm sắt đá gắn liền hàng ngũ như đúc trong một khôn, biểu hiện ra rõ nhất ở vùng đồng bằng trống trải.

Chính ở những vùng có địa hình lượn sóng, lắm chướng ngại, người làm tướng mới có nhiều cơ hội tốt để phát triển tài năng của mình. Ở vùng núi non, người tướng không làm chủ được những bộ phận khác nhau của quân đội mình và việc chỉ huy toàn bộ thường vượt quá sức của ông ta; ở vùng đồng bằng thì việc chỉ huy lại quá đơn giản và ông ta không sử dụng hết khả năng của mình.

Xu thế không thể chối cãi và có chọn lọc này phải giữ vai trò chủ đạo trong việc vạch ra các kế hoạch.

Chương 5. ĐẠO ĐỨC QUÂN SỰ CỦA QUÂN ĐỘI

Nó khác với lòng dũng cảm đơn thuần và lại càng khác với sự phấn khởi với sự nghiệp chiến tranh.

Lòng dũng cảm đúng là một bộ phận cấu thành và cần thiết của đạo đức quân sự. Nó là xu thế tự nhiên của cá nhân. Nhưng ở người chiến sĩ, nó cũng có thể do thói quen và tập luyện mà có, vì người chiến sĩ là một bộ phận nhỏ của quân đội. Ở người chiến sĩ, lòng dũng cảm cũng có thể đi theo một chiều hướng khác đối với người bình thường. Nó không còn là một thứ thèm khát hoạt động vô tổ chức, tiêu phí lực lượng theo ý muốn cá nhân, mà phải phục tùng những đòi hỏi của cấp trên, có tuân lệnh, có quy tắc, có trật tự, có phương pháp. Lòng phấn khởi vì sự nghiệp làm cho đạo đức quân sự của quân đội như có ngọn lửa sinh động, nhưng nó không phải là một yếu tố mà đạo đức quân sự nhất thiết phải có.

Chiến tranh là một nghề nghiệp chính xác. Nếu công việc của chiến tranh có phổ thông đến đâu đi nữa, kể cả trong trường hợp tất cả mọi người có thể làm nghĩa vụ quân sự đều gia nhập quân đội, thì chiến tranh cũng vẫn khác và tách biệt ra khỏi các hoạt động khác. Thấm nhuần tinh thần và tinh hoa của nghề nghiệp; khêu gợi, rèn luyện và hấp thụ vào trong bản thân mình tất cả những lực lượng có thể triển khai trong chiến tranh, ứng dụng trí thông minh và nghề nghiệp, nhờ rèn luyện để đạt trình độ vững chắc và điêu luyện làm cho tất cả năng khiếu này nảy nở, chuyền từ chức năng của một con người sang chức năng của một bánh xe trong bộ máy, đối với từng cá nhân; đó là đạo đức quân sự của từng cá nhân trong quân đội.

Dù có muốn quan niệm sự tồn tại riêng biệt của người chiến sĩ và của người lính trong cùng một cá nhân, có muốn quốc gia hóa chiến tranh đến mức độ nào, có muốn quan niệm chiến tranh hoàn toàn xảy ra trong những điều kiện khác hẳn với đời xưa thì người ta cũng không bao giờ bỏ được những đặc tính riêng biệt của tập quán. Và vì không thể làm được như thế nên những người tham gia chiến tranh luôn luôn tự coi mình như những người lính đứng đầu hàng ngũ, vô cùng thuận tiện**[61]** cho việc biểu thị các mệnh lệnh, các điều lệnh và thói quen chiến tranh. Công việc đã thật sự xảy ra thế. Dầu người ta có muốn giữ một quan điểm cao nhất về chiến tranh đến bao nhiêu thì người ta vẫn phạm sai lầm lớn nếu coi thường cái "tinh thần đội ngũ" (esprit de corps) ấy: Tinh thần này ít hay nhiều đều có trong bất kỳ quân đội nào. Tinh thần đội ngũ là xi-măng của các lực lượng tự nhiên xuất hiện trong cái mà chúng tôi gọi là đạo đức quân sự của quân đội. Nhờ có tinh thần này mà đạo đức quân sự kết tinh được dễ dàng hơn.

Một quân đội vẫn giữ được hàng ngũ chỉnh tề dưới hỏa lực tàn phá nhất, một quân đội không lùi bước trước những cơn sợ hãi tưởng tượng và biết chống lại những cơn sợ hãi có căn cứ, một quân đội tự hào về những chiến thắng của mình, trong tai họa vẫn biết tuân lệnh, biết kính trọng và tin tưởng vào người chỉ huy, một quân đội mà thể lực được rèn luyện trong sự thiếu thốn và sự cố gắng như bắp thịt của một lực

sĩ, một quân đội cho sự cố gắng là một phương tiện của chiến thắng chứ không phải là một tai họa gắn chặt vào ngọn cờ, một quân đội mà chỉ có một công thức ngắn, công thức về chiến thắng, cũng đủ làm cho mọi người thấy nghĩa vụ và đạo đức – một quân đội như thế mới thật là có tinh thần thượng võ.

Người ta có thể đánh nhau rất dũng cảm như người Vendée,**[62]** người ta có thể làm nên sự nghiệp lớn như người Thụy Sĩ, người Mỹ, người Tây Ban Nha, nhưng vẫn không phát triển được đạo đức quân sự. Một tướng chỉ huy quân đội thường trực có thể thu được thắng lợi như Eugène**[63]** và Marlborough**[64]** mà vẫn không có sự ủng hộ của đạo đức quân sự. Vì vậy, người ta không hề khẳng định rằng: Không thể có chiến tranh thắng lợi nếu không có đạo đức quân sự. Chúng tôi đề nghị chú ý đến điểm này để nói rõ hơn đặc tính của quan niệm chủng tộc, để người ta không cho đạo đức quân sự là một thứ thuốc trị bá chứng. Nó không phải thế đâu. Đạo đức quân sự của một quân đội là một sức mạnh tinh thần đã được xác định, người ta không thể coi nó như là không có, người ta có thể đánh giá được ảnh hưởng của nó cũng như người ta có thể tính được hiệu suất của một công cụ.

Sau khi đã nói đến đặc tính của đạo đức quân sự, chúng ta hãy nói rõ về ảnh hưởng của nó và các biện pháp rèn luyện.

Đạo đức quân sự đối với các bộ phận cũng như thiên tài của người chỉ huy đối với toàn bộ. Người chỉ huy chỉ có thể chỉ đạo toàn bộ chứ không thể chỉ đạo từng bộ phận riêng biệt, và ở bộ phận nào mà người chỉ huy không điều khiển được thì phải có tinh thần quân sự hướng dẫn. Người chỉ huy được chọn ra vì có danh tiếng và vì có những đức tính ưu việt; những nhà lãnh đạo lỗi lạc của quần chúng rộng rãi được chọn lựa sau nhiều lần sàng lọc tỉ mỉ. Nhưng, nếu ta càng đi xuống trong hệ thống quân hàm thì sự chọn lựa này càng giảm đi, và vì vậy người ta lại càng ngày càng không thể dựa vào khả năng cá nhân: Sự giảm sút này phải được đạo đức quân sự bù lại. Đó là nhiệm vụ của các đức tính tự nhiên của một dân tộc sẵn sàng chiến đấu: *lòng dũng cảm, sự khéo léo, tinh thần chịu đựng và sự phấn khởi*. Những đức tính này có thể thay thế cho tinh thần quân sự (đạo đức quân sự – ND), và ngược lại. Do đó, có những nhận xét sau:

1. Đạo đức quân sự là một đức tính riêng của các quân đội thường trực – loại quân đội cần đến nó nhất. Khi có động viên toàn bộ hoặc có chiến tranh thì nó được các đức tính tự nhiên thay thế; các đức tính tự nhiên này phát triển mạnh hơn.

2. Một quân đội thường trực chống lại một quân đội thường trực khác có thể không cần đến nó nhiều bằng một quân đội thường trực chống lại cả một dân tộc được vũ trang, vì trong trường hợp này, các lực lượng đều bị phân tán hơn nhiều và mỗi bộ phận thường được thả lỏng hơn nhiều. Nếu quân đội vẫn được tập trung, thiên tài của vị tướng thường đóng một vai trò lớn hơn và thay thế vào những chỗ mà tinh thần quân đội còn thiếu. Nói chung, nếu như chiến trường và các tình huống khác càng làm cho chiến tranh phức tạp và càng làm cho lực lượng phân tán thì đạo đức quân sự lại càng cần thiết.

Từ những chân lý ấy, chỉ có thể rút ra một kết luận sau đây; nếu trong quân đội

không có đức tính nay thì phải tổ chức chiến tranh thế nào cho nó càng đơn giản càng tốt, hoặc tăng cường chú ý đến các điểm khác của hệ thống quân sự, và không chờ đợi ở cái danh hiệu quân đội thường trực những thành tích mà chỉ bản thân quân đội xứng đáng với danh hiệu đó mới có thể thực hiện được.**[65]** Vì vậy, đạo đức quân sự là một trong những lực lượng tinh thần quan trọng nhất của quân đội trong chiến tranh, nếu không có nó thì phải thay thế bằng một lực lượng khác – tài ba lỗi lạc của người chỉ huy, hoặc sự phấn khởi của nhân dân – nếu không người ta sẽ thấy kết quả không tương xứng với cố gắng.

Chúng ta có những thí dụ rực rỡ về những quân đội vĩ đại có tinh thần nói trên vì có cái giá trị thực sự, cái tinh chế làm cho quặng trở thành kim loại sáng loáng: Những người Macedonians dưới quyền Alexander,**[66]** những quân đoàn La Mã dưới quyền Caesar, bộ binh Tây Ban Nha dưới quyền Alexander Farnese,**[67]** người Thụy Điển dưới quyền Gustavus Adolphus và Charles XII, người Phổ dưới quyền Frederick Đại đế và người Pháp dưới quyền Bonaparte, chỉ có cố tình nhắm mắt trước mọi dẫn chứng lịch sử mới không thừa nhận rằng: Những thắng lợi huy hoàng và tính ưu việt mà các vị tướng ấy đã biểu lộ ra trong những tình huống khó khăn nhất đều chỉ có thể đạt được do có những đức tính kể trên của quân đội.

Đạt được tinh thần nói trên là nhờ có hai nguồn, và hai nguồn này phải đồng thời cùng chung sức mới sản sinh ra được tinh thần ấy. Nguồn thứ nhất là một loạt những cuộc chiến tranh và chiến thắng, nguồn thứ hai là sự cố gắng tuyệt vời của quân đội trong mọi hoạt động. Chỉ có như thế, người chiến sĩ mới học tập được cách tận lực phát huy các khả năng của mình. Một vị tướng càng có thói quen đòi hỏi cố gắng bao nhiêu thì sự cố gắng ấy lại càng chắc chắn được thực hiện bấy nhiêu. Vượt qua được khó khăn thì người lính cũng tự hào khi thoát khỏi cơn nguy hiểm. Như vậy, chỉ có hoạt động và cố gắng liên tục mới là miếng đất tốt cho cái mầm ấy nảy nở; tuy nhiên còn cần có thêm ánh sáng của mặt trời chiến thắng. Một khi cái mầm đã phát triển thành một ngọn cây vững chắc thì nó có thể chống chọi nổi với cả những dòng thác tệ hại của tai họa và thất bại, và ít ra là trong một thời gian, nó chống chọi với cả sự ăn không ngồi rồi, nhàn rỗi vô sự thời bình. Vì vậy, nó chỉ có thể nảy nở trong chiến tranh và theo quỹ đạo của những vị tướng lớn, nhưng nó có thể tồn tại ít ra là trong nhiều thế hệ, kể cả dưới thời những vị tướng tầm trung bình và trong những thời kỳ hòa bình kéo dài. Không thể nào so sánh được cái tinh thần đội ngũ rộng rãi, cao quý của các chiến sĩ dày dạn, đầy thương tích với cái tính hợm hĩnh, khoe khoang của những quân đội thường trực chỉ thống nhất được vì các điều lệnh đội ngũ và huấn luyện. Sự nghiêm khắc nặng nề và kỷ luật ráo riết có thể kéo dài sự tồn tại của đạo đức quân sự nhưng không thể tạo ra nó được. Nghiêm khắc và kỷ luật có một giá trị nhất định nhưng không nên đánh giá chúng cao quá. Trật tự, lịch sự, thiện chí, cùng với một lòng tự hào nào đó và một tinh thần ưu việt: Đó là đức tính của một quân đội được tập luyện tốt trong thời bình; phải thấy giá trị của những đức tính này nhưng tự thân nó không có giá trị gì cả. Cái toàn bộ duy trì cái toàn bộ, và giống như thủy tinh bị lạnh đi đột ngột, chỉ cần một chỗ rạn nhỏ cũng đủ làm vỡ tan tành. Gặp trở ngại

đầu tiên, tinh thần cao nhất cũng mau chóng trở thành yếu hèn, trở thành một thứ sợ hãi khuếch đại, điều mà người Pháp gọi là: *mạnh ai nấy chạy* (sauve qui peut). Một quân đội kiểu như thế mà lập được chiến công lớn chẳng qua chỉ là nhờ ở người chỉ huy, chứ không bao giờ là do chính bản thân nó cả. Quân đội đó phải được chỉ huy khôn khéo gấp nhiều lần cho đến khi, nhờ thử thách và chiến thắng, dần dần sự vững chắc mới thấm qua lần áo giáp nặng nề. Vì vậy, chúng ta hãy cẩn thận, đừng lầm lẫn trạng thái tinh thần và tinh thần của một quân đội.

Chương 6. LÒNG DŨNG CẢM

Vị trí và nhiệm vụ của lòng dũng cảm trong hệ thống động lực (nó đối lập với sự khôn ngoan và tính cẩn thận) đã được định nghĩa trong chương nói về bảo đảm thắng lợi,**[68]** và chúng tôi đã chỉ rõ trong chương ấy rằng lý thuyết không được quyền đề ra bất cứ một luật lệ nào hạn chế lòng dũng cảm.

Nhưng, lực lượng kích thích cao quý ấy (nhờ có nó con người ta mới đương đầu được với những nguy hiểm kinh khủng nhất) cũng phải được coi như một yếu tố tác động đặc biệt. Thấy vậy, có phạm vi hoạt động nào của con người mà lòng dũng cảm lại có thể đắc dụng hơn là chiến tranh không? Từ người lính hậu vệ và người lính đánh trống cho đến vị tổng chỉ huy, nó là đạo đức cao quý nhất, là thứ tháp tốt nhất làm cho vũ khí sáng ngời và sắc bén.

Phải thừa nhận rằng: Trong chiến tranh, lòng dũng cảm có những *đặc quyền* lớn. Vượt qua những kết quả của tính toán về không gian, thời gian, số lượng, phải dành riêng một tỷ lệ phần trăm nào đó cho lòng dũng cảm, tỷ số này rút ra từ sự yếu hèn của quân địch, một khi nó có ưu thế hơn về dũng cảm. Nó thực sự là một lực lượng sáng tạo. Điều này không khó chứng minh lắm, kể cả về phương diện triết học. Một khi lòng dũng cảm gặp sự hèn nhát đã là sự mất thăng bằng. Chỉ khi nào lòng dũng cảm gặp sự thận trọng có suy tính (người ta nói rằng loại đức tính này cũng là *dũng cảm*, ít nhất cũng mạnh mẽ và vững chắc như dũng cảm), nó mới chịu thua. Song những trường hợp này lại hiếm có. Trong những người thận trọng, có một số lớn thường thận trọng vì nhát.**[69]** Trong nội bộ quần chúng rộng rãi, việc rèn luyện lòng dũng cảm không bao giờ làm hại đến các lực lượng khác vì quần chúng rộng rãi bị buộc chặt vào khuôn khổ và cơ cấu của tác chiến và phải phục vụ cho một ý chí cao hơn; vì vậy họ thường bị một khối óc ngoại lai chỉ huy. Trong trường hợp này, lòng dũng cảm giống như một cái lò xo sẵn sàng bật lên nếu có một tí buông lơi nào đó.

Cấp bậc càng cao thì lòng dũng cảm càng phải đi đôi với sự suy nghĩ: Như thế nó mới không vô ích, không sa vào sự say mê mù quáng; vì cấp bậc càng cao thì càng không có vấn đề hy sinh bản thân mình mà chỉ có vấn đề bảo toàn người khác và lợi ích toàn bộ. Trong quần chúng rộng rãi, cái gì đã có quy tắc phục vụ xác định và đã trở thành bản chất thứ hai thì, ở người chỉ huy, nó phải xuất phát từ sự suy nghĩ – và nếu chỉ dũng cảm trong một hành động thì sẽ mau chóng trở thành một sai lầm. Nhưng như thế cũng vẫn là một sai lầm tốt đẹp, không nên xem sai lầm này như mọi sai lầm khác. Quân đội nào hay có biểu hiện dũng cảm không hợp thời là quân đội tốt, nó là cây cỏ đang lớn bốc, chứng tỏ đất đai rất màu mỡ.**[70]** Cũng không thể coi thường ngay cả sự liều lĩnh, nghĩa là sự dũng cảm không suy nghĩ; thật ra đó cũng là một lực lượng tinh thần, nhưng tung hoành trong một thứ mê say, không có lý trí kiểm soát. Chỉ khi nào lòng dũng cảm không chịu phục tùng sự sai khiến của lý trí, khi nó cố tình từ chối và khinh thường, không chịu phục tùng quyền lực cao hơn thì khi ấy mới xem nó như một điều tai hại và nguy hiểm, không phải vì bản thân nó, mà

vì nó không tuân lệnh: Trong chiến tranh không nguyên tắc nào lại quan trọng bằng sự tuân lệnh.

Nếu cùng có một trình độ kiến thức ngang nhau, thì sự sợ hãi tác hại gấp nghìn lần so với lòng dũng cảm. Chúng tôi phát biểu chân lý hiển nhiên trên chỉ để đảm bảo sự đồng ý của người đọc.

Nói đến cùng, sự can thiệp của một mục đích hợp lý đáng lẽ làm cho lòng dũng cảm dễ dàng phát huy hơn, vì vậy bớt chân giá trị của nó đi nhiều, thế mà chính điều ngược lại mới là đúng sự thật.

Trí tuệ minh mẫn, hay nói đúng hơn ưu thế của lý trí, tước đoạt một phần lớn sức mạnh của các lực lượng cảm tính. Điều đó giải thích tại sao khi *cấp bậc càng lên cao thì lòng dũng cảm lại càng hiếm*.

Tuy không nhất thiết cấp bậc càng cao thì thông minh và có lương tri hơn người khác, nhưng cấp bậc càng cao thì các *dữ kiện khách quan, các tình huống* và *các mối liên hệ bên ngoài* lại càng nhiều và càng nặng *trong lúc về mặt tinh thần, các điều kiện trên lại nhẹ bớt*. Đó là căn cứ chủ yếu trong chân lý của câu cách ngôn Pháp: Có người nổi bật ở hàng hai thì lại mờ đi ở hàng đầu. Trong lịch sử, phần đông những ông tướng tầm thường hoặc rụt rè, trước đó đã nổi bật lên vì dũng cảm và quyết đoán, lúc họ ở cấp bậc thấp hơn.

Cần phải phân biệt các loại động cơ của những hành động dũng cảm tiến hành dưới áp lực của nhu cầu. Nhu cầu có nhiều mức độ khác nhau. Khi nó là cấp bách, và để tiến tới mục đích, con người hành động phải mạo hiểm nhiều để thoát khỏi những nguy cơ cũng lớn như thế thì người ta chỉ có thể khâm phục lòng quyết đoán của ông ta: Tính quyết đoán này không phải là không có giá trị. Khi một người thanh niên nhảy qua vực sâu để tỏ ra mình cưỡi ngựa giỏi, anh ta tỏ ra dũng cảm; nếu anh ta cũng thực hiện được chiến công ấy trong lúc bị bọn Janissaires**[71]** giết người đuổi bắt thì anh ta chỉ là người quyết đoán. Nhưng khoảng cách giữa nhu cầu và hành động càng dài, trí óc càng phải bao quát nhiều tình huống để hiểu thấu được khoảng cách ấy thì lại càng không có hại gì cho dũng cảm. Năm 1756, khi Frederick Đại đế cho rằng chiến tranh là điều không thể tránh được nữa và muốn thoát khỏi cảnh bị tiêu diệt thì chỉ có cách đi nước trước, ngài bắt buộc phải tự mình bắt đầu tiến hành cuộc chiến tranh.

Tuy vậy, đó cũng vẫn là một hành động rất táo bạo, vì trong điều kiện của ngài lúc bấy giờ, ít ai đã dám làm như thế.

Tuy chiến lược là lĩnh vực hoạt động của các vị tổng chỉ huy hoặc của các vị tướng cao nhất, lòng dũng cảm của mọi thành viên khác trong cũng đội cũng thiết thân cho quân đội như những đạo đức quân sự khác. Với một quân đội từ nhân dân anh dũng mà ra, và lòng dũng cảm luôn luôn được vun trồng thì người ta có thể làm được những điều khác hẳn với một quân đội không biết gì đến dũng cảm cả. Chính vì vậy nên chúng tôi thấy cần thiết phải đề cập tới nó trong mối quan hệ chặt chẽ với quân đội. Nhưng thật ra, đối tượng trình bày của chúng tôi là lòng dũng cảm của người cầm đầu, và sau khi đã cố gắng cao nhất để xác định tính chất của đức tính

này, chúng tôi thấy không cần phải nói thêm gì nhiều hơn nữa.

Cấp bậc càng cao, vị trí của trí tuệ, của sự thông minh, của sự hiểu biết trong hành động ngày càng lớn thì lòng dũng cảm, đặc tính của tính tình, càng bị đẩy lùi ra phía sau. Bởi vậy, lòng dũng cảm thường ít khi có ở những cấp bậc cao nhất; song nếu có thì lại càng đáng được khâm phục. Lòng dũng cảm lại có trí thông minh chiếm ưu thế và hướng dẫn là dấu hiệu của người anh hùng. Loại dũng cảm này không bao hàm những hành vi táo bạo, trái với bản chất sự vật, ngược hẳn với quy luật của tính xác suất; chúng nó lại là chỗ dựa mạnh mẽ của loại tính toán cao cấp nầy, loại tính được thực hiện trong nháy mắt nhờ có thiên tài, nhờ đánh giá theo trực giác, loại tính dẫn đến quyết định một cách hầu như không tự giác. Lòng dũng cảm càng chắp cánh cho trí tuệ và cho sự hiểu biết thì tầm bay của chúng càng cao, tầm nhìn càng rộng và kết quả càng chính xác. Tuy vậy cũng không nên quên rằng, mục đích càng lớn hơn thì nguy hiểm cũng nhiều hơn. Không nói đến những kẻ yếu hèn và do dự, người bình thường cũng sẽ đạt được kết quả chính xác trong mức độ có thể được, trong điều kiện không có kinh nghiệm sống, nếu họ theo đuổi một thứ hoạt động tưởng tượng trong bàn giấy, xa mọi thứ nguy hiểm, mọi thứ trách nhiệm. Nhưng khi họ thấy nguy hiểm và trách nhiệm thì họ không còn thấy triển vọng gì nữa, và dù người khác có ban cho họ triển vọng nào đó, họ cũng mất đi tính *quyết đoán*, vì về điểm này thì không ai giúp đỡ họ được cả.

Chúng tôi nghĩ rằng không thể tưởng tượng được một vị tướng tài giỏi mà lại không dũng cảm, nghĩa là không ai trở nên dũng cảm cả nếu như từ lúc mới ra đời họ không có loại sức mạnh đặc biệt của tính tình (tức là lòng dũng cảm – ND) mà chúng tôi cho là điều kiện đầu tiên của nghề nghiệp này. Vấn đề thứ hai là phải xét xem; cái sức mạnh bẩm sinh ấy còn lại những gì sau khi đã phát triển và thay đổi trong quá trình giáo dục của đời sống cho đến khi đã đạt được chức vụ cao cấp ấy. Sức mạnh này càng lớn thì đôi cánh của thiên tài càng mạnh mẽ và tầm bay càng cao. Nguy hiểm luôn luôn lớn hơn nhưng đồng thời mục đích cũng cao hơn. Dầu hành động là do mọt sự cần thiết xa xôi quy định cho nó một hướng nhất định, dầu hành động có kết thúc ở điểm mấu chốt của cái lâu đài do tham vọng xây dựng nên, dầu tên người hành động là Frederick hay Aleksandr thì cũng như nhau cả đối với người đi sau phê phán. Nếu tình huống thứ hai kích thích trí tưởng tượng nhiều hơn vì nó có tính chất táo báo lơn hơn thì tình huống thứ nhất thỏa mãn lý trí hơn vì nó đáp ứng một nhu cầu bên trong hơn.

Chúng ta còn phải xét đến một trường hợp quan trọng khác.

Lòng dũng cảm có thể ngự trị trong một quân đội hoặc vì đó là đặc tính của nhân dân, hoặc vì đó là kết quả của một cuộc chiến thắng do những người cầm đầu dũng cảm điều khiển; trong trường hợp sau, lúc đầu quân đội thường thiếu dũng cảm.

Nhưng, ở trong thời đại chúng ta, ngoài chiến tranh, không còn cách nào khác để giáo dục tinh thần nhân dân, với điều kiện là phải tiến hàng chiến tranh một cách táo bạo. Chỉ có chiến tranh là có thể ngăn chặn được sự yếu ớt, ngăn chặn được tính cầu an, đã làm cho một dân tộc bị hủ bại đi chỉ vì sự thịnh vượng,buôn bán đương ở trên

con đường tiến lên.

Chỉ khi nào tinh thần quốc gia và thói quen chiến tranh luôn luôn tác động lẫn nhau thì một dân tộc mới có thể hi vọng rằng một ngày kia mình sẽ chiếm được một vị trí mạnh mẽ trong thế giới chính trị.

Chương 7. TÍNH KIÊN TRÌ

Người đọc chờ đợi, tưởng được nghe nói đến góc và đường thẳng, nhưng người ta không nói đến hững công dân của thế giới khoa học ấy (tức là các góc và đường thẳng – N D) mà chỉ giới thiệu những nhân vật của đời sống bình thường, ngày nào ta cũng có thể gặp được. Dầu chỉ cần một chỗ nhỏ như sợi tóc, tác giả cũng không thể nói đến toán học trong lúc đề tài chưa đòi hỏi, như thế vấn không sợ làm cho người đọc ngạc nhiên.

Trong chiến tranh, hơn tất cả các lĩnh vực khác, sự việc xảy ra khác với những điều người ta tưởng, và đứng gần thì thấy khác đứng xa. Nhà kiến trúc có thể nhìn tác phẩm của mình lớn lên theo hình dáng của bản thiết kế mà lòng vẫn bình tĩnh biết bao! Người thầy thuốc, tuy phụ thuộc nhiều điều kiện và nhiều ngẫu nhiên không thể hiểu được, vẫn biết rõ hậu quả và hình thái của các biện pháp mình dùng.

Trong chiến tranh, người đứng đầu của một tổng hợp to lớn luôn luôn ở vào tình thế bị lôi cuốn trong những cơn lốc của những tin tức đúng hay sai, của những lỗi lầm phạm phải vì sợ hãi, vì cẩu thả hoặc vì vội vã, của những hành động không phục tùng vì có ý kiến đúng hay sai, vì không muốn lầm, vì tinh thần trách nhiệm hiểu đúng hay sai, vì lười nhác hay mệt mỏi, vì ngẫu nhiên không ai có thể ngờ tới được. Nói tóm lại, người đứng đầu đứng trước trăm nghìn cảm giác: Phần lớn những cảm giác này đều gây ra lo ngại, chỉ có một vài cảm giác là có vẻ khuyến khích. Các hiện tượng trên được đánh giá đúng và nhanh chóng nếu ta có bản năng đạt được trong kinh nghiệm lâu dài về chiến tranh. Có tinh thần anh dũng và có nghị lực là đương đầu được với chúng, như tảng đá chống chọi với sóng biển. Ai lùi bước trước những cảm giác ấy thì trong bất kỳ công việc gì cũng sẽ không thành công. Khi chưa có lý do khẩn thiết để hành động theo hướng ngược lại thì việc *kiên trì* trong hành động đã bắt đầu, là một lực lượng cân bằng cần thiết. Hơn nữa, hầu như không có chiến công vẻ vang nào lại có thể thực hiện được mà không phải trả bằng những cố gắng vô hạn, bằng gian khổ và hy sinh: Con người vật chất và tinh thần luôn sẵn sàng nhượng bộ và cũng chỉ có nghị lực biểu lộ ra bằng tính *kiên trì* thì thế giới và đời sau mới khâm phục và mới dẫn ta đến mục đích.

Chương 8. ƯU THẾ VỀ SỐ QUÂN

Trong chiến thuật cũng như trong chiến lược, ưu thế về số quân là nguyên tắc chung nhất để chiến thắng; vì vậy chúng ta hãy nghiên cứu trước tiên quan điểm chung ấy. Để làm việc này, chúng ta hãy theo trình tự phát triển sau đây: Chiến lược quyết định nơi đánh và lúc đánh, đồng thời cũng quyết định các lực lượng cần thiết để tác chiến. Quyết định ấy bao gồm có ba phần: Ở đâu? Lúc nào? Và như thế nào? Nó làm cho chiến lược có ảnh hưởng chủ yếu đến kết quả của trận đánh. Một khi chiến thuật đã tác chiến thì, dầu thắng lợi hay thất bại, kết quả đưa lại cũng được chiến lược sử dụng theo khả năng của nó, phù hợp với mục đích cuối cùng của chiến tranh. Dĩ nhiên, mục đích này thường là rất xa; ít khi nó ở trong tầm tay của ta. Cả một loạt mục đích khác dùng làm phương tiện đều phụ thuộc vào mục đích cuối cùng. Những mục đích này đồng thời là phương tiện của những mục đích cao hơn có thể biến đổi trong thực tiễn.

Bản thân mục đích cuối cùng, tức là mục đích của toàn bộ cuộc chiến tranh, hầu như khi nào cũng thay đổi từ cuộc chiến tranh này đến cuộc chiến tranh khác. Chúng ta sẽ dần dần làm quen với những điều đó khi chúng ta nói đến những đối tượng khác nhau có liên quan đến vấn đề này; vì chúng tôi không có ý nói đến ở đây toàn bộ đề tài bằng cách liệt kê ra tất cả, kể cả khi người ta làm được như vậy. Vì thế chúng tôi tạm thời gạt ra ngoài việc sử dụng đến giao chiến.

Sự việc không đơn giản đến nối chỉ một lần phân tích cũng có thể thâu tóm được hết, kể cả những sự việc nhờ đó chiến lược tác động đến giao chiến bằng cách quyết định nó (có thể nói chiến lược ra nghị quyết để giao chiến). Khi quy định thời gian, địa điểm và lực lượng, chiến lược có thể phải có những quyết định thực tế hoàn toàn khác nhau: Mỗi quyết định này theo kiểu riêng của mình lại là một điều kiện của kết quả và thắng lợi của giao chiến. Vì vậy, chúng ta chỉ biết những việc trên dần dần, nghĩa là khi có những vấn đề liên quan đặc biệt đến thực tiễn.

Nên chúng ta trút bỏ ra ngoài giao chiến tất cả những thay đổi do động lực và điều kiện của nó đưa đến, nếu chúng ta lại không kể đến giá trị của quân đội (đây cũng là một yếu tố cho trước) thì chỉ còn có khái niệm đơn thuần về giao chiến, nghĩa là một khái niệm về một trận đánh không có hình dáng rõ rệt mà chúng ta chỉ còn nhớ đến số quân tham chiến.

Chính số quân này sẽ quyết định thắng lợi. Để đi đến đó, chúng ta đã bắt buộc phải trừu tượng hóa rất nhiều lần: Điều này chứng minh rằng ưu thế về số quân trong giao chiến chỉ là một yếu tố sản sinh ra thắng lợi. Hoàn toàn không phải chúng ta đã đạt được tất cả (hoặc đạt được điều chủ yếu) nhờ có ưu thế về số quân: Ưu thế này có thể không dẫn ta đến việc gì lớn lắm và tầm quan trọng của nó tùy thuộc vào những tình hình tiếp theo.

Nhưng ưu thế cũng có nhiều mức độ; nó có thể gấp đôi, gấp ba, gấp tư, v.v. Và ai cũng sẽ hiểu rằng với nhịp độ này thì nó đè bẹp tất cả các yếu tố khác.

Về điểm này, phải thừa nhận rằng ưu thế về số quân là yếu tố quan trọng nhất của kết quả giao chiến, với điều kiện là nó đủ lớn để thăng bằng những điều kiện khác. Vì vậy người ta có thể kết luận rằng: Lúc giao chiến, cần phải tập trung số quân càng nhiều càng tốt ở điểm quyết định.

Sau cùng, dầu số quân trên có đầy đủ hay không thì ít nhất về phương diện này chúng ta cũng sẽ phải làm những điều gì có thể làm được. Đó là nguyên tắc chiến lược đầu tiên. Trình bày dưới một dạng chung như thế, nó phù hợp với người Hy Lạp cũng như với người Ba Tư, với người Anh cũng như với người Mahrattes,**[72]** với người Pháp cũng như với người Đức. Nhưng chúng tôi chỉ giới hạn trong những điều kiện quân sự của châu Âu, để có thể nói rõ ý kiến của chúng tôi hơn.

Ở châu Âu các quân đội giống nhau nhiều hơn về các mặt: Trang bị, tổ chức và các loại kiến thức kỹ thuật. Về các mặt sau thì sự khác nhau có thể có nhiều hơn: Chất lượng quân sự của quân đội và tài năng của vị tổng chỉ huy. Nếu chúng ta duyệt qua lịch sử quân sự của châu Âu hiện đại, chúng ta sẽ không thấy một trận Marathon**[73]** nào cả.

Với độ 30.000 người, Frederick Đại đế phá tan 80.000 quân Áo ở Leuthen; với 25.000 người ngài đánh thắng độ 50.000 quân liên minh ở Rossbach.**[74]** Chỉ có hai thí dụ ấy là nói lên những chiến thắng đạt được đối với quân địch đông gấp hai, và hơn gấp hai lần. Chúng tôi không thể kể đến chiến dịch của Charles XII ở Narva.**[75]** Ở thời kỳ ấy, người ta chưa thể cho người Nga là người Âu; vả lại, những điều kiện (kể cả điều kiện quan trọng nhất), của trận đánh cũng không được biết một cách rõ ràng. Ở Dresden,**[76]** Bonaparte có 120.000 người để chống với 220.000 quân địch cũng chưa đông đến gấp đôi.

Ở Koblenz, Frederick Đại đế cũng chưa thành công với 30.000 người chống với 50.000 người Áo; trong trận đánh tuyệt vọng ở Leipzig, Bonaparte cũng không thành công với 160.000 người chống với 280.000: Như vậy ưu thế còn xa mới đến gấp đôi.

Tất cả những điều ấy chứng minh rằng ở châu Âu hiện nay, người tướng tài giỏi nhất cũng phải khó khăn lắm mới giành giật được chiến thắng trước một quân địch mạnh gấp đôi. Nếu chúng ta thấy những lực lượng tác chiến đông hơn gấp đôi ném toàn bộ trọng lượng của mình vào cán cân của trận đánh để chống với những vị tướng lớn nhất thì không nghi ngờ gì nữa, trong những trận giao chiến lớn nhỏ, chỉ một ưu thế lớn về số quân (tuy vậy cũng không cần quá gấp đôi) cũng đủ để bảo đảm chiến thắng, dầu các điều kiện khác như thế nào đi nữa. Người ta có thể tưởng tượng ra một đường hẻm độc đạo trong núi, ở đó một lực lượng đông gấp mười lần cũng không chiến thắng nổi quân địch: Điều ấy có thật; nhưng trong trường hợp này thì người ta cũng không còn có thể nói đến giao chiến.

Vì vậy chúng tôi nghĩ rằng, trong điều kiện của chúng ta hiện nay và trong những điều kiện gần như thế, lực lượng được đưa đến điểm quyết định có tầm quan trọng chủ yếu trong các trường hợp nói chung. Yếu tố này rõ ràng là yếu tố quan trọng nhất. Lực lượng có thể sử dụng ở điểm quyết định phụ thuộc vào lực lượng tuyệt đối của quân đội, vào sự khéo léo trong việc sử dụng quân đội. Như vậy quy tắc đầu tiên

là bắt đầu chiến dịch bằng một quân đội càng mạnh càng tốt. Điều này có vẻ là một điều sáo rỗng, nhưng thật ra không phải thế đâu.

Để chứng minh rằng trong một thời gian rất dài, quy mô của các lực lượng quân sự đã không được coi là yếu tố chủ yếu thì chỉ cần thấy rằng trong phần lớn các bộ sử quân sự của thế kỷ thứ XVIII, kể cả những bộ sử tỉ mỉ nhất, sức mạnh của các đạo quân không bao giờ được nói rõ, hoặc chỉ được nói một cách phụ thuộc, và không bao giờ người ta cho rằng sức mạnh ấy có một tầm quan trọng đặc biệt.

Trong quyển "*Lịch sử của cuộc Chiến tranh bảy năm*". Tempelhoff**[77]** là người đầu tiên nói đến vấn đề này một cách đều đặn, mặc dầu cũng rất nông cạn.

Cả Massenbach,**[78]** trong rất nhiều nhận xét phê phán về các chiến dịch Phổ năm 1793 và 1794 ở núi Vosges**[79]** (Rừng Đen), cũng nói rất nhiều về núi non, thung lũng, đường sá, nhưng lại không nói một lời nào về các lực lượng đối chiến.

Một bằng chứng khác của điều chúng tôi nói nằm trong ý kiến lạ kỳ ám ảnh một số nhà bình luận quân sự, theo ý kiến này thì một quy mô nào đó là số lượng tiêu chuẩn tốt nhất; vượt quá quy mô này thì lực lượng tác chiến sẽ có hại nhiều hơn là có lợi.**[80]** Có rất nhiều trường hợp trong đó các lực lượng tác chiến không được thực sự tận dụng trong trận đánh hoặc trong chiến tranh, vì ưu thế về số quân không được coi là có tầm quan trọng như bản chất sự vật đòi hỏi.

Nếu người ta tin tưởng chắc chắn rằng có ưu thế lớn và bằng cách nỗ lực chiến đấu là ta có thể đạt được tất cả, lòng tin tưởng này sẽ ảnh hưởng đến công việc chuẩn bị chiến tranh; vì người ta sẽ muốn giành thắng lợi với càng nhiều lực lượng càng tốt và muốn bản thân mình đạt được ưu thế này, hoặc chí ít cũng tự đề phòng được ưu thế của đối phương. Đó là những điều có thể nói về lực lượng tuyệt đối để tiến hành chiến tranh.

Mức độ của lực lượng tuyệt đối này do chính phủ quy định: Tuy có quy định này tức là đã bắt đầu có hoạt động chiến tranh thực sự và chính nó là một bộ phận chủ yếu của chiến lược, hầu như bao giờ vị tướng điều khiển lực lượng tác chiến ấy cũng phải coi quy mô tuyệt đối của lực lượng này là một số lượng cho trước, hoặc là vì ông ta không được tham dự vào sự quy định nói trên, hoặc là vì tình hình không cho phép lực lượng này phát triển đầy đủ.

Khi không thể đạt được ưu thế tuyệt đối thì chỉ còn cách là đảm bảo bằng được ưu thế tương đối ở những điểm quyết định, bằng cách sử dụng lực lượng hợp lý nhất.

Về mặt này, việc xác định thời gian và địa điểm là điều quan trọng nhất; chính vì vậy mà người ta đi đến chỗ cho rằng trong chiến lược, chỉ riêng yếu tố này cũng đã bao hàm hầu hết nghệ thuật sử dụng lực lượng quân sự. Người ta cũng đi đến chỗ phú cho một số tướng lĩnh giỏi một chức năng trí óc đặc biệt phù hợp với những nhu cầu này của chiến lược và chiến thuật.

Nhưng sự phối hợp giữa thời gian và địa điểm, tuy là cơ sở của tất cả mọi việc và có thể nói là miếng ăn hàng ngày của chiến lược, cũng vẫn không phải là vấn đề khó nhất và quyết định nhất của các nhiệm vụ chiến lược.

Nếu người ta đọc qua lịch sử quân sự với một con mắt vô tư, người ta sẽ thấy

rằng: Những trường hợp do tính toán sai theo kiểu trên đã gây ra tổn thất lớn thật ra rất hiếm, ít nhất là trong chiến lược.

Nhưng, nếu sự phối hợp hợp lý giữa thời gian và địa điểm là một khái niệm bao gồm tất cả các trường hợp mà một vị tướng tích cực và quyết đoán, nhờ những cuộc hành quân cấp tốc, đánh tan nhiều kẻ địch chỉ bằng một đạo quân (Frederick và Bonaparte), thì chúng ta chỉ tự mình làm cho mình lúng túng một cách vô ích trong một thứ ngôn ngữ ước lệ. Sự trong sáng và phong phú của các ý kiến đòi hỏi (ta) phải gọi các sự việc theo đúng tên thật của nó.

Đánh giá đúng kẻ địch (Daun, Schwarzenberg), dám mạo hiểm đối phó với địch trong một thời gian bằng một lực lượng tác chiến nhỏ, có nghị lực cần thiết để hành quân thần tốc, dám táo bạo tiến công nhanh chóng, tăng cường hoạt động, tức là sự nghiệp của những tâm hồn lớn lúc có nguy hiểm – đó là những lý do của các chiến thắng ấy; chúng có dính líu gì đến năng khiếu phối hợp đúng đắn những sự việc quá đơn giản như thời gian và địa điểm không? Nếu chúng ta muốn tỏ ra rõ ràng và chính xác thì phải nói rằng: Ngay cả trò chơi phản ứng dây chuyền giữa các lực lượng này (trong đó các chiến thắng Rossbach và Montmirail**[81]** dẫn đến chiến thắng Leuthen và Montereau,**[82]** và những vị tướng lớn cũng thường hay tin tưởng vào cái trò chơi này trong phòng ngự) cũng chỉ là một tình huống rất hiếm có trong lịch sử.

Ưu thế tương đối, nghĩa là sự tập trung lực lượng để chiếm ưu thế ở những điểm quyết định, thường thường là do biết đánh giá đúng các điểm đó, do biết định hướng hợp lý cho các lực lượng đó ngay từ đầu, do có sự quyết đoán cần thiết để hy sinh cái phụ cho cái chủ yếu, nghĩa là để tập trung lực lượng đến cao độ. Đó cũng là đặc tính của Frederick Đại đế và Bonaparte.

Như thế, chúng tôi nghĩ rằng mình đã trả lại cho vấn đề ưu thế về số quân cái tầm quan trọng mà nó có. Phải coi đó là tư tưởng cơ bản, phải luôn luôn tìm cách thực hiện nó trước tiên cho bằng được.

Nhưng, người ta sẽ hiểu lầm rất lớn về ý nghĩa của sự phân tích của chúng tôi, nếu như người ta cho rằng đó là điều kiện không thể thiếu để chiến thắng. Từ sự trình bầy của chúng tôi, chỉ có thể rút ra kết luận về tầm quan trọng của quy mô các lực lượng tác chiến trong giao chiến. Chỉ cần làm cho các lực lượng này càng lớn càng tốt là đã thi hành đúng nguyên tắc, và chỉ có những điều kiện tổng quát mới cho phép ta nói rằng có nên giao chiến hay không vì lý do không đủ lực lượng.

Chương 9. BẤT NGỜ

Riêng đề tài của chương trước – ý định chung nhằm đạt ưu thế tương đối – tạo nên một ý định cũng hoàn toàn có bản chất chung như thế, đó là ý định làm cho địch *bất ngờ*. Không nhiều thì ít, nó là cơ sở của tất cả các hành động vì không có bất ngờ thì không thể quan niệm được ưu thế ở một điểm quyết định.

Vì vậy, bất ngờ trở thành một biện pháp để đạt ưu thế, nhưng vì nó có ảnh hưởng tinh thần lớn nên phải coi nó như một nguyên tắc độc lập. Khi thành công, nó làm cho bên địch hỗn loạn và bẻ gãy sự dũng cảm của địch; không thiếu những thí dụ lớn nhỏ đã chứng minh rằng điều đó làm cho thắng lợi được nhân lên gấp bội. Đây không phải là cú đánh chính cống, cú đánh chính cống đã là bộ phận của tiến công rồi; đây là ý địch làm cho địch bị bất ngờ về những biện pháp tổng quát và nhất là về cách phân bố lực lượng; điểm này cũng thấy rõ trong phòng ngự, nó là một vấn đề quan trọng vào bậc nhất trong phòng thủ chiến thuật.

Chúng tôi nói rằng bất ngờ là cơ sở cho mọi hành động, không trừ trường hợp nào cả; nhưng nó khác nhau rất nhiều về mức độ tuỳ ở bản chất của hành động và các tình hình tiếp theo.

Thật vậy, sự khác nhau này bắt đầu với chất lượng của quân đội, của người đứng đầu, có khi của cả chính phủ.

Bí mật và nhanh chóng là hai thừa số của tích số trên: Cả hai đề bao hàm một nghị lực lớn trong chính phủ và người tổng chỉ huy; về phía quân đội thì phải có ý thức rất sâu sắc về nhiệm vụ quân sự của mình. Nhu nhược và không có nguyên tắc cứng rắn thì đừng có đánh bất ngờ, chỉ vô ích thôi! Tuy việc tìm cách đánh bất ngờ là rất phổ biến và cần thiết, tuy việc đánh bất ngờ khi nào cũng có tác dụng nhất định (nghĩ như thế là hợp lý), nhưng phải nói rằng: Đánh bất ngờ mà thành công *hoàn toàn* chỉ là ngoại lệ; kết luận này được rút ra từ bản chất của vấn đề. Vì vậy, sẽ phạm sai lầm nếu cho rằng đó là biện pháp tốt nhất để đạt điều mình muốn trong chiến tranh. Ý kiến ấy (đánh bất ngờ là biện pháp tốt nhất – ND) quả rất hấp dẫn, nhưng trong thực tiễn, sự cọ xát của toàn thể bộ máy phần nhiều đã làm cho nó không thành công.

Bất ngờ có lẽ là bộ phận của lĩnh vực chiến thuật, vì một lý lẽ rất đơn giản là các dữ kiện về thời gian và địa điểm trong chiến thuật thường ngắn hơn nhiều. Trong chiến lược, các biện pháp càng gần lĩnh vực chiến thuật thì bất ngờ càng dễ thực hiện, còn nếu chúng đã lên đến trình độ của chính trị thì bất ngờ lại càng khó thực hiện. Mọi việc chuẩn bị chiến tranh thường đòi hỏi nhiều thời gian, việc tập trung quân đội ở những vị trí chính hầu như khi nào cũng đòi hỏi phải xây dựng các kho tàng đồng thời những cuộc hành quân lớn cũng làm cho người ta có thể đoán trước hướng đi khá lâu.

Vì vậy, rất hiếm có trường hợp một Quốc gia lại có thể làm cho một Quốc gia khác bị bất ngờ vì chiến tranh hoặc vì phương hướng (hành động – ND) chung của

các lực lượng. Ở thế kỷ 17 và 18, khi chiến tranh phần nhiều còn xoay quanh việc vây hãm thành trì[83] việc bao vây bất ngờ một vị trí có công sự phòng thủ là một mục đích thông thường và là một chương đặc biệt và quan trọng của nghệ thuật chiến tranh; kể cả trong trường hợp này, việc bao vây bất ngờ nói trên cũng ít khi thành công.

Ngược lại, những sự việc có thể thực hiện trong ngày một ngày hai thì lại làm cho địch bị bất ngờ một cách dễ dàng hơn nhiều. Vì vậy, giấu kín một cuộc hành quân, rồi đi tới giấu kín một vị trí, một nơi nào đó của một địa điểm, một con đường,.v.v… là những việc thường không đến nỗi khó lắm.

Nhưng, dĩ nhiên bất ngờ càng dễ thì hiệu quả càng ít và ngược lại, bất ngờ càng khó thì hiệu quả càng nhiều. Những bất ngờ ở mức độ nhỏ ấy có thể là điểm xuất phát của những sự việc lớn (như một chiến dịch thắng lợi hoặc chiếm được một kho quan trọng): Nghĩ như vậy cũng đúng, nhưng điều đó lại chưa được lịch sử xác minh. Vì, nói chung, người ta ít thấy có những sự việc lớn là kết quả của một sự bất ngờ như thế. Bởi vậy, điều trên cho phép chúng tôi nghĩ rằng khó khăn là thuộc về bản chất của vấn đề.

Người nào muốn hỏi lịch sử về những vấn đề như vậy dĩ nhiên không nên chỉ chú ý đến những đoạn hùng biện của nhà phê phán lịch sử, hoặc những công thức, những câu chữ cầu kỳ của họ. Chúng ta hãy nhìn thẳng vào sự việc. Thí dụ: Hãy chọn một ngày nào đó của chiến dịch Silesia năm 1761 đã nổi tiếng về mặt này. Đó là ngày 22 tháng 7, ngày Frederick Đại đế cướp từ tay tướng Laudon[84] cuộc hành quân tiến về Nossen gần Neisse; theo người ta nói, việc này đã ngăn chặn không cho quân đội Áo và Nga gặp nhau ở Silesia thượng, khiến nhà vua nghỉ ngơi được trong bốn tuần lễ. Nếu người ta chịu khó đọc kỹ các ký sự về sự kiện này của những nhà viết sử chính thống,[85] và nếu người ta không có thiên kiến thì cuộc hành quân ngày 22 tháng 7 hoàn toàn không có ý nghĩa như vậy; nói chung, những lý lẽ nổi tiếng về vấn đề này đều mang đầy dẫy mâu thuẫn. Một mặt khác, người ta sẽ thấy rằng một số cuộc điều quân do Laudon thực hiện trong thời kỳ cơ động nổi tiếng này cũng không thiếu những điều vô lý. Chúng ta phải bác bỏ những chứng cứ lịch sử theo kiểu đó, nếu chúng ta còn thấy cần phải giữ lấy chân lý và sự tin tưởng tối thiểu.

Người ta hi vọng ở những hiệu quả lớn của nguyên tắc bất ngờ áp dụng trong quá trình tiến hành một chiến dịch, chính là vì nó gợi nên những biện pháp để đạt mục đích như: Hoạt động mạnh mẽ, quyết định nhanh chóng, hành quân gấp. Song những yếu tố này không phải khi nào cũng dẫn đến những kết quả mong muốn, kể cả lúc nó tồn tại ở một trình độ cao. Đó là điều đã được chứng minh bởi Frederick Đại đế và Bonaparte – hai vị tướng mà người ta thường đánh giá rất đúng là có tài năng lớn về mặt này. Tháng 7 năm 1760, khi Frederick Đại đế bất thình lình nhảy từ Bautzen đến Lacy[86] rồi quay lại đánh Dresden, ông thấy cái trò đùa[87] này chẳng có ích lợi gì cả, trong lúc ấy thì việc thất thủ Glatz[88] lại làm cho toàn bộ tình hình trở nên nguy hiểm.

Năm 1813, Bonaparte từ Dresden hai lần quay lại đánh Blücher, chưa kể đến việc

từ Lusatia thượng xâm lược Bohemia: Cả hai lần đều không đạt kết quả mong muốn. Đó chỉ là chuyện lấy gươm chém nước: Nó làm cho ông ta tốn lực lượng, tốn thời gian mà lại khá nguy hiểm nhất là ở Dresden.

Trong lĩnh vực này, sự thành công lớn về bất ngờ không tuỳ thuộc ở hoạt động tích cực đơn thuần, ở lực lượng và tính quyết đoán của bộ chỉ huy. Phải có những điều kiện thuận lợi khác. Chúng tôi hoàn toàn không nghĩ đến chuyện phủ nhận sự thành công (của yếu tố bất ngờ – ND). Nhưng chúng tôi nhấn mạnh đến sự cần thiết phải có những điều kiện thuận lợi và những điều kiện này lại rất hiếm có, còn người chỉ huy thì ít khi tạo ra được những điều kiện ấy.

Mỗi vị tướng nói trên lại cho ta một chứng minh nổi bật về điểm đó. Trước hết hãy nói đến thí dụ của Bonaparte năm 1814, trong trận ông ta đánh lại đạo quân Blücher tách khỏi đại quân và đang xuôi theo sông Marne. Một cuộc hành quân hai ngày để bất ngờ đánh địch khó lòng đưa lại những kết quả tốt hơn. Đạo quân của Blücher, rải ra trên một chặng đường ba ngày hành quân, bị đánh từng khúc một và chịu những tổn thật nặng nề ngang với một sự thất bại lớn. Điểm này là kết quả của bất ngờ, vì nếu Blücher thấy mình có thể bị tiến công ngay như thế thì ông đã tổ chức hành quân khác hẳn.

Cần phải thấy Bonaparte cũng không biết tình hình ấy, thực ra ông ta đã được hưởng một sự may mắn hiếm có.

Trận Liegnitz năm 1760 cũng như vậy. Nếu Frederick Đại đế đã thắng lợi trong trận này thì chính là vì ông đã thay đổi trong đêm một vị trí mới chiếm được: Trong trận đánh, Laudon hoàn toàn bị bất ngờ, điều đó làm ông ta mất 70 khẩu đại bác và 10.000 người. Tuy trong thời kỳ này, Frederick Đại đế có nguyên tắc là luôn luôn vận động ở cả mọi phía để tránh mọi trận đánh hay ít nhất để phá rối kế hoạch của địch, nhưng không phải vì lý do này mà nhà vua đã thay đổi vị trí trong đêm 14 rạng ngày 15. Chính bản thân nhà vua đã nói là: Vị trí ngày 14 không làm cho ông hài lòng. Ở đây cũng vậy, ngẫu nhiên đã đóng một vai trò lớn. Nếu không có sự trùng lắp giữa cuộc tiến công, sự thay đổi vị trí ban đêm và tính chất hiểm trở của địa điểm thì kết quả không được như thế.

Về mặt chiến lược ở trình độ cao và cao nhất, cũng có những thí dụ về thành công bằng đánh bất ngờ. Chúng tôi chỉ kể cuộc chinh phạt rực rỡ của vị Cử tri Lớn**[89]** chống người Thuỵ Điển từ Franconie**[90]** đến Poméranie**[91]** và tỉnh Brandenburg đến sông Prégel,**[92]** của Frederick trong chiến dịch năm 1757, và cuộc vượt núi Alps nổi tiếng năm 1800 của Bonaparte. Ở đây, cả một đạo quân phải đầu hàng và mất toàn bộ chiến trường; năm 1757 suýt nữa một đạo quân khác chẳng những phải nộp cả toàn bộ chiến trường mà còn phải tự nộp mình nữa. Cuối cùng, việc Frederick Đại đế xâm nhập vào Silesia cũng minh họa cho một cuộc chiến tranh hoàn toàn bất ngờ. Trong tất cả các trường hợp trên, thắng lợi đều đến như sét đánh; nhưng lịch sử không có nhiều thí dụ như thế nếu như người ta không lẫn lộn chúng với trường hợp của một quốc gia vì thiếu nhiệt tình và nghị lực (xứ Saxony năm 1756 và nước Nga năm 1812) nên không chuẩn bị xong, không sẵn sàng chiến đấu đúng lúc.

Chỉ còn một nhận định thêm về nội dung của vấn đề Hậu quả của bất ngờ chỉ có thể đến từ người điều khiển được đối phương; và muốn điều khiển được thì phải hoạt động đúng cung cách. Nếu chúng ta làm cho địch bị bất ngờ bằng những cuộc hành quân sai lầm thì chẳng những chúng ta không thu được thắng lợi mà còn có thể bị thất bại nặng nề; dầu thế nào, kẻ địch cũng không cần phải lo lắng nhiều đến "cú" đánh bất ngờ của ta và chính sai lầm của ta lại cho họ biện pháp để tránh đòn. Vì tiến công bao hàm nhiều hành động tích cực hơn phòng ngự, đánh bất ngờ là công việc của bên tiến công, nhưng không phải khi nào cũng như thế, chúng tôi sẽ có dịp chứng minh điều này sau. Vì vậy, chúng ta có thể thấy cả bên tiến công cũng như bên phòng ngự đều đánh bất ngờ và ở trường hợp này thì ai đánh trúng là kẻ ấy thắng.

Sự việc đáng lẽ xảy ra như thế; nhưng không phải khi nào đời sống thực tế cũng đi theo con đường ấy vì một lý do rất đơn giản. Đối với người sử dụng nó, ảnh hưởng tinh thần của yếu tố bất ngờ thường biến những nguyên nhân xấu nhất thành một việc tốt và không để cho phía bên kia có đủ thì giờ để đề ra được một quyết định hợp lý. Ít hơn mọi nơi khác, ở đây chúng tôi chỉ nghĩ đến các vị tổng chỉ huy; chúng tôi cũng nghĩ đến mỗi cá nhân nói riêng vì sự bất ngờ có một kết quả rất lạ kỳ là làm cho các mối liên hệ dãn ra, cho nên cá tính của mỗi người bộc lộ ra rõ ràng hơn.

Điều quan trọng ở đây là mối quan hệ chung giữa hai bên đối địch. Nếu ưu thế tinh thần chung cho phép làm địch nản chí và đè bẹp được chúng thì có thể sử dụng kết quả của bất ngờ để thu thắng lợi nhiều hơn trong những điều kiện đáng lẽ có thể gây nên rối ren.

Chương 10. MƯU CHƯỚC

Mưu chước bao hàm một ý định được giấu đi và vì vậy nó trái với thái độ thẳng thắn đơn giản, nghĩa là trực tiếp, cũng như một lời nói nhanh trí đối lập với sự chứng minh trực tiếp. Vì vậy nó khác hẳn với các biện pháp thuyết phục, các biện pháp mang tính chất của quyền lợi và sức mạnh, nhưng giống với sự phản trắc về nhiều mặt: Sự phản trắc cũng giấu ý định của mình. Nói cho cùng, mưu chước cũng là một thứ phản trắc một khi công việc đã xong xuôi, nhưng lại khác phản trắc ở chỗ nó không trực tiếp phản lại lời hứa của mình. Kẻ sử dụng mưu chước nhằm làm cho người mình muốn lừa phạm phải những sai lầm trong suy nghĩ, những sai lầm này cuối cùng sẽ tập chung vào một kết quả độc nhất và đột nhiên biến đổi trước mắt mình bản chất của sự vật. Vì vậy người ta có thể nói rằng: Lời nói nhanh trí là một mánh lới về hành động.

Mới nhìn qua, hình như danh từ stratégie (chiến lược) là do danh từ stratagème (mưu chước để lừa địch) sinh ra, và mặc dầu từ thời cổ Hy Lạp đến nay đã trải qua không biết bao nhiêu biến hoá thật sự và rõ rệt, danh từ này vẫn phù hợp với bản chất sâu sắc nhất của sự việc.

Nếu người ta dành cho chiến thuật nhiệm vụ thi hành các "cú" đánh, nghĩa là các cuộc giao chiến, và cho rằng chiến lược là nghệ thuật sử dụng hợp lý các khả năng do các "cú" đánh và các cuộc giao chiến đưa đến, nếu người ta bỏ ra ngoài vài lực lượng tinh thần như tham vọng nồng nhiệt luôn luôn thúc đẩy, hoặc ý chí sắt đá không bao giờ lùi bước trước khó khăn, v.v. Thì không một năng khiếu tự nhiên nào lại phù hợp với việc điều khiển và kích động các hoạt động chiến lược bằng mưu chước. Ý muốn rất phổ biến về đánh bất ngờ mà chúng tôi nói ở chương trên đã cho phép kết luận như thế; vì sự bất ngờ nào cũng bao hàm một mức độ mưu chước nhất định (mặc dầu có thể rất ít).

Nhưng mặc dầu chúng tôi có thiên hướng chú ý đến những người cầm đầu chiến tranh cố gắng vượt bậc về mặt giảo hoạt, khôn khéo và giả trá, chúng tôi cũng phải thừa nhận rằng các đức tính này rất ít biểu hiện trong lịch sử cũng như trong hàng loạt những sự kiện và tình huống.

Tìm cho ra nguyên nhân của vấn đề này không khó lắm: Nó cũng gần như đối tượng nghiên cứu của chương trước.

Chiến lược chỉ hoạt động để tổ chức giao chiến và thực hiện các biện pháp liên quan đến giao chiến. Trái với những điều xảy ra trong đời sống thông thường, chiến lược không biết đến những hoạt động bằng lời nói đơn thuần, nghĩa là bằng diễn văn, tuyên bố, v.v.. Thế nhưng chính lời nói, tuy không mất tiền mua, lại được người lắm mưu chước sử dụng để đánh lừa thiên hạ.

Trong chiến tranh, nhiều cái giống như lời nói: Mệnh lệnh và kế hoạch giả trá, tin tức bịa đặt truyền đi cho địch nghe, v.v. Thường rất ít có hiệu quả về mặt chiến lược, đến nỗi người ta chỉ có thể dùng nó trong một vài trường hợp lẻ tẻ tự nó xuất hiện. Đó không phải là đối tượng cho hoạt động độc lập của con người hành động.

Nhưng đẩy mạnh tổ chức giao chiến đến mức làm cho địch phải gờm, để đòi hỏi phải tiêu phí nhiều thời gian và nghị lực; sự tiêu phí này càng lớn nếu mục đích càng cao. Vì thường thường người ta không ai muốn hi sinh như thế, cho nên về mặt chiến lược phần nhiều những cái gọi là biểu dương lực lượng ấy đều không đạt được kết quả mong muốn. Thật vậy, sử dụng một cách hình thức những lực lượng lớn trong một khoảnh khắc nhỏ là rất nguy hiểm. Làm như thế có thể là vô ích và sau này người ta sẽ thấy thiếu các lực lượng nói trên ở điểm quyết định.

Con người hành động luôn luôn thấy được chân lý đơn giản đó, và vì vậy họ không muốn chơi cái trò đùa dựa trên một sự khéo léo giả trá ấy. Sự cần thiết gay gắt và nghiêm túc làm cho hành động trực tiếp cấp bách đến nỗi không thể nào có chỗ đứng cho cái trò đùa ấy được. Tóm lại: Trên bàn cờ, các con cờ không có sự khéo léo ấy, nó chính là bản chất của mưu chước và giảo hoạt.

Từ đó chúng ta rút ra kết luận: Người làm tướng cần có cái nhìn đúng và sâu sắc; đức tính này cần thiết và ích lợi hơn mưu chước, nhưng mưu chước cũng chẳng có hại gì nếu nó không gây ra trở ngại đối với các đức tính khác (điều này rất hiếm có).

Nhưng các lực lượng đặt dưới sự điều khiển của chỉ đạo chiến lược càng yếu thì chỉ đạo chiến lược lại càng có thể dùng đến mưu chước. Người nào rất yếu đuối, rất bé nhỏ, đến nỗi sự khôn ngoan và sự sáng suốt cũng chẳng có ích lợi gì nữa, đến nỗi mọi phương tiện của nghệ thuật (chiến tranh – ND) hình như cũng đã từ bỏ anh ta thì mưu chước càng trở nên biện pháp cuối cùng. Tình hình càng bi đát thì anh ta lại càng muốn đánh "một cú" tuyệt vọng cuối cùng và mưu chước lại càng dễ hòa hợp với táo bạo.

Không cần tính toán, không cần lo đến sự trừng phạt mai hậu, táo bạo và mưu chước tăng cường lẫn cho nhau bằng cách tập trung vào một điểm, tia hy vọng tuy nhỏ nhặt nhưng vẫn còn có thể bùng lên.

Chương 11. TẬP TRUNG LỰC LƯỢNG TRONG KHÔNG GIAN

Chiến lược tốt nhất là *luôn luôn phải rất mạnh*, trước tiên là mạnh về mặt tổng quát, sau đó là mạnh ở điểm quyết định. Ngoài sự cố gắng cần thiết để thành lập các đạo quân (việc thành lập này không phải khi nào cũng phụ thuộc vào người tướng), phép tắc cao nhất và đơn giản nhất của chiến lược là *tập trung lực lượng*. Không thể để một tý lực lượng nào tách ra khỏi đạo quân chính nếu không có ý do *cấp bách*. Chúng tôi sẽ giữ vững tiêu chuẩn này, coi đó là người hướng dẫn đáng tin cậy. Dần dần, chúng ta sẽ thấy những lý do nào có thể là hợp lý để phân tán lực lượng. Khi ấy chúng ta sẽ hiểu rằng: Nguyên tắc này không phải khi nào cũng có kết quả như nhau, song kết quả khác nhau còn tuỳ theo mục đích và phương tiện.

Điều này khó tin thật, thế mà trong hành động, dễ có đến hàng trăm lần các lực lượng vũ trang đã bị chia nhỏ vì người ta đã tuân theo một thứ truyền thống mơ hồ nào đó mà chẳng hiểu tại sao cả.

Nếu việc tập trung mọi lực lượng vũ trang được thừa nhận là tiêu chuẩn, nếu mọi sự tách biệt và phân chia được coi như một sai biệt cần có lý do, thì chẳng những người ta tránh được sự ngu ngốc này mà rất nhiều lý do sai lầm về phân chia cũng sẽ được loại bỏ.

Chương 12. TẬP TRUNG LỰC LƯỢNG TRONG THỜI GIAN

Lúc được cụ thể hóa trong đời sống thực tế, khái niệm mà chúng ta nói ở đây đã làm nảy sinh ra nhiều ảo tưởng. Vì vậy, chúng tôi tin rằng định nghĩa và phát triển ý kiến chúng tôi về đề tài này là có ích; do đó chúng tôi đề nghị được phép tiến hành một cuộc phân tích nhỏ nữa.

Chiến tranh là sự va chạm giữa các lực lượng đối địch, do đó lực lượng mạnh mẽ hơn không những phá tan lực lượng yếu hơn mà còn cuốn phăng nó đi theo đà tiến của mình: Đó là điều rất tự nhiên.

Điều này thật ra đã loại trừ lối sử dụng binh lực kéo dài trong thời gian, trái lại, việc sử dụng đồng thời tất cả các lực lượng vào một cuộc xung đột độc nhất là quy luật cơ bản của chiến tranh.

Thật vậy, sự việc xảy ra như thế, nhưng chỉ trong mức độ trận đánh giống như một sự va chạm cơ giới; khi va chạm này bao hàm tác động qua lại lâu dài giữa các lực lượng phá hoại lẫn nhau thì người ta có thể quan niệm được tác động liên tiếp của chúng. Điều này xảy ra trong chiến thuật, trước hết vì khẩu súng là cơ sở chính của mọi chiến thuật, nhưng cũng vì nhiều lý do khác. Trong một cuộc giao chiến bằng súng, 1.000 người đối chọi với 500, tổn thất của họ là tổng số tổn thất của lực lượng địch và lực lượng mình. Thật vậy, 1.000 người bắn được gấp hai lần số phát súng so với 500 người – nhưng số đạn bắn trúng vào 1.000 người lại nhiều hơn vào 500 người, vì người ta có thể cho rằng hàng ngũ của 1.000 người đông đặc hơn. Nếu ta cho rằng đạn trúng đích hai lần nhiều hơn thì cả hai bên tổn thất ngang nhau. Về bên 500, có 200 bị loại khỏi vòng chiến đấu và bên 1.000 cũng như thế.

Nhưng nếu bên 500 người lại có 500 người dự trữ hoàn toàn ở ngoài vòng lửa đạn thì cả hai bên đều có mỗi bên 800 người để đưa ra chiến đấu nữa; nhưng một bên có 500 người hoàn toàn mới còn sung sức, có đủ súng đạn, còn phía bên kia có 800 người đã bị phá hoại về tổ chức, súng đạn không đầy đủ và đã mất đi một phần sức lực. Nói cho đúng, giả thiết cho rằng nên 1.000 người do đông gấp hai lần nên bị tổn thất nhiều hơn bên kia hai lần là không chính xác; vì vậy, sự tổn thất nhiều hơn của phía giữ lại một nửa số quân dự bị phải coi như là một điều không thuận lợi. Cũng phải thừa nhận rằng trong phần lớn các trường hợp, 1.000 người ngay từ lúc đầu có thể đuổi địch ra khỏi vị trí và buộc chúng phải rút lui. Còn về việc so sánh xem hai thuận lợi này có bù được điều bất lợi là phải chiến đấu với một đội quân 800 người đã bị phá hoại về tổ chức chống với một kẻ thù yếu hơn một ít lại có 500 người còn sung sức hay không: Điều này chưa thể phân tích trước được. Chúng ta cần phải dựa vào kinh nghiệm, và người ta cũng không thể thấy được người sĩ quan giàu kinh nghiệm nào lại không muốn theo cách bố trí nhằm có nhiều binh sĩ còn sung sức.

Như vậy, người ta sẽ hiểu được tại sao việc sử dụng quân đội quá đông có thể trở thành một điều bất lợi. Dù ưu thế ban đầu có cho ta một số thuận lợi, sau đó chúng ta

cũng vẫn có thể phải trả bằng một giá rất đắt.

Nhưng nguy cơ đó cũng không vượt quá tình trạng *mất trật tự, tình trạng rệu rã* và *suy yếu*, tóm lại: *sự khủng hoảng* theo sau một cuộc chiến đấu, kể cả lúc *chiến đấu thắng lợi*. Nếu ta chú ý đến tình trạng suy yếu này thì sự tham gia của quân đội còn tương đối sung sức là một yếu tố nhất định.

Nhưng nếu sự rệu rã do thắng lợi đưa đến đã chấm dứt, nếu (bên thắng trận – ND) chỉ còn lại ưu thế tinh thần của thắng lợi thì các lực lượng còn sung sức (của bên thất trận – ND) cũng chẳng hàn gắn được các tổn thất, chúng cũng bị cuốn đi trong ngọn triều thắng lợi… Một đạo quân thất trận không thể thắng lợi được trong ngày hôm sau nhờ có dự bị mạnh. *Ở đây, chúng ta thấy căn nguyên của sự khác nhau rất chủ yếu giữa chiến thuật và chiến lược*.

Nhưng kết quả chiến thuật, kết quả nằm ở *bên trong* giao chiến và trước khi giao chiến kết thúc, *phần nhiều thuộc về giai đoạn rệ rã và suy yếu này*; còn kết quả chiến lược. Nghĩa là kết quả toàn bộ, bất kỳ thắng lợi nhỏ hoặc lớn nào, *đều ở ngoài giai đoạn ấy*. Chỉ khi nào tất cả kết quả của các cuộc giao chiến bộ phận đã hòa hợp thành một tổng thể độc lập thì mới xuất hiện kết quả chiến lược.

Nhưng khi ấy thì tình trạng khủng hoảng không còn nữa, các lực lượng trở lại hình thái ban đầu và chỉ mất đi bộ phận thật sự bị phá hoại.

Kết quả của sự khác nhau này là: Chiến thuật có thể sử dụng lực lượng theo cách nối tiếp, còn chiến lược thì phải sử dụng các lực lượng cùng một lúc.

Nếu trong chiến thuật đánh thắng trận đầu không phải là quyết định, nếu có lo ngại cho thời gian sắp tới, thì dĩ nhiên người ta không phải vì muốn đánh thắng trận đầu mà sử dụng nhiều quân đội quá sự cần thiết; người ta cũng sẽ đồng thời để những lực lượng dự trữ ra ngoài vùng lửa đạn, ra ngoài vùng giáp là cà để sau này có thể đem lực lượng sung sức đối chọi với lực lượng sung sức, hoặc để dùng lực lượng sung sức này đánh thắng các lực lượng suy yếu khác.

Trong chiến lược thì không như thế được. Một mặt, như chúng tôi đã chứng minh, khi đã thu được thắng lợi thì chiến lược không sợ hành động trả đũa của quân địch, vì thắng lợi này tức là sự kết thúc của cuộc khủng hoảng; một mặt khác, tất cả những lực lượng được sử dụng một cách chiến lược không nhất thiết bị suy yếu. Chỉ những lực lượng tham gia cuộc xung đột *chiến thuật* với kẻ địch (nghĩa là tham gia chiến đấu bộ phận) mới bị suy yếu (trừ khi người ta tiêu hao lực lượng một cách vô ích thì không kể); sự mất mát này chỉ giới hạn trong phạm vi ít nhất, không đụng chạm đến tất cả các lực lượng tham gia cuộc xung đột chiến lược với kẻ địch. Những đạo quân ít chiến đấu hoặc không chiến đấu vì có ưu thế về số quân (sự có mặt của họ cũng đã làm nghiêng cán cân) thì vẫn y như cũ và vẫn có thể được sử dụng lại giống như khi chúng không hoạt động gì cả. Những đạo quân này là ưu thế của chúng ta, chúng có thể góp phần vào thắng lợi cuối cùng đến mức nào, đó là điều rất hiển nhiên (ý nói: Chúng góp phần rất lớn và thắng lợi cuối cùng – N D). Cũng rất dễ hiểu tại sao chúng có thể làm giảm bớt rất nhiều tổn thất của các lực lượng tham chiến của chúng ta trong xung đột chiến thuật.

Trong chiến đấu, vì sự tăng thêm tổn thất và số quân được sử dụng không đi đôi với nhau, trái lại, nhiều khi số quân càng đông thì tổn thất càng ít, một mặt khác số quân càng đông thì càng quyết định (thắng lợi – N D) càng chắc chắn đối với chúng ta, cho nên dĩ nhiên chúng ta phải kết luận rằng người ta không bao giờ có thể sử dụng quá nhiều lực lượng, rằng các lực lượng mà ta bố trí cần được sử dụng *đồng thời vào một lúc*.

Chúng tôi lại phải bảo vệ luận điểm này về một quan điểm khác nữa. Cho đến bây giờ, chúng tôi mới chỉ nói đến bản thân vấn đề giao chiến; đó là hoạt động chiến tranh chính cống. Nhưng cũng cần phải tính đến con người, thời gian và không gian, tức là những yếu tố có ảnh hưởng đáng kể của giao chiến, và chú ý đến kết quả tác động của chúng.

Tuy về thực chất không liên quan đến bản thân cuộc chiến đấu, song những gian khổ, căng thẳng, thiếu thốn trong chiến tranh cũng là một yếu tố phá hoại đặc biệt, ít nhiều gắn liền với chiến đấu, vả lại nó là yếu tố chủ yếu thuộc lĩnh vực chiến lược. Đúng ra, trong chiến thuật người ta cũng gặp khó khăn, căng thẳng, thiếu thốn, nhưng vì các hành động chiến thuật có thời hạn ngắn hơn nên ảnh hưởng của những hy sinh và căng thẳng đối với nó không rõ rệt lắm. Nhưng trong chiến lược, với thời gian và không gian rộng lớn hơn nhiều, thì ảnh hưởng của chúng chẳng những luôn rõ rệt mà thường thường lại hoàn toàn có tính chất quyết định. Ta không lạ lắm khi thấy một đạo quân chiến thắng bị tổn thất vì bệnh tật nhiều hơn là bị tổn thất trên chiến trường.

Nếu chúng ta tính toán đến phạm vi của sự phá hoại này trong chiến lược cũng như khi ta tính toán đến hỏa lực và đánh giáp lá cà trong chiến thuật, thì chúng ta có thể tưởng tượng một cách dễ dàng rằng: Đến cuối một chiến dịch hoặc một giai đoạn chiến lược, tất cả những gì chịu chi phối bởi sự phá hoại đó sẽ bị suy yếu đến nỗi sự có mặt của các lực lượng sung sức sẽ giữ vai trò *quyết định*. Như vậy, người ta có thể đi đến kết luận là: Trong trường hợp sau cũng như trường hợp trước, phải tìm cách đạt được thắng lợi đầu tiên với những phương tiện càng ít càng tốt để giành các lực lượng sung sức cho giai đoạn cuối.

Để đánh giá đúng ý kiến này (trong thực tế nó thường thường có vẻ phù hợp với chân lý), cần phải dừng lại ở nhiều mặt khác của vấn đề. Trước hết, không nên lẫn lộn khái niệm về viện binh đơn thuần với khái niệm về một lực lượng sung sức nguyên vẹn. Chiến dịch kết thúc thì bên thắng cũng như bên bại phần nhiều đều rất muốn tăng cường lực lượng. Đó không phải là điều chúng tôi muốn nói vì việc tăng cường lực lượng ấy sẽ không cần thiết nếu ngay từ đầu ưu thế về số quân đã rất lớn. Những sẽ trái với mọi kinh nghiệm nếu thừa nhận rằng một đạo quân vừa mới đến chiến trường lại có một giá trị tinh thần lớn hơn một đạo quân đã có mặt ở đấy, và ngược lại một đội dự bị chiến thuật lại có giá trị hơn một đạo quân đã chịu đựng nhiều trong chiến đấu. Một chiến dịch thất bại làm cho quân đội mất anh dũng và mất tinh thần bao nhiêu thì một chiến dịch thắng lợi lại làm cho họ thêm anh dũng bấy nhiêu.

Cho nên, phần nhiều những ảnh hưởng này đền bù cho nhau và ngoài ra, sự dày

dạn trong tác chiến lại là một món lợi ròng. Hơn nữa, ở đây cần phải chú ý đến những chiến dịch thắng lợi nhiều hơn là những chiến dịch thất bại vì nếu triển vọng nghiêng về thất bại thì suy cho cùng cũng là do lực lượng không đầy đủ, và vì vậy cũng không thể có vấn đề dành một phần lực lượng để sử dụng sau này.

Sau khi đã giải quyết xong điểm trên, ta cần biết những tổn thất do cố gắng và thiếu thốn gây nên có tăng thêm khi quy mô của chúng tăng thêm như thường thấy trong giao chiến hay không? Đối với câu hỏi này phải trả lời: "Không".

Không ít thì nhiều, nguy hiểm thấm vào từng lúc của hành vi chiến tranh: Đó là nguyên nhân của phần lớn các cố gắng. Đương đầu với vô số những nguy cơ hiểm nghèo ấy mà vẫn tiếp tục được quá trình hành động một cách vững chắc, đó là mục đích của vô số hoạt động của các cơ quan chiến thuật và chiến lược trong quân đội. Hoạt động của các cơ quan nói trên càng khó khăn thì quân đội càng yếu, hoạt động đó càng dễ dàng thì ưu thế của quân đội đối với kẻ thù càng cơ bản. Nghi ngờ thế nào được? Một chiến dịch chống một kẻ địch yếu hơn mình nhiều thì chỉ cần bỏ ra ít cố gắng hơn là một chiến dịch chống một đối phương có lực lượng bằng mình hoặc mạnh hơn mình.

Đó là vấn đề cố gắng. Còn về vấn đề thiếu thốn thì hơi khác. Có hai thứ thiếu thốn: Thiếu tiếp tế, thiếu chỗ trú quân cho quân đội (kể cả doanh trại hoặc nơi đồn trú ở dã ngoại). Dĩ nhiên, quân đội càng đông và càng tập trung vào một điểm thì khó khăn này càng tăng. Thế nhưng, phải chăng chính vì có ưu thế về lực lượng nên mới có phương tiện tốt nhất để rải rộng ra và tìm được nơi đồn trú nhiều hơn, vì vậy lại tìm ra nhiều phương tiện ăn ở hơn? Năm 1812, khi Bonaparte tiến quân trên đất Nga, ông ta tập hợp phần lớn quân đội vào một đường tiến (từ trước tới giờ chưa ai từng thấy như thế) và vì vậy quân đội phải chịu đựng những thiếu thốn chưa hề có; ở đây, ông ta cũng hành động theo nguyên tắc: Ở điểm quyết định thì cành mạnh chừng nào càng tốt chừng ấy.

Ở đây ta không nghiên cứu đến vấn đề: Nguyên tắc nói trên có được thi hành một cách thái quá không; nhưng chắc chắn rằng muốn tránh thiếu thốn thì Bonaparte chỉ cần tiến quân trên một mặt trận rộng hơn. Ở Nga không thiếu chỗ, và các nơi khác cũng vậy thôi. Bởi thế lý do trên không chứng minh rằng: Sử dụng đồng thời một số quân có ưu thế lớn hơn thì nhất thiết phải gây ra một sự suy yếu lớn hơn. Nhưng chúng ta hay giả thiết: Mưa nắng và mệt nhọc không tránh khỏi trong chiến tranh cũng đã làm tổn hại đến cả bộ phận quân đội đáng lẽ phải dự trữ để dùng làm lực lượng bổ sung sau này. Dù rằng bộ phận quân đội đó có thể dỡ được gánh nặng cho toàn bộ, chúng tôi vẫn phải nhìn bao quát toàn bộ tình hình và đặt câu hỏi theo kiểu sau: Việc giảm lực lượng này có gía trị bằng việc tăng lực lượng do ưu thế về số quân ở nhiều điểm khác đưa đến không? Tuy vậy chúng ta vẫn cần xem xét đến một vấn đề quan trọng nữa. Nếu chỉ có một cuộc giao chiến cục bộ, người ta có thể dự tính gần đúng các lực lượng cần thiết để đạt thắng lợi quan trọng mà người ta mong muốn, do đó có thể dự tính được các lực lượng còn thừa. Về chiến lược thì không thể làm như vậy vì kết quả chiến lược không có đối tượng rõ ràng và giới hạn chật hẹp

như thế. Cái gọi là lực lượng thừa trong chiến thuật thì trong chiến lược phải gọi là phương tiện để mở rộng thắng lợi nếu có cơ hội. Nhưng tỉ số lợi nhuận thêm với quy mô của thắng lợi, cho nên ưu thế về số quân có thể mau chóng đạt tới những thành tựu mà dầu có tiết kiệm lực lượng tỉ mỉ đến mấy cũng không đạt được.

Nhờ có ưu thế về số quân nên năm 1812, Bonaparte đã tiến đến tận Moscow và chiếm lấy thủ đô quan trọng này. Hơn nữa, nếu ông ta nhờ có ưu thế ấy mà tiêu diệt được hoàn toàn quân đội Nga thì ông ta đã đạt được hòa bình ở Moscow, đến nỗi bất kỳ biện pháp nào cũng không thể đạt được kết quả như thế. Chúng tôi đưa thí dụ này để giải thích chứ không phải để chứng minh cho tư tưởng của chúng tôi vì chứng minh điều này rất phức tạp, ở đây không phải chỗ để làm việc ấy.

Tất cả những điều suy nghĩ trên chỉ minh họa cho ý niệm về sự sử dụng kế tiếp số quân chứ chưa phải là khái niệm thực sự về dự bị; những điều suy nghĩ đó luôn luôn đi bên cạnh khái niệm về dự bị nhưng lại dính liền với những ý niệm khác mà chúng ta sẽ thấy ở chương sau. Chúng tôi muốn chỉ rõ là: Trong chiến thuật, lực lượng chiến đấu chỉ bị giảm chỉ vì thời hạn sử dụng thực sự, và vì vậy thời gian là một yếu tố kết quả, điểm này không thật đúng đối với chiến lược. Hiệu quả phá hoại của thời gian (cũng tồn tại trong chiến lược) một phần bị bớt đi vì khối lượng của các lực lượng chiến đấu nhưng một phần lại được bù lại bằng những biện pháp khác; tự bản thân chiến lược không thể tự tìm đồng minh trong thời gian bằng cách sử dụng quân đội theo thứ tự nối tiếp.

Chúng tôi nói: Tự bản thân chiến lược, bởi lẽ có nhiều điều kiện khác do thời gian đưa đến nhưng lại khác hẳn với thời gian (nhất định thời gian có tầm quan trọng đối với một trong hai bên đối địch); tầm quan trọng này không phải là vô nghĩa hoặc quá nhỏ và sẽ là đối tượng của sự phân tích sau này.

Đây là quy luật mà chúng ta muốn rút ra: Tất cả các lực lượng có thể nhằm đạt một mục đích chiến lược phải được sử dụng cùng một lúc, và nếu tất cả được dồn vào một hành động, vào một khoảng thời gian thì việc sử dụng lại càng hoàn hảo.

Nhưng trong chiến lược, áp lực và hiệu quả liên tục không phải vì thế mà không tồn tại. Chúng ta không có quyền coi thường chúng: Đó là biện pháp chủ yếu để đạt thắng lợi cuối cùng, biện pháp này không ngoài sự phát triển của các lực lượng mới. Chúng ta sẽ nghiên cứu điểm này trong một chương riêng,**[93]** và chúng tôi nhắc đến nó ở đây là để cho bạn đọc khỏi lầm lẫn.

Bây giờ chúng tôi đề cập đến một vấn đề gắn chặt với những nhận xét trước đây của chúng tôi; nó sẽ hoàn thành việc làm cho những kết luận tổng quát của chúng tôi bị bộc lộ bản chất thực sự của chúng; chúng tôi muốn nói đến vấn đề: *dự bị chiến lược*.

Chương 13. DỰ BỊ CHIẾN LƯỢC

Một lực lượng dự bị có hai chức năng khác hẳn nhau: Chức năng thứ nhất là kéo dài và đổi mới chiến đấu, chức năng thứ hai là phục vụ trong trường hợp bất ngờ. Chức năng thứ nhất bao gồm việc sử dụng nối tiếp quân số một cách có ích, và vì vậy không thể xảy ra trong chiến lược. Phái một đạo quân từ hậu phương đến một điểm sắp mất: Việc này hiển nhiên thuộc về chức năng thứ hai vì sự chống cự của địch chưa được dự kiến đầy đủ.

Nhưng một đạo quân chỉ dùng để kéo dài chiến đấu, và vì vậy người ta đặt làm dự bị ở hậu phương, thì sẽ chỉ ở ngoài tuyến lửa. Tuy nhiên, không phải vì vậy mà nó không chịu sự điều khiển và bố trí của người chỉ huy cao nhất của trận đánh. Như vậy, đạo quân này là đội dự bị chiến thuật chứ không phải chiến lược.

Nhưng yêu cầu phải có một lực lượng sẵn sàng can thiệp khi xảy ra bất ngờ cũng có thể có trong chiến lược; như vậy cũng có thể có một lực lượng dự bị chiến lược, song chỉ đặt ở những nơi mà người ta có thể nghĩ đến các tình huống bất ngờ. Trong chiến thuật phần nhiều chỉ thấy được sự bố trí của địch bằng cách nhìn trực tiếp: Một khu rừng, một thung lũng của vùng đồi núi có thể dùng để che giấu lực lượng được bố trí; vì vậy, dĩ nhiên phải luôn luôn hoặc ít hoặc nhiều nghĩ đến những trường hợp bất ngờ, để tăng cường lực lượng ở những điểm hình như quá yếu và có thể tổ chức một cách tổng quát các lực lượng của ta cho tương xứng với các lực lượng của địch.

Những trường hợp tương tự cũng có thể xảy ra trong chiến lược, vì hành động chiến lược trực tiếp gắn liền với hành động chiến thuật. Trong chiến lược cũng vậy, nhiều biện pháp được đề ra do nhìn sự việc được trực tiếp, có nhiều tin tức không chắc chắn dồn dập đến từ ngày này sang ngày khác, giờ này sang giờ khác, và cuối cùng là do kết quả thực sự của giao chiến. Giành một số quân phù hợp với mức độ bấp bênh để sau này sử dụng, đó là một điều kiện cần thiết của bộ chỉ huy chiến lược.

Trong phòng ngự nói chung, nhất là trong phòng nhự một số vùng đất đai có chướng ngại như sông, núi, v.v; thì điều này thường xảy ra luôn, như người ta đã biết.

Nhưng hoạt động chiến lược càng xa hoạt động chiến thuật thì tính chất bấp bênh nói trên lại càng bớt đi để rồi mất hẳn trong những khu vực gần gũi với chính trị.

Hướng mà các đạo quân địch tiến vào trận đánh chỉ có thể biết được bằng cách nhìn trực tiếp: Địa điểm quan địch vượt sông có thể biết được nhờ những sự bố trí ngay trước đó; còn quân địch sẽ xâm lược nước ta bằng phái nào thì các báo đã nói đến ngay từ trước khi nổ ra một phát súng ngắn. Quy mô của công việc chuẩn bị càng lớn thì tính chất bất ngờ càng giảm bớt đi. Thời gian và không gian rất rộng rãi, các điều kiện từ đó sinh ra hành động rất vững chắc và rõ ràng, đến nỗi kết quả được biết rất đúng lúc hoặc rất dễ khám phá ra.

Một mặt khác, nếu như việc chuẩn bị càng có tính chất tổng quát thì việc sử dụng lực lượng dự bị (giả thiết rằng lực lượng dự bị ấy là có thật) trong môi trường này của chiến lược càng ít có hiệu quả.

Chúng ta đã thấy rằng: Quyết định của một cuộc giao chiến cục bộ tự nó chẳng là cái gì cả, và mọi cuộc giao chiến cục bộ chỉ được giải quyết dứt khoát trong quyết định của cuộc giao chiến toàn bộ.

Thế nhưng, cả quyết định của cuộc giao chiến toàn bộ nói trên cũng chỉ có một tầm quan trọng tương đối; tầm quan trọng này khác nhau rất nhiều về mức độ, tùy theo lực lượng bị đánh bại là một bộ phận lớn hay không lớn, quan trọng hay không quan trọng của toàn bộ. Một trận đánh thất bại của một đạo quân có thể được đền bù bằng sự thắng trận của toàn quân và cũng có khi sự thất bại của một đạo quân chẳng những được đền bù mà còn biến thành một sự kiện thắng lợi nhờ ở chiến thắng của một đạo quân lớn hơn (hai ngày chiến đấu ở Kulm**[94]**). Đó là điều không thể nghi ngờ được, và cũng rất hiển nhiên là bên phía thất bại càng có tầm quan trọng bao nhiêu thì trọng lượng của mỗi thắng lợi (kết quả thắng lợi của mỗi cuộc giao chiến toàn bộ) lại càng có tính chất độc lập bấy nhiêu, vì vậy khả năng bù đắp vào tổn thất bằng một sự kiện sau này càng bị giảm bớt đi bấy nhiêu. Chúng ta sẽ nghiên cứu vấn đề này kỹ càng hơn vào một lúc khác. Bây giờ, chúng ta hãy chỉ nhấn mạnh đến sự tồn tại của sự tiến triển không thể tránh được này.

Thêm vào hai nhận định trên, chúng tôi đưa ra nhận định thứ ba trong chiến thuật, việc sử dụng nối tiếp các lực lượng luôn luôn đặt quyết định chủ chốt vào cuối hành động tổng quát; trái lại, trong chiến lược, quy luật về sử dụng đồng thời lại gần như bao giờ cũng làm cho quyết định chủ yếu (không nhất thiết quyết định này là quyết định cuối cùng) tham gia vào lúc khởi đầu của hành động lớn. Ba kết luận trên cho chúng tôi những lý do đầy đủ để nghĩ rằng mục đích càng *tổng quát* thì lực lượng dự bị chiến lược càng thừa, càng vô ích và nguy hiểm.

Ý niệm về dự bị chiến lược bắt đầu trở thành mâu thuẫn ở điểm nào? Không khó tìm lắm; nó nằm ở trong *quyết định chính*, tất cả mọi lực lượng đều phải góp sức vào quyết định chính, và dành lại mọi lực lượng dự bị (số quân còn có thể có) để sử dụng sau quyết định này là một sự phi lý.

Trong lúc các lực lượng dự bị chẳng những cung cấp cho chiến thuật biện pháp đối với những sự bố trí bất ngờ của địch mà con bù đắp cho kết quả không thể dự kiến trước của giao chiến nếu kết quả đó xấu, thì chiến lược không thể dùng biện pháp trên, ít nhất là trong các vấn đề có liên quan đến quyết định lớn. Nói chung, chiến lược chỉ có thể chữa lại những tác hại đã xảy ra ở một điểm nào đó nhờ các thắng lợi đạt được ở các điểm khác và đôi lúc nhờ việc chuyển quân từ nơi này sang nơi khác, nhưng không bao giờ nó lại nên và có thể nghĩ trước đến việc tránh tác hại này bằng một lực lượng dự bị.

Chúng tôi đã nói rằng ý niệm về một lực lượng dự bị chiến lược vắng mặt trong hành động chính quả là một điều phi lý, nó rõ ràng đến nỗi chúng tôi sẽ không phân tích vấn đề này như chúng tôi đã làm trong hai chương trên, nếu ý niệm này thường thường xuất hiện dưới sự bao che của những khái niệm khác làm cho nó có cái vẻ bề ngoài đúng đắn hơn. Người này thì cho đó là tinh túy của sự khôn ngoan và sự thận trọng có tính chất chiến lược, còn người thì bác bỏ tất cả ý đồ về lực lượng dự bị,

nghĩa là bác bỏ cả dự bị chiến thuật. Những ý niệm lẫn lộn này đã đi vào đời sống thực tế. Thí dụ về nước Phổ là một chứng minh rực rỡ. Năm 1806, nước Phổ duy trì một lực lượng dự bị gồm 20.000 người đóng ở Brandenburg, dưới quyền chỉ huy của hoàng thân Eugène de Württemberg. Lực lượng dự bị này không hề đến sông Saal kịp thời, trong lúc một đạo quân khác bao gồm 25.000 người cũng của cường quốc này (Phổ – N D) thì ở lại Đông Phổ và Nam Phổ; *ý đồ của bộ chỉ huy là: Chỉ sau này mới cần cho nó sẵn sàng chiến đấu để làm lực lượng dự bị*.

Sau những thí dụ như thế, người ta sẽ không còn buộc tội được cho chúng tôi là đã làm một công việc gàn dở, vô ích nữa.**[95]**

Chương 14. TIẾT KIỆM LỰC LƯỢNG

Như chúng tôi đã nói trên, ít khi con đường suy nghĩ lại bị các nguyên tắc và dư luận rút gọn vào đường thẳng liên tục đơn thuần toán học. Bao giờ cũng vẫn còn một khoảng trống**[96]** nào đó. Phải chăng nghệ thuật thực tiễn nào của đời sống cũng là như vậy? Những đường nét của sắc đẹp trông biết đến tung độ, hoành độ; người ta không vạch đường tròn và đường ellipse bằng các công thức đại số.

Con người hoạt động đôi khi phải tin vào sự nhạy cảm của mình; sự nhạy cảm này được xây dựng trên sự sáng suốt tự nhiên của bản thân và được sự suy nghĩ mài sắc thêm, có thể hầu như vô tình mà đạt trúng đích; và đôi khi nó phải đơn giản hóa quy luật bằng cách rút gọn quy luật vào trong một vài điều chỉ dẫn rõ ràng tạo thành những quy tắc; đôi khi nó lại còn làm phải làm cho các quy tắc chỉ đạo của mình phù hợp với các phương pháp truyền thống.

Cần phải làm thế nào để tất cả các lực lượng phối hợp chặt chẽ với nhau, nói một cách khác không thể để một phần lực lượng nào đó không hoạt động: Nguyên nhân này là một loại chỉ dẫn đơn giản hóa như chúng tôi đã nói ở trên, một loại phương pháp tính nhẩm. Ai giữ một phần số quân ở những nơi không cần thiết, ai để một phần quân đội của mình đi hành quân, nghĩa là giữ nó trong tình trạng của một trọng lượng chết, trong khi lực lượng của đối phương đã bước vào chiến đấu, tức là người ấy sử dụng lực lượng không tốt. Về mặt này, người ta có thể nói rằng: Việc lãng phí lực lượng còn gây ra tác hại xấu hơn là việc sử dụng không đúng lúc. Trong lúc cần phải hành động thì điều kiện chủ yếu là tất cả các bộ phận đều phải lao vào hành động vì hành động (kể cả hành động không đúng thời cơ) giữ chân và phá hoại một phần lực lượng địch. Trái lại, nếu như các đơn vị quân đội chỉ nằm một chỗ thì ngay trong lúc đó đã tỏ ra là hoàn toàn vô tích sự. Ý kiến này rõ ràng gắn liền với các nguyên tắc của ba chương cuối; cũng là chân lý đó nhưng dựa trên một quan điểm rộng rãi hơn và tập trung vào một khái niệm duy nhất.

Chương 15. YẾU TỐ HÌNH HỌC

Yếu tố hình học (hay là hình thái trong đó các lực lượng quân sự được bố trí) sẽ có một quy mô lớn để trở thành một nguyên tắc chỉ đạo, điều đó biểu hiện rất rõ trong nghệ thuật trúc thành, trong đó cái gì cũng theo hình học, từ những việc lớn nhất cho đến những việc nhỏ nhất. Trong chiến thuật, hình học cũng giữ một vị trí rất rộng rãi. Nó là cơ sở của chiến thuật theo nghĩa hẹp nhất, tức là theo nghĩa: Lý thuyết về các cuộc vận động quân đội. Trong các công trình trúc thành dã chiến và trong lý thuyết về các vị trí và tiến công vị trí, các góc và đường thẳng đã trở thành những nhà lập pháp toàn quyền, những trọng tài của cuộc chiến đấu. Trong lĩnh vực này, nhiều điều bị áp dụng sai còn nhiều điều khác thì lại chỉ là trò trẻ con. Thế nhưng, chính trong chiến thuật hiện nay, lúc mà mỗi cuộc giao chiến đều có mục đích bao vây kẻ địch, yếu tố hình học lại có một tầm quan trọng hàng đầu, dưới một hình thức ứng dụng rất đơn giản nhưng lại được lắp lại luôn. Tuy nhiên, vì trong chiến thuật cái gì cũng linh động hơn, các lực lượng tinh thần, các cá tính và yếu tố ngẫu nhiên đều gây tác động nhiều hơn so với chiến tranh công thành nên yếu tố hình học không bao giờ đạt được mức độ ưu thế như trong công thành.

Trong chiến lược, ảnh hưởng của nó lại càng ít hơn nữa. Dĩ nhiên, cách bố trí quân đội, hình thế các vùng và các quốc gia cũng có tầm quan trọng lớn, nhưng ở đây yếu tố hình học không quyết định như trong nghệ thuật trúc thành và còn xa lắm mới quan trọng bằng trong chiến thuật. Ảnh hưởng của yếu tố này bộc lộ ra bằng cách nào? Điều này chỉ có thể chỉ ra dần dần, lúc nó xuất hiện và lúc người ta cần chú ý đến nó. Bây giờ, chúng tôi chỉ muốn lưu ý về sự khác nhau về mối liên quan đó giữa chiến thuật và chiến lược.

Trong chiến thật, thời gian và không gian mau chóng rút gọn vào trong cái tối thiểu tuyệt đối của chúng. Khi một đạo quân bị tiến công từ bên sườn và phía sau; nó nhanh chóng đi đến chỗ không còn rút lui được nữa; một tình hình như thế là rất gần với việc mất khả năng tuyệt đối để tiếp tục chiến đấu, nó buộc đạo quân phải thoát bằng được ra khỏi hoàn cảnh đó hoặc tránh rơi vào tình trạng đó. Chính vì vậy, mọi cách bố trí nhằm đạt mục đích đó tất nhiên có một tầm quan trọng lớn, trước hết là do địch phải lo ngại đến hậu quả của các cách bố trí ấy. Điều đó giải thích tại sao sự bố trí hình học của bộ đội lại có một ảnh hưởng to lớn đến như thế đối với kết quả.

Tất cả những điều trên chỉ phản ánh một cách yếu ớt trong chiến lược: Ở đây, thời gian và không gian có quy mô lớn hơn nhiều. Người ta không bắn súng từ chiến trường này sang chiến trường khác và mọi cuộc vu hồi chiến lược (contournement stralégique) trong kết hoạch thường phải qua nhiều tuần nhiều tháng mới trở thành hiện thực. Ngoài ra, các khoảng cách đều rất lớn đến nỗi, dầu ta chuẩn bị tỉ mỉ như thế nào đi nữa, xác suất đánh đúng chỗ cũng vẫn rất thấp.

Trong chiến lược, giá trị của các kiểu biện pháp trên (nghĩa là yếu tố hình học của các cách bố trí) rất yếu, và chính vì vậy mà cái gì đã đạt được tạm thời ở một điểm

nhất định lại càng có tầm quan trọng lớn hơn. Thuận lợi ấy có thì giờ để phát huy hiệu quả của nó trước khi bị ngăn trở, hoặc có thể bị phá hủy bởi những lo ngại ngược lại. Vì vậy chúng ta không hề ngần ngại để nhận định sự kiện sau đây như một chân lý không thể bác bỏ: Trong chiến lược, số lượng và quy mô của các cuộc giao chiến thắng lợi quan trọng hơn nhiều so với hình thành của các tuyến lớn nối liền chúng với nhau.

Ý kiến chiếm ưu thế trong học thuyết hiện đại đối lập hẳn với chúng tôi, vì người ta tưởng rằng có như thế mới coi chiến lược là quan trọng và có như thế chiến lược mới trở thành một chức năng cao cấp của trí tuệ; người ta tưởng có làm như thế chiến tranh mới trở thành cao quý hơn và, theo một kiểu hoán dịch ý kiến gần đây nhất, như thế mới là *khoa học hóa* chiến tranh. Chúng tôi nghĩ rằng một trong những nhiệm vụ chính của hệ thống học thuyết hoàn chỉnh là vạch trần loại sai lệch lớn này. Yếu tố hình học là ý niệm cơ bản từ đấy chúng thường xuất hiện, cho nên chúng tôi chú ý nhấn mạnh đặc biệt đến điểm đó.

Chương 16. BÀN VỀ NHỮNG ĐỢT NGƯNG CHIẾN

Nếu người ta coi chiến tranh là một hành vi tiêu diệt lẫn nhau thì tất nhiên cần phải thấy rằng hai bên đều tiến lên một cách tổng quát: Nhưng đối với mỗi khoảnh khắc nối tiếp thì lại phải đồng thời (điều này cũng là tất yếu) thấy rằng có một bên đang chần chừ và chỉ có bên kia là tiến lên vì không bao giờ tình trạng của cả hai bên lại hoàn toàn giống nhau, hay ít nhất nó sẽ không giống nhau. Dần dà, sẽ sinh ra một sự thay đổi, sau đó khoảnh khắc hiện tại sẽ thuận lợi cho một bên hơn là cho bên kia. Nếu ta giả thiết rằng cả hai vị tổng chỉ huy của cả hai bên đầu hoàn toàn nắm được tình hình ấy, thì sự hiểu biết này sẽ là lý do hành động đối với một bên nhưng nó cũng lại là lý do chờ đợi đối với bên kia. Vì vậy, cả hai bên không thể cùng một lúc có chung một điểm lợi là tiến lên, và chờ đợi cũng không thể cùng có lợi cho cả hai bên. Sự loại trừ lẫn nhau trong cùng một mục tiêu ấy không phải rút ra từ nguyên tắc phân cực tổng quát của chúng tôi, và vì vậy không mâu thuẫn với điều khẳng định ở chương 5 của tập II**[97]** nhưng nó lại được rút ra từ việc: Cùng một sự kiện, đối với cả hai vị chỉ huy, thực tế đã trở thành lý do quyết định trong xác suất làm cho tình hình tốt hơn hoặc xấu hơn bởi hành động tương lai.

Ngay cả khi thừa nhận rằng có khả năng là tình hình của hai bên giống nhau hoàn toàn, rằng vì cả hai vị chỉ huy đều không biết đầy đủ về các tình huống qua lại giữa hai bên nên có ảo tưởng về sự giống nhau hoàn toàn này, thì khả năng ngừng chiến đấu cũng vẫn vị thủ tiêu vì mục tiêu chính trị khác nhau.

Về mặt chính trị mà nói, một trong hai bên phải là kẻ xâm lược vì nếu cả hai bên đều có ý muốn phòng ngự thì không bao giờ xảy ra chiến tranh. Thế nhưng, bên xâm lược lại có mục đích tích cực còn bên phòng ngự thì lại chỉ có mục đích tiêu cực. Hành động tích cực mới đạt được mục đích tích cực. Trong trường hợp mà tình hình hoàn toàn như nhau đối với cả hai bên, mục đích tích cực thúc đẩy kẻ xâm lược phải hành động.

Dưới góc độ ấy và nhìn thật gần, việc ngừng hành vi chiến tranh là mâu thuẫn với chính bản thân mình vì hai quân đội, như hai yếu tố không thể hòa hợp, phải tự cấn xé lẫn nhau không ngừng, như nước với lửa không bao giờ cân bằng nhau, cho đến khi một bên bị tiêu diệt hẳn. Người ta sẽ nói như thế nào về hai đồ vật ôm lấy nhau trong một thời gian dài mà không cử động gì cả? Vì vậy, hành vi chiến tranh như một bộ máy đồng hồ đã lên hết dây cót, phải tự làm cho sự chuyển động của mình tiếp tục vĩnh viễn. Thế nhưng, dầu bản chất của nó man rợ đến đâu, chiến tranh cũng phải mang dấu ấn của sự yếu hèn của con người, và sẽ không ai ngạc nhiên về mâu thuẫn mà chúng ta thấy ở đây, tức là con người tìm kiếm và sáng tạo ra nguy hiểm đồng thời lại sợ nguy hiểm.

Nếu chúng ta nhìn qua lịch sử quân sự nói chung, chúng ta sẽ thấy rằng trong thực tế người ta không phải là tiến lên không ngừng đến mục đích, rằng sự *ngừng lại và không hoạt động* hiển nhiên là *trạng thái bình thường* của quân đội trong chiến

tranh và hành động là một sự việc *hiếm có*. Chỉ một tý nữa thôi, bản thân chúng tôi cũng có thể nghi ngờ quan niệm của chúng tôi. Lịch sử quân sự kể lại rất nhiều sự kiện: Điều này gây ra những nghi ngờ nói trên, nhưng chính một chuỗi sự kiện gần đây nhất lại tự nó xác minh quan niệm của chúng tôi. Nhưng cuộc chiến tranh của Cách mạng Pháp đã minh họa điều này quá đầy đủ và chứng tỏ một cách rất rõ ràng rằng căn cứ vững chắc của nó. Chính trong các cuộc chiến tranh nói trên và trong các chiến dịch của Bonaparte, chiến tranh đã đạt tới mức độ ác liệt mà chúng tôi coi như quy luật tự nhiên và sơ đẳng của nó. Như vậy sự ác liệt này có khả năng xảy ra, và chính vì nó có khả năng xảy ra nên nó là tất yếu.

Thật vậy, với cách nhìn của lý trí thì làm sao giải thích được sự tiêu phí lớn lao của các lực lượng mà không thừa nhận rằng nó nhất thiết sẽ dẫn đến hành động! Người làm bánh mì đốt lò lên để nướng bánh, người ta chỉ buộc ngựa vào xe khi muốn lên đường. Trong chiến tranh, tại sao lại phải cố gắng lớn lao như thế để rồi chỉ thu nhận được những cố gắng tương tự về phía địch? Tất cả những điều trên nhằm để giải thích nguyên tắc chung trước khi nói đến những biến đổi của nguyên tắc ấy trong phạm vi có liên quan đến bản chất của sự vật chứ không phải đến những trường hợp cá biệt.

Người ta thấy ở đây ba nguyên nhân được xem như những trọng lượng cân bằng bên trong, có thể hãm sự chuyển động của bộ máy đồng hồ nhanh quá hoặc liên tục quá.

Nguyên nhân thứ nhất là nguyên nhân gây ra một thiên hướng nghỉ ngơi liên tục và vì vậy trở thành một yếu tố trì hoãn, đó là bản chất nhút nhát, sự ngập ngừng của bộ óc con người – thứ trọng lượng tinh thần không phải từ lực hấp dẫn nhưng lại từ các lực đẩy ra mà có, nghĩa là từ sự sợ hãi nguy hiểm và trách nhiệm mà có.

Yếu tố chiến tranh là lửa, nghĩa là một yếu tố trong đó những bản chất bình thường trở thành nặng nề; sức thúc đẩy vì vậy phải mạnh hơn và nhiều hơn để sự chuyển động được liên tục. Những người lính được vũ trang để đánh một mục đích: Ít khi họ chỉ nghĩ đến mục đích này mà chiến thắng được sức ỳ kể trên; nếu họ không được một tinh thần thượng võ và mạo hiểm chỉ đạo (tinh thần này vận động trong chiến tranh như cá ở trong nước) và nếu như họ không chịu sức ép của một trách nhiệm lớn từ trên đưa xuống, thì việc ngừng chiến sẽ là quy luật còn sự tiến lên sẽ là ngoại lệ.

Nguyên nhân thứ hai là do sự hiểu biết và óc phán đoán của con người không được hoàn hảo, cái không hoàn hảo này càng lộ rõ trong chiến tranh hơn bất kỳ nơi nào khác vì người ta không biết được rõ tình hình chính xác của từng lúc, còn về tình hình địch thì chỉ đoán định được qua bức màn của một số dự đoán. Sau đó, cả hai bên thường thường đều cho rằng có một mục tiêu có lợi cho cả hai bên, nhưng trong thực tế, quyền lợi của bên này lại lấn hẳn quyền lợi của bên kia. Cho nên mỗi bên đều có thể tin rằng việc đợi thời cơ tốt là khôn ngoan, như chúng tôi đã nói ở chương 5, tập II.**[98]** Nguyên nhân thứ ba giống như cái chốt hãm chặn đứng bánh xe của bộ máy đồng hồ và đôi khi dẫn đến ngừng bắn hoàn toàn, đó là ưu thế lực lượng của bên

phòng ngự. A có thể cảm thấy quá yếu nên không tiến công B, nhưng như thế không có nghĩa là B đủ mạnh để tiến công A. Lực lượng bổ sung của bên phòng ngự không chỉ mất đi khi chuyển qua tiến công, nhưng lại trở thành có lợi cho địch, cũng như theo nghĩa bóng, hiệu số giữa a + b và a – b bằng 2 b. Vì vậy có thể xảy ra tình trạng: Cùng một lúc cả hai phe đều cảm thấy rằng nếu tiến công thì họ quá yếu (và trong thực tế cũng như vậy).

Để tự đề cao và để kìm hãm sự sôi sục sơ đẳng của chiến tranh, sự khôn ngoan, lo xa, sự sợ hãi thái quá trước nỗi nguy hiểm quá lớn đã tìm thấy bạn đồng minh tiện lợi ở chính ngay trong nghệ thuật chiến tranh.

Thế nhưng, những nguyên nhân trên không thể giải thích được những cuộc ngừng chiến dài ngày trong các cuộc chiến tranh thời xưa: Không có nguyên nhân lớn nào quyết định các cuộc chiến tranh ấy, trong đó chín phần mười thời gian, quân đội sống trong nhàn rỗi. Nguyên nhân đầu tiên của hiện tượng này là ảnh hưởng của những đòi hỏi của một bên, tình hình và tính nết của phía bên kia tác động đến sự chỉ đạo chiến tranh như chúng tôi đã nói trong chương trình bày về vấn đề: Bản chất và đối tượng của chiến tranh.

Những sự việc trên có thể có ưu thế đến nỗi nó biến chiến tranh thành một thứ lai căng. Chiến tranh thường thường chỉ là một sự trung lập có vũ trang, hoặc là một thái độ đe dọa nhằm làm chỗ dựa cho các cuộc đàm phán, hoặc là một âm mưu vừa phải để đạt một thắng lợi nhỏ nào đó trong lúc chờ đợi kết quả, hoặc là một nghĩa vụ khó chịu đối với một kẻ đồng minh mà người ta giúp đỡ càng ít càng tốt.

Trong tất cả những trường hợp trên, sự thúc đẩy của quyền lợi thường rất nhẹ nhàng, hoặc nguyên tắc thù địch yếu, hoặc người ta không chủ tâm làm hại nhiều đến kẻ địch và cũng không có gì phải sợ kẻ địch nhiều lắm; tóm lại, vì không có lý do mạnh mẽ thúc đẩy và kích thích nên các chính phủ mới từ chối không muốn liều lĩnh, và vì vậy mới có thứ chiến tranh hạn chế, trong đó hoàn toàn không có tinh thần phục thù của chiến tranh thực sự.

Chiến tranh càng trở thành chiến tranh nửa vời, thì lý thuyết của nó lại càng mất cơ sở và mất những cột trụ cần thiết cho lý thuyết; yếu tố tất yếu càng bớt dần, tính bất thường ngày càng lớn thêm.

Tuy vậy, loại chiến tranh này cũng có logic riêng của nó. Các kiểu cách bố trí của nó có thể có nhiều vẻ và rộng rãi hơn trong loại chiến tranh kia. Cuộc đánh bạc để đạt từng chuỗi tiền vàng hình như đã trở thành một trò buôn bán lỗ lãi vài xu. Chính trong lĩnh vực này, chiến tranh diễn biến dưới những hình thái phụ thuộc**[99]** như những trận đột kích vào các vị trí tiền tiêu nửa nghiêm túc, nửa khôi hài, hoặc những cuộc vận động dài dằng dặc không đạt được cái gì cả, như những cuộc đồn trú và hành quân mà sau đó người ta tuyên bố là rất thông thái vì lý do rất đơn giản là người ta đã mất hút nguyên nhân vô cùng nhỏ bé của nó, còn lương tri thông thường thì thấy nó là vô dụng: Chính trong lĩnh vực này nhiều nhà lý thuyết của chiến tranh chính cống đã tìm thấy lập luận của mình.**[100]** Đối với những nhà lý thuyết này thì những sự giả vờ, những cuộc né tránh hoặc những cú đánh nửa vời hoặc chưa được

nửa vời trong các cuộc chiến tranh cũ là mục đích của mọi lý thuyết, là ưu thế của tinh thần đối với vật chất; đối với ưu thế này thì các cuộc chiến tranh gần đây, theo họ, là những sự đụng đầu thô bạo không đem lại bài học nào và cũng theo họ thì đó chỉ là quay trở lại thời man rợ. Ý kiến này cũng như đối tượng của nó đều rất vụn vặt. Không có những nghị lực lớn, những say mê lớn thì sự sáng suốt phát triển dễ dàng hơn. Nhưng việc sử dụng những lực lượng lớn, việc lái con tàu qua gió cả sóng cao không phải là hoạt động cao cấp của tinh thần hay sao? Cái thứ đấu gươm kia há không phải đã được bao gồm trong việc chỉ đạo các loại chiến tranh trên ở tầm cao hay sao? Việc chỉ đạo chiến tranh phải chăng cũng như bản thân sự chuyển động của con tàu? Bởi vì loại chiến tranh cấp thấp này chỉ có thể tồn tại được với điều kiện mặc nhiên là kẻ địch cũng chấp nhận nó. Và làm sao mà biết được rằng kẻ địch sẽ giữ lời cam kết trong bao lâu? Phải chăng Cách mạng Pháp đã đến tiến công vào chúng ta giữa lúc chúng ta đang sống trong cảnh an toàn giả tạo của hệ thống lỗi thời của chúng ta, rồi lại đánh đuổi chúng ta từ Châlons**[101]** đến Moscow? Phải chăng Frederick Đại đế cũng đã đánh bất ngờ như vậy vào người Áo: Ngài đã làm rung chuyển nền quân chủ Áo lúc bọn họ đang yên nghỉ trên truyền thống quân sự cũ kỹ của họ? Tai hại thay cho những Bộ (trong chính phủ – ND) dám lấy một thứ chính trị nửa vời và một thứ hệ thống quân sự nửa vời để đương đầu với một kẻ địch mạnh như vũ bão, chỉ biết lấy sức mạnh của bản thân mình làm quy luật! Một lầm lỗi nhỏ trong hoạt động hoặc trong cố gắng cũng đủ làm cho cán cân nghiêng về phía có lợi cho địch.

Chuyển thái độ của người đấu gươm sang thái độ của người lực sĩ quả không phải là chuyện dễ, và một sự đụng chạm nhẹ cũng đủ làm đổ vỡ tan tành tất cả.

Từ tất cả những nguyên nhân mà chúng tôi vừa nói, ta có thể thấy rằng: Hành vi chiến tranh trong một chiến dịch không diễn ra như một sự chuyển động liên tục, nhưng lại tiến lên bằng nhảy vọt, giữa những hành động đổ máu khác nhau có nhiều khoảng thời gian dùng để quan sát, trong đó hai bên đều ở vào thế phòng ngự, cũng như một mục tiêu cao cấp bắt một trong hai phía phải theo nguyên tắc tiến công và phải có một thái độ chung nhằm mục đích tiến lên, do đó cách hoạt động của bên tiến công phải thay đổi ít nhiều.

Chương 17. TÍNH CHẤT CỦA CHIẾN TRANH HIỆN ĐẠI

[102]

Cần phải chú ý rằng tính chất của chiến tranh hiện đại có một ảnh hưởng lớn trên nhiều mặt, nhất là đối với mặt chiến lược. Cũng như trong khi vận hội và tính táo bạo của Bonaparte đã làm đảo lộn các phương pháp cũ có tính chất công thức, trong khi những quốc gia hạng nhất đều bị tiêu diệt cùng một lúc thì người Tây Ban Nha, nhờ cuộc chiến đấu quyết liệt của họ, cũng đã chỉ rõ rằng: Vũ trang toàn thể dân tộc và những biện pháp nổi dậy trên một quy mô lớn có thể có hiệu quả, mặc dầu trong chi tiết vẫn có chỗ yếu ớt và mơ hồ. Cũng tương tự như trên, nước Nga nhờ chiến dịch năm 1812, đã dạy cho chúng ta rằng: Trước hết, một đế quốc rộng lớn không thể nào bị chinh phục được (đáng lẽ người ta đã biết trước điều này), rằng khả năng thắng lợi cuối cùng không phải khi nào cũng giảm bớt đi lúc ta bị thua nhiều trận, lúc ta bị mất thủ đô và nhiều tỉnh (cho đến lúc bấy giờ, đây vẫn là một nguyên tắc bất di bất dịch đối với tất cả các nhà ngoại giao và thúc đẩy họ chấp nhận ngay lập tức một thứ hòa bình không tốt và tạm thời nào đó.**[103]** Trái lại, nước Nga đã chứng minh rằng: Một dân tộc thường mạnh nhất ở giữa lòng đất nước của mình khi sức mạnh tiến công của địch đã mòn mỏi, rằng: Chính lúc này bên phòng ngự lại có thể tung ra một lực lượng tiến công lớn đến chừng nào. Hơn nữa, nước Phổ (1813) đã chứng minh rằng những cố gắng đột xuất có thể tăng lực lượng một quân đội lên gấp sáu lần nhờ có dân binh và đạo dân binh này có thể sử dụng được cả ở ngoài nước lẫn trong nước. Cuối cùng, tất cả những sự kiện này đã chỉ rõ: Trong tích số các lực lượng của một Quốc gia, của chiến tranh và chiến đấu, trái tim và tình cảm của một dân tộc có thể trở thành một nhân tố rộng lớn đến chừng nào, rằng bây giờ các chính phủ đã biết được những biện pháp bổ sung đó thì đừng nên tưởng rằng họ sẽ xếp chúng vào một xó, không dùng đến chúng trong chiến tranh tương lai, nếu tai họa đe dọa sự tồn tại của họ hoặc lòng tham vọng nóng bỏng lôi kéo họ.

Rất dễ hiểu rằng: Một cuộc chiến tranh có sức mạnh của toàn thể dân tộc phải được chỉ đạo theo những nguyên tắc khác với những cuộc chiến tranh trong đó tất cả đều tính toán theo những mối quan hệ qua lại giữa các quân đội thường trực. Mới đây, các quân đội thường trực còn giống như hạm đội, và các lực lượng lục quân còn giống như các lực lượng hải quân trong những mối quan hệ của chúng với bộ phận còn lại của Quốc gia. Nghệ thuật chiến tranh trên đất liền có một cái gì giống như chiến thuật hải quân. Hiện nay thì nó mất hẳn sự giống nhau này đi rồi.

Chương 18. CĂNG THẲNG VÀ NGHỈ NGƠI

(Quy luật của động lực chiến tranh)

Chúng ta đã thấy ở chương 16 của tập này rằng: Trong phần lớn các chiến dịch, thời gian tạm hoãn và nghỉ ngơi dài hơn thời gian hành động. Hiện nay, như chúng tôi đã nói trong chương trước, nhiều cuộc chiến tranh có một tính chất khác hẳn; tuy vậy, giữa các hoạt động thực sự vẫn có những cuộc nghỉ ngơi dài hoặc ngắn, do đó chúng ta phải nghiên cứu kỹ hơn hai thái độ này.

Khi hành vi chiến tranh ngừng lại, nghĩa là không bên nào có ý muốn tích cực, thì có nghỉ ngơi, nghĩa là có tình trạng cân bằng (tuy theo nghĩa rất rộng) bao gồm không những các lực lượng chiến đấu vật chất và tinh thần mà còn cả toàn bộ tình hình và quyền lợi nữa. Khi một trong hai bên lại muốn có một mục đích tích cực và bắt đầu hoạt động để đạt mục đích ấy, dầu chỉ là những công việc chuẩn bị đơn giản, và khi phía bên kia bắt đầu đối phó lại, thì có tình hình căng thẳng giữa các lực lượng; sự căng thẳng này sẽ kéo dài cho đến khi có một quyết định, nghĩa là cho đến khi một bên từ bỏ mục đích của mình hoặc là bên kia chịu nhượng bộ.

Kết quả của các cuộc giao chiến đối với cả hai bên là nguyên nhân của quyết định ấy, và theo sau quyết định khi nào cũng có một cuộc vận động theo hướng này hoặc hướng khác.

Khi cuộc vận động này bị mòn mỏi đi do gặp những khó khăn cần phải khắc phục, kể cả sự cọ xát trong bản thân mình, hoặc do có những trọng lượng cân bằng khác, thì sinh ra một cuộc vận động mới; phần nhiều là theo hướng ngược lại.

Sự phân biệt có tính cách lý luận đó giữ cân bằng, căng thẳng và vận động có một tầm quan trọng chủ yếu đối với hành động thực tiễn hơn là người ta tưởng lúc mới nhìn qua.

Trong tình trạng nghỉ ngơi và cân bằng, có thể vẫn tồn tại rất nhiều hoạt động, nhất là những hoạt động có nguyên nhân tạm thời và không nhằm mục đích thay đổi lớn. Loại hoạt động này có thể bao gồm những cuộc giao chiến quan trọng, kể cả những chiến dịch chủ yếu, nhưng bản chất của nó vẫn thuộc một phạm trù khác và vì vậy, hiệu quả cũng thuộc một phạm trù khác.

Khi có căng thẳng thì quyết định bao giờ cũng có hiệu quả hơn một phần, vì ở đấy ý chí mạnh mẽ hơn, áp lực của tình hình cũng nặng hơn, một phần vì ở đấy tất cả đều chuẩn bị và hướng về một cuộc vận động lớn. Quyết định lúc bấy giờ giống như hiệu quả của một quả mìn chôn sâu và nhồi đầy thuốc, còn một sự kiện khác tuy bản thân nó cũng quan trọng nhưng xảy đến trong giai đoạn nghi ngơi thì lại ít nhiều giống như một liều thuốc súng tự do nổ ngoài trời.

Dĩ nhiên, cần phải thấy tình trạng căng thẳng như một tình trạng khác nhau về cường độ; nó có thể nhích từng bước tới gần tình trạng nghỉ ngơi đến nỗi cuối cùng nó không khác tình trạng nghỉ ngơi là mấy.

Bài học chủ yếu mà chúng ta rút ra được từ những suy nghĩ trên là: Các biện pháp

chủ trương lúc căng thẳng là quan trọng hơn, có hiệu quả hơn lúc có tình trạng cân bằng, và tầm quan trọng này vô cùng lớn hơn khi tình hình căng thẳng lên đến tột độ.

Trận bắn pháo Valmy**[104]** có tính chất quyết định hơn là chiến dịch Hochkirch.**[105]** Trong một vùng địch đã bỏ đi vì không giữ được, chúng ta có thể đến đồn trú một cách khác hơn là lúc quân địch rút lui chỉ nhằm để đạt một quyết định tốt hơn trong những điều kiện thuận lợi hơn. Khi một cuộc tiến công chiến lược đang được thực hiện, một vị trí xấu, hoặc chỉ một cuộc hành quân lầm lỗi cũng có thể có những kết quả quyết định, còn lúc ở tình trạng cân bằng thì những lầm lỗi này phải quá lộ liễu mới gây ra một vài hoạt động về phía địch.

Như chúng tôi đã nói trên, phần lớn các cuộc chiến tranh đã qua đều ở trong tình trạng cân bằng ấy hay ít nhất cũng ở trong tình trạng căng thẳng rất nhẹ nhàng, rất xa xôi, có ảnh hường yếu ớt đến nỗi các sự kiện xảy ra ít khi gây nên những hậu quả nghiêm trọng: Có khi đó là một cuộc thao diễn nhân dịp một lễ kỷ niệm nhà vua (Hochkirch), có khi đó chỉ là một cử chỉ đơn thuần để thỏa mãn danh dự nhà binh (Kunersdorf**[106]**) hoặc để thỏa mãn tính khoe khoang của vị chỉ huy (Freiberg**[107]**).

Theo ý chúng tôi, điều chủ yếu là người chỉ huy phải nắm được tình trạng đó, phải có đủ nhạy cảm để hành động cho phù hợp, và chiến dịch 1806 đã dạy cho chúng ta rằng: Có lúc chúng ta đã thiếu đức tính ấy biết chừng nào. Giữa lúc xảy ra tình hình căng thẳng ghê gớm, giữa lúc tất cả đang tập trung để đi đến quyết định cuối cùng, đáng lẽ quyết định này với tất cả những hậu quả của nó phải là nỗi lo lắng duy nhất của người chỉ huy, thì người ta lại đề nghị và bắt đầu áp dụng một số biện pháp (như việc đi thám sát về phía Franconie). Trong thời kỳ cân bằng, các biện pháp này chỉ là một trò đùa qua lại vô ích.

Qua tất cả những cách nhìn và những biện pháp mơ hồ thu hút mọi hoạt động của quân đội kể trên, những biện pháp độc nhất có thể cứu vãn quân đội đều đã bị bỏ rơi.

Sự phân biệt có tính chất lý thuyết mà chúng tôi vừa chú ý lại càng rất cần thiết cho lý thuyết tiến lên, vì những điều chúng tôi cần nói về mối quan hệ giữa tiến công và phòng ngự và về sự thực hiện hành vi hai mặt này có liên quan chặt chẽ đến tình trạng khủng hoảng của các lực lượng trong thời kỳ căng thẳng và vận động, và vì mọi hoạt động xảy ra trong thời kỳ cân bằng chỉ được xem xét và nghiên cứu như một hệ quả. Vì cuộc khủng hoảng này mới là chiến tranh thực sự, còn tình trạng cân bằng kể trên chỉ là phản ánh mà thôi.

TẬP IV. GIAO CHIẾN

Chương 1. KHÁI QUÁT

Sau khi đã nghiên cứu trong tập trước các vấn đề mà ta có thể coi như những yếu tố cơ bản của chiến tranh, bây giờ chúng ta để cập tới vấn đề giao chiến, một hoạt động thực sự chiến tranh bao trùm hoàn toàn mục tiêu của chiến tranh bằng kết quả vật chất và tinh thần, lúc thì rất giản đơn, lúc lại quá phức tạp. Những yếu tố ấy sẽ luôn luôn xuất hiện trở lại trong hoạt động này cũng như trong ảnh hưởng của nó.

Cơ cấu của giao chiến thuộc về chiến thuật, ở đây chúng ta cần nhìn qua để có một ý niệm bao quát.

Trong thực tiễn, những mục tiêu trước mắt nhất sẽ làm cho mỗi cuộc giao chiến có một hình thái riêng biệt. Sau này chúng ta sẽ nghiên cứu thêm. Những hình thái độc đáo ấy phần nhiều không có nghĩa lý gì đối với những tính chất chung của một cuộc giao chiến, đến nỗi phần lớn những tính chất chung ấy lại tương tự như nhau. Để thỉnh thoảng khỏi phải nhắc lại những khái niệm chung ấy. Chúng ta cần nghiên cứu tìm hiểu chúng trước khi đi vào ứng dụng trong thực tế.

Chương sau, chúng tôi sẽ đứng về phương diện diễn biến chiến thuật để nói một vài lời về những đặc điểm của chiến tranh hiện đại, vì vấn đề này là cơ sở cho nhận thức của chúng tôi về giao chiến.

Chương 2. TÍNH CHẤT CỦA TÁC CHIẾN HIỆN ĐẠI

Qua chiến thuật và chiến lược, chúng ta đã nhận thức được rằng mọi biến đổi xảy ra trong bản chất của chiến thuật nhất định, sẽ tác động vào chiến lược. Nếu trong trường hợp nào đó những hiện tượng chiến thuật có tính chất hoàn toàn khác với các trường hợp khác thì sự tình cũng sẽ xảy ra như thế trong các hiện tượng chiến lược, nếu không chúng sẽ không hợp lý và không có hệ thống. Cần thử phác ra hình thái hiện nay của trận đánh chủ yếu trước khi làm quen với việc sử dụng nó trong chiến lược.

Ngày nay, trong một trận đánh lớn, vấn đề gì sẽ xảy ra? Người ta bố trí thành những khối lớn, khối này cạnh khối kia, và khối này sau khối khác. Người ta chỉ triển khai một phần tương đối nhỏ so với toàn thể, và bắt bộ phận này chịu đựng hàng giờ dưới lửa đạn liên tục tuy vẫn có những cuộc xáo động nhỏ do các nhịp xung kích, do kỵ binh xung phong hoặc giáp lá cà làm đứt quãng hoặc làm di chuyển đi đôi chút. Tới khi bộ phận ấy đã bị tiêu hao, tinh thần chiến đấu giảm sút và chỉ còn là những đám tàn binh,**[108]** người ta rút chúng ra khỏi trận địa và thay thế bằng những bộ phận khác.

Trận đánh cứ tiêu hao dần di như vậy theo một nhịp độ đều đều như thuốc súng bị ẩm cho tới lúc màn đêm buộc mọi người ngừng tay, lúc ấy chẳng còn ai nom thấy gì vả lại cũng chẳng còn ai muốn phó mình cho may rủi. Mỗi bên đều tiến hành thống kê số quân còn khả năng chiến đấu, nghĩa là những bộ phận còn chưa bị hoàn toàn tan nát như những núi lửa bị tắt vì đá lở lấp kín miệng. Người ta tính toán lại bộ phận đất đai đã chiếm được hoặc đã mất đi và sự an toàn của hậu phương, rồi sau đó cộng những số liệu ấy với hiện trạng về lòng dũng cảm và sự hèn nhát, về sự sáng suốt hoặc ngu ngốc mà người ta phát hiện được ở phía mình hoặc ở phía địch, tóm tắt lại trong một cảm tưởng bao quát: Từ đó sẽ rút ra quyết tâm phải rút khỏi chiến trường hoặc sẽ lại tiếp tục giao chiến vào ngày hôm sau.

Diễn tả như vừa nói, không mong vẽ được một bức tranh hoàn hảo về một trận đánh hiện đại mà chỉ để trình bày mấy nét chung, phù hợp cả cho phòng ngự và tiến công; người ta có thể đưa thêm vào đó những nét đặc thù của mục tiêu theo đuổi, do đặc điểm địa phương, v.v. Mà không làm cho những nét đó bị ảnh hưởng.

Không phải tình cờ mà chiến đấu hiện đại có sắc thái ấy. Chúng có sắc thái ấy là do các bộ phận đối mặt đã đạt đến trình độ tổ chức quân sự và nghệ thuật chiến tranh gần như nhau, và vì bạo lực chiến tranh được những lợi ích to lớn của các quốc gia đảm bảo đã phá vỡ những bức rào nhân tạo để đi theo con đường phát triển tự nhiên của nó. Với hai điều kiện đó, những trận đánh sẽ mãi mãi giữ tính chất ấy.

Sau này, nhận thức chung đó về chiến tranh hiện đại sẽ giúp chúng ta rất nhiều khi cần xác định giá trị những hệ số khác nhau về lực lượng, đất đai, v.v.

Sự diễn đạt của chúng tôi chỉ nhằm vào những trận giao chiến lớn có tính chất chung và quyết định, cũng như những cái gì có liên quan tới nó; những trận giao

chiến nhỏ cũng đã thay đổi tính chất theo cùng chiều hướng, song không thay đổi nhiều như những trận lớn; chúng ta sẽ còn có dịp làm sáng tỏ một vài khía cạnh của vấn đề này.

Chương 3. BÀN VỀ GIAO CHIẾN NÓI CHUNG

Giao chiến là hoạt động chiến tranh đích thực, mọi hoạt động khác chỉ là để hỗ trợ. Vì vậy chúng ta hãy nghiên cứu kỹ hơn bản chất của giao chiến.

Giao chiến nghĩa là chiến đấu, và mục tiêu thực thụ của chiến đấu là tiêu diệt hoặc đánh bại đối phương; thông thường trong mỗi cuộc giao chiến riêng biệt, đối phương là lực lượng quân sự đối địch với ta.

Đấy chỉ là khái niệm đơn thuần. Chúng tôi sẽ trở lại vấn đề này; vì vậy không thể không đề cập tới một loạt các khái niệm khác.

Nếu chúng ta hình dung mỗi quốc gia và lực lượng quân sự của nó như một đơn vị thì tự nhiên ta hình dung chiến tranh như một cuộc giao tranh lớn duy nhất; trong những điều kiện sinh hoạt sơ đẳng của các dân tộc dã man, sự việc đã diễn biến gần như thế. Nhưng những cuộc chiến tranh của chúng ta lại là một chuỗi những cuộc giao chiến lớn và nhỏ, đồng thời hoặc kế tiếp nhau và sự phân tán hoạt động trong những hành động đặc biệt như thế phải dựa vào những tình huống rất khác nhau do chiến tranh đưa đến.

Thật vậy, mục tiêu cuối cùng của mọi cuộc chiến tranh, tức là bản thân mục tiêu chính trị, không bao giờ hoàn toàn giản đơn và nếu như có giản đơn đi nữa thì nó cũng dính dáng đến một số điều kiện và lý do, nhiều đến nỗi chúng ta sẽ không đạt được mục tiêu nếu chỉ có một hành động ở quy mô rộng lớn mà không sử dụng nhiều hành động có tầm quan trọng khác nhau, những hành động ấy gộp thành một tổng thể. Mỗi hành động riêng biệt ấy phải là một phần của cái toàn thể và đều có những mục tiêu riêng biệt nhưng có liên quan tới cái toàn thể ấy.

Chúng tôi đã nói rằng mọi hành động chiến lược đều không có gì hơn là việc sử dụng lực lượng quân sự với ý niệm giao chiến và ý niệm giao chiến này lại phải căn cứ vào lực lượng quân sự. Trong lĩnh vực chiến lược, mọi hành động chiến tranh có thể rút gọn vào đơn vị, tức là giao chiến tay đôi, vì vậy chúng ta chỉ cần chú ý tới mục tiêu của loại giao chiến này mà thôi.

Chúng ta chỉ dần dần biết được những mục tiêu riêng biệt ấy khi chúng ta đề cập tới những nguyên nhân của chúng. Chúng ta hãy chú ý là mỗi cuộc giao chiến, nhỏ hoặc lớn, đều có mục tiêu riêng của nó, mục tiêu ấy có liên quan tới mục tiêu chung. Nếu quả đúng như thế thì việc tiêu diệt và việc khuất phục đối phương phải được coi là những biện pháp để đạt những mục tiêu ấy. Lẽ đương nhiên là phải như vậy.

Nhưng kết luận này chỉ đúng trong cách lập luận logic này mà thôi và chỉ có ý nghĩa trong mối quan hệ tổng quát thâu tóm mọi khái niệm chặt chẽ và chúng ta phân tích nó chính là để có thể loại trừ nó.

Khuất phục đối phương là thế nào? Đó chỉ là sự tiêu diệt lực lượng quân sự của họ hoặc bằng thương vong hoặc bằng bất cứ biện pháp nào khác, việc tiêu diệt phải hoàn toàn hoặc đủ làm cho đối phương không thể tiếp tục chiến đấu được nữa. Trừ trường hợp cuộc giao chiến có một mục tiêu riêng biệt, ta có thể coi việc tiêu diệt

hoàn toàn hoặc chỉ một bộ phận của đối phương như là mục đích duy nhất của mọi cuộc giao chiến.

Nhưng chúng tôi cho rằng: Trong phần lớn các trường hợp, và nhất là trong những cuộc giao chiến quan trọng, mục tiêu riêng (nhờ đó cuộc giao chiến ấy có một tính chất đặc biệt có liên quan tới cái toàn thể) chỉ là một sự thay đổi nhỏ của mục tiêu chung, hoặc là một mục tiêu thứ yếu có liên quan tới mục tiêu chung, nhưng dù tầm quan trọng có đủ khiến cho cuộc giao chiến có một tính chất đặc biệt thì cũng vô nghĩa so với mục tiêu chung, đến nỗi dù có đạt mục tiêu phụ này, nhiệm vụ của nó cũng chỉ mới hoàn thành một cách không đầy đủ. Nếu nhận định này đúng, ta thấy ý kiến cho rằng "tiêu diệt các lực lượng vũ trang của kẻ thù chỉ là biện pháp, còn mục đích luôn luôn là ở chỗ khác kia", rõ ràng chỉ đúng về hình thức; ý kiến ấy sẽ dẫn đến những kết luận sai lầm nếu người ta quên rằng việc tiêu diệt các lực lượng thù dịch nói trên chính là mục đích, và mục đích này chỉ còn là một sự thay đổi nhỏ của mục đích kia.

Trong thời gian trước các cuộc chiến tranh của thời đại gần đây, sự lãng quên này đã gây ra nhiều nhận định hoàn toàn sai lầm, thậm chí có những khuynh hướng và những bộ phận của hệ thống (nghệ thuật quân sự – ND) trong đó lý thuyết tưởng như có thể tự bốc lên cao hơn hoạt động thực tế nên đã không quan tâm tới việc trang bị cho mình một công cụ riêng, tức là vấn đề tiêu diệt những lực lượng vũ trang của kẻ thù.

Một hệ thống (nghệ thuật quân sự – ND) như vậy tất nhiên cũng không thể hình thành được nếu nó không dựa vào những giả thuyết sai lầm khác và nếu việc tiêu diệt những lực lượng thù địch không được thay thế bằng những việc khác: Người ta đã gán cho chúng một tầm quan trọng mà chúng không có. Chúng tôi sẽ đấu tranh với những giả thuyết trên mỗi khi có điều kiện, nhưng chúng tôi không thể phân tích vấn đề giao chiến mà không nhấn mạnh vào tầm quan trọng và giá trị thực của nó hoặc không nhắc nhở người đọc đề phòng những sai lầm do một sự thật hoàn toàn hình thức đưa đến.

Nhưng làm thế nào để chứng minh rằng, trong phần lớn trường hợp và trong những trường hợp quan trọng nhất, việc tiêu diệt các lực lượng vũ trang thù địch là vấn đề chính? Làm thế nào để bác bỏ được ý kiến vô cùng tế nhị cho rằng nhờ một phương pháp đặc biệt khôn khéo có thể gián tiếp đạt được một cuộc phá hoại lớn bằng một cuộc phá hoại nhỏ và trực tiếp, hoặc cũng có thể làm cho các lực lượng địch bị tê liệt, ý chí của địch bị lung lay bằng những cuộc tiến công nhỏ đặc biệt thông minh, đến nỗi có thể cho rằng phương sách ấy sẽ rút ngắn đoạn đường phải đi rất nhiều.

Cố nhiên mỗi cuộc giao chiến có thể có tầm quan trọng ở chỗ này lớn hơn ở chỗ khác, có một phương sách khôn khéo để phối hợp các cuộc giao chiến lại, ngay cả trong chiến lược, và chiến lược tất nhiên cũng chỉ là như vậy. Chúng tôi không muốn chối cãi điều đó nhưng chúng tôi khẳng định rằng: Bất cứ ở đâu, việc tiêu diệt trực tiếp mọi lực lượng quân sự của kẻ thù cũng là yếu tố chủ yếu. Chúng tôi chỉ muốn

làm nổi bật tầm quan trọng chủ yếu của nguyên tắc tiêu diệt ấy, chứ không phải là muốn cái gì khác.

Tuy vậy, cần phải nhớ rằng chúng ta đang nói tới chiến lược chứ không phải chiến thuật, rằng chúng ta không nói tới những phương tiện chiến thuật được sử dụng để tiêu diệt một lực lượng lớn của quân địch một cách ít tốn kém. Lúc nói tiêu diệt trực tiếp, chúng tôi muốn nói đến những thắng lợi chiến thuật và vì vậy điều khẳng định của chúng tôi có nghĩa là: Chỉ những thắng lợi chiến thuật to lớn mới có thể đưa đến những thắng lợi chiến lược to lớn; hoặc, để nhắc lại điều chúng tôi đã từng nói một cách rõ ràng hơn, là: Những thắng lợi chiến thuật có ý nghĩa hàng đầu trong chiến tranh.

Tìm bằng chứng cho những nhận định trên không phải là khó lắm; bằng chứng ấy nằm ngay ở trong thời gian mà mọi cuộc phối hợp phức tạp đòi hỏi. Có thể khẳng định một cách không ngần ngại rằng: Nếu kẻ thù hoàn toàn bị động thì một cuộc tiến công phức hợp, tài trí có hiệu quả hơn là một cuộc tiến công đơn giản. Nhưng mọi cuộc tiến công phức hợp lại đòi hỏi nhiều thời gian hơn: Chúng ta phải chủ động về vấn đề này (vấn đề thời gian – ND) để khi địch phản công bộ phận không thể làm tổn hại đến toàn thể trong lúc ta đang chuẩn bị cho kết quả mong muốn. Song le, nếu đối phương định tiến hành một cuộc tiến công đơn giản không cần nhiều thời gian, họ sẽ tiến nhanh hơn chúng ta và sẽ làm đảo lộn các kế hoạch của chúng ta. Khi nghiên cứu giá trị của một cuộc tiến công phức hợp, cần phải thấy rằng khi chuẩn bị có thể sẽ gặp nhiều nguy hiểm và chỉ được vận dụng kiểu tiến công ấy với điều kiện là địch không thể làm đảo lộn kế hoạch bằng một cuộc tiến công nhanh chóng hơn ta. Mỗi khi nguy cơ này xuất hiện, cần phải tự mình chọn một kế hoạch nhanh nhất và rút ngắn thời gian tới mức độ cần thiết; mức độ ấy sẽ do tính chất và tình hình quân thù quyết định. Nếu ta gạt sang một bên cái cảm tưởng mơ hồ do những nhận thức trừu tượng đẻ ra để đứng hẳn vào cuộc sống thực tiễn, chúng ta thấy rằng một đối phương kiên quyết, dũng cảm và nhanh nhẹn sẽ không bao giờ cho chúng ta có thời gian tiến hành những cuộc phối hợp khéo léo, dài hơi, và lý luận chúng ta nghiên cứu chính là để đối phó với loại kẻ thù ấy; như thế cũng đã đủ để chúng ta chọn những thắng lợi đơn giản và tức thời hơn là những kết quả phức tạp.

Như vậy, chúng tôi cho rằng một cuộc tiến công đơn giản nhất không phải là một cuộc tiến công tốt nhất, và ta không nên nhằm vào cái gì quá khả năng của mình, rằng việc vận dụng nguyên tắc này bao giờ cũng dẫn tới cuộc chiến đấu trực tiếp tùy theo địch thủ có tinh thần chiến đấu cao hơn hay không.

Vì vậy không nên tìm cách vượt đối phương bằng những kế hoạch rắc rối mà trái lại bao giờ cũng phải tìm cách đi trước họ theo chiều ngược lại.

Nếu chúng ta xét các cơ sở cuối cùng của những mâu thuẫn nói trên, ta sẽ thấy chúng tồn tại ở người này trong trí tuệ, ở người kia trong dũng khí. Đương nhiên, quả là thích thú khi nghĩ rằng một dũng khí vừa phải cộng với một trí tuệ tuyệt vời sẽ cho phép ta đạt hiệu quả cao hơn là một trí tuệ vừa phải kết hợp với một dũng khí tuyệt vời. Nhưng, trừ phi ta lý giải những yếu tố ấy một cách mất cân đối không logic, ta

không có quyền công nhận cho trí tuệ có một ưu thế như vậy so với dũng khí trong một lĩnh vực đã được mệnh danh là sự nguy hiểm, lĩnh vực tuyệt vời của dũng khí.

Sau những nhận xét trừu tượng này, chúng tôi chỉ còn cần nói thêm rằng kinh nghiệm đã không dẫn ta đến những kết luận khác, trái lại, chính kinh nghiệm đã thúc đẩy chúng tôi sử dụng đường lối trên, chính kinh nghiệm đã chỉ rõ cho chúng tôi những nhận định trên.

Bất cứ ai không có định kiến khi đề cập tới lịch sử cũng sẽ không thể không thừa nhận rằng: Trong bất kỳ thời đại nào, đạo đức quân sự, *nghị lực chỉ đạo chiến tranh* bao giờ cũng đưa quang vinh và thắng lợi đến cho võ nghiệp nhiều nhất.

Sau này, chúng tôi sẽ giải thích phương pháp vận dụng nguyên tắc: Tiêu diệt các lực lượng vũ trang của địch không những là vấn đề chính của toàn bộ cuộc chiến tranh mà còn là vấn đề chính của cả mỗi cuộc giao chiến riêng biệt.

Chúng tôi cũng sẽ nói về phương pháp vận dụng vào những hình thái và điều kiện khác nhau của tình hình chiến tranh. Trước mắt, chúng ta chỉ cần nhấn mạnh tầm quan trọng phổ biến của nguyên tắc nói trên. Vấn đề này nói xong, chúng ta hãy trở lại vấn đề giao chiến.

Chương 4. BÀN VỀ GIAO CHIẾN NÓI CHUNG

Trong chương trước, chúng tôi đã nói nhiều về vấn đề tiêu diệt đối phương phải là mục đích của giao chiến, và chúng tôi đã cố gắng chứng minh bằng một cuộc khảo sát đặc biệt là: Điều đó đã được xác minh trong phần lớn các trường hợp và trong những cuộc giao chiến có qui mô nào đó, bởi vì việc tiêu diệt các lực lượng vũ trang của đối phương bao giờ cũng là yếu tố chủ yếu trong chiến tranh.

Trong chương sau, chúng tôi sẽ xác định tính chất của những mục đích khác, những mục đích này có thể hòa lẫn trong việc tiêu diệt lực lượng địch, có khi có thể giữ vai trò chủ yếu, và chúng ta sẽ dần dần đi sâu tìm hiểu chúng nhiều hơn. Trước mắt, chúng ta sẽ tách hoàn toàn giao chiến ra khỏi những mục đích ấy và coi việc tiêu diệt đối phương như một mục đích hoàn bị của các cuộc giao chiến riêng biệt.

Phải quan niệm việc tiêu diệt lực lượng vũ trang của địch như thế nào? Tỷ lệ lực lượng địch bị tiêu hao phải cao hơn tỷ lệ tiêu hao của ta. Nếu chúng ta có một ưu thế lớn về số quân, nếu về mặt tuyệt đối, hai bên chịu tổn thất ngang nhau thì tỷ lệ tổn thất của ta sẽ nhỏ hơn của địch. Vì ở đây chúng ta chỉ nghiên cứu giao chiến đơn thuần và gạt bỏ ra ngoài mọi mục đích của giao chiến nên cũng phải gạt bỏ luôn cả trường hợp trong đó giao chiến chỉ được sử dụng một cách gián tiếp để tiêu diệt các lực lượng vũ trang của địch nhiều hơn. Bởi vậy, chỉ riêng các khoản lãi trực tiếp thu được trong quá trình tiêu diệt lẫn nhau mới được coi như mục đích vì đó là một món lãi tuyệt đối; nó được rải ra trong suốt thời gian chiến dịch, và chỉ kết toán lúc kết thúc chiến dịch bằng một khoản thực lãi. Mọi loại chiến thắng khác sẽ được giải thích bởi những mục đích khác mà chúng tôi không đề cập ở đây, hoặc sẽ chỉ đưa tới một thắng lợi tương đối và tạm thời. Dẫn chứng dưới đây sẽ giải thích ý nghĩ của chúng tôi.

Khi ta dồn đối phương vào một tình thế khó khăn bằng một sự bố trí khéo léo, đến nỗi nguy hiểm sẽ đến với họ nếu họ cứ tiếp tục theo đuổi cuộc giao chiến và rốt cuộc cũng phải rút lui sau vài đợt chống cự, chúng ta có thể nói là chúng ta đã thắng đối phương ở điểm đó. Nhưng nếu cuộc giao chiến ấy làm cho ta cũng bị tiêu hao lực lượng như đối phương thì chiến thắng trên chẳng còn ý nghĩa gì nữa – nếu có thể gọi đó là chiến thắng. Bản thân việc khuất phục đối phương nghĩa là dồn đối phương vào tình thế buộc phải từ bỏ cuộc giao chiến (nghĩa là rút lui – ND) không có một tầm quan trọng nào cả và vì vậy không thể nằm trong định nghĩa của mục đích. Như vậy chỉ còn, như chúng tôi đã nói: Cái kết quả trước mắt vừa thu được trong quá trình diễn biến của việc tiêu diệt địch. Nó không chỉ đơn thuần bao gồm những tổn thất trong khi giao chiến mà còn bao gồm cả những tổn thất sau khi bên thua trận rút lui: Những tổn thất này là hậu quả trực tiếp của cuộc rút lui.

Nhưng kinh nghiệm cho thấy rằng: Trong cả quá trình giao chiến, tổn thất của bên thắng và bên bại không chênh lệch nhau lắm. Thường thường không có sự chênh lệch và đôi khi lại chênh lệch ngược chiều. Về phía người bại trận, chỉ có tổn thất

quyết định vào lúc bắt đầu rút lui và vì vậy, người thắng trận không bao giờ lại chịu tổn thất như họ. Kỵ binh tiêu diệt nốt tàn quân của các tiểu đoàn đã bị lung lay, binh lính mệt mỏi quá sức tan tác trên chiến trường, pháo và đạn phải bỏ lại, nhiều thứ khác không thể kéo đi được và bị kỵ binh chiếm đoạt; một vài toán quân lạc trong đêm tối bị tước vũ khí và rơi vào tay quân thù. Thường thường là như vậy: Chiến thắng chỉ trở thành thực tế sau khi nó đã được quyết định. Điều này rất trái lẽ nếu nó không được giải thích theo kiểu sau đây.

Trong quá trình giao chiến, không phải chỉ duy nhất có lực lượng vũ trang của cả hai bên là bị mất mát mà lực lượng tinh thần cũng bị lay chuyển, bẻ gãy và phá hủy. Khi xét đến vấn đề có nên tiếp tục giao chiến hay không thì không phải chỉ đơn thuần xét đến những tổn thất về người, về đại bác mà phải chú ý tới sự thiếu trật tự, thiếu dũng khí, thiếu tin tưởng, thiếu đoàn kết và thiếu tổ chức. Lực lượng tinh thần phải được đề cập đến trước tiên, và trong trường hợp mà kẻ thắng cũng như kẻ bại đều bị tổn thất như nhau thì chính lực lượng tinh thần là cái quyết định.**[109]** Dù thế nào đi nữa, về mặt tổn thất vật chất, tỷ lệ so sánh cũng rất khó đánh giá trong quá trình giao chiến, nhưng về mặt tổn thất tinh thần thì không phải như thế. Đó là do hai vấn đề. Trước hết là do bị mất khoảng đất xảy ra cuộc chiến đấu, sau nữa là do ưu thế về lực lượng dự bị của đối phương. Lực lượng dự bị của chúng ta càng giảm so với lực lượng của đối phương thì chúng ta càng phải tiêu hao lực lượng để duy trì thế thăng bằng; thì riêng điều đó cũng chứng minh ưu thế tinh thần của đối phương và không thể không gây ra một vài điều buồn phiền và ngán ngẩm cho người chỉ huy đối với đơn vị mình. Nhưng vấn đề chính là những đơn vị đã tác chiến liên tục thì ít nhiều đều bị xộc xệch; những bộ phận đó không còn đủ súng đạn; lực lượng vật chất và tinh thần đã bị tiêu hao và ngay cả dũng khí cũng đã bị bẻ gãy. Không kể đến việc giảm sút về số quân, một bộ đội như vậy không còn là một tổng thể hữu cơ như trước lúc giao chiến; và điều đó giải thích vì sao việc tiêu hao lực lượng tinh thần lại cũng có thể tính toán được như đo bằng thước – nếu đem so với lực lượng dự bị bị tiêu hao.

Mất đất và thiếu lực lượng dự bị nguyên vẹn thường là hai lý do chính của việc rút lui, tất nhiên ta không loại trừ hoặc đánh giá thấp những lý do khác có thể nằm trong sự phối hợp chuệch choạc giữa các bộ phận trong kế hoạch chung, v.v.

Như vậy mỗi cuộc giao chiến là một cuộc đấu tranh đẫm máu, phá hoại cả lực lượng vật chất lẫn tinh thần. Cuối cùng, ai còn nhiều lực lượng vật chất và tinh thần hơn là người ấy thắng.

Trong giao chiến, tổn thất lực lượng tinh thần là nguyên nhân quyết định chủ yếu; sau điểm quyết định, những tổn thất này vẫn tiếp tục tăng lên và chỉ đi tới điểm cao nhất khi hoạt động này hoàn toàn kết thúc. Như vậy, qua việc phá hoại các lực lượng vật chất, những tổn thất tinh thần trở thành phương tiện để tiêu diệt lực lượng kẻ thù nhiều hơn: Đó là mục đích thực sự của giao chiến.

Rối trật tự và không thống nhất cũng thường làm cho việc chống đỡ của cá nhân trở nên có hại; dũng khí của toàn thể bị sụp đổ, sự kích thích ban đầu của thắng lợi và tổn thất từng làm tạm quên mối nguy hiểm, giờ đã biến mất và, đối với số đông, mối

nguy hiểm xuất hiện: Nó không còn là một lời kêu gọi lòng dũng cảm nữa mà đã trở thành một hình phạt thảm khốc. Các công cụ đã bị yếu và bị cùn đi ngay từ phút đầu, lúc đối phương chiến thắng không còn đủ sức đương đầu với nguy hiểm nữa.

Kẻ chiến thắng phải lợi dụng khoảnh khắc này để lấy lãi thực sự: Phá hoại lực lượng vật chất của địch; đối với kẻ chiến thắng chỉ có món lợi này mới thực sự là của mình. Nhưng rồi, lực lượng tinh thần của đối phương cuối cùng cũng sẽ được củng cố; trật tự dần dà rồi cũng sẽ được ổn định, dũng khí sẽ được hâm nóng và trong phần lớn trường hợp chỉ còn lại một phần rất nhỏ của ưu thế đoạt được, nhiều khi chẳng còn gì, và trong vài trường hợp hiếm có, chí phục thù và hành động cừu địch mãnh liệt hơn lại có thể gây ảnh hưởng ngược lại. Trái lại, nếu ta đã làm cho địch bị giết, bị thương, bị bắt làm tù binh, bị mất pháo nhiều hơn ta thì tất cả những điều lợi ấy không còn có thể xóa bỏ đi được nữa.

Những tổn thất xảy ra ngay trong trận đánh là số thương vong, còn tổn thất xảy ra sau trận đánh là đại bác và tù binh. Tổn thất thuộc loại thứ nhất ít nhiều đều là tổn thất chung đối với cả kẻ chiến thắng lẫn kẻ chiến bại; tổn thất thuộc loại sau lại không phải như vậy; người ta có thể nói rằng loại này thường chỉ xảy ra ở một trong hai phía hoặc ít ra, nặng hơn rất nhiều ở một phía.

Vì vậy đại bác và tù binh bao giờ cũng là những chiến lợi phẩm thực sự của thắng lợi; và từ đấy người ta biết được mức độ của chiến thắng vì chính những thứ đó là sự biểu thị hùng hồn nhất của thắng lợi. Chúng cho phép ta đánh giá đúng đắn nhất mức độ của ưu thế tinh thần, nhất là so với số lượng thương vong: Đây lại là một yếu tố nữa của sức mạnh tinh thần.

Chúng tôi đã nói rằng: Trong giao chiến, những tổn thất tinh thần cũng như những hậu quả đầu tiên của chúng sẽ được phục hồi dần dần và thường không còn để lại vết tích; đối với những bộ phận nhỏ của toàn bộ thì thường được phục hồi như thế, nhưng đối với những bộ phận lớn hơn thì sự phục hồi sẽ khó khăn hơn nhiều. Quân đội có thể được phục hồi như thế, nhưng các quốc gia và chính phủ thì ít khi hoặc không bao giờ phục hồi như thế. Vì ở đây, người ta nhận định tình hình vô tư hơn, với một quan điểm cao hơn, và số lượng chiến lợi phẩm bị quân thù chiếm đoạt, mối tương quan của chúng với số lượng thương vong đã là một chỉ số quá rõ rệt về những yếu kém và bất lực của chúng ta.

Nói chung, không nên lấy cớ là sự thăng bằng không có giá trị tuyệt đối và không phải khi nào nó cũng xuất hiện trong tổng số thắng lợi để đánh giá quá thấp sự mất thăng bằng của những lực lượng tinh thần. Trái lại, nó có thể có một tầm quan trọng ghê gớm đến nỗi có thể lật nhào tất thảy với một sức mạnh không gì chống đỡ nổi. Vì vậy nó thường có thể trở thành động cơ của một hoạt động, chúng tôi sẽ nói rõ thêm ở một chỗ khác. Chúng ta còn phải có thêm vài nhận xét chung về vấn đề này.

Ảnh hưởng tinh thần của một trận thắng không phải chỉ tăng lên tương xứng với quy mô của các lực lượng vũ trang mà còn hơn nữa, vì nó phát triển không phải chỉ về bề rộng mà còn cả về cường độ.

Trong một sư đoàn thua trận, trật tự được nhanh chóng phục hồi. Hệt như cánh

tay bị tê cóng được sức nóng của cơ thể sưởi ấm, dũng khí của một sư đoàn thua trận sẽ được phục hồi dễ dàng nhờ dũng khí của quân đội nếu được cùng nhau đoàn tụ. Ảnh hưởng của một cuộc chiến thắng nhỏ không phải biến mất hoàn toàn, tuy đã mất một phần đối với đối phương. Nhưng điều đó không xảy ra như thế khi toàn thể quân đội cũng bị suy sụp trong một chiến dịch thất bại; tất cả đều đồng thời sụp đổ. Độ nóng của một đám cháy lớn khác hẳn với độ nóng của nhiều lò lửa nhỏ.

Một mối tương quan khác quyết định sức nặng tinh thần của thắng lợi, đó là mối tương quan của các lực lượng vũ trang đang đương đầu với nhau. Một số nhiều người bị một số ít người đánh thua chạy không đơn thuần là một kết quả gấp đôi, mà còn chứng tỏ một ưu thế có tính chất phổ biến làm cho kẻ bại trận luôn luôn kiêng nể khiếp sợ. Trên thực tế, ảnh hưởng này tuy vậy vẫn rất khó thấy khi nó xảy ra. Trong quá trình hoạt động, người ta có một ý niệm rất không rõ rệt về sức mạnh thực sự của đối phương và thường lại có một ý niệm rất sai về thực lực của chính mình, nên người mạnh hơn thường hoàn toàn khước từ không công nhận sự không cân xứng hoặc ít ra cũng không công nhận nó như thực tế; và vì vậy họ thường tránh được các tổn thất tinh thần lẽ ra dành cho họ. Chỉ sau này, trong lịch sử, sức mạnh ấy mới bị bật ra khỏi bóng tối mà trước kia sự u mê, tính kiêu căng, có thể có cả sự tính toán được dự kiến trước đã ghìm nó lại. Lúc ấy sức mạnh đó sẽ làm cho quân đội và người đứng đầu của họ vinh quang thêm nhưng sức nặng tinh thần của nó đã chẳng làm thay đổi mảy may những biến cố của quá khứ.

Chính vì việc bắt tù binh, thu đại bác là yếu tố chủ yếu để cụ thể hóa thắng lợi và làm cho thắng lợi có kết tinh lại nên nó sẽ quyết định kế hoạch giao chiến. Ở đây, việc tiêu diệt đối phương bằng thương vong chỉ còn là một biện pháp đơn thuần.

Vấn đề trên có ảnh hưởng như thế nào đối với việc bố trí giao chiến? Câu hỏi này không có quan hệ gì với chiến lược; nhưng bản thân việc bố trí cuộc giao chiến có liên quan chặt chẽ với chiến lược, không phải chỉ ở chỗ để bảo vệ hậu phương của chúng ta và đe dọa hậu phương của quân thù. Số lượng tù binh và đại bác chiếm được phụ thuộc phần lớn vào vấn đề này, trong một vài trường hợp đã vượt quá vấn đề chiến thuật, nhất là khi những tình huống chiến lược có vẻ quá bất lợi đối với chiến thuật. Nỗi khó khăn khi phải đồng thời giao chiến ở cả hai phía, mối nguy hiểm lại trầm trọng hơn khi thấy đường rút lui bị cắt đứt: Đó là những điều làm tê liệt mọi hoạt động và ảnh hưởng tới sự thành bại. Hơn nữa, nếu bị thất bại, tổn thất sẽ tăng lên và thường tăng lên tới cực điểm, tức là tới chỗ bị tiêu diệt hoàn toàn. Việc uy hiếp hậu phương sẽ làm cho thất bại trở thành dễ dàng và có tính chất quyết định hơn.

Đó là điều làm nảy sinh ra một bản năng thực sự về những cái gì có liên quan đến việc chỉ đạo chiến tranh, nhất là trong những cuộc giao chiến lớn và nhỏ, thí dụ như: Việc bảo vệ đường rút lui của ta và việc chặn đường rút của quân địch. Bản năng đó sinh ra từ nhận thức về chiến thắng, và như chúng ta đã thấy, không phải tương đương với một cuộc giết chóc giản đơn. Như vậy sự cố gắng này làm rõ thêm mục tiêu thứ nhất, có tính chất phổ biến, của chiến đấu. Không thể mường tượng được một cuộc giao chiến mà sự cố gắng ấy, dưới phương diện kép hoặc giản đơn của nó,

lại không cùng đi với việc sử dụng bạo lực sơ đẳng. Một đơn vị nhỏ nhất cũng phải chú ý để không lao vào đánh kẻ địch mà không nghĩ đến đường rút lui và trong phần lớn các trường hợp lại còn tìm cách buộc địch phải rút lui.

E rằng chúng ta sẽ đi lạc quá xa vấn đề nếu chúng ta cứ muốn chứng minh rằng, trong những trường hợp phức tạp, bản năng trên bị ngăn chặn đến mức độ nào, và nó phải lẩn tránh trước những khó khăn do những nhận định cao hơn đem lại. Hãy tạm xác nhận rằng đấy là một quy luật tất nhiên về tổng quát của giao chiến.

Điều đó ảnh hưởng vào khắp nơi bằng cả sức nặng tự nhiên của mình và đương nhiên trở thành trụ cột của hầu hết mọi cuộc điều động chiến thuật và chiến lược.

Chúng ta hãy tạm dừng một lát ở ý niệm chiến thắng nói chung; chúng ta thấy ở đó ba yếu tố:

1. Quân thù đã chịu những tổn thất vật chất lớn hơn.

2. Quân thù đã chịu những tổn thất tinh thần lớn hơn.

3. Quân thù công khai công nhận điều ấy và từ bỏ mọi ý đồ của chúng.

Ở bên này cũng như ở bên kia, những báo cáo về con số thương vong không bao giờ chính xác, rất ít trung thực, và thường là bị cố ý cắt xén. Con số chiến lợi phẩm cũng vậy, ít khi đúng sự thực và nếu con số ấy không quá lớn, nó cũng có thể khuấy lên những ngờ vực đối với thắng lợi. Không một cái gì có thể đo được những tổn thất tinh thần, trừ chiến lợi phẩm. Trong nhiều trường hợp, việc bỏ cuộc chiến đấu là một tiêu chuẩn thực sự và duy nhất để xác nhận chiến thắng. Việc bỏ mất quân kỳ là một lời thú tội và qua trường hợp đặc biệt ấy, người ta thừa nhận quyền hành và ưu thế của đối phương; cái yếu tố nhục nhã và đáng hổ thẹn ấy, là một nét đặc trưng chủ yếu của chiến thắng,**[110]** khác với mọi ảnh hưởng tinh thần do sự đảo lộn thăng bằng đưa lại.

Chỉ riêng có một mình nó gây tiếng vang trong dư luận công chúng ngoài quân đội, trong nhân dân và chính phủ của hai quốc gia đối địch, và trong tất cả những nước tham chiến khác.

Nhưng từ bỏ ý định của mình không hoàn toàn giống việc từ bỏ chiến trường, ngay cả khi cuộc chiến đấu đã kéo dài và ác liệt. Chẳng ai lại có thể quy kết một vị trí tiền tiêu về tội từ bỏ nhiệm vụ nếu họ rút khỏi vị trí, sau khi đã chống cự dữ dội. Ngay cả đối với những cuộc giao chiến nhằm tiêu diệt lực lượng vũ trang của kẻ thù, việc rời khỏi chiến trường không phải bao giờ cũng là dấu hiệu của một sự từ bỏ nhiệm vụ như vậy; thí dụ: Trong trường hợp những cuộc rút lui đã được dự kiến trước, nhưng trong chiến đấu vẫn phải giành giật nhau từng tấc đất. Tất cả những cái đó là bộ phận những mục tiêu riêng biệt của giao chiến. Ở đây, chúng tôi chỉ muốn mọi người chú ý là việc từ bỏ ý đồ hầu như bao giờ cũng khó phân biệt được với việc từ bỏ chiến trường, và ta không nên đánh giá thấp ấn tượng do việc từ bỏ này gây ra ở trong và ngoài quân đội.

Đối với những vị tướng và những quân đội mà danh tiếng chưa được củng cố vững vàng thì đấy là một khía cạnh đặc biệt khó xử của một phương pháp lệ thuộc vào những tình huống khách quan và do đấy một loạt những cuộc giao chiến phải kết

thúc bằng rút lui có thể bị coi như những cuộc bại trận, tuy thực tế lại hoàn toàn không phải như vậy; nhưng cái vẻ bề ngoài đó có thể có những ảnh hưởng tai hại. Kẻ nào chịu bỏ trận địa sẽ rơi vào tình trạng không thể ngăn chặn được ấn tượng tinh thần bằng cách nói rõ ý đồ thật của mình, vì muốn cho lời giải thích này có hiệu lực, thì họ cần phải nói hết mọi kế hoạch: Hiển nhiên đó là điều trái với quyền lợi cơ bản của mình.

Muốn chứng minh thêm tầm quan trọng của quan niệm trên về thắng lợi, chúng ta chỉ cần nêu dẫn chứng bằng trận chiến đấu ở Soor: Trong trận này, chiến quả thật không đáng kể (vài nghìn tù binh, 20 đại bác) và Frederick Đại đế khẳng định thắng lợi của mình bằng cách ở lại chiến trường thêm 5 ngày nữa, tuy việc rút quân về hướng Silesia đã được quyết định và tình hình lúc đó buộc phải như thế. Và như ngài đã nói, ngài tin tưởng rằng sức nặng tinh thần của thắng lợi ấy sẽ làm cho chiến tranh kết thúc nhanh hơn. Tuy vẫn còn cần phải đạt thêm vài chiến thắng nữa trước khi đạt được hòa bình – đó là những chiến thắng mà ngài đoạt được trong những trận giao chiến ở Katholisch Hennersdorf, ở Lusatia và trong trận Kesseldorf – người ta vẫn nhầm lẫn hoàn toàn nếu cho rằng ảnh hường tinh thần của trận Soor là không đáng kể.

Nếu chỉ có lực lượng tinh thần mới bị chiến thắng làm cho nghiêng ngả và nếu chiến lợi phẩm đã đạt tới những quy mô kinh khủng thì cuộc giao chiến không thành công chuyển thành thất bại, và như vậy sự thất bại không phải là ngược lại với bất kỳ một chiến thắng nào. Rõ ràng sau trận thất bại như vậy, lực lượng tinh thần của kẻ bại trận bị sa sút nhiều hơn và thường đưa đến tình trạng sức đề kháng bị tê liệt hoàn toàn và về mặt hoạt động thì chỉ còn vấn đề lẩn tránh những cuộc va chạm, nghĩa là chỉ còn lẩn trốn.

Trận Jéna và trận Waterloo là những trận thất bại nhưng trận Borodino lại không phải như thế.

Nếu sự việc chỉ khác nhau ở mức độ thì ta không thể nào vạch đường ranh giới cho rõ ràng được. Tuy vậy, việc giữ vững nhận thức là cần thiết để làm sáng tỏ những ý niệm lý thuyết của chúng tôi, và nếu chỉ có mỗi một danh từ để chỉ sự thất bại hoàn toàn của quân địch cũng như để chỉ thắng lợi khi chúng bị thất bại, thì chúng tôi xin chịu trách nhiệm về cái vốn từ ngữ không đầy đủ của mình.

Chương 5. Ý NGHĨA CỦA GIAO CHIẾN

Trong chương trước, chúng ta đã nghiên cứu giao chiến dưới dạng tuyệt đối, có thể coi đó là tóm tắt toàn bộ vấn đề chiến tranh; bây giờ chúng ta nghiên cứu nó dưới dạng một bộ phận của tổng thể. Trước hết là phải tự hỏi: Ý nghĩa chính xác của một cuộc giao chiến phải như thế nào? Nếu chiến tranh chỉ là hành động tiêu diệt lẫn nhau thì ý kiến phù hợp nhất với lý thuyết và cũng có thể phù hợp với thực tế là: Tập trung hết mọi lực lượng của cả hai bên vào một khối và tập trung tất cả các kết quả vào một cuộc xung đột của các khối ấy. Quan niệm như thế có phần chính xác và nói chung cần phải nắm chắc quan niệm ấy và có thể chỉ nên coi những cuộc giao chiến nhỏ như là những cái gì cặn bã không thể vứt đi được hoặc như là những mảnh vụn. Dầu sao sự việc lại không phải đơn giản như vậy.

Cố nhiên, số cuộc giao chiến tăng lên chỉ là kết quả của sự chia nhỏ những lực lượng vũ trang: Chính do sự chia nhỏ này nên ta cần phải bàn cãi về những mục đích rõ rệt của những cuộc giao chiến khác nhau ấy. Những mục đích, cũng như toàn bộ những cuộc giao chiến đó, có thể sắp xếp thành nhiều loại và việc nghiên cứu tìm hiểu chúng kỹ hơn sẽ giúp chúng ta có ý kiến rõ ràng hơn.

Tất nhiên việc tiêu diệt các lực lượng vũ trang của quân thù là mục đích của mọi cuộc giao chiến, nhưng cũng có thể có những mục đích khác xen vào, thậm chí những mục đích khác lại có thể có sức nặng hơn. Vì vậy, cần xác lập một sự phân biệt giữa những trường hợp mà việc tiêu diệt lực lượng vũ trang của kẻ thù là việc chủ yếu và những trường hợp nó chỉ còn là một biện pháp. Không kể việc tiêu diệt các lực lượng vũ trang, việc chiếm đoạt một địa điểm hoặc một mục tiêu nào đó cũng có thể là lý do bao quát của một cuộc giao chiến; có thể chỉ có một, cũng có thể có nhiều, nhưng thông thường bao giờ cũng phải có một lý do chủ yếu. Song le, cả hai hình thức chính của chiến tranh: Tiến công và phòng ngự mà chúng ta sắp nói đến, tuy không làm thay đổi lý do thứ nhất nhưng cũng làm cho hai lý do kia bị ảnh hưởng. Nếu thử làm một sơ đồ, chúng ta sẽ thấy:

Giao chiến tiến công

1. Tiêu diệt các lực lượng vũ trang của quân thù;
2. Đánh chiếm một địa điểm; 3.

Đánh chiếm một mục tiêu.

Giao chiến phòng ngự

1. Tiêu diệt các lực lượng vũ trang của quân thù;
2. Bảo vệ một địa điểm;
3. Bảo vệ một mục tiêu.

Tuy nhiên, những lý do này hình như không bao quát được toàn bộ lĩnh vực. Chỉ cần nhớ lại những cuộc đánh thăm dò và hư trương thanh thế là có thể thấy rằng không một yếu tố nào trong ba yếu tố trên được coi là mục đích của cuộc giao chiến. Như vậy, chúng ta có thể lập thêm một loại giao chiến thứ tư. Trong những cuộc

đánh thăm dò nhằm cố gắng tìm cách phát hiện đối phương, trong những cuộc quấy rối nhằm tìm cách làm cho đối phương mệt mỏi, trong những cuộc hư trương thanh thế nhằm làm cho đối phương không dám bỏ một vị trí hoặc rời về một nơi khác, người ta chỉ đạt mục đích một cách gián tiếp và*phụ thuộc vào một trong ba mục đích nói trên*, thông thường là ở mục đích thứ hai. Vì, khi muốn tiến hành một cuộc thăm dò, đối phương cần phải làm ra vẻ như có ý định tiến công ta, định đánh bại hoặc truy kích ta. Nhưng cái làm ra vẻ này không phải là mục đích thật, chính mục đích thật mới là cái ta cần nói đến ở dây. Vì vậy, phải đưa thêm một mục tiêu thứ tư vào ba mục tiêu mà chúng tôi đã kể, tức là đẩy đối phương vào một cuộc điều động sai lầm; nói một cách khác, đó là mục đích của một cuộc nghi binh. Đương nhiên, mục đích này chỉ có thể có được trong hình thức tiến công. Mặt khác, cần phải lưu ý là việc phòng ngự một địa điểm cũng có hai loại: Một loại tuyệt đối nghĩa là không thể bỏ vị trí với bất kỳ lý do nào, một loại tương đối nghĩa là chỉ cần giữ trong một thời gian đã định. Trường hợp sau thường xảy ra trong những cuộc chiến đấu ở các vị trí tiền tiêu hoặc hậu vệ.

Rõ ràng, bản chất của những mục tiêu khác nhau này quyết định phương thức tổ chức cuộc giao chiến. Phương pháp đuổi địch ra khỏi vị trí khác với phương pháp dùng để tiêu diệt hoàn toàn vị trí.

Khi ta muốn cố thủ một địa điểm bằng bất kỳ giá nào khác với khi ta chỉ muốn giữ chân kẻ địch trong một thời gian. Ở trường hợp thứ nhất, người ta ít quan tâm tới đường rút lui, ở trường hợp sau thì đấy lại là vấn đề chính, v.v.

Tuy nhiên, những nhận xét trên chỉ thuộc về chiến thuật, và chỉ nêu ra để minh họa. Còn, về mặt chiến lược sẽ giải quyết như thế nào đối với những mục tiêu khác nhau của giao chiến: Đó là vấn đề sẽ bàn đến trong các chương nói về những mục tiêu ấy.

Dưới dây là vài nhận xét tổng quát về vấn đề đó:**[111]** Thứ nhất: Tầm quan trọng của các mục đích hầu như ngược chiều với trật tự chúng tôi đã nói ở trên.

Thứ hai: Trong trận đánh chủ yếu, mục đích thứ nhất phải bao trùm lên tất cả mọi mục đích khác.

Thứ ba: Trong cuộc giao chiến phòng ngự, hai mục đích cuối đều là những mục đích về thực tế không đem lại kết quả vì chúng có tính chất thụ động, chúng chỉ trở thành có ích một cách gián tiếp và tạo điều kiện dễ dàng cho một cái gì chủ động hơn.

Khi những cuộc giao chiến thuộc loại này trở thành quá phổ biến, thì có nghĩa là tình thế chiến lược đã nghiêm trọng.

Chương 6. THỜI HẠN CỦA GIAO CHIẾN

Nếu chúng ta không coi cuộc giao chiến như bản thân nó mà lại xét nó trong mối quan hệ với mọi lực lượng vũ trang khác, thời hạn (durée) của nó có một tầm quan trọng đặc biệt.

Thời hạn của giao chiến có thể coi như một thành công thứ hai, phụ thuộc vào thành công thứ nhất.

Theo ý muốn của kẻ thắng trận thì trong giao chiến, quyết định không bao giờ quá nhanh; nhưng đối với kẻ thua trận thì quyết định ấy lại không bao giờ quá lâu cả. Một chiến thắng nhanh chóng là một chiến thắng rực rỡ hơn; nhưng với kẻ thua trận thì quyết định chậm trễ lại là một đền bù cho sự thất bại.

Đó là một chân lý rất phổ biến. Song chân lý ấy lại có tầm quan trọng thực tiễn trong những cuộc giao chiến có tính chất phòng ngự.

Ở trường hợp này, toàn bộ thắng lợi thường chỉ nằm trong thời hạn đơn thuần. Vì vậy chúng tôi liệt thời hạn vào loại những yếu tố chiến lược.

Thời hạn của cuộc giao chiến có liên quan mật thiết với những yếu tố cấu thành chủ yếu của giao chiến. Những yếu tố này là: Số lượng tuyệt đối về mặt lực lượng, mối quan hệ qua lại giữa các lực lượng và vũ khí, tính chất địa hình.

Hai vạn người tất nhiên ít làm cho nhau hao mòn hơn là hai nghìn người; đối với một kẻ thù đông hơn hai hoặc ba lần, thường người ta không cầm cự được lâu bằng khi giao chiến với một đối phương ngang sức. Một cuộc xung đột bằng kỵ binh sẽ được giải quyết nhanh hơn một cuộc xung đột bằng bộ binh, và một cuộc giao chiến giữa hai đơn vị bộ binh sẽ nhanh hơn là khi có pháo binh tham chiến. Ở rừng núi, người ta tiến chậm hơn ở đồng bằng. Những điều đó, thiết tưởng chẳng cần giải thích thêm.

Bởi vậy, sức mạnh, mối tương quan giữa những vũ khí được sử dụng và các vị trí cần được chú ý nếu cuộc giao chiến phải đạt mục đích bằng thời hạn giao chiến. Đối với cuộc khảo sát đặc biệt này, quy tắc trên không quan trọng đối với chúng ta bằng sự cần thiết phải gán ngay vào đó những kết quả chủ yếu mà kinh nghiệm đã cung cấp.

Ngay cả đối với một quân thù đông gấp nhiều lần, cuộc chống cự của một sư đoàn bình thường với 8.000 tới 10.000 người đầy đủ vũ khí và trong một khu vực ít thuận lợi, mặc dầu khó khăn, cũng có thể kéo dài được nhiều giờ, thậm chí tới nửa ngày nếu quân thù không có một ưu thế hoặc ưu thế không đầy đủ. Một quân đoàn gồm ba hay bốn sư đoàn được lợi gấp đôi thời gian đó, một tập đoàn từ 80.000 tới 100.000 người sẽ lợi được ba hay bốn lần hơn nữa. Trong khoảng thời gian này, các khối quân được tự do và sẽ không có một cuộc giao chiến riêng biệt nào nếu trong khoảng đó người ta có thể đưa lực lượng đến thêm và hoạt động của chúng lại nhanh chóng hòa chung vào với kết quả giao chiến đã đạt được: Như thế tất cả sẽ hợp thành một tổng thể.

Những con số trên được rút ra từ kinh nghiệm nhưng chúng tôi thấy còn cần phải miêu tả đầy đủ thời điểm quyết định của trận đánh, nghĩa là thời điểm kết thúc của nó nữa.

Chương 7. QUYẾT ĐỊNH TRONG GIAO CHIẾN

Không một cuộc giao chiến nào lại có thể giải quyết chỉ trong một thời điểm nhất định, tuy mỗi cuộc giao chiến đều có những thời điểm có ý nghĩa quyết định đối với kết cục của trận đánh. Bởi thế, một trận giao chiến thất bại sẽ làm cho cán cân bị lệch xuống thêm. Trong giao chiến, đến một lúc nào đó thì trận đánh coi như được giải quyết, đến nỗi nếu cuộc chiến đấu lại tiếp tục thì phải coi đó là một cuộc giao chiến mới chứ không phải là chỉ kế tiếp trận cũ. Có nhận định được đúng thời điểm này mới biết được là cuộc giao chiến còn có khả năng thắng lợi với sự chi viện của một lực lượng viện binh hỏa tốc hay không.

Trong những cuộc giao chiến không thể hồi phục được nữa, những lực lượng mới bổ sung thường bị hy sinh vô ích. Người ta thường để lỡ mất thời cơ xoay chuyển tình thế vào lúc việc đó có thể dễ dàng thực hiện. Dưới dây là hai dẫn chứng hoàn toàn xác đáng: Năm 1806, trong trận Jéna, hoàng tử Hohenlohe (tướng Phổ – ND) với 35.000 người, đã nghênh chiến với 60.000 tới 70.000 người do Bonaparte chỉ huy. Hohenlohe đã thất bại đến nỗi toàn bộ 35.000 người của ông ta coi như bị tiêu diệt hoàn toàn. Đã thế, tướng Ruchel lại vẫn cố tiếp tục chiến đấu, với 12.000 người. Kết cục, chỉ trong nháy mắt đạo quân ấy cũng đã lại bị nghiền nát như tương.

Cùng ngày đó, ở Auerstadt, với một lực lượng chỉ chừng 25.000 quân, người ta đã tổ chức đánh lại Davout**[112]** nắm trong tay khoảng 28.000 người. Chỉ tới trưa, cuộc chiến đấu đã trở thành bất hạnh. Tuy quân đội chưa bị dồn đến tình trạng tan rã, và tổn thất cũng chưa phải là cao so với quân địch không có kỵ binh, nhưng người ta đã lãng quên không sử dụng 18.000 quân thuộc lực lượng dự bị của tướng Kalkreuth, lẽ ra có thể được tung vào để xoay chuyển thế trận và đẩy lùi mọi khả năng thất bại.

Mỗi cuộc giao chiến đều là một tổng thể, trong đó có những cuộc chiến đấu bộ phận được kết hợp vào một kết quả chung. Quyết định của trận giao chiến chính là nằm trong kết quả chung ấy. Không nhất thiết khi nào kết quả này cũng rõ ràng như chúng tôi đã phát ra ở chương 6, vì nhiều khi ta chưa chuẩn bị để thu lấy thắng lợi, nhiều khi thời cơ không đến, ví dụ như lúc kẻ thù lẩn tránh quá sớm, kể cả lúc có sự đề kháng ác liệt, nhiều khi quyết định đã tới nhưng thắng lợi chưa tới mức thật rõ ràng, đúng như khái niệm chính xác về thắng lợi.

Vì vậy, chúng ta phải đặt câu hỏi: Nói chung, lúc nào là lúc quyết định, nghĩa là lúc nào thì dẫu có đưa một lực lượng vũ trang mới đến – lực lượng này dĩ nhiên không đến nỗi quá chênh lệch – cũng không thể xoay chuyển được tình thế đã quá xấu.

Nếu chúng ta không nói đến những cuộc giao chiến nghi binh (theo định nghĩa những cuộc giao chiến này không phải là quyết định), ta có thể nói:

1. Nếu mục đích là chiếm đoạt một mục tiêu di động thì lúc mất mục tiêu này là lúc quyết định.

2. Nếu mục đích là chiếm đoạt một vùng lãnh thổ thì thường thường lúc quyết

định là lúc mất lãnh thổ (tuy không phải khi nào cũng như vậy), với điều kiện là vùng đất đai này có tầm quan trọng đặc biệt. Dầu có tầm quan trọng lớn đến đâu đi nữa, vẫn có thể chiếm lại một vùng không hiểm trở mà không nguy hiểm gì lắm.

3. Nhưng trong tất cả mọi trường hợp mà cuộc giao chiến còn chưa bị cắt đứt hẳn với hai trường hợp trên, nhất là khi việc tiêu diệt lực lượng vũ trang của quân thù trở thành mục tiêu chính, quyết định sẽ đến vào lúc mà kẻ thắng trận không còn ở tình trạng rệu rã, nghĩa là không còn ở tình trạng bất lực; lúc này dù có cố gắng liên tục cũng chẳng ích lợi gì nữa. Vấn đề này đã được nói đến ở chương 7, tập III. Sự thống nhất chiến lược trong giao chiến chính là ở chỗ ấy.

Một cuộc giao chiến sẽ không còn phục hồi được nữa nếu những đơn vị tiến công (có thể trừ một phần nhỏ) tuy vẫn còn giữ được kỷ luật và khả năng chiến đấu, song lực lượng của chúng ta it nhiều đã bị rệu rã, sứt mẻ.

Nếu bộ phận tham chiến đã bị đánh bại càng nhỏ; nếu bộ phận được gọi là dự bị càng lớn và đã góp sức vào quyết định (dù chỉ bằng sự có mặt của mình) thì một lực lượng vũ trang mới của đối phương càng khó có khả năng giành giật lại thắng lợi mà chúng ta đã đoạt được. Viên tướng nào cùng quân đội của mình biết khéo tiến hàn giao chiến với mức tiết kiệm nhất và lúc nào cũng biết đề cao tác dụng tinh thần của một lực lượng dự bị mạnh thì bao giờ cũng đảm bảo được thắng lợi nhiều hơn. Ở thời đại hiện nay, phải thừa nhận rằng người Pháp (nhất là khi họ được Bonaparte lãnh đạo) quả là bậc thầy về vấn đề này.

Hơn nữa, khi đơn vị chiến thắng càng nhỏ thì thời điểm chấm dứt cơn khủng hoảng sau chiến đấu và hồi phục khả năng ban đầu càng trở lại nhanh chóng. Một tốp kỵ binh phi nước đại truy kích đối phương, sẽ chỉ trong vài phút là lấy lại được trật tự ban đầu và sự khủng hoảng sẽ không đi xa hơn nữa. Đối với một trung đoàn kỵ binh thì thời gian ấy dài hơn; với bộ binh phân tán trên những tuyến khác nhau, thời gian cần thiết lại càng dài; đối với những sư đoàn của binh chủng khác nhau mà một bộ phận đã mạo hiểm tiến về một hướng nào đó, một bộ phận lại tiến về một hướng khác, và khi cuộc giao chiến đã đi đến tình trạng rối loạn, trầm trọng hơn nữa là bộ phận này chẳng còn biết được chuyện gì đã xảy ra với bộ phận khác, thì thời gian lại càng phải dài hơn nữa. Bởi vậy, chúng tôi có thể nói rằng: Lúc kẻ chiến thắng nắm vững được những công cụ đã sử dụng và thấy chúng đã bị lẫn lộn với nhau bởi một sự rối trật tự nào đó, lúc đã chấn chỉnh lại được công cụ và đặt chúng ở một nơi thuận tiện do đấy đã thiết lập lại được trật tự của "công trường" chiến tranh, thì thời điểm ấy đến càng chậm nếu đơn vị quân đội càng lớn.

Mặt khác, thời điểm ấy đến càng chậm khi đêm tối bất ngờ chụp xuống kẻ chiến thắng đang ở trạng thái khủng hoảng, và nó cũng đến chậm khi gặp địa hình lồi lõm, rậm rạp. Về hai điểm này, ta phải thấy rằng đêm tối cũng là phương tiện phòng ngự quan trọng, vì hiếm có trường hợp hy vọng đạt được thắng lợi trong một cuộc tập kích ban đêm. Trận tập kích của Yorck**[113]** chống Marmont**[114]** ngày 10 tháng 3 năm 1814 ở Laon đã cung cấp một dẫn chứng hết sức rõ ràng. Vì vậy, kẻ nào đã trải qua một cuộc khủng hoảng dài do chiến thắng, phải tránh bằng được một sự phản

ứng ở địa hình chia cắt và rậm rạp.

Hai yếu tố: Đêm tối và địa hình rậm rạp lẽ ra làm cho cuộc giao chiến tiếp diễn dễ dàng thì trái lại, làm cho nó khó khăn hơn.

Cho đến nay, chúng tôi vẫn coi viện binh mà bên bất lợi tiếp nhận được chỉ là một sự tăng thêm đơn giản của lực lượng vũ trang, tức là một sự tăng thêm thẳng từ hậu phương, và đó là trường hợp phổ biến nhất. Nhưng tình thế sẽ thay đổi hoàn toàn nếu những lực lượng mới tinh ấy lại bất ngờ đánh vào sườn hoặc vào sau lưng quân thù.

Sau này, chúng tôi sẽ lại bàn về hiệu quả của việc đột kích vào sườn và sau lưng trong mức độ hiệu quả này thuộc phạm vi chiến lược. Còn ở đây, nếu có đề cập đến thì cũng chỉ coi nó như một phần của một cuộc giao chiến, và như vậy nó căn bản thuộc vào phạm trù chiến thuật; nếu chúng tôi quan tâm bàn tới thì đó chỉ là vì chúng tôi nói đến những kết quả chiến thuật và cũng chỉ định đi sâu vào lĩnh vực ấy mà thôi.

Hiệu quả của một lực lượng có thể sẽ có tác dụng gấp nhiều lần nếu được hướng vào bên sườn hoặc sau lưng đối phương, nhưng không nhất thiết phải hoàn toàn như vậy. Hiệu quả ấy cũng đã có trường hợp lại kém đi. Tình hình lúc cuộc giao chiến xảy ra sẽ quyết định điểm này cũng như những điểm khác, nhưng chúng ta lại không thể đi sâu vào chi tiết kế hoạch của quân thù. Về mặt này, có hai vấn đề ta cần chú ý: Trước hết, thông thường là *những cuộc tiến công vào sườn và sau lưng sẽ ảnh hưởng tới kết quả của quyết định hơn là ảnh hưởng tới chính bản thân quyết định*. Điểm quan trọng của một cuộc chiến, trước hết là sự thành công chứ không phải là mức độ của thắng lợi. Từ quan điểm đó, người ta thường dễ cho rằng: Một lực lượng được huy động đến giúp mình khôi phục một cuộc giao chiến nếu tiến công vào sườn hoặc sau lưng quân địch (tức là tách xa hẳn bản đội) thì đấy chỉ là một cuộc tăng viện xoàng, không bằng đưa lực lượng đó nhập thẳng vào bản đội. Sự việc thật quả thường hay diễn ra như vậy; nhưng cũng phải công nhận rằng đa số trường hợp lại thuộc vào loại trên (đánh vào bên sườn và sau lưng địch – N.D.) và nếu sự việc xảy ra như thế, chính là bởi điểm thứ hai mà chúng ta phải quan tâm.

Điểm thứ hai là *sức mạnh tinh thần khi có lực lượng viện binh bất ngờ xung trận để khôi phục lại trận giao chiến*. Ảnh hưởng của sự bất ngờ đột kích vào sườn và vào sau lưng thường cao hơn và kẻ chiến thắng đang ở trong tình trạng khủng hoảng, tức là đang còn rối loạn, phân tán, nên ít có khả năng dám đương đầu. Ai lại không cảm thấy rằng một cuộc tiến công trực diện vào sau lưng sẽ không có ảnh hưởng nhiều lắm, lúc mới bắt đầu giao chiến, nghĩa là lúc các lực lượng đang được tập trung và tổ chức để đối phó với tình huống ấy, nhưng trái lại nếu tiến công vào cuối đợt giao chiến thì ảnh hưởng sẽ khác hẳn.

Người ta có thể không ngần ngại khẳng định rằng: Trong nhiều trường hợp, một lực lượng viện binh xuất hiện ở bên sườn hoặc sau lưng quân thù sẽ có hiệu quả nhiều hơn, giống như cái đòn bẩy, càng dài thì càng có thể bẩy được vật nặng hơn. Và như thế, trong những điều kiện ấy, ta có thể khôi phục lại một cuộc giao chiến bằng một lực lượng mà nếu đánh trực diện sẽ không đủ sức. Chính trong những điều

kiện ấy, sức mạnh tinh thần hoàn toàn chiếm ưu thế và cũng chính trong những điều kiện ấy, lòng dũng cảm và tính gan dạ được thỏa sức tung hoành, cũng như hậu quả là điều hầu như không thể nào lường trước được.

Ta cần phải quan tâm đến tất cả những điều đó, phải hết sức chú ý kết hợp tất cả những yếu tố sức mạnh nói trên để có thể biết rằng: Trong những trường hợp chưa được rõ ràng, một tình thế khó khăn liệu còn có thể cứu vãn được không? Khi cuộc giao chiến chưa được coi là kết thúc, mà một cuộc giao chiến mới đã lại nổ ra, vì nhờ có thêm viện binh, cuộc giao chiến mới tất sẽ phải hòa vào với cuộc giao chiến trước, bởi thế sẽ có một kết quả chung và những bất lợi ban đầu sẽ hoàn toàn biến mất. Nhưng nếu kết quả của trận giao chiến đã rõ ràng thì tình hình sẽ không như vậy và người ta sẽ đứng trước hai kết quả khác nhau. Nếu lực lượng viện binh chỉ mạnh tương đối, nghĩa là một mình nó không ngang sức với đối phương, thì việc hy vọng vào một kết quả khả quan ở trận giao chiến thứ hai này chỉ là một ảo tưởng. Nhưng nếu lực lượng viện binh ấy lại có đủ sức để lao vào trận thứ hai mà không cần bận tâm tới kết quả của trận thức nhất thì chúng có thể bù lại cho trận thứ nhất bằng một thắng lợi và như vậy làm giảm ảnh hưởng (của trận trước – N.D.), nhưng chắc chắn rằng chẳng bao giờ có thể tẩy sạch được ảnh hưởng đó trong bản tổng kết.

Trong đợt đầu của trận Kunersdorf, Frederick Đại đế đã chiếm được cánh trái của quân Nga và bảy mươi khẩu đại bác, nhưng đến khi kết thúc trận đánh thì lại chẳng còn gì và toàn bộ kết quả của trận giao chiến đầu tiên đã biến khỏi bảng quyết toán. Nếu ngài chỉ dừng lại ở thắng lợi đầu tiên và chỉ tiếp tục đánh vào hôm sau, chắc nhà vua sẽ giữ được thành tích của những thắng lợi đầu tiên ấy, và chắc chắn là những thành tích đó sẽ tăng thêm trọng lượng vào cán cân, dù rằng hôm sau ngài vẫn thua trận.

Nhưng nếu người ta có thể nắm vững diễn biến của một cuộc giao chiến bất lợi chuyển bại thành thắng trước khi kết thúc thì không những kết quả tiêu cực của nó sẽ không còn ở bản thành tích mà còn là khởi điểm của một chiến thắng lớn hơn. Nếu mường tượng lại một cách đúng đắn diễn biến chiến thuật của trận giao chiến, người ta sẽ dễ dàng nhận ra rằng cho tới lúc kết thúc trận đánh, hết thảy mọi kết quả của những trận giao chiến bộ phận sẽ chỉ là những bản án treo. Những bản án ấy sẽ tiêu tan đi trước quyết định chủ yếu, và thản hoặc còn có thể trở thành một cái gì có tác dụng ngược lại. Lực lượng của chúng ta càng được thử thách, càng gây nhiều tổn hại cho lực lượng của quân thù thì khủng hoảng về phía địch và ưu thế của những lực lượng mới của ta càng lớn. Nếu kết quả tổng hợp có lợi cho ta, nếu chúng ta chiếm lại được chiến trường và chiến lợi phẩm, thì những tổn thất về lực lượng mà đối phương đã phải chịu đựng sẽ trở thành thực lãi của chúng ta: Lúc ấy, thất bại ban đầu của chúng ta chỉ còn là cái bàn đạp tiến tới một thắng lợi lớn hơn. Những chiến công rực rỡ nhất (lúc bắt đầu giao chiến – N.D.) của phía địch có thể làm cho chúng quên mất cả cái giá phải trả, thì bây giờ (sau khi thắng lợi cuối cùng về ta – N.D.) nó chỉ còn là những điều ân hận và luyến tiếc. Ma lực của chiến thắng và sự rủi ro của chiến bại có thể làm cho trọng lượng riêng của các yếu tố thay đổi như vậy đó.

Ngay cả khi người ta có một ưu thế rất rõ rệt và người ta có thể trả đũa lại chiến thắng của kẻ thù bằng một chiến thắng lớn hơn thì tốt nhất vẫn là nên tránh kết thúc bất lợi của một trận giao chiến lớn và cố chuyển hóa nó sao cho có lợi cho mình hơn là lại mở ra một cuộc giao chiến thứ hai.

Năm 1760, thống chế Daun tổ chức ứng cứu tướng Laudon ở Leignitz ngay trong cuộc giao chiến tướng này đang tiến hành; nhưng khi cuộc giao chiến đã thất bại, ngày hôm sau, Daun vẫn không tiến công nhà vua (Frederick II – N.D.) nữa, tuy trong tay ông ta vẫn còn đủ lực lượng cần thiết.

Vì vậy, trước một trận đánh lớn, vẫn phải cố tránh nếu có thể tránh được những cuộc giao chiến đẫm máu của đội tiền vệ, tuy những cuộc giao chiến ấy là điều bất hạnh cần thiết.

Chúng ta còn phải rút ra một kết luận khác nữa.

Không được lấy kết quả của một cuộc giao chiến làm lý do cho một cuộc giao chiến khác. Cuộc giao chiến mới này phải do những điều kiện mới quyết định. Nhưng, có những sức mạnh tinh thần khác chống lại kết luận này mà ta phải lưu ý: Đó là ý thức phục thù rửa hận. Từ người tổng chỉ huy cho đến người lính đánh trống bình thường đều có ý thức ấy và một đạo quân sẽ chỉ có tinh thần cao khi họ thấy cần phải phục thù. Song vẫn phải có một điều kiện: Đơn vị thua trận không phải là một bộ phận quá lớn trong toàn bộ, nếu không tâm trạng ấy sẽ chìm ngay trong trạng thái bất lực.

Lợi dụng triệt để sức mạnh tinh thần này là một việc làm hoàn toàn bình thường. Người ta muốn sửa chữa ngay thất bại bằng cách mở một cuộc giao chiến thứ hai, nhất là khi điều kiện liên quan cho phép.

Tất nhiên, trong trường hợp như vậy, cuộc giao chiến thứ hai này thường có tính chất tiến công.

Người ta đã thấy nhiều thí dụ về những trận quật lại như vậy ở những cuộc giao chiến không quan trọng mấy, còn ở những trận lớn thì thường do nhiều nguyên nhân khác hơn là do cái động cơ nhỏ yếu ấy (ý thức phục thù – N.D.) Chính trạng thái tâm lý này đã thúc đẩy nhà quý tộc Blücher, ba ngày sau khi nướng hai quân đoàn ở Montmirail, ngày 14 tháng 2 năm 1814, đã ném quân đoàn thứ ba vào chiến dịch ấy. Nếu ông ta biết rõ rằng mình sẽ gặp lại đích thân Bonaparte, chắc chắn ông ta sẽ hoãn trận đánh phục thù của mình lại; ông ta hy vọng sẽ được trút hận xuống đầu tướng Marmont và tưởng rằng sẽ thu được thắng lợi, nhưng chính ông ta lại gục ngã trước hậu quả của một bài toán sai lầm.

Khoảng cách của các lực lượng được điều động để *cùng giao chiến* lệ thuộc vào thời gian giao chiến và thời điểm quyết định giao chiến. Sự sắp đặt này thuộc phạm vi chiến thuật nếu nó nhằm vào một cuộc giao chiến và chỉ một cuộc mà thôi; nhưng nó chỉ được xem như thuộc phạm trù ấy với điều kiện là vị trí của các đạo quân gần nhau đến nỗi không thể nghĩ đến hai cuộc giao chiến khác nhau và vì vậy, khoảng không gian do toàn bộ các đạo quân chiếm lĩnh có thể được xem như là một điểm về mặt chiến lược. Nhưng trong chiến tranh, thường xảy ra trường hợp người ta bị bắt

buộc phải trù tính ngay cả với những lực lượng được sử dụng để *cùng chiến đấu*, một sự phân bố như thế nào đó để khi cần phối hợp trong một hành động chung sẽ không ảnh hưởng tới khả năng của những cuộc giao chiến riêng lẻ, mà vẫn thực hiện được ý đồ chủ yếu. Bố trí như vậy, tất nhiên có tính chất chiến lược.

Thuộc loại này: Các cuộc hành quân với những đội hình hàng dọc và những khối riêng biệt, những đội tiền vệ và trắc vệ, những lực lượng dự bị nhằm dùng vào việc yểm hộ cho một điểm chiến lược, việc tập hợp các binh đoàn từ những địa điểm rất xa tới, v.v. Quang những điểm trên, ta đã thấy đó là những điều thông thường, có thể gọi là những món tiền lẻ của kinh tế chiến lược, còn trận đánh chính và tất cả những gì liên quan với nó mới là những đồng tiền bạc và tiền vàng.

Chương 8. KHI HAI BÊN ĐỀU CHẤP NHẬN GIAO CHIẾN

Không thể có một cuộc giao chiến nếu không có một sự thỏa thuận của hai bên và riêng ý niệm cơ sở của mọi cuộc giao tranh tay đôi này đã làm cho các nhà viết sử tốn không ít lời bàn đầy những nhận thức mơ hồ và sai lầm.

Các nhà viết sử thường xuất phát từ ý nghĩ cho rằng một người chỉ huy có thể ép buộc đối phương chấp nhận một trận đánh mà họ không muốn.

Nhưng giao chiến lại là một cuộc đọ sức rất đặc biệt, không phải chỉ đơn thuần dựa vào tính hiếu chiến của hai đối thủ đang đương đầu, nghĩa là chỉ dựa vào sự đồng tình giao chiến của họ, mà là ở những mục đích của cuộc giao chiến. Những mục đích này thường thộc một tổng thể của phạm trù cao hơn, nhất là bản thân chiến tranh với tư cách là đơn vị chiến đấu lại gắn chặt với những mục đích và điều kiện chính trị thuộc về một tổng thể rộng lớn hơn nữa. Từ đó, ta thấy là những ước vọng giản đơn mong muốn chiến thắng đối phương trở thành một vấn đề thứ yếu; hơn nữa, tự bản thân nó chẳng còn giá trị và nó sẽ chỉ là sợi dây thần kinh làm cho ý chí cao hơn chuyển động.

Trong thời cổ đại và vào buổi đầu của thời đại những đạo quân thường trực, từ ngữ "không khiêu chiến được quân địch" có ý nghĩa cao hơn ngày nay. Đối với người thời cổ đại, tất cả đều được tổ chức cho một cuộc chiến đấu ở đồng trống, người ta đọ sức với nhau không vướng chướng ngại vật, và mọi nghệ thuật chiến tranh đều nằm trong việc tổ chức và hợp thành quân đội, nghĩa là trong đội hình chiến đấu.

Nhưng khi quân đội đã rút về trong các trại, những vị trí ở trong các trại quân đều được coi như bất khả xâm phạm và các trận đánh sẽ chỉ có thể xảy ra nếu quân địch rời khỏi trại và có thể nói là họ chỉnh đốn hàng ngũ ở địa hình dễ dàng tiếp cận hơn.

Khi người ta nói Hannibal không buộc được Fabius**[115]** chấp nhận tác chiến, điều đó chẳng hề cho ta biết cái gì về Fabius, có chăng chỉ biết trận đó không nằm trong kế hoạch của ông ta, và nó cũng chẳng phải là một bằng chứng về ưu thế vật chất hoặc tinh thần của Hannibal; nhưng điều chắc chắn là qua đấy chúng ta biết rằng Hannibal thật sự muốn có một cuộc giao tranh.

Vào thời kỳ đầu của các quân đội hiện đại, ở những trận giao chiến và những trận đánh lớn, người ta cũng đứng trước một tình thế tương tự. Nghĩa là những khối lớn binh lính đã tham gia chiến đấu và được hướng theo một trật tự bố trí nhất định trong quá trình chiến đấu. Cái khối người to lớn, kềnh càng khó cơ động ấy dù tiến công hay phòng ngự ít nhiều cũng đều cần tới một khoảng đất bằng phẳng, mọi địa hình mấp mô hoặc cây cối rậm rạp đều không thể phù hợp; người tiến hành phòng ngự sẽ lại tìm thấy ở đấy một lý do lẩn tránh cuộc giao chiến.

Trạng thái tổ chức ấy vẫn được duy trì, tuy càng ngày càng ít đi, cho tới thời kỳ những cuộc chiến tranh Silesia thứ nhất. Chỉ mãi tới cuộc Chiến tranh Bảy năm, một

cuộc tiến công của đối phương ở địa hình hiểm trở mới ngày càng có thể và hay xảy ra. Tuy nhiên, địa hình vẫn còn ảnh hưởng nhiều đối với những kẻ không ưa nói, song nó không còn là cái vòng luẩn quẩn hạn chế mọi sự phát triển của chiến tranh như trước nữa.**[116]** Đã ba mươi năm nay, chiến tranh không ngừng phát triển theo hướng này và những ai thực sự muốn có một quyết định bằng giao chiến đều không gặp một trở lực nào; họ chỉ cần tìm đối thủ của mình và tiến công. Nếu không làm như vậy thì họ không được coi như là đã muốn giao chiến, và khi người ta nói: Họ đã khiêu chiến nhưng đối phương không chấp nhận thì điều đó có nghĩa là ngày nay, theo ý kiến họ, điều kiện không đủ thuận lợi để tác chiến nữa, và không thể có ý nghĩa nào khác. Nói như vậy rõ ràng đã mâu thuẫn với điều đã nói ở trên, song thực ra chỉ là che giấu điều đó mà thôi.

Dĩ nhiên, bên phòng ngự rất có thể, nếu không chấp nhận thì ít ra cũng né tránh các cuộc giao chiến bằng cách bỏ vị trí và mọi nhiệm vụ gắn chặt với vị trí. Nhưng đối với bên tiến công, điều đó tượng trưng cho cái gì giống như sự thắng lợi một nửa và mặc nhiên công nhận ưu thế nhất thời của mình.

Cách nhìn ấy – giống như một sự thách đố – ngày nay không còn thích hợp nữa, và cái kiểu khoác lác ấy cũng chẳng giảm nhẹ được sai lầm không thể tha thứ được của kẻ đi tiến công: Bấy giờ đáng lẽ phải tiến lên thì lại án binh bất động.

Còn bên phòng ngự, người ta cũng có thể nói rằng họ đã đồng ý giao chiến nếu học không chịu lùi, và nếu họ không bị tiến công, họ cũng có thể cho rằng mình đã thách thức giao chiến, tuy dĩ nhiên là phải như thế.

Mặt khác, khó có thể thực hiện giao chiến với một đối thủ chỉ muốn và có thể *lẩn tránh* giao chiến.

Nhưng thông thường kẻ tiến công lại không thể chỉ thỏa mãn với những ưu thế thu được ở việc lẩn tránh ấy, và khi cần đến một thắng lợi thực tế, họ buộc phải tìm bằng được những biện pháp nhất định và vận dụng một cách đặc biệt khôn khéo để *buộc* đối phương phải chiến đấu.

Những biện pháp ấy là: Trước hết phải *bao vây* quân địch, làm thế nào chặn đường rút lui của chúng hoặc làm cho đường rút lui khó khăn, phức tạp đến nỗi thà chấp nhận giao chiến còn hơn; sau đó là *ảnh hưởng của bất ngờ*. Xưa kia, rất dễ hiểu tại sao lại có ảnh hưởng của bất ngờ, đó là vì quân đội di chuyển khó khăn; nhưng hiện nay thì ảnh hưởng này đã mất tác dụng đi nhiều lắm. Do tính chất linh hoạt và cơ động của quân đội thời nay, người ta không còn e ngại khi phải tổ chức một cuộc rút lui ở ngay trước mắt quân thù, và chỉ khi nào gặp địa hình đặc biệt khó khăn, người ta mới không thể lui quân như thế được.

Trận Neresheim có thể là một thí dụ về mặt này. Ngày 11 tháng 7 năm 1796, đại công tước Charles khai chiến với Moreau ở vùng Rauhe Alp chỉ nhằm để lui quân được dễ dàng hơn. Nhưng thú thật rằng: Chúng tôi chưa bao giờ biết được hết những lập luận của vị danh tướng kiêm nhà văn về vấn đề này. Trận Rosbach là một thí dụ khác, giả định rằng người chỉ huy quân đội Liên minh thật ra không có ý định công kích Frederick Đại đế.

Còn đối với trận Soor thì chính nhà vua đã thổ lộ rằng sở dĩ ngài phải chấp nhận giao chiến vì thấy việc rút lui trước mặt đối phương đã trở thành một việc khó khăn, tuy nhiên nhà vui cũng đã bổ sung thêm nhiều lý do phụ khác nữa về trận đánh ấy.

Nhìn chung và loại trừ những trận tập kích ban đêm chính cống, những trường hợp trên thường rất ít xảy ra và đối phương chỉ chấp nhận tác chiến khi bị bao vây, và chỉ chấp nhận đối với những đơn vị lẻ loi như đơn vị của Mortier ở Durrenstein 1809 và của Vandamme ở Kulm 1813.

Chương 9. TRẬN CHỦ YẾU

Tính quyết định của trận này

Thế nào là một trận chủ yếu? Đó là một cuộc chiến đấu của đạo quân chủ yếu. Nó không phải là một trận đánh không có ý nghĩa, nhằm đạt một mục tiêu thứ yếu, một ý đồ đơn giản mà chúng ta sẽ hủy bỏ ngay khi thấy khó thực hiện. Trận chủ yếu là một trận chiến đấu được tiến hành với những cố gắng cao nhất để đạt một chiến thắng thực sự.

Ngay trong trận chủ yếu, những mục đích thứ yếu cũng có thể xen lẫn với mục đích chủ yếu, và những điều kiện nảy sinh của mục đích này sẽ tạo cho nó những sắc thái đặc biệt; vì bản thân trận đánh chủ yếu cũng chỉ là một bộ phận nằm trong một tổng thể rộng hơn. Nhưng nếu bản chất của chiến tranh là chiến đấu và nếu trận đánh chính là trận chiến đấu của những đạo quân chủ yếu thì bao giờ ta cũng phải coi trận giao chiến chủ yếu như trọng tâm của chiến tranh, và nhìn chung đặc tính của nó là tự thân tồn tại, điều đó khác với những cuộc giao chiến khác.

Điều này phản ánh vào *phương phác tác chiến sẽ được sử dụng*,vào *ảnh hưởng do thắng lợi gây nên*, và quyết định *giá trị mà lý thuyết phải giành cho nó với tư cách là một phương tiện của một mục tiêu nào đó*. Vì vậy, không thể để chậm trễ, chúng tôi phải cho nó là một đối tượng nghiên cứu đặc biệt, trước khi phân tích những mục tiêu đặc biệt khác tuy có liên quan nhưng không làm thay đổi sâu sắc bản chất của nó, ít nhất là trong phạm vi nó đáng được gọi là trận chủ yếu.

Nếu bản thân trận đánh chính cũng là một mục đích thì những nguyên nhân làm cho nó trở thành quyết định phải nằm ngay trong mình nó; nói một cách khác: Trong trận đánh chính, hễ còn khả năng thắng lợi nhỏ đến mức nào đi nữa thì cũng vẫn phải tiếp tục chiến đấu, và chỉ từ bỏ thắng lợi khi nào lực lượng rõ ràng không đủ để đạt mục đích, chứ không phải vì một tình hình nào đó.

Làm thế nào để xác định được đúng đắn thời điểm ấy? Nếu một tổ chức hoặc một sự phối hợp binh chủng khéo léo nào đó, như người ta thường thấy hiện nay trong nghệ thuật chiến tranh, là những điều kiện chủ yếu để đạt thắng lợi nhờ lòng dũng cảm của quân đội, thì việc *tiêu diệt tổ chức ấy* sẽ là điểm quyết định. Một cánh quân bên sườn bị đánh bại và cái khung của nó cũng đã bị bẻ gãy nốt tất sẽ dẫn đến điểm quyết định đối với cánh quân còn đứng vững. Nếu ở những thời kỳ khác, điều cốt tử của phòng ngự là ở mối gắn bó chặt chẽ giữ quân đội với địa hình nơi họ chiến đấu đến nỗi quân đội và vị trí chỉ là một, việc *chiếm đoạt được một điểm chủ yếu của vị trí* này là điểm quyết định.

Người ta nói: *điểm chốt* đã bị mất thì không còn khả năng bảo vệ được vị trí, không thể tiếp tục trận đánh được nữa. Trong cả hai trường hợp, quân đội thua trận cũng gần giống như những mẩu dây thừng mục đứt vụn, vô tích sự.

Cả hai nguyên lý hình học và địa lý học đều đặt quân đội đang giao chiến trong

một trạng thái căng thẳng cao độ cho nên không thể tận dụng lực lượng có trong tay tới người cuối cùng; những nguyên tắc ấy ngày nay đã mất khá nhiều hiệu lực nên không còn giữ được địa vị độc tôn nữa. Người ta tiếp tục lãnh đạo quân đội, trong một đội hình chiến đấu nào đó, nhưng đội hình ấy chẳng còn giá trị quyết định nữa. Người ta vẫn tiếp tục lợi dụng địa hình địa vật để tăng cường đề kháng, song địa hình không còn là chỗ dựa độc nhất nữa.

Trong chương 2 của tập này, chúng tôi đã cố gắng tóm tắt bản chất của tác chiến hiện đại. Như chúng tôi đã vạch rõ, đội hình chiến đấu chỉ là sự bố trí lực lượng để sử dụng lực lượng được dễ dàng, và quá trình diễn biến của chiến đấu chỉ là sự hao mòn lực lượng một cách chậm rãi: Qua đó ta sẽ thấy rõ đối thủ nào sẽ bị kiệt quệ trước tiên.

Hơn là trong mọi cuộc giao chiến khác, trong trận chủ yếu, quyết định bỏ cuộc phụ thuộc vào tình hình của những lực lượng dự bị nguyên vẹn vì chỉ những đơn vị này mới có đủ sức mạnh tinh thần, còn các bộ phận sót lại của những tiểu đoàn đã bị thiệt hại và rối loạn thì chỉ là những đám tàn binh xộc xệch, không thể sánh kịp với những lực lượng dự bị nói trên.

Như chúng tôi đã nói, phần đất đai bị mất sẽ là cái thước đo mức độ suy sụp của lực lượng tinh thần; cần phải coi đó như các chứng tính của những tổn thất chứ không phải là những tổn thất thực thụ và số lực lượng dự bị còn nguyên vẹn bao giờ cũng phải là mối quan tâm lớn nhất của cả hai vị tổng chỉ huy.

Thông thường, ngay từ lúc bắt đầu, chiến tranh đã hướng về một phía nào đó, tuy chưa rõ rệt lắm.

Hướng này thường thể hiện ở công tác chuẩn bị đã được tiến hành và một vị chỉ huy có thể bắt đầu chiến đấu trong những điều kiện bất lợi mà không biết, do phán đoán không đúng. Ngay cả trong trường hợp không đúng như vậy, quá trình tiến triển tự nhiên của các trận đánh thường chỉ là sự thay đổi thế thăng bằng một cách chậm rãi hoặc thay đổi đột biến nhưng lúc ban đầu không thấy rõ, như chúng tôi đã trình bày. Chỉ dần dần, sau mỗi đợt chiến đấu nó mới lại đậm nét hơn, rõ rệt hơn, chứ không phải là một sự dao động, một sự lúc lắc qua lại như người ta thích tả trong các giai thoại chiến tranh bịa đặt.

Cho dù sự chênh lệch có rất nhỏ bé trong một thời gian khá dài, hoặc thế thăng bằng đặt ở phía này lại mất đi ở phía này lại mất đi ở phía kia thì điều dưới đây vẫn là chắc chắn:

- Một tướng bại trận không thể không cảm thấy như thế trước lúc rút lui khá lâu;
- Một biến cố bất ngờ đột nhiên đè nặng lên diễn biến của toàn bộ chiến cuộc: Điều này chỉ có thể có trong trí tưởng tượng của những kẻ hay tô vẽ trận đánh bằng cách kể chuyện, song lại không biết cách làm cho trận đánh thắng lợi.

Tới đây, chúng tôi kêu gọi sự xét đoán vô tư của những người có một số kinh nghiệm nào đó. Chúng tôi tin chắc rằng họ sẽ thấy chúng tôi nói có lý và thay chúng tôi trả lời những bạn đọc thiếu kinh nghiệm chiến tranh. Muốn chứng minh rằng tình hình trên có nguyên nhân trong bản chất của sự vật, ta cần đi sâu vào lĩnh vực chiến

thuật tức là lĩnh vực của vấn đề này, nhưng ở đây chúng ta chỉ nghiên cứu kết quả của nó mà thôi.

Khi chúng tôi nói rằng, người tướng bại trận trước khi quyết định bỏ cuộc, hầu như bao giờ cũng cảm thấy trước đó một thời gian cái kết quả bi đát sẽ xảy đến, là chúng tôi mặc nhiên thừa nhận những dẫn chứng ngược lại, nếu không ý kiến của chúng tôi tự nó sẽ trở thành mâu thuẫn. Nếu chiều hướng căn bản của trận đánh đã bộc lộc sự thất bại chắc chắn thì không nên tung lực lượng vào nữa vì không còn hy vọng xoay chuyển tình thế và do đó bước ngoặt quyết định ấy chỉ được tiến hành vào sát lúc rút lui. Thực tế đã có những trường hợp mà một chiến dịch, tuy đã xoay hướng rõ rệt về một phía nào đó nhưng rồi lại kết thúc ở hướng ngược chiều. Song, đấy chỉ là ngoại lệ chứ không phải là quy tắc.

Tuy nhiên, mọi vị tướng mang vận mệnh hẩm hiu lại thường hy vọng vào những trường hợp ngoại lệ ấy, và ông ta còn có khả năng – dù mỏng manh đến đâu – để xoay chuyển tình thế thì ông ta còn bị buộc phải ôm lấy hy vọng đó. Ông ta hy vọng rằng: Với những cố gắng, với việc kích thích các lực lượng tinh thần hoặc do bản thân cố gắng vượt bực hoặc do một may mắn bất ngờ, ông ta sẽ xoay chuyển được vận hội; còn tinh thần dũng cảm và sự sáng suốt thì ông ta còn đi theo hướng đó. Trước khi chấm dứt vấn đề này, chúng ta hãy nghiên cứu những triệu chứng của sự biến đổi thế thăng bằng.

Kết quả chung là tổng số của các kết quả bộ phận. Có ba loại kết quả của những cuộc giao chiến khác nhau.

Trước tiên là lực lượng tinh thần giản đơn, tức là lương tâm của người chỉ huy. Khi viên sư đoàn trưởng thấy các tiểu đoàn của mình bị đánh quỵ, điều đó sẽ ảnh hưởng tới phong cách chỉ đạo cũng như trong các báo cáo của ông ta, nhưng cái này lại sẽ tác động tới những biện pháp mà người tổng chỉ huy sẽ sử dụng. Ngay cả những trận giao chiến bộ phận kết thúc không tốt nhưng bề ngoài đã được hồi phục cũng vẫn là những trận giao chiến thất bại, vì những ấn tượng về những kết quả đó cũng đã tích lũy một cách tự nhiên trong tâm trí của người chỉ huy, có khi ngoài cả ý muốn của ông ta.

Sau đó là tốc độ tan rã của các đơn vị, khi trận đánh có nhịp độ chậm hơn, ít náo động hơn, điều đó lại càng dễ thấy.

Cuối cùng là việc mất đất.

Tất cả những điều đó là kim chỉ nam của người tướng nhờ đó ông ta biết hướng con tàu mình đang lái đi theo hướng nào. Nếu không có gì bù đắp vào những phân đội pháo đã bị tiêu diệt hoàn toàn, nếu những tiểu đoàn bộ binh đã bị kỵ binh đối phương xuất hiện đông đảo khắp nơi nghiền nát, nếu tuyến hỏa lực trong đội hình chiến đấu của ông ta cứ lùi một cách bất đắc dĩ từ điểm này tới điểm khác, nếu những cố gắng để đoạt lại một số nơi bị mất đã thành vô ích và nếu những tiểu đoàn xung kích thường xuyên bị tan tác bởi những trận mưa đạn, nếu hỏa lực pháo binh của chúng ta phản ứng yếu ớt trước những loạt đạn của đối phương, nếu các tiểu đoàn nhanh chóng tan rã một cách không bình thường, dưới hỏa lực địch, do chỗ nhiều kẻ

không bị thương cũng bỏ cuộc như người bị thương, lại có cả những sư đoàn đã bị cô lập và bị bắt do kế hoạch chiến dịch rối loạn, và nếu đường rút lui bắt đầu bị uy hiếp thì người chỉ huy phải biết nhận ra con đường tiến triển của trận đánh qua những dấu hiệu ấy.

Trận đánh càng kéo dài, bước phát triển tất yếu càng rõ nét, bước ngoặt thuận lợi càng khó khăn thì càng phải mau chóng quyết định bỏ cuộc. Đó là cái thời điểm mà chúng tôi sắp nói tới.

Đã nhiều lần chúng tôi nói tỷ lệ lực lượng dự bị còn nguyên vẹn là yếu tố căn bản nhất của quyết định cuối cùng. Người chỉ huy nào thấy về mặt đó ưu thế quyết định đã thuộc về đối phương thì buộc phải rút lui. Tác chiến hiện đại có điểm độc đáo là hết thảy mọi tai họa và mọi tổn thất mà người ta đã phải chịu đựng đều có thể được khắc phục nhờ những lực lượng còn nguyên vẹn ấy. Vì tổ chức đội hình chiến đấu kiểu mới, phương pháp điều động bộ đội tham chiến cho phép ta sử dụng những lực lượng đó ở khắp mọi nơi và trong mọi tình huống. Một người chỉ huy, tuy có vẻ kém thế hơn đối phương, nhưng nếu còn một lực lượng dự bị trội hơn, tất sẽ không chịu bỏ cuộc. Nhưng khi lực lượng dự bị của ông ta bắt đầu yếu hơn của đối phương thì phải dứt khoát coi như là đã có quyết định rồi, và công việc ông ta đã cố tiến hành thì lệ thuộc một phần vào mức độ dũng cảm của tình huống đặc biệt, một phần vào mức độ dũng cảm kiên trì của ông ta; nhưng những đức tính này cũng không thể trở thành thái độ ngoan cố lỗi thời. Làm thế nào để đánh giá đúng đắn mối tương quan giữa các lực lượng dự bị của mình và của đối phương là một vấn đề thuộc kỹ xảo của mỗi người chỉ huy, chúng tôi không thể bàn tới ở đây. Chúng tôi chỉ đề cập tới cái kết quả đã hình thành trong đầu óc ông ta. Nhưng bản thân cái kết quả ấy không phải là cái yếu tố căn bản nhất của quyết định chính thức, và một lý do chỉ dần dần mới rõ nét không thể tạo nên một quyết định như vậy. Đó chỉ mới là xu hướng hoàn toàn chung, còn bản thân quyết định lại đòi hỏi phải có những lý do rõ rệt hơn nữa. Những lý do ấy, chủ yếu và bao giờ cũng thường thuộc vào hai loại sau: Mối nguy hiểm của việc rút lui và khi màn đêm buông xuống.

Nếu mỗi bước phát triển mới của trận đánh, đường rút lui ngày càng bị uy hiếp và lực lượng dự bị đã bị tan rã đến mức độ không đủ khả năng tạo nên một luồng gió mới thì chỉ còn một cách là khuất phục trước số mệnh, và nên tiến hành một cuộc rút lui có trật tự để có thể cứu vãn những cái gì còn cứu vãn được. Vì để lâu hơn sẽ mất hết trong khi tháo chạy và tan rã.

Đêm đến thường làm cho mọi cuộc giao chiến phải ngừng lại. Vì một cuộc giao chiến ban đêm chỉ có thể trong những điều kiện đặc biệt. Nhưng việc rút lui ban đêm lại thuận lợi hơn ban ngày, vì vật người nào đã cảm thấy rút lui là việc khó tránh hoặc hoàn toàn không tránh được nữa, tất sẽ lợi dụng đêm tối để thực hiện việc đó.

Ngoài hai lý do phổ biến và căn bản đã nói trên, có thể còn có nhiều lý do khác, tuy ít quan trọng hơn, nhưng đặc biệt không coi thường. Vì một khi trận đánh càng xoay sang chiều hướng làm lệch hoàn toàn thế thăng bằng thì mỗi kết quả nhỏ bé bộ phận lại càng có ảnh hưởng. Vì vậy, một quân đội pháo binh bị mất, một vài trung

đoàn bộ binh tham chiến đúng lúc và thu được kết quả tốt phải chăng có thể làm cho người chỉ huy buộc phải thực hiện ý định rút lui, trước đó mới chỉ chớm nở trong tư tưởng.

Để kết thúc chương này, chúng ta hãy dừng một lát ở loại chiến đấu mà lòng dũng cảm và trí thông minh đối chọi với nhau trong đầu óc người chỉ huy.

Nếu uy quyền và sự kiêu căng, nghị lực không gì lay chuyển nổi, tính kiên nghị bẩm sinh và lòng tự hào cao quý đã nắm giữ, không cho kẻ chiến thắng rời bỏ chiến trường, vì đó là danh dự của anh ta, thì lý trí lại khuyên anh ta đừng tung ra tất cả, đừng sử dụng tới con chủ bài cuối cùng mà phải để dành lực lượng cần thiết cho cuộc rút lui có trật tự. Trong chiến tranh, dù lòng dũng cảm và ý chí kiên nghị có được đánh giá cao đến bao nhiêu đi nữa, dù người ta có thể hy sinh tất cả để đạt được thắng lợi mỏng manh thì vẫn còn một điểm không thể vượt qua được, vì nếu vượt qua đó thì tính kiên trì chỉ là sự điên rồ tuyệt vọng mà không một nhà phê bình nào có thể tán thành được cả.

Trong trận đánh nổi tiếng nhất từ xưa tới nay- trận Waterloo, Bonaparte đã tung mọi sức lực cuối cùng của mình ra nhằm hy vọng thay đổi thế trận đã không sao cứu vãn nổi. Ông ta đã cạn túi trước khi phải bỏ chạy khỏi chiến trường và bỏ luôn cả nền đế chế, y như một kẻ khốn quẫn.

Chương 10. TRẬN CHỦ YẾU

Ảnh hưởng của chiến thắng

Tùy theo quan điểm của mỗi người, một số trận đánh lớn có kết quả phi thường hoặc không có kết quả gì, đều có thể làm ta ngạc nhiên. Một trận thắng lớn tất có ảnh hưởng lớn; bản chất của ảnh hưởng ấy thế nào? Chúng ta hãy ngừng một lát để nghiên cứu các vấn đề này.

Người ta có thể phân biệt ba vấn đề một cách dễ dang: Ảnh hưởng của thắng lợi đối với bản thân của công cụ thắng lợi, tức là đối với những người chỉ huy và quân đội của họ, ảnh hưởng đối với các quốc gia liên quan, ảnh hưởng đó tác động đến diễn biến sau này của chiến tranh như thế nào.

Khi người ta nghĩ đến mức độ chênh lệch giữa số lượng những người bị chết, bị thương, bị bắt và số pháo bị mất ở chiến trường của cả bên thắng lẫn bên bại trận, dù ít ỏi đến thế nào đi nữa thì hậu quả của cái điều vô nghĩa lý ấy cũng hoàn toàn khó hiểu, tuy mọi việc thường diễn biến một cách quá tự nhiên. Chúng tôi đã nói ở **Chương 7** rằng cái giá của một chiến thắng không phải chỉ tăng lên cao hơn nhiều. Về mặt tinh thần, kết quả của một cuộc giao chiến lớn có ảnh hưởng nhiều đối với kẻ bại hơn là đối với kẻ thắng: Những ảnh hưởng đó lại gây thêm những tồn tại vật chất lớn hơn, những tổn thất này lại dội ngược lại với yếu tố tinh thần và cứ thể dựa vào nhau mà mạnh lên thêm mãi. Cần có một sự quan tâm đặc biệt tới những ảnh hưởng tinh thần trên, chúng phá hoại tinh lực của kẻ bại trận nhưng lại kích thích thêm nghị lực của kẻ thắng trận. Song, những ảnh hưởng nổi nhất thường rất rõ nét ở kẻ bại trận và sẽ trở thành nguyên nhân trực tiếp của những tổn thất mới; nói chung, bản chất của tổn thất đồng nhất với bản chất của nguy hiểm, của cố gắng và thiếu thốn thực sự, và với tất cả mọi điều kiện nghiêm trọng, môi trường vận động của chiến tranh.

Ảnh hưởng của tổn thất lại tạo điều kiện gây nên tổn thất mới; nhưng về kẻ chiến thắng, tất cả những tình huống ấy lại kích thích tinh thần và lòng dũng cảm của họ. Như vậy là kẻ bại trận bị tuột xuống dưới mức ban đầu nhiều hơn là mức trội lên của kẻ thắng trận. Vì vậy, khi nói đến ảnh hưởng của thắng lợi, chúng tôi thường nghĩ đến những tác hại từ phía quân đội bại trận. Nếu trong một trận giao chiến lớn, ảnh hưởng này mạnh hơn là một trận giao chiến nhỏ, thì nó lại càng mạnh hơn nhiều ở một trận giao chiến nhỏ, thì nó lại càng mạnh hơn nhiều ở trận chiến chủ yếu so với trận thứ yếu. Trận chủ yếu tồn tại vì bản thân nó, cho thắng lợi mà nó phải đảm bảo và muốn đoạt thắng lợi ấy người ta phải hoạt động với những nổ lực cao nhất. Phải thắng đối phương, ở chỗ này vào thời gian nào đó quyết tâm đầu mối quy tụ mọi sợi chỉ của kế hoạch tác chiến, mọi hy vọng xa xôi và những ước đoán còn mơ hồ về tương lai. Chúng ta được đẩy tới trước số mệnh, nó sẵn sàng giải đáp câu hỏi táo bạo của chúng ta.

Không phải chỉ riêng mình người chỉ huy mà còn cả toàn đơn vị của ông ta, kể cả

những người lính bình thường nhất cũng đều bị lúng túng trong trạng thái tinh thần căng thẳng mà mức độ sẽ giảm dần đần. Bao giờ cũng thế, và theo đúng nghĩa của nó, những trận đánh chủ yếu không hề có nghĩa là sự thực hiện đơn giản một nhiệm vụ bất ngờ mà là một hành động lớn lao, khác các hoạt động bình thường khác, vì bản thân hoặc vì ý muốn của người chỉ huy, nó có thể làm cho mọi đầu óc càng căng thẳng.

Nhưng sự căng thẳng đó càng gắn chặt với điểm kết thúc thì ảnh hưởng của điểm kết thúc này càng mạnh.

Ảnh hưởng tinh thần của chiến thắng trong các trận đánh ngày nay cũng lớn hơn là trong các trận đánh đầu tiên của lịch sử chiến tranh hiện đại. Nếu giao chiến, như chúng tôi đã nói, là một cuộc ganh đua tới lúc lực lượng bị kiệt quệ thì tổng số của các lực lượng vật chất và tinh thần ấy sẽ có giá trị quyết định hơn bất cứ sự sắp đặt đặc biệt nào khác, và hơn cả yếu tố ngẫu nhiên nữa.

Một sai lầm về sau có thể được sửa chữa, và một lúc nào khác vận may hoặc ngẫu nhiên cũng lại có thể ủng hộ ta, nhưng tổng số các lực lượng vật chất và tinh thần thì không thể biến đổi một cách mau lẹ, do đấy sự phán quyết của thắng lợi sẽ có tầm quan trọng hơn trong tương lai. Rất có thể, trong đám những kẻ đã tham dự vào một trận chiến đấu, dù là thành viên của quân đội hay không, ít người đã nghĩ đến điểm khác nhau ấy; nhưng rồi chính quá trình diễn biến của những trận đánh sẽ làm cho tất cả những ai đã tham gia đều phải công nhận. Quá trình tiến triển ấy, như đã thể hiện trong các thông báo chính thức, tuy đã mờ nhạt đi vì những chi tiết thêm vào sau, nhưng cũng vẫn còn thừa sức chứng minh cho mọi người biết rằng những nguyên nhân quyết định thường có tính phổ biến hơn là cá biệt.

Người nào chưa hề có mặt trong một trận thua lớn, khó có thể hình dung ra được một ý niệm sinh động về nó, tức là một ý niệm hoàn toàn xác thực, và những khái niệm trừu tượng về một thất bại của một trận đánh lớn. Chúng ta hãy dừng lại một lát ở tình huống này.

Sự việc trước tiên đập vào trí tưởng tượng – và người ta cũng có thể nói: Đập vào lý trí sau một trận đánh thất bại chính là những khối quân đội bị tan rã, là phần đất đai bị mất. Nếu bên tiến công không được may mắn thì ít nhiều cũng bị như thế. Tiếp đó, đến trật tự ban đầu bị phá hoại. Mọi bộ phận bị rối loạn, những hiểm nghèo của việc rút lui như bao giờ đã xảy ra ở một mức độ nào đó. Cuối cùng là đến việc rút lui thực thụ, thường nhiều được tiến hành vào đêm. Và trong các cuộc hành quân đầu tiên này người ta đã bỏ rơi lại phía sau hàng đoàn người bị kiệt sức, thất tán: Họ thường là những người can đảm nhất, những người đã xông xáo xa nhất. Khi còn ở trận chiến, ấn tượng lúc đầu chỉ ám ảnh các sĩ quan cao cấp thì bây giờ đã xâm nhập vào mọi cấp, cho tới cả người binh nhì; tình cảm càng nặng nề, đau đớn thêm vì phải để lại trong tay địch biết bao nhiêu chiến hữu thân yêu đã gắn bó với nhau trong lửa đạn, nó còn nặng nề hơn nữa vì lòng tin tưởng vào những người chỉ huy bắt đầu giảm sút; các cấp dưới đều bắt cấp trên phải chịu trách nhiệm về những cố gắng vô ích mà họ đã bỏ ra. Ấn tượng thua trận không phải là một ý nghĩ đơn giản và dễ vượt qua;

trái lại, ưu thế của quân thù là một sự thật hiển nhiên; lúc đầu, chính những nguyên nhân tạo nên sự thật trên đã che giấu, chúng nên ta đã thấy rõ, nhưng khi trận đánh kết thúc thì chúng bộ lộ ra rõ ràng và đậm nét. Có thể là người ta đã phán đoán được rất sớm, nhưng do thiếu tài liệu xác thực, nhưng người ta đã hy vọng vào sự ngẫu nhiên, và lòng tin ở may rủi và số mệnh, ở lòng dũng cảm và tính mạo hiểm. Hết thảy những cái đó đều chẳng có hiệu quả gì và sự thật tàn nhẫn đã áp đảo với tất cả sức nặng của nó.

Tất cả những ấn tượng trên còn rất xa mới đi đến tình trạng kinh hoàng tan rã: Một quân đội có đạo đức quân sự cao không bao giờ bị rơi vào tình trạng kinh hoàng như thế, nhưng đối với các đạo quân khác thì chưa cần đợi đến thua trận, tình hình đó đã xảy ra rồi. Những đội quân tinh nhuệ nhất cũng vẫn mang ấn tượng ấy, và đôi lúc do binh sĩ đã dày dạn trong chiến đấu đã chiến thắng, hoặc do tin tưởng mạnh mẽ vào người chỉ huy nên ấn tượng có thể bị giảm nhẹ. Nhưng không bao giờ có thể tránh khỏi những lúc ban đầu. Có những ấn tượng ấy cũng không phải là lý do mất chiến lợi phẩm: Tổn thất này thường chỉ xảy ra về sau và không phải ai cũng biết ngay được. Vì vậy, kể cả lúc thế thăng bằng thay đổi dần dần từng bước một, người ta vẫn có ấn tượng trên và khi nào chúng cũng là cái căn cứ của ảnh hưởng chiến thắng mà người ta có thể tin cậy chắc chắn.

Chúng tôi cũng đã nói rằng số lượng chiến lợi phẩm bị mất đã làm ấn tượng này càng mạnh thêm.

Trong điều kiện ấy, với tư cách là một công cụ, quân đội đã bị yếu đi biết chừng nào. Phải chăng có thể hy vọng ở một đạo quân đã bị yếu đi như thế – một đạo quân như chúng tôi đã nói, phải đụng đầu với những kẻ thù mới giữa lúc đang lúng túng giữa mọi khó khăn thông thường của chiến tranh – lại có một nỗ lực mới để đoạt lại những cái đã mất? Trước khi chiến đấu, tất nhiên cả hai đều có một thế thăng bằng thực tế tưởng tượng. Nhưng thế thăng bằng này đã bị phá vỡ và muốn khôi phục lại cần phải có một nguyên nhân bên ngoài. Thiếu sự viện trợ khách quan ấy, mọi nỗ lực mới chỉ đem đến tổn thất.

Như vậy, bất cứ một thắng lợi nhỏ nào của đạo quân chủ yếu cũng sẽ làm cán cân nghiêng về phía mình tới lúc nảy ra những điều kiện mới tạo nên chuyển biến. Nếu chẳng có triệu chứng gì giúp ta nhận định ra những điều kiện đó và nếu kẻ chiến thắng vì khát vọng vinh quang, tiếp tục theo đuổi những mục tiêu lớn và để cho chúng ta được lúc nào yên tĩnh, thì cần phải có một người chỉ huy siêu việt và đội quân có đức tính quân sự trầm tĩnh, được tôi luyện trong nhiều chiến dịch, mới có thể ngăn chặn được sóng triều yếu ớt nhưng kiên trì cũng đủ cam chịu được những cơn sóng dữ và như thế, chỉ một thời gian, sức mạnh của bên chiến thắng sẽ phải tự tiêu hao.

Bây giờ, chúng ta hãy nghiên cứu xem việc thua trận đã tác động ra ngoài quân đội, tới chính phủ và quốc gia thua trận thế nào? Ảnh hưởng đó là mọi kỳ vọng to lớ bị sụp đổ bất thình lình, lòng tự tin bị tiêu tán. Các lực lượng bị tiêu diệt gây nên những chỗ trống, và sự sợ hãi lan tràn khắp nơi dẫn đến trạng thái tê liệt hoàn toàn.

Đó chính là trạng thái tê liệt do tia lửa điện mạnh truyền vào một trong hai lực sĩ. Ảnh hưởng đó có cường độ khác nhau nhưng không lúc nào là không có. Ai ai cũng xoay xở để ngăn chặn tai biến, tuy mọi người đều ngần ngại khi phải bỏ ra những cố gắng một sự nghiệp đã hết thời. Người ta do dự, người ta dừng lại, và lẽ ra cần phải lao về phía trước, người ta lại tự dìm mình trong thất vọng và phó mặc cho định mệnh.

Tuy nhiên, ảnh hưởng ấy của chiến thắng đối với quá trình tiến triển của chiến tranh chỉ phụ thuộc một phần vào tính cách và tài năng của viên chỉ huy thắng trận, còn chủ yếu là nhờ ở những tình huống đã làm nảy sinh ra thắng lợi và những tình huống do thắng lợi đẻ ra. Nếu người chỉ huy thiếu dũng khí và tinh thần dám đánh thì dù thắng lợi có rực rỡ nhất cũng chẳng thể có kết quả lớn và sức mạnh của nó sẽ ngày càng giảm sút nhanh hơn nữa khi đụng chạm với thực tế, nhất là khi thực tế đó đã trở thành sức đối kháng mãnh liệt. Frederick Đại đế có thể lợi dụng chiến thắng Kollin một cách khác hơn Daun, và đối với nước Pháp, chiến dịch Leuthen có thể có những kết quả hoàn toàn khác với nước Phổ.

Chúng ta sẽ nghiên cứu bằng cách điểm mục những vấn đề có liên quan tới những tình huống cho phép ta phán đoán được một chiến thắng lớn sẽ có tác động lớn như thế nào. Chúng ta có thể chứng minh về sự không cân đối giữa quy mô của một chiến thắng với những ảnh hưởng của nó; người ta có khuynh hướng cho rằng có sự mất cân đối này là vì người chỉ huy thiếu quyết tâm. Ở đây chỉ bàn tới trận chủ yếu nên chúng tôi chỉ nói rằng: Những ảnh hưởng nói trên nhất định sẽ xảy ra sẽ tăng lên cùng với quy mô của thắng lợi và trận đánh càng có tính chất là trận chủ yếu thì ảnh hưởng đó lại càng tăng cao lên, nghĩa là ảnh hưởng của trận chủ yếu ngày càng bao trùm toàn bộ sức mạnh của dân tộc, và sức mạnh này bao trùm toàn bộ nhà nước.

Nhưng về mặt lý thuyết, có thể coi những ảnh hưởng ấy của thắng lợi như một kết quả không thể tránh được không? Hay ngược lại phải cố gắng tìm ra biện pháp để hạn chế hoặc biến nó thành vô hiệu? Tất nhiên là phải khẳng định điều đó; nhưng cầu mong thượng đế phù hộ cho chúng ta khỏi sa vào con đường mà phần lớn các nhà lý thuyết đã lạc bước, con đường đó chỉ dẫn đến những cuộc bàn cãi mà bên tán thành cũng như bên phản đối đều tự hủy lẫn nhau.

Cái ảnh hưởng chúng tôi nói đó dứt khoát là không thể tránh được, vì nó thuộc về bản chất của sự vật và dù ta có tìm cách nào để ngăn chặn thì nó cũng phát sinh; chẳng khác gì con đường vận hành của một viên đại bác phát triển theo chiều vận của trái đất, dù ta bắn nó từ hướng Đông sang hướng Tây và một phần của tốc độ chung có bị giảm đi do sự vận động ngược chiều ấy gây ra.

Bất cứ cuộc chiến tranh nào cũng đều được giả định từ những nhược điểm của con người, và khi nào nó cũng được chỉ đạo để chống lại các nhược điểm đó.

Sau này, lúc nào đó chúng ta sẽ tự đặt vấn đề là phải làm gì khi trận đánh chủ yếu thất bại, khi chúng ta nghĩ tới những biện pháp còn có thể vận dụng để thoát ra khỏi tình thế tuyệt vọng nhất, khi mà dù cho tình thế đã xảy ra như thế nào chúng ta cũng vẫn tiếp tục giữ vững lòng tin ở khả năng giành lại được thắng lợi. Nhưng điều đó

không có nghĩa là lâu dần rồi cũng có thể xóa bỏ được hậu quả của một trận thất bại như thế. Những lực lượng và biện pháp được huy động để khắc phục tai họa phải được sử dụng mà những mục đích tích cực, và điều này có thể ứng dụng cho cả lực lượng tinh thần lẫn vật chất.

Một vấn đề khác cần phải tìm hiểu là: Trận chủ yếu đã thất bại liệu có thể làm cho những lực lượng đang nằm im bừng tỉnh dậy hay không. Trường hợp ấy cũng có thể có và thực đã xảy ra ở nhiều nước.

Nhưng vấn đề tạo nên sự phản ứng mạnh mẽ ấy không phụ thuộc vào nghệ thuật chiến tranh, ta chỉ cần chú ý dự tính đối phó với nó trong trường hợp cần thiết mà thôi.

Nếu có những trường hợp mà chiến thắng lại có hậu quả bất lợi vì nó gây ra sự phản ứng của các lực lượng – trường hợp này hoàn toàn ngoại lệ – thì ta càng phải thấy rằng: Ảnh hưởng của một chiến thắng biến đổi rất nhiều, tùy theo phẩm chất của nhân dân và nhà nước bị thua trận.

Chương 11. TRẬN CHỦ YẾU

Tác dụng của trận đánh

Dù việc chỉ đạo chiến tranh được tiến hành dưới hình thức nào, trong những trường hợp đặc biệt nào, và dù sau này chúng tôi có cho rằng phương diện nào đó của việc chỉ đạo chiến tranh là cần thiết, thì chắc rằng chỉ cần nhắc lại định nghĩa về chiến tranh cũng sẽ làm cho chúng ta nhất trí về những điểm sau:

1. Tiêu diệt các lực lượng vũ trang của đối phương là nguyên tắc tối cao của chiến tranh và là con đường chủ yếu để đi tới đích của tất cả những cái gì có liên quan tới hành động tích cực.

2. Việc tiêu diệt các lực lượng vũ trang ***chủ yếu*** phải thông qua giao chiến.

3. Chỉ những cuộc giao chiến có tính chất tổng hợp mới đem lại những hiệu quả lớn.

4. Chính việc hợp nhất nhiều cuộc giao chiến vào một trận lớn mới đem lại những kết quả lớn nhất.

5. Chỉ những trận đánh chủ yếu mới do đích thân người tổng chỉ huy điều khiển, và dĩ nhiên ông ta cũng muốn tự mình đảm đương việc ấy.

Từ những chân lý đó, ta có thể rút ra một quy luật kép có hai mặt nương tựa vào nhau, nghĩa là việc tiêu diệt các lực lượng vũ trang của địch chủ yếu phải thông qua các trận đánh lớn cùng kết quả với chúng và mục đích căn bản của trận đánh lớn là phải tiêu diệt các lực lượng vũ trang của địch.

Tất nhiên, có những biện pháp khác cũng chứa đựng ít nhiều nội dung các nguyên tắc tiêu diệt: Rõ ràng, cũng có trường hợp nhờ một cơ hội ngẫu hợp may mắn mà chỉ bằng một cuộc giao chiến nhỏ, ta cũng có thể tiêu diệt được một đội quân lớn của đối phương (trận Maxen). Ngược lại, việc đánh hoặc giữ một vị trí nhỏ lại thường có thể là một mục tiêu quan trọng bậc nhất của một trận đánh lớn. Nhưng nói chung, những trận đánh lớn chỉ được tiến hành với mục đích là tiêu diệt lực lượng quân thù và tiêu diệt ấy chỉ có thể thực hiện được bằng trận đánh chủ yếu: Đó là hoàn toàn đúng chân lý.

Trận đánh chủ yếu phải được coi như một cuộc chiến tranh tập trung như một trọng điểm của mọi cuộc chiến tranh tập trung, như trọng trọng điểm của mọi cuộc chiến tranh và chiến dịch. Mọi tinh lực và mọi tình huống của chiến tranh tụ họp ở trận đánh chủ yếu đã tạo nên một ảnh hưởng cô đọng và cao nhất, hệt như nhưng tia mặt trời tập trung ở tiêu điểm của mặt gương lõm thành một hình ảnh hoàn hảo và từ đó sinh ra sức sáng trắng tối đa.

Trong bất cứ cuộc chiến tranh nào, việc tập hợp các lực lượng vũ trang thành một tổng thể cũng nỗi ý đồ định sử dụng cái tổng thể ấy để giáng một đòn quyết định nếu ta là người tiến công, hoặc để trả đũa nếu ta là người phòng ngự. Nếu không xảy ra đòn quyết định ấy thì có thể vì những nguyên nhân nào khác đã pha loãng và làm nhụt ý chí cừu địch ban đầu, và có thể yếu tố hòa hoãn hoặc trậm trễ đã làm cho hành

động suy yếu, biến đổi hoặc ngừng trệ hoàn toàn. Nhưng ngay cả khi cả hai bên đang ở trạng thái tĩnh, như đã xảy ra trong nhiều cuộc chiến tranh thì cả hai bên, ý thức về một trận đánh lớn có thể bao giờ cũng là một mục tiêu cần chú ý từ xa, một điểm chuẩn định hướng cho mọi kế hoạch.

Chiến tranh càng có tính chất chiến tranh thực sự, lòng cừu hận và chí căm thù càng được thả sức tung hoành thì càng trở thành một tranh giành ưu thế của bên này hoặc của bên kia, càng tập trung mọi hoạt động trong trận huyết chiến thì tầm quan trọng của trận chủ yếu càng lớn.

Khi mục tiêu có tính chất trọng đại, tích cực, tức là có tính chất làm tổn hại sâu sắc cho đối phương thì trận đánh chính sẽ là một phương diện tự nhiên nhất để đạt được mục đích ấy. Vì thế trận chủ yếu cũng là phương diện tốt nhất, như chúng tôi đã có dịp chứng minh, và người nào vì e sợ những quyết định to lớn mà lảng tránh vấn đề ấy, tất sẽ phải hối tiếc sau này.

Mục đích tích cực là sự nghiệp của người đi tiến công và tất nhiên trận đánh chủ yếu là phải là phương diện đặc biệt nhất của họ. Không thể trình bày ở đây một định nghĩa sáng sủa hơn nữa về tiến công và phòng ngự, chúng ta cần chú ý là ngay cả kẻ phòng ngự cũng thường không có phương tiện nào khác tương đối có hiệu quả để đối phó được với những đòi hỏi của tình thế và giải quyết những vấn đề tự đó đẻ ra.

Trận đánh chủ yếu là giải pháp đẫm máu nhất. Tất nhiên, đó không phải đơn thuần là một cuộc tàn sát lẫn nhau, nó phải đạt được kết quả là tiêu diệt tinh thần dũng cảm hơn là tiêu diệt chính các chiến binh của kẻ thù. Chúng tôi sẽ bàn đến vấn đề này ở chương sau. Tuy vậy, bao giờ nó cũng vẫn lấy máu để tính giá, và tính chất cũng như tên gọi của nó đều do việc hạ sát**[117]** đối phương mà ra; chính vì lẽ đó nên khía cạnh nhân đạo của người tướng có thể làm ông ta rùng mình và chùn bước.

Nhưng tâm lý con người lại thường bốc lên mạnh mẽ hơn nữa khi nghĩ rằng chỉ độc có một trận đánh cũng đủ đi đến quyết định. Mọi hoạt động đều tập trung vào dọc một điểm của không gian và thời gian. Trong những lúc ấy, chúng ta thường bị ám ảnh bởi cái cảm giác hồ cho rằng sức lực của chúng ta chưa được hoàn toàn triển khai trong một không gian hạn chế như vậy, rằng chúng ta còn có thể thắng hơn nữa nếu tranh thủ được thời gian tuy thời gian ấy chẳng phụ thuộc gì vào chúng ta. Đó chỉ là một ảo tưởng, nhưng dù chỉ là ảo tưởng đi nữa thì nó cũng đã là một cái gì. Cái cảm giác khó chịu ấy đè nặng lên chúng ta bất lúc nào cần phải có quyết định lớn lao, và đôi lúc lại càng rất sâu sắc ở viên tướng đang đứng trước tình thế ngàn cân treo sợi tóc.**[118]** Vì vậy, các chính phủ và các tướng lĩnh đều luôn cố gắng tìm cách tránh trận chủ yếu mà vẫn đạt được mục đích, hoặc từ bỏ mục đích ấy nhưng lại làm ra vẻ không có gì xảy ra. Sau này, các nhà lý luận và các nhà viết dã sử hoài công cố tìm ở những phương diện khác trong các chiến dịch và các cuộc chiến tranh ấy, không phải chỉ thấy sự tương xứng với quyết định đã tránh được, mà còn cho đó là những dấu hiệu của một nghệ thuật cao. Bởi thế nên trong lĩnh vực kinh tế chiến tranh, ngày nay người ta hầu như đi đến nhận định coi trận chủ yếu là một tai họa do những sai lầm đưa đến, coi đó là một triệu chứng bệnh hoạn mà một tổ chức tiến hành chiến tranh

khôn ngoan và khéo léo không bao giờ mắc phải. Vinh quang chỉ đến với những vị tướng biết điều khiển chiến tranh không đổ máu, và lý thuyết chiến tranh sẽ là một thứ tôn giáo để dạy dỗ cái phương pháp đó.

Lịch sử hiện tại đã khai tử cho ảo tưởng ấy, nhưng chẳng ai dám bảo đảm rằng lúc nào đấy nó lại không trỗi dậy ở chỗ này chỗ khác trong một khoảng thời gian dài hoặc ngắn, và không làm cho những người có trách nhiệm phạm phải sai lầm, do chiều theo nhược điểm và bởi vậy chiều theo hướng tự nhiên của con người. Có thể là giờ đây, rồi người ta sẽ coi những cuộc viễn chinh và các trận đánh của Bonaparte như những hành động dã man, ngu ngốc, và rồi người ta lại nhìn những thể chế và tập tục lỗi thời, lạc hậu bằng con mắt đầy thiện cảm, tin tưởng. Thực ra những thể chế và tập tục đó chỉ là lưỡi kiếm cùn mà thôi. Nếu lý thuyết đã làm cho chúng ta cảnh giác với mối nguy hiểm nói trên tức là nó cũng làm được việc báo động đáng kể. Mong rằng, chúng tôi có thể giúp đỡ được những ai, trong tổ quốc thân yêu của chúng ta, khiến ý kiến của họ giành được ưu thế về vấn đề này. Mong rằng chúng tôi có thể hướng dẫn họ trong lĩnh vực này để họ nghiên cứu vấn đề kỹ càng hơn.

Chúng tôi chỉ đi tìm những quyết định lớn trong những trận đánh lớn, không phải chỉ vì quan niệm của chúng tôi về chiến tranh mà còn vì kinh nghiệm nữa. Thời nào cũng vậy, chỉ có chiến thắng lớn mới đem đến những kết quả lớn, đó là điều hoàn toàn đúng đối với kẻ tiến công mà ít nhiều cũng đúng đối với cả kẻ phòng ngự. Bản thân Bonaparte cũng có thể chẳng được hưởng một trận thắng không tiền khoáng hậu trong lịch sử của Ulm**[119]** nếu ông ta ngại đổ máu. Chỉ nên coi trận này như một thứ phẩm của những chiến thắng của ông ta.

Không phải chỉ có những vị tướng kiên cường, táo bạo mà cả những vị tướng bách chiến bách thắng cũng tìm cách hoàn thành sự nghiệp của mình bằng cách mạo hiểm trong một trận quyết chiến. Làm sao có thể không chú ý tới một lời giải có sức nặng như vậy, một vấn đề có tầm quan trọng lớn như vậy.

Đừng ai nói với chúng tôi về những vị tướng đã từng chiến thắng mà không đổ máu. Cảnh chết chóc ghê rợn thật. Nhưng đó chỉ là một lý do nữa để đánh giá chiến tranh cao hơn, chứ không nên vì lòng nhân đạo mà để cho thanh kiếm đeo bên mình cùn đi, đợi đến lúc một kẻ mang thanh kiếm sắc đến chặt đầu chúng ta.

Chúng tôi coi trận đánh lớn như là quyết định cơ bản của một cuộc chiến tranh hay một chiến dịch, nhưng đó không phải là khả năng duy nhất… Chỉ trong những thời kỳ gần đây, người ta mới thấy những trận đánh lớn quyết định cả một chiến dịch, còn trường hợp nó quyết định cả một cuộc chiến tranh thì rất hiếm.

Một trận lớn dẫn đến quyết định. Dĩ nhiên, quyết định này không phụ thuộc vào trận đánh ấy, nghĩa là nó không phụ thuộc vào số lượng của các lực lượng vũ trang tập trung ở đó hoặc vào cường độ của chiến thắng mà hàng loạt các vấn đề liên quan chặt chẽ tới sức mạnh quân sự sẵn có, và các quốc gia của hai bên đối địch. Nhưng trong khi đưa khối lượng chủ yếu của các lực lượng vũ trang hiện có vào cuộc giao tranh, người ta mở đầu một quyết định chủ yếu mà tầm rộng lớn của nó có thể dự tính được ở nhiều mặt, chứ không phải ở tất cả mọi mặt. Nếu quyết định ấy không phải là

cái duy nhất, thì ít ra cũng là cái đầu tiên, và với tính cách ấy, nó sẽ tác động vào tất cả những vấn đề khác. Một trân đánh chủ yếu, khi đã được trù liệu, ít nhiều bao giờ cũng phải ở trong một mức độ nhất định, được coi như trọng tâm và trọng điểm tạm thời của toàn bộ hệ thống. Tinh thần chiến đấu của một vị tướng mở màn chiến dịch càng mạnh (và phải là tinh thần của bất cứ cuộc chiến đấu nào) thì ông ta lại càng có tình cảm; có ý thức, nghĩa là càng có lòng tin rằng ông ta sẽ hạ được đối thủ – và ông sẽ thực hiện được thật; ông ta sẽ lại càng ném toàn bộ lực lượng vào trận đấu với hy vọng và quyết tâm là trận này sẽ làm cho mình giải quyết được toàn bộ.

Bonaparte hầu như không bao giờ bước vào chiến tranh mà không có ý định đánh thắng đối phương ngay từ trận đầu; hoặc Frederick Đại đế, trong một mức độ thấp hơn hoặc trong cuộc khủng hoảng không trầm trọng bằng, cũng có một tâm trạng như thế khi ngài lãnh đạo một đoàn quân nhỏ, tìm cách bảo vệ tuyến sau chống lại quân Nga và Liên quân của Hoàng đế (Hoàng đế Áo – ND).

Như chúng tôi đã nói, quyết định của trận chủ yếu phụ thuộc một phần vào bản thân nó, tức là phụ thuộc vào tổng số những lực lượng vũ trang được sử dụng và vào mức độ của thắng lợi.

Đối với điểm thứ nhất, chẳng cần giải thích là vị tướng phải làm như thế nào để khuếch trương tầm quan trọng của nó. Chúng ta chỉ cần nói rằng quy mô của trận chủ yếu càng lớn thì những vấn đề được giải quyết càng nhiều. Vì vậy, những viên tướng tự tin và thường hướng về những quyết định lớn bao giờ cũng cố gắng dành bộ phận lớn nhất của các lực lượng vũ trang vào trận ấy, nhưng không vì thế mà sao nhãng những điểm yếu khác.

- Còn ảnh hưởng, hay nói cho đúng hơn là cường độ của thắng lợi, lệ thuộc vào bốn vấn đề:

1. Hình thức chiến thuật của trận đánh.

2. Tính chất địa hình.

3. Tương quan tỷ lệ giữa ba binh chủng.

4. Tương quan lực lượng.

Một cuộc chiến đấu trên những mặt trận song song không có bao vây khó kết thúc với một kết quả cũng quan trọng như một trận đánh mà quân đội thua trận bị bao vây hoặc buộc phải thay đổi mặt trận.

Ở địa hình không bằng phẳng hoặc lồi lõm, lực lượng xung kích bị hạn chế nhiều, kết quả do đấy cũng kém hơn.

Nếu kẻ thua trận có kỵ binh tương đương hoặc trội hơn kẻ thắng trận thì hành động khuếch trương chiến quả bằng truy kích tức là phát triển ảnh hương của thắng lợi sẽ bị giảm đi phần lớn.

Sau cùng, ta dễ dàng nhận thấy là nếu kẻ chiến thắng có ưu thế về số quân, biết lợi dụng ưu thế này để bọc sườn hoặc thúc ép đối phương phải thay đổi trận tuyến thì kết quả của thắng lợi tất sẽ lớn hơn khi số quân của chiến thắng không bằng số quân của kẻ thua trận. Có thẻ là trận Leuthen sẽ làm làm cho người ta băn khoăn về giá trị thực tiễn của nguyên lý này; nhưng chúng tôi thường hay nói: ***không có quy tắc nào***

là không có ngoại lệ. ` Tất cả những biện pháp ấy sẽ cung cấp cho người chỉ huy phương tiện để đẩy cuộc chiến của mình tới một bước ngoặt quyết định; dĩ nhiên là như vậy ông ta có thể gặp những nguy hiểm lớn hơn, nhưng chẳng phải là toàn bộ hoạt động của ông ta đã bị cái quy tắc động lực thuộc phạm trù tinh thần ấy chi phối đó sao? Như vậy, trong chiến tranh không có gì quan trọng bằng trận chủ yếu và chính trong cách tìm phương tiện để tiến hành trận này, trong nghệ thuật chọn thời gian và địa điểm, trong việc sử dụng bộ đội, trong việc phát huy thắng lợi- tất cả những điều đó thể hiện tài năng chiến lược cao nhất.

Nhưng tầm quan trọng của những điều đó không có nghĩa là chúng có bản chất rất phức tạp và mơ hồ; trái lại, chúng rất giản đơn vì chẳng cần phải có nghệ thuật gì lắm mới xây dựng nổi kế hoạch.

Điều cần, đó là một sự nhạy bén trong việc đánh giá các hiện tượng, một nghị lực, một logic không gì cưỡng nổi, tinh thần dám làm và khẩn trương của thanh niên – những đức tính hào hùng mà sau này chúng ta sẽ còn phải bàn tới nhiều lần. Sách vở chỉ có thể dạy được rất ít (nếu những điều nói trên có thể dạy được), và một người tướng phải học hỏi nhiều hơn bằng cách khác, chứ không phải là bằng những cái trong sách vở.

Phải có ý thức về sức mạnh của bản thân mình, về những nhu cầu cấp thiết, nói một cách khác, phải có lòng dũng cả bẩm sinh và một trí tuệ sáng suốt được rèn giũa trong kinh nghiệm sống, thì trận đánh chủ yếu mới có đà thúc đẩy tự động và tiến lên vững chắc.

Những gương sáng là những bài học tốt nhất, nhưng nếu lại bị sương mù của định kiến lý thuyết xen vào thật chẳng còn gì tồi tệ hơn, vì ngay cả những tia nắng mặt trời cũng bị sương mù chuyển hướng và nhuốm màu. Những định kiến áy có thời kỳ đã lan tràn như khí độc, vậy nhiệm vụ cấp thiết nhất của lý thuyết là phải tiêu diệt nó đi, và chỉ có trí tuệ của con người mới có thể trừ bỏ được những sản phẩm sai lầm của chính bản thân mình.

Chương 12. BIỆN PHÁP CHIẾN LƯỢC ĐỂ SỬ DỤNG THẮNG LỢI

Chuẩn bị cho thắng lợi một cách chu đáo nhất là một điều rất khó và là một trong những bí quyết của chiến lược, tuy nó chẳng được người ta hoan nghênh lắm. Uy tín và vinh quanh của chiến lược chính là ở chỗ sử dụng thắng lợi đã đạt được.

Mục tiêu đặc biệt của trận đánh, phương pháp hòa nó vào toàn thể bộ máy chiến tranh, con đường thắng lợi có thể dẫn tới đâu? điểm cao nhất của trận đánh ở đâu? – sau này, chúng tôi mới trả lời câu hỏi ấy được. Nhưng, dù bất kỳ tình thế như thế nào, nếu không được khai thác thì thắng lợi không thể có tác động lớn. Con đường thắng lợi dù có ngăn đến thế nào đi nữa cũng cần phải đi tiếp những bước đầu tiên. Để khỏi phải luôn luôn nhắc lại nhận định này, ta hãy xét đến lợi ích bổ sung của thắng lợi nói chung.

Việc truy kích một đối phương bại trận phải được coi như đã bắt đầu ngay từ khi đối phương bỏ cuộc rút chạy. Hết thảy mọi cuộc vận động trước đó nhằm theo hướng này hay hướng khác đều không nằm trong cuộc truy kích ấy mà thuộc về cả quá trình tiến triển của trận đánh.

Thắng lợi đã xuất hiện vào lúc chúng tôi vừa nói trên, tuy đã rõ ràng nhưng vẫn hãy còn mong manh và chưa chắc chắn. Và nếu ngay từ ngày đầu, thắng lợi ấy không được củng cố bằng việc truy kích quân thù thì sẽ chẳng chiếm được lợi lộc gì tích cực trong hàng loạt biến bố của chiến tranh. Chỉ vào lúc ấy, người ta mới thu được phần lớn chiến lợi phẩm – những thứ này sẽ củng cố thêm thắng lợi.

Chúng ta hãy bàn trước về cuộc truy kích này.

Khi hai phe đang chạm trán trong trận đánh, lực lượng vật chất của họ thường bị suy yếu đi rất nhiều, vì trước trận đánh thế nào cũng có những cuộc vận động cấp thiết. Theo đuổi chiến đấu tới cùng càng cần nhiều yếu cố gắng, càng dễ bị kiệt quệ. Thêm nữa, bên thắng trận cũng bị phá hoại về tổ chức và cũng bị trật bản lề (ý nói không theo được nếp cũ nữa – N D) gần bằng bên thua trận. Họ cũng cần phải chỉnh đốn hàng ngũ, cần phải tập hợp các phần từ bị tan tác; ai không còn đạn dược cũng phải bổ sung đầy đủ. Tất cả những điều đó làm cho bên thắng trận cũng lâm vào tình trạng khủng hoảng như chúng tôi đã nói trên. Nhưng nếu bên thua trận mới bị tiêu hao một phần nhỏ lực lượng, phần còn lại có thể được củng cố hoặc có thể hy vọng nhận được tăng viện quan trọng thì bên thắng trận sẽ gặp nguy cơ mất hết thành quả thắng lợi đã đạt được: Trong trường hợp như thế, nhận định trên sẽ làm cho cuộc truy kích phải chấm dứt hoặc bị hãm lại đi rất nhiều. Dù không phải lo ngại về một sự tăng viện đáng kể cho kẻ thua trận thì những tình huống kể trên cũng sẽ là những chướng ngại vật làm mất đà của người thắng trận trong truy kích. Tất nhiên, người ta không thể giật lại thắng lợi ở trong tay họ, nhưng những cuộc giao chiến khó khăn vẫn còn có thể xảy ra và làm giảm thành quả của những thắng lợi đã đạt được. Hơn nữa, lúc ấy những đòi hỏi và sự yếu hèn của con người vật chất đè nặng lên quyết

tâm của người chỉ huy. Hàng ngàn người dưới quyền chỉ huy của mình cần được nghỉ ngơi, cần được phục hồi sức khỏe và mong muốn là hiểm nghèo và gian khổ sẽ chấm dứt; chỉ một vài người, nói đúng ra là những con người trác việt, còn có cái nhãn quan và ý thức vượt quá thời gian hiện tại. Khi cần thiết, chỉ những con người ấy là còn đủ nghị lực nghĩ đến những thành tích mới, lúc đó hình như chỉ là những vật trang trí thêm cho thắng lợi, hoặc một thứ xa xỉ phẩm của vinh quang. Hàng nghìn người khác, trái lại, đã chỉ chạy theo những nhu cầu của con người và thông qua toàn bộ hệ thống cấp bậc để xoáy vào tận tim người cầm quân, gây trở ngại cho quyết tâm của ông ta. Thêm nữa, sự mệt mỏi quá sức về thể xác và tinh thần của chính bản thân cũng sẽ làm giảm đi phần nào nghị lực của ông ta. Như vậy là vị những lý do hoàn toàn nhân bản mà ta vươn lên không kịp với đòi hỏi của tình thế; nói một cách khác, cái mà người ta làm chỉ phụ thuộc vào *tham vọng, nghị lực*, có thể là trái tim *sắt đá* của người tổng chỉ huy. Đấy là lý do giải thích cái tâm trạng do dự đã đạt được nhờ có ưu thế về số quân. Chúng ta cần giới hạn cuộc truy kích thắng lợi vào ngày thứ nhất hoặc quá lắm là vào đêm tiếp theo, vì quá nữa thì chính sự cần thiết phải phục hồi sức khỏe cũng buộc chúng ta phải ngừng lại.

Cuộc truy kích đầu tiên này gồm nhiều giai đoạn tất yếu.

Giai đoạn đầu tiên là giai đoạn chỉ huy kỵ binh tham gia, lúc ấy chỉ cần uy hiếp và theo dõi quân thù hơn là bám sát, vì thường thường chỉ một chướng ngại địa hình nhỏ nhặt cũng đủ làm cho bước tiến của bên truy kích phải ngừng lại. Dù kỵ binh có hiệu lực đến thế nào đi nữa thì, đối với những toán quân lẻ tẻ của một đạo quân tan vỡ, nó cũng chỉ là một binh chủng thứ yếu phải tác chiến với toàn bộ đạo quân (thua chạy – N D), vì một đạo quân thua chạy rất có thể dùng lực lượng dự bị của mình để bảo vệ cuộc rút lui. Hễ gặp địa hình có lợi, hiệp đồng được mọi binh chủng là họ có thể tổ chức chống cự thắng lợi. Chỉ có một trường hợp ngoại lệ là: Cuộc tháo chạy thục mạng trở thành tan vỡ hoàn toàn.

Giai đoạn truy kích thứ hai là giai đoạn được tiến hành với một lực lượng tiền vệ mạnh bao gồm đủ mọi binh chủng và tất nhiên, có phần lớn kỵ binh. Một cuộc truy kích như vậy sẽ đẩy quân thù phải lùi tới vị trí có công sự phòng thủ gần nhất của đội hậu vệ hoặc tới vị trí gần nhất của toàn bộ quân đội của họ. Căn cứ nào cũng thường không ở ngay bên cạnh,**[120]** vì vậy cuộc truy kích phải được tiếp tục, nhưng thường là không quá một hoặc vài giờ, nếu không có đội tiền vệ thì sẽ cảm thấy không được yểm hộ đầy đủ.

Giai đoạn thứ ba, giai đoạn quan trọng nhất, bao gồm việc tiến quân của đạo quân chiến thắng cho tới lúc kiệt lực. Trước bất kỳ nguy cơ bị tiến công hoặc bị bao vây nào, bên thua trận cũng thường bỏ vị trí đã chiếm được và bộ phận hậu vệ lại càng tìm cách lẩn tránh một cuộc kháng cự tới cùng.

Trừ phi hành động đó được hoàn thành trước khi trời tối, nếu không, thông thường mọi hoạt động trong cả ba trường hợp đều phải ngừng khi đêm đến. Ở một vài trường hợp ngoại lệ mà cuộc truy kích vẫn được tiếp tục về đêm thì phải xem đó là một cuộc truy kích được đẩy tới một cường độ đặc biệt cao.

Ta cần phải thấy là trong một cuộc giao chiến ban đêm, tất cả đều ít nhiều phó may rủi và khi kết thúc một trận đánh, dù thế nào đi nữa, mọi tổ chức bình thường cũng đều bị xộc xệch nghiêm trọng và ta sẽ dễ dàng hiểu được nguyên nhân do dự của hai người chỉ huy khi phải theo đuổi công việc của mình trong đêm tối. Trừ phi thắng lợi được đảm bảo bởi sự tan rã hoàn toàn của đạo quân thua trận hoặc bởi đạo đức quân sự đặc biệt của kẻ chiến thắng, tất cả đều phụ thuộc vào định mệnh: Điều này chẳng kiêng nể bất cứ ai, kể cả người thủ lĩnh chiến tranh táo tạo nhất. Thông thường, đêm xuống làm cho cuộc truy kích phải ngừng, dù trận đánh vừa được kết thúc hoàng hôn. Màn đêm giúp kẻ thua trận có thời gian nghỉ ngơi và có khả năng nhanh chóng củng cố hàng ngũ, hoặc nếu họ tiếp tục cuộc rút chạy trong đêm thì ít nhất cũng tiến trước được một chặng đường. Vượt qua được giai đoạn ấy, kẻ thua trận sẽ ở trong tình thế khá hơn. Phần lớn những bộ phận ở trong tình trạng tan tác và rối loạn sẽ được ổn định lại, kho đạn được được bổ sung, hết thảy đều được chỉnh đốn. Những cuộc hội chiến kéo dài mà là những trận mới, và tuy hoàn toàn không thể trông mong nhiều vào thắng lợi, đó cũng là một cuộc chiến đấu mới, khác hẳn với sự sụp đổ của một ngôi nhà mà kẻ chiến thắng chỉ còn thu nhặt được những đống gạch vụn.

Vì vậy, nếu người thắng trận có thể tiếp tục đuổi đánh đối phương ban đêm, và hơn nữa với một đội tiền vệ mạnh gồm đủ mọi binh chủng, thắng lợi sẽ còn lớn hơn nhiều, như những trận Leuthen và Waterloo đã chứng minh.

Về thực chất, việc đuổi đánh ấy là một hành động chiến thuật và nếu chúng tôi có nêu ra thì cũng chỉ để làm nổi bật những sự khác nhau trong ảnh hưởng của chiến thắng mà nó gây ra.

Cuộc truy kích đầu tiên tới tận ổ đề kháng gần nhất của đối phương là một đặc quyền của mọi kẻ chiến thắng và không lệ thuộc tý nào vào kế hoạch cũng như vào tình hình trước đấy của họ. Những cái đó có thể làm giảm rất nhiều kết quả tích cực của một thắng lợi đã đạt được bằng đạo quân chính, nhưng không thể ngăn chặn được việc khuếch trương chiến quả đầu tiên. Những trường hợp như đã nói, nếu có xảy ra thì cũng chỉ rất hiếm và chẳng có ảnh hưởng đi tới lý luận. Cần phải thừa nhận rằng những thí dụ của chiến tranh hiện đại đã mở ra những triển vọng hoàn toàn mới. Và trên nhiều điểm, những đặc biệt là trên điểm này, chiến tranh thời xưa đã bị hạn chế nhiều hơn và đã đẻ ra những ý niệm phù phiếm hoàn toàn công thức và thiển cận. *Ma lực của thắng lợi* hình như đã làm mờ tất cả những cái khác, đã làm cho các tướng lĩnh đôi lúc lãng quên việc phải thực sự tiêu diệt lực lượng vũ trang của đối phương, và vì vậy việc tiêu diệt này chỉ được xem như là một trong rất nhiều biện pháp của chiến tranh; không được coi nó là tốt nhất và lại càng không được coi là độc nhất. Họ sẵn sàng tra ngay gươm vào vỏ khi đối phương vừa hạ thấp vũ khí xuống. Đối với họ, chẳng còn gì tất nhiên hơn là chấm dứt chiến đấu khi đã đạt được quyết định và mọi sự đổ máu sau đó sẽ chỉ là những hành động dã man không cần thiết. Tuy triết lý ấy không hoàn toàn chi phối họ, nó cũng đã là một quan điểm làm chỗ dựa cho những ý kiến như: Mọi lực lượng đã bị kiệt quệ, không còn khả năng vật chất để tiếp tục chiến

đấu. Những ý kiến này vì vậy dễ dàng xâm nhập và có trọng lượng hơn. Dĩ nhiên, việc bảo vệ công cụ của chiến thắng là hoàn toàn cần thiết khi mà người ta không có công cụ nào khác, khi mà người ta đã liệu trước rằng: Nhất định có lúc rồi công cụ này sẽ không còn tương xứng với những điều phải làm, việc này nhất định sẽ xảy ra nếu tiếp tục tiến công. Nhưng dầu sao mặc lòng, tính toán như vậy cũng không đúng; những tổn thất do cuộc truy kích gây ra không thể so sánh được với những tổn thất của địch. Chính vì không coi các lực lượng vũ trang là công cụ chủ yếu nên đã đẻ ra cách nhìn không chính xác ấy. Do đó, chúng ta thấy trong những cuộc chiến tranh thời xưa, chỉ có những anh hùng thực sự như Charles XII, Marlborough, Eugène, Frederick Đại đế là vẫn truy kích mạnh mẽ khi đã thắng lợi rực rỡ, còn các tướng lĩnh khác thì chỉ làm chủ chiến trường đã là thỏa mãn rồi. Ngày nay, cường độ chiến tranh rất lớn, những điều kiện nảy sinh ra chiến tranh cũng có quy mô rộng rãi, vì vậy cái hàng rào ước lệ ấy đã bị phá vỡ và việc truy kích phải trở thành mối quan tâm chủ yếu của kẻ thắng trận. Nhờ đó, khối lượng chiến lợi phẩm đã tăng lên rất nhiều và nếu còn có những trường hợp và sự việc diễn biến không phải như vậy thì cũng chỉ là những trường hợp ngoại lệ có lý do đặc biệt.

Ở Gorschen và Bautzen, chỉ có ưu thế kỵ binh là đã ngăn chặn được một thất bại hoàn toàn; ở Großbeeren và Dennewitz là do thái tử nước Thụy Điển Bernadotte thiếu nhiệt tình, còn ở Laon thì lại do sự suy nhược về thể chất của lão tướng Blücher.

Thiết tưởng cũng cần nêu lên dẫn chứng về trận Borodino.**[121]** Chúng tôi chỉ có thể nói đến nó một cách thật vắn tắt. Theo ý kiến chúng tôi, đó là vì ta không thể chỉ giải quyết vấn đề bằng một sự phê phán nhẹ nhàng Bonaparte; vì trường hợp đó, cũng như một số lớn trường hợp tương tự, đều thuộc về những trường hợp chúng tôi cho rằng đặt biệt hiếm: Ở đó, những tình huống tổng quát đã choán hết tâm trí và làm cho người chỉ huy say mê ngay từ khi trận đánh bắt đầu. Chính những tác gia Pháp như Vaudancourt, Chambray, Se’gur**[122]** – những con người hết sức sùng bái Bonaparte – cũng đã chân thành phê phán ông ta là đã không chịu đánh đuổi hoàn toàn quân Nga ra khỏi chiến trường và đã không triệt để sử dụng các lực lượng dự bị cuối cùng để tiêu diệt quân Nga, biến một trận thất bại (của quân Nga) thành một trận tan rã hoàn toàn. Chẳng cần tả lại tỉ mỉ tình hình của đôi bên, điều chắc chắn là khi Bonaparte vượt sông Niemen, ông ta có trong tay một binh đoàn 300.000 người, nhưng sau trận Borodino, ông ta chỉ còn 120.000 người. Sự việc đó chứng minh rõ rệt những băn khoăn của ông ta khi thấy không còn đủ lực lượng cần thiết để tiến về Moscow, và đó là đầu mối của mọi vấn đề. Một chiến thắng kiểu vừa giành được đã làm cho ông ta chắc mẩm có thể chiếm được Moscow, vì cho rằng quân Nga không thể tổ chức được một trận thứ hai chỉ trong tám ngày. Và, ông ta còn cho rằng: Khi tới Moscow, ông ta sẽ giải quyết được hòa bình. Thật vậy, nếu quân Nga bị tiêu diệt hoàn toàn thì có thể đảm bảo cho ông ta một nền hòa bình vững chắc hơn; nhưng điều tiên quyết là phải tới được Moscow và phải tới đó với một lực lượng đủ khả năng làm chủ thủ đô, và từ đấy ông ta sẽ làm chủ toàn bộ đế quốc cùng chính phủ.

Nhưng rồi, nhưng ta đã thấy, ông ta đã tới Moscow với một lực lượng không đủ khả năng thực hiện ý đồ đó, lại càng không đủ để tiêu diệt quân Nga. Đó là điều Bonaparte hoàn toàn cảm thấy và theo ý chúng tôi, hành động của ông ta là toàn toàn hợp lý. Điều đó không có nghĩa là trường hợp này nằm trong những trường hợp mà những điều kiện tổng quát không cho phép người làm tướng có những hoạt động khuếch trương thắng lợi đã giành được. Và đó cũng không phải là vấn đề một cuộc truy kích đơn giản. Chiến thắng có thể coi như đã đạt được từ lúc 4 giờ chiều, nhưng quân Nga vẫn còn giữ được phần lớn chiến trường; họ vẫn chưa chịu rời bỏ trận địa và vẫn có thể tiếp tục chống cự ngoan cường nếu họ bị tiến công. Điều đó có thể làm cho họ thêm thất bại, nhưng cũng có thể làm cho kẻ thắng trận đổ thêm rất nhiều máu. Trận Borodino và trận Bautzen đều thuộc loại những trận chưa phát triển đầy đủ. Ở trận Bautzen, chính kẻ thua trận bỏ trận địa trước; còn ở trận Borodino thì chính kẻ thắng trận đã chọn một thắng lợi nửa vời, chẳng phải là vì quyết định ấy có vẻ không chắc chắn đối với ông ta mà chính là vì ông ta không có đủ phương tiện để đảm bảo cho mình một chiến thắng hoàn hảo.

Hãy trở lại vấn đề của chúng ta. Kết luật rút ra từ sự phân tích loại truy kích thứ nhất là:

- Nghi lực trong truy kích chủ yếu quyết định giá trị của chiến thắng;
- Cuộc truy kích là hồi thứ hai của màn kịch chiến thắng, nhiều khi lại quan trọng hơn hồi một;
- Ở đây, chiến lược rất gần với chiến thuật để bao trùm toàn bộ thành tích đã đạt được; nó biểu lộ uy quyền của mình bằng cử chỉ đầu tiên: Đòi hỏi phải hoàn chỉnh thắng lợi để giành lấy toàn bộ công trình mới được hoàn thành một bước.

Ảnh hưởng của thắng lợi rất ít khi ngừng ở cuộc truy kích thứ nhất này. Trái lại, chính bây giờ chiến thắng mới tạo nên một đà mới cho các sự việc tiến triển. Trước đây, chúng tôi đã nói là quá trình này phụ thuộc vào những điều kiện tiếp theo, nhưng bây giờ chưa phải là lúc bàn tới. Tuy nhiên, chúng tôi có thể nêu ở đây những gì có tính chất chung, phù hợp với việc khuếch trương thắng lợi để sau này khỏi phải mỗi lúc lại nói lại.

Trong cuộc truy kích tiếp sau này, người ta lại chia ra ba bước: Một cuộc tiến quân đơn giản theo sau quân địch, một áp lực thực sự đối với quân thù và một cuộc hành quân song hành để cắt đường rút lui của đối phương.

Tiến theo quân thù, chúng ta buộc quân thù phải tiếp tục rút chạy khi chúng tin rằng chúng có thể lại đương đầu với ta. Chỉ riêng việc đó thôi cũng đủ đem lại cho ta nhiều cái lợi, tất cả những gì chúng không đem theo trong lúc rút chạy sẽ rơi vào tay chúng ta: Thương bệnh binh, nhưng người tụt lại sau, đồ dùng quân sự, xe cộ mọi thứ. Nhưng phải thấy là việc tiến theo một cách đơn giản như vậy không thể làm cho quân đội đối phương rối loạn thêm như những bước sau.

Nếu chúng ta không chỉ theo sát quân địch đến tận doanh trại của chúng ta chiếm đóng đất đai của chúng buộc phải bỏ lại, mà còn bố trí để thúc ép chúng hơn nữa, nghĩa là dùng đội tiền vệ của chúng ta (được tổ chức ra để làm việc này) đánh vào đội

hậu vệ của chúng mỗi khi chúng muốn đóng quân, thì điều đó sẽ buộc dịch phải rút chạy nhanh hơn và sẽ làm cho tổ chức của chúng bị rối loạn nặng nề hơn. Có ảnh hưởng như vậy chính là vì cuộc rút lui đã trở thành một cuộc chạy dài liên tục. Sau một cuộc hành quân kiệt sức, không có gì làm người lính mất tinh thần hơn là lại nghe thấy tiếng đại bác của quân thù giữa lúc anh ta tưởng rằng đã được nghỉ ngơi một lát. Ấn tượng trên chỉ cần lặp đi lặp lại trong nhiều ngày tiếp theo sẽ trở thành nỗi kinh hoàng ghê gớm. Nó làm cho người lính có cảm giác khó chịu là phải tuân theo quy luật của quân thù mà không chống cự lại được và sẽ làm cho tinh thần quân đội suy sụp một cách kinh khủng. Việc quấy rối đó sẽ lại càng đạt được hiệu quả cao nhất nếu ta buộc được đối phương phải hành quân đêm. Nếu, vừa đúng lúc mặt trời lặn, kẻ chiến thắng đã đuổi được kẻ bại trận ra khỏi vị trí mà họ vừa tổ chức xong cho bản thân họ hoặc cho đội hậu vệ của họ, khiến kẻ bại trận lại phải tiến hành gấp rút một cuộc hành quân đêm hay chí ít cũng phải rời bỏ vị trí để lui về tuyến sau ngay trong đêm, kết quả của hai hành động ấy vẫn chỉ là một, trong khi suốt đêm đó người chiến thắng vẫn ung dung nghỉ ngơi.

Tới đây, việc tổ chức những cuộc hành quân truy kích và việc lựa chọn vị trí phụ thuộc vào rất nhiều yếu tố khác, nhưng đặc biệt là vấn đề tiếp tế, những chướng ngại thiên nhiên của địa hình, sự gần gũi những thành phố lớn, v.v. Đến nỗi, nếu lại muốn tìm cách chứng minh bằng một phương pháp phân tích hình học là: Kẻ đi truy kích đã làm thế nào để ép buộc đối phương trong lúc rút lui cứ đêm đêm lại tháo chạy trong khi mình vẫn được yên ngủ, thì thật là xuẩn ngốc. Tuy vậy, những cuộc hành quân truy kích phải được tổ chức theo hướng ấy và chỉ có như thế mới làm tăng thêm hiệu quả của truy kích.

Nếu trong thực tiễn, ta không chú ý làm như thế thì đó là vì đối với quân đội truy kích, các phương pháp đó khó hơn là việc phải tôn trọng triệt để giờ giấc và những trạm tạm dừng ở dọc đường. Lên đường lúc bình minh, hạ trại khi đứng bóng, để thời gian còn lại trong ngày vào việc giải quyết vấn đề tiếp tế, và nghỉ ngơi lúc đêm xuống: Đấy là một phương pháp tiện lợi hơn là tổ chức vận động cho phù hợp với cách rút chạy của quân thù (tức là chỉ mãi tới lúc cuối cùng mọi việc mới được chuẩn bị, bất kể sáng tối bao giờ cũng có thể lên đường, bao giờ cũng thấy quân thù xuất hiện, phải sẵn sàng phản pháo, phải đối phó với những cuộc phục kích, phải tổ chức những cuộc bao vây chặn đối phương, tóm lại phải tiến hành triển khai mọi biện pháp chiến thuật mà tình thế đòi hỏi). Mọi việc đó là những gánh nặng đói với người đi truy kích (trong chiến tranh thì thiếu gì gánh nặng) nên người ta bao giờ cũng săn sàng giũ bỏ nhưng cái gì thấy không thật là cần thiết. Những nhận xét này có giá trị, có thể áp dụng cho toàn quân, nhưng phổ biến hơn là cho một đội tiền vệ mạnh. Đó là những lý do khiến cho cuộc truy kích ở giai đoạn này – áp lực không ngừng đối với quân đội thua trận – thường thì ít khi xảy ra. Bởi vì nhưng lý do rõ ràng, ngay cả Bonaparte cũng ít vận dụng phương pháp nói trên trong chiến dịch nước Nga năm 1812; đó là do những khó khăn và thử thách của chiến dịch này có thể đi đến chỗ làm tan rã hoàn toàn quân đội của ông ta trước khi đạt mục đích. Vả lại, về mặt này, quân

đội Pháp cũng đã hằng nổi tiếng trong chiến dịch khác về nghị lực phi thường của họ.

Sau hết, giai đoạn thứ ba của cuộc truy kích – giai đoạn có hiệu quả hơn cả – gồm cả việc hành quân song song tới vị trí rút lui gần nhất.

Quân đội thua trận thường phải giữ ở phía sau, ở một nơi xa hoặc gần, một địa điểm mà họ phải chú ý đến cho kỳ được, hoặc vì địa điểm đó có thể gây cho họ nhiều nguy hiểm lúc rút lui sau này (một đường độc đạo chẳng hạn), hoặc vì địa điểm này có tầm quan trọng lớn nên phải tới lúc đó trước quân địch, thí dụ như thủ đô, các kho tàng, v.v. Hoặc đến đó quân đội có thể thu thập được nhiều phương tiện để kháng cự, nếu ở đó có công sự phòng ngự kiên cố, hoặc có thể gặp những đạo quân khác, v.v.

Tất nhiên, nếu kẻ chiến thắng cũng tiến về địa điểm đó bằng một con đường tắt, thì kẻ thua trận lại phải tổ chức rút lui khẩn trương hơn, và từ đó có thể đi đến cuống quýt tháo chạy. Lúc ấy chỉ còn ba lối thoát: Lối thứ nhất là phải đương đầu với quân thù và cố gắng gỡ lấy một vài thắng lợi bằng một cuộc tiến công bất ngờ, mặc dầu nhìn vào tình hình chung thì khó có thể đạt được thắng lợi ấy. Điều đó yêu cầu phải có một người tướng dũng cảm, có quyết tâm cao và một đạo quân thiện chiến, dù bị đánh bại cũng không bị tan rã hoàn toàn. Nhưng đó cũng lại là điều rất hiếm thấy ở một quân đội bại trận.

Lối thoát thứ hai là tổ chức một cuộc rút chạy cấp tốc, đó là điều rất phù hợp với ý mong muốn của kẻ thắng trận. Nó thường đòi hỏi một sự nỗ lực quá sức, kéo theo nhiều tổn thất to lớn về số người bị tụt lại, số đại bác, xe cộ bị phá hủy.

Lối thoát thứ ba là tổ chức đi vòng nhằm tránh những điểm giao nhau gần nhất, để hành quân được dễ dàng hơn và tách xa được đối phương hơn, nhất là dù gặp hoàn cảnh khẩn trương hơn cũng đỡ nguy hiểm. Phương pháp này là phương pháp tồi hơn cả, chẳng khác gì một người đã mắc nợ không sao trả được lại còn đèo thêm một món nợ mới, nghĩa là thêm một lúng túng mới nữa. Rất có thể có những trường hợp người ta phải đi theo con đường ấy hoặc chẳng còn con đường nào khác, không phải là đã không có những thí dụ thành công. Nhưng xét về toàn bộ, chắc chắn là khi vận dụng phương pháp đó, chẳng phải vì người ta thấy nó có hiệu quả mà vì một lý do không tiện nói ra. Đó chính là nỗi e ngại phải đương đầu với quân thù. Thật là bất hạnh cho viên tướng nào đành chịu khuất phục trước nỗi e ngại ấy! Dầu tổn thất về tinh thần có lớn đến bao nhiêu đi nữa, dầu mỗi cuộc hội chiến lại làm cho địch có ưu thế hơn đến mức nào đi nữa, nếu người ta nhất quyết tránh mọi cuộc xung đột thì chỉ làm cho thất bại thêm trầm trọng mà thôi. Năm 1813, Bonaparte có thể sẽ không cần vượt sông Rhine với số quân từ 30.000 đến 40.000 người sống sót sau trận Hanau nếu ông ta muốn lẩn tránh trận đó và tổ chức vượt sông ở Mannheim hoặc ở Coblenz. Chính là nhờ có trận giao chiến nhỏ được tiến hành chu đáo nên kẻ thua trận, dù tình hình có xảy ra như thế nào, cũng vẫn có thể triệt để lợi dụng được thuận lợi của địa hình ở thế phòng ngự để tạo điều kiện củng cố tinh thần quân đội.

Mỗi thắng lợi dù nhỏ cũng gây được những ảnh hưởng không thể tưởng tượng nổi. Nhưng đa số các vị tướng lại không thích làm như thế. Họ thích và thường có khuynh hướng sử dụng phương pháp lẩn tránh mọi cuộc tiếp xúc vì nó có vẻ dễ dàng

hơn. Nhưng thông thường, chính sự lẩn tránh này lại hay có lợi cho kẻ chiến thắng nhất và thường làm cho kẻ bại trận đi đến chỗ bị tiêu diệt hoàn toàn. Cần phải nhắc lại rằng: Đây chỉ nói về toàn thể quân đội chứ không phải là nói về một sư đoàn, bị tách ra khỏi toàn quân, đang tìm cách liên lạc với đại quân. Ở trường hợp sau thì tình hình khác hẳn và thành công sẽ chẳng có gì là bất ngờ. Nhưng chỉ có thể có sự tranh chấp như thế với một điều kiện là sư đoàn của quân đội truy kích phải tiến theo cùng đường với quân đội rút chạy để thu nhặt tất cả những gì họ bỏ rơi lại và không bao giờ để cho quân thù thoát được nỗi ám ảnh luôn luôn bị đối phương bám sát gót. Blücher đã quên điều đó trong khi tiến từ Waterloo về Paris, mặc dầu về những mặt khác thì cuộc hành quân này là cuộc hành quân gương mẫu.

Rõ ràng, những cuộc hành quân như thế cũng làm cho người truy kích bị yếu đi, và vì vậy không nên vận dụng nó nếu quân đội thù địch được một đạo quân khác rất mạnh yểm hộ và nếu họ lại được một viên tướng hạng nhất chỉ huy, hoặc ta lại ở trong trường hợp chưa chuẩn bị đầy đủ để tiêu diệt đạo quân ấy. Nhưng mỗi khi phương pháp này được áp dụng thì nó tác động như một bộ máy rất khỏe. Nó làm cho quân đội thua trận mất một số lượng rất lớn người ốm, người mệt mỏi, thường xuyên bị ám ảnh bởi một nguy cơ nhãn tiền, nó làm suy sụp và hao mòn tinh thần họ đến nỗi chẳng còn nói gì đến việc kháng cự theo đúng quy tắc được nữa. Ta sẽ chẳng phải đánh chác gì mà mỗi ngày cũng bắt được hàng ngàn tù binh. Trong những thời kỳ may mắn này, kẻ chiến thắng không được do dự trong việc phân chia lực lượng của mình để kéo vào cơn xoáy lốc tất cả những cái gì trong tầm sức của mình, cô lập đối phương, đánh úp các cứ điểm, chiếm giữ các thành phố lớn, v.v. Bất cứ cái gì có thể làm được cần phải làm cho tới lúc tình thế thay đổi, và nếu họ càng triệt để lợi dụng tình thế thì sự thay đổi ấy càng đến chậm.

Những ảnh hưởng to lớn của một chiến thắng rực rỡ và một cuộc truy kích thành công đã được chứng minh rõ rệt trong những cuộc chiến tranh của Bonaparte. Chỉ cần xem lại những trận Jéna, Ratisbonne, Leipzig và Waterloo là đủ hiểu.

Chương 13. RÚT LUI SAU KHI THUA TRẬN

Thua trận làm cho lực lượng tinh thần quân đội sa sút nhiều hơn là lực lượng vật chất. Trừ khi tình thế biến chuyển thuận lợi, trận đánh tiếp theo thường hay kết thúc bằng một thất bại hoàn toàn, thậm chí tới chỗ bị tiêu diệt. Đó là một định đề quân sự. Theo bản chất sự vật, cuộc truy kích được tiến hành cho tới lúc thế cân bằng lực lượng được phục hồi, hoặc nhờ có viện binh, hoặc nhờ sự yểm trợ của những pháo đài quan trọng, hoặc nhờ ở một địa hình hết sức hiểm trở, hoặc do lực lượng kẻ thù bị phân tán. Số lượng những tổn thất, mức độ quan trọng của việc thua trận, nhưng đặc biệt hơn lại là tính chất của đối phương, sẽ làm cho thời gian phục hồi thế thăng bằng ấy nhanh hay chậm. Đã có biết bao thí dụ nói về lúc trận đánh kết thúc. Chỉ trong một thời gian ngắn, quân đội thua trận đã được củng cố, tuy tình hình không hề thay đổi. Điều đó có thể giải thích là do tinh thần đối phương kém cỏi hoặc do ưu thế đối phương giành được trong trận đánh không đủ mạnh để giáng một đòn quan trọng.

Muốn lợi dụng những nhược điểm hoặc những sai lầm của đối phương, muốn khỏi mất thêm một tấc đất không đáng mất, nhưng trước hết là để giữ vững tinh thần ở mức độ cao nhất, cần phải rút lui với một nhịp độ chậm rãi, đắn đo và phải dũng cảm, táo bạo chặn đứng mọi âm mưu mà kẻ truy kích muốn triệt để khuếch trương lợi thế của họ. Những cuộc rút lui của các vị tướng giỏi và các quân đội thiện chiến phải giống như động tác của một con sư tử bị thương: Đó là lý thuyết hay nhất. Tất nhiên, khi rời bỏ một vị trí bị uy hiếp, người ta thường phải tiến hành những công việc nhỏ nhặt, nguy hiểm vì nó làm mất thì giờ. Đáng lẽ, trong những trường hợp như vậy, khẩn trương mau lẹ là cao hơn hết, tất cả đều phải phụ thuộc vào đó. Những tướng lĩnh có tài ba lớn đều coi nguyên tắc ấy là một nguyên tắc rất quan trọng. Nhưng không được lầm lẫn những trường hợp như thế với cuộc rút lui toàn bộ sau một trận đánh thất bại. Trong trường hợp đó, tưởng rằng có thể tạo ra một tình thế tốt hơn và vượt qua khó khăn để tiến lên phía trước bằng một vài cuộc hành quân cấp tốc thì thật là sai lầm. Các cuộc vận động đầu tiên phải càng nhỏ càng tốt và nói chung phải theo nguyên tắc: Không để cho địch bắt ta phải tuân theo những quy luật do họ đặt ra. Không thể thực hiện được nguyên tắc ấy nếu không có những trận quyết chiến với quân thù đang đuổi ta sát nút. Nhưng, hy sinh như thế cũng đáng thôi. Nếu không làm như thế, các cuộc vận động của chúng ta sẽ càng ngày càng gấp rút hơn và sẽ mau chóng trở thành hấp tấp cuống quýt, rồi số tổn thất vì có nhiều người tụt lại sẽ lớn hơn cả số tổn thất vì những cuộc tác chiến bảo vệ phía đuôi, thêm nữa quân đội còn chút dũng cảm nào cũng rơi rụng đi nốt. Bí quyết để vận dụng nguyên tắc trên là: Tổ chức một đội hậu vệ mạnh gồm những đơn vị giỏi nhất, do những vị tướng giỏi nhất chỉ huy và trong những lúc khó khăn phải được toàn quân yểm hộ, phải triệt để lợi dụng địa hình, tổ chức những trận phục kích mạnh khi có thời cơ nghĩa là khi gặp địa hình tốt và đội tiền vệ của địch quá táo tợn – tóm lại, là chuẩn bị và tạo cơ hội cho những trận đánh nhỏ.

Khó khăn của việc rút lui tất nhiên thay đổi tùy theo hoàn cảnh tốt xấu và tính chất gay go quyết liệt nhiều hay ít của trận chiến đấu đã được tiến hành. Trận Jéna và Waterloo đã chứng minh là một cuộc rút lui có trật tự sẽ không thể thực hiện được nếu người ta đã chiến đấu tới người cuối cùng với một đối thủ mạnh hơn.

Nhiều người (Lloyd, Bülow)**[123]** đã chủ trương rút lui theo đội hình phân tán, nghĩa là theo những đơn vị tách biệt, thậm chí theo nhiều hướng ly tâm. Chúng tôi không nói đến những cuộc phân tán được tiến hành cho tiện việc, trong đó khi nào cũng có ý đồ và khả năng hoạt động chung; hết thảy mọi hình thức phân tán khác đều đặc biệt nguy hiểm, trái với bản chất sự việc và tất nhiên là một sai lầm lớn. Mỗi trận thua đều là một yếu tố làm suy yếu, tan rã và nhu cầu cấp thiết nhất là phải tập hợp lại, thông qua việc tập hợp mà ổn định tổ chức, lấy lại dũng khí và lòng tin. Hy vọng quấy rối hai bên sườn quân thù bằng những đơn vị riêng biệt, khi họ đang khuếch trương thắng lợi, chỉ là một tà thuyết. Nếu ta giao chiến với một kẻ gàn dở, hèn nhát thì phương pháp ấy cũng có thể áp dụng được. Nhưng, một khi đã không thấy đối phương lộ rõ nhược điểm ấy thì tốt nhất là không nên làm. Nếu những điều kiện chiến lược sau chiến thắng ấy đòi hỏi ta phải tiến hành bảo vệ hai bên sườn bằng những phân đội riêng biệt thì phải tùy cơ ứng biến. Dù sao cũng phải thấy rằng việc phái phân đội biệt lập ấy là không tốt và người ta khó có thể làm như thế ngay sau khi trận đánh kết thúc.

Sau trận Kollin và sau khi Prague được giải vây, nếu Frederick Đại đế đã rút quân bằng ba đường thì đó không phải là ý muốn của ngài, mà là vì tình hình quân số và sự cần thiết phải bảo vệ hạt Saxony nên chẳng thể làm thế nào khác được.

Sau trận Brienne, Bonaparte phái Marmont tiến về mạn Aube, còn ông ta thì vượt sông Seine tiến về Troyes. Nếu việc ấy không dẫn đến tai hại, đó là do Liên quân, lẽ ra phải tổ chức truy kích, lại cũng đã phân tán lực lượng: Cho một mũi tiến về phía Marne (Blücher), còn mũi khác (Schwarzenberg) vì ngại lực lượng quá yếu nên đã tiến quân khá chậm chạp.

Chương 14. GIAO CHIẾN BAN ĐÊM

Những hình thái và những chi tiết tiến triển của một cuộc giao chiến ban đêm đều thuộc về chiến thuật. Chúng tôi chỉ nghiên cứu vấn đề này một cách bao quát và xem toàn bộ cuộc giao chiến như một biện pháp đặc biệt.

Về cơ bản, mọi cuộc tiến công ban đêm chỉ là một cuộc đột kích bất ngờ thuộc loại thứ yếu. Nhưng thoạt đầu, một cuộc đột kích như vậy có vẻ có hiệu quả hoàn hảo, vì người ta hình dung kẻ phòng ngự như là kẻ bị công kích, và người tiến công thì đàng hoàng chuẩn bị cho một cái gì sẽ xảy ra. Thật là thiên lệch quá chừng! Người ta hình dung một phía thì rối loạn hoàn toàn còn phía người tiến công thì chỉ độc có một việc là thu lượm kết quả. Do đó, những người chẳng có cái gì để chỉ huy và chẳng có tí trách nhiệm nào thường hay xây dựng kế hoạch công kích ban đêm. Nhưng trên thực tế, những cuộc tiến công như thế rất ít khi xảy ra.

Những ý kiến trên đều dựa trên giả thuyết là kẻ tiến công nắm được biện pháp đối phó của người phòng ngự: Những biện pháp ấy đã được tiến hành, đã được công bố từ trước và đã bị những cuộc trinh sát điều tra của kẻ tiến công phát hiện, còn ý đồ của kẻ tiến công thì người bị tiến công hoàn toàn mù tịt. Nhưng không phải bao giờ điểm sau này cũng hoàn toàn đúng như thế, và điểm thứ nhất thì lại càng không đúng. Khi chúng ta ở tương đối gần đối phương để có thể trực tiếp quan sát họ bằng mắt, như trường hợp quân Áo với Frederick Đại đế trước trận Hochkirch, thì mọi dấu hiệu liên quan đến tình hình của đối phương sẽ chẳng bao giờ đầy đủ. Những nguồn tin thu lượm bằng trinh sát, bằng tuần tra, bằng hỏi cung tù binh, bằng tình báo không bao giờ thật chắc chắn cả vì những tin tức ấy không ít thì nhiều cũng lạc hậu và trong thời gian nó đến tay ta, vị trí của địch có thể đã được thay đổi. Với chiến thuật và phương pháp đóng trại ngày xưa, ta dễ phát hiện vị trí của quân địch hơn là ngày nay phát hiện một dãy lều, một trại quân (camp) hoặc một nơi đồn trú ngoài trời (bivouac). Một trại quân tổ chức trên một trận tuyến đều đặn cũng dễ thấy hơn là một trại được phân chia ra cho từng đạo quân như hiện nay. Dưới mắt ta, một sư đoàn có thể hạ trại trong một vùng theo cách ấy nhưng ta vẫn không thể hình dung được nó một cách chính xác.

Nhưng bố trí của quân địch chưa phải là tất cả mọi vấn đề mà chúng ta cần biết. Trong quá trình giao chiến, những sự bố trí của bên phòng ngự cũng quan trọng không kém và tất nhiên chẳng ai lại để cho quân lính của mình muốn bắn thế nào thì bắn. Nhưng sự bố trí đó bây giờ đã trở thành quan trọng hơn, nên các cuộc tiến công ban đêm ngày nay khó hơn ngày xưa. Trong những cuộc giao chiến của chúng ta, vị trí của người phòng ngự thường có tính chất nhất thời hơn là vĩnh viễn và vì vậy, ngày nay người phòng ngự dễ tổ chức giáng cho đối phương những đòn bất ngờ hơn là ngày xưa.

Vì vậy, những điều mà người tiến công nắm được của đối phương trong trường hợp tiến công ban đêm sẽ ít khi hoặc không bao giờ đủ để có thể thay được việc quan

sát trực tiếp. Người phòng ngự lại còn có một lợi thế nhỏ đối với kẻ tiến công ở chỗ: Trong vị trí, họ là người nhà, họ mò mẫm trong đêm tối dễ hơn người ngoài. Họ biết cách lần mò tìm đến các bộ phận lực lượng của họ dễ hơn là kẻ tiến công đối với đơn vị của mình.

Từ những lý do trên, cần rút ra kết luận là: Trong giao chiến ban đêm, kẻ tiến công cũng như người phòng ngự đều phải dùng mắt để trực tiếp quan sát và chỉ nên tổ chức tiến công ban đêm khi có những lý do đặc biệt.

Nhưng, những lý do này hầu hết lại từ những bộ phận phụ thuộc vào quân đội chứ ít khi từ đích bản thân quân đội đẻ ra; bởi vậy lại phải đi đến kết luận là: Nói chung, tiến công ban đêm thường xảy ra trong những trận thứ yếu và ít khi xảy ra trong những trận đánh lớn.

Khi hoàn cảnh cho phép, tất nhiên người ta có thể tiến công và từ đó bao vây một bộ phận thứ yếu của quân đội đối phương với một lực lượng lớn hơn, hoặc để tiêu diệt hoàn toàn hoặc để buộc đối phương phải chịu những tổn thất nặng nề bằng một cuộc giao chiến bất lợi. Ý định ấy chỉ có thể thực hiện bằng một đòn bất ngờ vì không có bộ phận thứ yếu nào của quân đội đối phương lại chịu nghênh chiến với một sự chênh lệch lực lượng như vậy, và tất nhiên nó sẽ tìm cách lẩn tránh. Tuy nhiên, một đòn bất ngờ chỉ có thể tiến hành vào ban đêm, trừ trường hợp ngoại lệ ở địa hình che khuất. Nếu chúng ta định lợi dụng sự bố trí sơ hở của một sư đoàn đối phương thì cũng cần phải đợi đêm tối để chuẩn bị bước đầu dù chính cuộc giao chiến chỉ sẽ mở màn vào lúc bình minh. Do đấy nảy sinh ra nhiều hoạt động nhỏ ban đêm nhằm vào những đồn tiền tiêu và những đơn vị nhỏ khác. Các hoạt động này chủ yếu nhằm mục đích: Bằng ưu thế và bao vây, lôi kéo quân địch vào một cuộc giao chiến bất lợi đến nỗi họ không thể không bị tổn thất nặng nề.

Đơn vị bị tiến công càng lớn thì việc thực hiện kế hoạch trên càng khó khăn vì một đơn vị tương đối lớn sẽ có đủ khả năng để tự vệ cho tới lúc nhận được viện binh.

Chính vì thế mà trong nhiều trường hợp thông thường, bản thân quân đội thù địch lại không phải là mục tiêu của một cuộc tiến công như thế. Vì, dù không có hy vọng chờ viện binh từ bên ngoài, họ cũng có đủ phương tiện để đối phó với một cuộc tiến công ở nhiều mặt, nhất là ngày nay ai cũng đã quen với hình thức tiến công quá phổ biến ấy. Vấn đề tìm hiểu xem quân thù có thể đồng thời tiến công chúng ta có kết quả ở nhiều phía thường lại lệ thuộc vào nhiều sự việc khác hơn là chỉ lệ thuộc vào yếu tố bất ngờ của tiến công. Lúc này chưa cần nhấn mạnh, chúng tôi chỉ nêu ý kiến là việc đánh vu hồi tuy có nhiều cái lợi hơn, nhưng cũng có thể có nhiều nguy hiểm. Vậy chỉ trong những trường hợp đặc biệt, với ưu thế lớn hơn nhằm đánh một bộ phận thứ yếu của đối phương, nó mới có thể đảm bảo thắng lợi.

Nhưng nếu đánh vu hồi và bao vây một đạo quân nhỏ, nhất là trong đêm tối, có thể dễ dàng thực hiện hơn thì chính là vì lực lượng được sử dụng dù có ưu thế đến bao nhiêu cũng chỉ là một bộ phận nhỏ của quân đội chúng ta. Cho nên, vì kết quả của trận đánh rất lớn, ta có thể hy sinh một bộ phận hơn là toàn thể quân đội. Hơn nữa, bộ phận lớn hơn và có thể là tất cả quân đội thường được dùng để yểm hộ và là

điểm tập hợp cho bộ phận tiền vệ nhỏ bé ấy. Điều đó thường cũng làm cho việc thực hiện đỡ được phần nào nguy hiểm.

Chỉ nên huy động những phân đội ít quan trọng vào những hành động ban đêm: Đó không phải chỉ đơn thuần là do nguy hiểm mà còn do những khó khăn. Những hoạt động này chỉ phát huy được tác dụng nếu có bất ngờ, vì vậy biện pháp chủ yếu phải là hành động xâm nhập. Cho nên tiến hành bằng những đơn vị nhỏ thì dễ đạt hơn là những đơn vị nặng nề, và hầu như không bao giờ lại có thể có kết quả với những binh đoàn có đủ các binh chủng. Do đấy, những hành động ấy chỉ nên nhằm vào những vị trí tiền tiêu cô độc và chỉ có thể nhằm vào các đơn vị lớn trong trường hợp các đơn vị ấy không có nhiều vị trí tiền tiêu, như trường hợp của Frederick Đại đế ở Hochkirch. Trường hợp ấy cũng ít xảy ra với toàn quân đội hơn là với những sư đoàn hậu vệ.

Ở thời đại hiện nay, tốc độ và cường độ trong chiến tranh đã rất lớn, nên các trại quân thường rất gần nhau và thiếu một hệ thống tiền tiêu, vì cả hai (tốc độ, cường độ – ND) bao giờ cũng xảy ra trong cơn khủng hoảng trước lúc kết thúc trận đánh. Những việc chuẩn bị cho chiến đấu đều cùng khẩn trương ở cả hai bên. Trái lại, trong các cuộc chiến tranh ngày xưa, ngay cả những khi chỉ nhằm tiêu diệt nhau, trại quân của cả hai bên đều ở ngay trước mắt nhau trong một thời gian tương đối dài. Biết bao lần, Frederick Đại đế đã đóng quân hàng tuần lễ trước mặt quân Áo, gần sát đến nỗi có thể bắn pháo sang nhau được! Những phương pháp ấy, chỉ thuận tiện cho tiến công ban đêm, đã lỗi thời đối với chiến tranh hiện đại. Quân đội ngày nay không còn là những đơn vị độc lập với nhau như cũ, dù vấn đề tiếp tế và nhu cầu về doanh trại có hoàn hảo đi nữa thì thường cũng cần phải đóng cách xa đối phương một ngày hành quân. Nếu chúng ta quan tâm hơn nữa đến việc tiến công ban đêm của một đội quân, chúng ta sẽ thấy có rất ít lý do đầy đủ để thực hiện tiến công như thế, và những lý do đó chỉ có thể là như sau:

1. Một sự dại dột hoặc táo tợn phi thường của quân thù (trường hợp này rất hãn hữu, và nếu xảy ra thì chỉ vì họ, có một ưu thế tinh thần rất cao).

2. Sự hoảng loạn trong quân đội địch, hoặc phổ biến hơn, bộ đội ta có một ưu thế tinh thần đến nỗi chỉ một mình nó cũng đủ làm nên chuyện, không cần đến sự chỉ đạo tác chiến.

3. Khi phải chọc thủng phòng tuyến của quân đội đối phương đã bao vây ta với một lực lượng mạnh hơn. Lúc đó, tất cả phụ thuộc và yếu tố bất ngờ và chỉ riêng việc thoát vây cũng đã cho phép ta có thể tập trung cao độ lực lượng.

4. Sau nữa là trong những trường hợp tuyệt vọng, khi sức lực của ta và địch chênh lệch đến nỗi chỉ có một đòn táo bạo phi thường mới có triển vọng thu được kết quả.

Nhưng, muốn thực hiện những trường hợp đã nêu ở trên thì phải giả định là quân đối phương ở ngay trước mắt chúng ta và không có bộ phận tiền vệ nào che chở.

Thường thường, những cuộc tiến công ban đêm phải được chuẩn bị để hoàn thành vào sáng sớm.

Cho nên chỉ có hành động tiếp cận và tiến công đầu tiên là được tiến hành trong đêm tối, và như vậy kẻ tiến công có thể tận dụng những ảnh hưởng của sự rối loạn trong hàng ngũ đối phương. Mặt khác, những cuộc giao chiến mà hành động tiếp cận tiến hành trong đêm và bắt đầu chiến đấu vào lúc bình minh lại không phụ thuộc vào những cuộc giao chiến ban đêm.

BÀN VỀ CHIẾN TRANH

PHẦN II

Nguyễn Tùy – Đinh Kim Khánh Dịch theo bản tiếng Pháp của Denise Naville, Nhà xuất bản Minuit, Paris.

Nguyễn Linh Đối chiếu và chú thích theo bản tiếng Nga của Nhà xuất bản Quân sự, Bộ Quốc phòng Liên Xô.

Nhà Xuất bản Quân đội Nhân dân Hà Nội – 1988

TẬP V. CÁC LỰC LƯỢNG QUÂN SỰ

Chương 1. TỔNG QUÁT

Chúng ta sẽ nghiên cứu các lực lượng quân sự:

1. Theo theo sức mạnh và thành phần của nó;
2. Theo trạng thái của nó ở bên ngoài giao chiến;
3. Trong mối liên hệ với sự nuôi dưỡng;
4. Và cuối cùng, trong mối liên hệ chung với địa phương và địa hình.

Vì vậy trong tập này, chúng tôi sẽ nghiên cứu các lực lượng quân sự như là những *điều kiện cần thiết của chiến đấu* chứ không nghiên cứu chúng dưới góc độ của bản thân cuộc chiến đấu. Chúng gắn chặt hoặc ít hoặc nhiều với cuộc chiến đấu ấy và trong việc sử dụng cuộc chiến đấu ấy người ta lại thường hay nói nhiều đến chúng. Nhưng phải phân tích chúng riêng ra, mỗi lực lượng là một tổng thể có bản chất và đặc tính riêng của nó.

Chương 2. QUÂN ĐỘI, CHIẾN TRƯỜNG VÀ CHIẾN DỊCH

Bản chất của đề tài này không cho phép ta định nghĩa chính xác cả ba yếu tố trên so với thời gian, không gian và khối lượng trong thời kỳ chiến tranh; nhưng để tránh mọi hiểu lầm, chúng tôi cần phải nơi rõ hơn một chút về cách chúng tôi sử dụng ba danh từ trên như thế nào.

1. Chiến trường

Trên thực tế, danh từ này chỉ bất kỳ bộ phận nào của toàn bộ vùng có chiến tranh, có giới hạn được bảo vệ và vì vậy có tính chất độc lập đến một mức độ nhất định. Sự bảo vệ ấy có thể gồm có các pháo đài hoặc các vật chướng ngại thiên nhiên quan trọng, hoặc cũng có thể là khoảng cách lớn giữa địa điểm bày và phần phần còn lại của vùng chiến tranh. Một bộ phận như thế không chỉ đơn giản là một phần của toàn thể: Chính bản thân nó cũng là một phần của tổng thể, mức mức độ nhiều hay ít là tùy theo những biến đổi trên các địa điểm khác của vùng xảy ra chiến tranh, không có ảnh hưởng trực tiếp mà chỉ có ảnh hưởng gián tiếp đến nó. Nếu người ta muốn vận dụng chính xác một đặc tính thì phải thấy rằng: Ở bộ phận này có thể tiến nhưng ở bộ phận khác lại có thể lùi, hoặc phòng ngự ở bộ phận này nhưng lại tiến công ở bộ phận kia. Một định nghĩa rõ ràng dứt khoát như thế không phải khi nào cũng có thể ứng dụng được; ở đây định nghĩa chỉ được dùng để nhấn mạnh điểm chủ yếu.

2. Quân đội

Nếu dựa vào khái niệm về chiến trường thì người ta rất dễ nói thế nào là một quân đội. Đó là những binh lính tập trung trong một chiến trường duy nhất.

Nhưng, rõ ràng định nghĩa đó vẫn chưa nói hết những gì mà danh từ trên bao hàm trong ngôn ngữ thông thường. Năm 1815, Blücher và Wellington chỉ huy mỗi người một quân đội, mặc dầu cả hai người đều cùng hoạt động trong một chiến trường. Như vậy, người tổng chỉ huy cũng là một dấu hiệu đặc biệt của một quân đội. Nhưng, đặc tính này rất gần với đặc tính trên, vì nếu tổ chức tốt thì chỉ cần có một người chỉ huy trên một chiến trường, và người tổng chỉ huy ở một chiến trường riêng biệt bao giờ cũng phải có tính độc lập đến mức độ cần thiết.

Trong cách nói trên, lực lượng tuyệt đối đơn thuần của quân đội không có một vị trí to lớn như người ta tưởng. Vì, trong khi nhiều quân đội cùng tác chiến dưới sự chỉ huy của một bộ chỉ huy chung *trên cùng một chiến trường*. Nếu như chúng có mang tên là quân đội thì cũng chẳng phải là vì lực lượng của chúng mà là vì những nguyên nhân đã có từ trước chiến dịch (năm 1813, quân độ Silesia, quân đội miền Bắc, v.v.). Và dù cho một khối lớn binh lính tập trung trên một chiến trường có thể chia ra làm nhiều đạo quân, nó vẫn không bao giờ trở thành những quân đội khác nhau; hay ít nhất, một sự phân chia như thế phải chăng cũng trái với cách sử dụng danh từ trên: Danh từ đó hình như gắn rất chặt với bản chất sự việc. Một mặt khác, nếu bất kỳ đám dân binh nào đó theo đuổi những mục đích riêng của mình ở một tỉnh xa xôi nào đó

cũng được gọi là quân đội thì đấy chẳng qua chỉ là câu chuyện huênh hoang.

Tuy nhiên, cũng phải nhắc lại rằng: Không ai ngạc nhiên khi nghe nói đến "Quân đội" của bọn Vendeans trong chiến tranh cách mạng, mặc dầu bọn này đôi khi cũng không mạnh hơn những dân binh là bao nhiêu. Như vậy khái niệm về quân đội và về chiến trường thưởng đi đôi với nhau và bổ sung chặt chẽ cho nhau.

3. Chiến dịch Tuy người ta thích dùng danh từ chiến dịch để chỉ toàn bộ những sự kiện quân sự xảy ra trong khoảng một năm trên tất cả các chiến trường, trong ngôn ngữ thông thường và chính xác hơn, danh từ này cũng chỉ để mệnh danh cho những sự kiện xảy ra trên một chiến trường mà thôi. Bậy bạ hơn nữa là đem buộc chặt thời hạn một năm vào khái niệm trên, vì các cuộc chiến tranh hoàn toàn không tự chia ra thành những chiến dịch kéo dài một năm bởi các cuộc trú quân mùa đông kéo dài. Vì những sự kiện xảy ra trên một chiến trường tự tích tụ thành những đơn vị rộng hơn (thí dụ như khi những hậu quả trực tiếp của một tai họa ít nhiều nghiêm trọng đã thôi không thể hiện ra nữa và những rắc rối mới đã xuất hiện) cho nên phải chú ý đến những mốc phân chia tự nhiên ấy để quy cho một năm nhất định (một chiến dịch) toàn bộ những sự kiện thuộc phần của nó. Không ai lại cho rằng chiến dịch năm 1812 kết thúc ở bờ sông Memel vào ngày 1 tháng giêng khi các quân đội đều tụ tập ở đây, và cũng không ai lại có thể sắp xếp cho quân đội Pháp rút lui về phía bên kia sông Elbe trong chiến dịch năm 1813: Cuộc lui quân này hiển nhiên là một bộ phận của toàn, bộ cuộc rút lui ra khỏi nước Nga.

Việc không thể xác minh rõ ràng hơn nữa những khái niệm trên không có gì là quan trọng lắm; vì những khái niệm ấy không phải là những định nghĩa triết học nên người ta không sử dụng chúng làm nền tảng cho sự xác định này hoặc sự xác định khác. Chúng chỉ được sử dụng nhằm làm cho ngôn ngữ của chúng tôi rõ ràng hơn và chính xác hơn một chút.

Chương 3. TƯƠNG QUAN LỰC LƯỢNG

Ở chương 8, tập III, chúng tôi đã nhấn mạnh đến tầm quan trọng của ưu thế về số quân trong giao chiến, và vì vậy chúng tôi cũng đã nhấn mạnh đến tầm quan trọng của ưu thế tổng quát đối với chiến lược; từ đó người ta có thể thấy tầm quan trọng của tương quan lực lượng: Về vấn đề này, chúng thấy cần phải nói dài hơn một ít.

Nếu nghiên cứu lịch sử quân sự hiện đại một cách hoàn toàn vô tư, người ta phải thừa nhận rằng ưu thế về số quân càng ngày càng có tính chất quyết định; điều đó buộc chúng ta phải đánh giá cao hơn nguyên tắc cho rằng, trong cuộc giao chiến quyết định, càng mạnh chừng nào thì càng tốt chừng nấy.

Thời nào cũng vậy, lòng dũng cảm và tinh thần chiến đấu làm tăng thêm sức mạnh vật chất của quân đội, và mãi mãi sau này cũng vẫn còn như thế. Nhưng cũng đã từng có những thời đại lịch sử, mà người ta có ưu thế tinh thần là do có tổ chức và trang bị tốt, còn trong những thời đại khác thì có ưu thế tinh thần lại là do có khả năng cơ động lớn. Khi thì những hệ thống chiến thuật mới xuất hiện, khi thì nghệ thuật chiến tranh phát triển do chỗ sử dụng địa hình hợp lý theo những nguyên tắc tổng quát lớn, và về phương diện ấy, có thể có vị tướng này có nhiều thuận lợi lớn hơn vị tướng kia. Song khuynh hướng đó đã mất đi và nhường chỗ cho những phương pháp khác tự nhiên hơn và đơn giản hơn. Nếu chúng ta ngẫm nghĩ lại một cách không có thành kiến về những kinh nghiệm của các cuộc chiến tranh gần đây thì sẽ thấy hầu như không còn nhận ra được dấu vết gì của những hiện tượng mà chúng tôi vừa nói, trong cả chiến dịch nói chung cũng như trong những trận giao chiến quyết định và nhất là trong trận đánh chính: Về vấn đề này, chúng tôi đề nghị bạn đọc xem lại chương 2, tập IV.**[124]** Trong thời đại chúng ta, các quân đội đều ngang nhau Về mặt vũ khí, trang bị, huấn luyện, đến nỗi giữa những quân đội giỏi nhất và những quân đội tồi nhất, sự khác biệt về mặt này cũng không lớn lắm.

Nếu có thì chỉ khác nhau nhiều nhất ở sự đào tạo về mặt kỹ thuật của các tập đoàn khoa học, nhưng phần nhiều sự khác nhau đó cũng chỉ biểu hiện ra ở chỗ: Phía bên này là những người phát minh và mở đường cho những hệ thống tốt nhất, và phía bên kia là những người bắt chước nhiệt tình. Kể cả các vị tướng lĩnh cấp dưới, các vị chỉ huy quân đoàn và sư đoàn, hình như ai cũng đều theo những ý kiến về những phương pháp ấy, đến nỗi chỉ có sự dày dạn trong chiến đấu mới có thể là một ưu thế của quân đội này đối với quân đội khác, trừ tài ba của vị tổng chỉ huy – tài ba này chỉ là ngẫu nhiên và không nhất thiết phụ thuộc vào trình độ phát triển văn hóa của dân chúng hay của quân đội. Các yếu tố trên càng có sự tương đương với nhau thì tương quan lực lượng về số lượng càng có tính chất quyết định.

Vì có sự tương đương trên nên các chiến dịch hiện đại mới có tính chất như nó có bây giờ. Chỉ cần đọc một cách vô tư bản tường thuật về trận Borodino: Trong trận đó một quân đội giỏi nhất thế giới, quân đội Pháp, đọ sức với quân đội Nga quân đội này rõ ràng lạc hậu hơn về nhiều mặt tổ chức và huấn luyện. Trong toàn bộ quá trình của

chiến dịch này, người ta không thấy có một dấu vết của một nghệ thuật hoặc một trí thông minh ưu việt nào cả; đây chỉ là một cuộc đọ sức giản đơn giữa những lực lượng gần ngang nhau; Kết quả của chiến dịch chỉ có thể là một sự thay đổi chậm rãi về tương quan lực lượng gần có lợi cho bên nào có được sự chỉ huy kiên quyết và có được sự tôi luyện trong chiến đấu nhiều hơn. Chúng tôi chọn chiến dịch này làm ví dụ vì thấy ở đây đôi bên có sự ngang nhau hiếm có về số quân.

Chúng tôi không cho rằng tất cả các trận đánh đều giống trận đánh này, nhưng thường thường chính phương diện đó lại làm cho đặc tính của trận đánh đó nổi bật lên.

Trong một trận đánh mà các lực lượng đọ sức với nhau một cách chậm chạp và có phương pháp như thế, nếu có số quân đông hơn thì thắng lợi cũng chắc chắn hơn. Bây giờ người ta không còn có thể thấy trong lịch sử quân sự hiện đại một trận đánh thắng lợi đối với một kẻ địch đông hơn gấp hai lần, như ngày xưa đã thấy. Bonaparte một vị tướng lớn nhất của thời đại hiện nay, lúc nào cũng tập trung được một số quân đông hơn, hay ít nhất cũng ít hơn nhiều lắm (trừ trận Dresden năm 1813) để đánh thắng kẻ địch và ở nơi nào ông ta không có khả năng làm được như thế, chẳng hạn ở Leipzig, Brien, Laon và Waterloo thì ông ta bị đánh bại.

Nhưng trong chiến lược, lực lượng tuyệt đối thường thường là một số lượng cho trước mà người làm tướng không thể thay đổi gì cả. Điều này không có nghĩa là người ta không thể tiến hành chiến tranh bằng một quân thua thua kém rõ ràng về số quân. Không phải bao giờ chiến tranh cũng do những cấp có thẩm quyền về chính trị tự do quyết định, nhất là khi các lực lượng có trình độ không đồng đều; vì vậy, trong chiến tranh người ta quan niệm ra bất kỳ tương quan lực lượng nào, và thật là quá lạ kỳ nếu như lý thuyết về chiến tranh lại tự phủ nhận mình ở một điểm mà nó phải phục vụ nhiều nhất.

Lý thuyết thường thích bàn luận về những lực lượng đầy đủ, nhưng nó không thể cho rằng một lực lượng dù rất ít ỏi lại không thể dùng làm được việc gì cả. Trong vấn đề này, người ta không thể vạch ra những giới hạn chính xác được.

Lực lượng càng yếu thì mục tiêu càng phải thu hẹp; ngoài ra, lực lượng càng yếu thì thời hạn**[125]** càng phải ngắn. Sự yếu ớt cũng có vị trí để phát triển về cả hai hướng nói trên, nếu người ta có thể nói như vậy. Còn về những thay đổi do trình độ lực lượng đưa đến thì chưa thể nói đến ở đây, sau này khi chúng xuất hiện chúng ta sẽ nói đến; bây giờ chỉ cần nói rõ cách nhìn chung, nhưng để bổ sung cho cách nhìn này, cần phải có nhận xét sau: Trong trận chiến đấu không ngang sức, bên nào càng thiếu lực lượng thì sự căng thẳng bên trong và nghị lực càng lớn và bị mối nguy hiểm bám sát gót. Nếu tình hình trái ngược hẳn lại nếu sự tuyệt vọng anh hùng bị thay thế bởi sự tuyệt vọng của tính hèn nhát thì mọi nghệ thuật chiến tranh cũng chẳng làm nên trò trống gì.

Nếu nghị lực đó kết hợp với sự mực thước khôn khéo trong mục đích đeo đuổi thì ngay trong những trận đánh lừng lẫy, người ta cũng phải có sự tự kiềm chế thận trọng, như Frederick Đại đế đã từng làm cho mọi người khâm phục.

Nhưng khả năng đạt tới sự mực thước và thận trọng đó càng ít thì càng phải khẩn trương và có nghị lực. Khi lực lượng chênh lệch đến nỗi mục tiêu thu hẹp mấy cũng không tránh khỏi tai họa, hoặc thời gian nguy hiểm kéo dài đến nỗi tiết kiệm lực lượng đến cùng cũng không đi đến mục đích được thì phải tập trung sức lực vào một trận đánh tuyệt vọng. Không trông chờ gì được ở lực lượng tiếp viện, người bị bế tắc chỉ còn đặt hy vọng cuối cùng vào ưu thế tinh thần: Đó là biện pháp cuối cùng của kẻ dũng cảm trong tình thế tuyệt vọng. Anh ta sẽ coi sự táo bạo lớn nhất là sự khôn ngoan lớn nhất hay chí ít anh ta cũng phải sử dụng đến một mưu chước táo bạo và nếu anh ta không thu được thắng lợi thì ít nhất cái chết vẻ vang của anh ta cũng tạo điều kiện cho sự phục hận sau này.

Chương 4. TƯƠNG QUAN GIỮA CÁC BINH CHỦNG

Chúng tôi chỉ nói đến ba binh chủng chính: Bộ binh, kỵ binh và pháo binh.

Chúng tôi đề nghị bạn đọc thứ lỗi cho về sự phân tích dưới đây, nó liên quan nhiều hơn với chiến thuật thôi, nhưng giúp cho ta xác định được những ý niệm của mình.

Giao chiến, có hai biện pháp chủ yếu khác nhau: Phá hoại bằng hỏa lực và đánh giáp lá cà hoặc giao chiến cá nhân. Giao chiến cá nhân lại là tiến công hay phòng ngự (tiến công hay phòng ngự được hiểu ở đây theo nghĩa tuyệt đối, chỉ nói đến một chủ yếu). Hiển nhiên, pháo binh chỉ tác chiến bằng yếu tố phá hoại của hỏa lực, kỵ binh bằng giao chiến, còn bộ binh thì bằng cả hai.

Trong giao chiến cá nhân, đặc tính của phòng ngự là giữ tư thế đứng cho vững như bắt rễ vào đất; đặc tính của tiến công là vận động. Kỵ binh hoàn toàn không có đặc tính thứ nhất nhưng lại có rất nhiều đặc tính thứ hai. Vì vậy, nó chỉ phù hợp với tiến công. Khả năng chủ yếu của bộ binh là ở trong tư thế đứng vững nhưng nó cũng không phải hoàn toàn không có vận động.

Sự phân bố lực lượng chiến tranh sơ đẳng giữa các quân đội khác nhau nói trên quyết định ưu thế và tác dụng tổng hợp của bộ binh so với hai binh chủng kia: Một mình bộ binh thâu tóm trong bản thân mình cả ba lực lượng sơ đẳng. Điều này cũng chỉ ra rằng: Sự kết hợp giữa ba binh chủng trong chiến tranh dẫn đến việc sử dụng triệt để hơn các lực lượng vì nó giúp ta biện pháp để tùy ý tăng cường thêm một trong những yếu tố đã tự tập hợp một cách vững chãi trong hộ binh.

Trong chiến tranh hiện nay, yếu tố phá hoại của hỏa lực dĩ nhiên là yếu tố có hiệu quả cao rất nhiều.

Tuy vậy, cũng phải xem cuộc chiến đấu cá nhân giữa hai người lính như là cơ sở thực sự của giao chiến. Bởi thế, một quân đội chỉ gồm có pháo binh là cái gì vô nghĩa trong chiến tranh. Trái lại, một quân đội chỉ gồm có kỵ binh là điều mà người ta có thể quan niệm được; nhưng dù sao một quân đội bộ binh thì vẫn cứ mạnh hơn nhiều. Như vậy, đứng về tính chất độc lập của chúng mà nói, ba binh chủng được sắp xếp theo thứ tự sau: Bộ binh, kỵ binh, pháo binh.

Nhưng thứ tự đó không còn có giá trị nữa khi nói đến tầm quan trọng của các binh chủng trên lúc chúng cùng phối hợp tác chiến. Vì yếu tố phá hoại có hiệu quả hơn nhiều so với yếu tố vận động, nên không có kỵ binh thì quân đội không bị yếu đi bằng không có pháo binh. Dĩ nhiên, một quân đội chỉ gồm có bộ binh và pháo binh sẽ gặp nhiều khó khăn trước một quân đội có cả ba binh chủng, nhưng nếu một số lượng bộ binh tương đương được bù vào chỗ thiếu hụt kỵ binh thì quân đội này, với một phương thức hoạt động hơi khác, vẫn rất có thể đối phó tốt về mặt chiến thuật. Nó rất lúng túng trước các đồn tiền tiêu, nó cũng không thể theo ý muốn của mình truy kích mạnh mẽ truy kích kẻ địch bị đánh bại, và lúc chính bản thân mình khi rút lui sẽ gặp khó khăn khắc nghiệt hơn nhiều. Nhưng bản thân những khó khăn này cũng không

thể làm cho nó hoàn toàn bị loại khỏi vòng chiến. Trái lại, một quân đội như thế vẫn có thể giữ vững vai trò của mình trước một quân đội khác chỉ gồm có bộ binh và kỵ binh trong lúc đó người ta không thể nghĩ tới việc một quân đội như thế (nghĩa là một quân đội chỉ gồm có bộ binh và kỵ binh ND) lại kháng cự được với một quân đội gồm có cả ba binh chủng.

Dĩ nhiên những điều suy nghĩ nói trên về tầm quan trọng tương đối của mỗi binh chủng chỉ được rút ra từ các trường hợp phổ biến trong chiến tranh mà mỗi trường hợp lại có giá trị đối với tất cả các trường hợp khác; vì vậy, không thể có vấn đề áp dụng những luận điểm được rút ra như thế cho mỗi hoàn cảnh cụ thể của mỗi cuộc giao chiến riêng biệt.

Có thể một tiểu đoàn làm nhiệm vụ tiền tiêu hoặc rút lui ưa thích sự hỗ trợ của một đội kỵ binh hơn là một vài khẩu đại bác. Một quân đoàn kỵ binh hoặc pháo binh hoặc pháo binh có ngựa kéo được phái đi truy kích địch hoặc đi chặn cuộc rút lui của địch thì không thể sử dụng bộ binh được v.v.

Tóm tắt một lần nữa những điều suy nghĩ kể trên thì sẽ thấy rằng: 1. Bộ binh là binh chủng độc lập nhất trong ba binh chủng.

2. Pháo binh hoàn toàn không có tính độc lập.

3. Nếu cả ba binh chủng cùng tác chiến thì bộ binh là quan trọng nhất.

4. Kỵ binh là binh chủng ít cần thiết nhất.

5. Kết hợp cả ba binh chủng sẽ được sức mạnh lớn nhất.

Nếu kết hợp cả ba binh chủng sẽ được sức mạnh lớn nhất thì tự nhiên là ta phải tự hỏi: Về mặt tuyệt đối nên kết hợp như thế nào cho tốt nhất; hầu như ta không thể trả lời câu hỏi này được.

Nếu có thể so sánh sự tiêu phí những phương tiện cần thiết để xây dựng và nuôi dưỡng các binh chủng rồi nếu lại có ý niệm về lợi ích của mỗi một binh chủng lúc có chiến tranh thì người ta có được một kết quả rõ ràng: Kết quả này nói rõ sự kết hợp tốt nhất về mặt lý thuyết. Nhưng đó chỉ là một trò tưởng tượng. Để bắt đầu, việc đánh giá thứ nhất (tức là đánh giá sự tiêu phí phương tiện để xây dựng và nuôi dưỡng các binh chủng – ND) đã rất khó thực hiện; nói đúng ra, việc đánh giá này cũng dễ dàng đối với một yếu tố: Đó là giá thành; nhưng việc đánh giá thứ hai, cái giá của đời sống con người, thì chẳng ai muốn biểu hiện ra bằng con số? Cũng như vậy, mỗi một binh chủng chủ yếu phụ thuộc vào một bộ phận khác nhau của tiềm lực quốc gia – bộ binh thì thuộc về số dân, kỵ binh thuộc về số ngựa, pháo binh thuộc về khả năng tài chính có thể có – tất cả những điều đó đưa đến một yếu tố quyết định có bản chất từ bên ngoài đến mà người ta thấy rõ ảnh hưởng của nó trên những nét lớn trong lịch sử của các dân tộc khác nhau và của các thời đại khác nhau.

Nhưng vì những lý do khác, không thể xóa bỏ mọi tỷ lệ xích để so sánh, chúng tôi sẽ không sử dụng toàn bộ vế thứ hai (trong hai vế của sự so sánh) mà chỉ sử dụng yếu tố có thể nghiệm đúng của nó, tức là sự chi phí về tiền bạc. Về mặt này, chúng tôi chỉ cần nói rõ thêm mấy điểm sau: Thường thường, một đại đội kỵ binh 150 ngựa, một tiểu đoàn bộ binh 800 người và một phân đội pháo 8 khẩu nặng 6 bảng thì chi

phí về trang bị và bảo dưỡng như nhau.

Đối với vế so sánh kia, tức là những lợi ích của binh chủng này so với binh chủng khác, thì quy thành số liệu thật khó hơn nhiều. Nếu như chỉ xét có yếu tố phá hoại thì một sự đánh giá như thế kể ra cũng còn có thể được; nhưng mỗi một binh chủng đều có một mục đích riêng của nó và vì vậy có môi trường hiệu quả của nó; môi trường này cũng chưa phải là xác định được vì cũng không thể nói nó là rộng hay là hẹp, điều đó chỉ đưa đến những thay đổi trong chỉ đạo chiến tranh chứ không đưa đến những điều bất lợi quyết định.

Đúng là người ta thường hay nói đến những bài học của kinh nghiệm và người ta tưởng rằng lịch sử quân sự có đủ tài liệu để hình thành những ý niệm chính xác về mặt này, nhưng tất cả những điều đó chỉ là những cách nói: Không cần suy nghĩ nhiều lắm đến chúng trong lúc nghiên cứu phê phán, vì chúng không dựa vào một cái gì cơ bản và tất yếu cả.

Tuy người ta có thể quan niệm tỷ lệ giữa lực lượng các binh chủng như một đại lượng cho trước, đại lượng này vẫn là một con số x không thể tính được: Nó chỉ là trò chơi của trí tưởng tượng. Nhưng có thể đoán trước hậu quả của thế hơn hoặc thế kém rõ rệt của một binh chủng đứng trước binh chủng tương đương của địch.

Pháo binh tăng thêm yếu tố phá hoại của hỏa lực, nó là binh chủng ghê gớm nhất và vì vậy, hơn bất kỳ yếu tố nào khác, nếu không có pháo binh đầy đủ thì sức mạnh của một quân đội sẽ bị giảm sút. Mặt khác, đó lại là binh chủng ít cơ động nhất vì vậy nó làm cho quân đội thêm nặng nề; hơn nữa, nó luôn luôn cần được yểm trợ vì không thể tự mình tác chiến được. Nếu pháo binh quá đông đến nỗi bộ đội dùng để yểm trợ cho nó không chống đỡ nổi những cuộc tiến công của bên địch thì thường thường nó sẽ thất bại. Đây lại bộc lộ một chỗ yếu nữa của pháo binh: Trong ba binh chủng thì nó là binh chủng độc nhất mà địch có thể nhanh chóng sử dụng để chống lại ta, ít nhất là chúng cũng sẽ dùng được những bộ phận chủ yếu: Đại bác và xe cộ.

Kỵ binh làm cho quân đội thêm cơ động. Nếu có quá ít, sẽ làm chậm bước phát triển tình hình quân sự, vì mọi việc đều xảy ra chậm hơn (bằng đi bộ) và phải được tổ chức một cách khôn khéo hơn. Đáng lẽ thu hoạch vụ lúa thắng lợi rực rỡ bằng hái lớn lại phải dùng liềm nhỏ.

Kỵ binh quá đông không bao giờ là một yếu tố trực tiếp làm yếu lực lượng quân sự hoặc làm cho bản thân nó mất cân đối, nhưng đó lại là một yếu tố gián tiếp, do những khó khăn về tiếp tế: Phải nghĩ đến việc có thể sử dụng đến 50.000 bộ binh thay cho 10.000 kỵ binh thừa ra vô ích..

Nhưng đặc tính ấy là kết quả của thế hơn, chúng lại càng quan trọng trong nghệ thuật chiến tranh (theo nghĩa hẹp) chính vì nghệ thuật này dạy cách sử dụng bất kỳ lực lượng nào còn sẵn có; và khi các lực lượng này đặt dưới quyền của người tướng chỉ huy thì tỷ lệ giữa ba binh chủng thường đã được quy định sẵn, người tướng không còn có thể có ý kiến gì vào việc đó được nữa cả.

Muốn thấy rõ sự thay đổi hình thái chiến tranh do ưu thế của một binh chủng đưa đến thì phải theo phương pháp sau: Pháo binh quá đông làm cho các cuộc tác chiến

có tính chất gần như phòng ngự và bị động; người ta sẽ phải dựa vào những vị trí có công trình phòng thủ, những địa hình hiểm trở, kể cả những vị trí trên núi, để tận dụng các chướng ngại thiên nhiên che chở cho pháo binh quá đông của chúng ta, để lực lượng địch phải tiến quân dưới làn hỏa lực. Toàn bộ cuộc chiến tranh có thể được tiến hành theo đúng nghi thức của một điệu menuet nghiêm chỉnh.**[126]** Trái lại, nếu thiếu pháo binh, chúng ta có thể làm cho yếu tố tiến công tích cực, cơ động thắng thế; hành quân gian khổ, cố gắng sẽ là những vũ khí ưu việt của chúng ta, như thế chiến tranh sẽ có muôn mầu muôn vẻ, linh hoạt, phong phú; những biến cố lớn sẽ được thay thế bởi một số lớn những biến cố nhỏ.

Với một binh chủng kỵ binh đông đảo, chúng ta sẽ cố tìm ra những đồng bằng rộng lớn và chúng ta sẽ thích chọn lựa những cuộc vận động lớn. Xa địch hơn, chúng ta sẽ được yên tĩnh hơn, có nhiều tiện nghi hơn còn kẻ địch của ta thì lại không được như vậy. Chúng ta có thể đánh bọc sườn và nói chung, ta có thể có những cuộc vận động táo bạo vì chúng ta làm chủ không gian. Chúng ta dễ dàng sử dụng những cuộc đánh thọc sâu, những cuộc đánh dương đông kích tây trong mức độ những biện pháp này là những cái phụ thuộc thật sự của chiến tranh.

Kỵ binh quá thiếu là bớt tính cơ động quân đội và không tăng cường được yếu tố phá hoại như trong trường hợp pháo binh quá nhiều. Sự khôn khéo và cách làm việc có phương pháp trở thành những đặc tính chủ yếu của chiến tranh. Ở trong tầm quan sát của địch để luôn luôn thấy quân địch không tiến hành những cuộc vận động quá nhanh và nhất là quá đột ngột, tập trung bộ đội đông đặc để thâm nhập dần dần, chọn hình thức phòng ngự cùng những địa hình hiểm trở và khi không thể tránh được tiến công thì chọn con đường ngắn nhất để đi đến nơi trọng yếu của quân đội địch: Trong trường hợp này, đó là những khuynh hướng tự nhiên nhất.

Hình thái chiến tranh có thể khác nhau tùy theo ưu thế của binh chủng này hoặc binh chủng khác, những sự khác nhau đó sẽ ít khi rộng lớn và dứt khoát đến mức chi một mình nó cũng quyết định một cách chủ yếu xu thế của toàn bộ hành động. Chọn hình thức tiến công chiến lược hay phòng ngự, chọn chiến trường này hoặc chiến trường khác, sử dụng trận đánh chính hoặc một biện pháp phá hoại khác: Các vấn đề này chắc chắn sẽ được những trường hợp khác quyết định dứt khoát; nếu không thì ít nhất cũng nên đề phòng trong trường hợp trái lại, người ta có thể lầm lẫn và biến một sự kiện phụ thuộc thành một cái gì chủ yếu. Nhưng, kể cả những lúc sự kiện xảy ra như chúng tôi nói, nếu những vấn đề lớn đã được giải quyết dứt khoát bởi những lý do khác, thì luôn luôn vẫn còn có một biên độ để cho binh chủng chủ yếu phát huy ảnh hưởng của mình vì người ta vẫn có thể khôn khéo và có phương pháp trong tiến công, tích cực và táo tạo trong phòng ngự, v.v. Qua tất cả các giai đoạn, các khía cạnh của đời sống trong chiến tranh.

Ngược lại, bản chất của chiến tranh cũng có thể có ảnh hưởng đáng kể đến tương quan giữa các binh chủng khác nhau.

Thứ nhất: Một cuộc chiến tranh dân tộc dựa vào lực lượng Landwehr**[127]** và tổng động viên Landsturm**[128]** thì sẽ huy động được một số rất lớn bộ binh vì trong

một cuộc chiến tranh như thế, nếu có thiếu thì chỉ thiếu trang bị chứ không phải là thiếu người, và vì trang bị bao giờ cũng giới hạn trong phạm vi cần thiết ít nhất, người ta có thể quan niệm một cách dễ dàng rằng: Đáng lẽ xây dựng được một phân đội tám khẩu pháo, người ta có thể thành lập không phải chỉ là một, mà đến hai hoặc ba tiểu đoàn bộ binh.

Thứ hai: Nếu một quốc gia yếu xung đột với một quốc mạnh mà không thể vũ trang cho dân chúng hoặc không dùng hệ thống dân binh được thì việc tăng cường pháo binh tất nhiên sẽ là con đường ngắn nhất để làm cho lực lượng yếu ớt của mình tương đương với lực lượng của địch; vì biện pháp này tiết kiệm sức người mà lại tăng cường yếu tố chủ yếu của sức mạnh quân sự, đó là yếu tố phá hoại. Dù sao đi nữa, một cuộc xung đột như thế phần nhiều cũng chỉ giới hạn trong một chiến trường hẹp cho nên binh chủng đó (tức là pháo binh – ND) sẽ là binh chủng thích hợp nhất. Frederick Đại đế đã từng sử dụng biện pháp này vào cuối cuộc Chiến tranh Bảy năm.

Thứ ba: Kỵ binh là binh chủng của những cuộc vận động và những quyết định lớn; vì vậy việc tăng cường kỵ binh nhiều hơn tỷ lệ bình thường là rất quan trọng khi chiến tranh lan rộng ra những vùng rộng lớn, khi các cuộc chinh phạt tỏa ra nhiều hướng và người ta muốn đánh những trận quyết định.

Bonaparte lại cho ta nhiều thí dụ về vấn đề đó.

Bản thân việc tiến công hay phòng ngự không có ảnh hưởng thực sự đến tỷ lệ này; điều đó rút ra từ những hoạt động chiến tranh nói trên; trong tương lai, chúng tôi sẽ nói đến vấn đề đó. Trước mắt, chúng ta hãy nhớ rằng thường thường kẻ tiến công cũng như người phòng ngự đều phải đi qua những khoảng không gian như nhau và trong rất nhiều trường hợp, họ có thể có những ý muốn quyết định như nhau. Chúng ta hãy nhớ lại những chiến dịch năm 1812.

Thường thường người ta hay tin rằng: Ở thời Trung cổ, kỵ binh đông hơn bộ binh nhiều, và từ đó đến nay, kỵ binh cứ giảm dần. Đó là một điều hiểu lầm, ít nhất là trong một phần nào đó. Về mặt số lượng, tỉ lệ trung bình của kỵ binh không lớn hơn bao nhiêu: Ta có thể thấy rõ điều này nếu người ta theo dõi trong lịch sử chiến tranh thời Trung cổ những số liệu liên quan đến lực lượng quân sự. Người ta hay nghĩ tới các tập đoàn bộ binh của những đạo quân Thập tự chinh hoặc của những đạo quân đi theo các hoàng đế Đức trong các cuộc viễn chinh ở Ý. Chính *tầm quan trọng* của kỵ binh trước kia lớn hơn nhiều. Đó là binh chủng mạnh nhất gồm những phần tử ưu tú nhất trong nhân dân: Chứng cớ là họ được xem như là yếu tố chủ yếu, mặc dầu số lượng rất ít, trong lúc đó thì bộ binh không được coi trọng mấy và được xem như yếu tố không đáng kể. Và từ đấy người ta kết luận họ (tức là bộ binh – ND) không đông lắm. Nói cho đúng ra thì trong những cuộc chiến tranh nồi da nấu thịt quy mô nhỏ bé xảy ra trong nước Đức, nước Pháp và nước Ý, lúc bấy giờ người ta hay xây dựng những đạo quân nhỏ bé chỉ gồm có kỵ binh. Vì nó đã là binh chủng chính thì điều đó cũng chẳng có gì là mâu thuẫn; nhưng những trường hợp này không chứng minh được điều gì cả vì phải xem toàn bộ các biến cố mà ở đó các đạo quân lớn có vai trò lớn hơn nhiều. Chỉ sau thời kỳ phong kiến (thực ra là: Sau thời kỳ phong kiến phân

quyền – N.D) với chế độ chư hầu, khi người ta tiến hành chiến tranh bằng lính đánh thuê: Tuyển mộ, thuê mượn và trả tiền, nghĩa là khi chiến tranh đã lấy tiền tài và tuyển mộ làm nền tảng (trong thời kỳ Chiến tranh Ba mươi năm và các cuộc chiến tranh của vua Louis XIV), thì người ta mới triệt để bỏ, không sử dụng nhưng tập đoàn bộ binh lớn không còn có ích như trước nữa. Lúc ấy có thể người ta lại trở lại chỉ dùng kỵ binh nếu bộ binh không nhờ sự phát triển của các thứ súng để thắng thế và vẫn giữ ưu thế về số quân đến một mức độ nào đó. Ở thời kỳ ấy, khi nào bộ binh ít ỏi thì chỉ được coi bằng kỵ binh. Khi nó đông đảo, nó hơn hẳn kỵ bỉnh đến ba lần.

Khi các loại súng tiến bộ thêm, tầm quan trọng của kỵ binh giảm dần. Điều đó khá dễ hiểu, nhưng sự tiến triển này không chỉ là sự tiến triển của bản thân vũ khí và việc sử dụng tốt các vũ khí ấy; việc sử dụng rất khéo léo các đạo quân được trang bị bằng vũ khí ấy cũng tiến triển như vậy. Trong chiến dịch Mollwitz, người Phổ đạt được trình độ hoàn hảo trong việc sử dụng các loại súng;, cho đến bây giờ vẫn chưa ai đạt được trình độ này. Trái lại việc sử dụng bộ binh trong địa hình hiểm trở và việc sử dụng súng trường trong các cuộc đột kích chỉ được phát triển từ thời kỳ ấy về sau: Đó là một sự tiến bộ lớn trong hành động phá hoại.

Theo ý chúng tôi, tỷ lệ kỵ binh rất ít thay đổi về mặt số lượng nhưng tầm quan trọng của nó thì lại có thay đổi lớn. Điều đó có vẻ mâu thuẫn, nhưng thật ra không phải như vậy. Thời Trung cổ, bộ binh rất đông trong quân đội, nhưng nó có tầm quan trọng lớn không phải vì có giá trị cao so với kỵ binh nhưng chính vì tất cả những ai không thể nhập vào kỵ binh – kỵ binh rất tốn kém – đều sung vào bộ binh cả.

Vì vậy, thời đó bộ binh chỉ là một tổ chức bất đắc dĩ và nếu như số lượng kỵ binh có thể quy định theo tầm quan trọng của binh chủng này thì số lính kỵ dầu lớn đến bao nhiêu cũng không thể gọi là thái quá được. Như thế chúng ta thấy rằng tuy tầm quan trọng của kỵ binh luôn luôn giảm dần nhưng cho đến nay nó vẫn giữ được một mức độ nhất định.

Thật vậy, một điều đáng chú ý là từ cuộc Chiến tranh Kế vị của Áo về sau thì kỵ binh không thay đổi so với bộ binh: Bộ binh luôn luôn lớn hơn chừng một phần tư, một phần năm hoặc một phần sáu.

Người ta có thể tưởng rằng những tỷ lệ trên phù hợp với nhu cầu tự nhiên của quân đội và những dự kiến này không thể trực tiếp phát minh ra được. Tuy vậy, chúng tôi vẫn ngờ là không phải như vậy và trong phần lớn các trường hợp quan trọng, nhiều lý do thúc đẩy ta nghiêng về phía chọn một binh chủng kỵ binh đông đảo. Nếu nước Nga và nước Áo bắt buộc phải nuôi dưỡng một đội kỵ binh đông đảo, chính là vì trên đất nước của họ còn nhiều tàn tích của thể chế Tartars.**[129]** Bonaparte không bao giờ đủ mạnh so với mục đích mà ông ta đeo đuổi; sau khi sử dụng tận lực các nguồn bắt lính, ông ta chỉ còn có thể tăng cường quân đội bằng cách làm cho các binh chủng phụ lớn thêm, việc này cần đến tài chính nhiều hơn là sức người. Hơn nữa, kỵ binh tất nhiên có tầm quan trọng trong các cuộc chinh phạt có quy mô lớn như thế hơn là trong các trường hợp thông thường.

Người ta biết rằng, Frederick Đại đế tính toán để tiết kiệm từng người lính cho

đất nước; nỗi lo lắng chính của Ngài là giữ gìn sức mạnh của quân đội mình bằng cách lấy của nước ngoài. Người ta sẽ hiểu rõ nguyên nhân nếu người ta thấy rằng nước Phổ và các tỉnh Westphalia không thuộc vào vương quốc của Ngài, mặc dầu vương quốc này đã rất nhỏ hẹp.**[130]** Hơn nữa, kỵ binh không những không đòi hỏi nhiều người bằng bộ binh mà tuyển lính vào kỵ binh lại dễ dàng hơn nhiều; một mặt khác thì hệ thống chiến tranh của Ngài hoàn toàn dựa vào tính cơ động của quân đội đến nỗi cho tới cuộc Chiến tranh Bảy năm, kỵ binh cứ càng ngày càng tăng dần trong lúc đó bộ binh cứ càng ngày càng giảm đi.

Nhưng kể cả lúc chiến tranh kết thúc, số kỵ binh cũng chỉ bằng một phần tư số bộ binh trên chiến trường.

Thời đại mà chúng tôi vừa nói đến**[131]** cũng không thiếu những trường hợp, trong đó những quân đội có kỵ binh hèn kém một cách lạ lùng cũng vẫn có thể thắng trận được. Trường hợp nổi bật nhất là trận Gross-Görschen.**[132]** Chỉ tính những sư đoàn tham chiến, Bonaparte có 100.000 người trong đó có 5.000 kỵ binh và 90.000 bộ binh. Quân Liên minh có 70.000 người trong đó có 25.000 kỵ binh và 40.000 bộ binh. Để bù vào số 20.000 kỵ binh thiếu hụt (so với quân Liên minh) Bonaparte chỉ có 50.000 bộ binh trong lúc đáng lẽ ông ta phải có 100.000.**[133]** Trong lúc ông ta thắng trận với ưu thế trên về bộ binh, người ta có thể tự hỏi là tỷ lệ nếu là 140.000 trên 40.000 thì có thể nói đến chuyện ông ta thất trận không? Nói đúng ra thì thuận lợi của chúng ta vì có ưu thế về kỵ binh đã bộc lộ ra ngay tức khắc sau chiến dịch: Bonaparte không thu được chiến quả nào hết. Như vậy, chúng ta thấy rằng: Đánh thắng chưa phải là tất cả, thế nhưng nó chẳng phải là điều cơ bản nhất hay sao? Sau những suy nghĩ như thế, người ta khó mà tin rằng tỷ lệ giữa kỵ binh và bộ binh đã có sẵn từ 80 năm nay là tỷ lệ tự nhiên nhất, rằng tỷ lệ này chỉ dựa vào giá trị tuyệt đối của hai binh chủng. Chúng tôi nghiêng về phía cho rằng: Tỷ lệ tương đối giữa hai binh chủng sau một vài lần bấp bênh nào đó sẽ tiếp tục thay đổi theo hướng từ trước tới nay và số lượng bình thường về kỵ binh rồi cũng sẽ hạ dần xuống nhiều.

Còn về pháo binh, từ lúc các khẩu pháo nhẹ hơn, được cải tiến nhiều thì số lượng cũng tăng thêm.

Nhưng từ thời dại Frederick Đại đế, pháo binh cũng ở trong tỷ lệ: Cứ hai hay ba khẩu thì có 1.000 người (dĩ nhiên là ở lúc bắt đầu chiến dịch); vì trong quá trình chiến dịch, pháo binh không bị hao hụt cùng một tốc độ như bộ binh. Vì vậy, thường thường lúc cuối chiến dịch, tỷ lệ pháo binh cao hơn và người ta có thể ước tính độ 1.000 người thì có đến 4 hay 5 khẩu pháo. Tỷ lệ này có tự nhiên không và pháo binh có thể cứ thế tăng lên mãi mà không hại gì đến chỉ đạo chiến tranh không? Chỉ có kinh nghiệm mới cho chúng ta nói rõ điều đó.

Để kết luận, bảng tổng kê những nhận xét của chúng tôi có thể tóm tắt như sau:

1. Bộ binh là binh chủng chính. Hai binh chủng kia phải phụ thuộc vào nó.

2. Nếu hai binh chủng phụ thuộc không đầy đủ, người ta có thể bù vào đó đến một mức độ nhất định bằng cách chỉ đạo chiến tranh có nghệ thuật hơn và tích cực hơn với điều kiện là bộ binh lại càng phải mạnh mẽ hơn; bộ binh càng tốt, sự bù đắp

nói trên càng dễ dàng hơn.

3. Thà không có kỵ binh còn hơn không có pháo binh vì pháo binh là yếu tố phá hoại tuyệt vời và tác động của nó trùng hợp với tác động của bộ binh hơn nhiều.

4. Nói chung, pháo binh là binh chủng mạnh nhất về khả năng phá hoại và kỵ binh thì lại yếu nhất về mặt này, nên phải luôn luôn tự hỏi: Cần có nhiều nhất là bao nhiêu pháo binh mà không có hại, và người ta cần có ít nhất là bao nhiêu kỵ binh?

Chương 5. SỰ BỐ TRÍ TÁC CHIẾN CỦA QUÂN ĐỘI

Bố trí tác chiến là phân bố và kết hợp các binh chủng thành những đơn vị của toàn thể quân đội; đó là sự sắp đặt có thể trở thành quy tắc trong suốt quá trình chiến dịch hoặc chiến tranh.

Vì vậy, có thể nói nó gồm một yếu tố số học và một yếu tố hình học, sự phân chia và sự sắp đặt. Yếu tố thứ nhất là tổ chức thường trực trong thời bình; đơn vị của nó là những bộ phận nào đó của quân đội như tiểu đoàn, đại đội kỵ binh, trung đoàn, phân đội pháo, với những đơn vị này nó sẽ tổ chức tùy theo nhu cầu của những đơn vị cao hơn cho đến đơn vị lớn nhất là toàn thể quân đội. Cũng như vậy, yếu tố thứ hai tác động từ chiến thuật sơ đẳng – mục đích của việc giáo dục và huấn luyện quân đội trong thời bình, vì phải coi đó như là một trong những đặc tính không thay đổi (về mặt chủ yếu) lúc chiến tranh đã bắt đầu. Sự sắp đặt (yếu tố thứ hai) làm cho những điều kiện sử dụng quân đội thích nghi với chiến thuật ấy trên quy mô lớn và vì vậy quyết định một cách tổng quát tiêu chuẩn rèn dạy để sau này quân đội tác chiến.

Từ lúc người ta đưa những đạo quân lớn ra chiến trường thì sự việc đều xảy ra như thế; lại có cả những thời kỳ trong đó hình thái này được xem như yếu tố chủ yếu của giao chiến.

Ở thế kỷ thứ XVII và XVIII, các loại súng phát triển và dẫn đến việc tăng cường sức mạnh của bộ binh; hàng ngũ bộ binh kéo ra thành tuyến mỏng và dài, sự bố trí vì vậy đơn giản hơn nhưng lại khó thực hiện hơn vì phải khéo léo hơn, và người ta không còn biết dùng kỵ binh để làm gì trừ để bố trí ở hai bên sườn: Ở đó không có súng bắn nhưng lại đủ chỗ để hoạt động trên mình ngựa: Điều này dẫn đến một cách bố trí trong đó toàn thể quân đội xuất hiện như một chỉnh thể khép kín không thể phân chia được. Nếu quân đội kiểu này bị cắt ở giữa thì sẽ như con giun bị chặt làm đôi: Hai mảnh vẫn sống và vận động được nhưng không còn giữ được những chức năng tự nhiên của mình nữa. Như vậy, người ta có thể nói lực lượng tác chiến bắt buộc phải thống nhất và khi một bộ phận nào đó phải giữ một vị trí tách biệt thì đã cần đến một sự tổ-chức-lại nho nhỏ và một sự phá-vỡ-tổ-chức cũng nho nhỏ.

Khi toàn thể quân đội còn đang hành quân thì đến một mức độ nhất định, nó có thể không bám sát các quy tắc trên. Nếu địch ở gần thì các cuộc hành quân phải được tổ chức hết sức hợp lý. Phải đưa được một tuyến hoặc một cánh bên sườn vượt qua mọi chướng ngại thiên nhiên mà vẫn giữ được giãn cách hợp lý với các bộ phận khác. Đúng là phải đánh cắp ở kẻ địch khả năng thực hiện những cuộc chuyển quân như thế. Mà lý do duy nhất khiến cho việc đánh cắp thường xuyên như vậy không bị trừng phạt là ở chỗ bản thân đối phương cũng làm như vậy.

Đến nửa cuối thế kỷ thứ XVIII, người ta đã đạt được một tiến bộ lớn khi thấy rằng kỵ binh bố trí sau quân đội có thể dùng để che chở cho phía sườn cũng như có thể dùng để kéo dài các tuyến, ngoài ra nó có thể được sử dụng trong nhiều công việc khác chứ không phải chỉ đề đánh nhau tay đôi với kỵ binh địch.**[134]** Từ đấy về sau,

quân đội chủ yếu triển khai theo lối bố trí về chiều rộng, nên gồm nhiều khâu hoàn toàn đồng nhất với nhau đến nỗi muốn phân chia nó ra bao nhiêu bộ phận cũng được; những bộ phận này giống nhau giữa bộ phận nọ với bộ phận kia cũng như là giống với cả toàn thể. Như vậy, quân đội không phải chỉ gồm có một mảnh mà đã trở thành một tổng thể vì vậy rất khớp với nhau và cũng vì vậy nó rất linh hoạt mềm dẻo. Các bộ phận có thể tách ra khỏi toàn bộ rồi lại nhập vào đấy mà không gặp khó khăn gì; sự bố trí để tác chiến vẫn không thay đổi. Chính từ đó mà người ta mới thành lập được những quân đoàn gồm có nhiều binh chủng, hay nói cho đúng hơn, việc thành lập các loại quân đoàn đó khi ấy mới có thể tiến hành còn nhu cầu thành lập thì đã xuất hiện sớm hơn nhiều.

Tất cả những sự việc trên đều rút ra từ các trận đánh điều đó rất tự nhiên. Xưa kia, tác chiến là toàn bộ chiến tranh và nó cũng sẽ còn là yếu tố cơ bản của chiến tranh; nhưng sự bố trí tác chiến lại chỉ thuộc về chiến thuật hơn là về chiến lược, và với những suy luận trên chúng tôi chỉ muốn nói rằng: Bằng cách kết hợp đơn thuần từ một tổng thể đến nhiều tổng thể hẹp hơn, chiến thuật báo trước công việc của chiến lược. Các quân đội càng lớn lại càng dàn ra trên những khoảng không gian rộng và bằng nhiều cách khác nhau, các bộ phận lại càng khớp với nhau và tác động lẫn nhau; vì vậy, chiến lược lại càng mở rộng phạm vi của mình. Đến nỗi sự bố trí tác chiến theo nghĩa chúng tôi đã nói trên**[135]** lại tác động qua lại với chiến lược, sự tác động đó xuất hiện rõ nét nhất ở những điểm nối nhau giữa chiến thuật và chiến lược, nghĩa là lúc chuyển từ sự phân bố tổng quát các lực lượng quân sự sang những cuộc bố trí riêng biệt của giao chiến.

Bây giờ, ta hãy nói đến ba điểm phải giải quyết tức là: *sự phân chia, sự kết hợp các binh chủng và sự sắp đặt* về mặt chiến lược.

1. Sự phân chia

Về mặt chiến lược không bao giờ nên tự hỏi một sư đoàn hay một quân đoàn có bao nhiêu lực lượng nhưng lại phải tự hỏi một quân đội gồm có bao nhiêu quân đoàn và sư đoàn. Không có gì khó điều khiển bằng một quân đội chia làm ba phần, trừ quân đội chia làm hai: Trong tình hình này thì bộ chỉ huy cao nhất gần như bị bó tay.

Người ta có thể tha hồ độc đoán trong công việc xác định lực lượng của những quân đoàn lớn nhỏ trên nền tảng của chiến thuật sơ đẳng hay cao đẳng và chỉ có Trời mới biết được đã có bao nhiêu lý luận khác nhau về vấn đề này. Trái lại, nhu cầu phân chia một tổng thể độc lập ra thành một số bộ phận nào đó là một công việc vừa rõ ràng vừa chính xác và chính vì vậy mà người ta có thể tìm thấy ở đó những lý do chiến lược thực sự để xác định số lượng, nghĩa là lực lượng các đơn vị cao cấp còn lực lượng các đơn vị dưới như đại đội, tiểu đoàn thì do chiến thuật xác định.

Người ta không thể quan niệm được một tổng thể riêng biệt nào – dù nhỏ đến bao nhiêu – mà không phân biệt ở đó ba phần: Một phần ở phía trước và có một phần thì ở lại phía sau. Dĩ nhiên là nói bốn phần thì thực tế hơn nếu ta nghĩ rằng phần giữa phải mạnh hơn hai phần kia vì đó là lực lượng chính.

Nếu như vậy, người ta có thể đi đến tám phần; theo ý chúng tôi, tám phần là phù

hợp nhất cho một quân đội nếu người ta thừa nhận rằng: Cần thiết phải để một phần đi tiền vệ, ba phần cho sức mạnh chính, một phần cho hạt nhân trung tâm và một phần cho sườn trái, hai phần cho dự trữ, một để tuần tra bên phải, một để tuần tra bên trái. Không khoác lác đến nỗi cho những con số và sơ đồ trên có giá trị nhiều lắm, chúng tôi vẫn nghĩ rằng cách sắp đặt chiến lược trên là cách thông thường nhất, phổ biến nhất vì vậy đó cũng là cách phân chia thực tế nhất.

Việc chỉ huy quân đội (cũng như mọi chỉnh thể khác) sẽ dễ dàng hơn nhiều, nếu như vị tổng chỉ huy có nhiều nhất là 3 hay 4 người trực tiếp dưới quyền. Nhưng người tướng thường phải trả giá đắt cho sự thuận tiện đó và trả gấp đôi. Một là, một mệnh lệnh được ban bố, càng phải xuống thang lâu dài thì càng mất tính khẩn trương, tính mạnh mẽ và tính chính xác: Đó là điều xảy ra khi các vị chỉ huy quân đoàn được đặt làm trung gian giữa vị tướng tổng chỉ huy và các vị chỉ huy sư đoàn. Tiếp đó, nếu như các cấp dưới trực tiếp mà cũng có môi trường hoạt động rộng rãi của họ thì vị tướng tổng chỉ huy mỗi lúc lại bị mất đi một phần quyền uy và tác dụng của mình. Một vị tướng chỉ huy 100.000 người chia ra làm tám sư đoàn sẽ có uy lực mạnh mẽ hơn nếu 100.000 người ấy chỉ chia ra làm ba phần. Có nhiều lý do khiến sự việc xảy ra như vậy, nhưng lý do quan trọng nhất là người chỉ huy nào cũng tưởng rằng mình có một thứ quyền lực nào đấy đối với mọi bộ phận của quân đoàn và nếu người ta muốn rút đi một bộ phận trong một thời gian hoặc dài hoặc ngắn thì ông ta chống lại ngay. Chỉ cần có một số kinh nghiệm về chiến tranh cũng đủ tin chắc như thế.

Một mặt khác, số bộ phận không nên nhiều quá nếu không thì sẽ lộn xộn. Từ một tổng hành dinh đã khó lòng điều khiển tám sư đoàn và không nên để cho con số này lớn hơn 10. Nhưng ở một sư đoàn thì phương tiện thi hành mệnh lệnh thường không lớn lắm cho nên con số 4 hay nhiều nhất là 5 thường thường là thích hợp nhất.

Nếu những con số 5 hoặc 10 không đủ, nghĩa là các lữ đoàn trở thành mạnh quá thì phải thành lập bộ chỉ huy quân đoàn; nhưng không thể quên rằng điều này có nghĩa là tạo ra một thứ quyền lực mới: Chính bản thân của quyền lực lập tức hạn chế rất nhiều mọi yếu tố khác.

Nhưng cuối cùng, thế nào là một lữ đoàn quá mạnh? Lẽ thường người ta cho rằng đó là những lữ đoàn từ 2.000 đến 5.000 người và hình như giới hạn ấy có hai lý do chính. Thứ nhất: Một lữ đoàn là một tổ chức có thể do một người điều khiển trực tiếp nghĩa là ở trong tầm tiếng nói. Thứ hai, người ta không thể để cho một số bộ binh đông đảo đến mức độ nhất định mà không có pháo binh và sự kết hợp đầu tiên này giữa các binh chủng cũng đã bắt ta thành lập một bộ phận riêng biệt.

Nhưng chúng ta đừng đi lạc đường vào những điểm chiến thuật quá tế nhị đó và chúng ta cũng hãy tránh vấn đề chưa giải quyết tức là vấn đề: Khi nào và trong tỷ lệ nào cần phải thực hiện sự kết hợp giữa ba binh chủng, phải kết hợp trong phạm vi sư đoàn từ 800 đến 12.000 người hay trong phạm vi quân đoàn từ 20.000 đến 30.000 người. Tuy vậy, những kẻ chống đối kịch liệt nhất của những sự kết hợp này cũng không phủ nhận rằng: Chỉ có kết hợp như thế mới có thể đưa lại tính độc lập cho các đơn vị: Ít nhất thì đối với những đơn vị thường hoạt động biệt lập cũng nên tổ chức

như thế. Một quân đội 200.000 người có thể chia ra làm 10 sư đoàn, mỗi sư đoàn này lại chia ra làm 5 lữ đoàn; như vậy, quân đội đó có những lữ đoàn 4.000 người. Chúng tôi không thấy điều gì mất cân đối trong cách phân chia đó cả. Nói cho đúng, người ta cũng có thể chia quân đội đó ra làm 5 quân đoàn, mỗi quân đoàn chia thành 4 sư đoàn, mỗi sư đoàn chia thành 4 lữ đoàn: Như vậy mỗi lữ đoàn có 2.500 người. Nhưng đứng về mặt lý luận, chúng tôi thấy cách chia thứ nhất tốt hơn vì cách thứ hai thêm một cấp trung gian và 5 đơn vị khớp nhau là một con số không đầy đủ đối với một quân đội: Như thế nó sẽ không thật nhanh nhẹn. Bốn đơn vị cho một quân đoàn cũng thiếu như vậy và một lữ đoàn chỉ có 2.500 người thì yếu quá, với cách phân chia thứ hai người ta sẽ có 80 lữ đoàn còn cách thứ nhất thì chỉ có 50: Làm thế đơn giản hơn. Như vậy, phải chăng người ta phải từ bỏ các thuận lợi trên chỉ vì cần phải có điều kiện để trao mệnh lệnh cho một số vị tướng ít hơn một nửa? Dĩ nhiên, việc phân chia ra quân đoàn lại càng không nên làm đối với những quân đội nhỏ.

Đó là phương diện trừu tượng của vấn đề. Mỗi trường hợp riêng biệt có thể có những lý do chủ chốt đề giải quyết vấn đề một cách khác nhau. Phải thừa nhận rằng: Ít hoặc 10 sư đoàn tập trung trên địa hình bằng phẳng thì có thể chỉ huy được, nhưng trên địa hình rừng núi quá rộng thì không thể làm như thế. Khi quân đội bị sông rộng cắt ra làm hai thì mỗi bên phải có chỉ huy riêng. Nói tóm lại, có hàng trăm trường hợp cục bộ và ngoại lệ có tính chất bắt buộc các quy tắc trừu tượng phải nhường bước.

Nhưng dầu sao đi nữa, kinh nghiệm cũng dạy ta rằng: Thường thường những lý do trừu tượng lại hay có ưu thế và ít khi chúng bị đẩy lùi vì những lý do khác.

Chúng tôi tự cho phép mình trình bày một bản tóm tắt của toàn thể các nhận định trên bằng cách rút gọn những điểm chính: Chúng tôi cần phải nói rõ rằng: Khi dùng danh từ *bộ phận của một chỉnh thể*, chúng tôi chỉ muốn nói đến những bộ phận của sự phân chia thứ nhất, nghĩa là chúng tôi chỉ nói đến những bộ phận trực tiếp phụ thuộc.

1. Một tổng thể ít bộ phận quá thì sẽ thiếu linh hoạt.

2. Nếu các bộ phận của tổng thể lớn quá thì sẽ làm giảm sức mạnh của cấp chỉ huy cao nhất.

3. Một mệnh lệnh qua mỗi cấp thường bị yếu đi bởi hai lý do:**[136]** thứ nhất, nó mất sức mạnh vì cấp trung gian gây ra; thứ hai, vì mất thêm thời gian chuyền mệnh lệnh.

Nói tất cả những điều trên cốt để chỉ ra rằng: Số lượng các bộ phận cũng tồn tại trong một đơn vị càng lớn thì càng tốt, số lượng cấp trung gian càng ít thì càng tốt, chỉ trừ có một hạn chế: Trong một quân đội, số lượng đơn vị nhiều nhất, thuận tiện nhất cho việc cai quản là 8 hoặc 10, đối với những đơn vị nhỏ hơn thì con số này rút xuống nhiều nhất là 4 hay 6.

2. Sự kết hợp các binh chủng

Về chiến lược, sự kết hợp các binh chủng trong việc bố trí tác chiến chỉ quan trọng đối với các bộ phận thường được sử dụng ở các vị trí độc lập. Dĩ nhiên, những thành

viên của các cấp thứ nhất nghĩa là các quân đoàn và sư đoàn, và phần nhiều *chỉ có cấp này mà thôi*, phải chiếm những vị trí tách biệt, vì các loại vị trí đó thường thường bao hàm ý niệm và nhu cầu của một tổng thể (chúng tôi sẽ nói lại vấn đề này sau).

Nói cho thật chính xác, chiến lược chỉ đòi hỏi sự kết hợp thường xuyên các binh chủng ở cấp quân đoàn, hoặc ở cấp sư đoàn (nếu không có quân đoàn) và đối với những đơn vị thấp hơn thì chỉ cần kết hợp theo nhu cầu của từng lúc.

Nhưng những quân đoàn quan trọng (từ 30.000 đến 10.000 người) thì ít khi có thể đóng ở một vị trí duy nhất: Điều này rất dễ hiểu. Đối với những quân đoàn này, sự kết hợp binh chủng ở cấp sư đoàn là cần thiết. Chỉ những ai không có một tí kinh nghiệm thực tế nào về chiến tranh mới coi nhẹ thời gian cần thiết khi phái quân đội đi chiến đấu một cách khẩn cấp, khi một đạo kỵ binh phải đi giúp sức bộ binh ở một địa điểm đôi lúc khá xa, đó là chưa nói đến sự lộn xộn xảy ra trong những trường hợp tương tự.

Sự kết hợp tỉ mỉ của ba binh chủng phải đến mức nào, chặt chẽ đến mức nào và theo một tỷ lệ nào, mỗi binh chủng phải giữ lại bao nhiêu quân dự bị, dự trữ bao nhiêu vũ khí các loại – tất cả những vấn đề ấy thuần túy thuộc về chiến thuật.

3. Sự sắp đặt

Các bộ phận của quân đội được bố trí để tác chiến theo những chỉ dẫn về sự phân phối trong không gian: Những chỉ dẫn này thuộc phạm trù thuần túy chiến thuật và chỉ phụ thuộc vào chiến dịch. Dĩ nhiên, cũng có một sự sắp đặt chiến lược nhưng nó hầu như hoàn toàn phụ thuộc vào quyết định và nhu cầu của từng lúc và trong định nghĩa của danh từ "bố trí tác chiến" không có yếu tố lý luận của bố trí chiến lược. Vì vậy, chúng tôi sẽ nói về vấn đề này vào một lúc khác dưới đề mục "sắp đặt quân đội".

Như vậy, sự bố trí tác chiến của quân đội là sự phân chia và sắp đặt quân đội trong một tổng thể sẵn sàng chiến đấu. Các bộ phận kết hợp với nhau để có thể thỏa mãn được dễ dàng những đòi hỏi về chiến thuật và chiến lược của từng lúc bằng cách sử dụng một số bộ phận rút ra từ tổng thể. Một khi mà nhu cầu của từng lúc không còn nữa thì các bộ phận lại trở về chỗ cũ. Như vậy, sự bố trí tác chiến trở thành bước đầu tiên và nền tảng của cái phương pháp mầu nhiệm đó: Nó giống như một quả lắc điều hòa toàn bộ công trình chiến tranh, như chúng tôi đã nói đến ở chương 4, tập II.

Chương 6. SỰ BỐ TRÍ TỔNG QUÁT CỦA QUÂN ĐỘI

Từ lúc các lực lượng quân sự tập hợp lần đầu tiên đến lúc quyết định (trong đó chiến lược đã chỉ rõ cho quan đội biết điểm mấu chốt, và chiến thuật đã quy định cho mỗi một bộ phận vị trí và chức năng của mình) hầu như khi nào cũng có một khoảng cách lớn; giống như khi đi từ một tai họa quyết định này đến một tai họa khác.**[137]** Thời xưa, ngay cả những khoảng cách này cũng không phải là một hộ phận của chiến tranh. Muốn biết rõ và chắc chắn điều đó thì cần phải xem hầu tước Luxembourg đã cho đồn trú và hành quân bằng cách như thế nào. Chúng tôi nhắc tên của vị tướng ấy vì các cách đồn trú và hành quân của ông ta đã làm cho ông ta nổi tiếng, và có thể nói ông ta là đại biểu của thời đại mình về mặt này, quyển "Lịch sử vùng Flandre quân sự" bổ ích hơn tất cả những điều dạy bảo của các vị tướng khác trong thời đại ấy.

Ngày xưa, việc đồn trú luôn luôn dựa vào một con sông, một vùng đồng lầy hoặc một thung lũng sâu; bây giờ mà cũng làm như thế thì người ta cho là ngu ngốc. Thời xưa, trong lúc quyết định thành lập các mặt trận người ta không kể đến hướng đóng quân của địch đến nỗi nhiều khi địch ở ngay sau lưng ta trong lúc mặt trận lại hướng về phía tổ quốc mình. Hiện nay người ta không thể tưởng tượng được cách làm như thế nữa. Chỉ có thể hiểu được cách này nếu như người ta lấy tiện lợi làm chính (có khi lại cho nó là quyết định nhất) và vì vậy, tình hình bên trong nơi đồn trú phải được coi như một cái gì ngoài hành vi chiến tranh, phải coi nó như một cái gì xảy ra trong hậu trường (nếu như người ta có thể nói như thế) và người ta cũng không cần chú ý đến để làm gì. Người ta chỉ thi hành một biện pháp an toàn độc nhất, đó là: Luôn luôn dựa vào một vật chướng ngại; cũng phải hiểu biện pháp này theo hướng chỉ đạo chiến tranh thời bấy giờ vì một biện pháp như thế hoàn toàn không phù hợp với khả năng phải giao chiến ở ngay bên trong nơi đồn trú. Nói cho đúng thì nguy cơ này không lớn lắm vì các cuộc giao chiến phần nhiều dựa vào một quy ước mặc nhiên: Giống như một cuộc đấu tay đôi mà hai bên đều đến một nơi thuận lợi. Vì các quân đội không phải là có thể chiến đấu được ở trong bất kỳ vùng nào – một phần vì kỵ binh quá đông: Thời ấy, nhất là đối với người Pháp, khi kỵ binh đã đến lúc hết thời, nó vẫn được coi như binh chủng chủ yếu của quân đội, một phần vì cách bố trí tác chiến không thuận lợi – người ta ở trong vùng có địa hình hiểm trở, hầu như được một vùng trung lập che chở. Và vì bản thân quân đội cũng không thể lợi dụng vùng đất hiểm trở, người ta lại chọn cách đến gặp địch đã sẵn sàng tác chiến, chúng ta biết rằng các chiến dịch của hầu tước Luxembourg ở Fleurus, Stienkirk và Neerwinden đã được nhận thức theo một tinh thần khác; nhưng chính nhờ vị tướng vĩ đại này nên tinh thần trên mới thoát ra khỏi những phương pháp cũ mà vẫn chưa tác động gì đến phương pháp đồn trú. Vì chính những hành động quyết định mới luôn luôn đưa đến những thay đổi trong nghệ thuật chiến tranh, và nhờ vậy, những hành động khác mới dần dần thay đổi. Câu: *anh ta đi tác chiến* dùng để chỉ một người dân binh đi quan sát kẻ địch, đã nói lên khá rõ rằng: Một quân đội đang đồn trú không được coi như là ở

trong tình trạng chiến tranh.

Về vấn đề hành quân, công việc xảy ra cũng không khác lắm: Pháo binh tách ra khỏi quân đội để sử dụng những con đường tốt nhất, chắc chắn hơn và các sườn của kỵ binh lần lượt đi ở bên phải vì không ai muốn mất cái vinh dự ấy cả.

Hiện nay, nhất là từ khi có các cuộc chiến tranh Silesia, tình hình ở bên ngoài cuộc giao chiến thấm vào tất cả những cái gì xảy ra trong giao chiến và chúng liên quan chặt chẽ với nhau đến nỗi người ta không thể quan niệm được tình hình này mà không nghĩ đến tình hình kia. Trước đây, giao chiến là dụng cụ thực sự và ta có thể nói, tình hình ở bên ngoài cuộc giao chiến chỉ là cái cán của dụng cụ; vấn đề kia là lưỡi thép sắc bén, vấn đề này là cái tay cầm bằng gỗ; như vậy, tổng thể gồm có nhiều bộ phận không đồng nhất. Nhưng hiện nay, giao chiến là phần sắc bén của lưỡi dao; tình hình ở bên ngoài giao chiến là phần sống dao; tất cả đều là một thứ kim loại hàn chặt với nhau đến nỗi người ta không thể phân biệt được đâu là sắt và đâu là thép.

Hiện nay nhiều thể chế và điều lệnh quân sự đã chính thức hóa tình trạng chiến tranh ngoài giao chiến nói trên: Quân đội trong thời bình cũng được huấn luyện theo các thể chế và điều lệnh đó nhưng một phần khác lại theo các thủ đoạn chiến thuật và chiến lược từng lúc. Như vậy, quân đội có thể ở trong ba tình huống khác nhau: Doanh trại, hành quân và đồn trú. Ba tình huống này đều thuộc về chiến thuật cũng như về chiến lược: Hai phạm trù này rất nhiều khi gần nhau, nhưng nhiều khi hình như lại giẫm lên nhau và trùng lặp thật sự với nhau đến nỗi nhiều cách sắp đặt có thể vừa là chiến thuật lại vừa là chiến lược.

Chúng ta hãy đứng về một quan điểm chung để xem xét ba hình thái tồn tại bên ngoài giao chiến nói trên, khi gắn liền vào đấy những mục đích đặc biệt mà các hình thái ấy phục vụ. Để làm việc này, trước tiên là phải nói kỹ đến sự sắp đặt tổng quát các lực lượng quân sự: Sự sắp đặt này là một sự phối hợp cao cấp hơn đối với các đồn trại, các cuộc hành quân và các cuộc đồn trú.

Nếu từ một quan điểm chung, chúng ta xem xét sự sắp đặt các lực lượng vũ trang, nghĩa là chúng ta không kể đến những mục tiêu riêng biệt của nó, thì chúng ta không thể không xem sự sắp đặt này như là một thể thống nhất, nghĩa là như *một chỉnh thể dùng trong tác chiến hiệp đồng*; vì hễ đi chệch ra khỏi hình thái đơn giản nhất này thì mặc nhiên là có một mục tiêu đặc biệt rồi. Chính từ đó mà nảy sinh ra khái niệm về quân đội dầu nó lớn hoặc nhỏ đến bao nhiêu cũng vậy.

Thứ nữa, nếu không có mục tiêu đặc biệt nào cả thì chỉ còn một mục tiêu đáng kể đó là sự sống còn, tức là sự an toàn của quân đội. Như vậy, hai điều kiện chính yếu là: 1) quân đội phải tồn tại, và 2) cùng tác chiến mà không có điều bất lợi nào đặc biệt cả, ứng dụng vào sự tồn tại và an toàn chính xác hơn của quân đội, hai điều kiện đó gợi ta suy nghĩ về những điểm sau đây:

1. Tiếp tế dễ dàng.
2. Bộ đội ẩn nấp dễ dàng.
3. Hậu phương an toàn.
4. Phía trước mặt có khoảng trống.

5. Tự xây dựng vị trí ở địa hình hiểm trở.

6. Có những điểm tựa chiến lược.

7. Phân bố bộ đội thích hợp.

Sau đây là những lời bình luận của chúng tôi về những điểm ấy.

Hai điểm đầu bắt ta phải chọn những vùng trồng trọt các thành phố lớn và những con đường lớn. Đó là những biện pháp tổng quát hơn là riêng biệt.

Những điều chúng tôi hiểu về sự an toàn của hậu phương đều rút ra từ những điều đã có trong chương nói về các tuyến giao thông. Về mặt này, điểm đầu tiên và điểm quan trọng nhất là vị trí phải thẳng góc với đường rút lui chủ yếu và gần nhất của vị trí.

Còn về điểm thứ tư, hiển nhiên là một quân đội không thể nhìn bao quát một miếng đất nào đó như nó nhìn chính mặt trận của mình bố trí theo đội hình chiến thuật để tác chiến. Nhưng những đội tiền vệ, những đội trinh sát, những điệp viên v.v. Đều phục vụ trong lúc xem xét chiến lược và đối với họ việc quan sát ở vùng đất trống dĩ nhiên là dễ dàng hơn ở vùng đất bị che khuất.

Điểm thứ năm chỉ là mặt trái của điểm thứ tư.

Các điểm tựa chiến lược khác các điểm tựa chiến thuật ở hai mặt: Trước hết là quân đội không cần tiếp xúc trực tiếp với các điểm tựa chiến lược, sau nữa: Các điểm tựa chiến lược phải rộng rãi hơn nhiều. Sở dĩ như thế là vì chiến lược đương nhiên phải vận động trong những điều kiện không gian và thời gian rộng rãi hơn chiến thuật. Bởi vậy, khi một quân đội đến chiếm vị trí cách bờ biển hoặc bờ một con sông lớn một dặm thì về mặt chiến lược nó đã dựa vào những điểm này vì đó là những khoảng không gian mà kẻ địch không thể sử dụng để vu hồi chiến lược được. Kẻ địch không thể phiêu lưu nhiều ngày và nhiều tuần trong những vùng ấy vì phải hành quân không biết đến bao nhiêu dặm. Một mặt khác, đứng về chiến lược mà nói, một cái hồ chu vi độ vài ba dặm thì hầu như không phải là một vật chướng ngại; do tính chất của môi trường hoạt động của nó nên nếu có thêm vài dặm bên phải hay bên trái thì cũng không có gì đáng kể lắm. Những pháo đài nào càng quan trọng và các cuộc hành quân tiến công từ đó càng tỏa ra rộng rãi thì những pháo đài ấy càng trở thành điểm tựa chiến lược.

Việc bố trí quân đội thành từng cụm là do các mục tiêu và các nhu cầu riêng hoặc chung quyết định.

Sau đây, chúng tôi chỉ nói đến cách bố trí này mà thôi.

Sự cần thiết đầu tiên có tính phổ biến là đưa bộ phận tiền vệ ra phía trước cùng một lúc với những đạo quân khát có nhiệm vụ quan sát địch.

Sự cần thiết thứ hai là: Trong các quân đội rất lớn, đội dự bị thường thường được bố trí ở phía sau, xa nhiều dặm đường, nghĩa là ở những vị trí tách biệt hẳn.

Cuối cùng, việc yểm trợ cho hai bên sườn của quân đội thường hay đòi hỏi những đạo quân đặc biệt được bố trí riêng rẽ.

Yểm trợ như vậy không có nghĩa là người ta sẽ tách một bộ phận quân đội để bảo vệ khoảng không gian xung quanh sườn (để cho quân địch không thể đụng chạm đến

cái điểm gọi là yếu ấy) vì như thế thì rồi ai sẽ bảo vệ sườn của cái sườn ấy? Cách xem xét vấn đề như vậy rất phổ biến và hoàn toàn vô lý. Bản thân cái sườn không phải là những điểm yếu của một quân đội bởi lý do rất đơn giản là quân đội địch cũng có sườn và lúc họ đe dọa sườn của chúng ta thì sườn của họ cũng bị đe dọa. Chỉ khi nào có tình hình rất phức tạp và phân tán, khi quân đội địch có ưu thế hơn ta, khi đường giao thông của địch tốt hơn đường giao thông của ta (xem “đường giao thông”) thì bấy giờ phía sườn mới dễ bị đánh.

Nhưng ở đây không phải nói đến những trường hợp ngoại lệ này và vì vậy không nói đến những trường hợp trong đó một đạo quân trắc vệ, ngoài các nhiệm vụ khác lại còn có nhiệm vụ thực sự bảo vệ phía sườn của chúng ta. Vì điều đó không thuộc phạm trù của những sắp đặt tổng quát nữa.

Tuy hai bên sườn không phải là những bộ phận đặc biệt yếu, nhưng nó lại là những bộ phận đặc biệt quan trọng, bởi lẽ có thể có những cuộc vận động vu hồi (của đối phương – ND) nên việc đề kháng không đơn giản như ở mặt trước; các biện pháp trở nên phức tạp hơn, đòi hỏi nhiều thì giờ và phải chuẩn bị kỹ hơn. Những điều đó giải thích tại sao trong phần lớn trường hợp, hai bên sườn cần được bảo vệ một cách đặc biệt nhằm chống những âm mưu đánh bất ngờ của địch; để làm việc này người ta đặt những tập đoàn rất lớn ở bên sườn, mà mới nhìn qua thì thấy không cần đến như thế. Những tập đoàn đó càng lớn thì kẻ địch càng cần có thì giờ để triển khai lực lượng và bộc lộ ý đồ của họ, kể cả trong trường hợp những tập đoàn nói trên không kháng cự được bao nhiêu. Như vậy tức là mục tiêu đã đạt. Các kế hoạch đặc biệt của từng lúc quyết định công việc sẽ phải làm sau này. Những đạo quân bố trí ở bên sườn có thể được coi như những bộ phận tiền vệ được sử dụng nhằm làm cho địch phải tiến quân chậm lại trong khoảng không gian rộng ở bên ngoài cánh sườn của chúng ta, khiến cho chúng ta có thì giờ bố trí chống lại cuộc vận động của địch.

Nếu những đạo quân đó cần phải rút lui và nhập vào đạo quân chính trong lúc đạo quân này không đồng thời lùi lại thì dĩ nhiên không nên bố trí các đạo quân trên (đạo quân ở hai bên sườn – ND) ngang hàng với đạo quân chính mà nên, đưa quá lên phía trước một chút, vì phải hết sức tránh một cuộc rút lui hoàn toàn ở cả hai bên vị trí, kể cả trong trường hợp rút lui không xảy ra cuộc giao chiến thực sự nào cả.

Vì những lý do bên trong ấy quyết định sự bố trí phân tán nên mới nảy sinh ra một hệ thống tự nhiên gồm bốn hoặc năm bộ phận tách rời nhau, tùy theo các đội dự bị có ở gần đạo quân chính hay không.

Vấn đề tiếp tế và chỗ ở của quân lính đã ảnh hưởng đến việc bố trí thành các bộ phận tách rời.

Chúng cũng biểu hiện ra các yếu tố mới thêm vào những nguyên nhân chúng tôi đã nói trước và nhất định người ta sẽ tìm cách thỏa mãn lối bố trí này mà không ảnh hưởng gì đến lối bố trí kia. Việc chia quân đội ra làm năm đạo quân riêng biệt cho phép ta vượt được khó khăn về tiếp tế và chỗ ở; vì các yếu tố này không dẫn đến những thay đổi lớn.

Năm đạo quân ấy phải bố trí cách xa nhau bao nhiêu nếu chúng cần ủng hộ lẫn

nhau, nghĩa là cần phải tác chiến chung: Đó là vấn đề cuối cùng mà ta cần phải xem xét. Về vấn đề này, chúng tôi để nghị xem lại, những điều đã trình bày ở các chương nói về quyết định và thời hạn giao chiến, hai vấn đề này không có cách trả lời có giá trị tuyệt đối vì lực lượng tuyệt đối và tương đối, vũ khí và đất đai giữ một vai trò rất lớn. Vì vậy, người ta chỉ có thể đưa ra những câu trả lời rất chung, đáp ứng được những giá trị trung bình.

Khoảng cách của đội tiền vệ là cái dễ quy định nhất. Khi rút lui nó sẽ nhập về với toàn quân, bởi vậy khoảng cách này chỉ nên quá một ngày đường là nhiều nhất; như thế đội tiền vệ sẽ không có nguy cơ phải tác chiến cô lập. Khoảng cách ấy cũng không thể xa quá, dễ ảnh hưởng đến việc đảm bảo an toàn của toàn quân vì đạo tiền vệ càng phải rút lui trên một đoạn đường dài thì càng phải chịu thiệt hại nhiều.

Về các đạo quân bố trí bên sườn, một cuộc giao chiến của một sư đoàn bình thường từ 8.000 đến 10.000 người khi nào cũng kéo dài nhiều giờ (có khi đến nửa ngày) cho đến khi có quyết định: Vì vậy người ta không ngần ngại khi đặt sư đoàn này cách 1 hay 2 dặm (độ mấy giờ đi đường) và cũng vì những lí do trên, ta nên để những đạo quân 3, 4 sư đoàn cách xa một ngày đường, nghĩa là độ 3 hoặc 4 dặm.

Dựa trên bản chất của sự vật để phân chia quân đội ra thành bốn hay năm bộ phận cách nhau từng khoảng nhất định, sẽ nảy sinh ra một thứ phương pháp chủ nghĩa, nó mặc nhiên sẽ chia quân đội ra làm nhiều phần nếu không có những mục tiêu đặc biệt can thiệp vào.

Mặc dù chúng tôi giả định rằng mỗi bộ phận riêng biệt có thể giao chiến độc lập và thực sự, việc bố trí theo từng bộ phận riêng biệt vẫn không phải là để nhằm vào mục đích giao chiến tách biệt, sự cần thiết của việc bố trí như vậy phần nhiều chỉ là điều kiện tồn tại do thời gian bắt buộc, Nếu kẻ địch tiến lại gần và bắt ta đi đến quyết định bằng cách giao chiến toàn bộ thì giai đoạn chiến lược đã vượt lên, và tất cả đều nhập vào một khoảnh khắc độc nhất: Khoảnh khắc tác chiến; khoảnh khắc này chấm dứt và hủy bỏ các lí do của việc bố trí tách biệt. Khi tác chiến bắt đầu thì những ý kiến về doanh trại và về tiếp tế chấm dứt; việc quan sát kẻ địch ở mặt trân và ở phía sườn, việc kháng cự vừa phải của ta đã làm cho đà tiến của địch suy yếu, tất cả những điều ấy đã có hiệu quả và tất cả đều tập trung vào một đơn vị lớn, thống nhất: Đó là trận đánh chính. Tiêu chuẩn tốt nhất để đánh giá cho sự sắp đặt theo bộ phận tách biệt là xét xem sự việc có xảy ra như thế không? Nghĩa là phải chăng ta sắp đặt như thế chỉ vì đó là một điều kiện, một việc bất đắc dĩ cốt để hiệp đồng tác chiến, mục đích cuối cùng của cách sắp đặt đó.

Chương 7. TIỀN VỆ VÀ TIỀN TIÊU

Các sợi chỉ chiến thuật và chiến lược thường hay lẫn lộn ở hai vấn đề tiền vệ và tiền tiêu nói trên.

Một mặt thì phải coi chúng như những cách bố trí làm cho giao chiến được hình thành và đảm bảo cho các đề án được thực hiện; một mặt khác thì chúng lại thường là nguyên nhân của nhiều cuộc giao chiến độc lập, và vị trí của chúng cách xa (nhiều hay ít) đạo quân chính làm cho chúng trở thành một mắt xích của sợi dây chuyền chiến lược. Chính vị trí đó là buộc chúng tôi chú ý đến chúng trong một vài đoạn để bổ sung cho chương trước.

Đạo quân nào chưa hoàn toàn sẵn sàng tác chiến cũng cần một đội quân tiền vệ để phát hiện ra địch trước lúc thấy nó vì phần nhiều tầm mắt của quân đội không vượt quá tầm hiệu quả của vũ khí bao nhiêu. Nếu như tầm mắt của một người không vượt quá tầm với của cánh tay thì con người ấy còn giá trị gì? Tiền tiêu là con mắt của quân đội, ngày xưa người ta đã nói như thế. Nhưng nhu cầu đó không phải bao giờ cũng như nhau mà có mức độ của nó. Lực lượng và quy mô của quân đội, cự ly thời gian, địa điểm, tình huống, tính chất chiến tranh, thậm chí cả sự ngẫu nhiên đều có ảnh hưởng đến nhu cầu đó. Bởi vậy, vấn đề sử dụng tiền tiêu không xuất hiện trong lịch sử quân sự bằng những nét đơn giản và nổi bật, mà bằng một mớ hỗn độn trong đó, có rất nhiều trường hợp khác nhau: Điều đó không có gì là lạ cả.

Người ta thấy rằng sự an toàn của quân đội lúc thì được giao phó cho một đạo quân tiền vệ nhất định, lúc thì giao phó cho một tuyến dài gồm nhiều đồn tiền tiêu riêng lẻ; có khi cả hai thứ đều tồn tại, có khi cả hai thứ đều không có, khi thì tất cả các đạo quân đang hành quân có một đội tiền vệ, khi thì mỗi đạo quân lại có một đội riêng. Chúng ta hãy thử quan niệm vấn đề trên một cách rõ ràng hơn rồi thử rút gọn các quan niệm ấy vào một số nguyên tắc có thể ứng dụng được.

Khi một đạo quân đang đi, một phân đội lớn hay nhỏ làm tiền vệ cho nó; nếu đi ngược trở lại thì phân đội này sẽ làm hậu vệ. Nếu quân đội đang ở trong doanh trại hoặc đang đồn trú thì tiền vệ là một tuyến gồm nhiều đồn nhỏ, *các đồn tiền tiêu,* Lúc dừng lại, người ta có thể và phải kiểm soát một khoảng không gian rộng lớn hơn khi quân đội đang đi, điều đó rất tự nhiên; cho nên trong lúc dừng lại, tất nhiên là người ta nghĩ đến một tuyến nhiều đồn; còn trong trường hợp hành quân người ta nghĩ đến một đạo quân đông đặc.

Mức độ lực lượng bên trong của đội tiền vệ cũng như của các đồn tiền tiêu rất khác nhau; nó có thể đi từ một đạo quân lớn gồm ba binh chủng, cho đến một trung đoàn lính phiêu kỵ, nó cũng có thể đi từ một tuyến phòng ngự gồm binh lính của ba binh chủng có công trình phòng ngự vững mạnh cho đến đôi ba người lính canh và một toán kỵ binh nhỏ từ nơi đồn trú được phái đi tuần tra. Như vậy, mục tiêu của những đội tiền tiêu ấy đi từ quan sát đơn thuần đến kháng cự thật sự, cuộc kháng cự đó không những tạo điều kiện cho đạo quân chính có thì giờ chuẩn bị tác chiến mà

còn buộc kẻ địch phải bộc lộ sớm kế hoạch và ý đồ của mình: Như vậy, đồn tiền tiêu có thể đưa việc quan sát lên một mức độ cao hơn.

Trong tất cả các tướng lĩnh thì Frederick Đại đế là người biết chuẩn bị trận đánh tốt nhất. Ngài thường dẫn quân đội đi tác chiến chỉ bằng khẩu lệnh thông thường (và hầu như không bằng cái gì khác). Chính Ngài lại không cần những đồn tiền tiêu mạnh. Vì vậy, người ta thấy Ngài cho quân đồn trú rất gần và ngay cả ở trước mặt địch; Ngài không ưa mọi bộ máy cồng kềnh cho nên, để đảm bảo an toàn, khi thì Ngài dùng một trung đoàn lính phiêu kỵ, khi thì Ngài chỉ dùng một tiểu đoàn khinh binh, một vài đội cảnh vệ đi trước hoặc một vài tiểu đội rút ra từ quân đội đồn trú. Trong hành quân, đội tiền vệ gồm vài nghìn ngựa thuộc đoàn kỵ binh bên sườn của tuyến đầu: Khi hành quân kết thúc thì đội tiền vệ này cũng nhập vào đạo quân chính. Ít khi Ngài sử dụng một đạo quân thường trực dùng làm tiền vệ.

Khi một đạo quân nhỏ muốn sử dụng toàn bộ trọng lượng và toàn bộ sức mạnh của đà tiến của mình do có kỷ luật cao hơn và cấp chỉ huy có nghị lực hơn thì hầu như nó lúc nào cũng phải hành động *trước mũi kẻ địch* như Frederick đã làm trong chiến dịch chống tướng Daun. Bố trí bộ đội một cách quá thận trọng, một hệ thống đồn tiền tiêu phức tạp có thể làm cho ưu thế của Ngài bị tiêu tan. Lúc ứng dụng hệ thống này, Ngài có thể phạm sai lầm hoặc thái quá như ở Hochkirch nhưng điều đó không hề bác bỏ luận điểm này; hơn nữa, chúng ta phải nói rằng: Nhà vua phải là bậc thầy thì trong toàn bộ các cuộc chiến tranh Silesia mới chỉ xảy ra có một trận Hochkirch mà thôi.

Trái lại, tuy quân đội của Bonaparte không phải là không mạnh mẽ, bản thân ông ta cũng không phải là không có nghị lực, nhưng lúc hành quân, hầu như bao giờ ông ta cũng cho một đội tiền vệ mạnh đi trước. Ông ta làm như thế là vì hai lí do.

Lý do thứ nhất nằm trong sự thay đổi về chiến thuật. Quân đội không thể được chỉ đạo như một tổng thể và khẩu lệnh đơn thuần của bộ chỉ huy nữa. Không thể giải quyết vấn đề như một trận đấu tay đôi rộng lớn chỉ cần khéo léo và anh dũng ít nhiều. Ngày nay, người ta làm cho các lực lượng quân sự thích ứng với đặc điểm của địa hình và tình hình tốt hơn trước nhiều; việc bố trí tác chiến và do đó các trận đánh đã trở thành những tổng thể rất khớp nhau, đến nỗi một quyết định đơn giản cũng trở thành một kế hoạch phức tạp và các mệnh lệnh của bộ chỉ huy cũng phải được chuẩn bị khá lâu. Điều này đòi hỏi phải có thời gian và nhiều ngày định trước.

Lý do thứ hai nằm trong quy mô lớn của các quân đội hiện đại; Frederick đưa từ hai mươi tới bốn mươi nghìn người ra tác chiến., còn Bonaparte thì sử dụng từ một trăm tới hai trăm nghìn người.

Chúng tôi đã chọn hai ví dụ trên chính là vì người ta có thể nghĩ rằng: Những vị tướng như thế mà đã dùng đến những biện pháp rõ nét như thế thì không phải là không có lí do xác đáng. Nói chung, trong các cuộc chiến tranh hiện đại, việc sử dụng các đội tiền vệ và các đồn tiền tiêu đã phát triển rất nhiều; nhưng trong các cuộc chiến tranh ở Silesia, không phải ai cũng hành động như Frederick Đại đế vì người Áo có một hệ thống tiền tiêu mạnh hơn nhiều và họ thường cho đội tiền vệ mạnh đi

trước: Họ làm như vậy là rất hợp lý (trong điều kiện và tình hình của họ).

Các cuộc chiến tranh hiện đại có rất nhiều điểm khác nhau như vậy. Chính các thống chế Pháp MacDonald ở Silesia, Oudinot và Ney ở Brandenburg tiến quân với những binh đoàn 60.000, 70.000 người mà không hề nói đến một đội tiền vệ nào cả.

Cho đến bây giờ, chúng tôi mới nghiên cứu vấn đề tiền vệ và tiền tiêu dưới góc độ số lượng, nhưng chúng tôi lại còn cần phải làm sáng tỏ thêm một điểm khác nhau nữa. Khi một đội quân tiến lên hoặc lùi lại trên một chiều rộng nào đó đều có thể có một đội tiền vệ hoặc hậu vệ chung cho tất cả các cánh quân đi cạnh nhau, hoặc nó cũng có thể có một đội tiền vệ hoặc hậu vệ riêng cho từng cánh quân.

Để có thể hiểu rõ ràng hơn vấn đề này, cần phải trình bày như sau: Nói cho cùng, nếu như có một đội quân mang tên là đội tiền vệ thì nó cũng chỉ nhằm đảm bảo an toàn cho đội quân chính đi ở giữa. Nếu đạo quân chính là đi trên nhiều đường khó gần nhau, và cũng do nó bảo vệ thì dĩ nhiên các đạo quân bên sườn cũng không cần có sự yểm trợ riêng biệt.

Trái lại, những đạo quân đi cách xa nhau thành những cánh quân thực sự riêng biệt thì phải tự lo liệu lấy đội tiền vệ của mình. Đối với những đạo quân tuy thuộc vào đội quân đi giữa nhưng lại cách xa quá nhiều vì đường xá bất thần theo một hướng khác thì cũng phải tự lo lấy như thế. Như vậy, quân đội tiến lên bằng bao nhiêu cánh quân tách biệt và song song với nhau thì có bấy nhiêu đội tiền vệ. Tuy nhiên, nếu mỗi đội tiền vệ này quá yếu so với một đội được thành lập chung thì chúng sẽ rơi ngay vào phạm trù bố trí chiến tranh và sẽ không còn có thể có mặt trong bản đồ chiến lược được nữa. Nhưng nếu đạo quân chính ở giữa có đội tiền vệ lớn hơn rất nhiều thì đội này sẽ là tiền vệ của toàn quân về rất nhiều mặt.

Nhưng vì lí do gì đạo quân ở giữa lại có đội tiền vệ mạnh hơn là ở hai bên sườn? Vì ba lí do sau đây:

1. Vì khối lượng binh lính ở đạo quân đi giữa thường lớn hơn.

2. Vì điểm trung tâm của một khu vực mặt trận hiển nhiên là điểm quan trọng nhất; các kế hoạch đều liên quan nhiều đến điểm này và chính nó cũng gần chiến trường hơn là hai bên sườn.

3. Vì một đạo quân được xếp lên đầu của bộ phận ở giữa tuy không che chở trực tiếp cho các bộ phận bên sườn như một đội tiền vệ chính cống nhưng cũng gián tiếp giúp cho nó giữ an toàn rất nhiều. Thật vậy, thường thường kẻ địch không thể vượt quá xa một cánh quân như thế để đánh mạnh đến một mức độ nào đó vào sườn, vì nếu kẻ địch làm như thế thì có nguy cơ bị đánh vào sườn và vào phía sau. Tuy dùng một đạo quân đi giữa để hãm địch không đủ bảo đảm an toàn tuyệt đối cho hai bên sườn, nhưng nó cũng vẫn có thể làm cho phía sườn tránh được rất nhiều nguy hiểm.

Nếu đội tiền vệ đi giữa mạnh hơn đội tiền vệ bên sườn, nghĩa là gồm có một đội quân đặc biệt đi trước thì nó không những chỉ làm nhiệm vụ tiền vệ thông thường là bảo đảm cho bộ đội đi sau khỏi bị tiến công bất ngờ, mà với tư cách là quân đi trước nó còn có ý nghĩa chiến lược chung.

Tác dụng của một cánh quân như thế có thể rút gọn vào những điểm sau, những điểm này cũng đồng thời xác định việc sử dụng cánh quân ấy:

1. Cánh quân ấy có thể kháng cự mạnh mẽ hơn trong trường hợp các cách bố trí của ta đồi hởi nhiều thì giờ; vì nó lại bắt kẻ địch đang tiến công phải thận trọng hơn, nó có thể dùng để nhân lên gấp bội các cố gắng của một đội tiền vệ bình thường.

2. Khi đạo quân ở giữa quá đông đảo, nó có tác dụng giữ cái khối lượng nặng nề ấy ở cách xa địch mà bên ta vẫn có thể có một đạo quân cơ động ở gần địch.

3. Nó còn dùng để giữ một đạo quân quan sát ở gần địch nếu vì những lí do khác, đạo quân chính buộc phải ở xa quân địch.

Cho rằng một đài quan sát yếu ớt, một người dân bình thường cũng có thể làm tốt nhiệm vụ này là ý kiến sai lầm; vì họ có thể bị đuổi đi một cách dễ dàng và phương tiện quan sát của nó kém cỏi biết bao nhiêu so với một đạo quân lớn.

4. Trong lúc truy kích địch một bộ phận bình thường của đội tiền vệ kết hợp với đại bộ phận kỵ binh cho phép ta vận động nhanh hơn, ban đêm có thể nghỉ tại chỗ lâu hơn và buổi sáng có thể sẵn sàng chiến đấu sớm hơn khi ta sử dụng toàn bộ quân đội.

5. Cuối cùng, đạo quân đó có thể dùng làm hậu vệ trong lúc rút lui và để phòng vệ những khu vực chính của địa hình. Về mặt này cũng vậy, điểm trung tâm có một tầm quan trọng chủ yếu. Mới nhìn qua thì đội hậu vệ luôn luôn bị hai cánh bên sườn đe dọa đánh vu hồi. Nhưng chúng ta không thể quên rằng dầu cho kẻ địch đã vượt qua bên sườn một ít thì từ đó chúng cũng phải vượt qua khoảng cách giữa chúng với điểm trung tâm để có thể uy hiếp toàn bộ đội hậu vệ. Vì vậy, đội hậu vệ của điểm trung tâm có thể kháng cự lâu hơn một chút và có thể bắt đầu chuyển quân chậm hơn các bộ phận khác một chút. Nhưng nếu điểm trung tâm suy sụp nhanh hơn hai bên sườn chỉ tình hình bỗng trở nên nguy ngập ngay lập tức; các tuyến có thể bị đánh gãy tức khắc và chỉ cái vẻ bề ngoài đó cũng đủ là một điều nguy hiểm rồi. Không bao giờ nhu cầu đoàn kết keo sơn lại được mỗi một người cảm thấy rõ rệt như lúc rút lui. Cuối cùng, rồi hai bên sườn cũng phải tập trung vào trung tâm. Ngoài các nhận định trên, cần phải nói thêm là thường thường kẻ địch tập trung quân ở trung tâm để gây một sức ép cao nhất và chúng tôi bắt buộc phải thừa nhận rằng đội hậu về của đạo quân đi giữa có tầm quan trọng đặc biệt.

Để kết luận, ta có thể nói rằng nên để một đạo quân đặc biệt làm tiền vệ trong mọi trường hợp có tình hình như trên. Nhưng khi đạo quân ở giữa không mạnh hơn hai bên sườn thì không ai làm như vậy, thí dụ như năm 1813 lúc MacDonald tiến hành Blücher ở Silesia lúc ông này tiến về phía sông Enbơ. Cả hai bên đều có ba đạo quân đi trên những con đường song song. Chính vì vậy nên những đạo quân này không bao giờ có tiền vệ cả.

Nhưng cũng chính vì các lý do nói trên mà ta không nên bố trí quân đội thành ba đạo quân đồng đều, cũng như phân chia toàn thể quân đội ra làm ba bộ phận là rất vụng về như chúng tôi đã nói trong chương 5, tập III.**[138]** Khi toàn quân gồm có một tập đoàn trung tâm và hai cánh bên sườn (trong chương trước, chúng tôi đã cho rằng cách bố trí đợt này là tự nhiên nhất, trừ trường hợp có những điều kiện quyết

định khác) thì đội tiền vệ phải được bố trí trước điểm trung tâm nghĩa là trước cả hai bên sườn. Nhưng vì những đạo quân từ bên sườn tiến lên trước đều có chức năng của đội tiền vệ với trận tuyến nên chúng thường ở cùng một tuyến với tiền vệ, hay tùy trường hợp có khi trước cả tiền vệ.

Về vấn đề lực lượng của đội tiền vệ, chúng tôi không có gì để nói nhiều lắm vì hiện nay người ta hay dùng một hay nhiều đơn vị cấp cao nhất của quân đội (điều này rất hợp lý) và tăng cường một bộ phận kỵ binh; nghĩa là: Đội tiền vệ sẽ là một quân đoàn nếu quân đội chia ra thành quân đoàn hoặc đội tiền vệ sẽ gồm có một hay nhiều sư đoàn nếu quân đội chia ra thành sư đoàn. Về mặt này, người ta có thể hiểu một cách dễ dàng rằng nhân các đơn vị lên thì cũng vẫn có lợi.

Khoảng cách giữa đội tiền vệ và trận tuyến hoàn toàn phụ thuộc vào tình huống; có thể có trường hợp khoảng cách ấy là trên một ngày đường, có những trường hợp khác đội tiền vệ phải rất gần trận tuyến. Nếu người ta thấy khoảng cách ấy thường thường dài từ một đến ba dặm thì có nghĩa là nó phù hợp nhất với nhu cầu, nhưng không thể coi đó là quy tắc được.

Trong quá trình suy nghĩ, chúng tôi đã hoàn toàn không đề cập đến các đồn *tiền tiêu;* bây giờ ta hãy trở lại vấn đề đó.

Nếu ban đầu chúng tôi nói: Các đồn tiền tiêu thuộc về bộ đội trú quân và các đội tiền vệ thuộc về bộ đội hành quân là cốt để dẫn đến nguồn gốc của các khái niệm bằng một sự phân biệt tạm thời; nhưng nếu ta chỉ chú ý tới danh từ thôi thì hiển nhiên đó chỉ là một sự phân biệt rỗng tuếch.

Buổi tối, khi một quân đội đang hành quân thì phải dừng lại để ngày mai tiếp tục thì đội tiền vệ tự nhiên cũng phải làm như thế và phải bảo đảm các trạm an toàn cho bản thân mình và cho toàn quân: Tuy thế không phải vì vậy mà nó trở thành đồn tiền tiêu. Nếu như người ta muốn cho tiền tiêu là một cái gì trái với tiền vệ thì chỉ có nghĩa là khối lượng chính của bộ đội dùng làm tiền vệ bị phân tán ra nhiều chỗ dần cô lập và không còn tồn tại như một tổ chức thống nhất – như thế khái niệm về một tuyến dài gồm có nhiều đồn chiếm ưu thế đối với khái niệm về một tổ chức thống nhất.

Thời hạn nghỉ ngơi càng ngắn, thì sự bảo vệ càng không cần phải hoàn hảo lắm. Trong thời gian ngày hôm trước chuyển sang hôm sau, kẻ địch không thể biết cái gì được bảo vệ và cái gì không được bảo vệ. Thời hạn nghỉ càng dài thì việc quan sát và bảo vệ các đường tiến vào lại càng phải hoàn hảo.

Nói chung, lúc dừng chân lâu ngày, đội tiền vệ càng ngày càng kéo dài thành một tuyến nhiều đồn. Đội tiền vệ mất hút và trong tuyến đó hoặc vẫn giữ khái niệm về một tổ chức thống nhất: Vấn đề này tùy thuộc vào hai điều kiện. Điều kiện thứ nhất là quân địch ở gần và điều kiện thứ hai là tính chất của địa hình.

Đối với chiều rộng của trận tuyến nếu quân đội gần nhau quá thì thường thường không thể bố trí một đội tiền vệ ở khoảng giữa; các đạo quân chỉ có thể tự bảo đảm an toàn bằng một hệ thống đồn nhỏ.

Nói chung, một đạo quân thống nhất bảo vệ các cửa vào bằng cách gián tiếp cần

phải có nhiều không gian và thời gian hơn để hoạt động; khi quân đội chiếm một khoảng rộng lớn, thí dụ khi đồn trú, thì cần chọn một chỗ xa địch để một đạo quân thống nhất có thể bảo vệ các điểm ở gần. Chính vì vậy mà những nơi đồn trú mùa đông chẳng hạn luôn luôn có một tuyến tiền tiêu bảo vệ.

Điều kiện thứ hai là tính chất của địa hình. Thí dụ như khi một chướng ngại địa hình quan trọng cho phép ta thành lập một tuyến tiền đồn mạnh với một số ít lực lượng thì người ta lợi dụng nó ngay.

Cuối cùng, trong nơi đồn trú mùa đông, thời tiết khắc nghiệt có thể bắt ta phân tán đội tiền vệ ra thành một tuyến tiền tiêu để dễ che chở hơn.

Quân đội Anh – Hà Lan trong chiến dịch mùa đông 1794-1795 ở Hà Lan cho ta thấy một thí dụ hoàn hảo về tuyến tiền tiêu được tăng cường; đó là tuyến phòng ngự gồm có nhiều lữ đoàn mọi binh chủng, bố trí thành nhiều vị trí tách biệt và có đội dự bị làm chỗ dựa. Tướng Scharnhorst, trước ở trong quân đội đó, đã nhập hệ thống nói trên vào quân đội Phổ bằng cách đẩy nó vào Đông Phổ trên sông Passarge.

Tuy thế, trong các cuộc chiến tranh hiện nay, hệ thống này ít được sử dụng, chủ yếu là vì nó biến động nhiều quá. Nhưng kể cả lúc có cơ hội, nó vẫn bị bỏ rơi, thí dụ như Murat đã bỏ rơi nó ở Tarutino.

Một tuyến phòng thủ rộng hơn có thể giúp ông ta không mất ba mươi khẩu đại bác trong một cuộc giao chiến tiền tiêu.

Chắc chắn là khi nào có cơ hội thì biện pháp trên sẽ có lợi lớn. Trong một dịp khác, chúng tôi sẽ trở lại vấn đề này.

Chương 8. PHƯƠNG THỨC HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC ĐỘI TIỀN VỆ

Chúng ta vừa mới thấy rằng quân đội có được an toàn hay không là tùy thuộc vào tác động của đội tiền vệ và các đội quân bên sườn đối với quân đội địch. Lúc thấy các đội quân đó hình như rất yếu khi giao chiến với đạo quân chính của địch và chúng phải thi hành nhiệm vụ trong tình hình không cân đối về lực lượng như thế, người ta vẫn không e ngại những tổn thất lớn, vì vậy cần phải có một sự phân tích đặc biệt.

Những đạo quân đó có chức năng quan sát địch và làm chậm bước tiến của địch.

Riêng một phân đội nhỏ thì khó hoàn thành được chức năng thứ nhất, trước hết vì phương tiện của nó, tức là tầm mắt, không có đầy đủ.

Nhưng sự quan sát phải đạt tới một mức độ cao hơn; quân địch buộc phải triển khai lực lượng trước những đơn vị đó và vì vậy buộc phải bộc lộ không những khả năng mà cả kế hoạch của nó nữa.

Riêng sự tồn tại của các đội tiền vệ cũng có thể đạt được những mục đích nói trên và họ chỉ cần đợi những cuộc chuẩn bị mà địch đã tiến hành nhằm xua đuổi họ đi, rồi rút lui.

Nhưng họ cũng phải làm cho cuộc tiến quân của địch chậm lại, điều đó đòi hỏi một sự đề kháng thức sự.

Người ta có thể nhận thức như thế nào về vấn đề sau: Một mặt phải chờ đợi cho đến những phút cuối cùng và mặt khác lại phải đề kháng mà không có nguy cơ bị tổn thất lớn? Trước hết, chính vì quân địch cũng cho tiền vệ đi trước và vì vậy chúng cũng tiến lên ào ạt với toàn bộ quân đội của mình. Thế nhưng, kể cả lúc đội tiền vệ này có ưu thế hơn đội quân đi trước của ta ngay từ đầu, chính vì thế mới tổ chức ra đội tiền vệ, kể cả lúc khoảng cách giữa quân đội địch với đội tiền vệ của chúng gần hơn lúc khoảng cách giữa quân ta với đội tiền vệ của ta, và vì địch đang trên đà tiến quân nên có thể đến trận địa gấp và tung toàn bộ lực lượng ra để yểm hộ cuộc tiến công của quân tiền vệ – thì giai đoạn đầu này (trong đó đội quân đi trước của ta xung đột với đội tiền vệ của địch nghĩa là hai bên gần ngang sức nhau) cũng làm cho ta lợi được một số thì giờ và cho phép ta quan sát địch tiến lại gần mà không nguy hiểm gì cho cuộc rút lui của ta.

Khi một đội quân như thế ở một vị trí tốt thì kháng cự đến một mức nào đó cũng không có hại gì, tuy lực lượng có chênh lệch (trong trường hợp khác thì vị tất đã xảy ra như vậy). Trong lúc kháng cự với một kẻ địch mạnh hơn thì mối nguy hiểm chính là có khả năng bị đánh vu hồi và bị tiến công bao vây.

Nhưng trong trường hợp đó, thường rất ít xảy ra mối nguy hiểm nói trên vì kẻ địch đang tiến quân không thể biết rõ viện binh của ta cách xa bao nhiêu và viện binh của ta cũng có thể phái những đội tiền vệ đến giữa hai tuyến lửa. Kết quả là kẻ địch luôn luôn tiến lên, giữ cho các đội đi đầu ở cùng một tuyến và chỉ khi nào nắm được thật rõ ràng tình hình của đối phương thì mới vu hồi vào sườn đối phương một cách

khôn khéo và thận trọng. Địch phải mò mẫm và cẩn thận như thế làm cho đạo quân đi trước của ta có khả năng rút lui trước khi xảy ra nguy hiểm thực sự.

Thời hạn kháng cự thực sự của đạo quân đi trước đối với cuộc tiến công trực diện cũng như đối với một cuộc bao vây lúc mới bắt đầu, đều phụ thuộc vào tính chất của địa hình và khoảng cách của viện binh. Chống cự quá mức độ tự nhiên vì thiếu tỉnh táo hoặc vì chịu hy sinh để cho quân đội có thời gian cần thiết, khi nào cũng dẫn đến những tổn thất lớn.

Chỉ trong những trường hợp rất hiếm có, khi một chướng ngại địa hình có lợi cho ta thì mới có những cuộc đề kháng khá quan trọng, và bản thân một trận đánh nhỏ của một đội quân như thế không bao giờ cho ta lợi thêm được một số thời gian đầy đủ. Muốn lợi thêm thời gian thì phải thực hiện ba biện pháp gắn chặt với bản chất sự việc, là:

1. Bằng cách làm cho địch phải tiến lên một cách thận trọng hơn, nghĩa là chậm chạp hơn;
2. Bằng thời hạn của cuộc đề kháng thật sự;
3. Bằng bản thân cuộc rút lui.

Cuộc rút lui đó phải tiến hành càng chậm càng tốt, chậm trong phạm vi có thể giữ được an toàn.

Tính chất của địa hình có thể tạo cho ta thời cơ bố trí theo một kiểu khác và bắt buộc địch phải mở những cuộc tiến công mới, những cuộc vận động vu hồi mới do đó ta lại lợi thêm được một số thời gian. Một cuộc giao chiến thực sự có thể lại được chấp nhận ở vị trí mới này.

Như thế ta thấy rằng đề kháng bằng chiến đấu và rút lui có liên quan chặt chẽ với nhau, và giao chiến càng ngắn thì càng phải giao chiến nhiều hơn bội phần để bù lại.

Đó là loại hình đề kháng của một đội quân đi trước. Hiệu quả tùy thuộc chủ yếu vào lực lượng của đội quân và tính chất của địa hình, sau đó, nó tùy thuộc vào đoạn đường phải đi qua và cuối cùng, vào sự yểm hộ và tiếp ứng của toàn quân.

Dẫu lực lượng có ngang nhau thì một cánh quân nhỏ cũng không thể kháng cự lâu như một quân đoàn lớn vì khối lượng càng lớn thì thời gian cần thiết để làm nhiệm vụ càng nhiều, dù đó là nhiệm vụ gì. Ở miền núi, ngay việc hành quân bình thường cũng đã chậm hơn nhiều, việc đề kháng ở các vị trí khác nhau lâu hơn nhiều, ít nguy hiểm hơn, và luôn luôn có thời cơ chiếm lĩnh các vị trí tốt.

Đội quân đi trước càng xa thì rút lui càng lâu và vì vậy khi nó tiến hành đề kháng thì càng có lợi về thời gian. Nhưng vì ở xa như thế nên đội quân đó lại có ít lực lượng đề kháng, ít viện binh, nó phải rút lui sau một thời gian ngắn hơn so với trường hợp nó mới đi được một đoạn đường ngắn hơn và ở gần đạo quân chính hơn.

Việc tiếp ứng và yểm hộ đối với một đội tiền vệ có ảnh hưởng đến thời hạn đề kháng của nó, vì lúc rút lui càng đòi hỏi phải khôn ngoan và thận trọng thì cuộc đề kháng lại càng phải rút ngắn đi.

Nếu kẻ dịch đến trước các đội quân đi trước của ta vào buổi chiều thì ta có lợi đáng kể về thời gian; cả đêm dài là thời gian của ta vì ít có ai lại tiếp tục tiến quân

vào ban đêm. Chính vì vậy nên năm 1815, trên đoạn đường ngắn từ Charleroi đến Ligny (chưa đầy 16 dặm) đạo quân Phổ thứ nhất gồm 30 000 người do tướng Zieten chỉ huy đã có thể đương đầu nổi với Bonaparte có 120 000 người và giành được một thời gian 20 giờ cho quân đội Phổ tập hợp lại. Thật vậy, tướng Zieten bị tiến công vào ngày 15 tháng 6 lúc 9 giờ sáng, và trận Ligny bắt đầu vào khoảng 2 giờ chiều ngày 16 tháng 6.

Nói cho đúng, tướng Zieten đã bị tổn thất nặng: Năm hoặc sáu nghìn người bị giết, bị thương, bị bắt và làm tù binh.

Nếu chúng ta đối chiếu với kinh nghiệm thì những kết quả sau đây có thể dùng làm chuẩn cho vấn đề đang nghiên cứu: Một sư đoàn từ 10.000 đến 12.000 người có một đạo kỵ binh tăng cường, đi trước một ngày đường từ ba đến bốn dặm, trong một vùng bình thường không phải là dễ bảo vệ lắm, có thể giữ chân địch (kể cả thời gian rút lui) lâu hơn một lần rưỡi so với thời gian rút lui; nhưng nếu sư đoàn chỉ ở phía trước với khoảng cách một dặm thì địch có thể bắt phải dừng lại lâu đến gấp hai hoặc ba lần so với cuộc hành quân không gặp trở ngại.

Vì vậy, để tiến lên 4 dặm, thường mất 10 giờ ta có thể lợi dụng một khoảng thời gian là 15 giờ kể từ khi quân địch xuất hiện trước vị trí tiền duyên cho đến lúc nó có thể tiến công quân đội ta được. Trái lại, nếu đội tiền vệ ở cách quân đội 1 dặm thì từ đó đến lúc quân đội ta có thể bị tiến công chỉ là 3 hoặc 4 giờ và cũng có thể gấp đôi; vì thời gian cần cho địch thi hành những biện pháp đầu tiên để chống lại đội tiền vệ cũng vẫn như thế mà thời gian đề kháng của đội tiền vệ này trong vị trí cũ sẽ lâu hơn so với trường hợp ở vị trí xa hơn.

Kết quả là: Trong giả thiết thứ nhất, kẻ địch khó lòng có thể vừa đẩy lùi đội tiền vệ lại vừa tiến công đại quân ta trong cùng một ngày. Trên thực tế, kinh nghiệm cũng dạy ta như thế. Kể cả trong trường hợp thứ hai, quân địch cũng phải đánh bật đội tiền vệ của ta trong buổi sáng nếu nó muốn có thời gian để tác chiến.

Vì trong trường hợp thứ nhất, dựa vào đêm tối, người ta thấy rõ một đội tiền vệ ở xa có thể làm cho ta có lợi về thời gian biết bao nhiêu.

Tác động của những đạo quân bố trí ở hai bên sườn, chức năng đã nói rõ ở trên, ít nhiều gắn liền vào những trường hợp phụ thuộc vào thực tế. Đơn giản là xem chúng như những đội tiền vệ bố trí ở sườn và vì nó đồng thời cũng được bố trí lên phía trước một ít nên sẽ rút lui xiên ngang về phía đại quân.

Vì những đạo quân đó không phải thực sự ở phía trước của đại quân và chúng không thể nhập vào sườn một cách dễ dàng như một đội tiền vệ chính cống nên chúng sẽ gặp nguy hiểm lớn, nếu, trong trường hợp xấu nhất, các đạo quân đó không đủ không gian để giãn ra xa, thì đại quân có thể gặp nguy cơ ở ngay trước mắt. Đội tiền vệ rút chạy không gây cho đại quân khó khăn như thế.

Phái kỵ binh đi tiếp theo đội quân đi trước là cách tốt nhất và người ta ưa dùng nhất. Trong trường hợp khoảng cách khá xa thì có thể bố trí đội dự bị của binh chủng này**[139]** vào khoảng giữa đội quân chủ lực và bộ phận phía trước.

Kết luận của chúng tôi như sau: Hiệu quả của các đội tiền vệ là sự có mặt của

chúng hơn là ở lực lượng do chúng thực sự triển khai, ở khả năng giao chiến hơn là ở trong giao chiến thực sự; ta dùng nó không để chặn đứng các cuộc vận động của địch, mà để giảm bớt cường độ và điều hòa các cuộc vận động của địch như kiểu hoạt động của một quả lắc, từ đó ta dự đoán được những hoạt động đó.

Chương 9. CÁC TRẠI QUÂN

Cái tình thế ba mặt của một quân đội chưa giao chiến chỉ được xem xét ở đây dưới góc độ chiến lược mà thôi. Như thế có nghĩa là chúng tôi chỉ nói đến địa điểm, thời gian, số lượng lực lượng quân sự. Tất cả những điều gì thuộc về tổ chức bên trong của các cuộc giao chiến và về việc chuyển sang tình trạng tác chiến đều thuộc về chiến thuật.

Việc bố trí các trại (tức là các cách đồn trú không ở nhà dân): Lều vải, lán gỗ, đóng quân ngoài trời, về mặt chiến lược là hoàn toàn đồng nhất với giao chiến: Nó là điều kiện của giao chiến. Về chiến thuật, không phải khi nào cũng như thế; người ta có thể chọn các trại ở những điểm khác nơi xảy ra trận đánh bởi rất nhiều lý do. Vì chúng tôi đã nói tất cả những điều cần thiết về sắp đặt quân đội, nghĩa là về điểm bố trí của các bộ phận khác nhau của quân đội, cho nên bây giờ ta chỉ cần xem xét vấn đề các trại quân về mặt lịch sử.

Đời xưa, nghĩa là trước khi quân đội phát triển theo quy mô lớn, nghĩa là chiến tranh kéo dài hơn và có hệ thống hơn, cho đến Cách mạng Pháp, quân đội luôn luôn đồn trú trong lều. Đó là tình trạng thông thường. Vào các mùa thời tiết tốt, quân đội rời khỏi nơi đồn trú và chỉ trở lại đó vào mùa đông. Ở một mức độ nào đó, nơi đồn trú mùa đông là những địa điểm ngoài chiến tranh: Ở đó, các lực lượng không được phát huy và bộ máy ngừng chạy. Những nơi nghỉ ngơi trước khi đến khu vực đóng quân mùa đông chính thức, và các nơi đồn trú tạm thời chật hẹp khác chỉ là nơi chuyển tiếp và ngoại lệ.

Đây không phải là phần xem xét đến vấn đề vì sao việc không phát huy lực lượng một cách thường xuyên và có ý thức ấy lại vẫn có thể phù hợp với mục đích và bản chất của chiến tranh; chúng tôi sẽ trở lại vấn đề này, dẫu sao thì sự thật cũng vẫn là như vậy.

Từ các cuộc chiến tranh của Cách mạng Pháp, việc sử dụng lều vải đã hoàn toàn được bãi bỏ vì cần quá nhiều người phục vụ. Một mặt, đối với một quân đội 100.000 người, người ta thích có 5.000 lính kỵ hay thêm vài trăm khẩu pháo hơn là cần 6.000 con ngựa để tải lều; mặt khác, trong các cuộc vận động nhanh chóng và rộng rãi, bộ phận phục vụ như thế thường cồng kềnh hơn là có ích.

Nhưng sự kiện nói trên cũng gây ra hai ảnh hưởng: Lực lượng quân sự bị tiêu phí nhiều hơn, và đất nước bị phá hoại mạnh hơn.

Lều vải tuy không che chở được là bao nhưng nếu thiếu lều thì binh lính rõ ràng phải chịu gian khổ nhiều hơn. Nếu chỉ thiếu lều có một ngày thì ảnh hưởng không đáng kể, vì lều không che gió, chống rét được bao nhiêu, còn về mặt chống ẩm ướt thì nó lại càng ít tác dụng. Nhưng, trong một năm, nếu không có lều đến vài ba trăm lần thì đó là một sự thiếu thốn lớn. Kết quả tự nhiên là: Tổn thất vì bệnh tật sẽ tăng lên nhiều.

Tại sao vấn đề không có lều lại làm cho đất nước bị phá hoại nhiều, thiết tưởng

không cần phải giải thích.

Người ta có thể nghĩ rằng do hai ảnh hưởng trên, việc bỏ lều dẫn đến giảm bớt cường độ chiến tranh bằng một cách khác, rằng phải dừng lại lâu hơn và nhiều hơn trong các nơi đồn trú vì không có lều trại cần thiết nên phải bỏ nhiều vị trí có thể chiếm được nếu có lều.

Thật thế, sự việc có thể như vậy nếu trong cùng trong một thời kì không có những thay đổi khổng lồ vượt quá những hậu quả nhỏ nhặt và thứ yếu ấy.

Ngọn lửa sơ khai của chiến tranh đã trở thành mạnh mẽ một cách lạ lùng đến nỗi những thời kì nghỉ ngơi đều đặn nói trên cũng biến mất và tất cả mọi lực lượng đều hướng thẳng toàn bộ bạo lực không gì chống đỡ nổi của mình vào điểm quyết định. Chúng tôi sẽ nói lại vấn đề này ở tập IX.**[140]** Trong những điều kiện như thế, không thể nói rằng có thay đổi nào đó là vì không có lều trong lúc sử dụng lực lượng quân sự. Người ta đóng trại trong những nhà tạm hay đóng trại ở ngoài trời không kể thời tiết, bất kỳ mùa nào hoặc vùng nào tùy theo kế hoạch của toàn bộ cuộc chiến tranh.

Có phải trong bất kỳ trường hợp nào chiến tranh cũng luôn luôn giữ được cường độ đó không? Sau này chúng ta mới thấy rõ vấn đề đó. Nếu chiến tranh không có cường độ như thế thì việc không có lều sẽ có ảnh hưởng đến mức nào đấy đến việc chỉ đạo chiến tranh. Nhưng chắc là ảnh hưởng này không mạnh đến nỗi người ta sẽ sử dụng lều trở lại: Một khi yếu tố hiếu chiến đã không còn có hàng rào nào ngăn cách thì nó chỉ có thể bị hạn chế từng thời kỳ trong một thời gian ngắn rồi sau đó lại bùng nổ với tất cả sức mạnh phù hợp với bản chất của nó. Những tổ chức thường trực của quân đội phải tính đến những thời kỳ đó.

Chương 10. CÁC CUỘC HÀNH QUÂN

Hành quân là chuyển từ một vị trí này sang một vị trí khác, do đó phải có hai điều kiện chủ yếu.

Điều kiện thứ nhất là tiện nghi của binh lính, vì không nên lãng phí lực lượng có thể sử dụng một cách có ích sau này; điều kiện thứ hai là các cuộc vận động phải chính xác, vì chúng phải được thực hiện một cách đúng đắn. Nếu người ta cho 100.000 người đi theo hàng dọc, nghĩa là trên một con đường độc nhất và không có khoảng cách thời gian thì cuối hàng quân và đầu hàng quân sẽ không bao giờ cùng đến đích trong một ngày. Đi như vậy sẽ hết sức chậm chạp; nếu không, quân đội sẽ tản mát ra như một tia nước rơi xuống thành từng giọt; đã tản mát như thế mà đội hậu vệ lại phải cố gắng hết sức vì hàng quân quá dài, có thể sẽ nhanh chóng dẫn đến tình trạng hỗn loạn hoàn toàn.

Trái với kiểu cách cực đoan ấy, nếu khối lượng bộ đội trong hàng quân không lớn lắm thì cuộc hành quân càng dễ và càng chính xác. Do đó cần có sự phân chia lực lượng, sự phân chia này không có gì giống với sự tách biệt vì được bố trí theo đội hình phân chia. Cho nên việc tổ chức hành quân theo hàng dọc phần nhiều là kết quả của việc bố trí chứ không tùy thuộc vào từng trường hợp đặc biệt.

Muốn tập trung một khối lượng lớn vào một điểm thì bắt buộc phải phân chia ra để hành quân. Nhưng kể cả lúc bố trí quân đội thành sư đoàn tách biệt, dẫn đến hành quân bằng hàng dọc cách nhau, thì có khi vẫn là nhu cầu của việc bố trí, có khi vẫn là nhu cầu của hành quân chiếm ưu thế. Ví dụ như khi chỉ bố trí cho quân lính nghỉ ngơi mà không phải chuẩn bị cho một cuộc giao chiến, những khi đó đòi hỏi của cuộc hành quân chiếm ưu thế: Đòi hỏi trên phần lớn chỉ bao gồm việc chọn những con đường tốt và thẳng. Tuy không quên sự khác nhau đó, trong trường hợp này thì chọn đường theo nhu cầu của việc đóng trại, trong trường hợp khác thì trái lại nơi đóng trại được chọn vì lý do đường sá. Khi thấy có thể xảy ra một trận đánh và khi thấy cần đưa quân lính đến một địa điểm tương ứng, người ta không ngần ngại cho quân lính đi theo những con đường tắt thuộc loại khó đi nhất. Nhưng nếu mới lên đường đi đến chiến trường, thì người ta chọn cho các đạo quân những con đường lớn gần nhất, và ở gần các con đường ấy phần nhiều đều có nơi đóng trại.

Dầu có hành quân theo kiểu gì đi nữa, khi nào có khả năng xảy ra giao chiến, nghĩa là trong toàn bộ chu vi của chiến tranh thực thụ, lý luận hiện đại đã đề ra nguyên tắc chung là phải tổ chức thế nào cho các đạo quân có thể tác chiến độc lập được. Muốn đạt điều kiện đó phải kết hợp cả ba binh chủng, phải phân chia toàn bộ một cách hữu cơ và người tổng chỉ huy phải thật giỏi. Như vậy hành quân là nguyên nhân chính của cách bố trí tác chiến mới và chính hành quân cũng có lợi nhiều hơn trong cách bố trí này.

Ở giữa thế kỷ trước, nhất là trên các chiến trường của Frederick II, việc vận động đã bắt đầu được xem như là một nguyên tắc đặc thù của chiến đấu và người ta đã bắt

đầu giành lấy thắng lợi bằng những cuộc vận động bất ngờ, vì thiếu một sự bố trí tác chiến hữu cơ nên cần phải bố trí hành quân rất phức tạp và rất không tiện lợi. Muốn tiến hành một cuộc vận động gần địch thì phải luôn luôn sẵn sàng chiến đấu Nhưng không thể sẵn sàng chiến đấu nếu quân đội không được tập trung lại, vì chỉ có quân đội mới là một tổng thể. Muốn giữ được khoảng cách cần thiết không quá một phần tư dặm cách tuyến thứ nhất thì trong một cuộc hành quân bên sườn, tuyến thứ hai phải hành quân qua rừng qua núi rất khó nhọc: Điều đó đòi hỏi nhiều cố gắng và phải biết địa hình thật kỹ, vì có bao giờ lại có hai con đường tốt song song với nhau và chỉ cách nhau có một phần tư dặm? Khi hành quân tiến thẳng về phía địch, kỵ binh cũng gặp khó khăn tương tự. Đối với pháo binh thì lại có thêm nhiều khó khăn nữa vì phải có những con đường riêng được bộ binh bảo vệ, vì các hàng bộ binh phải là những tuyến liên tục và pháo binh thì lại kéo dài hàng dọc ra làm cho các khoảng cách không đều nhau. Chỉ cần đọc quyển *Lịch sử cuộc Chiến tranh bảy năm* của Tempelhof, đoạn nói về thứ tự hành quân cũng thấy rõ tất cả các khó khăn và trở ngại do hành quân gây ra cho chiến tranh.

Nhưng từ khi nghệ thuật mới của chiến tranh làm cho quân đội có một sự phân bố hữu cơ thì những bộ phận chính cũng là những tổng thể nhỏ và trong giao chiến, chúng cũng có hiệu quả như tổng thể lớn, chỉ có khác một điều là hành động của chúng không lâu bằng; từ khi các đạo quân không cần ở gần nhau để tập trung lại trước lúc giao chiến, kể cả lúc chúng cần tác chiến với nhau, thì chỉ cần chúng tập trung lại trong quá trình giao chiến mà thôi.

Một đạo quân càng nhỏ càng dễ điều khiển, càng ít phải chia nhỏ, bởi lẽ chia nhỏ không phải là vì cần bố trí tách biệt mà vì khối lượng quá nặng nề. Như vậy, một đội quân nhỏ chỉ đi trên một con đường, và nếu nó cần tiến lên theo nhiều tuyến thì nó sẽ tìm ra nhiều con đường gần nhau hơn và tốt hơn. Khối lượng càng lớn càng cần chia nhỏ, càng có nhiều đạo quân và càng có nhiều đường chuẩn bị sẵn, kể cả những đường lớn, như vậy các đạo quân lại càng xa nhau. Thế nhưng về mặt số học, nhu cầu phân chia ấy lại theo tỷ lệ nghịch với nguy hiểm do phân chia gây ra. Các bộ phận càng nhỏ càng phải chạy đi viện trợ lẫn cho nhau; các bộ phận càng lớn càng có thể tự lực lâu hơn. Nếu người ta nhớ đến những điều nói về vấn đề này trong tập trước và nếu người ta nghĩ rằng trong những vùng trồng trọt, cách con đường chính vài ba dặm khi nào cũng có những con đường tốt đi song song với đường chính, người ta có thể hiểu một cách dễ dàng rằng việc bố trí hành quân không khó khăn đến nỗi làm cho vấn đề *tiến quân nhanh chóng* và *đến địa điểm đúng lúc* lại mâu thuẫn với vấn đề *tập hợp lực lượng* – việc tập hợp đó là cần thiết. Ở miền núi, nơi rất hiếm có các đường song song và việc giao thông liên lạc giữa các đường rất khó khăn, thì khả năng kháng cự của từng đạo quân càng lớn hơn nhiều.

Để có một ý niệm thật rõ ràng, ta hãy xem xét vấn đề này một cách cụ thể.

Nhờ kinh nghiệm, chúng ta biết rằng một sư đoàn 8.000 người kể cả pháo binh và xe cộ khác thông thường mất độ một giờ**[141]** mới đi hết. Vì vậy, nếu hai sư đoàn đi nối đuôi nhau thì sư đoàn sau đến địa điểm chậm hơn sư đoàn trước một giờ. Thế

nhưng, như chúng tôi đã nói trong chương 4, tập IV, một sư đoàn mạnh như thế có thể đề kháng trong nhiều giờ với một kẻ địch mạnh hơn. Kể cả trường hợp xấu nhất nghĩa là sư đoàn thứ nhất phải tác chiến ngay lập tức thì sư đoàn thứ hai cũng đến chậm.

Hơn nữa, trong khoảng một giờ, người ta có thể tìm thấy những con đường làng ở bên trái hoặc bên phải con đường đã đi qua ít nhất là trong điều kiện của các nước văn minh ở Trung Âu; và có thể sử dụng những con đường ấy mà không phải đi qua đồng ruộng như đã thường hay xảy ra trong cuộc Chiến tranh bảy năm.

Qua kinh nghiệm, ta biết rằng: Kể cả trên những con đường không lấy gì làm tốt lắm, đoạn đầu của một đạo quân gồm 4 sư đoàn và một bộ phận kỵ binh dự bị có thể đi được 3 dặm trong 8 giờ. Nếu ta tính một sư đoàn cần phải có một giờ để đi qua một điểm, bộ phận kỵ binh và pháo binh dự bị cũng cần đến như thế, thì ta thấy rằng toàn bộ cuộc hành quân sẽ mất 13 giờ. Đó không phải là một thời gian quá đáng, thế mà 40.000 người sẽ phải đi trên cùng một con đường. Nhưng với một khối lượng như thế, người ta còn có thể sử dụng những con đường làng xa hơn nữa để rút ngắn cuộc lành quân. Nếu các khối quân đội cần đi trên một con đường còn lớn hơn số chỉ định thì có nghĩa là tất cả mọi đơn vị cũng không cần đến địa điểm trong cùng một ngày, vì những khối lượng như thế không bao giờ lại tác chiến ngay từ lúc mới gặp nhau mà phải đợi đến ngày hôm sau.

Chúng tôi kể những trường hợp cụ thể như vậy không phải là để nói hết những trường hợp có thể xảy ra nhưng cốt để cho người ta hiểu chúng tôi hơn và để dựa vào kinh nghiệm mà chỉ rõ ra rằng trong việc chỉ đạo chiến tranh hiện nay, việc tổ chức hành quân đã không khó khăn lắm nữa và những cuộc hành quân đã nhanh chóng được tiến hành một cách hoàn toàn chính xác, khéo léo và có sự hiểu biết thật đúng về địa hình như trường hợp Frederick Đại đế trong các cuộc hành quân nhanh chóng và chính xác của cuộc Chiến tranh Bảy năm. Nhờ phân chia quân đội một cách hữu cơ, các cuộc hành quân hiện nay hầu như được tiến hành một cách tự nhiên, hay ít nhất cũng không cần chuẩn bị với quy mô lớn như trước.

Thuở xưa, các trận đánh đều tiến hành theo mệnh lệnh thông thường, còn hành quân thì đòi hỏi phải có kế hoạch khởi thảo kỹ càng, nhưng ngày nay thì chính các mệnh lệnh chiến đấu lại đòi hỏi phải được khởi thảo cẩn thận còn các cuộc hành quân thì hầu như chỉ cần đến những mệnh lệnh đơn giản mà thôi.

Người ta biết rằng các cuộc hành quân chia ra làm hai loại: Một loại thẳng góc và một loại song song với mặt trận. Các cuộc hành quân song song với mặt trận cũng còn gọi là hành quân bên sườn làm cho hình thái hình họ của các bộ phận thay đổi; lúc bố trí, các bộ phận được sắp đặt thành tuyến lại đi nối đuôi nhau trong hành quân và ngược lại. Tuy các góc trong của góc vuông đều có thể dùng làm hướng đi cho cuộc hành quân, đội hình hành quân vẫn phải phụ thuộc vào một trong hai loại kia.

Chỉ chiến thuật mới có thể thực hiện chính xác sự thay đổi hình học ấy và cũng chỉ thay đổi được bằng cách hành quân theo nhóm nhỏ**[142]** (File-march), cách này không thể thực hiện được đối với những khối lượng lớn. Chiến lược lại càng không

thể làm được như thế. Trong cách bố trí tác chiến cũ, chỉ những bộ phận ở giữa và bên sườn mới có thể thay đổi được trạng thái hình học; trong cách bố trí mới chỉ có những đơn vị cao nhất mới có thể thay đổi được. Đó là các quân đoàn, các sư đoàn, hoặc các lữ đoàn tùy theo sự phân chia của toàn quân. Nhưng những hậu quả của cách bố trí tác chiến mới cũng ảnh hưởng tới vấn đề đó, toàn bộ quân đội không cần tập trung lại trước lúc hành quân như thời xưa, nhưng người ta lại chú ý đến việc làm thế nào cho các đơn vị cùng đi với nhau thành một tổng thể. Nếu một sư đoàn được bố trí làm lực lượng dự bị cho một sư đoàn khác đi trước, nếu hai sư đoàn đều phải tiến về phía quân địch trên hai đường khác nhau, không ai lại nghĩ rằng có thể phái một cánh quân của mỗi sư đoàn đi trên các con đường đó, nhưng người ta nhất định không ngần ngại giao mỗi con đường cho một sư đoàn đi bên cạnh nhau và mỗi vị tướng chỉ huy sư đoàn phải thành lập riêng đội dự bị của mình để sử dụng trong lúc giao chiến. Sự thống nhất chỉ huy quan trọng hơn nhiều so với tỷ lệ hình học ban đầu. Nếu các sư đoàn đến các vị trí mới mà không phải tác chiến thì họ có thể lặp lại mối quan hệ cũ. Khi hai sư đoàn bố trí bên cạnh nhau phải đi song song trên hai con đường thì không ai còn nghĩ tới vấn đề cho tuyến thứ hai hay đội dự bị của mỗi sư đoàn đi trên con đường phía sau.

Trái lại, người ta sẽ để cho mỗi sư đoàn đi trên một con đường và trong cuộc hành quân, mỗi sư đoàn được xem là đội dự bị của sư đoàn kia. Khi một đạo quân gồm có bốn sư đoàn, trong đó ba sư đoàn đã đi ngang nhau còn sư đoàn thứ tư làm dự bị và phải tiến lên đánh địch trong thứ tự đó, thì cần giao cho mỗi sư đoàn trong ba sư đoàn đi ngang nhau một con đường riêng còn sư đoàn dự bị thì phải đi theo con đường giữa. Nhưng nếu ba con đường kia không có khoảng cách theo ý muốn thì có thể cho các sư đoàn đi trên hai con đường mà không ngần ngại, vì như thế không có hại gì cả.

Trong trường hợp hành quân song song, tức là trường hợp trái lại, ta cũng làm như thế.

Việc xuất phát của các đạo quân từ sườn trái hoặc phải là một điểm khác của vấn đề này. Đối với các cuộc hành quân song song thì không thành vấn đề. Không ai xuất phát từ bên phải để rồi lại đi sang bên trái. Nói cho đúng, trong những cuộc hành quân ở mặt trận hoặc ở hậu phương, đội hình hành quân phụ thuộc vào hướng của đường đi đôi với tuyến triển khai sau này. Thật vậy, trong chiến thuật, người ta có thể thực hiện điều đó luôn vì khoảng không gian chiến thuật hẹp hơn và các mối lương quân hình học cũng dễ bao quát hơn. Trong chiến lược thì đó là điều hoàn toàn không thể thực hiện được; và nếu lúc nào đó người ta có thể thấy một sự hoán vị nào đó (tức là lẫn lộn giữa chiến lược và chiến thuật – ND) vì lập luận theo lối so sánh thì chỉ là khoác lác. Thời xưa, đội hình hành quân thuộc phạm trù hoàn toàn chiến thuật vì, kể cả lúc hành quân, quân đội là một tổng thể không thể chia cắt được và chỉ biểu hiện ra ở một cuộc giao chiến *độc nhất* và hoàn bị. Tuy thế ngày mồng 5 tháng Năm, khi Schwerin xuất phát từ vùng Brandeis, ông ta không biết chiến trường tương lai sẽ ở bên trái hoặc bên phải, do dó, ông ta phải tiến hành một cuộc đi trở lại nổi tiếng.**[143]**

Trong đội hình tác chiến cũ, khi một quân đội tiến lên thành bốn đạo, các cánh kỵ binh bên sườn của tuyến thứ nhất và thứ hai hình thành hai đạo phía ngoài, còn những cánh bộ binh bên sườn của cả hai tuyến thành hai đạo ở giữa. Thế nhưng, tất cả các đạo quân ấy có thể xuất phát hoặc ở phía phải hoặc ở phía trái, hoặc sườn phải ở phía phải và sườn trái ở phía trái, hoặc sườn trái ở phía phải và sườn phải ở phía trái. Trong trường hợp cuối cùng này, cuộc xuất phát được gọi là xuất phát "từ điểm giữa". Tuy người ta cho rằng tất cả các hình thái trên có quan hệ mật thiết với sự triển khai sau này nhưng thật ra chúng không có tầm quan trọng nào về mặt đó cả. Khi Frederick Đại đế bắt đầu hành quân để đi đến trận Leuthen, quân đội của ông chia ra làm bốn đạo, tất cả đều xuất phát theo sườn bên phải. Chính điểm đó đã làm cho việc chuyển sang xuất phát bằng tuyến được dễ dàng rất nhiều; tất cả các nhà viết sử đều đã khen ngợi kiểu xuất phát bằng tuyến vì nhà vua tiến công sườn trái quân Áo là do ngẫu nhiên. Nếu ông muốn vu hồi vào sườn phải quân Áo thì ông đã phải đi ngược trở lại như ở Prague.

Ngay từ thời bấy giờ, các hình thái trên đã không phù hợp với mục tiêu của nó nữa; còn ngày nay, nếu làm như thế thì chỉ là chuyện khôi hài. Hiện nay, người ta cũng không biết gì hơn trước kia về vị trí của chiến trường tương lai đối với đường đi của quân đội; việc mất một ít thì giờ vì xuất phát theo đội hình không chỉnh hiện nay chẳng quan trọng gì lắm so với thời xưa. Về mặt này đội hình tác chiến mới có một ảnh hưởng to lớn; sư đoàn nào đến trước, lữ đoàn nào đương đầu với lưới lửa trước tiên, điều đó hoàn toàn không có quan hệ gì cả.

Trong những điều kiện như thế, dù xuất phát từ bên phải hoặc bên trái cũng đều không có giá trị làm cho sức cố gắng của các đơn vị ngang nhau, khi việc xuất phát được tiến hành có thứ tự trước sau khác nhau. Thường thường người ta giữ cả hai kiểu xuất phát chỉ vì mỗi một lý do ấy, tuy lý do ấy rất quan trọng.**[144]** Việc xuất phát từ điểm giữa, với tư cách là tổ chức riêng biệt, sẽ tự mình mất đi và sau này cũng sẽ chỉ xảy ra trọng những trường hợp bất thường. Trong chiến lược, xuất phát từ điểm giữa bằng một đạo quân độc nhất một điều vô nghĩa lý vì nó giả thiết phải có một con đường đôi.

Đội hình hành quân thuộc về chiến thuật nhiều hơn về chiến lược vì hành quân chỉ là cắt một tổng thể ra làm nhiều mảnh rồi sau lại phải nhập thành một tổng thể. Nhưng vì trong chiến tranh hiện đại người ta không chú ý nhiều đến việc hợp nhất các bộ phận, và trong cuộc hành quân, các bộ phận này phải xa nhau và tự mình lo liệu lấy cho mình, nên các bộ phận đó phải giao chiến nhiều hơn trước, phải xem những cuộc giao chiến đó như những cuộc giao chiến hoàn bị, vì vậy chúng tôi thấy cần nói đến vấn đề này nhiều hơn.

Ngoài ra, nếu không có mục tiêu riêng biệt, đội hình tác chiến ba bộ phận nối nhau là đội hình tự nhiên nhất như chúng ta đã thấy trong chương 2**[145]** của tập này, cũng như vậy đội hình hành quân theo ba đạo hàng dọc cũng là tự nhiên nhất.

Chúng tôi chỉ cần nói thêm rằng khái niệm về tung dội không phải chỉ gắn với con đường binh lính sử dụng, mà trong chiến lược, cần dùng danh từ đó để nói đến

những khối lượng binh lính đi trên một con đường trong những ngày khác nhau. Vì chia ra thành từng đạo là cốt để cho hành quân ngắn hơn và dễ dàng hơn, một số người ít hơn khi nào cũng đi nhanh và thuận tiện hơn số người đông. Muốn đạt mục đích này thì không những người ta phải cho binh lính đi trên những con đường khác nhau mà còn đi trong những ngày khác nhau.

Chương 11. CÁC CUỘC HÀNH QUÂN

Về chiều dài và thời hạn của một cuộc hành quân thì tốt nhất là cứ theo kinh nghiệm.

Từ đã lâu người ta đã thừa nhận rằng, một quân đội hiện đại muốn đi được ba dặm thì mất một ngày; trên những chặng đường dài thì một ngày chỉ đi được hai dặm vì phải có những ngày nghỉ và sửa chữa những cái gì hư hỏng.

Đối với một sư đoàn 8.000 người, trên địa hình bằng phẳng và đường sá trung bình, cuộc hành quân nói trên phải mất từ 8 đến 10 giờ; ở vùng núi thì mất độ 10 đến 12 giờ. Nếu nhiều sư đoàn họp lại thành một đạo quân thì cần thêm một số giờ nữa, đó là chưa kể khoảng thời gian từ lúc sư đoàn thứ nhất ra đi cho đến các sư đoàn khác tiếp theo.

Như vậy, người ta thấy rằng một ngày đường là rất đầy đủ, rằng sự cố gắng của người lính mang nặng trong 10 đến 12 giờ không thể so sánh được với một cuộc đi bộ thông thường độ 3 dặm mà một người có thể làm tròn trong 5 giờ một cách dễ dàng nếu như đường không xấu lắm.

Nếu chỉ đi có một lần thì có thể hành quân 5 dặm, nhiều nhất là 6 dặm và nếu phải đi trong nhiều ngày thì chỉ đi được 4 dặm.

Cuộc hành quân 5 dặm đòi hỏi phải nghỉ nhiều giờ, một sư đoàn 8.000 người đi trên một con đường mòn tốt thế nào cũng mất 16 giờ. Nếu chặng đường là 6 dặm và nếu có nhiều sư đoàn trong một đạo quân, thì ít nhất cũng mất 20 giờ.

Đây là nói đến cuộc hành quân của nhiều sư đoàn từ nơi đồn trú này đến nơi đồn trú khác vì đó là hình thức hành quân thông thường trong chiến tranh. Khi nhiều sư đoàn hợp thành một đạo quân thì sư đoàn đầu tiên phải được tập trung lại và bắt đầu hành quân trước các sư đoàn khác một ít; nó đi trước bao nhiêu thì đến trước các sư đoàn khác bấy nhiêu. Nhưng hiệu số đó không bao giờ lớn bằng thời gian của một sư đoàn triển khai hết chiều sâu của mình: Nó cần thiết cho sư đoàn *chảy* qua, như kiểu nói rất đúng của người Pháp. Đối với người lính, như thế vẫn tiết kiệm sức lực được rất ít và mỗi cuộc hành quân sẽ lâu hơn nếu có binh lính đông hơn. Cho nhiều lữ đoàn của một sư đoàn tập trung lại để hành quân vào những lúc khác nhau là một việc ít khi làm được, vì vậy chúng tôi lấy sư đoàn làm đơn vị.

Nếu đường hành quân dài, quân đội phải đi từ một nơi hành quân này đến một nơi hành quân khác bằng những cánh quân nhỏ không có điểm tập trung thì bản thân khoảng cách có thể dài hơn; nhưng nhiều khi phải đi vòng để đến doanh trại nên khoảng cách này bao giờ cũng khá dài.

Có thể có những cuộc hành quân mà hằng ngày binh lính phải tập trung thành sư đoàn, có khi thành quân đoàn, và vẫn phải đến ở nơi đóng quân: Các cuộc hành quân này đòi hỏi rất nhiều thì giờ và chỉ nên tiến hành trong những vùng giàu có và khi nào số quân không đến nỗi đông lắm; vì trong những trường hợp đó, chỗ ở và việc tiếp tế dễ dàng sẽ bù lại cho nỗi khó nhọc của binh lính. Vì lý do tiếp tế, nên trong cuộc rút lui năm 1806, quân đội Phổ đã để binh lính đóng ở chỗ trú quân vào ban

đêm: Cách làm đó rõ ràng là sai lầm. Đồ dùng tiếp tế phải đưa ngay đến nơi đóng quân dã chiến; nếu làm như vậy thì quân đội đã không mất đến 15 ngày để đi có 50 dặm, mặc dầu đã cố gắng quá sức.

Ở miền núi, khi đường sá quá xấu thì tất cả những tính toán trên kia về thời gian và về khoảng cách phải thay đổi nhiều đến nỗi khó lòng mà đánh giá thời gian cần thiết cho một cuộc hành quân trong một trường hợp cụ thể với một sự chính xác tối thiểu,**[146]** dĩ nhiên ta cũng không thể nói đến việc đưa ra một lý thuyết tổng quát. Lý luận chỉ có thể làm cho người ta chú ý đến những sai lầm có thể phạm phải trong phạm vi đó. Muốn tránh sai lầm, cần phải tính toán rất tỉ mỉ và cần phải dành một khoảng dự trữ nào đó cho những chậm trễ bất ngờ. Cũng cần phải chú ý đến khí hậu và tình trạng bộ đội.

Từ khi hủy bỏ các loại lều lán và bắt đầu thực hiện tiếp tế bằng trưng dụng thì xe cộ hậu cần của quân đội đã bớt đi rất nhiều. Kết quả đáng chú ý nhất là: Quân đội đã vận động nhanh hơn nhiều, nghĩa là đã hành quân dài hơn. Tuy vậy, điều đó chỉ có thể xảy ra trong những điều kiện nào đấy.

Tại chính chiến trường, những sáng kiến trên không làm cho các cuộc hành quân nhanh hơn; vì mỗi khi mục tiêu chiến đấu bắt buộc phải hành quân kéo dài một cách bất thường – điều này ai cũng biết – thì người ta để đoàn xe tiếp tế ở lại phía sau hoặc người ta đưa nó lên phía trước, và còn đang vận động thì người ta tách nó ra khỏi bộ đội. Như vậy, thường thường nó không ảnh hưởng gì đến vận động và khi nó không còn là một cái gì ràng buộc trực tiếp thì người ta không nghĩ đến nó nữa mạc dầu có vì thế mà nó chịu thiệt hại đến bao nhiêu đi nữa. Bởi vậy trong cuộc Chiến tranh Bảy năm người ta thấy có những cuộc hành quân cho đến bây giờ vẫn chưa vượt qua được; để làm thí dụ, chúng ta hãy kể cuộc hành quân của Lacy năm 1760 khi ông ta phải phối hợp với trận đánh "giương đông kích tây" của người Nga ở Berlin. Ông ta hành quân từ Schweidnitz đến Berlin qua đất Lusatia, nghĩa là ông ta đi 45 dặm trong 10 ngày, trung bình mỗi ngày từ 4 đến 5 dặm; ngay cả hiện nay, đó là một kỷ lục lạ thường đối với một quân đoàn 150.000 người.

Nhưng chính vì có thay đổi trong phương pháp tiếp tế mà các cuộc vận động của quân đội hiện đại vấp phải một yếu tố trì hoãn. Vì binh lính phải tự tìm cách sinh sống một phần, đó là điều hay xảy ra, nên mất nhiều thì giờ hơn là nếu chỉ cần lấy bánh mì sắp sẵn trong toa xe. Hơn nữa, trong những cuộc hành quân lâu dài người ta không thể để binh lính tập trung nhiều khối lớn vào một điểm; phải tách các sư đoàn ra mới thỏa mãn những nhu cầu của họ được. Cuối cùng, nhiều khi ta bắt buộc phải để một bộ phận của quân đội, nhất là kỵ binh, trong các nơi đóng quân. Nói chung, tất cả những điều đó dẫn đến việc phải đóng quân khá lâu. Bởi vậy, chúng ta thấy: Vào năm 1806, Bonaparte truy kích nhằm cắt ngang quân đội Phổ ra và Blücher cũng có ý đồ như trên đối với người Pháp năm 1815; cả Bonaparte lẫn Blücher đều cũng chỉ đi được có 30 dặm trong 10 ngày. Frederick Đại đế đã dạt được tốc độ đó trong các cuộc hành quân từ Xác đến Silesia và trở về, mặc dầu có đoàn xe tiếp tế đi theo.

Dẫu sao tính cơ động và dễ điều khiển của từng bộ phận lớn nhỏ của một quân

đội đã tăng lên nhiều vì xe cộ tiếp tế bớt di. Một mặt, người ta cần ít ngựa hơn đối với một số lượng kỵ binh và pháo binh như trước, như thế nghĩa là cần ít rơm cỏ hơn; mặt khác, quân đội ít bị buộc chặt vào vị trí của mình và nó không cần chú ý đến nột đoàn xe tiếp tế vô tận leo đẽo theo sau.

Ngày nay, những cuộc hành quân như cuộc hành quân của Frederick Đại đế sau khi giải vây Ônmuýt năm 1758 với 4.000 xe (để hộ vệ đoàn tiếp tế, một nửa quân đội phải xé nhỏ ra thành tiểu đoàn, thành nhóm nhỏ) không thể thành công được kể cả lúc gặp đối phương hèn nhát nhất.

Đối với các cuộc hành quân dài, ví dụ đi từ Tagus đến Niemen,**[147]** việc làm cho quân đội nhẹ đi như thế có ảnh hưởng rõ hơn, vì có nhiều xe cộ khác nên hàng ngày cũng chỉ đi được một thời gian bình thường như cũ, trong lúc cấp bách người ta sẵn có thể kéo dài thời gian này mà không bị hy sinh gì lớn lắm.

Nói chung, việc giảm bớt các đoàn xe tiếp tế chỉ tiết kiệm được sức lực chứ không làm cho các cuộc vận động nhanh hơn bao nhiêu.

Chương 12. CÁC CUỘC HÀNH QUÂN

Bây giờ chỉ còn cần xem xét tác dụng phá hoại của các cuộc hành quân đối với các lực lượng chiến đấu. Tác dụng đó lớn đến nỗi người ta có xu hướng đặt nó ngang hàng với giao chiến như một yếu tố hoạt động đặc thù.

Mọi cuộc hành quân vừa phải không hủy hoại công cụ,[148] nhưng hàng loạt các cuộc hành quân như thế đã bắt đầu làm cho nó hao mòn đi, còn hàng loạt cuộc hành quân khó khăn thì làm cho nó bị hủy hoại nhiều hơn nữa.

Trên chiến trường, ăn đói, ở khổ, đường sá xấu và luôn luôn phải sẵn sàng chiến đấu là nguyên nhân của những cố gắng quá sức: Nó hủy hoại con người, súc vật, xe cộ và quần áo.

Thường thường người ta hay nói rằng nghỉ ngơi lâu dài cũng có hại đến sức khỏe vật chất của một quân đội; nó gây ra nhiều bệnh tật hơn là hoạt động vừa phải. Thật vậy, bệnh tật sinh sôi nảy nở khi binh lính chen chúc trong những nơi đóng quân chật hẹp; nhưng nó cũng có thể nảy sinh trong những nơi trú quân dọc đường; không bao giờ thiếu không khí và thiếu luyện tập lại là nguyên nhân của bệnh tật, vì chỉ cần đem binh lính ra luyện tập là đều được giải quyết xong cả.

Con người có cơ thể bị rối loạn, bị lung lay vì đã phải mang nặng, lại bị bệnh tật giữa đường, trong mưa gió lầy lội, khác hẳn với con người ở trong nhà. Nếu anh ta ở trong trại thì có thể nhanh chóng gửi anh ta đến nơi dân cư gần nhất: Ở đó có thể anh ta sẽ không hoàn toàn thiếu thuốc men; còn trong lúc hành quân thì anh ta phải nằm hàng giờ bên đường, không ai cứu chữa, rồi lại phải bò lê trên nhiều dặm đường dài ở cuối đoàn quân. Biết bao nhiêu bệnh nhẹ hóa ra nặng và biết bao nhiêu bệnh nặng thành bệnh chết người. Ta phải nghĩ rằng trong bụi bặm và nắng hè cháy bỏng, một cuộc hành quân vừa phải cũng đã có thể gây nên nóng nực ghê gớm và chính trong tình trạng này người lính khát khô cổ không còn chịu được nữa liền chạy đến dòng suối mát ở đó là bệnh tật và chết chóc.

Suy nghĩ như trên không phải là để đề ra chủ trương bớt hoạt động; công cụ cốt để sử dụng và nếu trong lúc sử dụng có bị hao mòn đi thì cũng là phải lẽ thôi. Chúng tôi chỉ muốn mọi việc đều đâu vào đấy và chống lại, những lý thuyết khoác lác chẳng hạn như bất ngờ đến không xoay sở nổi hoặc vận động chớp nhoáng, hoạt động sôi nổi nhất thì chẳng mất mát gì cả, nhưng đó lại là một thứ mỏ vàng mà các tướng tá lười nhác không biết khai thác. Khai thác cái mỏ này thì cũng giống như khai thác các mỏ khác thôi: Người ta chỉ nghĩ đến sản phẩm của nó mà không nghĩ rằng mình cần bỏ vào đó bao nhiêu lao động.

Những cuộc hành quân dài ngày tiến hành ở ngoài vùng chiến trường thường có điều kiện tốt hơn và chắc chắn là sự tổn thất hàng ngày thấp hơn, nhưng ngược lại người bị ốm nhẹ nhất nói chung cũng phải coi như bị loại ra ngoài vòng chiến đấu khá lâu, những người mới lành bệnh thì khó lòng đuổi kịp được quân đội đương tiến lên liên tục.

Trong kỵ binh, số lượng ngựa mệt nhọc và bị hủy hoại tăng lên nhanh chóng, và có nhiều xe cộ hư hỏng hoặc không dùng được nữa. Sau một cuộc hành quân 100 dặm hoặc hơn nữa, một quân đội đến đích bao giờ cũng bị suy yếu đi nhiều, nhất là kỵ binh và xe cộ.

Khi hành quân ngay trên chiến trường, nghĩa là trước mắt địch, thì điều bất lợi này lại có thêm nhiều khó khăn trước nữa; khi có những khối lượng lớn binh lính và những điều kiện khác cũng không thuận lợi thì tổn thất có thể lớn đến mức độ không thể tưởng tượng được.

Chỉ một ví dụ cũng đủ minh họa điều chúng tôi vừa nói.

Khi Bonaparte vượt sông Niemen ngày 24 tháng 6 năm 1812, đạo trung quân khổng lồ cùng đi với ông ta đến Moscow lên đến 301.000 người. Ngày 15 tháng 8, ở Smolensk phải tách ra 13.500; đáng lẽ ông ta còn giữ được 287.000 người. Thật ra số quân chỉ còn lại 182.000 nghĩa là đã mất 105.500**[149]** người. Cho đến lúc đó mới có hai cuộc xung đột đáng gọi là giao chiến, một cuộc giữa Davout và Bagration, một cuộc khác giữa Murat và Tolstoy- Osterman, nên người ta có thể ước đoán là người Pháp mới bị tổn thất trong hành động độ 10.000 người là nhiều nhất. Trong 52 ngày, tổn thất vì bệnh tật và vì tụt lại lên đến 95.000 người nghĩa là 1/3 tổng số quân.

Ba tuần sau, cho đến lúc có trận Borodino, quân Pháp đã tổn thất tới 144.000 người (kể cả tổn thất trong giao chiến) và tám ngày sau, ở Moscow, tổn thất đã lên đến 198.000 người. Toàn bộ tổn thất của quân đội Pháp là: Lúc bắt đầu chiến dịch 1/150 một ngày, rồi đến 1/120 và đến cuối chiến dịch là 1/19 của lực lượng ban đầu.**[150]** Nói cho đúng, người ta có thể xem cuộc vận động của Bonaparte từ sau khi vượt sông Niemen đến Moscow là liên tục; nhưng cũng không nên quên rằng cuộc vận động này chỉ có 82 ngày. Trong thời gian đó, quân Pháp chỉ đi được 120 dặm và chỉ thực sự nghỉ chân có hai lần: Lần thứ nhất khoảng 14 ngày ở Vilna, lần thứ hai khoảng 11 ngày ở Vitebsk; trong hai lần nghỉ đó, những người đi chậm có dịp đuổi kịp quân đội. Trong cuộc tiến quân 14 tuần ấy, thời tiết và đường sá không phải xấu nhất vì lúc đó đang độ mùa hè và đường đi ở trên đất cát. Điều kiện nghiêm trọng thêm là: Một khối lượng binh lính khổng lồ tập trung trên độc một con đường, tiếp tế thiếu thốn và đối phương thì tuy rút lui nhưng lại không chạy trốn.

Không cần nói đến cuộc rút lui của quân đội Pháp, hay nói đúng hơn cuộc tiến quân của họ từ Moscow đến Niemen nhưng chúng tôi cũng chú ý nhấn mạnh rằng quân đội Nga theo sau đó, lúc đi từ Kaluga thì có 120.000 người nhưng lúc đến Vilna thì chỉ còn 30.000 người. Mọi người đều biết rằng, trong thời gian đó họ mất rất ít binh lính vì giao chiến.

Hay kể thêm một ví dụ lấy trong chiến dịch của Blücher năm 1813 ở Saxony và Silesia: Chiến dịch này không nổi bật vì hành quân dài mà vì có nhiều cuộc vận động đi lại. Quân đoàn của Yorck bước vào chiến dịch ngày 18 tháng 6 với chừng 40.000 người, và ngày 19 tháng 10 khi đến Leipzig chỉ còn 12.000 người. Trong các cuộc giao chiến ở Goldberg, ở Lowenberg, và trong chiến dịch trên sông Katzbach ở Wartenburg và trong chiến dịch Möckern (Leipzig) quân đoàn này chỉ mất 12.000

người theo các tác giả đáng tin cậy nhất; như vậy trong 2 tháng, những tổn thất khác đã lên đến 16.000 người, nghĩa là 2/5 tổng số.**[151]** Lúc chuẩn bị tiến hành một cuộc chiến tranh có nhiều cuộc vận động thì phải thấy trước rằng lực lượng của mình sẽ bị hủy hoại nhiều; phải căn cứ vào đó mà tổ chức các kế hoạch hành động khác và trước hết phải trù tính thế nào để có nguồn bổ sung.

Chương 13. NHỮNG NƠI TRÚ QUÂN

Trong lịch sử nghệ thuật quân sự hiện đại, những nơi trú quân lại trở nên cần thiết vì không còn lều, đoàn xe tiếp tế đầy đủ để làm cho quân đội hoàn toàn độc lập. Các lán trại và các trại ngoài trời (mà người ta gọi là bivouacs) dẫu có hoàn hảo đến đâu cũng không thể làm nơi trú ẩn thường xuyên; về lâu dài và tùy theo thời tiết, trong điều kiện trú quân như vậy, bệnh tật sẽ lan tràn và làm cho quân đội kiệt quệ nhanh chóng. Trong chiến dịch nước Nga năm 1812, tuy khí hậu rất khắc nghiệt, binh lính vẫn không trú quân nghỉ ngơi trong suốt sáu tháng trời ròng rã. Những sự cố gắng ấy đem đến kết quả gì, phải gọi đó là sự cuồng dại nếu như danh từ này còn có thể ứng dụng được đúng hơn đối với quan niệm chính trị của sự việc.

Hai điều kiện không cho phép ta hạ trại là: Ở gần quân địch và vận động quá nhanh. Vì vậy phải rời bỏ những nơi này khi sắp đến lúc quyết định và chỉ trú quân nghỉ ngơi khi đã có quyết định.

Trong chiến tranh hiện đại, nghĩa là trong tất cả các chiến dịch xảy ra từ 25 năm trở lại đây, các lực lượng cơ bản của chiến tranh đều đã bộc lộ ra mạnh mẽ đến mức cao nhất của nó. Cái gì có thể làm được, có thể cố gắng được đều đem ra thi thố hết; nhưng tất cả các chiến dịch đó đều khá ngắn, ít khi nó kéo dài quá sáu tháng; phần lớn các chiến dịch đều đạt mục tiêu trong vòng vài ba tháng, nghĩa là, kẻ chiến bại phải xin đình chiến, có khi xin hòa bình, hoặc lực lượng thúc đẩy của bên chiến thắng cũng đã dẫn hết sức của mình. Không thể nói đến vấn đề trú quân trong thời kỳ phải chiến thắng cao độ, vì ngay trong cuộc hành quân thắng lợi của kẻ truy kích, dù không còn nguy hiểm nữa, song do vận động nhanh chóng nên cũng không thể nghỉ ngơi được.

Khi vì một lý do nào đó, các biến cố không diễn biến sôi nổi nữa, khi các lực lượng đối lập nghiêng ngả, cân bằng nhau, đè nặng lên nhau thì người ta sẽ chú ý chủ yếu đến việc trú quân của binh lính. Nhu cầu đó tác động ảnh hưởng một mức độ nào đó đến việc chỉ đạo chiến tranh, vì một mặt nó thúc đẩy ta tranh thủ thời gian bằng một đội tiền vệ lớn hơn và đi xa hơn, mặt khác nó bắt ta chú ý đến sự giàu có và sung túc của đất đai hơn là những thuận lợi về chiến thuật, các mối quan hệ hình học, các tuyến và các điểm. Một thị trấn buôn bán từ 20.000 đến 30.000 dân, một con đường lớn đi qua những làng mạc lớn và những thành phố phồn vinh: Đó là những cơ hội thuận tiện để tập trung quân; và nếu được tập trung quân như vậy, các quân đoàn lớn có thể cơ động và tự do hành động hơn nhiều, điều này có thể bù vào lợi thế của những vị trí tốt.

Chúng tôi chỉ nói một vài lời về hình thái tổ chức những nơi trú quân, vì nói chung vấn đề đó thuộc phạm vi chiến thuật.

Việc trú quân của binh lính có hai mặt khác nhau vì tầm quan trọng của vấn đề có thể là thứ yếu hoặc chủ yếu. Khi việc bố trí quân đội tác chiến chỉ phụ thuộc vào những lý do chiến thuật và chiến lược, và những nơi trú quân nghỉ ngơi đều ở gần

điểm tập trung như là đối với kỵ binh thì vấn đề những nơi trú quân là thứ yếu và có thể thay thế cho các doanh trại đồn trú. Phải chọn nơi này trong một chu vi nào đó để binh lính có thể đến địa điểm tập hợp trong thời gian cần thiết. Nhưng khi quân đội trú quân nghỉ ngơi thì nơi trú quân có tầm quan trọng chủ yếu và các biện pháp khác, chẳng hạn chọn địa điểm tập hợp cho thích đáng, cũng phải phụ thuộc vào nhu cầu đó.

Vấn đề thứ nhất cần phải xem xét là toàn bộ hình thái của vùng hoạt động. Thường vùng này có hình bầu dục kéo dài giống như đội hình chiến thuật được phóng to lên. Điểm tập trung là một điểm ở phía trước và tổng hành dinh ở phía sau. Thế nhưng ba cách bố trí ấy làm trở ngại (có thể chúng chống lại) khá nhiều đối với điều kiện tập trung quân đội trước khi quân địch đến.

Hình thái nơi trú quân càng gần giống hình vuông (có khi như hình tròn cũng được) thì việc tập hợp quân đội vào một điểm (nghĩa là vào giữa) càng mau chóng. Điểm tập hợp càng ở lại phía sau thì quân địch càng lâu mới đến được và ta lại càng có thì giờ để tập hợp.

Một điểm tập trung ở phía sau những nơi trú quân không bao giờ gặp nguy hiểm.**[152]** Nhưng tổng hành dinh càng ở phía trước thì các báo cáo càng đến nhanh và bộ chỉ huy càng nắm được tình hình đầy đủ. Tất cả những cách bố trí ấy đều có lý do và ít nhiều đều đáng được chú ý.

Những nơi trú quân phát triển theo chiều rộng có mục đích phòng giữ đất đai không cho kẻ địch trưng dụng. Nhưng lý do này không thật đúng và cũng không thật quan trọng, nó chỉ đúng với những cánh sườn xa nhất, nhưng nó không ứng dụng cho tất cả các khoảng không gian ở giữa hai bộ phận của một quân đội khi các doanh trại của nó lại quây quần xung quanh điểm tập trung, vì không bao giờ quân địch dám đi vào các khoảng cách ấy cả. Lý do này cũng không quan trọng lắm vì ngoài cách phân tán quân đội còn có những biện pháp đơn giản hơn khiến cho quân địch không thể thực hiện được những biện pháp trưng dụng trên những vùng đất đai bao quanh ta.

Có thể bảo vệ các nơi trú quân bằng cách đặt những địa điểm tập trung ở phía trước ở các nơi đó.

Vấn đề là như thế này: Trước hết các đơn vị đi chiến đấu ngay thường luôn luôn để lại ở chỗ trú quân cả một đoàn người chậm trễ, ốm đau, lại có cả hành lý, lương thực, v.v..; những thứ này có thể dễ dàng rơi vào tay địch nếu người ta đặt vị trí ở ngay hậu phương của mình. Sau nữa, người ta dễ e ngại rằng những sư đoàn kỵ binh của địch vượt qua đội tiền vệ của ta hoặc đánh tan đội tiền vệ này thì chúng có thể gặp các trung đoàn, các tiểu đoàn lẻ của ta. Nhưng nếu địch đụng phải những đơn vị đang thành lập, kể cả những đơn vị rất yếu và phải lùi bước đi nữa, thì địch cũng phải ngưng lại và ta cũng lợi được một ít thời gian.

Còn về tình hình tổng hành dinh thì từ lâu người ta đã nghĩ rằng nó không bao giờ được bảo vệ quá đầy đủ cả.

Tất cả những điều suy nghĩ trên làm cho chúng tôi thấy rằng hình thái tốt nhất của các nơi trú quân là hình bầu dục gần giống như hình vuông góc hoặc hình tròn; điểm

tập hợp ở giữa, tổng hành dinh chiếm các tuyến đầu thì khối lượng binh lính khá lớn.

Những điều chúng tôi nói về việc bố trí nói chung, về việc bảo vệ cho các cánh sườn vẫn đúng ở đây. Như vậy, khi người ta chuẩn bị cùng tác chiến, những cánh quân tách biệt ở bên trái và bên phải cánh quân chính đều có điểm tập hợp riêng của mình trong hàng của đạo quân chính.

Nếu người ta lại nghĩ thêm rằng điểm tập hợp tự nhiên là do các vùng địa hình lòng chảo quyết định và một mặt khác nơi trú quân là do các thành phố và thị trấn quyết định thì người ta sẽ hiểu rõ là hình thái hình học ít khi quyết định vấn đề. Nhưng, chúng tôi lại càng thấy cần lưu ý đến điểm này vì như mọi quy luật chung, ít nhiều nó đều có liên quan với các trường hợp phổ biến.

Bây giờ chúng tôi chỉ còn cần nói một điểm về vị trí thuận lợi của các nơi đóng quân là: Nó phải được xây dựng sau một chướng ngại đất đai nào đó dùng để che chở, còn việc quan sát địch thì phải dùng đến nhiều nhóm nhỏ; nó cũng có thể được xây dựng sau các pháo đài khiến cho quân địch nể sợ và thận trọng, nhất là khi địch không có cơ hội đánh giá lực lượng đồn trú.

Chúng tôi sẽ bàn riêng về vấn đề những nơi trú quân mùa đông có công trình phòng ngự.**[153]** Trái với những nơi trú quân của các đơn vị hành quân, những nơi trú quân của các đơn vị tĩnh tại triển khai rất hẹp những lại được kéo dài theo dọc đường đi để tránh khỏi đi vòng; nếu nó kéo dài chưa đến một ngày đường, cách bố trí này không phải là không thuận tiện cho việc tập trung nhanh chóng.

Mỗi lần người ta đối mặt – theo danh từ kỹ thuật – với quân địch, nghĩa là mỗi lần mà khoảng cách giữa hai đội tiền vệ không lớn lắm, chiều rộng của nơi trú quân và thời gian cần thiết để tập trung binh lính sẽ quyết định lực lượng và vị trí của đội tiền vệ, và các tiền đồn; trái lại, khi những vấn đề đó do quân địch hoặc các tình huống khác quyết định, quy mô nơi trú quân phụ thuộc vào thời gian đề kháng của các tiền đồn.

Trong chương 3**[154]** của tập này, chúng tôi đã trình bày vấn đề: Phải hiểu sự đề kháng của các đạo quân đi trước như thế nào? Phải lấy thời gian truyền đạt mệnh lệnh và thời gian quân đội lên đường trừ vào thời gian đề kháng này, còn lại là thời gian thừa dùng để đi đến địa điểm tập trung.

Để có thể rút ra từ ý kiến của chúng tôi một kết luận áp dụng được cho những trường hợp thông thường, cần phải có nhận xét như sau: Nếu đường bán kính của nơi trú quân là khoảng cách của đội tiền vệ và nếu điểm tập hợp ở gần trung tâm của các nơi này thì thời gian quân địch bị chặn lại có thể dùng để truyền đạt mệnh lệnh và để binh lính lên đường. Hầu như lúc nào thời gian đó cũng đủ đáp ứng, kể cả lúc mệnh lệnh không truyền đạt bằng tín hiệu, bằng bắn đại bác, v.v.. Nhưng lại bằng trạm liên lạc: Chỉ có cách này là thật sự chắc chắn nhất.

Một đội tiền vệ tiến liên trước, cách bản đội ba dặm cho phép các nơi trú quân mở rộng ra quãng độ 30 dặm vuông. Ở một xứ dân số trung bình, có độ 10.000 hộ**[155]** trong một diễn tích như trên, với một đạo quân 50.000 người đến đóng, nếu ta trừ đội tiền vệ đi thì mỗi hộ có 4 người: Như thế đã là thuận tiện lắm vì nếu đạo

quân có đông gấp đôi chăng nữa thì 9 người đóng trong một hộ cũng chưa đến nỗi quá chật. Nếu trái lại, đội tiền vệ chỉ có thể tiến lên phía trước được một dặm thì người ta chỉ sử dụng được một khoảng diện tích là bốn dặm vuông; vì tuy thời gian được lợi không giảm đi theo thật đúng tỉ lệ với khoảng cách của đội tiền vệ, và với một khoảng cách một dặm người ta có thể được lợi 6 giờ, song bởi lẽ ở gần địch như thế nên người ta lại phải thận trọng hơn nhiều (do đó cũng mất thì giờ hơn -ND). Tuy nhiên, một đạo quân 50.000 người chỉ có thể trú ngụ trong một diện tích hẹp như thế nếu vùng này dân cư rất đông đúc.

Tất cả những điều nói trên chỉ rõ vai trò chủ yếu của các thành phố lớn, hay ít nhất của các thành phố quan trọng; các nơi này cho phép ta tập trung ở một điểm từ 10.000 đến 20.000 người.

Những kết quả trên có thể chứng minh rằng nếu người ta không ở gần địch quá và nếu có đội tiền vệ tốt, người ta vẫn có thể ở lại nơi trú quân, ngay cả khi đứng trước những lực lượng tập trung của địch như Frederick Đại đế ở Breslau hồi đầu năm 1762 và Bonaparte ở Vitebsk năm 1812. Nhưng, nếu người ta không có điều gì phải lo ngại lúc tập trung lực lượng, lúc người ta đã ở cách nơi địch tập trung theo ý mình muốn và tất cả các biện pháp đề phòng cần thiết đã được thi hành thì không nên quên rằng: Một đội quân đang lo tập trung nhanh chóng thường không làm được việc gì trong thời gian ấy và vì vậy nó không thể lợi dụng được thời cơ ngay tức khắc, điều đó làm cho hiệu lực của nó không còn bao nhiêu nữa. Vì vậy, quân đội chỉ hoàn toàn đồn trú trong ba trường hợp sau đây: 1. *Khi kẻ địch cũng làm như thế* 2. *Khi tình trạng binh lính buộc ta phải làm như thế* 3. *Khi nhiệm vụ trước mắt của quân đội hoàn toàn chỉ là giữ một vị trí mạnh nào đó và điều quan trọng nhất là tập trung lực lượng vào vị trí cho đúng lúc*.

Chiến dịch năm 1815 là một thí dụ kỳ lạ về việc tập trung quân đội đang đồn trú. Tướng Zieten dừng lại ở Charleroi với đội tiền vệ của Blücher mạnh đến 30.000 người, chỉ cách Sombreffe có hai dặm: Ở đó là nơi quân đội phải tập trung. Những nơi đồn trú xa nhất của quân đội thì phải ở cách Sombreffe độ tám dặm, nghĩa là một mặt thì ở phía bên kia Ciney còn mặt khác thì ở gần Liège.

Tuy vậy, những đơn vị đồn trú ở bên kia Ciney đã tập trung được ở Ligny nhiều giờ trước khi xảy ra trận đánh. Nếu không gặp yếu tố ngẫu nhiên và việc truyền lệnh không đến nỗi quá kém thì những đơn vị đi từ Liège (đạo quân của Bülow) cũng đã có mặt ở Ligny.

Quả là người ta đã không quan tâm đầy đủ đến sự an toàn của đội quân Phổ; nhưng điều này dễ hiểu vì các biện pháp trên được thi hành lúc quân đội Pháp đang còn bị phân tán trong các doanh trại rất xa; sai lầm chỉ là ở chỗ người ta đã không thay đổi các biện pháp ấy khi họ đã được tin về những cuộc vận động của quân đội địch và Bonaparte đã đến nơi.

Tuy vậy, quân đội Phổ cũng đã tập trung lại ở Sombreffe trước lúc địch tiến công; đó quả là việc rất đáng khen ngợi. Nói đúng ra, trong đêm 14, nghĩa là 12 giờ trước khi tướng Zieten bị tiến công thật sự, Blücher đã được tin về cuộc tiến quân của địch

và ông ta bắt đầu tập trung quân đội của mình; nhưng ngày 15, ngay từ lúc 9 giờ sáng,**[156]** tướng Zieten đã hoàn toàn tham gia vào trận đánh và chỉ lúc ấy thì tướng Thielmann ở Ciney mới nhận được lệnh hành quân đến Namur. Vì vậy ông ta phải bắt đầu tập trung quân đội thành sư đoàn rồi phải hành quân 6 dặm rưỡi đến Sombreffe và đi mất 24 giờ. Đối với tướng Bülow cũng vậy, nếu nhận được lệnh đúng lúc thì ông ta cũng đã đến đúng lúc.

Nhưng Bonaparte chỉ có thể tiến công Ligny vào ngày 16 lúc 2 giờ chiều. Vì sợ phải đương đầu với cả hai phía, một phía với Wellington, một phía với Blücher, nói cách khác là sợ lực lượng quá chênh lệch, nên ông ta mới chậm trễ như vậy. Nhưng điều đó chỉ rõ rằng: Người chỉ huy kiên quyết nhất cũng buộc phải thăm dò tình hình cẩn thận: Đấy là việc không tránh được trong tất cả các trường hợp hơi phức tạp một chút.

Rõ ràng các nhận định trên đều thuộc phạm trù chiến thuật hơn là chiến lược, ít nhất cũng là một phạm vi nào đó. Nhưng chúng tôi muốn rằng: Thà nói lắp còn hơn là nói không rõ ràng.

Chương 14. TIẾP TẾ

Trong chiến tranh hiện đại, vấn đề tiếp tế có tầm quan trọng to lớn vì hai lý do. Trước tiên vì các quân đội có quy mô rộng lớn hơn thời Trung cổ, có khi lớn hơn cả thời Cổ đại. Trong quá khứ, đôi lúc có những quân đội đông bằng hoặc đông hơn nhiều so với quân đội ngày nay, nhưng đó chỉ là những hiện tượng tạm thời.**[157]** Còn trong chiến tranh hiện đại, nhất là từ thời Louis XIV, các quân đội khi nào cũng rất đông. Lý do thứ hai quan trọng hơn nhiều và có tính chất riêng biệt của thời kỳ chiến tranh hiện đại. Đó là tính hệ thống bên trong của chiến tranh và tính luôn luôn sẵn sàng chiến đấu của các lực lượng vũ trang. Phần lớn các cuộc chiến tranh đời xưa là những hoạt động riêng lẻ, không có quan hệ với nhau, bị ngăn ra bởi những khoảng cách mà chiến tranh ngừng hẳn và chỉ tiếp tục tồn tại về phương diện chính trị; bất cứ trường hợp nào các lực lượng quân sự cũng xa cách đến nỗi quân đội mỗi bên tham chiến có thể tìm cách thỏa mãn nhu cầu cùa mình mà không cần chú ý đến đối phương.

Chiến tranh hiện đại, nghĩa là các cuộc chiến tranh từ hòa ước Westphalia**[158]** tới nay, theo ý muốn của các chính phủ, đã trở nên có hệ thống chặt chẽ, có mạch lạc hơn trước nhiều. Ở đâu, mục tiêu quân sự cũng chen chân vào; về mặt sinh hoạt, mục tiêu quân sự đòi hỏi phải có tổ chức tốt để thỏa mãn các nhu cầu của quân đội. Tuy các cuộc chiến tranh ở thế kỷ XVII và XVIII cũng có nhiều thời kỳ ngừng chiến dài mà quân đội thường chuyển vào nơi trú quân mùa đông, gần như chiến tranh đã chấm dứt, song những thời kỳ này vẫn phụ thuộc vào mục tiêu quân sự. Đó không phải là do thiếu tiếp tế mà là do thời tiết xấu quyết định, và cứ đến mùa hè thì các thời kỳ này chấm dứt, và các hoạt động quân sự cũng liên tục diễn ra trong suốt mùa đẹp trời.

Ở đây cũng như ở tất cả các nơi khác, việc chuyển từ một điều kiện nào đó hoặc từ một kiểu hoạt động nào đó sang một điều kiện hoặc một kiểu hoạt động khác khi nào cũng được tiến hành từng bước.

Trong các cuộc chiến tranh chống Louis XIV, quân Đồng minh có thói quen trú quân mùa đông ở các tỉnh xa để nuôi quân dễ dàng hơn; từ các cuộc chiến tranh Silesia thì không còn như thế nữa.

Hình thái chiến tranh có hệ thống mà mạch lạc như vậy chỉ có thể có khi các quốc gia thay thế quân đội phong kiến bằng quân đội đánh thuê. Chế độ chư hầu chuyển thành chế độ thuế má, và chế độ sai dịch được bãi bỏ hoàn toàn – thay thế bằng chế độ tuyển mộ – hoặc nếu còn thì chỉ áp dụng đối với các giai cấp dưới, vì giai cấp quý tộc coi việc cung cấp lính là một thứ thuế khóa (hiện nay ở Nga và ở Hungary vẫn còn có chế độ này). Dầu sao mặc lòng, như trước đây chúng tôi đã nói, quân đội cũng đã trở thành một công cụ trong tay các Nội các do Ngân khố hoặc do thu thập của chính phủ đài thọ.

Sự thay đổi trong cách tuyển lính và cách xây dựng lực lượng quân sự còn biểu hiện rõ trong vấn đề nuôi dưỡng quân đội. Quý tộc đã được miễn nhiệm vụ thứ nhất vì đã trả tiền, người ta không bắt họ trực tiếp làm nhiệm vụ thứ hai được. Nội các,

Ngân khố phải đài thọ cho nhu cầu quân đội và không thể để nó sống dựa vào dân chúng ở ngay trong đất nước. Chính phủ bắt buộc phải coi việc nuôi dưỡng lực lượng quân sự là công việc của bản thân mình. Như vậy, khó khăn về nuôi dưỡng tăng lên ở hai mặt; trước hết vì nó trở thành công việc của chính phủ, sau nữa vì các lực lượng vũ trang luôn luôn phải theo dõi giám sát quân địch.

Như vậy, không những người ta tạo ra một đẳng cấp quân sự đặc biệt mà còn tạo ra một tổ chức độc lập nhằm cung cấp trang bị cho nó, một tổ chức càng hoàn hảo thì càng tốt.

Lương thực không những được người ta thu mua bằng tài chính hoặc bằng đóng góp công của, chuyên chở từ xa đến và bỏ vào kho mà lại còn được giao cho quân đội bằng một hệ thống vận tải riêng, được chế biến tại những lò bếp riêng, từ đó được các đơn vị mang đi bằng các tổ chức vận chuyển của quân đội. Chúng tôi nói đến hệ thống này[159] không phải chỉ là vì nó giải thích tính chất của các cuộc chiến tranh đã sinh ra nó mà chính là vì nó sẽ tồn tại mãi mãi. Một số yếu tố của hệ thống này sẽ còn luôn luôn xuất hiện.

Như vậy tổ chức quân sự càng ngày càng có khuynh hướng trở thành độc lập với nhân dân và đất nước.

Bởi thế chiến tranh ngày càng có hệ thống ngày càng mạch lạc và ngày càng phụ thuộc vào mục đích chiến tranh, nghĩa là phụ thuộc vào mục đích chính trị mà chiến tranh muốn đạt. Như vậy, chiến tranh sẽ càng bị hạn chế, câu thúc trong các cuộc vận động của nó và vô cùng yếu về mặt cường độ. Vì từ đó về sau, quân đội bị ràng buộc vào các kho tàng, vào khu vực hoạt động của xe cộ, do đó nảy ra khuynh hướng tổ chức tiếp tế thế nào để càng tiết kiệm càng tốt. Trước kia, nhiều khi ta thấy người lính lang thang như ma đói, chỉ có một mẩu bánh mì lót dạ và cũng không có chút triển vọng thay đổi nào giúp cho anh ta chịu đựng mọi nỗi thiếu thốn hiện tại.

Người nào không thấy tầm quan trọng của tình hình binh lính ăn uống thiếu thốn và chỉ thỏa mãn với ý nghĩ cho rằng Frederick Đại đế đã làm nên biết bao chuyện với những binh lính ăn uống kém như vậy là người ấy không nhìn nhận vấn đề một cách vô tư cần thiết. Khả năng chịu được gian khổ là một trong những đạo đức quân sự đẹp đẽ nhất và nếu không có đạo đức đó thì không có quân đội nào có tinh thần chiến đấu thật sự; với điều kiện những thiếu thốn ấy chỉ là tạm thời, do hoàn cảnh khách quan bắt buộc chứ không phải là kết quả của một chế độ bủn xỉn hay của một sự tính toán ti tiện, trừu tượng về những nhu cầu thiết yếu nhất. Nếu không, những thiếu thốn ấy khi nào cũng sẽ làm cho lực lượng vật chất và tinh thần của cá nhân bị yếu đi. Những điều Frederick Đại đế đã thành công cùng với binh sĩ của ngài không thể dùng để hướng dẫn cho chúng ta được. Bởi vì, một mặt thì chế độ bên phía đối phương cũng giống như chế độ của ngài thôi, một mặt khác thì chúng ta không thể biết trước được ngài sẽ làm gì nếu như ngài cũng nuôi dưỡng được binh lính của ngài như Bonaparte đã nuôi dưỡng quân đội của ông ta, mỗi khi hoàn cảnh cho phép.

Tuy vậy, người ta chưa bao giờ dám thi hành chế độ phản tự nhiên đó đối với ngựa vì khối lượng chuyên chở sẽ dẫn đến những khó khăn lớn hơn nhiều. Một khẩu

phần cho ngựa nặng hơn một khẩu phần cho người mười lần; nhưng trong một quân đội, số ngựa không phải là một phần mười số người, hiện nay tỷ lệ đó vẫn là một phần tư hoặc một phần ba; ngày xưa tỷ lệ đó là một phần ba hoặc một nửa, nghĩa là trong lượng của các khẩu phần ngựa nặng gấp ba, bốn hoặc năm lần trọng lượng của các khẩu phần ăn phần người. Bởi vậy, người ta cố gắng thỏa mãn nhu cầu này bằng cách trực tiếp nhất nghĩa là bằng cách tự tìm lấy rơm cỏ. Tuy nhiên, biện pháp đó lại làm cho sự chỉ đạo chiến tranh bị một thứ ràng buộc mới: Trước hết, bằng bất cứ giá nào cũng phải tiến hành chiến tranh trên đất địch; sau nữa, quân đội không thể dừng lại quá lâu ở một nơi. Nhưng ở thời kỳ chiến tranh Silesia, người ta đã bớt phải tự tìm lấy rơm cỏ; người ta cho rằng xứ bị chiếm đóng phải đóng góp và bị tàn phá nhiều hơn nếu bị trưng thu hoặc bị đánh thuế tại chỗ.

Khi cách mạng Pháp đưa lên vũ đài một quân độ quốc gia thì các biện pháp của chính phủ trở thành không sao đáp ứng nổi; do đó, mọi tổ chức chiến tranh phụ thuộc vào các biện pháp tầm thường ấy và cả khái niệm cho rằng có dựa vào các biện pháp tầm thường như thế mới đảm bảo được an toàn, đều sụp đổ. Cùng một lúc với cái toàn thể, cái bộ phận mà chúng ta đang nghiên cứu, nghĩa là tổ chức tiếp tế, cũng bị lung lay. Các nhà lãnh đạo Cách mạng Pháp đưa quân đội và tướng tá ra chiến đấu mà không hề bận tâm một chút nào đến các kho tàng, lại càng không chú ý tổ chức bộ máy phức tạp quy định ra các bộ phận vận tải khác nhau: Họ ăn no, lớn mạnh và khích lệ nhau bằng biện pháp trưng thu và cướp đoạt.

Trong các cuộc chiến tranh của Bonaparte và chống Bonaparte, người ta giữ điểm trung gian giữa hai thái cực đó, nghĩa là trong hai biện pháp người ta áp dụng những cái gì thuận lợi nhất cho chiến tranh. Và có thể nói rằng: Sau này mọi sự sẽ vẫn tiếp tục diễn ra như thế.

Phương thưc tiếp tế mới của quân đội, nghĩa là dùng tất cả mọi nguồn cung cấp không phân biệt của anh hay của tôi, có bốn hình thái khác nhau: Tiếp tế do người dân gánh vác, chính bản thân quân đội trưng dụng, thuế má đánh vào tất cả mọi người và tiếp tế bằng kho tàng. Thường thương, cả bốn biện pháp đều cùng được thực hiện, có thể có biện pháp này lẫn biện pháp kia, nhưng cũng có khi người ta chỉ thực hiện một biện pháp và loại bỏ các biện pháp khác.

1. Tiếp tế do người dân phải chịu hoặc do làng xã phải chịu; 2 cách chỉ là một

Khi người ta nói một làng (kể cả những làng của những người tiêu thụ ở các thành phố lớn) có đủ lương thực cho nhiều ngày, người ta hiểu một cách dễ dàng rằng một thành phố dầu đông đúc đến bao nhiêu cũng có thể nuôi trong một ngày một số quân đông bằng số dân và có thể nuôi trong nhiều ngày một số quân hơi ít hơn số dân mà không cần có sự chuẩn bị đặc biệt gì cả. Trong các thành phố lớn, người ta đạt được kết quả hoàn toàn mỹ mãn, vì người ta có thể tiếp tế cho một số quân rất lớn. Nhưng trong các thành phố nhỏ, nhất là trong làng mạc, kết quả thường rất kém vì một số dân từ 3.000 đến 4.000 người trên một dặm vuông (con số này đã lớn lắm) cũng chỉ có thể nuôi được từ 3.000 đến 4.000 người; khi có một số quân rất lớn, nó sẽ phải

phân tán đến mức độ ảnh hưởng nghiêm trọng đến các điều kiện khác. Nhưng ở đồng bằng, kể cả trong các thành phố nhỏ, số lượng vật phẩm cần thiết cho nhu cầu chiến tranh lại lớn hơn nhiều. Tính trung bình, số bánh mì dự trữ của một nông dân và gia đình anh ta thường đủ dùng cho họ trong khoảng 8 đến 15 ngày; ngày nào cũng có thịt tại chỗ; rau cũng thường được tích trữ cho đến mùa sau. Trong những khu vực chưa bao giờ bị chiếm đóng, có thể nuôi được trong nhiều ngày một số quân nhiều gấp ba hoặc bốn lần so với số dân, như thế đã là đầy đủ lắm.

Bởi, một đạo quân độ 30.000 người nếu không có thành phố lớn thì sẽ chiếm một diện tích độ 4 dặm vuông, chiều ngang chừng 2 dặm với một số dân độ 2.000 đến 3.000 người. Một quân đội 90.000 người, trong đó có 75.000 chiến binh, chia ra làm 3 đạo gần nhau chỉ chiếm một chiều ngang là 6 dặm, nếu như có ba đường song song trên một chiều ngang rộng như thế.

Khi có nhiều đạo quân nối tiếp nhau trên một khu vực như vậy, các nhà chức trách địa phương phải thi hành những biện pháp đặc biệt; điều này không khó lắm nếu chỉ cần hai hoặc ba ngày. Nếu sau 90.000 người đầu tiên lại đến thêm 90.000 người nữa thì họ cũng chưa đến nỗi khổ sở nhiều lắm. Như vậy, chúng ta sẽ có thêm 150.000 chiến binh, một con số đáng kể.

Rơm cỏ cho ngựa lại càng ít khó khăn hơn, vì nó không cần xay giã, nấu nướng và số lượng dự trữ cho ngựa trong vùng phải đủ đến mùa gặt sau nên chúng ta không sợ thiếu, kể cả trường hợp có rất ít súc vật trong các chuồng trại. Nhưng rơm cỏ phải trưng dụng từ làng xã chứ không trưng dụng trực tiếp của người dân. Dĩ nhiên là trong lúc tổ chức các cuộc hành quân, người ta phải chú ý đến tính chất của các vùng sẽ đi qua, và không ai lại điều kỵ binh đi qua các trung tâm thương nghiệp hoặc công nghiệp.

Để kết thúc bản tóm tắt bao quát này, ta có thể khẳng định rằng; trong một vùng có mật độ dân số trung bình (chừng 2 hoặc 3 nghìn dân trên một dặm vuông), một quân đội độ 150.000 chiến binh có thể do dân và làng xã tiếp tế trong hai ba ngày trên một khoảng diện tích rất hẹp mà toàn quân đều có thể tham chiến được. Nói một cách khác, một quân đội như thế có thể sống không cần kho tàng, không cần chuẩn bị lương thực gì khác trong cả một cuộc hành quân liên tục.

Những hành động của quân đội Pháp trong các cuộc chiến tranh cách mạng và dưới thời Bonaparte đều dựa trên kết quả đó. Quân đội Pháp đã đi từ sông Adige đến hạ lưu sông Danube và từ sông Rhine đến sông Vistula mà không có biện pháp sống nhờ vào dân chúng mà vẫn không thiếu thốn gì cả. Vì các cuộc tác chiến của họ đều dựa vào ưu thế vật chất và tinh thần, vì họ luôn luôn thu được những thắng lợi không thể chối cãi được, vì họ không bao giờ quá dè dặt thận trọng đến mức chậm trễ, cho nên họ đã tiến lên trong sự nghiệp vinh quang của họ giống như trong một cuộc hành quân liên tục.

Khi điều kiện không được thuận lợi khi mật độ dân số không cao hoặc dân chúng sinh sống bằng thương nghiệp nhiều hơn bằng nông nghiệp, khi đất đai quá xấu, khi địa phương phải đóng góp nhiều lần thì dĩ nhiên là kết quả sẽ kém hơn. Khi đạo quân

mở rộng trận tuyến từ 2 dặm ra 3 dặm thì nó sẽ lập tức chiếm một diện tích gấp đôi, nghĩa là 9 dặm vuông chứ không phải 4 dặm vuông như trước: Diện tích này cho phép mọi chiến binh đều tham chiến được; điều đó chứng tỏ rằng phương pháp tiếp tế trên có thể thực hiện được lúc người ta tiến lên liên tục, kể cả trong điều kiện không thuận lợi.

Nhưng nếu phải dừng chân lại nhiều ngày mà không thực hiện các phương pháp khác thì cái đói khổ, trầm trọng nhất sẽ ập đến ngay lập tức. Hiện nay, người ta phải thi hành một tổ chức sóng đôi, kể cả một quân đội lớn. Tổ chức thứ nhất là đoàn xe tiếp tế trực thuộc quân đội, mang theo những vật phẩm cần thiết nhất, nghĩa là bột và bánh mì đủ dùng trong 3.4 ngày. Thêm vào đó, người lính còn mang theo khẩu phần cá nhân chừng 3.4 ngày nữa: Như vậy ít nhất việc tiếp tế cũng được bảo đảm trong 8 ngày.

Tổ chức thứ hai là một cơ quan đặc ủy thành thạo, mang tới nơi trú quân các thứ lương thực cần thiết từ những vùng xa đến, như vậy người ta có thể luôn luôn chuyển từ tổ chức trú quân trong nhà dân sang tổ chức trú quân khác.

Tiếp tế tại chỗ (ở ngay nơi trú quân) có thuận lợi lớn là không đòi hỏi phải có phương tiện vận tải và rất đỡ tốn thời giờ; nhưng muốn làm được như thế thì mọi đơn vị đều phải được ở trong nhà dân.

2. Tiếp tế do quân đội trưng dụng

Khi một tiểu đoàn lẻ đến chiếm lĩnh một vị trí trú quân thì bao giờ nơi này cũng ở gần một vài làng xã nào đó. Người ta có thể ra lệnh cho các làng xã đó phải cung cấp lương thực. Biện pháp này căn bản không khác biện pháp chúng tôi vừa nói. Nhưng khi một đạo quân lớn hơn nhiều tới trú quân ở một điểm nào đó (trường hợp này thường hay xảy ra) thì không có cách nào khác là trưng dụng cho toàn thể đơn vị (thí dụ như cho các lữ đoàn hoặc sư đoàn) rồi sau đó mới phân phối cho các đơn vị nhỏ hơn.

Có thể thấy ngay rằng, với biện pháp ấy, người ta không bao giờ có thể tiếp tế được đầy đủ cho một quân đội lớn. Trưng dụng như thế bao giờ cũng thu được kết quả ít hơn là khi quân đội đồn trú trong nhà dân; vì 30 hoặc 40 người đến đóng ở một cái trại có thể vét sạch sành sanh cái trại này lúc cần thiết, còn một sĩ quan cùng với một vài người lính được phái đi làm nhiệm vụ thì không thể có đủ thì giờ và phương tiện để tìm kiếm lương thực khắp nơi, đó là chưa kể đến việc họ còn thiếu cả phương tiện vận tải. Do đó, họ chỉ có thể thu thập được một phần nhỏ số lương thực hiện có. Trong các nơi trú quân, binh lính ở chật chội đến nỗi số lương thực thu thập được trong các vùng lân cận quả thật không đáng kể so với nhu cầu. Khi ba vạn con người vơ vét mọi thứ lương thực trong vùng xung quanh, nghĩa là trong một diện tích từ 3 đến 4 dặm vuông, thì số lương thực ấy có nghĩa lý gì đâu! Vả lại, ít khi họ có thể làm được điều trên vì phần lớn các làng xã gần đó đều có các đạo quân đến đóng, và các đạo quân này thì lại không muốn nhân nhượng cái gì cả. Cuối cùng tổ chức đó đẻ ra nhiều lãng phí, có nơi nhận được quá mức cần thiết, còn những thứ thừa dư thì đều bị mất v.v.

Vì vậy, tiếp tế bằng trưng dụng chỉ có lợi cho một số quân trung bình, thí dụ cho một sư đoàn từ 8.000 đến 10.000 người, và kể cả trong trường hợp này, việc trưng dụng cũng chỉ là bất đắc dĩ.

Biện pháp đó thường không thể tránh được đối với:

- Những phân đội trực tiếp đối diện với quân thù tức là các đội tiền vệ và các đơn vị tiền tiêu (khi quân đội hành tiến) vì các phân đội nói trên thường đến những địa điểm không hề được chuẩn bị trước và thường ở rất xa những kho dự trữ của toàn quân.
- Những đơn vị cơ động tự túc lương thực cho mình
- Tất cả các đơn vị không có thì giờ và biện pháp để tiếp tế bằng cách khác[160] Các đơn vị quân đội càng được tổ chức tốt để trưng dụng thường xuyên, thời gian và phương tiện càng cho phép ta sử dụng biện pháp tiếp tế này thì kết quả càng tốt. Nhưng, thường thường người ta không có đủ thì giờ, vì cái gì binh sĩ tự trưng dụng lấy thì đến tay họ cũng nhanh hơn.

3. Tiếp tế bằng trưng dụng thường xuyên

Biện pháp này rõ ràng là đơn giản nhất và có hiệu quả nhất; do đó nó là nền tảng cho tất cả các cuộc chiến tranh hiện đại.

Nó khác biện pháp trước ở chỗ có sự cộng tác của các nhà chức trách địa phương. Lương thực không bị cưỡng bức nộp ngay tại chỗ nhưng phải nộp thường xuyên và được phân bổ để đóng một cách hợp lý. Chỉ có các nhà chức trách địa phương mới có thể làm được công việc này.

Ở đây, tất cả là vấn đề thời gian. Thời gian càng dài, sự phân bổ đóng góp càng rộng rãi, thì càng ít đè nặng lên đầu người, kết quả càng tốt. Người ta cũng có thể dùng cách mua như vậy bằng tiền mặt và kiểu tiếp tế này gần giống kiểu sau. Trong mọi cuộc tập hợp binh lính tại quê quán của họ, điều này không gây ra trở ngại gì hết, kể cả trong các cuộc vận động rút về phía sau. Trái lại, khi vận động tới những vùng không thuộc quyền của ta thì chúng ta rất có ít thì giờ để làm như vậy; hầu như khi nào cũng chỉ được có một ngày, tức là ngày đội tiền vệ đi trước quân đội. Đội tiền vệ này truyền đạt cho các cơ quan chính quyền địa phương những mệnh lệnh nói rõ mỗi địa phương phải đóng góp bao nhiêu khẩu phần cho người và cho ngựa. Vì kiểu tiếp tế này chỉ có thể thực hiện được trong vùng lân cận trực tiếp, nghĩa là trong chu vi vài dặm, nên số lương thực thu thập vội vã như vậy không thể nào đầy đủ được; số lương thực quá ít ấy không thể nuôi một đạo quân lớn nếu đạo quân đó không tự chuyên chở lấy lương thực đủ ăn trong nhiều ngày. Nhiệm vụ của các ủy viên quân lương là quản lý các sản vật thu thập được và chỉ tiếp tế cho những đạo quân không có gì cả. Càng ngày ta sẽ càng bớt lúng túng vì chiều dài của đường tiếp tế tăng lên theo tỷ lệ thuận với số ngày đường thì diện tích (nghĩa là kết quả tiếp tế) lại tăng lên theo bình phương của chiều dài ấy. Nếu ngày đầu chỉ là 4 dặm vuông là có thể cung cấp vật phẩm thì ngày hôm sau sẽ là 16 dặm vuông và hôm sau nữa là 36 dặm; như thế, ngày hôm sau có kết quả hơn ngày hôm trước mười hai lần và ngày hôm sau nữa có kết quả gấp hai mươi lần hơn ngày thứ hai.

Dĩ nhiên là chúng tôi chỉ trình bày bao quát những điều có thể xảy ra, bản trình

bày này rất đáng nghi ngại vì một trong những hạn chế chủ yếu là: Vùng mà quân đội đi đến không thể tham gia tiếp tế nhiều như vùng khác. Nhưng chúng ta hay nhớ rằng: Đường bán kính trong đó người ta có thể thu thập vật phẩm được có thể lớn hơn hai dặm một ngày. Ở một vài nơi, nó có thể dài đến 3, 4 dặm hoặc hơn nữa.

Để cho việc giao nộp nói trên có hiệu quả (ít nhất là trong phần lớn trường hợp) người ta cấp cho các nhà chức trách địa phương những phân đội đặc biệt có quyền hành chính; nhưng biện pháp có hiệu quả nhất vẫn là sự sợ hãi đối với trách nhiệm, đối với trừng phạt, đối với đàn áp đè nặng lên toàn thể dân chúng trong những trường hợp như thế.

Vả lại, chúng tôi cũng không có ý định trình bày chi tiết toàn bộ tổ chức, toàn bộ bộ máy của ủy viên tiếp tế; đối với chúng ta, chỉ có kết quả là đáng chú ý.

Theo tính logic đúng đắn áp dụng vào hoàn cảnh thực tại và các cuộc chiến tranh xảy ra từ Cách mạng Pháp cũng xác minh kinh nghiệm này, kết quả trên dạy ta rằng: Một quân đội dù lớn đến bao nhiêu, nếu mang theo nhiều ngày lương thực, cũng vẫn có thể tiếp tế tại chỗ lúc mới đến bằng cách trưng dụng; lúc đầu trưng dụng ở những nơi gần rồi lan rộng ra dân, và cấp phụ trách cũng càng ngày càng cao hơn.

Biện pháp đó thường đi đến chỗ gây ra sự kiệt quệ, sự bần cùng hóa, sự tàn phá địa phương. Khi quân đội dừng chân lâu dài thì việc quản lý tổ chức tiếp tế được giao cho các nhà chức trách cao nhất.

Nhà chức trách sẽ làm tất cả những việc gì có thể làm được để chia đều và giảm bớt gánh nặng (bằng cách mua bán). Kể cả bọn xâm lược, nếu chiếm đóng nước ta lâu ngày, cũng không đủ tàn ác để bắt chúng ta chịu đựng toàn bộ gánh nặng tiếp tế. Chế độ trưng dụng vì vậy có khuynh hướng hòa lẫn với chế độ kho tàng, nhưng vẫn không mất hẳn và cũng không dẫn đến những sự thay đổi rõ ràng trong tác chiến. Đó là vì có sự khác nhau lớn giữa hai chế độ: Một đằng là chế độ trưng dụng trên một địa phương được thay thế bằng lương thực lấy ở những vùng xa hơn (tuy vậy địa phương vẫn là căn cứ tiếp tế thực sự nhất); một đằng là chế độ quân đội tự túc mọi nhu cầu, địa phương không giúp gì vào đó cả như trong các cuộc chiến tranh ở thế kỷ thứ XVIII.

Khác nhau chủ yếu ở hai vấn đề: Việc sử dụng các phương tiện vận tải của địa phương và việc sử dụng các lò bánh mì. Điều đó cho phép ta bỏ các đoàn xe tiếp tế kềnh càng, các đoàn này thường làm ra được bao nhiêu thì lại hủy đi mất bấy nhiêu.

Ngay hiện nay, các đạo quân cũng không thể hoàn toàn bãi bỏ các đoàn xe tiếp tế; nhưng chúng ta thu nhỏ lại rất nhiều và chỉ dùng để chuyên chở những cái gì còn thừa từ những ngày hôm trước cho ngày hôm sau. Kể cả trong thời kỳ hiện đại, như trong điều kiện năm 1812 ở Nga, vẫn có thể phải kèm theo một đoàn xe tiếp tế khổng lồ, kể cả các lò bếp dã chiến. Nhưng đó chỉ là những trường hợp cá biệt; người ta ít khi gặp trường hợp 300.000 người tiến lên trên một con đường độc đạo ở Ba Lan và ở Nga, vừa đúng trước mùa gặt; đó là điều không thể luôn luôn xảy ra được! Vả lại, kể cả trong những trường hợp tương tự như trên, các phương tiện tiếp tế trực thuộc quân đội bao giờ cũng vẫn chỉ là thứ dùng để trợ lực lúc có nhu cầu cấp bách, vì khi

nào thị việc trưng dụng tại chỗ cũng vẫn là cơ sở tiếp tế thực sự nhất.

Từ những chiến dịch đầu tiên trong các cuộc chiến tranh của Cách mạng Pháp, chế độ trưng dụng vẫn luôn luôn là nền tảng của quân đội Pháp. Kẻ địch của họ cũng phải theo chế độ đó, và hình như sau này người ta cũng không thể nào bỏ được một chế độ như thế. Không có cách nào đưa đến kết quả tốt hơn, dù nói về mặt tiếp tục chiến tranh cho thông suốt hoặc về mặt cơ động dễ dàng và linh hoạt.

Dẫu quân đội có đi theo hướng nào đi nữa thì nó cũng không gặp khó khăn gì trong ba hoặc bốn tuần đầu; sau đấy các kho tàng có thể thỏa mãn được các nhu cầu của nó, và nhờ có chế độ đó mà chiến tranh có thể hoàn toàn tự do tiến triển. Dĩ nhiên ở địa phương này có thể có khó khăn nhiều hơn ở địa phương kia, đó là điều phải được chú ý trong các cuộc bàn luận đầu tiên, nhưng không bao giờ người ta lại gặp một khó khăn tuyệt đối, và không hề khi nào vấn đề tiếp tế lại có thể chi phối được các quyết định của chúng ta.

Đối với quy tắc trên, chỉ có một trường hợp ngoại lệ: Đó là những cuộc rút lui trên đất địch. Trong trường hợp này, những điều kiện không thuận lợi cho việc tiếp tế sẽ nhân lên gấp bội. Vì phải vận động liên tục, không có những cuộc dừng chân lâu dài nên người ta không có đủ thì giờ để tập trung lương thực. Thường thường, lúc mới bắt đầu rút lui, các điều kiện đã tồi tệ rồi; vì vậy người ta phải luôn luôn đi theo từng khối đông đặc. Trong tình hình như thế, quân đội không thể phân tán ở nhiều nơi đồn trú hoặc rải ra thành các tung đội dài lê thê, và thái độ thù địch của dân chúng không cho phép ta dùng biện pháp thông thường để trưng dụng lương thực được nữa mà buộc ta phải dùng đến vũ lực. Cuối cùng, chính đây là cơ hội tốt nhất để dân chúng tiến hành kháng cự và tỏ rõ thái độ không thiện chí. Tất cả những điều đó bắt buộc ta phải sử dụng các đường giao thông và các cuộc rút lui phải được chuẩn bị trước.

Trong cuộc rút lui năm 1812, chỉ vì vấn đề tiếp tế nên Bonaparte đã không thể dùng con đường nào khác ngoài con đường đã dùng để tiến quân vào đất Nga. Nếu ông ta rút lui theo một con đường khác thì ông ta lại còn thất bại nhanh hơn và nặng nề hơn nữa. Những lời phê phán của nhiều người (kể cả người Pháp) đối với ông ta về vấn đề này chỉ là những điều vô lý tột bực.

4. Tiếp tế bằng kho tàng

Nếu cần có một sự phân biệt tổng quát giữa kiểu tiếp tế này và kiểu tiếp tế trên thì người ta phải trở lại khuôn khổ tổ chức của hơn 30 năm cuối cùng của thế kỷ XVII và của thế kỷ thứ XVIII. Có bao giờ ta thấy lại một tổ chức như thế đâu? Nói cho đúng thì người ta cũng không thể quan niệm rằng sự việc có thể xảy ra khác được, nếu ta nghĩ là quân đội bị đóng chặt vào một chỗ trong 7 năm, 10 năm, 12 năm như trường hợp ở Hà Lan, trên sông Rhine ở Bắc Ý, ở Silesia và ở xứ Saxony. Thật vậy, phải tiếp tế lâu dài cho những quân đội thù địch đóng trên đất mình thì nước nào cũng đến bị hoang phế hoàn toàn và vì vậy sẽ chẳng còn giúp ích gì được nữa.

Nhưng có một vấn đề cần được đặt ra: Chính chiến tranh quyết định chế độ tiếp tế hay chính chế độ tiếp tế quyết định tính chất của chiến tranh? Chúng tôi trả lời như

sau: Chế độ tiếp tế lúc đầu quyết định chiến tranh trong mức độ cho phép của các điều kiện mà chiến tranh phụ thuộc vào. Nhưng khi các điều kiện này đã gây trở ngại quá nhiều thì chiến tranh sẽ phản ứng lại chế độ tiếp tế và trở lại quyết định chế độ đó.

Chiến tranh dựa vào trưng dụng và tiếp tế tại chỗ thuận lợi hơn nhiều so với kiểu tiếp tế bằng kho tàng, đến nỗi chế độ này được xem như là một công cụ hoàn toàn khác hẳn. Không một quốc gia nào dám đương đầu với chế độ thứ nhất bằng cách sử dụng chế độ thứ hai. Nếu có một ông bộ trưởng quốc phòng khá nông cạn và ngu ngốc đến nỗi không thừa nhận tầm quan trọng chung của những điều kiện này và cứ trang bị cho quân đội theo kiểu cũ thì ông ta sẽ bị ngập vào trong các sự kiện ngay từ lúc chiến tranh mới bắt đầu và tình hình sẽ buộc ông ta phải thi hành chế độ trưng dụng. Ngoài ra, người ta lại phải nghĩ rằng những món tiền khổng lồ chi phí cho chế độ kho tàng bắt buộc ta phải hạn chế số lượng vũ khí và lực lượng quân sự vì không có quốc gia nào lại thừa tiền trong khi chi tiêu cả, cho nên một chế độ tiếp tế như thế chỉ có thể thực hiện được nếu có ký kết ngoại giao giữa hai bên đang đánh nhau: Đó quả là điều quái gở.

Vì vậy, từ nay về sau, rất có thể là người ta sẽ theo chế độ trưng dụng. Bây giờ, ta còn cần biết thêm là các chính phủ sẽ bằng lòng hy sinh đến mức nào để bổ sung vào chế độ trên bằng một tổ chức giả tạo nhằm tránh cho xứ sở khỏi bị tổn thất, v.v. Dĩ nhiên làm như thế cũng không đạt nhiều kết quả lắm vì chính trong những lúc như thế thì ta lại phải đương đầu với những nhu cầu cấp bách nhất, và một chế độ tiếp tế giả tạo sẽ hoàn toàn không phù hợp.

Nhưng, khi kết quả của một cuộc chiến tranh không có tính chất quyết định, khi các cuộc vận động không đủ rộng rãi nên không phù hợp với bản chất thực sự của chiến tranh, thì chế độ trưng dụng có thể dẫn đất nước tới tình trạng kiệt quệ đến nỗi phải ký kết hòa bình hoặc thi hành các biện pháp giảm bớt gánh nặng cho dân chúng và tổ chức một hệ thống tiếp tế riêng. Quân đội Pháp đã làm như thế (tổ chức một hệ thống tiếp tế riêng – *ND*) ở Tây Ban Nha dưới thời Bonaparte; nhưng việc ký kết hòa bình vẫn hay xảy ra nhiều hơn. Trong phần lớn các cuộc chiến tranh, đất nước kiệt quệ đến nỗi người ta không nghĩ đến việc tiếp tục chiến đấu bằng những biện pháp đắt hơn; người ta lại bị dồn vào tình thế phải chấm dứt chiến tranh bằng cách ký kết hòa bình. Như vậy, đứng về quan điểm này cũng thế, phương pháp hiện đại của chiến tranh có xu thế làm cho nó rút ngắn lại.

Tuy vậy, chúng tôi không chối cãi mọi khả năng tiến hành chiến tranh bằng chế độ tiếp tế cũ. Nếu quan hệ giữa hai bên đối địch bắt họ phải sử dụng nó và nếu có những điều kiện khác hẳn, chế độ đó sẽ lại xuất hiện. Nhưng chúng tôi không thể thừa nhận đó là một hình thái tổ chức phù hợp với bản chất của chiến tranh; nó chỉ là một điểm bất thường xuất hiện vì những điều kiện đặc biệt, chứ nó không hề nảy sinh ra từ chiến tranh, theo nghĩa đen của danh từ này. Bởi thế ta lại càng không thể chấp nhận lý lẽ cho rằng trong chiến tranh đó là một hình thái tổ chức đã được cải tiến, với lý do là nó có tính nhân đạo hơn, vì bản thân chiến tranh đã là không nhân đạo rồi.

Dù sử dụng phương thức tiếp tế nào đi nữa thì ở những vùng giàu có và đông dân nó vẫn được tiến hành nhanh chóng hơn ở những vùng nghèo khổ và ít dân. Dân chúng có vai trò của họ vì họ gắn liền với lương thực hiện có ở hai mặt. Thứ nhất, khi người ta tiêu thụ nhiều lương thực; thứ hai khi dân chúng đông đúc thì thường sản lượng cao hơn nhiều. Nói cho đúng, phải loại bỏ ra ngoài các vùng công nghiệp, nhất là khi các vùng này ở trong những thung lũng thường có đất đai cằn cỗi bao quanh.

Nhưng nói chung, những vùng đông dân vẫn dễ tiếp tế cho quân đội hơn là những vùng thưa dân. Một quân đội 100.000 người đóng ở một vùng 400 dặm vuông, có số dân 40 vạn dù trù phú đến đâu cũng không thể sống sung túc bằng khi sống ở một vùng cũng rộng như thế nhưng lại có đến 2 triệu dân. Lại phải nói thêm rằng: Ở những vùng có dân cư rất đông đúc, đường bộ và đường sông lại tốt hơn và nhiều hơn, phương tiện vận tải đầy đủ hơn, giao thông buôn bán cũng dễ dàng, chắc chắn hơn. Nói tóm lại, nuôi một đội quân ở Flanders thì dễ hơn ở Ba Lan rất nhiều.

Như vậy chiến tranh thường lan ra trên những con đường lớn, những thành phố rất đông đúc, những thung lũng tốt tươi của những con sông lớn và dọc theo bờ biển.

Như vậy, người ta thấy rõ rằng việc tiếp tế cho quân đội có ảnh hưởng đến toàn bộ phương hướng và hình thái các cuộc tác chiến, đến việc chọn chiến trường và các đường giao thông.

Ảnh hưởng này có thể đi đến đâu, việc tiếp tế dễ dàng hoặc khó khăn có tác động đến sự tính toán của chúng ta như thế nào, những điểm này chủ yếu phụ thuộc vào cách tiến hành chiến tranh. Nếu người ta tiến hành chiến tranh theo đúng tinh thần của nó, nghĩa là bạo lực được tự do hoành hành (vì đó là môi trường chính cống của nó) với mọi nhu cầu, khát vọng chiến đấu và quyết định thì vấn đề tiếp tế là quan trọng, nhưng vẫn là một vấn đề phụ thuộc. Nhưng khi có trạng thái cân bằng khi quân đội nhiều năm chỉ có đi qua đi lại trong những tỉnh nào đó thôi thì vấn đề tiếp tế lại có tầm quan trọng chủ yếu; vị tướng phụ trách hậu cần trở thành người tổng chỉ huy và việc chỉ đạo chiến tranh trở thành vấn đề tổ chức xe cộ vận tải.

Cứ như thế, có rất nhiều chiến dịch trong đó chẳng có chuyện gì xảy ra cả. Mục tiêu không đạt, lực lượng bị hao mòn một cách vô ích và nguyên nhận được nêu ra chỉ có một: Thiếu tiếp tế. Trái lại, Bonaparte thì lại thường hay nói: *Không được nói với ta về lương thực!* Phải thừa nhận rằng, trong chiến dịch đánh nước Nga, Bonaparte đã chỉ rõ là sự dại dột ấy có thể được đẩy lên đến mức quá quắt. Tuy không khẳng định rằng chiến dịch của ông ta thất bại chỉ vì lý do đó – dầu sao thì điểm này cũng chỉ là một điều phỏng đoán – nhưng không thể chối cãi được rằng: Vì không lo đến vấn đề tiếp tế, nên lúc tiến quân, quân đội của ông ta đã bị chết mòn đến mức chưa từng thấy, và lúc rút lui thì sụp đổ hoàn toàn.

Tuy không phủ nhận trong con người Bonaparte có cái tính chất của một anh đánh bạc mê say không ngại lao mình vào những cuộc phiêu lưu điên rồ nhất, chúng ta cũng phải thú thật là: Những vị tướng của Cách mạng Pháp đi trước ông ta cũng như chính ông ta đã làm tiêu tan cái thành kiến khổng lồ về tiếp tế, bằng cách chỉ rõ ra rằng không bao giờ nên xem vấn đề tiếp tế như một mục đích mà phải xem nó đơn

thuần là *một điều kiện* của chiến tranh.

Những vấn đề như thiếu thốn, căng thẳng thể lực, nguy hiểm, cũng vậy: Những cái gì người tướng có thể đòi hỏi ở quân đội đều không có giới hạn chính xác. Một người có tính cương nghị và quyết đoán thường hay đòi hỏi nhiều hơn là một người có tình cảm yếu đuối. Khả năng của quân đội sẽ biến đổi nếu ý chí và lực lượng của người lính có các đức tính sau đây làm chỗ dựa: Thói quen, tinh thần thượng võ, lòng tin tưởng và yêu mến đối với người tướng, niềm phấn khởi đối với sự nghiệp của Tổ quốc. Nhưng có một điều cần phải nêu lên thành nguyên tắc; đó là: Đối với những thiếu thốn và gian khổ, dù có lên cao đến mức nào đi nữa thì cũng phải coi chúng như một tình trạng tạm thời, dù như thế nào cũng phải đi đến chỗ đầy đủ, có thể đến chỗ thừa thãi. Thật cảm động biết bao khi nghĩ đến hàng trăm, hàng nghìn binh sĩ ăn mặc rách mang nặng từ 20 bảng**[161]** đến 40 bảng, bất kỳ ngày đêm, bất kỳ thời tiết, bất kỳ đường sá, sức khỏe và tính mệnh luôn luôn bị đe dọa, đã chịu đựng mọi thứ trên đường hành quân để rồi cũng chỉ được ăn đói bằng bánh mì nhạt. Điều này thường xảy ra trong chiến tranh nên phải cố gắng lắm mới hiểu nổi tại sao người lính vẫn giữ được ý chí và sức lực, và tại sao chỉ sự chỉ đạo về tinh thần thôi cũng đủ có ảnh hưởng lâu bền đến nỗi con người có thể chịu đựng được biết bao nhiêu cố gắng.

Khi chúng ta buộc binh lính phải chịu đựng như thế (vì mục đích lớn lao đòi hỏi như thế) thì trong những lúc khác, ta cũng phải nghĩ đến sự đền bù cho họ vì nhân đạo hoặc vì lý trí.

Chúng ta chỉ còn phải nghiên cứu đến sự khác nhau của vấn đề tiếp tế trong tiến công và trong phòng ngự.

Bên phòng ngự, trong quá trình phòng ngự có thể sử dụng liên tục tổ chức chuẩn bị tiếp tế của họ. Vì vậy, ít khi họ thiếu những nhu cầu ít nhất. Điều đó được xác minh rõ nhất ở vùng đất quê hương nhưng vẫn cứ đúng ở vùng đất địch. Trái lại, bên tiến công phải đi xa các nguồn tiếp tế của mình. Hễ còn tiến quân, và có khi cả trong những tuần đầu của các cuộc nghỉ chân, bên tiến công phải sống bấp bênh từng ngày, điều đó không thể không đưa đến những lúng túng và thiếu thốn.

Khó khăn trên lên tới điểm cao nhất trong hai trường hợp. Trước tiên là trong lúc tiến quân, trước giờ quyết định, vì trong lúc này bên phòng ngự vẫn có đầy đủ lương thực còn bên tiến công thì phải để lương thực lại phía sau; họ phải tập hợp binh lính lại và không thể chiếm một diện tích rộng được.

Ngay cả xe cộ cũng không thể đem theo khi những cuộc vận động đầu tiên của trận đánh đã bắt đầu.

Nếu chuẩn bị không kỹ, binh lính có thể phải chịu thiếu thốn vài ngày trước trận đánh quyết định: Dĩ nhiên đó chẳng phải là điều hay ho gì đối với cuộc chiến đấu.

Những thiếu thốn cũng có thể xảy ra khi một chiến dịch kết thúc thắng lợi, khi các đường giao thông bắt đầu trở nên quá dài, nhất là khi cuộc chiến tranh được tiến hành ở một xứ nghèo khổ, dân cư thưa thớt và có tâm trạng thù địch với ta. Biết bao nhiêu điều khác nhau giữa con đường đi từ Vilna đến Moscow (ở đó một chiếc xe nhỏ nhất cũng phải dùng vũ lực mà lấy) và con đường đi từ Cologne qua Liège,

Louvain, Brussels, Mons, Valenciennes và Cambrai đến Paris (ở đấy chỉ cần một cái đơn đặt hàng cho một lái buôn, một hối phiếu thôi là có thể có hàng triệu khẩu phần ngay).

Trước những khó khăn đó, nhiều khi ánh hào quang của cuộc chiến thắng đẹp nhất cũng bị mờ nhạt đi, đến nỗi có thể dẫn tới hậu quả là không tránh được một cuộc rút lui chẳng những thế cuộc rút lui ấy lại có tất cả những triệu chứng của một cuộc thất bại thực sự.

Như chúng tôi đã nói, rơm cỏ cho ngựa lúc đầu thường rất ít khi thiếu, nhưng sau đó thì rất chóng hết, vì lúc địa phương bắt đầu bị kiệt quệ thì rất khó đưa rơm cỏ từ xa đến vì nó rất cồng kềnh và ngựa thì không thể nào chịu đựng thiếu thốn bằng con người được. Đó chính là lý do tại sao binh chủng kỵ binh và pháo binh quá đông có thể là một gánh nặng thực sự, một nguyên nhân thực tế làm cho quân đội bị suy yếu đi.

Chương 15. CÁC CĂN CỨ TÁC CHIẾN

Khi một quân đội rời quê hương để tiến công kẻ thù trên chiến trường của chúng, hoặc để chiếm lĩnh vị trí ở nơi biên giới nước mình, thì nhất định quân đội đó phải phụ thuộc và phải giữ cho được đường liên lạc với nguồn cung cấp của mình, vì đó là điều kiện tồn tại và sinh sống của nó. Quân đội càng lớn thì phụ thuộc càng sâu càng rộng với quê hương. Tuy vậy, không phải khi nào quân đội cũng có thể và nhất thiết phải liên lạc trực tiếp với toàn bộ đất nước của nó mà chỉ cần tiếp xúc với bộ phận sát liền với hậu phương trực tiếp được chính vị trí của quân đội che chở. Trong bộ phận đất nước này, tùy theo nhu cầu, người ta thành lập các kho dự trữ lương thực và cũng từ đây người ta thi hành các biện pháp cần thiết để tăng viện cho chiến trường. Vì vậy, bộ phận đất nước đó là căn cứ của quân đội, căn cứ của mọi hành động và gắn liền với quân đội thành một tổng thể. Khi lương thực được dự trữ trong các vị trí có công sự để bảo đảm an toàn thì khái niệm về căn cứ lại càng được củng cố; nhưng không phải vì có công sự nên mới có khái niệm về căn cứ, vì trong rất nhiều trường hợp người ta không tích trữ lương thực trong các vị trí có công sự.

Nhưng căn cứ của quân đội cũng có thể được xây dựng trên vùng đất địch. Vì khi một quân đội tiến trên đất địch thì nó phải thu thập ở đó một số lương thực. Dĩ nhiên là quân đội phải làm chủ vùng đó, nghĩa là mệnh lệnh ban ra phải có hiệu lực nhất định. Tuy vậy, quân đội cũng chỉ có thể làm chủ được vùng nào có binh lính đồn trú hoặc có những đội quân nhỏ di chuyển từ nơi này sang nơi khác khiến dân chúng sợ sệt. Phải nói rằng một vùng kiểm soát như thế thường cũng nhỏ hẹp thôi. Vì vậy, khi ta ở trên đất địch, vùng có thể cung cấp cho ta mọi nhu cầu thường rất bị hạn chế và rất không đầy đủ. Chỉ đất nước của chúng ta mới cung cấp được thật nhiều lương thực và khi nào cũng vậy, chỉ có bộ phận phía sau quân đội mới có thể đóng góp và trở thành một bộ phận thực sự của căn cứ.

Nhu cầu của quân đội chia ra làm hai loại: Một loại thì vùng trồng trọt nào cũng có thể thỏa mãn được, còn một loại nữa thì chỉ có những nơi chế tạo mới có thể cung cấp. Loại thứ nhất là các phương tiện nuôi sống, loại thứ hai là các phương tiện trang bị. Loại thứ nhất có thể do vùng địch hoặc vùng ta cung cấp còn loại thứ hai như đạn dược, con người, vũ khí thì chỉ có vùng ta mới cung cấp được.

Trong một số trường hợp nào đó, sự phân loại này có ngoại lệ (tuy ngoại lệ rất hiếm và không có ý nghĩa gì lớn lắm) nhưng sự phân biệt trên vẫn rất quan trọng vì nó chứng minh thêm rằng việc liên lạc với quê hương xứ sở là cần thiết.

Các kho lương thực thường nằm trong các thành phố bỏ ngỏ ở vùng ta hoặc vùng địch vì phần nhiều không có đủ pháo đài để chứa đựng số lương thực hết khá mau và cần thiết cho nơi này hoặc nơi nọ, và vì nếu có mất lương thực thì việc thay thế cũng dễ dàng hơn; trái lại không thể đặt các kho vũ khí, đạn dược, vật liệu trong các thành phố bỏ ngỏ gần chiến trường, nếu đưa chúng từ xa đến thì tốt hơn; ở trên đất địch thì chỉ có thể đặt các kho đó trong các pháo đài. Về mặt này cũng vậy, căn cứ vẫn quan

trọng đối với các phương tiện trang bị hơn là đối với các phương tiện nuôi sống.

Hai loại phương tiện trên càng được tập trung lại trong những kho lớn trước khi đem ra sử dụng, và vì vậy mạng lưới cung cấp càng được tập trung vào những kho chứa rộng rãi, thì các kho này càng chiếm vị trí của toàn bộ đất nước, cho nên khái niệm về căn cứ sẽ gắn chặt với các kho dự trữ to lớn đó. Tuy vậy, không bao giờ các kho như thế lại có thể là toàn bộ căn cứ.

Khi các nguồn trang bị và tiếp tế đó rất giàu có, nói một cách khác, khi đấy là những vùng đất đai rộng lớn và trù phú, khi các nguồn cung cấp đã được tập trung vào các kho lớn để có thể sử dụng nhanh hơn, khi các kho này có quân đội ở gần hoặc được bảo vệ bằng một cách nào đó, khi chúng lại có đường sá tốt phục vụ và được rải ra trên một vùng rộng lớn của hậu phương và có thể bao bọc cả một phần quân đội, thì quân đội sẽ có nghị lực hơn và được tự do vận động hơn. Người ta đã mưu toan tóm tắt trong một khái niệm tất cả các thuận lợi nói trên về tình hình quân đội, đó là khái niệm về bề rộng của căn cứ tác chiến. Bằng mối quan hệ giữa căn cứ và mục đích của hành động (được xem như là một điểm), bằng cái góc hình học mà điểm cuối được tạo thành bởi mục đích trên, người ta muốn phát biểu về tổng số các thuận lợi và bất lợi (đối với quân đội) rút ra từ tình hình cũng như từ bản chất của các nguồn tiếp tế và vật tư. Hiển nhiên đó chỉ là một kiểu nhào lộn hình học dựa vào một loạt những hoán dịch làm tổn hại đến chân lý. Chúng ta đã thấy rằng căn cứ của một quân đội là một cơ cấu gồm có ba yếu tố chồng chất lên nhau các nguồn cung cấp của đất nước, các kho lương thực được xây dựng ở nhiều nơi khác nhau và *vùng* thu thập số lương thực đó. Ba yếu tố trên cách xa nhau trong không gian, không thể quy vào làm một, và lại càng không thể biểu hiện bằng một con đường được vạch ra một cách độc đoán từ một pháo đài này đến một pháo đài khác hoặc từ tỉnh lỵ này đến tỉnh lỵ khác, hoặc dọc theo biên giới chính trị của đất nước để biểu hiện chiều rộng của căn cứ. Lại càng không thể xác định một mối tương quan thật rõ ràng giữa ba yếu tố trên vì trong thực tế, không nhiều thì ít, chúng lẫn lộn với nhau. Khi thì vật liệu trang bị đáng lẽ phải đưa từ xa đến lại có ở gần, khi thì tiếp tế đáng lẽ ở gần lại phải đưa từ xa đến. Khi thì những pháo đài gần nhất là những kho vũ khí lớn, những cảng và thành phố buôn bán mà mọi nguồn cung cấp quân sự của quốc gia đều tập trung tại đó; khi thì chỉ có những bức tường thành tầm thường không đủ để phòng ngự.

Như vậy, tất cả những suy luận rút ra từ kích thước của căn cứ tác chiến và từ các góc tác chiến cũng như toàn bộ lý thuyết chiến tranh xây dựng trên các luận cứ ấy (ít nhất là trong phạm vi mang tính chất hình học của lý thuyết này) không hề làm cho người ta chú ý tí nào trong chỉ đạo chiến tranh thực sự, và nó cũng chỉ làm nảy sinh ra những xu hướng sai lầm trong phạm vi ý thức. Nhưng vì căn cứ của lập luận trên là đúng đắn, và chỉ có câu kết luận là sai lầm, cho nên những quan điểm ấy thường hay xuất hiện dễ dàng.

Chúng tôi nghĩ rằng, phải thừa nhận tầm quan trọng và chỗ mạnh, chỗ yếu của căn cứ trong các hoạt động quân sự, nhưng không thể rút gọn tầm quan trọng đó vào một số ý kiến có thể dùng làm quy tắc trong thực tế được; trong mỗi trường hợp riêng

biệt, phải chú ý cùng một lúc đến tất cả các yếu tố mà chúng tôi vừa nói đến.

Một khi đã chuẩn bị xong trang bị và tiếp tế trong một vùng, theo một hướng nào đó, thì chỉ có vùng ấy mới được xem như là căn cứ, kể cả lúc nó nằm trên đất nước của ta; và vì muốn thay đổi thì phải có thời gian và cố gắng, nên kể cả trên đất ta quân đội cũng không thể trong ngày một ngày hai thay đổi căn cứ được; vì vậy cho nên, không ít thì nhiều, căn cứ thường luôn luôn bị giới hạn về mặt phương hướng tác chiến. Để tác chiến trên đất địch, người ta có thể cho toàn bộ biên giới là căn cứ của quân đội; điều đó có giá trị phổ biến vì trên đất ta, ở chỗ nào ta cũng có thể bố trí được; nhưng điều đó không có giá trị vào bất kỳ lúc nào, vì không phải ở đâu việc bố trí cũng được thực hiện. Lúc bắt đầu chiến dịch 1812, quân đội Nga rút lui trước đà tiến của quân đội Pháp và có thể xem toàn bộ nước Nga là căn cứ của mình, nhất là vì nước này rất rộng lớn nên quân đội hướng về bất kỳ phía nào cũng có những khoảng không gian rộng rãi. Ý kiến này không phải là ảo tưởng, nó đã được thực hiện khi có những đạo quân Nga khác từ nhiều phía tiến lên đánh lại quân đội Pháp. Tuy vậy, không phải trong bất kỳ giai đoạn nào của chiến dịch, căn cứ của quân đội Nga cũng rộng như nhau: Chủ yếu căn cứ chạy dài dọc theo đường vận chuyển của quân đội. Giới hạn trên không cho phép quân đội Nga sau ba ngày tác chiến trước Smolensk, rút lui về một phía khác với phía Moscow và bất ngờ vòng sang Kaluga như người ta đề nghị để bắt địch tránh khỏi Moscow. Phải chuẩn bị lâu dài từ trước mới đổi hướng như thế được.

Chúng tôi đã nói rằng quân đội càng có quy mô to lớn thì càng phụ thuộc vào căn cứ ở mức độ và cường độ cao hơn: Điều này cũng dễ hiểu thôi. Quân đội giống như một cái cây, nó lớn lên nhờ nhựa sống rút từ đất lên; nếu nó là cây nhỏ hoặc chỉ là một bụi nhỏ thì người ta bứng nó đi rất dễ dàng, nhưng nếu cây càng lớn thì chuyển đi càng khó. Một đội quân nhỏ cũng có mạch sống riêng của nó, nhưng nó bắt rễ dễ dàng ở nơi nó đứng, còn một đạo quân đông đảo thì không như thế. Vì vậy, khi nói về ảnh hưởng của căn cứ đối với tác chiến, chúng tôi lấy quy mô rộng lớn của quân đội làm thước đo giá trị, làm cơ sở cho mọi ý kiến của mình.

Hơn nữa, trước mắt thì tiếp tế là vấn đề chủ yếu: Đó là điều rất tự nhiên; nhưng đối với những điều kiện tồn tại chung và lâu dài của quân đội thì việc đổi mới con người và vật tư quan trọng hơn nhiều, vì người và vật liệu chỉ có thể đem từ những vùng đặc biệt tới còn về vấn đề tiếp tế, người ta có thể thực hiện bằng rất nhiều cách khác nhau. Điểm này lại xác định rõ hơn nữa ảnh hưởng của căn cứ đối với tác chiến.

Dầu ảnh hưởng đó có lớn đến bao nhiêu đi nữa thì cũng không khi nào nên quên rằng: Cần phải có nhiều thời gian để nó tác động một cách rõ ràng, và khi nào cũng vậy, vấn đề là cần phải biết rõ cái gì sẽ xảy ra trong thời gian ấy. Như vậy, mới thoạt nhìn thì giá trị của một căn cứ tác chiến ít khi quyết định việc chọn lựa một hành động. Những khó khăn có thể xuất hiện từ phía này sẽ được đối chiếu và so sánh với các biện pháp vượt khó khăn. Những chướng ngại thuộc loại này thường thường tiêu tan sau một vài chiến thắng quyết định.

Chương 16. CÁC ĐƯỜNG GIAO THÔNG

Những con đường nối liền vị trí của quân đội với các địa điểm hậu phương, nơi đặt các kho dự trữ tiếp tế và trang bị, những con đường có thể được chọn để rút lui, đều có tầm quan trọng lớn ở hai mặt.

Trước tiên, đó là *các đường giao thông* để nuôi sống các lực lượng chiến đấu, sau nữa đó là *các đường rút lui*.

Như chúng tôi đã nói trong chương trước, theo chế độ tiếp tế hiện nay, quân đội chủ yếu sống nhờ vào nơi trú quân nhưng vẫn hợp với căn cứ thành một tổng thể. Đường giao thông cũng thuộc vào tổng thể đó: Chúng nối liền quân đội với căn cứ và phải xem đó là những con đường huyết mạch. Các loại vật dụng, vận tải đạn dược, các đội quân đi lại, quân bưu và liên lạc, bệnh viện và kho tàng, kho dự trữ, các nhà chức trách, tất cả các cơ quan phục vụ luôn luôn đi lại trên các con đường ấy và toàn bộ giá trị của nó có tầm quan trọng quyết định đối với quân đội.

Những con đường huyết mạch này không thể luôn luôn bị cắt đứt, cũng không thể quá dài và quá khó đi, vì đường dài thì bao giờ cũng làm cho một phần lực lượng bị kiệt quệ, khiến quân đội càng bị yếu đi.

Theo ý nghĩa thứ hai, ý nghĩa về đường rút lui, các đường giao thông tạo nên hậu phương chiến lược của quân đội, theo đúng nghĩa đen của danh từ đó.

Theo hai nghĩa trên, giá trị của đường giao thông phụ thuộc vào *chiều dài, số lượng* và *vị trí* của chúng; nghĩa là phụ thuộc vào hướng chung của chúng và hướng của vùng gần nhất đối với quân đội; vào *chất lượng* đường sá và những *khó khăn về địa hình*, vào *tình hình* và *thái độ* của dân chúng, và cuối cùng vào sự bảo vệ của các pháo đài cũng như chướng ngại tự nhiên.

Tuy vậy, tất cả các con đường, dẫn từ vị trí của quân đội đến nguồn sống và nguồn năng lực của nó không nhất thiết phải là những đường giao thông thật sự. Nói cho cùng thì những con đường ấy có thể thay thế đường giao thông và phải xem chúng như những vật phụ thuộc vào hệ thống giao thông. Nhưng bản thân hệ thống này chỉ gồm có các loại đường được trù tính và tổ chức trước để làm nhiệm vụ trên.

Chỉ có những con đường hai bên có bố trí kho tàng, bệnh viện, trạm xe bưu điện, các địa điểm để triệu tập các cấp chỉ huy, có cảnh binh và đồn trại, là có thể xem như các đường giao thông chính cống.

Nhưng ở đây có một sự khác nhau rất quan trọng, nhưng lại hay bị bỏ quên, giữa quân đội đóng ở đất nhà và quân đội đóng trên đất địch. Trên đất nhà, cũng có những đường giao thông chuẩn bị trước, nhưng không nhất thiết quân đội chỉ được dùng những con đường này; lúc cần thiết họ có thể bỏ các con đường ấy và dùng bất kỳ con đường nào khác; vì ở đâu cũng là của họ cả, ở đâu cũng có tổ chức hành chính, ở đâu cũng có thiện chí cả. Nếu có những con đường khác không tốt bằng và không phù hợp với nhu cầu thì người ta vẫn có thể dùng được và nếu vạn nhất, quân đội có bị đánh bao vây hoặc bắt buộc phải thay đổi mặt trận thì cũng không coi những con

đường đó là *không thể* dùng được.

Trái lại, trên đất địch, chỉ có thể coi những con đường đã đi qua từ trước là đường giao thông; ở đây, những nguyên nhân rất nhỏ, bề ngoài không có ý nghĩa gì cả, lại dẫn đến những kết quả khác hẳn.

Trên đất địch, quân đội vừa tiến lên vừa tổ chức các đường giao thông huyết mạch vừa tổ chức bảo vệ các con đường này. Sự có mặt của quân đội gây nên sự kinh hoàng, đến nỗi dân chúng coi những biện pháp trên là một sự cần thiết không thể tránh được, là sự giảm bớt những đau khổ do chiến tranh gây ra. Những nhóm nhỏ, được bố trí rải rác, giữ gìn và phối hợp toàn bộ (các đường giao thông – *ND*).

Nhưng nếu người ta phái các ủy viên tiếp tế, các cấp chỉ huy các đoạn đường, các đội cảnh binh và các tổ chức cai trị khác vào những con đường vắng vẻ mà quân đội chưa hề đi qua thì dân chúng sẽ coi đó như là một gánh nặng. Trừ khi địch đã thất bại rõ ràng và những tai họa thật sự đã làm cho địch khủng khiếp, còn các viên chức của chúng ta đến đâu thì cũng chỉ gặp có căm thù và người ta sẽ lấy báng súng tống cổ họ đi. Vì vậy, trước hết, phải có các đội đồn trú lớn hơn bình thường. Nhưng các đội đồn trú này vẫn còn nguy cơ bị dân chúng chống lại. Nói tóm lại, quân đội đi vào đất địch thì mất tất cả các phương tiện để buộc người ta phải vâng lệnh. Trước hết, họ phải dùng vũ lực để bố trí các tổ chức cai trị; điều này không phải khi nào cũng thi hành được và thông thường là có hy sinh, khó khăn và chậm chạp.

Do đó, trên đất địch quân đội lại càng không thể thay đổi căn cứ bằng cách chuyển từ giao thông này sang hệ thống giao thông khác. Còn trên đất ta thì khi nào cũng có thể làm như thế được. Cũng do đó nên thường thường quân đội không được tự do vận động và bị vướng mắc về đường giao thông.

Nhưng ngay từ đầu, việc lựa chọn và tổ chức đường giao thông đã bị ràng buộc vào hàng loạt các điều kiện hạn chế. Không những quân đội phải chọn những con đường lớn mà về nhiều mặt, những con đường này càng rộng, càng đi qua các thành phố đông dân và phồn vinh, những nơi này càng có nhiều công sự phòng ngự bảo vệ thì giao thông càng tốt. Sông ngòi cũng là cơ sở để xác định việc lựa chọn.

Vì tình hình cách đường giao thông như thế nên quân đội tiến công chỉ có thể tự do lựa chọn đường sá đến một mức độ nào đó; vị trí chính xác gắn chặt với điều kiện địa lý.

Tất cả các yếu tố trên tập hợp lại hình thành chỗ mạnh, chỗ yếu của việc liên lạc giữa quân đội với căn cứ và kết quả về phía bên địch sẽ quyết định xem ai có thể cắt đứt đường giao thông, kể cả đường rút lui của phía bên kia, nghĩa là có thể *vu hồi* về phía bên kia, theo danh từ kĩ thuật. Nếu đề riêng ưu thế về tinh thần và vật chất ra thì chỉ bên nào có đường giao thông tốt hơn mới có thể thật sự bao vây được bên kia, nếu không phía bên kia sẽ đánh trả lại cũng bằng cách ấy bằng con đường ngắn nhất.

Thế nhưng, vì các đường giao thông có hai ý nghĩa nên việc vu hồi về phía sau cũng có thể có hai mục đích. Nó có thể nhằm phá rối hoặc cắt đứt đường giao thông đến nỗi quân địch vì hao mòn và chán nản có thể bắt buộc phải rút lui, hoặc nó cũng có thể dứt đường rút lui của quân địch.

Về mục đích thứ nhất, phải chú ý là phương thức tiếp tế hiện nay, nếu đường giao thông chỉ bị cắt đứt trong một thời gian ngắn thì không có kết quả rõ ràng. Trái lại, nếu nó bị cắt đứt trong một thời gian dài, tổn thất tuy không quan trọng nhưng lặp đi lặp lại nhiều lần vẫn có tác động lớn. Một cuộc tiến công độc nhất vào bên sườn có thể tác động quyết định đến chế độ tiếp tế giả tạo thời trước, khi hàng ngàn xe bột mì di chuyển trên đường giao thông. Hiện nay, một cuộc tiến công như thế sẽ không còn hiệu quả nữa, kể cả lúc nó thành công. Vì các chiến lợi phẩm mà nó đoạt được chỉ có thể làm yếu một phần quân đội địch chứ không thể bắt nó rút lui.

Vì vậy, các trận đánh thọc sườn khi nào cũng đúng với kiểu cách trong sách vở hơn là trong đời sống: Chúng là cái khó thực hiện hơn hết, và người ta có thể nói rằng, trong nhưng điều kiện không thuận lợi thì chỉ có những đường giao thông rất dài và nhất là chỉ có các cuộc tiến công luôn luôn có thể xảy ra của *dân chúng nỗi dậy* mới làm cho các trận đánh trên trở thành nguy hiểm.

Còn việc chặn đường rút lui thì không nên đánh giá quá cao nguy cơ của các đường rút lui chật hẹp và bị đe doạ. Kinh nghiệm gần đây cho ta thấy nếu có quân lính tinh nhuệ và được chỉ huy kiên quyết thì bao vây địch vẫn khó hơn là chọc thủng vòng vây.

Những biện pháp để rút ngắn và bảo vệ các đường giao thông dài thường rất hạn chế. Chiếm lấy một số pháo đài ở gần vị trí và nằm trên con đường dẫn đến hậu phương – hoặc nếu không có pháo đài thì xây dựng các công sự ở những điểm phù hợp, đối xử tốt với dân chúng, giữ kĩ luật nghiêm khắc trên con đường hành quân, giữ trật tự trong xứ cho tốt, luôn luôn sữa sang lại các con đường: Chỉ có những biện pháp ấy là có thể giảm bớt những khó khăn không sao loại trừ được.

Một mặt khác, những điều chúng tôi nói về việc tiếp tế trên các con đường quân đội hay dùng đến lại có thể ứng dụng rất chặt chẽ vào vấn đề các đường giao thông. Các con đường huyết mạch đi qua các thành phố giàu có và các vùng đất đai màu mỡ là những đường giao thông tốt nhất. Nên chọn những con đường này, kể cả khi nó đi ngoằn ngoèo quanh nhiều nơi: Trong phần lớn các trường hợp, chính các con đường này sẽ quyết định việc bố trí quân đội.

Chương 17. ĐỊA PHƯƠNG VÀ ĐỊA HÌNH

Xứ sở và đất đai khi nào cũng quan hệ mật thiết với hoạt động quân sự, đó là chưa kể ảnh hưởng của chúng đối với các biện pháp tiếp tế (đây là một mặt khác hẳn của vấn đề). Chúng có một ảnh hưởng quyết định đến giao chiến, đến quá trình diễn biến của nó, cũng như đến công cuộc chuẩn bị và khai thác cuộc giao chiến. Phải nhìn vấn đề xứ sở và đất đai dưới gốc độ đó, trong toàn bộ ý nghĩa của thuật ngữ địa hình (terrain) trong tiếng Pháp.

Tác động của nhân tố này nằm trong phạm vi chiến thuật nhưng hiệu quả lại bộc lộ cả trong chiến lược. Về mặt kết quả mà nói, thì một cuộc giao chiến ở vùng núi là hiện tượng khác hẳn với giao chiến ở vùng đồng bằng.

Ta chưa thể xem xét đến tác động của địa hình ở những mặt có tính chất quyết định vì chưa phân biệt thế nào là tiến công và thế nào là phòng ngự, để rồi sau đó, chú ý nhiều hơn nữa đến cả tiến công lẫn phòng ngự; vì vậy chúng tôi chỉ có thể nghĩ đến tính chất chung của chúng. Địa hình tác động vào hoạt động quân sự với ba đặc tính: Nó là chướng ngại đối với mọi cuộc xâm nhập, nó gây khó khăn cho việc nhìn bao quát, nó ngăn chặn mọi ảnh hưởng của hoả lực. Tất cả các đặc tính khác có thể rút gọn vào trong ba đặc tính ấy.

Trên thực tế, ý niệm về đồng bằng hoàn toàn bằng phẳng và trơ trụi, nghĩa là không có một tí ảnh hưởng nào cả, chỉ có thể có đối với những toàn quân rất nhỏ, và ngay trong trường hợp ấy cũng chỉ tồn tại trong một thời điểm nhất định. Đối với những đội quân lớn hơn và lâu dài hơn (nghĩa là tồn tại lâu dài hơn), thì đặc điểm của địa hình ảnh hưởng tới hành động; và đối với toàn bộ quân đội, kể cả trong một thời điểm nhất định (như trong một trận đánh chẳng hạn), không ai có thể quan niệm rằng địa hình lại không có ảnh hưởng gì cả.

Như vậy, trên thực tế, ảnh hưởng đó khi nào cũng có nhưng nó tác động nhiều hay ít là còn tùy theo bản chất của xứ sở.

Nếu chú ý đến tính chất phổ biến của các hiện tượng địa hình, chúng ta thấy rằng một vùng đất đai khác với khái niệm về một vùng đồng bằng quang đãng ở ba mặt: Trước tiên là mặt địa hình, nghĩa là các vùng đất lồi và lõm; rồi đến các mặt: Rừng cây, đầm lầy. Hồ ao là những hiện tượng tự nhiên; cuối cùng là mặt sản phẩm nông nghiệp. Xứ sở ảnh hưởng càng ngày càng mạnh đến hành động quân sự theo ba hướng trên. Lần theo ba hướng phân loại này đến một mức độ nào đó, người ta sẽ thấy: Đất núi, đất ít trồng trọt có nhiều đầm lầy và rừng cây, và đất được tăng cường trồng trọt. Trong cả ba trường hợp, chiến tranh trở thành phức tạp hơn và đòi hỏi nhiều nghệ thuật hơn.

Cây trồng có ảnh hưởng nhiều hay ít là tùy theo loại. Nó có ảnh hưởng mạnh nhất ở những vùng có nhiều hầm hố, hàng rào, bờ đất, rải rác có nhà cửa, bụi bờ cách biệt nhau như ở Flanders, Holstein và một vài vùng khác.

Chiến tranh sẽ dễ tiến hành hơn trong một vùng bằng phẳng và có trồng trọt vừa

phải. Nhưng khái niệm về vùng bằng phẳng chỉ có thể có được với ý nghĩa hoàn toàn phổ biến, với điều kiện là loại trừ việc sử dụng các chướng ngại ở ngay thực địa để phòng ngự.

Mỗi một loại địa hình nói trên tác động khác nhau đến chiến tranh vì chúng là chướng ngại đối với sự xâm nhập, đối với việc quan sát, hoặc vì chúng được dùng để bảo vệ.

Trong một xứ nhiều cây, thì chủ yếu là khó quan sát; ở vùng núi, thì khó tiếp cận; trong một vùng trồng trọt nhiều, cả hai đều khó ngang nhau.

Trong một xứ nhiều cây thì một phần lớn đất đai thường không hề xâm nhập được, vì ngoài khó khăn về tiếp cận, khó khăn về quan sát không cho phép ta dùng bất kỳ biện pháp nào để xâm nhập. Tuy nhiên, hành động ở đây lại dễ, còn ở nơi khác thì lại rất khó. Vì, trên các loại địa hình này tuy tập trung hoàn toàn lực lượng lúc giao chiến là không thể được nhưng ta cũng không cần phải phân tán lực lượng ra nhiều mảnh như ở vùng núi và các vùng có nhiều chướng ngại. Nói một cách khác, trong các xứ thuộc loại này, việc phân tán là không tránh được nhưng lại không cần phân tán ra quá nhỏ.

Ở vùng núi, tiếp cận là khó khăn chủ yếu và nó tác động ở hai mặt; vì không phải ở đâu cũng đi qua được, và nếu chỗ nào có thể qua được thì cuộc vận động của ta cũng chậm hơn và đòi hỏi nhiều cố gắng hơn. Ở vùng núi, tốc độ vận động bị giảm sút và cuộc tác chiến nào cũng đòi hỏi nhiều thì giờ hơn. Nhưng, trái với các vùng khác, ở đây bao giờ cũng có một điểm nào đó cao hơn một điểm khác.

Chương sau sẽ dành cho các điểm khống chế nói chung; ở đây chỉ cần nói rõ ràng: Chính đặc tính này đã bắt các lực lượng phân tán ra rất nhiều. Vì không những bản thân các điểm đó đã là quan trọng, mà còn quan trọng vì chúng có ảnh hưởng nhiều đến các điểm khác.

Như chúng tôi đã nói trước đây, ba loại địa hình trên vì có xu hướng đi đến điểm tột cùng nên làm giảm bớt sự ảnh hưởng của người tổng chỉ huy đối với kết quả của trận đánh, theo tỷ lệ thuận với sự kiên quyết của những người dưới quyền, từ sĩ quan đến người lính thường. Tình hình phân tán càng lớn, việc kiểm soát càng khó khăn và dĩ nhiên mỗi người cũng càng dễ tự do hoạt động. Hàng động càng bị đứt quãng, càng khác nhau, càng phức tạp thì ảnh hưởng của trí thông minh càng lớn và người tổng chỉ huy càng có dịp phát huy trí sáng suốt của mình. Nhưng ở đây cũng vậy, chúng tôi phải nói lại rằng: Trong chiến tranh, tổng số các thắng lợi riêng biệt quan trọng hơn là hình thái thắng lợi. Nếu chúng tôi phát triển ý kiến của mình đến cực điểm, nếu chúng ta cho quân đội rải ra theo một đường bắn độc nhất mà mỗi người lính sẽ tác chiến trong một trận đánh thu nhỏ thì tổng số các thắng lợi sẽ quan trọng hơn dù hình thức thắng lợi có khác nhau mấy đi nữa. Vì hiệu quả của một sự kết hợp tốt là do các kết quả tích cực chứ không phải do các kết quả tiêu cực sinh ra. Trong những trường hợp như thế, lòng dũng cảm, sự khôn khéo và trí thông minh của mỗi một người sẽ quyết định tất cả. Chỉ khi nào mỗi bên đối địch đều có dũng khí ngang nhau hoặc các đặc điểm của mỗi bên cân bằng nhau thì tài ba hoặc sự sáng suốt của

người chỉ huy mới trở lại quyết định. Bởi vậy, trong các cuộc chiến tranh dân tộc, trong các cuộc tổng động viên, v.v… tinh thần binh lính đã lên rất cao, tuy không nhất thiết lòng dũng cảm và sự khôn khéo của mỗi người đều như nhau; chính trong các cuộc chiến tranh này, các lực lượng vũ trang đã tỏ rõ ưu thế của mình, kể cả lúc nó bị phân tán ra làm nhiều mảnh vì địa hình phức tạp. Vả lại, chỉ có loại địa hình này mới cho phép các loại binh lính trên giữ vững được, vì thường thường họ không có những đạo đức và đức tính cần thiết, ngay cả đối với những đạo quân có lực lượng trung bình.

Tính chất của các lực lượng vũ trang cũng có nhiều trình độ khác nhau từ thấp nhất đến cao nhất; bản chất việc bảo vệ tổ quốc làm cho quân đội, kể cả quân đội thường trực, có tính chất dân tộc và vì thế họ dễ hoạt động phân tán hơn.

Nếu quân đội thiếu các đức tính và điều kiện trên, và kẻ địch lại có ưu thế về mặt này thì quân đội lại càng sợ phân tán và càng phải cố gắng hết sức để tránh loại địa hình bị phân cắt. Nhưng đây không phải là vấn đề có thể lựa chọn được. Người ta không thể chọn chiến trường như chọn hàng hóa giữa rất nhiều mẫu hàng khác nhau; do bản chất của mình, quân đội nào thấy tập trung đông đặc là có lợi hơn thì họ sẽ làm tất cả để buộc kẻ địch phải chấp nhận kiểu đánh của họ, *bất chấp bản thân của địa hình là như thế nào.* Điều này sẽ dẫn đến nhiều điều bất lợi, thí dụ như: Tiếp tế xoàng và vất vả, đông quân tồi tệ và trong lúc chiến đấu có thể phải đối phó với những cuộc tiến công từ nhiều phía. Nhưng nếu từ bỏ những thuận lợi riêng của bản thân mình thì sẽ gặp nhiều khó khăn hơn.

Hai xu hướng trái ngược nhau ấy – tập trung hoặc phân tán lực lượng sẽ chiếm ưu thế trong mức độ các lực lượng giao chiến nghiêng về phía này hoặc phía kia. Nhưng dầu có mạnh đến bao nhiêu đi nữa thì xu hướng tập trung cũng không thể tập trung mãi mãi lực lượng của mình được, còn xu hướng phân tán cũng không thể cho rằng chỉ có phân tán mới có hiệu quả.

Ở Tây Ban Nha, quân Pháp cũng buộc phải phân tán lực lượng, và người Tây Ban Nha cũng phải tung một bộ phận lực lượng của mình ra trong những trận đánh lớn, khi bảo vệ xứ sở bằng toàn dân nổi dậy.

Nếu địa hình quyết định thành phần tổng quát nhất là thành phần chính trị của các lực lượng vũ trang thì nó lại càng quyết định nhiều hơn nữa thành phần tương đối của ba binh chủng.

Trong những vùng đất hiểm trở, vùng núi, vùng rừng hay vùng đất trồng trọt thì kỵ binh đông đảo hiển nhiên là chẳng làm nên tích sự gì cả. Pháo binh ở vùng lắm cây cối cũng thế: Ở những vùng này, người ta rất dễ thiếu chỗ sử dụng các khẩu pháo một cách trọn vẹn, thiếu đường sá để đưa chúng đến, thiếu rơm cỏ cho ngựa.

Những vùng đất trồng trọt thuận lợi hơn nhiều cho việc dùng binh chủng này và vùng núi thì lại càng thuận lợi hơn nữa. Nói cho đúng thì cả hai loại địa hình trên đều bảo vệ được ta chống hỏa lực của pháo bính: Vì vậy, về mặt này, nó không thuận lợi cho loại binh chủng chủ yếu tác động bằng hỏa lực (tức là không lợi cho pháo binh – ND). Vì bộ binh thì len lỏi vào đâu cũng được nên cả hai vùng đều tạo cho bộ binh

nhiều biện pháp gây khó khăn cho các khẩu pháo nặng nề, rất khó điều khiển. Nhưng ở cả hai vùng thường không thiếu chỗ rộng để sử dụng pháo binh đông đảo, mà ở vùng núi pháo binh lại có ưu thế lớn hơn vì quân địch vận động rất chậm chạp nên họ có thể tăng thêm hiệu quả của mình.

Ở vùng địa hình khó khăn, ưu thế quyết định của bộ binh đối với các binh chủng khác là không thể chối cãi được; số quân bộ binh có thể vượt rất xa mức độ bình thường.

Chương 18. CÁC ĐIỂM CAO KHỐNG CHẾ

Trong nghệ thuật quân sự, từ "khống chế" có sức hấp dẫn đặc biệt. Thật thế, một phần lớn (có thể đến quá nữa) ảnh hưởng của địa hình đối với việc sử dụng lực lượng vũ trang là do yếu tố này quyết định. Chính từ đây đã nảy sinh ra những nguyên tắc thiêng liêng của khoa học quân sự như: Vị trí khống chế, vị trí chốt, cơ động chiến lược và nhiều nguyên tắc khác. Ta hãy đi sát vấn đề hơn mà không lý luận dài dòng bằng cách điểm qua cái đúng cái sai, thực tế và ảo tưởng đã.

Mọi cố gắng vật chất tác động từ dưới lên trên đều khó hơn từ trên xuống dưới; trong giao chiến cũng vậy vì có ba lý do. Trước tiên, bất kì điểm cao nào cũng phải xem là một chướng ngại cho việc tiếp cận; sau nữa, tùy tầm bắn không xa hơn nhiều lắm, nhưng bắn từ trên xuống thì rõ ràng *tốt* hơn là bắn từ dưới lên (đó là đã tính đến tất cả các quan hệ hình học); cuối cùng, ở trên cao, người ta có thêm thuận lợi vì nhìn được bao quát. Chúng ta chưa chú ý đến vấn đề: Tất cả các yếu tố trên đã kết hợp với nhau trong giao chiến như thế nào. Chiến thuật rút ra từ điểm cao nhiều thuận lợi, chúng tôi tóm tắt tất cả các thuận lợi ấy vào một mối và coi đó là thuận lợi chiến lược đầu tiên.

Nhưng, thuận lợi đầu tiên và cuối cùng nói trên lại sẽ xuất hiện trong bản thân chiến lược, vì trong chiến lược cũng như trong chiến thuật người ta đều phải hành quân và quan sát. Nếu điểm cao là chướng ngại cho việc tiếp cận của những kẻ đóng quân dưới thấp thì đó chính là thuận lợi chiến lược thứ hai; và từ điểm cao người ta có thể nhìn bao quát tốt hơn; đó là thuận lợi thứ ba của chiến lược.

Sức mạnh của cái mà người ta gọi là: Khống chế, chế ngự, thế đứng trên cao,…bao gồm các yếu tố trên. Chính vì vậy nên người đứng trên núi thấy kẻ thù ở dưới chân thì có cảm giác là mình có ưu thế và an toàn hơn, còn người đứng dưới chân núi thì thấy mình yếu thế và lo lắng băn khoăn hơn. Có lẽ, cái cảm giác đại thể ấy quá mạnh so với thực tế chăng, vì thuận lợi của điểm cao đập vào giác quan rất mạnh, mạnh hơn những điều kiện sẽ làm thay đổi các thuận lợi đó. Cảm giác cũng có thể vượt qua cơ sở thực tế của nó và trong trường hợp này, ảnh hưởng của trí tưởng tượng phải được xem là một yếu tố mới làm tăng thêm ảnh hưởng của vị trí khống chế.

Nói đúng ra thì thuận lợi về vận động dễ dàng không phải tuyệt đối, không phải ai có ưu thế tuyệt đối về vị trí thì cũng có thuận lợi này; họ chỉ dễ vận động hơn nếu kẻ địch muốn tiến công, còn nếu có thung lũng rộng ngăn cách hai bên thì việc vận động không dễ dàng gì và nếu trận đánh diễn ra ở đồng bằng (trận Hohenfriedberg) thì bên đóng quân ở nơi thấp lại dễ vận động hơn. Tầm mắt cũng có giới hạn; thung lũng rậm rạp và nhiều khi chính các cụm núi cũng chặn tầm mắt lại. Đã có vô số thí dụ về trường hợp mà người ta đã chọn điểm cao trên bản đồ, rồi sau đó lại chẳng thấy có thuận lợi nào cả; chẳng những thế nhiều khi điểm đã chọn lại có tất cả những điều bất lợi không thể gỡ ra được của một điểm thấp. Nhưng, những sự hạn chế và điều

kiện trên không phá bỏ mọi ưu thế của vị trí khống chế, trong tiến công cũng như trong phòng ngự. Chúng ta hãy nói vài câu về cái ưu thế hai mặt này.

Trong ba thuận lợi chiến lược của vị trí khống chế: *tác động chiến thuật mạnh hơn, tiếp cận khó hơn, nhìn bao quát tốt hơn,* hai thuận lợi đầu chỉ có ích cho bên phòng ngự, vì chỉ khi nào người ta giữ vị trí thì mới lợi dụng được nó, còn bên tiến công thì vì phải vận động nên không thể mang nó theo được. Còn thuận lợi thứ ba thì đều có thể có ích cả cho bên phòng ngự cũng như bên tiến công.

Như vậy, ta thấy rằng đối với bên phòng ngự, vị trí khống chế quan trọng biết bao nhiêu và vì nó chỉ quyết định ở vùng núi cho nên theo đúng logic, hình như ta có thể kết luận có thể kết luận rằng ở vùng núi bên phòng ngự có thuận lợi quan trọng. Nhưng nhiều trường hợp phụ thuộc làm cho tình hình không xảy ra như vậy và chúng tôi sẽ trình bày về vấn đề này trong chương nói về phòng ngự ở vùng núi.

Trước tiên phải phân biệt hai việc khác nhau. Nếu chỉ cần khống chế một điểm nào đó, thí dụ một vị trí, các thuận lợi chiến lược gần trùng khít với thuận lợi độc nhất của chiến thuật trong một trận đánh thắng lợi. Nhưng, nếu ta thấy có thể coi một vùng rộng bằng một tỉnh như một sườn núi thoai thoải, như một mái đê bên dòng nước, đến nỗi có thể hành quân nhiều lần mà vẫn khống chế được toàn vùng, thì những thuận lợi chiến lược tăng lên rất nhiều. Vì người ta lợi dụng việc khống chế không những chỉ trong lúc kết hợp lực lượng trong một cuộc giao chiến mà cả trong lúc kết hợp nhiều cuộc giao chiến.

Đó là tình hình diễn biến trong phòng ngự.

Còn trong tiến công, điểm khống chế cũng có thuận lợi như trong phòng ngự vì tiến công chiến lược không phải chỉ một hành động như trong chiến thuật. Tiến quân chiến lược không giống như chuyển động liên tục một cái máy; nó gồm có những cuộc hành quân khác nhau, kèm theo nhiều cuộc nghỉ ngơi lúc dài lúc ngắn và mỗi lúc dừng chân thì lại ở thế phòng ngự như đối phương.

Cần phải nhấn mạnh rằng: Cả hai bên phòng ngự và tiến công đều có thể tăng khả năng hoạt động bằng cách mở rộng tầm nhìn xa. Vì mỗi bên cũng như toàn thể, đều có thể lợi dụng thuận lợi của vị trí khống chế. Trong những điều kiện như thế, một đạo quân biệt phái đủ lớn hoặc nhỏ đều vẫn mạnh hơn so với một đạo quân khác không có thuận lợi trên và người ta có thể mạo hiểm chiếm vị trí mà không sợ nguy hiểm gì nhiều lắm so với lúc ở vị trí thấp hơn. Một đơn vị biệt phái như thế có lợi gì, chúng tôi sẽ nói đến vấn đề này trong một dịp khác.

Khi thuận lợi về điểm khống chế lại kết hợp thêm với nhiều thuận lợi địa lý khác, khi kẻ địch vận động nhiều trở ngại khác, thí dụ như lúc ở gần một con sông lớn, thì hoàn cảnh bên địch có thể nguy ngập đến nỗi chỉ một cách là chạy trốn thật nhanh trước bấy nhiêu bất lợi. Không một quân đội nào có thể ở lại trong thung lũng của một con sông lớn nếu không giữ được điểm cao khống chế thung lũng đó.

Như vậy, điểm cao khống chế có thể thực sự khống chế và chân lý của ý kiến này là không thể chối cãi được. Tuy nhiên, các danh từ *địa hình khống chế, bảo vệ vị trí, yếu hầu của xứ sở, v.v...* trong mức độ chúng dựa vào tính chất của vị trí khống chế

hoặc vị trí thấp thường thường chỉ là những cái vỏ trống rỗng, chẳng có một tí ruột nào. Nếu người ta có tô vẽ lý luận bằng những hình ảnh hào nhoáng như vậy thì chẳng qua cũng cốt để làm cho cái vẻ ngoài tầm thường của các thủ đoạn kết hợp quân sự có vẻ thực tế hơn một tí. Đó là các đề tài được những người lính – bác – học rất ưa chuộng, đó là cái đũa thần của những nhà chiến lược tập sự và tất cả kinh nghiệm thực tế đã bác bỏ cái trò chơi vô bổ ấy nhưng cũng không làm cho người viết sách cũng như người đọc sách tin rằng công họ chỉ là công dã tràng. Người ta đã lầm lẫn bản chất của sự vật với điều kiện của sự vật, người ta tưởng rằng bàn tay tức là dụng cụ. Người ta cho rằng chiếm một vị trí nào đó, một vùng đất đai nào đó tức là có sức mạnh, tức là có sức ép, hoặc tức là tiến hành được một trận đánh, người ta coi địa hình và vị trí như là một đại lượng thật sự; thực ra địa hình chỉ là một cánh tay giơ lên còn vị trí chỉ là một dụng cụ vô tri, một đặc tính đơn thuần chỉ có thể thể hiện trong một đối tượng, hoặc chỉ là một dấu cộng hay dấu trừ mà chưa rõ đại lượng. Sức đẩy nó, cú đánh đó, đại lượng đó là *giao chiến thắng lợi.* Chỉ có điều đó là đáng kể thực sự, chỉ có vấn đề đó là cần xem xét, cần để mắt tới luôn khi người ta muốn xem xét trong sách vở hoặc khi người ta muốn hành động trên chiến trường.

Như vậy, nếu chỉ có trọng lượng và số lượng các cuộc giao chiến là quyết định thì rõ ràng mối quan hệ giữa hai quân đội và giữa những người đứng đầu của chúng là quan trọng nhất, còn vai trò và ảnh hưởng của địa hình chỉ là thứ yếu.

TẬP VI

PHÒNG NGỰ

Chương 1. TIẾN CÔNG VÀ PHÒNG NGỰ

1. Khái niệm về phòng ngự

Thế nào là khái niệm phòng ngự? Đỡ đòn. Vậy dấu hiệu đặc biệt của nó là gì? Đợi cái đòn ấy.

Chính nhờ có cái dấu hiệu đó mà mọi sự việc đều đạt được tính xác định, và trong chiến tranh, sở dĩ người ta phân biệt được phòng ngự với tiến công cũng chỉ là nhờ ở cái dấu hiệu đó mà thôi. Nhưng, phòng ngự tuyệt đối là hoàn toàn trái ngược với khái niệm chiến tranh; vì không khi nào lại chỉ có một bên tiến hành chiến tranh, cho nên ở mức độ đó mà nói thì phòng ngự chỉ có thể là tương đối. Dấu hiệu đặc biệt của nó nói trên chỉ có thể ứng dụng cho khái niệm về toàn bộ, còn đối với từng bộ phận thì không thể làm như thế được. Nếu xét từ điểm khởi đầu, lúc kẻ địch đột kích thì một cuộc giao chiến bộ phận nào đó mang tính chất phòng ngự; đối với một trận đánh thì cũng phải làm theo cách ấy nếu người ta xét về mặt tiến công, nghĩa là vị trí địch đối diện với vị trí ta và trong tầm bắn của ta; một chiến dịch cũng có tính chất phòng ngự nếu ta thấy quân thù thâm nhập vào chiến trường của ta. Trong mọi trường hợp trên, dấu hiệu chờ đợi và đỡ đòn thuộc về khái niệm chung. Nói như vậy chẳng hề có gì trái ngược với khái niệm chiến tranh vì ta có thể được lợi thế hơn, để chờ địch đụng vào lưỡi lê của ta hoặc tiến công vào vị trí hay chiến trường của ta. Nhưng vì ta cũng sẽ phải giáng trả lại đối phương, và nếu phía ta cũng thực sự muốn chiến tranh thì hành động tiến công ấy trong một cuộc chiến tranh phòng ngự, đứng về một mặt nào đó mà nói, cũng vẫn chỉ thuộc về phòng ngự; như thế có nghĩa là cuộc tiến công của chúng ta nằm trong khái niệm vị trí hoặc chiến trường. Vì vậy, vẫn có thể có chiến đấu tiến công trong một chiến dịch phòng ngự, vẫn có thể sử dụng một vài sư đoàn vào những nhiệm vụ tiến công trong một trận phòng ngự, và cuối cùng, ngay trong lúc đón chờ cuộc xung phong của quân thù, ta vẫn có thể nã pháo sang trận tuyến của chúng. Hình thức phòng ngự của chiến tranh không thể chỉ là một cái một đơn giản mà là một cái mộc gồm nhiều đòn kết hợp khéo léo.

2. Lợi thế của phòng ngự

Mục đích của phòng ngự là gì? *Bảo tồn*. Bảo tồn dễ hơn đánh chiếm; và cũng vì thế, nếu giả định là phương tiện của hai bên đều bằng nhau thì phòng ngự sẽ thuận lợi hơn tiến công. Nhưng do đâu mà bảo tồn và phòng vệ lại có thể thuận lợi hơn ấy? Đó là do mọi khoảng thời gian không dùng đến đều quay về hướng có lợi cho người phòng ngự. Họ gặt hái mà không phải gieo trồng. Mọi hoạt động làm ngừng trệ tiến công do nhận định không đúng, do hoảng sợ, hoặc khinh địch đều có lợi cho bên phòng ngự.

Trong cuộc Chiến tranh Bảy năm, chính lợi thế ấy đã nhiều lần cứu được nhà nước Phổ khỏi bị sụp đổ.

Lợi thế ấy, nảy sinh từ khái niệm và mục đích của phòng ngự, nằm trong bản chất của phòng ngự và nhiều lĩnh vực khác của cuộc sống, đặc biệt là công tác tư pháp lại

càng có nhiều điểm giống chiến tranh; nó cũng đã được diễn đạt bằng câu tục ngữ la tinh beatin sun possidentes. Bản chất chiến tranh lại đưa đến cho bên phòng ngự một lợi thế khác; do được ưu tiên sử dụng địa điểm nên được nó ủng hộ.

Sau khi đã xác định những khái niệm phổ biến ấy, bây giờ chúng ta hãy đi thẳng vào vấn đề.

Trong chiến thuật, mọi cuộc giao chiến lớn hoặc nhỏ sẽ có tính chất *phòng ngự* nếu chúng ta để cho đối phương ở thế chủ động, bằng cách chờ cho chúng xuất hiện trước trận địa của chúng ta. Kể từ lúc đó, ta có thể dùng mọi thủ đoạn tiến công mà vẫn không mất hai cái lợi thế của phòng ngự đã nói ở trên, tức là lợi thế của sự chờ đợi và lợi thế về địa hình. Hơn bất kì lĩnh vực nào khác, trong chiến lược thì chiến dịch thay thế cho trận đánh và chiến trường thay thế cho vị trí; và sau nữa thì toàn bộ cuộc chiến tranh thay thế cho chiến dịch và toàn quốc trở thành chiến trường, nhưng trong cả hai trường hợp, thế phòng ngự vẫn hoàn toàn hệt như ở chiến thuật.

Chúng ta đã có nhận định là nói chung phòng ngự dễ hơn tiến công. Nhưng vì phòng ngự có mục đích tiêu cực – mục đích *bảo tồn*, còn tiến công lại có mục đích tích cực – mục đích *chiếm đoạt* (mục đích này sẽ làm cho tiềm lực chiến tranh của ta tăng thêm, điều đó không thể có ở mục đích bảo tồn) nên để cho chính xác, chúng tôi phải nói rằng: *trong chiến tranh, bản thân hình thức phòng ngự vẫn mạnh hơn là tiến công*. Chúng tôi muốn đi đến kết luận như trên vì đấy là điều rất tự nhiên và đã được kinh nghiệm thực tế chứng minh hàng ngàn lần; tuy thế nó vẫn hoàn toàn trái với dư luận hiện nay – điều đó chứng tỏ rằng các nhà viết sách nông cạn đã làm cho tư tưởng người ta rối tinh rối mù.

Nếu như phòng ngự là hình thức mạnh hơn của việc chỉ đạo chiến tranh nhưng lại chỉ đạt được mục đích tiêu cực, thì lẽ tất nhiên là ta chỉ nên vận dụng hình thức ấy khi tình thế bắt buộc, do ta còn yếu, và phải từ bỏ nó ngay lập tức một khi ta cảm thấy tương đối đủ mạnh để nhằm một mục đích tích cực hơn. Nhưng vì sức mạnh tương đối của chúng ta thường lại lớn thêm lên mỗi khi ta đạt được một chiến thắng nhờ phòng ngự, cho nên bắt đầu bằng phòng ngự và kết thúc bằng tiến công chỉ là một sự phát triển tự nhiên trong chiến tranh. Như vậy, nếu cho phòng ngự là mục tiêu cuối cùng của chiến tranh thì cũng mâu thuẫn với khái niệm chiến tranh như khi tưởng rằng thái độ thụ động chẳng những chỉ nằm trong lĩnh vực phòng ngự nói chung mà còn nằm cả ở trong những bộ phận khác nhau của phòng ngự.

Nói cách khác: Trong một cuộc chiến tranh mà người ta chỉ dùng các chiến thắng để chặn những đòn tiến công chứ không tìm cách đánh trả, thì cũng vô lý như một trận đánh mà hình thức phòng ngự tuyệt đối thụ động chiếm ưu thế trong tất cả các phương sách được thi hành.

Để chứng minh rằng nhận định chung nói trên là không chính xác, người ta có thể kể ra nhiều cuộc chiến tranh phòng ngự từ đầu chí cuối mà không có hành động tiến công nào cả. Nhưng, những ý kiến phản đối đó chỉ có thể có nếu người ta không thấy những nhận định trên là những khái niệm chung, và những thí dụ trên chỉ có thể nêu ra được khi khả năng của một hành động tiến công còn chưa xuất hiện mà thôi.

Chẳng hạn, Frederick Đại đế đã không hề có ý nghĩ tiến công trong toàn bộ hay ít ra cũng trong ba năm cuối của cuộc Chiến tranh Bảy năm. Thật ra, chúng tôi cũng nghĩ rằng trong cuộc chiến tranh đó, ngài chỉ coi tiến công là thủ đoạn tốt nhất để phòng ngự, tình thế lúc ấy đã thúc đẩy ngài đi theo con đường đó, và tất nhiên là một người làm tướng chỉ chú ý đến những cái gì có liên quan trực tiếp tới tình thế của mình. Tuy nhiên, lúc nghiên cứu một cuộc phòng ngự cỡ lớn như dẫn chứng trên, ta không thể không giả định rằng: Cơ sở của toàn bộ kế hoạch là một phản ứng tiến công chống lại người Áo, nhưng sở dĩ không có tiến công thì chỉ là vì thời cơ không đến mà thôi. Hòa ước đã chứng minh rằng ngay cả trong trường hợp này, ý kiến nói trên không phải là không có cơ sở. Thật vậy, cái gì đã buộc người Áo phải ký kết hòa bình? Họ không đủ lực lượng để đương đầu với tài năng của nhà vua, và dẫu sao đi nữa, họ cũng vẫn phải cố gắng hơn trước nhiều, và chỉ cần lơi nhẹ ra một chút thôi là họ sẽ mất thêm đất. Trên thực tế, ai có thể ngờ được rằng Frederick Đại đế lại định mở cuộc chiến đấu mới với quân Áo ở Bohemia và Moravia, nếu nước Nga, nước Thụy Điển và quân đội của đế quốc La Mã Thần thánh không giữ chân được nhiều lực lượng của ngài lại? Sau khi đã giải thích khái niệm phòng ngự theo ý nghĩa xác thực của nó và quy định các giới hạn của phòng ngự, chúng tôi lại quay trở lại điều khẳng định: *phòng ngự là hình thức mạnh nhất của việc chỉ đạo chiến tranh*.

Sau khi đã nghiên cứu, so sánh kỹ phòng ngự và tiến công, chúng ta sẽ thấy ngay điều đó một cách rõ rành, đơn giản. Nhưng hiện nay, chúng tôi chỉ nêu ra xem ý kiến đối lập đã mâu thuẫn với chính bản thân nó và với những kết quả của kinh nghiệm thực tế như thế nào? Nếu tiến công là hình thức mạnh hơn thì người ta sẽ không bao giờ có dịp sử dụng hình thức phòng ngự. Dù sao phòng ngự cũng chỉ có một mục đích tiêu cực, thế tất mọi người đều muốn tiến công, và vì thế phòng ngự sẽ trở thành một chuyện vô lý. Mặt khác, tất nhiên là một mục đích cao hơn chỉ có thể đạt được bằng những hy sinh lớn hơn. Bên nào thấy mình đủ mạnh để dùng hình thức yếu hơn có thể nhằm vào một mục đích lớn hơn.

Bên nào muốn đạt mục tiêu hẹp hơn thì đó chỉ là vì họ muốn lợi dụng hình thức mạnh hơn. Nếu nghiên cứu kỹ kinh nghiệm thực tế, chúng ta không bao giờ thấy trên hai chiến trường, bên quân đội yếu hơn lại tiến công và bên quân đội mạnh hơn lại phòng ngự. Bất kỳ ở đâu, bất kỳ lúc nào, mọi việc đã xảy ra cũng đều trái hẳn với những điểm nói trên: Điều đó chứng tỏ rằng các vị tướng bao giờ cũng cho phòng ngự là hình thức mạnh nhất, kể cả những người có khuynh hướng nhạy bén đối với tiến công.

Trong những chương sau, chúng tôi sẽ giải thích thêm một số điểm mở đầu bổ sung khác.

Chương 2. NHỮNG MỐI QUAN HỆ QUA LẠI GIỮA TIẾN CÔNG VÀ PHÒNG NGỰ TRONG CHIẾN THUẬT

Trước hết, ta cần nghiên cứu những tình huống đã tạo ra chiến thắng trong một cuộc giao chiến.

Ở đây, chúng tôi không nói tới ưu thế về số lượng, về dũng khí, về tinh thần kỹ luật hoặc về đức tính khác trong quân đội, vì nói chung, chúng lệ thuộc vào những yếu tố không nằm trong lĩnh vực nghệ thuật chiến tranh, ít nhất là theo nghĩ chúng tôi hiểu ở đây. Hơn nữa, chúng có tác động ảnh hưởng giống nhau cả trong tiến công lẫn phòng ngự. Ngay cả cái ưu thế về *số lượng nói chung* chúng ta cũng không cần đề cập tới, vì số quân cũng chỉ là một số lượng cho trước và không lệ thuộc vào ý chí của người chỉ huy. Hơn nữa, những vấn đề ấy cũng chẳng có liên quan đặc biệt gì với tiến công và phòng ngự. Theo chúng tôi, có thể chí ba sự kiện sau đây là có một giá trị quyết định: *yếu tố bất ngờ, lợi thế địa hình và tiến công bằng nhiều phía.* Yếu tố bất ngờ sẽ có hiệu lực nếu ta đánh địch bằng một số quân nhiều hơn họ tưởng. Trong trường hợp này, ưu thế về số lượng nói trên rất khác với ưu thế về số lượng thông thường; đó là động lực mạnh nhất trong nghệ thuật chiến tranh. Lợi thế của địa hình góp phần vào chiến thắng như thế nào, điều này rất dễ thấy và chúng tôi chỉ cần nói thêm rằng: Khe sâu, núi cao, bờ bụi, v.v… chẳng những chỉ là chướng ngại ngăn cản bước tiến của quân địch mà còn cho phép ta dàn quân mà địch không trông thấy được. Ta có thể nói rằng, ngay cả ở một khu vực không có những đặc điểm nổi bật, ai nắm chắc được địa hình tất sẽ lợi dụng được nó tốt hơn. Tiến công bằng nhiều phía bao gồm mọi cuộc vận động chiến thuật, lớn hoặc nhỏ, và kết quả của nó phụ thuộc một phần vào mối lo ngại bị chia cắt mà nó gây ra cho quân thù.

Vậy tiến công và phòng ngự có mối quan hệ qua lại như thế nào với các vấn đề trên? Nếu ta không lãnh quên ba nguyên tắc của thắng lợi đã nói trên thì câu hỏi này sẽ được trả lời như sau: Chỉ một phần nhỏ của nguyên tắc thứ nhất và nguyên tắc cuối cùng có lợi cho tiến công còn phần lớn và toàn bộ nguyên tắc thứ hai phục vụ cho phòng ngự.

Bên tiến công chỉ có thuận lợi của những cuộc tập kích bất ngờ bằng cách lấy toàn bộ đánh vào toàn bộ còn bên phòng ngự thì có thể đánh bất ngờ vào bất kì lúc nào trong suốt cả quá trình giao chiến bằng sức mạnh và hình thức của các cuộc công kích mà họ sử dụng.

Bên tiến công có nhiều thuận lợi hơn bên phòng ngự trong việc bao vây và chia cắt vì bên phòng ngự hoạt động trong một vị trí cố định, còn bên tiến công thì lại vận động, so với vị trí đó. Nhưng chỉ có toàn bộ (lực lượng phòng ngự – *ND)* mới có thể bị vận động bao vây như thế vì trong quá trình giao chiến và đối với những bộ phận tách biệt, bên phòng ngự có thể công kích từ nhiều phía dễ dàng hơn bên tiến công, bởi lẽ như chúng tôi vừa nói trên, *bên phòng ngự có vị trí tốt hơn để đột kích bất ngờ*

bằng sức mạnh và những hình thức của các cuộc công kích của họ.

Tất nhiên là bên phòng ngự có thể tận dụng được thuận lợi của địa hình ở mức độ cao hơn; vì họ có ưu thế về mặt bất ngờ, nhờ ở sức mạnh và hình thức của họ do chỗ bên tiến công bắt buộc phải tiếp cận bằng các con đường dễ bị quan sát, còn bên phòng ngự thì dễ giấu kín vị trí của mình khiến cho bên tiến công gần như không phát hiện ra cho đến phút quyết định. Phương pháp phòng ngự chu đáo đã trở thành phổ biến nên gần như chẳng ai tiến hành các cuộc trinh sát nữa, vì điều đó không thể thực hiện được. Thật ra, đôi lúc người ta vẫn tiến hành những cuộc trinh sát nhưng chúng rất ít khi thu thập được nhiều tin tức. Tuy rằng có thể chọn địa hình để bố trí quân đội và để nhận hướng đầy đủ trước trận đánh là một thuận lợi rất lớn, tuy rằng bên phòng ngự chờ đợi trên một vị trí chọn trước như vậy tất nhiên có thể đánh bất ngờ vào đối phương một cách dễ dàng hơn bên tiến công, cho đến bây giờ quan niệm cũ cho rằng "phải chấp nhận một trận đánh là đã thất bại một nữa" cũng vẫn chưa bị loại trừ. Quan niệm đó nảy sinh ra từ kiểu phòng ngự cũ được người ta dùng vào hồi hai mươi năm về trước và cũng được đem dùng trong cuộc chiến tranh bảy năm: Khi ấy tác dụng độc nhất của địa hình là khép kín một mặt trận mà người ta rất khó khăn thâm nhập (vì có sường núi, dốc đứng, v.v…); ở đây, do thiếu chiều sâu để bố trí và vận động bên sườn khó khăn nên đội hình chiến đấu phải giăng dài từ ngọn núi nọ đến ngọn núi kia, và vị vậy, tình thế lại càng xấu hơn. Nếu ta có được một vài điểm tựa (base d' appui) ở hai bên sườn thì tất cả chỉ còn có mỗi một việc là làm sao ngăn chặn bằng được để quân đội không vì bị giăng ra quá như tấm vải căng trên khung thêu mà bị chọc thủng. Ở bất kì điểm nào, vùng đất đã bị chiếm lĩnh được cũng đều có một giá trị trực tiếp, vì vậy bất kì ở đâu cũng phải có phòng ngự trực tiếp. Trong những điều kiện như thế thì chẳng làm gì có vận động và bất ngờ trong quá trình của trận đánh; như vậy người ta đã làm trái hẳn với cái gì cần thiết để tiến hành một cuộc phòng ngự hoàn hảo, trái hẳn với những yêu cầu của phòng ngự hiện nay.

Thực ra, việc coi thường phòng ngự luôn luôn là kết quả của một thời kì mà kiểu phòng ngự được dẫn ra ở trên đã sống dai dẳng, vì ở những thời kì trước nữa, kiểu phòng ngự đó thực tế đã tỏ ra là ưu việt hơn tiến công.

Theo dõi dự tiến triển của nền nghệ thuật chiến tranh hiện đại, ta thấy lúc ban đầu, tức là trong cuộc Chiến tranh Ba mươi năm và cuộc Chiến tranh Kế vị ở Tây Ban Nha, việc triển khai và bố trí quân đội đã là một trong những điểm quan trọng nhất của trận đánh. Điều đó tạo cho bên phòng ngự một lợi thế lớn, vì họ đã ở vị trí của mình, và đã triển khai trước khi trận tiến công bắt đầu. Nhưng khi quân đội đã có một khả năng cơ động lớn hơn thì lợi thế này biến mất và ưu thế có lúc đã thuộc về bên tiến công. Việc phòng ngự đã phải tiến hành sau những con sông, những luỹ sâu hoặc trên núi nhờ đấy đã có một lợi thế quyết định và đã giữ lợi thế ấy tới lúc mà bên tiến công đạt được trình độ cơ động và khéo léo đến nỗi có thể di chuyển trong địa hình chia cắt và tiến hành những cuộc công kích bằng những binh đoàn riêng biệt và vì thế họ đã có thể *đánh vu hồi* đối phương. Tình thế đó làm cho người ta luôn luôn phải trải rộng lực lượng ra hơn nữa và bên tiến công lại có thời cơ tập trung quân vào

một số rất ít điểm để chọc thủng phòng tuyến mỏng manh của đối phương! Thế là, tiến công lại chiếm được ưu thế lần thứ ba và bên phòng ngự lại buộc phải thay đổi hệ thống tổ chức của mình trong những năm gần đây, để đạt được ý đồ đó, bên phòng ngự đã tập trung lực lượng thành từng khối lớn; đại bộ phận các lực lượng này không triển khai và được giấu kín nếu có khả năng, chỉ chiếm một vị trí để từ đấy có thể sẵn sàng hành động tuỳ theo các thủ đoạn của địch, khi những thủ đoạn này đã bộc lộ khá rõ.

Những điều trên không hoàn toàn loại trừ hình thái phòng ngự thụ động từng phần đối với địa hình; lợi thế của nó quá lớn khiến người ta đã sử dụng nó đến hàng trăm lần trong một chiến dịch. Nhưng kiểu phòng ngự thụ động đối với địa hình như thế nói chung không còn là điểm mấu chốt nữa, thế mà ở đây chúng ta chỉ chú ý đến điểm mấu chốt mà thôi.

Nếu bên tiến công phát minh ra một phương pháp mới lạ và mạnh mẽ có thể giúp vào cuộc tiến công – điều đó ít có khả năng xảy ra vì, hiện nay cái gì cũng rất đơn giản và mang tính tất yếu bên trong rất chặt chẽ – thì bên phòng ngự, một lần nữa lại phải thay đổi phương pháp của mình. Nhưng địa hình khi nào cũng ủng hộ bên phòng ngự và thường bảo đảm cho bên phòng ngự có một ưu thế tự nhiên, vì những đặc điểm của xứ sở và của địa hình ngày nay có tác động ảnh hưởng lớn hơn bao giờ hết đối với hành vi chiến tranh, (Điều khẳng định này không thật nhất trí với kết luận ở chương 28, tập V nói rằng hiện này địa hình chỉ có thể đóng một vai trò thứ yếu mà thôi – *ban biên tập tiếng Nga)*.

Chương 3. NHỮNG MỐI QUAN HỆ QUA LẠI GIỮA TIẾN CÔNG VÀ PHÒNG NGỰ TRONG CHIẾN LƯỢC

Trước hết, chúng tôi lại nêu ra câu hỏi như sau: Những tình huống nào bảo đảm kết quả thắng lợi trong chiến lược? Như chúng tôi đã nói, trong chiến lược không có chiến thắng. Một mặt, thành công chiến lược tạo điều kiện thuận lợi cho thắng lợi chiến thuật; thành công chiến lược này càng lớn thì thắng lợi trong quá trình diễn biến của cuộc chiến đấu càng chắc chắn. Mặt khác, thành công chiến lược có nghĩa là phải biết sử dụng chiến thắng đã giành được. Sau khi giành được chiến thắng, nhờ ở những sự kết hợp của nó, chiến lược càng có thể phát huy thắng lợi bằng cách lồng nhiều biến cố vào chiến quả của mình, thì nó càng thoát ra khỏi những đống tro tàn mà nền móng đã bị trận đánh làm cho lung lay; trong quá trình trận đánh chiến lược, chiến lược càng tránh nhặt từng mẫu một và càng đoạt được từng khối lớn thì thành công lại càng lớn. Những nguyên tắc dẫn đến thắng lợi hoặc làm cho người ta đạt được thắng lợi một cách dễ dàng hơn – những nguyên tắc chỉ đạo hiệu quả chiến lược – là:

1. Lợi thế về địa hình.

2. Thế bất ngờ, bất cứ dưới hình thức một cuộc xung phong bất ngờ thực sự hoặc dưới hình thức bố trí, bất ngờ nhiều lực lượng lớn trên một số điểm.

3. Tiến công từ nhiều căn cứ.

(Ba nguyên tắc này cũng giống như trong chiến thuật)

4. Việc yểm hộ chiến trường bằng những pháo đài và tất cả những gì có liên quan.

5. Sự giúp đỡ của nhân dân.

6. Việc sử dụng những lực lượng tinh thần lớn.

Vậy thì những mối quan hệ giữa tiến công và phòng ngự với những nguyên tắc này là như thế nào? Bên phòng ngự có lợi thế về địa hình, bên tiến công có lợi thế ở chỗ bất ngờ đột kích. Trong chiến lược hay trong chiến thuật cũng đều như thế cả. Nhưng trong chiến lược, yếu tố bất ngờ là một phương tiện thực sự hơn và quan trọng hơn trong chiến thuật. Trong chiến thuật, một bất ngờ rất ít khi đạt tới trình độ của một chiến thắng lớn, nhưng trong chiến lược, nhiều khi chỉ một lúc cũng có thể chấm dứt được toàn bộ chiến tranh. Nhưng cần chú ý là muốn sử dụng phương pháp này cho có lợi thì phải dựa vào một số sai lầm *cơ bản và có tính quyết định,* vì thế nên *hiếm có*, mà đối phương đã chạm phải. Vì vậy, nó chẳng làm thay đổi thế thăng bằng nghiêng về phía tiến công là bao nhiêu.

Tập kích quân thù bằng cách bố trí những lực lượng lớn ở một số điểm nào đó cũng giống như hoạt động tương tự trong chiến thuật. Nếu bên phòng ngự cũng đã buộc phải phân tán lực lượng của mình trên nhiều điểm tiếp cận chiến trường thì bên tiến công rõ rành cũng có lợi thế là có thể dùng toàn bộ sức mạnh của mình đập vào một điểm.

Nhưng ở đây cũng thế, nghệ thuật phòng ngự mới mẻ dần dà đã đề ra những nguyên tắc mới bằng những phương pháp mới. Nếu bên phòng ngự không sợ kẻ địch sử dụng một con đường không được bảo vệ để đánh mạnh vào kho tàng quan trọng nào đó hoặc pháo đài nào đó không được chuẩn bị kỹ để đối phó (cũng có khi vào cả thủ đô), nếu bên phòng ngự cũng không sợ bị chặn mất đường chúng đã chọn, thì chẳng có lý do gì để phân tán lực lượng cả. Vì, nếu bên tiến công đã không đi vào con đường mà bên phòng ngự bố trí, lại tìm một con đường khác, thì chỉ một vài ngày sau bên phòng ngự cũng có thể đến tìm họ trên con đường ấy; bên phòng ngự có thể tin chắc rằng bên tiến công buộc phải tiến quân theo từng binh đoàn biệt lập (đó là điều khó trách khỏi vì lý do tiếp tế) thì bên phòng ngự có lợi thế rất rõ rệt là: Có thể dùng toàn bộ lực lượng của mình để đánh mạnh vào một bộ phận đối phương.

Trong chiến lược, những cuộc đột kích bên sườn và vào phía sau, tức là vào bên cạnh và vào mặt trái của chiến trường, thay đổi bản chất một cách sâu sắc.

1. Ta không thể đánh quân thù ở cả hai mặt vì ta không thể bắn từ đầu này tới đầu kia chiến trường.

2. Mối lo ngại bị chặn mất đường rút sẽ giảm đi rất nhiều, vì trong chiến lược, không gian bao la không thể bị cắt ngang như trong chiến thuật.

3. Trong chiến lược, do tầm rộng lớn trong không gian, những đường nội tuyến tuy có ngắn hơn nhưng lại có hiệu lực lớn hơn nhiều; đó là một sự đền bù lớn cho những cuộc tiến công nhiều phía.

4. Một nguyên tắc mới trong chiến lược xuất hiện: Sự nhạy cảm của những tuyến giao thông, tức là ảnh hưởng sinh ra khi nó bị cắt đứt.

Do chiến lược có không gian rộng lớn, tất nhiên là cuộc tiến công bao vây hoặc tiến công bằng nhiều phía chỉ có thể là hành động của bên có quyền chủ động, tức là bên tiến công, còn bên phòng ngự thì không thể đánh mạnh vào quân thù bằng bao vây trong quá trình hoạt động, như trong chiến thuật.

Bên phòng ngự không thể làm được như vậy vì không thể dàn mỏng lực lượng trên một chiều sâu tương tự mà cũng không thể che giấu chu đáo lực lượng ấy được. Nhưng việc bao vây dễ dàng như thế còn có tác dụng gì đối với bên tiến công nếu ưu thế của nó không được biểu hiện ra? Vì vậy, trong chiến lược người ta không hy vọng đạt thắng lợi nào đó bằng một cuộc tiến công bao vây mà lại không chú ý đến ảnh hưởng của nó đối với các đường giao thông. Song, ban đầu yếu tố này ít khi có vai trò quan trọng, lúc tiến công và phòng ngự mới gặp nhau và còn đối chọi nhau ở vị trí xuất phát của mình. Vai trò của yếu tố đó càng ngày càng rõ rệt thêm theo đà tiến triển của chiến dịch, nếu cuộc tiến công trong xứ sở của quân thù dần dần chuyển sang phòng ngự. Những tuyến giao thông của cuộc phòng ngự mới này sẽ bị giảm đi và bộ phận trước đây phải tiến hành phòng ngự bây giờ có thể tận dụng sự suy yếu đó để chuyển sang tiến công. Vậy lẽ nào ta chỉ công nhận cái ưu thế ấy của tiến công mà lại không coi nó như một đặc tính phổ biến? Sự thực, chính ưu thế của phòng ngự đã tạo cho tiến công cái đặc tính ấy.

Nguyên lý thứ tư, *sự hỗ trợ của chiến trường*, tất nhiên cũng chỉ là ưu thế có lợi

cho phòng ngự.

Nếu quân đội tiến công mở màn chiến dịch, họ sẽ thọc ra xa chiến trường của chính họ, và tất sẽ bị yếu đi nghĩa là phải bỏ lại sau những pháo đài, những kho tàng các loại. Khu vực tác chiến phải vượt qua càng rộng, quân đội tiến công sẽ càng bị yếu đi (vì phải hành quân và đồn trú) còn quân đội phòng ngự lại tiếp tục giữ được các mối liên lạc về mọi phía. Nghĩa là, họ vẫn được các pháo đài yểm hộ, họ không hề bị yếu đi và vẫn ở gần các nguồn tiếp tế của mình.

Thực ra, người ta không thể vận dụng sự ủng hộ của dân chúng như một nguyên lý thứ năm trong bất cứ cuộc phòng ngự nào vì người ta vẫn có thể tiến hành một chiến dịch phòng ngự trên đất thù, nhưng quy tắc này chỉ có thể rút ra từ ý niệm phòng ngự và có thể vận dụng vào phần lớn các trường hợp.

Ngoài ra, ý nghĩa chủ yếu (tuy không phải chỉ có thế) của nguyên tắc này là công cuộc tổng động viên và có thể là một cuộc nổi dậy toàn dân. Một lợi thế khác là nó làm giảm bớt tất cả các cuộc cọ xát, làm cho các nguồn tiếp tế chẳng những đã được gần hơn lại còn phong phú hơn.

Chiến dịch năm 1812 đã minh họa rõ rệt như nhìn qua kính phóng đại tác dụng của những phương tiện đã nói rõ trong các nguyên lý 3 và 4. Năm mươi vạn người đã vượt sông Niemen, mười hai vạn quân ít hơn là tới được Moscow.

Người ta có thể nói: Kết quả của mưu đồ kỳ lạ này lớn đến nỗi, dù sau chiến dịch ấy quân Nga không mở tiếp một cuộc tiến công nào đi nữa thì trong một thời gian dài, họ cũng không bị mưu đồ xâm lược nào đe dọa. Thực ra không một nước nào ở Châu Âu, trừ Thụy Điển lại ở trong một tình thế như nước Nga, nhưng nguyên lý có hiệu lực thì vẫn chỉ là một, và điều khác biệt duy nhất chỉ là mức độ cao thấp về sức mạnh của các nước ấy mà thôi.

Nếu ta thêm vào nguyên lý thứ tư và thứ năm nhận định những lực lượng phòng ngự đều là bộ phận của cuộc phòng ngự ban đầu tức là phòng ngự trên đất nước ta, và chúng sẽ yếu hơn nhiều khi cuộc phòng ngự được tiến hành trên đất địch và có xen lẫn những hoạt động tiến công, thì tiến công sẽ gặp điều bất lợi mới giống như điều bất lợi thuận về nguyên lý thứ ba. Vì tiến công không phải chỉ gồm những yếu tố tích cực cũng như phòng ngự không chỉ đơn thuần là một cuộc đỡ đòn; và bất cứ cuộc tiến công nào không đưa thẳng tới hòa bình tất đều phải kết thúc bằng một cuộc phòng ngự.

Nhưng, nếu vì bản chất của tiến công mà tất cả các yếu tố phòng ngự được sử dụng trong quá trình tiến công bị yếu đi, nghĩa là vì các yếu tố đó là bộ phận tiến công, thì chúng ta phải coi đó là điều bất lợi chung của tiến công.

Đó không phải là một điều nhỏ nhặt phù phiếm mà phải coi là một điều bất lợi căn bản của mọi cuộc tiến công nói chung. Vì vậy, ngay từ đầu, mọi kế hoạch tiến công chiến lược đều phải đặc biệt chú ý tới điểm ấy tức là tới việc phòng ngự tiếp sau cuộc tiến công. Chúng ta sẽ nghiên cứu điểm này kỹ hơn ở tập VII, khi bàn kế hoạch chiến tranh.

Người ta có thể thừa nhận rằng những lực lượng tinh thần lớn có lúc thấm sâu

vào bạo lực sơ đẳng của chiến tranh như một chất men tự sinh (bộ chỉ huy cũng có thể sử dụng các lực lượng này để tăng cường các phương tiện sẵn có khác), rằng bên tiến công cũng như bên phòng ngự đều có thể có những lực lượng như thế. Tuy nhiên, những lực lượng có lợi đặc biệt cho tiến công như tình trạng lộn xộn và rối loạn trong hàng ngũ địch, lại thường không xuất hiện trước khi có trận quyết định và vì vậy rút đã rất ít khi ảnh hưởng tới trận này.

Chúng tôi cho rằng chúng tôi đã xây dựng đầy đủ định đề của mình: *phòng ngự là một hình thức chiến tranh mạnh hơn tiến công*. Nhưng còn cần phải nói thêm về một yếu tố nhỏ đã lướt qua, không ai chú ý. Đó là lòng dũng cảm và tâm lý ưu thắng của quân đội khi thấy mình ở phía tấn công. Chân lý là như thế, nhưng ý thức đó hòa ngay vào trong trạng thái tinh thần phổ biến nhất và mạnh mẽ nhất của quân đội khi chiến thắng hoặc khi chiến bại, khi người chỉ huy của nó có tài năng hay bất lực.

Chương 4. TÍNH CHẤT ĐỒNG TÂM CỦA TIẾN CÔNG VÀ LY TÂM CỦA PHÒNG NGỰ

Hai khái niệm trên về những hình thức sử dụng tiến công và phòng ngự thường xuyên xuất hiện trong lý thuyết và thực hành khiến tư tưởng ta phải mặc nhiên coi chúng như những hình thức cố hữu của tiến công và phòng ngự. Nhưng, thực ra, nếu suy nghĩ kỹ hơn một chút, ta sẽ thấy rằng không phải như thế.

Ta phải nhanh chóng lợi dụng dịp này để nghiên cứu lại các vấn đề trên, và phải dứt khoát có ý niệm rõ ràng về những vấn đề đó để sau khi thấy rõ mối liên hệ giữa tiến công và phòng ngự làm lạc hướng suy nghĩ. Ở đây, chúng tôi chỉ đề cập đến vấn đề ấy một cách hoàn toàn trừu tượng, từ đấy chúng tôi đã rút khái niệm ra như cất một thứ tinh rượu và chưa trình bày những nhận định của mình về tác dụng của khái niệm ấy trong thực tế.

Trong chiến thuật cũng như trong chiến lược, người ta cho rằng bên phòng ngự đợi địch, và đợi ở vị trí của mình, còn bên tiến công thì vận động, và vận động tương đối so với vị trí ấy. Như thế, tất nhiên bên tiến công hoàn toàn tự do vu hồi và bao vây, ít nhất là trong lúc họ đang vận động, còn bên phòng ngự thì đứng im. Phương thức tiến công có thể đồng tâm hay không là tùy theo những thuận lợi có thể có hoặc không thể có, nhưng việc tự do lựa chọn phương thức đó thì phải được thừa nhận là lợi thế tổng hợp của tiến công. Và chỉ trong chiến thuật, việc lựa chọn này mới được tự do, còn trong chiến thuật thì phần nào bị hạn chế. Trong chiến thuật. Những điểm tựa của cánh bướm hầu như không bao giờ đảm bảo cho chúng (cánh sườn – ND) có một thế an toàn tuyệt đối, trái lại trong chiến lược, khi phòng tuyến cần bảo vệ chạy theo đường thẳng qua đất liền từ bờ biển này tới bờ biển kia, hoặc từ một lãnh thổ trung lập này tới lãnh thổ trung lập khác thì những điểm tựa đó lại thường làm tròn được nhiệm vụ của mình. Trong trường hợp ấy, việc tự do lựa chọn bị hạn chế và rất khó có thể mở những cuộc đột kích đồng tâm. Việc tự do lựa chọn còn bị hạn chế tới mức gây lúng túng nếu bên tiến công bị buộc phải hoạt động trên những tuyến đồng quy. Nước Pháp và nước Nga chỉ có thể tiến công nước Đức bằng những tuyến đồng quy: Họ không thể nào tập trung toàn bộ lực lượng để tiến công. Nhưng nếu phải thừa nhận rằng hình thức tác chiến đồng tâm của tất cả các lực lượng hầu như khi nào cũng là hình thức yếu nhất thì ta cũng phải thấy rằng bên tiến công tuy có lợi thế được tự do nhiều hơn trong việc lựa chọn (phương thức tiến công – ND) cũng vẫn có thể không được lợi hơn một chút nào cả vì trong những trường hợp khác bên tiến công vẫn phải sử dụng hình thức yếu nhất.

Bây giờ ta hãy nghiên cứu kĩ hơn tác dụng của những hình thức ấy trong chiến lược và trong chiến thuật. Nếu ta cho các lực lượng chính đi theo hướng đồng quy, nghĩa là tác chiến từ vòng tròn ở ngoài vào tâm, ta sẽ đạt được thuận lợi lớn hơn; càng tiến lên thì lực lượng càng tập trung. Sự việc quả đúng như vậy, nhưng lợi thế giả định thì lại không đúng. Vì việc tập trung đều xảy ra ở cả hai phía cho nên thế cân

bằng vẫn giữa vững. Sự việc cũng sẽ xảy ra như vậy ở trạng thái phân tán trong trường hợp tác chiến ly tâm.

Nhưng có một ưu thế khác có thật: Đó là những lực lượng di chuyển trên những tuyến đồng quy đều hướng về *một mục tiêu chung*, điều này khác hẳn với trường hợp những lực lượng hoạt động trên những tuyến phân tán. Vậy những ưu điểm của hai phương pháp hoạt động này là gì. Muốn trả lời, ta cần phải nghiên cứu riêng biệt vấn đề đó trong chiến thuật và trong chiến lược.

Chúng tôi không muốn đi quá xa trong việc phân tích vì vậy chỉ nêu ra những điểm sau đây, coi đó là ưu điểm của các phương thức tác chiến nói trên trong chiến thuật.

1. Hiệu quả của hỏa lực được nhân gấp đôi, hay ít nhất cũng được tăng lên khi đã tập trung lực lượng đến một mức nào đó.

2. Chỉ đột kích vào mỗi một bộ phận, từ nhiều hướng đến.

3. Cắt đường rút lui.

Cũng có thể có quan niệm và cắt đứt đường rút lui chiến lược, nhưng dĩ nhiên là rất khó thực hiện vì phong tỏa những khoảng không gian rộng lớn là việc chẳng dễ dàng gì. Người ta càng đạt được hiệu quả lớn hơn và quyết định hơn lúc tiến công từ nhiều phía vào một bộ phận duy nhất nếu bộ phận này càng nho và càng tới gần giới hạn tột cùng của nó, tức là người chiến binh đơn độc. Một quân đoàn không gặp khó khăn gì nhiều lắm trong việc tác chiến ở nhiều mặt cùng một lúc, nhưng đối với một sư đoàn thì công việc đó đã khó khăn hơn ít nhiều, còn một số tiểu đoàn thì chỉ có thể tác chiến như thế đối với đội hình đông đặc. Một người đơn độc thì hoàn toàn không làm như vậy được. Nhưng chiến lược là lĩnh vực của những khối lực lượng, nhưng khoảng không gian và thời gian rất lơn, còn chiến lược, tiến công từ nhiều phía không thể đưa lại kết quả như trong chiến thuật.

Kết quả của hỏa lực hoàn toàn nằm ngoài lĩnh vực chiến lược nhưng đã có cái khác thay thế vào đấy: Quân đội nào cũng thấy căn cứ của mình mất an toàn nếu có một quân đội chiến thắng khác đuổi theo sau, dù gần hay xa.

Như vậy, tác chiến đồng tâm có một ưu điểm chắc chắn và rõ ràng: Lúc đánh vào a thì đồng thời các lực lượng cũng đánh vào b mà sức mạnh đánh vào a cũng không phải vì thế mà yếu đi, và lúc đánh vào b thì đồng thời cũng đánh vào a. Như vậy, tổng hiệu quả sẽ lớn hơn tổng số các hiệu quả đánh và a và b nếu ta tác chiến không đồng tâm. Cả chiến thuật và chiến lược cũng đều có ưu điểm ấy, nhưng khác nhau ở cách thể hiện.

Để đối lại ưu điểm đó thì hoạt động ly tâm có thể đưa ra những gì? Rõ ràng, hoạt động ly tâm có ưu điểm là: Những lực lượng sẵn có gần nhau hơn và di chuyển trên những đường nội tuyến. Thiết tưởng chẳng cần chứng minh rằng: Điều đó có thể tăng thêm hiệu quả của các lực lượng nhiều đến mức bên tiến công không thể để cho điều bất lợi nói trên đe dọa nếu không có một ưu thế lực lượng lớn.

Một khi bên phòng ngự đã vận dụng nguyên tắc vận động (tất nhiên là chậm hơn bên tiến công, nhưng cũng vẫn kịp thời để tự giải phóng khỏi trạng thái tê liệt vì

không hoạt động) thì một cuộc tập trung lực lượng lớn và những đường nội tuyến có lợi thế hoàn toàn quyết định và thường thường dẫn đến chiến thắng một cách có hiệu quả hơn hình thức tiến công đồng quy. Nhưng chiến thắng phải đi trước thành công; trước hết phải giành cho được chiến thắng rồi mới nghĩ tới việc cắt đứt đường rút lui của đối phương. Tóm lại là phải nhìn thấy ở chỗ này một mối liên quan tương tự như mối liên quan giữa tiến công và phòng ngự. Hình thức hoạt động đồng tâm sẽ đưa đến những kết quả rực rỡ, song những kết quả đạt được bởi những hoạt động dưới hình thức ly tâm lại chắc chắn hơn. Hình thức hoạt động ly tâm tuy yếu hơn nhưng có một mục tiêu tích cực hơn nghĩa là có hiệu quả hơn. Hình thức đồng tâm tuy mạnh hơn nhưng mục tiêu lại tiêu cực. Như vậy, theo chúng tôi, hai hình thức sẽ gây nên một thế thăng bằng không ổn định. Vì phòng ngự không phải lúc nào cũng là phòng ngự tuyệt đối, nghĩa là chỉ có phòng ngự đơn thuần, và phòng ngự cũng có lúc có thể sử dụng các lực lượng đồng tâm nên người ta phải thấy là phương thức tác chiến ấy không thể tự nó đem lại cho tiến công một lợi thế thực sự phổ biến hơn phòng ngự, và người ta sẽ có thể thanh toán được ảnh hưởng mà những nhận thức này thường xuyên tác động vào sự suy xét của chúng ta.

Những điều chúng tôi đã nói có thể áp dụng cho chiến thuật cũng như cho chiến lược. Bây giờ phải nêu lên một điểm có tầm quan trọng tuyệt đối, chỉ liên quan tới chiến lược. Lợi thế của những đường nội tuyến tăng lên cùng với không gian của những tuyến đó. Với những quãng đường chỉ vài nghìn bộ hoặc chỉ chừng nửa dặm, thời gian được lợi tất nhiên không thể cũng lớn như khi có những quãng đường dài bằng nhiều ngày hành quân, hoặc từ 20 tới 30 dặm; những quãng đường dài thuộc về chiến lược. Nhưng chiến lược đòi hỏi phải có nhiều thời gian hơn chiến thuật để đề ra mục tiêu, và một quân đoàn không thể nào cũng bị đánh bại nhanh như một tiểu đoàn, những khoảng thời gian ấy trong chiến lược cũng chỉ tăng lên tới một mức độ nào đó, cụ thể tức là thời hạn của trận đánh, hay nhiều lắm cũng chỉ tới khoảng hai ngày, trong thời gian đó người ta có thể tránh giao chiến mà không bị tổn thất nặng.

Hơn nữa, sự khác nhau lại càng lớn hơn tùy theo phương pháp cụ thể mà người ta áp dụng để tránh quân thù trong từng trường hợp. Với những khoảng cách nhỏ của chiến thuật trong quá trình trận đánh, mọi hoạt động của bên này đều hầu như bộc lộ dưới tầm mắt của bên kia và như thế quân đội đóng ở ngoại tuyến thường thường có thể giữ kín trong một ngày, và người ta có thể kể ra rất nhiều trường hợp mà những cuộc vận động chỉ hạn chế trong một bộ phận của quân đội (chỉ phái đi một tung đội lớn) đã giữ được bí mật trong nhiều tuần lễ. Người ta dễ dàng thấy rõ tầm quan trọng của việc giữ bí mật đối với bên nào có thể giữ được bí mật tốt hơn, tùy theo tính chất của vị trí của họ.

Tới đây, chúng tôi kết thúc phần nghiên cứu về những hình thức hoạt động đồng tâm và ly tâm của các lực lượng của chúng ta và về những mối liên quan của chúng với tiến công và phòng ngự. Sau này, chúng ta sẽ còn có dịp trở lại nghiên cứu vấn đề đó.

Chương 5. ĐẶC TÍNH CỦA PHÒNG NGỰ CHIẾN LƯỢC

Chúng tôi đã nói phòng ngự chỉ là một hình thức chỉ đạo chiến tranh mạnh hơn để chiến thắng, và sau khi ta đã giành được ưu thế thì chuyển sang tiến công, nghĩa là đi đến mục tiêu tích cực của chiến tranh.

Kể cả khi mục đích chiến tranh chỉ nhằm duy trì nguyên trạng lúc ấy thôi, thì việc đỡ đòn đơn thuần cũng vẫn trái với ý niệm của chiến tranh; không ai có thể chối cãi được rằng: Chiến tranh không phải chỉ là chịu đựng một cách thụ động. Nếu bên phòng ngự đã thu được thuận lợi quan trọng thì tức là phòng ngự đã thực hiện được đúng vai trò của mình. Nếu bên phòng ngự không muốn thất bại thì phải nhân lợi thế đó để đánh trả lại. Đương nhiên là sắt phải được rèn ngay khi còn nóng đỏ, vì vật phải vận dụng ngay lợi thế đã đạt được để ngăn chặn một cuộc tiến công mới. Phản ứng này phải bắt đầu như thế nào? Vào lúc nào? Tiến hành ở đâu? Tất cả những cái đó lệ thuộc vào nhiều điều kiện sau này mới giải thích kỹ được. Ở đây, chúng ta hãy chỉ nói là việc chuyển sang phản kích như thế phải được coi như một khuynh hướng tất nhiên của phòng ngự và vì vậy phải coi đó là một trong những yếu tố chủ yếu của phòng ngự, phải thấy rằng sau khi đã chiến thắng bằng phòng ngự mà lại không tích cực tận dụng chiến thắng ấy bằng cách nào đó theo phép tắc của chiến tranh thì rõ ràng đã phạm một sai lầm lớn.

Chớp nhoáng và mãnh liệt chuyển sang tiến công – đường gươm sấm sét của đòn thù – là thời cơ rực rỡ nhất của phòng ngự. Ai không nhìn thấy trước điều đó ngay từ đầu, ai không mường tượng được cái thế đó ngay từ đầu trong khái niệm phòng ngự của mình thì sẽ không bao giờ hiểu được ưu thế của phòng ngự. Bao giờ họ cũng chỉ nghĩ tới cách tiêu diệt và cướp đoạt những phương tiện của quân thù bằng tiến công, nghĩa là họ cũng chỉ nghĩ tới cách thích chặt thêm chứ không nghĩ tới cách nới bớt cái nút thòng lọng. Hơn nữa, nếu cho rằng tiến công chỉ là đột kích bất ngờ, và phòng ngự chỉ là hỗn loạn và lộn xộn thì quả là sai lầm thô bạo trong tư tưởng.

Tất nhiên là kẻ xâm lược phải cố tìm cách nhảy vào cuộc chiến sớm hơn người phòng ngự ngù ngờ, và, nếu họ có thể giữ kín ý đồ và hành động của mình thì lại còn có thể bất ngờ đánh úp được người phòng ngự thiếu kinh nghiệm; nhưng đó là điều hoàn toàn xa lạ với bản thân chiến tranh vì không phải khi nào điều đó cũng nhất thiết xảy ra. Chiến tranh có lý do tồn tại đối với người phòng ngự hơn là đối với kẻ xâm lược vì chiến tranh chưa thể mở màn trước khi hành động xâm lược làm nảy ra hành động kháng cự. Kẻ xâm lược bao giờ cũng yêu chuộng hòa bình (như Bonaparte đã luôn luôn tự nói về mình như vậy); chúng rất muốn tiến vào đất nước chúng ta mà không gặp sức đối kháng. Muốn chặn đứng chúng tất nhiên ta phải chọn chiến tranh và tất nhiên cũng phải xúc tiến mọi việc chuẩn bị. Nói cách khác, chính người yếu hơn là người phải tiến hành phòng ngự và luôn luôn phải được vũ trang để khỏi bị bất ngờ lúng túng. Nghệ thuật quân sự đòi hỏi phải như thế.

Tuy nhiên, dù bên nào xuất hiện trước ở chiến trường đi nữa thì điều đó cũng thường lệ thuộc vào những vấn đề không có liên quan gì tới những ý đồ tiến công hay phòng ngự. Vì vậy, những ý đồ này không phải là nguyên nhân mà lại thường là kết quả. Chính vì *lý do đó* nên ai là người chuẩn bị xong trước sẽ tiến hành tiến công trước nếu có lợi thế bất ngờ lớn, còn người nào chuẩn bị xong sau thì chỉ còn có thể bù đắp vào chỗ bất lợi đang uy hiếp mình bằng biện pháp nào đó, nhờ những thuận lợi của phòng ngự mà thôi.

Đồng thời, ta cũng phải thừa nhận rằng sẵn sàng trước thường là thuận lợi của bên tiến công, trong tập III chúng ta đã nghiên cứu kỹ cách sử dụng tốt thuận lợi này; nhưng cái ưu thế phổ biến ấy không phải là một yếu tố nhất thiết khi nào cũng có trong mỗi trường hợp riêng biệt.

Vì vậy, nếu muốn hình dung cho thật rõ thế nào là phòng ngự, ta sẽ thấy nó gồm các yếu tố sau đây: Mọi phương tiện phải được sẵn sàng ở mức cao nhất, quân đội phải được luyện tập rất kỹ lưỡng, người tướng phải đợi địch với tinh thần thoải mái chứ không lo âu bối rối, với tinh thần bình tĩnh cơ trí, với những pháo đài mạnh mẽ không ngại bị bao vây, và cuối cùng với một dân tộc giàu mạnh chẳng những không sợ địch mà còn buộc kẻ địch phải kiêng nể. Được trang bị như thế, khi đã đương đầu với tiến công, vai trò của phòng ngự sẽ chẳng phải là hèn kém và tiến công cũng chẳng còn dễ dàng và tất thắng như một số người tưởng tượng. Họ thấy trong tiến công nào là lòng dũng cảm, nào là nghị lực, nào là vận động, còn trong phòng ngự thì chỉ thấy có bất lực và trì độn mà thôi.

Chương 6. PHẠM VI CỦA CÁC PHƯƠNG TIỆN PHÒNG NGỰ

Chúng tôi đã trình bày ở chương 2 và chương 3 của tập này lý do vì sao phòng ngự có một lợi thế tự nhiên trong việc sử dụng các yếu tố có giá trị quyết định đối với thắng lợi chiến thuật cũng như chiến lược (không kể sức mạnh tuyệt đối và chất lượng của các lực lượng quân sự) như địa lợi, bất ngờ, tiến công bằng nhiều hướng, sự hỗ trợ của chiến trường, sự ủng hộ của nhân dân và vai trò của các lực lượng tinh thần to lớn. Chúng tôi thiết nghĩ cần phải nghiên cứu kỹ một lần nữa phạm vi của những phương tiện đặc biệt do bên phòng ngự sử dụng và những phương tiện ấy phải được như những cột trụ khác nhau đỡ lấy tòa lâu đài của nó.

1. Landwehr[162] (Lực lượng dự bị)

Ở thời đại hiện nay, lực lượng này đã được sử dụng không phải chỉ riêng ở trong nước mà còn được huy động vào việc tiến công một quốc gia thù địch, và ta không thể chối cãi được là tổ chức của nó ở nhiều nước, thí dụ như nước Phổ, đã được coi như một bộ phận của quân đội thường trực, vì vậy nó không còn chỉ đơn thuần thuộc về phòng ngự. Và ta cũng không nên đánh giá quá cao về sự việc sau đây: Trong những năm 1813, 1814 và 1815, người ta đã sử dụng mạnh mẽ những lực lượng này, đó là kết quả của một cuộc chiến tranh phòng ngự, vì rất ít nơi các lực lượng này lại có trình độ tổ chức cao như ở Phổ (phần nhiều đều ở trình độ dưới mức cần thiết để có hiệu quả an toàn) cho nên tất nhiên những lực lượng này phù hợp với phòng ngự hơn là với tiến công. Nhưng lúc nói đến *Landwehr* người ta thường nghĩ ngay đến sự phối hợp rất rộng rãi và hoặc ít hoặc nhiều tự nguyện của toàn bộ quần chúng nhân dân để ủng hộ chiến tranh bằng nhân lực, tài lực và cả bằng lòng tin nữa. Tổ chức này càng xa với loại hình nói trên thì lực lượng được xây dựng sẽ càng có chiều hướng là một quân đội thường trực, tuy mang tên khác, và càng có những thuận lợi của quân đội thường trực, nhưng lại càng mất dần những thuận lợi của một *Landwehr* thực sự, tức là một khối dự bị rộng lớn hơn nhiều, không bị giới hạn trong phạm vi của mình, và có thể được tổ chức rất dễ dàng với một quy mô rất to lớn bằng cách kêu gọi tinh thần dân tộc và lòng yêu nước. Có như thế mới thật là tinh hoa của một *Landwehr*. Những nét lớn về tổ chức của nó là phải tạo khả năng cho toàn dân tham gia nếu không, hiệu quả đáng kể của nó sẽ chỉ còn là một bóng ma.

Nhưng ta không thể phủ nhận mối liên quan chặt chẽ giữa tinh hoa của một Landwehr với khái niệm phòng ngự và Landwehr ngày càng phụ thuộc vào phòng ngự nhiều hơn là tiến công và sẽ ngày càng bộc lộ ưu thế của mình trong phòng ngự nhiều hơn trong tiến công.

2. Các pháo đài

Bên tiến công thường chỉ dựa được vào những pháo đài ở gần biên giới và sự yểm trợ của những pháo đài ấy thường cũng khá yếu. Ngược lại, khi tác chiến, bên phòng ngự có thể dựa vào rất nhiều pháo đài, lại ở sâu trong đất nước và vì vậy hành động phòng

ngự có một sức mạnh tập trung lớn hơn nhiều. Một pháo đài có thể đứng vững khi bị tiến công tất nhiên có giá trị cao trong chiến tranh hơn là một pháo đài khác không đủ mạnh đến nỗi chẳng ai buồn nghĩ đến việc đánh chiếm nó, và vì vậy chẳng thể giữ chân và cũng chẳng thể tiêu diệt được một tí lực lượng nào của địch.

3. Nhân dân

Ảnh hưởng của một người dân đơn độc vào quá trình chiến tranh cũng giống như thêm một giọt nước vào một dòng sông hầu như không bao giờ có thể thấy được; nhưng *ảnh hưởng tổng quát* của toàn thể nhân dân vào chiến tranh thì hoàn toàn không phải là không đáng kể, ngay cả khi chưa có toàn dân nổi dậy. Trong chính nước ta, mọi việc sẽ trôi chảy thuận chiều hơn miễn là trong tình cảm của nhân dân không có gì trở ngại. Người ta sẽ từ chối mọi đóng góp lớn nhỏ cho quân thù, trừ phi có cưỡng bức công khai do quân đội đối phương tiến hành và như thế tất nhiên sẽ gây ra hao tổn về lực lượng hoặc công sức cho đối phương. Bên phòng ngự thì có tất cả những cái đó, kể cả khi người dân không tự nguyện đem đến. Do thói quen lâu ngày nên việc phục tùng của người dân có thể thành bản tính thứ hai, vả lại người ta thường củng cố, duy trì thiên tính đó bằng nhiều cách: Làm cho sợ hãi hoặc gây áp lực; những việc này không phải do quân đội làm và cũng không thể không liên quan gì đến quân đội.

Nhưng, sự hợp tác tự nguyện mà nguồn gốc là lòng trung thành chân thực lại rất quan trọng trong chỉ đạo chiến tranh: Đó là việc cung cấp tin tức, không phải là những tin tức điều tra đặc biệt, quan trọng, cơ bản do công tác tình báo đem về mà là vô số những tin tức chi tiết có liên quan tới hoạt động thường ngày của quân đội, và đối với những cái đó thì việc liên hệ chặt chẽ với dân chúng sẽ đem lại cho bên phòng ngự một lợi thế có tính phổ biến. Những tin tức liên quan tới kẻ địch, những hoạt động có ý đồ thù nghịch hay không, mỗi toán tuần tiễu, mỗi vọng tiêu bằng ngựa hay người, mỗi sĩ quan được phái đi công cán, tất cả những tin tức đó đều phải trông cậy vào dân chúng.

Nếu từ những mối quan hệ hoàn toàn phổ biến và khi nào cũng sẵn có như đã nói ở trên, ta chuyển qua những trường hợp đặc biệt như khi nhân dân bắt đầu tham gia chiến đấu và đẩy cuộc chiến đấu đến đỉnh cao nhất như đã xảy ra ở Tây Ban Nha hoặc khi chính đích thân nhân dân tự chỉ đạo chiến tranh (nếu ta chú ý tới những sự kiện chỉ đạo) thì người ta sẽ hiểu được rằng: Chiến tranh không phải chỉ là sự cộng tác của nhân dân dưới một hình thức mạnh mẽ mà thực sự là một lực lượng đặc biệt mới và vì vậy.

4. Nổi dậy toàn dân

Hay là công cuộc động viên toàn dân tham gia chiến tranh có thể được coi là một phương tiện phòng ngự đặc biệt.

5. Các nước đồng minh

Sau hết phải thấy rằng các nước *đồng minh* là sức hỗ trợ cuối cùng đối với bên phòng ngự. Chúng tôi không đề cập tới những người đồng minh bình thường mà kẻ xâm lược cũng có thể có; chúng tôi nói tới những người đồng minh mà về *thực chất có*

liên quan nên họ phải lo lắng tới việc bảo toàn lãnh thổ của một nước khác. Chẳng hạn, nếu so sánh các Nhà nước của châu Âu ngày nay, người ta lại càng thấy rõ ràng là những quyền lợi lớn hay nhỏ của nhiều Nhà nước và quốc gia xen lẫn vào nhau một cách không bình thường và phức tạp, ấy là không nói tới thế thăng bằng giữa các cường quốc và các quyền lợi được giải quyết hợp lý vì đó là một điều không có trong thực tế nên người ta thường có lý do chính đáng để phủ nhận. Mỗi khi những quyền lợi ấy hòa hợp với nhau thì một khối liên kết ngày càng bền chặt sẽ hình thành, xu hướng của bên này cân bằng cho xu hướng của bên kia. Những mối liên kết này sẽ tạo ra một mối quan hệ qua lại ít nhiều chặt chẽ về toàn bộ, và muốn có một sự đổi thay nào đó trong mối liên kết tới một mức độ nhất định. Do đó, hết thảy mọi quan hệ giữa các Nhà nước với nhau chỉ cố nhằm để giữ *nguyên trạng* của toàn bộ hơn là để tạo nên những chuyển biến mới, tức là nói chung mọi xu hướng đều chỉ cốt nhằm duy trì được *nguyên trạng*.

Vì vậy, chúng tôi thiết nghĩ nên nhận thức như trên về thế thăng bằng giữa các cường quốc, và nếu đứng trên quan điểm đó thì sẽ thấy thế cân bằng ấy được luôn luôn tồn tại ở tất cả mọi nơi có nhiều sự tiếp xúc của nhiều quốc gia văn minh.

Nhưng khả năng duy trì nguyên trạng của những xu hướng của những quyền lợi tập thể ấy có thể đạt đến mức độ nào, đó lại là vấn đề khác. Và trong những mối quan hệ lẫn nhau giữa các quốc gia nhất định rồi sẽ có những biến đổi: Có những mối quan hệ làm cho sự đổi thay nói trên trở thành mạnh thêm nhưng cũng có những mối quan hệ chỉ gây thêm trở ngại cho việc thay đổi đó mà thôi. Ở trường hợp thứ nhất, những nỗ lực này củng cố trên thế thăng bằng chính trị và do cùng xu hướng với quyền lợi tập thể nên thường thường những nỗ lực đó sẽ đứng về cùng một phía với những quyền lợi ấy. Ở trường hợp sau thì có những điểm bất thường, hoạt động quá mức của những bộ phận cá biệt, những tật bệnh thật sự. Và ta cũng không nên lấy làm lạ khi thấy những bệnh tật ấy xuất hiện trong một tập thể rời rạc gồm vô số quốc gia lớn nhỏ. Dầu sao đi nữa, những bệnh tật ấy cũng phát sinh cả ở trong những tổng thể hữu cơ được cấu trúc một cách rất kỳ diệu của toàn thế giới sinh vật. Nếu do đấy người ta viện ra những trường hợp lịch sử mà những quốc gia đơn độc cũng đã có thể thực hiện được những biến đổi quan trọng có lợi cho riêng mình mà chẳng hề bị toàn thể các quốc gia khác ngăn cản và những trường hợp mà một quốc gia đơn độc lại vươn lên cao hơn tất cả mọi quốc gia khác tới mức có thể trở thành người cầm cân nẩy mực cao nhất của toàn thể, – chúng tôi sẽ trả lời là những trường hợp ấy không thể chứng minh được rằng không có cái xu hướng của các quyền lợi tập thể muốn giữ tình thế nguyên trạng, và những trường hợp ấy chỉ chứng minh được rằng xu hướng đó đã biểu lộ ra không đúng quy cách mà thôi. Sức hút quy về một mục tiêu là cái gì khác với sự vận động để tiến tới mục tiêu ấy.

Nhưng không vì thế mà phủ nhận sự tồn tại của nó; ý nghĩa của sức hút ấy đã được môn động lực học vũ trụ minh họa rất rõ.

Chúng tôi nói xu hướng giữ thăng bằng là sự duy trì trạng thái thực tế và cho rằng trong trạng thái thực tế ấy có tồn tại trạng thái yên tĩnh, tức là thế thăng bằng. Khi thế

thăng bằng này bị xáo động và một trạng thái căng thẳng xuất hiện thì tất nhiên chiều hướng giữ thăng bằng cũng phải ngả về một biến đổi. Nhưng nếu nghiên cứu bản chất của sự việc, ta thấy sự biến đổi ấy sẽ chỉ xuất hiện trong một vài quốc gia đặc biệt chứ không thể xuất hiện trong đa số các quốc gia. Tất nhiên, số đông các quốc gia ấy bao giờ cũng thấy là thế thăng bằng vẫn được duy trì và bảo đảm bởi những quyền lợi tập thể của tất cả, và tất nhiên là của mỗi quốc gia riêng biệt, khi nó đã không thể rơi vào tình trạng căng thẳng với toàn thể thì người ta sẽ thấy cần thiết phải bảo vệ cái tập thể ấy hơn là xa rời nó. Ai chế giễu những điều suy nghĩ trên đây, cho đó là điều mơ tưởng hão huyền, tất phải dựa vào chân lý triết học. Chân lý triết học giúp chúng ta tìm hiểu những mối quan hệ giữa các thành phần chủ yếu của mọi sự vật, nhưng cũng phải thấy là không hợp lý nếu ta lại muốn từ đó suy luận ra những quy luật chi phối từng trường hợp riêng biệt mà không đếm xỉa tới những ảnh hưởng gây ra những rắc rối bất ngờ. Nhưng nếu người ta *không chịu vượt ra ngoài giới hạn của chuyện phiếm,* như một nhà văn lớn đã nói mà lại mong muốn xây dựng lịch sử bằng những chất liệu ấy, nếu người ta cứ luôn luôn muốn bắt đầu bằng những điểm cao nhất của các sự kiện, nếu người ta không chịu vượt qua cái nguyên nhân trực tiếp, và do đó người ta không đi được vào những căn nguyên sâu sắc nhất của các mối quan hệ phổ biến hiện có, thì ý kiến phát biểu sẽ chẳng có giá trị gì hết, trừ các trường hợp đặc biệt, và cái mà triết học dùng để xác định các trường hợp phổ biến sẽ chỉ là một điều không tưởng.

Nếu không có xu thế đứng im phổ biến và trạng thái giữ nguyên hiện trạng nói trên thì nhiều quốc gia văn minh sẽ không thể chung sống cạnh nhau lâu dài được; nhất thiết họ sẽ phải hợp nhất lại. Châu Âu ngày nay đã tồn tại dưới hình thức hiện thời được hơn một nghìn năm rồi, người ta chỉ có thể giải thích kết quả đó là do sức mạnh của quyền lợi tập thể mà có, sức mạnh ấy đã tạo nên tình thế ổn định nói trên. Nếu việc bảo vệ toàn bộ các quốc gia có lúc nào đó không thuận lợi cho sự tồn tại của mỗi quốc gia riêng lẻ thì đó cũng chỉ là điều bất thường trong đời sống của toàn thể, và điều ngoại lệ này chẳng những không tiêu diệt được cuộc sống đó mà ngược lại, lại bị cuộc sống đó chi phối.

Chẳng cần phải điểm qua cả đống sự kiện mà những biến đổi đã làm rối loạn thế thăng bằng của các cường quốc, những biến đổi ấy đã được ngăn ngừa hoặc uốn nắn bởi những sự chống đối ít nhiều công khai của các quốc gia khác. Chỉ nhìn qua lịch sử cũng thấy rõ những trường hợp đó. Ở đây, chúng tôi chỉ kể ra một trường hợp, vì nó đã luôn luôn được nói ra ở cửa miệng của những người thường nhạo báng thế thăng bằng chính trị. Trường hợp này có thể cũng hoàn toàn thích hợp cho một dẫn chứng về một quốc gia không tiến công, thường chỉ giữ thế phòng ngự và đã bị tiêu diệt mà không hề được nước ngoài giúp đỡ. Chúng tôi muốn nói về nước Ba Lan. Một quốc gia có tám triệu dân bị mất biến và bị chia xé, sáp nhập vào ba quốc gia khác mà chẳng hề được một quốc gia nào khác ở châu Âu can thiệp.

Thí dụ này đã rõ ràng là một chứng minh về sự vô hiệu của thế thăng bằng chính trị hay ít ra cũng nêu ra cái vẻ ít thực tế của nó trong vài trường hợp cá biệt. Một

quốc gia có một diện tích như thế đã tan rã và trở thành miếng mồi cho những quốc gia khác trong những quốc gia mạnh nhất (Nga và Áo), thật là trường hợp có một không hai. Và nếu một trường hợp như vậy không hề làm rung động những quyền lợi tập thể của cộng đồng các quốc gia, thì phải thấy hiệu lực của các quyền lợi tập thể trong việc bảo vệ các quốc gia riêng biệt chỉ là ảo tưởng. Chúng tôi vẫn cho rằng chỉ một trường hợp riêng biệt, dù nó đã rất nổi bật cũng không thể chứng minh ngược lại với chân lý phổ biến, và hơn nữa, chúng tôi khẳng định rằng việc nước Ba Lan bị diệt vong cũng không phải là cái gì quá khó hiểu như người ta tưởng. Thật vậy, người ta có thể coi nước Ba Lan như một quốc gia châu Âu, như một thành viên đồng chủng trong cộng đồng các quốc gia châu Âu không? Không! Đó chỉ là một quốc gia Tartars, lẽ ra phải có biên giới của thế giới chính trị châu Âu, như trường hợp những người Tartars của vùng Crimea trên bờ Hắc Hải, nhưng lại đã ngự trị ở chính giữa thế giới ấy trên bờ sông Vistula. Chúng tôi không hề có ý khinh miệt nhân dân Ba Lan, cũng chẳng hề biện hộ cho việc xâu xé đất nước họ mà chỉ muốn có sao thì nói vậy. Suốt một thế kỷ, về cơ bản quốc gia này chẳng còn giữ được vai trò độc lập chính trị, đã thực tế trở thành mối phân tranh cho các quốc gia khác. Trong tình thế như vậy, với tổ chức như vậy, nước Ba Lan không thể nào tồn tại lâu dài giữa các nước được. Muốn thay đổi căn bản cái số phận Tartars ấy, dù các lãnh tụ của dân tộc ấy có cố gắng giải quyết, thì ít ra cũng phải mất đến nửa thế kỷ, có thể tới cả một thế kỷ. Khốn nỗi, chính bản thân các vị ấy cũng đã quá ư là Tartars nên chẳng thể nào đạt được mong muốn như vậy. Chính sách hiếu loạn đi đôi với tình hình vô cùng xốc nổi của họ đã đẩy họ xuống vực thẳm. Ngay từ trước khi nước Ba Lan bị chia cắt rất lâu, người Nga đã coi đấy như là nhà của họ, chẳng ai còn có ý niệm gì về một quốc gia độc lập với đường biên giới riêng biệt, và nếu nước Ba Lan không bị chia cắt thì chắc chắn rồi cũng sẽ trở thành một tỉnh của nước Nga. Nếu sự việc khác đi và nếu nước Ba Lan là một quốc gia có đủ khả năng tự tổ chức phòng thủ, thì chẳng những ba cường quốc không thể chia cắt nước đó dễ dàng như thế, mà những cường quốc khác hằng quan tâm đến việc bảo toàn cho họ như nước Pháp, Thụy Điển, Thổ Nhĩ Kỳ tất sẽ hợp tác với nhau để bảo vệ họ. Nhưng khốn nỗi việc phòng thủ một quốc gia mà lại hoàn toàn lệ thuộc và sự giúp đỡ của bên ngoài thì thật là quá đáng.

Một thế kỷ trước đây, người ta thường đã nói tới câu chuyện chia cắt nước Ba Lan và từ ấy, quốc gia này đã chẳng còn là một lãnh thổ riêng nữa mà hầu như đã trở thành một con đường công cộng, trên đó các quân đội nước ngoài luôn luôn đương đầu với nhau. Phải chăng các quốc gia khác không có ý phản đối chuyện đó? Liệu họ có thường xuyên sẵn sàng tác chiến để bảo vệ tính chất thiêng liêng của biên giới Ba Lan hay không? Về mặt tinh thần, đòi hỏi như vậy là một điều không thể được. Còn về mặt chính trị, thời kỳ ấy nước Ba Lan chỉ là một đồng cỏ không người và vì không thể mãi mãi bảo vệ cái đồng cỏ bỏ ngỏ này chống lại các cuộc tiến công của các quốc gia khác ở xung quanh nên người ta cũng không thể bảo đảm được toàn vẹn lãnh thổ cho cái gọi là quốc gia ấy. Với cách nhìn như thế, ta sẽ chẳng còn ngạc nhiên trước sự sụp đổ lặng lẽ của nước Ba Lan cũng như sự tan rã âm thầm của những người

Tartars vùng Crimea. Thổ Nhĩ Kỳ là nước có nhiều quyền lợi hơn so với bất kỳ quốc gia châu Âu nào trong việc bảo vệ nền độc lập của Ba Lan, nhưng họ cũng đã hiểu rằng việc bảo vệ một đồng cỏ không phòng thủ chẳng qua chỉ là một việc phí sức mà thôi.

Hãy trở lại vấn đề của chúng ta. Chúng tôi tưởng đã chứng minh đầy đủ là người phòng ngự thường có thể dựa vào sự viện trợ bên ngoài hơn là người tiến công. Họ càng chắc chắn có thể trông cậy vào sự viện trợ ấy nếu sự sống còn của họ càng quan trọng đối với nước khác, nghĩa là điều kiện chính trị và quân sự của họ càng tốt đẹp và mạnh mẽ.

Tất nhiên, không phải bất cứ một cuộc phòng ngự nào cũng đều phải vận dụng hết thảy mọi yếu tố của các phương tiện riêng dùng cho phòng ngự. Người ta có thể khi thì dùng phương tiện này, lúc lại dùng phương tiện khác, nhưng dù sao chúng cũng đều nằm cả ở trong ý niệm phòng ngự mà thôi.

Chương 7. TÁC ĐỘNG QUA LẠI CỦA TIẾN CÔNG VÀ PHÒNG NGỰ

Bây giờ chúng ta nghiên cứu riêng từng mặt tiến công và phòng ngự theo từng khía cạnh có thể phân biệt được chúng. Chúng ta sẽ nghiên cứu phòng ngự trước vì những lý do sau đây: Rõ ràng, rất tự nhiên và cần thiết là phải căn cứ vào những quy tắc và tiến công để xây dựng nền móng cho những nguyên tắc về phòng ngự, và *ngược lại,* nhưng một trong hai loại hình nói trên còn phải có điểm xuất phát thứ ba nếu toàn bộ mối liên hệ của các ý kiến đều phải có điểm bắt đầu, nghĩa là trở thành cái có thể. Vấn đề thứ nhất thuộc về điểm này.

Nếu ta suy nghĩ một cách triết học về nguồn gốc của chiến tranh thì khái niệm về chiến tranh không thể chỉ xuất hiện với *tiến công,* vì tiến công không phải chỉ có mục tiêu tuyệt đối là *chiến đấu* mà là phải *chiếm đoạt được một cái gì.* Khái niệm chiến tranh trước hết xuất hiện với hình thức *phòng ngự,* vì phòng ngự có mục tiêu trực tiếp là chiến đấu. Đỡ đòn và chiến đấu tất nhiên cũng chỉ là một mà thôi. Đỡ đòn phải hoàn toàn hướng về chống lại tiến công, do đó tiến công tất nhiên là phải xảy ra trước; nhưng tiến công không hướng về đỡ đòn mà lại hướng về một khía cạnh khác, tức là về việc nhằm *chiếm đoạt được một cái gì đó*, vì vậy cũng không thể cho rằng đỡ đòn sẽ xảy ra trước. Như thế, dĩ nhiên là bên nào làm cho khái niệm chiến tranh có tác động trước và làm nảy sinh ra khái niệm về hai phe đối lập trước thì bên ấy cũng là bên trước tiên buộc chiến tranh phải tuân theo quy luật của mình: Bên ấy tất là bên *phòng ngự*. Chúng tôi không chú ý riêng về một trường hợp cá biệt nào mà chỉ nghiên cứu những trường hợp phổ biến; lý luận phải lấy trường hợp này làm tiền đề cho hướng đi của bản thân mình.

Thế là chúng ta đã biết cách tìm ra điểm cố định ở ngoài tác động qua lại giữa tiến công và phòng ngự và đã thấy được là điểm này nằm trong phòng ngự.

Nếu suy luận như vậy là đúng đắn thì bên phòng ngự có thể tìm thấy ở đó những lý do quyết định, kể cả lúc chưa biết tiến công sẽ làm gì, và những lý do quyết định này sẽ quyết định cách bố trí các phương tiện chiến đấu của bên phòng ngự. Mặt khác, khi bên tiến công chưa biết gì về đối phương của mình thì không thể nào có lý do quyết định cho cách bố trí và sử dụng phương tiện chiến đấu của mình.

Họ chẳng có thể làm gì khác hơn là nắm lấy những phương tiện ấy, nghĩa là phải chiếm đoạt lấy những phương tiện ấy bằng các phương tiện của quân đội mình. Trong thực tế, mọi việc sẽ diễn ra như vậy.

Có các phương tiện chiến đấu là một chuyện khác, sử dụng được phương tiện ấy lại là một chuyện khác, và bên tiến công có thể chiếm lấy các phương tiện ấy vì họ có thể giả định một cách hoàn toàn khái quát là rồi đây họ sẽ cần đến và lẽ ra có thể chiếm lấy xứ sở của đối phương bằng các sứ thần và bằng các tuyên ngôn, họ lại tiến hành công việc ấy bằng quân đội; song với tất cả mọi hành động nói trên ta cũng chưa có thể nói là bên tiến công đã làm một hành vi thực sự chiến tranh. Khi họ

không chỉ đơn thuần tập hợp mọi phương tiện chiến đấu của mình mà lại bố trí lực lượng ấy để chiến đấu hệt như muốn tiến hành chiến tranh thì bên phòng ngự sẽ là bên trước tiên tiến hành một hoạt động thực tế bao trùm khái niệm chiến tranh.

Vấn đề thứ hai là: Những lý do có tính quyết định xuất hiện đầu tiên trong óc người phòng ngự trước khi nghĩ đến cuộc tiến công là thuộc loại lý luận nào? Tất nhiên, đó là hành động tiến quân để chiếm đoạt, về mặt lý luận đó là điều tuy xa lạ với chiến tranh nhưng lại là cơ sở cho những nguyên tắc đầu tiên của hành động quân sự. Bên phòng ngự phải chống lại hoạt động tiến quân ấy, bởi vậy phải kết hợp với tương quan trong nước và như thế sẽ làm nổi lên những yếu tố cơ bản có tính quyết định và chung nhất của phòng ngự. Một khi những yếu tố này đã rõ nét, bên tiến công phải uốn theo nó và qua nghiên cứu những phương pháp mà bên tiến công sử dụng, bên phòng ngự sẽ lại đề ra những nguyên tắc mới. Như vậy chúng ta có một loạt tác động qua lại mà lý luận có thể tìm tòi, nghiên cứu phát triển tùy theo những kết luận mới thu lượm được có đáng tin và có đáng quan tâm lưu ý hay không.

Sự phân tích ngắn ngủi nói trên chỉ nhằm làm sáng tỏ và củng cố vững chắc thêm tất cả những lý lẽ trước đây của chúng tôi. Những điều ấy chẳng phải để đem dùng tại chiến trường, cũng chẳng phải chỉ dành cho các tướng lĩnh tương lai mà là cho tất cả mọi nhà lý luận từ trước tới nay đã chỉ nghiên cứu vấn đề này một cách hời hợt.

Chương 8. PHƯƠNG PHÁP KHÁNG CỰ

Khái niệm về phòng ngự tức là khái niệm về đỡ đòn của đối phương; đỡ đòn tất phải có chờ đợi và chúng tôi coi cuộc chờ đợi này là đặc điểm chủ yếu và cũng là cái ưu thế chủ yếu của phòng ngự.

Chiến tranh phòng ngự không thể chỉ đơn thuần là chịu đựng thụ động nên việc chờ đợi cũng không thể là một trạng thái tuyệt đối mà chỉ là một trạng thái tương đối. Về mặt không gian, yếu tố này là tương đối so với đất nước, với chiến trường hoặc các vị trí phòng ngự; về mặt thời gian, so với chiến dịch hay trận chiến đấu. Song những vấn đề này cũng chẳng phải là những cái bất di bất dịch mà chỉ là những trung tâm của các lĩnh vực có thể bao trùm lên nhau và hòa lẫn với nhau; còn trong thực tế chúng ta vẫn còn phải phân chia các sự kiện ra từng nhóm nhưng không tách chúng ra một cách cứng nhắc, vả lại những khái niệm đó cũng đã tương đối rõ ràng nên chúng ta có thể tập hợp những khái niệm khác xung quanh chúng.

Phòng ngự một nước, chung quy lại là chờ đợi cuộc tiến công vào nước này; phòng ngự giữ một chiến trường có nghĩa là chờ đợi cuộc tiến công vào chiến trường ấy và phòng giữ một vị trí tức là chờ đợi cuộc tiến công vào vị trí đó. Mọi hoạt động tích cực, tức là mọi hoạt động có ít nhiều tính chất tiến công, do bộ phận phòng ngự tiến hành khi thời kỳ chờ đợi chấm dứt, cũng không làm sứt mẻ khái niệm về phòng ngự của chúng tôi, vì các dấu hiệu chỉ rõ đặc tính và lợi thế chủ yếu của phòng ngự, tức là việc *chờ đợi*, đã được thể hiện.

Những khái niệm về chiến tranh, chiến dịch và trận đánh đều trùng về thời gian với những khái niệm về địa phương, về chiến trường và về trận địa, và như vậy là cùng chung một mối quan hệ với đề tài của chúng tôi.

Phòng ngự có hai phần không giống nhau, phần của chờ đợi và phần của hành động. Khi đem phần thứ nhất gắn vào một mục đích cụ thể, và như thế là cho nó cái quyền ưu tiên đối với phần hành động, chúng ta đã làm cho chúng có khả năng thống nhất vào một tổng thể. Một hành vi phòng ngự, nhất là khi phải kéo dài (như trong một chiến dịch hoặc trong toàn cuộc chiến tranh), đứng về mặt thời gian mà xét thì không phải là do hai nửa đấu thành: Nửa thứ nhất chỉ là chờ đợi, nửa sau chỉ là hành động đơn thuần, nhưng là một sự luân lưu xen kẽ hai trạng thái trên, trong đó chờ đợi, như một sợi chỉ xuyên suốt qua toàn bộ hành động phòng ngự.

Nếu chúng tôi đề cập nhiều đến chờ đợi, đó chẳng qua cũng chỉ là vì bản chất của vấn đề đòi hỏi.

Trong các lý thuyết cũ, sự chờ đợi không bao giờ được nêu ra như một khái niệm độc lập, tuy mặc nhiên vẫn luôn luôn được coi như sợi dây lèo chủ yếu trong đời sống thực tế. Chờ đợi là phần rất cơ bản của toàn bộ hành vi chiến tranh và phần này chẳng thể có được nếu không có phần kia; sau này chúng ta sẽ còn phải trở lại vấn đề và cần phải luôn luôn chú ý tới tác dụng của nó trong toàn bộ tác dụng năng động của các lực lượng.

Giờ đây, chúng tôi sẽ chỉ cố gắng làm sáng tỏ vấn đề: Nguyên lý chờ đợi thấm sâu vào hành động phòng ngự và sẽ diễn biến như thế nào trong các giai đoạn phòng ngự kế tiếp nhau? Để ý nghĩ tập trung vào vấn đề đơn giản nhất, tới tập IV, nói về kế hoạch chiến tranh, chúng tôi mới tiếp tục bàn luận về việc phòng thủ một nước mà tình hình chính trị có nhiều biến động và gây nên những ảnh hưởng mạnh nhất. Mặt khác, hành vi phòng ngự trên một vị trí hoặc trong một chiến dịch có là một vấn đề chiến thuật và chỉ *gộp thành một tổng thể* thì hành vi phòng ngự mới là điểm khởi đầu của hành động chiến lược. Bảo vệ *một chiến trường* tất sẽ là vấn đề thể hiện được đầy đủ nhất mọi điều kiện của phòng ngự.

Chúng tôi đã nói là chờ đợi và hành động bao giờ cũng chỉ là một đòn phản kích, tức là một phản ứng, – và cả hai đều là những bộ phận chủ yếu của phòng ngự vì không có chờ đợi thì chẳng có phòng ngự và không có hành động thì cũng chẳng có chiến tranh. Chính vì thế nên nhận thức đó đã đưa chúng ta tới ý niệm coi phòng ngự là *hình thức mạnh nhất của chỉ đạo chiến tranh tạo cho ta cái thế vững chắc nhất khả dĩ chế ngự được đối phương.* Cần phải nắm vững nhận thức trên, một phần vì nó giúp ta tránh được những điều phi lý, một phần vì sức mạnh mà nó đem lại cho hành vi phòng ngự sẽ được thể nghiệm một cách rõ ràng và chính xác.

Không nên phân biệt phản công với phòng ngự, phản công chỉ là yếu tố cần thiết thứ hai; không nên coi yếu tố đuổi địch ra khỏi xứ sở, ra khỏi chiến trường và ra khỏi vị trí như là bộ phận tất yếu duy nhất, chỉ nên phát triển tới mức độ cần thiết để đạt những mục tiêu trên, và mặt khác cũng không được coi khả năng có một phản ứng được đẩy lên một mức cao hơn, *đạt tới lĩnh vực tiến công chiến lược thực sự,* như một cái gì xa lạ không có họ hàng với phòng ngự. Những ý kiến này sẽ trái ngược với ý kiến đã nói ở trên, và vì vậy chúng ta không thể coi mục đích ấy là chủ yếu, và chúng ta phải công nhận rằng nói đến cùng thì phải thấy trong nền tảng của phòng ngự có ý niệm *quật lại*. Nói cách khác, trong quá trình phản ứng thứ nhất đó, dù kẻ địch đã phải chịu tổn thất đến bao nhiêu thì thế thăng bằng cần thiết của mỗi quan hệ động lực giữa tiến công và phòng ngự cũng vẫn có thể thiếu.

Vì thế chúng tôi nói rằng phòng ngự là hình thức mạnh nhất của chiến tranh, nó cho phép ta chế ngự được địch dễ hơn và chúng ta có thể dựa vào tình thế do chiến thắng đem đến để suy xét xem nên hay không nên khuếch trương thắng lợi quá mục tiêu đã giao cho phòng ngự.

Nhưng nếu phòng ngự không thể tách ra khỏi ý niệm chờ đợi thì mục tiêu làm cho *kẻ thù thất bại* chỉ có thể tồn tại trong điều kiện nào đó, nghĩa là chỉ có thể tồn tại khi có tiến công tiếp theo chờ đợi.

Rõ ràng, nếu không có cuộc tiến công này thì phòng ngự sẽ chỉ giữ được cái mà nó đã có. Đó là mục tiêu của phòng ngự trong trạng thái chờ đợi, mục tiêu trước mắt, và chỉ khi nào đạt được mục tiêu đơn giản nhất ấy thì phòng ngự mới có thể hưởng được những lợi thế của cái hình thức mạnh nhất của chỉ đạo tác chiến.

Nếu chúng ta giả định chiến trường của một quân đội nào đó được bố trí để phòng ngự, thì việc phòng ngự có thể xảy ra như sau:

1. Tiến công quân đội kẻ thù ngay từ khi quân đội này vừa mới xâm nhập chiến trường (Mollwitz, Hohenfriedberg).

2. Chiếm lĩnh vị trí gần biên giới, và tiến công ngay khi thấy quân thù xuất hiện với ý đồ xâm phạm biên thùy (Czaslau, Soor, Rosbach). Tất nhiên, phương pháp dùng trong trường hợp này sẽ nặng nề hơn – chúng ta phải chờ đợi lâu hơn và so với phương pháp thứ nhất, *thời gian* được lợi ở phương pháp thứ hai này có rất ít hoặc không có gì, trong khi có thể có một cuộc tiến công thật sự của quân thù. Ở trường hợp thứ nhất, trận đánh chắc chắn phải xảy ra, còn ở trường hợp thứ hai thì cũng vẫn chắc chắn như thế. Nhưng cũng có thể là quyết tâm của quân thù không thể hiện bằng một cuộc tiến công. Như vậy, lợi thế của trạng thái chờ đợi cũng đã rất lớn rồi.

3. Quân đội chiếm lĩnh vị trí không phải chỉ để chờ đợi quân thù chuẩn bị tác chiến, tức là khi nó xuất hiện ở mặt trước trận địa chúng ta, mà phải chờ cho quân thù tiến công thực sự (Bunzelwitz).

Ở trường hợp này, cần phải tiến hành một trận đánh phòng ngự thật sự, có thể như chúng tôi đã nói, bao gồm một cuộc vận động của một hay nhiều bộ phận của quân đội. Trường hợp này cũng giống trường hợp trên, lợi về thời gian không nhiều nhưng quyết tâm của quân thù sẽ gặp thử thách nghiêm trọng. Nhiều trường hợp, sau khi lao vào cuộc tiến công, kẻ thù đã phải bỏ cuộc vào phút cuối cùng, hoặc ngay từ đợt thử sức đầu tiên, bởi lẽ vị trí của đối phương quá mạnh.

4. Bằng cách đưa cuộc tiến công của quân thù vào sâu trong nội địa. Mục tiêu của cuộc rút lui này là tạo ra hoặc chờ đợi thời cơ quân thù suy yếu. Lúc ấy, chính quân thù sẽ buộc phải tự ngưng lại hoặc ít ra cũng không thể chế ngự được cuộc kháng cự của chúng ta.

Trường hợp này cũng thể hiện ra một cách đơn giản và rõ ràng nếu bên phòng ngự có thể để lại ở phía sau họ một hoặc nhiều pháo đài mà kẻ xâm lược buộc phải tiến công hoặc bao vây. Như vậy, tất nhiên là lực lượng của bên tiến công sẽ bị yếu đi nhiều và bên phòng ngự sẽ có dịp để phản công ở điểm nào đó với một số quân đông hơn nhiều.

Dù không có pháo đài, việc rút vào sâu trong nội địa có thể dần dần tạo cho bên phòng ngự cái thể ngang sức hay mạnh hơn cần thiết, mà trước kia, lúc còn ở biên giới họ chưa có. Vì trong quá trình tiến công chiến lược, bên khởi xướng càng tiến lên thì càng yếu đi do bản thân cuộc tiến quân ấy hoặc do buộc phải phân tán lực lượng: Chúng tôi sẽ còn có dịp nói lại điều này lúc thảo luận về tiến công.

Ở đây, chúng tôi thừa nhận chân lý của lời khẳng định đó vì chúng tôi cho rằng sự kiện ấy đã được tất cả các cuộc chiến tranh chứng minh.

Trong trường hợp thứ tư, trước hết phải coi khoảng thời gian được lợi ấy như một thuận lợi quan trọng.

Nếu bên tiến công bố trí công kích các pháo đài của ta, chúng ta sẽ có thời gian cho tới lúc những pháo đài này bị thất thủ, thời gian ấy có thể kéo dài nhiều tuần, hoặc có khi tới hàng tháng. Nhưng nếu chỉ vì tiến quân vào sâu hoặc chỉ vì đường hành quân phải kéo dài mà đối phương suy yếu đi (tức là lực lượng tiến quân bị kiệt

quệ), thì cái lợi về thời gian của ta thường thường lại lớn hơn nữa và hoạt động của ta sẽ không bị bó chặt vào một thời khắc quyết định nào đó của thời gian.

Chưa kể đến sự thay đổi về so sánh lực lượng giữa bên tiến công và bên phòng ngự do cuộc hành quân đó gây ra, ta cần phải chú ý đến điểm: Bên phòng ngự có *thuận lợi ngày càng tăng* vì chờ đợi địch. Cứ cho rằng bên tiến công không thực sự bị yếu đi trong quá trình tiến quân đến nỗi không thể mở được một cuộc tiến công mới vào lực lượng chính của chúng ta ở nơi dừng chân, thì ý chí tiến công cũng có thể bị tiêu tan vì ý chí này lúc bấy giờ nhất thiết cần phải mạnh hơn lúc ở biên giới. Một mặt, sức lực của họ bị yếu đi vì đã dầu dãi quá nhiều, nguy hiểm lại tăng lên; mặt khác, đối với một người chỉ huy thiếu quyết tâm, việc chiếm đóng được một xứ sở và đóng quân tại đó cũng có thể làm tiêu tan hoàn toàn hoàn toàn ý thức tiếp tục chiến đấu, cũng có thể vì ông ta cho rằng không cần thiết phải mở trận đánh mới nào nữa và cũng có thể ông ta làm ra vẻ tin như thế. Người phòng ngự có thể lợi dụng sự bỏ cuộc tiến công ấy để nếu không thu được kết quả tiêu cực khả quan thì cũng thu được một món lợi quan trọng về thời gian.

Rõ ràng là ở bốn trường hợp đã nêu lên, người phòng ngự có lợi thế địa hình và nhờ đó có thể phát huy tác dụng của các pháo đài và sự hỗ trợ của dân chúng. Thực tế, những nguyên lý hiệu quả này phát triển tùy theo mỗi kiểu phòng ngự khác nhau, và chính những nguyên lý ấy đã làm cho sức mạnh của kẻ thù bị suy yếu ở kiểu thứ tư. Nhưng do lợi thế của trạng thái chờ đợi tăng lên theo chiều, tất nhiên ta phải coi những hình thức ấy như một nấc thang ngày càng cao của phòng ngự và hình thức chiến tranh ấy càng tách xa tiến công lại càng trở nên mãnh liệt hơn. Chúng tôi chẳng e ngại khi nói như trên sẽ bị kết tội là đã cho rằng hình thức thụ động nhất của mọi hình thức phòng ngự lại là cái mạnh nhất. Hành động kháng cự không thể nào bị yếu đi mỗi khi chuyển sang hình thức mới mà chỉ bị *chậm đi, hoãn lại*. Nhưng tất nhiên cũng chẳng phải là vô lý khi cho rằng một cuộc phòng ngự mạnh hơn có khả năng thực hiện thực hiện được đòn phản công tiếp theo có hiệu quả hơn trên một vị trí được tổ chức mạnh hơn, có công sự đầy đủ hơn và nếu lực lượng của kẻ thù tiến công vào đấy đã bị suy giảm một nửa.

Thống chế Daun sẽ không thể có thắng lợi ở Kollin nếu không có vị trí thuận lợi và nếu ông ta đã tích cực truy kích trong khi Frederick Đại đế không rút mười tám nghìn binh sĩ ra khỏi chiến trường thì thành tích của ông ta có thể đã là một trong những thành tích rực rỡ nhất của lịch sử quân sự.

Chúng tôi vẫn cho rằng sau mỗi bước phát triển mới của phòng ngự, cái ưu thế hay nói cho đúng hơn cái thế đối lập mà người phòng ngự giành được sẽ tăng thêm, và như thế tất nhiên cũng sẽ làm cho sức mạnh của đòn đánh trả mạnh lên.

Nhưng bên phòng ngự có thể đạt được những thuận lợi về lực lượng ngày càng tăng mà không bị tổn thất tí nào không? Hoàn toàn không phải như vậy. Những hy sinh cần thiết để biến những ưu thế ấy thành hiện thực cũng phát triển theo cùng tỷ lệ với những ưu thế ấy.

Nếu chúng ta đón chờ quân thù tiến đến chiến trường của chúng ta, dù cho là

không có trận đánh quyết định nào xảy ra ở gần biên giới đi nữa thì quân thù cũng xâm phạm chiến trường của ta, vì vậy không thể không có tổn thất, nhưng nếu chúng ta lại khởi sự tiến công mạnh mẽ thì điều bất lợi ấy tất sẽ rơi vào quân thù. Nếu chúng ta không lập tức tiến đánh ngay quân thù thì những tổn thất sẽ lớn hơn.

Phạm vi đất đai phải chiếm và thời gian cần thiết cho quân thù tiến tới vị trí của ta tăng lên. Nếu ta muốn tiến hành một trận phòng ngự và nếu ta để cho kẻ thù giữ nguyên vẹn quyết tâm của họ, nếu ta để cho họ tự do lựa chọn thời cơ thì họ có thể mất một ít thời gian chiếm đóng miếng đất mà họ làm chủ, và lúc họ còn lúng túng thì ta được lợi một số thời gian. Chúng ta sẽ còn phải hy sinh nghiêm trọng hơn nữa nếu cần phải rút lui vào nội địa.

Nhưng tất cả mọi hy sinh mà bên phòng ngự chấp nhận chỉ làm cho sức mạnh của họ yếu đi, ảnh hưởng của những hy sinh này đối với lực lượng quân sự chỉ là *gián tiếp*, vì vậy nó chậm và không thể thấy ngay trước mắt. Có khi nó ảnh hưởng gián tiếp đến nỗi không thể thấy rõ được hậu quả. Như vậy, bên phòng ngự phải tìm cách củng cố lực lượng trong thời gian hiện tại để sử dụng trong tương lai.

Anh ta mắc nợ như tất cả những người quá nghèo đều phải làm trong nhiều trường hợp tương tự.

Nếu bây giờ chúng ta muốn nghiên cứu kết quả của những hình thức kháng cự khác nhau đó, chúng ta phải xét đến *mục tiêu của cuộc tiến công*. Tiến công nhằm để chiếm đoạt toàn bộ chiến trường của ta, hay chỉ chiếm đoạt một phần quan trọng của chiến trường, vì với khái niệm toàn bộ, nó phải bao gồm ít ra là phần lớn của chiến trường và nói chung, việc chiếm đóng một vài dặm đất đai không có tầm quan trọng độc lập nào trong chiến lược. Vì vậy, khi kẻ tiến công còn chưa chiếm được chiến trường, nghĩa là lúc họ còn e ngại sức mạnh của ta nên chưa nhảy vào đấy, hoặc chưa đến tìm ta ở vị trí của ta, hay không chấp nhận cuộc giao chiến mà chúng ta mở ra, thì có thể nói mục tiêu của phòng ngự đã đạt và những phương sách áp dụng cho phòng ngự đã có hiệu quả. Rõ ràng, thành công này là thuần túy tiêu cực, và nó không trực tiếp đưa đến cho ta những lực lượng để ta có thể đánh trả thực sự. Tuy vậy, nó cũng *gián tiếp* làm tăng lực lượng cho ta, vì *bên tiến công đã bị mất thời gian*, mà đã mất thời gian thì bị bất lợi, bị yếu đi bằng cách này hay cách khác.

Vì vậy, trong ba kiểu phòng ngự đầu tiên, thuộc loại phòng ngự ở biên thùy, *tự bản thân sự do dự* (của bên tiến công – ND.) *trở thành một thắng lợi của phòng ngự,* nhưng kiểu phòng ngự thứ tư thì không phải như vậy.

Nếu quân thù tiến công pháo đài của ta, ta phải giải vây kịp thời; chính chúng ta phải tìm lấy quyết định bằng một hoạt động tích cực.

Đấy cũng là trường hợp xảy ra khi quân thù bám theo chúng ta vào sâu trong nội địa mà không tiến công một vị trí nào của ta. Trong trường hợp ấy, chắc chắn chúng ta sẽ có nhiều thời gian hơn, chúng ta có thể chờ đợi thời cơ mà quân thù tụt xuống mức thấp nhất, nhưng phải luôn luôn đinh ninh rằng cuối cùng nhất định thế nào chúng ta cũng phải chuyển sang hành động. Có thể là kẻ thù đã chiếm được toàn bộ mảnh đất mà họ cần đến, tức là mục tiêu tiến công của họ, nhưng đó cũng chỉ là

mảnh đất được đối phương nhường cho mà thôi. Sự căng thẳng vẫn tồn tại và quyết định vẫn còn đang lơ lửng. Hễ bên phòng ngự ngày càng mạnh thêm và bên tiến công ngày càng yếu đi, thì chưa có quyết định là có lợi cho bên phòng ngự. Khi điểm cao nhất đã tới – điều đó thế nào rồi cũng xảy ra, những tổn thất tổng quát gây ra ảnh hưởng bao trùm đối với bên tiến công cũng có thể dẫn đến điểm cao nhất đó – thì bên phòng ngự phải chủ động và cố giành cho được quyết định; tới lúc ấy, thuận lợi về việc chờ đợi quân thù phải coi như hoàn toàn chấm dứt.

Tất nhiên, chẳng thể có một quy tắc phổ biến nào quy định trước cái thời điểm ấy (thời điểm phản công và thúc đẩy quyết định – ND.) Có thể có những tình huống và những mối quan hệ giúp ta nhận ra thời điểm đó, nhưng cần phải chú ý rằng khi mùa đông sắp tới thường tạo nên một bước ngoạt rất tự nhiên. Nếu không thể ngăn trở quân thù tổ chức tránh rét trên mảnh đất họ đã chiếm được, ta phải coi như một quy luật là nơi ấy đã bị bỏ rơi. Chỉ cần nhớ lại câu chuyện Torres Vedras**[163]** là đủ hiểu rằng cái quy luật này không phải khi nào cũng đúng.

Bây giờ, ta phải tự hỏi: Vậy nói chung, quyết định là cái gì? Trong suốt quá trình suy nghĩ của mình, chúng tôi đã luôn quan niệm quyết định dưới hình thức một trận đánh, nhưng thật ra không nhất thiết như vậy. Người ta có thể quan niệm đó là một số cuộc kết hợp những cuộc giao chiến của những đơn vị riêng biệt. Những cuộc kết hợp ấy phải đưa tới một sự thay đổi toàn bộ tình thế, hoặc thực sự tạo nên một cuộc tác chiến đẫm máu, hoặc buộc quân thù phải rút lui, do ảnh hưởng có thể có của cuộc tác chiến đó.

Ở ngay tại chiến trường, không thể có kiểu quyết định nào khác nữa. Đó là một kết quả tất yếu của quan niệm về chiến tranh mà chúng tôi đã trình bày, vì ngay khi một quân đội thù địch phải tháo lui bởi thiếu tiếp tế, thì cuộc tháo lui ấy cũng là do lưỡi gươm của chúng ta thúc ép mà thôi. Nếu lực lượng của chúng ta hoàn toàn vắng mặt thì chẳng còn ngờ vực gì nữa: Kẻ thù tất sẽ tìm ra biện pháp giải quyết được vấn đề tiếp tế.

Cho nên, ngay cả khi quân thù đã hết đà công kích, khi khó khăn đã làm cho chính họ trở thành nạn nhân của cuộc tiến công, khi sự phân tán, đói khát và bệnh tật đã làm cho họ bị suy yếu và hao mòn, thì cũng vẫn chỉ có sự kinh sợ trước lưỡi gươm của chúng ta mới buộc được họ phải rút chạy và phó mặc cho may rủi. Tuy nhiên, chắc chắn là có một sự khác biệt lớn giữa một quyết định như vậy với một quyết định mà ta buộc họ phải chấp nhận khi ở biên giới.

Trong trường hợp sau (giao chiến ở biên giới – ND.) chỉ có quân đội của ta đối chọi với quân đội của địch, chỉ đơn thuần có quân đội đánh bại và tiêu diệt quân thù. Nhưng trong trường hợp trên, khi đã hết đà tiến công xâm lược các lực lượng quân thù lúc ấy hầu như đã bị tiêu diệt bởi những cố gắng của chính bản thân chúng. Điều đó tạo cho quân đội ta một sức nặng khác hẳn và quân đội ta không còn là nguyên nhân duy nhất của quyết định, tuy nó vẫn là nguyên nhân cuối cùng. Việc lực lượng quân thù bị tiêu diệt như vậy trong quá trình tiến quân của họ có thể chuẩn bị cho quyết tâm và có thể chuẩn bị đến mức: Chỉ nói khả năng phản công của chúng ta

cũng đủ buộc họ phải rút lui và vì vậy tình thế sẽ đảo ngược lại. Cho nên trong trường hợp này, thực tế người ta chỉ có thể nghĩ rằng những nỗ lực triển khai trong quá trình tiến quân đã tạo nên quyết định. Vả lại, thực ra chẳng bao giờ người ta có thể tìm ra trường hợp nào mà lưỡi gươm của bên phòng ngự lại không có vai trò gì cả, nhưng đứng trên quan điểm thực tiễn, điều quan trọng là phải phân biệt được yếu tố nào trội hơn hẳn trong hai yếu tố đó (yếu tố đói khát, bệnh tật và yếu tố lưỡi gươm của phòng ngự – ND.).

Theo chiều hướng trên, chúng tôi nghĩ rằng người ta có thể nói là trong phòng ngự có hai loại quyết định và vì vậy có hai cách phản ứng tùy theo kẻ tiến công bị suy yếu bởi *lưỡi gươm của người phòng ngự hay bởi chính những nỗ lực của bản thân mình*.

Rõ ràng, trong ba hình thức phòng ngự đầu thì loại quyết định thứ nhất mạnh hơn, còn trong hình thức thứ tư thì loại quyết định thứ hai có ưu thế. Riêng loại thứ hai có thể xảy ra trong phần lớn trường hợp phải rút sâu vào nội địa và đó là lý do duy nhất làm cho người ta có thể chấp nhận được một cuộc rút lui đầy hy sinh to lớn như thế.

Như vậy, chúng ta đã quen thuộc với hai phương pháp cơ bản khác nhau của kháng cự. Trong lịch sử quân sự, nhiều lúc các phương pháp này đã xuất hiện rõ ràng đến nỗi chỉ qua một khái niệm trừu tượng cũng vẫn có thể tìm thấy nó trong đời sống thực tế. Năm 1745, khi Frederick Đại đế tiến công quân Áo ở Hohenfriedberg giữa lúc quân Áo định xuống núi ở Silesia thì lực lượng của họ vẫn chưa bị yếu đi bởi phân tán và mệt nhọc. Nhưng, mặt khác, khi Wellington đóng quân ở vị trí có công sự phòng ngự Torres Vedras, đợi cho đạo quân của Masséna bị đói rét tiến công mạnh đến nỗi đạo quân này phải tự ý rút lui, thì lưỡi gươm của bên phòng ngự đã không góp phần làm cho bên tiến công yếu đi. Trong nhiều trường hợp khác, hai loại quyết định đều kết hợp theo tỷ lệ không đều và bao giờ cũng có một cái mạnh hơn. Năm 1812, sự việc cũng xảy ra như thế. Trong chiến dịch nổi tiếng này, có nhiều cuộc giao chiến đẫm máu đến nỗi người ta có thể lấy đó làm dẫn chứng hoàn hảo nhất về một quyết định bằng tác chiến. Tuy nhiên cũng không có dẫn chứng nào khác có thể chứng minh rằng bên công kích lại có thể bị tiêu diệt vì những cố gắng của bản thân mình.

Trong 300.000 người hình thành đạo trung quân Pháp, chỉ còn 90.000 người đến được Moscow.

Chỉ trừ hơn 13.000 người được biệt phái khỏi đạo trung quân, như vậy có đến 197.000 người đã bị tiêu diệt và chắc chắn là số bị tiêu diệt vì giao chiến không tới quá một phần ba.

Mọi chiến dịch gọi là trì hoãn,**[164]** như những chiến dịch của Fabius Cunctator nổi tiếng đều đặt cơ sở cho việc tiêu diệt đối phương bằng chính những cố gắng của họ.

Thường thường, cách chỉ đạo chiến lược nói trên đã thành yếu tố chính trong nhiều chiến dịch tuy không ai nói rõ ra như vậy. Chỉ cần bỏ qua những lý do giả tạo

do các nhà viết sử cung cấp và chú ý đúng mức tới thực chất của mỗi biến cố là có thể tìm ra nguyên nhân thực của nhiều quyết định.

Chúng tôi thiết nghĩ: Như vậy cũng tạm đủ để giải thích những ý niệm căn bản về phòng ngự với mọi hình thức của nó, để trình bày rõ ràng về hai loại kháng cự**[165]** chủ yếu và để chứng minh cho nguyên lý chờ đợi kẻ thù thấm vào tư tưởng và kết hợp với hành động tích cực như thế nào, khiến sớm muộn quân thù cũng phải xuất hiện ở phía trước trận địa, một khi thuận lợi của việc chờ đợi địch không còn nữa.

Chúng tôi tưởng như vậy cũng đã lướt qua và bao quát toàn bộ lĩnh vực của phòng ngự. Tất nhiên, cũng còn những điểm tương đối quan trọng phải đề cập tới ở những chương riêng, nói cách khác phải được coi như những điểm trung tâm của những hệ thống ý kiến đặc biệt, và chúng ta cần phải nghiên cứu những vấn đề đó, thí dụ tính chất và tác dụng của pháo đài, của trận địa có công sự, của phòng ngự ở vùng núi và sông ngòi, của những hoạt động đột kích vào sườn, v.v. Chúng tôi sẽ nghiên cứu những vấn đề ấy ở những chương sau và chúng tôi cho là bất cứ một điểm nào của những vấn đề ấy đều nằm trong hệ thống những ý kiến đã trình bày ở trên. Có chăng chỉ còn những sự vận dụng chi tiết hơn vào những địa điểm và tình huống nào đó. Hệ thống những ý kiến này đã được rút ra từ khái niệm về phòng ngự và từ những mối quan hệ giữa phòng ngự với tiến công. Chúng tôi đã gắn liền những ý niệm đơn giản này với thực tế, để qua đó vạch ra con đường có thể đưa chúng ta từ thực tế trở về những ý niệm đơn giản đó trên một cơ sở vững chắc, để ta khỏi phải ẩn náu trong những điểm tựa lý luận bồng bềnh chơi vơi trong không khí.

Nhưng những cuộc giao chiến lại có thể được phối hợp bằng nhiều cách, nhất là khi những cuộc giao chiến ấy không gây ra đổ máu, mà chỉ tác động bằng khả năng độc nhất của chúng. Sự kháng cự bằng vũ lực có một sắc thái, một tính chất rất đặc biệt đến nỗi làm cho chúng ta cho rằng có thể khám phá ra một nguyên lý về tính hiệu quả nào khác. Chúng ta có thể nghĩ là giữa sự thất bại đẫm máu của một trận đánh đơn thuần và những kết quả của một cuộc phối hợp chiến lược tế nhị đến nỗi không bao giờ lại đẫm máu như thể có một sự khác nhau lớn đến mức có thể ta phải thừa nhận sự tồn tại của một lực lượng mới nào đó, giống như các nhà thiên văn đã phải thừa nhận trong khoảng không gian rộng lớn giữa sao Hỏa và sao Mộc có sự tồn tại của những hành tinh khác.

Khi bên tiến công phát hiện thấy bên phòng ngự tại một vị trí vững mạnh mà mình không đủ khả năng đoạt được, hoặc sau một con sông trọng yếu mà mình không thể vượt qua, hoặc ngay cả khi người tiến công e ngại là không bảo đảm được tiếp tế nếu tiến sâu hơn nữa, tất cả những hiệu quả ấy bao giờ cũng do lưỡi gươm của bên phòng ngự gây ra. Trong những trận giao hiến lớn hoặc ở một số điểm trọng yếu, chính mối lo ngại bị lưỡi gươm đó khống chế đã đẩy hoạt động của kẻ tiến công đến chỗ "hẫng", nhưng không bao giờ họ dám công nhận như vậy hoặc nếu có chăng nữa thì cũng chỉ là giả dối mà thôi.

Nếu ta cho rằng, kể cả trong trường hợp có quyết định đổ máu, rốt cục những trận giao chiến đều không có thực mà *chỉ được đề ra* để đưa tới quyết định thì ta cũng còn

phải thấy rằng, trong trường hợp này, chính sự *phối hợp chiến lược* là yếu tố có hiệu quả nhất chứ không phải quyết định về chiến thuật của những trận giao chiến ấy và nếu người ta nghĩ đến những phương tiện phòng ngự khác, ngoài lưỡi gươm thì chỉ còn có ưu thế chiến lược ấy mà thôi. Chúng ta thừa nhận điều đó và bây giờ chúng ta đi đến kết luận mà chúng ta muốn có. Chúng tôi nói: Nếu kết quả chiến thuật của những cuộc giao chiến này là nền móng cho mọi cuộc phối hợp chiến lược thì bao giờ cũng có khả năng và bao giờ cũng phải đề phòng kẻ tiến công sẽ nhắm vào cái nền móng ấy và sẽ hướng mọi nỗ lực của họ để đạt được những kết quả chiến thuật nói trên nhằm làm hỏng cuộc phối hợp chiến lược. Không được coi cuộc phối hợp này *như một cái gì không có liên quan*, nó chỉ thể hiện hết giá trị của nó nếu ta không phải lo lắng về những kết quả chiến thuật ở chỗ này hoặc chỗ khác. Để có thể hiểu một cách vắn tắt, chúng tôi chỉ lưu ý độc giả là một người tướng như Bonaparte sẽ nhảy bổ vào ý định chiến lược của đối phương để *đích thân* đi tìm cuộc chiến đấu thực sự, vì ông ta không hề mảy may băn khoăn về kết quả của cuộc chiến đấu ấy. Bởi thế, bất cứ ở chỗ nào mà chiến lược không hướng mọi cố gắng của mình vào việc đè bẹp đối phương trong cuộc chiến đấu ấy bằng một lực lượng mạnh hơn, bất cứ ở đâu mà chiến lược đã phải mạo hiểm dùng tới những phương pháp vụn vặt hơn (và yếu hơn) thì thế tất nó sẽ bị rách bung ra như tấm mạng nhện vậy. Một viên tướng như Daun rất dễ bị thất bại bởi những phương sách ấy, nhưng quả thật là điên rồ khi nhử Bonaparte và quân đội của ông ta như kiểu quân Phổ đã dám nhử Daun và quân đội của ông ta trong cuộc Chiến tranh Bảy năm. Tại sao? Vì Bonaparte biết rất rõ là tất cả đều tùy thuộc vào những thắng lợi chiến thuật và ông ta nắm chắc những thắng lợi ấy, còn ở Daun thì cả mặt này lẫn mặt kia đều không có. Do đó, chúng tôi nghĩ rằng cần phải chứng minh là mọi cuộc phối hợp chiến lược đều chỉ dựa vào những kết quả chiến thuật, và dù có phải đổ máu để đoạt được hay không, chúng cũng đều là những nguyên nhân căn bản và thực tế của quyết định trong mọi trường hợp. Chỉ khi nào chúng ta không còn e ngại quyết định, hoặc do bản thân hay điều kiện của đối phương, hoặc do tinh thần và vật chất hai quân đội ngang nhau, hoặc do ưu thế của quân ta thì khi đó chúng ta mới có thể hy vọng vào *bản thân* các cuộc phối hợp chiến lược mà không cần có giao chiến.

Nếu chúng ta thấy trong nhiều chiến dịch của toàn bộ lịch sử quân sự, có khi bên công kích ngừng tiến công mặc dù chưa có đổ máu (chỉ có phối hợp chiến lược đơn thuần cũng đã đạt kết quả như vậy) thì đáng lẽ chúng ta phải nghĩ rằng bản thân các cuộc phối hợp ấy có sức mạnh rất lớn, và trong các kết quả chiến thuật, nếu người ta không giả định trước là bên công kích có một ưu thế quyết định quá lớn thì hình như trong phần lớn các trường hợp, các cuộc phối hợp ấy có thể quyết định được vấn đề.

Về điểm này, chúng tôi trả lời như sau: Nếu đây là những sự việc bắt nguồn từ chiến trường và vì vậy thuộc về bản thân cuộc chiến tranh thì ý kiến trên là sai lầm và nguyên nhân của nhiều cuộc tiến công vô hiệu quả nằm trong các điều kiện cao nhất của chiến tranh: Các điều kiện chính trị.

Những điều kiện tổng quát làm nảy sinh và làm nền tảng (vì bản thân của nó) cho

chiến tranh cũng đồng thời quyết định tính chất của chiến tranh: Chúng tôi sẽ có dịp nói lại điểm này khi thảo luận về kế hoạch chiến tranh. Những điều kiện trên đã biến phần lớn các cuộc chiến tranh thành những sự kiện nửa vời, trong đó hành động cừu địch thực sự phải xuyên qua một mớ những mối quan hệ chống đối nhau, chỉ còn là một yếu tố quá yếu ớt của chiến tranh.**[166]** Ảnh hưởng này tất nhiên thường thể hiện chủ yếu nhiều hơn ở phía tiến công, *ở phía hành động tích cực*. Như vậy, chúng ta không nên ngạc nhiên khi thấy rằng chỉ một ngón tay cũng có thể dồn một cuộc tiến công vội vã và kiệt sức như vậy vào điểm chết. Thường thường, chỉ cần bóng dáng của một cuộc kháng cự thôi cũng đủ chống lại một quyết định yếu đuối mơ hồ, đã bị tê liệt bởi hàng nghìn lý do.

Số lượng các vị trí bất khả xâm phạm mà nơi nào cũng có, hình thù ảm đạm của những ngọn núi lớn đứng sừng sững bên cạnh chiến trường có dòng sông rộng đi qua, một số cuộc phối hợp giao chiến có thể dễ dàng làm tê liệt thực sự cánh tay muốn giáng xuống đầu chúng ta – không phải tất cả những điều đó có thể làm cho bên phòng ngự đánh đâu thắng đấy mà không đổ máu. Nguyên nhân thật sự (của thắng lợi bên phòng ngự – *N.D*) là bước chân quá do dự của bên công kích, do nghị lực của họ quá yếu đuối.

Nên chú ý và cần phải chú ý tới những ảnh hưởng phản tác dụng ấy, nhưng chúng ảnh hưởng đến đâu thì chỉ công nhận đến đấy, và không nên gán kết quả của chúng cho những sự việc khác nghĩa là những sự việc mà chúng tôi nói đến ở đây. Cần phải chỉ rõ ra rằng, về mặt này, lịch sử quân sự có thể trở thành một chuyện nói láo và một ảo tưởng vĩnh viễn nếu lúc phê bình không chú ý vận dụng một quan điểm điều chỉnh.

Bây giờ ta hãy nghiên cứu về những chiến dịch thất bại không có quyết định đổ máu mà người ta vẫn gọi theo hình thức thông tục của nó.

Bên tiến công tiến vào đất thù, đẩy lùi đối phương đôi chút, nhưng lại thấy là nếu tiến tới một trận quyết định thì rất nguy hiểm. Họ dừng lại trước mặt kẻ thù và hành động hệt như họ đã thực hiện được một cuộc đánh chiếm và chỉ việc bảo vệ lấy nó còn bây giờ thì đến lượt kẻ thù phải tìm cách giao chiến và ngày nào cũng phải giao chiến, v.v. Tất cả những điều đó chẳng qua chỉ là những *chuyện bịp bợm* mà người chỉ huy dựa vào đó để đánh lừa cả chính bản thân ông ta nữa.

Lý do thực sự là ông ta thấy vị trí của quân thù quá mạnh đối với mình. Chúng tôi không nói tới trường hợp bên xâm lược bỏ cuộc tiến công vì họ không còn khả năng phát huy thắng lợi, vì vào cuối cuộc tiến quân, họ chẳng còn có đà để mở một cuộc tiến quân mới, chúng tôi nói về trường hợp bên tiến công buộc phải ngừng ở giữa chừng cuộc xâm lược.

Bây giờ, họ lại hy vọng giành được ưu thế vào lúc có tình huống thuận lợi hơn, nhưng thường là hiếm, vì cuộc tiến công vừa qua đã chứng tỏ rằng trong hiện tại cũng như trong tương lai trước mắt, họ không thể hy vọng gì hơn được, cho nên đó chỉ là một ảo tưởng. Nếu lúc ấy cuộc tác chiến này lại gắn chặt với những cuộc tác chiến đồng thời khác như sự việc thường hay xảy ra thì họ tìm cách trút khuyết điểm

lên lưng các đạo quân khác: Sở dĩ họ không hoạt động được chính là vì các đạo quân khác không yểm hộ và phối hợp với họ mà thôi. Họ nêu ra những trở ngại không thể khắc phục được và phát minh ra những lý do trong những điều kiện hoàn toàn tế nhị và rắc rối. Sức mạnh của kẻ tiến công bị lãng phí trong tình trạng bất động, hoặc trong một hoạt động không thích đáng và vì vậy không có kết quả.

Người phòng ngự lại được lợi về thời gian, đó là điều rất quan trọng khi thời tiết xấu tới gần và cuộc tiến công sẽ kết thúc bằng cuộc rút lui của kẻ tiến công vào những nơi đồn trú mùa đông ngay tại chiến trường.

Những điều trình bày giả dối, thêu dệt nói trên đi vào lịch sử và che giấu cái nguyên nhân thực và đơn giản của thất bại, tức là *mối lo sợ trước lưỡi gươm của kẻ thù*.

Khi chú ý tới một chiến dịch thuộc loại đó, các nhà phê bình thường hết hơi hết sức tìm kiếm những lý do phải, trái, song những lý do này chẳng dẫn tới một kết luận nào có thể thuyết phục được vì chúng bay lơ lửng trên mây, và họ không hề đi sâu vào nền tảng thực sự của chân lý. Động lực sơ đẳng của chiến tranh nói chung và nhất là động lực của tiến công bị yếu đi vì một mối mâu thuẫn nằm trong các mối liên hệ và ý đồ chính trị của quốc gia. Cả thế giới, cả nhân dân trong nước, và có khi cả người tổng tư lệnh nữa cũng không biết rõ những mối liên hệ và ý đồ trên. Chẳng có ai thừa nhận sự tráo trở của mình bằng cách nói trắng ra rằng mình sợ không đạt được mục tiêu mong muốn với lực lượng có trong tay, hoặc sợ lại có thêm những kẻ thù mới, hoặc không muốn làm cho đồng minh của mình mạnh thêm, v.v. Người ta giấu kín những chuyện ấy lâu dài hoặc vĩnh viễn; nhưng rồi cũng phải trình bày một cách có hệ thống cho bàn dân thiên hạ biết về các biến cố đã xảy ra. Cho nên người tổng chỉ huy, hoặc thể theo ý mình hoặc theo ý chính phủ, lại phải thêu dệt ra cả một loạt lý do không có thật. Việc bàn ra tán vào, gieo đi rắc lại mãi cái phép biện chứng quân sự đó đã biến lý luận thành những hệ thống cứng đờ như hóa đá (nguyên văn: Ossifié, tức là hóa xương – *N.D*) và không nói cũng hiểu là những hệ thống đó rất xa rời chân lý. Chỉ có cách lần theo sợi chỉ của những mối liên hệ bên trong, như chúng tôi đã làm, thì lý thuyết mới trở lại với thực tế bản chất của sự vật.

Chỉ cần xem xét lịch sử bằng phương pháp hoài nghi như vậy cũng đủ làm cho cái mớ khoa học tiến công và phòng ngự cao như núi sụp đổ tan tành và trở thành những lời dông dài ngu xuẩn, cũng đủ làm cho quan niệm hoàn toàn đơn giản của chúng tôi xuất hiện rõ ràng. Chúng tôi cho rằng phải triệt để vận dụng những điều đó vào toàn bộ lĩnh vực phòng ngự nếu ta muốn có một sự suy xét sáng suốt về toàn bộ những biến cố.

Chúng ta còn phải nghiên cứu vấn đề sử dụng những hình thức khác nhau của phòng ngự.

Ở đây phải nói đến tất cả các mức độ phòng ngự đạt được bằng cách luôn luôn tăng cường mức độ hy sinh: Điều này cũng đủ để quyết định sự lựa chọn của người tướng về mức độ hy sinh nếu không có những điều kiện khác can thiệp vào. Người tướng phải chọn hình thức vừa phải nhất để lực lượng của mình có đủ khả năng cự

đúng mức nhất. Ông ta không thể lùi ra xa hơn với lý do tránh những hy sinh vô ích. Nhưng không nên đánh giá quá cao việc lựa chọn: Sự lựa chọn giữa các hình thức khác nhau này đã rất hạn chế và trong phòng ngự còn phải chú ý tới những điểm chủ yếu khác, khiến người tướng phải sử dụng hình thức này hay hình thức nọ. Nếu muốn rút sâu vào nội địa thì chiến trường cần phải rất rộng hoặc phải có những điều kiện tương tự như những điều kiện của Bồ Đào Nha năm 1810: Một trong những đồng minh (nước Anh) bảo vệ hậu phương, trong khi đồng minh khác (nước Tây Ban Nha) đã dựa vào địa hình rộng rãi của nước mình để làm suy yếu trầm trọng lực lượng công kích của quân thù. Vị trí của những pháo đài ở sát gần với biên giới hoặc ở sâu trong nội địa có thể có một vai trò quyết định đến thành bại của kế hoạch ấy; nhưng tính chất địa hình, tính chất phong tục và tình cảm của dân chúng thì lại càng có tính quyết định hơn nữa. Việc lựa chọn một trận tiến công hay phòng ngự có thể bị phá vỡ bởi kế hoạch của đối phương hoặc bởi phẩm chất riêng của hai quân đội cũng như của những tướng lĩnh của họ. Cuối cùng, việc chiếm đoạt được hay để mất một vị trí hoặc một tuyến phòng ngự đặc biệt tốt có thể chỉ ra cho ta thấy rõ nên sử dụng hình thức này hoặc hình thức khác. Tóm lại, ta cần điểm qua hết mọi yếu tố trên để chứng minh rằng trong nhiều trường hợp, chính những yếu tố ấy đã quyết định việc lựa chọn hình thái phòng ngự chứ không phải đơn thuần chỉ có lực lượng quân đội. Để nắm chắc hơn nữa những vấn đề quan trọng nhất mà chúng tôi vừa nói, chúng tôi sẽ giải thích rõ ràng hơn ảnh hưởng của chúng tới việc lựa chọn và sẽ thâu tóm tất cả trong tập dành cho kế hoạch chiến dịch và chiến tranh.

Nhưng ảnh hưởng trên chỉ có tính quyết định nếu cả hai quân đội ngang sức nhau đến mức độ nào đó; trong trường hợp ngược lại, nghĩa là trong phần lớn các trường hợp, sức mạnh tương đối của họ sẽ có ảnh hưởng lớn hơn. Lịch sử quân sự đã chứng minh điều nói trên một cách đầy đủ mà không cần đến hàng trăm lập luận như chúng tôi vừa phát triển, và vì vậy nó chứng minh *một cách khá mơ hồ theo kiểu phán đoán bằng cảm tính đơn thuần* như vẫn thường xảy ra trong chiến tranh.**[167]** Cũng chỉ vẫn viên tướng ấy, quân đội ấy, trên cùng chiến trường ấy, đã một lần xảy ra trận Hohenfriedberg và một lần khác lại đã hạ trại ở Bunzelwitz. Vì vậy, chính Frederick Đại đế – người có thiên hướng thích tiến công nhất trong các trận đánh – cũng đã thường bỏ vị trí phòng ngự tốt khi thấy lực lượng quá chênh lệch. Và Bonaparte, lẽ ra phải xông vào đối phương như một con lợn rừng, lại đã chẳng tháo lui khi thấy so sánh lực lượng trở nên trở nên bất lợi cho mình vào những ngày tháng Tám và tháng Chín 1813 đó sao? Và tháng Mười năm ấy, khi sự chênh lệch đã đến mức cao nhất, chẳng phải là ông ta đã ẩn náu ở Leipzig trong cái góc hình thành bởi ba con sông Perth, Elster và Pleisse, với tư thế chờ đợi kẻ thù, tựa lưng vào tường trong góc buồng đó sao? Có điều cần lưu ý là: Chúng tôi không có ý định xây dựng những nguyên lý mới và những phương pháp mới về việc chỉ đạo chiến tranh, mà chỉ nghiên cứu xem các sự việc đã xảy ra như thế nào trong mối quan hệ sâu sắc nhất của chúng bằng cách rút gọn các sự việc ấy vào những yếu tố đơn giản nhất.

Chương 9. TRẬN PHÒNG NGỰ

Trong chương trước, chúng tôi đã trình bày là trong quá trình chỉ đạo tác chiến, bên phòng ngự có thể tiến hành trận đánh đơn thuần có tính tiến công nếu họ tiến đánh và công kích quân địch vào lúc quân địch xâm phạm chiến trường của mình; nhưng họ cũng có thể chờ cho quân địch xuất hiện trước trận địa của mình rồi mới tiến hành công kích; và trong trường hợp ấy, xét về chiến thuật, trận đánh cũng vẫn là một trận tiến công dưới một hình thức khác. Sau hết, họ có thể đứng ở vị trí của mình để đợi cuộc đột kích của quân thù, đập lại bằng một trận phòng ngự tại chỗ và một hành động tiến công với một bộ phận lực lượng của mình. Ở đấy, ta có thể thấy các mức độ và các giai đoạn tiến triển khác nhau ngày càng xa với nguyên lý của một đòn đánh trả tích cực,**[168]** nhưng lại rất gần với nguyên lý của một cuộc phòng ngự tại chỗ. Chúng tôi không muốn mất thì giờ để trình bày sự việc sẽ tiến triển đến mức độ nào và trong hai yếu tố tiến công và phòng ngự, cái nào sẽ có lợi thế hơn để đem lại một chiến thắng quyết định. Nhưng chúng tôi khẳng định rằng: Trong trận đánh, phần tiến công không thể nào hoàn toàn thiếu được nếu ta muốn có thắng lợi đó và chúng tôi tin chắc rằng mọi ảnh hưởng của một thắng lợi quyết định đều có thể và phải là kết quả của phần tiến công ấy, hệt như trong một trận tiến công thuần túy có tính chất chiến thuật.

Nếu chiến trường chỉ là một yếu tố của chiến lược thì đứng về mặt chiến lược mà nói, trận đánh dài hay ngắn cũng chỉ chiếm một khoảng thời gian, và chính điểm kết thúc và kết quả là một số lượng chiến lược chứ không phải là cả quá trình trận đánh.

Nhưng nếu một trận toàn thắng có thể đạt được bởi các yếu tố tiến công trong một trận phòng ngự (điều này rất đúng) thì cũng phải nói rằng: Không có khác nhau căn bản giữa trận tiến công và phòng ngự (ít nhất trong mức độ chúng ta xem đó là những cuộc phối hợp chiến lược). Chân lý là như vậy, nhưng bề ngoài lại khác hẳn. Để nghiên cứu kỹ hơn vấn đề này, khiến cho nhận định của chúng ta rõ ràng hơn và gạt bỏ cái vỏ bề ngoài đó, chúng ta hãy thử miêu tả một trận tiến công theo nhận thức của chúng ta.

Bên phòng ngự chờ đối phương tại trận địa của mình. Để thực hiện ý đồ đó, họ đã chọn và chuẩn bị một địa hình thuận tiện, nghĩa là nơi họ đã thông thạo, đã xây dựng những công sự vững chắc ở một số điểm quan trọng nhất, phát triển và hoàn thiện các đường giao thông, bố trí pháo binh, bố phòng các làng mạc và lựa chọn những địa điểm để giấu quân kín đáo, v.v. Trong khi các lực lượng đối địch tiêu hao lẫn nhau ở những điểm tiếp xúc, một trận địa phòng ngự ít nhiều vững chắc mà việc tiếp cận đã trở nên khó khăn bởi một hoặc nhiều chiến hào chạy song song và những chướng ngại khác, hoặc bởi một số cứ điểm mạnh có giá trị khống chế, cho phép bên phòng ngự có thể *tiêu diệt một số lớn lực lượng quân thù bằng một bộ phận nhỏ của các lực lượng mình* trong các giai đoạn khác nhau của phòng ngự cho tới trung tâm vị trí. Những điểm tựa bố trí ở bên sườn bảo đảm cho họ tránh được một cuộc đột kích bất

ngờ từ nhiều phía; địa hình che khuất mà họ đã chọn lựa để bố trí trận địa buộc quân thù phải thận trọng và có thể đẩy quân thù đến tình trạng rụt rè, khiến bên phòng ngự có thể dùng cuộc tiến công bộ phận và tập trung để làm giảm bớt hành động rút lui đã chớm ngay từ đầu cuộc giao chiến và dần dần tập trung vào những khu vực hạn chế hơn. Bên phòng ngự hân hoan khi thấy trận đánh diễn ra với một mức độ khẩn trương nhịp nhàng trên trận địa của mình, nhưng họ không quá tin là sức kháng cự ở trận địa đó có thể bảo đảm cho họ không phải lùi bước, họ không quá tin rằng các sườn của họ là bất khả xâm phạm, không hy vọng là chiều hướng chung của trận đánh sẽ có thể được thay đổi do một cuộc đột phá may mắn của một vài tiểu đoàn bộ binh hoặc vài đại đội kỵ binh. Trận địa của họ được xây dựng *có chiều sâu* vì mỗi bộ phận của bậc thang đội hình chiến đấu, từ sư đoàn tới tiểu đoàn, đều có một lực lượng dự bị để phòng ngừa những biến cố bất ngờ hoặc để tiếp tục chiến đấu khi cuộc giao chiến còn tiếp diễn. Đồng thời, họ giữ lại một bộ phận quan trọng, một phần tư hoặc một phần ba của toàn bộ, ở phía sau, tương đối xa nơi tác chiến để tránh mọi tổn thất do hỏa lực của đối phương gây nên và nếu có thể thì ở hơi xa để tránh không cho đối phương bao vây khi đối phương định đánh vu hồi vào sườn. Với lực lượng này, họ sẽ bảo vệ bên sườn của mình bằng những cuộc vận động vu hồi rộng hơn và sâu hơn, tránh được mọi cuộc đột kích bất ngờ. Ở giai đoạn cuối trận đánh, khi bên tiến công đã triển khai toàn bộ kế hoạch và đã sử dụng phần lớn lực lượng của họ rồi, thì bên phòng ngự tung lực lượng nói trên vào một bộ phận của quân đội đối phương và kiên quyết dùng mọi thủ đoạn tiến công như xung phong, đánh bất ngờ, vận động vu hồi và chính là nhờ có sức ép này vào trọng tâm của trận đánh lúc đó đang còn chưa phân thắng bại mà họ buộc được đối phương phải rút lui hoàn toàn.

Đó là nhận thức thông thường của chúng tôi về một trận phòng ngự dựa theo chiến thuật hiện nay.

Trong trận này, bên công kích sử dụng vận động vu hồi toàn bộ với hy vọng như thế sẽ có khả năng tốt hơn để đạt thắng lợi hoàn chỉnh hơn. Họ sẽ bị đánh trả bằng một cuộc vận động vu hồi phụ của bên phòng ngự đánh vào bộ phận lực lượng công kích đang vận động vu hồi. Hoạt động vụ hồi nhỏ này có thể coi như đủ sức đập tan kết quả mà đối phương mong đợi, nhưng không thể tạo nên một cuộc bao vây rộng lớn giống như hoạt động của đối phương. Vì vậy, sự khác nhau giữa các hình thức của thắng lợi bao giờ cũng là: Trong một cuộc tác chiến tiến công, quân đội địch bị bao vây, và mọi hành động đều hướng vào tâm điểm, còn trong một trận phòng ngự thì hành động lại hướng dần từ tâm điểm ra chu vi, theo hướng các đường bán kính.

Trên chiến trường, trong giai đoạn đầu của cuộc truy kích, hình thức bao vây bao giờ cũng phải được coi là hình thức có hiệu quả nhất; không phải vì bản thân hình thức đó mà chính là do cuộc bao vây được tiến hành chu đáo từ đầu đến cuối, nghĩa là trong quá trình tiến triển của bản thân trận đánh khi nó đạt tới chỗ hạn chế được những khả năng rút chạy của đối phương. Nhưng chính vì thế nên đòn trả đũa của bên phòng ngự phải làm sao chống lại điểm cực đoan ấy, và nếu cố gắng này chưa dẫn đến chiến thắng thì thường thường ít nhất nó cũng bảo vệ cho bên phòng ngự

chống lại được điểm cực đoan mà chúng tôi vừa nói trên. Nhưng, chúng ta luôn luôn phải thừa nhận rằng trong các trận phòng ngự, đường rút lui thường bị yếu đi và nếu ta không tránh được nguy cơ này thì địch có thể thu được thắng lợi trong trận đánh cũng như trong truy kích.

Nhưng thường thường, sự việc chỉ xảy ra như thế trong giai đoạn đầu của cuộc truy kích, nghĩa là lúc trời sắp tối; qua ngày hôm sau, cuộc bao vây kết thúc và về điểm riêng biệt này mà nói, hai bên đều lại ngang sức nhau.

Tất nhiên, bên phòng ngự có thể bị chặn mất đường rút lui chủ yếu, và như vậy về chiến lược sẽ bị đặt vào một tình thế bất lợi lâu dài; nhưng bản thân cuộc vận động vu hồi rồi cũng tắt ngấm vì nó chỉ được chuẩn bị theo mức độ của chiến trường và vì vậy, không vượt quá khuôn khổ chiến trường được bao nhiêu. Nhưng nếu bên *phòng ngự* lại là kẻ chiến thắng thì tình hình sẽ xảy ra như thế nào? Lực lượng bại trận sẽ bị phân tán. Điều đó làm cho cuộc rút chạy được thuận tiện, song đến *ngày hôm sau* thì công việc cấp bách nhất là phải tập hợp ngay *mọi bộ phận lại*. Nhưng, nếu chiến thắng có tính chất hoàn toàn quyết định, nếu bên phòng ngự biết tiếp tục truy kích một cách kiên quyết hơn thì việc tập trung lực lượng sẽ không thể thực hiện được và những kết quả tai hại nhất sẽ đến với các lực lượng bị đánh bại: Sự phân tán lực lượng nói trên có thể dần dần lên tới điểm cao nhất của nó tức là sự tan rã hoàn toàn. Nếu Bonaparte chiến thắng ở Leipzig, quân đội Đồng minh tất sẽ bị chia sẻ, tất sẽ có thể hạ thấp tình thế chiến lược của họ. Ở mặt trận Dresden, tuy Bonaparte không tiến hành một trận phòng ngự thông thường, cuộc tiến công đã có hình thái hình học như chúng tôi trình bày tức là đi từ tâm điểm ra chu vi. Quân Đồng minh đã tỏ ra lúng túng sau khi phân tán, sự lúng túng này chỉ được giải quyết sau chiến thắng ở Katzbach buộc Bonaparte và đội cận vệ phải quay lại Dresden.

Bản thân trận đánh ở Katzbach đã là một thí dụ tương tự. Tới cuối cùng, bên phòng ngự đã chuyển sang tiến công, và hoạt động trên những tuyến ly tâm; quân đội Pháp buộc phải phân ra từng mảng và vài ngày sau, kết quả của chiến trường là binh đoàn Puthod bị rơi vào tay quân Đồng minh. Ta có thể kết luận như sau nếu bên công kích có phương tiện để khuếch trương chiến thắng nhờ ở những tuyến đồng quy, hình thức rất tự nhiên đối với họ, thì bên phòng ngự cũng có thể dùng hình thức ly tâm, hình thức rất tự nhiên đối với họ, để khuếch trương chiến thắng nhiều hơn là đứng ở vị trí: Song song đơn thuần, bằng cách tiến công chính diện. Chúng tôi cho rằng cả hai phương pháp đều có giá trị ngang nhau.

Nếu trong lịch sử quân sự ta hiếm thấy có một trận phòng ngự đạt được những chiến thắng cũng to lớn như một trận tiến công, điều đó cũng chẳng hề chứng minh được cái gì trái với quan điểm của chúng tôi là hình thứ này hoặc hình thức kia đều có thể đẻ ra thắng lợi; nguyên nhân căn bản là ở tình hình rất khác biệt của bên phòng ngự. So sánh giữa hai bên thì bên phòng ngự thường yếu hơn không những về số lượng mà cả về tất cả các mặt khác; họ không thể, hoặc tưởng rằng không thể thu được chiến thắng để đạt được những kết quả lớn hơn: Đối với họ thì gạt được mối nguy hiểm ra một bên và cứu vãn được danh dự nhà binh như thế cũng là đủ rồi.

Chúng tôi không bác bỏ ý kiến cho rằng: Bên phòng ngự có thể phải giữ tình thế đó vì lực lượng kém hơn và vì những điều kiện khác. Nhưng, rõ ràng điều đó đáng lẽ chỉ là kết quả của một việc bất đắc dĩ, lại thường thường được xem như là kết quả của ván bài mà bất kỳ kẻ phòng ngự nào cũng phải tham dự. Điều đó đã thành một định đề vô lý: Các trận phòng ngự chỉ cần chống đỡ các cuộc tiến công chứ không cần tiêu diệt quân thù. Chúng tôi coi quan điểm ấy là một trong những sai lầm nguy hại nhất, một sự lầm lẫn thực thụ giữa hình thức và thực chất sự vật, và chúng tôi khẳng định không chút ngần ngại rằng trong các hình thức chiến tranh mà chúng tôi gọi là *phòng ngự*, chiến thắng chẳng những dễ đạt hơn, mà còn có thể có quy mô và hiệu quả như trong tiến công: Điều đó chẳng những chỉ xảy ra trong *kết quả tổng quát* của tất cả các cuộc giao chiến của một chiến dịch, mà còn có thể xảy ra trong từng trận đánh *riêng biệt*, nếu có đủ lực lượng và nghị lực cần thiết.

Chương 10. CÁC PHÁO ĐÀI, THÀNH LŨY

Ngày xưa, và cho đến thời những quân đội thường trực lớn ra đời, việc bảo vệ dân chúng đã là lý do tồn tại độc nhất của việc tổ chức ra các pháo đài, thành lũy tức là những lâu đài và thành phố được xây đắp thành pháo đài, thành lũy. Bị thúc ép từ mọi phía, lãnh chúa phải rút vào ẩn trong lâu đài của mình để tranh thủ thời gian chờ đợi một thời cơ thuận lợi hơn; còn các thành phố thì dựa vào thành lũy của mình để cố gắng đẩy xa cơn giông tố chiến tranh đang đe dọa. Các công sự trúc thành xưa kia không phải chỉ có chức năng đơn giản và tự nhiên như thế. Do những mối liên quan của chúng với toàn bộ đất nước cũng như với quân đội đang tác chiến ở nhiều nơi khác, những vị trí trúc thành có một tầm quan trọng lớn hơn, một giá trị vượt ra ngoài khu vực đó và góp phần rất lớn vào việc chinh phục và chiếm đóng một địa phương cũng như góp phần vào sự thành bại cuối cùng của toàn bộ cuộc xung đột.

Chính nhờ có các thành lũy ấy mà các cuộc chiến tranh đã trở thành một tổng thể gắn bó chặt chẽ hơn.

Thành lũy, pháo đài vì vậy đã có một ý nghĩa chiến lược nào đấy, có khi đã là cơ sở cho các kế hoạch chiến dịch; các chiến dịch đều nhằm mục tiêu chiếm đoạt một hoặc nhiều pháo đài hơn là tiêu diệt các lực lượng vũ trang của quân thù. Như thế là người ta đã đi ngược trở lại nguồn gốc của ý nghĩa trên tức là những mối liên quan giữa các cứ điểm trúc thành đó với xứ sở và quân đội, và người ta tưởng khó có thể xác định được rõ ràng, tỉ mỉ và chi tiết những nhiệm vụ của những cứ điểm có công sự trúc thành. Càng trừu tượng hóa thì người ta càng hoàn toàn bỏ quên mất nhiệm vụ đầu tiên của chúng, đến nỗi người ta đã đi tới ý niệm về những pháo đài không có thành phố và không có dân cư.

Mặt khác, thời đại của chúng ta hiện nay không còn là thời đại có thể dùng thành lũy không có những bố trí quân sự nào khác để bảo vệ một vị trí, chống lại ngọn sóng triều muốn quét sạch toàn bộ đất nước. Xưa kia, sở dĩ có khả năng nói trên, một phần vì các dân tộc chia xẻ ra làm nhiều quốc gia nhỏ bé, một phần vì các cuộc xâm lược cứ phải theo chu kỳ từng mùa nên rất hạn chế. Các đạo quân chư hầu vội vã phân tán về quê của họ, hoặc ngân quỹ để đài thọ những người lính đánh thuê nhà nghề (condottieri) thường xuyên thiếu hụt. Từ khi những đạo quân thường trực lớn và những đoàn pháo binh mạnh mẽ có thể làm cỏ tức khắc các điểm đề kháng, thì không một thành phố hoặc một phường hội nhỏ bé nào còn muốn thử sức để rồi chỉ sau vài tuần hoặc sau vài tháng lại bị bắt và bị ngược đãi nhiều hơn vì đã chống cự. Và quân đội cũng chẳng còn cần thiết phải phân tán lực lượng trên nhiều cứ điểm phòng ngự, để làm chậm bước tiến của quân thù, rồi cuối cùng bị áp đảo. Bao giờ cũng phải giữ đủ lực lượng để đương đầu với quân thù tại chiến trường, trừ khi ta có thể dựa vào khả năng xuất hiện của một đồng minh đến giải vây cho những cứ điểm mạnh và quân đội của ta. Số lượng pháo đài nhờ vậy giảm đi nhiều. Người ta vứt bỏ ý định bảo vệ trực tiếp dân chúng hoặc tài sản của các thành thị bằng những công sự trúc

thành để áp dụng phương pháp bảo vệ gián tiếp đất nước bằng các pháo đài được coi như những điểm chiến lược những điểm nút giữ vững toàn bộ hệ thống chiến lược.

Đó là quá trình phát triển của tư tưởng không phải chỉ trong sách vở mà cả trong thực tiễn nữa; tuy nhiên người ta vẫn thấy ở trong sách vở nhiều hơn.

Sự phát triển trong thực tiễn là điều không thể tránh khỏi, tuy vậy tư tưởng vẫn cứ bị đẩy đi quá xa; những thủ thuật và những trò trẻ con đã làm hỏng cái hạt nhân lành mạnh của một nhu cầu bức thiết tự nhiên. Nói về mục đích và nhiệm vụ của các pháo đài, chúng tôi chỉ nhằm nêu ra những nhu cầu bức thiết và đơn giản ấy. Trong chương sau, chúng tôi sẽ tiến hành nghiên cứu từ giản đơn đến phức tạp, để tìm ra nguyên nhân quyết định số lượng và vị trí của chúng.

Hai yếu tố khác nhau có thể xác định hiệu quả của một pháo đài, một yếu tố có tính chủ động, còn một yếu tố có tính thụ động. Nhờ yếu tố này, pháo đài bảo vệ cứ điểm và hết thảy những cái gì ở trong đó; nhờ yếu tố kia, nó có một ảnh hưởng nào đấy tới những vùng lân cận ở ngoài tầm pháo của nó.

Yếu tố chủ động nằm trong những đợt xuất kích của binh sĩ trong pháo đài vào kẻ thù khi chúng vượt quá giới hạn nào đó. Số lượng binh sĩ, đồn trú càng quan trọng thì những đơn vị được tung ra chiến đấu sẽ càng đông hơn và thường thường một khi họ càng đông hơn họ sẽ càng đi được xa hơn. Từ đó, ta có thể rút ra kết luận là phạm vi hoạt động của một pháo đài lớn không phải chỉ ở chỗ mãnh liệt hơn mà là ở phạm vi rộng hơn những pháo đài nhỏ bé. Nhưng ta có thể nói chính bản thân yếu tố chủ động ấy lại cũng gồm hai phần: Nó bao gồm những hoạt động tác chiến do binh sĩ đồn trú trong pháo đài tiến hành và những hoạt động tác chiến do những đơn vị quân đội lớn hoặc nhỏ ở nơi khác phối hợp hoạt động. Những đơn vị quá yếu, khi cần thiết, dựa vào sự yểm trợ của một pháo đài có thể tự lực đương đầu thậm chí có thể khống chế quân thù để giữ vững một vùng. Nhưng đơn vị đồn trú trong một pháo đài chỉ có thể có những hoạt động tương đối hạn chế. Ngay cả ở những pháo đài lớn có lực lượng đồn trú mạnh, những phân đội được sử dụng vào việc ấy cũng không là bao nhiêu so với những lực lượng dã ngoại, và phạm vi hoạt động của nó cũng ít khi vượt ra quá phạm vi vài cuộc hành quân. Nếu là một pháo đài nhỏ, những phân đội phái ra thường không đáng kể, và hoạt động của họ sẽ chỉ giới hạn ở những xóm làng gần nhất. Nhưng những đơn vị không thuộc đơn vị đồn trú (trong pháo đài – *ND.*) và không bị buộc phải quay lại pháo đài sẽ có thể tự do hoạt động nhiều hơn; như vậy, chỉ trong những điều kiện thuận lợi, phạm vi hoạt động của một pháo đài mới có thể được mở rộng ra nhiều hơn.

Đó là điều ta không bao giờ được lãng quên khi nói tới ảnh hưởng tích cực của các pháo đài.

Mỗi hoạt động nhỏ bé nhất của đơn vị đồn trú, dù đó là đơn vị yếu nhất, cũng đều có tính chất chủ yếu trong mục tiêu nhiệm vụ của một pháo đài. Vì, nói cho đúng, nhiệm vụ thụ động nhất của một pháo đài (phòng ngự chống lại cuộc tiến công) cũng khó có thể thực hiện được nếu không có cái ảnh hưởng tích cực đó. Tuy vậy, tất nhiên là trong những nhiệm vụ khác nhau của một pháo đài, nói chung hoặc vào thời

gian nào đó, nhiệm vụ này có thể đáp ứng được một nhu cầu chủ động hơn. Nếu những nhiệm vụ này đơn giản thì pháo đài sẽ có tác dụng trực tiếp; nhưng nếu chúng phức tạp hơn thì tác dụng của pháo đài sẽ ít nhiều có tính chất gián tiếp. Chúng ta sẽ lần lượt nghiên cứu các nhiệm vụ ấy; nhưng cũng cần phải nói ngay rằng: Một pháo đài có thể nhằm vào nhiều nhiệm vụ, thậm chí có thể thực hiện tất cả các nhiệm vụ kể ra sau đây đồng thời cùng một lúc hay trong các thời điểm khác nhau.

Vì vậy chúng tôi nói: Pháo đài là chỗ dựa đầu tiên và chủ yếu của phòng ngự:

1. Là những kho quân nhu được bảo vệ chu đáo

Trong cuộc tiến công, kẻ thù xâm lược sống lần hồi từng ngày; còn người phòng ngự đã chuẩn bị lâu ngày từ trước. Do không thể chỉ sống bám vào xứ sở bị chiếm đóng (và cũng phải chú ý không làm như thế quá mức), họ cần phải tổ chức kho tàng. Khi bên công kích tiến quân, mọi thứ nhu cầu đều ở phía sau, và vì vậy tránh được các mối nguy hiểm của chiến tranh; còn mọi thứ của người phòng ngự, trái lại ở ngay giữa những mối nguy hiểm ấy. Nếu những hàng quân nhu này không được tàng chứa trong những địa điểm kiên cố thì sẽ có ảnh hưởng tai hại tới hoạt động ở chiến trường, và để bảo vệ những địa điểm đó thường cần phải tổ chức nhiều vị trí phức tạp và bố trí ở khắp nơi.

Không có pháo đài, một quân đội phòng ngự giống như người không có áo giáp, dễ bị đánh ở hàng trăm nơi.

2. Là nơi bảo vệ mọi tài nguyên của một thành phố lớn

Vai trò này giống với nhiệm vụ trên, vì những thành phố lớn trù phú, nhất là những thành phố buôn bán, đều là những nơi dự trữ cung cấp tự nhiên của quân đội: Với ý nghĩa đó, để mất hay chiếm được các thành thị lớn sẽ ảnh hưởng trực tiếp tới quân đội. Hơn nữa, làm chủ được phần tài nguyên quốc gia này bao giờ cũng rất có lợi, một mặt vì các pháo đài có thể gián tiếp cung cấp những nguồn lợi, mặt khác vì một vị trí quan trọng sẽ có giá trị sau này trong khi tiến hành đàm phán.

Ngày nay, người ta có phần coi thường việc sử dụng những pháo đài vào việc này, mặc dầu việc sử dụng pháo đài là điều rất tự nhiên, có tác dụng lớn và cũng ít gây ra sai lầm nhất. Nếu trong một nước mà mọi thành phố lớn cũng như hết thảy mọi nơi đông dân cư đều được xây đắp thành lũy và được nhân dân và nông dân vùng phụ cận bảo vệ thì tính thần tốc của mọi hoạt động quân sự sẽ bị kìm lại, và dân chúng bị tiến công sẽ có trọng lượng lớn trong cán cân lực lượng, khiến cho toàn bộ tài năng và nghị lực của viên tướng đối phương sẽ bị thủ tiêu. Chúng tôi nêu ra các lý tưởng về thành lũy, pháo đài chính là để chứng minh rằng thành lũy, pháo đài là phương tiện bảo vệ và không bao giờ được quên tác dụng bảo vệ *trực tiếp* của chúng. Nhưng không nên để cho ý nghĩ này làm ảnh hưởng tới việc nghiên cứu của chúng ta, vì trong tất cả các thành phố, thế nào cũng có một vài nơi được tổ chức công sự trúc thành tốt hơn nơi khác, những nơi ấy sẽ là điểm tựa thực thụ cho các lực lượng vũ trang.

3. Là những cái chốt thực thụ

Pháo đài án ngữ các đường bộ và rất nhiều trường hợp do được xây dựng ở ven sông nên cũng chặn ngang cả đường thủy. Ít khi có thể tìm được một con đường ngang có thể sử dụng để vòng tránh một pháo đài, vì muốn đi vòng như vậy thì không những phải đi ngoài tầm pháo, mà còn phải đi xa hơn nữa để tránh mọi cuộc sục sạo của quân đồn trú.

Nếu địa hình khu vực đó phức tạp thì mỗi cuộc đi vòng, dù nhỏ thế nào đi nữa, cũng làm cho cuộc hành quân chậm một ngày, xét về lâu dài**[169]** những vấn đề đó sẽ trở thành rất nghiêm trọng.

Thiết tưởng chẳng cần phải nhấn mạnh tới giá trị của một pháo đài trong tác chiến, khi nó đảm nhiệm việc ngăn chặn giao thông trên sông.

4. Là những điểm tựa chiến thuật

Hỏa lực của một pháo đài hạng vừa có thể khống chế một phạm vi nhiều dặm, phạm vi hiệu quả tiến công lại còn rộng hơn nữa, cho nên pháo đài bao giờ cũng là những điểm tựa tốt nhất ở sườn của một vị trí. Một cái hồ trải rộng ra nhiều dặm có thể có giá trị như một điểm tựa tốt, nhưng một pháo đài hạng vừa vẫn tốt hơn. Cánh quân phía sườn không cần thiết phải chiếm lĩnh trận địa sát gần pháo đài, vì kẻ xâm lược không thể lách vào giữa pháo đài và bộ phận bảo vệ sườn này mà không bị chẹn mất đường rút.

5. Là trạm dừng chân

Khi pháo đài được bố trí trên các tuyến đường giao thông của bên phòng ngự, và thường là như thế, thì những pháo đài ấy sẽ là những trạm dừng chân cho những bộ phận đi lại trên quãng đường đó.

Những mối nguy hiểm thường uy hiếp các tuyến đường giao thông là những cuộc đột kích (cướp đường) thường bất ngờ xảy ra từng lúc. Khi thấy tai họa ấy tới gần, đoàn vận tải có thể đi gấp tới pháo đài hoặc quay trở lại: Như vậy là thoát nạn và có thể chờ cho tới lúc thấy không còn bị đe dọa nữa.

Hơn nữa, mọi đơn vị qua lại đều có thể dựa vào pháo đài để nghỉ ngơi vài ngày, rồi sẽ lại tiếp tục hành quân mau hơn. Nhưng chính những ngày nghỉ ngơi lại là những ngày bị đe dọa nhất. Một pháo đài xây dựng ở giữa một chặng đường giao thông chừng 30 dặm có thể làm cho chặng đường đó rút ngắn tới một nửa.

6. Là nơi ẩn náu cho những đạo quân bị suy yếu hoặc bại trận

Khi được đại bác của một pháo đài không quá bé nhỏ yểm hộ, dù không có công sự phòng ngự chuẩn bị trước đi nữa thì bất cứ đạo quân nào cũng có thể tránh được đòn của quân địch.**[170]** Tất nhiên, nếu bộ phận trên muốn dừng lại ở đấy thì không phải là để từ bỏ mọi cuộc rút lui sau này, nhưng trong vài trường hợp, sự hy sinh ấy không đáng để ta quan tâm lắm, nhất là khi cuộc rút lui sẽ làm cho đội quân bị tiêu diệt hoàn toàn.

Pháo đài thường có thể đảm bảo cho vài ngày nghỉ ngơi dưỡng sức để rồi tiếp tục rút lui. Đối với những người bị thương nhẹ, những người lạc ngũ, v.v. Rút về trước một quân đội tháo chạy, thì đấy là một nơi tạm trú để chờ thời cơ quay về với đơn vị.

Nếu Madenburg ở trên đường rút lui trực tiếp của quân đội Phổ năm 1806, và nếu

đường rút này không bị mất ngay từ sau trận Austerlitz thì quân đội tất có thể dừng lại ở vùng lân cận cái pháo đài rộng lớn ấy ba bốn ngày, và tất có thể tập hợp và tổ chức lại được. Tuy diễn biến tình hình không thuận lợi, pháo đài nói trên cũng đã là nơi tập hợp những bộ phận tan tác của đạo quân Hohenlohe: Nhờ đó mà đạo quân này lại sống sót được.

Chỉ có kinh nghiệm sống của chiến tranh mới cho ta một ý niệm về ảnh hưởng tốt đẹp của các pháo đài khi tình hình trở nên xấu. Trong pháo đài có súng đạn, có lương thực, có chỗ điều dưỡng cho người ốm, có nơi an toàn cho những người mạnh khỏe, nơi tạo điều kiện cho những người mất tinh thần lấy lại dũng khí. Đó là một nơi trú ẩn trong sa mạc.

Rõ ràng, ở 4 điểm cuối ta thấy tác động tích cực của các pháo đài có đậm nét hơn.

7. Là cái lá chắn thực sự đối với cuộc tiến công của quân thù

Các pháo đài mà bên phòng ngự để lại ở phía trước họ làm cho các đợt tiến công của kẻ địch bị đập tan như những tảng băng trước cái phá băng đặt ở trụ cầu. Quân địch buộc phải bao vây các pháo đài và phải sử dụng một số quân đông gấp đôi, nhất là nếu quân đồn trú lại dũng cảm. Hơn nữa, binh sĩ đồn trú trong pháo đài có thể và thường chỉ là những đơn vị tốt khi đồn trú trong doanh trại, nhưng vô dụng trong dã ngoại – những dân cảnh chưa được huấn luyện mấy, những người tàn phế ít nhiều, những công dân được vũ trang, dân binh, v.v. Sức mạnh của địch bị yếu đi một cách nghiêm trọng, có thể nói yếu hơn tới bốn lần (so với lực lượng của quân đồn trú): Đó là con bài "tẩy" trong cuộc kháng cự của pháo đài bị tiến công nhưng chưa phải là con bài "tẩy" độc nhất.

Khi bên tiến công đã vào được trong tuyến trúc thành của chúng ta thì các cuộc vận động của họ bị lúng túng rất nhiều. Các đường rút lui bị hạn chế và họ luôn luôn phải nghĩ đến việc tự bảo vệ một cách trực tiếp.

Tới lúc ấy, pháo đài mới phối hợp một cách quyết định và căn bản với hành vi phòng ngự, và nhiệm vụ ấy là nhiệm vụ quan trọng hơn cả.

Nếu cách sử dụng pháo đài như thế rất hiếm có chứ không phải thường thấy trong lịch sử quân sự, đó là vì chính tính chất của phần lớn các cuộc chiến tranh đã làm cho phương tiện này (tức là pháo đài – ND.) có ý nghĩa quá quyết định, quá dứt khoát. Sau này chúng tôi sẽ giải thích điểm đó kỹ hơn.**[171]** Chức năng ấy của pháo đài chủ yếu là có tính chất tiến công; ít nhất cũng nhờ có nó mà pháo đài mới phát huy được tác dụng của mình. Nếu pháo đài chỉ là một điểm không thể chiếm được thì dĩ nhiên, nó có thể làm trở ngại cho bên công kích, nhưng không phải vì thế mà bên tiến công phải tiến hành một cuộc công thành. Nhưng, do không thể nào yên tâm để một lực lượng 6000, 8000 hoặc 10000 người bao giờ cũng có khả năng thọc vào sau lưng mình, nên họ đã buộc phải bao vây vị trí với một lực lượng tương đối đủ; và để tránh kéo dài công cuộc đó đến vô thời hạn, họ phải công thành và chiếm thành. Chính ngay từ lúc cuộc công thành bắt đầu, tác dụng thụ động của pháo đài đã được thể hiện. Tất cả mọi nhiệm vụ trên đều được hoàn tất một cách tương đối đơn giản và

trực tiếp. Hai tác dụng sau đây trái lại phức tạp hơn.

8. Là phương tiện bảo vệ những khu vực đóng quân rất rộng lớn

Một pháo đài hàng vừa có thể bảo đảm ngăn chặn việc thâm nhập vào những khu vực ở sau pháo đài trên một diện tích rộng từ ba tới bốn dặm; có pháo đài là có hiệu quả ấy. Nó có thể bảo vệ một tuyến đóng quân dài từ mười lăm đến hai mươi dặm. Làm thế nào để có đặc lợi đó? Nếu đấy là một sự kiện có thật thì cần phải được giải thích; còn nếu chỉ là một điều hão huyền thì cần phải có phê phán.

Không thể không suy nghĩ như sau:

1. Chính bản thân vị trí đó khóa chặt một trong những con đường chính và thực sự bảo vệ được một chiều rộng từ ba đến bốn dặm.

2. Phải xem vị trí đó như một đồn tiền tiêu có sức mạnh đặc biệt: Nó cho phép ta quan sát khu vực một cách hoàn hảo; cũng như những quan hệ xã hội giữa một vị trí quan trọng với những vùng xung quanh sẽ tạo thuận lợi cho việc thu thập tình hình bằng đường bí mật. Dĩ nhiên là trong một thành phố có 6000, 8000 hoặc 10000 dân, ta có thể dễ dàng nắm được những gì đã xảy ra ở các vùng xung quanh hơn là trong một thôn, xã thuộc khu vực hoạt động của một tiền tiêu bình thường.

3. Những đơn vị nhỏ, dựa vào pháo đài ấy để được che chở an toàn, có thể thỉnh thoảng phải tổ chức những hoạt động ra ngoài để thu thập tin tức, hoặc để hoạt động ở phía sau quân thù khi quân thù đã tràn qua khu vực của pháo đài. Tuy ở tại một chỗ, về một mặt nào đó, pháo đài có những tính chất của một đạo quân đi trước (tập V, chương 8).

4. Sau khi đã tập hợp được lực lượng của mình, bên phòng ngự có thể chiếm lĩnh vị trí ngay ở phía sau pháo đài, đến nỗi bên tiến công không thể nào mò vào tới khu vực ấy mà không bị pháo đài uy hiếp sau lưng.

Bất kỳ cuộc tiến công nào đánh vào một tuyến đóng quân cũng có ý nghĩa của một hoạt động bất ngờ; ít ra thì ở đây, chúng ta cũng chỉ nói đến mặt đó của cuộc tiến công, và tất nhiên là một cuộc đột kích bất ngờ sẽ gây tác động sau thời gian ngắn hơn cuộc tiến công thực thụ vào một chiến trường.

Trong trường hợp sau, muốn vượt qua được một pháo đài thì phải bao vây nó, đánh bại nó; nhưng trong những cuộc đột kích bất thần vào một tuyến trại quân, việc ấy lại không cần thiết bằng; vì vậy đối với loại tiến công cuối cùng, pháo đài cũng chỉ là một yếu tố làm suy yếu nhỏ hơn mà thôi. Như vậy, rõ ràng những trại quân ở các cánh phải hay trái, ở cách xa pháo đài từ sáu đến tám dặm không thể nào được pháo đài trực tiếp bảo vệ; nhưng cũng phải thấy là mục tiêu của các cuộc tiến công ấy không phải nhằm vào việc xung phong vào mấy trại quân trên. Tới tập dành cho vấn đề tiến công, chúng tôi sẽ trình bày tỉ mỉ hơn về cái mà người ta nhằm vào và hy vọng ở loại tiến công này. Nhưng, chúng tôi có thể nói ngay là: Đối với các cuộc tiến công này, việc xung phong vào các nơi đồn trú khác nhau không đem lại kết quả chính; kết quả chính là ở chỗ: Những đạo quân cô lập, tổ chức tồi được chuẩn bị để xung phong vào những điểm nhất định hơn là để tác chiến, bị bắt buộc phải chấp nhận giao chiến với bên công kích. Những cuộc tiến công và cuộc truy kích ấy ít

nhiều phải nhằm vào trung tâm những đồn binh quân thù; chính vì vậy mà một pháo đài lớn án ngữ phía trước khu trung tâm bao giờ cũng là một vật chướng ngại ghê gớm cho kẻ đến công kích.

Chúng tôi nói: Khi ta suy nghĩ tới những kết quả kết hợp chung của bốn điểm trên, chắc chắn ta phải thấy là một pháo đài ít ra cũng bảo đảm an toàn trực tiếp hay gián tiếp, trong mức độ nào đó, cho những trại quân ở khu vực rộng hơn là người ta tính toán lúc đầu. Chúng tôi nói: *"An toàn trong mức độ nào đó"* vì mọi kết quả gián tiếp nói trên đều *không thể* ngăn được hoàn toàn bước tiến của quân thù, mà chỉ làm cho nó *khó khăn* thêm, mạo hiểm thêm bởi làm cho cuộc tiến quân đó giảm bớt khả năng thực hiện, bớt nguy hiểm cho bên phòng ngự. Tất cả mọi điều trông mong là như vậy và đấy cũng là toàn bộ ý nghĩa của từ ngữ "che chở bên ngoài".

Việc bảo vệ an toàn thực sự và trực tiếp làm nhiệm vụ của các đồn tiền tiêu và của việc bố trí các trại quân.

Nếu người ta gán cho một pháo đài lớn cái khả năng có thể che chở cho một khu vực rộng những trại quân ở sau lưng nó thì đó cũng chẳng phải là hoàn toàn không đúng. Nhưng ta không thể không công nhận là các kế hoạch chiến tranh và nhất là các chuyện kể lịch sử đều đầy rẫy những điều sáo rỗng và đầy ảo tưởng về vấn đề đó. Trong lúc việc che chở ấy chỉ là kết quả của sự kết hợp nhiều yếu tố và như thế nó cũng chỉ làm cho mối nguy hiểm được giảm bớt phần nào, ta cũng dễ dàng nhận thấy là trong một vài tình huống, đặc biệt là tính táo bạo của đối phương, đôi khi có thể biến việc che chở ấy thành ảo tưởng. Như vậy, trong chiến tranh, hiệu quả của pháo đài không phải lúc nào cũng giống lúc nào; trái lại, đối với mỗi trường hợp riêng biệt ta đều phải chú ý nghiên cứu tỉ mỉ.

9. Là cái lá chắn để bảo vệ những địa phương không bị chiếm đóng

Trong chiến tranh, khi một tỉnh không bị hoặc không hoàn toàn bị chiếm đóng, tuy ít nhiều vẫn bị những cuộc đột kích đe dọa, thì người ta cho rằng một pháo đài không đến nỗi quá yếu trong tác dụng bảo vệ hoặc che chở. Thật ra, nói như thế cũng là chính đáng; vì nếu *quân địch chưa chiếm lấy pháo đài* thì họ chưa khống chế toàn tỉnh được và ta có đủ thì giờ để đem quân đến bảo vệ. Tuy nhiên, ta phải hiểu cái lá chắn đó một cách gián tiếp theo *nghĩa bóng*. Vì, chính nhờ có các hoạt động tác chiến tích cực của mình mà, trong một mức độ nào đó, một pháo đài có thể đánh bại những cuộc xâm nhập của các toán quân địch. Nếu những hoạt động tác chiến đó chỉ hạn chế trong số quân đồn trú, kết quả sẽ ít có tầm quan trọng, vì số quân đồn trú đó thường yếu, bao gồm một số bộ binh với chất lượng đáng ngại. Muốn cho ý niệm về hiệu lực phù hợp với thực tế thì cần phải suy nghĩ tới việc dùng những phân đội có quan hệ với pháo đài và các pháo đài đó là những căn cứ và điểm tựa của họ.

10. Là trung tâm của một cuộc nổi dậy toàn dân

Trong một cuộc chiến tranh dân tộc, lương thực, vũ khí, đạn dược thường không được cung cấp đều đặn. Đặc điểm của cuộc chiến tranh này là mỗi người đều tự xoay xở theo khả năng của mình; trăm nghìn phương sách nhỏ bé mà trước kia ít ai lường tới, đã gộp thành nguồn sức đề kháng; nhưng một pháo đài vững chắc, nơi dự trữ của

những vật liệu hiếm có ấy, lại làm cho cuộc kháng chiến được vững chắc hơn, có hệ thống hơn, liên tục hơn.

Pháo đài lại còn là nơi trú ẩn của thương binh, trụ sở của các nhà cầm quyền, ngân khố, địa điểm tập hợp để tiến hành những hành động lớn. Sau nữa, pháo đài lại là hạt nhân đề kháng trong khi bị bao vây, tác động vào lực lượng của quân thù và tạo thời cơ thuận lợi cho những cuộc xung phong của nhân dân có vũ trang.

11. Để phòng giữ sông ngòi và đồi núi

Pháo đài đáp ứng với những nhu cầu nhiều mặt và có vai trò quan trọng nhất khi được bố trí ở ven sông. Pháo đài ven sông bảo đảm cho việc vượt sông của quân ta vào bất cứ lúc nào, ngăn cản việc vượt sông của quân thù ở nơi cách đó nhiều dặm, chế ngự việc qua lại trên sông, bảo vệ tàu bè, cắt đứt cầu đường và có thể tiến hành một cuộc bảo vệ gián tiếp cho con sông đó bằng cách bố trí một số vị trí bên phía bờ của quân thù. Những hoạt động nhiều mặt ấy tạo nhiều thuận lợi cho việc phòng giữ một con sông và đó cũng là phần chủ yếu của việc phòng giữ này. Ở khu vực đồi núi, tầm quan trọng của pháo đài cũng gần giống như vậy. Ở đấy, pháo đài là những chiếc khóa để đóng và mở các tuyến đường giao thông, khống chế toàn bộ địa phương đó và là trụ cột thực sự của toàn bộ hệ thống phòng ngự.

Chương 11. CÁC PHÁO ĐÀI, THÀNH LŨY

Sau khi đã nghiên cứu mục đích, chúng ta còn cần phải nghiên cứu vị trí của pháo đài. Khi ta nghĩ tới nhiều mặt nhiệm vụ của pháo đài, nhiệm vụ nào cũng đều có thể biến đổi theo điều kiện địa phương, thoạt nhìn thì vấn đề có vẻ rất rắc rối, nhưng thực tế chẳng phải như vậy, nếu ta chú ý tới thực chất của vấn đề, cố gắng không sa vào những chi tiết vô ích.

Mọi khó khăn trở ngại sẽ tan biến hết khi tại những khu vực tác chiến, những thành phố lớn nhất, giàu có nhất nằm trên những con đường lớn nối liền hai nước, được tổ chức công sự phòng ngự, nhất là khi những thành phố ấy lại được xây dựng tại những hải cảng, tại các vịnh ven biển ven sông hoặc trên núi. Thành phố lớn và đường lớn bao giờ cũng đi đôi với nhau, và chúng bao giờ cũng gắn liền với sông lớn và bờ biển. Bốn điều kiện ấy thường kết hợp với nhau và không mâu thuẫn nhau. Tại những vùng núi cao, tình hình lại không phải như vậy, vì ở những khu vực ấy hiếm có những thành phố lớn. Khi ta thấy có thể sử dụng một dãy núi để làm tuyến phòng ngự (do núi có vị trí và phương hướng tốt) thì nên xây dựng những pháo đài nhỏ để chặn các đường các đèo lại (loại pháo đài này chỉ có mục đích ấy mà thôi). Làm như thế ít tốn kém, còn những pháo đài lớn thì dành cho những thành phố lớn ở đồng bằng.

Chúng tôi chưa nói đến vấn đề biên giới, chưa nói đến hình thể hình học của toàn bộ tuyến công sự phòng ngự, cũng như chưa nói tới những điều kiện địa lý khác liên quan tới vị trí của tuyến đó. Chúng tôi cho rằng những điều kiện vừa nói là những điều kiện chủ yếu nhất, thiết nghĩ cũng phù hợp với nhiều trường hợp, đặc biệt là ở những quốc gia nhỏ bé. Tuy nhiên, những điều kiện khác có thể trở thành quan trọng, thậm chí có thể trở thành cần thiết trong những nước rộng hơn, có nhiều thành phố và đường sá quan trọng hoặc hầu như không có; và trong những nước rất giàu, đã có nhiều pháo đài nhưng còn muốn xây dựng thêm hoặc ngược lại, trong những nước rất nghèo, không thể nói đến việc xây dựng quá nhiều – tóm lại trong những trường hợp số lượng pháo đài không trùng hợp với số lượng thành phố và đường sá quan trọng đã có sẵn, và trong tất cả những trường hợp mà số lượng này nhỏ hơn hoặc lớn hơn.

Chúng ta hãy nhìn qua các điều kiện ấy.

Như vậy, những vấn đề chính còn cần được xem xét là những vấn đề sau đây: 1. Nếu số lượng những con đường nối liền hai quốc gia lại nhiều hơn số lượng những con đường mà ta muốn tổ chức công sự thì cần chọn con đường chủ yếu nào? 2. Chỉ nên xây đắp pháo đài dọc biên giới hay cần phân bố pháo đài ra toàn quốc? 3. Những điều kiện địa lý nào của quốc gia đáng được quan tâm? Nhiều vấn đề khác liên quan tới hình thể hình học của tuyến công sự trúc thành như: Nên tổ chức trên một hay nhiều hàng, tức là sắp xếp pháo đài này sau pháo đài khác có lợi hơn là để chúng trên cùng tuyến, nên bố trí chúng theo kiểu bàn cờ hay theo tuyến thẳng, với những pháo đài cái nhô ra cái thụt vào – tất cả những điều đó chỉ là những cho tiết vô ích không

có giá trị phải nhường chỗ cho những phạm trù quan trọng hơn. Chúng tôi nêu những điều lẩn thẩn ra không phải chỉ vì người ta đã nói tới trong một vài tác phẩm mà còn vì người ta đã khoác cho chúng một tầm quan trọng quá đáng.

Để làm sáng tỏ vấn đề thứ nhất, chỉ cần xem lại những mối quan hệ giữa miền nam nước Đức với nước Pháp, tức là miền Thượng lưu sông Rhine. Nếu ta xem vùng nói trên là vùng phải xây dựng pháo đài để củng cố về mặt chiến lược mà không nghĩ rằng nó gồm có nhiều quốc gia khác nhau thì ta đứng trước một vấn đề khó giải quyết vì có vô số con đường rất đẹp đi từ song Rhine đến nội địa xứ Franconie, xứ Bavaria và nước Áo. Tất nhiên, chẳng thiếu gì thành phố lớn: Nào Nuremberg, Würzburg, Ulm, Augsburg, Munich, nếu ta không muốn biến tất cả thành pháo đài thì tất nhiên phải chọn lấy một số.

Như chúng ta đã nói, việc xây đắp pháo đài cho những thành phố lớn hơn và giàu có hơn là vấn đề chính, nhưng vì Nuremberg rất xa Munich, nên thành phố thứ nhất có một giá trị chiến lược khác hẳn với thành phố thứ hai. Và người ta có thể đặt câu hỏi là: Nếu thay vào Nuremberg, ta có thể tiến hành tổ chức trúc thành cho nơi nào khác, ít quan trọng hơn, ở quanh vùng Munich hay không? Giải đáp thắc mắc này, tức là trả lời cho vấn đề thứ nhất của chúng ta. Chúng tôi yêu cầu bạn đọc xem những chương bàn về kế hoạch phòng ngự tổng quát**[172]** và việc lựa chọn những điểm tiến công.

Chúng ta phải tổ chức phòng ngự ở địa điểm mà mũi đột kích tất nhiên sẽ thọc vào.**[173]** Trong số những con đường chạy từ bên địch vào nước ta, trước tiên chúng ta phải tổ chức phòng ngự ở những con đường chạy thẳng vào trung tâm nước ta, hoặc ở những con đường thuận lợi cho ý đồ của địch vì chạy qua các thành phố giàu có hoặc đi qua những sông ngòi có nhiều thuyền bè qua lại.

Quân thù của ta sẽ húc vào những pháo đài đó hoặc nếu họ định tìm cách vòng tránh, sẽ tạo cho ta một thời cơ hoàn toàn tự nhiên nhất để tiến công vào sườn họ.

Thành phố Viên là quả tim của miền nam nước Đức; nếu chỉ xét riêng đối với nước Pháp (Thụy Sĩ và Ý được giả định như trung lập) thì tất nhiên Munich và Augsburg sẽ là những pháo đài có giá trị hơn là Nuremberg và Würzburg. Vấn đề này lại càng rõ nét hơn nếu ta đồng thời xem xét những con đường đi từ Thụy Sĩ sang Đức, qua vùng Tyrol và những con đường từ Ý tới, vì Munich, Augsburg thì còn có đôi chút giá trị đối với các con đường đó, nhưng Würzburg và Nuremberg không có chút ảnh hưởng nào.

Chúng ta đề cập tới vấn đề thứ hai là: Chỉ cần xây đắp pháo đài ở biên giới hay cần tổ chức trên toàn quốc? Cần phải nói ngay rằng vấn đề này không cần đặt ra đối với các nước nhỏ vì ở đây cái gọi là biên giới trong chiến lược hầu như hòa lẫn vào toàn bộ đất đai của nước đó. Nước càng lớn, việc giải đáp vấn đề lại càng cấp thiết.

Câu trả lời tự nhiên nhất là: Nhiệm vụ của pháo đài là bảo vệ đất nước, vị trí của chúng phải ở biên giới, và nếu biên giới còn vững vàng thì quốc gia cũng không bị xâm phạm. Về đại thể, kết luận như vậy là đúng, nhưng những điểm cần chú ý sau đây cho ta thấy rõ giới hạn của nó.

Hễ phòng ngự phụ thuộc quá nhiều vào viện trợ bên ngoài thì càng phải xem yếu tố thời gian có giá trị hơn nhiều. Chính là để tiến lên dần dần chứ không phải để phản kích mạnh mà yếu tố thời gian quan trọng hơn yếu tố làm suy yếu địch. Và, nếu các điều kiện khác đều như nhau, việc đánh chiếm lấy những pháo đài nằm ở những khu vực rộng lớn, rải ra toàn bộ lãnh thổ đòi hỏi nhiều thời gian hơn là việc đánh chiếm lấy những pháo đài nằm dọc theo biên giới. Nếu ta muốn sử dụng những điều kiện như: Đường giao thông quá dài, sinh hoạt khó khăn để đánh bại địch, nghĩa là trong những trường hợp địch cũng thấy họ sẽ bị đánh trả bằng cách đó thì ta không thể chỉ chuẩn bị phòng ngự ở biên giới. Làm như thế, ta sẽ mâu thuẫn hoàn toàn với bản thân ta. Cần nhớ rằng hễ tình hình cho phép thì việc xây dựng pháo đài bảo vệ thủ đô là một nhiệm vụ chủ yếu;**[174]** rằng theo những nguyên tắc chúng tôi đã nêu ra thì thủ phủ và các trung tâm buôn bán của các tỉnh cũng phải có pháo đài, rằng sông ngòi, núi non và những chướng ngại địa hình khác cũng là những tuyến phòng ngự thuận lợi; rằng nhiều thành phố vì có vị trí tự nhiên tốt nên có thể xây dựng pháo đài phòng ngự rất có hiệu quả, rằng nên xây dựng các xí nghiệp như xí nghiệp chế tạo đạn dược ở nội địa thì hơn ở biên giới; các xí nghiệp này cần có công sự phòng thủ che chở. Tất cả những điều ấy chứng tỏ rằng: Khi nào cũng có lý do ít nhiều có giá trị để xây dựng pháo đài nội địa. Những nước có nhiều pháo đài, phải bố trí chúng càng nhiều càng tốt ở biên giới, cũng vẫn phạm sai lầm lớn nếu ở nội địa không xây dựng gì cả. Chúng tôi cho rằng, nước Pháp cũng đã phạm sai lầm đó. Kết luận như trên không còn chắc chắn lắm nữa khi các nước láng giềng không có thành phố lớn, khi các thành phố này ở sâu trong nội địa như ở miền nam nước Đức (có thể nói xứ Swabia không có thành phố lớn nào, còn xứ Bavaria thì lại có nhiều). Chúng tôi cho rằng: Lấy những nhận định tổng quát để giải quyết vĩnh viễn vấn đề này là vô ích; phải căn cứ vào những trường hợp cụ thể để xác định các biện pháp một cách phù hợp; nhưng chúng tôi đề nghị chú ý tới phần kết luận của chương này.

Vấn đề thứ ba là nên tập trung pháo đài thành từng cụm hay phân tán. Rốt cuộc thì vấn đề này cũng ít khi phải đặt ra. Tuy nhiên, không nên vì thế mà cho đó là một điều vớ vẩn ngu ngốc, vì một cụm hai, ba, bốn pháo đài bố trí cách trung tâm chung một vài ngày đường sẽ làm cho trung tâm này và quân đội đồn trú ở đó có một sức mạnh to lớn: Một pháo đài chiến lược như thế hấp dẫn chúng ta rất mạnh, nếu những điều kiện khác cho phép ta xây dựng được những kiểu pháo đài như thế. Điểm cuối cùng bao gồm những điều kiện địa lý khác của địa điểm được lựa chọn. Chúng tôi đã nói là những pháo đài được xây đắp trên bờ biển, ven sông và trên núi sẽ có tác dụng gấp đôi, vì tuy có nhiều yếu tố phải quan tâm suy xét, nhưng vị trí vẫn là một trong những yếu tố quan trọng nhất.

Nếu ta không thể xây được pháo đài ở ngay bờ sông thì cũng chẳng nên xây ở gần sông mà nên lùi vào chừng mười hoặc mười hai dặm. Sông ngòi ngăn trở và làm bế tắc về mọi mặt phạm vi hoạt động của một pháo đài.**[175]** Ở miền núi, tình hình sẽ không như vậy; hoạt động của các đội quân lớn nhỏ đều không bị những điểm đặc biệt như khi ở bờ sông hạn chế. Song những pháo đài nằm trên các triền núi hướng về

phía địch là những vị trí không tốt vì rất khó được giải vây. Nếu pháo đài xây dựng về phía chúng ta, quân địch sẽ gặp rất nhiều khó khăn để công thành, vì núi non chẹn mất đường giao thông của họ. Chỉ cần kể ra đây thí dụ của thành Olmütz năm 1758.

Thiết tưởng không cần nói thêm là rừng rậm hiểm trở và đồng lầy cũng có tác dụng như những dòng sông.**[176]** Người ta thường hay tự hỏi: Có thể xây dựng pháo đài để bảo vệ các thành phố ở các nơi rất hiểm trở không? Vì người ta có thể xây dựng pháo đài và bảo vệ các thành phố nói trên mà tốn phí rất ít, vì với một số tiền như nhau thì các pháo đài nói trên sẽ mạnh hơn nhiều (thậm chí, có thể bất khả xâm phạm); vì tác dụng của pháo đài thường có tính chất tiêu cực hơn là tích cực, bởi vậy không nên chú ý quá nhiều đến ý kiến tranh luận cho rằng những pháo đài nói trên dễ bị bao vây.

Điểm lại toàn bộ hệ thống lý luận đơn giản của chúng tôi, về việc xây dựng các công sự trúc thành của một quốc gia, chúng tôi có thể khẳng định là những lý luận ấy đều dựa vào những suy luận và những điều kiện bao quát và vững chắc, gắn chặt với nền tảng của quốc gia chứ không phải vào những quan điểm nhất thời theo "mốt" về những tiểu xảo chiến lược tưởng tượng. Đối với những pháo đài tồn tại 500 năm hoặc 1000 năm thì làm như thế sẽ là một sai lầm không thể tha thứ được. Pháo đài Silberberg ở Silesia do Frederick II xây dựng trên một mỏm núi của dãy Sudeten, đã hầu như mất hết giá trị và ý nghĩa khi tình thế thay đổi, trong khi pháo đài ở Breslau vẫn còn là một pháo đài có giá trị để chống lại quân Pháp cũng như quân Nga, quân Ba Lan cũng như quân Áo.

Xin độc giả lưu ý là những nhận xét này sẽ không thể đề cập tới trường hợp một quốc gia phải tổ chức xây đắp pháo đài mới ở khắp mọi nơi trong nước. Những nhận xét trên sẽ vô ích vì trường hợp này hầu như không bao giờ xảy ra, nhưng chúng vẫn có thể ứng dụng vào việc xây dựng bất kỳ pháo đài riêng biệt nào.

Chương 12. VỊ TRÍ PHÒNG NGỰ

Vị trí phòng ngự là bất kỳ vị trí nào ở đó ta chấp nhận tác chiến bằng cách sử dụng địa hình làm phương tiện bảo vệ; dù thái độ của ta là thụ động hay tiến công thì cũng thế thôi, cái đó chẳng quan trọng gì mấy. Điều này rút ra từ quan điểm tổng quát của chúng ta về phòng ngự.

Và người ta có thể vận dụng định nghĩa này vào bất kỳ vị trí nào mà ở đó một quân đội chấp nhận tác chiến nếu kẻ địch đến đánh họ ở đây, dù họ đang ở trên đường tiến về phía quân địch. Nói cho cùng thì phần lớn các trận đánh đều diễn ra như vậy và trong thời trung cổ, chưa hề bao giờ lại có trận đánh xảy ra theo kiểu khác. Nhưng đó không phải là đối tượng nghiên cứu lúc này; phần lớn các vị trí đều thuộc loại trên và như thế ở đây không cần khái niệm nào khác ngoài khái niệm đơn thuần về *vị trí,* ngược với khái niệm *trại đồn trú trong lúc hành quân*. Chính vì vậy cho nên một vị trí đã được gọi đích danh là *vị trí phòng ngự* phải là một cái gì khác nữa.

Tại những vị trí thông thường trong các trận quyết định, khái niệm *thời gian* thường nổi bật lên.

Quân đội hai bên đều tiến lên để gặp nhau, địa điểm chỉ là điểm thứ yếu và chỉ cần đạt mỗi một yêu cầu: Phải cho thích đáng. Nhưng đối với một vị trí phòng ngự thực sự thì khái niệm *địa điểm* lại nổi bật nhất. Phải đạt được quyết định ở một địa điểm nào đó hay nói đúng hơn *nhờ* địa điểm đó. Ở đây, chúng tôi chỉ nói đến loại vị trí này.

Nhưng, địa điểm có hai chức năng: Trước hết là một lực lượng vũ trang bố trí tại địa điểm ấy phải có một ảnh hưởng nào đó với toàn bộ, sau nữa địa điểm phải được dùng để bảo vệ và làm phương tiện củng cố cho lực lượng vũ trang ấy. Tóm lại địa điểm có chức năng chiến lược và chiến thuật.

Nói cho đúng, từ ngữ *vị trí phòng ngự* được rút ra từ chức năng chiến thuật đó, vì chức năng chiến lược cũng phù hợp ngay cả với những vị trí được xây dựng để tiến công: Theo chức năng chiến lược này, lực lượng vũ trang có mặt ở điểm đó, tức là xứ sở được bảo vệ.

Tác dụng chiến lược của một vị trí chỉ bộc lộ đầy đủ sau này khi cần bảo vệ một chiến trường.

Trước mắt, sự trình bày của chúng tôi nhất định sẽ bị hạn chế và chúng tôi bắt buộc phải nghiên cứu hai khái niệm giống nhau và hay bị lẫn lộn với nhau: Khái niệm vu hồi một vị trí và khái niệm bao vây.

Việc vu hồi một vị trí có liên quan tới mặt trận của vị trí đó và được tiến hành nhằm thực hiện một cuộc tiến công vào sườn hoặc cũng có thể vào sau lưng, hoặc để chặn đường rút lui và cắt đứt giao thông của vị trí đó.

Loại hoạt động thứ nhất – tiến công vào sườn hoặc vào phía sau lưng – có tính chất chiến thuật.

Ngày nay, sức cơ động của quân đội rất lớn và mọi kế hoạch giao chiến đều ít nhiều nhằm vào đánh vu hồi hoặc bao vây kẻ thù, vì vậy bất cứ vị trí nào cũng phải sẵn sàng để đối phó với những cuộc đánh vu hồi và bao vây, và một vị trí muốn xứng đáng với danh hiệu vị trí mạnh thì không những trận tuyến phía trước đã phải rất kiên cố mà các phía sườn và sau lưng, khi bị đe dọa, cũng phải có những cuộc phối hợp giao chiến tốt. Việc vu hồi một vị trí nhằm mục đích tiến công vào sườn hoặc sau lưng vị trí ấy không thể làm cho vị trí ấy bị tê liệt vô dụng. Vì khi chọn địa điểm cho vị trí, bên phòng ngự tất phải tính tới trận đánh sẽ xảy ra ở đâu và phải bảo đảm những thuận lợi có thể có được.

Nếu bên tiến công vu hồi một vị trí với ý đồ cắt đường rút lui và các đường giao thông thì phải thấy rằng đó là một hành động chiến lược; vấn đề lúc ấy là phải trù tính xem vị trí có thể giữ vững được bao lâu và liệu có thể đánh bại được quân thù ở ngay khu vực của họ không. Câu trả lời, tùy thuộc vào địa điểm đó, nghĩa là vào tương quan của hai tuyến đường giao thông. Một vị trí tốt phải bảo đảm cho quân đội đang tiến hành phòng ngự có ưu thế. Dù trong những điều kiện như vậy, vị trí cũng không phải là vô dụng; đối phương khi lao vào cuộc tiến công, tất sẽ bị chặn lại không thực hiện được ý đồ.**[177]** Nhưng nếu bên tiến công, không đếm xỉa gì tới lực lượng vũ trang đang chờ trong vị trí phòng ngự, mà lại đem lực lượng chính tiến theo một đường khác để thực hiện mục đích của mình, đó là họ thực hiện việc vượt qua vị trí. Nếu họ làm được như thế mà không bị trừng trị, nếu họ vượt qua vị trí thì ngay lập tức họ buộc ta phải rút khỏi vị trí lúc ấy đã trở thành vô dụng.

Chẳng có một vị trí nào lại không thể không bị bao vây; không nên chú ý nhiều đến trường hợp eo đất Perekop vì nó quá đặc biệt. Khả năng không vượt qua được như vậy chính là những điều bất lợi đối với bên tiến công. Chúng tôi sẽ nghiên cứu những bất lợi này ở chương 27.**[178]** Lớn hay nhỏ, những bất lợi đó dù sao cũng tương đương với hiệu quả chiến thuật có thể có của một vị trí: Những bất lợi đó cùng với hiệu quả chiến thuật này là mục đích mà vị trí phải đạt. Như vậy, từ những điều đã nói trên đây về vị trí phòng ngự, chúng ta có thể rút ra hai yêu cầu tất yếu về chiến lược của vị trí phòng ngự:

1. Vị trí phải không thể bị vượt qua.

2. Vị trí phải là một điểm thuận lợi cho bên phòng ngự trong việc giành giật đường giao thông.

Cần phải nói thêm về hai yêu cầu chiến lược khác nhau:

3. Mối liên lạc giữa các tuyến giao thông phải thuận lợi cho hình thức giao chiến.

4. Địa thế tổng quát của vị trí phải thuận lợi, vì đường giao thông không những chỉ có ảnh hưởng tới việc có thể hay không thể bao vây, cắt đứt đường tiếp tế của một vị trí mà còn ảnh hưởng tới toàn bộ diễn biến của trận đánh. Một đường rút lui xiên chếch tạo thuận lợi cho việc vu hồi chiến thuật của kẻ xâm lăng và làm cho mọi hoạt động chiến thuật của chúng ta trong chiến đấu bị tê liệt. Không phải do chiến thuật làm nảy ra cái gốc độ xiên chếch đó của tuyến giao thông mà đấy lại thường là kết quả của một sai lầm trong việc chọn điểm chiến lược. Đó là điều không thể tránh khỏi, thí dụ

như: Khi con đường tới gần vị trí lại chuyển sang hướng khác (Borodino, 1812). Kẻ tiến công tiến quân theo hướng vu hồi phòng tuyến của ta *nhưng vẫn giữ được cách bố trí thẳng góc của họ*.

Hơn nữa, trong khi chúng ta chỉ có một thì kẻ tiến công lại có thể sử dụng rất nhiều đường rút; quyền chủ động chiến thuật của họ lớn hơn ta rất nhiều. Ở hết thảy mọi tình huống đã kể, nếu người phòng ngự có cố gắng thi thố mọi nghệ thuật trên đời thì cũng không thể nào bù đắp lại được những bất lợi của những điều kiện chiến lược xấu.

Về điểm thứ tư, ta có thể nói ở các mặt khác, tình hình chung của địa hình có thể xấu đến nỗi sự lựa chọn tỉ mỉ nhất, chiến thuật khôn khéo nhất cũng đành bó tay. Khi đó những điểm chủ yếu sẽ là những điểm sau: 1. Bên phòng ngự phải nhìn đối phương một cách tổng quát để có thể nhanh chóng lao thẳng vào bên trong vị trí của họ. Chỉ khi nào những chướng ngại cản trở việc tiếp cận do địa hình đem lại kết hợp được với hai điều kiện ấy thì địa hình đó mới thật là thuận tiện cho việc phòng ngự.

Những vị trí sau đây không thuận lợi cho phòng ngự: Những điểm bị một địa hình khác khống chế; tất cả hoặc phần lớn những vị trí ở trên núi (chúng tôi sẽ bàn tỉ mỉ hơn trong những chương dành cho chiến tranh ở vùng núi); tất cả những vị trí có một sườn dựa vào một quả núi, vì tuy quả núi ấy gây khó khăn cho việc vượt qua của kẻ tiến công nhưng lại giúp cho họ bao vây dễ dàng hơn, sau nữa những vị trí đối diện với một dãy núi và nói chung mọi địa hình để có thể tạo nên những tình huống mà chúng tôi vừa khắc họa.

Ngược lại với những điều kiện bất lợi kể trên, chúng tôi chỉ nêu ra trường hợp một vị trí dựa lưng vào một dãy núi. Đó là một vị trí có nhiều thuận lợi đến nỗi nên coi đó là một trong những vị trí tốt nhất cho phòng ngự.

2. Địa hình có thể thích nghi ít nhiều với tính chất và cấu tạo của quân đội. Một đơn vị kỵ binh rất đông tất phải tìm địa hình quang đãng. Không có loại binh chủng này cũng như không có đầy đủ pháo binh, nhưng nếu có trong tay một đơn vị bộ binh dũng cảm, thiện chiến, thông thạo địa hình, ta sẽ tận dụng được một địa hình khó khăn và phức tạp.

Chúng ta không cần phải quan tâm tới mối quan hệ chiến thuật giữa địa điểm của một vị trí phòng ngự với lực lượng vũ trang, chỉ có kết quả tổng quát là đáng kể, vì chỉ kết quả ấy mới là một đại lượng chiến lược.

Một quân đội đã quyết định đứng đợi địch trên một vị trí nào đó thì vị trí này tất phải có nhiều thuận lợi về địa hình nhờ vậy sức mạnh của nó được nhân lên gấp bội. Thiên nhiên hỗ trợ rất nhiều nhưng không phải là đem lại mọi thứ cần thiết; ta phải dựa vào nghệ thuật trúc thành. Chính là nhờ ở phương pháp ấy mà một số đơn vị quân đội có khi đã trở nên *không thể hạ nổi*, còn đối với cả một quân đội thì điều ấy chẳng phải là cá biệt. Ở trường hợp đó, bản thân các cuộc hoạt động sẽ thay đổi tính chất.

Chúng ta không tìm cách tác chiến như thế trong những điều kiện thuận lợi và cũng không mong thông qua trận đánh đó để đạt chiến thắng cuối cùng trong chiến

dịch; chúng ta muốn đạt thắng lợi mà không phải tác chiến, có thế thôi! Duy trì lực lượng của chúng ta trong một vị trí bất khả xâm phạm, chúng ta chỉ cần không chấp nhận giao chiến cũng đủ buộc đối phương phải tìm cách quyết định bằng những con đường khác.

Như vậy cần phải tách biệt dứt khoát hai trường hợp. Chúng tôi sẽ bàn về trường hợp thứ hai ở chương sau, nhan đề là: Những vị trí trúc thành và những trận địa được tổ chức phòng ngự.

Trái lại, vị trí phòng ngự ở đây chỉ là một chiến trường có nhiều thuận lợi cho ta mà thôi. Nhưng muốn cho vị trí đó trở thành một chiến trường thì những thuận lợi đó không nên *thái quá*. Một vị trí như vậy có thể có sức mạnh như thế nào? Tất nhiên là sức mạnh ấy phải tương xứng với quyết tâm của đối phương trong lúc tiến công và trong mỗi trường hợp cụ thể khác nhau đều phải đánh giá đúng quyết tâm này.

Đối phó với một Bonaparte, người ta có thể và cần phải sử dụng những thành lũy kiên cố hơn là khi phải đối phó với một Daun hoặc Schwarzenberg.

Khi một số bộ phận của một vị trí, thí dụ như phía chính diện, trở thành không thể xâm phạm thì điều đó sẽ là một yếu tố đặc biệt trong sức mạnh toàn bộ, vì lực lượng của khu vực đó có thể được sử dụng ở chỗ khác. Tuy nhiên, cần phải thấy rõ rằng nếu ta hoàn toàn đẩy lùi được quân thù ở những bộ phận không thể xâm phạm này thì cuộc tiến công của họ sẽ mang một tính chất hoàn toàn khác, và ta cũng cần làm sao cho điều đó phù hợp với tình hình của ta.

Thí dụ như người ta thường chiếm lĩnh vị trí gần một con sông, dùng con sông ấy làm nơi án ngữ cho phía trước mặt, như vậy có nghĩa là người ta dùng con sông ấy làm điểm tựa cho sườn trái hoặc phải, vì để tiến công chúng ta, tất nhiên quân thù buộc phải vượt sông, chếch xa về bên phải hoặc bên trái và thế là trận tuyến của họ phải thay đổi. Như vậy thì vấn đề chính là: Từ tình hình đó ta sẽ có những khó khăn và thuận lợi gì? Theo ý kiến chúng tôi, một vị trí phòng ngự lý tưởng là một vị trí vừa che giấu được lực lượng của ta một cách tốt nhất lại đồng thời tạo cho ta thời cơ để phối hợp đánh địch một cách bất ngờ. Nếu ta cần phải giấu kín mọi lực lượng và mọi phương hướng hoạt động, ta cũng cần phải che giấu những thuận lợi do địa hình đem lại. Điều này chỉ có thể thực hiện đến một mức độ nhất định và có lẽ nó đòi hỏi một phương pháp hoạt động còn chưa được phổ biến lắm.

Được ở gần một pháo đài lớn, bất kể là hướng nào, cũng tạo cho mỗi vị trí một ưu thế lớn đối với quân thù về mặt dễ dàng vận động và sử dụng lực lượng. Việc sử dụng tốt một đồn lẻ ở đồng trống có thể thay thế cho sức mạnh tự nhiên ở điểm này hay điểm khác và nhờ đó ta có thể phác ra theo ý muốn những nét lớn của cuộc giao chiến sắp tới. Mọi phương pháp nhân tạo này nhằm tăng thêm sức mạnh cho một vị trí, kết hợp với việc lựa chọn thật hợp lý những chướng ngại của địa hình, tuy không thể đập tan được mọi hoạt động của đối phương nhưng cũng làm cho khó khăn của họ tăng thêm. Cần phải tận dụng mọi thuận lợi có thể có được vì ta đã biết rõ chiến trường, còn quân thù thì lại chưa biết, vì ta có thể giấu kín mọi việc chuẩn bị tốt hơn quân thù và ta có ưu thế về phương tiện đánh bất ngờ trong quá trình giao chiến. Tất

cả những điều đó có thể đưa đến một ưu thế quyết định về vị trí của địa điểm, khiến quân thù thối chí mà không hiểu được nguyên nhân thật sự. Quan niệm của chúng tôi về vị trí phòng ngự là như vậy; theo chúng tôi đó là một trong những ưu điểm cơ bản của chiến tranh phòng ngự.

Nếu gạt sang một bên mọi điều kiện khác, thì ta có thể nói là những địa hình làn sóng, được trồng trọt vừa phải, đều là những địa hình có nhiều khả năng thuận tiện cho việc tổ chức những vị trí thuộc loại này.

Chương 13. NHỮNG VỊ TRÍ TRÚC THÀNH VÀ NHỮNG TRẬN ĐỊA ĐƯỢC TỔ CHỨC PHÒNG NGỰ

Như chúng tôi đã trình bày ở chương trước, một vị trí mà thiên nhiên và nghệ thuật đã làm cho mạnh đến nỗi được coi như bất khả xâm phạm, không còn thuộc vào loại những chiến trường thuận lợi mà thuộc vào một loại khác. Ở chương này, chúng tôi sẽ nghiên cứu xem nó có những gì đặc biệt, và do nó có ít nhiều điểm giống như một pháo đài nên chúng ta mệnh danh nó là vị trí trúc thành.

Không thể có được những vị trí đó nếu chỉ dựa vào những hầm hào đơn giản (trừ phi đó là những hầm hào của một pháo đài), và lại càng không thể dựa vào chướng ngại thiên nhiên. Khi có thuận lợi, thiên nhiên và nghệ thuật thường dễ đi đôi với nhau, vì vậy người ta thường gọi những vị trí đó là *trận địa hoặc bị trí trúc thành*. Từ ngữ này có thể áp dụng cho mọi vị trí có ít nhiều hào lũy, dù rằng tổ chức vị trí đó hoàn toàn khác với kiểu chúng ta đang bàn.

Một vị trí trúc thành có mục đích làm cho lực lượng quân đồn trú tại đó hầu như không thể bị tiến công và vì vậy *thực tế*, nhằm trực tiếp bảo vệ một khu vực nhất định hoặc một lực lượng vũ trang đóng tại nơi ấy để sau này nó sẽ gián tiếp bảo vệ toàn quốc bằng một cách khác. Ý nghĩa thứ nhất thuộc vào lĩnh vực những tuyến pháo đài xưa, thí dụ như tuyến biên giới nước Pháp, ý nghĩa thứ hai thuộc vào lĩnh vực những trận địa được tổ chức trúc thành có trận tuyến ở khắp mọi hướng và thường được thiết lập quanh vùng lân cận các pháo đài.

Nếu các chiến hào và chướng ngại ngăn chặn việc tiếp cận làn cho chính diện của một vị trí cứng đến nỗi không thể đột phá thì quân địch nhất định phải vu hồi để tiến công vào sườn hoặc vào sau lưng. Để gây khó khăn nhiều nhất cho những hoạt động như vậy, người ta đã tìm cách tổ chức thêm những hoạt động như vậy, người ta đã tìm cách tổ chức thêm những điểm tựa khả dĩ bảo đảm phía sườn, như sông Rhine và núi Vosges hỗ trợ cho các chiến tuyến vùng Alsace. Chính diện của một tuyến như vậy, càng dài thì càng dễ chống bao vây, vì bao vây bao giờ cũng có nguy hiểm và lực lượng càng phải đi xa hướng ban đầu thì nguy hiểm lại càng lớn. Một chính diện rất dài không thể xâm phạm, lại có thêm những điểm tựa tốt, tất có thể bảo vệ được một khu vực quan trọng chống lại việc đột nhập trực tiếp của quân thù. Ít nhất, từ những nhận thức ấy cũng sinh ra những công trình phòng ngự kiểu ấy và ý nghĩa của những chiến tuyến vùng Alsace, cánh phải dựa vào sông Rhine và cánh trái dựa vào núi Vosges, cũng như chiến tuyến vùng Flanders kéo dài tới mười lăm dặm, cánh phải dựa vào sông Scheldt và pháo đài Tournai, cánh trái dựa vào biển rộng.

Nhưng, nếu không tổ chức được một chính diện dài và mạnh như thế, cũng như không có những điểm tựa tốt, và, nếu cần phòng giữ địa phương với một lực lượng vũ trang được tổ chức công sự chu đáo, thì dứt khoát cũng cần phải bảo đảm chống bao vây bằng việc tổ chức chính diện ở mọi phía cho bản thân lực lượng ấy và cho vị trí của nó. Đến đây, không còn có thể tồn tại khái niệm về một vùng được bảo vệ

thực sự vì, đứng về mặt chiến lược mà nói, một vị trí như vậy tương đương với một điểm bảo vệ cho lực lượng vũ trang, vì thế mà lực lượng vũ trang này có thể bảo vệ đất nước, nghĩa là nó có thể ở lại trong đất nước. Một trận địa như vậy không thể nào bị vu hồi được, nghĩa là phía bên sườn cũng như phía sau, những bộ phận yếu hơn phía chính diện, không thể bị tiến công nữa, vì phía nào cũng là chính diện và ở phía nào sức mạnh cũng như nhau. Tuy nhiên, trận địa này có thể bị vượt qua dễ hơn một chiến tuyến có hầm hào vì bề rộng của trận địa loại ấy có thể nói là không đáng kể.

Về cơ bản, những trận địa có hầm hào ở mọi pháo đài đều thuộc vào loại thứ hai này, vì chúng đều có nhiệm vụ bảo vệ cho lực lượng vũ trang đóng tại đó. Tuy nhiên, ý nghĩa chiến lược khác của chúng, tức là việc sử dụng những lực lượng bảo vệ nói trên, có chỗ không giống với ý nghĩa của việc sử dụng các lực lượng của những trận địa có hầm hào khác.

Sau khi đã trình bày nguồn gốc của cả ba biện pháp phòng ngự trên, chúng ta còn phải nghiên cứu tác dụng của chúng, phân biệt được thế nào là chiến tuyến trúc thành, vị trí trúc thành và trận địa có hầm hào của pháo đài.

1. Chiến tuyến là hình thức nguy hiểm nhất của chiến tranh bố trí theo kiểu dây chuỗi. Chướng ngại mà kẻ tiến công vấp phải ở đây thường không có giá trị gì cả, trừ phi ở đó có hỏa lực mạnh. Bản thân chướng ngại thì hoàn toàn vô tích sự, so với diện tích của toàn quốc, phạm vi có hiệu quả của hỏa lực quân đội rất eo hẹp; chiến tuyến vì vậy phải tương đối ngắn, và tất nhiên chiếm nhiều đất đai, nếu không như thế quân đội sẽ không thể thực sự bảo vệ mỗi điểm của tuyến đó. Đáng lẽ phải chiếm lĩnh tất cả các điểm, người ta đã có sáng kiến cảnh giới những tuyến phòng thủ này và bảo vệ chúng bằng các lực lượng dự bị đặt đúng chỗ, như đối với một con sông tương đối rộng. Nhưng phương pháp này lại trái với bản chất của phương tiện được sử dụng. Vì, nếu những chướng ngại của địa hình có tầm quan trọng đủ để có thể phòng ngự theo kiểu đó thì việc tổ chức trúc thành chẳng những đã vô ích lại còn nguy hiểm, vì loại phòng ngự này không có tính chất khu vực,**[179]** còn trúc thành hầm hào thì lại chỉ phù hợp ho việc phòng ngự khu vực. Nếu bản thân hầm hào là vật chướng ngại chính để cản trở việc tiếp cận mà lại không được bảo vệ thì ý nghĩa của những vật chướng ngại ấy cũng chẳng còn gì nữa. Một cái hào sâu từ mười hai tới mười lăm bộ,**[180]** một chiến lũy cao từ mười đến mười lăm bộ, sẽ có ý nghĩa gì đối với sức hợp đồng của hàng nghìn con người không bị hỏa lực đối phương uy hiếp? Vì vậy, khi vấp phải những chiến tuyến vừa ngắn hẹp lại vừa được tổ chức phòng giữ chu đáo, người ta sẽ vu hồi nó; nhưng nếu những chiến tuyến ấy vừa rộng lại vừa không có lực lượng đầy đủ, tất chúng sẽ bị đột phá chính diện và bị chọc thủng.

Và nếu những loại chiến tuyến ấy bó chết các lực lượng ở đó vào công việc phòng ngự khu vực và làm cho chúng không còn cơ động được nữa thì việc sử dụng lực lượng này để đánh lại một kẻ thù tích cực sẽ rất tai hại. Nếu vào những thời gian đầu của những cuộc chiến tranh hiện đại, các tuyến ấy còn được duy trì, đó là vì bạo lực tự nhiên của chiến tranh yếu đến nỗi các khó khăn bề ngoài cũng thường gây được ảnh hưởng như khó khăn thực tế. Trong phần lớn các chiến dịch, những chiến

tuyến ấy đã chỉ được sử dụng để phòng giữ những toán quân không chính quy. Nếu người ta không coi những tuyến ấy là hoàn toàn vô hiệu, thì cũng phải thấy là lực lượng quân đội cần thiết cho việc phòng giữ ở đó nếu được dùng ở chỗ khác chắc là tốt hơn. Trong những cuộc chiến tranh gần đây, người ta chẳng còn thấy tăm hơi loại chiến tuyến ấy đâu nữa và chắc là chẳng bao giờ người ta còn gặp lại chúng.

2. Như chúng tôi sẽ trình bày ở chương 27, công cuộc phòng ngự ở một khu vực còn tồn tại khi lực lượng vũ trang đồn trú ở đó còn ở lại, công cuộc phòng ngự sẽ chỉ chấm dứt khi lực lượng ấy rút đi và bỏ trận địa.

Phương pháp duy nhất để bảo tồn một lực lượng trong một đất nước bị một đối phương mạnh gấp nhiều lần tiến công là sử dụng một vị trí bất khả xâm phạm bằng sức mạnh của lưỡi gươm sắc bén.

Như chúng tôi đã nói ở trên, những vị trí ấy phải đối phó được với kẻ thù ở bất kỳ hướng nào. Theo diện tích *thông thường* của một cuộc bố trí chiến thuật và nếu như lực lượng này *không quá lớn* (đó là điều trái với bản chất của trường hợp này), nó sẽ chiếm một *vùng rất hẹp*. Làm như thế, trong quá trình giao chiến sẽ nảy sinh ra nhiều điều không lợi, đến nỗi phải tăng cường công sự trúc thành mà cuộc kháng cự cũng vẫn không thu được thắng lợi nào.**[181]** Vì có chính diện hướng về mọi phía nên loại trận địa nói trên phải có những mạn sườn vừa rộng rãi vừa không thể xâm phạm được. Toàn bộ nghệ thuật xây dựng hào lũy cũng không đủ để đem lại một sức mạnh như thế cho các mạn sườn; điều kiện chủ yếu là một trận địa như vậy phải được hỗ trợ bằng những chướng ngại địa hình khiến cho đối phương hoàn toàn không thể đến được những bộ phận này, còn những bộ phận khác thì khó khăn lắm mới đến được. Muốn sử dụng biện pháp phòng ngự ấy, trước hết phải tìm được một vị trí cùng loại, nếu chỉ trông cậy vào những hào lũy đơn giản sẽ không đạt được mục đích tương tự. Những nhận định trên chỉ gắn liền với những kết quả chiến thuật và chỉ nhằm xác định sự cần thiết tiên quyết của biện pháp chiến lược ấy mà thôi. Để minh họa, ta lấy những thí dụ ở Pirna, Bunzelwitz, Kolberg, Torres Vedras và Drissa.**[182]** Bây giờ chúng ta hãy nghiên cứu đặc điểm và tác dụng chiến lược nói trên.

Điều kiện trước tiên tất nhiên là lực lượng đồn trú ở trận địa đó phải có đủ phương tiện sinh hoạt trong một thời gian nào đó, tức là thời gian có thể kéo dài tới mức độ cần thiết. Vấn đề đó chỉ có thể thực hiện nếu hậu tuyến của vị trí dựa vào một cái cầu, như ở Kolberg và ở Torres Vedras, hoặc nếu vị trí đó có thể liên lạc trực tiếp với một pháo đài như trường hợp ở Bunzelwitz và ở Pirna hoặc chính bản thân vị trí đó đã tích trữ được lương thực như trường hợp ở Drissa.**[183]** Điều kiện này chỉ tương đối đầy đủ ở trường hợp thứ nhất; còn ở trường hợp thứ hai và thứ ba thì nó chỉ đáp ứng một nửa cho nên bao giờ cũng có đôi chút nguy hiểm về phía đó. Điều ấy chứng tỏ trước tiên là những khó khăn về tiếp tế đã làm cho một số điểm trúc thành cũng có thể trở thành vô dụng, đó là điều dễ thấy ở một vị trí có công sự phòng ngự.

Để hiểu đúng tác dụng, thuận lợi và khó khăn của một vị trí như vậy, ta cần phải tìm hiểu xem hoạt động của bên công kích sẽ như thế nào.

a) Bên công kích có thể đi vượt quá vị trí trúc thành, tiếp tục kế hoạch tác chiến

của mình và chỉ để lại một bộ phận lực lượng tương đối quan trọng để luôn luôn kiềm chế vị trí.

Ta cũng nên phân biệt hai trường hợp; trường hợp thứ nhất: Vị trí có lực lượng chính đóng giữ; trường hợp thứ hai: Chỉ có một đạo quân thứ yếu đóng giữ.

Trong trường hợp thứ nhất, việc vượt qua chỉ có thể phục vụ cho kẻ tiến công nếu họ không nhằm vào lực lượng chính của người phòng ngự; tất nhiên phải có *một mục tiêu khác có giá trị quyết định* mà kẻ tiến công có khả năng chiếm đoạt, thí dụ như một pháo đài, một thủ đô, v.v. Nhưng dù mục tiêu ấy có thật đi nữa, bên tiến công cũng chỉ dám theo đuổi ý đồ của mình nếu lực lượng chính và vị trí tuyến giao thông không cho phép đối phương tiến công vào sườn chiến lược của họ.

Còn phải suy tính xem một vị trí trúc thành có cần thiết và có hiệu lực đối với đạo quân chính của bên phòng ngự hay không. Về vấn đề đó, phải trả lời như sau: Chỉ nên xây dựng vị trí này nếu nó tác động đến sườn chiến lược của kẻ địch đến nỗi ta biết trước chắc chắn rằng có thể giữ chân kẻ địch trước khi nó phát triển bất lợi cho cuộc phòng ngự, hay cho đến khi bên tiến công nói chung không đạt được những mục tiêu mà bên phòng ngự vẫn phải lo ngại. Nếu như có một mục tiêu như thế và phía sườn chiến lược của quân thù không bị uy hiếp đến mức nặng nề, thì không nên giữ vị trí đó hoặc chỉ chiếm lĩnh một cách giả tạo để thăm dò xem bên tiến công có quan tâm đến mục tiêu đó nhiều lắm không. Song như vậy bao giờ cũng bị một nguy cơ khác đe dọa: Không thể kịp thời đến bảo vệ một điểm bị uy hiếp, nếu như bên tiến công không quan tâm đến thật.

Khi vị trí trúc thành chỉ do một bộ phận thứ yếu đóng giữ, chắc chắn là bên công kích sẽ không thiếu mục tiêu khác, thí dụ như đạo quân chính của đối phương chẳng hạn. Trong trường hợp đó, tầm quan trọng của vị trí chỉ còn ở chỗ: Nó là phương tiện để đánh vào sườn chiến lược của đối phương. Tầm quan trọng nói trên bị gắn chặt vào điều kiện đó.

b) Khi kẻ công kích không muốn bỏ qua vị trí án ngữ đường hành quân, tất họ sẽ tổ chức bao vây và cắt đứt đường tiếp tế lương thực, buộc vị trí phải đầu hàng. Điều đó đặt ra hai điều kiện: Trước tiên là hậu tuyến của vị trí không bị bỏ trống, sau nữa là kẻ công kích có đủ lực lượng thực hiện một cuộc bao vây như vậy. Nếu có đủ hai điều kiện trên, vị trí trúc thành sẽ làm cho quân đội tiến công mất tác dụng một thời gian, nhưng để đạt thuận lợi đó, bên phòng ngự tất cũng phải hao tổn lực lượng phòng ngự của mình.

Qua những tình huống trên, ta thấy *lực lượng chính* của một quân đội sẽ chỉ tiến công cái vị trí trúc thành vững chắc như thế:

aa) Khi hậu tuyến được hoàn toàn bảo đảm (như ở Torres Vedras).**[184]**

bb) Khi người ta thấy trước rằng: Ưu thế của quân thù không rõ rệt đến nỗi có thể giam chân chúng ta trong vị trí. Nếu quân thù cứ quyết tâm làm như thế, tuy ưu thế của họ không đủ, thì chúng ta có thể chọc thủng vòng vây một cách thắng lợi và đánh bại họ từng phần một.

cc) Khi người ta có thể nghĩ tới một lực lượng thay thế như đối với quan Saxony

ở Pirna năm 1756 và như trường hợp năm 1757 sau trận Prague; thực tế thành phố này chỉ là một trận địa có công sự: Hoàng thân Charles đã không tự giam mình vào đấy nếu ông ta không biết trước là quân đội Moravia có thể đến giải vây.

Dứt khoát là việc lựa chọn một vị trí trúc thành vững chắc cho bộ phận chủ yếu của một quân đội phải có một trong ba điều kiện nói trên, và phải thấy rõ hai điều kiện sau là những điều kiện hạn chế rất bất lợi cho bên phòng ngự.

Nhưng mọi điều kiện trên sẽ không đáng kể nếu vấn đề ở đây chỉ liên quan đến một đạo quân thứ yếu: Nó có thể bị hy sinh cho toàn cục; và như thế thì chỉ cần chú ý đến một điều nữa mà thôi: Hy sinh như vậy có thể ngăn chặn được một tai họa lớn hơn không. Tuy chỉ hãn hữu thôi, nhưng trường hợp ấy vẫn không phải là không có. Trận địa trúc thành ở Pirna đã ngăn chặn Frederick Đại đế tiến công xứ Bohemia năm 1756. Hồi đó, quân Áo đã thiếu chuẩn bị đến nỗi vương quốc ấy chắc chắn sẽ rơi vào thảm họa mất nước và số tổn thất về người có thể vượt quá con số 17.000 quân liên minh đầu hàng ở Pirna.

d) Nếu chẳng có qua một khả năng nào như đã nói ở điểm a và b, nếu mọi điều kiện đều thuận lợi**[185]** cho người phòng ngự thì bên tiến công sẽ chỉ còn có cách: Đứng chết trước vị trí như một con chó nằm phục trước một bầy gà; họ có thể tung quân ra khắp xứ, vừa lòng với cái lợi thế cỏn con không có giá trị quyết định ấy và phải trì hoãn cái quyết định thực thụ là chiếm đóng toàn bộ khu vực mục tiêu. Trong trường hợp như vậy, vị trí đã hoàn toàn đạt được mục đích của mình.

3. *Những trận địa trúc thành của pháo đài*. Như chúng tôi đã nói ở trên, nếu các vị trí ấy có mục đích chống cuộc tiến công của địch để bảo vệ một lực lượng vũ trang chứ không phải một vùng nào đó (và trong mức độ đó mà thôi) thì chúng thuộc loại các vị trí có hào lũy nói chung. Thực tế, chúng chỉ khác các loại trận địa khác ở điểm chúng hợp cùng với pháo đài thành một, không thể tách rời nhau, chính vì thế mà sức mạnh được tăng thêm.

Tình huống này có những đặc điểm như sau: a) Những trận địa ấy có thể làm cho việc công thành không thể hoặc rất khó thực hiện. Nếu vị trí là một thành phố cảng không phong tỏa lại được thì hy sinh nhiều quân đội cũng đáng; trong các trường hợp khác, người ta sợ rằng nạn đói có thể bắt buộc vị trí đầu hàng quá sớm cho nên không đáng hy sinh quá nhiều quân đội.

b) Ở quan một pháo đài, những trận địa trúc thành ấy có thể được xây dựng cho tới những đơn vị nhỏ, đó là điểm khác khi ở đồng trống. Ẩn náu trong một pháo đài, bốn đến năm nghìn người có thể sẽ là vô địch, nhưng ở ngoài đồng trống, dù ở trong một trận địa mạnh nhất trần đời, họ cũng có thể bị tiêu diệt.

c) Những trận địa ấy có thể được sử dụng vào việc tập hợp và huấn luyện những lực lượng vũ trang như tân binh, dân cảnh, tráng đinh được trưng tập, chưa đủ cứng rắn để có thể tiếp xúc với quân thù nếu không có sự bảo vệ của thành lũy.

Như vậy, những trận địa này có nhiều tác dụng khác nhau nên đáng lẽ ta có thể sử dụng chúng được nhiều hơn nếu như chúng không có chỗ bất lợi lớn là gây tổn hại ít nhiều cho pháo đài, khi pháo đài không đủ quân đóng giữ. Trấn thủ một pháo đài

bằng một đạo quân đồn trú có sức bảo vệ cả pháo đài lẫn trận địa thật quả là một gánh nặng quá đắt đỏ.

Như vậy, chúng ta chỉ nên sử dụng những trận địa nói trên ở bờ biển; còn trong mọi trường hợp khác, đối với ta nó chỉ có hại hơn là có lợi.

Để tóm tắt ý kiến, chúng tôi có thể nói như sau: 1. Xứ sở càng nhỏ bé, vị trí trúc thành và trận địa có hào lũy càng cần thiết vì không còn nơi nào để tránh địch.

2. Các vị trí nói trên càng ít gặp nguy hiểm nếu có thể trông cậy vào một bộ phận lực lượng vũ trang khác đến chi viện hoặc thay thế, hoặc mùa mưa rét tới, hoặc có nhân dân nổi dậy, hoặc có tình trạng khan hiếm lương thực, v.v.

3. Các vị trí nói trên càng có hiệu quả nếu bạo lực sơ đẳng, nếu sức đột kích của kẻ địch càng yếu.

Chương 14. VỊ TRÍ BÊN SƯỜN

Chúng tôi dành một chương riêng cho quan niệm này theo kiểu một cuốn từ điển, chính là để cung cấp dẫn chứng cho một vấn đề được các nhà tư tưởng quân sự quan tâm đặc biệt; vì chúng tôi thấy rằng từ ngữ này không chỉ ra một khái niệm gì độc lập.

Vị trí bên sườn là vị trí nhất thiết phải đứng vững ngay cả khi quân thù đã vượt qua, vì sau khi bị vượt qua, vị trí ấy chỉ còn có thể hoạt động được ở phía sườn chiến lược của đối phương. *Hết thảy mọi vị trí trúc thành* đầy đủ tất nhiên đều là những vị trí bên sườn vì một khi không tiến công được, quân thù tất sẽ buộc phải vượt qua, lúc ấy những vị trí đó chỉ còn chứng minh giá trị của mình ở tác dụng đối với sườn chiến lược của quân thù mà thôi. Chính diện thực sự của vị trí trúc thành, dù song song với sườn chiến lược của quân thù như ở Kolberg, hoặc vuông góc như ở Bunzelwitz và Drissa cũng không quan trọng gì mấy, vì một vị trí được trúc thành chu đáo phải đối phó được với khắp mọi phía.

Nhưng có thể ta phải duy trì một vị trí *không phải là bất khả xâm phạm*, ngay cả khi quân thù đã vượt qua, nghĩa là vị trí ấy có những lợi thế đối với đường giao thông và đường rút lui đến nỗi giữ được vị trí ấy ta có thể tiến công có hiệu quả vào sườn chiến lược của quân thù đang tiến quân, làm cho họ phải lo lắng đến đường rút lui của mình và vì vậy không có khả năng cắt đứt đường rút lui của ta. Nếu không như thế, vị trí không được trúc thành có thể bị tiến công, chúng ta sẽ rơi vào những nguy cơ chiến đấu không có lối rút.

Năm 1806 đã cho ta một thí dụ có thể dùng để minh họa. Việc bố trí quân đội Phổ ở bờ phải sông Saal có thể sẽ trở thành một vị trí bên sườn hoàn hảo, đối với cuộc tiến quân của Bonaparte qua thị trấn Hof, với điều kiện là quân đội phải đóng quân song song với sông Saal để theo dõi diễn biến của tình thế.

Nếu người ta đã nhận ra chân giá trị của sức mạnh vật chất và tinh thần, nếu lúc ấy có người như tướng Daun đứng đầu quân đội Pháp thì vị trí của quân Phổ có lẽ đã phát huy được toàn bộ hiệu quả của mình. Không thể vượt qua nó, Bonaparte đã thừa nhận điều đó lúc quyết định công kích vị trí, nên ông ta không *hoàn toàn* thành công trong việc cắt đứt đường rút lui của quân Phổ. Nếu sự chênh lệch về sức mạnh vật chất cũng như tinh thần đều ít hơn thì việc tiến công cũng không thể thực hiện được như việc vượt qua, vì phía sườn trái của quân Phổ không bị uy hiếp nhiều như phía sườn trái của quân Pháp. Dù có sự chênh lệch về lực lượng vật chất và tinh thần như vậy, quân Phổ vẫn có thể có nhiều hy vọng thắng trận nếu có một người chỉ huy kiên quyết và sáng suốt. Không có gì cản trở được công tước Brunswick tiến hành mọi việc chuẩn bị cần thiết vào ngày 13 để ngay mờ sáng ngày 14 đem được 80.000 quân chọi với 60.000 quân của Bonaparte đang qua sông Saal ở Jéna và Dornburg. Tuy ưu thế số lượng quân và những sườn dốc đứng của thung lũng sông Saal ở sau lưng quân Pháp không đủ để bảo đảm một thắng lợi quyết định, ta cũng phải thấy kết quả đáng

lẽ rất khả quan. Nếu với kết quả ấy mà ta vẫn không đạt được quyết định thuận lợi thì tốt hơn hết là nên bỏ khu vực đó, lùi xa hơn nữa và thu thập lực lượng để làm cho quân thù suy yếu đi hơn nữa.

Vị trí của quân Phổ trên sông Saal, tuy có khả năng bị tiến công, cũng vẫn có thể được xem như một vị trí bên sườn trên con đường đi Hof; đối với vị trí này cũng như đối với các vị trí có thể bị tiến công khác, không nên tuyệt đối hóa đặc tính ấy vì chúng chỉ có đặc tính ấy nếu quân thù không dám tiến công.

Sẽ rất sai lầm khi ta mệnh danh những vị trí không chịu đựng được những cuộc vượt qua và từ đấy người phòng ngự định đánh lại kẻ tiến công bên sườn, là những *vị trí bên sườn*. Chỉ nên gọi như vậy khi cuộc tiến công này nhằm vào một bên sườn. Vì cuộc tiến công vào sườn này chẳng có liên quan gì với đích thân vị trí cả, cũng chẳng phải là do những đặc điểm của nó mà nảy ra cuộc tiến công ấy, điều này trái với những hoạt động đánh vào bên sườn chiến lược.

Dù sao, điều đó cũng chứng minh rằng không có điều gì mới cần nhận định về vấn đề đặc tính của một vị trí bên sườn. Tuy nhiên, có một vài lời nhận xét về tính chất của nó thì cũng vẫn hợp thời thôi.

Nhưng chúng tôi gạt ra một bên những vị trí trúc thành thực sự mà chúng tôi đã nói đến ở trên.

Một vị trí không thể bị tiến công nổi tất nhiên là một công cụ có hiệu quả vô cùng, nhưng cũng do đó lại nguy hiểm không kém. Làm cho bên tiến công thất bại là ta đã đạt được một kết quả quan trọng mà chỉ tiêu phí lực lượng rất ít; đó là một áp lực nhẹ nhàng của một ngón tay bé nhỏ vào một đầu đòn bẩy dài của một dụng cụ sắc bén. Nhưng nếu ảnh hưởng ấy lại quá yếu, nếu bên tiến công không bị chặn lại thì đường rút lui của bên phòng ngự cũng ít nhiều bị uy hiếp. Họ sẽ phải tìm đường tháo chạy theo những con đường quanh co, nghĩa là trong những điều kiện tồi tệ; nếu không họ sẽ bị rơi vào nguy cơ phải tác chiến mà không còn hy vọng rút lui. Như vậy, biện pháp này rất phiêu lưu và hoàn toàn thất thế nếu ta gặp một đối thủ dũng cảm, có ưu thế về tinh thần, thực sự muốn có quyết định. Điều đó được chứng minh trong thí dụ năm 1806 đã nói ở trên. Còn đối với một đối thủ thận trọng tiến hành một cuộc chiến tranh thăm dò thì đấy lại là một trong những phương pháp tốt nhất, nhờ đó mà người phòng ngự phát huy được tài năng của mình. Công ước Ferdinand, tiến hành bảo vệ sông Weser, dựa vào một vị trí xây dựng ở bờ trái và vào những vị trí tốt ở Schmottseiffen và ở Landshut đã cung cấp cho ta một minh chứng; còn tai họa xảy đến với binh đoàn của Fouque**[186]** năm 1760 thì thể hiện quá rõ ràng loại vị trí thứ hai ấy có thể nguy hiểm như thế nào khi dùng không đúng.

Chương 15. PHÒNG NGỰ Ở VÙNG NÚI

Các dãy núi có một ảnh hưởng to lớn tới chỉ đạo chiến tranh, do đấy chúng có tầm quan trọng lớn trong lý luận; vì ảnh hưởng này là một yếu tố trì hoãn đối với hành động, nên nó chủ yếu thuộc về phòng ngự. Như vậy, khi phân tích ảnh hưởng này, chúng ta sẽ không tự giới hạn trong khái niệm phòng ngự ở vùng núi theo nghĩa hẹp. Trong quá trình nghiên cứu một số điểm, chúng tôi đã đi đến những kết luận trái với những ý kiến thông thường nên phải chia đề tài này ra thành nhiều bộ phận khác nhau để phân tích.

Để tìm ra được mối liên quan với chiến lược, trước hết chúng ta hãy nghiên cứu khía cạnh chiến thuật của vấn đề.

Những khó khăn triền miên lúc hành quân trên núi đối với những đạo quân lớn, sức mạnh kỳ lạ của một đồn nhỏ bé có sườn núi dốc đứng bảo vệ trước mặt và dựa vào những vực thẳm ở hai bên: Rõ ràng đó là hai nguyên nhân chủ yếu làm cho công cuộc phòng ngự ở vùng núi nổi tiếng là có hiệu quả và có sức mạnh; chỉ có những loại vũ khí và chiến thuật đặc biệt ở một số thời kỳ đôi lúc mới làm cho phần lớn các lực lượng vũ trang không chú ý tới vấn đề đó nữa.

Khi một đạo quân len lỏi khó khăn trong những đường đèo chật hẹp để vượt núi chậm như rùa bò, khi pháo binh và lính vận tải càu nhàu chửi rủa, quất roi vào những con ngựa đã rã rời bên những khe sâu khô cạn, khi phải dùng hết hơi sức để đẩy những chiếc xe gãy gục sang bên đường trong lúc tất cả dồn ứ lại phía sau thì, nếu không cau có, văng tục và nhạo báng, tất mọi người sẽ phải tự nhủ: "Chỉ cần vài trăm tên địch xuất hiện là tất cả sẽ tan như xác pháo". Cho nên, có những nhà viết sử, lúc đề cập đến một số con đường đèo nào đó, đã có thể nói rằng: Ở đấy, một nhúm người có thể chặn cả một đạo quân. Tuy nhiên, bất cứ ai có một ít kinh nghiệm chiến tranh đều biết hoặc đáng lẽ phải biết rằng một cuộc hành quân qua núi như thế không có hoặc hầu như không có liên quan gì tới việc *tiến công trên núi;* và thật sai lầm như đem gán cái khó khăn ấy cho một cuộc tiến công trên núi.

Một người mới vào nghề kết luận như thế thì còn có thể tha thứ được. Và ở một thời kỳ nào đó, lý thuyết có phạm sai lầm nói trên thì cũng dễ hiểu thôi. Song, hiện tượng này lại hầu như vẫn còn mới mẻ đối với cả những người thông thạo lẫn những người tập sự.**[187]** Trước khi xảy ra cuộc Chiến tranh Ba mươi năm, ở thời kỳ còn tổ chức đội hình chiến đấu dày đặc, có nhiều kỵ binh, súng đạn còn thô sơ, v.v. Việc sử dụng những chướng ngại về địa hình là hoàn toàn ngoại lệ và ở vùng núi hầu như không thể có được phòng ngự thực sự, ít nhất là đối với quân đội chính quy; chỉ mãi tới khi người ta sử dụng đội hình chiến đấu rộng hơn, khi bộ binh và hỏa khí của họ đã là yếu tố chủ yếu của quân đội thì núi non và thung lũng mới được chú ý đến. Nhưng cũng phải tới một trăm năm sau, vào giữa thế kỷ thứ XVIII, thì yếu tố này mới có được một tầm quan trọng chủ yếu.

Trường hợp thứ hai, tức là khả năng kháng cự mạnh mẽ của một đồn nhỏ bé đặt ở

một vị trí hiểm trở, lại càng làm cho người ta đánh giá quá cao sức mạnh của những điểm phòng ngự ở vùng núi.

Người ta cho rằng chỉ cần tăng số vị trí như thế lên nhiều lần là có thể biến một tiểu đoàn thành một quân đoàn, một hòn núi thành một dãy núi.

Ai cũng thấy rõ là ở vùng núi nếu được lựa chọn cẩn thận thì một đồn nhỏ cũng có thể có được một sức mạnh ghê gớm. Ở đồng bằng, một phân đội nhỏ có thể bị một vài tiểu đội kỵ binh đánh đuổi, và nếu nó rút được nhanh để khỏi bị tan tác và bị cầm tù thì cũng đã là hạnh phúc lắm rồi. Nhưng ở vùng núi, nó lại có thể đương đầu một cách ngạo mạn có tính chất chiến thuật (nếu người ta có thể nói như thế) với cả một quân đội, và vinh dự thay, nó có thể bắt quân đội này phải tiến công vu hồi theo đúng kiểu cách quân sự, v.v. Chiến thuật dạy cho nó phương pháp tạo nên sức mạnh đề kháng ấy bằng những chướng ngại tiếp cận, bằng những điểm tựa ở bên sườn và bằng việc chiếm lĩnh những vị trí mới trên đường rút; chúng ta hãy công nhận những sự kiện ấy như là chân lý thực nghiệm.

Đương nhiên, phải thấy là một số lớn những đồn như vậy được xây dựng sát bên nhau, tạo thành một mặt trận có sức mạnh to lớn, hầu như không thể công phá được. Vấn đề là phải đề phòng một cuộc bao vây bằng cách trải rộng ra bên phải và bên trái cho tới lúc người ta thấy những điểm tựa đã thích đáng đối với tầm quan trọng của toàn bộ, hoặc đã đủ rộng để chặn cuộc bao vây bọc sườn. Địa hình hiểm trở của vùng núi đặc biệt thích hợp với cách làm nói trên; có biết bao nhiêu vị trí, địa điểm thuận lợi, chỉ sợ rằng không biết đường mà chọn cho đúng. Rốt cuộc, người ta chiếm lĩnh và phòng ngự ở khắp mọi ngả đường, và tưởng rằng chiếm lĩnh một diện tích độ mười dặm, hay hơn nữa bố trí được mươi hay mười lăm đồn cách biệt như thế là có thể vĩnh viễn đẩy lùi được cái bóng ma đáng sợ của những cuộc bao vây bọc sườn. Vì địa hình hiểm trở khó tiếp cận (các binh đoàn xưa nay vẫn chỉ tiến quân được trên những con đường có sẵn) cho nên những đồn lẻ cách biệt ấy đã được nối liền với nhau hoàn hảo khiến người ta tưởng như đã dựng được một bức tường đồng trước quân thù. Để đề phòng kỹ càng hơn nữa, người ta để một vài tiểu đoàn một vài đại đội pháo binh và một vài tá tiểu đội kỵ binh làm dự trữ, để nếu vạn nhất quân địch có thâm nhập vào một nơi nào đó thì vẫn đối phó được.

Chẳng ai phủ nhận được chân lý lịch sử của bức họa ấy và cũng chẳng ai dám khẳng định là chúng ta đã vượt quá những điều ngớ ngẩn đó.

Từ thời Trung cổ cho đến nay, quân đội đã ngày càng đông hơn, chiến thuật cũng đã tiến triển đến nỗi địa hình núi non hiểm trở đã được hòa làm một với hành động quân sự.

Đặc điểm của phòng ngự miền núi là: Hoàn toàn thụ động; ở thời mà quân đội còn chưa cơ động được như hiện nay thì ỷ lại vào phòng ngự ở vùng núi là khá tự nhiên thôi. Nhưng quân đội không ngừng lớn lên và hiệu lực của hỏa khí đã buộc họ phải phát triển thành tuyến ngày càng dài và mỏng, do đó tính chặt chẽ chỉ còn rất hình thức và các cuộc vận động cũng trở thành rất khó khăn, nếu không phải là không thể vận động được. Người ta thường phải mất nửa ngày để triển khai đội hình chiến

đấu cho một bộ máy phức tạp như vậy: Phân nửa trận đánh và hầu như toàn bộ cái mà ngày nay gọi là kế hoạch tác chiến cũng đã bị ngốn vào đấy. Một khi công việc ấy đã làm xong thì khó có thể thay đổi được một tí gì, dù tình hình có biến đổi, và rồi bên tiến công, vì triển khai tuyến tác chiến sau cùng nên có thể lựa theo tình thế của bên phòng ngự để bố trí, còn bên phòng ngự thì lại không thể đánh trả bằng cách sửa đổi lại vị trí của mình. Chính vì vậy nên cuộc tiến công đạt được ưu thế tổng quát và bên phòng ngự chỉ có thể đối phó lại bằng cách dùng chướng ngại địa hình để che chở,**[188]** và vì mặt này mà nói, không chướng ngại nào có hiệu quả tổng quát như các dãy núi. Chính vì vậy nên người ta đã tìm cách làm cho quân đội kết đôi với một chướng ngại vật hoàn hảo và thế là cả hai đều cùng góp phần chung vào một sự nghiệp. Tiểu đoàn phòng giữ ngọn núi, ngọn núi bảo vệ tiểu đoàn. Dựa vào núi, cuộc phòng ngự thụ động đạt được một sức mạnh to lớn, chỉ có nhược điểm duy nhất là: Tự do vận động bị hạn chế nghiêm trọng. Nhưng dù sao thì cũng chẳng có ai sử dụng phương pháp đó một cách hoàn hảo cả.

Khi hai hệ thống đối địch tác động lẫn nhau, bộ phận nào bị bộc lộ nhất, nghĩa là bộ phận yếu nhất, bao giờ cũng là bộ phận hứng đòn của bên kia. Khi bên phòng ngự kiên quyết nằm lỳ trong những vị trí cố định và kiên cố, kẻ công kích chẳng còn gì phải e ngại cho phía sườn của mình tất sẽ đẩy mạnh những cuộc vận động bao vây. Trong thực tế, công việc đã xảy ra như thế. Lúc đó, như người ta nói, cái trò *vu hồi**[189]*** sẽ nằm trong nhật lệnh của bên tiến công. Để chặn đứng hành động ấy, các vị trí được kéo dài thêm, tất nhiên sẽ làm cho mặt trận yếu thêm và vì vậy các cuộc tiến công sẽ hướng về phía đó: Lẽ ra tiến hành bọc sườn đối phương, thì bên tiến công lại tập trung lực lượng của họ vào một điểm độc nhất và chọc thủng tuyến phòng ngự. Về đại cương, lịch sử quân sự trong thời kỳ gần đây đã chứng minh rằng việc phòng ngự ở rừng núi đã diễn biến ra như thế.

Một lần nữa, vì có tính cơ động ngày cùng lớn hơn nên tiến công lại đạt được ưu thế hoàn toàn; như vậy chỉ có tính cơ động ấy mới có thể cứu nguy cho bên phòng ngự. Nhưng bản chất của vùng núi là trái với tính cơ động cho nên phòng ngự ở vùng núi nói chung đều thất bại. Người ta có thể so sánh sự thất bại đó với những thất bại thường hay xảy ra đối với các đạo quân phải phòng ngự ở vùng núi trong các cuộc chiến tranh của Cách mạng (có thể đây là Cách mạng Pháp – N D).

Nhưng chúng ta đừng lý luận theo kiểu đổ chậu nước đồng thời hắt luôn cả đứa trẻ ở trong chậu. Để một mớ câu sáo rỗng không thể lôi kéo chúng ta vào những điều khẳng định đã bị sức mạnh của đời sống thực tế phủ nhận hàng ngàn lần, thì cần phải tùy theo tính chất của từng trường hợp để phân biệt tác dụng của phòng ngự ở vùng núi.

Câu hỏi chính được đặt ra, và sẽ soi sáng toàn bộ vấn đề sau: Liệu sự kháng cự trong cuộc phòng ngự nói trên sẽ là tuyệt đối hay tương đối; cuộc phòng ngự ấy chỉ cốt kéo dài một khoảng thời gian, hay phải kết thúc bằng một trận đánh quyết định, ở trường hợp thứ nhất, vùng núi non hiểm trở là tuyệt vời, cuộc đề kháng có thêm một nguyên tố sức mạnh rất mãnh liệt; trong trường hợp thứ hai, địa hình ấy thường

không có ích lợi gì và chỉ có tác dụng trong những tình huống nào đó.

Ở vùng núi, mọi cuộc vận động đều chậm hơn và khó khăn hơn; thời gian cũng cần phải nhiều hơn và nếu lại vận động trong khung cảnh có nhiều hiểm nghèo đe dọa, số người cũng cần nhiều hơn.

Nhưng chính sự tiêu phí thời gian và sức người đối với bên tiến công đã xác định mức độ kháng cự của đối phương. Hễ bên tiến công, và chỉ có bên tiến công mà thôi, tiến hành vận động thì bên phòng ngự có một thuận lợi rõ rệt; nhưng hễ bên phòng ngự cũng vận dụng nguyên tắc vận động thì thuận lợi đó biến mất. Tuy vậy, đứng về quan điểm chiến thuật mà xét, cuộc kháng cự tương đối tất nhiên có thể thừa nhận một sự thụ động lớn hơn nhiều so với một cuộc kháng cự nhằm đạt tới quyết định; trong trường hợp thứ nhất, sự thụ động có thể lên tới cực độ, kéo dài suốt quá trình giao chiến, trong trường hợp thứ hai thì không thể như thế được. Như vậy, địa hình miền núi, yếu tố gây thêm nhiều khó khăn, lại là một phương tiện cô đọng hơn để làm cho mọi hành động tích cực yếu đi và vì thế nó cũng hoàn toàn phù hợp với công cuộc phòng ngự thụ động.

Chúng tôi đã nói: Ở vùng núi, dựa vào tính chất của địa hình, một đồn nhỏ cũng có thể đạt được một sức mạnh khác thường. Tác dụng chiến thuật đó không cần phải chứng minh nữa nhưng đòi hỏi phải giải thích thêm. Vì ở đây, phải phân biệt rõ cái bé nhỏ tương đối và cái bé nhỏ tuyệt đối. Nếu một đạo quân có số lượng nào đó để cho một bộ phận của mình cô lập ở một vị trí nhất định, vị trí này có thể bị toàn bộ quân địch tiến công, nghĩa là đối với lực lượng đó thì cái đồn cô lập nói trên bé nhỏ hơn nhiều. Thông thường, trong trường hợp như thế, người ta không tìm cách kháng cự một cách tuyệt đối, người ta chỉ kháng cự một cách tương đối mà thôi. Đồn càng nhỏ so với toàn bộ đạo quân của mình và so với đạo quân địch thì điều nói trên lại càng đúng.

Nhưng một cái đồn bé nhỏ một cách tương đối, nghĩa là không phải đương đầu với một kẻ thù mạnh hơn và lại phải có thể trù tính tới một cuộc kháng cự tuyệt đối, một chiến thắng thực sự thì hoạt động ở miền núi dễ dàng hơn và lại có thể tận dụng địa hình nhiều hơn là một đạo quân lớn: Sau này chúng tôi sẽ chứng minh cho vấn đề đó.

Như vậy, chúng ta hãy kết luận là ở vùng núi một cái đồn nhỏ có một sức mạnh lớn. Trong mọi cuộc kháng cự có tính chất tương đối, tác dụng quyết định của loại đồn ấy là hiển nhiên rồi và chẳng cần phải giải thích nữa. Nhưng trong trường hợp một quân đội tiến hành kháng cự tuyệt đối thì tác dụng ấy có còn giá trị quyết định như thế hay không. Đó là vấn đề chúng ta còn phải nghiên cứu.

Trước hết chúng ta thử hỏi: Một tuyến chính diện gồm nhiều đồn như thế liệu có được một sức mạnh tương xứng với mỗi đồn riêng biệt như xưa nay người ta vẫn thường nghĩ không? Chắc chắn là không, vì theo kết luận đó thì có thể có hai sai lầm và thế nào ta cũng phạm vào một trong hai sai lầm ấy.

Trước hết, người ta thường lầm lẫn địa hình *không có đường giao thông* với địa hình *hiểm trở* (terrain impraticable et terrain inaccessible). Ở nơi mà một binh đoàn

có cả pháo binh và kỵ binh không thể đi được thì bộ binh vẫn có thể tiến lên, và cũng vẫn có thể đưa pháo binh đến vì những cuộc vận động giao chiến ấy tuy hao hơi tốn sức nhưng lại rất ngắn nên không thể so sánh với nỗi vất vả kiệt sức của một cuộc hành quân. Tổ chức liên lạc được gọi là chặt chẽ giữa các đồn khác thật ra chỉ là ảo tưởng đơn thuần khiến cho mạn sườn các đồn nói trên sẽ bị uy hiếp.

Hoặc giả người ta nghĩ rằng một tuyến những đồn nhỏ, rất mạnh ở chính diện thì ở phía sườn tất cũng như thế, vì một khe sâu, một vực thẳm, v.v. Đều là một điểm tựa tuyệt vời cho một đồn nhỏ.

Nhưng tại sao nó lại tuyệt vời mới được chứ? Không phải vì nó làm cho đồn không bị vu hồi, mà chính vì nhờ nó nên cuộc tác chiến vu hồi đòi hỏi phải sử dụng thời gian và sức mạnh tương xứng với tình thế thực sự của đồn. Nếu quân thù muốn và phải vu hồi qua sườn cái đồn đó bất kể khó khăn về địa hình, vì phía chính diện không thể tiến công được, thì có thể họ sẽ mất tới nửa ngày, tuy vẫn không tránh được mất mát về sinh mạng. Nhưng nếu cái đồn ấy lại có thể dựa vào viện binh hoặc nếu nó chỉ có nhiệm vụ chống cự trong một thời gian nhất định, hoặc nếu nó hoàn toàn đủ sức đương đầu với quân thù, và ở phía sườn có được sức yểm trợ cần thiết thì có thể nói là cái đồn ấy vững chắc, không chỉ ở trước mặt mà cả ở mạn sườn. Nhưng đó không phải là những điều giống như khi ta nói về các đồn của một vị trí rộng lớn ở vùng núi. Trong trường hợp cuối cùng này, cả ba điều kiện đều thiếu. Quân thù tiến công ở một điểm với một sức mạnh áp đảo, sự chi viện của hậu tuyến ít ỏi, thế mà lại phải tiến hành một cuộc kháng cự tuyệt đối. Trong những trường hợp như vậy, sự chi viện của các mạn sườn là không đáng kể.

Bên tiến công sẽ đánh vào chỗ yếu ấy. Việc sử dụng một lực lượng tập trung, nghĩa là có ưu thế hơn nhiều để tiến công vào một điểm của chính diện, *sẽ tạo ra một sức kháng cự kịch liệt đối với điểm cụ thể đó, nhưng sức kháng cự này lại không có nghĩa lý gì nhiều lắm đối với toàn bộ.* Một khi cuộc chống cự này bị đè bẹp thì trận tuyến bị chọc thủng và mục tiêu của cuộc tiến công như thế là đã đạt.

Ta có thể kết luận là ở vùng núi, việc chống cự *tương đối* thường có hiệu quả hơn ở đồng bằng, sức đề kháng của những đồn nhỏ thường tương đối mạnh hơn, nhưng sức đề kháng ấy sẽ không tăng lên cùng với số lượng.

Bây giờ chúng ta nghiên cứu tới mục đích thực sự của những cuộc giao chiến lớn và tổng quát, tới những cuộc *đánh thắng tích cực* đồng thời cũng là mục đích của phòng ngự ở vùng núi. Ngay khi mà toàn bộ hoặc bộ phận chủ lực đã xung trận. *Việc phòng ngự ở miền núi sẽ tự nó* chuyển biến thành một *trận phòng ngự được tiến hành ở miền núi.* Việc sử dụng tất cả các lực lượng vũ trang của mình để tiêu diệt lực lượng vũ trang của quân thù, tức là tổ chức trận đánh, trở thành hình thức, còn mục đích của giao chiến tức là đánh thắng. Phòng ngự ở vùng núi cũng góp phần vào việc đó, nhưng chỉ là thứ yếu; nó không phải là mục đích mà trở thành một biện pháp. Lúc ấy địa hình miền núi có phù hợp với nhu cầu đó không? Chiến tranh phòng ngự có đặc điểm là ở mặt trận thì phản ứng thụ động còn ở hậu phương thì hoạt động lại khẩn trương; đối với cả hai nơi, địa hình miền núi là một yếu tố tai hại. Có hai

nguyên nhân: Trước tiên, thiếu đường sá tức là thiếu phương tiện để triển khai nhanh chóng ra mọi hướng, để vận động từ hậu phương ra phía trước. Ngay cả việc tiến công bất ngờ trong chiến thuật cũng bị địa hình lồi lõm làm cho nhẹ bớt. Sau nữa, không thể có một cái nhìn bao quát toàn bộ trận địa và mọi cuộc vận động của quân thù. Ở đây cũng vậy, địa hình miền núi tạo cho kẻ thù những thuận lợi mà nó đã đem lại cho ta ở mặt trận, và nó làm cho phần lớn sức kháng cự bị tê liệt. Thêm vào hai nguyên nhân trên, còn có nguyên nhân thứ hai: Nguy cơ bị cắt đứt liên lạc. Núi non ủng hộ việc rút lui khi bị sức ép trên toàn bộ mặt trận và quân thù buộc phải đánh vu hồi chúng ta, sẽ phải tốn nhiều thời gian, nhưng những thuận lợi này chỉ đáng kể khi tiến hành phòng ngự tương đối, còn trong trường hợp có trận đánh quyết định, tức là phải kiên trì tới cực độ, thì thuận lợi đó mất hết. Tất nhiên, quân thù sẽ tốn thời gian hơn để đẩy được những cánh quân ở sườn tới những điểm uy hiếp, hoặc cắt được đường rút của ta. Nhưng một khi họ đã đến được những điểm ấy thì chẳng còn nói gì tới việc ứng cứu được nữa. Chẳng còn một hành động phản công nào từ hậu tuyến lại có thể đuổi được họ ra khỏi những điểm uy hiếp, chẳng còn một cuộc xung phong tuyệt vọng nào của các lực lượng tập trung của ta lại có thể hy vọng tiêu diệt được họ một khi họ đã chiếm được những điểm khả dĩ cắt đứt đường rút lui của ta. Có người cho rằng nói như thế là mâu thuẫn và cho rằng những thuận lợi của bên công kích cũng có thể có ích cho bên phòng ngự đang len lỏi tìm đường thoát; những người đó quên rằng tình hình có khác nhau. Đạo quân chặn giữ đường qua eo núi không ở trong một cuộc phòng ngự *tuyệt đối*: Đối với họ, có khi chỉ cần kháng cự vài giờ là đủ. Như vậy, họ ở trong tình thế của một vị trí nhỏ. Thêm nữa, người phòng ngự không có đủ hết thảy mọi phương tiện chiến đấu; họ bị rối loạn về tổ chức, thiếu đạn dược vũ khí, v.v… Dù thế nào đi nữa, hy vọng thắng lợi cũng thật rất mỏng manh và đấy là điều mà người phòng ngự e ngại hơn cả.

Mối lo ngại ấy tác động đến toàn bộ trận đánh và làm cho mọi đường gân thớ thịt của người khổng lồ bị yếu đi. Một tâm trạng thần kinh căng thẳng, bệnh hoạn ngự trị trong những đơn vị ở mạn sườn và hễ bên xâm lược còn bố trí được một ít người ở khu rừng dốc nào đó thì họ còn có thêm một bảo đảm cho chiến thắng.

Nếu cuộc phòng ngự ở vùng núi lại được tiến hành trên một cao nguyên rộng để bố trí quân đội thì phần lớn những điểm bất lợi sẽ không còn, ngược lại toàn bộ những thuận lợi thì vẫn tồn tại như vậy.

Ta có thể mường tượng ra một trận tuyến vững chắc, các sườn rất khó tiếp cận, và tuy vậy, vẫn hoàn toàn tự do tiến hành được mọi cuộc vận động ở trong và ở phía sau của vị trí. Vị trí ấy sẽ là một trong những vị trí mạnh nhất. Nhưng đó chỉ là một ảo tưởng, vì phần lớn các ngọn núi, phía đỉnh bao giờ cũng dễ đi hơn là ở các phía sườn, còn cao nguyên thường lại quá hẹp khi muốn sử dụng như vậy; hoặc chỉ được mệnh danh như vậy với ý nghĩa địa chất hơn là ý nghĩa hình học**[190]** .` Như chúng tôi đã nói, đối với những toán quân nhỏ, nhưng bất lợi của một vị trí phòng ngự ở vùng núi sẽ giảm. Họ không cần một khu vực rộng, không cần nhiều đường rút, v.v… Một quả núi đơn độc không phải là một dãy núi và cũng sẽ chẳng có những điều bất tiện như

một dãy núi. Đơn vị quân đội càng nhỏ, họ lại càng chỉ cần đến vài mỏm núi biệt lập, không cần phải dấn vào các đèo sâu, các khu rừng rậm, nguồn gốc của những điều bất lợi nói trên.

Chương 16. PHÒNG NGỰ Ở VÙNG NÚI

Bây giờ chúng ta đề cập tới tác dụng chiến lược của những kết quả chiến thuật phân tích ở chương trên.

Cần phải phân biệt những điểm sau đây:

1. Vùng núi với tư cách là chiến trường,
2. Ảnh hưởng mà việc chiếm được vùng núi ấy tác động tới các khu vực khác.
3. Chức năng chướng ngại chiến lược của núi non.
4. Những điểm phải quan tâm về mặt tiếp tế.

Điểm thứ nhất và cũng là điểm quan trọng nhất, sẽ lại tự phân chia thành: a) một trận đánh chính.

b) những cuộc giao chiến thứ yếu.

1. Vùng núi với tư cách là chiến trường

Trong chương trước, chúng tôi đã chứng minh là trong trận đánh quyết định, vùng núi không lợi cho bên phòng ngự, và thuận lợi cho bên tiến công như thế nào rồi. Đó chính là điều trái ngược với dư luận thông thường, nhưng phải thấy là cái dư luận ấy đã gieo rắc một sự hỗn loạn trong nhiều lĩnh vực, vì người ta chẳng buồn bận tâm phân biệt những sự khác nhau giữa các sự kiện chẳng có quan hệ gì với nhau. Sự kháng cự kỳ diệu của những phân đội nhỏ thứ yếu làm cho họ tưởng như việc phòng ngự ở vùng núi có hiệu lực tuyệt đối và họ ngạc nhiên khi thấy người ta bác bỏ ý kiến cho rằng: Trong trận đánh phòng ngự, tức là trong hành vi chính của mọi cuộc phòng ngự, hiệu lực nói trên vẫn tồn tại. Mặt khác, hễ trong trận đánh phòng ngự, bên phòng ngự mà thất bại thì lập tức cái dư luận phổ biến ấy cho rằng: Có sai lầm không thể giải thích được trong chiến tranh dây chuỗi; họ không thấy là bản chất của sự vật đóng một vai trò không thể chối cãi nổi trong vấn đề này. Chúng tôi không ngần ngại gì để tuyên bố rằng chúng tôi hoàn toàn không đồng ý với những ý kiến đó, và chúng tôi tự hào là đã thấy quan điểm của mình được xác minh bởi một tác giả mà chúng tôi có nhiều lý do để đánh giá cao. Đó là Đại công tước Charles**[191]** một nhà viết sử tốt, một nhà phê bình giỏi và trước tiên, một vị tướng tài.**[192]** Tác phẩm nổi tiếng của ông nói về những chiến dịch năm 1796 và 1797.

Chúng tôi cũng chỉ có thể thông cảm đối với tình thế khốn đốn của người phòng ngự, yếu hơn đối phương, đã cần cù, vất vả thu thập lực lượng để tỏ rõ với quân thù lòng yêu nước, nhiệt tâm và tính thận trọng của mình trong một trận đánh quyết định, lúc toàn thế giới chăm chú theo dõi và hy vọng ở mình. Người phòng ngự ấy lại đem quân đến đóng vị trí ở vùng rừng núi âm u rậm rạp,**[193]** nên khó vận động vì bị địa hình khó khăn cản trở và bị một kẻ thù mạnh hơn đe dọa bốn bề. Trong tình thế ấy, chỉ còn cách là phải hết sức sáng suốt để tận dụng địa hình. Nhưng làm như thế thì lại tiến sát tới hình thức chiến tranh dây chuỗi, một hình thức cần hết sức tránh. Chúng tôi cho rằng địa hình vùng núi không thể là nơi ẩn náu cho bên phòng ngự khi cần có trận đánh quyết định, và chúng tôi khuyên các vị tướng cần hết sức tránh các nơi đó.

Thế nhưng, đôi lúc lại không thể làm khác được. Như vậy, trận đánh sẽ diễn ra khác với trận đánh ở đồng bằng: Vị trí rộng hơn, hầu như bao giờ cũng gấp hai gấp ba, sự kháng cự thụ động hơn, những đòn giáng trả cũng yếu hơn. Đó là những ảnh hưởng không thể tránh được của địa hình vùng núi. Trong một trận đánh như thế, không nên chỉ tổ chức đơn thuần phòng ngự ở vùng núi; đặc điểm nổi bật của nó còn thể hiện ở việc bố trí dày đặc mọi lực lượng vũ trang ở vùng núi: Ở đấy, mọi lực lượng phải tập trung vào *một trận chiến đấu duy nhất*, mà mọi việc đều xảy ra dưới con mắt của *một vị chỉ huy duy nhất*, vẫn giữ tương đối đủ lực lượng dự bị để trận quyết định không đơn thuần chỉ là một cuộc đỡ đòn hoặc một cái mộc dựng ở phía trước chúng ta. Điều kiện ấy rất cần thiết, nhưng rất khó thực hiện và ta cũng chẳng nên lấy làm lạ khi thấy người ta thường chạy theo chiều hướng ngả về phòng ngự đơn thuần ở vùng núi. Mối nguy hiểm ấy thật quá lớn, đến nỗi lý thuyết bàn luận bao nhiêu cũng chẳng phải là thừa.

Những điều chúng tôi vừa đề cập chỉ nói về trận quyết định do đạo quân chính đảm nhiệm.

Đối với những cuộc giao chiến không có ý nghĩa và tầm quan trọng lớn lắm thì ngược lại, vùng núi lại có ích vô cùng, vì đấy không phải là một cuộc kháng cự tuyệt đối dẫn đến những kết quả quyết định. Chúng tôi sẽ cố gắng giải thích vấn đề trên bằng cách nêu lên những mục đích của phản ứng này.

a) Đạt được cái lợi đơn thuần về thời gian. Đó là một nhu cầu thường tái diễn hàng trăm lần; trước hết, mỗi khi tuyến phòng ngự giúp cho việc điều tra tin tức**[194]** của ta; sau nữa, trong những trường hợp ta chờ viện binh.

b) Để đánh trả một cuộc phô trương lực lượng hoặc một hoạt động thứ yếu của quân thù. Khi một vùng nào đó được các ngọn núi che chở và các ngọn núi này lại được quân đội bảo vệ thì việc bảo vệ ấy dù có yếu đi chăng nữa cũng đủ để ngăn chặn được những cuộc xâm nhập của quân thù hoặc những hoạt động cướp bóc khác. Nếu không có núi thì chuỗi đồn yếu ớt ấy chẳng có nghĩa lý gì.

c) Là một cuộc phô trương lực lượng của chúng ta. Sẽ còn mất rất nhiều thời gian nữa mới hoàn chỉnh được các ý kiến về các vấn đề vùng núi. Việc ấy bao giờ cũng có người hoặc là chống đối hoặc là sợ hãi khiến cho mọi hoạt động đều bị tê liệt. Ở trường hợp này, đạo quân chính cũng có thể được sử dụng vào việc bảo vệ một dãy núi. Trong những cuộc chiến tranh tiến hành không mãnh liệt, ít khi có vận động, điều nói trên thường xảy ra; tuy vậy vẫn phải có điều kiện là không chấp nhận trận đánh chính ở vị trí vùng núi ấy, và cũng không bị bắt buộc phải chấp nhận.

d) Nói chung, vùng núi phù hợp với tất cả các vị trí nếu người ta không chấp nhận trận đánh chủ yếu ở đó vì mỗi bộ phận của quân đội đều mạnh hơn ở các vị trí vùng núi và chỉ có lồng vào toàn bộ là bị yếu đi. Hơn nữa, ở đấy người ta ít có nguy cơ bị đột kích bất ngờ, do đó ít bị thúc ép vào một cuộc giao chiến quyết định, e) Sau cùng, vùng núi là môi trường thực sự của nhân dân nổi dậy. Song, dân chúng đã cầm vũ khí bao giờ cũng cần sự giúp đỡ của những đơn vị nhỏ của quân đội chính quy; trái lại một đội quân lớn ở gần, có thể không lợi cho những cuộc nổi dậy ấy; vì vậy

trong trường hợp tương tự, không có lý do gì để toàn bộ quân đội để chiếm lĩnh lâu dài vị trí ở vùng núi.

Đến đây, chúng tôi chấm dứt việc phân tích của chúng tôi về những vị trí chiến đấu ở vùng núi.

2. Ảnh hưởng của vùng núi đối với những bộ phận khác của lãnh thổ

Chúng ta đã thấy là ở vùng núi, ta có thể dễ dàng bảo đảm cho một khu vực rộng bằng cách tổ chức những đồn nhỏ; còn ở khu vực dễ tiếp cận thì những đồn nhỏ ấy vừa khó đứng vững lại vừa luôn luôn bị những hiểm nghèo uy hiếp. Khi vùng núi bị quân thù chiếm đoạt, nó làm cho bước tiến của chúng bị chậm nhiều hơn là ở đồng bằng, khiến chúng không thể đi nhanh như đối phương được. Hơn là mọi khu vực cũng rộng như thế, đối với vùng núi, vấn đề quan hệ hàng đầu là nó sẽ thuộc về ai. Quyền sở hữu khu vực nào đó có thể thay đổi từng ngày; chỉ cần có cuộc tiến quân của các đội biệt phái lớn cũng buộc quân thù phải rút khỏi khu vực ta cần đến. Ở vùng núi, tình hình không phải như thế mà lực lượng dù yếu hơn cũng có thể chống cự có kết quả; vì vậy nếu muốn bảo đảm cho việc đánh chiếm một khu vực có nhiều núi thì cần phải có nhiều hy sinh về thời gian và nhiều cố gắng. Dù rằng chiến trường chính không phải ở vùng núi, chúng ta cũng không thể, như ở địa hình thường, coi núi chỉ là một yếu tố lệ thuộc vào những hoạt động ấy, cũng như không được coi việc chiếm đoạt được vùng núi là kết quả tất nhiên của cuộc tiến quân của chúng ta.

Vùng núi có vai trò độc lập rộng lớn hơn, chiếm được vùng núi là thể hiện một tình thế dứt khoát, rõ rệt hơn, ít bị lệ thuộc vào những biến động. Cần phải nói thêm rằng đỉnh núi là những đài quan sát bao quát khắp vùng, nhưng còn chính quả núi thì khi nào cũng lờ mờ như bọc màn đêm, và rõ ràng nếu ta chỉ tiếp xúc nhưng không chiếm được núi, thì bất cứ hòn núi nào cũng trở thành một nguồn vô cùng tận những bất lợi phức tạp, cũng trở thành hang ổ bí mật của một sức mạnh ma quái; điều đó lại càng hết sức đúng khi núi không những bị quân thù chiếm đóng mà lại còn nằm trong lãnh thổ của họ. Những bộ phận nhỏ bé nhất của dân binh có thể ẩn náu trong núi khi bị truy kích để rồi lại bất thần xuất hiện ở nơi khác mà không ai làm gì được; những binh đoàn bí mật tiến quân trong núi mà vẫn không bị lộ; quân đội của chúng ta phải thường xuyên chú ý tránh xa để khỏi sa vào vòng kiềm tỏa của núi non và rồi sẽ bị lôi cuốn vào một cuộc chiến đấu không cân sức, bó tay hứng chịu những đợt xung phong và những đòn bất ngờ.

Như vậy, núi có một tác động ảnh hưởng vào mọi vùng lân cận của nó. Tác động này có thể có ảnh hưởng tức thì, thí dụ như trong một trận đánh (như trận Maltsch trên sông Rhine năm 1796), hoặc chỉ một thời gian sau mới tác động đơn thuần vào tuyến đường giao thông; điều đó lệ thuộc vào địa lý.

Tác động ấy có thể bị diệt trừ hay bị thu hút vào cơn lốc của các biến cố ở trong thung lũng hay ở ngoài đồng bằng là còn tùy thuộc vào tương quan lực lượng của quân đội hai bên.

Năm 1805 và 1809, Bonaparte đã tiến quân vào Viên không hề chú ý đến vùng Tyrol. Nhưng năm 1796, Moreau phải bỏ vùng Swabia vì ông ta không làm chủ được

các vùng cao và đã phải tốn nhiều lực lượng để phòng giữ các vùng ấy. Trong những chiến dịch mà sức lực hai bên ngang nhau, nếu quân thù chiếm được vùng núi, người ta cũng ít bị sa vào những rủi ro thường có. Người ta sẽ chỉ cố gắng chiếm đoạt những bộ phận phù hợp với cuộc tiến công của mình ở những đường nét lớn. Vì vậy cho nên, trong những trường hợp như thế, ở vùng núi sẽ chỉ diễn ra những trận chiến đấu thứ yếu giữa quân đội hai bên. Tuy vậy, ta vẫn nên đề phòng, không nên đánh giá quá cao sự kiện đó để đến nỗi coi một dãy núi như là cái chìa khóa cho mọi tình huống và đặt việc đánh chiếm nó lên hàng đầu. Khi có quan hệ tới một chiến thắng thì đúng là núi có vị trí hàng đầu, nhưng khi đã đạt rồi, người ta có thể giải quyết những cái gì còn lại tùy theo tình huống lúc đó.

3. Núi được coi như vật chướng ngại chiến lược

Ở đây, cần phải phân biệt hai yếu tố. Yếu tố thứ nhất vẫn là trận quyết định. Vì người ta có thể coi núi như một vạt chướng ngại chỉ có một số cửa mở buộc quân thù phải chia sẻ lực lượng của mình trong lúc tiến quân để chỉ đi vào một số đường nhất định, tạo thời cơ cho lực lượng của ta tập trung sau núi tiến công một số bộ phận lẻ loi của lực lượng thù địch, và như thế là tạo điều kiện để ta đạt được một cuộc giao chiến thắng lợi. Tuy vậy, không nói đến những vấn đề khác, bên công kích không thể chỉ đi theo một con đường duy nhất để hứng chịu một trận đánh quyết định và chỉ để cho địch có một con đường rút lui, cho nên hệ thống phòng ngự này rõ ràng phải dựa vào những điều kiện đã được xác định. Nhưng vì những khái niệm về núi và những cửa mở đều rất mơ hồ, cho nên mọi việc đều lệ thuộc vào tính chất của địa hình: Như vậy, phương pháp ấy chỉ là một khả năng có mang theo hai mối nguy hiểm: Thứ nhất, quân thù sau khi bị thất bại liền nhanh chóng lẩn tránh vào núi, tiếp sau là họ chiếm lĩnh các điểm cao khống chế, việc đó tuy không có tác dụng quyết định, nhưng bao giờ cũng đẩy người phòng ngự vào thế bất lợi.

Theo chỗ chúng tôi biết, chưa bao giờ có những trận đánh được tiến hành trong những điều kiện như thế, trừ phi nói đến trận đánh chống lại Alvinzi năm 1796.**[195]** Nhưng một trận như thế rất có thể có, điều này đã thấy rõ khi Bonaparte vượt qua dãy núi Alps năm 1800 trong lúc Melas**[196]** đáng lẽ có thể và phải tập trung tất cả các đạo quân của mình để đánh mạnh trước khi Bonaparte tập trung được các lực lượng phân tán của ông ta.

Chức năng thứ hai của vật chướng ngại núi và ảnh hưởng của nó tới tuyến giao thông của quân thù, khi chúng bị những dãy núi chặn ngang. Chưa nói tới các pháo đài xây dựng ở các đường đèo, chưa nói tới những gì có thể xảy ra khi có toàn dân nổi dậy, chỉ những con đường tồi tệ ở miền núi trong mùa mưa rét cũng đã có thể đẩy một quân đội đến chỗ tuyệt vọng. Những cái đó thường nhiều khi lại là những lý do của việc rút lui, sau khi đã làm cho quân đội mất hết sinh khí. Chỉ cần một cuộc đột kích của dân binh, chỉ cần xuất hiện một cuộc nổi dậy của dân chúng là quân thù cũng buộc phải tổ chức những cuộc tảo thanh lớn và đi đến việc thiết lập những đồn cố định trong núi, dần dà chúng sẽ thấy là đã dấn mình vào tình thế phức tạp nhất,

khó khăn nhất của một cuộc chiến tranh tiến công.

4. Núi và việc tiếp tế cho quân đội

Vấn đề này thật rất đơn giản và dễ hiểu. Ở vùng núi, bên phòng ngự có thuận lợi lớn nhất là: Bên công kích phải đóng quân lại ở đó hay ít nhất họ cũng phải để những ngọn núi lại phía sau mình.

Những suy nghĩ vừa qua về việc phòng ngự ở vùng núi, thực ra đã bao gồm toàn bộ việc chỉ đạo chiến tranh ở vùng núi, cũng đã soi sáng cả vấn đề chiến tranh tiến công; ta không nên coi chúng là không đúng đắn hoặc vô ích, vì người ta không thể biến núi thành đồng bằng, hoặc đồng bằng thành núi, và vì việc chọn lựa một chiến trường bao giờ cũng lệ thuộc vào nhiều yếu tố khác đến nỗi những nhận định như thế chỉ còn tác động trong một phạm vi rất nhỏ. Tuy vậy, trong những thời cơ lớn, phạm vi này không phải quá nhỏ. Nếu xét về mặt bố trí và tác dụng của lực lượng chủ yếu khi xảy ra trận đánh quyết định, chỉ cần vài cuộc chuyển quân ra phía trước hoặc về phía sau cũng có thể kéo được quân đội đang ở núi vì đồng bằng và việc kiên quyết tập trung những đơn vị chính yếu ở đồng bằng cũng có thể làm cho những ngọn núi ở gần đó trở thành vô hiệu.

Ta thử tổng hợp mọi nhận thức tản mạn để đạt được một hình ảnh hoàn chỉnh về vấn đề này.

Chúng tôi khẳng định (và chúng tôi cho rằng đã chứng minh được điều đó) là trong chiến thuật cũng như trong chiến lược, núi thường bất lợi cho bên phòng ngự, tất nhiên phải hiểu đấy là một cuộc phòng ngự *có tính quyết định* và có khả năng giải quyết được dứt khoát sự sống còn của đất nước. Núi che lấp tầm quan sát và gây trở ngại cho mọi cuộc vận động về các hướng; nó bắt ta phải thụ động và buộc chúng ta bịt mọi lối qua lại, cho nên thế nào rồi cũng dẫn đến một cuộc chiến tranh dây chuỗi. Vì vậy, đạo quân chính bao giờ cũng phải cố tránh vùng núi càng nhiều càng tốt, phải làm thế nào cho núi chỉ ở mạn sườn, ở phía trước hoặc ở phía sau mình.

Nhưng nếu núi được sử dụng vào những mục đích và những vai trò thứ yếu thì trái lại chúng tôi nghĩ rằng núi là một nguyên tố sức mạnh, và như chúng tôi đã nói, người ta sẽ không buộc tội chúng tôi là tiền hậu bất nhất, nếu chúng tôi nhắc lại rằng núi là nơi dung thân thực sự của những kẻ yếu, tức là của những kẻ không còn đủ sức để tìm một quyết định định tuyệt đối. Một lần nữa, những cái lợi mà nhiệm vụ thứ yếu tận dụng được ở địa hình miền núi cũng đủ làm cho núi non không thích hợp với các lực lượng chủ chốt.

Tuy nhiên, tất cả những suy nghĩ trên có thể cũng chưa đủ để đánh bại mọi ấn tượng của giác quan.

Trong một trường hợp cụ thể, không phải chỉ có những người ngoại đạo mà tất cả những người bị huấn luyện sai đều sẽ bị ám ảnh bởi tình hình là tất cả các cuộc vận động của bên công kích đều bị những khó khăn không thể khắc phục nổi cản trở (ở đây phải coi vùng núi như những yếu tố cô đọng hơn và không thể tiêu hủy được) đến nỗi họ sẽ chỉ thấy rằng ý kiến chúng tôi chỉ là những lời trái ngược kỳ quái. Nhưng khi người ta cố gắng nhìn bao quát toàn bộ vấn đề thì lịch sử thế kỷ vừa qua

và hình thức chiến tranh độc đáo của nó sẽ bác bỏ cái ấn tượng ấy của giác quan và sẽ chẳng còn nhiều người tin rằng việc phòng thủ nước Áo từ phía nước Ý lại dễ dàng hơn là từ phía sông Rhine. Trái lại, người Pháp đã hai mươi năm tiến hành chiến tranh dưới một bàn tay sắt không biết nhân nhượng thì lại thu được những kết quả tốt của hệ thống đó; về vấn đề này cũng như về nhiều vấn đề khác nữa, họ còn hơn hẳn người khác, vì nhạy cảm trong việc vận dụng óc phê phán.

Vậy thì phải chăng một vùng đất quang đãng trống trải sẽ bảo vệ một quốc gia tốt hơn một dãy núi? Phải chăng nước Tây Ban Nha sẽ mạnh hơn nếu không có dãy Pyrénées, phải chăng vùng Lombardia sẽ khó tới gần hơn nếu không có dãy núi Alps, và một quốc gia bằng phẳng như miền Bắc nước Đức sẽ khó đánh chiếm hơn một quốc gia nhiều rừng núi như nước Hungary? Những suy nghĩ sau cùng của chúng tôi sẽ dành riêng để giải quyết những kết luận sai lầm ấy.

Chúng tôi không cho rằng nước Tây Ban Nha sẽ mạnh hơn nếu không có dãy Pyrénées, nhưng nghĩ rằng quân đội Tây Ban Nha nếu tự thấy đủ sức tiến hành một trận đánh quyết định thì tốt hơn cả là tập trung quân sau sông Ebro chứ không nên phân tán ra khắp mười lăm đèo của dãy Pyrénées. Việc đó không hề làm giảm giá trị của dãy Pyrénées. Chúng tôi cũng nói như vậy với một đạo quân nước Ý.

Nếu họ phân tán vào vùng núi Alps cao, thì bất kể một đối phương kiên quyết nào cũng có thể xua họ chạy chẳng kịp thở, còn nói gì tới thắng hay bại; nhưng nếu ở cánh đồng Turin thì họ sẽ đủ sức để đọ với bất kể loại quân đội nào. Điều đó không có nghĩa là kẻ xâm lược cảm thấy thích thú khi vượt một dãy núi hiểm trở như dãy núi Alps và để dãy núi lại phía sau mình. Trận đánh chính tuy được chấp nhận ở đồng bằng nhưng không loại trừ khả năng phải tiến hành phòng ngự bước đầu ở miền núi bằng những lực lượng thứ yếu: Dự phòng này hoàn toàn cần thiết đối với khu vực núi non đồ sộ như những dãy núi Alps và Pyrénées. Sau nữa, chúng tôi không cho rằng giữ một vùng đồng bằng sau khi đã đánh chiếm được sẽ dễ dàng hơn là làm công việc trên đối với một vùng có núi, trừ phi sau trận đầu tiên, ta đã làm cho quân địch mảnh giáp không còn. Sau chiến thắng ấy, kẻ xâm lược phải ở trong trạng thái phòng ngự; địa hình núi non lúc ấy đối với họ sẽ rất không thuận lợi, như trước kia đối với người phòng ngự, có khi lại còn tồi tệ hơn thế nữa. Nếu chiến tranh tiếp diễn, nếu viện binh tới, nếu dân chúng đứng lên cầm lấy vũ khí, hết thảy những phản ứng ấy sẽ lại càng được đậm nét thêm do sự việc đã xảy ra ở vùng núi.

Hiện tượng thấu quan trong quang học cũng rất giống như thế; Hình ảnh càng xa càng rõ nhưng không phải xa đến đâu cũng được mà chỉ ở mức độ nào đó, đẩy quá tiêu điểm thì kết quả sẽ ngược lại.**[197]** Do ở miền núi, bên phòng ngự ở vào thế bất lợi, bên công kích phải tìm mọi cách để hướng mọi tuyến tác chiến của mình vào phía ấy. Nhưng ít khi làm được như thế, vì tuy có khả năng đạt được thuận lợi như thế nhưng lại có bất tiện lớn: Khó lòng dự đoán được xem đối phương có chấp nhận một trận đánh chính ở vùng núi không; và liệu họ có chịu bố trí phần lớn số quân của họ ở vùng núi không.

Chương 17. PHÒNG NGỰ Ở VÙNG NÚI

Chương 15 đã nói tới bản chất của giao chiến ở vùng núi và chương 16 đã bàn tới vấn đề: Chiến lược có thể sử dụng bản chất nói trên như thế nào. Nhiều lần chúng tôi cũng đã đề cập tới khái niệm phòng ngự thực sự ở vùng núi, mà không bàn đến hình thức cũng như tổ chức của biện pháp này. Bây giờ, ta hãy thử định nghĩa vấn đề ấy xem sao.

Các dãy núi thường kéo dài ra như những dây buộc hoặc đai lưng trên mặt đất, chia rẽ các dòng sông và vì vậy phân chia cả những hệ thống thủy lợi. Hình thức toàn bộ nói trên lại lặp lại trong mỗi bộ phận vì các bộ phận này từ khối trung tâm cũng tỏa ra thành những chi nhánh và đường đèo: Các chi nhánh và đường đèo này lại phân chia các hệ thống thủy lực nhỏ nhất. Lúc đầu, ý niệm phòng ngự ở vùng núi dựa vào hình ảnh một vật chướng ngại kéo dài, tỏa ra như một vật chướng ngại đồ sộ. Mặc dầu các nhà địa chất học không đồng ý với nhau về nguồn gốc và sự cấu tạo của các ngọn núi, nhưng dù sao những dòng sông cũng vẫn nói lên một cách rõ ràng nhất, chắc chắn nhất hình thái của toàn bộ hệ thống của chúng, và hiện tượng xói mòn đã góp phần vào việc tỏa ra hệ thống ấy rồi từ đó đã sinh ra những dòng sông. Phòng ngự ở vùng núi tất phải dựa vào những dòng sông, đó là điều tự nhiên nhất.

Không những các dòng sông có những chỗ cao thấp tự nhiên giúp ta biết được độ cao tổng quát, tức là dạng tổng quát của mặt đất, mà thung lũng của các dòng sông còn là những con đường tốt nhất dẫn đến các điểm cao nhất. Dù sao, cũng phải thấy là hiện tượng xói mòn có thể biến đổi những sườn dốc gồ ghề thành một đường cong đều đặn. Dãy núi nằm dài song song với trận tuyến phòng ngự phải được coi như một chướng ngại lớn đối với tiếp cận, một thứ bờ lũy mà lối vào chỉ còn là những thung lũng.

Tổ chức phòng ngự chính thức phải được tiến hành trên các bờ lũy này, tức là trên khu cao nguyên của vùng núi và phải cắt ngang những thung lũng chính. Còn nếu như hướng cơ bản của dãy núi lại thẳng góc với trận tuyến phòng ngự thì sẽ phải phòng thủ một trong số các nhánh núi quan trọng của nó.

Nhánh này chạy song song với thung lũng chính cho đến mỏm núi quan trọng nhất. Chỗ vị trí phòng ngự cắt ngang nhánh núi kia tạo nên điểm phòng ngự quan trọng nhất.

Chúng tôi đã phác thảo mấy nét về một cuộc phòng ngự ở vùng núi dựa vào cấu tạo địa chất, vì có lúc nó đã đóng một vai trò nào đó trong lý luận, và cái mà ta gọi là "lý luận về địa hình" cũng đã từng buộc chặt những quy luật về xói mòn vào việc chỉ đạo chiến tranh.**[198]** Nhưng những lập luận trên chỉ là một chuỗi sai lầm, lẫn lộn vấn đề này với vấn đề khác; những lập luận đó chẳng có cơ sở thực tế vững chắc gì cho nên không thể dựa vào đó để thành lập một hệ thống (lý thuyết – ND) hoàn chỉnh được.

Trong thực tế, những đỉnh núi chủ yếu thường quá hoang vu và hiểm trở, không

thể đem một số quân đông đảo đến đó được. Những đỉnh núi ít quan trọng hơn thì cũng không khác gì mấy và thường lại quá lô nhô, nhỏ hẹp. Không phải khi nào cũng có cao nguyên ở đỉnh núi và thẳng hoặc nếu có đi chăng nữa thì lại cũng nhỏ hẹp và hoang vu. Thực ra, nếu nhìn gần, hầu như không bao giờ có những đỉnh núi kéo dài thành một con đường liên tục, sườn của chúng hầu như bao giờ cũng thoai thoải giống như mặt nghiêng hay giống như một sườn dốc đều dặn. Mỏm núi chính yếu còn lại, gấp khúc, tách ra thành nhiều chi nhánh chạy theo hình vòng cung trên đất nước và nhiều khi những đỉnh cuối lại cao hơn đỉnh chủ yếu. Nhiều lèn đá bao bọc lấy đỉnh giữa tạo ra những thung lũng rất sâu, khó hòa hợp được với toàn bộ hệ thống. Ở nơi nhiều dãy núi giao nhau hoặc ở nơi từ đó tỏa ra nhiều chi nhánh, khái niệm về dây buộc hoặc đai lưng hoàn toàn không thích hợp nữa để nhường chỗ cho khái niệm về làn sóng nước tỏa rộng và triền núi trườn tỏa ra theo hình ngôi sao.

Điều đó chứng tỏ rằng (và bất cứ người nào quan sát vùng núi dưới khía cạnh ấy lại càng thấy rõ rệt hơn) ý niệm về một sự phân bố quân đội một cách có hệ thống sẽ không còn nữa và trên thực tế, người ta chẳng thể nghĩ tới việc tổ chức khu vực đó thành một căn cứ. Nhưng khi vận dụng trong thực tiễn, ta cần nhấn mạnh một điểm quan trọng khác.

Khi ta nghiên cứu các mặt chiến thuật của chiến tranh ở vùng núi, ta thấy xuất hiện hai yếu tố chủ yếu: Thứ nhất, phòng ngự ở sườn dốc đứng; thứ hai, phòng ngự ở những thung lũng hẹp. Hầu như bao giờ kiểu phòng ngự thứ hai cũng là kiểu kháng cự có hiệu quả nhất, nhưng lại khó kết hợp với việc bố trí quân đội ở đỉnh cao chủ yếu vì nó đòi hỏi phải chiếm đóng ngay cả thung lũng hay nói đúng hơn, phải chiếm đóng ngay cả nơi thung lũng xuất phát từ rặng núi tỏa ra: Ở đây nó sâu hơn là ở cửa vào.

Mặt khác, bảo vệ được thung lũng thì cũng có thể bảo vệ được rặng núi dù rằng ta không có cách nào tổ chức bố trí ở đỉnh núi. Rặng núi càng cao và càng hiểm trở thì việc phòng ngự theo kiểu ấy lại càng có vị trí quan trọng.

Tất cả những suy nghĩ trên chứng minh rằng ta cần phải loại bỏ ý nghĩ về một tuyến phòng ngự ít nhiều đều đặn và trùng khít với một trong những tuyến địa chất nào đó. Chỉ nên quan niệm một dãy núi như một bề mặt có nhiều chỗ lồi lõm và chướng ngại chia cắt ra thành nhiều bộ phận khác nhau: Ta phải tìm cách sử dụng tốt nhất bề mặt đó. Muốn hình dung rõ các rặng núi thì phải biết rõ cách cấu tạo địa chất của chúng, nhưng cách cấu tạo này chỉ giữ một vị trí nhỏ trong các biện pháp phòng ngự.

Một cách bố trí bao quát cả một hệ thống núi non, một cách phòng ngự dựa vào những yếu tố chủ yếu của hệ thống này là điều chưa hề thấy trong cuộc Chiến tranh Kế vị ở nước Áo, trong cuộc Chiến tranh Bảy năm và ngay cả trong cuộc Chiến tranh cách mạng Pháp. Chưa bao giờ lại có chuyện bố trí quân đội ở mỏm núi chủ yếu mà bao giờ cũng bố trí ở phía sườn, hoặc cao hơn, hoặc thấp hơn, hoặc ở hướng này hoặc ở hướng khác; ở vị trí song song, vuông góc hoặc đi xiên; theo hướng nước chảy hay ngược lại; ở nơi rất cao như trong dãy núi Alps, quân đội có thể triển khai tới tận các

thung lũng; ở dưới thấp như trong vùng núi Sudetics bố trí ở lưng chừng núi đối diện với người phòng ngự, tức là đối diện với mỏm núi chính yếu, đây là một điều rất trái lệ thường. Chính với cách bố trí như thế mà Frederick Đại đế đã tiến hành cuộc công thành Schweidnitz năm 1762, hạ trại đối diện với Hohe Eule.

Phần lớn các vị trí nổi tiếng của Schmottseiffen và Landshut trong cuộc Chiến tranh Bảy năm đều nằm sâu trong các thung lũng; vị trí của Feldkirch ở vùng Vorarlberg cũng vậy. Trong các chiến dịch năm 1799 và 1800, những vị trí chủ yếu của quân Pháp cũng như của quân Áo đều thường đóng tại các thung lũng không phải chỉ để chặn ngang mà còn để chặn dọc các sườn núi, còn trên các đỉnh núi thì chỉ có lơ thơ vài đồn nhỏ hoặc không có đồn nào cả.

Những đỉnh cao nhất của núi Alps đều cằn cỗi và hiểm trở nên không thể đóng một số quân đáng kể lên đó được. Và nếu người ta vẫn muốn bố trí quân đội trong núi bằng bất kể giá nào thì chỉ còn cách đưa vào trong thung lũng. Thoạt nhìn, ta thấy điều đó có vẻ vô lý, vì theo lý luận thông thường người ta thường nói: Các đỉnh núi khống chế các thung lũng. Những điều đó chẳng có gì quan trọng, người ta chỉ có thể leo lên đỉnh bằng vài con đường mòn và trong vài trường hợp rất cá biệt chỉ bộ binh là có thể qua được vì hết thảy những đường xe cộ có khả năng đi được đều chạy dọc theo các thung lũng. Bộ binh quân thù chỉ còn có thể xuất hiện ở một số điểm bị cô lập nào đó. Và do núi non bao la, các khoảng cách quá lớn, hỏa lực súng tay không có hiệu quả như vậy nên việc đồn trú ở thung lũng sẽ ít nguy hiểm hơn là người ta tưởng. Tất nhiên là phòng ngự ở đây có thể bị nguy cơ khác rất nghiêm trọng đe dọa: Nguy cơ bị cắt đường rút lui. Chắc chắn là quân địch phải tiến rất chậm với bộ binh đơn thuần, phải bỏ ra nhiều nỗ lực ghê gớm mới mò tới được một số điểm nào đó trong thung lũng. Như vậy, chúng chẳng còn có thể bất ngờ đánh vào chúng ta, nhưng cũng chẳng có đồn ải nào của chúng ta chặn giữ nổi cửa ngõ ra vào thung lũng, cho nên chúng sẽ dần dà tập trung tại đó một số lượng quân đội nhiều hơn chúng ta, tiến đến triển khai và chọc thủng tuyến phòng ngự của chúng ta, vốn đã mỏng, lúc ấy lại trở thành quá yếu, chỉ còn dựa được vào lòng suối đầy đá, nhưng không có chướng ngại. Việc rút lui trong một thung lũng bao giờ cũng chỉ có thể tiến hành từng chặng cho tới khi ra tới cửa núi, do đó ở nhiều đoạn của tuyến phòng ngự không thể làm như thế được. Đó là lý do khiến quân Áo hoạt động ở Thụy Sĩ, mỗi lần đánh nhau có tới một phần ba hoặc một nửa số quân bị bắt làm tù binh.

Thiết tưởng cũng cần bàn thêm vài lời về vấn đề mức độ phải xé nhỏ những lực lượng vũ trang trong loại phòng ngự này.

Bất kỳ vị trí thứ yếu nào thuộc loại này cũng đều phải dựa vào một vị trí của lực lượng chính yếu đã được bố trí ở khoảng giữa tuyến phòng ngự trên đường tiếp cận chủ yếu. Từ vị trí trung tâm này, nhiều bộ phận khác được tung ra bên phải hay bên trái để chiếm lĩnh những cửa mở chính, như vậy toàn bộ hệ thống có thể có tới 3, 4, 5, 6 đồn hay hơn nữa, lập thành một tuyến độc nhất. Có thể hoặc cần phải phát triển theo kiểu ấy tới đâu? Tùy tình hình! Một vài ngày đường, tức 6 đến 8 dặm, là một khoảng cách trung bình, vừa phải, đôi khi khoảng cách này có thể tới 20 hoặc 30

dặm.

Giữa những đồn binh khác nhau, cách nhau chừng vài giờ, người ta dễ tìm thấy những điểm tiếp cận khác, ít quan trọng hơn người ta cũng sẽ phát hiện ra một số nơi rất thích hợp cho vài tiểu đoàn để đặt đường liên lạc chặt chẽ giữa các đồn binh chính yếu; chớ nên sao lãng việc chiếm giữ những nơi đó.

Tất nhiên là việc xé nhỏ lực lượng còn có thể đi xa hơn nữa, tới đại đội hoặc phân đội độc lập: Điều này thường xảy ra khá nhiều. Như vậy, không có giới hạn chính xác nào cho việc xé nhỏ đó. Mặt khác, sức mạnh của các đồn khác nhau lại lệ thuộc vào sức mạnh của toàn thể, điều này giải thích tại sao người ta không thể nói rõ mức độ sức mạnh tự nhiên hoặc có thể có của những đồn chính. Dưới đây là mấy điểm chuẩn, rút ra từ kinh nghiệm và từ bản chất của vấn đề:

1. Núi càng cao và càng hiểm trở thì việc chia nhỏ lại càng có thể lớn và lại *càng phải làm như thế*, vì nếu địa hình càng không thể bảo vệ được bằng các hoạt động dựa trên những cuộc phối hợp thì lại càng phải giao phó việc che chở này cho những lực lượng bảo vệ trực tiếp. Công cuộc phòng ngự ở núi Alps đòi hỏi các lực lượng phải chia nhỏ hơn công cuộc phòng ngự ở núi Vosges hoặc ở Karkonosze và gần giống như phòng ngự theo kiểu dây chuỗi.

2. Mỗi khi tiến hành phòng ngự ở vùng núi, lực lượng đều bị xé nhỏ tới mức những đồn chính chỉ có một tuyến bộ binh với vài tiểu đội kỵ binh ở tuyến thứ hai. Chỉ còn độc bộ phận chính, bố trí ở giữa, là còn có được vài tiểu đoàn ở tuyến thứ hai.

3. Một lực lượng dự bị chiến lược**[199]** dùng để tăng viện cho những nơi bị tiến công là hoàn toàn ngoại lệ; vì mặt trận quá rộng nên nơi nào cũng cảm thấy tương đối yếu. Vì vậy, hầu như khi nào cũng thế, việc chi viện cho một đồn bị tiến công chỉ trông cậy vào những đồn chưa bị tiến công ở cùng tuyến.

4. Dù không xé nhỏ các đơn vị nhiều lắm và lực lượng mỗi đồn đều còn mạnh, việc kháng cự chủ yếu vẫn phải dựa vào việc phòng ngự tại chỗ; một khi quân thù đã chiếm được vị trí thì chẳng còn chờ mong gì ở sự cứu viện từ bên ngoài nữa.

Có thể hy vọng gì ở công cuộc phòng ngự ở vùng núi, khi nào thì sử dụng biện pháp này, có thể chia sẻ và triển khai lực lượng đến mức độ nào: Đối với tất cả các vấn đề ấy, lý luận phải trông cậy vào sự nhạy cảm của người tướng. Lý luận chỉ có thể giải thích biện pháp ấy gồm có những gì và nó có thể đóng vai trò như thế nào trong hoạt động của các quân đội trong tác chiến.

Một người tướng để đến nỗi bị đè bẹp trong một vị trí quá rộng ở miền núi như thế và đáng bị đưa vào truy tố trước tòa án quân sự.

Chương 18. PHÒNG NGỰ VÙNG SÔNG NGÒI

Về phương diện phòng ngự, những con sông và những con ngòi cũng giống như các ngọn núi đều thuộc về loại những vật chướng ngại chiến lược. Nhưng chúng khác với vùng núi ở hai điểm: Một là ở lĩnh vực phòng ngự tương đối, hai là ở lĩnh vực phòng ngự tuyệt đối.

Cũng như núi non, sông ngòi tăng thêm sức mạnh cho việc kháng cự tương đối, nhưng chúng có đặc điểm là giống hệt như những công cụ bằng chất cứng và giòn; chúng có thể đương đầu, hoặc không bị cong đi trước bất kỳ một sự va chạm nào hoặc sẽ bị bẻ gãy và tan biến hoàn toàn. Nếu sông rất rộng và mọi điều kiện khác thuận tiện thì việc vượt sông có thể hoàn toàn không thực hiện được. Nhưng nếu tuyến phòng ngự đã bị chọc thủng ở một điểm nào đó thì, giống như ở vùng núi, sau đấy không còn có thể phòng ngự lâu dài được nữa. Thế là chỉ một hành vi ấy cũng đủ giải quyết dứt khoát được toàn bộ vấn đề, trừ phi dòng sông chảy giữa hai dãy núi.

Xét theo quan điểm chiến đấu, sông ngòi còn có đặc điểm khác là: Những cuộc phối hợp để đi đến trận quyết định nói chung thường tốt hơn ở vùng núi, đôi khi lại tốt tuyệt vời.

Nhưng cả sông ngòi lẫn núi non đều giống nhau ở chỗ cùng là những yếu tố hấp dẫn nguy hiểm, có thể lôi cuốn ta vào những biện pháp sai lầm và đẩy ta vào những tình huống hiểm nghèo. Chúng ta sẽ còn trở lại vấn đề này để nghiên cứu kỹ hơn vấn đề phòng ngự vùng sông ngòi.

Trong lịch sử, thật rất hiếm khi thấy những dẫn chứng về những dòng sông được phòng ngự có hiệu quả. Ở thời đại mà mỗi hệ thống phòng ngự tuyệt đối đều thu hút hết thảy mọi phương tiện củng cố hiện có ở trong nước, người ta tưởng như đã có thể kết luận được rằng sông ngòi không phải là một chướng ngại vững chắc như người ta thường nghĩ. Tuy nhiên, những lợi thế của chúng trong giao chiến và trong công cuộc bảo vệ đất nước nói chung thì không thể nào phủ nhận được.

Nhằm đạt tới một ý niệm về toàn bộ vấn đề, chúng tôi tập hợp các quan điểm khác nhau để căn cứ vào đó mà nghiên cứu. Nói chung, trước hết phải phân biệt kết quả chiến lược do công cuộc bảo vệ vùng sông ngòi đưa đến và ảnh hưởng của sông ngòi đối với việc bảo vệ đất nước khi chính sông ngòi lại không được bảo vệ.

Hơn nữa, bản thân phòng ngự có thể có ba ý nghĩa khác nhau:

1. Đó là một cuộc kháng cự tuyệt đối do đạo quân chính tiến hành.

2. Đó là một cuộc kháng cự hoàn toàn tượng trưng.

3. Đó là một cuộc kháng cự tương đối bằng những đạo quân thứ yếu như các đồn tiền tiêu, các tuyến bảo vệ, các bộ phận phụ, v.v.

Về mặt hình thức, ta lại cần phân biệt ba mức độ hoặc loại phòng ngự:

1. Một cuộc phòng ngự trực tiếp để ngăn chặn việc qua lại.

2. Một cuộc phòng ngự có tính chất gián tiếp nhiều hơn. Sông và thung lũng của nó chỉ là những công cụ để thực hiện một cuộc phối hợp chiến đấu tốt hơn.

3. Một cuộc phòng ngự hoàn toàn trực tiếp, bằng cách chiếm đóng một vị trí bất khả xâm phạm ở bờ sông phía địch.

Chúng tôi sẽ chia nhỏ sự phân tích của tôi theo ba mức độ đó, và sau khi đã đi sâu vào mỗi mức độ, đối chiếu với ý nghĩa thứ nhất, ý nghĩa chủ yếu nhất, chúng tôi sẽ nghiên cứu để kết luận hai vấn đề còn lại. Như thế, chúng tôi sẽ bắt đầu bằng vấn đề phòng ngự trực tiếp nhằm vào việc ngăn chặn quân đội địch vượt sông.

Vấn đề chỉ được đặt ra với những con sông lớn tức là với những khối nước lớn.

Ba yếu tố thời gian, không gian và lực lượng đều là những yếu tố của lý luận về phòng ngự, việc kết hợp ba yếu tố này là vấn đề khá phức tạp đến nỗi ta khó có thể tìm được một điểm khởi đầu chắc chắn.

Nghiên cứu sâu vấn đề, ta sẽ đi đến kết luận như sau: Thời gian cần thiết để lao một chiếc cầu sẽ xác định cự ly bố trí các đơn vị quân đội được huy động để bảo vệ dòng sông. Đem chiều dài của toàn bộ tuyến phòng ngự chia cho khoảng cự ly đó sẽ thấy số đạo quân cần thiết; nếu chia tổng số đơn vị có thể huy động được với số đó, ta sẽ thấy sức mạnh của mỗi phân đội. Bằng cách so sánh lực lượng của mỗi đạo quân với số lượng các đơn vị địch có thể vượt sông trong thời gian lao cầu, và bằng những phương tiện khác, ta có thể phán đoán được cuộc kháng cự có đạt được thắng lợi hay không. Dĩ nhiên, người ta chỉ có thể vượt sông, để tiến công những đơn vị đã qua sông, nếu bên phòng ngự có ***một lực lượng lớn hơn nhiều***, thí dụ như gấp đôi, trước khi cầu được bắc xong. Dưới đây là một thí dụ: Nếu quân thù cần có hai mươi bốn giờ để lao cầu và cũng trong khoảng thời gian ấy, bằng những phương tiện khác, họ có thể đưa qua sông được hơn 20.000 người, còn bên phòng ngự lại chỉ cần có mười hai giờ đồng hồ để xuất hiện bất kỳ ở điểm nào với số quân 20.000 người thì không nên tính tới chuyện vượt sông, vì bên phòng ngự tất sẽ xuất hiện vào lúc quân thù mới cho vượt sông được nửa số 20.000 người. Nhưng vì trong mười hai giờ, kể cả thời gian cần thiết cho việc truyền đạt mệnh lệnh, người ta có thể tiến quân được bốn dặm, cho nên cứ tám dặm lại cần có 20.000 người và phải có 60.000 người để phòng ngự trên một khúc sông dài hai mươi bốn dặm. Số lượng đó không những đủ để có thể xuất hiện ở bất cứ nơi nào với 20.000 người, ngay cả khi quân thù mưu toan tổ chức trong cùng một thời gian hai cuộc vượt sông, mà còn xuất hiện với số lượng gấp đôi 20.000 khi kẻ địch không có ý đồ ấy.

Ở đây người ta đứng trước ba trường hợp quyết định: 1) bề rộng của con sông; 2) những phương tiện vượt sông, vì hai dữ kiện này quyết định thời gian cần thiết cho việc lao cầu cũng như số quân có thể cho qua sông trong thời gian ấy; 3) lực lượng của bên phòng ngự. Ta chưa bàn đến chính lực lượng của quân thù. Với lý luận trên, ta có thể nói là có một điểm không còn khả năng vượt sông và không một ưu thế số lượng nào có thể bắt buộc quân thù vượt sông được.

Đây là lý luận đơn giản về công cuộc bảo vệ trực tiếp một con sông, tức là dùng phòng ngự để ngăn chặn không cho quân thù hoàn thành việc lao cầu và tiến hành vượt sông. Chúng ta vẫn chưa nói đến ảnh hưởng của việc phô trương lực lượng khi đã vượt sông xong. Bây giờ chúng ta thử nghiên cứu sâu vào những chi tiết và những

biện pháp cần thiết cho cuộc phòng ngự này.

Nếu ta chưa nói đến hết thảy mọi đặc điểm địa lý, thì chỉ cần nói rằng: Những phân đội biệt phái đã nêu ở phần lý luận mà chúng tôi vừa đề cập sẽ chiếm lĩnh vị trí ngay sát bờ sông, mỗi phân đội đều theo đội hình tập trung. Phải ở sát ngay bờ sông, vì nếu ở xa hơn nữa thì sẽ kéo dài các đoạn đường, chẳng có lý do và ích lợi gì. Vả lại, do mặt sông rộng, họ không cần đề phòng bất kỳ hành động quan trọng nào của địch, cho nên không cần phải bố trí đội dự bị như khi bảo vệ một địa hình khác. Mặt khác, những con đường dọc theo sông thường tốt hơn những con đường ngang chạy từ hậu phương đến một chỗ nào đó trên bờ sông. Sau nữa, bố trí như vậy thì tất nhiên các vị chỉ huy đều ở ngay quanh đó và có thể kiểm soát con sông có hiệu quả hơn là ở một chuỗi đồn nhỏ. Mỗi đạo quân đều phải bố trí tập trung nếu không mọi sự tính toán đều sẽ sai lạc. Bất cứ thế nào sẽ hiểu được một cách dễ dàng là chỉ có bố trí tập trung như vậy mới đạt được hiệu quả lớn nhất của phòng ngự. Để làm cho cuộc vượt sông bằng thuyền không thể thực hiện được, tất nhiên thoáng nhìn thì tưởng như việc bố trí các đồn ở nhiều điểm dọc sông có lẽ hấp dẫn hơn; nhưng không kể một vài ngoại lệ đối với một số điểm đặc biệt thuận lợi cho việc vượt sông, biện pháp ấy cũng vô cùng nguy hiểm. Không nói tới chuyện đồn đó có thể bị hỏa lực của một đối phương mạnh hơn từ bờ bên kia bắn sang tiêu diệt, người ta đã thường xuyên lãng phí lực lượng của mình; như thế có nghĩa là bố trí đồn theo cách đó thì chỉ đi đến chỗ làm cho quân địch chọn điểm vượt sông ở chỗ khác. Khi người ta không có đủ lực lượng để bảo vệ và coi con sông như một con hào quanh một pháo đài (điều này chẳng cần có hướng chỉ đạo gì đặc biệt cả) thì việc bảo vệ trực tiếp các bờ sông nhất định sẽ làm cho ta đi chệch mục tiêu theo đuổi. Ngoài những nguyên tắc chung ấy, liên quan tới việc bố trí, cần phải chú ý: Thứ nhất, những đặc điểm của con sông; thứ hai, phải thủ tiêu mọi phương tiện qua sông; thứ ba, ảnh hưởng của các pháo đài bố trí ở hai bờ sông.

Nếu coi lòng sông như một tuyến phòng ngự thì các đầu mút bên phải hoặc bên trái của nó cần có những điểm tựa như: Biển rộng, một quốc gia trung lập hoặc một chướng ngại khả dĩ ngăn chặn quân thù địch vượt qua tuyến phòng ngự ở chỗ ấy. Nhưng, những điểm tựa và những vật chướng ngại ấy lại ở rất xa nhau, tuyến phòng ngự dọc theo sông sẽ buộc phải kéo dài ra rất nhiều, cho nên trong thực tế không thể có khả năng bố trí một số quân lớn dọc một quãng sông tương đối ngắn: Đối với chúng ta, chỉ có những trường hợp thực tế mới đáng quan tâm. Thế nào là ***một khúc sông tương đối ngắn***? Đó là một chiều dài gần bằng chiều rộng thông thường của một đạo quân triển khai khi không có sông.

Chúng tôi cho rằng chẳng bao giờ có những trường hợp ấy và mọi tổ chức phòng ngự trực tiếp ven sông đều trở thành một hệ thống dây chuỗi, ít nhất cũng trong phạm vi bề rộng của vị trí. Vì vậy, nếu chỉ dựa vào vị trí tập trung thì hoàn toàn không thể ngăn chặn một cuộc vu hồi của quân địch bằng biện pháp tự nhiên. Mỗi khi đã xuất hiện khả năng bị vu hồi, dù có những thuận lợi khác đi nữa, việc phòng ngự trực tiếp ven sông cũng sẽ vô cùng nguy hiểm.

Trên một con sông, chưa nói tới các đầu mút của nó, không phải lúc nào cũng dễ dàng vượt qua như nhau. Về vấn đề này, người ta có thể cung cấp những điều chỉ dẫn ít nhiều có tính chất phổ thông nhưng chẳng bao giờ hoàn toàn chính xác cả, vì bất cứ một đặc điểm nhỏ nào ở địa phương cũng vẫn có giá trị hơn là tất cả những cái gì có vẻ trang trọng trong sách vở. Nhưng điều chỉ dẫn ấy thường hoàn toàn vô ích, vì hình thể con sông và mọi tài liệu do nhân dân quanh vùng cung cấp cũng thừa đủ, người ta chẳng cần tới sách vở làm gì nữa.

Chúng tôi phải nói thêm cho rõ là ta dễ dàng để vượt sông ở những nơi có đường đi qua, có nhánh sông đổ vào, trong những thành phố có sông chảy qua và nhất là dựa vào những hòn đảo. Những bờ sông dựng đứng, những khuỷu sông ở các bến, được nói nhiều trong sách, thường ít có tầm quan trọng thực tế. Chúng có ảnh hưởng là do đã dựa trên ý kiến thiển cận về một cuộc phòng ngự tuyệt đối ở sông ngòi: Đó là điều ít khi xảy ra, để không nói là hoàn toàn chẳng bao giờ xảy ra, nhất là đối với các con sông lớn.

Có những tình huống làm cho việc vượt sông được dễ dàng hơn ở một số nơi. Dù những tình huống ấy là thế nào đi nữa thì chúng cũng bị ảnh hưởng tới vị trí và sẽ biến đổi được cái quy luật hình học thông thường; tuy nhiên chúng tôi cho rằng không nên đi quá xa một số điểm nhất định và cũng không nên quá nhấn mạnh vào những khó khăn của các điểm này. Quân thù tất sẽ chọn những nơi địa hình không thuận lợi lắm nếu họ biết chắc là ở đó họ sẽ không đụng phải quân ta.

Nghĩ cho cùng lại càng thấy cần phải chiếm lĩnh các hòn đảo với số quân đông nhất; một cuộc tiến công mạnh của địch vào một hòn đảo nào đó sẽ chỉ ra cho ta biết rõ điểm vượt sông tốt nhất.

Những bộ phận đóng quân ở gần sông, khi tình thế đòi hỏi, phải có khả năng vận động được theo dọc sông. Nếu không có đường theo dọc sông thì một trong những biện pháp chuẩn bị gấp rút cho việc phòng ngự là sửa những con đường nhỏ song song và gần sông hoặc tạo nên những con đường mới trên những đoạn ngắn cũng được.

Điểm thứ hai chúng ta còn phải bàn đến là việc thủ tiêu các phương tiện vượt sông. Ở ngay tại khúc sông ấy, bản thân việc trên đã không đơn giản mà cần rất nhiều thời gian; còn ở những nhánh sông về phía kẻ thù thì khó khăn lại càng không thể khắc phục được vì nói chung những nhánh sông ấy đều nằm trong tay đối phương. Bởi thế, cần phải chặn ngay những cửa sông bằng những pháo đài.

Những khí tài, tức là những đoạn cầu đối phương đưa đến, thường ít khi có đủ cho việc vượt sông, mà họ phải dựa vào những phương tiện thu thập được ở ven sông, trên các nhánh sông, trong những thành phố họ đã chiếm được và sau hết là dựa vào các loại cây lấy ở những khu rừng quanh đó làm thuyền bè. Trong một số trường hợp, tất cả những điều kiện nói trên đều không thuận lợi nên việc vượt sông đã gặp khó khăn nghiêm trọng.

Sau hết, những pháo đài ở đây đó trên sông hoặc chỉ ở về phía quân thù, không những có tác dụng ngăn chặn việc vượt sông ở quanh đấy, về mạn thượng lưu hoặc

mạn hạ lưu, mà còn được dùng để phong tỏa các nhánh sông và kịp thời ngăn chặn các biện pháp vượt sông.

Hết thảy những điều vừa nói trên đều nằm trong vấn đề phòng ngự trực tiếp con sông có khối lượng nước lớn; thực tế, nếu con sông lại nằm trong thung lũng sâu có vách dựng đứng và hiểm trở hoặc ven sông có nhiều đầm lầy thì việc vượt sông càng khó và sức mạnh của phòng ngự càng tăng; nhưng những chướng ngại ấy không thể bù đắp cho khối lượng nước được vì chúng không phải là vật chướng ngại tuyệt đối trong lãnh thổ – điều kiện ***không thể thiếu được*** của công cuộc phòng ngự trực tiếp.

Khi người ta tự hỏi: Trên bình diện chiến lược của một chiến dịch, vai trò của công cuộc phòng ngự trực tiếp con sông này là thế nào? thì người ta phải thừa nhận rằng nó không thể đưa đến một chiến thắng quyết định: Một mặt, vì nó không có mục đích ngăn chặn địch vượt sông mà chỉ có mục đích tiêu diệt những đơn vị lớn đầu tiên của địch đã sang được sông, mặt khác, vì dòng sông cũng cản bước không cho chúng ta đánh thốc ra mạnh mẽ để biến những thuận lợi đầu tiên đã đạt được thành một chiến thắng hoàn toàn.

Tuy nhiên, cuộc phòng ngự ven sông này có thể đem lại cho ta nhiều thời gian có lợi và đấy lại thường là cái quan trọng đối với bên phòng ngự. Thật thế, bên tiến công cần có nhiều thời gian để tập trung phương tiện vượt sông; và nếu nhiều lần cố gắng mà họ đều thất bại thì ta lại càng có lợi về thời gian hơn nữa. Nếu vì dòng sông, quân thù buộc phải hướng sức lực của mình vào phía khác thì ta cũng vẫn có lợi. Rõ ràng, những khi ý định tiến công của kẻ thù không mạnh lắm, con sông sẽ ngăn bước tiến của chúng và sẽ bảo vệ vĩnh viễn cho xứ sở.

Trong những điều kiện thuận tiện và có những khối lượng quân đội lớn, việc phòng ngự trực tiếp ven sông là một biện pháp phòng ngự rất tốt và có thể đưa lại những kết quả nào nó; nhưng bây giờ người ta không chú ý nhiều lắm đến các kết quả ấy vì tổ chức phòng ngự sông ngòi của chúng ta thường rất thảm hại, do không có đầy đủ phương tiện. Khi người ta thực hiện được một cuộc phòng ngự có kết quả, như chúng tôi đã dự kiến (rất có giá trị với những con sông như sông Rhine, sông Đanuýp) với 60.000 người trên một bề mặt rộng 24 dặm, đối phó với một lực lượng mạnh hơn rất nhiều, thì có thể nói chắc là kết quả sẽ rất đáng chú ý.

Chúng tôi thấy cần phải giải thích điểm: ***đối phó với một lực lượng mạnh hơn nhiều lần***. Như lý luận chúng tôi vừa phác thảo, tất cả sẽ tùy thuộc vào phương tiện vượt sông chứ không phải vào số lượng của kẻ định thực hiện ý đồ đó, miễn là số lượng đó không quá kém so với bộ phận phòng ngự ven sông. Điều đó có vẻ vô lý, nhưng lại chính là như thế. Nhưng ta không nên quên rằng trong phòng ngự ven sông, hầu như chẳng có, cũng có thể nói là chẳng bao giờ có, những điểm tựa tuyệt đối, rằng nó rất có thể sẽ bị đánh vu hồi, và hoạt động vu hồi như thế lại càng rất dễ dàng với một lực lượng mạnh gấp nhiều lần.

Khi ta tự nhủ rằng một cuộc phòng ngự trực tiếp như thế, dù đã bị quân thù đập tan, cũng không thể so sánh với một trận chiến đấu thất bại và ít có khả năng đi đến một cuộc thất bại – vì mới chỉ có một phần lực lượng của ta tham gia chiến đấu trong

khi đối phương còn lúng túng bởi việc vượt sông nên chưa phát huy chiến thắng ngay lập tức được – thì ta cũng lại càng ít có lý do để đánh giá thấp biện pháp phòng ngự này.

Trong cuộc sống thực tiễn, phải điểm cho đúng huyệt của mọi vấn đề; trong việc phòng ngự ở một khúc sông, vấn đề thường hoàn toàn biến đổi khi ta nhìn nó với quan điểm toàn diện. Mọi chi tiết bề ngoài hầu như chẳng đáng kể có thể làm cho vấn đề thay đổi hoàn toàn, và có khi ở trường hợp này thì một biện pháp nào đó là khôn ngoan và có hiệu quả, nhưng ở trường hợp khác thì lại đưa đến một sai lầm tai hại. Ở vấn đề này, phán đoán, suy luận để tránh câu nói "dòng sông vẫn chỉ là dòng sông" cũng rất khó khăn, có thể khó khăn hơn bất kỳ vấn đề nào khác. Bao giờ cũng phải luôn luôn đề phòng những nhận định không đúng và những sự vận dụng sai; và một khi đã đề phòng như thế, chúng tôi không ngần ngại tuyên bố rằng: Ta chẳng cần quan tâm đến những lời nguyền rủa của những kẻ tuân theo những tình cảm đen tối và những ý kiến mập mờ chỉ thấy lối thoát trong tiến công và vận động, chỉ thấy hiện thân đúng đắn nhất của chiến tranh và hình ảnh người lính kỵ binh tay vung gươm ngồi trên mình ngựa phóng như bay.

Những ý kiến và cảm tưởng thuộc loại đó thường không bao giờ đầy đủ cả (chúng ta chỉ cần nhắc lại câu chuyện về nhà độc tài Wedel ở Züllichau nổi tiếng năm 1759);**[200]** điều tai hại nhất là ở chỗ: Vừa mới đương đầu với những biến cố quan trọng có muôn nghìn yếu tố rắc rối khác nhau thì các ý kiến và cảm tưởng trên đã lập tức rời bỏ vị tướng và biến mất.

Một tổ chức phòng ngự trực tiếp bên sông được tiến hành với nhiều đoàn quân và trong những điều kiện thuận tiện có thể đạt những kết quả tốt đẹp, miễn là ta chỉ nhằm một mục tiêu tiêu cực khiêm tốn.

Trên một khúc sông nào đó, 60.000 người có thể không để cho một quân đội 100.000 người (hoặc hơn nữa) vượt sông; nhưng nếu chỉ có 10.000 người thì lại không thể bảo vệ được khúc sông ấy chống với 10.000 quân địch (cho dù chỉ đối phó với một nửa số quân đó cũng không làm nổi); đó là ta giả thiết rằng một đạo quân như thế có thể cùng đóng trên một bờ sông với một kẻ địch có ưu thế cao đến mức độ ấy. Vấn đề thật đã rõ ràng vì phương tiện vượt sông không thay đổi.

Từ trước tới giờ, chúng tôi không bao giờ nói tới những cuộc vượt sông giả định không nằm trong việc phòng ngự trực tiếp con sông; một mặt, vì một tổ chức phòng ngự như thế không chỉ dựa vào một đạo quân tập trung tại một điểm duy nhất, mỗi đạo quân chỉ chịu trách nhiệm về một đoạn nào đó; mặt khác vì những cuộc vượt sông giả định ấy rất khó thực hiện, ngay cả khi có những điều kiện như chúng tôi vừa kể. Vì nếu như phương tiện vượt sông đã ít ỏi, tức là không đủ so với nhu cầu thực tế của kẻ tiến công, thì họ (bên tiến công) sẽ lại càng khó để dành một phần lớn cho một cuộc vượt sông giả định; như thế số quân có thể đưa tới các bến sông thực sự lại càng bị giảm bớt đi và người phòng ngự sẽ lợi được số thời gian mà họ đã để lỡ vì chưa rõ ràng.

Nói chung, việc phòng ngự trực tiếp chỉ có thể vận dụng vào những con sông lớn

ở châu Âu và chỉ ở đoạn nửa dưới của dòng sông.

Loại phòng ngự thứ hai, phù hợp với những con sông ít quan trọng hơn, chảy trong những lũng sâu, có thể cũng phù hợp với những con sông ít có giá trị. Khi tiến hành phòng ngự kiểu này, ta cần chiếm lĩnh trận địa lùi lại phía sau một ít và ở một khoảng cách khả dĩ khiến ta có khả năng bắt gặp quân địch, hoặc khi chúng đang phải phân tán để qua sông, nếu chúng tổ chức đồng thời vượt sông ở nhiều nơi, hoặc khi chúng đang ở gần sông dồn ứ trên một cái cầu hoặc trên một đoạn đường khi chúng đã vượt được sông ở độc một điểm nào đó. Một đạo quân mà đoạn đuôi còn bị dồn ứ ở ven một con sông lớn hoặc trong một lũng sâu, nếu xảy ra tác chiến sẽ lâm vào tình thế rất bất lợi. Nói đến phòng ngự ở con sông rộng vừa phải và ở những lũng sâu tức là nói đến việc khai thác tình huống nói trên.

Việc bố trí một quân đội thành nhiều đạo quân lớn ở ven sông, theo chúng tôi, là biện pháp phòng ngự trực tiếp tốt nhất: Có thể là quân thù không có khả năng bất ngờ vượt sông, nhưng nếu không cẩn thận, ta dễ lâm vào nguy cơ bị đánh riêng rẽ từng bộ phận một. Nếu tình thế không đủ thuận lợi cho việc phòng ngự, nếu quân thù đã có quá nhiều phương tiện vượt sông, nếu trên sông có nhiều đảo, có nhiều chỗ lội qua được, nếu sông lại không đủ rộng, nếu chúng ta quá yếu, v.v. Thì đừng tính gì tới chuyện vận dụng biện pháp trên. Để giữ vững liên lạc, các đơn vị phải ở xa bờ sông một ít và sau đó, điều duy nhất cần phải làm là tập trung quân đúng nơi quân địch định vượt sông và đánh ngay vào chúng trước lúc chúng chiếm được khá nhiều đất để có thể tiến hành vượt sông ở nhiều bến. Vào trường hợp này, ở ven sông (hoặc ở thung lũng) phải có một tuyến đồn tiền tiêu để cảnh giới hoặc sơ bộ kháng cự, còn quân đội sẽ bố trí theo từng đạo ở những địa điểm thích hợp ở xa sông (thường cách vài giờ đi bộ).

Khó khăn chính là vượt qua đường hẻm giữa sông và thung lũng. Vấn đề không phải là ở khối lượng nước mà là ở toàn bộ cái khe đó, vả lại những sườn đá cheo leo của một thung lũng sâu thường đáng sợ hơn một con sông rộng.**[201]** Trong thực tế, một đạo quân lớn tiến quân theo một đường khe quan trọng sẽ gặp những khó khăn nghiêm trọng hơn là ta tưởng. Thời gian cần thiết cũng nhiều hơn và trong khi đang tiến quân vất vả cực nhọc lại dễ gặp nguy cơ quân địch chiếm được các điểm cao ở quanh đó. Nếu những bộ phận đầu tiến quá nhanh, họ sẽ đụng phải quân thù quá sớm và có thể bị tiêu diệt trước một sức mạnh trội hơn; nhưng nếu những bộ phận ấy lại dồn vào gần bến vượt sông, tất cả chúng phải chiến đấu trong những điều kiện rất tồi tệ. Vì vậy, việc vượt qua một mẩu đất như thế để tiến đánh quân thù ở phía bên kia đòi hỏi người chỉ huy phải có lòng dũng cảm, nhiều tự tin và có một số quân đông.

Tất nhiên một tuyến phòng ngự như thế không thể dài như một tuyến nhằm đạt mục đích phòng ngự trực tiếp một con sông, vì người ta muốn tác chiến với toàn bộ lực lượng tập trung, và những cuộc vượt khe, dù có khó khăn cũng không thể so sánh được với những khó khăn của việc vượt qua một con sông lớn; vì vậy quân vu hồi như thế tất sẽ chệch hướng ban đầu (vì chúng tôi giả thiết rằng thung lũng của dòng sông chạy thẳng góc với hướng đó); và điều bất lợi do đường rút lui bị công hẹp lại

sẽ chỉ mất đi dần dần chứ không thể tiêu tan trong một lúc cho nên bên phòng ngự vẫn giữ được một số thuận lợi so với đối phương đang tiến quân, kể cả khi bên phòng ngự chưa đến đúng lúc quân địch đang gặp cơn khủng hoảng của cuộc vượt sông, dù họ đã mở rộng được bàn đạp do đã biết lợi dụng vận động đánh vu hồi.

Ở đây chúng tôi không chỉ bàn đến con sông với các khối lượng nước của chúng mà nghĩ nhiều đến chiều sâu của các thung lũng, cho nên phải nhấn mạnh rằng, trong tư tưởng chúng tôi, danh từ này không chỉ các khe sâu trong núi vì như thế thì phải vận dụng vào đây tất cả những cái gì đã nói về núi.

Ai cũng biết là ở nhiều vùng bằng phẳng, những con sông rất nhỏ cũng tạo nên những lũng sâu vách đứng; những bờ sông lầy lội và những chướng ngại khác cũng tạo nên những trở ngại tương tự.

Trong những điều kiện như vậy, một quân đội phòng ngự đóng sau một con sông rộng hoặc sau một thung lũng sâu có một tư thế tuyệt vời; phòng ngự ven sông như vậy sẽ thành một trong những biện pháp chiến lược tốt nhất.

Nhược điểm của chiếc áo giáp, trở ngại có thể đem lại thất bại cho bên phòng ngự, đó là việc kéo tuyến phòng ngự ra quá dài. Còn gì tất nhiên hơn là bị lôi cuốn vào việc tuần tự chiếm lĩnh hết bến vượt sông này tới bến khác, bỏ mất cả vị trí tốt mà lẽ ra phải dừng lại ở đấy; nhưng nếu không tác chiến được với quân đội tập trung thì kết quả sẽ không còn nữa. Một cuộc giao chiến thất bại, một cuộc tháo chạy, những rối loạn và tổn thất đủ thứ, chỉ cần có thế thôi cũng đủ để đẩy quân đội đến bến bờ thất bại dù đối phương kháng cự quyết liệt.

Chúng tôi thấy cần phải khuyên bên phòng ngự là không nên dàn quá mỏng lực lượng của mình, là phải thu nhặt lực lượng trong bất cứ tình huống nào ngay buổi tối hôm quân thù đã vượt được sông, điều này thay thế cho mọi quy tắc khác về sự phối hợp giữa thời gian, không gian và lực lượng: Việc phối hợp đó phụ thuộc vào rất nhiều điều kiện địa phương.

Trận đánh mở màn trong những điều kiện như thế thường hiển thị bằng hoạt động cực mạnh của bên phòng ngự. Những cuộc vượt sông giả định đã làm cho họ im hơi lặng tiếng khi trước thì nay, đến lúc cuối cùng, đã bùng ra dữ dội. Những bất lợi của những đạo quân địch ở trước mặt đã đưa lại cho họ những lợi thế đặc biệt; nếu có những đạo quân khác qua sông ở những nơi khác bao vây phía sườn của bên phòng ngự, họ sẽ không thể dùng số quân ở phía sau để phản công mạnh mẽ như trong một trận phòng ngự, vì làm như thế họ sẽ phải hy sinh phần thuận lợi của mình.**[202]** Như vậy, bên phòng ngự phải thanh toán mọi vấn đề ở mặt trận phía trước, trước khi những đạo quân ấy trở thành nguy hiểm, tức là họ phải tiến công càng nhanh chóng và càng mãnh liệt chừng nào hay chừng ấy và những đạo quân ở trước mặt mình, dồn chúng vào thế thất bại: Trận đánh này sẽ giải quyết mọi vấn đề.

Những kiểu phòng ngự sông ngòi này không bao giờ được sử dụng để chống lại một lực lượng lớn hơn nhiều quá như khi người ta trù liệu cho cuộc phòng ngự trực tiếp một con sông rộng. Vì sớm hay muộn, thế nào rồi ta cũng sẽ tiếp xúc trực tiếp với những bộ phận chính của lực lượng thù địch và dù những cuộc va chạm ấy có

diễn ra trong những điều kiện có lợi, tương quan lực lượng cũng vẫn trở thành một yếu tố phải xét đến.

Chính trong khung cảnh này đã diễn ra cuộc phòng ngự ở những con sông cỡ vừa và những lũng sâu, khi nó liên quan tới bộ phận chính của quân đội: Bộ phận này cần đạt một chiến thắng quyết định; trong trường hợp ấy, ta có thể kháng cự mãnh liệt ở sườn thung lũng, song thuận lợi này không thể bù cho những bất lợi của một vị trí phân tán. Nhưng, nếu chỉ cần củng cố một tuyến phòng ngự thứ yếu để giữ vững trong một thời gian nào đó nhằm chờ viện binh, ta có thể vận dụng biện pháp phòng ngự trực tiếp ở những sườn dốc của thung lũng và cũng có thể ở ngay trên bờ. Tuy trong trường hợp này, người ta không thể nghĩ tới những thuận lợi giống như khi ở những vị trí trên núi, ta cũng phải thấy là cuộc kháng cự đó thế nào cũng kéo dài hơn ở địa hình thông thường. Tuy nhiên, biện pháp này sẽ trở thành rất nguy hiểm, nếu không nói là khó có thể thực hiện, khi con sông rất quanh công khúc khuỷu (trường hợp phổ biến ở những lũng sâu). Ta chỉ cần quan sát dòng sông Mosel của nước Đức. Nếu nhất thiết phải phòng ngự ở dòng sông này và khi phải rút lui, những bộ phận bố trí ở những khúc lồi ra sẽ hầu như không thể tránh khỏi bị tiêu diệt.

Tất nhiên những biện pháp phòng ngự chúng tôi vừa phác ra cho những con sông cỡ vừa, phối hợp tương xứng với khối lượng quân đội, cũng hệt như những biện pháp áp dụng cho một con sông lớn, chỉ khác chăng là có những điều kiện tốt hơn mà thôi. Bên phòng ngự cần sử dụng những biện pháp đó mỗi khi thấy mình sẽ đạt chiến thắng chắc chắn.

Còn một trường hợp khác mà việc phân tích thuộc về vấn đề chiến thuật, đó là trường hợp một chính diện xây dựng *bên bờ* một con sông hoặc thung lũng sâu để quân đội có thể kiểm soát một chướng ngại tiếp cận chiến thuật, tạo một *sự tăng cường về mặt chiến thuật cho chính diện*. Chúng tôi cho rằng tác dụng của cách bố trí này chỉ dựa vào ảo tưởng mà thôi. Nếu chỗ lạm quá sâu, chính diện của vị trí trở thành bất khả xâm phạm. Nhưng vì vượt quá vị trí đó cũng không khó khăn gì hơn vượt qua các vị trí khác cho nên đối với bên phòng ngự, đặt vị trí như thế chỉ có nghĩa là tự nguyện tránh xa đường đi của bên tiến công, ta khó có thể công nhận đó là mục đích của vị trí. Một vị trí như vậy sẽ chỉ có ích khi địa điểm của nó uy hiếp được những tuyến giao thông của bên tiến công, dồn họ đến chỗ nếu họ đi chệch đường thẳng thì sẽ sa vào những hậu quả quá nghiêm trọng.

Ở loại phòng ngự thứ hai này, những nơi vượt sông giả thường nguy hiểm hơn nhiều, vì chúng thường ít gây khó khăn hơn cho bên tiến công, còn bên phòng ngự thì lại phải tập trung toàn bộ quân đội tại nơi thuận tiện. Nhưng một mặt, bên phòng ngự không bị hoàn toàn hạn chế về thời gian, vì những thuận lợi của họ chỉ chấm dứt khi bên tiến công đã tập trung được toàn bộ lực lượng của họ và đã tiến hành thắng lợi nhiều cuộc đổ bộ sang bờ bên kia; mặt khác, những cuộc đột kích tượng trưng**[203]** thường không có tác dụng giống như cuộc phòng ngự theo kiểu dây chuỗi mà mọi việc đều cần được sắp đặt chỉnh đốn và trong việc sử dụng bộ phận dự bị; không phải chỉ tìm xem (như trong loại phòng ngự ta nói ở đây) lực lượng chính yếu của quân

thù hoạt động ở chỗ nào mà còn cần phát hiện được nơi nào sẽ phải nhượng bộ trước, cái đó khó hơn nhiều.

Nói về những vấn đề thuộc hai kiểu phòng ngự những con sông nhỏ và lớn, ta còn phải nói thêm rằng trong lúc vội vã và hỗn loạn rút chạy, không chuẩn bị, không phá hủy các phương tiện vượt sông, không nắm chắc địa hình, hai kiểu phòng ngự nói trên không thể nào thu được kết quả như chúng tôi vừa nói. Thậm chí, trong nhiều trường hợp, ta chẳng nên quá trông cậy vào những biện pháp ấy và vì vậy bao giờ người ta cũng phạm một sai lầm lớn khi cho phân tán một quân đội trên những vị trí quá rộng.

Trong chiến tranh, bất kỳ việc gì, hễ không nắm vững được vấn đề, tiến hành không kiên quyết đầy đủ, đều sẽ thất bại; và việc phòng ngự vùng *sông ngòi* tất cũng sẽ kết thúc bằng thất bại nếu sợ phải đương đầu với quân thù ở đồng quang, nếu ta hy vọng rằng chiều rộng của con sông, bề sâu của thung lũng sẽ cản bước tiến của quân thù. Do không tự tin, cả người lẫn chỉ huy lẫn quân đội đều luôn luôn thấp thỏm lo âu và sớm muộn những triệu chứng đó rồi cũng sẽ bộc lộ. Một cuộc giao chiến ngoài đồng quang không phải là một cuộc đọ sức tay đôi mà hai bên đều có khả năng thắng lợi như nhau; kẻ phòng ngự nào bất lực, không khai thác được những đặc điểm thuộc về bản chất của phòng ngự, không biết sử dụng những cuộc hành quân thần tốc để giành những lợi thế mới, không biết tận dụng sự hiểu biết về địa hình và quyền tự do vận động của mình, sẽ là một kẻ phòng ngự mà không cái gì có thể cứu nổi, một con sông hoặc một thung lũng cũng chẳng có ích gì cho họ.

Hình thức phòng ngự thứ ba, tức là một vị trí mạnh được xây dựng ở bờ sông phía quân thù sẽ là mối đe dọa đối với chúng vì con sông có thể cắt đứt đường rút lui, khiến cho đường rút lui, khiến cho đường rút lui chỉ còn là vài chiếc cầu. Tất nhiên, chỉ ở những con sông quan trọng có khối lượng nước lớn mới có thể nói đến việc vận dụng hình thức này; vì một con sông nhỏ chảy trong một lũng sâu thường có rất nhiều cách vượt sông, thiết tưởng chẳng cần nói đến nó nữa.

Tuy vậy, trận địa của bên phòng ngự phải có công sự trúc thành rất mạnh, có thể nói là bất khả xâm phạm, nếu không chúng ta sẽ chỉ tiếp xúc với địch mà lại bỏ rơi mất thuận lợi của ta. Và, nếu vị trí đó mạnh đến nỗi nếu quân thù không dám quyết định tiến công thì có thể chúng sẽ phải nằm gí lại ở cùng phía chúng ta. Đương nhiên, nếu chúng bám được vào bờ bên kia thì chẳng những giao thông của chúng bị đe dọa, mà đồng thời tuyến giao thông của ta cũng sẽ bị uy hiếp. Gặp trường hợp như vậy, hễ bên này muốn vượt bên kia thì cũng đều như thế cả – cần phải tìm hiểu xem: Ai có đường giao thông bảo đảm hơn về mặt số lượng, về mặt vị trí và về các điều kiện khác, ai sẽ bị thua thiệt nhiều hơn ở các mặt khác và dễ bị đối phương đe dọa nhiều hơn trong cuộc chạy đua này; cuối cùng phải tìm hiểu xem quân đội nào có tiềm lực chiến thắng cao hơn để có thể vận dụng trong trường hợp cần thiết. Đối với cả hai bên, con sông chỉ làm cho nguy cơ xung đột tăng thêm vì mọi người đều bị bắt buộc phải qua cầu. Ngược với bên tiến công, và trong mức độ nào đó, bên phòng ngự có thể có pháo đài bảo vệ che chở các điểm vượt sông và các loại kho tàng. Có thể có

một kiểu phòng ngự như thế, nó có thể thay thế việc phòng ngự trực tiếp một con sông, khi những điều kiện khác không thuận tiện cho hình thức phòng ngự này. Chắc chắn là lúc ấy, con sông không được quân đội bảo vệ, quân đội cũng không được con sông bảo vệ, nhưng cả hai thứ phối hợp lại thì bảo vệ được đất nước, chính đó mới là điều quan trọng.

Tuy vậy, cũng cần phải thừa nhận là khi thiếu một đòn quyết định, khi tình hình đã giống như điện thế của hai điện trường lúc hai cực chưa tiếp xúc, thì hình thức phòng ngự này không thể đương đầu được với một cuộc tiến công vũ bão. Ta có thể vận dụng hình thức đó đối với một viên tướng quá thận trọng, hay do dự, thiếu cương quyết dù ông ta có lực lượng mạnh hơn nhiều lần, cả trong trường hợp hai bên cân sức nhau từ trước và mỗi bên chỉ cố giành giật lấy những ưu thế nhỏ bé. Nhưng nếu đụng phải một tay đã liều mạng, lại có những lực lượng mạnh hơn thì dùng hình thức phòng ngự đó sẽ có nguy cơ sa xuống vực thẳm.

Hình thức phòng ngự đó vừa có vẻ táo bạo vừa có vẻ khoa học đến nỗi người ta muốn gọi nó là tao nhã, nhưng vì tao nhã lại rất gần với phô trương, mà trong chiến tranh người ta lại khó dung thứ được tính xấu này như trong xã hội, nên ít khi ta thấy có dẫn chứng về vẻ tao nhã đó.**[204]** Hình thức phòng ngự thứ ba này khai sinh ra một phương pháp phòng ngự đặc biệt có thể áp dụng cho cả hai loại kia: Tức là chiếm giữ một cái cầu và một đầu cầu để giữ vững mối uy hiếp đối với một chỗ vượt sông.

Ngoài việc kháng cự tuyệt đối bằng lực lượng chủ yếu, mỗi hình thức của ba loại phòng ngự trên sông nói trên đều có thể có ý nghĩa một cuộc *kháng cự tượng trưng*.

Cuộc kháng cự nói trên mà người ta không có ý định tiến hành thực sự, có thể thấy rõ trong nhiều biện pháp khác, và ở bên trong mỗi vị trí (những vị trí này không phải là những cuộc đóng trại ngoài trời đơn giản) nhưng việc phòng ngự tượng trưng ở một con sông lớn trở thành một cuộc biểu dương thực sự, là do trước đó đã phải tiến hành những biện pháp ít nhiều phức tạp, những biện pháp ấy đưa đến những hậu quả đậm nét và lâu dài hơn tất cả những biện pháp khác; và hành động vượt sông trước mắt quân ta bao giờ cũng là một công việc quan trọng đối với bên tiến công, công việc đã được nghiền ngẫm từ lâu, có khi phải trì hoãn cho tới bao giờ có thời cơ thuận lợi.

Khi ta muốn lao vào cuộc phòng ngự tượng trưng ấy, đạo quân chủ yếu phải được phân bổ dọc theo sông gần như cùng kiểu với một cuộc phòng ngự thực sự; nhưng khi đã có ý đồ tiến hành một cuộc phòng ngự tượng trưng hoàn toàn thì đương nhiên ta phải hiểu rằng không có điều kiện để tiến hành phòng ngự thực sự, vì cách bố trí này khi nào cũng ít nhiều rộng rãi và phân tán, có thể gây ra nhiều mất mát nếu các đạo quân bị lôi kéo vào một cuộc kháng cự thực sự, dù nhỏ bé đến mấy cũng vậy. Nói theo đúng nghĩa đen của danh từ thì đó là một biện pháp nửa vời. Trong một cuộc phòng ngự tượng trưng, mọi cuộc bố trí đều nhằm vào một cuộc tập trung quân đội hoàn hảo ở một địa điểm cách xa về phía sau, có thể xa tới nhiều ngày đường và cuộc kháng cự tượng trưng cũng phải xứng đáng với nhu cầu ấy.

Để chứng minh ý nghĩ của chúng tôi, để nêu rõ tầm quan trọng của kiểu phòng ngự tượng trưng này, chúng tôi gợi lại đoạn cuối của chiến dịch năm 1813. Bonaparte lại vượt sông Rhine với khoảng chừng 40.000-50.000 người. Với lực lượng đó, khó có thể hy vọng bảo vệ con sông từ Mannheim đến Nimeguen là nơi quân đội Đồng minh có thể dễ dàng qua sông theo hướng đóng quân của họ. Điểm đề kháng quan trọng đầu tiên mà Bonaparte có thể dự tính là vùng sông Meuse thuộc Pháp, ở đó ông ta có thể xuất hiện với một đạo quân được tăng cường. Nếu ông ta có thể lập tức di chuyển lực lượng của mình tới nơi đó, liên quân chắc sẽ theo sát gót; và nếu ông ta tổ chức cho quân đội dừng chân ở những trạm nghỉ sau sông Rhine thì tình trạng tương tự tất cũng sẽ lại xảy ra, vì tuy quân Đồng minh thận trọng một cách hèn nhát, nhưng họ sẽ chẳng dại gì mà không tung vào cuộc truy kích những toán quân Cossacks và những toán khinh binh khác; và khi thấy hoạt động ấy có kết quả, những bộ phận khác sẽ tiếp theo ngay lập tức. Như vậy, những đạo quân Pháp phải tổ chức để bảo vệ nghiêm mật sông Rhine. Vì người ta có thể tính trước được rằng phòng ngự sẽ chẳng có kết quả gì cho nên một khi quân đội Đồng minh đã qua sông thì phải xem đấy là một cuộc phô trương lực lượng đơn thuần, không có hại cho đạo quân Pháp, vì điểm tập hợp của họ ở sông Mosel thượng. Chỉ còn MacDonald đơn độc cùng với 20.000 người đóng quân tại Nimeguen, thế là đã phạm sai lầm ở lì lại, không chịu cất quân sớm. Và thế là không đuổi kịp Bonaparte trước khi xảy ra trận Brienne, vì chỉ mãi tới giữa tháng giêng, khi đơn vị của Wintzingerode tới mới chịu rút. Cuộc phòng ngự tượng trưng này ở sông Rhine cũng đủ để ngăn bước tiến của Đồng minh và buộc họ phải trì hoãn không dám vượt sông để đợi viện binh, và đã chậm mất sáu tuần lễ. Thời gian đó thật là vô giá với Bonaparte. Không có cuộc phòng ngự tượng trưng ở sông Rhine, chiến thắng ở Leipzig tất dẫn thẳng tới Paris và quân Pháp tất sẽ hoàn toàn không thể chấp nhận một trận đánh ở phía bên này thủ đô.

Phương sách này cũng có thể áp dụng trong việc phòng ngự sông ngòi loại hai, nghĩa là những con sông trung bình; nhưng nói chung hiệu quả sẽ ít hơn, ý đồ vượt sông dễ thực hiện hơn và ảo tưởng cũng tan biến mau hơn.

Trong loại phòng ngự thứ ba việc biểu dương lực lượng tất sẽ lại càng ít hiệu quả hơn và chẳng có tác dụng khác mấy so với bất kỳ một vị trí tạm thời nào. Vả lại, hai hình thức trên của phòng ngự rất thích hợp cho một tuyến tiền đồn, một tuyến phòng ngự tổ chức nhằm đạt một mục tiêu thứ yếu (kiểu dây chuỗi) hoặc đó chỉ là một đạo quân thám sát, nhưng vì có con sông nên mạnh thêm và vững chắc thêm. Trong tất cả các trường hợp ấy, chỉ còn có thể nói đến một cuộc kháng cự tương đối: Một chướng ngại địa hình như thế có thể làm cho nó được đặc biệt củng cố. Không phải là ta chỉ có được khoảng thời gian cầm cự với địch tương đối dài mà quân thù tất nhiên cũng phải do dự trước khi hành động, và rồi thường tới chín phần mười là bỏ cuộc, trừ phi có những lý do cấp thiết thúc ép họ phải hành động.

Chương 19. PHÒNG NGỰ VÙNG SÔNG NGÒI

Cần phải nói thêm vài lời về vai trò của sông lớn và sông con trong công cuộc phòng thủ đất nước khi chúng không phải là đối tượng của phòng ngự.

Những con sông quan trọng, với thung lũng chính và những thung lũng phụ của nó, hợp thành một hệ thống những vật chướng ngại rất quan trọng thường thuận lợi cho phòng ngự; nhưng tác dụng đặc biệt của nó càng rõ nét nếu ta nêu ra được những mối quan hệ chủ yếu giữa các vật chướng ngại ấy.

Ở trường hợp sông chạy dọc theo biên giới, tức là dọc theo chính diện chiến lược chung, nó sẽ có ảnh hưởng khác với trường hợp sông chảy theo đường xiên hoặc thẳng góc với chính diện. Nếu con sông chảy song song với biên giới, ta cần phân biệt trường hợp nó chảy ở phía sau quân đội ta hay chảy ở sau lưng kẻ xâm lược và trong cả hai trường hợp cần phải chú ý tới khoảng cách giữa sông và quân đội.

Khi một con sông nhỏ chảy ở một cự ly ngắn, không dưới một ngày đường bình thường, sau một đạo quân phòng ngự và lại có tương đối đầy đủ chỗ qua sông bảo đảm thì tình thế của quân đội cũng dứt khoát tốt hơn (so với khi không có sông); vì nếu các bến qua sông có hạn chế tự do vận động thì phía sau, nhất là đường giao thông, lại được an toàn. Tất nhiên, ở đây chúng tôi chỉ nói đến công cuộc phòng ngự ở đất nước mình, còn trên đất địch, mặt đối mặt với quân đội đối phương, bao giờ chúng ta cũng phải đề phòng quân thù ở sau ta và ở bên kia sông; với những đường hẻm chật hẹp của nó, con sông còn đem lại cho ta nhiều khó khăn hơn thuận lợi. Con sông càng ở phía sau, xa quân đội thì nó lại càng không có ích; tới một cự ly nào đó thì nó không còn ảnh hưởng gì nữa.

Trong lúc tiến lên phía trước, một quân đội tiến công, nếu phải để lại sau lưng một con sông con thì nó sẽ làm cho cuộc vận động thêm khó khăn vì sự hạn chế đường giao thông của quân đội trong một số điểm qua sông. Năm 1760, hoàng thân Henry, đã dựa vào sông Oder, dàn quân bên bờ phải sông, gần vùng Breslau để đương đầu với quân Nga, nhưng ngược lại, sau này khi quân Nga vượt sông Oder, dưới quyền chỉ huy của Cznernitschef, họ đã lâm vào tình thế rất lúng túng, có nguy cơ mất đường rút lui vì bị thu hẹp vào độc một chiếc cầu.

Khi bãi chiến trường có một con sông con chảy qua theo chiều tương đối thẳng góc với trận tuyến thì bên phòng ngự vẫn có lợi. Trước hết, thường thường có nhiều vị trí thuận lợi lấy dòng sông làm chỗ dựa, lấy các thung lũng phụ của sông này để củng cố chiến tuyến (trong Chiến tranh Bảy năm, quân Phổ đã sử dụng sông Elbe như thế). Sau nữa, bên tiến công buộc phải bỏ trống một bên bờ hoặc phải phân tán lực lượng, việc phân tán ấy một lần nữa lại có lợi cho bên phòng ngự vì họ sẽ có được nhiều bến qua sông chắc chắn hơn bên tiến công. Chỉ cần nhìn qua toàn bộ diễn biến của cuộc Chiến tranh Bảy năm là đủ thấy được con sông Oder và Elbe rất có ích cho Frederick Đại đế trong công cuộc bảo vệ chiến trường của Ngài tại các vùng Silesia, Saxony, Brandenburg. Các dòng sông đó cũng đều bất lợi đối với quân Áo và

quân Nga khi họ muốn đánh chiếm những vùng trên, tuy suốt quá trình diễn biến cuộc Chiến tranh Bảy năm, không hề có một cuộc phòng ngự sông ngòi thực thụ nào và đối với quân thù thì những con sông ấy lại chảy theo chiều xiên hoặc thẳng góc với mặt trận chứ không chảy song song theo mặt trận.

Chỉ khi nào dòng sông chảy theo hướng thẳng góc với mặt trận thì lúc ấy nó mới trở thành một phương tiện vận chuyển quý giá cho bên tiến công; vì bao giờ họ cũng có tuyến giao thông dài hơn nên có nhiều khó khăn hơn trong việc vận chuyển, dĩ nhiên họ phải quan tâm tới đường sông, vì đường sông đặc biệt có ích cho họ. Nhưng ở đây, bên phòng ngự cũng vẫn có lợi là có thể cắt ngang dòng sông bằng những pháo đài xây dựng ngay từ ở biên giới; còn trên đoạn đường trước khi đến biên giới dòng sông vẫn thuận lợi đối với bên tiến công. Nhưng cũng có nhiều con sông không thể dùng vào việc vận chuyển được, tuy về phương diện quân sự chúng có bề rộng đáng kể; và nhiều con sông khác thì lại không thể sử dụng được trong cả bốn mùa. Việc giao thông ngược dòng rất chậm và khó khăn; có những con sông quanh co khúc khuỷu làm cho thời gian cần thiết tốn tới hai lần hoặc có khi hơn nữa; vả lại ngày nay những con đường lớn đều là những con đường giao thông chủ yếu từ nước này qua nước khác; hơn nữa bây giờ quân đội thường tự tổ chức tiếp tế ở ngay những tỉnh gần nhất hơn là mua các vật dụng từ xa đến. Những điều nói trên chứng minh là trong việc nuôi quân, việc vận chuyển đường thủy không có một vị trí quá to lớn như trong sách vở người ta thường hay làm cho ta hiểu lầm; ảnh hưởng của nó rất xa xôi và mờ nhạt.

Chương 20.

A – PHÒNG NGỰ VÙNG ĐỒNG LẦY

Rất hiếm thấy những vùng lầy lội có diện tích lớn như đồng lầy Bourtanger ở miền Bắc nước Đức cho nên dừng lại để nói nhiều về vấn đề này thật có vẻ như vô ích; nhưng ta không nên quên rằng một số những vùng đất thấp và các bờ sông lầy lội thì lại phổ biến hơn nhiều: Chúng hình thành những vùng rộng lớn có thể sử dụng (và trên thực tế đã được sử dụng) trong công cuộc phòng ngự.

Các biện pháp dùng để phòng ngự những vùng này cũng gần giống như các biện pháp dùng để phòng ngự những con sông nhỏ, song cần phải chú ý đến một số đặc điểm. Đặc điểm đầu tiên và cũng là đặc điểm chính là: Trừ các bờ đê ra thì các đầm lầy đều rất trở ngại cho bộ binh và vì vậy, đối với binh chủng này, việc đi qua đồng lầy lại khó hơn vượt sông rất nhiều. Trước tiên, việc xây dựng đê mất nhiều thì giờ hơn việc xây dựng cầu; sau nữa, ta không thể dùng biện pháp tạm thời nào bảo đảm cho một số binh lính vượt đồng lầy trước để bảo vệ công cuộc xây dựng đó. Chẳng ai xây dựng cầu mà không sử dụng một phần thuyền bè cho đội tiền vệ qua trước; nhưng ở trường hợp đồng lầy, không thể dùng biện pháp này được. Nếu chỉ có bộ binh thì dùng ván để qua đồng lầy có thể là tốt nhất; nhưng nếu đồng lầy quá rộng thì biện pháp này mất thì giờ hơn nhiều so với việc dùng thuyền qua sông. Nếu giữa đồng lầy lại có một con sông, không có cầu, thì nhiệm vụ vượt sông của những đơn vị yểm trợ lại càng gặp khó khăn gấp bội; vì chỉ con người mới có thể đi trên ván thôi, còn nếu chuyên chở vật liệu rất nặng về làm cầu thì không dùng cách trên được. Khó khăn đó thật không dễ vượt qua.

Đặc điểm thứ hai của các đồng lầy là: Người ta không thể bỏ lại tất cả những phương tiện qua lại như lúc vượt sông. Người ta có thể đánh gãy hoặc phá hủy một chiếc cầu làm cho nó trở thành vô dụng; nhưng đối với một bờ đê thì chỉ có cách cắt ngang nó đi: Việc này không có ý nghĩa gì nhiều lắm. Nếu có một dòng sông nhỏ chảy qua, người ta cũng có thể phá hủy chiếc cầu, nhưng vùng đồng lầy không phải vì thế mà trở nên hoàn toàn không thể vượt qua được như đối với một con sông lớn khi chiếc cầu đã bị phá hủy. Ở đồng lầy, dù chỉ muốn đạt một thuận lợi nhỏ thôi cũng đã phải đóng quân vững chắc và bảo vệ các bờ đê một cách nghiêm túc.

Một mặt người ta bắt buộc phải sử dụng công cuộc phòng ngự tại chỗ, một mặt khác, công cuộc phòng ngự này lại dễ dàng hơn vì không thể vượt sông ở bất cứ chỗ nào khác. Chính vì hai lý do đó cho nên việc phòng ngự ở vùng đồng lầy phải có tính chất tại chỗ hơn, thụ động hơn việc phòng ngự ở các dòng sông.

Vì vậy, trong việc phòng ngự một vùng đồng lầy, ta phải tương đối mạnh hơn so với lúc phòng ngự trực tiếp một dòng sông lớn; nói một cách khác, ở đồng lầy người ta không thể xây dựng những tuyến phòng ngự dài như các dòng sông, nhất là trong các xứ trồng trọt nhiều như ở châu Âu: Ở đấy, trong những điều kiện thuận lợi nhất,

những chỗ qua lại bao giờ cũng vẫn rất nhiều.

Về mặt đó mà nói, đồng lầy nhường bước cho những dòng sông lớn: Điều này rất quan trọng vì mọi cuộc phòng ngự tại chỗ đều có một cái gì mập mờ và nguy hiểm. Nhưng những vùng đồng lầy và vùng đất thấp nói chung rộng lớn hơn rất nhiều so với các dòng sông lớn ở châu Âu; vì vậy ở đây, một cái đồn được xây dựng để bảo vệ không hề có nguy cơ bị hỏa lực từ phía bên kia tiêu diệt. Một bờ đê rất dài và rất hẹp sẽ làm cho hiệu quả hỏa lực của cái đồn đó tăng lên rất nhiều và thời gian cần thiết để vượt một phần tư hoặc một nửa dặm trên con đường hẹp như thế sẽ nhiều đi so với việc đi qua một chiếc cầu. Tất cả những suy nghĩ trên làm cho chúng tôi tin rằng: Vì không có nhiều chỗ qua lại, nên vùng đất thấp và đồng lầy là một trong những tuyến phòng ngự mạnh nhất.

Phòng ngự gián tiếp, như phòng ngự ở sông lớn và sông nhỏ (ở đây chướng ngại địa hình là điều kiện thuận lợi để tiến hành trận đánh chủ yếu) cũng có thể ứng dụng được đối với đồng lầy.

Nhưng cách phòng ngự sông ngòi thứ ba, tức là phương pháp đánh chiếm vị trí trên bờ sông phía bên địch, có thể rất nguy hiểm vì vượt sông rất tốn thì giờ.

Việc mạo hiểm phòng ngự ở các vùng đồng lầy, đồng cỏ ẩm ướt, v.v. Là rất nguy hiểm nếu, ngoài các bờ đê ra, các vùng này không phải là hoàn toàn không qua lại được. Chỉ cần có một chỗ vượt sông rất nhỏ là địch có thể đột phá được tuyến phòng ngự của chúng ta: Điều này dẫn đến những tổn thất lớn nếu ta muốn phòng ngự nghiêm túc.

B – CÁC TRẬN LỤT

Chúng ta chỉ còn phải nghiên cứu về các trận lụt. Vừa là phương tiện phòng ngự lại vừa là hiện tượng thiên nhiên nên các trận lụt rõ ràng là cùng loại với các vùng đồng lầy, không ai chối cãi được.

Dĩ nhiên, lụt lội không phải là hiện tượng phổ biến. Đứng về phía quan điểm chúng ta đang nghiên cứu mà nói thì Hà Lan có lẽ là nước châu Âu duy nhất có hiện tượng lụt đáng chú ý. Vì những chiến dịch nổi tiếng của nó năm 1672 và 1787, vì các mối quan hệ đủ loại của nó với Pháp và Đức, nên Hà Lan có một vài điểm khiến ta phải lưu tâm.

Lụt ở Hà Lan khác vùng đất ướt át, lầy lội và khó đi lại về những mặt sau đây:

1. Bản thân đất đai vẫn khô ráo, gồm có nhiều đồng cạn trồng cỏ và đất trồng trọt khác.

2. Vì nhu cầu tưới nước và tháo nước nên có nhiều mương rãnh sâu, rộng khác nhau chạy ngang dọc trong xứ và nhiều khi chạy song song với nhau.

3. Lại có những con sông đào khác lớn hơn dùng làm đường giao thông và để tưới, tiêu nước. Những con sông này, đều có đê ở hai bên bờ, chạy ngang dọc khắp xứ; muốn qua sông, phải có cầu.

4. Mực nước tất cả các diện tích bị ngập đều thấp hơn mặt biển và vì vậy cũng

thấp hơn mặt nước các con sông đào.

5. Do đó, lúc phá đê, lúc đóng hay mở van thì toàn xứ sở có thể bị ngập nước, cho nên chỉ có những đường đê cao nhất là còn khô ráo: Đó là đường giao thông độc nhất trong xứ; còn các đường khác thì hoặc hoàn toàn bị ngập nước hoặc bị lầy lội đến nỗi không sử dụng được. Kể cả lúc nước chỉ ngập sâu độ ba hay bốn bộ**[205]** trên những đoạn đường không dài lắm, ta có thể lội qua mà vẫn không lội được vì có những hố nhỏ không thể nhìn thấy đã nói ở điểm 2. Chỉ ở những nơi mà các mương nhỏ chạy song song với nhau, người ta mới có thể đi dọc mương: Ở những nơi này, nước lụt tuyệt đối không cản trở việc tiếp cận nữa. Dĩ nhiên, điều đó chỉ có giá trị đối với những đoạn đường rất ngắn và đối với những mục đích chiến thuật có tính chất đặc biệt.

Trong những điều kiện như thế:

1. Bên tiến công bị giới hạn trong một số rất ít con đường tiếp cận. Hơn nữa, ở hai bên đường lại có mương đầy nước: Đường đã trở thành một hành lang rất dài, rất hẹp và vô cùng nguy hiểm.

2. Trên một bờ đê như thế, phòng ngự bằng cách nào đi nữa cũng không ai có thể đánh bại được.

3. Bị hạn chế như thế nên bên phòng ngự chỉ có cách phòng ngự thụ động nhất, kể cả trên những vị trí cô lập, và chỉ nhờ kháng cự thụ động như thế mới hy vọng thoát hiểm được.

4. Không thể có vấn đề: Sử dụng một tuyến phòng ngự độc nhất để đóng kín đất nước lại như một dãy hàng rào bình thường; chướng ngại chống tiếp cận dùng để che chở phía sườn ở đâu cũng như nhau, người ta luôn luôn có thể xây dựng những đồn mới, cho nên nếu một phần của tuyến phòng ngự đầu tiên bị sụp đổ thì có thể thay nó bằng tuyến khác. Người ta có thể nói rằng: Ở đây có hằng hà sa số cách kết hợp cũng như ở trên bàn cờ vậy.

5. Nhưng những điều kiện tổng quát như thế đòi hỏi một trình độ canh tác rất cao và một mật độ dân cư rất dày, dĩ nhiên so với những vị trí chiến lược khác thì số lượng địa điểm qua sông phải rất nhiều và vì vậy, số lượng các đồn binh chốt chặt ở các điểm này cũng không phải là ít; tất cả những điều đó có nghĩa là: Một tuyến phòng ngự như thế không thể kéo dài được.

Tuyến phòng ngự chính của Hà Lan đi từ Naarden, trên vịnh Zuiderzee, chạy dài sau sông Vecht rồi kết thúc ở Gorkum trên sông Waal (tóm lại là ở xứ Biesbosch). Nó chạy dài khoảng tám dặm. Để bảo vệ tuyến này, năm 1672 và 1787 cần có một lực lượng độ 25.000 đến 30.000 người. Nếu người ta có thể dựa chắc chắn vào một sự kháng cự vô địch, kết quả sẽ lớn vô cùng, ít nhất là đối với tỉnh Hà Lan ở sau phòng tuyến ấy. Thật vậy, năm 1672, phòng tuyến này kháng cự nổi với một lực lượng lớn hơn rất nhiều, lại do những vị tướng lỗi lạc chỉ huy (lúc đầu là Condé sau là Luxembourg): Họ có thể sử dụng từ 40.000 đến 50.000 người để tiến công phòng tuyến. Tuy vậy, họ vẫn không làm như thế và đợi mùa đông đến, nhưng mùa đông này lại không đến nỗi khắc nghiệt lắm. Trái lại, năm 1787, sự kháng cự của phòng

tuyến thứ nhất ấy chỉ bằng con số không. Thậm chí cuộc kháng cự nghiêm túc hơn trên một phòng tuyến ngắn hơn giữa vịnh Zuiderzee và biển Haarlem, cũng bị công tước Brunswick bẻ gãy trong một ngày: Công tước đã bố trí chiến thuật rất khôn khéo, phù hợp với điều kiện địa phương tuy lực lượng vũ trang Phổ được sử dụng trong cuộc tiến công phòng tuyến này chỉ mạnh hơn lực lượng phòng ngự chút ít (nếu như họ có mạnh hơn thật).

Từ trường hợp này sang trường hợp khác, thắng lợi không ngang nhau chính vì bộ chỉ huy cao nhất cũng không ngang nhau. Năm 1672, người Hà Lan bị Louis XIV tiến công trong tình trạng không chuẩn bị chiến đấu. Tinh thần của quân đội rất tầm thường (ít nhất ta có thể nói như thế đối với lục quân).

Phần lớn các thiết bị pháo đài quá kém; lính đồn trú là lính đánh thuê quá yếu, lại do người ngoại quốc không trung thành hoặc do dân bản địa bất lực chỉ huy. Vì vậy, các pháo đài của xứ Brandenburg trên sông Rhine, do người Hà Lan chiếm đóng và tất cả các vị trí có công sự phòng ngự ở phía đông phòng tuyến mà chúng tôi vừa nói đều không kháng cự thật sự; tất cả các vị trí trên, trừ Groningen, đều rơi vào tay người Pháp. Toàn bộ hoạt động của quân đội Pháp gồm đến 150.000 người, chỉ dùng vào việc chiếm các pháo đài nói trên.

Nhưng đến tháng 8 năm 1672, sau khi anh em de Witt bị ám sát, Prince of Orange lên cầm quyền và phối hợp các biện pháp phòng ngự thì đã vừa đúng lúc phải đóng phòng tuyến mà chúng tôi vừa nói. Từ lúc ấy, hết thảy mọi biện pháp đều khớp với nhau đến nỗi cả Condé, cả Luxembourg (hai ông này chỉ huy quân đội Pháp ở lại Hà Lan sau khi hai đạo quân của Turenne và Louis XIV rút đi) đều không dám đánh vào các đồn.

Năm 1787, tình hình lại khác hẳn. Thực ra, không phải cả liên minh bảy tỉnh của nước Cộng hòa Netherlands, mà chỉ có một tỉnh Hà Lan là địch thủ thực sự của bên tiến công và phải chống lại cuộc xâm lược. Vì vậy, không còn vấn đề chinh phục bằng được tất cả các pháo đài: Năm 1672, các pháo đài này lại là mục đích chính của các cuộc tranh chấp; như vậy thì công cuộc phòng ngự lập tức được giới hạn trong tuyến đã nói trên. Bởi vậy, bên công kích không còn đến 150.000 mà chỉ còn 25.000 người; cũng không phải đức Hoàng thượng chúa tể của một cường quốc láng giềng**[206]** mà chỉ là một người tướng bình thường được một ông hoàng thân xa xôi ủy quyền và chính hoàng thân này cũng không được tự do hành động. Tuy nhân dân Hà Lan cũng như tất cả các nơi khác chia làm hai phe nhưng ở tỉnh này, phe những người Cộng hòa trong trạng thái sôi sục rõ ràng có ưu thế hơn. Trong những điều kiện như thế, đáng lẽ cuộc kháng cự ít nhất cũng thu được thắng lợi tương đương với thắng lợi năm 1672.

Nhưng một yếu tố quan trọng đã tác động xấu đến công cuộc kháng cự: Chỉ huy không thống nhất. Năm 1672, sự chỉ huy được giao cho William Prince of Orange khôn khéo, thông minh, đầy nghị lực nhưng đến năm 1787 thì bộ chỉ huy lại được giao cho một cái gọi là Ủy ban Quốc phòng gồm có bốn anh chàng mạnh khỏe. Tuy vậy, cái ủy ban này đã không thể phối hợp các biện pháp phòng ngự được và cũng

không làm cho binh sĩ tin tưởng mà không có sự tin tưởng này thì toàn thể bộ máy cũng trở thành bất lực và không hoạt động được.

Chúng tôi dừng lâu ở thí dụ trên vừa để nói rõ quan niệm của chúng tôi về phương pháp phòng ngự này, vừa để chỉ rõ rằng kết quả có thể thay đổi rất nhiều nếu toàn bộ được tổ chức thống nhất và logic.

Tổ chức và phương pháp kháng cự của một tuyến phòng ngự như thế thuộc phạm vi chiến thuật: Nhưng chúng tôi cũng đưa ra một vài nhận xét thuộc phạm vi chiến lược về những tuyến phòng ngự nói trên, vì chiến dịch năm 1787 cho chúng tôi cơ hội để làm việc đó.

Tuy việc bảo vệ mỗi một đồn riêng biệt nhất định phải thụ động, một cuộc phản công từ một điểm nào đó của tuyến này không phải là không làm được và có thể đưa lại những kết quả tốt nếu đối phương không có ưu thế rõ rệt (như năm 1787). Thật ra nếu chỉ tiến công vào bờ đê thì vận động không được tự do hoàn toàn và cũng không có sức thúc đẩy mạnh mẽ, vì bên công kích chỉ có thể chiếm đóng các bờ đê và các đường tiến quân. Bởi vậy, bên phòng ngự biết rõ xứ sở, giữ được các địa điểm có công sự phòng ngự, thế nào rồi cũng tìm ra được một biện pháp nào đó để tiến công thực sự vào sườn của các đạo quân công kích hoặc để cắt đứt đường tiếp tế của họ. Nếu người ta chú ý thêm là chính tình hình bên công kích cũng rất bấp bênh và phụ thuộc chặt chẽ vào đường giao thông hơn bất kỳ trường hợp nào, người ta sẽ hiểu một cách dễ dàng rằng bất kỳ một cuộc tiến công nhỏ nào của bên phòng ngự dầu kết quả bấp bênh đến mấy cũng có một tầm quan trọng lớn, kể cả trong trường hợp chỉ để biểu dương lực lượng. Chúng tôi tin rằng: Công tước Brunswick khôn ngoan có thể không dám lại gần Amsterdam nếu người Hà Lan tiến hành một cuộc vận động nhỏ, thí dụ như vận động từ Utrecht, để biểu dương lực lượng.

Chương 21. PHÒNG NGỰ VÙNG RỪNG

Trước tiên cần phải phân biệt hai loại rừng: Rừng dày, hiểm trở, hoang sơ với những khu rừng trồng rộng rãi, thưa thớt, có nhiều đường mòn đi qua.

Hễ đã có tuyến phòng ngự thì phải để rừng lại phía sau hoặc tránh xa nó bằng bất cứ giá nào. Bên phòng ngự cần có tầm nhìn tự do hơn bên công kích vì bên phòng ngự phần nhiều yếu hơn, hoặc vì tình thế có thể thuận lợi hơn nên họ có thể để cho bên công kích bộc lộ kế hoạch của mình ra trước. Nếu họ lại đến chiếm vị trí đối diện với một khu rừng thì họ sẽ tự đặt mình vào tình thế của một người mù đánh nhau với một đối phương sáng mắt. Nếu họ lại đóng quân ngay giữa rừng thì họ cũng mù như bên kia, nhưng chính tình trạng ngang nhau này lại có hại cho bên phòng ngự.

Một vùng đất rừng không bao giờ đem lại thuận lợi cho những cuộc giao chiến phòng ngự (trừ trường hợp nó ở phía sau bên phòng ngự và che giấu không cho bên địch biết những gì xảy ra sau lưng mình), mặc dầu nó vẫn che chở và giúp cho bên phòng ngự rút lui dễ dàng hơn.

Đây chỉ nói đến những khu rừng trên đất bằng phẳng, vì khi địa hình vùng núi chiếm ưu thế thì nó sẽ quyết định các biện pháp chiến thuật và chiến lược; chúng tôi đã từng nói đến những biện pháp này.

Nhưng những khu rừng hiểm trở, chỉ có ít đường sá đi qua, đem lại cho bên phòng ngự gián tiếp những khả năng giống như ở vùng núi để tổ chức giao chiến trong những điều kiện thuận lợi. Quân đội tập trung đông đặc đến mức độ nào đó có thể đợi sau một khu rừng để rồi lao vào kẻ địch khi họ mới ra khỏi đường hẹp. Vì có hiệu quả như vậy, các loại rừng này giống như một dãy núi hơn là một khúc sông, vì đi qua những khu rừng như thế rất tốn thì giờ và rất khó khăn, còn rút lui qua đó thì lại dễ dàng hơn là nguy hiểm. Nhưng đối với một chuỗi tiền đồn, dầu mỏng manh đến mấy đi nữa, thì việc bảo vệ trực tiếp các khu rừng (kể cả những khu rừng hiểm trở) khi nào cũng đầy mạo hiểm. Vì những đống cây rừng được ngả xuống chẳng qua cũng chỉ là những hàng rào tưởng tượng, và một khu rừng dẫu hiểm trở đến mấy thì những đội quân nhỏ cũng vẫn có thể đi qua ở hàng trăm chỗ khác nhau. Trước một chuỗi dây xích phòng ngự, những đội quân như thế có thể được coi như nước đã bắt đầu thẩm lậu qua đê và báo hiệu đê sắp vỡ.

Nhưng nếu có nổi dậy trong cả nước thì cả hai loại rừng sẽ có tầm quan trọng lớn, không gì so sánh được; các lực lượng nổi dậy sẽ sống ở đây như cá sống trong nước. Khi kế hoạch chiến lược của bên phòng ngự đã bố trí cho các đường giao thông đi qua các khu rừng thì bộ máy phòng ngự đã có trong tay một con chủ bài mạnh vào loại nhất.

Chương 22. DÂY CHUỖI

Danh từ dây chuỗi dùng để chỉ mọi biện pháp phòng ngự trực tiếp ở cả một khu vực, bằng một tuyến đồn binh liên tục. Chúng tôi nói: Trực tiếp vì nhiều quân đoàn của một quân đội lớn đóng bên nhau, tuy vẫn bảo vệ cho một khu vực lớn chống mọi mưu đồ xâm lược của kẻ địch nhưng vẫn không phải là một dây chuỗi; các quân đoàn này không che chở trực tiếp mà trái lại chỉ che chở nhờ vào những cuộc phối hợp và vận động.

Dĩ nhiên là một tuyến phòng ngự dài, đủ bảo vệ trực tiếp cho một khu vực rộng lớn, chỉ có thể có một khả năng kháng cự rất yếu ớt. Dù binh lính được sử dụng có đông đến bao nhiêu thì công cuộc phòng ngự này vẫn cứ yếu ớt trước một lực lượng ngang sức. Vì vậy, một dây chuỗi chỉ có thể dùng để bảo vệ một vị trí chống một cuộc tiến công khá yếu, dù nguyên nhân của sự yếu ớt này là do nghị lực kém cỏi hoặc do lực lượng chiến đấu không đầy đủ.

Chính Vạn lý trường thành đã được xây dựng theo ý đồ đó để chống lại những cuộc đột kích của người Tartars.**[207]** Do chính cũng là chức năng của tất cả các phòng tuyến và biên giới châu Âu giáp với Thổ Nhĩ Kỳ và châu Á. Ứng dụng theo hướng đó, hệ thống dây chuỗi chẳng có gì là không hợp lý hoặc không thích đáng cả. Dĩ nhiên, nó không đủ để chặn đứng bất kỳ cuộc xâm lược nào; nhưng nó làm cho các cuộc xâm lược gặp khó khăn nhiều hơn và vì vậy ít xảy ra hơn; điều này rất quan trọng trong tình thế của các dân tộc châu Á; ở đây, chiến tranh hầu như luôn luôn ở trạng thái thường trực.

Các phòng tuyến xây dựng trong quá trình các cuộc chiến tranh hiện đại giữa các quốc gia châu Âu, như các phòng tuyến Pháp trên sông Rhine và ở Hà Lan, gần giống với các dây chuỗi nói trên nhất. Nói cho cùng, các phòng tuyến này chỉ dùng để bảo vệ xứ sở chống lại những cuộc tiến công có mục đích thu thuế hoặc sống bám vào đối phương. Chức năng độc nhất của nó là ngăn chặn các hoạt động nhỏ vì vậy nó chỉ cần một số binh lính rất ít. Nói cho đúng, nếu lực lượng chính của địch hướng về các phòng tuyến này thì bên phòng ngự cũng phải đưa đại quân đến đó, đây không phải là điều bảo đảm tốt nhất cho phòng ngự. Chống những cuộc cướp bóc, vơ vét chỉ có tầm quan trọng thứ yếu trong một cuộc chiến tranh ngắn ngủi; ở đây, các phòng tuyến này có thể dẫn đến những sự tiêu phí lực lượng quá mức; vì vậy, hiện nay người ta cho biện pháp này là có hại. Chiến tranh càng mãnh liệt, biện pháp này càng vô ích, càng nguy hiểm.

Cuối cùng, người ta cũng có thể coi tất cả các tuyến tiền đồn rất rộng, bảo vệ nơi đồn trú của một đạo quân và kháng cự đến mức độ nào đó lúc cần thiết, như là những dây chuỗi thực sự.

Các loại kháng cự này thường có mục đích đề phòng mọi cuộc đột kích và mọi cuộc đánh phá nhỏ, thường đe dọa sự an toàn của một số nơi đồn trú; nếu được địa hình thích hợp thì kháng cự như thế cũng đủ. Trong trường hợp lực lượng chính của

địch tiến quân thì sự kháng cự này chỉ là tương đối, nghĩa là có mục đích giành một số thời gian. Nhưng thường thường, số thời gian giành được là không nhiều lắm và vì vậy đó không phải là mục đích của tuyến tiền đồn. Việc tập trung và tiến quân của quân đội địch không thể kín đáo đến nỗi chỉ có tuyến tiền đồn mới báo cho bên phòng ngự biết trước được; nếu quả sự việc đã xảy ra như vậy thì thật đáng phàn nàn.

Tuyến dây chuỗi cũng chỉ phải kháng cự với những cuộc tiến công yếu; vì phải đáp ứng một nhu cầu hạn chế nên trong trường hợp này cũng như trong hai trường hợp trên, chức năng của nó vẫn không hề có mâu thuẫn gì cả.

Tuy vậy, một đôi khi người ta vẫn thấy lực lượng chính đáng dùng để chống lực lượng chính của địch bảo vệ đất nước thì lại bị phân tán thành một dãy đồn binh phòng ngự dài dằng dặc, và biến thành một dây chuỗi. Biện pháp này vô lý đến nỗi phải xem nguyên nhân và hậu quả của nó.

Ở vùng núi, kể cả những vị trí của toàn bộ lực lượng tập trung lại để tác chiến, vị trí nào cũng nhất định phải trải rộng ra hơn ở đồng bằng. Nó *có thể* trải rộng ra như vậy chính vì địa hình thuận lợi tăng thêm khả năng kháng cự rất nhiều; nó *phải* làm như thế vì người ta cần có một căn cứ rút lui rộng rãi hơn như chúng tôi đã chứng minh trong chương nói về phòng ngự ở vùng núi. Nhưng, trong một số trường hợp, không có một triển vọng tác chiến nào trong thời gian sắp tới, và kẻ địch có thể ở lại khá lâu trước mắt ta mà không hành động gì cả, trừ những trường hợp có thời cơ thúc đẩy. Quả thật, đó là tình hình của phần lớn các cuộc chiến tranh thời xưa. Trong trường hợp này, dĩ nhiên ta không thể hài lòng về khoảng đất vừa đủ cho vị trí, nhưng ta lại thấy cần phải mở rộng nó ra cả ở bên phải, cả ở bên trái, càng nhiều càng tốt với điều kiện là quân đội vẫn an toàn: Như thế ta sẽ có rất nhiều thuận lợi mà chúng tôi sẽ chứng minh. Trong một vùng quang đãng dễ đến, thì nguyên tắc *vận động* cho phép ta đạt mục đích trên một cách dễ dàng hơn ở miền núi; bởi vậy việc mở rộng địa bàn hoạt động và phân tán lực lượng lại không cần thiết lắm, nhưng nếu phải làm như thế thì lại càng nguy hiểm vì mỗi bộ phận sẽ bị yếu đi rất nhiều.

Ở vùng núi, muốn chiếm lĩnh một vùng nào đó thì phải phụ thuộc vào việc phòng ngự tại chỗ; ta không đến ngay một địa điểm bị đe dọa, và một khi quân địch đã chiếm đóng được địa điểm đó thì dù có dùng ưu thế lực lượng nhằm đuổi chúng đi cũng chẳng dễ dàng gì. Vì vậy, ở vùng núi người ta phải đi đến chỗ xây dựng một chuỗi đồn phòng ngự: Đó không phải thật sự là dây chuỗi thì cũng gần giống như thế. Dĩ nhiên, giữa cách bố trí thành đồn tách biệt và dây chuỗi, có một khoảng cách lớn, nhưng các vị tướng thường không hiểu thấu điều đó và thường để cho các biến cố lôi kéo. Lúc đầu, việc phân tán lực lượng có đường để bảo vệ và chiếm lĩnh xứ sở; sau đó thì chính bản thân các lực lượng lại đòi hỏi phải được an toàn nên lại tiếp tục phân tán. Người đồn trưởng nào cũng đều cân nhắc xem nếu mình chiếm thêm một điểm tiếp cận nào đó ở bên trái hoặc bên phải thì được lợi gì, và thế là cứ từng bước một, dần dần toàn bộ quân đội cũng bị phân tán.

Không thể xem một cuộc chiến tranh dây chuỗi sử dụng toàn bộ lực lượng chính như một hình thức chiến tranh tự do lựa chọn để ngăn chặn mọi cuộc tiến công của

địch, mà phải thấy rằng quân đội đã bị rơi vào tình trạng đó tuy không muốn thế, vì nó theo đuổi một mục đích khác hẳn. Mục đích khác đó là: Chiếm đóng và bảo vệ xứ sở chống một kẻ thù không muốn tiến hành một hoạt động quyết định. Tình trạng trên bao giờ cũng là kết quả của một lỗi lầm nào đó và người tướng luôn luôn bị bắt buộc phải nhân nhượng để cho phép đóng quân từ đồn này sang đồn khác vì những lý do vụn vặt so với mục đích của đạo quân chính; lập luận trên ít ra cũng chứng minh được rằng người ta có khả năng phạm sai lầm như thế. Người ta có thể không thấy rõ là đã phạm sai lầm và đã đánh giá sai tình hình địch cũng như tình hình ta, do đó người ta chỉ nói đến những thiếu sót, chuệch choạc của *hệ thống* (quân sự – *ND*).

Nhưng chẳng bao giờ người ta lại không mặc nhiên tán thành hệ thống này nếu nó thành công hay ít nhất nếu nó được ứng dụng mà không đưa đến tổn thất nào. Ai cũng ca ngợi những chiến dịch *hoàn hảo* của hoàng thân Henry trong cuộc Chiến tranh Bảy năm vì nhà vua (Frederick Đại đế – *ND.*) cũng đã ca ngợi như thế; tuy vậy, những chiến dịch này lại là những thí dụ nổi bật nhất và khó hiểu nhất về các vị trí trải rộng đến nỗi chính chúng là những vị trí đầu tiên xứng đáng với cái tên dây chuỗi. Dĩ nhiên, người ta có thể giải thích các vị trí ấy bằng cách nói: Hoàng thân đã nắm vững đối phương, ông ta biết rằng họ sẽ không tiến hành những hoạt động quyết định và, vì các cách bố trí của ông ta khi nào cũng có mục đích chiếm đóng một khu vực càng rộng càng tốt nên ông ta thấy mình có thể đi xa được bao nhiêu thì càng hay bấy nhiêu. Nếu trong lúc hoàng thân dệt cái mạng nhện đó mà gặp tai họa, nếu ông ta bị tổn thất trầm trọng, thì có lẽ người ta đã nói rằng: Hệ thống quân sự của hoàng thân không xoàng đâu, nhưng ông ta đã lầm lẫn trong lúc áp dụng và đã sử dụng hệ thống nói trên không đúng lúc.

Chúng tôi đã thử giải thích cách sử dụng cái gọi là hệ thống dây chuỗi trên chiến trường. Chúng tôi cũng đã giải thích: Trong những điều kiện nào thì biện pháp trên không còn là vô lý nữa và có thể trở thành hợp lý và có ích. Nhưng đồng thời chúng tôi cũng phải nói thêm rằng trong một số trường hợp, các vị tướng hoặc ban tham mưu của họ hình như đã hiểm lầm ý nghĩa của dây chuỗi, họ đã tưởng giá trị tương đối của dây chuỗi là một giá trị tuyệt đối; họ cũng đã tưởng rằng dây chuỗi có thể chống đỡ với bất kỳ cuộc tiến công nào của địch: Điều này không phải là một sai lầm đơn giản về mặt ứng dụng cách bố trí trên, đó chính là một sự không hiểu biết toàn diện. Chúng tôi cho rằng: Năm 1673 và năm 1674, điều vô lý này là một trong rất nhiều điều vô lý khác đã ngự trị trong công cuộc phòng ngự ở núi Vosges của quân đội Phổ và Áo.

Chương 23. VỊ TRÍ YẾT HẦU CỦA XỨ SỞ

[208]

Trong những ý kiến về nghệ thuật quân sự, không có ý kiến nào lại chiếm một vị trí rộng rãi trong các giới bình luận như ý kiến mà chúng tôi sắp nghiên cứu. Đây là cái đinh của tất cả mọi chuyện kể về chiến tranh, trọng tâm của đủ các loại lý luận, một trong các công thức được đem dùng nhằm làm cho những lời phê bình có vẻ khoa học. Thế nhưng, khái niệm bao hàm trong ý kiến này lại chưa bao giờ được xác định và cũng chưa bao giờ được phát biểu rõ ràng.

Từ những ý kiến đó, chúng ta hãy thử rút ra định nghĩa chính xác cũng như thấy được tầm quan trọng của nó đối với hành động thực tế.

Chúng tôi cho rằng, ở đây phải phân tích vấn đề đó vì chính những lời phân tích này phải nói tiếp theo những lời bình luận về phòng ngự ở vùng và sông ngòi, về các vị trí có công sự trúc thành: Chính khái niệm về yết hầu của xứ sở gắn chặt với những vấn đề đó.

Cái thành ngữ quân sự đã lâu đời này (yết hầu – *ND*) mơ hồ đến nỗi nó có thể chỉ một địa điểm trống trải nhất (nghĩa là dễ bị tiến công nhất – *N.D.*), hoặc một địa điểm chắc chắn nhất.

Nếu có một vùng có thể gọi một cách chính đáng là điểm yết hầu thì vùng đó phải là vùng này: *không chiếm đóng được nó thì đừng có dại mà vào trong xứ sở.* Thế nhưng, những nhà lý luận thì cho rằng khái niệm đơn giản nhưng ít hiệu quả đó đã không đầy đủ nữa. Vì vậy, họ đã mở rộng khái niệm đó và thêm vào đó ý niệm về *các điểm quyết định việc chiếm đóng toàn bộ*.

Muốn vào trong bán đảo Crimea người Nga phải làm chủ eo đất Perekop và các phòng tuyến của nó, không phải chỉ để có một con đường tiến vào đó – vì Lacy đã đánh vòng qua các tuyến này[209] hai lần trong những năm 1737 và 1738 – mà là để có thể đến Crimea với một độ an toàn tối thiểu. Thật không có gì đơn giản bằng, như trong trường hợp này, khái niệm về vị trí yết hầu không làm cho ta tiến thêm được bước nào cả. Nhưng nếu người ta có thể nói: Ai chiếm đóng được vùng Langres thì có thể chiếm đóng hoặc khống chế toàn bộ nước Pháp, kể cả Paris, nghĩa là tùy anh ta muốn chiếm thành phố này khi nào cũng được, thì vấn đề sẽ khác hẳn và tầm quan trọng của vấn đề cũng khác hẳn. Phương pháp suy nghĩ thứ nhất có nghĩa là: Ta không thể nghĩ đến việc chiếm đóng một xứ nào đó mà không chiếm đóng nơi người ta gọi là điểm yết hầu: Đây chỉ là chuyện thuộc về lương tri thông thường.

Nhưng theo cách nhìn thứ hai thì ta không thể nghĩ tới việc chiếm đóng một điểm người ta gọi là yết hầu mà lại không đưa đến hậu quả là chiếm đóng toàn bộ xứ sở: Đấy mới là điều kỳ lạ. Ở đây, không còn là vấn đề lương tri nữa, mà là ảo thuật, phù phép. Thật vậy, những nhận định theo kiểu phù thủy ấy đã xuất hiện trong các tài liệu xuất bản cách đây hơn 50 năm và đạt đến đỉnh cao nhất vào cuối thế kỷ trước. Tuy những ý kiến của Bonaparte đã ngự trị trong đầu óc con người với một sức mạnh vô

địch, với một sự vững chắc vô cùng trong sáng, những phù chú đó vẫn cứ sống dai dẳng trong sách vở như cuộc đời của đám Do thái "cứng đầu".

Trước mắt, tạm thời ta hãy gạt ra một bên quan niệm *của chúng ta* về vị trí yết hầu. Dĩ nhiên, nước nào cũng có những vị trí có tầm quan trọng *sống còn*: Nhiều đường sá tập trung về đó, phương tiện tiếp tế cũng có thể giữ gìn tại đó một cách dễ dàng, từ đó người ta cũng có thể đi đến các nơi khác một cách thuận tiện. Nói tóm lại: Chiếm đóng được một vị trí như thế thì có thể thỏa mãn được nhiều nhu cầu và đạt nhiều thuận lợi gấp bội. Nếu các vị tướng muốn dùng một chữ để xác định tầm quan trọng của điểm đó bằng cách gọi nó là điểm yết hầu của xứ sở thì chúng tôi cũng không thông thái rởm đến nỗi vì thế mà bất bình; trái lại, danh từ trên có rất nhiều ý nghĩa và được chọn lọc một cách chính xác.

Nhưng, nếu người ta lại muốn biến cái hoa tu từ ấy thành cả một hệ thống gồm có vô số rễ con, rễ cái (hệt như trong một cây gỗ) thì phải cực lực phản đối vì làm như thế là trái với lương tri, và cái gì đáng bao nhiêu thì phải nói cho đúng bấy nhiêu.

Do người ta muốn biến nó thành hệ thống, cho nên ý nghĩa thực tế nhưng mơ hồ của khái niệm vị trí yết hầu của xứ sở trong những câu chuyện của các vị tướng kể về những hành động quân sự của họ phải được thay thế bằng một ý nghĩa khác, chính xác hơn và vì vậy hẹp hơn. Giữa nhiều tiêu chuẩn có thể có, người ta chọn tiêu chuẩn: Địa hình cao hơn.

Trên con đường đi qua một ngọn núi, người ta tạ ơn Trời phù hộ khi đã lên được đến đỉnh rồi lại bắt đầu đi xuống. Điều này rất đúng đối với người du lịch đi một mình nhưng lại còn đúng hơn đối với một quân đội. Tất cả mọi khó khăn hình như đã được vượt qua và phần lớn các khó khăn đã được vượt qua thật. Đi xuống rất dễ dàng, người ta thấy mình có tầm cao hơn bất kỳ người nào giữ chân mình lại: Tầm mắt bao quát toàn bộ xứ sở trải rộng ra dưới bước chân đi. Bởi vậy, điểm cao nhất của một con đường đi qua vùng núi luôn luôn được coi là quyết định; trong phần lớn các trường hợp nó quyết định thật, nhưng không phải khi nào cũng thế.**[210]** Trong các chuyện kể lịch sử, các vị tướng gọi các điểm ấy là vị trí yết hầu và cho danh từ này một ý nghĩa hơi khác và hầu như khi nào cũng có giới hạn hơn.

Chính từ ý niệm này đã nảy sinh ra lý luận sai lầm mà Loyd có thể là người sáng lập. Người ta đi đến chỗ cho rằng trong một xứ mà ta muốn bao vây, những điểm cao có nhiều đường đi xuống các vùng là điểm yết hầu, là điểm khống chế của xứ ấy. Tự nhiên quan niệm này trùng lẫn với việc *phòng ngự ở miền núi một cách có hệ thống*. Hai quan niệm này là bà con ruột thịt với nhau và vì vậy khía cạnh ảo tưởng lại càng rõ rệt. Vì như thế là người ta đứng trước rất nhiều yếu tố chiến thuật can thiệp vào vấn đề phòng ngự ở miền núi. Chính vì vậy, người ta phải mau chóng bỏ khái niệm về *điểm cao nhất của một con đường*, đến nỗi điểm cao nhất của dãy núi, nghĩa là đường *phân thủy***[211]** lại được xem là điểm yết hầu của xứ ấy.

Chính trong thời kỳ này, nghĩa là trong nửa sau của thế kỷ trước, những ý kiến rõ ràng và chính xác về sự hình thành mặt đất bằng kết tủa được phổ biến. Bằng cách thông qua hệ thống địa chất ấy, khoa học tự nhiên góp phần vào lý thuyết chiến tranh,

chân lý thực tiễn bị chìm ngập trong những điều mơ hồ, và người ta lập luận bằng cách đối chiếu với một hệ thống địa chất đầy ảo tưởng. Chính vì vậy, đến cuối thế kỷ thứ XVIII, người ta không nói cái gì khác ngoài ngọn nguồn của sông Rhine và sông Đanuýp. Nói cho đúng, người ta chỉ thấy loại lý thuyết quàng xiên ấy trong sách vở, vì cuộc sống thực tế không bao giờ tiếp nhận một tí khoa học nào mang tính chất sách vở cả, và lý thuyết càng phi lý thì lại càng không đi vào cuộc sống được. Nhưng, thật không may cho nước Đức, thứ lý thuyết mà chúng tôi vừa nói không phải là không có ảnh hưởng đến hành động thực tế, cho nên cái công tranh luận của chúng tôi không phải là công dã tràng. Hai thí dụ cũng đủ chứng minh điều đó: Trước tiên, các chiến dịch rất quan trọng và rất bác học của quân đội Phổ năm 1793 và 1794 trong vùng núi Vosges (Rừng Đen) mà các tác phẩm của Grawert và Massenbach là cơ sở lý thuyết; rồi đến chiến dịch năm 1814, một quân đội 200.000 người được đưa liều qua Thụy Sĩ đến cao nguyên Langres, cũng dựa vào lý thuyết đó.

Nhưng điểm khống chế của một xứ, điểm từ đó nước chảy xuôi, bao giờ cũng chỉ là một điểm khống chế thôi. Cuối thế kỷ thứ XVIII và đầu thế kỷ thứ XIX, người ta đã phóng đại và ứng dụng sai những quan niệm đúng về ảnh hưởng của điểm này đối với những biến cố quân sự, do đó, sách vở thời ấy viết về vấn đề trên đều chỉ là những điều huyễn hoặc. Nếu sông Rhine và sông Danube và sáu con sông khác của nước Đức đã chọn một ngọn núi duy nhất làm nơi phát tích cho các ngọn nguồn chung, thì ngọn núi này cũng chỉ có thể được cái vinh dự làm một điểm chuẩn lượng giác là cùng. Ở đây, nếu một ngọn đèn pha đã được đặt hơi không đúng chỗ thì một người lính gác lại được đặt không đúng chỗ hơn, và nếu cứ thế mà bố trí cả một quân đội thì quả là tồi tệ nhất trần đời.

Như vậy, đi tìm một vị trí yết hầu trong một vùng được gọi là vùng yết hầu, nghĩa là ở nơi mà các dãy núi khác nhau và các ngọn nguồn cao nhất cùng xuất phát, chính là một ý niệm hoàn toàn sách vở.

Bản thân thiên nhiên cũng đã chống lại ý niệm này; nó hoàn toàn không đúng như trong cái gọi là lý thuyết về địa hình, vì đi từ đỉnh núi xuống sườn núi và thung lũng thì khó khăn hơn nhiều. Thiên nhiên phân bố các đỉnh núi và hẻm núi theo ý muốn của mình, và thường thường những mực nước thấp nhất lại có những ngọn núi cao nhất bao quanh. Nếu tra cứu lại lịch sử quân sự, người ta sẽ thấy rằng các hình thái địa chất rất ít có ảnh hưởng đến cách sử dụng địa hình về mặt quân sự và những điều kiện địa phương cộng với các nhu cầu khác phần nhiều chiếm ưu thế hơn (là điều kiện địa chất – *ND.*), cho nên các phòng tuyến, thường rất gần gũi với điểm địa chất nhưng lại không hòa lẫn với nó.

Chúng tôi dừng lại lâu ở quan niệm sai lầm nói trên vì nó đã được dùng làm nền tảng cho cả một hệ thống cũng khá hoa mỹ. Bây giờ thì chúng ta hãy trở lại quan điểm của chúng ta.

Chúng tôi đã nói rằng: Nếu danh từ *vị trí yết hầu* phù hợp với một quan niệm đặc thù về mặt chiến lược thì nó chỉ có thể là một khu vực cần phải chiếm đóng (không chiếm đóng là dại dột) trước khi đi vào một xứ. Nhưng nếu danh từ này chỉ dùng để

nói đến các lối dễ đi vào trong xứ, hay để chỉ bất kỳ điểm trung tâm nào cần thiết cho mọi cuộc tác chiến thì nó sẽ mất hết ý nghĩa đặc thù, nghĩa là mất hết giá trị, chỉ còn là tên gọi của một cái gì đó mà ở đâu cũng có, chỉ còn là một kiểu nói chữ khá rẻ tiền.

Dĩ nhiên, thường rất ít khi có một vị trí yết hầu, theo nghĩa chúng tôi hiểu. Vị trí yết hầu tốt nhất của xứ sở thường ở trong tay quân đội địch (quân đội phòng ngự – *ND*.)**[212]** và để cho khái niệm về địa hình chiếm ưu thế đối với khái niệm về lực lượng vũ trang, thì phải có những điều kiện hết sức đặc biệt thuận lợi. Theo ý chúng tôi, các điều kiện này thể hiện ở hai điểm chính: Thứ nhất, quân đội đóng trên một điểm, nhờ địa hình ở đó giúp sức mà có một sự kháng cự chiến thuật đáng kể; thứ hai vị trí ấy phải thực sự uy hiếp các đường giao thông của địch trước khi địch có thể uy hiếp các đường giao thông của ta.

Chương 24. HÀNH ĐỘNG ĐÁNH VÀO BÊN SƯỜN

Có thể không cần nói rõ rằng chúng tôi bàn về vấn đề sườn chiến lược, nghĩa là bộ phận bên cạnh của cả chiến trường, là cái gì hoàn toàn khác hẳn với việc tiến công vào bộ phận ấy trong quá trình một trận đánh, tức là vận động chiến thuật đánh vào một bên sườn. Kể cả lúc hành động đánh vào sườn trùng khít vào phút cuối cùng với hành động chiến thuật, người ta vẫn rất có thể tách rời hai vấn đề đó, vì vấn đề này không nhất thiết phải là kết quả của vấn đề kia.

Các trận đánh vào sườn và các vị trí bên sườn gắn vào đó lại cũng là những thứ hàng bày mẫu**[213]** rất thân yêu đối với lý thuyết mà người ta không thể tìm thấy trên chiến trường. Không phải vì bản thân thủ đoạn này không có hiệu quả hoặc mang nhiều ảo tưởng, mà là vì cả hai bên đối địch đều tìm cách đề phòng các hiệu quả của thủ đoạn đó, và rất ít khi họ không đạt được ý muốn của mình. Nhưng trong những trường hợp vô cùng hiếm có ấy (ý nói thiếu cảnh giác đối với hành động đánh vào sườn – *ND.*), thủ đoạn nói trên lại có hiệu quả vô cùng và chính vì vậy, chính vì nó buộc người ta phải *cảnh giác* nên về lý thuyết phải có sự giải thích rõ ràng và chính xác hơn. Tuy rằng việc đánh vào bên sườn chiến lược có cả trong tiến công lẫn trong phòng ngự nhưng nó có nhiều điểm tương tự với phòng ngự hơn và vì vậy người ta xếp nó vào loại thủ đoạn phòng ngự.

Trước khi đi sâu vào nội dung vấn đề, chúng ta hãy nói rõ một nguyên tắc không bao giờ có thể quên trong quá trình phân tích: Những đơn vị đã được sử dụng để đánh vào phía sau hoặc vào sườn quân địch thì không thể sử dụng để đánh vào mặt chính của họ được nữa. Về chiến thuật cũng như về chiến lược, hoàn toàn không nên cho rằng: Bản thân việc *tới được phía sau* quân địch đã là một thuận lợi rồi. Bản thân nó không có nghĩa lý gì cả, nhưng gắn liền với những điều kiện khác, nó có trở thành thuận lợi hay không là còn tùy ở tính chất của các điều kiện ấy. Vấn đề này còn cần được chúng ta tiếp tục xem xét.

Trong việc đánh vào bên sườn chiến lược, cần phân biệt những hoạt động tác chiến chỉ nhằm đánh *vào đường giao thông* và những hoạt động tác chiến nhằm đánh vào *đường rút lui*; nhưng hoạt động thứ hai cũng có thể bao hàm một hành động đánh vào đường giao thông.

Năm 1758, khi Daun tổ chức nhiều trận đánh để giữ chân những đoàn xe phục vụ cho trận công thành Olmutz, dĩ nhiên ông ta không muốn ngăn chặn cuộc rút lui của Đức Vua (Frederick II – *ND.*) về phía Silesia vì chính ông ta muốn cuộc rút lui này được dễ dàng hơn: Nếu có thể được thì có lẽ ông ta đã vạch đường cho Đức Vua rút.

Năm 1812, trong tháng 9 và tháng 10, tất cả những trận đánh của đạo quân chính nước Nga chỉ nhằm cắt đứt đường giao thông chứ không phải nhằm cắt đứt đường rút lui; việc sau này lại giao cho quân đội Moldavia đang đi về phía sông Berezina dưới quyền chỉ huy của Chichagov; tướng Wittgenstein cũng có nhiệm vụ như thế khi ông ta nhận trách nhiệm tiến công đạo quân Pháp dừng chân ở trên sông Dvina.

Chúng tôi kể ra những thí dụ trên chỉ nhằm làm cho ý kiến rõ ràng thêm mà thôi.

Những hành động đánh phá đường giao thông nhằm để chống các đoàn xe địch, chống những đội quân nhỏ đi theo sau quân địch, chống những người chạy thư và hành khách, chống những kho tàng nhỏ của địch, v.v. Nghĩa là chống tất cả các phương tiện cần thiết cho quân đội địch có đầy đủ sức lực để tác chiến. Như vậy, hành động nói trên nhằm mục đích làm cho quân đội địch yếu đi và bắt nó phải rút lui.

Đánh vào đường rút lui của địch là để ngăn chặn cuộc rút lui này; mục đích đó chỉ đạt được nếu quân địch có ý định rút lui thực sự. Nói cho đúng, người ta có thể bắt địch rút lui bằng đe dọa, như thế có nghĩa là một cuộc phô trương lực lượng cũng có thể có hiệu quả như một hành động có thật nhằm đánh phá đường giao thông. Tuy vậy, chúng tôi đã nói rằng, không thể đạt được hiệu quả nào trong số hiệu quả nói trên bằng cách chỉ đánh vu hồi, bằng hình thức hình học của việc bố trí quân đội; nguyên nhân độc nhất của các hiệu quả này là những điều kiện phù hợp với mục đích đó.

Để phân biệt các điều kiện trên một cách rõ ràng hơn, chúng ta hãy tách biệt hoàn toàn hai kiểu đánh vào sườn; chúng ta hãy bắt đầu nghiên cứu kiểu tác chiến nhằm mục đích đánh phá đường giao thông.

Điểm này đòi hỏi hai điều kiện chủ chốt và không thể thiếu một trong hai điều kiện đó được.

Điều kiện thứ nhất: Lực lượng dùng để đánh phá đường giao thông địch phải rất ít đến nỗi sự vắng mặt của họ không có ảnh hưởng gì tới mặt trận.

Điều kiện thứ hai: Quân đội địch đã đến đoạn cuối của đường tiến quân**[214]** và một cuộc chiến thắng mới cũng không có lợi gì cho họ nữa, hoặc là họ không còn có thể đuổi ta được nếu ta chạy cách xa họ để tránh giao chiến.

Chúng tôi không dừng lại lâu ở trường hợp này (tuy nó hay xảy ra nhiều hơn người ta tưởng), chúng ta hãy nghiên cứu những điều kiện khác do tình huống thứ nhất đặt ra.

Trước tiên, đường giao thông địch phải rất dài đến nỗi một vài đồn mạnh cũng không đủ để bảo vệ; thứ hai, các con đường này có thể bị đe dọa bởi vị trí của chúng.

Đường giao thông của địch có thể bị nguy hiểm ở hai mặt: Vì nó không thẳng góc với mặt trận của quân đội địch hoặc nó đi qua đất đai của ta. Nếu cả hai điều kiện trùng với nhau làm một thì đường giao thông lại càng bị đe dọa. Cần phải giải thích về cả hai tình huống này.

Khi cần bảo vệ một đường giao thông dài từ 40 đến 50 dặm, người ta có thể nghĩ rằng: Vị trí của quân đội đóng ở cuối đường dầu có thẳng góc hay không với đường ấy cũng không quan trọng gì mấy vì bề rộng của vị trí chỉ là một điểm so với chiều dài của con đường; thế nhưng, sự thật lại không phải như vậy. Trái lại, trong những trường hợp như thế, rất khó có thể cắt đứt đường giao thông địch bằng những cuộc đột kích của những toán quân từ đại quân xuất phát đi kể cả lúc người ta có ưu thế lớn. Khi nghĩ đến tất cả mọi khó khăn cần khắc phục trong lúc bảo vệ một cách tuyệt

đối một khoảng không gian nào đó, người ta có xu hướng tin rằng quân đội khó lòng bảo vệ hậu phương của mình (nghĩa là đất đai ở phía sau quân đội) chống lại tất cả các cuộc đột kích của kẻ địch có ưu thế hơn. Nếu người ta có thể kiểm tra được những sự kiện chiến tranh như những sự kiện nằm dài trên giấy thì hay biết mấy! Điều này có nghĩa là bên phòng ngự vì không biết kẻ địch sẽ đột kích ở đâu nên có thể coi như bị mù mắt và chỉ có bên công kích là còn sáng suốt. Nhưng khi người ta nghĩ rằng tất cả những tin tức quân sự đều không chắc chắn, không đầy đủ và cả hai bên đối địch đều phải mò mẫm trong khoảng tối tăm mù mịt thì người ta thấy ngay rằng đạo quân phụ trách việc vu hồi vào sườn quân đội địch để đánh vào hậu phương địch cũng giống như một người phải đánh nhau với nhiều người khác trong phòng tối. Cuối cùng rồi thì anh ta cũng quỵ, giống hệt như những toán quân vu hồi vào quân đội địch đang đóng theo thế vuông góc, và vì vậy chúng ở rất gần quân đội địch và hoàn toàn tách biệt với quân đội mình. Như vậy, chẳng những người ta có thể mất rất nhiều lực lượng mà chính bản thân đạo quân chính cũng hao mòn đi rất nhanh**[215]** Một thất thế nhỏ của một số người cũng có thể làm cho mọi người nản lòng. Đáng lẽ phải có những cuộc xung phong táo bạo hoặc những cuộc tiến công phi thường thì người ta sẽ chỉ thấy có chạy tán loạn mà thôi.

Vì khó khăn như thế nên quân đội bố trí vuông góc thường bảo vệ được những điểm gần đường giao thông của mình nhất trên một khoảng cách độ hai, ba ngày đường, tùy theo lực lượng mà mình có.

Nhưng vì những điểm gần nhất ấy lại gần quân đội địch nhất nên cũng bị de dọa nhiều nhất.

Nếu bố trí theo đường xiên rõ nét thì trái lại không có bộ phận nào của đường giao thông được bảo vệ; một lực đẩy nhỏ, một âm mưu rất nhỏ của địch cũng lập tức tác động ngay đến một điểm yếu.

Nhưng cái gì xác định mặt trước của một vị trí, khi vị trí không do hướng vuông góc với đường giao thông xác định? Chính là do mặt trước của bên địch xác định. Nhưng mặt trước của địch cũng rất có thể phụ thuộc vào chính bản thân mặt trước của ta. Đây có một sự tác động lẫn nhau mà ta cần phải tìm điểm bắt đầu của nó.

Giả thiết rằng đường giao thông của bên tiến công (ab) và đường giao thông của bên phòng ngự (cd) làm thành một góc mở rộng (dĩ nhiên nếu bên phòng ngự muốn chiếm vị trí e, điểm gặp nhau của hai đường) chỉ riêng quan hệ hình học đã có thể cho phép bên tiến công bắt buộc bên phòng ngự phải xoay mặt trước về phía mình và vì vậy đường giao thông của bên phòng ngự bị hở. Nếu bên phòng ngự đóng vị trí ở phía bên này của điểm gặp nhau, thí dụ ở d, thì bên tiến công lại phải quay mặt trước của mình về phía địch với điều kiện là bên tiến công không thể thay đổi tuyến tác chiến của mình một cách độc đoán để bố trí tuyến này theo hướng từ a đến d chẳng hạn (tuyến tác chiến phụ thuộc nhiều hơn vào các điều kiện địa lý). Điều này có thể chứng minh rằng bên phòng ngự có ưu thế trong hệ thống tác động lẫn nhau đó vì họ có thể đóng vị trí ở bên này điểm gặp nhau của hai đường. Tuy không cho yếu tố hình học có tầm quan trọng quá đáng, chúng tôi vẫn nói lại vấn đề này cốt để cho ý kiến

của chúng tôi được rõ nét hơn. Vì chúng tôi tin chắc rằng những điều kiện địa phương, có khi cả những điều kiện cá biệt, sẽ tác động rất nhiều đến việc chọn lựa vị trí phòng ngự và không thể dự kiến trước xem bên nào phải để cho đường giao thông của mình bị uy hiếp nhiều hơn.

Nếu đường giao thông của cả hai bên đều hướng về một phía thì bên nào đóng vị trí theo đường chếch đối với đường giao thông sẽ bắt kẻ địch cũng phải làm như vậy. Nhưng đứng về quan điểm hình học thì như thế cũng chẳng có lợi gì hơn; thuận lợi và khó khăn của cả hai bên đều như nhau.

Như vậy, ở đây chúng tôi chỉ nói đến trường hợp đường giao thông của một bên bị uy hiếp.

Khi đường giao thông đi qua đất địch – điều bất lợi thứ hai – thì nó bị đe dọa nặng nề nếu dân chúng vũ trang nổi dậy: Chúng tôi cho rằng không cần giải thích thêm về vấn đề này. Chúng ta hãy xét tình hình đó bằng cách giả thiết rằng có một lực lượng địch đã đóng vị trí suốt dọc đường giao thông.

Dĩ nhiên, lực lượng này rất yếu, mật độ không cao, cường độ không mạnh và không vững chắc; nhưng chúng ta cũng đừng quên ý nghĩa của việc tiếp xúc thường trực của địch: Ở đây ảnh hưởng thù địch ép mạnh ở vô số nơi vào suốt dọc con đường giao thông dài. Không cần nhấn mạnh vào điểm này. Dân chúng còn phải lệ thuộc vào nhà chức trách địch cũng đã là một điều không lợi rõ ràng đối với đường giao thông của đối phương, kể cả lúc dân chúng không vũ trang chống lại, kể cả lúc không có dân cảnh cũng như không có các tổ chức quân sự khác, kể cả lúc dân chúng không có tinh thần chống đối cao.

Một toán dân binh nhỏ nào cũng có thể đồng lòng được với dân chúng, họ biết xứ sở, biết người dân, họ được thông tin rõ ràng hơn và nhà cai trị địa phương lại dồng tình với họ; tất cả những thuận lợi ấy, tuy đạt được mà không phải cố gắng gì nhiều lắm, vẫn có tầm quan trọng khổng lồ so với số dân binh ít ỏi. Hơn nữa, không gần thì xa, khi nào cũng có một pháo đài, một con sông, một dãy núi hoặc những nơi trú ẩn khác còn ở trong tay địch nếu quân đội ta chưa nỗ lực đánh chiếm hoặc chưa bao vây được.

Trong trường hợp đó, nhất là khi có nhiều tình hình thuận lợi khác, thì có thể đánh vào đường giao thông địch, kể cả lúc các con đường này vuông góc với vị trí của quân đội ta; vì các đội dân binh không phải khi nào cũng cần trở về với quân đội; họ có thể được bảo vệ đầy đủ ở ngay địa phương.

Như vậy, người ta thấy rằng nếu có ba điều kiện chính sau đây: 1. Khoảng đường rút dài; 2. Phương hướng đi chếch và 3. Đất đai bên địch, thì một lực lượng địch tương đối yếu có thể cắt đứt đường giao thông của cả một quân đội. Để việc cắt đứt này có hiệu quả thì cần phải có một điều kiện thứ tư là thời hạn. Để nghiên cứu thêm mặt này, chúng tôi đề nghị bạn đọc xem lại chương 15 của tập V.

Tuy vậy, bốn điều kiện trên cũng chỉ là những mặt chính của vấn đề; gắn liền vào đó còn có rất nhiều trường hợp mang tính chất địa phương và đặc biệt, thường quan trọng hơn và quyết định hơn. Để nhớ lấy những trường hợp nổi bật nhất, chúng ta hãy

chú ý đến chất lượng đường sá, tính chất của địa phương mà những con đường đó đi qua, các biện pháp bảo vệ dựa vào sông ngòi, núi non, ở trong vùng, mùa nào trong bốn mùa và điều kiện khí hậu, tầm quan trọng của một số đoàn xe như đoàn công thành, số khinh binh, v.v.

Thắng lợi của một trận đánh các đường giao thông địch phụ thuộc vào tất cả các tình huống đó; so sánh ảnh hưởng của các tình huống đối với cả hai phe, người ta sẽ có ý niệm đúng đắn về thuận lợi tương đối của hai hệ thống giao thông và chính nhờ so sánh như vậy mà người ta thấy được rõ vị tướng nào có thể hơn hẳn đối phương về mặt này. Tuy phải nói dài như vậy nhưng thường thường trong thực tế thì chỉ trong nháy mắt là đã phải có quyết dịnh về các vấn đề trên rồi. Bởi thế, vẫn phải có rất nhiều kinh nghiệm và rất nhạy cảm. Cũng cần phải suy nghĩ đến từng trường hợp mà chúng tôi vừa phân tích thì mới thấy rõ sự vô lý của các nhà bình luận quân sự, khi họ tưởng rằng chỉ các danh từ "bao vây" và "hiệu quả của việc đánh vào bên sườn" thôi cũng đủ để giải quyết vấn đề và không cần thứ gì khác nữa.

Bây giờ chúng ta hãy xét đến *điều kiện chính thứ hai* để có thể tổ chức một hành động chiến lược đánh vào bên sườn.

Khi địch tiến quân và bị chặn lại vì một lý do nào khác chứ không phải vì quân đội ta chống lại, dầu lý do này là thế nào đi nữa, thì quân đội ta cũng không việc gì phải sợ rằng mình yếu đi vì tác chiến và phải tách ra những đội quân quan trọng; nếu giả thiết rằng bên địch sẽ trả thù bằng một cuộc tiến công thì chúng ta chỉ không chấp nhận giao chiến là đủ. Ở Moscow năm 1812, sự việc đã xảy ra như thế đối với đạo quân chính của người Nga. Nhưng, không nhất thiết khi nào sự việc cũng có một quy mô rộng lớn như vậy. Trong những cuộc chiến tranh đầu tiên ở Silesia, ở biên giới Bohemia và Moravia, Frederick Đại đế lần nào cũng ở trong tình trạng như thế và những mối quan hệ phức tạp giữa các vị tướng và quân đội của họ có thể làm nảy sinh ra những tình hình rất khác nhau: Ở đấy, có vô số nguyên nhân, nhất là nguyên nhân chính trị, làm cho bất kỳ cuộc tiến quân nào cũng không thể thực hiện được.

Trong trường hợp này, vì không còn lực lượng nào có thể dùng để đánh vào sườn của quân địch cho nên các điều kiện khác có thể không thuận lợi bằng; bản thân hệ thống giao thông của chúng ta có thể sẽ không bằng hệ thống giao thông của địch cũng được vì họ không có lợi ích gì đặc biệt trong cuộc rút lui sau này của chúng ta, nên có thể sẽ chú ý bảo vệ cuộc rút lui của bản thân họ hơn là chú ý trả thù.

Như vậy, khi người ta thấy là trận đánh quá nguy hiểm thì với biện pháp trên, tuy không hào nhoáng và cũng không có hiệu quả bằng nhưng lại ít nguy hiểm hơn một cuộc chiến thắng, người ta có thể lợi dụng tình hình trên để đạt kết quả mà không phải giao chiến vì người ta thấy giao chiến là quá mạo hiểm.

Trong những điều kiện đã kể, ít ra *điều kiện nói trên* cũng chẳng phải là hiếm, vì trong những lúc như thế, người ta thường ít do dự khi để cho đường giao thông của mình bị de dọa, bằng cách đóng vị trí ở phía sườn này hoặc ở phía sườn kia, và điều đó buộc đối phương phải đóng vị trí chếch đi so với các đường giao thông của họ. Càng có nhiều tình hình thuận lợi tiếp theo sau các điều kiện khác thì thắng lợi càng

chắc chắn; nhưng tình hình càng thiếu thuận lợi thì mọi việc lại càng phụ thuộc vào sự khôn khéo trong lúc vạch kế hoạch, vào sự nhanh chóng và chính xác trong lúc thực hiện.

Đây chính là lĩnh vực thật sự của cơ động chiến lược rất thường thấy trong cuộc Chiến tranh Bảy năm, trong các chiến dịch năm 1760 và 1762 ở Saxony và Silesia. Khi chiến tranh không khốc liệt lắm thì thường hay có những cách cơ động chiến lược này, như thế không có nghĩa là hành động của các vị tướng thường hay thành công, nhưng người ta thường viện cớ thiếu quyết đoán, thiếu dũng cảm, thiếu tinh thần chủ động, sợ trách nhiệm để tiến hành các cuộc cơ động trên; về điểm này, chỉ cần nhắc lại thống chế Daun là đủ.

Để tóm tắt sự phân tích của chúng tôi, chúng tôi nói rõ rằng việc đánh vào một bên sườn phần nhiều có hiệu quả: 1. Trong phòng ngự; 2. Lúc chiến dịch sắp kết thúc; 3. Khi rút lui vào nội địa; 4. Trong trường hợp tổng động viên.

Còn về cách thực hiện các trận đánh vào đường giao thông thì chỉ cần nói một vài lời cũng đủ.

Các trận đánh đó phải do những dân binh khéo léo, do những phân đội nhỏ có tinh thần chủ động táo bạo tiến hành. Họ sẽ đánh vào những đồn nhỏ, những đoàn vận tải, những toán địch đi lẻ rải rác; họ cổ vũ các đội dân binh địa phương và trong những trường hợp cụ thể nào đó có thể nhập bọn với các đội dân binh**[216]** ấy. Ở đây, số lượng quan trọng hơn là chất lượng. Họ phải tự tổ chức lại để tiến tới những hành động chung quan trọng hơn; không nên để cho tính hợm hĩnh và tính tùy tiện của những người đứng đầu ngăn cản sự hiệp đồng này.

Bây giờ chúng tôi chỉ cần bình luận thêm về các trận đánh vào đường rút lui của địch.

Ở đây phải nhấn mạnh đến nguyên tắc đã nói từ đầu: Không nên sử dụng ở tiền tuyến những lực lượng hoạt động ở hậu phương; hành động ở hậu phương và ở bên sườn không phải là tăng cường bản thân lực lượng mà chỉ là để sử dụng lực lượng cho tốt hơn; thắng lợi có nhiều hơn nhưng nguy hiểm cũng tăng thêm.

Khi cuộc kháng cự bằng gươm đã không đơn giản và trực tiếp thì nó có khuynh hướng tăng thêm thắng lợi nhưng an toàn lại bớt đi. Những trận đánh vào bên sườn địch bằng cách tập trung toàn bộ lực lượng hoặc bằng các mũi hợp công vào một điểm đều thuộc về loại này cả.

Thế nhưng, khi đã hành động để cắt đứt đường rút lui của địch – không phải chỉ để phô trương mà để thực hiện một ý đồ nghiêm túc – thì thế nào cũng đi đến một trận đánh quyết định, và chính trong cách giải quyết này, cả hai yếu tố thắng lợi và nguy hiểm đều mạnh thêm lên; ở trên chúng tôi đã nói đến vấn đề này. Vì vậy, một vị tướng muốn sử dụng được phương pháp trên phải có những điều kiện thuận lợi cho phép.

Kiểu kháng cự đó cũng có hai hình thái mà chúng tôi đã nói trước. Hình thái thứ nhất là: Vị tướng muốn dùng toàn bộ quân đội của mình để tiến công vào phía sau quân địch, hoặc từ một vị trí bên sườn đã đánh chiếm từ trước để làm công việc này,

hoặc bằng một cuộc vận động vu hồi. Hình thái thứ hai là vị tướng phân lực lượng ra làm đôi, một phần để uy hiếp hậu phương địch bằng một vị trí từ đó có thể bao vây địch, một phần để uy hiếp tuyến trước của địch.

Trong cả hai trường hợp, kết quả được tăng cường như nhau: Hoặc là cuộc rút lui bị cắt đứt thật sự do đó bắt sống hoặc phân tán được một bộ phận lớn quân đội địch, hoặc là các lực lượng định nhảy lùi trở lại để tránh tai họa vừa kể trên.

Nhưng trong hai trường hợp, nguy hiểm không tăng lên như nhau.

Khi toàn bộ lực lượng của ta được sử dụng để vu hồi quân địch thì gặp nguy hiểm là hậu phương của ta bị trống. Khi ấy mọi việc lại phụ thuộc vào những mối tương quan giữa hai tuyến rút lui, giống như trong hành động đánh vào các đường giao thông, mọi việc cũng phụ thuộc vào quan hệ giữa các con đường đó.

Dĩ nhiên, khi bên phòng ngự tác chiến trên đất mình thì không bị hạn chế nhiều như bên tiến công về đường rút lui và đường giao thông, do đó vu hồi chiến lược cũng dễ dàng hơn; nhưng mối quan hệ này lại quá tổng quát và quá mơ hồ nên không thể dùng làm nền tảng cho một phương pháp có hiệu quả.

Chỉ có toàn bộ những tình huống trong mỗi trường hợp cụ thể là đáng kể mà thôi.

Người ta chỉ có thể nói rằng: Trong những khoảng không gian rộng rãi thì dĩ nhiên có nhiều điều kiện thuận lợi hơn là trong những vùng nhỏ hẹp. Trong những quốc gia độc lập thì thuận lợi cũng nhiều hơn là trong những quốc gia yếu: Các quốc gia này phụ thuộc rất nhiều vào viện trợ bên ngoài và vì vậy phải tập trung mọi chú ý vào điểm liên lạc giữa quân đội của họ và quân đội tiếp viện. Cuối cùng, đối với bên phòng ngự thì các điều kiện thuận lợi sẽ đến nhiều hơn vào cuối chiến dịch, khi tính tích cực chủ động ban đầu của bên tiến công đã biến mất; như thế, ở đây lại có thêm một điểm tương tự với những điều đã xảy ra trên đường giao thông.

Một vị trí bên sườn như vị trí của người Nga xây dựng năm 1812 trên đường từ Moscow đi Kaluga rất có lợi khi những lực lượng đầu tiên của Bonaparte đã kiệt quệ, nhưng lại có thể không thành công tý nào lúc mới bắt đầu chiến dịch, ở trại Drissa, nếu đến phút cuối cùng người Nga không nhanh trí thay đổi kế hoạch của mình.

Còn cách đánh khác là chia lực lượng ra để vu hồi sau lưng và cắt đứt đường rút lui của địch. Cách này nguy hiểm vì ta phải chia sẻ lực lượng còn kẻ địch thì thuận lợi vì có những tuyến bên trong, lại không phải chia sẻ lực lượng và có thể tiến công bộ phận bị chia sẻ của ta bằng một lực lượng đông hơn nhiều. Có ba lý do giải thích tại sao ta phải chấp nhận điều bất lợi và mạo hiểm khó tránh đó:

1. Các lực lượng đã được phân chia từ đầu nên kiểu hành động này là cần thiết, nếu không muốn mất quá nhiều thì giờ.

2. Có ưu thế vật chất và tinh thần nên có thể sử dụng những biện pháp lớn.

3. Kẻ địch thiếu tích cực chủ động khi đã chạy hết sức.

Năm 1757, Frederick Đại đế xâm chiếm xứ Bohemia trốn những tuyến đồng tâm, chắc Ngài không có ý định phối hợp một cuộc tiến công chính diện với một cuộc tiến công vào hậu phương chiến lược của địch; Ít nhất thì đó cũng không phải là mục tiêu chính (lúc khác chúng tôi sẽ giải thích vấn đề này một cách kỹ càng hơn). Dẫu sao

cũng không thể nói đến vấn đề tập trung lực lượng ở Silesia và ở Saxony, vì nếu làm như thế thì sẽ mất hết thuận lợi do bất ngờ mà có.

Khi quân Đồng minh vạch kế hoạch cho giai đoạn 2 của chiến dịch năm 1813, vì có ưu thế lớn về vật chất nên họ có thể nghĩ đến việc sử dụng đạo quân chính tiến công vào sườn phải của Bonaparte đóng quân trên sông Elbe và vì vậy họ đã chuyển chiến trường từ bờ sông Oder đến bờ sông Elbe.

Ở Dresden, họ thất bại đến như thế không phải vì kế hoạch chung mà vì một số cách bố trí chiến lược và chiến thuật nhất định. Ở đấy, tỷ số lực lượng giữa quân Đồng minh và Bonaparte là 220.000 chọi với 130.000, tỷ số này rất có lợi cho quân Đồng minh nếu người ta nghĩ rằng ở Leipzig, tỷ số này là 285 chọi với 157, nghĩa là cũng không hơn gì nhiều lắm. Nói cho đúng, Bonaparte đã phân chia lực lượng quá bình quân vì ông ta có một hệ thống phòng ngự đặc biệt trên một tuyến duy nhất (ở Silesia 70.000 chọi với 90.000, ở Brandenburg 70.000 chọi với 110.000), nhưng dầu sao đi nữa thì có thể ông ta đã gặp nhiều khó khăn trong việc tập trung trên sông Elbe một lực lượng có thể đánh một trận quyết định với quân Đồng minh, họ rất có thể cho quân đội tiến từ Wrede đến Maine để tìm cách chặn đường đi của Bonaparte đến Mainz.

Cuối cùng, năm 1812, người Nga có thể hướng quân đội xứ Moldavia của họ về phía Volhynia và Lithuania rồi sau đó tiến đến sau lưng đạo quân chính của Pháp vì có một điều chắc chắn là Moscow sẽ là điểm cao trong các trận đánh của người Pháp. Không có gì làm cho toàn bộ phần đất Nga ở phía bên kia Moscow phải lo sợ trong chiến dịch này cả; chính vì vậy, đạo quân chính của người Nga không có lý đo gì để tự đánh giá là quá yếu.

Chính kiểu bố trí ấy là cơ sở cho kế hoạch thứ nhất của tướng Phull, theo đó thì quân đội của Barclay phải chiếm đóng trại Drissa, còn quân đội của Bagration phải tiến vào sau lưng đạo quân chính của Pháp. Nhưng hai trường hợp khác nhau biết bao nhiêu. Trong trường hợp thứ nhất, người Pháp mạnh hơn người Nga ba lần; trong trường hợp thứ hai, ưu thế của người Pháp đối với người Nga khá rõ. Trong trường hợp thứ nhất, đạo quân chính của Bonaparte có một đà thúc đẩy khả dĩ tung nó đến tận Moscow, ở phía bên kia Drissa 80 dặm; trong trường hợp thứ hai, quân đội của Bonaparte không thể đi xa quá Moscow được một ngày đường. Trong trường hợp thứ nhất, đường rút lui trên sông Niemen dài không quá 30 dặm; trong trường hợp thứ hai, đường rút lui là 112 dặm. Vì vậy, hành động đánh vào đường rút lui của địch, rất tốt đẹp trong trường hợp thứ hai thì có thể chỉ là điên rồ trong trường hợp thứ nhất.

Hành động đánh vào đường rút lui của địch, nếu không phải chỉ là một cuộc phô trương lực lượng đơn thuần thì sẽ gồm có một cuộc tiến công thực sự xuất phát từ hậu phương, và còn rất nhiều điều cần phải nói về vấn đề này; nhưng tốt hơn là dành một chỗ trong tập nói về tiến công bên dưới để phát triển vấn đề. Như vậy, chúng ta hãy dừng ở đây. Những phản ứng nói trên có thể xảy ra trong những điều kiện nào: Điều này đã rõ, thế là đủ.

Người ta thường xem những trận đánh bắt buộc địch rút sang nơi khác bằng cách

uy hiếp đường rút lui của chúng như những cuộc phô trương lực lượng đơn thuần hơn là một trận đánh có hiệu quả. Nếu mỗi cuộc phô trương lực lượng có hiệu quả tương đương với một hành động hoàn toàn có thể thực hiện được (điều này có vẻ dĩ nhiên khi mới nhìn qua) thì cuộc phô trương ấy trùng khít hoàn toàn với hành động có thực. Nhưng, thật ra lại không phải như thế và trong chương nói về phô trương lực lượng, chúng ta sẽ thấy loại hành động này cần những điều kiện hơi khác; vì vậy chúng tôi đề nghị bạn đọc hãy xem chương nói trên.

Chương 25. RÚT LUI VÀO NỘI ĐỊA

Chúng tôi đã nghiên cứu về cuộc rút lui tự nguyện vào nội địa như một hình thức đặc biệt của cuộc phòng ngự gián tiếp: Ở đây người ta chờ đợi kẻ địch quỵ xuống vì kiệt quệ chứ không phải vì đánh nhau. Trong trường hợp này, người ta không nghĩ đến trận đánh chính, ít nhất cũng trong một khoảng thời gian rất dài, đến nỗi quân dịch sẽ bị yếu đi rất nhiều trước khi khoảng thời gian đó kết thúc.

Bản thân cuộc tiến quân làm cho các lực lượng quân sự của bên tiến công bao giờ cũng bị yếu đi.

Trong tập VII, chúng tôi sẽ nghiên cứu điểm này kỹ càng hơn. Phải nói trước là chúng tôi bắt buộc phải chấp nhận chân lý đó trong thực tế: Điều này rất dễ dàng, nhất là vì lịch sử quân sự bao giờ cũng chứng minh chân lý đó mỗi khi một chiến dịch có một cuộc tiến quân quan trọng tiếp theo.

Cuộc tiến quân đó càng bị yếu đi khi bên địch chưa bị đánh bại, khi họ tự ý rút với toàn bộ lực lượng còn nguyên vẹn, khi họ chống cự liên tục, có tính toán kỹ lưỡng, khi mỗi tấc đất đều phải trả bằng máu đến nỗi công cuộc tiến quân giống như một sự xâm nhập liên tục hơn là một cuộc truy kích đơn giản.

Một mặt khác, tổn thất sẽ lớn hơn rất nhiều nếu bên phòng ngự không tự ý rút lui mà chỉ làm việc đó sau một trận thất bại: Nếu cuộc kháng cự hàng ngày của họ lúc bấy giờ và lúc tự ý rút lui ngang nhau thì ít nhất tổn thất cũng ở mức độ ngang nhau nhưng lại phải thêm vào đấy tổn thất của trận đánh: Điều này trái với điều họ mong muốn (lúc chấp nhận trận đánh – N.D), Khi phải rút lui vào trung tâm đất nước sau một trận thất bại thì một quân đội dù có giỏi nhất trần đời cũng bị *tổn thất* quá sức; khi kẻ địch lại có ưu thế lớn ở như trong trường hợp ta đang nghiên cứu và khi cuộc truy kích của họ rất mạnh như trong hầu hết các cuộc chiến tranh gần đây thì toàn bộ quân đội có thể chạy tán loạn hoặc tan rã, nghĩa là sụp đổ hoàn toàn.

Một cuộc kháng cự hàng ngày được tính toán kỹ nghĩa là cứ mỗi một lần kháng cự thì chỉ duy trì giao chiến trong thời gian cần thiết để giữ cuộc chiến đấu ở trong tình trạng cân bằng, và người ta tránh thất bại bằng cách nhường cho bên địch miếng đất tranh chấp vào lúc tốt nhất, như vậy bên tiến công ít nhất cũng bị tổn thất như bên phòng ngự. Vì bên rút lui khi nào cũng tổn thất bởi số tù binh bị bắt, nhưng tổn thất này có thể bù lại bằng số tử trận của bên tiến công: Bên này không bao giờ có thuận lợi về địa hình. Đúng là bên rút lui mất gần hết những người bị thương, nhưng bên tiến công cũng phải để số người bị thương của mình nằm ở bệnh viện trong nhiều tháng dài dặc, vì nó trong một thời gian nào đó, họ cũng vẫn không sử dụng được số người này.

Cọ xát lẫn nhau như vậy, cả hai quân đội đều hao mòn gần ngang nhau.

Nhưng trong cuộc truy kích một quân đội bại trận thì mọi việc đều xảy ra khác hẳn. Trong trường hợp này, vừa kháng cự vừa rút lui là việc rất khó khăn (để không nói là không làm được) vì nhiều binh lính tử trận trong quá trình giao chiến, vì tổ

chức tan vỡ và vì mọi người lại lo lắng bồi hồi về khả năng rút lui. Còn bên đuổi đánh, trong trường hợp thứ nhất chỉ tiến lên từng bước vô cùng thận trọng, họ phải mò mẫm ngập ngừng như người mù, nhưng trong trường hợp thứ hai thì lại xông tới theo tốc độ của người chiến thắng; họ sôi nổi như người được số phận chiều chuộng, họ mạnh dạn gần như một thiên thần; họ càng tiến quân táo bạo, thì mọi việc lại càng diễn biến ào ào theo hướng ta có từ trước; vì những lực lượng tinh thần được tăng cường, được nhân lên gấp bội đến nỗi phá vỡ được cả giới hạn chật hẹp của những con số và kích thước của thế giới vật chất.

Người ta thấy rõ ràng rằng tương quan của hai quân đội sẽ khác hẳn nhau nếu họ đi đến điểm được coi là mục đích của bên tiến công, bằng cách thứ nhất hoặc bằng cách thứ hai.

Đó chỉ là kết quả của sự phá hoại lẫn nhau; bên đang tiến lên lại còn bị yếu đi vì nhiều lý do khác nữa; chúng tôi sẽ nói về vấn đề này ở tập VII, như đã báo trước. Một mặt khác, cần chú ý là bên rút lui lại mạnh thêm vì hầu như khi nào họ cũng có thêm binh lính do ngoại viện, hoặc đất nước họ chi viện liên tục.

Cuối cùng, phương tiện sinh hoạt của bên rút lui và của bên tiến công chênh lệch nhau rất lớn đến nỗi thường thường người ta thấy bên rút lui thì sống sung túc còn bên tiến công thì chết mòn vì thiếu thốn.

Quân đội rút lui có thể tập trung thực phẩm trước ở tất cả những nơi họ đã đi qua, còn bên đuổi theo thì phải chuyên chở mọi thứ bằng các đoàn xe; kể cả lúc có đường giao thông ngắn nhất và lúc quân đội đang vận động, việc chuyên chở theo kiểu đó cũng chẳng phải là dễ dàng gì và ngay từ đầu đã thấy thiếu thốn rồi.

Đất nước có cái gì thì quân đội rút lui đã sử dụng trước tiên và tiêu thụ gần hết. Họ chỉ để lại những làng mạc và thành phố trơ trụi, những cánh đồng bị gặt sạch và phá tan hoang, những giếng nước cạn khô và những con suối bị nhiễm độc.

Ngay từ ngày đầu, quân đội tiến công đuổi theo quân đội rút lui đã phải đương đầu với những nhu cầu rất cấp thiết. Họ không thể sử dụng lương thực của kẻ địch; nếu họ chiếm được một kho tàng nào đó của địch thì cũng chỉ do ngẫu nhiên hoàn toàn hoặc chỉ do lỗi lầm không thể tha thứ được của đối phương.

Như vậy, đối với một nước lớn và trong trường hợp lực lượng hai bên không chênh lệch quá đáng thì chắc chắn sẽ có một tương quan lực lượng mà bên phòng ngự chỉ có khả năng thắng lợi vô cùng lớn trong trường hợp xảy ra trận đánh quyết định ở biên giới. Chẳng những khả năng chiến thắng tăng thêm nhờ có thay đổi trong tương quan lực lượng, mà ta lại có thể thấy trước chiến thắng với những kết quả quan trọng hơn rất nhiều vì tình hình đã có thay đổi. Giữa một trận đánh thất bại ở gần biên giới tổ quốc và một trận thất bại ở trong lòng địch, thật khác nhau biết bao nhiêu! Quả vậy, khi đã đến đoạn cuối của cuộc tiến quân, tình hình bên tiến công có thể bi đát đến nỗi ngay một trận đánh *thắng lợi* cũng có thể buộc họ phải rút lui vì họ không còn đà tiến để hoàn thành và khuếch trương thắng lợi, không còn đủ sức để thay thế số binh lính bị tổn thất nữa.

Vì vậy, không thể so sánh một quyết định nảy ra từ lúc mới bắt đầu với một quyết

định ở cuối đợt tiến công.

Trong cách phòng ngự nói trên, có hai điều bất lợi lớn đối lập với những thuận lợi lớn. Bất lợi thứ nhất là: Địch tiến quân có thể gây nên tổn thất lớn cho xứ sở; bất lợi thứ hai thuộc phạm trù tinh thần.

Dĩ nhiên, không bao giờ nên coi việc bảo đảm cho xứ sở không bị thiệt hại là một trong những mục tiêu tổng quát của phòng ngự. Hòa bình có lợi, đó mới là mục tiêu. Chúng ta phải tập trung cố gắng để đạt bằng được một nền hòa bình càng chắc chắn càng tốt, và để đạt được điều đó thì không có hy sinh tạm thời nào là quá nặng cả. Tuy nhiên, dù đó không phải là yếu tố chủ yếu, chúng ta cũng vẫn phải chú ý đến những thiệt hại ấy, vì chẳng ai có thể bỏ qua nó được.

Các lực lượng quân sự của chúng ta không bị ảnh hưởng trực tiếp của những thiệt hại ấy nhưng lại bị chúng chi phối bằng nhiều con đường vòng khác nhau, trong lúc đó thì cuộc rút lui lại được tăng thêm lực lượng một cách trực tiếp. Như vậy, không thể đem so sánh thuận lợi chúng tôi vừa nói với điều bất lợi kể trên, đó là hai vấn đề thuộc phạm trù khác nhau và không cùng ở trong một môi trường hoạt động. Bây giờ chúng ta hãy nói gọn rằng: Những thiệt hại này sẽ quan trọng nếu phải hy sinh một tỉnh đất tốt, người đông, hoặc những thành phố buôn bán, ngoài ra sự hy sinh này lại càng lớn nếu ta bị thiệt hại thêm về phương tiện chiến đấu (thành phẩm hoặc nửa thành phẩm).

Điều kiêng kỵ thứ hai là ảnh hưởng tinh thần của việc rút lui. Có lúc người tổng chỉ huy phải gạt những cân nhắc ấy ra một bên và thực hiện kế hoạch của mình một cách bình tĩnh, không sợ bất lợi vì những tính toán bạc nhược thấp hèn. Tuy vậy, ấn tượng tinh thần không phải chỉ là ảo tưởng đơn thuần, và ta không nên đánh giá nó quá thấp. Không nên so sánh ấn tượng này với các lực lượng chỉ đà nặng vào một điểm duy nhất, mà phải xem nó như một lực lượng xâm nhập nhanh như chớp nhoáng vào mọi thớ thịt, làm cho mọi hoạt động trong đời sống của quốc gia và quận đội bị tê liệt hoàn toàn. Trong một số trường hợp, quốc gia và quân đội thông suốt rất mau chóng và thấy cần thiết phải rút lui vào nội địa, thậm chí cuộc rút lui còn có thể làm tăng thêm tin tưởng và đem đến nhiều hy vọng. Nhưng những trường hợp như thế rất hiếm có. Thường thường, dân chúng chưa phân biệt được thế nào là rút lui tự nguyện và thế nào là rút lui lộn xộn, thế nào là một kế hoạch được vạch ra để đạt những thuận lợi chắc chắn và thế nào là một cuộc rút lui trước sức ép của địch. Dân chúng sẽ vừa đau xót vừa bất bình khi bị mất một số tỉnh; quân đội thì dễ mất tin tưởng ở những người đứng đầu, có khi mất tin tưởng cả với bản thân mình, và những cuộc chiến đấu bảo vệ phía sau, trong quá trình rút lui lại càng làm cho người ta lo lắng theo hướng nói trên. Không bao giờ được lầm lẫn về những hậu quả ấy của cuộc rút lui. Và, đối với một dân tộc muốn tự khẳng định về mặt tinh thần, thì chấp nhận cuộc thách đấu một cách ngay thẳng và rõ ràng quả thật là tự nhiên hơn, đơn giản hơn, xứng đáng hơn, đến nỗi, khi vượt qua biên giới một dân tộc, bên tiến công không thể không đương đầu với tinh hoa của cả dân tộc ấy cũng như không thể không bị bắt buộc phải thanh toán những món nợ máu đối với họ.

Đó là những thuận lợi và bất lợi của loại phòng ngự nói trên. Cũng cần phải nói thêm mấy lời về những điều kiện về những tình huống thuận lợi của nó.

Một vùng đất đại rộng lớn hay ít nhất một đường rút lui dài là điều kiện chủ yếu và cơ bản của phòng ngự; vì tiến quân trong mấy ngày đường không đủ để làm cho địch yếu đi rõ rệt. Năm 1812, đạo quân của Bonaparte có 250.000 người ở Vitebsk, 182. 000 ở Smolensk; chỉ đến Borodino, nó mới tụt xuống còn 120.000 người, nghĩa là về số quân nó ngang với đạo trung quân của người Nga.

Borodino cách biên giới 90 dặm; nhưng chỉ lúc đến Moscow, ưu thế của quân Nga mới trở thành quyết định và việc đảo lộn thế trận của hai bên chắc chắn đến nỗi trận thắng của người Pháp ở Maloyaroslavets cũng chẳng làm nên trò trống gì nữa.

Không có một quốc gia châu Âu nào lại có những vùng rộng lớn như nước Nga, và rất ít quốc gia có thể nghĩ đến một con đường rút lui dài độ một trăm dặm. Nhưng một nước mạnh như nước Pháp năm 1812 cũng là một cái gì hiếm có, và lúc bắt đầu chiến dịch, chưa kể ưu thế tinh thần rất rõ ràng của họ, người Pháp còn có số quân đông gấp đôi: Một ưu thế như vậy lại là một cái gì càng hiếm có hơn nữa.

Trong những điều kiện khác thì những điều xảy ra sau một đoạn đường dài 100 dặm cũng có thể xảy ra sau 50, hoặc thậm chí sau 30 dặm.

Trong những điều kiện thuận lợi nhất, cần phải kể đến:

1. Một vùng đất đai ít trồng trọt.

2. Một dân tộc trung thành và có tinh thần chiến đấu.

3. Thời tiết xấu.

Ba yếu tố trên làm cho sinh hoạt của quân đội địch khó khăn hơn nhiều và buộc chúng phải tổ chức những đoàn vận tải lớn, nhiều đội quân biệt phái và phải thực hiện nhiều thứ lao dịch nặng nhọc; nó gây ra nhiều bệnh tật và làm cho bên phòng ngự dễ đánh vào sườn.

Cần phải nói một vài lời nữa về số lượng tuyệt đối của các lực lượng quân sự vì nó cũng có một ảnh hưởng nào đó đối với cách phòng ngự này.

Không kể đến tương quan lực lượng giữa các quân đội đối địch, dĩ nhiên là một số quân ít ỏi bị kiệt quệ mau hơn một lực lượng lớn, cuộc chiến đấu của họ (của số quân ít ỏi – ND) tất ngắn hơn và chiến trường của họ cũng hẹp hơn. Như vậy, có một tỷ lệ không đổi giữa đại lượng tuyệt đối của sức mạnh và khoảng không gian mà sức mạnh này có thể chiếm đóng. Không thể biểu hiện tỷ lệ ấy bằng con số được; đó là chưa kể đến những tình huống khác nhau lại làm cho tỷ lệ trên luôn luôn thay đổi. Chúng tôi chỉ muốn nói rằng: Việc xảy ra như vậy vì bản chất của nó là như vậy, đặc tính của nó là như vậy.

Người ta có thể tiến quân vào Moscow với 500.000 người chứ không phải với 50.000, dầu cho tỷ số giữa quân đội xâm lược và quân phòng ngự có thuận lợi hơn trong trường hợp thứ hai so với trường hợp thứ nhất.

Chúng ta hãy cho rằng tỷ lệ giữa lực lượng tuyệt đối và không gian là như nhau trong hai trường hợp khác nhau; chắc chắn rằng khối lượng binh lính của ta lớn bao nhiêu thì lúc rút luita lại càng làm cho địch yếu đi bấy nhiêu.

1. Việc nuôi dưỡng và nơi trú quân của địch trở thành khó khăn hơn. Thật vậy, quy mô càng lớn thì quân đội lại càng chiếm một không gian rộng, hàng tiếp tế vẫn phải đưa từ nhiều nơi khác đến và tất cả các đoàn vận tải đi theo quân đội cũng mất mát nhiều hơn. Không bao giờ người ta dùng toàn bộ mà chỉ dùng một bộ phận rất nhỏ của khoảng không gian chiếm lĩnh vào việc trú quân. Không phải khối lượng binh lính càng lớn thì khoảng không gian trú quân cứ càng nhiều lên.

2. Khối lượng càng ngày càng tăng thì cuộc tiến quân cũng ngày càng chậm đi, vì vậy, để đi hết chặng đường xâm lược thì mất nhiều thì giờ hơn, cho nên tổng số thiệt hại hàng ngày cũng tăng lên.

Hai nghìn người bị ba nghìn người đuổi đánh thì không thể nói đến chuyện rút chạy theo những đường ngắn độ một, hai, ba dặm, hoặc nghỉ lại một vài ngày. Đuổi kịp bên rút chạy, tiến công rồi đánh cho họ tan tác, đó chỉ là công việc của vài giờ đồng hồ. Nhưng nếu họ đông gấp 100 lần thì toàn bộ vấn đề sẽ thay đổi hẳn. Những cuộc tác chiến trong trường hợp thứ nhất chỉ đòi hỏi một giờ hoặc hai thì bây giờ lại đòi hỏi cả ngày, có khi đến hai ngày. Các lực lượng đối địch đi đến chỗ không còn tiếp xúc với nhau ở một điểm; các cuộc vận động, các cuộc phối hợp càng có nhiều màu nhiều vẻ thì lại càng cần có nhiều thì giờ. Về mặt tiếp tế, bên tiến công gặp nhiều khó khăn hơn, vì vậy họ phải trải rộng hơn bên phòng ngự: Điều này thật là tai hại. Như vậy, họ luôn luôn có nguy cơ bị một lực lượng phòng ngự đông hơn tiến công ở một điểm nào đấy; ở Vitebsk, chính người Nga tìm cách tiến công theo kiểu đó.

3. Khối lượng càng tăng thì những nhiệm vụ chiến thuật và chiến lược hàng ngày lại càng đòi hỏi nhiều cố gắng vất vả. Khi mỗi ngày 10.000 người phải đến nơi tập trung rồi lại từ đó trở về, dừng lại rồi tiếp tục đi, lấy vũ khí, nấu ăn, chia khẩu phần, khi 100.000 người không thể trở về nơi trú quân trước khi mọi trại quân báo cáo xong – tất cả mọi công việc phụ ấy là hậu quả của các cuộc hành quân, chúng đòi hỏi số quân đông tới 100.000 người kể trên phải cố gắng gấp đôi so với 50.000 người; nhưng đối với ai cũng vậy, một ngày trời chỉ có 24 giờ thôi. Trong chương 9**[217]** của tập trước, chúng tôi đã nói rõ rằng trong một cuộc hành quân, quy mô của đạo quân càng lớn thì càng mất nhiều thì giờ và khó khăn càng nhiều. Dĩ nhiên, quân đội rút lui và quân đội tiến công đều phải chịu đựng những loại khó khăn như nhau, nhưng bên tiến công vẫn vất vả hơn nhiều: 1. Vì khối lượng binh lính đông hơn (phải giả thiết là nó có ưu thế hơn); 2. Vì trong khi phải hy sinh phần đất của mình lúc rút lui thì bên phong ngự lại có thể tự cho mình quyền chủ động và bắt đối phương phải tuân theo quy luật hoạt động của mình. Bên phòng ngự cũng có thể vạch trước ra một kế hoạch hành động: Trong phần lớn các trường hợp, không có gì ngăn cản việc thực hiện kế hoạch này; còn bên tiến công thì chỉ xây dựng được kế hoạch của mình sau khi đã biết rõ những vị trí do đối phương chiếm lĩnh (những vị trí này còn phải điều tra thì mới thấy được).

Để người ta không thể đổ tội cho chúng tôi là đã nói ngược lại những điều đã trình bày ở chương 12, tập IV, chúng tôi phải vội vàng nhắc lại rằng ở đấy chỉ nói

đến việc đuổi đánh một đối phương chưa thua trận lần nào.

Nhưng vì đã có khả năng buộc địch tuân theo quy luật hoạt động của mình nên bên rút lui có thể tiết kiệm được thì giờ, giảm bớt được rất nhiều cố gắng, thu được vô số thuận lợi nhuận nho nhỏ tạo nên một sự khác nhau càng về cuối càng trở nên quan trọng.

4. Nếu một mặt, bên rút lui cố gắng làm tất cả những cái gì có thể làm được để cuộc rút lui được dễ dàng, nếu họ sửa sang lại đường sá, cầu cống, nếu họ chọn những địa điểm tốt nhất để đóng trại, v.v. thì mặt khác, họ cũng cố gắng như thế để ngăn cản cuộc tiến quân của bên đuổi theo. Họ phá hủy các cầu cống, đường sá đã bị hư hại sẵn vì họ hành quân qua. Đối phương không thể sử dụng được những nơi đóng trại, những nguồn nước vì những nơi này đã bị bên rút lui sử dụng trước, v.v.

Chúng ta hãy kể thêm những cuộc nổi dậy toàn quốc; đây là một yếu tố đặc biệt thuận lợi. Chứng tỏ thấy không cần nhấn mạnh điểm này, vì sau đấy chúng tôi còn có cơ hội trở lại vấn đề ở một chương đặc biệt.

Chúng tôi vừa mới gợi lên những thuận lợi, những hy sinh và những điều kiện của một cuộc rút lui như thế. Chúng tôi chỉ cần nói thêm một vài lời về phương thức thực hiện rút lui.

Vấn đề thứ nhất cần phải nói tới là vấn đề chỉ đạo cuộc rút lui.

Cuộc rút lui phải hướng về phía *bên trong* đất nước và nếu có thể thì kết thúc ở một nơi mà các tỉnh của ta bao vây quân địch. Như thế kẻ địch sẽ bị các tỉnh của ta chi phối, còn chúng ta thì không gặp nguy cơ bị *đẩy ra ngoài phần lớn đất đai của chúng ta*, điều này có thể xảy ra nếu chúng ta chọn đường rút lui gần biên giới nước ta quá; nếu như năm 1812, người Nga rút lui về phía nam chứ không phải về phía đông thì họ có thể đã gặp số phận như thế.

Đó là điều kiện và cũng là mục đích của biện pháp nói trên. Rút lui về điểm nào ở bên trong đất nước? kiên quyết bảo vệ thủ đô (hoặc một điểm quan trọng nào đó) hay buộc địch phải chuyển sang hướng khác? Ta có thể làm cho những công việc trùng hợp với nhau không? Phải tùy tình hình để trả lời tất cả những câu hỏi đó.

Nếu trong những năm 1812, người Nga rút lui theo một kế hoạch chính xác hơn thì họ có thể từ Smolensk đi theo hướng Kaluga, nhưng thật ra chỉ sau khi đến Moscow họ mới đi theo hướng nói trên. Trong những điều kiện như thế, Moscow hoàn toàn có thể không bị phá hoại.

Vì ở Borodino, người pháp nhiều lắm chỉ có độ 130.000 người nên ta không thể tin rằng đến giữa đoạn đường đi Kaluga họ lại có thể mạnh hơn, nếu người Nga đã chấp nhận tác chiến ở đó. Nhưng trong tổng số trên, họ có thể rút ra được bao nhiêu người để đi đến Moscow? Nhất định là một số rất ít; nhưng người ta không thể đánh chiếm một vị trí như Moscow bằng cách tổ chức một cuộc chinh phạt dài 50 dặm (khoảng cách giữa Smolensk và Moscow) với một số quân ít ỏi như thế.

Sau những cuộc giao chiến ở Smolensk, Bonaparte còn có 160.000 người; giả thử *trước* khi có giao chiến lớn, ông ta có thể phái đến Moscow một quân đoàn độ 40.000 người, như vậy ông ta chỉ còn 120.000 người để đương đầu với đạo quân chính của

người Nga. Trong số 120.000 người này chỉ còn độ 90.000 trong trận đánh, nghĩa là ít hơn trận Borodino độ 40.000 người. Như vậy, người Nga sẽ trội hơn đến 30.000 người. Nếu ta lấy Borodino làm tiêu chuẩn thì rất có thể ưu thế đó sẽ bảo đảm thắng lợi. Lực lượng tương đối giữa hai bên đáng lẽ còn thuận lợi hơn nữa đối với người Nga ở Borodino. Nhưng cuộc rút lui của họ không theo một kế hoạch được suy nghĩ chín chắn; nếu họ rút lui ra xa như thế thì chỉ là vì mỗi khi sắp chấp nhận tác chiến thì họ lại thấy rằng mình chưa đủ mạnh để chiến thắng. Mọi thứ tiếp tế, mọi thứ tăng viện đều đưa đến con đường từ Moscow đi Smolensk và ở Smolensk không ai nghĩ đến chuyện rời bỏ con đường này. Hơn nữa, theo con mắt người Nga, đã không bảo vệ được Moscow và để thành phố này rơi vào nguy cơ bị chiếm đóng thì dù có chiến thắng ở giữa Smolensk và Kaluga cũng không chuộc được tội lỗi.

Có một điều chắc chắn hơn nữa là: Năm 1813, Bonaparte cũng có thể làm cho Paris không bị tiến công nếu ông ta đóng vị trí xa hơn nữa về phía đông, chẳng hạn đóng ở phía sau sông đào Burgundy và chỉ để ở Paris độ mấy nghìn người cùng với đội ngũ quân vệ quốc rất đông đảo của ông ta.

Không bao giờ quân đồng minh lại có đủ can đảm để đưa đến Paris một đạo quân từ 50.000 đến 60.000 người khi họ biết rằng Bonaparte còn đến 100.000 đóng ở Auxerre. Trái lại, không ai có thể khuyên quân Đồng minh, nếu họ ở trong tình thế của Bonaparte, từ bỏ con đường dẫn đến thủ đô của mình, nếu quân đội này có một đối phương như Bonaparte. Với một ưu thế như vậy, không bao giờ ông ta lại ngần ngại mà không tiến quân vào thủ đô. Khác nhau về tinh thần dẫn đến những kết quả khác nhau như vậy, kể cả lúc tình hình giống nhau.

Chúng ta còn phải nhớ rằng, trong những trường hợp có vị trí nằm ngang như vậy, nếu muốn tránh không để cho chiến tranh xảy ra ở thủ đô hoặc ở bất kỳ một nơi nào khác thì người ta phải bố trí ở đấy một lực lượng kháng cự tối thiểu, nếu không thì bất kỳ nhóm nhỏ dân binh nào cũng có thể tiến công và đánh phá được. Chúng tôi chỉ nói đến đây, vì sẽ còn trở lại vấn đề này khi nghiên cứu về kế hoạch chiến tranh.

Về vấn đề đường rút lui, chúng ta còn phải nghiên cứu thêm một điểm đặc biệt: Việc đổi hướng một cách đột ngột. Sau khi hướng về phía Moscow, người Nga bỏ con đường này đáng lẽ dẫn họ tới Vladimir để chuyển sang con đường hướng về Ryazan, rồi lại chuyển sang hướng Kaluga. Nếu bị bắt buộc phải tiếp tục rút lui thì có lẽ họ theo hướng mới này một cách dễ dàng và nó sẽ dẫn họ đến Kiev, như vậy có thể họ lại đến gần biên giới địch. Nếu lần này người Pháp còn có ưu thế hơn người Nga thì họ cũng không thể giữ được đường giao thông của mình: Đường này đi qua Moscow thành một đường vòng khổng lồ. Như thế, họ có thể chẳng những phải bỏ Moscow mà còn phải bỏ cả Smolensk, nghĩa là phải bỏ tất cả những vùng đất đai vất vả lắm mới đoạt lại được, và chỉ giữ được một chiến trường ở phía bên này sông Berezina.

Quân đội Nga cũng có thể đi ngay về hướng Kiev, và cũng gặp những khó khăn như thế, nghĩa là bị tách biệt ra khỏi toàn bộ đất đai của xứ sở; nhưng lúc ấy, điều bất lợi này chỉ là ảo tưởng vì nếu quân đội Nga không đi vòng qua Moscow thì quân đội

Pháp đã đến Kiev với một tình trạng hoàn toàn khác hẳn.

Rõ ràng, thay đổi đột ngột hướng rút lui (điều này có thể làm được trên những khoảng không gian rộng lớn) có những điều lợi đáng chú ý:

1. Thay đổi hướng làm cho địch không thể giữ những đường giao thông cũ trong lúc tổ chức những tuyến giao thông mới bao giờ cũng rất khó khăn. Vì đổi hướng bao giờ cũng được tiến hành dần dần nên kẻ địch phải tìm tòi đường mới rất nhiều lần.

2. Điều đó buộc cả hai phe đều phải đến gần biên giới hơn; như vậy vị trí của bên tiến công không còn bảo vệ được những vùng họ đã chiếm đóng nữa; chắc chắn là họ phải bỏ các vùng này. Trên đất nước Nga rộng mênh mông, hai quân đội thực sự có thể chơi cái trò đuổi bắt ấy được.

Trong những nước nhỏ, nếu có điều kiện thuận lợi thì người ta vẫn có thể thay đổi hướng rút lui; song những điều kiện thuận lợi ấy bao giờ cũng chỉ rút ra được trong những điều kiện tổng quát của tình hình cụ thể.

Khi đã quy định rõ ràng được hướng cần lôi kéo địch vào nội địa thì dĩ nhiên đạo quân chính của chúng ta cũng phải đi theo hướng ấy, nếu không, địch sẽ đi theo hướng khác và ngay cả lúc địch chịu đi theo hướng ấy, chúng ta cũng không thể buộc họ tuân theo những điều kiện mà ta cho rằng ta đã đạt được. Thật ra, trong trường hợp như thế, chỉ còn một vấn đề phải đặt ra là: Chúng ta sẽ đi theo hướng ấy với toàn bộ lực lượng của mình hay nên phái đi từng đạo quân lớn để làm cho cuộc rút lui có hình thức ly tâm.**[218]** Chúng tôi trả lời ngay là không nên dùng hình thức thứ hai này: 1. Vì nó phân tán lực lượng trong lúc việc tập trung lực lượng vào một điểm chính là khó khăn chủ chốt đối với bên tiến công, 2. Vì như vậy, địch sẽ có thuận lợi là tác chiến ở những tuyến bên trong; nó có thể tập trung mạnh hơn ta và như vậy sẽ càng có ưu thế hơn ta ở điểm này hoặc điểm khác. Khi ta theo phương pháp tạm thời tránh địch thì ưu thế nói trên không đáng sợ bằng; nhưng phương pháp lẩn tránh này chỉ có ý nghĩa nếu ta làm cho địch luôn luôn phải e sợ và nếu ta không để cho địch đánh bại từng bộ phận riêng lẻ của ta – điểm này rất có thể xảy ra. Điều kiện thứ hai của kiểu rút lui này là: Đạo quân chính của chúng ta dần dần sẽ đạt ưu thế để đánh một trận quyết định. Điều này không thể thực hiện được nếu lực lượng phân tán, 3. Vì nói chung hành động từ nhiều góc đánh lại không phù hợp với bên yếu hơn, 4. Vì một vị trí như thế sẽ làm tiêu tán hoàn toàn một số nhược điểm của bên tiến công.

Vì những nhược điểm quan trọng nhất của một cuộc tiến công từ vị trí xa hậu phương chính là ở chỗ đường giao thông quá dài và các phía sườn chiến lược bị trống trải. Rút lui theo kiểu ly tâm buộc bên công kích phải dành một phần lực lượng để chống đỡ về phía sườn, và bộ phận lực lượng này (dùng để đối phó với lực lượng của ta) bây giờ lại phải mang thêm một nhiệm vụ nữa: Bảo vệ một bộ phận đường giao thông.

Như vậy, hình thức ly tâm không phù hợp với hành động đơn thuần chiến lược của cuộc rút lui; nhưng nếu hình thái này được sử dụng để sau này sẽ hành động ở đường rút lui của quân địch thì vấn đề đã được đặt ra ở chương trước.

Chỉ có một lý do chính đáng độc nhất để rút lui theo kiểu ly tâm: Bảo vệ đất đai

để nó khỏi rơi vào tay địch.

Trên đường tiến quân, kẻ địch có thể chiếm đóng những khu vực ở bên trái hoặc bên phải: Người ta có thể biết rõ các khu vực này bằng cách suy luận từ nơi tập trung, từ hướng đi, từ vị trí của các tỉnh và pháo đài của địch, v.v. Bao vây những khu vực có nhiều khả năng địch để yên, sẽ chỉ làm hao phí lực lượng, rất nguy hiểm. ***Có thể không cho địch chiếm đóng những khu vực chúng định bao vây bằng cách đặt các vị trí của ta trong những khu vực ấy được không?*** Đó là một vấn đề rất khó giải quyết dứt khoát, vì nó phụ thuộc ***rất nhiều vào trực giác.***` Năm 1812, khi quân Nga rút lui, họ để lại ở Volhynia 30.000 người dưới quyền của Tormasov**[219]** nhằm đương đầu với quân Áo có thể tràn vào trong tỉnh. Quy mô và địa hình hiểm trở của tỉnh này (bên địch lại không có ưu thế) khiến người Nga có hy vọng làm chủ được tình hình ở vùng biên giới của họ hay ít nhất cũng làm cho người ta thấy lực lượng của họ thật là vững chắc ở gần biên giới, từ đó họ có thể rút ra được nhiều thuận lợi; chúng tôi không bình luận vấn đề này ở đây; vả lại, dù người ta có muốn đi nữa thì những đơn vị đóng ở tỉnh này cũng không thể đến kịp để nhập vào đạo quân chính cho đúng lúc được. Tất cả những điều trên làm cho ta thấy rõ rằng quân Nga để bộ đội lại ở Volhynia khiến họ có thể tiến hành cuộc chiến tranh riêng của họ là hoàn toàn đúng đắn. Một mặt khác, tướng Phull**[220]** đã vạch một kế hoạch tác chiến, theo đó thì chỉ có quân đội của Barclay**[221]** (80 000 người) phải rút lui về phía Drissa, còn quân đội của Bagration (40.000 người), phải ở lại về phía sườn phải của người Pháp để rồi sau đó lao vào phía sau quân đội Pháp. Người ta thấy ngay rằng quân đội này không thể nghĩ đến việc ở lại phía nam xứ Lithuania, khu vực quá gần phía sau quân đội Pháp cho nên có thể bị nó đè bẹp và tiêu diệt.

Dĩ nhiên là bên phòng ngự phải làm thế nào cho bên tiến công càng chiếm đóng được ít tỉnh càng tốt, nhưng tính toán như thế cũng chỉ là thứ yếu. Cũng rất dĩ nhiên là giữ chân địch trong một chiến trường càng nhỏ, hay nói đúng hơn càng hẹp, thì tiến công càng khó. Nhưng điều kiện của tất cả những việc nói trên là: Hành động như thế phải có khả năng thành công và đạo quân chính không bị yếu đi nhiều quá vì quyết định cuối cùng phụ thuộc vào đạo quân này, vì những khó khăn xuất hiện trong đạo quân chính của địch có thể bắt chúng phải rút lui và góp phần lớn nhất làm cho họ thiệt hại nhiều hơn nữa về vật chất và tinh thần.

Nói chung, việc lui quân vào nội địa phải thực hiện dưới tầm mắt của địch càng chậm càng tốt, vào lúc mà lực lượng của chúng ta chưa bị phân tán và chưa bị đánh bại; sức kháng cự liên tục của ta bắt buộc địch phải ở trong tình trạng báo động thường xuyên và phải thi hành trên một quy mô rộng lớn những biện pháp chiến lược và chiến thuật để đề phòng và chính vì vậy họ có thể bị kiệt quệ.

Ở cuối quá trình tiến công, nếu có thể, bên phòng ngự nên bố trí theo hướng đi xiên so với hướng tiến công để có thể huy động mọi phương tiện có trong tay nhằm đánh vào phía sau của địch.

Chiến dịch năm 1812 ở Nga đã minh họa cho tất cả những hiện tượng trên ở một quy mô lớn, và mọi hiệu quả được phản ánh vào trong chiến dịch như vào trong một

tấm gương phóng đại. Tuy cuộc rút lui không phải là tự nguyện, người ta vẫn có lý do để nghiên cứu nó trên quan điểm tự nguyện. Nếu người Nga phải làm lại những điều họ đã làm trong những điều kiện tương tự, chắc chắn họ sẽ làm lại một cách tự nguyện và có phương pháp những điều họ đã thực hiện năm 1812 không tính toán trước. Nhưng người ta sẽ phạm sai lầm lớn nếu tin rằng không còn có thí dụ nào khác về kiểu cách hành động như trên và nếu không có những diện tích bao la của đế quốc Nga thì không thể hành động như thế được.

Mỗi lần có tiến công chiến lược, dù không đi đến một trận đánh nhưng vẫn bị thất bại chỉ vì khó khăn khi chiến đấu kéo dài, và khi bên tiến công bắt buộc phải thực hiện một cuộc rút lui tai hại thì người ta sẽ lại thấy những điều kiện chính, những hiệu quả chính của kiểu kháng cự này, dù về chi tiết nó có thay đổi đến bao nhiêu đi nữa. Các chiến dịch của Frederick Đại đế năm 1742 ở Moravia, năm 1744 ở Bohemia, chiến dịch của người Pháp năm 1743 ở Áo và ở Bohemia, của công tước Brunxvích năm 1792 ở Pháp, chiến dịch mùa đông của Massénatừ 1810 đến 1811 ở Bồ Đào Nha là những thí dụ tương tự, tuy có thu hẹp hơn về mặt không gian và kết quả. Hơn nữa, có vô số cuộc tác chiến bộ phận thuộc loại đó: Kết quả của những trận này có một phần nguồn gốc trong nguyên tắc chúng tôi vừa mới trình bày. Chúng tôi không gợi lại những trận đánh ấy ở đây vì làm như thế thì phải phân tích nhiều tình huống khác nhau và chúng ta sẽ đi quá xa.

Ở Nga, và trong những trường hợp khác đã được nói đến, tuy không có trận chiến thắng dội nào ở cao nhất của chiến dịch nhưng vẫn có bước ngoặt; tuy người ta không dự đoán trước được một kết quả như thế, nhưng bằng kiểu phòng ngự trên, người ta vẫn phải cố gắng đạt cho được một tương quan lực lượng có thể dẫn đến chiến thắng, và lấy chiến thắng này làm đòn đánh mạnh đầu tiên, người ta có thể tạo nên một lực thúc đẩy làm đà cho một chuyển biến mà tác hại của nó ngày càng tăng theo quy luật trọng lượng.

Chương 26. VŨ TRANG CHO DÂN CHÚNG

[222]

Trong châu Âu văn minh, chiến tranh nhân dân là một hiện tượng xuất hiện ở thế kỷ thứ XIX. Nó cũng có người bênh vực và cũng có người chống lại. Những người chống lại xem xét nó theo quan điểm chính trị và coi đó là một biện pháp cách mạng, một tình trạng rối loạn được hợp pháp hóa vừa nguy hiểm cho địch nhưng cũng vừa nguy hiểm cho trật tự xã hội bên trong; hoặc họ cũng có thể đứng về quan điểm quân sự để cho rằng: Thắng lợi của nó không tương xứng với việc tiêu phí lực lượng. Ở đây, điểm thứ nhất không liên quan đến chúng ta, vì chúng tôi nghiên cứu chiến tranh nhân dân như là một biện pháp chiến đấu, và vì vậy có liên quan tới kẻ địch, về điểm thứ hai, cần phải thấy rằng: Một cuộc chiến tranh nhân dân nói chung phải được coi như là kết quả của một phương pháp, phương pháp của yếu tố hiếu chiến đã được sử dụng trong thời đại hiện nay để phá vỡ những hàng rào giả tạo đã quá cũ kỹ – vì vậy, phải coi đó là sự mở rộng và tăng cường của toàn bộ quá trình khích động nói trên mà ta gọi là chiến tranh. Hệ thống trưng dụng, nhờ đó khối lượng quân đội được tăng thêm một cách vô hạn độ, chế độ quân dịch phổ thông, việc sử dụng dân binh đều là những công việc hướng tất cả về một chiều, nếu người ta xuất phát từ chế độ quân sự hạn chế của thời trước; và công việc động viên dân binh lớn tuổi, hoặc vũ trang cho dân chúng, cũng tác động theo chiều hướng đó. Trong các cách tăng cường chiến tranh thì những biện pháp được nêu lên trước tiên là kết quả tự nhiên và cần thiết của việc đảo lộn các ranh giới và nếu những người sử dụng đầu tiên các biện pháp ấy đã tăng sức mạnh của mình lên nhiều đến nỗi đối phương cũng bắt buộc phải làm như thế, thì trong các cuộc chiến tranh dân tộc, mọi việc cũng không thể khác được. Trong phần lớn các trường hợp, quốc gia nào sử dụng hợp lý các biện pháp nói trên sẽ đạt được ưu thế đối với những kẻ coi thường việc này. Trong trường hợp đó, chỉ cần nghĩ đến một vấn đề là: Nói chung, việc tăng cường thế lực tự nhiên của chiến tranh có bổ ích gì cho nhân loại không? Trả lời câu hỏi này thật không phải là dễ, nó cũng khó như trả lời câu hỏi về bản thân cuộc chiến tranh. Chúng ta hãy để cho các nhà triết học giải quyết các vấn đề ấy. Nhưng người ta vẫn có thể đưa ra ý kiến là tài lực tiêu phí trong chiến tranh nhân dân có thể có lợi hơn nếu như chúng được sử dụng trong những biện pháp chiến đấu khác không? Chẳng cần phải xem xét sâu sắc lắm cũng có thể tin chắc được rằng: Phần lớn các lực lượng ấy không phải sẵn có trong tay ta và muốn sử dụng như thế nào cũng được. Một yếu tố chủ yếu, yếu tố tinh thần, chỉ có thể tồn tại nếu được sử dụng dưới hình thái ấy (tức là dưới hình thái chiến tranh nhân dân – ND). Vì vậy, chúng ta cũng đừng nên đặt câu hỏi: Cuộc kháng cự của toàn dân vũ trang tốn cho quốc gia bao nhiêu? mà phải hỏi: Cách kháng cự này có ảnh hưởng như thế nào? Nó đòi hỏi những điều kiện gì và cách sử dụng các điều kiện đó như thế nào? Dĩ nhiên, một cuộc kháng cự phân tán trên một diện rộng như thế không có khả năng quật những đòn lớn, nó đòi hỏi phải có hành động tập trung trong không gian và thời gian. Cũng như quá trình bay hơi trong giới tự nhiên, hành

động này phụ thuộc vào diện tích của bề mặt được phơi bày. Diện tích này cũng lớn, sự tiếp xúc với quân địch càng chặt, quân đội càng phải phân tán thì công cuộc vũ trang nhân dân càng tác động mạnh. Nó hủy hoại các nền tảng của quân đội địch như một đám cháy chậm, lan dần từng bước. Vì nó đòi hỏi phải có thời gian mới có hiệu quả, nên trong lúc các yếu tố thù địch thăm dò lẫn nhau sẽ sinh ra một tình trạng căng thẳng: Tình trạng này sẽ dần dần giảm nếu chiến tranh nhân dân tắt đi ở một số điểm đã cháy chầm chậm ở chỗ khác; hoặc có thể dẫn đến một cuộc khủng hoảng nếu những ngọn lửa của cuộc bùng nổ toàn bộ này thiêu cháy quân đội địch và bắt chúng phải rút khỏi đất nước, trước khi bị tiêu diệt hoàn toàn. Nếu chỉ muốn tiến hành cuộc chiến tranh nhân dân thôi cũng đạt được kết quả như thế thì phải có những khoảng không gian rộng lớn mà không nước nào ở châu Âu có cả, trừ nước Nga. Nó cũng có thể đạt được kết quả như thế nếu giữa hình thái của quân đội xâm lược và diện tích của đất nước có một sự chênh lệch lớn: Điều đó chẳng bao giờ có trong thực tế cả. Nếu không muốn theo đuổi một bóng ma thì người ta phải nghĩ đến một cuộc chiến tranh nhân dân luôn luôn kết hợp với cuộc chiến tranh do quân đội thường trực tiến hành: Cả hai đều được quan niệm theo một kế hoạch chung thống nhất.

Chỉ những điều kiện sau đây mới bảo đảm chiến tranh nhân dân có hiệu quả:

1. Chiến tranh phải được hướng vào nội địa.

2. Một tai biến duy nhất thôi thì chưa đủ để kết thúc dứt khoát cuộc chiến tranh.

3. Chiến trường phải bao trùm một khoảng không gian lớn của đất nước.

4. Các biện pháp thực hiện phải phù hợp với tính cách dân tộc.

5. Đất nước phải thuộc loại địa hình lồi lõm, hiểm trở dù đó là miền núi, miền rừng, miền đồng lầy hoặc miền trồng trọt theo kiểu đặc biệt. Số dân nhiều hay ít không quan trọng lắm, vì các yếu tố khác thường thường là thiếu, còn người thì ít khi thiếu. Dân cư giàu có hay nghèo khổ cũng không quyết định lắm hay ít nhất đáng lẽ cũng không có tính chết quyết định; nhưng ta phải thừa nhận rằng: Nhân dân nghèo khổ, quen với vất vả và thiếu thốn, nói chung vẫn mạnh mẽ và thượng võ hơn.

Trong nhiều vùng nước Đức, nhà cửa ở phân tán là một đặc điểm rất thuận lợi cho hoạt động của chiến tranh nhân dân. Như vậy, đất nước có địa hình không bằng phẳng thường được bảo vệ tốt hơn; đường sá thường xấu hơn nhưng lại nhiều hơn; binh lính có thể đồn trú mà không gặp những khó khăn vô tận, và tình hình đó là hình ảnh thu nhỏ lại của một đặc điểm rất cao của chiến tranh nhân dân: Tinh thần kháng chiến ở đâu cũng có nhưng lại không biết ở đâu mà tìm. Nếu dân cư sống tập trung trong các làng mạc, người ta có thể cho quân lính đóng ở những nơi ngỗ ngược nhất, hoặc đốt phá, cướp bóc nhà cửa của họ để trả đũa, v.v.; song đối với cộng đồng nông dân ở Westphalia thì quả là rất khó làm như thế được.

Không thể và không nên động viên dân binh và quần chúng được vũ trang chống lại đạo quân chủ yếu của địch hoặc bất kỳ đạo quân quan trọng nào. Không nên tìm cách dùng các biện pháp đó để phá vỡ cái nhân cốt mà chỉ nên gặm dần cái mặt ngoài và các góc cạnh của các đạo quân ấy. Quần chúng phải nổi dậy ở các tỉnh thuộc vùng ven chiến trường vì ở đó bên tiến công không có lực lượng mạnh, với mục đích là gạt

hẳn ảnh hưởng của địch ra khỏi các vùng đó. Đám mây u ám đe dọa bên sườn quân địch vẫn ùn ùn kéo theo sau lúc địch tiến quân. Ngay ở những nơi không có địch cũng vẫn sẵn có tinh thần dũng cảm tự vũ trang chống lại địch và phần lớn dân chúng vùng lân cận cũng đều bắt chước gương sáng đó.

Lửa lan ra như một đám cháy và cuối cùng hừng hực tiến đến căn cứ của bọn xâm lược. Lửa cũng lan đến các đường giao thông và đè nặng trên những con đường huyết mạch đang quyết định sự sống còn của địch. Vì, kể cả khi chúng tôi không phóng đại sức mạnh vô cùng của chiến tranh nhân dân, kể cả khi chúng tôi không cho rằng sức mạnh đơn thuần của một quân đội lại có thể kiểm soát được cái yếu tố vô tận và vô địch này (ý chí con người có bao giờ khống chế được mưa gió!) – tóm lại, nếu người ta không lấy những nguyền rủa cửa miệng để làm nền tảng cho ý kiến của mình thì ít nhất cũng phải thừa nhận rằng: Không thể dẫn dắt những nông dân vũ trang như dẫn dắt một trung đội binh sĩ được tập hợp lại thành bầy, chỉ cần xỏ mũi là có thể lôi đi được. Trái lại, những nông dân vũ trang, khi ở phân tán, sẽ có mặt ở khắp mọi nơi và cũng chẳng cần theo một kế hoạch vạch sẵn nào. Ở vùng núi, có rừng rậm hoặc có khó khăn hiểm trở về một mặt nào đó, cuộc hành quân của một đơn vị nhỏ có thể rất nguy hiểm vì nó có thể biến thành cuộc chiến đấu vào bất kỳ lúc nào, kể cả khi đã từ lâu không hề nghe thấy nói đến đơn vị vũ trang nào ở đó nữa; và những nông dân bị đánh tan ở đoạn đầu đoàn quân lại vẫn có thể xuất hiện ở đoạn cuối. Nếu cần phá hoại đường sá và làm nghẽn các đường độc đạo thì những biện pháp của các đội tuần tiễu hoặc đạo quân lưu động so với những biện pháp của một một đạo quân nông dân nổi dậy cũng giống như cử động của người máy so với cử động của người thật. Để đối phó với hoạt động của đội dân binh thì chỉ có cách phái nhiều tiểu đội để áp tải các đoàn xe, chiếm đóng các kho quân sự, các đường độc đạo, cầu cống, v.v. Những cố gắng đầu tiên của các đội dân binh hãy còn rất yếu, vì vậy các đội quân biệt phái của địch cũng còn ít vì họ sợ quá phân tán lực lượng; chính vì tiếp xúc với những đội quân nhỏ này mà chiến tranh lan rộng như một đám cháy; ở một vài điểm, địch khống chế vì số lượng dân binh rất đông; lòng dũng cảm và nhiệt tình được tăng cường và cường độ cuộc chiến đấu lên dần cho đến gần điểm cao nhất; ở đấy, kết quả cuối cùng sẽ được quyết định.

Theo ý chúng tôi, chiến tranh nhân dân giống như mây bay, nước chảy, không nên đọng lại ở bất kỳ nơi nào thành một vật rắn; nếu không, địch có thể đưa đến một lực lượng tương xứng, phá vỡ hạt nhân này đi và bắt nhiều tù binh; như vậy, tinh thần sẽ giảm sút, mỗi người đều nghĩ rằng vấn đề chính đã được giải quyết, rằng cố gắng nữa cũng vô ích và thế là toàn thể dân tộc sẽ rời bỏ vũ khí. Nhưng mặt khác, tại một vài điểm, sương mù cũng phải đọng lại thành những đám mây đen đáng sợ và từ đó có thể giáng xuống những đòn sấm sét ghê gớm. Những điểm đó thường ở hai cánh của chiến trường địch, như chúng tôi đã nói ở trên. Tại những nơi ấy, dân chúng vũ trang cần được tổ chức thành đơn vị quan trọng hơn, có trật tự hơn, có những lực lượng nhỏ của quân chủ lực giúp sức khiến họ có vẻ là một lực lượng chính quy và có thể hoạt động trên một quy mô lớn hơn. Càng xa các điểm này thì tổ chức dân

binh càng phải ít tập trung để có thể sử dụng vào phía sau quân địch: Ở đây, địch có nguy cơ bị đánh những đòn ác liệt. Những bộ phận hạt nhân được tổ chức tốt nhất nhẩy xổ vào những đồn binh quan trọng nhất mà địch để lại ở phía sau; một mặt khác các hạt nhân này cần được sử dụng để tạo nên một khí khó chịu, sợ hãi. Tinh thần căng thẳng tăng thêm ấn tượng nặng nề trong toàn bộ; không có những hạt nhân ấy, tác dụng sẽ không mạnh mẽ và tình hình chung của địch sẽ không lung lay nhiều lắm.

Những điều kiện tốt nhất và hình thức có hiệu quả nhất về vũ trang nhân dân là những phân đội nhỏ tách từ quân đội ra. Không có sự ủng hộ và khuyến khích của mọi số đơn vị chính quy thì thường thường người dân không có đà để tiến lên và thiếu sự tự tin cần thiết để cầm lấy vũ khí. Những đơn vị biệt phái đi làm công việc này càng mạnh, sức hấp dẫn của họ càng lớn, thì bão táp sẽ càng nổi lên mạnh. Nhưng cuộc vận động này cũng có giới hạn của nó, một mặt vì phân tán toàn bộ quân đội để thực hiện một mục tiêu thứ yếu, hoặc hòa tan quân đội thành vô số đơn vị dân binh để xây dựng thành những tuyến phòng ngự dài và yếu (như thế quân đội chính quy và các đội dân binh đều đồng thời bị hủy hoại) đều rất nguy hiểm; một mặt khác, kinh nghiệm hình như cho ta thấy rằng: Nếu sử dụng quá nhiều đơn vị chính quy trong một vùng thì ở đó, chiến tranh nhân dân sẽ yếu đi và thiếu hiệu quả. Sở dĩ có tình trạng trên là vì: Nhiều đơn vị binh lính địch sẽ bị lôi kéo đến vùng đó, dân chúng sẽ ỷ lại vào quân đội chính quy của mình và khi đã có nhiều đạo quân lớn thì họ lại phải đóng góp quá nhiều về các mặt khác như: Doanh trại, vận tải, thuế má, v.v.

Còn một biện pháp nữa để ngăn chặn mọi phản ứng quá mạnh của địch chống chiến tranh nhân dân đồng thời cũng là một nguyên tắc chỉ đạo trong phương pháp sử dụng các đạo dân binh; biện pháp đó là: Với thủ đoạn phòng ngự chiến lược lớn này, không bao giờ (hoặc rất ít khi) nên tìm cách phòng ngự chiến thuật. Tính chất chiến đấu của các đội dân binh cũng giống như tính chất chiến đấu của những đơn vị có chất lượng thấp; lúc đầu thì có đà và nhuệ khí, như càng về sau thì càng thiếu bình tĩnh, dẻo dai. Một mặt khác, nếu một lực lượng dân binh bị đánh bại và tan tác thì tác hại cũng không nghiêm trọng lắm và chính vì thế mà người ta xây dựng dân binh. Song không nên để cho lực lượng này bị bẻ gãy vì tổn thất quá nặng nề về người chết, người bị thương và bị bắt: Thất bại như thế, nhuệ khí sẽ bị nguội lạnh nhanh chóng. Nhưng hai đặc tính trên lại hoàn toàn trái với bản chất của phòng ngự chiến thuật. Trong chiến đấu phòng ngự, phải ung dung và kiên trì, phải hành động có hệ thống và phải kiên quyết biết mạo hiểm; trong phòng ngự, nếu tùy tiện muốn bỏ ý đồ lúc nào cũng được thì chẳng bao giờ đạt được kết quả. Như vậy, nếu một đơn vị dân binh muốn phòng ngự ở một chướng ngại tự nhiên đó thì phải hết sức tránh những cuộc chiến đấu phòng ngự quyết định, triệt để; vì, kể cả lúc có nhiều điều kiện thuận lợi, dân binh sẽ bị đánh bại; những đơn vị này có thể và phải bảo vệ – càng lâu càng tốt – những điểm gần núi, các đường đê của một vùng lầy, các bến qua sông. Nhưng, khi những chướng ngại nói trên đã vỡ thì các đơn vị dân binh phải phân tán và tiếp tục phòng ngự bằng những cuộc tiến công bất ngờ; không nên tập trung lại vì làm như thế sẽ có nguy cơ bị giam hãm trong những vòng vây chật hẹp trên những vị trí

phòng ngự chính quy. Dù một dân tộc có dũng cảm đến bao nhiêu, dầu họ có tinh thần thượng võ đến mấy, dầu họ có căm thù địch đến độ nào đi nữa, dầu địa hình có thuận lợi đến không gì sánh kịp thì ta cũng không thể chối cãi được rằng: Chiến tranh nhân dân không thể sống lâu được trong một môi trường đầy nguy hiểm. Chỉ ở những nơi xa, có nhiều không khí và ngọn lửa không thể bị dập tắt vì một đòn mạnh mẽ, thì loại chất đốt này mới trở thành một lò lửa lớn rừng rực cháy được.

Những người đã từng trực tiếp quan sát lâu dài cũng ít nghiên cứu vấn đề này cho nên những điều suy nghĩ trên có lẽ chỉ là chân lý được thể hiện hoàn toàn hơn là một sự phân tích khách quan; chúng tôi chỉ cần nói thêm rằng kế hoạch phòng ngự chiến lược có thể bao hàm cả công cuộc tổng động viên bằng hai cách khác nhau: Có thể đó là phương sách cuối cùng sau một trận thất bại, và cũng có thể đó là sự chi viện tự phát trước khi có một trận đánh quyết định. Nếu trường hợp sau xảy ra thì có nghĩa là đã có rút lui vào nội địa và đã có loại hành động gián tiếp mà chúng tôi đã bàn tới trong các chương 8 và 24 của tập này. Chúng tôi chỉ cần nói vắn tắt về việc động viên dân binh sau một trận thất bại.

Không một quốc gia nào lại chịu thừa nhận rằng số phận của mình, nghĩa là sự tồn tại của chính bản thân mình, lại phụ thuộc vào một trận đánh độc nhất, dù trận đánh ấy có tính chất quyết định đến mấy đi nữa. Nếu quốc gia đó bị đánh bại, tình thế vẫn có thể có những bước ngoặt, vì nó vẫn có thể được bổ sung bằng những lực lượng mới còn sung sức, vì mọi cuộc tiến công kéo dài (của đối phương – ND) tự nhiên cũng có thể yếu dần đi, hoặc cũng có thể có viện trợ từ bên ngoài đến. Con người ta chẳng ai muốn chết cả. Người sắp chết đuối tự nhiên phải bám lấy một cọng rơm, còn một dân tộc bị đẩy đến bên bờ vực thẳm tất cũng phải sử dụng cả đến những phương tiện cuối cùng của mình để tự cứu, đó là điều rất tự nhiên về mặt tinh thần.

Một quốc gia, dù có nhỏ yếu đến đâu so với địch, nếu đến bước cuối cùng mà chưa cố gắng đến mức cao nhất thì người ta vẫn có thể nói rằng nó là kẻ đã mất hết tinh thần. Điều này không gạt bỏ khả năng phải chấp nhận một nền hòa bình có hy sinh để tránh khỏi bị tiêu diệt hoàn toàn; nhưng ý đồ đó không gạt ra ngoài những biện pháp phòng ngự mới**[223]** – những biện pháp này rất có ích, nó không làm cho nền hòa bình khó khăn hơn, xấu đi hơn, mà chính nó lại làm cho nền hòa bình dễ dàng hơn, tốt hơn. Nó lại càng cần thiết khi ta còn có thể chờ đợi sự viện trợ của những người quan tâm đến sự tồn tại về chính trị của chúng ta. Vì vậy, sau một trận thất bại lớn, có chính phủ đã chỉ nghĩ đến việc cho dân chúng an hưởng hòa bình và vì tuyệt vọng nên không còn tí dũng cảm và nghị lực nào để kích thích mọi lực lượng, dù là nhỏ nhất. Một chính phủ như thế, vì yếu hèn, đã phạm phải một sai lầm phi lý và thô bạo, một chính phủ như thế thật không xứng đáng với chiến thắng và có thể vì thái độ yếu hèn của mình nên đã không thể chiến thắng được. Một quốc gia, dù có bị một thất bại mang tính chất quyết định đến bao nhiêu đi nữa, thì các pháo đài và công cuộc tổng động viên vẫn có thể có hiệu quả trong lúc quân đội rút lui vào nội địa. Trong trường hợp này, nếu ở hai cánh của chiến trường chính có núi non hoặc có

những vùng khó khăn về một mặt nào đó thì rất có lợi; những vùng này sẽ trở thành những pháo đài, từ đó ta có thể phát huy hỏa lực vào bên sườn chiến lược của quân địch.

Nếu quân địch chiến thắng lại chuẩn bị một cuộc công thành, nếu chúng đã để lại phía sau rất nhiều đồn binh mạnh nhằm bảo vệ đường giao thông, hoặc cũng có thể để lại những quân đội biệt phái khiến chúng có thể tự do hoạt động hơn và giữ chặt những tỉnh gần đó, nếu như chúng đã yếu đi vì bị thiệt hại về người và chiến cụ, thì sẽ có lúc quân đội phòng ngự có thể trở lại tác chiến và quật một đòn đúng chỗ làm cho chúng nghiêng ngả trên vị trí bất lợi của mình.

Chương 27. BẢO VỆ MỘT CHIẾN TRƯỜNG

[224]

Vì chúng tôi đã nói về những biện pháp phòng ngự quan trọng nhất nên có lẽ chúng tôi cũng có thể nói đến những mối quan hệ của các phương tiện ấy với toàn bộ kế hoạch chiến tranh trong quyền cuối cùng nói về kế hoạch của một cuộc chiến tranh. Thật vậy, những kế hoạch thứ yếu, hoặc tiến công hoặc phòng ngự, đều thoát thai từ kế hoạch tổng quát này và phụ thuộc vào đó trên những nét chủ yếu; vả lại, thường thường bản thân kế hoạch chiến tranh cũng chỉ là kế hoạch tiến công hoặc phòng ngự của chiến trường chính. Nhưng trong tất cả các trường hợp đã nói đến, chúng tôi chưa có thể bắt đầu bằng việc nghiên cứu toàn bộ cuộc chiến tranh tuy rằng ở đây, hơn ở tất cả mọi lĩnh vực khác, bộ phận là do toàn thể xác định, bộ phận phải thấm nhuần và về mặt chủ yếu phải thay đổi do tính chất của toàn bộ, trái lại, trước đây, chúng ta bắt buộc phải làm quen với từng vấn đề riêng biệt. Nếu không tiến từ đơn giản đến phức tạp như thế, chúng ta có thể bị ngập trong vô số ý kiến mơ hồ và những tác động qua lại rất nhiều trong chiến tranh có thể làm cho nhiều quan niệm của chúng ta bị lầm lẫn. Như vậy, chúng ta sắp bước thêm một bước nữa trong lúc tiến tới toàn bộ bằng cách nghiên cứu việc "bảo vệ bản thân một chiến trường" và bằng cách tìm mối liên hệ giữa công cuộc bảo vệ này với những vấn đề đã nghiên cứu.

Theo quan niệm của chúng tôi, phòng ngự chỉ là hình thức chiến đấu mạnh nhất. Giữ gìn lực lượng ta, tiêu diệt lực lượng địch, nói một cách khác: Chiến thắng là đối tượng của cuộc chiến đấu ấy; tuy vậy, chiến thắng không phải là mục đích cuối cùng của cuộc chiến đấu.

Mục đích cuối cùng này là: Giữ gìn quốc gia của chúng ta, lật đổ quốc gia địch; nói một cách khác, mục đích đó là: Phải đạt bằng được nền hòa bình mong muốn, vì chỉ có nền hòa bình đó mới làm cho cuộc xung đội được thanh toán và kết thúc trong một kết quả chung.

Nhưng, đối với chiến tranh, quốc gia dịch nghĩa là gì? Trước hết, lực lượng quân sự địch là cái quan trọng nhất; rồi đến lãnh thổ của họ. Nhưng dĩ nhiên, có nhiều vấn đề khác có thể có tầm quan trọng chủ yếu trong những trường hợp đặc biệt. Trong tất cả những trường hợp nảy, có lúc những cuộc cách mạng chính trị bên ngoài và bên trong có thể có tính chất quyết định hơn tất cả các vấn đề khác.

Lực lượng quân sự và lãnh thổ không phải là chính bản thân quốc gia và không phải là tất cả mọi mối liên hệ giữa quốc gia với chiến tranh; tuy vậy, chúng luôn luôn vẫn là yếu tố chủ yếu; tầm quan trọng của các yếu tố này vượt rất xa các yếu tố khác. Lực lượng quân sự phải bảo vệ lãnh thổ của quốc gia hoặc chinh phục lãnh thổ của địch; về mặt mình, lãnh thổ lại ủng hộ và liên tục đổi mới các lực lượng quân sự. Cả hai yếu tố phụ thuộc vào nhau, ủng hộ lẫn nhau và đều quan trọng như nhau. Tuy vậy, trong mối quan hệ qua lại giữa hai vấn đề này có sự khác nhau. Nếu lực lượng quân sự bị hủy hoại, nghĩa là bị tiêu diệt hoàn toàn, sau đó không còn kháng cự được

tí nào nữa thì tự nhiên sẽ mất lãnh thổ nhưng một mặt khác, không phải vì đất nước bị chinh phục thì tất nhiên lực lượng quân sự bị hủy hoại vì lực lượng này có thể tự ý rút đi rồi sau đó sẽ chiếm lại lãnh thổ của mình một cách dễ dàng hơn. Thật ra, không cần phải đè bẹp *hoàn toàn* quân đội mới giải quyết được dứt khoát số phận của một nước; thường lực lượng quân sự bị *yếu đi nghiêm trọng* cũng đủ để cho lãnh thổ bị mất. Một mặt khác, mất đất một cách nghiêm trọng cũng không nhất thiết làm cho lực lượng quân sự bị suy yếu đi trong cùng một tỉ lệ. Lâu dài rồi cũng đến thế thôi, nhưng không phải khi nào điều đó cũng xảy ra trong khoảng thời gian chiến tranh đi tới chỗ quyết định.

Do đó, việc giữ gìn sức mạnh của ta và làm yếu, hoặc hủy hoại lực lượng địch vẫn quan trọng hơn là việc chiếm đóng đất đai, và đó phải là mục tiêu chủ yếu mà vị tướng tổng tư lệnh cần đạt tới.

Nếu biện pháp trên (biện pháp làm yếu hoặc hủy hoại lực lượng quân sự địch) chưa làm cho ta chiếm được đất đai thì mục tiêu chiếm đất mới được coi là ưu tiên.

Nếu toàn bộ lực lượng quân sự địch tập hợp thành một đạo quân duy nhất, và toàn bộ cuộc chiến tranh chỉ là một cuộc giao chiến duy nhất, thì việc chiếm đóng toàn bộ đất nước sẽ tùy thuộc vào kết quả của cuộc giao chiến này; việc hủy hoại lực lượng quân sự địch, việc chiếm đóng lãnh thổ của họ, sự an toàn của chúng ta sẽ tùy thuộc vào kết quả nói trên và một mặt nào đó đồng nhất với kết quả này.

Như vậy, vấn đề được đặt ra như sau: Cái gì làm cho bên phòng ngự xa rời hành vi chiến tranh đơn giản này? Cái gì làm cho họ phải chia sẻ quyền lực trong không gian? Đối với vấn đề này, chúng tôi trả lời: Đó là do thắng lợi đạt được vẫn còn chưa đủ. Chiến thắng nào cũng có phạm vi ảnh hưởng riêng. Nếu phạm vi này bao trùm toàn bộ quốc gia địch và vì vậy bao trùm cả toàn bộ lực lượng quân sự và đất đai, nói một cách khác, nếu tất cả các bộ phận tan tác cùng một lúc trong quá trình chúng ta vận động đến trung tâm quyền lực của địch, thì chiến thắng này là toàn bộ điều ta mong muốn và không có lý do gì để ta chia sẻ lực lượng của mình. Nhưng, nếu chiến thắng của chúng ta không có ảnh hưởng gì tới một số bộ phận của lực lượng quân sự địch và của đất nước thuộc phe này hoặc phe kia thì phải chú ý đặc biệt tới những bộ phận đó; và vì, người ta không thể tập hợp toàn bộ đất đai vào một điểm như kiểu tập trung lực lượng quân sự, vì vậy phải phân chia lực lượng để tiến công hoặc bảo vệ những bộ phận ấy. Chỉ có những quốc gia nhỏ rất phát triển thì mới có thể thống nhất được lực lượng đến mức: Chiến thắng hay không đều phụ thuộc vào lực lượng đó. Sự thống nhất trên hầu như không thể có được nếu lãnh thổ của chúng ta tiếp giáp với những bộ phận đất đai lớn trên những khoảng cách rất lớn, hoặc bị bao bọc ở nhiều phía bởi một liên minh nhiều quốc gia theo kiểu đó. Trong trường hợp này, thế nào ta cũng phải chia sẻ lực lượng và sẽ có nhiều chiến trường.

Dĩ nhiên, phạm vi ảnh hưởng của một chiến thắng phụ thuộc vào quy mô của chiến thắng đó, rồi quy mô này lại phụ thuộc vào số lượng binh lính bị chinh phục. Vì vậy, muốn cho đòn đánh có ảnh hưởng lớn nhất, lúc nó thành công, thì phải hướng vào bộ phận đất nước mà nhiều đơn vị đông đảo nhất của địch tập trung. Số lượng

đơn vị của chúng ta tham gia vào đòn đánh này càng nhiều thì thành công lại càng chắc chắn. Mối liên hệ tự nhiên giữa các ý kiến đưa chúng tôi đến một thí dụ có thể trình bày chân lý đó một cách rõ ràng hơn: Đó ta thí dụ về nhân quả của trọng tâm trong cơ học. Trọng tâm bao giờ cũng ở chỗ tập trung một khối lượng vật chất cao nhất và đòn đánh vào trọng tâm của một vật thể khi nào cũng có hiệu quả nhất; đòn mạnh nhất cũng là đòn đánh bằng trọng tâm của sức mạnh được sử dụng. Trong chiến tranh cũng vậy. Các lực lượng của mỗi bên đối địch, mỗi quốc gia riêng biệt hoặc liên minh các quốc gia, bao giờ cũng thống nhất đến một mức độ nào đó và vì vậy cũng gắn chặt với nhau đến một mức độ nào đó. Như vậy, những lực lượng vũ trang ấy cũng có những trọng tâm nhất định: Sự vận động và phương hướng của trọng tâm quyết định sự vận động và phương hướng của các điểm khác, và những trọng tâm này ở vào chỗ nào tập trung nhiều đạo quân quan trọng nhất. Nhưng trong chiến tranh cũng như trong thế giới vật chất, sự tác động vào trọng tâm vẫn có mức độ và giới hạn của nó trong các mối quan hệ chặt chẽ giữa các bộ phận với nhau; trong cả hai trường hợp, lực lượng sử dụng có thể lớn hơn lực lượng kháng cự đối lập rất nhiều, vì vậy nếu đánh vào chỗ trống không thì thật là lãng phí. Giữa hai loại quân đội sau đây có sự khác nhau rất xa: Thứ nhất là loại quân đội thống nhất dưới một ngọn cờ *duy nhất*, được một vị tướng tổng tư lệnh *duy nhất* đích thân chỉ huy; thứ hai là loại quân đội đồng minh đóng trải rộng ra từ 50 đến 100 dặm và thậm chí các căn cứ có thể bị phân tán trong nhiều hướng khác nhau. Trong trường hợp thứ nhất, quân đội thống nhất đến cao độ; trong trường hợp thứ hai, quân đội chỉ thống nhất một cách co giãn, đôi khi không đầy đủ; hầu như ở đâu cũng thế, các bộ phận đều gắn vào nhau một cách yếu ớt hoặc mơ hồ.

Vì vậy, muốn đánh một đòn thật mạnh thì một mặt phải tập trung lực lượng rất lớn, mặt khác lại phải tránh cái gì thái quá; thái quá sẽ thật sự bất lợi vì sẽ sinh ra lãng phí sức lực và vì vậy sẽ *thiếu sức mạnh* ở những điểm khác.

Thừa nhận những *centra gravitatis* ***[225]*** của lực lượng quân sự địch, phân biệt cho được phạm vi hoạt động của chúng, là một trong những chức năng chính của phán đoán chiến lược. Chúng ta phải luôn luôn tự hỏi: Mỗi bộ phận của lực lượng chúng ta tiến lên hoặc lùi lại sẽ ảnh hưởng đến các bộ phận khác như thế nào.

Nói như thế, chúng tôi không tự cho mình là đã tìm ra một phương pháp mới; chúng tôi chỉ tìm cách làm cho phương pháp của tất cả các vị tướng và của tất cả các thời đại có cơ sở, dựa trên những ý kiến có thể chứng minh rõ ràng rằng phương pháp nói trên là vô cùng tự nhiên.

Trong tập cuối cùng, chúng tôi đã nghiên cứu rõ hơn ảnh hưởng của quan niệm về trọng tâm đối với toàn bộ kế hoạch chiến tranh. Đấy mới là chỗ đáng nói nhất về đề tài này. Ở đây, chúng tôi nói đến vấn đề đó cốt chỉ để cho luồng tư tưởng khỏi bị đứt đoạn mà thôi.

Trong quá trình nghiên cứu, chúng ta đã thấy rõ những điều kiện tổng quát quyết định sự phân bố lực lượng. Về mặt cơ bản, các điều kiện ấy gồm có hai trọng điểm đối lập với nhau; một là *chiếm đóng đất đai* thì phải chia sẻ lực lượng, hai là *đòn*

đánh vào trọng tâm của sức mạnh quân sự địch lại tập trung các lực lượng nói trên đến một mức độ nhất định. Chính vì những điều nói trên nên mới có chiến trường hoặc khu quân sự tách biệt. Trong thực tế, đó là những đường biên giới bao quanh toàn bộ diện tích của đất nước và các lực lượng được bố trí ở đấy, làm sao cho bất kỳ đòn quyết định nào của lực lượng chính ở khu nào cũng có ảnh hưởng *trực tiếp* và lôi kéo được toàn bộ đi theo phương hướng của mình. Chúng tôi nói *trực tiếp* vì một quyết định trên một chiến trường dĩ nhiên là thế nào cũng gián tiếp có ảnh hưởng ít nhiều đến những chiến trường gần đó.

Tuy rằng những điều này là hoàn toàn tự nhiên, chúng tôi vẫn phải nhắc lại rõ ràng cho người đọc thấy rằng: Ở đây cũng như bất kỳ chỗ nào khác, những định nghĩa của chúng tôi chỉ bao hàm được những điểm trung tâm của một số phạm trù mà chúng tôi không muốn và cũng không thể định rõ giới hạn một cách cứng nhắc.

Như vậy, chúng tôi nghĩ rằng một chiến trường, lớn hoặc nhỏ, với một lực lượng vũ trang có tầm quan trọng vô luận thế nào, là một đơn vị có thể rút gọn vào một trọng tâm *duy nhất*. Chính ở điểm trọng tâm này mà ta cần đạt được đòn quyết định; nếu ở đây ta chiến thắng thì sẽ bảo vệ được toàn bộ chiến trường theo nghĩa rộng nhất.

Chương 28. BẢO VỆ MỘT CHIẾN TRƯỜNG

Tuy vậy, công cuộc phòng ngự có hai yếu tố khác nhau: Quyết định và chờ đợi. Sự kết hợp giữa hai yếu tố ấy là đối tượng nghiên cứu của chương này.

Trước tiên, phải nói rằng: Trong phòng ngự, tình trạng chờ đợi không phải là tất cả, nhưng chính nhờ lĩnh vực chờ đợi mà phòng ngự tiến được tới mục đích của mình. Khi một lực lượng quân sự chưa rời bỏ bộ phận đất đai giao cho mình phụ trách thì tình hình căng thẳng trong các lực lượng do tiến công gây nên vẫn còn và còn mãi cho đến khi có quyết định. Chỉ có quyết định thực sự khi bên tiến công hoặc bên phòng ngự đã rời bỏ chiến trường.

Khi một lực lượng vũ trang còn trụ lại trong khu vực giao cho mình phụ trách thì nó còn tiếp tục bảo vệ khu vực đó, và về mặt này mà nói thì việc bảo vệ chiến trường đồng nhất với công cuộc phòng ngự ở bên trong chiến trường. Nếu tạm thời địch có chiếm được một bộ phận lớn hoặc nhỏ của chiến trường, thì đó vẫn không phải là điều chủ yếu vì họ chỉ giữ được bộ phận ấy cho đến khi có quyết định.

Tuy cho phép ta thấy rõ mối quan hệ chính xác giữa trạng thái chờ đợi và toàn bộ tình hình, nhưng cách quan niệm như thế chỉ đúng đắn nếu có quyết định thật sự và nếu cả hai phe đều cho rằng quyết định là không thể tránh được. Thật vậy, chỉ có quyết định mới làm cho trọng tâm của lực lượng hai bên và của chiến trường trở thành một sự vật có hiệu quả. Khi mà ý niệm về quyết định tan đi thì các trọng tâm không còn có ý nghĩa nữa; đứng về một mặt nào có mà nói, thậm chí có thể nói là toàn bộ lực lượng vũ trang sẽ mất hết ý nghĩa và việc chiếm đóng đất đai, trước chỉ là thành phần chính thứ hai của toàn bộ chiến trường, nay trở thành mục tiêu trực tiếp. Nói một cách khác: Cả hai bên càng không muốn có đòn quyết định thì chiến tranh chỉ càng trở thành việc trinh sát thăm dò lẫn nhau thuần túy, việc chiếm đóng đất đai càng trở thành quan trọng, bên phòng ngự lại càng muốn bảo vệ tất cả một cách trực tiếp, còn bên tiến công thì lại càng muốn tiến lên bằng cách trải rộng lực lượng của mình.

Nhưng, người ta không thể che giấu được rằng phần lớn các cuộc chiến tranh và các chiến dịch đều giống như một trạng thái quan sát thuần túy**[226]** hơn là một cuộc chiến đấu một mất một còn, nghĩa là không giống như một cuộc xung đột trong đó ít nhất cũng có một bên tìm cách đạt tới quyết định bằng mọi biện pháp. Chỉ có những cuộc chiến tranh của thế kỷ thứ XIX mới có tính chất này (tính chất một mất một còn – ND), đến nỗi đối với chúng, người ta có thể sử dụng một lý thuyết xây dựng trên quan điểm đó. Nhưng, vì rất có thể là trong tương lai, các cuộc chiến tranh sẽ ít có tính chất đó và vì có lẽ sau này chúng sẽ một lần nữa lại trở lại tình trạng đánh thăm dò nói trên, cho nên một lý thuyết muốn phục vụ thiết thực phải chú ý đến tình trạng đó. Vì vậy, trước tiên chúng tôi sẽ nghiên cứu đến trường hợp hai bên đều mong muốn có quyết định, ý muốn này thấm nhuần và hướng dẫn toàn bộ, nghĩa là trường hợp có chiến tranh thực sự hoặc – nếu có thể nói như thế – có chiến tranh tuyệt đối;

rồi trong một chương khác chúng tôi sẽ nghiên cứu những sự biến đổi khi tình trạng thăm dò tiến đến gần hơn ở mức độ nào đó.

Trong trường hợp thứ nhất, đối với bên phòng ngự thì bảo vệ một chiến trường là phải tự đặt mình vào một vị trí nào đó, sao cho bất kỳ lúc nào cũng có thể có quyết định thuận lợi, dù quyết định này là do bên nào mong muốn cũng vậy. Quyết định này có thể là một trận đánh hoặc một loạt những cuộc giao chiến lớn, và cũng có thể là kết quả của những mối tương quan đơn thuần rút ra từ tình thế của các lực lượng đối địch, nghĩa là rút ra từ hậu quả của những cuộc giao chiến *có thể có*.

Kể cả lúc các trận đánh không phải là biện pháp mạnh mẽ nhất, thông thường nhất, hiệu quả nhất để đi đến quyết định như chúng tôi đã trình bày nhiều lần, chỉ riêng vấn đề nó là một trong những biện pháp để đạt kết quả cũng đủ đòi hỏi phải tùy điều kiện cho phép mà *tập trung lực lượng lớn nhất*.

Một trận đánh lớn trên chiến trường là sự xung đột của một trong những trọng tâm với trọng tâm khác; bên này hoặc bên kia tập trung lực lượng càng mạnh thì kết quả càng chắc chắn và càng to lớn. Phân chia lực lượng mà không căn cứ vào đòi hỏi của một mục tiêu nhất định là việc *không đúng* (đây là nói trong trường hợp: Mục tiên không đạt được nếu chỉ có thắng lợi của trận đánh, hoặc chính mục tiêu lại cần thiết cho thắng lợi của trận đánh).

Những loại phòng ngự khác nhau mà chúng tôi đã nói nhiều trong chương "Phương pháp kháng cự" (tập VI, chương 8) có quan hệ chặt chẽ với những điều kiện cơ bản này; như vậy, chúng ta rất dễ đối chiếu các điều kiện đó với chương trên tùy theo nhu cầu của các trường hợp riêng biệt. Mới nhìn qua, hình như thấy một điểm có bao hàm mâu thuẫn; vì điểm này là chủ chốt đối với phòng ngự nên lại cần phải giải thích. Đó là đòn đánh vào trọng tâm của lực lượng địch.

Nếu bên phòng ngự kịp thời biết rõ và chắc chắn rằng tinh hoa của các lực lượng đối phương sẽ tiến quân trên con đường nào thì nhất định họ sẽ đánh vào con đường đó. Trường hợp này hay xảy ra nhất; thật vậy, tuy khi nào phòng ngự cũng đi trước tiến công về những biện pháp tổng quát, về việc thành lập các vị trí có công sự bảo vệ và các kho vũ khí lớn, về bố trí quân đội trong thời bình (điều này làm cho công việc chuẩn bị của bên công kích có hướng rõ rệt), nhưng khi chiến dịch thực sự bắt đầu thì chính bên phòng ngự vẫn có thuận lợi là cuối cùng mới để lộ những con bài của họ ra; đây cũng là điểm đặc thù của mọi cuộc phòng ngự.

Xâm nhập đất đai nước ngoài bằng lực lượng lớn đòi hỏi phải chuẩn bị rộng rãi để tích trữ lương thực và thiết bị đủ mọi thứ. Trong lúc bên tiến công chuẩn bị như thế thì bên phòng ngự có thì giờ để chuẩn bị đối phó lại vả không nên quên rằng bên phòng ngự cần ít thì giờ hơn vì trong tất cả mọi quốc gia hầu như cái gì cũng sẵn sàng cho phòng ngự hơn là cho tiến công.

Điều nói trên có thể hoàn toàn đúng trong phần lớn các trường hợp, nhưng vẫn có thể có trường hợp bên phòng ngự không biết chắc chắn về hướng tiến quân chính của địch và trường hợp này có khả năng xảy ra nhiều nhất nếu bên phòng ngự dựa trên những biện pháp đòi hỏi nhiều thì giờ, như việc chuẩn bị một vị trí mạnh, v.v… Hơn

nữa, tuy bên phòng ngự đem quân đón địch trên đường hành quân của bên tiến công, nhưng hễ không chủ động đánh vào đối phương thì bên tiến công vẫn có thể tránh vị trí có công sự phòng ngự bằng cách thay đổi chút ít tuyến tiến công ban đầu vì trong các vùng của châu Âu ngày nay, nông nghiệp rất phát triển, vị trí nào cũng có đường đi để tránh. Trong trường hợp này, rõ ràng bên phòng ngự không thể cứ ở trong vị trí để đợi địch, hay ít nhất, không thể đứng đợi ở đó mà lại không có ý đồ tác chiến.

Nhưng trước khi nghiên cứu những biện pháp để giữ thế phòng ngự trong những trường hợp như trên, cần phải xem xét kỹ càng hơn bản chất của trường hợp này và cũng phải thấy rõ nó có khả năng xảy ra hay không.

Dĩ nhiên, mọi quốc gia, mọi chiến trường (ở đây chúng tôi chỉ nói đến chiến trường) đều có những đối tượng và những địa điểm trọng yếu: Hễ tiến công vào đó thì có khả năng đạt hiệu quả đặc biệt.

Chúng tôi nghĩ rằng: Chỉ nói đến vấn đề này khi nói đến tiến công thì tốt hơn. Ở đây, chúng tôi chỉ cần nêu lên rằng: Nếu đối tượng và địa điểm tiến công lợi nhất xác định hướng đánh của bên công kích thì lý do này cũng tác động đến bên phòng ngự và có thể hướng dẫn họ nếu họ không biết ý đồ của đối phương. Nếu bên công kích không đi theo hướng có lợi cho bản thân mình thì như thế họ đã tự ý bỏ mất một phần những thuận lợi tự nhiên của họ. Dĩ nhiên, nếu bên phòng ngự đã xây dựng vị trí trên hướng đó thì không thể né tránh hoặc vượt qua mà không tốn kém gì cả; nhất định sẽ phải có hy sinh.

Do đó, một mặt bên phòng ngự không có nguy cơ *mất hút hướng đi* của địch, một mặt khác bên tiến công cũng chẳng dễ gì vượt qua *được đối phương* như người ta tưởng lúc mới nhìn qua, vì bên tiến công đi về hướng nào thì cũng vẫn có một nguyên nhân rõ ràng (và phần nhiều đó là nguyên nhân chủ yếu) cho nên trong phần lớn các trường hợp, bên phòng ngự vẫn có thể tiếp xúc với lực lượng chính của địch, tuy họ chỉ chuẩn bị ở một địa điểm. Nói một cách khác, *nếu bên phòng ngự chiếm được vị trí tốt thì gần như chắc chắn bên địch sẽ phải tiến quân đến để giao chiến*.

Chúng tôi không thể và không muốn chối cãi rằng; trong một số trường hợp, bên phòng ngự, tuy đã bố trí đầy đủ vẫn có khả năng không gặp địch; vấn đề là xem mình cần phải làm gì trong trường hợp đó, và còn có thể hướng những thuận lợi về vị trí của mình đến mức độ nào.

Chúng ta hãy tự hỏi xem, nói chung bên phòng ngự còn có những biện pháp gì khi bên tiến công đi chệch vị trí của mình. Đó là những biện pháp sau đây:

1. Phân chia lực lượng ngay từ đầu để có thể chắc chắn gặp địch với một bộ phận lực lượng, rồi để cho bộ phận còn lại vận động tới yểm trợ cho lực lượng này.

2. Xây dựng vị trí bằng cách tập trung lực lượng, và nếu như bên công kích vượt quá vị trí này thì nhanh chóng tiến ra chặn đầu bằng một cuộc vận động ngang. Người ta ít khi có thì giờ trực tiếp vận động như vậy để đánh vào sườn; vì vậy sẽ phải xây dựng vị trí mới vào phía sau quân địch một ít.

3. Đem toàn bộ lực lượng tiến công vào sườn địch.

4. Đánh vào đường giao thông của địch.

5. Đánh lại địch giống hệt như địch đánh lại ta bằng cách phản công vào chiến trường của chúng.

Chúng tôi ghi lại ở đây biện vì pháp cuối cùng này nó có thể có hiệu quả trong trường hợp có thể thấy trước được; nhưng vì biện pháp này mâu thuẫn với mục tiêu của phòng ngự, nghĩa là với những lý do cơ bản để chọn hình thức phòng ngự, cho nên người ta chỉ có thể coi như một biện pháp bất thường, chỉ có thể sử dụng khi địch phạm lỗi lầm lớn, hoặc có những đặc điểm của một tình hình ngoại lệ.

Nếu ta đánh vào đường giao thông của địch thì đường giao thông của ta phải tốt hơn; đó là một trong những đòi hỏi chủ yếu của một vị trí phòng ngự tốt. Trên cơ sở đó, một hành động như thế có thể đưa đến cho bên phòng ngự một số thuận lợi; nhưng đã nói đến việc bảo vệ một chiến trường thì ít khi một cuộc tác chiến như thế lại có thể dẫn đến một quyết định mà chúng tôi đã cho rằng nó là mục tiêu của chiến dịch.

Ít khi có một chiến trường đủ rộng để gây nguy hiểm cho đường giao thông của bên tiến công vì nó quá dài; và dù cho đường giao thông có bị đe dọa đi nữa thì phần nhiều bên tiến công cũng cần rất ít thì giờ để thực hiện đòn đánh của mình, nên ảnh hưởng chậm rãi của hành động phá hoại đường giao thông không thể ngăn chặn họ tiến quân được.

Vì vậy, biện pháp này (nghĩa là hành động đánh vào đường giao thông) phần nhiều không có hiệu quả tí nào đối với một kẻ địch có quyết tâm đạt quyết định, cũng như trong trường hợp bên phòng ngự cũng muốn như thế.

Bên phòng ngự còn lại ba biện pháp. Ba biện pháp này đều nhằm vào một quyết định trực tiếp – sự xung đột của các trọng tâm; vì vậy, chúng phù hợp với nhiệm vụ hơn. Nhưng phải nói ngay là chúng tôi thích biện pháp thứ ba hơn hai biện pháp kia và tuy không hoàn toàn vứt bỏ biện pháp cuối cùng, chúng tôi vẫn cho rằng: Trong phần lớn trường hợp, biện pháp trước mới là biện pháp phòng ngự thật sự.

Ở vị trí của những lực lượng bị chia sẻ, khi nào cũng có nguy cơ bị lôi kéo vào một cuộc chiến tranh đồn bốt: Nếu đối phương có quyết tâm, và trong những trường hợp tốt nhất thì chúng ta cũng chỉ đạt *được một cuộc phòng ngự tương đối mạnh* chứ không bao giờ đi đến quyết định mà ta mong muốn. Nếu bản năng đúng đắn cho phép ta tránh được sai lầm nói trên thì cuộc tiến công của chúng ta cùng bị yếu đi một cách rõ ràng, vì có sự đối lập tạm thời phân tán và không bao giờ có thể tin chắc được rằng những đơn vị đi đầu tiên lại không bị tổn thất quá mức. Chúng tôi lại phải nói thêm là: Đạo quân này rốt cuộc cũng phải rút lui để nhập vào đạo quân chính đến ứng cứu và binh lính thì chỉ thấy nó giao chiến thất bại hoặc kế hoạch của nó không thu được kết quả, do đó lực lượng tinh thần cũng yếu đi khá nhiều.

Biện pháp thứ hai là tập trung quân đội chúng ta ở một vị trí trước mặt quân địch, bất kể địch đi về hướng nào; biện pháp này làm cho ta bị nguy cơ đến chậm và có thể bị kẹt giữa hai biện pháp.**[227]** Hơn nữa, muốn đánh phòng ngự thì phải bình tĩnh, phải nghiên cứu kỹ càng, phải hiểu biết và hiểu biết sâu sắc toàn độ đất nước, và người ta không thể đạt được những điều đó bằng cách hấp tấp vận động xiên ngang

vào sườn. Cuối cùng, những vị trí phù hợp với một chiến trường phòng ngự tốt nhất rất hiếm có cho nên không phải dễ dàng tìm thấy những vị trí như thế trên bất kỳ đoạn đường nào.

Một mặt khác thì biện pháp thứ ba, tức là tiến công địch vào bên sườn và vì vậy tác chiến sau lúc thay đổi mặt trận lại hứa hẹn nhiều thuận lợi lớn.

Trước tiên, như chúng ta đã biết, trong trường hợp này, đường giao thông (cũng là đường rút lui) luôn luôn bị đe dọa và đứng về quan điểm đó mà nói thì bên phòng ngự sẽ có thuận lợi, trước tiên vì những điều kiện tổng quát của vị trí phòng ngự, sau nữa và nhất là vì những đặc tính chiến lược mà chúng ta đã thấy ở những vị trí như thế.

Thứ hai, và điểm này mới là điểm chính, kẻ tiến công nào muốn vượt đối phương của mình cũng bị mắc giữa hai khuynh hướng hoàn toàn đối lập nhau. Ý muốn đầu tiên của anh talà tiến lên để bắt bằng được mục tiêu tiến công của mình; nhưng khả năng bị tiến công vào sườn bất kỳ lúc nào lại làm nảy sinh ra ý muốn đánh bất kỳ lúc nào vào hướng đó với lực lượng tập trung. Hai khuynh hướng trên trái ngược nhau và làm cho tình hình vô cùng lộn xộn, làm cho khó thi hành các biện pháp đối phó với mọi tình huống đến nỗi người ta không thể tìm thấy một vị trí chiến lược nào bị nguy kịch hơn. Nếu bên tiến công, biết trước một cách chắc chắn lúc nào có thể bị tiến công, thì có thể chuẩn bị đối phó một cách phù hợp và khôn khéo; nhưng vì không biết chắc chắn lại cần phải tiến lên phía trước cho nên nếu trận đánh nổ ra thì hầu như chắc chắn là bên công kích phải chuẩn bị vội vã và hoàn toàn vụng về, nghĩa là ở trong tình thế không thuận lợi… Nếu bên phòng ngự có thể tìm một cơ hội thuận lợi để tiến công thì những lúc như lúc nói trên rõ ràng là cơ hội tốt nhất. Ngoài ra, nếu người ta nghĩ rằng bên phòng ngự hiểu biết đất nước và chọn địa hình, rằng anh ta có thể chuẩn bị và quy định thời gian vận động thì không nghi ngờ gì nữa, anh ta có trong tay ưu thế chiến lược so với đối phương, kể cả trong tình hình như thế.

Vì vậy, chúng tôi nghĩ rằng bên phòng ngự tập trung lực lượng vào một vị trí được chọn lựa lốt có thể bình tĩnh đợi địch vượt qua. Nếu quân địch không đánh vào vị trí của mình, nếu điều kiện không cho phép đánh vào đường giao thông của địch, bên phòng ngự vẫn giữ được trong tay một phương tiện tuyệt diệu để đi đến quyết định bằng cách tiến công vào sườn.

Nếu trong lịch sử quân sự, những trường hợp thuộc loại này hầu như hoàn toàn không xảy ra thì một phần là vì bên phòng ngự ít khi có đủ can đảm để ở lại vị trí, và vì anh ta đã chia sẻ lực lượng, hoặc anh ta đã thô bạo lao vào mặt trận địch bằng một cuộc hành quân theo hướng đi ngang hoặc đi xiên, hoặc không có kẻ tiến công nào lại mạo hiểm vượt qua kẻ phòng ngự trong những điều kiện như thế vì điều đó thường sẽ đưa cuộc vận động của anh ta đi đến điểm chết.

Trong trường hợp này, bên phòng ngự bắt buộc phải đi đến một trận tiến công. Anh ta buộc phải từ bỏ các thuận lợi sẵn có vì chờ đợi địch vì có vị trí mạnh, vì có công sự phòng ngự tốt v.v… Còn tình thế khó khăn của địch lúc họ đang tiến quân thì hầu như không bao giờ có thể bù lại được những thuận lợi (mà bên phòng ngự

phải từ bỏ – ND) nói trên, vì địch đi đến tình thế khó khăn đó chính là để nhằm tránh ảnh hưởng của những thuận lợi của bên phòng ngự. Nhưng, tình thế khó khăn của địch vẫn có thể *bù lại đến* mức nào đấy và khi ấy lý luận sẽ không bao giờ chấp nhận rằng một số lượng nào đó lại bất thần biến mất trong lúc tính toán, và những cái tiện và bất tiện (pro et contra: Tiếng latin trong nguyên bản – ND) lại đánh bại lẫn nhau: Điều này xảy ra luôn khi những nhà phê bình lịch sử thử đùa giỡn với lý luận.

Thật vậy, không nên tưởng rằng ở đây chúng tôi đang lập luận một cách lắt léo và tế nhị; trái lại, càng nghiên cứu đề tài này một cách thực tiễn thì càng thấy đó là một ý niệm bao quát toàn bộ hệ thống phòng ngự, khống chế và điều chỉnh hoàn toàn hệ thống này.

Chỉ khi nào bên phòng ngự quyết tâm dùng toàn bộ lực lượng để công kích đối phương lúc đối phương vượt qua vị trí của mình thì mới có thể tránh được hai cái họa thường gắn liền với hình thức phòng ngự, mà không bị thiệt hại. Hai cái họa ấy là: Lực lượng bị phân tán và tiến quân đánh vào sườn. Trong cả hai trường hợp, bên phòng ngự đều phải chịu chi phối của bên tiến công, phải vội vã sử dụng đến những biện pháp rất nguy hiểm. Khi gặp một đối phương kiên quyết tìm mọi cách để đạt chiến thắng quyết định thì một hệ thống phòng ngự theo kiểu đó sẽ bị đập tan như cám. Nhưng nếu bên phòng ngự tập hợp lực lượng ở một điểm đúng đắn để chiến đấu một cách tập trung, nếu lực lượng của anh ta chỉ có hạn và phải đi đến tình thế xấu nhất, tức là tiến công vào sườn địch, thì anh ta vẫn có *cái lý* để làm như thế và vẫn giữ được những thuận lợi của kẻ phòng ngự trong tình thế đó. Hành động của anh ta như vậy là đã được *chuẩn bị tốt, có tính chất bình tĩnh, vững vàng, thống nhất và đơn giản*.

Chúng tôi không quên ghi lại ở đây một biến cố lịch sử rất giống với ý kiến chúng tôi vừa phát triển; chúng tôi nói đến vấn đề đó để người ta khỏi ứng dụng một cách sai lầm. Tháng 10 năm 1806, lúc quân đội Phổ đợi người Pháp (do Bonaparte chỉ huy) ở Thuringia, họ đóng ở giữa hai đường mà chính Bonaparte có thể đi qua: Đường đi đến Berlin qua Erfurt, và đường đi đến Berlin qua Hof và Leipzig. Quân đội Phổ phải chiếm một vị trí trung gian như vậy vì lúc đầu họ muốn nhảy thẳng vào Franconie qua rừng Thuringia, nhưng rồi sau khi đã bỏ kế hoạch đó, họ lại không biết chắc chắn người Pháp sẽ tiến quân theo đường nào.

Vì đó là một vị trí trung gian nên quân đội Phổ nhất định phải vội vã vận động theo hướng đi ngang.

Thật ra, đó cũng là ý muốn của quân Phổ, nếu quân địch đã đi qua Erfurt, vì các con đường đi qua đấy đều tốt; mặt khác người ta không thể nghĩ đến việc vận động ngay đến con đường qua Hof vì đường này xa đến hai hay ba ngày đường và phải qua thung lũng sông Saal rất sâu; vả lại, công tước Brunswick không hề bao giờ có ý định ấy cho nên không chuẩn bị một tí gì về hướng đó cả. Nhưng hoàng thân Hohenlohe, nghĩa là đại lá Massenbach, luôn luôn nghĩ đến điều đó và tìm đủ mọi cách để công tước cũng nghĩ như mình. Cũng không có thể nghĩ tới việc từ bỏ vị trí trên bờ trái sông Saal để mở một trận tiến công chống Bonaparte đang tiến quân, nghĩa là tiến

công vào sườn như chúng ta vừa nghiên cứu. Vì, nếu sông Saal là một chướng ngại có thể ngăn chặn địch vào lúc cuối cùng, thì nó cũng có thể là một chướng ngại lớn hơn đối với một cuộc tiến công lúc địch đã chiếm được (ít nhất một phần) bờ sông phía bên kia. Như vậy, công tước quyết định ở lại, đợi ở phía sau sông Saal để quan sát: Thật ra, trong một thời kỳ vô cùng lộn xộn, vô cùng bấp bênh, tất cả mọi thứ phát ra từ cái đại bản doanh lắm đầu não ấy đều không thể gọi là quyết định được.

Dù sự thật về việc chờ đợi nói trên có là thế nào đi thì ta vẫn thấy rằng:

a) ta có thể tiến công quân địch nếu họ qua sông Saal để tiến đánh quân đội Phổ;

b) nếu địch không tiến đánh quân đội Phổ thì ta có thể đánh vào đường giao thông của họ hay là

c) nếu có thể làm được và có lý do chính đáng, ta có thể hành quân nhanh chóng đánh vào sườn để chặn địch ở gần Leipzig.

Trong trường hợp thứ nhất, quân đội Phổ có ưu thế chiến lược và chiến thuật lớn nhờ có thung lũng sông Saal rất hẹp. Trong trường hợp thứ hai thuận lợi đơn thuần chiến lược cũng khá lớn vì quân địch chỉ có một căn cứ khá hẹp**[228]** giữa vị trí của chúng ta và vùng Bohemia trung lập, còn vị trí của chúng ta thì rất rộng: Ngay cả trong trường hợp thứ ba, vì có sông Saal che chở nên quân đội ta cũng không phải là ở trong tình thế không thuận lợi. Tuy ở đại bản doanh, tình hình rất lộn xộn và thiếu người có con mắt sáng suốt, ba cách giải quyết kể trên cũng đều được thảo luận đến; nhưng, dĩ nhiên ta không nên lấy làm lạ rằng một ý kiến đúng, ngay cả khi được giữ lại cũng vẫn thất bại trong lúc thực hiện, vì ở đâu cũng đều thấy có sự chao đảo và lộn xộn.

Trong hai trường hợp đầu, bờ trái sông Saal được coi như là một vị trí thực sự ở sườn và với tư cách đó, nó có rất nhiều thuận lợi; nhưng để chống lại một kẻ địch rất có ưu thế, chống lại một Bonaparte, thì giao một vị trí bên sườn cho một đạo quân không tin vào thắng lợi của mình là một biện pháp rất nguy hiểm.

Sau một thời gian dài do dự, đến ngày 13, công tước mới quyết định thực hiện kế hoạch thứ ba nói trên, nhưng đã chậm quá mất rồi. Bonaparte đã bắt đầu vượt sông Saal và các trận Jéna, Auerstedt tất nhiên là không thể tránh được. Vì không quyết đoán, công tước đã rơi vào tình thế ngồi trên hai cái ghế; ông ta rời bỏ vị trí thứ nhất quá chậm để tiến hành một cuộc vận động ngang và quá sớm để tiến hành một trận đánh phù hợp với đối tượng. Tuy nhiên, sức mạnh tự nhiên của vị trí có thể cho phép ông ta tiêu diệt cánh phải của quân địch ở Auerstedt và hoàng thân Hohenlohe cũng có thể thoát khỏi cạm bẫy nhờ một trận chiến đấu bảo vệ phía sau khốc liệt; nhưng ở Auerstedt, họ không cố gắng đạt cho được thắng lợi mặc dầu thắng lợi là hoàn toàn chắc chắn, và ở Jéna họ tưởng có thể thắng lợi mặc dầu tuyệt đối không thể có thắng lợi được.

Dù sao đi nữa, Bonaparte cũng hiểu rất thấu đáo tầm quan trọng của vị trí trên sông Saal đến nỗi ông ta không mạo hiểm vượt qua nó mà quyết định qua sông dưới tầm mắt của địch.

Chúng tôi nghĩ rằng chúng tôi đã nói đủ để chỉ rõ những mối quan hệ giữa tiến

công và phòng ngự trong trường hợp có hành động quyết định, chúng tôi cũng đã chỉ rõ những mối liên hệ nối liền các yếu tố khác nhau của một kế hoạch phòng ngự tùy theo tình hình và sự gắn bó của các yếu tố trên. Chúng tôi không thể nghiên cứu các cách bố trí khác nhau một cách chi tiết hơn: Làm như thế chúng tôi sẽ lạc vào trong lĩnh vực vô hạn của các trường hợp riêng biệt. Khi vị tướng đã quy định hướng đi đến một điểm nhất định thì ông ta phải thấy rõ hướng này phù hợp đến mức độ nào với những điều kiện vật chất và riêng biệt của quân đội mình và với những điều kiện đó của quân đội địch. Ông ta cũng phải thấy rằng: Bằng cách này hay cách khác, tất cả những điều đó cũng là điều kiện để thực hiện kế hoạch của mình.

Nhưng để nói một cách chính xác hơn những mức độ phòng ngự đã nói ở chương "Phương pháp kháng cự"**[229]** và để nghiên cứu những mức độ này một cách kỹ càng hơn, chúng tôi phải nói rõ những điều mà chúng tôi thường cho là quan trọng trong mỗi một mức độ đó.

1. Những lý do để tiến hành một trận tiến công địch có thể là:

a) Nếu chúng ta biết rằng bên công kích tiến lên với những lực lượng rất phân tán, và vì vậy chúng ta vẫn có một ít triển vọng thắng lợi.

Nhưng ít khi có khả năng địch lại tiến quân như thế và vì vậy, nếu chúng ta không biết chắc chắn thì không thể thừa nhận được kế hoạch này; vì nếu tin vào đó, nếu tất cả mọi hy vọng đều dựa vào kế hoạch đó, dựa vào một giả thuyết không đủ căn cứ thì thường thường chỉ đi đến một tình thế bất lợi.

Trong những trường hợp như vậy, các sự việc sẽ không xảy ra như ta tưởng; người ta phải bỏ trận tiến công, và vì chưa chuẩn bị cho một trận phòng ngự, người ta buộc phải bắt đầu làm một cuộc rút lui bất đắc dĩ và phó mặc mọi sự cho may rủi.

Chính vì bấp bênh như vậy nên trận phòng ngự của đạo quân Dohna chống người Nga trong chiến dịch năm 1759 đã bị sa lầy, và rồi kết thúc trong trận thất bại thảm hại ở Züllichau, dưới quyền của tướng Wedel.

Biện pháp này giải quyết vấn đề rất nhanh chóng đến nỗi những người làm kế hoạch có xu hướng sử dụng nó mà không tự hỏi xem kế hoạch có dựa trên những giả thuyết có căn cứ chắc chắn không.

b) Nếu nói chung, chúng ta đủ mạnh để tiến hành trận đánh và

c) nếu bên địch do dự, không quyết tâm, làm cho ta đặc biệt chú ý đến tiến công.

Trong trường hợp này, sự bất ngờ có thể có giá trị hơn toàn bộ ảnh hưởng của địa hình nhờ có vị trí tốt đem lại. Một cấp chỉ huy giỏi bao giờ cũng chú ý phát huy sức mạnh của các lực lượng tinh thần, nhưng lý luận thì không bao giờ có thể nhấn quá mạnh và quá nhiều rằng các giả thuyết đi trước khi nào cũng phải có căn cứ khách quan. Nếu không có căn cứ cụ thể đó mà lại luôn luôn nói đến bất ngờ, đến ưu thế, đến hình thức tiến công bất thường rồi mọi kế hoạch, mọi kiến, mọi điều phê phán đều dựa vào đó cả, thì hoàn toàn không thể chấp nhận được: Đó là loại phương pháp không căn cứ.

d) Nếu thành phần của quân đội ta cho phép nó có khả năng tiến công đặc biệt.

Frederick Đại đế chắc chắn là không lầm hoặc nông nổi khi ngài tin rằng quân

đội của ngài cơ động dũng cảm, hoàn toàn tin tưởng vào cấp chỉ huy, quen tuân lệnh, được tập luyện để thi hành mọi nhiệm vụ một cách chính xác, nhiều nhiệt tình và phấn khởi vì tự hào, thành thạo trong nghệ thuật tiến công theo hướng xiên ngang: Ngài đã có trong bàn tay chắc chắn và táo bạo của ngài một công cụ tiến công hơn là phòng ngự. Đối phương không có đức tính nào trong những đức tính trên và chính vì vậy nên ngài có ưu thế quyết định. Ưu thế này khi nào cũng phục vụ tốt hơn những công sự phòng ngự và các chướng ngại tự nhiên – nhưng loại ưu thế này khi nào cũng hiếm. Một quân đội được tập luyện tốt, hoàn toàn quen với những cuộc vận động lớn cũng chỉ là *một phần* của ưu thế đó. Nếu Frederick Đại đế cho rằng quân đội Phổ có khả năng tiến công đặc biệt – và từ đó đến nay người ta vẫn lặp lại luôn như thế – thì chúng ta cũng không nên phóng đại trọng lượng của ý kiến đó. Trong chiến tranh, ai cũng cảm thấy dũng cảm, phấn khởi trong tiến công hơn là trong phòng ngự; nhưng đó là tình cảm chung của tất cả các quân đội; và không có người đứng đầu hoặc người tướng của một quân đội nào lại không nói đến điều đó. Vì vậy, chúng ta không nên nhẹ dạ tin vào ưu thế bề ngoài rồi không chú ý đến những thuận lợi thực sự.

Thành phần các binh chủng của quân đội cũng có thể là một lý do rất tự nhiên và cũng rất nghiêm túc để tiến hành tiến công, nghĩa là quân đội có nhiều kỵ binh và ít pháo binh.**[230]** Chúng ta hãy tiếp tục kể ra các lý do: e) Khi chúng ta tìm ở đâu cũng không thấy vị trí tốt f) Khi tình hình đòi hỏi chúng ta phải mau chóng có quyết định.

g) Cuối cùng, ảnh hưởng kết hợp của nhiều hoặc của tất cả những lý do đó.

2. Dĩ nhiên phải đợi địch ở nơi mà từ đó ta muốn tiến công địch (Minden, 1759) vì

a) tương quan lực lượng không bất lợi cho ta đến nỗi chúng ta cần phải có vị trí mạnh có công sự phòng ngự

b) tìm được địa hình phù hợp với ý định. Chính chiến thuật chú ý đến các đặc tính xác định sự phù hợp này. Các đặc tính ấy là: Bên phòng ngự có thể tiếp cận một cách dễ dàng, bên địch thì gặp nhiều khó khăn.

3. Người ta sẽ xây dựng vị trí với ý định thực sự đợi địch đến tiến công:

a) nếu vì đánh giá sai lực lượng địch nên ta phải tự bảo vệ bằng chướng ngại tự nhiên hoặc bằng công sự phòng ngự.

b) nếu trong xứ có vị trí rất tốt thuộc loại này.

Nên theo hai hình thức 2 và 3 nếu chúng ta không muốn có quyết định nhưng lại chỉ cần kết quả tiêu cực, và chúng ta có thể hy vọng đối phương sẽ do dự, ngần ngại rồi cuối cùng phải bỏ kế hoạch của họ.

4. Một vị trí có công sự phòng ngự bất khả xâm phạm chỉ có thể đạt được mục đích:

a) Nếu vị trí này ở một điểm chiến lược hạng nhất.

Không ai có thể đánh bại được, đó là đặc tính của một vị trí như thế. Quân địch bắt buộc phải sử dụng những biện pháp khác, nghĩa là họ phải theo đuổi mục đích mà không kể đến vị trí; họ cũng có thể bao vây hoặc bắt vị trí đầu hàng bằng cách tuyệt

đường lương thực. Nếu địch không thể thực hiện được tất cả những biện pháp đó thì có nghĩa là tính chất chiến lược của vị trí rất tốt.

b) Nếu người ta dự kiến trước là sẽ có viện trợ từ bên ngoài.

Đó là trường hợp của quân đội Saxony trên những vị trí ở Pirna. Sau khi nó đã thất bại, dầu người ta có nói gì về biện pháp này đi nữa thì chắc chắn vẫn được một điều đó là biện pháp duy nhất để 17.000 người Saxony có thể làm cho 40.000 người Phổ trở thành vô hại. Nếu quân đội Áo không sử dụng được tốt hơn ưu thế đạt được ở Lowositz thì điều ấy chỉ có nghĩa là các phương pháp chiến tranh và toàn bộ tổ chức của quân đội đó chẳng có giá trị gì cả. Chắc chắn là nếu người Saxony không vào trại Pirna mà rút lui về Bohemia thì Frederick Đại đế đã đẩy lùi cả người Áo lẫn người Saxony về phía bên kia Prague và đã chiếm đóng vị trí này trong chiến dịch nói trên.

Người nào không thừa nhận thuận lợi này nhưng lại tiếp tục nghĩ đến chuyện bắt sống toàn bộ quân đội Saxony thì người ấy thực sự không thể tính toán gì về vấn đề này, và không tính toán thì không có kết quả chắc chắn.

Nhưng những trường hợp a và b thường rất ít khi xảy ra, vị trí có công sự phòng ngự là một biện pháp cần được nghiên cứu kỹ: Dùng biện pháp này thật khó thu được thắng lợi. Hy vọng dùng vị trí có công sự phòng ngự để làm cho địch e ngại, và vì vậy hành động của họ bị rối loạn, mang một mối nguy hiểm quá lớn – nguy hiểm phải chiến đấu mà không đường rút lui. Khi Frederick Đại đế đạt mục đích ở Bunzelwitz bằng biện pháp này, ta cần phải khâm phục Ngài đã đánh giá đúng đắn kẻ thù, nhưng ta cũng cần phải nhấn mạnh nhiều hơn nữa về các biện pháp mà Ngài có thể sử dụng vào phút cuối cùng nếu Ngài cần len lỏi tìm đường với tàn quân của mình; cũng cần nhấn mạnh đến tính độc lập của một ông vua (người khác có thể không độc lập quyết định được như vậy – ND).

5. Nếu có một hay nhiều pháo đài ở gần biên giới, vấn đề lớn cần phải đặt ra là: Bên phòng ngự cần phải tìm quyết định trước hoặc sau các pháo đài này. Theo trường hợp thứ nhất:

a) Nếu địch có ưu thế về số quân thì ta phải bẻ gãy lực lượng địch trước khi trực tiếp chiến đấu với họ.

b) Nếu có các pháo đài ở gần thì đất đai cần phải hy sinh không rộng hơn đất đai buộc phải bỏ lại.

c) Nếu các pháo đài có nhiều khả năng phòng ngự.

Một trong những mục đích chủ yếu của pháo đài là (hay đáng lẽ phải là) bẻ gãy nghị lực của địch trong quá trình tiến quân của họ và làm cho bộ phận lực lượng địch trước khi tiếp nhận quyết định đã bị yếu đi một cách nghiêm trọng. Nhưng, ở đây chúng tôi chỉ nghiên cứu trường hợp này thôi. Khi bên phòng ngự ở gần một hay nhiều pháo đài, chúng tôi cho rằng nguyên tắc sau đây cũng là một nguyên tắc đơn giản và quan trọng: Họ phải giữ pháo đài ở phía trước và chỉ tiến hành trận đánh quyết định ở phía sau các pháo đài này. Chúng tôi thừa nhận rằng một trận thất bại sau các pháo đài bắt ta phải rút lui xa hơn một ít vào nội địa, so với trận thất bại ở phía trước pháo đài thì kết quả chiến thuật trong cả hai trường hợp vẫn như nhau tuy

rằng nguyên nhân của sự khác nhau này phụ thuộc vào sự tưởng tượng hơn là vào những tình hình thực tế. Chúng ta cũng đừng quên rằng người ta có thể tiến hành trận đánh ở trước mặt các pháo đài trên một vị trí đã được lựa chọn kỹ, còn nếu trận đánh xảy ra ở phía sau pháo đài thì thường thường phải là trận tiến công, nhất là trong trường hợp địch công kích một pháo đài có nguy cơ bị mất. Nhưng những khía cạnh tế nhị đó còn có giá trị gì nữa bên cạnh thuận lợi là thấy địch bị mất đi một phần tư hay một phần ba lực lượng (nếu gặp nhiều pháo đài thì có thể mất một nữa) trong trận đánh quyết định? Vì vậy, lúc đã không tránh được quyết định (dù bên tiến công hay bên phòng ngự muốn có quyết định cũng thế), nếu bên phòng ngự không chắc chắn thu được thắng lợi hoặc nếu tình hình đất nước không có lý do cấp thiết để tiến hành trận đánh ở một vị trí gần mặt trận hơn – trong mọi trường hợp, nếu pháo đài ở gần ta và có thể kháng cự thì ngay từ đầu bên phòng ngự phải rút về phía sau bằng mọi biện pháp và tìm cách dựa vào pháo đài đó để đạt được quyết định ở phía bên này. Nếu bên phòng ngự lại đóng gần pháo đài đến nỗi bên tiến công không thể công thành hoặc bao vây vị trí nếu như không đuổi đánh họ đi đã, thì như thế bên phòng ngự đã buộc bên tiến công phải tiến công họ ở ngay vị trí của mình. Vì vậy, trong tất cả những biện pháp phòng ngự khi tình thế nguy ngập, chúng tôi cho rằng chọn một vị trí tốt ở gần hoặc ở sau pháo đài là đơn giản và có hiệu quả nhất.

Dĩ nhiên, vấn đề được đặt ra sẽ khác hẳn nếu pháo đài ở sâu vào phía sau, vì trong trường hợp đó, ta phải bỏ một phần lớn chiến trường; nhưng chúng ta đã biết nếu có những tình huống cấp bách đòi hỏi thì mới nên hy sinh như thế. Trong trường hợp này, biện pháp trên cũng giống như biện pháp rút lui vào nội địa.

Một điều kiện khác là khả năng kháng cự của vị trí. Thường thường người ta biết rõ rằng, một số vị trí có công sự phòng ngự, nhất là những vị trí lớn, không nên tiếp xúc với quân đội địch vì những nơi này không thể đương đầu nổi với một cuộc tiến công mạnh mẽ của một đơn vị lớn. Trong trường hợp này, ít nhất vị trí của chúng ta cũng phải khá gần để có thể tiếp viện cho pháo đài.

6. Cuối cùng, chỉ trong những trường hợp sau đây thì rút lui vào nội địa mới là biện pháp bình thường: a) Nếu người ta không thể nghĩ tới một cuộc kháng cự thắng lợi ở biên giới, hoặc ở gần đó, vì tương quan lực lượng vật chất và tinh thần giữa tà và địch.

b) Nếu mục tiêu chính là kéo dài thời gian.

c) Nếu tình hình trong nước thuận lợi cho biện pháp đó: Điều này chúng tôi đã nói ở chương 25.

Đến đây là kết thúc chương nói về bảo vệ một chiến trường khi một trong hai phe muốn có quyết định và vì vậy không thể tránh được quyết định. Nhưng dĩ nhiên, trong chiến tranh cần phải nhớ rằng những tình huống như thế không diễn ra dưới một hình thức rõ ràng như vậy, và nếu lúc suy nghĩ người ta muốn ứng dụng những đề nghị và lập luận của chúng tôi thì còn phải nhớ tới chương 30 trong đầu óc và cần chú ý là người tướng thường bị kẹt giữa hai khuynh hướng và tùy tình hình, ông ta có

thể thiên về bên này hoặc bên kia hơn.

Chương 29. BẢO VỆ MỘT CHIẾN TRƯỜNG – KHÁNG CỰ TỪNG ĐỢT

Trong chương 12 và 13 của tập III, chúng tôi đã chứng minh rằng: Trong chiến lược, kháng cự từng đợt là không bình thường và nên sử dụng tất cả lực lượng sẵn có cùng một lúc.

Đối với các phương tiện cơ động thì không cần chứng minh gì thêm; nhưng nếu ta coi những pháo đài, những chướng ngại địa hình thiên nhiên và ngay cả diện tích của vùng có chiến sự như một vài phương tiện chiến đấu nào đó thì cũng chỉ có thể đưa chúng nhập cuộc tác chiến theo từng đợt, vì các phương tiện ấy đều bất động; nếu không thì phải rút lui khá xa để tất cả các yếu tố có thể tác động đều nhập cuộc. Chỉ có như thế mới sử dụng được tất cả các phương tiện có thể làm cho địch yếu đi. Khi ấy, bên tiến công phải bao vây pháo đài của bên phòng ngự; muốn chiếm đóng an toàn, họ phải đóng đồn, phải hành quân dài dằng dặc, lại phải chuyên chở mọi thứ cần thiết từ xa đến, v.v. Hậu quả của tất cả các vấn đề ấy có hại cho bên tiến công, *dù họ tiến quân trước quyết định hay sau quyết định;* nhưng trong trường hợp thứ nhất, tác động có mạnh hơn trường hợp thứ hai. Vì vậy, nếu bên phòng ngự muốn hoãn quyết định thì đồng thời họ lại có thêm phương tiện để làm cho các lực lượng bất động có tác dụng cùng một lúc.

Một mặt khác, nếu nói cho thật chính xác, thì rõ ràng việc *hoãn quyết định* không tác động gì đến phạm vi ảnh hưởng cho phép bên tiến công chiến thắng. Lúc nghiên cứu về tiến công, chúng tôi sẽ xem xét chi tiết hơn về phạm vi ảnh hưởng; ở đây chúng tôi chỉ nói rằng: Phạm vi này có thể dẫn tới chỗ ưu thế bị hao mòn (ưu thế là sản phẩm của những yếu tố tinh thần và vật chất). Nhưng, trước tiên, ưu thế này bị hao mòn vì tiêu phí lực lượng trên chiến trường, và thứ hai, vì mất mát trong quá trình giao chiến. Dù giao chiến xảy ra lúc bắt đầu hay lúc kết thúc, ở gần biên giới hay ở nội địa thì những nhược điểm do hai yếu tố này đưa đến đều không thay đổi về cơ bản. Chúng tôi cho rằng (nói để làm thí dụ), năm 1812, nếu Bonaparte có thắng người Nga đi nữa thì ông ta cũng vẫn phải đi xa như trận Borodino – nếu ta giả định rằng ông ta vẫn mạnh như thế – và một trận chiến thắng ở Moscow cũng không đưa ông đi xa hơn. Dù sao, Moscow cũng là giới hạn của cái phạm vi chiến thắng ấy. Tuy thế, ta phải tin rằng một trận quyết định ở biên giới (vì những lý do khác) có thể dẫn đến một chiến thắng lớn hơn, và chiến thắng này có thể có một phạm vi rộng rãi hơn. Đứng về quan điểm đó mà nói, việc trì hoãn trận quyết định không quan trọng đối với bên phòng ngự.

Trong chương nói về "Phương pháp kháng cự"**[231]** chúng tôi đã nghiên cứu vấn đề *rút lui vào nội địa*, hình thức cực đoan của việc hoãn quyết định, đồng thời là hình thức đề kháng đặc biệt làm cho đối phương phải tự hao mòn chứ không bị tiêu diệt bằng lưỡi kiếm trên chiến trường. Nhưng chỉ khi nào ý định đó chiếm ưu thế thì việc hoãn quyết định mới được coi như là một kiểu đề kháng vì, nếu không, người ta có

thể quan niệm ra vô số mức độ trong phương pháp đó và mỗi mức độ lại có thể kết hợp với tất cả các phương tiện phòng ngự. Như vậy, chúng tôi không coi việc kết hợp nhiều hay ít của chiến trường là một loại đề kháng đặc biệt, mà chỉ coi đó là một cách triển khai có thể có của các phương tiện đề kháng bất động tùy theo nhu cầu của tình hình.

Nếu bên phòng ngự cho rằng họ không cần những lực lượng bất động ấy cũng có thể đạt được quyết định, hoặc cho rằng việc sử dụng những lực lượng ấy yêu cầu phải hy sinh quá nhiều dưới những hình thức khác, thì họ giữ các lực lượng này làm dự bị; như vậy, chúng trở thành những bộ phận tiếp viện từng đợt. Chúng làm cho ta có thể giữ những lực lượng cơ động tương đối mạnh để hoàn thành quyết định thứ nhất bằng một quyết định thứ hai và có thể có quyết định thứ ba. Nói một cách khác, như thế chúng ta có khả năng sử dụng lực lượng *từng đợt*.

Nếu bên phòng ngự thua một trận ở biên giới nhưng không thất bại hoàn toàn, người ta có thể nghĩ rằng nếu rút lui về sau pháo đài gần nhất thì họ có thể đánh trận thứ hai ngay lập tức. Và nếu như đối phương không có quyết tâm thì chỉ một vài chướng ngại quan trọng về địa hình thôi cũng có thể buộc họ phải dừng lại.

Như vậy, cũng như trong mọi vấn đề khác, trong việc sử dụng chiến trường về mặt chiến lược, có vấn đề *tiết kiệm lực lượng*. Càng ít tiêu phí lực lượng càng tốt, nhưng phải bảo đảm là khi cần dùng thì vẫn còn đầy đủ vì ở đây, cũng như trong thương mại, dĩ nhiên là ta không nên quá hà tiện.

Tuy vậy, để tránh một sự hiểu lầm lớn, chúng ta cần phải chú ý rằng ở đây, chúng tôi không nói đến việc người ta có thể làm gì về mặt phòng ngự sau một trận thất bại, chúng tôi chỉ nói về những thắng lợi có thể hy vọng *từ trước* của hình thức đề kháng thứ hai này và vì vậy chúng ta phải đánh giá hình thức này thế nào cho đúng trong lúc tính toán kế hoạch. Về vấn đề này, bên phòng ngự chỉ còn một điểm cần phải xem xét, đó là: Đối phương, tính chất và tình hình của đối phương. Nếu đối phương yếu hèn, không tự tin, không có tham vọng chiến thắng hoặc ở trong tình trạng lúng túng thì chỉ đạt được một thắng lợi vừa phải là họ đã bằng lòng rồi: Họ sẽ rụt rè và lẫn tránh nếu bên phòng ngự tìm cách bắt họ chấp nhận một quyết định mới. Trong những trường hợp như thế, bên phòng ngự có thể hy vọng sẽ dần dần sử dụng tốt hơn những phương tiện do chiến trường đưa lại, nhờ có những hành động luôn luôn đổi mới, kể cả những hành động không quan trọng mấy: Trong quá trình hành động đó, triển vọng thắng lợi cuối cùng sẽ luôn luôn được tăng cường.

Nhưng ở đây, chúng ta đã đi trên con đường tiến đến những chiến dịch không có quyết định, những chiến dịch thể hiện việc ứng dụng lực lượng theo đợt một cách rõ ràng hơn nhiều. Chúng tôi sẽ nói đến vấn đề này ở chương sau.

Chương 30. BẢO VỆ MỘT CHIẾN TRƯỜNG KHI NGƯỜI TA KHÔNG MUỐN CÓ QUYẾT ĐỊNH

Chúng tôi sẽ nghiên cứu trong tập cuối cùng vấn đề: Có thể có những cuộc chiến tranh trong đó không bên nào là bên tiến công và vì vậy không bên nào theo đuổi một mục đích tích cực không? Tại sao lại có những cuộc chiến tranh như vậy? Bây giờ, chúng ta hãy tạm thời bỏ qua mâu thuẫn đó vì khi chỉ có một chiến trường độc nhất thì người ta có thể cho rằng: Những lý do làm cho hai bên ở trong tình trạng phòng ngự, nằm trong bản thân những mối quan hệ giữa các bộ phận ấy với toàn thể.

Người ta đã thấy những chiến dịch không có tiêu điểm, tức là không có điểm quyết định không thể tránh được; nhưng trong lịch sử lại có rất nhiều chiến dịch trong đó không thiếu người công kích, nghĩa là không thiếu ý định tích cực của một trong hai phe, nhưng ý định này yếu đến nỗi đáng lẽ phải theo đuổi mục đích một cách quyết liệt và tìm cách đạt được quyết định *cần thiết* thì bên công kích lại cho rằng những thuận lợi do tình hình đưa lại là đủ rồi. Khi thì họ không có mục đích nào rõ ràng, và chỉ thu lấy kết quả tự nhiên, khi thì mục đích đó lại thay đổi theo tình hình.

Loại tiến công này khác với sự cần thiết phải tiến tới mục đích một cách triệt để logic; ở đây, khái niệm về kẻ xâm lược giống như khái niệm về một kẻ dạo chơi: Đối với những người này, thời kỳ chiến tranh chỉ là một thời kỳ lang thang, thuận tiện cho những “dịp may hiếm có” để bòn mót; do đó, loại tiến công này không khác phòng ngự bao nhiêu vì chính phòng ngự cũng cho phép người tướng lợi dụng được những “dịp may hiếm có”. Tuy vậy, đến tập nói về tiến công, chúng tôi mới phân tích tỉ mỉ vấn đề này về mặt triết học. Bây giờ, chúng tôi chỉ kết luận rằng: Loại chiến dịch này không bắt buộc bên công kích cũng như bên phòng ngự phải hành động để đạt quyết định cuối cùng; vì vậy, quyết định này không còn là giao điểm tập trung tất cả mọi tuyến của chiến lược nữa.**[232]** Lịch sử quân sự tất cả các thời kỳ và tất cả các nước dạy ta rằng những loại chiến dịch như thế là rất phổ biến, có thể phổ biến đến nỗi các loại chiến dịch khác chỉ là ngoại lệ của quy luật. Có thể rồi sau này, các loại chiến dịch đó sẽ không đến nỗi phổ biến như thế nữa, song chúng vẫn tồn tại khá nhiều và cần chú ý đến chúng khi ta nghĩ đến việc bảo vệ một chiến trường. Chúng ta hãy thử rút những tính chất đặc thù của các loại chiến dịch như thế. Trong thực tiễn cụ thể, chiến tranh bao giờ cũng nằm giữa hai khuynh hướng, khi thì gần khuynh hướng này khi thì gần khuynh hướng kia; chúng ta chỉ phân biệt được những hậu quả của các đặc tính ấy qua những biến đổi trong *hình thức tuyệt đối* của chiến tranh do tác động qua lại của các đặc tính ấy đưa đến. Trong chương 3 của tập này,**[233]** chúng tôi đã nói rằng: Chờ đợi là một trong những thuận lợi chính của phòng ngự so với tiến công.

Trong cuộc sống, ta rất ít khi có thể đoán trước được tất cả những cái gì sẽ xảy ra, trong chiến tranh thì điều đó lại càng hiếm hơn nữa. Vì sự hiểu biết của con người không đầy đủ, vì sợ những hậu quả tai hại, vì yếu tố ngẫu nhiên ảnh hưởng đến việc

tiến hành các hoạt động cho nên rất nhiều biện pháp do tình hình đòi hỏi không bao giờ được đưa ra thực hiện cả. Trong chiến tranh, sự hiểu biết không hoàn hảo, nguy cơ gặp tai họa, các biến cố ngẫu nhiên đều lớn hơn rất nhiều so với bất kỳ hoạt động nào của con người, cho nên số trường hợp sẩy thai – nếu người ta có thể nói như vậy – cũng lớn hơn rất nhiều.

Chính trong lĩnh vực này mà phòng ngự thu được nhiều kết quả phong phú nhất. Thêm vào kinh nghiệm này là tầm quan trọng của diện tích đất đai mà người ta chiếm lĩnh, cho nên lại có một nguyên tắc pháp lý trong các cuộc tranh chấp thời bình đã trở thành ngạn ngữ thiêng liêng là:*"nắm chắc trong tay là hay hơn* cả".**[234]** Ở đây, câu ngạn ngữ này đã thay thế cho quyết định, mà trong mọi cuộc chiến tranh nhằm *mục đích tiêu diệt lẫn nhau*thì quyết định là điểm cao nhất của toàn bộ quá trình. Hành động thực sự thì không có nhiều nhưng lý do và hành động lẫn tránh thì lại nhiều vô kể. Nếu người ta không thấy có và không muốn có quyết định thì không có lý do nào để từ bỏ bất kỳ cái gì, vì bao giờ đó cũng chỉ là một phương pháp đạt được một thuận lợi để đi đến quyết định. Vì vậy, mục tiêu của bên phòng ngự là giữ cho được, nghĩa là bảo vệ tất cả, nghĩa là ít nhất cũng phải bảo vệ những cái gì có thể bảo vệ được, còn mục tiêu của bên công kích là chiếm tất cả những cái gì có thể chiếm được, nghĩa là trải ra càng rộng càng tốt mà vẫn không có quyết định. Ở đây, chúng tôi chỉ nghiên cứu về phía phòng ngự mà thôi. Bên tiến công có thể chiếm lấy bất kỳ vùng đất nào mà bên phòng ngự không chiếm lĩnh.

Trong trường hợp này, thuận lợi trong chờ đợi thuộc về *bên tiến công.* Từ đó nảy sinh ra ý định trực tiếp bảo vệ toàn bộ đất đai và các đơn vị bảo vệ có nguy cơ bị đối phương tiến công.

Trước khi nghiên cứu những đặc tính riêng biệt của phòng ngự, chúng ta hãy đối chiếu với tập nói về tiến công để biết rõ bên tiến công có những mục tiêu gì trong trường hợp không nghĩ đến quyết định một cách nghiêm túc. Đó là những mục tiêu sau đây:

1. Chiếm đóng những vùng rộng lớn có thể chiếm đóng được mà không cần tác chiến.

2. Chiếm cho được một kho tàng quan trọng cũng theo điều kiện trên (nghĩa là không phải tác chiến – ND).

3. Chiếm một pháo đài không được bảo vệ. Chắc chắn là một trận công thành khi nào cũng có quy mô hoặc lớn hoặc nhỏ, đòi hỏi phải cố gắng rất nhiều; nhưng đó không phải là một tai họa. Trong trường hợp xấu nhất, người ta có thể thôi công thành mà không bị tổn thất gì nhiều lắm.

4. Đạt được một cuộc giao chiến tốt, khá quan trọng nhưng không nguy hiểm lắm nghĩa là cũng không có lợi mấy; cuộc giao chiến này không phải là điểm cao nhất của toàn bộ guồng máy chiến lược với tất cả những hậu quả nghiêm trọng của nó, nhưng vẫn có ý nghĩa vì chính bản thân nó, hoặc vì chiến lợi phẩm, hoặc vì vinh quang của quân đội. Mục đích này không đáng để cho ta chiến đấu với bất kỳ giá nào; người ta đợi thời cơ tốt hoặc người ta tìm cách tạo ra thời cơ đó.

Bốn mục tiêu tiến công ấy là lý do của những cuộc vận động sau đây của bên phòng ngự:

1. Bảo vệ các pháo đài bằng cách để chúng ở phía sau;
2. Bảo vệ đất nước bằng cách bố trí quân đội tại đó;
3. Nhanh chóng tung quân đội ra phía trước bằng các cuộc hành quân bên sườn nếu các đơn vị chưa được bố trí trên một mặt trận rộng;
4. Tránh tiến hành những cuộc chiến đấu bất lợi trong cuộc hành quân đó.

Rõ ràng, ba biện pháp đầu có mục đích ràng buộc thế chủ động của bên tiến công và tận dụng lợi thế của việc đón đợi địch. Mục đích đó bắt nguồn sâu xa trong bản chất sự vật, cho nên nếu không phân tích kỹ thì chớ bác bỏ nó. Triển vọng của một quyết định càng xa xôi thì người ta càng bắt buộc phải có thái độ đó (thái độ chờ đợi – *ND)* và nó luôn luôn là cơ sở sâu sắc của các chiến dịch thuộc loại này, tuy rằng đứng về bề ngoài mà nói và trong những hoạt động không có tầm quan trọng lớn lắm, những chiến dịch này cũng không phải là không sôi nổi. Hannibal, Fabius,**[235]** Frederick Đại đế và Daun đều phải tuân theo nguyên lý ấy mỗi khi họ không muốn có hoặc không chờ đợi một quyết định nào cả. Còn biện pháp thứ tư thì dùng để điều chỉnh ba biện pháp đầu, nó là điều kiện *không có không được* của ba biện pháp trên.

Bây giờ chúng ta hãy nghiên cứu kỹ hơn vấn đề này.

Mới nhìn qua thì việc bảo vệ một pháo đài bằng cách đưa quân ra phía trước pháo đài hình như có vẻ vô lý.**[236]** Nó có vẻ mâu thuẫn vì người ta xây dựng pháo đài cốt để chống lại những cuộc công kích của địch. Vậy tại sao người ta đã từng sử dụng biện pháp đưa quân ra phía trước có đến hàng nghìn lần rồi? Thế nhưng, trong chiến tranh thường có chuyện rất kỳ lạ là những điều tầm thường nhất lại có vẻ khó hiểu nhất. Ai dám cả gan dựa trên những mâu thuẫn bề ngoài đó để nói rằng hàng vạn trường hợp như thế xảy ra hằng ngày đều là sai lầm cả. Chuyện đó xảy ra luôn chính vì nó có lý do tồn tại sâu sắc. Lý do này cũng không ngoài lý do chúng tôi đã nói đến: Nó thuộc về quán tính tinh thần.

Nếu chúng ta bố trí ở phía trước pháo đài thì kẻ địch không thể tiến công vào pháo đài mà không tác chiến. Nhưng, mỗi trận đánh là một quyết định; nếu địch không muốn có quyết định thì họ sẽ không tác chiến và chúng và quyết định, thì cũng phải nói thêm rằng: Lý do phụ thêm vào đó, tuy rất rõ ràng nhưng lại không cưỡng bách ta được. Vì đã là pháo đài gần nhất thì đồng thời cũng là kho lương thực.

Biện pháp này rất thực tiễn và có nhiều thuận lợi đến nỗi người tướng khó lòng quyết định đưa tiếp tế từ xa đến hoặc để tiếp tế dự trữ trong những phố bỏ ngỏ. Nhưng khi pháo đài được sử dụng làm kho tàng cho quân đội thì thường thường lại phải đóng vị trí ở trước pháo đài; hầu như đó là một điều tất nhiên phải như thế. Người ta thấy rõ ràng rằng, nếu các lý do hiển nhiên đó thường bị những người không biết lo lắng đến những lý do không hiển nhiên bằng đánh giá quá cao thì giải thích tất cả những thí dụ đã có cũng chẳng đủ và cũng chẳng có tác dụng gì sâu sắc lắm để đi đến quyết định.

Việc chiếm cho được một hay nhiều pháo đài mà không phải tác chiến là một

mục đích tự nhiên của tất cả các cuộc tiến công không muốn đạt quyết định lớn; mục đích này tự nhiên đến nỗi bên phòng ngự thường không có nhiệm vụ nào khác hơn là đánh bại mưu đồ đó. Chính vì vậy, trong vùng có chiến tranh và có nhiều pháo đài, chúng ta thấy không có pháo đài này, thì pháo đài khác đều trở thành trục xoay của hầu hết các cuộc vận động công kích: Bên tiến công thì sử dụng nhiều lối đánh giương đông kích tây để chiếm pháo đài một cách bất ngờ, trong lúc bên phòng ngự lại muốn vượt qua bên tiến công bằng những cuộc vận động nhanh chóng và được chuẩn bị kỹ. Đó cũng là đặc điểm của tất cả các chiến dịch ở Hà Lan từ Louis XIV cho đến thống chế Saxony.**[237]** Đó là vấn đề bảo vệ pháo đài.

Việc bảo vệ đất nước bằng cách bố trí kéo dài các lực lượng quân sự chỉ có thể thực hiện được nếu biết kết hợp với các chướng ngại địa hình. Chỉ có những vị trí mạnh mới làm cho những đồn lớn nhỏ có khả năng kháng cự nào đó; vì các chướng ngại thiên nhiên ít khi đầy đủ cho nên người ta lại phải dùng đến nghệ thuật xây dựng công sự phòng ngự. Tuy vậy, cần phải thấy rằng lực lượng đề kháng đạt được ở một điểm nhất định khi nào cũng chỉ là *tương đối* (xem chương "*Ý nghĩa của giao chiến*"**[238]**) và không thể coi là *tuyệt đối* được. Dĩ nhiên, có thể có đồn binh chống đỡ nổi với mọi cuộc tiến công và trong một trường hợp đặc biệt nào đó đạt được thắng lợi tuyệt đối. Nhưng vì số đồn binh có rất nhiều cho nên mỗi một đồn đều yếu so với toàn bộ, và bất kỳ cuộc tiến công nào của một lực lượng lớn hơn cũng đều có thể đánh bại từng đồn một; vì vậy đặt mọi hy vọng thành công vào sự kháng cự của từng đồn một là hoàn toàn vô lý. Khi bố trí lực lượng trên một diện rộng như thế thì chỉ có thể nghĩ đến một cuộc đề kháng tương đối lâu dài chứ không thể nghĩ đến một trận chiến thắng chính cống được. Nhưng giá trị của các đồn như vậy cũng đủ đáp ứng với nhu cầu và ý định của toàn bộ.

Trong những chiến dịch không có quyết định lớn, cũng không có những lực lượng luôn luôn xốc tới để đi đến thắng lợi đối với toàn bộ lực lượng, những cuộc chiến đấu ở đồn không nguy hiểm lắm, dù đồn có bị đánh bại đi nữa. Tổn thất vì những cuộc chiến đấu đó ít khi vượt quá tổn thất của đồn bị đánh và một số chiến lợi phẩm. Thắng lợi của đối phương không làm thay đổi tình hình một cách sâu sắc; nền móng không bị lung lay đến nỗi toàn bộ lâu đài bị sụp đổ. Trong trường hợp xấu nhất vì một đồn lẻ bị mất, toàn bộ hệ thống phòng ngự bị phá vỡ về mặt tổ chức thì bên phòng ngự sẽ vẫn có đủ thì giờ để tập hợp các đạo quân lại rồi bằng toàn bộ lực lượng của mình *đề xuất* với bên công kích một trận đánh quyết định; còn bên tiến công tất không muốn có trận này. Do đó, thường ta chỉ tập trung lực lượng cũng đủ để chấm dứt hành động và làm cho cuộc tiến quân của bên địch phải ngừng lại. Bên phòng ngự có thể mất một miếng đất, một ít người, vài khẩu đại bác, và bên tiến công cũng chỉ được lợi có thế.

Chúng tôi nói: Bên phòng ngự có thể mạo hiểm như thế khi gặp vận rủi, khi anh ta tin rằng có khả năng sẽ không đến nỗi bất hạnh đến như thế, rằng có thể vì rụt rè hoặc vì thận trọng, bên công kích sẽ ngừng lại trước đồn và không dám đụng vào đấy, sợ gãy răng. Nhưng, ta không thể quên rằng đây là nói đến kẻ địch không muốn

đi đến chỗ một mất một còn. Một cái đồn trung bình nhưng mạnh mẽ có thể chặn đứng một đối phương như vậy vì tuy bên tiến công có thể làm chủ được đồn nhưng lại phải tự hỏi: Cái giá mình phải trả là bao nhiêu và trong tình hình của anh ta, so với lợi ích do chiến thắng đưa lại, cái giá này có cao quá hay không? Tất cả những điều ấy chỉ rõ rằng: Bên phòng ngự bố trí nhiều đồn cạnh nhau trên một diện tích rộng lớn có thể kháng cự tương đối mạnh mẽ để đạt kết quả có trọng lượng đầy đủ trên cán cân tổng quát của chiến dịch. Để người đọc chú ý đến sự kiện lịch sử quân sự mà chúng tôi đang nói đây, chúng tôi xin lưu ý các bạn là: Hầu như khi nào cũng vậy, những vị trí trải rộng ấy đều xuất hiện ở nửa cuối chiến dịch vì chỉ lúc này bên phòng ngự mới biết được đầy đủ ý định và tình hình của đối phương, đồng thời, lúc ấy tính tích cực của đối phương cũng đã mòn mỏi đi, nếu quả thật họ có tích cực.

Trong kiểu phòng ngự bằng vị trí trải rộng dùng để*bảo vệ xứ sở, lương thực và pháo đài*, tất cả các chướng ngại thiên nhiên như sông ngòi, rừng núi, đồng lầy nhất định có chỗ đứng rất vững và có tầm quan trọng chủ yếu. Về việc sử dụng các chướng ngại này, nên đọc lại những đoạn đã viết về vấn đề đó.

Vì yếu tố địa hình có ưu thế như vậy nên có một loại hoạt động và một loại khoa học thường được xem như là đặc thù của bộ tham mưu. Vì bộ tham mưu lại là cấp quân đội viết và xuất bản nhiều giấy tờ nhất**[239]** cho nên lịch sử đã ghi chép rõ nhất về cái khía cạnh đó của các chiến dịch. Người ta đã hệ thống hóa nó lại (khuynh hướng này cũng khá bình thường), và từ cách giải quyết một trường hợp riêng biệt trong một điều kiện lịch sử nhất định, người ta đã rút ra những kết luận tổng quát có thể ứng dụng cho tất cả các trường hợp khác. Nhưng cách làm đó vừa vô ích lại vừa sai lầm. Vì ngay cả trong các loại chiến tranh (có thể gọi là chiến tranh tiêu cực thì đúng hơn) gắn rất chặt với các điều kiện địa phương, mỗi trường hợp đều có sự khác nhau và phải được giải quyết một cách khác hơn. Những hồi ký có lý luận tốt nhất về các vấn đề này làm cho ta biết rõ các trường hợp trên nhưng không cho chúng ta những điều dạy bảo có ích. Trên thực tế, chúng lại đã trở thành một thứ lịch sử quân sự được nhìn dưới góc độ đặc biệt đã nói.

Tuy mọi người đều công nhận loại hoạt động thuộc chức năng của bộ tham mưu nói trên là rất cần thiết và đáng khen ngợi, nhưng phải chống lại một kiểu lạm dụng rất có hại cho toàn bộ. Những người đứng đầu loại cơ quan quân sự này có uy lực đôi khi quá đáng đối với tất cả mọi người, kể cả bản thân vị tướng tổng tư lệnh. Kết quả là sinh ra thói quen suy nghĩ phiến diện, rốt cuộc là ông ta chẳng còn nhìn thấy gì ngoài núi non và đường độc đạo, và đáng lẽ phải sử dụng một biện pháp được tự do lựa chọn tùy theo các biến cố thì người ta lại huy động theo kiểu máy móc, đường mòn.

Chính vì vậy nên năm 1793 và 1794, đại tá Grawert, linh hồn của Bộ tổng tham mưu Phổ, chuyên viên nổi tiếng về núi non và đường độc đạo đã buộc hai người có tính chất trái ngược nhau như công tước Brunswick và tướng Möllendorf**[240]** phải tiến hành chiến tranh một cách tuyệt đối giống nhau.

Dĩ nhiên, một tuyến phòng ngự xây dựng dọc theo một chướng ngại thiên nhiên

rất quan trọng có thể dẫn thẳng đến một cuộc chiến tranh dây chuỗi. Thường thường, điều đó nhất thiết sẽ xảy ra nếu toàn bộ diện tích của chiến trường cần được bảo vệ theo kiểu đó. Nhưng phần lớn các khu vực tác chiến đều rộng đến nỗi việc bố trí bình thường các đơn vị được sử dụng trong phòng ngự chiến thuật ở các khu vực đó lại quá nhỏ hẹp. Tuy vậy, điều kiện và công tác chuẩn bị của bản thân họ bắt buộc bên công kích chỉ có thể tiến quân trên một số đường nhất định và theo một số lượng chính nào đó; hơn nữa, nếu đi chệch hướng nhiều quá, họ sẽ lúng túng và chịu nhiều bất lợi, kể cả trong trường hợp họ chỉ phải đối phó với một kẻ phòng ngự tiêu cực nhất. Bởi vậy, đối với bên phòng ngự, điều quan trọng là phải bảo vệ bằng được một số dặm đường hoặc ngày đường ở bên phải hoặc bên trái các hướng chính ấy.

Để thực hiện công cuộc bảo vệ đó, chỉ cần xây dựng những vị trí phòng ngự trên những đường chính và trên những đường hay qua lại; giữa hai vị trí thì chỉ cần những đồn quan sát đơn giản để kiểm tra.

Dĩ nhiên, bên tiến công cũng có thể cho một đạo quân đi giữa hai vị trí và tiến công một vị trí từ nhiều phía. Nhưng, đến một mức độ nhất định, lúc xây dựng vị trí, đã phải nghĩ trước đến tình hình đó, vì một mặt thì các vị trí đều có chỗ dựa ở hai bên sườn và một mặt khác thì bản thân các vị trí cũng là những điểm bảo vệ bên sườn (gọi là những cái móc); hơn nữa, một đội dự bị hoặc một vài phân đội từ vị trí lân cận cũng có thể đến tiếp cứu. Như vậy, số vị trí còn được rút bớt hơn nữa và kết quả thông thường là một đạo quân tham gia hệ thống bảo vệ nói trên phải phân tán ra thành 4 hoặc 5 vị trí chính.

Để bảo vệ một số đường qua lại chính, quá xa xôi nhưng bị đe đọa ít nhiều, người ta xây đựng những trung tâm đặc biệt, một thứ chiến trường nhỏ ở bên trong chiến trường chính. Trong cuộc Chiến tranh Bảy năm, quân Áo bố trí đạo quân chính thành 4 hoặc 5 vị trí ở vùng núi Hạ Silesia trong lúc ở Thượng Silesia, một đạo quân nhỏ gần như độc lập đã có hệ thống bảo vệ riêng, tương tự như hệ thống trên.

Hệ thống này càng khác với việc bảo vệ trực tiếp thì càng phải sử dụng hình thức vận động, hình thức phòng ngự tích cực, có khi phải sử đụng đến cả những biện pháp tiến công. Một số đạo quân được dùng làm dự bị; hơn nữa, có vị trí lại phái tất cả những đơn vị có thể có để tiếp viện cho vị trí khác. Để tiếp viện, có thể dùng cách thực sự tiến từ phía sau tới để tăng cường và khích động cuộc đề kháng tiêu cực, hoặc cũng có thể tiến công vào sườn địch, hoặc cũng có thể đe dọa đường rút lui của họ. Khi sườn của một vị trí bị đe dọa không phải bằng một cuộc tiến công nhưng bằng một vị trí gần đường giao thông của đồn ấy thì phải tiến công vị trí này hoặc là phải trả đũa bằng cách tác động vào đường giao thông của địch.

Như vậy, người ta thấy rõ rằng, tuy tiêu cực vồ mặt cơ sở chủ yếu, phòng ngự lại bao gồm nhiều biện pháp tích cực và có thể được tổ chức bằng đủ mọi cách khi cần đối phó với những tình hình phức tạp. Những cuộc phòng ngự mà người ta cho là tốt nhất chính là những cuộc sử đụng nhiều biện pháp tích cực nhất, thậm chí biện pháp tiến công. Những điều này phụ thuộc vào tính chất của địa hình, vào cấu tạo của các lực lượng quân sự và có khi cả vào tài năng của vị tướng chỉ huy. Ngoài ra, thường

thường người ta lại có khuynh hướng cho rằng tính cơ động và các phương tiện tích cực nhưng phụ thuộc khác là có hiệu quả hơn và người ta không dựa nhiều vào các. Chướng ngại thiên nhiên để thực hiện một cuộc kháng cự tại chỗ. Chúng tôi cho rằng chúng tôi đã giải thích kỹ càng quan điểm của mình về một tuyến phòng ngự kéo dài và bây giờ chúng tôi bắt đầu nói về biện pháp phụ thuộc thứ ba: Vượt lên trước địch bằng một cuộc vận động sang ngang nhanh chóng.

Rõ ràng, nói về biện pháp phòng ngự này ở đây là đúng chỗ. Mặc dầu đã có cách bố trí kéo dài, thường thường bên phòng ngự cũng vẫn không thể chiếm đóng tất cả các con đường qua lại bị đe dọa của đất nước; bên phòng ngự vẫn phải luôn luôn sẵn sàng phái đạo quân chính của mình đến các điểm bị đạo quân chính của địch đe dọa, nếu không những điểm này sẽ bị tiêu diệt quá nhanh chóng. Cuối cùng, người tướng nào đã không muốn cho binh lính của mình nằm im trên một hệ thống bố trí quá kéo dài để kháng cự tiêu cực ở đó thì lại càng muốn nhanh chóng đạt được mục đích – bảo vệ xứ sở – bằng những cuộc vận động cấp tốc, được chuẩn bị kỹ, được thực hiện tốt. Nhưng vị trí bỏ ngỏ càng lớn thì ông ta lại càng phải tỏ rõ tài ba của mình bằng cách xóc tới, mạnh bạo và đúng lúc.

Vì vậy, khi nào người ta cũng chọn những vị trí phù hợp với mục đích trên: Các vị trí này phải có nhiều thuận lợi đến nỗi kẻ địch không còn có thể nghĩ đến việc tiến công vào đấy được nữa, một khi quân đội ta hoặc một phần quân đội ta đã đến đấy. Vì các vị trí này khi nào cũng giống nhau và tất cả vấn đề là ở chỗ phải đến đúng lúc, nên chúng làm cho việc chỉ đạo chiến tranh có dáng dấp riêng của nó; từ đó có danh từ: Chiến tranh đồn bốt.

Cách bố trí theo chiều rộng dẫn đến sự đề kháng tương đối trong quá trình cuộc chiến tranh *không có quyết định lớn.* Cả hai sự kiện trên (cách bố trí theo chiều rộng và đề kháng tương đối – *ND)* không nguy hiểm nhiều lắm, mặc dầu nguy hiểm thuộc về bản chất của chúng, cũng như hành động vượt lên phía trước bằng cách tiến quân vào sườn không đến nỗi khó khăn ghê gớm như lúc có quyết định lớn. Đến phút cuối cùng rồi mà hấp tấp vượt lên trước một kẻ địch có quyết tâm, có khả năng làm những việc lớn và không lùi bước trước bất kỳ sự tiêu phí lực lượng nào thì chỉ hứng lấy thất bại một cách chắc chắn nhất, vì cuộc xốc tới mù quáng và lộn xộn này chẳng thể làm nên trò trống gì trước những đòn mạnh không thương tiếc của một đối phương thô bạo. Nhưng với một đối phương nhu nhược, chỉ hời hợt bề ngoài li và không biết giành thắng lợi lớn để làm gì, cũng không biết làm gì để giành thắng lợi đó, và chỉ muốn đạt được một thắng lợi nhỏ với một giá vừa phải – đối với một đối phương như thế, người ta có thể sử dụng biện pháp kháng cự nói trên.

Bình thường mà nói, vì những lẽ nói trên biện pháp này thường ở nửa sau chiến dịch nhiều hơn là ở nửa đầu chiến dịch.

Ở đây, bộ tham mưu lại cũng có thể sử dụng nhưng hiểu biết về địa hình để quyết định một loạt những biện pháp có hệ thống và hợp lý về vấn đề lựa chọn và chuẩn bị các vị trí và các con đường dẫn tới đó.

Phân tích cho đến cùng, chỉ còn lại một vấn đề: Một bên phải đến bằng được một

điểm nhất định, còn bên kia thì lại phải ngăn chặn việc dó, cho nên cả hai bên thường thường đều phải vận động dưới tầm mắt đối phương. Vì vậy, họ phải khôn khéo và chính xác một cách lạ thường. Thời xưa, khi đạo quân chính chưa chia ra từng bộ phận độc lập với nhau, kể cả lúc hành quân, nó vẫn cứ là một tổng thể không bị chia cắt. Muốn thận trọng và chính xác như vậy thì phải có rất nhiều nghi thức và vì vậy phải có kỳ tài về chiến thuật. Cho nên, chính trong những cơ hội đó, người ta thường phái một số lữ đoàn đi trước để chiếm một điểm nào đó; vì vậy, các lữ đoàn này có chức năng độc lập và phải sẵn sàng tiếp xúc với dịch, kể cả khi những bộ phận còn lại của quân đội chưa đến gần được. Nhưng đó là những điểm bất thường và nói chung mệnh lệnh hành quân bao giờ cũng có mục đích đưa toàn bộ quân đội đến điểm đã định mà vẫn ngay hàng thẳng lối, càng không cần đến sự yểm trợ đó càng tốt. Trong thời đại chúng ta, những bộ phận khác nhau của đạo quân chính lại là những đạo quân độc lập có thể tác chiến với toàn bộ quân đội địch, với điều kiện là các bộ phận khác cũng ở khá gần để tiếp tục và kết thúc trận đánh, do đó tiến quân vào sườn dưới mắt dịch thường gặp ít khó khăn hơn. Những cái gì xưa kia thuộc bộ máy đặc thù của thứ tự hành quân thì ngày nay đều có thể đạt được bằng cách phái một số sư đoàn đi trước hoặc cho các sư đoàn khác đi nhanh hơn, dựa vào việc sử dụng toàn bộ quân đội một cách tự do hơn.

Những biện pháp mà chúng tôi vừa nghiên cứu phải ngăn chặn không cho bên công kích chiếm được pháo đài, những khoảng không gian rộng rãi hoặc khó khăn. Sự ngăn chặn đó sẽ trở thành hiện thực khi nào bên công kích thấy rằng nếu giao chiến thì ít có khả năng thu được thắng lợi, rằng nếu thất bại thì phản ứng của bên phòng ngự sẽ rất nguy hiểm, rằng họ sẽ phải tiêu phí lực lượng quá lớn so với mục đích và tình hình.

Khi bên phòng ngự đã làm cho tài ba và óc tổ chức của mình chiếm ưu thế, khi nhờ có những biện pháp đúng đắn nên tuy bên tiến công đã hết sức cố gắng mà vẫn không đạt được bất kỳ ý định nào, kể cả ý định nhỏ nhất, thì nguyên tắc tiến công chỉ còn có ý nghĩa trong việc cứu vãn danh dự quân đội: Chiến thắng trong một trận giao chiến nào đó làm cho quân đội có vẻ có ưu thế, vuốt ve cái tính chuộng hư vinh của vị tướng chỉ huy cũng như triều đình và các nhà quân sự, dân sự, và làm cho người ta thấy rằng những điều hy vọng vào tiến công đã được thực hiện.

Như vậy, bên tiến công chỉ còn một hy vọng cuối cùng: Thắng lợi trong một trận giao chiến khá lớn để tăng thêm uy tín và thu thêm một số chiến lợi phẩm. Thật không đúng nếu cho rằng chúng tôi đang tự mâu thuẫn với bản thân mình vì *theo ý chúng tôi*, những biện pháp của bên phòng ngự phải làm cho bên tiến công hoàn toàn không còn khả năng đạt được một trong những mục tiêu khác nói trên bằng một cuộc *giao chiến thắng lợi*. Khả năng này còn có thể có nếu giao chiến trong *những điều kiện thuận lợi và thắng lợi thu được cho phép ta đạt tới một trong những mục tiêu nói trên.*

Trường hợp thứ nhất rất có thể xảy ra mà không có trường hợp thứ hai; một số đạo quân, một số vị trí của bên phòng ngự thường có thể có nguy cơ phải giao chiến

trong những điều kiện không thuận lợi khi bên tiến công muốn bảo vệ *danh dự quân đội,* nhưng nếu bên tiến công lại muốn thêm vào đấy một số thuận lợi phụ thuộc khác thì nguy cơ trên lại không lớn bằng.

Nếu hoàn toàn đứng vào vị trí của Daun và cũng lập luận như ông ta thì chúng ta có thể hiểu được tại sao ông la có thể mạo hiểm tiến công Hochkirch mà không trái với lối hành động quen thuộc của mình, trong lúc ông ta chỉ muốn thu một số chiến lợi phẩm trước mắt; một chiến thắng có rất nhiều hậu quả, có thể bắt nhà vua phải bỏ rơi Dresden và Neisse lại là một nhiệm vụ hoàn toàn khác hẳn mà ông ta đã từ chối.

Thật là sai lầm nếu cho rằng phân biệt như thế là quá nhỏ nhặt, để không nói là vô ích. Trái lại, đây mới chính là một trong những mặt cơ bản của chiến tranh. Về phương điện chiến lược, ý nghĩa của một cuộc giao chiến lại chính là linh hồn của cuộc giao chiến ấy; trong lĩnh vực này phải nhắc lại rất kỹ càng rằng: Yếu tố chủ yếu bao giờ cũng rút ra từ ý định cơ bản của hai bên đối dịch; ý định này tạo cho toàn bộ hệ thống tư tưởng cái dáng điệu riêng của nó. Vì vậy, về mặt chiến lược, hai trận đánh có thể khác nhau nhiều đến nỗi người ta không còn thấy đó như là những công cụ giống nhau nữa.

Tuy một chiến thắng như thế của bên tiến công chẳng làm hại gì nhiều lắm cho bên phòng ngự, nhưng bên phòng ngự cũng không thể để cho đối phương đạt được, một thắng lợi kể cả thắng lợi rất nhỏ, hơn nữa, không ai lại có thể biết trước được rằng thuận lợi này sẽ dẫn đến đâu. Vì vậy, bên phòng ngự phải luôn luôn chú ý đến tình trạng các đạo quân và các đồn bốt quan trọng của mình. Nói cho đúng, ở trong vấn đề này, mọi việc đều phụ thuộc vào sự sáng suốt của người chỉ huy đạo quân, và chỉ cần người tướng sử dụng một kiểu bố trí không đúng lúc thì có thể đưa đến tai họa tồi tệ nhất. Ở đây, ai mà không nghĩ đến đạo quân của Fouque ở Landshut và của Phinh**[241]** ở Maxen? Trong cả hai trường hợp, Frederick Đại đế đều quá tin vào những ý kiến cổ truyền và cho rằng có tác chiến tại vị trí của Landshut với 10.000 người chống lại 30.000 và tướng Phinh có thể đương đầu với những đơn vị từ mọi phía ập tới với số quân áp đảo.

Ngài đã phạm sai lầm khi nghĩ rằng: Vị trí của Landshut là bất khả xâm phạm, giống như giá trị của một tấm hối phiếu, và chỉ cần phô trương lực lượng ở bên sườn cũng đủ lạo cho Daun cơ hội đánh đổi vị trí bất lợi ở Saxony lấy vị trí có lợi ở Bohemia. Sai lầm là ở chỗ đã hiểu sai về Laudong, rồi sau đó lại hiểu sai về Daun.

Sau khi đã loại trừ những sai lầm mù người tướng nào có thể phạm phải, kể cả những người không táo bạo, không kiêu ngạo, không ngoan cố bằng Frederick Đại đế, ta phải nói đến một trong những khó khăn lớn của vấn đề đang nghiên cứu; một người tướng không phải bao giờ cũng có thể quá tin vào sự sáng suốt, vào thiện chí, vào sự anh dũng, tính cương nghị của những người chỉ huy các đạo quân dưới quyền mình. Vì không phải lúc nào cũng tin vào họ được cho nên đôi lúc người tướng phải ra những mệnh lệnh trói tay họ lại, dĩ nhiên không phải khi nào những mệnh lệnh này cũng phù hợp với những tình huống trước mắt. Đó là một điều bất lợi không thể tránh được. Không có nghị lực sắt dá, không có uy quyền bắt mọi cấp phải tuân theo thì

không thể chỉ huy được. Khi đã đánh giá con người quá cao thì người ta sẽ hoàn toàn không còn có khả năng để chỉ huy nữa.

Như vậy, phải luôn luôn xem xét rất kỹ tình hình từng đạo quân vả từng vị trí thì mới tránh cho chúng khỏi rơi vào tai họa được.

Bốn quy tắc hành động nói trên có mục đích giữ được *nguyên hiện trạng.* Càng ứng dụng bốn quy tắc này một cách tốt đẹp và thắng lợi thì chiến tranh càng kéo dài trong cùng một khu vực và vấn đề tiếp tế càng trở nên nghiêm trọng. Đáng lẽ được tiếp tế tại chỗ bằng trưng thu và đóng góp thì ngay từ đầu, hoặc ít nhất ngay sau khi chiến dịch bắt đầu, đã phải sử dụng hệ thống kho tàng; đáng lẽ phải có xe cộ trưng dụng tại chỗ lúc cần đến thì lại phải tổ chức một cơ quan vận tải thường trực với những toa xe thu được tại chỗ hoặc các toa xe của quân đội. Nói tóm lại, người ta tiến gần đến hệ thống tiếp tế bằng kho tàng mà chúng tôi đã nghiên cứu trong chương nói về tiếp tế.**[242]** Tuy vậy, không phải vấn đề đó đã ảnh hưởng nhiều nhất đến một cuộc chiến tranh thuộc loại này; vì mục tiêu và tính chất của nó nên vấn đề đó chỉ giới hạn trong những khoảng không gian rất hạn chế, bởi thế công cuộc tiếp tế có thể xác định một số kiểu bố trí, và thật ra đã xác định phần lớn các kiểu bố trí, nhưng vẫn không thay đổi tính chất chung của chiến tranh. Trái lại, tác động của mỗi bên đối với đường giao thông của đối phương quan trọng hơn nhiều, vì hai lý do. Lý do thứ nhất là: Vì không có những phương tiện lớn quyết định nên bắt buộc các vị tướng phải sử dụng những phương tiện xoàng xĩnh hơn; lý do thứ hai là: Vì người ta còn rất nhiều thì giờ và có thể đợi cho các biện pháp trên được thử thách cái đã. Vì vậy, vấn đề an toàn trên đường giao thông của chúng ta sẽ là một điểm đặc biệt quan trọng. Đối với bên tiến công thì cắt đứt đường giao thông không phải là một mục đích tự thân nó có giá trị, nhưng đó có thể là một biện pháp rất có hiệu quả để buộc bên phòng ngự phải rút lui, nghĩa là phải từ bỏ những mục tiêu khác.

Tất cả những biện pháp được sử dụng để bảo vệ vùng có chiến tranh thực sự, dĩ nhiên cũng phải được sử dụng để bảo vệ đồng thời các đường giao thông; vấn đề an toàn của những con đường này phụ thuộc một phần vào những biện pháp đó và vì vậy chúng tôi chỉ cần nêu thêm một kiến nghị nữa là: Cần phải nghĩ kỹ đến vấn đề này lúc chọn vị trí.

Dùng những đạo quân, lớn hoặc nhỏ, đi áp tải các đoàn xe là một biện pháp bảo đảm an toàn *đặc biệt.* Khi thì những vị trí kéo dài quá xa, không đủ để bảo vệ đường giao thông, khi thì việc áp tải trở thành cần thiết vì vị tướng chỉ huy không muốn cho các vị trí bị trải rộng ra nhiều quá. Cuốn *"Lịch sử cuộc Chiến tranh Bảy năm"* của Tempelhoff có rất nhiều thí dụ chỉ rõ rằng Frederick Đại đế đã từng đưa cả trung đoàn bộ binh hoặc kỵ binh, có khi cả lữ đoàn, đi áp tải các toa bánh và bột mì.

Không thấy nói đến việc quân Áo sử dụng biện pháp này: Có thể vì họ không có nhà viết sử nào lắm lời như Tempelhoff, hoặc vì họ luôn luôn xây dựng những vị trí được trải rộng ra hơn nhiều.**[243]** Sau khi đã nói đến bốn cách làm căn cứ cho kiểu phòng ngự hoàn toàn không có yếu tố tiến công và ý định tiến tới quyết định, bây giờ chúng tôi chỉ cần nói đến những biện pháp tiến công có thể xen lẫn vào đấy và có thể

nói là làm cho nó thêm đậm đà. Về mặt chủ yếu, những biện pháp tiến công ấy là: 1. Các cuộc tác chiến nhằm đánh vào các đường giao thông của địch, trong đó có cả những hành động đánh vào tiếp tế.

2. Những cuộc giương đông kích tây**[244]** và đột kích vào đất địch.

3. Những cuộc tiến công vào những đạo quân, những vị trí, có khi vào cả đạo quân chính của địch trong những điều kiện thuận lợi, hoặc chỉ là đe dọa tiến công như thế.

Biện pháp thứ nhất luôn luôn được sử dụng trong loại chiến dịch này, nhưng nó tác động một cách ngấm ngầm, không xuất hiện thành sự kiện.

Một vị trí phòng ngự tốt có hiệu quả chủ yếu là ở chỗ nó làm cho bên tiến công lo lắng về đường giao thông của mình; và như chúng tôi đã nói, vấn đề tiếp tế có tầm quan trọng sống còn trong một cuộc chiến tranh như thế, nó lại có thể ảnh hưởng đến bên tiến công cũng như bên phòng ngự, cho nên mối lo về những hành động tiến công từ các vị trí địch quyết định một phần rất lớn toàn bộ hệ thống chiến lược. Khi nói về tiến công, chúng tôi sẽ còn có dịp trở lại vấn đề này.

Công cuộc phòng ngự như thế không những chỉ chịu ảnh hưởng chung của việc lựa chọn vị trí, tác động của việc lựa chọn này cũng vô hình như tác động của áp lực trong cơ học; hành quân tiến công vào đường giao thông với một bộ phận lực lượng cũng thuộc phạm trù phòng ngự nói trên. Nhưng muốn cho cuộc tiến công này thu được thắng lợi thì *tình hình đường giao thông, tính chất địa hình và tính chất đặc biệt của các lực lượng vũ trang* phải thuận lợi cho cuộc tiến công ấy.

Đột kích vào đất địch để trả đua, để thu thuế, nghĩa là để lấy lợi không thể xem như là biện pháp phòng ngự; đó là những biện pháp tiến công chính cống. Nhưng nó lại gắn liền với mục đích thực tế của một cuộc giương đông kích tây. Vì mục đích này là làm cho sức mạnh của địch yếu đi cho nên giương đông kích tây là một biện pháp phòng ngự thực sự. Nhưng vì nó có thể dùng trong tiến công, và bản thân nó lại là một cuộc tiến công thực sự, nên chúng tôi cho rằng nghiên cứu vấn đề này trong tập sau một cách kỹ càng thì tốt hơn. Chúng ta ghi lại đây biện pháp này cốt chỉ nhằm làm cho bản danh sách những vũ khí nhỏ dùng để tiến công của bên phòng ngự một chiến trường được đầy đủ mà thôi.

Chúng ta chỉ cần nói thêm rằng biện pháp này có thể có một quy mô và tầm quan trọng đến nỗi toàn bộ cuộc chiến tranh sẽ có *vẻ* và vì vậy có uy tín của một cuộc chiến tranh tiến công. Trước chiến dịch 1759, các cuộc viễn chinh của Frederick Đại đế sang Ba Lan, sang Bohemia và sang Franconie đều thuộc về loại này. Bản thân chiến dịch rõ ràng là một cuộc phòng ngự đơn thuần, nhưng những cuộc đột kích nói trên vào đất địch làm cho chiến dịch có tính chất tiến công: Giá trị chính của tính chất này có thể là trọng lượng tinh thần.

Hễ khi nào bên tiến công quá coi nhẹ vấn đề, khiến cho bên phòng ngự có thể công kích vào một điểm nào đó, thì việc đánh mạnh vào một đạo quân hoặc vào đạo quân chính của đối phương là một điều bổ sung cần thiết cho phòng ngự. Toàn bộ hành động đều dựa vào điều kiện ngầm đó. Nhưng, như thế bên phòng ngự lại có thể

bước thêm một bước nữa về hướng tiến công giống như khi anh ta đánh vào đường giao thông của đối phương: Anh ta có *thể rình cơ hội đánh úp một cách thuận lợi* (kẻ địch cũng có thể làm như thế). Để có thể hy vọng đạt một kết quả nào đó, lực lượng của anh ta phải có ưu thế rõ ràng – điều này vẫn có thể đạt được, mặc dầu đó là trái với bản chất của phòng ngự – trừ khi anh ta có sẵn tổ chức và tài ba để có thể tập trung lực lượng tốt hơn, và anh ta có thể bù vào những hy sinh ở nơi khác bằng tính tích cực và tính cơ động của quân đội.

Trường hợp thứ nhất là trường hợp của Daun trong Chiến tranh Bảy năm; trường hợp thứ hai là của Frederick Đại đế. Hầu như khi nào cũng vậy, hễ Daun tiến công thì Frederick có vẻ khuyến khích ông ta bằng cách tỏ ra quá táo bạo và khinh miệt Hochkirch, Maxen, Landshut). Một mặt khác, người ta thấy Frederick Đại đế luôn luôn vận động, tìm cách sử dụng đạo quân chính để đánh vào một đạo quân nào đó của Daun. Ít khi Ngài thực hiện được ý đồ đó; ít ra thì cũng phải nói rằng: Kết quả không nhiều lắm vì Daun biết kết hợp khôn ngoan, thận trọng rất mực với ưu thế về số quân. Tuy vậy, cũng không nên cho rằng cố gắng của nhà vua là hoàn toàn vô ích. Trái lại, nó chứa đựng một yếu tố đề kháng rất có hiệu quả vì địch phải thận trọng và cố gắng để khỏi bị đánh mạnh vào sườn làm cho lực lượng có thể tham gia tiến công trở thành vô hại. Ta hãy nghĩ đến chiến dịch năm 1760 ở Silesia: Daun và quân Nga khi nào cũng sợ bị nhà vua tiến công và tiêu diệt nên không tiến lên được bước nào.

Chúng tôi cho rằng chúng tôi đã duyệt qua tất cả các đề tài gắn liền với những ý kiến chủ đạo, với mục đích chính yếu và vì vậy với điểm tựa của mọi hành động bảo vệ một chiến trường mà không nhằm một kết luận quyết định nào. Sắp hàng các đề tài như thế, chúng tôi chỉ muốn trình bày khái quát toàn bộ mối liên hệ của hành động chiến lược mà thôi. Còn về những biện pháp để thực hiện ý đồ chiến lược như hành quân, vị trí, v.v. Thì đã được nghiên cứu trước đây cả rồi.

Nếu nhìn chung toàn bộ vấn đề, ta không thể không thấy rằng: Vì yếu tố tiến công rất yếu ớt, vì cả hai bên đều không muốn đi đến quyết định, vì động cơ tích cực rất xoàng, vì số lượng những yếu tố bên trong kìm hãm và chặn đứng hành động lại rất nhiều cho nên càng ngày sự khác nhau giữa tiến công và phòng ngự càng yếu dần. Dĩ nhiên, lúc chiến dịch bắt đầu, một trong hai bên đối địch xâm nhập vào chiến trường của phía bên kia, đó là một loại tiến công nào đấy. Nhưng rồi anh ta lại có thể phải sử dụng các lực lượng tinh nhuệ nhất để bảo vệ đất nước của mình ở ngay trên đất địch (điều này xảy ra luôn). Cuối cùng, cả hai bên đều đối mặt với nhau, quan sát lẫn nhau, cả hai bên đều không muốn mất mát tí gì cả và có thể đều muốn đạt được một thuận lợi tích cực nào đó. Cũng có thể bên phòng ngự chính cống lại có nhiều tham vọng hơn đối phương của mình.**[245]** Frederick Đại đế đã chứng minh điều này.

Bên công kích càng không tiến lên nữa, bên phòng ngự càng không bị đe dọa, càng không có nhu cầu cấp bách phải triệt để phòng ngự thì người ta lại càng thấy có trạng thái cân bằng giữa hai lực lượng.

Cả hai bên đều muốn đạt một số thuận lợi nào đó và đều muốn làm thế nào để khỏi bị rơi vào thế bị thua kém. Đó thực sự là một cuộc cơ động chiến lược, đặc tính

có thể thấy rõ hay không thể thấy rõ của tất cả các chiến dịch đã loại trừ những quyết định lớn trong điều kiện hong ý đồ chính trị của mình.

Trong tập sau, chúng tôi sẽ dành một chương riêng**[246]** nói về cơ động chiến lược. Nhưng vì các nhà lý luận hay gán cho cái trò cân bằng lực lượng này một tầm quan trọng giả tạo nên chúng tôi lại phải nghiên cứu đến vấn đề này tỉ mỉ hơn vì người ta hay phạm sai lầm nói trên trong lúc nói về phòng ngự.

Chúng tôi gọi vấn đề này là một *trò cân bằng lực lượng.* Khi toàn bộ không vận động thì không có cân bằng; khi không có mục đích lớn kích thích thì không có vận động toàn bộ; trong trường hợp này, cả hai bộ phận mặc dầu không ngang nhau vẫn có tình trạng cân bằng, bởi thế có nhiều lý do và mục đích hành động thứ yếu. Vì không có quyết định lớn và tai họa lớn kìm hãm, những lý do này lại càng có điều kiện phát triển đầy đủ. Tất cả những gì có thể đạt được hoặc mất đi đều thu hẹp giá trị lại, toàn bộ hoạt động phân tán ra thành những hành động thu nhỏ. Cả hai vị tướng đều tranh nhau xem ai khôn khéo hơn ai và các trận tác chiến thu nhỏ và rẻ tiền ấy bỗng trở thành mục đích. Nhưng vì trên chiến trường không bao giờ hết ngẫu nhiên, nghĩa là không bao giờ hết may rủi, nên sự tranh đua này bao giờ cũng là một *trò chơi.* Tuy vậy, ở đây có hai câu hỏi cần phải trả lời: Trong tất cả các mưu chước đó, so với khi tập trung toàn bộ lại thành một hành vi độc nhất thì ngẫu nhiên có ít ảnh hưởng hơn đối với quyết định hay không? Phải chăng ở đây trí thông minh và óc tư duy có vị trí lớn hơn? Đối với câu cuối cùng này,**[247]** chúng tôi trả lời: Đúng như thế. Các chỗ nối nhau càng nhiều, càng cần phải chú ý đến không gian và thời gian – từng lúc và từng điểm – thì lại càng phải tính toán, nghĩa là càng phải để cho lý trí và tư duy chiếm ưu thế. Có như vậy mới chiến thắng được ngẫu nhiên, nhưng không phải khi nào cũng làm được như vậy và chính vì thế chúng tôi thấy không cần phải trả lời “đồng ý” với câu hỏi thứ nhất. Vì không nên quên rằng không phải chỉ có lý trí và tư duy mới là đức tính của người tướng. Lúc có những quyết định lớn độc nhất thì dũng cảm, nghị lực, quyết tâm, nhanh trí, v.v. Lại quan trọng hơn. Nhưng trong lúc có cân bằng lực lượng thì những đức tính này không ảnh hưởng nhiều bằng những lúc khác, do đó, tầm quan trọng chủ yếu của tính toán thông minh tăng thêm không những đối với ngẫu nhiên mà cả với những đức tính ấy nữa. Trong những lúc có quyết định lớn, những đức tính xuất sắc đó có thể làm cho yếu tố ngẫu nhiên bớt ngự trị và cũng có thể ngăn chặn các yếu tố tuy óc thông minh đã tính toán nhưng vẫn còn vấn đề tự do. Như vậy, người ta thấy có nhiều lực lượng xung đột nhau, điều đó chứng tỏ rằng người ta không thể khẳng định đơn giản là: Trong một quyết định lớn, yếu tố ngẫu nhiên có ảnh hưởng rộng rãi hơn so với kết quả tổng quát của tình thế cân bằng. Nếu cho rằng tình thế này trước hết là một cuộc tranh đua về mặt khôn khéo thì chúng tôi ám chỉ nhiều đến đầu óc thông minh biết tính toán chứ không phải đến toàn bộ tài năng quân sự.

Như trên chúng tôi đã nói, người ta thường có ảo tưởng về tầm quan trọng của thứ cơ động chiến lược này. Người ta nhầm lẫn sự khôn khéo đặc biệt của người tướng với giá trị trí tuệ của ông ta. Đó là một sai lầm lớn. Chúng tôi nhắc lại rằng lúc

có quyết định lớn, những đức tính tinh thần khác của người tướng có thể khống chế được tình hình đó là điều không thể chối cãi được. Nếu sự khống chế này là kết quả của cảm tính sâu sắc, của tài năng đột xuất hầu như không tự giác chứ không phải là kết quả của lý trí cần cù thì nó vẫn thuộc phạm trù nghệ thuật quân sự một cách chính đáng, vì nghệ thuật này không phải chỉ đơn thuần là một hành vi trí tuệ, và những hoạt động trí tuệ cũng không phải là những đức lính trác việt nhất có ảnh hưởng trong nghệ thuật chiến tranh. Thường thường người ta cho rằng sở dĩ có thất bại là vì một vị tướng hoặc cả hai vị tướng thiếu khả năng nhưng thực ra, thất bại là vì toàn bộ các điều kiện và chính các điều kiện này làm cho chiến tranh có phong độ của một trò chơi.

[248] Vì phần lớn các cuộc chiến tranh giữa các nước văn minh đều có mục đích quan sát hơn là tiêu diệt địch, cho nên phần lớn các chiến dịch tất nhiên là có tính chất của một cuộc cơ động chiến lược.

Những chiến dịch không có vị tướng lỗi lạc nào tham gia thì không làm cho người ta chú ý, nhưng khi một vị tướng lớn hoặc hai vị tướng lớn chống đối nhau làm cho tất cả mọi người chú ý như Turenne và Montecuccoli**[249]** thì người ta lại thừa nhận nghệ thuật của thứ cơ động chiến lược đó và danh tiếng của các vị tướng nói trên lại là dấu hiệu của sự hoàn hảo tột bậc. Chính vì vậy mà cái trò chơi cơ động chiến lược này được coi như là đỉnh cao nhất của nghệ thuật; nghệ thuật tiến hóa cao nhất thì cũng chỉ đến đấy mà thôi và vì vậy, nó là tư liệu nghiên cứu hạng nhất.

Đãy là ý kiến phổ biến trước các cuộc chiến tranh của Cách mạng Pháp (Cách mạng tư sản 1789 – ND). Nhưng những cuộc chiến tranh này đã mở đường *cho* vô vàn hiện tượng mới, lúc ban đầu thì còn thô sơ xù xì, song từ khi được Bonaparte chỉnh lý lại thành một hệ thống vĩ đại thì kết quả của nó đã làm cho mọi người đều phải kinh ngạc. Bởi vậy, cuối cùng người ta đã đi đến chỗ muốn vứt bỏ các kiểu mẫu cũ và cho rằng những kết quả nói trên đều bắt nguồn từ những phát minh mới, những ý kiến siêu việt, v.v. Và dĩ nhiên cũng còn bắt nguồn từ những thay đổi của tình trạng xã hội. Người ta cho rằng các phương pháp cũ đã trở thành vô ích và quá khứ sẽ không thể quay trở lại một lần nữa. Nhưng vì những cuộc cách mạng về tư tưởng ấy không bao giờ có thể thực hiện được mà không nảy sinh ra phe phái, cho nên những ý kiến cũ kỹ vẫn có những người bênh vực. Đối với họ, những hiện tượng mới nảy nở ấy chẳng qua chỉ là vũ lực dã man (ý nói những trận tiêu diệt, những đòn quyết định – *ND.)* và là sự suy đồi toàn bộ của nghệ thuật (quân sự – *ND.).* Họ vẫn cứ tin rằng cái thứ trò chơi cân bằng cằn cỗi và vô ích ấy (cơ động chiến lược – *ND.*) mới thật đáng là mục đích của mọi nền giáo dục quân sự.

Ý kiến đó chứng tỏ rằng họ đã thiếu hẳn đầu óc logic và triết học, cho nên đó chỉ là một sự hỗn loạn về tư tưởng, không còn cứu chữa được nữa. Nhưng, ngược lại, ý kiến cho rằng quá khứ đã mất hẳn thì cũng hời hợt. Phần lớn các phát kiến về nghệ thuật quân sự đều có nguồn gốc trong những điều kiện xã hội mới chứ không phải là trong những phát minh và khuynh hướng tinh thần mới. Nhưng, ngay cả những điều kiện xã hội ấy, xuất hiện trong quá trình khủng hoảng của một xã hội đang lên men,

cũng không nhất thiết là một tình trạng bình thường, và chắc chắn là một phần rất lớn nghệ thuật chiến tranh cũ sẽ trở lại chiến trường. Ở đây chưa phải là lúc đi sâu vào vấn đề này; chúng tôi chỉ cần nói rõ vị trí của cái trò chơi cân bằng lực lượng trong toàn bộ công cuộc chỉ đạo chiến tranh vì ý nghĩa của nó, vì mối liên hệ bên trong của nó với những vấn đề quân sự khác, cho nên nó luôn luôn là kết quả của những hạn chế do tình thế đưa đến và của một hình thức thu hẹp của yếu tố hiếu chiến. Trong cái trò chơi đó, vị tướng này có thể khôn khéo hơn vị tướng kia và với lực lượng ngang nhau, ông ta có thể thu được nhiều thuận lợi; nếu yếu hơn thì ông ta vẫn có thể dựa vào tài năng của mình để giữ cho lực lượng cân bằng. Nhưng khả năng về cơ động chiến lược ấy không làm cho một vị tướng trở nên vĩ đại và vinh quang được; ta sẽ phạm một sai lầm cơ bản nếu thừa nhận điều đó. Trái lại, một chiến dịch như thế chứng tỏ một cách không thể chối cãi được rằng, chẳng có người nào trong hai vị tướng là có tài năng quân sự cả, hoặc là tình thế không cho phép vị tướng có tài năng dám mạo hiểm để đạt tới quyết định lớn. Nếu thế thì cũng chưa phải là lúc hy vọng đạt tới vinh quang.

Chúng tôi vừa mới nói đến tính chất chung của cơ động chiến lược; chúng tôi còn phải nói về ảnh hưởng đặc biệt của nó đối với việc chỉ đạo chiến tranh, việc này thường thường chỉ là đưa các lực lượng quân sự ra xa các con đường và các trung tâm để buộc chúng phải đồn trú riêng biệt, hay ít nhất cũng chỉ đồn trú trong các khu vực không quan trọng. Khi tất cả những gì quan trọng đều được thu gọn vào những điểm chi tiết, đã mau xuất hiện lại cũng mau tan biến, thì nói chung ảnh hưởng của xứ sở bớt đi nhiều. Như vậy, người ta thấy các lực lượng quân sự dời đến những điểm không có nhu cầu lớn nào của chiến tranh cả, và các sự kiện chiến tranh lại thay chiều đổi thế nhiều hơn trong các cuộc chiến tranh có quyết định lớn. Chúng ta hãy nghiên cứu năm chiến dịch cuối cùng của cuộc Chiến tranh Bảy năm. Điều kiện tổng quát thì như nhau cả, nhưng mỗi chiến dịch lại có hình thức khác nhau, nói cho thật đúng, không có biện pháp nào được hoàn toàn lặp lại. Thế mà, yếu tố tiến công của quân đội Đồng minh trong các chiến dịch này lại mạnh hơn rất nhiều so với phần lớn các cuộc chiến tranh trước.

Trong chương này, bàn về bảo vệ một chiến trường không có quyết định lớn, chúng tôi chỉ nói đến không có quyết định lớn, chúng tôi chỉ nói đến những khuynh hướng chính của hành động và những mối liên hệ, những tính chất, những mối tương quan của nó. Những biện pháp khác nhau của hành động đã được phân tích từ trước. Bây giờ lại phải tìm cách rút ra từ những khuynh hướng khác nhau ấy những nguyên lý, quy tắc và phương pháp có giá trị cho toàn bộ. Về vấn đề này, chúng tôi phải trả lời rằng: Nếu đối chiếu với lịch sử, chúng ta không hề thấy một hình thức nào đó lặp đi lặp lại nhiều lần đến mức có thể kết luận như vậy. Tuy thế, trước một đề tài có bản chất hay biến đổi và nhiều vẻ như vậy, người ta không thể thừa nhận quy luật lý luận nào khác quy luật dựa vào kinh nghiệm. Các cuộc chiến tranh có quyết định lớn không những đơn giản hơn mà lại còn phù hợp hơn với bản chất của đối tượng, không có mâu thuẫn bên trong, khách quan hơn, phụ thuộc nhiều hơn vào một sự tất

yếu bên trong có thể chi phối toàn bộ cuộc chiến tranh. Vì vậy, lý trí có thể bắt chiến tranh phải theo những hình thức và quy luật nhất định. Trong một cuộc chiến tranh không có quyết định thì khó thực hiện điều đó hơn nhiều. Ngay cả hai nguyên lý cơ bản của lý luận mới đây về chiến tranh có quy mô lớn: *chiều rộng của căn cứ* của Bülow và *vị trí trên những nội tuyến* của Jomini**[250]** cũng không hoàn toàn có giá trị và hiệu quả. Thế nhưng, chính ở đây, đứng về mặt hình thức mà nói, những nguyên lý này đáng lẽ phải có hiệu quả nhất vì hành động càng trải rộng ra trong thời gian và không gian thì các hình thức lại càng có hiệu quả và càng có ưu thế hơn so với các yếu tố khác của kết quả cuối cùng. Tuy vậy, chúng tôi lại nghĩ rằng, chúng chỉ là những mặt riêng biệt của vấn đề và hoàn toàn không phải là những thuận lợi quyết định. Hiển nhiên là ảnh hưởng của các biện pháp và điều kiện riêng biệt đã đánh bại mọi nguyên lý tổng quát. Những điều mà Daun đạt được bằng cách kéo dài và lựa chọn kỹ càng các vị trí thì Frederick Đại đế cũng đạt được bằng cách luôn luôn tập trung các lực lượng chính, luôn luôn làm theo sáng kiến đột xuất mà vẫn không ngừng quấy rối địch. Tính chất của quân đội hai bên dẫn đến hai cách hoạt động đó; điều kiện của quân đội hai bên dẫn đến hai cách ấy. Đối với một ông vua, làm theo sáng kiến đột xuất thì dễ dàng hơn đối với bất kỳ vị tướng nào chịu trách nhiệm trước cấp trên. Chúng tôi chú ý nhấn mạnh vào điểm sau đây: Các nhà phê bình không có quyền cho biện pháp hoặc phương thức này đã hoàn hảo hoặc thấp kém hơn biện pháp khác hoặc phương thức khác. Trái lại, chúng xếp hàng, cạnh nhau và chỉ có thể đánh giá cách sử dụng chúng trong từng trường hợp riêng biệt.

Chúng tôi không có ý định kể hết tất cả các cách hoạt động vì chúng phải được rút ra từ đặc tính của quân đội, của đất nước và của các điều kiện khác, vả lại chúng tôi cũng đã nói đến ảnh hưởng tổng quát của các yếu tố đó rồi.

Còn về mặt đối tượng của chương này, chúng tôi thú thật là không thể nào xây dựng được các nguyên lý, các quy tắc, hoặc phương pháp. Lịch sử không bao giờ lại có chuyện như vậy, trái lại bao giờ người ta cũng đụng đầu phải những sự kiện đơn độc hoàn toàn không hiểu được và dị kỳ đến nỗi ai cũng phải ngạc nhiên. Nhưng nghiên cứu lịch sử về mặt này cũng vẫn có ích. Khi không có hệ thống, không có chân lý được thừa nhận thì chân lý cũng vẫn cứ tồn tại. Nhờ có óc phán đoán và khả năng trực giác sau khi có kinh nghiệm lâu dài mới thấy rõ chân lý này. Nếu lịch sử không cung cấp cho ta những công thức có sẵn thì đó cũng là cơ hội cho chúng ta *rèn luyện óc phán đoán của mình.***[251]** Chúng tôi sẽ chỉ nêu lên một nguyên lý tổng quát, có lẽ nói như thế này thì đúng hơn: Chúng tôi nhắc lại và trình bầy một cách sinh động hơn dưới hình thức một nguyên lý riêng biệt những căn cứ tự nhiên của những điều chúng tôi vừa nói.

Tất cả những biện pháp mà chúng tôi đã trình bày chỉ có giá trị *tương đối;* tương đối vì cả hai phe đều bất lực đến mức độ nào đó. Có một quy luật cao hơn khống chế tình hình trên, và ở đây người ta thấy được những hiện lượng của một thế giới khác. Đó là điều mà người làm tướng không được phép quên. Vận động trong cái môi trường chật hẹp ấy, ông ta không thể có ảo tưởng về an toàn như trong môi trường

tuyệt đối; không bao giờ ông ta lại cho những biện pháp được sử dụng là những biện pháp *cần thiết, duy nhất và không bao giờ sử dụng biện pháp mà lại sợ nó không hoàn hảo cả.*

Theo quan điểm của chúng ta thì sai lầm trên hình như không thể có được; nhưng thực tiễn lại không phải như thế, vì không phải khi nào mọi việc cũng xuất hiện một cách rành rọt, dứt khoát.

Chúng tôi lại nói lại một lần nữa rằng; để cho quan niệm của chúng tôi được rõ rằng, chính xác và mạnh mẽ hơn, chúng tôi đã dùng những quân điểm đối lập nhau một cách triệt để nhất, nghĩa là đã dùng những điểm cực đoan nhất, nhưng sự việc cụ thể của chiến tranh thì hầu như khi nào cũng nằm giữa hai cực, và càng tiến gần tới cực thì nó lại càng bị người ta khống chế.

Nói chung, tất cả vấn đề là ở chỗ: Vị tổng tư lệnh làm cái gì để biết rõ đối phương sẽ thi hành các biện pháp quyết định và triệt để hơn mình đến mức độ nào. Khi đã có lo ngại về mặt đó thì phải thôi không dùng những biện pháp nhỏ để đề phòng những trở ngại nhỏ. Lúc đó, còn có một con đường khác là: Tự nguyện tiến hành một số hy sinh để giành được tình thế tốt hơn và có thể đương đầu với một quyết định lớn hơn.

Nói một cách khác: Điều quan trọng nhất là vị tướng phải có cái tầm nhìn xa đúng đắn thì mới có những biện pháp thích hợp được.

Để dựa vào thực tế mà nói rõ những ý kiến trên, chúng tôi gợi lại vắn tắt một số sự kiện có thể minh họa cho sự phán đoán sai lầm nói trên, nghĩa là nói về một trong những vị tướng đã dự phòng một hành động hạn chế hơn đối phương quá nhiều. Chúng ta hãy bắt đầu bằng chiến dịch năm 1757, lúc nó mở màn. Theo sự bố trí của quân Áo thì ta biết được rằng họ đã không ngờ Frederick Đại đế lại tấn công mạnh mẽ đến như thế. Đạo quân của Piccolomini thì nằm im ở biên giới Silesia trong lúc công tước Charles của Lorraine có thể bị đầu hàng với toàn bộ đạo quân của ông ta; điều đó chứng tỏ quân Áo không nắm được tình hình gì cả.

Năm 1758, người Pháp không những không chịu thừa nhận kết quả của quy ước Klosterzeven**[252]** (thật ra, nói về vấn đề này ở đây là không đúng chỗ) mà lại còn nhận định sai lầm về ý đồ của đối phương, do đó họ mất tuốt cả một vùng đất đai từ sông Weser đến sông Rhine.

Còn về sai lầm của Frederick Đại đế ở Maxen năm 1759, khi Ngài tưởng rằng đối phương không thể có hành động có tính chất quyết định đến như thế, thì chúng tôi đã nói đến rồi.

Tuy vậy, vẫn không có sai lầm về phán đoán nào lớn bằng sai lầm năm 1792. Người ta tưởng có thể thay đổi quá trình tiến triển của một cuộc nội chiến bằng một đạo quân tiếp viện có lực lượng trung bình và người ta đã bị dè bẹp dưới sức mạnh của một dân tộc vừa nổi giận, vừa cuồng tín về chính trị.**[253]**

Đó là một sai lầm lớn, không phải vì người ta có thể tránh được nó một cách dễ dàng, mà chỉ vì trong quá trình tiến triển, nó đã tự bộc lộ bản chất. Về mặt chỉ đạo chiến tranh thì năm 1794 rõ ràng là năm mở đầu cho những tai họa tiếp theo. Về phía quân liên minh, chẳng những người ta không thấy rõ sức mạnh của cuộc tiến công của địch

trong chiến dịch này, và chỉ đối phó lại bằng một hệ thống nhỏ hẹp gồm những vị trí kéo dài và những cuộc cơ động chiến lược, mà sự bất hòa về chính trị giữa Phổ và Áo với việc Bỉ và Hà Lan bị bỏ rơi một cách điên rồ đã chỉ rõ ra rằng các nội các không ngờ tới sức mạnh của dòng thác lũ đang tràn tới. Năm 1796, những hành vi kháng cự khác nhau ở Montenotte, ở Lodi, v.v. Đã bộc lộ hết sức rõ rằng rằng quân Áo hoàn toàn không thấy rõ thế nào là đương đầu với Bonaparte.

Năm 1800, không phải vì bị tiến công bất ngờ nên Melas bị sụp đổ mà chính vì ông ta đã nhận định sai lầm về hậu quả có thể có của cuộc tiến công.

Năm 1805, trận Ulm là bộ phận cuối cùng của một hệ thống chiến lược hết sức uyên bác nhưng cũng rất mỏng manh và bấp bênh, nó có thể ngăn chặn được Daun hoặc Lacy, nhưng lại hoàn toàn không ăn thua gì đối với một người như Bonaparte, Hoàng đế của Cách mạng.

Năm 1806, người Phổ lúng túng và rối loạn vì những quan niệm và cách bố trí của họ lỗi thời, nhỏ hẹp, vô ích, lẫn lộn với vài ý kiến sáng suốt và ý thức đúng đắn về tính chất vĩ đại của thời cuộc lúc bấy giờ. Nếu họ biết rõ và đánh giá đúng tình thế thì làm sao họ lại có thể để 30.000 người ở Phổ, đồng thời lại muốn mở một chiến trường riêng biệt ở Westphalia và lại muốn hy vọng thu được kết quả nhờ những cuộc tiến công nhỏ của các đạo quân Ruchel và Weimar?**[254]** Làm sao họ lại có thể mất thì giờ để đến phút cuối cùng vẫn còn bàn cãi về những kho tàng bị de đọa hoặc về sự thất thủ của một khu vực nào đó? Ngay cả trong chiến dịch năm 1812, một chiến dịch vĩ đại chưa từng có, cũng không thiếu những khuynh hướng sai lầm vì đánh giá không đúng ngay từ lúc đầu. Ở tổng hành đinh Vilna, những người có danh vọng rất cao đã nhấn mạnh vào việc phải tiến hành một trận đánh ở biên giới để không ai có thể dám đặt chân xâm phạm vào đất Nga mà không bị trừng phạt. Dĩ nhiên, những người này cũng dự đoán trước là trận đánh *có thể* thất bại, họ cũng có thể nghĩ rằng trận đánh *sẽ* thất bại. Vì, tuy họ không dự đoán được là 300.000 người Pháp sẽ đánh với 80.000 người Nga, không phải họ không biết rằng kẻ địch có ưu thế hơn hẳn. Sai lầm là ở đây họ đã đánh giá không đúng tầm quan trọng của trận nà. Họ nghĩ rằng trận này thất bại thì cũng như trận khác thất bại mà thôi, trong lúc người ta có thể nói chắc chắn rằng sự quyết định cao nhất ở biên giới có thể dẫn đến một loạt biến cố hoàn toàn khác hẳn. Trại quân Drissa cũng là một kiểu bố trí dựa trên một sự đánh giá hoàn toàn sai lầm về địch. Nếu người Nga muốn đóng lại ở đó thì họ phải tự cắt đứt liên hệ với khắp mọi nơi và hoàn toàn tự cô lập, quân đội Pháp cũng không thiếu phương tiện để bắt buộc họ phải đầu hàng. Người có sáng kiến**[255]** xây dựng trại quân Drissa không tưởng trước được rằng sẽ có một sức mạnh và một ý chí to lớn đến như vậy.

Nhưng chính Bonaparte cũng có lúc tính toán sai lầm. Sau cuộc đình chiến năm 1813, ông ta tưởng có thể đánh bại những đạo quân thứ yếu của Đồng minh do Blücher và thái tử Thụy điển chỉ huy, bằng một đạo quân tuy không đủ để kháng cự thật sự nhưng cũng đủ cho một đối phương không ngoan có lý do để không mạo hiểm: Trong các cuộc chiến tranh thời trước, thường thường người ta thấy như thế.

Blücher và Bülow vì căm thù sâu sắc, vì sự tai họa quá to lớn nên sẽ phản ứng mạnh mẽ: Điều này thì Bonaparte không nghĩ đến một cách đầu đủ.

Nói chung, ông ta luôn luôn đánh giá quá thấp tinh thần tích cực của lão tướng Blücher. Ở Laixích, chỉ có Blücher làm cho ông ta bị mất thắng lợi; ở Laon, Blücher có thể tiêu diệt ông ta hoàn toàn. Điều này sở dĩ không xảy ra là vì có những nguyên nhân ở ngoài sự tính toán của Bonaparte.

Cuối cùng ở Waterloo, kẻ sai lầm đã bị trừng phạt và ông ta đã bị đánh một đòn sấm sét như trời giáng.

HẾT.

[1] Chiến tranh Bảy năm (1756-1765): Cuộc chiến tranh giữa một bên là Pháp – Áo – Nga và một bên là Anh – Phổ. Sau cuộc chiến tranh này, Pháp bị mất một số thuộc địa giàu có, còn vua Phổ Frederick đệ nhị thì chiếm được vùng Silesia.

[2] Frederick đệ nhị (1712-1786), vua nước Phổ, khôn khéo về chính trị, có tài về quân sự. Cố gắng xây dựng sự hùng mạnh của nước Phổ, chống lại Anh, Pháp và Nga. Vốn nổi tiếng hiếu chiến, đã từng nói: "Nếu anh thích khoảnh đất nào ở nước ngoài thì cứ việc chiếm lấy, bọn thầy cãi sẽ tìm được cách nói rằng cuộc xâm lược đó là chính đáng".

[3] Machiavelli (1469-1527): Nhà văn, nhà hoạt động chính trị nước Ý, thường chủ trương: Để đạt được mục đích, người ta có thể không từ một biện pháp nào và có thể chà đạp lên luân lý, danh dự.

[4] Trào lưu Ánh sáng: Trào lưu tư tưởng của giai cấp tư sản trẻ như Voltaire, Rousseau, Montaigne, Diderot, D'Alembert v.v. Họ tuyên truyền chủ nghĩa duy vật, chủ nghĩa vô thần và đả kích kịch liệt chủ nghĩa duy tâm tôn giáo thần bí của nhà thờ. Họ đề cao tư tưởng dân chủ, tự do tư sản và phê phán chế độ phong kiến, chuyên chế. Trào lưu này là quá trình chuẩn bị về tư tưởng cho cuộc cách mạng tư sản Pháp 1789.

[5] V.I. Lenin, Toàn tập, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội 1963, 21, tr. 245.

[6] Trước cách mạng Pháp 1789, bọn phong kiến Pháp chia các tầng lớp xã hội ra thành ba đẳng cấp: Hai đẳng cấp trên là tăng lữ và quý tộc; đẳng cấp thứ ba gồm tư sản, thợ thủ công, nông dân, tiểu tư sản thành thị, công nhân và mọi người trong tầng lớp bình dân.

[7] Jacobin (Jacobins): Tổ chức chính trị có khuynh hướng tích cực nhất, đại biểu cho các tầng lớp trung tư sản dân chủ, tiểu tư sản, nông dân và công nhân trong cuộc cách mạng tư sản Pháp 1789.

Có những lãnh tụ nổi tiếng như Robespierre, Maras, Saint Juste. Đã tiến hành đấu tranh khốc liệt với bọn phản động và bọn thỏa hiệp, đưa ra bản hiến pháp dân chủ 1793 và sắc lệnh ruộng đất xóa bỏ mọi đặc quyền của phong kiến, được đại đa số nhân dân hoan nghênh. Những cải cách ấy đã mở đường cho sự phát triển của chủ nghĩa tư bản sau này ở Pháp, động viên được nhân dân đánh thắng mọi cuộc can thiệp của bọn phong kiến Phổ, Áo, Hà Lan, v.v.

[8] Từ mùa hạ năm 1794, sau khi chính phủ cách mạng Jacobin đổ và chính quyền chuyển vào tay giai cấp đại tư sản, các cuộc chiến tranh của nước Pháp cộng

hòa đã mất dần tính chất chính nghĩa, tính chất giải phóng của nó và tiến hành các cuộc chiến tranh cướp bóc, nô dịch các nước. Năm 1799, sau khi Napoléon làm cuộc chính biến phản cách mạng thì tính chất phi nghĩa lại càng rõ. Napoléon đã lợi dụng được những tiến bộ về quân sự do cách mạng đưa lại để phục vụ cho giai cấp đại tư sản Pháp.

[9] Ở các đô thị châu Âu hồi thế kỷ XVII, XVIII thường có những thị trường mua bán lính quốc tế và những tên "lái" (racoleurs) chuyên tìm mua lính để bán lại cho bọn sĩ quan tuyển lính. Đối tượng của chúng là những người thợ thủ công thất nghiệp, những nông dân bị cướp đất phải bỏ nhà đi lang thang.

Ở Pháp, giá mỗi người lính được quy định thống nhất là 100 bảng (livres). Nhưng anh ta chỉ được hưởng có 66 bảng, còn 24 bảng để "khao" anh em và 10 bảng vào túi tên "lái". Năm 1790, mỗi người lính bộ binh trong quân đội nhà vua Pháp được chi phí có 7 xu 4 mỗi ngày, bao gồm cả tiền ăn uống, quần áo, giầy mũ, v.v. (ngang giá 2kg bánh mì). Lương lính Phổ còn thấp hơn thế. Binh lính thường phải đi kiếm việc làm thêm mới đủ sống.

[10] Các sĩ quan cộng hòa Pháp phần lớn đều xuất thân từ lính trơn hoặc cai đội. Họ được đồng đội bầu lên (cấp đại đội, tiểu đoàn), hoặc được chính phủ chỉ định (cấp sư đoàn trở lên). Họ đều rất trẻ.

[11] Quân đội cộng hòa Pháp được tuyển lựa trên cơ sở động viên toàn dân. Năm 1793, nước Cộng hòa Pháp có tới 63 vạn lính dưới cờ, nếu cộng cả quân dự bị thì tổng số lên đến hơn 1 triệu. Trong khi đó, tổng số quân ra trận của Liên minh Phổ – Áo – Anh – Hà Lan gộp lại cũng chỉ có 40 vạn.

[12] Điều kiện phụ thuộc (cireonstances concomitantes): Những điều kiện phụ thuộc của xã hội văn minh hoặc dã man – ND.

[13] Những cuộc chiến tranh thời Napoléon – ND.

[14] Bản tiếng Pháp: Royaume de l,abstraction. Dịch sát nghĩa là: Vương quốc của trừu tượng – ND.

[15] Lenin đã trích cả đoạn này vào bài Bút ký *(ban biên tập bản tiếng Nga)*.

[16] Tắc kè hoa (caméléon): Một loại tắc kè có thể thay đổi màu da theo màu cây xung quanh khi gặp nguy hiểm – ND.

[17] Vì Ba ngôi (trinité): Theo kinh thánh, Chúa Trời gồm cáo ba ngôi: Cha, Con, Thánh thần – ND.

[18] Bản tiếng Pháp: "Le jeu du courage et du talent", dịch sát nghĩa là: "trò chơi dũng cảm và tài năng – ND.

[19] Ý tác giả muốn nói: Trong chiến tranh, bên nào còn đủ lực lượng để chưa hoặc ít muốn hòa bình hơn bên kia, bên ấy sẽ có lợi – ND.

[20] Ý tác giả muốn nói: Trong chiến tranh, bên nào còn đủ lực lượng để chưa hoặc ít muốn hòa bình hơn bên kia, bên ấy sẽ có lợi – ND.

[21] Ý muốn nói công tác hậu cần và các thứ công tác khác – ND.

[22] Đơn vị mới, bản tiếng Pháp dịch là unité nouvelle. Có thể hiểu là: Một khái niệm cơ sở làm căn cứ cho những khái niệm khác bao quát hơn – N.D.

[23] Tác giả viết bằng tiếng Pháp trong nguyên bản tiếng Đức. Khái niệm này ở giữa "trực giác".

[24] Tác giả viết bằng tiếng Pháp trong nguyên bản tiếng Đức.

[25] Tác giả viết bằng tiếng Pháp trong nguyên bản tiếng Đức.

[26] Đối trọng: Một trọng lượng nối liền với một trọng lượng khác bằng một đòn bẩy – ND.

[27] Bản tiếng Pháp: L' obslination repose sur la jouissance de l'objct. Dịch sát nghĩa là: Tính ngoan cố dựa vào sự hưởng thụ của mục tiêu.

[28] Bản tiếng Pháp: L'ennemi est généralement logé à la même enseigne. Dịch sát nghĩa: Kẻ địch đại để cũng ở trong cùng một cửa hiệu.

[29] Ý của tác giả: Có trí tưởng tượng thì mói có một hình ảnh tổng hợp và cụ thề về địa hình nơi tác chiến. Đó là điều rất cần thiết. Không nên cho như vậy là đánh giá thấp hoặc coi thường trí tưởng tượng. Tác giả mỉa mai những nhà thơ và họa sĩ có quan niệm cho rằng trí tưởng tượng chỉ nặn ra những cái gì cao siêu, không có trong thực tế – ND.

[30] Puységur: Jacques François de Chastenand, bá tước Puységur (1655-1743), thống chế nước Pháp từ 1734, tác giả cuốn "Nghệ thuật chiến tranh theo nguyên tắc và quy tắc" (1743).

[31] Công tước Luxembourg (1628- 1695): Học trò của Condé, thống chế nước Pháp từ 1675.

[32] Ý tác giả muốn nói: Bọc hậu quân địch là việc tất nhiên, phải làm, không cần phải suy nghĩ nhiều – ND.

[33] Henry IV: Henry King of Navarre, vua nước Pháp. Năm 1598, đã ký sắc lệnh công nhận đạo Canvanh (Tân giáo) là đạo hợp pháp để điều hòa mâu thuẫn và chấm dứt nội chiến giữa đạo này với đạo Gia tô (Cựu giáo).Tác giả muốn nói: Tính cách nghĩa hiệp của Henry IV chỉ có tác dụng ở trong nước Pháp, chứ chưa có thời gian để phát huy ra ngoài nước – ND.

[34] Ý tác giả muốn nói: Tâm hồn vẫn bình thường, vẫn am hiểu được các sự kiện ở xung quanh như thường lệ – ND

[35] Ý tác giả muốn nói: Các lực lượng được nhân lên gấp bội vì sự căng thẳng về vật chất – ND.

[36] Bản tiếng Pháp: Stories, nghĩa đen là cặn bã, cứt sắt – ND.

[37] D.H. Von Bulow (chú thích của người dịch ra tiếng Pháp).

[38] De Jomini (chú thích của người dịch ra tiếng Pháp).

[39] Bản tiếng Pháp: Mouvement effectif, dịch sát nghĩa là: Vận động tình cảm.

[40] Bản tiếng Pháp: Issues qui permettent d'entrevour une théorie. Dịch sát nghĩa là: Lối thoát cho phép ta ước đoán ra một lý thuyết – ND.

[41] Bản tiếng Pháp: I'immensité de la lacune. Dịch sát nghĩa là: Khoảng mênh mông vô hạn của cái lỗ hổng – ND.

[42] Bản tiếng Pháp peuvent rester tout à fait extérieures à elles. Dịch sát nghĩa là: Có thể vẫn hoàn toàn còn ở bên ngoài những chân lý ấy.

[43] Theo tiếng Đức, từ *Kunst* chỉ nghệ thuật lại cùng gốc với từ *Konnen* chỉ khả năng (chú thích của Denise Naville – người dịch ra bản tiếng Pháp).

[44] Tức là chuyển sang kết luận (Ban biên tập bản tiếng Nga).

[45] Vương quốc (royaume), ý nói: Môi trường trong đó chúng ngự trị – *ND*.

[46] Condottieri (tiếng Ý): Chỉ bọn lính đánh thuê thời trung cổ ở Ý và sau này người ta dùng để chỉ bọn lính đánh thuê nói chung – *ND*.

[47] Bản tiếng Pháp viết: Schémas idéologiques, có thể hiểu là các lý thuyết về nghệ thuật và khoa học -*ND*.

[48] Điều kiện phụ thuộc (cireonstances concomitantes): Những điều kiện phụ thuộc của xã hội văn minh hoặc dã mang – ND.

[49] Điều kiện phụ thuộc (cireonstances concomitantes): Những điều kiện phụ thuộc của xã hội văn minh hoặc dã mang – ND.

[50] Gerhart Von Sharnhorst, tướng Phổ (1755-1813), người đã có nhiều công trạng trong việc cải tổ quân đội Phổ sau hiệp ước Tilsit. Thầy học của Clausewitz và là tham mưu trưởng của Blücher.

Chết trận năm 1813 – N.D. Lenin ghi bằng tiếng Đức trong bút ký: “Tướng Scharnhorst đã viết về chiến tranh chân thực hơn ai hết trong cuốn Bạn đường của ông (Lenin gạch dưới). Bên lề ghi đoạn ghi chú này, Lenin viết: “Trong số những người khác” (Ban biên tập bản tiếng Nga).

[51] Đơn vị đo chiều dài cũ của phương Tây, tương đương 0,324m – ND.

[52] Rivoli: Một làng ở nước Ý. Năm 1797, Napoléon đánh thắng quân Áo ở đây.

[53] Wagram: Một làng ở nước Áo, gần thành phố Viên. Năm 1809, Napoléon đánh thắng đại công tước Áo Charles ở đây.

[54] Joseph Marie Léopold Daun, bá tước, thống chế nước Áo, hoàng tử xứ Thiano (1705-1766).

Năm 1757 đã chiến thắng vua Phổ Frederick II ở Kolín(Tiệp Khắc) – ND.

[55] Antoine – Manassès de Pas, hầu tước xứ Feuquières, trung tướng (1618-1711), tác giả cuốn “Những hồi ức về chiến tranh để giáo dục con trai”, xuất bản năm 1736.

[56] Chiến tranh Punic: Tên gọi cuộc xung đột dài ngày giữa La Mã và Carthage xảy ra trước Công nguyên. Sau ba đợt chiến tranh dữ dội (264-241 trước CN, 218-201 trước CN và 149-146 trước CN), Carthage đã bị tiêu diệt – ND.

[57] Hannibal: Tướng nổi tiếng của xứ Carthage (Bắc Phi). Là người đầu tiên dùng chiến thuật hợp vây. Trong trận Cannae (218-216 trước CN), vì biết hợp vây nên dù số quân ít hơn, vẫn thắng quân La Mã do Varro chỉ huy – ND.

[58] Có lẽ ở chương 1, tập I. Vì bố cục cuốn sách về sau thay đổi luôn cho nên những chỗ Clausewitz dẫn các chương mục khác thường không chính xác -B.T.

[59] Lacy (Lacy): Bá tước, thống chế Áo (1725-1801).

[60] Thực ra là ở chương 2, tập I – B.T.

[61] Lenin trích cả đoạn này, gạch dưới dòng thứ ba và thứ tư (*ban biên tập bản tiếng Nga*)

[62] Vendée (Vendéens): Nông dân vùng Vendée nổi loạn chống cách mạng tư sản Pháp (do bọn Anh và bọn bảo hoàng xúi giục)

[63] Eugène (1663-1736): Hoàng thân, nhà quân sự có tài của Áo.

[64] Marlborough: Tướng Anh.

[65] Câu này muốn nói: Có tên mà không có thực thì không làm nên trò trống gì cả – ND.

[66] Macédoniens (Macédoniens): Người xứ Macédonia; dưới thời Alexander, xứ này đô hộ Hy Lạp. Hiện nay một vùng của Hy Lạp, của Nam Tư và Bulgaria – ND. (phần này không chính xác lắm, Macédoniens từ thời bố của Alexander là Philipos II đã là 1 thành bang thuộc Hy Lạp, tuy nhiên không thống trị - R.HA)

[67] Alexander Farnese (Alexandre Farnèse) (1545-1592): Nhà quân sự thiên tài của Tây Ban Nha, kẻ thù số một của vua Pháp thời bấy giờ. Cai trị Parma – ND.

[68] Trong sách không có chương riêng này – B.T.

[69] Lenin trích câu này, ghi bên lề bằng tiếng Nga “tính thận trọng và sự hèn nhát” (*ban biên tập bản tiếng Nga*)

[70] Bản tiếng Pháp: Đó là một sự phình to quá tươi tốt, chứng tỏ đất đai rất màu mỡ.

[71] Janissaires: Lính bộ binh của vua Thổ Nhĩ Kỳ – ND.

[72] Mahrattes (les Mahrattes): Một dân tộc rất thiện chiến ở Ấn Độ – ND.

[73] Marathon: Một làng của Hy Lạp cổ, nổi tiếng vì ở đây đã diễn ra trận chiến thắng của Hy Lạp đối với Ba Tư năm 490 trước Công Nguyên – ND.

[74] Rossbach: Làng của tỉnh Saxony ở Đức – ND.

[75] Narva: Cửa biển gần vịnh Phần Lan, nay thuộc về Estonia (Liên Xô). Ở đây, năm 1706, vua Thuỵ Điển Charles XII đã bị vua Nga Pie Đại đế đánh bại – ND.

[76] Dresden: Thành phố Đức.

[77] Tempelhoff (Georg Friedrich Von Tempelhoff): Tướng Phổ (1737- 1807), người dịch và viết tiếp bộ Lịch sử cuộc Chiến tranh bảy năm ở Đức, mà Lloyd sơ thảo.

[78] Massenbach (Christian Karl Von Massenbach): Đại tá Phổ (1738-1827), tác giả nhiều quyển sách nói về chiến tranh chống cách mạng Pháp và Bonaparte.

[79] Vosges: Dãy núi ở vùng đông – bắc nước Pháp, giáp giới nước Đức.

[80] Về vấn đề này, chúng tôi nghĩ nhiều đến Tempelhoff và Montalembert; người thứ nhất, trong một đoạn của phần đầu cuốn sách của ông ta; người thứ hai, trong những bức thư về kế hoạch tác chiến của người Nga năm 1759 (chú thích của Clausewitz). Montalembert (Marc René): Hầu tước Montalembert (1714-1800), tướng và kỹ sư, tác phẩm chính: Pháo đài thẳng góc (1776-1778).

[81] Montmirail: Thị trấn nhỏ ở Pháp – ND.

[82] Montereau: Thị trấn nhỏ ở Pháp – ND.

[83] Bản tiếng Pháp viết: Pivot essentiel de la guerre, tức là trục chủ yếu của chiến tranh.

[84] Laudon: Gideon, Ernest von Laudon (1717-1790), thống chế Áo.

[85] Tempelhoff – Der Veteran Friedrich der Grosse (chú thích của Clausewitz).

[86] Bautzen (Bautzen) và Lacy (Lacy): Hai thành phố Đức – ND.

[87] Trong bản tiếng Pháp, người dịch dùng chữ intermède, tức trò giải trí, kịch nhỏ giữa hai màn kịch của một tối biểu diễn sân khấu – ND.

[88] Glatz (Glatz): Thành phố Phổ cũ ở Silesia – ND.

[89] Cử tri (électeur): Những hoàng thân có quyền bầu hoàng đế Đức xưa. Cử tri Lớn là hoàng thân cai trị vùng Brandenburg – ND.

[90] Franconie (Franconie): Một vùng của nước Đức – ND.

[91] Poméranie (Poméranie): Một tỉnh của Ba Lan – ND.

[92] Prégel (Prégel): Sông của nước Phổ cũ – ND.

[93] Trong tác phẩm của Clausewitz không có một chương riêng nào như vậy – BT.

[94] Kulm: Một địa phương thuộc nước Tiệp Khắc, nơi xảy ra trận đánh ngày 17 và 18 tháng 8 năm 1813. Sau khi đánh tan quân đội đồng minh ở Dresden, Napoléon phái quân đoàn của tướng Vandamme đến Kulm (trên đường từ Dresden về Prague) để cắt đường rút lui của quân đồng minh. Tiếp đó, Napoléon hầu như không bám sát truy kích, nên quân đồng minh mang toàn bộ lực lượng tiến công quân đoàn Vandamme, bắt được toàn bộ pháo binh, 12.000 tù binh trong đó có cả Vandamme. Như vậy là đối với đồng minh, trận thua ở Dresden đã chuyển thành thắng lợi (chú thích của ban biên tập bản tiếng Nga).

[95] Theo bản tiếng Pháp: … on ne nous accusera pas de nous être battus contre des moulins à vent.

Dịch sát nghĩa là: … người ta sẽ không còn buộc tội chúng tôi là đã chiến đấu chống những cái cối xay gió nữa – ND.

[96] Khoảng trống: Bản dịch tiếng Pháp dùng chữ “marge” tức là khoảng lề trắng, phần nhiều ở phía bên trái tờ giấy viết – ND.

[97] Thật ra ở chương 1, tập I (*ban biên tập tiếng Nga*).

[98] Thật ra ở chương 1, tập I (*ban biên tập bản tiếng Nga*)

[99] Bản tiếng Pháp dùng chữ fioriture. Dịch sát nghĩa là: Những hình trang trí phụ thuộc. Ở đây, tác giả muốn nói chiến tranh không ác liệt, không diễn biến dưới những hình thái phụ thuộc – ND.

[100] Bản tiếng Pháp viết: C’est dans ce domaine là que certains théoriciens trouvent leur pâture. Dịch sát nghĩa là: Chính trong phạm vi đó, một số nhà lý thuyết tìm thấy thức ăn của mình. Ý tác giả muốn nói:các nhà lý thuyết lấy tư liệu, thu thập ý kiến từ những cuộc chiến tranh cũ để xây dựng lý thuyết của mình chứ không dám di sâu vào các cuộc chiến tranh gần đó – ND.

[101] Châlons: thành phố Pháp.

[102] Clausewitz phân tích vấn đề này kỹ hơn ở chương 3, tập VIII (*ban biên tập bản tiếng Nga*).

[103] Ý tác giả muốn nói: Trong các cuộc chiến tranh thời bấy giờ, người ta vẫn cho rằng: Trong chiến tranh, một nước đã bị thua nhiều hoặc bị mất thủ đô và nhiều

tỉnh thì không thể nào thắng được đối phương nữa – ND.

[104] Valmy: Tên một làng Pháp. Năm 1792, quân đội cách mạng Pháp đánh bại quân can thiệp Phổ ở đây.

[105] Hochkirch: Làng xứ Saxony (Đức). Ở đây, thống chế Daun nước Áo đã đánh bại Frederick II.

[106] Kunersdorf: Làng của Phổ. Ở dây, năm 1759, quăn đội Áo – Nga đánh bại quân của Frederick II.

[107] Freiberg: Thành phố Đức.

[108] Bản tiếng Pháp dùng chữ scories, nghĩa đen là cứt sắt.

[109] Bản tiếng Pháp viết: Chính lực lượng tinh thần đã vạch ra quyết định phải theo – ND.

[110] Tức là chiến thắng của đối phương – ND.

[111] Tác giả viết cả ba điểm liền vào một câu. Chúng tôi xếp mỗi điểm thành một câu và một dòng riêng cho dễ đọc – ND.

[112] Davout (Davout): Một danh tướng của Napoléon.

[113] Tướng Phổ – ND.

[114] Tướng của Napoléon -N.D

[115] Fabius (chết năm 203 trước công nguyên): Tướng La Mã, chỉ tiến hành chiến tranh phòng ngự bằng những trận quấy rối, không bao giờ chấp nhận dàn quân giao chiến lớn – ND

[116] Bản tiếng Pháp viết: Tuy nhiên, địa hình vẫn còn là một nguồn sức mạnh đối với kẻ không công nhận nó, song nó không còn là một cái vòng có phép quỷ thuật đẩy lùi mọi lực lượng tự nhiên của chiến tranh nữa – ND

[117] Tiếng Đức: Schalacht: Trận đánh, Schlachten: Đập chết, hạ thủ, giết chết.

[118] Nguyên ý: Trước một tình thế như đùa trên lưỡi dao sắc – ND

[119] Ulm: Một thị trấn nước Đức. Năm 1805, Napoléon đã bao vây quân Áo ở đây. Trước sức mạnh quân sự kết hợp với hành động phao tin và đe dọa của Napoléon, toàn bộ đạo quân Áo đóng trong thành, do tướng Mack chỉ huy, đã phải đầu hàng – ND

[120] Bản tiếng Pháp viết: Trong tầm tay (à portée de main) – ND

[121] Bôrodino: Một làng ở cách Moscow 120 km về phía tây. Ngày 26 tháng 8 năm 1812, ở đây đã diễn ra một trận chiến đấu ác liệt giữa quân đội Napoléon và quân đội Nga do Kutuzov chỉ huy. Trong trận này, quân Napoléon (bên tiến công) bị thiệt hại chừng 58.000 người, còn quân Nga (bên phòng ngự) chừng 30.000 người. Vì không có viện binh nên Kutuzov không phản công được và vẫn thực hiện rút lui chiến lược. Còn Napoléon, tuy tự tuyên bố là thắng trận song không thực hiện được nhiệm vụ tiêu diệt đạo quân chủ lực của Kutuzov, ngược lại lực lượng bản thân mình thì bị suy yếu rõ rệt. Người ta gọi trận đánh này là “một cảnh trong tấn bi kịch Nga” đối với Napoléon. Uy danh vô địch của Napoléon đã bị giảm sút nhiều sau trận này – ND

[122] Frédéric Guillaume de Vandoncourt, tác giả cuốn “Hồi ký về cuộc chiến

tranh Pháp -Nga năm 1812”, xuất bản ở Luân Đôn, năm 1815- Georges, hầu tước xứ Chambray (1783 -1848), tướng pháo binh, tác giả cuốn “Hồi ký về cuộc viễn chinh sang Nga”, xuất bản năm 1823.- Philippe Paul, bá tước vùng Se’gur, tác giả cuốn “Lịch sử Napoléon và cuộc Đại chiến năm 1812”, xuất bản năm 1824.

[123] Lloyd: Tướng Anh, tác giả cuốn “Lịch sử cuộc chiến tranh gần đây ở Đức, 1781” và “Hồi ký chiến tranh 1781 -1783”. Henri de Bülow: Tác giả cuốn “Tư tưởng về hệ thống mới của chiến tranh”.

1799.

[124] Tức là xem lại tính chất của trận đánh được xác định, căn cứ vào kinh nghiệm trận Borodino, và nói chung căn cứ vào các chiến dịch năm 1812 và 1813 (chú thích của ban biên tập bản tiếng Nga).

[125] Thời hạn sử dụng những lực lượng đó (chú thích của ban biên tập tiếng Nga).

[126] Menuet) một điệu nhảy rất thịnh hành ở Châu Âu đầu thế kỷ thứ XVIII — – ND.

[127] Landwehr: Quân dự bị để bổ sung cho các đơn vị chính quy, bao gồm lớp người từ 18 đến 40 tuổi.

[128] Landsturm: Lực lượng dân binh gồm những người trên 40 tuổi. Khi sử dụng đến lực lượng này tức là tổng động viên.

[129] Ý muốn nhắc đến những người lính Cossacks thường được Clausewitz chú ý. Khi còn ở đội quân của Uvarov trong trận, Borodino, ông đã đích thân quan sát họ (chú thích của ban dịch thuật bản tiếng Nga),

[130] Bị đối phương chiếm trong cuộc Chiến tranh Bảy năm.

[131] Tức thời Napoléon Bonaparte — ND.

[132] Tức Lützen năm 1813 — ND.

[133] Clausewitz tính là cứ 1 người lính kỵ binh thì phải 5 người lính bộ binh nên ông coi tiểu đoàn bộ binh là một đại đội kỵ binh (ban biên tập bản tiếng Nga).

[134] Như vậy là đã tiến được một bước dài (ban biên tập bản tiếng Nga)

[135] Vì cho sự sắp đặt là thuộc chiến thuật nên Clausewitz đứng trên quan điểm chiến lược mà coi đội hình chiến đấu chỉ là sự bố trí tác chiến, nghĩa là về phương diện tổ chức thuần túy (ban biên tập bản tiếng Nga).

[136] Bản tiếng Pháp viết: “bằng hai cách” (de deux maniè-res). Chúng tôi dịch là bởi hai lý do cho dễ hiểu— – ND.

[137] Ý Clausewitz muốn dùng từ “tai họa” để chỉ một cuộc đụng độ lớn về quân sự (ban biên tập bản tiếng Nga).

[138] Tác giả viết lầm, đây phải đọc là “trong chương 5 của tập này (I, V) ” (ban biên tập bản tiếng Nga)

[139] Xuất phát từ quan điểm chiến thuật chỉ đạo thời đó, Clausewitz voi kỵ binh là một binh chủng làm lực lượng dự bị chủ lực (ban biên tập bản tiếng Nga)

[140] Không có tập IX. Lẽ ra phải đọc ở tập VIII (ban biên tập bản tiếng Nga)

[141] Clausewitz chỉ rõ sư đoàn hành quân thành tung đội có chiều sâu 4 km (ban

biên tập bản tiếng Nga).

[142] Clausewitz muốn nói: Trong Chiến thuật có thể có cuộc hành quân bên sườn (song song) mà không phải biên chế lại trong trường hợp toàn thể các bộ phận rẽ sang trái hay sang phải hoặc khi chúng chia thành những tung đội nhỏ mà vận động (ban biên tập bản tiếng Nga).

[143] Ở đây Clausewitz nói tới cuộc hành quân của Schwerin ngày 6-5-1757, trước trận đánh gần thành Prague. Các tung đội của Schwerin bố trí từ phía bên trái do đó tiện lợi cho việc triển khai sang phải. Thế nhưng lúc đó 6 vạn quân của Schwerin (trong đó có cả Frederick Đại đế) lại tiến đến phía bên phải của vùng triển khai. Bấy giờ, họ phải hỏi ý kiến những quân nhân giàu kinh nghiệm nhất trong hành quân: Làm thế nào để cuộc hành quân có thể tiếp tục một cách thuận lợi, đúng mục đích. Muốn giữ được vị trí bình thường của đội hình chiến đấu, sườn phải ở bên phải và sườn trái ở bên trái, quân Đức phải xoay một vòng: Đầu quay về phía đuôi, đuôi quay lên đầu, khi đó thì từng tung đội phải đi vòng tròn, kết quả cả đơn vị Đức hình thành một tung đội ở phía bên phải và bắt đầu cuộc triển khai sang bên trái như bình thường (ban biên tập bản tiếng Nga).

[144] Vì ở trên đầu, tung đội vận động dễ dàng hơn ở đuôi, vì thế đúng ra thì nên thay đổi, lúc thì đặt các trung đoàn đầu tiên, lúc thì đặt các trung đoàn cuối của sư đoàn lên đầu tung đội (ban biên tập bản tiếng Nga).

[145] Đúng ra là "trong chương 5 (ban biên tập bản tiêng Nga).

[146] Hoàn toàn có thể tính toán sự chậm trễ do địa hình miền núi, ít ra là đối với sự vận động của bộ binh, pháo binh miều núi. Cứ leo 200 mét đường dốc thì đại khái có thể tính dôi ra 1 giờ. Ngoài ra phải tính đến tình trạng tung đội bị kéo dài sau khi xuống dốc và còn lại trước khi lên dốc (ban biên tập bản Tiếng Nga).

[147] Vào năm 1812 (ban biên tập bản tiếng Nga)

[148] Quân đội được người ta hiểu ngầm là công cụ của chiến tranh (ban biên tập bản tiếng Nga).

[149] Tất cả những con số trên đều trích từ Sambray (TG).

[150] Trong giai đoạn thứ ba có tính cả thiệt hại của quân Pháp ở Borodino, ngoài ra khi quân Pháp rất cần dừng lại để nghỉ thì Napoléon lại muốn đến Moscow trước đã, cuộc hành quân diễn ra trong điều kiện tập trung lớn nhất (ban biên tập bản tiếng Nga).

[151] Tổn thất lớn lao của quân đoàn Yorck là do thành phần bộ đội còn non trẻ thiếu gắn bó lại còn thiếu ăn thiếu mặc nữa: Trong chiến dịch mùa thu mà binh lính không đủ áo khoác và quần áo dạ (ban biên tập bản tiếng Nga).

[152] Thế nhưng phải lui về phía sau để tập trung bộ đội là điều rất nguy hại về phương diện chiến thuật vì rằng có thể rất dễ chuyển thành sự tháo chạy. Vì vậy, những người chỉ huy có trách nhiệm bao giờ cũng tránh (ban biên tập bản tiếng Nga).

[153] Chương này còn chưa được viết ra – BT

[154] Phải đọc là Trong chương 8

[155] Tác giả xuất phát từ cách tính cứ trên 1 km2 có 7 hộ (Ban biên tập bản

tiếng Nga)

[156] Thật ra là mãi tới lúc 13 giờ. Trong cuộc hành binh này, Clausewitz là tham mưu trưởng quân đoàn Thielmann (ban biên tập bản tiếng Nga)

[157] Các tác phẩm sử học hiện nay bác bỏ khả năng tập hợp những đạo quân lớn đến thế trong thời Cổ đại và Trung cổ, cho đó chỉ là những số liệu trong tài liệu gốc đã bị thổi phồng (ban biên tập bản tiếng Nga)

[158] Hòa ước này ký năm 1648 kết thúc cuộc Chiến tranh Ba mươi năm – ND

[159] Được gọi là hệ thống chuyển qua năm chặng. Đoàn xe của nhà nước chuyển bột mì từ kho đến lò bánh qua ba chặng, còn xe tải quân đội chuyển bánh từ lò đến bộ đội qua hai chặng nữa (Ban biên tập bản tiếng Nga)

[160] Trong câu này, những chỗ xuống hàng và gạch đầu dòng là của người dịch – N.D

[161] Bảng (livre): Đơn vị đo lường cũ ở châu Âu, bằng từ 380 gam đến 500 gam.

[162] Landwehr: Tiếng Đức, chỉ lực lượng quân địa phương.

[163] Torres Vedras: Một trận địa có công sự, phòng vệ một bán đảo nhỏ trên có thủ đô Lisbon của Bồ Đào Nha. Năm 1810, Wellington đóng quân ở đây, tất cả đất đai còn lại của Bồ Đào Nha để cho Masséna (tướng của Napoléon) chiếm giữ. Khó khăn về giao thông và hoạt động của du kích ở sau lưng Masséna buộc ông ta phải rút lui vô cùng khốn đốn *(ban biên tập bản tiếng Nga).*

[164] Nghĩa là muốn làm chậm nhịp độ để tranh thủ thời gian *(ban biên tập bản tiếng Nga).*

[165] Khi kẻ thù tiến công bị lưỡi gươm bên phòng ngự tiêu diệt và khi nó bị diệt vì những nỗ lực của bản thân *(ban biên tập bản tiếng Nga).*

[166] Lenin trích từ đầu đoạn này cho tới đây trong *Bút ký(ban biên tập bản tiếng Nga).*

[167] Lenin trích câu này bằng tiếng Đức, bắt đầu từ "một cách mơ hồ…" Về nhận xét của Clausewitz: "như vẫn thường xảy ra trong chiến tranh". (wie das Meiste was im Kriegegeschicht). Lenin ghi ở bên lề: "và không phải chỉ trong chiến tranh mà thôi" trong ngoặc và đánh dấu đoạn trích ấy (*ban biên tập bản tiếng Nga*).

[168] Nghĩa là nhằm một mục tiêu tích cực (*ban biên tập bản tiếng Nga*).

[169] Tức là khi quân đội còn tiếp tục dùng con đường cái đó làm đường tiếp vận (ban biên tập bản tiếng Nga).

[170] Thời Clausewitz, nước Phổ đã phát triển các pháo đài gần sông Rhine thành những chiến lũy; để thực hiện mục đích này, cứ cách pháo đài hạt nhân (trung tâm) độ 2-3 km, người ta xây dựng thêm vài pháo đài nhỏ. Những chiến lũy đó là những nơi trú ẩn rất tốt của quân đội Phổ bố trí trong các tỉnh vùng sông Rhine ở Phổ (vốn tách riêng với phần lục địa của Phổ) bảo đảm cho họ cầm cự với quân Pháp tiến công, đến khi quân chủ lực đến *(ban biên tập bản tiếng Nga).*

[171] Xem chương 30, tập VI (*Ban biên tập bản tiếng Nga*).

[172] Kế hoạch phòng ngự tổng quát chỉ mới được đề cập tới một phần trong

chương 6, tập VI. Nhìn chung, trong các chương 27-30 của tập VI và cả trong tập VIII sẽ nghiên cứu vấn đề này *(ban biên tập bản tiếng Nga)*.

[173] Nguyên bản: "Điểm tự nhiên của cuộc tiến công" *(ban biên tập bản tiếng Nga)*.

[174] Khi Clausewitz viết những dòng này thì chưa có một thủ đô của các quốc gia lớn nào có công sự phòng thủ. Mãi đến năm 1841, thành phố Paris mới bắt đầu kiến trúc công sự phòng ngự *(ban biên tập bản tiếng Nga)*.

[175] Philipsburg là một điển hình về một pháo đài đặt không đúng chỗ hệt như một người ngây dại, đứng úp mặt vào tường – *T.G.*

[176] Nghĩa là cũng thu hẹp tác dụng của pháo đài vì vậy nên cách xa chúng *(ban biên tập bản tiếng Nga)*.

[177] Nghĩa là không dám đánh thẳng vào sinh lực của ta *(ban biên tập bản tiếng Nga)*.

[178] Thực ra là ở chương 28 *(ban biên tập bản tiếng Nga)*.

[179] Nghĩa là nó đòi hỏi phải có những hành động tích cực chứ không yêu cầu kiên trì giữ vững khu vực *(ban biên tập bản tiếng Nga)*.

[180] Một bộ bằng 30,48 cm.

[181] Thời Clausewitz, mật độ bình thường của đội hình chiến đấu là: 10 chiến sĩ trên 1 mét trận địa.

Như vậy, bằng cách phòng thủ ở tất cả mọi phía, một đạo quân 4 vạn người có thể giữ một diện tích lớn hơn 1 km vuông một chút (ban biên tập tiếng Nga).

[182] Pirna: Một thành phố của nước Đức. Tại đây, năm 1745 và 1756, vua Frederick II đã thắng quân Áo và quân Saxony.

Drissa: Doanh trại của quân đội Nga trong tỉnh Vitebsk xây dựng theo kế hoạch của Phull, tướng Phổ bỏ sang Nga để chống Napoléon. Được Bộ tư lệnh Nga giao nhiệm vụ vạch kế hoạch củng cố doanh trại trên sông Drissa. Kế hoạch thất bại, Phull bị triệu hồi về Petersburg, sau sang Anh – B.T.

[183] Clausewitz đã thân hành đến trinh sát Drissa. Ông đoán ra ý đồ xảo trá liên quan đến trại quân này và đã có tác động chính đến việc bỏ qua nó (*ban biên tập bản tiếng Nga*).

[184] Khi mặt biển có hạm đội của ta làm chủ *(ban biên tập bản tiếng Nga)*.

[185] Nếu bên tiến công vừa không thể đi vượt qua mà cũng không thể bao vây vị trí được phòng ngự mạnh *(ban biên tập bản tiếng Nga)*

[186] Fouque (Heinrich Auguste Fouqué de la Motte) (1698-1774): Tướng bộ binh Phổ

[187] Bản tiếng Pháp: Đối với cả những người đắc đạo lẫn những kẻ phàm tục – ND.

[188] Ý kiến này được nhắc đi nhắc lại nhiều lần ở các phần khác nhau trong tác phẩm này.

[189] Nguyên văn tiếng Đức "dassogenacnte Tournire", từ căn ở tiếng Pháp. Clausewitz dùng từ đó để chỉ cuộc vu hồi, biểu thị ý nghĩa hơi khinh bỉ, "cái trò vu

hồi” (ban biên tập bản tiếng Nga).

[190] Nghĩa là: Trên thực tế, cao nguyên cũng bằng phẳng gì lắm (ban biên tập tiếng Nga).

[191] Đại công tước Charles (1771-1847), thống soái quân đội Áo.

[192] Lời khen này trái ngược với nhiều lời đả kích ngầm tác phẩm của Charles trong những chương trước. Ban biên tập tiếng Nga

[193] Tác giả chỉ ra tính chất trở ngại của địa hình đối với việc trinh sát và quan sát *(ban biên tập bản tiếng Nga).*

[194] Tức là khi nhận nhiệm vụ tiền tiêu (ban biên tập bản tiếng Nga)

[195] Joseph Alvinzi von Berberek (1735-1810): Thống chế tổng tư lệnh quân đội nước Áo.

Clausewitz muốn nói đến trận Rivoli; trận này không phải xảy ra năm 1796 mà vào ngày 14-1-1797 (ban biên tập bản tiếng Nga)

[196] Michael von Melas (1729-1806): Tướng kỵ binh Áo.

[197] Lenin đã trích cả đoạn này, sau từ “hiện tượng”, Người viết thêm “(ảnh hưởng của núi nón đối với chiến tranh) ” – (ban biên tập bản tiếng Nga).

[198] Đáng lẽ chương này phải trình bày liền với phần nói về “yết hầu của đất nước”, chương 23 (ban biên tập bản tiếng Nga)

[199] Hiểu ngầm là “một đội dự bị lớn hơn nữa”. Về lực lượng dự bị chiến lược, xin đọc chương 13, tập IV (*ban biên tập bản tiếng Nga)*

[200] Karl Heinrich von Wedel (1712-1782); trung tướng nước Phổ. Vừa lên giữ chức chỉ huy, Wedel lập tức tiến công quân Nga do Saltykov chỉ huy. Quân Phổ không đợi đội dự bị tới đã xung trận từng đơn vị để rồi bị tiêu diệt sạch ở Kunersdorf (*ban biên tập bản tiếng Nga*).

[201] Tác giả nói tới những thung lũng sâu của những dòng sông miền trung và tây-nam nước Đức. Sông Saal mà trước trận Jéna, Napoléon đã vượt qua, thuộc loại này. Đêm tối, người ta phải thắp đuốc để chuyển pháo lên bờ sông dốc đứng. Napoléon đã đích thân xem xét, truyền thêm nghị lực để thực hiện một công việc chưa có trước trong ý đồ nhưng lại quyết định thắng lợi của ngày hôm sau (*Ban biên tập bản tiếng Nga*).

[202] Khi trình bày, Clausewitz luôn luôn nghĩ đến trận Jéna, trong câu này lại phê phán quân Phổ bố trí các đội dự bị ở xa quá (*ban biên tập bản tiếng Nga*).

[203] Tức là một cuộc đột kích vờ – ND.

[204] Trong câu này, từ “nhưng vì tao nhã…” trở đi được Lenin trích bằng nguyên văn tiếng Đức.

Trước đoạn trích, Người ghi một câu trong ngoặc kép “việc phòng ngự sông ngòi như thế có thể gọi là tao nhã… nhưng” và kèm theo nhận xét “thật là sắc sảo!” (*ban biên tập bản tiếng Nga*).

[205] Bộ (pied): Đơn vị đo chiều dài cũ ở châu Âu bằng 0,324 – ND.

[206] Ý nói Vua Pháp Louis XIV – *ND.*

[207] Tác giả dùng từ “Tartars” để chỉ tất cả các dân tộc du mục châu Á, chủ yếu

là chỉ người Mông Cổ.

Bức Trường thành bảo vệ nội địa Trung Quốc khỏi bị các dân tộc nói trên xâm phạm (*ban biên tập bản tiếng Nga*).

[208] Chương này phần nào nhằm chống lại các tác phẩm của đại công tước Charles (*ban biên tập bản tiếng Nga).*

[209] Lội qua Sivash(*ban biên tập bản tiếng Nga*).

[210] Lenin trích cả đoạn văn cho đến chỗ này và kèm theo nhận xét của Người: "Ví dụ về phép biện chứng", "NB", "chính xác hơn – hẹp hơn" (*ban biên tập bản tiếng Nga*).

[211] Đường phân thủy: Đường tưởng tượng nối liền các điểm cao nhất của một dãy núi; từ đấy các ngọn suối bắt nguồn chảy theo hai bên sườn núi xuống đồng bằng – ND.

[212] Lenin trích câu này và kèm theo lời nhận xét "Thật là sắc sảo và thông minh!" (*ban biên tập bản tiếng Nga*).

[213] Nguyên bản tiếng Pháp: Những con ngựa duyệt binh – ND.

[214] Clausewitz dùng từ "Balin" mà ta phải hiểu là con đường có điểm tận cùng (*ban biên tập bản tiếng Nga*).

[215] Nguyên bản tiếng Pháp: Bản thân công cụ cũng mòn đi rất nhanh – ND.

[216] "Landsturm" trong nguyên văn (*ban biên tập bản tiếng Nga*).

[217] Thực ra là chương 10 *{ban biên tập bản tiếng Nga).*

[218] Ở đây, Clausewitz muốn tranh luận với Bulow, ông này yêu cầu phải rút lui theo hướng ly tâm (*ban biên tập bản tiếng Nga*).

[219] Tormasov (1752-1819): Hầu tước, tướng kỵ binh Nga.

[220] Phull (Phull, Karl Ludwig Angust – 1757-1826) trung tướng Nga.

[221] Barclay (Barclay de Tolly, Michel – 1761-1818): Hoàng thân, thống chế Nga.

[222] Bản tiếng Nga dịch là "chiến tranh nhân dân" – ND.

[223] Clausewitz muốn nói đến tình trạng nước Phổ sau thất bại ở Jéna (ban biên tập bản tiếng Nga).

[224] Bốn chương cuối (kể từ chương này) tóm tắt một cách sâu sắc toàn bộ tập VI (ban biên tập bản tiếng Nga).

[225] Centra gravitatis: Trọng tâm (ghi bằng tiếng latin trong bản chính – ND).

[226] Sau khi trích đoạn này, Lenin viết thêm ra ngoài lề "phần lớn các cuộc chiến tranh = chỉ là sự quan sát" (ban biên tập bản tiếng Nga).

[227] Nghĩa là giữa chiếm lĩnh trận địa trên đường vận động vu hồi và tiến công thúc sườn của bên thực hành vu hồi. Trong thời kỳ thứ hai của cuộc nội chiến ở Mỹ, đai tướng Lee đã đón đầu và chặn đường quân đội của Grant. Sau sự kiện này dẫn đến hình thức trận địa chiến (ban biên tập bản tiếng Nga)

[228] Từ "căn cứ" Clausewitz dùng ở dây không được chính xác lắm. Ông hiểu rằng tất cả các tuyến giao thông và đường rút lui của quân đội Pháp sau khi đã tiến công đều thông qua dải đất hẹp nằm giữa sông Saal và biên giới nước Áo (ban biên

tập bản tiếng Nga).

[229] Chương 8, tập VI (*ban biên tập bản tiếng Nga*)

[230] Vì kém cơ động và tầm bắn gần nên chủ yếu là trong phòng ngự mới sử dụng pháo binh một cách tập trung được, nhất là dưới thời Frederick II. Việc tăng số lượng pháo gắn liền với việc chuyển hình thức chiến tranh cơ động sang hình thức chiến tranh trận địa (ban biên tập bản tiếng Nga).

[231] Chương 8. Tập VI.

[232] Nguyên văn:: "quyết định này không còn là viên khóa (clê de voute) tập trung mọi tuyến của cái vòm chiến lược nữa". Viên khóa: Hòn đá đặt ở điểm trung tâm và cao nhất của một cái vòm; hòn đá này giữ thăng bằng cho tất cả các hòn đá khác trong vòm – ND

[233] Thực ra là chương 8 *(ban biên tập bản tiếng Nga)*

[234] Healt sual possidentes: Viết bằng chữ la tinh trong nguyên bản, nghĩa đen là: Sung sướng thay những người có quyền sở hữu – ND

[235] Chắc là Fabius Maximus Cunctator, địch thủ của Hannibal *(ban biên tập bản tiếng Nga)*

[236] Pléonasme (hiện tượng thừa từ – trong nguyên bản), chồng chất những từ ngữ đồng nghĩa, thậm chí có chung một từ căn, ví như vẻ đẹp rất đẹp. Clausewitz coi quân đội bố trí trước pháo đài để bảo vệ nó là đem chồng chất những biện pháp phòng ngự với nhau, như hiện tượng thừa từ *(ban biên tập bản tiếng Nga)*

[237] Những chiến dịch ở Hà Lan do thống chế Saxony — tư lệnh quân Pháp — chỉ huy, diễn ra khoảng 1744 — 1747. Chiến dịch 1741 tiến hành theo lối chạy đua chiếm pháo đài, còn ở các chiến dịch sau, thống chế Saxony đã có khuynh hướng muốn quyết định và tiến hành những trận đánh lớn (*ban biên tập bản tiếng Nga*).

[238] Đó là chương 5, tập IV; ngoài chương này ra, vấn đề trên còn được nói tới trong chương 3, tập IV *(ban biên tập bản tiếng Nga).*

[239] Lenin trích đoạn này và đoạn sau tới chỗ: "Kết quả là sinh ra thói quen suy nghĩ phiến diện" và ghi thêm ngoài lề: "Bộ tham mưu -cấp quân đội viết và xuất bản nhiều giấy tờ nhất và "sự hẹp hòi của bộ tham mưu" (*ban biên tập bản tiếng Nga)*

[240] Richard Goachim Heinrich Von (1724 —1816): Tướng – thống chế Phổ.

[241] Flinek Friedrich August von (1718-1766): Thiếu tướng Phổ

[242] Chương 15, tập V (ban biên tập bản tiếng Nga)

[243] Về cơ bản, nguyên nhân của hiện tượng này là: Quân Áo có những đơn bị khinh binh thiện chiến đột nhập hậu phương, tiến công vào khâu vận tải của quân Phổ. Còn khinh binh phổ do Frederick Đại đế xây dựng để thực hiện mục đích đó tỏ ra vô dụng, không đơn vị nào đột nhập được vào hậu cứ quân Áo. Ở đây Clausewitz tránh sự thừa nhận ưu thế của quân Áo về mặt này (ban biên tập bản tiếng Nga).

[244] Giương đông kích tây là thu hút sự chú ý bằng những đòn giáng vào những hướng bất ngờ hoặc vào hậu phương. Clausewitz hiểu khái niệm này là những hoạt động thứ yếu nhằm mục đích giả vờ.

Ngày nay, người ta chỉ sử dụng thuật ngữ này để chỉ những hoạt động bí mật, có

tính chất khủng bố, phá hoại, v.v ở sâu trong hậu phương địch (ban biên tập bản tiếng Nga)

[245] Lenin đã trích cả đoạn và ghi 2 nhận xét bên lề: “sự khác biệt giữa phòng ngự và tiến công biến mất” và “bảo vệ đất đai của mình trên đất người” (ban biên tập bản tiếng Nga)

[246] Chương 13, tập VII (ban biên tập bản tiếng Nga)

[247] Tức là vai trò lớn lao của ưu thế trí tuệ khi cơ động (ban biên tập bản tiếng Nga)

[248] Sau khi trích cả đoạn Lenin ghi chú như sau “người ta coi trò chơi này (những cuộc chiến cơ động chiến lược, v.v.) là “đỉnh cao nhất của nghệ thuật quân sự” và “chiến tranh = trò chơi” (ban biên tập bản tiếng Nga)

[249] Montecuccoli Raimund, bá tước, hoàng thân đế chế Đức và công tước Melfi (1609-1680), trung tướng hoàng gia và thống chế Áo – TG. Chỗ này nói đến chiến dịch năm 1675 ở sông Rhine – ND

[250] Jomini, Antoine Henri, nam tước (1779-1869), sinh ở Payerne (Thụy Sĩ) nhà lý luận quân sự và trung tướng Thụy Sĩ. Tác giả của cuốn “Luận về những trận tác chiến lớn (1804-1809)” và cuốn “Yếu lược về nghệ thuật chiến tranh” (1838).

[251] Từ những chữ này trở đi, Lenin trích đến hết đoạn kèm theo ghi chú ngoài lề: “chân lý không ở trong các hệ thống” (ban biên tập bản tiếng Nga)

[252] Quy ước Klosterzeven do công tước Cumberland ký sau khi bị bại trận ở Hastenbeck ngày 26-7-1757. Công tước thay mặt nước Anh giải tán quân đội mình trước mặt người Pháp. Nhưng sau khi quân Pháp bị Frederick Đại đế đánh cho tan tác ở Rossbach ngày 6-11-1757 thì nước Anh lập tức công nhận hiệp ước Klosterzeven lại có hiệu lực và lại tập hợp quân đội để giữ Hanover do công tước Brunswick chỉ huy. Như vậy, người Pháp sai lầm ở chỗ quá tin tưởng vào mớ giấy lộn và tính toán sai ý nghĩa của việc nước Anh tham gia vào cuộc chiến tranh trên bộ ở lục địa châu Âu (ban biên tập bản tiếng Nga)

[253] Tác giả muốn nói đến cuộc can thiệp vũ trang của liên minh Phổ-Áo-Anh, vào đất Pháp nhằm lật chính quyền tư sản Pháp sau cuộc cách mạng Tư sản năm 1789. Cuộc can thiệp này đã bị thất bai – ND

[254] Cánh quân Phổ ở bên trái (do Hohenlohe chỉ huy) đã tập trung ở Weimar. Vì thế trong nguyên bản Clausewitz gọi nó là quân đoàn Weimar (ban biên tập bản tiếng Nga)

[255] Tướng Phull.

[256] Ngày thứ 2 của trận đánh, Blücher bị ốm. Người thay ông là tham mưu trưởng Gneisenau vấp phải sự phản đối quyết liệt của các vị chỉ huy quân đoàn hơn ông ta về cấp bậc (ban biên tập bản tiếng Nga)